LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 172

LONG THƯ TĂNG QUÃNG TỊNH ĐỘ VĂN

SỐ 1970
(QUYỂN 1 →12)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1970

LONG THƯ TĂNG QUẢNG TỊNH ĐỘ VĂN

Quốc học tiến sĩ Vương Nhật Hưu soạn

QUYỂN 1

LỜI TỰA

Kinh Hoa Nghiêm nói: "Tín tâm là đầu mối của đạo, là mẹ của công đức, có thể nuôi lớn các thiện căn." Vì vậy người ta nói: "Kẻ tu Tịnh độ cần phải có tín tâm."

Tịnh độ là thế giới Cực lạc ở phương Tây. Những sự trang nghiêm siêu việt ở thế giới ấy được mô tả tường tận trong kinh A-di-đà. Như Lai A-di-đà là Đức Phật ở thế giới ấy. Lúc chưa thành Phật, Ngài có phát bốn mươi tám nguyện, lời nguyện nào cũng để cứu độ chúng sinh, nên chúng sinh nào muốn sinh về cõi ấy thì chỉ cần xưng danh hiệu Phật A-di-đà một lần là được toại nguyện. Người đời sau dạy kẻ sắp qua đời xưng niệm mười tiếng, gọi là thập niệm. Làm như thế có lợi ích gì không? Dĩ nhiên là có! Bởi lẽ, những người ngày thường không làm những điều ác, tu tập những điều lành; niệm niệm đều nghĩ nhớ đến Tây phương, đều mong thấy Phật A-di-đà, đến lúc lâm chung vẫn không quên thì sẽ được vãng sinh về Thượng phẩm và không đọa lại nơi cõi đời ác uế trược nữa. Chỉ vì bọn Xiển-đề đã không tin Tịnh độ, lại bị ác nghiệp làm đui mù; chúng đã không tu tập lại còn ngăn cản kẻ khác. Những bọn ấy sẽ bị sa vào địa ngục nhanh như tên bắn. Thật đáng xót xa thay! Như những người ở vùng biên viễn, cách cư xử và ăn mặc của

họ như loài cầm thú, thì không thể biết được sự phú quý xa hoa ở kinh thành. Một sớm, nếu có người nói với họ về tình hình ấy thì họ đều cho là bịa đặt. Nếu trong số họ dù chỉ có một người nghe và tin, đồng thời luôn nghĩ nhớ, ưa thích chốn đô thành và vô cùng chán ghét nơi mình đang ở, những mong được chết đi để sinh vào chốn phồn hoa đô hội ấy. Lẽ nào những kẻ sinh vào kinh thành ngày hôm nay lại không có những người trong số họ? Và lẽ nào lại không có những vùng biên viễn trên trái đất này? Đã có châu Nam Thiệm-bộ này tất nhiên phải có Tịnh độ. Vậy, bỏ đây để sinh nơi khác là lẽ thường, tại sao lại không tin?

Chư Phật không bao giờ nói lời giả dối và phỉnh gạt chúng sinh. Những bậc Tiên hiền, Đạt sĩ cho đến chư vị Tông sư ở cửa Thiền phần nhiều đều tu Tịnh độ. Song, chỉ có Vương cư sĩ là tin sâu và chuyên tâm tu tập mà thôi. Vả lại, do chánh niệm hiện tiền, phúc lâm chung được minh bạch, nên việc sinh về Tịnh độ của cư sĩ thật đáng tin. Ông thực hành việc tự lợi lợi tha và trước tác Tịnh độ Văn gồm mười ba quyển. Trong tác phẩm ấy, ông trích dẫn kinh sách của ba giáo thuyết là Phật, Nho và Lão làm bằng chứng. Sự hoằng hóa và khai đạo cho người sau của ông có thể nói là “Một niệm mà gồm cả ngàn năm”. Trải bao năm tháng, tác phẩm ấy bị lu mờ nên không thể đọc được.

Cháu tôi là Tốn Trai Lữ Nguyên Ích, hiệu là Khang Lư ẩn khách, là con trai tiên huynh tôi. Do đã từng gieo trồng thiện căn nên nay cháu sinh vào gia đình tôi. Sự sửa mình lập thân của cháu đều do Đạo, luôn có lòng yêu kẻ cơ hàn, bệnh tật. Những kinh sách của Lão và Phật đều in ấn để cúng dường và làm công ích. Việc tu tập Tịnh độ thì tự cháu biết lấy. Quả thật tôi vô cùng sung sướng khi thấy có người như cháu mình đang chùi rửa cái chén rượu xưa trong thau chén, bát, đĩa... Vì vậy, tôi gọi cháu là thiện nhân, quân tử.

Tôi phát tâm khắc lại bản gỗ vì muốn tác phẩm của Vương cư sĩ được phổ biến lâu dài, và mong tất cả mọi người đều quy hướng cõi Cực lạc. Lúc khắc đến bản thứ chín, thứ mười của quyển thứ tư, thì bút sắc bỗng dừng và có ba viên xá-lợi hiện ra trong lằn gỗ. Màu sắc của xá-lợi rực rỡ khiến ai cũng kinh ngạc! Sở dĩ có hiện tượng ấy là do sự hiện Bi Trí của Phật A-di-đà, nguyện lực của cư sĩ Long Thư và tín tâm kiên cố của cháu tôi. Chúng ta có thể nói Phật pháp không linh nghiệm và Tây phương không có chăng? Bản cũ đã khắc lại, duyên lành đã đủ, nên ngưỡng nguyện chư nhân giả không nên nhầm lẫn hai mặt Bối và Hướng của bản giấy. Tuy là bản tánh Di-đà, duy tâm Tịnh độ, nhưng đã là người thì phải có lòng tự trọng!

Ôi! Dẫu kiến thức của bậc trí khác với người nhân, nhưng hạng người trung bình trở lên là đã nói được.

Viết vào năm thứ ba niên hiệu Diên Hựu. Ngày trung thu năm Bính Thìn, Tín sĩ đồng tu Tịnh độ ở các nơi luôn làm như Đại phu, Tài phú đô, Tổng phủ, phó tổng quản, Cổ Thọ, Lữ sư v.v..., cùng làm sách tại Tín đường Ngụ xá ở Tầm dương.

LỜI TỰA VỀ TỊNH ĐỘ VĂN

Phật A-di-đà thường đem nguyện lực lớn để nhiếp thọ quần sinh, nên hành giả tu tập thì dễ mà chứng quả lại rất nhanh. Có người nghi ngờ hai vấn đề đó, nên tôi thường nói với họ rằng: “Phật A-di-đà là tánh của ông. Cõi Cực lạc là tâm của ông. Vì chúng sinh bỏ tánh giác hợp với trần lao, bị trôi chìm trong bảy nẻo, nên mới cách xa ngút ngàn với Phật. Vì lý do đó mà Đức Phật mới dùng lòng từ bi hiện ra vô số Tam-muội như huyễn để khai thị và làm cho chúng sinh được ngộ nhập, tạo đủ loại hoa quý để trang nghiêm cõi nước của mình, rồi lại dùng trí biện tài thuyết pháp khiến chúng sinh hoan hỷ, yêu thích. Nếu trong mỗi ngày chúng ta phát khởi được một niệm, nghĩ nhớ đến Phật A-di-đà, muốn sinh về Cực lạc thì tâm niệm ấy là tâm niệm thanh tịnh kiên cố, quay lại với bản tánh vốn có, không khác với Phật. Vì vậy, ngay lúc đang niệm, dẫu hành giả không rời chỗ ngồi mà Phật A-di-đà và cõi Cực lạc vẫn hiển hiện. Tu tập như thế đến lúc thuần thục thì dẫu thân này tan rã nhưng bản tánh ấy vẫn không hư hoại. Sen vàng, đài hoa... đều sinh ra từ chủng tánh. Chúng sinh vãng sinh trong bản tánh ấy, như trở về túp lều của mình; chư Phật và Bồ-tát là quyến thuộc của ta, bởi cùng Thể tánh nên đều là thân hữu”.

Bạn tôi là Long Thư Vương Hư Trung. Bản tánh ông thanh cao điềm đạm, bác thông kinh sử, lại có viết để dạy và truyền về Lục Kinh. Một hôm, Vương bỏ hết và nói rằng: “Chúng đều là thế pháp chứ không phải là chân lý. Tôi nay chỉ lấy cõi Cực lạc Tây phương làm nơi nương tựa cuối cùng”. Từ đó, ông chuyên cần niệm Phật. Năm sáu mươi tuổi, ông mặc áo vải, ăn chay và đem Tịnh độ đi khắp mọi nơi để giáo hóa mọi người; dẫu gió mưa nóng lạnh gì vẫn không sờn lòng nhụt chí.

Ngày thường, ông lễ Phật một ngàn lạy, đến khuya mới ngủ, Thần thái rất rạng rỡ ai nhìn cũng tin là người có tu hành. Niên hiệu Thiệu

Hưng, vào mùa thu năm Tân Tỵ khi tôi đến nhà ông ở Tuyên thành và lưu lại đó hai tháng mới đọc được bản Tịnh độ Văn này. Trong tác phẩm ấy có đủ những chương pháp môn tu tập, cảm nghiệm v.v... Vì ông sắp nhờ tín hữu khắc bản để truyền bá, nên nhờ tôi viết lời tựa. Tôi viết đầu tác phẩm ấy rằng Hư Trung tên Nhật Hưu.

Sáng tháng mười Trạng nguyên Lịch dương - Trương Hiếu Tường viết lời tựa.

LỜI TỰA VỀ TỊNH ĐỘ VĂN CỦA LONG THƠ

Tịnh độ là con đường nhanh tắt vượt thoát luân hồi. Cư sĩ Long Thơ đã viết thành sách và lưu hành rộng rãi để khuyến khích mọi người thực hành thì ắt sẽ được vãng sinh. Duy tâm của ông thật chân thành và sâu xa. Muốn xem đọc thì cần phải hiểu rõ ý vị lời lẽ và suy nghĩ kỹ về nghĩa của sách. Nếu chỉ xem qua loa thì chỉ uổng công, đắm đuối theo việc khác. Hoặc hơi cảm thấy lười nhác, chỉ xem chốc lát rồi sau xem tiếp thì chẳng còn chút ý niệm gì trong long, ý nghĩa sách không còn liền lạc, không phát khởi được niềm tin, thì lời văn trở thành vô dụng. Mong mọi người chớ bỏ xó bản này ở nơi lầu cao, mật thất v.v... mà cô phụ tấm lòng Cư sĩ Long Thơ, mà kẻ hèn này siêng năng khắc bản cũng không uổng công. (Lữ Nguyên Ích ghi).

LỜI TỰA TỊNH ĐỘ VĂN ĐƯỢC TÁI BẢN

Giáo pháp do Đức Phật nói ra vốn không giống nhau: một điều đối xứng, hiển mật, thiên, viên, ba thừa năm hành, tùy mình tùy người, đủ thứ sai biệt; trong những công phu để tu tiến thì niệm Phật đứng đầu. Kẻ phàm phu còn đầy lậu hoặc tu tam quan thì trí hiển bày bản tánh là Phật. Tổ Pháp Trí nói: Tâm cảnh đều không thì nhiễm ô đều trở thành thanh tịnh. Không bị duyên sinh ngăn ngại thì tưởng thành tướng khởi. Vì duy sắc duy tâm nên ngay đây thấy rõ chánh quyết của Tam-muội quán Phật, kẻ có mắt đều có thể thấy. Tất cả những việc tán tụng, lễ bái, trì giới đều là chánh nhân của Tịnh nghiệp, hạnh trợ phụ của chánh quán. Tuy đài sen có vàng, có bạc, phẩm có cao thấp, nhưng địa vị Vô

sinh pháp nhẫn và Bất thoái chuyển thì chỉ có một. Bản Tịnh độ văn và phần phụ lục của Long Thơ, Vương Hưng Trung đời Tống tổng cộng có mười ba quyển, năm Gia Hòa, tăng Cẩn Điểm (?) hiệu đính lại thành mười hai quyển. Lậu Trạch tăng tụng niệm và in ấn, lưu hành. Suốt ngày niệm tâm, suốt ngày niệm Phật, bên trong có tâm thì đầy đủ cả tam thiên. Tâm tưởng cảnh ấy, lại hiểu rõ tâm này, niệm tâm là Phật, toàn Phật là tâm. Về sau đức Bát-nhã hiển bày, đức giải thoát sáng rỡ, đức pháp thân trọn vẹn, pháp giới viên dung, thể bất tư nghì tức là luận này chứ không phải công của vua Vũ (?)

Năm Tân Sửu niên hiệu Thành Hóa thứ mười bảy, ngày Phật thành đạo. Ngân huyện, Giang nam, Khê Thu Nguyệt viết tựa.

Thừa tướng Chu Ích Công có bài tán rằng:

“Rạng rỡ mà không cầu,
Kính cẩn mà không lo âu,
Thương đời sắp đọa,
Quy tụ nhiều người để cùng tu.
Dẫn dắt người thì lấy nhân nghĩa làm đầu,
Giáo hóa người thì lấy tịch diệt làm vui,
Mọi người chỉ thấy ông tạo tác,
Mà nào hay:
Ông vẫn vô vi.
Bởi vậy,
Trung đạo vốn bao la bát ngát,
Khai thị cho người thì đem Chân giác mà bày.”

Bài tán của Tấn Hiên Lý cư sĩ:

“Tâm thì không thiếu mảy trần,
Ứng tích lại xen cùng tục,
Bàng cư sĩ tu hành không nhà cao cửa lớn,
Hà Tử Quý tinh tấn bỏ luôn mùi cá thịt.
Thiền tông lập ngôn thấu suốt những nghi ngờ,
Sùng phạm hạnh của Liên Trì,
Cùng Thần cơ của Phật, Tổ.
Gương mặt rắn rỏi,
Áo quần đơn sơ,
Trạm nhiên nhất tánh chừ,
Tây phương là nơi chốn quay về”.

TỊNH ĐỘ KHỞI TÍN 1
(PHÁT KHỞI TÍN TÂM VỚI TỊNH ĐỘ)

Giáo thuyết Tịnh độ đa phần được thấy ở sự dụng công trong ngày thường, công còn lại của nó được thấy ở thân sau. Song, những người không biết lại cho nó chỉ thuần là việc của thân sau. Họ hoàn toàn không biết sự lợi ích của Tịnh độ đối với lúc còn sống. Vì sao? Vì những điều Phật dạy con người không ngoài việc thiện, và nó cùng với những điều dạy người của Nho giáo không khác nhau, khác chăng là ở danh từ. Bởi thế, những người lấy Tịnh độ làm tâm thì chắc chắn được thấy ở sự dụng công hàng ngày. Nghĩa là, tất cả sự nghĩ nhớ của ý, lời nói của miệng, và hành động của thân đều thiện. Thiện là quân tử, là đại hiền. Hiện tại họ được mọi người kính trọng, Thần linh phù hộ, phước lộc dồi dào, mạng sống lâu dài. Do vậy, tôi nói rằng những ai tin lời Phật, lấy Tịnh độ làm tâm, thì kẻ nào có thể cho rằng không lợi ích khi còn sống? Kế đến, có kẻ bị nghiệp duyên chi phối nên không thể chuyên tâm với Tịnh độ, nhưng chỉ có chí hướng thôi thì ác duyên có thể bớt dần; thiện duyên cũng từ đó mà nhân lên. Do ác duyên giảm mãi, nên cuối cùng điều ác dứt sạch; do thiện duyên tăng mãi nên cuối cùng điều thiện được tinh thuần. Một khi điều ác đã hết, điều thiện đã thuần, thì nếu không gọi họ là quân tử, là đại hiền thì phải gọi họ là gì? Vì thế, tôi nói rằng kẻ nào theo lời Phật lấy Tịnh độ làm tâm thì không ai có thể nói là không ích lợi lúc sinh tiền. Lại nữa, ngay đến kẻ không biết lễ nghĩa, không sợ hình phạt, chỉ chuộng sức mạnh của khí lực và thân thế nhưng nếu biết lấy Tịnh độ làm tâm thì cũng biết xét mình và tự thẹn. Đó gọi là, tuy họ không có thể phù hợp với lễ nghĩa, nhưng cuối cùng cũng gần với lễ nghĩa; tuy không thể thoát khỏi mọi hình phạt, nhưng cũng xa dần được chúng. Dần dần họ sẽ thoát được thân phận tiểu nhân để cuối cùng có được tác phong quân tử. Ngay những người tầm thường dầu chỉ biết sơ sài về Phật lý, thì người đời cũng đã gọi họ là thiện nhân. Đó không phải là hiệu quả hiện thời ư? Bởi vậy, tôi nói rằng những kẻ vâng lời Phật, lấy Tịnh độ làm tâm, thì ai có thể bảo là vô ích lúc còn sống?

Có người hỏi: Cứ theo lời Khổng Tử lấy Nho giáo làm tâm thì cũng có lợi ích lúc còn sống, cần gì phải tu tập Tịnh độ? Đáp: Nho giáo là pháp thế gian chứ không phải là chân lý. Đã là thế gian thì không thể ra khỏi luân hồi. Pháp xuất thế gian thì vượt khỏi luân hồi. Tịnh độ là pháp lúc sinh tiền, lại có lợi ích đối với thân sau. Bởi vì, nó là pháp có lợi ích ở thế gian và cả xuất thế gian.

TỊNH ĐỘ KHỞI TÍN 2

Giáo Lý Tịnh độ có Lý và tích. Luận về lý thì thấy ở công dụng hằng ngày và không khi nào hành giả rời khỏi nó. Đó là những gì tôi đã nói ở thiên trước. Bàn về Tích thì nó được thấy trong khoảng thời gian của buổi trà sớm mà chẳng câu nệ vào cả ngày, đó là pháp Mười niệm. Bởi rằng, pháp môn tu trì gồm có chín phẩm, nên ai cũng có thể thực hành. Tuy kẻ ác nhưng Phật vẫn không từ bỏ, chỉ cần hồi tâm hướng thiện là thành người thiện rồi. Bởi thế, pháp môn mười niệm này mọi người đều có thể tu trì. Như căn phòng tối tăm từ lâu, nhưng lúc có ngọn đèn thì nó được sáng lên. Cho nên, dẫu là kẻ giết bò mổ trâu nếu buông dao thì có thể tu tập. Bởi việc tu tập ấy không khó và cũng không trở ngại những việc đời, nên kẻ làm quan không bê trễ đối với chức nghiệp, kẻ sĩ không bê trễ đối với việc cày cấy, người ở công đường không sơ sót đối với việc thờ bề trên, nó cũng không ngăn vướng đối với việc tham thiền của Tăng sĩ. Nói chung, pháp môn này không ngăn vướng đối với mọi công việc. Vì vậy, tôi nói rằng pháp Mười niệm có thể làm tư lương trải qua trăm ngàn kiếp mà vẫn không hư hoại.

Nay có người đổi một tiền vàng được lời hai tiền, liền vui mừng cho là lãi nhiều; kẻ trong một ngày đi được một quãng đường của hai ngày thì cũng hớn hở vì cho rằng mình đi được nhiều. Vậy là, đối với vật ngoài thân, dầu chỉ được chút ít nhưng lại biết vui mừng. Giả sử họ đổi hai tiền mà chỉ thu được một, đi hai ngày mà chỉ bằng lộ trình của một ngày, thì lập tức họ sẽ buồn khổ vì cho rằng mình bị lỗ và phí. Vậy là, đối với vật ngoài thân dầu chỉ mất chút ít mà lại biết buồn bực. Thế tại sao đời ta cứ trôi nổi một cách vô bổ trong lúc thời gian có hạn, sự tổn thất lớn lao ấy ta lại không biết buồn đau? Đối với nhân duyên của Tịnh độ, may mắn lắm ta mới được biết, cái được ấy rất to tát, tại sao ta không sung sướng?

Than ôi! Những kẻ thấy được chút ít, mất chút ít mà biết buồn khổ; đến như được nhiều, mất nhiều thì lại hoàn toàn vô cảm! Huống gì thời gian dụng sức của pháp này tuy ít nhưng kết quả lại vô cùng nhiều, tại sao mọi người không chịu tu tập? Quả thật, nếu đời này mà không tu hành thì that đáng xót xa!

TỊNH ĐỘ KHỞI TÍN 3

Kẻ vừa nghe nói về cảnh Tịnh độ đa phần không tin, điều ấy chẳng có gì lạ! Bởi vì ngay cả những sự vật trước mắt mà họ còn bảo là không thấy thay, huống gì cảnh giới Cực lạc? Như có kẻ ở nơi chật chội, dơ bẩn thì làm sao biết được chỗ sạch sẽ, thoáng đãng? Kẻ ăn rau cỏ trong chén bát nhỏ làm sao biết có phòng ăn rộng lớn? Kẻ nuôi một vài con vật trong cái chuồng xấu nhỏ thì làm sao biết có chỗ khoảng khoát của thiên phủ? Vì vậy, chúng sinh ở cõi Ta-bà đầy dẫy ác trược, tất nhiên không thể tin có cõi Phật thanh tịnh; người sinh ra từ bào thai tất không biết ở Cực lạc có sự hóa sinh nơi hoa sen; kẻ sống không đến trăm tuổi nào hay có thọ mạng vô hạn; kẻ phải làm nhà, may áo tất không biết có áo mặc, thức ăn tự nhiên; kẻ có niềm vui trộn với nỗi buồn tất không biết được trạng thái an lạc thuần túy. Bởi thế, chúng ta không nên lấy sự không thấy trước mắt để không tin những lời của Phật. Đức Phật đã đem giới vọng ngữ để răn dạy thì tất nhiên Ngài không nói lời giả dối để phỉnh gạt mọi người. Người đời dùng vọng ngữ nếu không vì điều lợi thì cũng là để tránh điều hại. Đức Phật không mong cầu chuyện thế gian, thì làm gì có việc vì điều lợi? Ngài xem sự sống chết như dao chém hư không, thì làm gì có chuyện tránh điều hại? Vì thế nên Đức Phật không bao giờ dùng đến vọng ngữ. Bậc trung nhân trở lên còn không nói dối để làm tổn thất đạo hạnh của mình huống gì Đức Phật. Vì vậy lời nói của Phật là đáng tin vô cùng. Tiên hiền nói: "Lời Phật mà không tin thì còn lời nào đáng để tin?" Thuở xưa, có kẻ vu khống một vị trung Thần là gian đảng rồi khắc tên ông vào bia đá, nhưng bia ấy bị thiên lôi đánh vỡ. Nay chư vị vua, quan, Cổ đức dùng lụa vàng quý chạm trổ, vẽ họa luân tàng để cất giữ lời của Phật, dùng hương hoa để cúng dường, nghiêm sức có Long Thần. Nếu những lời ấy là hư vọng dữ hơn tấm bia gian đảng kia, tại sao trải hơn một ngàn năm mà thiên lôi không đánh? Bởi vì lời của Phật là chân thật. Lời thành thật mà không tin thì còn trông đợi lời nào? Vì vậy không thể hoài nghi giáo thuyết Tịnh độ được! Huống gì sự cảm ứng của những người tu pháp môn này lại rất nhiều nên chúng ta không thể nghi ngờ.

TỊNH ĐỘ KHỞI TÍN 4

Các Nho sĩ thường vì những môn đồ không giới hạnh của Phật mà khinh rẻ giáo lý rồi không tin luôn Tịnh độ. Thái độ ấy quả thật rất sai lầm! Lẽ nào vì sự chểnh mảng của Đạo sĩ mà khinh thị Lão Tử? Lẽ nào vì sự buông tuồng của Nho sĩ mà xem nhẹ Khổng Tử? Bậc trí còn không vì người mà bỏ lời, huống gì có thể vì môn đồ mà bài báng giáo lý của họ. Giáo lý của Phật có pháp Thế gian và xuất thế gian. Điểm tương đồng giữa pháp thế gian của Phật và Nho thì không thể nêu hết được. Ở đây, tôi chỉ trích dẫn những điểm chính mà thôi. Sở dĩ Đức Phật dạy người cũng không ngoài việc ngăn ngừa điều ác và khuyên làm điều thiện, lẽ nào Nho giáo lại không khuyên thiện răn ác ư? Tôi xin đem chuyện trước mắt mà nói: Đức Phật lấy sát sinh, trộm cắp, tà dâm làm ba nghiệp của thân. Khổng Tử nói: "Thắng tàn khử sát". Kinh thi nói: "Đức của Văn Vương lan tỏa đến tậm chim, thú và côn trùng". Đó là giới sát. Khổng Tử nói: "Ta chưa từng thấy người nào quý đức như mê sắc". Kinh Thi nói: Ghét kẻ mê dâm sắc đẹp mà không quý chuộng đức hạnh. Đó là giới dâm. Đức Phật lấy vọng ngôn, ỷ ngữ, lưỡng thiệt và ác khẩu làm bốn nghiệp của miệng. Khổng Tử nói: "Làm người mà không có chữ tín thì ta không biết họ sẽ làm được gì." Đó là vọng ngữ. Khổng Tử nói: "Những kẻ nói lời văn hoa tỉa tót, mặt mày hồ hởi thì lòng nhân rất kém." Đó là giới ỷ ngữ. Lại nói: Người không tỏ ra mặt nhưng sau lại nói là giới lưỡng thiệt. Ác ngữ là âm thanh của lời nói dữ dằn, phẫn nộ, nhưng ác ngữ chưa phải là uế ngữ. Tuân Tử nói: "Lời nói làm tổn thương lòng người hơn cả gươm giáo". Đó là lời răn đe kẻ có cái miệng độc ác và hung hãn. Đức Phật lại lấy tham, sân, si làm ba nghiệp của ý. Khổng Tử nói: "Lúc thấy của tiền thì phải suy nghĩ đến điều nghĩa." Đó là giới tham. Khổng Tử nói: "Bá Di, Thúc Tề không nhớ những việc ác ngày trước." Đó là giới sân. Khổng Tử nói: "Khốn khổ mà không học tập thì đó là hạng thấp hèn." Đó là giới si. Căn cứ vào những lời trích dẫn đó, tôi nói rằng giáo lý của Phật và Nho chưa từng có sự sai khác. Điểm khác nhau là Nho giáo dừng ở thế gian trong lúc Phật giáo lại có pháp xuất thế gian. Vì Nho giáo dừng ở pháp thế gian nên chỉ luận bàn trong phạm vi một đời rồi quy nạp về Trời. Phật có pháp xuất thế gian nên biết đời đời nối nhau và thấy được gốc ngọn nghiệp duyên của chúng sinh.

Muốn biết sở trường của nhà Phật thì cần phải đọc kinh Lăng Nghiêm, Lăng Già, Viên Giác, kinh Vô Cái Chướng Bồ-tát Sở Vấn và

hiểu được nội dung của kinh Kim Cương. Nếu ai chưa đọc mà vội bài bác thì đó là người mà Khổng Tử gọi là “Không biết nhưng vẫn làm càn.” Lẽ nào quý vị không cẩn thận tự răn đe mình? Nếu đúng như vậy thì Phật giáo là rất đáng tin cậy, vậy tại sao các vị không tin giáo lý Tịnh độ? Vì thế mà có người nói: “Tịnh độ là con đường quan yếu trong pháp xuất thế gian.” Chúng ta nên nỗ lực tu trì.

TỊNH ĐỘ KHỞI TÍN 5

Có những vị tham thiền nói: “Đã duy tâm Tịnh độ sao lại có thêm Tịnh độ? Đã tự tánh Di-đà thì cần gì phải thấy Phật Di-đà?” Lời nói ấy như rất hợp lý nhưng hoàn toàn sai trái! Vì sao? Vì Tịnh độ Tây phương có đủ Lý và tích. Luận về Lý thì có khả năng làm cho tâm thanh tịnh nên tất cả đều thanh tịnh. Đó mới thật sự là duy tâm Tịnh độ. Luận về tích thì quả that có thế giới Cực lạc Đức Phật đã căn dặn cũng như đã thuyết minh tường tận về vấn đề ấy. Nói rằng, ai cũng thành Phật nghĩa là nói tuy tự tánh Di-đà là chân thật nhưng chúng ta chưa đạt đến mức độ ấy. Như khúc gỗ tốt có thể khắc chạm thành pho tượng Phật; muốn pho tượng đó đạt đến vẻ tinh vi thì phải thêm công đẽo gọt chứ không thể nói khúc gỗ tốt là tượng Phật đẹp được. Cho nên những kẻ nói “Duy tâm Tịnh độ thì không cần có cõi Tịnh độ; đã có tự tánh Di-đà thì không cần thấy Phật Di-đà, là hoàn toàn lầm lạc!”.

Lại có người tuy tin Tịnh độ, nhưng lại bị vướng vào giáo lý Duy tâm hời hợt cho nên nói rằng không cần sinh Tây phương! Lại nói rằng tham thiền để ngộ bản tánh, để vượt cả Phật và Tổ, cần gì phải thấy Phật! Cả hai loại nhận thức trên đều điên đảo cả! Vì sao? Vì những lời ấy quá cao siêu nhưng không dễ gì đạt được! Cõi Tịnh độ Tây phương không có tham, sân và si, nhưng thử hỏi lòng ta không có tham, sân và si chăng? Chúng sinh ở Cực lạc nghĩ đến áo là có áo, nghĩ đến ăn là có thức ăn, nghĩ đến sự an tĩnh liền được an tĩnh, muốn đi là đi được ngay. Trái lại, chúng ta nghĩ đến áo nhưng không có áo nên cái lạnh làm tâm tư rét buốt; nghĩ đến ăn nhưng thức ăn không có nên cái đói dày vò bụng dạ; muốn an tĩnh nhưng không được an tĩnh được nên bị sự loạn náo rỉa rói Thần kinh; muốn đi nhưng không đi được nên bị dây hệ lụy dằn xé tâm tưởng. Như thế, nói Duy tâm Tịnh độ thì quả là những lời sáo rỗng! Lại nữa, phước đức của Phật A-di-đà nặng như non biển; sức

mạnh của Ngài nâng được cả Trời đất và biến địa ngục thành hoa sen như trở bàn tay. Ngài nhìn thấy thế giới nhiều vô số như nhìn vật trước mắt. Còn chúng ta? Phước lực không đủ để tự cứu mình, luôn sợ túc nghiệp sâu dày kéo đầu xuống địa ngục thì nói gì đến chuyện biến địa ngục thành hoa sen! Sự việc chỉ cách bức tường ta còn mù mịt thì nói gì đến chuyện nhìn thấy vô số thế giới! Như vậy, nói rằng "Tự tánh Di-đà" chỉ là những lời mộng mị! Thật ra tuy tâm của ta có thể tạo ra cảnh Tịnh độ nhưng vẫn chưa tạo ra được; tuy tánh của ta là Di-đà song vẫn chưa làm được Phật Di-đà. Vậy tại sao chúng ta lại không muốn sinh về Tịnh độ, không muốn thấy Phật Di-đà? Nếu chúng ta khao khát về Tây phương, ao ước thấy Phật thì rất dễ chứng đạo. Còn nếu chúng ta cứ ở cõi Ta-bà này để tham thiền, để ngộ tánh, để vượt cả Phật và Tổ thì khó khăn vô hạn! Huống gì việc tu Tịnh độ vốn không làm cản trở chuyện tu thiền, sao thiền giả lại xem thường và không tu Tịnh độ? Kinh Di-đà Đại Bản nói: "Có vô lượng Bồ-tát ở khắp mười phương vãng sinh quốc độ của Đức Phật A-di-đà." Than ôi! Những vị Bồ-tát còn muốn sinh Cực lạc, vậy chúng ta là hạng loại nào mà lại chối từ? Tất nhiên, quả vị của chúng ta còn cách xa với chư vị Bồ-tát vô cùng. Vì vậy, những kẻ nói "Duy tâm Tịnh độ, tự tánh Di-đà" nghe thì rất hay, rất êm tai, nhưng không có nền móng; rất ư là cao siêu nhưng quá đỗi mộng du! Chính những kẻ tu tập chưa đến nơi đến chốn đó làm cho không biết bao nhiêu người lạc lối, chùn chân! Nói đúng ra, họ không bằng người chuyên tâm trì tụng Phật hiệu, được sinh về Tịnh độ và nhanh chóng ra khỏi luân hồi! Nếu đem những vị thiền khách ấy mà so với những người này thì sự cách nhau quả là một Trời một vực!

TỊNH ĐỘ KHỞI TÍN 6

Phật nhãn nhìn thấy được những sự việc trong vô lượng kiếp, nên từ xưa đến nay không có điều gì mà Đức Phật không biết. Lại nữa, Đức Phật đã đem giới vọng ngữ để răn dạy người thì tất nhiên Ngài không thể nói dối để phỉnh gạt người. Lại nữa, Đức Phật đã nghiêm cấm con người về bản ngã, lẽ đương nhiên Ngài không thể đem bản ngã mà khoe khoang với mọi người! Vì vậy, lời của Phật là vô cùng đáng tin và là mô phạm cho tất cả chúng sinh. Kinh Lăng Nghiêm nói: "Có mười loại Tiên, sống ngàn vạn tuổi. Số hết thì lại vào nẻo luân hồi. Bởi họ chưa từng chứng đắc chân tánh, cùng với chúng sinh trong sáu nẻo đường gọi chung là thất thú (bảy chỗ hướng đến)". Đều là những kẻ trong vòng luân hồi có đến ngàn vạn người tu tiên nhưng không một ai đắc đạo. Nhưng, nếu có đắc đạo chăng nữa thì vẫn không thoát khỏi luân hồi, và bị mắc kẹt nơi hình Thần nên không thể nào rứt ra được! Vả lại, hình Thần là vọng tưởng hiện ra từ chân tánh nên không chân thật. Nên thơ của Hàn Sơn Thiền sư nói:

"Dẫu ông tu được thành Tiên,
Cầm bằng ôm phải thân tàn quỷ thôi.
Không như nhà Phật thỏng tay
Tựa như sinh tử chẳng lay động lòng."

Khoảng một trăm năm trở lại đây, kẻ đắc tiên thuật chỉ có Chung Ly và Lữ Động Tân, nhưng số người theo học với hai vị ấy thì nhiều vô số. Những người mà tôi biết không phải là ít, rốt cuộc họ đều chết và đều vùi thân dưới ba thước đất! Thật là uổng phí biết bao nhiêu công sức lúc còn sống. Muốn được sống lâu thì không có con đường nào hơn Tịnh độ; bởi lẽ mạng sống của người sinh về đó là vô cùng, nên Tịnh độ là nơi có cuộc sống vĩnh hằng nhất. Người không tu Tịnh độ mà học Tiên thuật tức là bỏ ngọc quý mà đi tìm loại chưa chắc đã có là vũ phu. Nếu không gán cho họ hai chữ u mê thì phải phong bằng từ gì nữa? Có kẻ nói: "Tịnh độ là việc sau khi đã nhắm mắt xuôi tay, nào có gì làm bằng chứng?" Đáp: Trong truyện về Tịnh độ có chép rất nhiều và đầy đủ về sự cảm ứng. Đó là những bằng chứng xác thực. Huống gì kẻ tu tiên nếu có sở đắc đi nữa thì lại rất bí mật và không công truyền, vì họ cho rằng tiết lộ thiên cơ là có tội! Trái lại, đối với pháp của Phật, chỉ sợ không truyền bá được rộng khắp để cứu độ tất cả chúng sinh mà thôi. Vì vậy, chúng ta không thể so sánh tấm lòng từ bi vô thượng với tâm địa hẹp hòi của Thần tiên được!

TỊNH ĐỘ KHỞI TÍN 7

Có người vì không tin nhân quả nên không tin luôn Tịnh độ. Tại sao họ lại không tin nhân quả? Kinh nói: "Muốn biết nhân đời trước, xem thọ nhận đời này. Muốn biết quả đời sau, xem hành vi hiện tại." Những người không tin lời giáo huấn trên, sao không đem chuyện trước mắt mà chiêm nghiệm? Ở đời, có kẻ giàu người nghèo, có kẻ sang người hèn, có kẻ khổ người vui, có kẻ lam lũ người nhàn nhã, có kẻ sống lâu người chết yểu, có kẻ vinh người nhục, và vô số phước họa khác nhau. Nếu ta cho đó là mệnh Trời, thì lẽ nào Trời lại bất công với con người đến thế? Thật ra, tất cả đều do hành vi đời trước khác nhau nên đời này con người mới thọ quả báo khác nhau, mà Trời chỉ là đấng cai quản mà thôi. Do đó, thân này gọi là Báo thân. Báo thân là kết quả của những việc đời trước của ta chứ không phải là sự đặt để của Trời. Như người có công hay tội thì sẽ nhận chịu sự thưởng phạt của quan phủ chứ không bao giờ có tư ý. Quan phủ chủ yếu xem việc thưởng phạt cho người có công hoặc tội, không thưởng hoặc phạt một cách vô cớ. Quan phủ còn không thưởng phạt vô cớ huống gì tạo hóa lại đem phước họa gán vào người mà không một lý do nào cả ư? Vậy mới biết, do việc làm thiện hay ác ở đời trước mà hôm nay có sự báo ứng. Vì việc làm của ta không thuần thiên, tất không thể thọ nhận thuần phước; cho nên có kẻ tuy giàu sang nhưng lại khổ đau và chết yểu, có kẻ được vinh hoa sủng ái nhưng lại phiền não và nhục nhã. Nói tóm lại, mỗi quả báo đều tùy thuộc vào việc đã làm; nó như ảnh tùy ở hình, tiếng dội đáp lại âm thanh mà hoàn toàn không có sự sai lệch. Nói rằng: "Gieo hạt đào thì lên cây đào, gieo hạt lý thì mọc cây lý, chứ chưa bao giờ có việc gieo hạt mè mà lên cây đậu, gieo hạt lê mà mọc ra cây lúa nếp". Duy có điều, lúc gieo thì ít nhưng khi gặt hái lại nhiều, lúc làm thiện và ác thì ít nhưng khi thọ phước họa lại nhiều. Người đời nói: "Mùa Xuân gieo một hạt thóc, đến mùa thu gặt được ngàn vạn hạt". Lúc sinh tiền ta tạo nghiệp thiện hay ác thì quả báo hoàn lại cũng như trên; vì đó là lý tự nhiên của tạo hóa. Nếu người đã tin lý ấy thì cũng tin giáo lý Tịnh độ. Vì sao? Vì cả hai lý ấy đều là lời của Thế Tôn. Đức Phật đã nói lời chân thật về nhân quả thì tất nhiên Ngài không thể nói lời hư dối về Tịnh độ. Ngưỡng mong những ai vì không tin nhân quả rồi không tin luôn Tịnh độ nên đem những lời trên để phá trừ sự mê tối của mình!

TỊNH ĐỘ KHỞI TÍN 8

Có người vì thấy thiện ác trước mắt chưa trổ quả nên không tin nhân quả, và từ đó không tin luôn Tịnh độ. Họ không hay rằng, thiện ác chưa có quả chứ không phải không có quả. Vấn đề là quả báo đến chậm hoặc nhanh mà thôi. Đức Phật nói với Ngài A-nan rằng: "Này A-nan! Có người hiện đời làm việc thiện nhưng nhưng lúc chết lại sa vào địa ngục; có kẻ hiện đời làm điều ác nhưng khi mất lại sinh lên Trời". A-nan bạch hỏi lý do. Đức Phật nói: "Này A-nan! Người làm việc thiện nhưng lúc chết sa vào địa ngục là vì việc thiện họ làm ở đời này chưa chín, trong khi ấy việc ác ở kiếp trước thì đã kết trái; người làm ác nhưng khi mất lại sinh lên Trời, là bởi việc ác họ làm ở đời này chưa chín mà điều thiện ở kiếp trước thì đã trổ quả". Tả Thị nói: "Loan Vũ Tử có đức nên có thể phù hộ cho con; tuy Yểm làm ác mà vẫn thoát được họa. Con của Yểm là Doanh tuy làm điều thiện nhưng do việc ác của Yểm liên lụy nên dẫu Doanh làm điều thiện nhưng vẫn bị mắc nạn". Chỉ nêu những chuyện thế gian thôi mà quả báo thiện ác đã như vậy huống gì quả báo thuộc phạm vi đời khác? Kinh Thư nói: "Đạo Trời ban phước cho người thiện, trút họa xuống kẻ ác." Lão Tử nói: "Tuy lưới Trời lồng lộng nhưng không gì lọt qua được." Như vậy, cả ba giáo lý đều nói về luật nhân quả. Vấn đề là nhanh hoặc chậm. Lẽ nào vì chưa thấy quả báo mà ta không tin nhân quả, để rồi không tin luôn cả Tịnh độ?

TỊNH ĐỘ KHỞI TÍN 9

Hoặc có kẻ nghĩ rằng: "Làm sao người ở đây niệm Phật mà trong hồ thất bảo sinh được một đóa sen?" Tôi đáp: Điều này rất dễ hiểu. Như tấm kính lớn và sáng, lúc vật gì đến thì hiện hình ngay, tấm kính ấy không cố ý nhưng chỉ do ánh sáng tự nhiên của nó. Vì trong cõi nước của Đức Phật A-di-đà vốn thanh tịnh nên nó soi thấy thế giới khắp mười phương như tấm kính sáng hiện hình của vật. Do vậy, sự kiện người ở đây niệm Phật trong hồ thất bảo sinh một đóa sen thì không có gì đáng để nghi ngờ cả. Hoặc có người nghi rằng: "Người tụng niệm chân ngôn vãng sinh thì luôn có Đức Phật A-di-đà đứng trên đỉnh đầu để hộ vệ. Nếu có vô lượng chúng sinh trong vô lượng thế giới tụng niệm chân ngôn thì làm sao Ngài có thể đứng khắp trên đỉnh đầu của họ được?" Đáp: "Điều này cũng rất tự nhiên. Như chỉ có một vầng trăng nhưng nó lại hiện bóng khắp sông nước, ta có thể nói hiện tượng ấy là không tự nhiên ư? Hoặc có kẻ nghi rằng: "Lúc hành giả lâm chung sẽ có Đức Phật A-di-đà và chư Bồ-tát đến đón. Nếu có vô lượng chúng sinh trong các thế giới khắp mười phương tinh tiến tu hành thì làm sao Đức Phật A-di-đà có thể biết khắp thời hạn của họ để đến đón?" Điều này cũng rất dễ hiểu. Như chỉ có một mặt Trời nhưng nó lại chiếu sáng vô số cảnh giới. Huống gì uy Thần của Phật đâu chỉ như mặt trăng mặt Trời? Vậy, sự việc Ngài đứng khắp đỉnh đầu, và biết tất cả thời hạn của chúng sinh là lẽ tất nhiên.

Thoát văn của kinh A-di-đà.

Bản kinh A-di-đà khắc bằng đá ở thành Tương dương chính là của Trần Nhân Lăng đời Tùy đã viết ra. Nét chữ rõ ràng mềm mại, được nhiều người ưa thích từ "Nhất tâm bất loạn" trở đi, dùng pháp môn xưng danh để chuyên trì danh hiệu, nhờ đó các tội được tiêu trừ, đó chính là "nhiều thiện căn, phước đức nhân duyên". Bản truyền lại đời nay đã mất hai mươi mốt chữ này. Hơn nữa, bản kinh này trong tạng kinh còn gọi là kinh Chư Phật Nhiếp Thọ. Mười phương chư Phật nằm trong chữ "Dương" mà gọi. Bản ngày nay mất bốn phương chư Phật.

"Ngày tất có đêm, mới đủ là đêm. Nóng tất có lạnh, mới tròn nghĩa lạnh. Ở tất có đi, mới vẹn nghĩa đi. Sao là đêm đủ, đèn đuốc đệm chăn. Sao là lạnh tròn, chăn mền than củi. Sao là đi vẹn, Tịnh độ tuệ phước?" Tiếng Phạm "A", Hán dịch là Vô, tiếng Phạm "Di-đà", Hán dịch là Lượng, nếu gọi tắt nên gọi là "A-di", không được gọi là "Di-đà". Nếu gọi là "Di-đà" có nghĩa là lượng sẽ phản nghĩa với ý "Vô lượng". Nếu gọi là "A-di" thì đủ ý "Vô lượng" này.

LONG THƯ TĂNG QUẢNG TỊNH ĐỘ VĂN

QUYỂN 2

Trong Đại Tạng có kinh Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác, kinh A-di-đà Quá Độ Nhân Đạo, kinh Vô Lượng Thọ và kinh Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm. Bốn bản này vốn là một, nhưng do dịch khác nhau nên có bốn cái tên như vậy. Sự sai khác của chúng là rất nhiều. Tôi đã hiệu đính từ lâu và cũng đã khắc bản để lưu hành. Nay tôi nghiên cứu kinh này và các truyện ký khác để viết Tịnh độ tổng yếu (những điểm căn bản chung của Tịnh độ).

TỊNH ĐỘ TỔNG YẾU 1

Nói tổng quát về Đại Tạng, thì kinh Tịnh độ không chỉ có mười cuốn. Tất cả kinh ấy đều nói về những sự việc của Tịnh độ Tây phương ở phạm vi đại lược là: Cõi nước ấy dùng bảy loại trân bảo để trang nghiêm; không có địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh, cho đến không có các loài bò, bay, máy, cựa. Cõi nước ấy thường thanh tịnh tự nhiên, không có uế tạp. Người ở đó sinh ra từ hoa sen và được sống lâu; áo quần, thức ăn, món uống, nhà cửa đều tùy ý nguyện mà có. Cảnh vật ở cõi ấy như mùa Xuân bất tận, không lạnh và nóng. Nhân dân ở đó luôn thọ nhận niềm vui và không có những nỗi khổ. Vì vậy Đức Phật gọi là thế giới Cực lạc. Đức Phật cõi Cực lạc tên là A-di-đà. A-di-đà là tiếng Phạm, Trung Quốc dịch là Vô lượng. Vì ánh sáng của Ngài soi thấu khắp các thế giới trong mười phương và do những chúng sinh niệm Phật A-di-đà và nhân dân ở cõi ấy đều vô lượng vô biên, chúng sinh niệm Phật đều biết điều đó nên gọi là Phật Vô Lượng Quang. Tuổi thọ của Phật và chúng sinh cõi nước Ngài đều có tuổi thọ vô hạn lượng, tuy sống lâu hằng hà sa kiếp vẫn không chết nên gọi Phật là Vô lượng thọ. Đức Phật A-di-đà có thệ nguyện lớn là cứu độ tất cả chúng sinh, uy Thần của Ngài không thể nghĩ bàn, nên người nào chí thành tin tưởng niệm danh hiệu của Ngài thì hiện đời được tiêu trừ tai nạn, oán quỷ lánh xa, tinh

Thần và thể xác được an tĩnh, phước thọ tăng và đồng thời trong hồ thất bảo sinh ra một đóa sen để sau này hành giả thác sinh vào đó mà thoát vòng sinh tử luân hồi. Những sự việc ấy đều có sự tích chứ không phải là những lời hoang đường và hư dối. Giáo lý Tịnh độ rất dễ thực hành. Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn thì Tịnh độ là pháp môn quan trọng và nhanh nhất. Vậy mà, đau xót thay người ta lại không tin! Xót xa hơn nữa là có kẻ tin nhưng lại không tu tập.

TỊNH ĐỘ TỔNG YẾU 2

Kinh A-di-đà Đại bản nói: "Một sáng, dung mạo của Phật Thích-ca hiện vẻ khác thường. Thị giả A-nan ngạc nhiên bạch hỏi nguyên cớ. Đức Phật nói: "Lành thay câu hỏi của ông! Câu hỏi đó giá trị hơn sự cúng dường cho bậc Thanh văn, Duyên giác một thiên hạ, cho đến sự bố thí cho chư thiên, nhân dân, đến tận loài bò, bay, máy, cựa và trong trăm, ngàn, vạn kiếp! Vì sao? Vì tất cả chư thiên, đế vương, nhân dân đến các loài bò, bay, máy, cựa đều nhờ câu hỏi của ông mà có được một con đường giải thoát". Qua những đoạn kinh đó ta biết rằng, trước khi Thế Tôn muốn nói đến Đức Phật A-di-đà thì vấn đề đó đã hiện hữu trong tâm của Ngài, rồi hiện ra nơi mặt, nên Thần sắc của Ngài khác với ngày thường. Như vậy, sự tác động của Đức Phật A-di-đà đối với chư Phật đã khác thường rồi, huống gì đối với tất cả chúng sinh? Đến đoạn A-nan thỉnh vấn, và Thế Tôn đáp rõ rằng "Chư Thiên, Đế vương, nhân dân, đến các loài bò, bày, máy, cựa đều nhờ câu hỏi của ông mà có được con đường giải thoát". Nghĩa là, vì trên từ Chư thiên, dưới đến Nhuyễn, Động đều nằm trong ba cõi, không thoát khỏi cảnh luân hồi; nhưng nhờ đại nguyện lực của Phật A-di-đà độ thoát tất cả, nên chúng sinh nào chưa được độ đều sẽ được cứu vớt. Theo dõi kệ phát nguyện thứ nhất của Ngài ta thấy: "Đến lúc tôi thành Phật, tên tôi vang mười phương, Trời người thích được nghe, đều sinh về Cực lạc. Địa ngục, quỷ súc sinh, đều sinh về nước tôi." Qua đó ta hiểu rằng, bất cứ chúng sinh nào ở trong ba đường, sáu nẻo hoặc trong vòng luân hồi cũng đều được độ thoát. Vì vậy, kinh A-di-đà đại bản nói: "Đức Phật A-di-đà đang ở tại Cực lạc, lại đang ở các thế giới khắp mười phương và đang hóa độ vô số Trời người đến các loài bò, bay, máy, cựa."

Bò, bay là loài côn trùng bay cực nhỏ; máy, cựa là loài giòi bọ cực

nhỏ. Những loài ấy Đức Phật còn tế độ, huống gì loài người chúng ta? Bởi Đức Phật A-di-đà cứu độ chúng sinh nhiều vô số, nên ai một lòng quy y Ngài thì sẽ được sinh vào cõi nước của Ngài là điều tất nhiên.

TỊNH ĐỘ TỔNG YẾU 3

Kinh nói: "Vô lượng kiếp về trước, có Đức Phật tên là Thế Tự Tại Vương giáo hóa độ sinh. Lúc ấy, có vị đại quốc vương nghe thuyết pháp được giác ngộ liền bỏ ngôi vị, xuất gia tu hành với pháp danh Tỳ-kheo Pháp Tạng, tức là Đức Phật A-di-đà sau này. Tỳ-kheo Pháp Tạng đối trước Đức Phật Thế Tự Tại Vương phát bốn mươi tám nguyện; nguyện nào cũng vì mục đích tế độ chúng sinh. Phát nguyện rồi, Ngài tinh tiến liễu sinh tử, tiếp theo là nhập Bồ-tát địa. (Liễu sinh tử tức là sinh tử tự như). Nhập Bồ-tát địa nghĩa là bên trong tu tuệ, bên ngoài tu phước. Tu tuệ là làm cho trí tuệ ngày một rộng lớn, đến lúc thành Phật, tuệ tánh bao hàm cả hư không thế giới, biết và thấy tất cả. Tu phước là thác sinh trong tất cả chúng sinh, giống hình thể và thông hiểu ngôn ngữ của chúng để thi triển việc giáo hóa. Vì vậy, trên đến thiên đế, dưới đến kiến trùng tế vi, Ngài đều sinh vào vào giáo hóa chúng sinh như vậy đến vô lượng vô số kiếp. Tất cả sự giáo hóa đều có phước đức. Do có phước đức nhưng không thọ dụng nên phước ấy càng lúc càng nhiều, lâu ngày đầy khắp hư không thế giới. Phước lớn thì uy Thần lớn, như chức quan càng lớn thì thế lực càng mạnh. Do bởi uy Thần làm được mọi việc nên mới có thể hoàn thành lời nguyện để bước vào Phật vị. Do lúc mới phát nguyện đến khi thành Phật, Ngài đều vì chúng sinh, nên nếu mọi người chí tâm tin tưởng và trì niệm danh hiệu của Ngài thì hiện đời sẽ được che chở, thân sau sẽ được sinh về Cực lạc. Nếu có người chuyên tâm tưởng đến hình tướng của Ngài thì hiện đời sẽ thấy được chân thân của Ngài. Vì uy linh của Phật hiện hữu khắp nơi, nên nếu tâm niệm của người với Phật được đồng nhất thì tự nhiên có sự giao thông và tự nhiên Đức Phật xuất hiện. Vấn đề này xin độc giả đọc ở quyển thứ năm.

TỊNH ĐỘ TỔNG YẾU 4

Kinh nói: "Đức Phật A-di-đà thực thi hạnh Bồ-tát trải qua vô số kiếp. Ngài đạt được sức nhẫn và những sự khổ thì không tính đếm được. Ngài luôn đem lòng yêu thương, nét mặt nhu hòa để làm lợi cho chúng sinh. Ngài khéo giữ gìn khẩu nghiệp, không chỉ trích những sai lầm của người khác; khéo giữ gìn thân nghiệp, không làm mất luật nghi; khéo giữ gìn ý nghiệp, không bị ô nhiễm và luôn thanh tịnh. Trong lòng tay của Ngài luôn hiện ra áo quần, món ăn, thức uống, tràng phan, bảo cái, âm nhạc và những vật dụng cần thiết tốt đẹp nhất. Ngài đem những thứ đó ban phát cho chúng sinh khiến họ sinh tâm hoan hỷ." Vì thi hành việc giáo hóa nên Ngài phát tâm Bồ-đề tối thượng đến vô lượng chúng sinh. Những thiện hạnh như vậy là nhiều vô cùng, không thể nói hết được. Trải qua vô số kiếp, lúc công đức đã trọn vẹn, khi uy lực đã đủ đầy, Ngài mới hoàn thành những lời nguyện và bước vào Phật vị. Bởi thế, vô số chư thiên, nhân dân, đến các loài bò, bay, máy, cựa ở các thế giới khắp mười phương đều được Ngài độ thoát. Cũng bởi thế, nếu chúng sinh một lòng quy y Ngài thì sẽ được sinh vào cõi nước Cực lạc, được hóa sinh trong hồ thất bảo, tự nhiên lớn lên, ăn thức ăn thuần tự nhiên mà không dùng sữa mẹ; dung mạo và thân thể đoan nghiêm, sáng sủa, sạch sẽ và tươi đẹp. Những tính chất này người và Trời không so sánh được, vì ở cõi này đều thọ nhận cái thân thanh linh, tuổi thọ vô số. Khắp cõi Cực lạc đều là những thượng thiện nhân, không có con gái, ai cũng trường thọ và cũng đều có sự thấy nghe thấu suốt; nghĩa là tuy xa cách nhưng họ vẫn nhìn thấy nhau và nghe được tiếng nói của nhau. Ai cũng tìm cầu con đường thiện và không có những loại người khác. Dẫu trải qua ngàn vạn kiếp họ đều biết rõ nguồn cội của mình. Họ lại biết những việc ở hiện tại, vị lai của thế giới khắp mười phương, lại biết được những lời miệng muốn nói, những ý tưởng lòng ấp ủ của vô số nhân dân trên Trời, dưới Trời và của các loài bò, bay, máy, cựa. Nhờ có trí tuệ thông suốt, nên họ lại biết những loài chúng sinh ấy sẽ được độ thoát, được làm người, được vãng sinh Cực lạc vào năm nào, kiếp nào.

TỊNH ĐỘ TỔNG YẾU 5

Truyện Tịnh độ viết: "Đức Phật A-di-đà cùng hai Bồ-tát là Quán Âm và Thế Chí lái con thuyền đại nguyện băng qua biển khổ sống chết, đến thế giới Ta-bà kêu gọi và dẫn dắt chúng sinh bước lên con thuyền đại nguyện rồi đưa về Tây phương. Nếu chúng sinh chấp nhận thì ai cũng được sinh." Đọc đoạn đó, ta hiểu rằng vì Đức Phật và Bồ-tát xót thương nghĩ đến chúng sinh trầm luân trong biển khổ nhưng không cách gì thoát khỏi nên đem thệ nguyện và uy lực của mình để chiêu dụ hữu tình sinh về Tịnh độ; như người lái đò mời gọi khách lên thuyền để đưa sang bờ kia. Chỉ sợ chúng sinh không tin, còn nếu tin tưởng và ao ước được sinh, thì dẫu là kẻ có tội ác vẫn được sinh về. Tuy nhiên, chúng ta không thể so sánh Đức Phật với người phàm. Người phàm nếu không vì thế lực, quyền lợi thì không giao hảo với kẻ khác. Bậc hiền nhân, quân tử đã không làm vậy huống gì Đức Phật. Bởi vì, nếu không từ bi thì không phải là một vị Phật; nếu không tế độ chúng sinh, không có đại uy lực thì không phải là một vị Phật. Vì có từ bi, nên thấy chúng sinh trầm luân Ngài liền muốn cứu vớt. Vì có đủ đại uy lực; nên Ngài có khả năng làm tròn tâm nguyện và hoàn thành công cuộc tế độ của mình. Kinh nói: "Bậc Đại y vương có thể chữa trị tất cả bệnh tật nhưng không chữa được người mà mạng sống đã hết. Đức Phật có khả năng độ tất cả chúng sinh nhưng không thể nào độ những người không có niềm tin." Kinh so sánh sự bất tín với mạng đã hết là vô cùng chí lý. Bởi vì tín tức là một lòng. Như lúc người còn sống, tâm muốn đi thì thân đi ngay, tâm muốn đứng thì thân đứng ngay. Đó là trường hợp thân tùy thuộc tâm. Song, cũng có lúc tâm muốn đi mà thân bị trói buộc, lúc thân hư hoại thì chỉ còn tâm mà thôi; tâm đã đến nơi thì không nơi nào mà thân không đến. Vì vậy, tâm tại Tịnh độ thì chắc hành giả sẽ sinh vào Tịnh độ, huống gì có Phật và Bồ-tát gọi mời, dắt dẫn ư?

TỊNH ĐỘ TỔNG YẾU 6

Đức Phật A-di-đà có lời nguyện rằng: “Một khi đã sinh về nước tôi, ai muốn sinh về các phương khác đều được toại nguyện. Họ vĩnh viễn không bị đọa vào lại ba đường ác.” Vì sao? Vì người sinh vào Tịnh độ sẽ chứng được Vô sinh pháp nhẫn. Vô sinh pháp nhẫn tức là thoát khỏi sống chết. Kẻ đã thoát vòng sống chết thì tuy vào nơi sống chết nhưng tâm tánh không bị mê tối; tâm tánh không bị mê tối thì do đâu mà làm ác. Luận về lý thì không có sự sa đọa, huống gì nương vào Phật lực nữa, vì vậy nên không có sự sa đọa. Cho nên, người sinh về Tịnh độ không những sống mãi không già mà còn thoát được sống chết. Vì muốn thi thiết giáo lý để hóa độ tất cả chúng sinh, nên vào cảnh giới sống chết của tất cả chúng sinh mà chân tánh vẫn luôn sáng suốt, rạng rỡ, không bị mê hoặc bởi ngoại vật, không bị trói buộc nơi nghiệp duyên. Tuy ở cảnh luân hồi nhưng không bị luân hồi. Đó gọi là xuất thế gian; nghĩa là tuy ta đang ở trong thế gian nhưng vẫn ra ngoài thế gian. Bởi vậy, người sinh vào Tịnh độ thì sinh tử tự như. Nghĩa là muốn sinh lên Trời cũng được, muốn sinh vào loài người cũng được, muốn sinh vào gia đình đại giàu sang cũng được, muốn trường sinh bất tử cũng được, muốn diệt rồi sinh lại cũng được. Nói tóm lại, đó là luôn tự do tự tại theo ý muốn của mình. Người đời không nhận thức chân lý đó nên luôn bị khổ bởi sống chết; thay vì muốn sinh vào nơi an lạc lại bị sa vào chốn sầu não; muốn sinh vào con đường lành lại đi vào nẻo ác dữ. Nói tóm lại, là bị đủ loại ngoại vật làm cho tâm tư mê tối bị nghiệp duyên dẫn dắt, không được tự tại. Vì vậy, từ vô thỉ đến nay họ vẫn luân hồi trong sáu đường mà không thể nào ra khỏi. Ngưỡng mong tất cả mọi người nên nghĩ nhớ đến bao nổi buồn đau ấy mà lưu tâm đến Tịnh độ thì có thể nhận biết được lý do vì sao gọi là thế giới Cực lạc.

TỊNH ĐỘ TỔNG YẾU 7

Vô Vi, Dương Kiệt Thứ Công, thuở nhỏ đỗ đạt cao và thông hiểu tông chỉ của Thiền. Ông nói: "Căn tánh chúng sinh có nhanh chậm khác nhau, chỉ có Tịnh độ Tây phương là gần mà dễ biết, giản đơn mà dễ thực hành, chỉ cần hành giả một lòng quán niệm và nương vào nguyện lực của Phật thì sẽ được sinh về an dưỡng." Ông viết lời tựa cho tác phẩm "Trực Chỉ Tịnh độ Quyết Nghi" của Vương Mẫn Trọng rằng: "Ánh sáng của Đức Phật A-di-đà như vầng trăng lớn và tròn, chiếu khắp mười phương. Nếu như nước trong và lặng thì toàn thể mặt trăng hiện ra, nhưng không phải mặt trăng theo nước mà đến; mặt trăng không nguyên vẹn ánh sáng khi nước bị bẩn và động, nhưng không phải mặt trăng bỏ nước mà đi. Nước thì có sạch và bẩn, động và lặng; mặt trăng thì không có sự giữ và bỏ, đến hay đi."

Vì vậy, kinh Hoa Nghiêm nói về con của trưởng giả Giải Thoát có đoạn: "Biết tất cả Phật như ảnh tượng. Tự tâm như nước, chư Như Lai không đến nơi này. Nếu ta muốn thấy Phật Di-đà nơi Cực lạc, thì liền thấy, theo ý mình."

Như vậy, chúng ta biết rằng, nếu chúng sinh chí tâm nghĩ nhớ thì chắc chắn được thấy Phật A-di-đà, nếu được sinh về Cực lạc thì sẽ không có những nỗi đau khổ.

Kinh Ban-chu Tam-muội nói: "Bồ-tát Bạt-đà-hòa hỏi Phật Thích-ca rằng: "Làm sao chúng sinh đời vị lai có thể thấy được chư Phật?" Phật dạy: "Nếu chúng sinh niệm Phật A-di-đà thì sẽ được thấy chư Phật khắp mười phương." Lại nữa, kinh Đại Bảo Tích nói: "Nếu những chúng sinh ở phương khác nghe danh hiệu của Như Lai Vô Lượng Thọ cho đến phát được một niệm của lòng tin trong sạch cũng như hoan hỷ và yêu thích, tất cả thiện căn có được đều đem hồi hướng để nguyện sinh vào cõi Cực lạc, thì sẽ vãng sinh tùy theo ước nguyện ấy và đạt được quả vị không thoái chuyển".

"Tất cả những đoạn kinh ấy đều là lời Phật. Nếu chúng ta không tin lời Phật thì có lời nào đáng để tin? Nếu chúng ta không sinh về Tịnh độ thì có cõi nào đáng để sinh về?".

Ông Tô Đông Pha nói: "Những năm cuối đời, Thứ Công làm Giám ty Thái thú; ông vẽ tượng Đức Phật A-di-đà cao một trượng sáu và luôn đem theo để cúng dường, quán niệm. Lúc lâm chung, cảm được Phật đến đón nên ông ngồi đoan nghiêm mà đi."

LONG THƯ TĂNG QUẢNG TỊNH ĐỘ VĂN

QUYỂN 3

Mạnh Tử nói: "Ai cũng có thể làm được vua Nghiêu, vua Thuấn." Tuân Tử nói: "Người trên đường đều có thể làm được vua Vũ." Bồ-tát Thường Bất Khinh nói: "Tôi không dám khinh các ông. Các ông đều có thể thành Phật." Như vậy, có nghĩa là mọi người đều có thể làm Thánh Hiền, ai ai cũng có thể thành Phật, Tịnh độ Tây phương là cánh cửa quan yếu và nhanh mà ai cũng có thể tu tập được. Vì vậy, tôi viết "Phổ Khuyến Tu Trì" (khuyên mọi người tu tập).

PHỔ KHUYẾN TU TRÌ 1

Có người hỏi Khổng Tử rằng: "Người ta có thể quên vợ mình vì việc đổi nhà không?" Khổng Tử đáp: "Có kẻ còn tệ hơn nữa! Như Kiệt và Trụ thì quên luôn cả bản thân mình!" Nếu đem đạo nhãn mà quan sát, thì đời nay ai ai cũng quên bản thân mình cả! Vì sao? Vì từ lúc mở mắt vào buổi sáng và nhắm mắt vào ban đêm, không phút nào người ta không bị cuốn theo cơn lốc của trần lao và chưa bao giờ có được chút thời giờ để suy gẫm về bản thân mình! Vả lại, đối với thân người; nếu lấy phạm vi ngày mà nói thì không gì quan trọng hơn đói khát, tất phải có thức ăn món uống; nếu lấy phạm vi năm mà nói thì không gì bằng lạnh nóng, tất phải có đủ áo len, áo vải; nếu lấy phạm vi trọn đời mà nói thì không gì lớn bằng việc sinh tử; nếu không đem sự đầy đủ và Tịnh độ mà kiện toàn thì phải làm thế nào? Vả lại, nếu người ta có một trăm cân vàng đi nữa, thì khi cái chết ập đến ta cũng không thể nào mang nó đi theo, nghĩa là phải vứt bỏ nó lại. Nếu ai ôm chặt số vàng ấy để chết thì dĩ nhiên người đời sẽ gọi là phường dốt nát! Thật ra, họ đều biết thân này quý hơn trăm cân vàng, nhưng ngày thường vẫn khư khư lao vào vòng danh lợi; dẫu vật không đáng gì cũng không thể vứt đi, trong lúc cái thân mình thì lại không biết tiếc thương. Nếu ta trách cứ hoặc rầy la họ bằng từ trộm cướp hay cầm thú, thì họ lập tức nổi giận; có kẻ thù oán suốt đời, có người ẩu đã đến nỗi sinh ra kiện tụng và bị vào lao

ngục! Những chữ trộm cướp, cầm thú vốn không tổn hại gì với thân thể họ mà họ lại thù ghét, tại sao những kẻ ấy biết đau cho cái "danh" của thân mà lại không biết tiếc cho cái "thật" của thân? Vả lại, cái thật của thân cũng không khác gì hơn, gượng nói là: Chết! Nhưng trên sự thật thì lại chưa từng có cái chết. Người ta chỉ nhận thấy mình từ bỏ cái thân hư hoại này đi mà liền gọi hiện tượng ấy là chết mà không hay rằng nếu bỏ thân ở đây thì sẽ sinh vào cái thân ở nơi khác. Vì vậy, ta nên dự bị cho mình một nơi để sinh về. Bởi thế, nói thật chân thành là không thể nào phế bỏ giáo lý Tịnh độ!

PHỔ KHUYẾN TU TRÌ 2

Con người ta, lúc còn sống, nào là cha mẹ vợ con, ruộng vườn nhà cửa, bò, dê, ngựa, xe đến những vật như bàn ghế, chén bát, y phục, dây đai... Không luận là lớn hay nhỏ đều là hoặc do tổ phụ truyền lại, hoặc tự mình làm ra, hoặc do con cháu tích lũy. Tất cả đều là của ta. Một tờ giấy mỏng bị xé là mình đã nổi giận; một cây kim không đáng là bao nhưng nếu bị lấy là mình đã tiếc nuối; tuy kho lẫm đã đầy mà ta vẫn thấy thiếu thốn; tuy vàng bạc gấm vóc đã lắm mà ta vẫn hùng hục làm lụng. Mở mắt, động chân ta đều bị mê đắm! Ngủ một đêm nơi khác là ta đã nhớ nhà; một đứa ở chưa về là ta đã lo mất. Nói chung, ta mang vác tất cả các chuyện ở trong lòng! Nhưng, một sáng cái chết xộc đến là ta phải vứt sạch chúng mà đi. Bởi cái thân còn vô nghĩa thì nói gì những thứ ngoài thân ấy? Nếu tĩnh tâm mà suy gẫm ta mới thấy điều đó là mịt mù như cơn mộng lớn. Vì vậy, Trang Tử nói: "Phải có sự giác ngộ lớn, sau đó mới biết cơn mộng lớn ấy."

Cổ nhân nói:

Một sáng vô thường về
Mới hay người trong mộng
Ngàn thứ chẳng mang đi
Tùy thân chỉ có nghiệp.
Kỳ diệu thay những lời ấy!

Tôi lấy hai câu kệ cuối rồi thêm hai câu để làm thành một bài kệ:

Vạn thứ chẳng mang đi
Tùy thân chỉ có nghiệp

Duy niệm A-di-đà
Quyết định sinh Cực lạc.

Bởi vì, nghiệp là nghiệp ác và nghiệp thiện. Hai loại nghiệp ấy ta đều mang đi được. Vậy lẽ nào ta không lấy Tịnh độ làm nghiệp cho mình?

Có vị Trưởng lão tên Liễu Minh, lúc thuyết pháp, sư chỉ vào cái thân này mà nói: "Đây là vật chết. Trong vật chết này có cái tươi tốt, đó là vật sống. Không nên tạo phương kế sống trên vật chết mà nên tạo cách sống trên vật sống!" Tôi hâm mộ câu nói của trưởng lão vô cùng nên thường nói với mọi người rằng: "Những kẻ tham đắm đủ món bên ngoài để phụng thờ thân xác đều là những kẻ tạo cách sống trên vật chết. Người đời tuy chưa thoát khỏi vòng quay ấy, nhưng trong khi đang kinh doanh để nuôi dưỡng thân thể nên bỏ ra dăm ba phút để lưu tâm đến Tịnh độ; đó là tạo cách sống trên vật sống. Vả lại, nếu cứ hùng hục làm lụng để kiếm sống thì tuy giàu có như Thạch Sùng, rất sang trọng như hàng nhất phẩm rồi cũng lụi tàn. Thảm trạng ấy hoàn toàn khác với sự hằng cửu của Tịnh độ.

PHỔ KHUYẾN TU TRÌ 3

Đầu tiên, con người chưa từng có sự chết, sở dĩ có chữ chết là từ trên thân thể này. Vì sao? Vì do Thần thức thác vào nên thân thể mới sinh ra và gọi là sinh. Do Thần thức rời đi nên thân hình hư hoại và gọi là tử. Thần tức là ngã và hình thể là căn nhà của ngã. Vì ngã có đến có đi nên hình thể có thành có hoại. Thật ra, sinh không phải là sinh nhưng do Thần đến nên có hình hài; tử không phải là tử nhưng vì Thần đi nên hình thể hư rã. Người đời không biết Thần mà chỉ lấy hình thể nên họ vui với sự sinh mà ác cảm với sự tử. Quả là thái độ đáng buồn! Vả lại, Thần từ đâu đến? Từ nghiệp duyên mà đến. Thần từ đâu đi? Cũng từ nghiệp duyên mà đi. Nghiệp duyên là gì? Nếu nghiệp được làm ở nhân gian thì Thần sẽ tùy nghiệp đó mà sinh vào nhân gian; nếu nghiệp được làm thuộc Trời thì Thần sẽ tùy nghiệp đó mà sinh vào cõi Trời; nếu nghiệp đã làm là A tu la thì Thần sẽ thuận với nghiệp đó mà sinh vào loài A-tu-la; nếu tạo nên ba đường ác thì Thần sẽ theo nghiệp đó mà sinh vào ba đường ác. Đó là tình trạng luân hồi trong sáu nẻo không có lúc thoát ly của Thần. Thế mà từ vô thỉ đến nay, Thần ấy luôn vào thai, ở trứng v.v... nghĩa là nó không bao giờ ở lâu một nơi nào; lúc nghiệp hết thì hình thể hoại, hình thể hoại thì Thần không có nơi cư ngụ nên Thần lại theo nghiệp ta làm hôm nay để thác sinh. Như người làm ra nhà cửa thì sẽ ở trong đó, kẻ làm ra thức ăn món uống thì sẽ thọ hưởng mùi vị của nó. Vì vậy, nếu ta tạo nghiệp thế nào thì ta sẽ thọ nhận quả báo như vậy; đó là lẽ tự nhiên của chân lý. Cũng vì thế, chúng ta không nên bất cẩn với những việc làm của mình ở đời này. Nếu chúng ta muốn thoát ly luân hồi và dứt hẳn sự khổ đau thì phải chấp nhận con đường Tịnh độ Cực lạc; nghĩa là, chúng ta nên chuyên tâm thực hành phép trì niệm danh hiệu Phật.

PHỔ KHUYẾN TU TRÌ 4

Đời sống của con người trong cõi này không khác gì bọt nước, sinh diệt không ngừng. Có người chỉ sống một năm, có người hai năm, có người mười năm, có kẻ hai mươi năm, may mắn lắm mới sống đến bốn năm mươi năm; cũng có kẻ sống đến bảy mươi năm, nhưng trường hợp này rất hiếm! Đa phần con người chỉ thấy cái già trước mắt mà không hay rằng có lắm kẻ qua đời lúc niên thiếu. Huống gì thế gian vốn là khổ. Sở dĩ ta không thấy là bởi ta không suy tư, khắc khoải thôi. Cố nhiên, những lúc không vừa ý là khổ, nhưng những cơ hội vừa lòng thì lại đếm đầu ngón tay! Nào là cha mẹ vợ con, thông gia quyến thuộc hoặc do bệnh tật chết chóc, hoặc do sát thương ly tán, hoặc cái chết bỗng ập đến. Những tội ác mà lúc còn sống chắc gì ta không làm? Tôi xin đem chuyện trước mắt ra mà nói: Lúc ta nảy sinh ra một ý nghĩ sai, nói một lời sai, nhìn một nhan sắc bất chính, nghe một âm thanh bất hảo, hoặc làm một việc xấu ác; nói chung không điều gì là không sai lầm, tội lỗi! Huống gì thức ăn của ta là thịt của chúng sinh, áo ta mặc cũng từ chúng sinh; nói gì đến những điều ác không nằm ở phạm vi ăn và mặc khác? Nếu chúng ta không suy nghĩ thì thôi, nhưng nếu đặt vấn đề thì thật là vô cùng đáng sợ! Những tội ác ta dồn chứa từ trẻ đến già, từ khi sinh ra đến lúc qua đời đã quá nhiều và kiên cố nhưng không cách nào giải trừ được. Sau khi nhắm mắt, chắc chắn ta sẽ tùy nghiệp mà đi trong mịt mờ vô định. Hoặc là ta bị đọa địa ngục để chịu sự khổ đau cùng cực, hoặc là ta bị làm súc sinh để chịu sự mổ giết của con người, hoặc là ta sinh vào loài ngạ quỷ để cho lửa, đói thiêu đốt, hoặc là ta rơi vào loài A-tu-la để lòng sân hận bức bách. Tuy ta có nghiệp lành để được sinh lên Trời người, nhưng lúc hết phước vẫn bị luân hồi lại vì nghiệp cũ, nghĩa là ta cứ trầm luân không lúc nào thoát khỏi. Chỉ có Tịnh độ Tây phương là con đường tắt và nhanh để giải thoát. Bởi thân người khó được nên chúng ta hãy nhân lúc khỏe mạnh để giải quyết việc lớn đó. Chúng ta nên thường xuyên nghĩ rằng mình đã từng luân hồi khắp sáu nẻo từ vô thỉ đến nay mà chưa từng biết pháp môn Tịnh độ nên vẫn không được giải thoát. Ngày nay, ta đã biết pháp môn này, lẽ nào không lập tức hành trì? Cố nhiên, những người tuổi đã cao thì phải cố gắng; nhưng những người trẻ trung cũng không nên biếng trễ. Được thế thì lúc mất, ta được sinh về Cực lạc. Nhìn lại những lúc chết bị vào âm phủ, thấy Diêm vương và chịu những nỗi sợ hãi trước đây, thì không thể nào so sánh với bây giờ được.

PHỔ KHUYẾN TU TRÌ 5

Như người đi vào thành lớn, trước tiên phải tìm nơi trú chân, tiếp theo là đi liên hệ công tác, khi đêm xuống sẽ có chổ để an nghỉ. "Trước tiên, phải tìm nơi trú chân" tức là tu Tịnh độ. "Khi đêm xuống" tức là cái chết đến. "Có chỗ để an nghỉ" tức là sinh trong hoa sen, không bị đọa vào nẻo ác. Lại nữa, như người đi xa vào mùa Xuân, trước tiên phải mang đồ đi mưa, lúc mưa rào ập đến thì sẽ không bị ướt và khốn đốn. "Trước tiên, phải mang đồ đi mưa" tức là tu Tịnh độ. "Mưa rào ập đến" tức là mạng sống sắp chấm dứt. "Không bị ướt và khốn đốn" tức là không bị trầm luân trong đường ác, chịu những sự khổ đau. Vả lại, "Trước tiên phải tìm nơi trú chân", thì không làm hại công việc. "Trước tiên phải mang đủ đồ đi mưa" thì không làm hỏng việc đi đường xa. Như vậy, việc tu Tịnh độ vốn không làm trở ngại đối với những việc thế gian, tại sao mọi người lại không tu tập? Tôi có một người quen, bình sinh ông sát hại rất nhiều cá nên cuối đời bị bệnh như trúng phong. Tôi thương tình cảnh tội ác, tật khổ ấy, nên đến thăm và khuyên ông niệm danh hiệu Phật A-di-đà. Ông ta không chịu niệm mà chỉ nói đủ thứ chuyện. Đó thật là do ác nghiệp ngăn cản và bệnh tật làm cho tâm tư mê tối. Một khi còn sống mà không chịu niệm thì sau khi nhắm mắt sẽ vớt vát được gì? Vì vậy, người tu Tịnh độ nên sớm tỉnh ngộ để bắt tay tu tập. Ở đời, có ngày tất phải có đêm, có lạnh dĩ nhiên phải có nóng; điều đó ai cũng biết và cũng không thể che dấu. Nhưng nếu nói có sống tất có chết thì ai cũng kiêng kỵ, không thừa nhận! Tệ bạc đến thế là cùng! Người ta không biết rằng, đầu tiên, cái ngã không từng có sự chết mà chỉ do nghiệp duyên tan rã nên nó ra đi. Chúng ta cần phải tu tập Tịnh độ để cầu sinh trong hoa sen mà thọ nhận cái thân thanh linh, thọ mạng vô lượng và thoát tất cả sự sống chết, khổ não.

PHỔ KHUYẾN TU TRÌ 6

Hạ phẩm hạ sinh là lúc lâm chung hình tướng địa ngục xuất hiện, mà người đó chí thành niệm mười tiếng Nam-mô A-di-đà Phật thì hình tướng địa ngục sẽ biến thành hoa sen và người đó được sinh về Tịnh độ. Đó là nhờ lòng từ bi sâu nặng và uy lực của Phật quá lớn. Nói mười niệm nghĩa là tự mình niệm mười tiếng A-di-đà Phật lúc còn sống, chứ không phải việc thỉnh người niệm sau khi đã qua đời. Tự niệm lúc còn sống thì phút lâm chung được Phật và Bồ-tát đến đón nên quyết định được sinh về Cực lạc; thỉnh người niệm sau khi mình mất thì chưa chắc có Phật và Bồ-tát đến đón hay không. Kinh nói: “Sau khi mình qua đời mà người ta làm công đức cho thì mình chỉ nhận được một phần bảy; tự làm lúc còn sống thì quả báo gặt được là cả trăm ngàn lần”. Khổ thay cho con người! Lúc còn sống không chịu thực hành phương pháp Thập niệm trong mỗi ngày, đợi đến khi mất mới rước người tu thế! Kinh lại nói: “Ví như sắt và đá tuy nặng, nhưng nếu nương vào sức của ghe thuyền thì có thể qua sông; cây kim tuy nhẹ nhưng nếu không nhờ ghe thuyền thì vẫn bị chìm mất.” Ý kinh nói rằng, dẫu người có tội nặng nhưng nếu nương vào Phật lực thì có thể sinh về Tịnh độ; kẻ dẫu ít tội nhưng nếu không nhờ Phật lực thì cũng không được vãng sinh. Cũng như có người bình sinh làm ác nhưng nếu được chiêu an thì sẽ trở lại người dân lành. Người nương vào Phật lực để tiêu diệt tội ác cũng giống với hai trường hợp vừa nói. Lại nữa, như con sâu đo dẫu chết đi sống lại cả ngàn lần cũng chỉ bò đi được chừng một dặm; nếu nó bám vào thân người thì có thể đi xa cả ngàn dặm trong một ngày. Người nương vào Phật lực để vãng sinh cũng như trường hợp trên. Vì vậy, chúng ta không nên nghi rằng vì mình có tội ác nên dẫu có niệm Phật đi nữa cũng không thể vãng sinh; chỉ cần chúng ta khởi tâm mong được thấy Phật, được thành Phật và cứu độ tất cả kẻ oán người thân thì ai ai cũng được vãng sinh. Hoặc có người nói: “Có kẻ lúc còn sống làm những việc ác, hại chúng sinh, bức áp nhân dân, đến lúc chết nhờ niệm Phật nên cũng được vãng sinh. Vậy, những chúng sinh, những người dân bị kẻ ấy giết và hiếp đáp mang lòng oan ức, thì đến bao giờ mới giải được?” Đáp: Sau khi người đó sinh về Tịnh độ, được thành Phật họ sẽ độ thoát cho kẻ oán, người thân. Như thế vẫn hơn tình trạng oan oan tương báo, cả kẻ tạo tội và người chịu tội đều không có lúc giải thoát.

PHỔ KHUYẾN TU TRÌ 7

Tôi vì giáo lý Tịnh độ nên muốn khuyên những người thấy nghe làm cho tâm mình rộng lớn ra, nên lấy tâm nguyện của Phật làm tâm nguyện của mình khiến ai ai cũng biết để cùng nhau sinh về Tịnh độ. Chúng ta nên nghĩ rằng: Nếu người khác biết được pháp môn này thì cũng như ta biết, thật sung sướng làm sao! Nếu người khác không biết thì cũng như ta không biết, quả là vô cùng đau xót! Nếu chúng ta chỉ dừng lại ở việc tự tu thì nào khác gì hàng Thanh văn, gọi là Tiểu thừa. Họ chỉ có khả năng tự độ, như sức vận chuyển của chiếc xe nhỏ. Đó là lý do Đức Phật gọi "Đoạn hạt giống Phật". Người có khả năng giáo hóa mọi người gọi là Bồ-tát Đại thừa; cả mình và người đều được giải thoát, như sức chuyên chở của chiếc xe lớn. Lý do những vị này gặt được vô lượng phước báo là bởi họ có năng lực đi đến Phật địa. Chư Phật nhiều như cát sông Hằng khắp mười phương đều khen ngợi công đức không thể nghĩ bàn của Đức Phật A-di-đà; nghĩa là chúng ta không thể đem tâm để suy nghĩ, dùng ngôn từ để luận bàn. Công đức của Ngài quả là siêu việt. Như vậy, có việc gì mà Ngài không làm được! Cho nên, nếu ta khuyên được một người tu tập Tịnh độ rồi đem duyên lành ấy mà tiêu trừ tội ác cũng được, hay truy tiến cho vong linh cũng được. Chỉ cần ta chí thành chú nguyện thì đều gặt hái được kết quả. Đọc truyện Phòng Chữ quý vị sẽ biết sơ về vấn đề trên. Huống gì chúng ta khuyên được một người đến năm, mười người. Lại nữa, huống gì ta khuyên dạy người khác; cứ tiếp tục mãi như vậy thì giáo lý Tịnh độ Tây phương sẽ được truyền bá khắp nơi và chúng sinh trong biển khổ có thể sinh về Cực lạc cả. Khuyên người đi theo con đường thiện gọi là Pháp thí. Tịnh độ là loại pháp thí siêu việt nhất, vì nó làm cho chúng sinh ra khỏi luân hồi, cho nên không có pháp nào so sánh với nó được. Vì vậy, phước báo của việc khuyên dạy ấy cũng vô lượng, nên bài kệ khuyến tu của Bồ-tát Đại Từ viết: "Khuyên được ba người, thì phước đức giống như sự tinh tiến của mình. Khuyên mười người trở lên, phước đức đã vô cùng. Nếu khuyên trăm, muôn người, đó gọi là chân thật Bồ-tát. Nếu vượt quá ngàn người, là A-di-đà Phật". Qua những đoạn kệ trên ta biết rằng, một khi đã theo giáo lý Tịnh độ thì ta cần phải làm cho tâm mình rộng lớn ra, để khiến cho ai ai cũng biết con đường này ngõ hầu tích tập vô lượng phước đức.

PHỔ KHUYẾN TU TRÌ 8

Vả lại, nếu người ta khổ vì đói thì mình cho họ một bữa ăn; nếu người ta khổ vì lạnh thì mình cho họ một tấm áo. Ân huệ ấy cũng lớn lắm rồi. Huống gì họ đang trầm luân trong sáu nẻo không lúc nào ra khỏi, mà ta lại đem pháp môn này để khai thị khiến họ được thoát khỏi luân hồi mà thọ nhận mạng sống và niềm vui vô hạn? Ân đức ấy quả là cao sâu. Kinh Kim Cang nói: “Nếu người đem thân mạng nhiều như cát sông Hằng để bố thí; sự bố thí ấy dầu trải qua vô lượng trăm, ngàn, vạn, ức kiếp cũng không bằng có người nghe kinh này mà tin tưởng, không chống trái, thì phước đức sẽ hơn hẳn người kia.” Bởi lẽ, người đem thân mạng để bố thí thì vẫn không thoát khỏi sự thọ nhận phước báo thế gian, nhưng phước báo rồi cũng có lúc hết. Còn người tin kinh Kim Cang thì dần dần sẽ ngộ được chân tánh và phước đức ấy mới là vĩnh cửu, vì tự thân của nó siêu việt hơn loại phước đức kia. Theo quan điểm của tôi, không những chỉ có người tin kinh mới được như vậy, nếu chúng ta đem Tịnh độ để khuyên dạy mọi người thì phước báo cũng ngang với người tin kinh Kim Cang. Vì sao? Vì người được sinh về Cực lạc thì không bị luân hồi lại, vì đã chứng bất thoái chuyển và vì được tiến thẳng đến quả vị Phật. Người sinh về Tịnh độ dẫu chưa thành Phật nhưng đó là điều kiện để thành Phật. Vì vậy, nếu chúng ta khuyên một người thành Phật tức là ta đã tựu thành một chúng sinh làm Phật. Thông thường, làm Phật tức là độ vô lượng chúng sinh. Những chúng sinh được độ ấy khởi đầu từ ta. Như thế, phước báo của ta hơn hẳn người đem số lượng thân mạng nhiều như cát sông Hằng để bố thí trải qua vô lượng trăm, ngàn, vạn, ức kiếp.

PHỔ KHUYẾN TU TRÌ 9

Thông thường, lúc thọ nhận sự dạy bảo của thầy bạn thì ta nên nêu cao ân huệ; gặp sự đãi ngộ bằng lễ trong giao du thì chúng ta nên đem Tịnh độ để báo đền. Cho đến tất cả ai cho ta một bữa ăn, một chén trà, hoặc tiếp ta bằng một lời nói, một chỗ ngồi, thậm chí đến công lao của kẻ nô bộc, nói chung, tất cả công đức đã thọ dụng được ta nên đem Tịnh độ để giới thiệu với họ, khiến họ được thoát ly biển khổ. Không những chỉ như thế, mà ngay cả những người quen hoặc không quen ta cũng nên đem Tịnh độ để giáo hóa khiến họ cùng sinh về Tịnh độ với mình. Lại không chỉ như thế, lúc Phật còn ở đời, có một nước rất khó giáo hóa, Ngài nói nước đó có duyên với Mục-kiền-liên, nên sai tôn giả Mục-kiền-liên đến hóa độ, khiến dân nước ấy đều tin thuận. Có một đệ tử hỏi lý do. Đức Phật nói: "Trong những kiếp trước, Mục Liên làm người đốn củi, vì ông làm kinh động bầy ong nên bèn phát nguyện lành rằng: "Sau khi đắc đạo, tôi sẽ độ những con ong này". Ngày nay, những người trong nước ấy là bầy ong thuở trước. Vì Mục-liên phát thiện nguyện ấy nên có duyên lành với họ". Qua câu chuyện này ta thấy rằng, không những chúng ta chỉ khuyên dạy Tịnh độ đối với loài người mà đối với những loài chim bay, thú chạy cho đến loài bò, bay, máy, cựa; nếu có hình tướng thì ta nên nhân lúc thấy mà niệm vài tiếng Nam-mô A-di-đà Phật và phát lời lành rằng: "Nguyện các người đều sinh về cõi Cực lạc. Sau khi đắc đạo, tôi sẽ độ tất cả." Không những ta làm thế đối với loài có hình tướng mà đối với những chúng sinh không có hình tướng ta cũng phát nguyện lành như vậy. Niệm lành của ta càng lúc càng thuần thục, lại có duyên lành với tất cả chúng sinh thì chắc chắn ta sẽ sinh về Thượng phẩm thượng sinh. Đến lúc khác, ai ai cũng tin thuận với sự hóa độ của ta.

■

LONG THƯ TĂNG QUẢNG TỊNH ĐỘ VĂN

QUYỂN 4

Pháp môn Tịnh độ đa phần được thấy ở kinh A-di-đà Đại bản cùng kinh Thập Lục Quán. Pháp môn này có cạn và sâu. Cạn tức là công tu niệm ít, thuộc loại thấp trong chín phẩm. Sâu tức là công hành trì nhiều. Thuộc loại cao trong chín phẩm. Dẫu cạn hay sâu gì cũng đều được thoát vòng sinh tử và sống mãi không già nua. Trước tiên, tôi xin lược qua phần cạn. Tiếp theo, tôi sẽ bàn đến phần sâu. Bởi lẽ tùy chỗ tu tập của hành giả có sâu và cạn khác nhau.

PHÁP MÔN TU TRÌ 1

Trong số bốn mươi tám lời nguyện của Đức Phật A-di-đà, có lời nguyện "Lúc tôi thành Phật, nếu chúng sinh khắp mười phương chí thành tin tưởng, yêu thích, muốn sinh về nước tôi, niệm danh hiệu của tôi mười tiếng mà không được sinh, thì tôi sẽ không thành Phật". Như thế nghĩa là Đức Phật có lời thệ nguyện cứu độ chúng sinh và Ngài chỉ mượn mười niệm của chúng sinh để biểu lộ cho tấm lòng quy hướng thiết tha đối với Ngài mà thôi. Mỗi buổi sáng, hành giả chấp hai tay, mặt hướng về phía Tây đảnh lễ kế niệm lớn mười tiếng Nam-mô A-di-đà Phật rồi đảnh lễ mà niệm một biến bài kệ phát nguyện của Bồ-tát Đại Từ rằng: "Nguyện cùng người niệm Phật, sinh về nước Cực lạc, thấy Phật thoát sinh tử, như Phật độ tất cả." Lại đảnh lễ mà lui ra. Nếu hành giả chí thành như thế thì sẽ được vãng sinh; nhưng e rằng không ở phẩm vị cao trong chín phẩm. Nếu ta dạy người không biết chữ tụng niệm bài kệ này thì sẽ có phước đức rất lớn.

PHÁP MÔN TU TRÌ 2

Mỗi buổi sáng, hành giả chấp hai tay, mặt quay về hướng Tây mà đảnh lễ và niệm "Nam-mô A-di-đà Phật, Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát, Nam-mô Đại Thế Chí Bồ-tát, Nam-mô Nhất Thiết Bồ-tát, Thanh văn, Chư thượng thiện nhân"; mỗi danh hiệu mười tiếng. Lại đảnh lễ mà tụng niệm toàn bộ bài kệ tán Phật, sám tội, hồi hướng và phát nguyện của Bồ-tát Đại Từ một biến rằng: "Mười phương ba đời Phật, đệ nhất A-di-đà, chín phẩm độ chúng sinh, uy đức không cùng tận. Con nay quyết quy y, sám hối tội ba nghiệp, những việc thiện làm được, một lòng đem hồi hướng. Nguyện cùng người niệm Phật, cảm ứng hiện tùy thời, lâm chung cảnh Tây phương, hiện rõ ràng trước mặt. Thấy nghe đều tinh tiến, cùng sinh nước Cực lạc, thấy Phật thoát sống chết, như Phật độ tất cả". Lại đảnh lễ mà lui ra. Bài kệ này có uy lực rất lớn, nó có thể tiêu diệt tất cả tội lỗi và làm lớn tất cả phước đức cho hành giả. Lúc đảnh lễ, nếu đốt hương, vái lạy được thì càng tốt. Ngày nào, hành giả cũng tu niệm như thế thì sẽ sinh vào Trung phẩm. Nếu ta đem bài kệ này để dạy người khác phước đức của mình rất lớn.

PHÁP MÔN TU TRÌ 3

Hành giả luôn luôn tụng niệm như phần hai. Lúc niệm Phật, hành giả nên tưởng tượng thân mình đang ở cõi Tịnh độ, đang chấp tay trước Phật và cung kính niệm Phật. Lúc niệm danh hiệu Bồ-tát, hành giả cũng tưởng như trên. Lúc nghĩ nhớ đến tất cả Bồ-tát, Thanh văn, và chư thượng thiện nhân, hành giả cũng tưởng thân mình ở tại Tịnh độ; tiếng tụng niệm của mình vang dội trước mặt tất cả Bồ-tát, Thanh văn và chư thượng thiện nhân. Lúc lễ lạy, hành giả cũng tưởng tượng thân mình đang lễ lạy tại Tịnh độ. Lúc niệm bài kệ, hành giả cũng tưởng tượng thân mình ở tại Tịnh độ mà chắp tay cung kính trước Phật để niệm tụng. Duy những lúc có tượng Phật và Bồ-tát thì không cần thực hiện như thế, nhưng hành giả nên tưởng tượng những tượng ấy như Phật và Bồ-tát đang hiện thân ở đây để nhận sự lễ lạy và nghe tiếng tụng niệm của mình. Nếu chuyên tâm như thế thì chắc chắn hành giả sẽ đạt được phẩm vị cao.

PHÁP MÔN TU HÀNH VÀ TU TỊNH ĐỘ CỦA ĐẠI BỒ-TÁT 4

Vào sáng sớm, trước tiên, hành giả hướng mặt về phía Tây, đốt hương và chú niệm rằng: "Đệ tử là... kính vì tất cả chúng sinh tận hư không giới, đốt hương kính lễ tất cả chư Phật, tất cả chánh pháp, tất cả Thánh chúng là chư đại Bồ-tát, Duyên giác, Thanh văn trong tận hư không giới. Đệ tử kính lạy Phật quá khứ Nhiên Đăng, Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát Phổ Hiền; tất cả Thánh chúng gồm Bồ-tát, Duyên giác, Thanh văn trong pháp hội của Phật Thích-ca. Đệ tử kính lạy Như Lai Thế Tự Tại Vương ở quá khứ, ba mươi sáu vạn ức, mười một vạn chín ngàn năm trăm Đức Phật cùng danh hiệu là A-di-đà đang hiện hữu ở thế giới Cực lạc, Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Đại Thế Chí, cùng tất cả chư vị Thánh chúng Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác trong cõi nước của Đức Phật A-di-đà (có thể tăng thêm danh hiệu Phật tùy ý của mình, nếu không tăng cũng được). Và kính lễ cùng khắp: Trên từ chư Thiên, thiên đế, Thiên nhân, Nhật Nguyệt Tinh tú, Nam đẩu, Bắc đẩu, ty trung, ty mạng, phong sư, vũ sư, là tất cả tạo hóa chủ linh Thần; dưới đến địa tỳ, đại nhạc, minh hải, quần sơn, chúng thủy, là tất cả chủ tạo hóa linh Thần; ở giữa là tất cả linh Thần cầm giữ họa phước ở nhân gian v.v... xin chư vị thành tựu tất cả nguyện lành để tế độ vô lượng vô biên chúng sinh. Trước tiên, nguyện cho tôi hiện đời không bị tật bệnh, tai nạn (khấn theo ý mình). Lúc lâm chung, trong khoảng một tháng tôi biết được ngày giờ mình ra đi, có hóa Phật đến đón. Nguyện cho cảnh giới Tây phương hiện rõ giữa bầu Trời và lâu mất để mọi người đều được thấy. Nguyện tôi như người vào thiền định, ra đi thanh thản, liền được thấy Phật A-di-đà, chứng Vô sinh pháp nhẫn và có đủ sáu thứ Thần thông; tuy không ra khỏi nơi đây trong một năm mà tôi đã lập tức quay trở lại nơi này để giáo hóa chúng sinh. Tôi dần dần biến đổi Nam Diêm-phù-đề này, tất cả cõi Ta-bà này, cho đến vô lượng thế giới khắp mười phương thành cõi Cực lạc thanh tịnh. Lễ bái.

Lại khấn nguyện rằng: "Đệ tử là... kính vì tất cả chúng sinh trong tận hư không giới. Đệ tử kính lễ tam thế chư Phật trong tận hư không giới. Ngưỡng nguyện Như Lai đại Từ, đại Bi thương xót, nghĩ đến chúng sinh đang trầm luân trong biển khổ mà không có lúc thoát ra; nếu Như Lai đang ở Niết-bàn thì xin Ngài ra khỏi Niết-bàn để cứu độ chúng sinh không cùng tận và không dứt; nếu Như Lai đang ở thế gian thì xin Ngài chuyển Pháp luân để khai đạo cho quần mê vô cùng và không dứt; nếu Như Lai đang ở vị lai thì xin Ngài nhập trong muôn loài để gieo trồng

hạt giống thiện căn không cùng không dứt. Ngưỡng nguyện Như Lai hóa độ hết chúng sinh sau đó mới dừng. Ngưỡng nguyện chư vị Duyên giác, Thanh văn cũng thực hiện những điều như vậy. Lễ bái.

Lại khấn nguyện rằng: "Đệ tử là... kính vì tất cả thiện nhân trong tận hư không giới mà tụng bảy biến bài kệ Trường thọ. Nguyện cho số tuổi thọ của chư vị thiện nhân ấy được tăng thêm để hóa độ tất cả chúng sinh, làm cho chúng sinh đều được ra khỏi biển khổ. Ngưỡng nguyện chư Long vương trên Trời và ở thế gian hãy lấy từ tâm của tôi để diệt trừ chất độc sân hận, tôi nguyện đem khối trí tuệ này để tiêu chất độc ấy. Dù là độc có vị hay không có vị, tôi nguyện phá hủy và cho chúng vào trong đất. Lễ bái!

Đức Phật nói: "Vào sáng sớm, hành giả niệm bài kệ này bảy biến thì sẽ được trường thọ". Nay hành giả vì tất cả thiện nhân trong tận hư không giới mà tụng niệm thì công đức vô cùng to lớn.

Lại khấn nguyện rằng: "Đệ tử là... chí tâm kính lễ Thế Tôn Nhật Nguyệt Quang Minh, Như Lai Hỏa Quang, Bồ-tát Quán Thế Âm; xin chư vị hộ niệm sự tụng trì mỗi lần một trăm lẻ tám Thánh hiệu Như Lai, Bồ-tát trong mỗi ngày của con. Ngưỡng nguyện Đại từ đại bi, mỗi vị đem nguyện lực gia bị cho đệ tử sớm ngộ được chân tánh, tăng trưởng phước lực và không có tất cả tật bệnh, tai nạn. Nguyện chư vị đem ba điều trên để cứu vớt chúng sinh". Lễ bái.

Lại khấn rằng: "Đệ tử là... kính vì tất cả chúng sinh không phân biệt lớn nhỏ của Nam Diêm-phù-đề này mà kính lễ chư Thiên, Thiên đế, Thiên nhân, Nhật Nguyệt, Tinh tú, Nam đẩu, Bắc đẩu, ty trung, ty mạng, phong sư, vũ sư, tất cả chủ tạo hóa linh Thần; các linh kỳ của đất đai, đại nhạc, minh hải, quần sơn, chúng thủy, tất cả tạo hóa linh Thần; tất cả linh Thần nắm phước họa ở nhân gian. Đệ tử kính lễ cùng khắp, vì tất cả chúng sinh mà tạ ân mang chở chiếu soi, sinh thành, dưỡng dục và hộ vệ. Đệ tử kính vì các chúng sinh ấy mà niệm một trăm lẻ tám biến Nam-mô Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật để gieo trồng thiện căn vô thượng, niệm một trăm lẻ tám biến Nam-mô A-di-đà Phật để kết thiện duyên vô thượng. Ngưỡng nguyện những chúng sinh được thấm gội hồng ân, đều hoan hỷ hướng về nhau mà không tương tàn tương sát, không ăn nuốt và lăng nhục nhau. Ngưỡng nguyện những chúng sinh ấy tu tập Phật pháp để thoát ly biển khổ và biến Nam Diêm-phù-đề thành thế giới Cực lạc. Lễ bái.

Lại khấn nguyện rằng: "Đệ tử là... xin cảm tạ sự mang chở của Trời đất; sự chiếu soi của mặt trăng, mặt Trời và tinh tú; sự sinh thành

của tạo hóa, sự hộ vệ của linh Thần, công dưỡng dục của mẹ cha, sự cứu giữ của vua quan, sự răn dạy của thầy bạn, sự giúp đỡ của ân đức và nguồn gốc của áo mặc thức ăn cùng chỗ thọ dụng, nơi ban lệnh và chỗ đi, đứng, nằm, ngồi cùng tất cả ân lực đối với bản thân, đệ tử xin cảm tạ. Đệ tử kính vì những phước đức ấy mà niệm một trăm lẻ tám biến Nam-mô Thích-ca Mâu-ni Phật để trồng thiện căn vô thượng, niệm một trăm lẻ tám biến Nam-mô A-di-đà Phật để kết duyên lành vô thượng. Ngưỡng nguyện tất cả hữu tình ở bên trên sớm chứng đắc Chánh giác; ở dưới đều được sinh Cực lạc. Lễ bái!

Hành giả thực hành xong sáu nghi thức trên, sau đó mới quay về hướng Tây mà tu tập Tịnh độ.

PHÁP MÔN TU TRÌ TỊNH ĐỘ CỦA ĐẠI BỒ-TÁT 5

Vào sáng sớm, hành giả quay mặt về hướng Tây, đốt hương rồi lễ bái mà khấn rằng: “Đệ tử là... kính vì tất cả chúng sinh trong tận hư không giới mà kính lễ Thánh chúng Tây phương và xưng niệm mười lần Thánh hiệu. Ngưỡng nguyện Thánh chúng đại Từ đại Bi khai mở uy Thần để tế độ chúng sinh trong số những chúng sinh đang niệm Phật, khiến họ đều được sinh về cõi Cực lạc. Hành giả niệm bốn Thánh hiệu, mỗi Thánh hiệu mười tiếng. Lễ bái!

Lại khấn rằng: “Đệ tử là... kính vì tất cả chúng sinh trong tận hư không giới mà khen ngợi Đức Phật A-di-đà, sám hối tội lỗi, hồi hướng, phát nguyện và kính lễ. Ngưỡng nguyện Như Lai đại từ đại bi khai mở uy Thần để gia hộ cho mỗi chúng sinh trong số những chúng sinh đang khen ngợi Phật, đang sám hối tội lỗi, đang hồi hướng, đang phát nguyện và đang kính lễ. Ngưỡng nguyện Như Lai cứu vớt tất cả để họ được sinh về thế giới Cực lạc. Hành giả niệm một biến Đại Từ Bồ-tát toàn kệ ở đoạn thứ hai đầu quyển. Lễ bái!

Lại khấn rằng: “Đệ tử là... kính vì tất cả chúng sinh trong tận hư không giới mà kính lễ Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Đại Thế Chí và tất cả Bồ-tát, Thanh văn cùng chư vị Thượng thiện nhân...; ngưỡng nguyện đấng đại Từ, đại Bi xót thương và nghĩ nhớ đến chúng sinh đang trầm luân trong biển khổ nhưng không có lúc thoát khỏi mà khai mở uy Thần để cùng nhau lần lượt giáo hóa họ. Ngưỡng nguyện chư vị phân thân vào nước Trung Hoa này để giúp đỡ cho khanh tướng, quần Thần, và

phù trợ vua của tôi để dạy dỗ và cai trị muôn dân, khiến họ không tranh chấp lẫn nhau, giết hại lẫn nhau, không dày xéo, ăn nuốt nhau; sao cho cuộc đời được thuần hòa để cùng nhau bước lên vùng đất nhân và thọ. Ngưỡng nguyện chư vị làm quốc vương, đại Thần, bách quan thứ doãn đến các vị quan có chức quyền tại Nam Diêm-phù-đề này, đến tận cõi Ta-bà, cho đến những thế giới bẩn ác khắp mười phương mà giáo hóa chúng sinh, khiến họ cùng nhau tu tập Phật đạo để ra khỏi biển khổ. Nguyện chư vị biến đất nước tôi cho đến các thế giới bẩn ác khắp mười phương thành cõi Cực lạc thanh tịnh. Lễ bái!

(Bản cũ viết: "Ngày mười bốn tháng tư năm Ất Mão, niên hiệu Diên Hựu, lệnh cho công nhân khắc bản gỗ. Đến đêm mồng một tháng mười lúc khắc đến bản này thì có một viên xá-lợi. Ngày mồng lúc khắc đến phía trên chữ "Pháp" lại có một viên xá-lợi. Ngày Hạ nguyên, lúc khắc đến phía trên chữ "Thánh" lại có thêm một viên xá-lợi. Ba viên xá lợi ấy hiện vẫn giữ trong bản gỗ để tín hữu cúng dường". Ngưỡng mong người đọc bản văn này, thấy được sự linh nghiệm mà sinh tâm tin tưởng sâu bền để tu tập, chắc chắn được sinh về Tịnh độ. Đó là điều mà cư sĩ Long Thư đã nói: "Từ xưa đến nay, những người tu trì rất nhiều, lẽ nào lại không có sự chứng nghiệm?" Quả thật là lời đáng tin cậy!).

Nếu hành giả không dùng thịt cá thì rất tốt. Nhưng nếu vì bệnh tật mà phải ăn theo phép "Tam tịnh nhục" thì nên khấn nguyện thế này: "Đệ tử là... vì thân đang ở trong lưới đời, vì túc nghiệp sâu nặng, và vì thân thể đang đau ốm nên không thoát được việc ăn theo phép Tam tịnh nhục... Đệ tử kính vì những chúng sinh mà mình đã ăn ngày hôm qua mà tụng niệm Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới ba mươi sáu vạn ức, mười một vạn chín ngàn năm trăm vị cùng danh hiệu là A-di-đà Phật ở cõi Cực lạc bốn mươi chin biến; ngưỡng nguyện Như Lai đại từ đại bi khai mở uy Thần để gia hộ cho mỗi chúng sinh bỏ thân mạng cùng những người đang tụng niệm, xin vì họ mà truy tiến và quyết định cứu độ họ sinh về thế giới Cực lạc. Đệ tử nguyện cho những chúng sinh bị ăn nuốt để bồi bổ khí lực cho bản thân, những nghiệp lành mà đệ tử đã làm sẽ chia sẻ cùng với những chúng sinh ấy. Nguyện cho họ được sinh về Cực lạc trước, đợi lúc đệ tử sinh về Cực lạc, được thấy Phật, được nghe pháp và chứng đắc sáu thứ Thần thông, rồi trở lại Nam Diêm-phù-đề mà giáo hóa chúng sinh, thì những chúng sinh ấy đều theo đệ tử trở lại Ta-bà để cùng nhau hóa độ chúng sinh và cùng thành bậc giác ngộ. Lễ bái!

(Nếu hành giả không ăn thịt cá thì nên vì những con tằm dùng làm

tơ lụa may áo quần, đến những con tằm dùng tơ lụa để may áo quần của những người giao du với ta mà tụng niệm như trước).

Lại khấn nguyện rằng: "Đệ tử là... kính vì tất cả chúng sinh bị giết, bị ăn ngày hôm nay ở Nam Diêm-phù-đề mà tụng niệm một trăm hai mươi biến Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới ba mươi sáu vạn ức, mười một vạn chín ngàn năm trăm vị cùng danh hiệu A-di-đà Phật; ngưỡng nguyện Như Lai đại từ đại bi đem danh hiệu do đệ tử tụng niệm, cứ mỗi tiếng là một Như Lai để độ tất cả chúng sinh và làm như thế cho đến hết số lượng danh hiệu được niệm tụng. (Bản cũ, ở chỗ này lại hiện xá-lợi). Cũng như vậy, ngưỡng nguyện Như Lai độ tất cả họ sinh về Cực lạc.

PHÁP MÔN TU TRÌ 6

(Đức Phật Thích-ca đem Thánh hiệu này dạy hai ông bà lão. Nếu ai chí thành trì niệm nó, cho đến tụng trì chân ngôn Vãng sinh thì giải trừ được oán kết, tuổi thọ tăng trưởng, có phước báo lớn, chứng Vô sinh nhẫn và ở vào vị trí bất thoái. Kết quả thật vô cùng vĩ đại! Lữ Nguyên Ích khuyến tu).

Thuở Đức Phật còn tại thế (bản cũ, xá-lợi xuất hiện ở đây), có hai ông bà lão dùng một đấu hạt để ghi số mà niệm A-di-đà Phật, cầu sinh Tịnh độ. Đức Phật dạy: "Ta có phương pháp đặc biệt khiến các ngươi niệm một danh hiệu mà được số lượng của nhiều đấu. Nói xong, Đức Phật liền dạy họ niệm Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới ba mươi sáu vạn ức, mười một vạn chín ngàn năm trăm vị Phật cùng danh hiệu A-di-đà Phật. Nên dùng vỏ cây mà tính, mỗi tiếng hợp với một ngàn tám trăm hạt, tính ra con số là hai trăm đấu." Do Đức Phật tự đem cách này dạy hai ông bà lão nên ta biết chắc rằng công đức của nó quả thật là vô cùng.

Nếu người không thể niệm được như vậy thì chỉ niệm theo cách giản đơn. Nếu hành giả dạy người khác tụng niệm toàn bộ thì công đức phước báo rất lớn. Hoặc hành giả trì tụng thêm kinh A-di-đà Tiểu bản, hoặc kinh A-di-đà Đại bản, hay các kinh khác... tùy số lần tụng nhiều hay ít mà đem hồi hướng để nguyện sinh Tây phương cũng đều được.

"Bạt nhất thiết nghiệp chướng căn bản vãng sinh Tịnh độ chân ngôn:

Nam-mô A di đa bà dạ. Đa tha dà đa dạ. Đa địa dạ tha. A di lị đô bà tỳ. A di lị da tất đam bà tỳ. A dị li da. Tỳ ca lan đế. A di lị da. Tỳ ca lan đa. Dà di nị. Già dà na. chỉ đa ca lệ. Ta-bà ha."

Chữ của chân ngôn vốn không phải là chữ của Ấn Độ, mà do dịch giả sử dụng. Đa phần mọi người cho rằng chữ đó khó nhận biết. Lúc Đức Phật mới thuyết bài chú thì chỉ có âm thanh, ngày nay người ta giữ lại âm thanh của Phật rồi dùng ngôn ngữ dễ nhận biết để thay thế, nhưng vẫn không đánh mất ý của Phật, vì vậy chúng ta không nên hoài nghi. Lại nữa, do người đời chấm câu bị sai rất nhiều, nên nay tôi dùng tư liệu trong tạng kinh của hai xứ để chấm câu lại cho tương ứng với nhau, mong người trì tụng không nên nghi ngờ. Ai tụng bài chú này thì luôn luôn có Đức Phật A-di-đà đứng trên đỉnh đầu không cho kẻ oán làm hại, hiện đời được an ổn và khi mất sẽ được vãng sinh theo ước nguyện của mình. Nếu hành giả tụng đến hai trăm ngàn biến thì mầm Bồ-đề sẽ sinh, tụng đến ba trăm ngàn biến thì được nhanh chóng diện kiến Đức Phật A-di-đà. Vào đời Tấn, Pháp sư Tuệ Viễn tụng bài chú này nên có vị Thần tay cầm đài bạch ngân từ phương Tây đi đến mà nói rằng: "Thọ mạng của pháp sư đã hết, hãy nương đài Bạch Ngân này mà vãng sinh Cực lạc." Khi ấy mọi người đều nghe trong không gian có tiếng nhạc trỗi lên và mùi hương lạ trải mấy ngày mới tản.

PHÁP MÔN TU TRÌ 7

Đức Phật hỏi A-nan: "Ông muốn thấy người ở địa ngục không?". A-nan thưa: "Bạch Thế Tôn! Con muốn thấy". Đức Phật nói: "Thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ về điều ác. Đó là người địa ngục". Bởi lẽ, thiện ác ở đời không ngoài ba nghiệp là thân, miệng và ý. Nay cả ba nghiệp đều ác tức là toàn nghiệp đen, vì thế mà phải vào địa ngục. Nếu ba nghiệp đều thiện tức là toàn nghiệp trắng, nên được sinh lên Trời. Nếu trong ba nghiệp có một nghiệp thiện gọi là tạp nghiệp thì cũng không bị rơi vào địa ngục. Vì vậy, tuy thân và ý ác nhưng nhờ miệng tụng niệm danh hiệu Phật nên cũng có một nghiệp thiện và do vậy mà vẫn hơn cả ba nghiệp đều ác. Huống gì miệng tụng niệm danh hiệu Phật, tâm lại tưởng nhớ đến tượng Phật tức là ý nghiệp thiện. Hành giả luôn thiện hóa ba nghiệp để tu tập Tịnh độ thì chắc chắn được sinh về Thượng phẩm. Tôi có nghe kể chuyện người bán tôm ở Trấn Giang,

và suy gẩm rằng người ấy chỉ kêu một tiếng tôm mà có đủ ba nghiệp ác là:

1. Ý muốn bán tôm tức là ý nghiệp ác.

2. Thân gánh tôm tức là thân nghiệp ác.

3. Miệng rao bán tức là khẩu nghiệp ác. Đó là người mà Đức Phật gọi là người địa ngục. Nếu xét thêm câu chuyện đó thì người địa ngục quả là rất nhiều, chúng không sợ sao? Quả thật, cũng vì ngu si mà chúng ta không biết gì về luật nhân quả, do vậy mà bị hãm vào vòng tội ác. Thật đáng thương xót thay! Những người biết pháp môn Tịnh độ nên khai thị cho những người khác. Đó là pháp thí. Pháp thí là việc làm lớn nhất trong hạnh bố thí. Vì vậy, phước báo của nó không thể nào đo lường được.

Có người nói: "Kẻ cứ một mực xung tụng danh hiệu Phật thì không khác gì cứ gọi mãi tên một người, người bị gọi sẽ vô cùng phẫn nộ. Vì vậy, việc cứ một mực xưng tụng tên một vị Phật chưa hẳn là việc làm tốt!". Đáp: Không đúng! Chúng sinh tích chứa khẩu nghiệp từ vô thỉ đến nay như núi biển, họ tụng danh hiệu Phật vô cùng nhiều những mong quét sạch nghiệp ấy mà còn sợ chưa đủ! Sao ông lại đem chuyện "Gọi tên người" để so sánh, vặn vẹo? Lại nữa, chính Đức Phật khai thị pháp môn này để dẫn dụ chúng sinh khiến họ thiện hóa khẩu nghiệp, rồi dần dần thiện hóa thân và ý nghiệp. Bởi vậy, nói rằng "Cứ một mực xưng tụng một danh hiệu Phật chưa hẳn đã là việc làm tốt" là câu nói của người phàm tục, không phải là lời nói của bậc luôn yêu thương, nâng đỡ và dẫn dụ chúng sinh. Và cố nhiên, những lời đó không xứng đáng để nghe và suy nghĩ!

PHÁP MÔN TU TRÌ 8

Nếu hành giả trường trai, lễ Phật, niệm Phật, đọc tụng kinh điển Đại thừa, giải đệ nhất nghĩa, rồi đem những công hạnh ấy mà hồi hướng và nguyện sinh Tây phương thì chắc chắn sinh lên Thượng phẩm thượng sinh. Trai là gì? Tức là không ăn thịt, không uống rượu, không dâm dục, không ăn năm loại rau cay. Giới là gì? Tức sát sinh, trộm cắp và tà dâm là ba nghiệp của thân; vọng ngôn, ỷ ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu là bốn nghiệp của miệng; tham dục, sân hận và tà kiến là ba nghiệp của ý. Tất cả là mười giới. Người giữ trọn mười giới thì gọi là thập thiện, nếu phạm

thì gọi là thập ác. Người giữ trọn mười giới thì được sinh lên Trời; giữ bốn giới trước và giới tửu thì không bị mất thân người. Người tu Tịnh độ thì không hạn chế như vậy. Nếu hành giả giữ cả mười giới, cộng thêm công đức tu tập Tịnh độ được nói ở trên thì chắc chắn sinh lên Thượng phẩm thượng sinh. Nếu hành giả chỉ giữ năm giới, nhưng tu Tịnh độ thì cũng được sinh về Trung phẩm thượng sinh hoặc Thượng phẩm hạ sinh. Nếu hành giả không giữ được năm giới thì cũng cố gắng giữ giới Bất sát. Sát sinh là giới đầu tiên trong năm giới, cũng là giới đầu tiên trong mười giới và cũng là giới đầu tiên trong hai trăm năm mươi giới của Tỳ-kheo. Như vậy, người không sát sinh là người thiện, người sát sinh là người ác. Bởi thế, tôi nói rằng kẻ nào không muốn sát sinh thì nên suy xét mình. Nghĩa là, mình không thể tự giết mình được, và mạng sống của mình cùng con vật bị giết không có gì khác nhau. Người không sát sinh thì được sống lâu, kẻ sát sinh thì đoản mạng. Mình muốn sống lâu trong lúc loài vật cũng không muốn chết yểu; bởi vậy, ta không có bất cứ lý do gì để giết mạng sống của loài vật chỉ vì muốn tăng trưởng mạng sống của mình. Vì lẽ đó, hành giả nên giữ giới sát sinh một cách cẩn mật!

Kẻ sát sinh để bồi bổ cho miệng và bụng thì sự ham muốn của miệng và bụng không bao giờ dừng. Sau khi người ta đã buông đũa, lúc vị ngon đã hết mà nghiệp sát vẫn còn nguyên. Nếu ngày thường ta không sát sinh nhưng vì phải đãi khách mà sát sinh thì còn tạm được. Huống gì tội sát sinh đó chỉ có một mình mình chịu. Kinh nói: "Đến thì một mình đến, đi lại một mình đi, luân hồi mình tự chịu, quả báo mình tự mang." Đọc đoạn kinh đó lẽ nào ta lại vẫn cứ sát sinh? Nếu ta sát sinh để cúng tế tổ tiên thì chắc gì tổ tiên không thọ dụng rau cỏ đạm bạc? Khổng Tử nói: "Dẫu cúng tế bằng rau trái đi nữa cũng phải trai giới". Như vậy, ai dám nói rằng tiên tổ không dùng rau dưa? Nếu chúng ta đốt hương, tụng kinh, nương vào Phật lực để truy tiến thì chắc chắn hương linh sẽ được siêu sinh. Vì vậy, sự siêu sinh của hương linh không nằm ở việc sát sinh. Nếu hành giả chỉ giữ một giới bất sát để tu Tịnh độ thì cũng không bị sinh về hạ phẩm!

PHÁP MÔN TU TRÌ 9

Hành giả trai giới, tắm gội sạch sẽ, thanh tâm tĩnh lự, hướng về Tây mà an tọa; nhắm mắt và im lặng để quán tưởng thân sắc vàng của Đức Phật A-di-đà đang ngồi trên đài sen trong ao thất bảo tại Tây phương, thân Phật cao một trượng sáu. Khoảng giữa hai lông mày một dải bạch hào, có năm luồng ánh sáng xoay về phía phải trong tám rãnh trống. Ánh sáng chiếu soi khuôn mặt và thân màu vàng. Tiếp theo, hành giả trụ tâm ở bạch hào, không có một niệm nào khác dầu rất vi tế. Hành giả làm thế nào để khi nhắm hoặc mở mắt đều nhìn thấy Bạch hào ấy thì không bao giờ quên được. Tu tập như vậy lâu ngày thì tâm hành giả được thuần thục và tự nhiên sẽ được thấy toàn thân của Phật. Phép tu này siêu việt nhất. Kinh nói: "Lúc tâm đang tưởng đến Phật thì tâm đó chính là Phật." Nó hơn hẳn cách khẩu niệm; thân sau của hành giả chắc chắn được sinh lên Thượng phẩm thượng sinh.

Đời Đường, có hai vị tăng tên là Khải Phương và Viên Quả chỉ tu tập pháp này trong năm tháng mà thấy thân mình đi đến Tịnh độ, được thấy Phật và được nghe pháp. Ý nói rằng kinh Thập Lục Quán thuyết minh rất tường tận về phép quán tưởng. Truyện này nằm ở cuốn thứ năm.

PHÁP MÔN TU TRÌ 10

Hành giả tưởng thân Phật cao đến Trời, hoa sen Ngài ngồi cũng cao như vậy. Hành giả quán tưởng Bạch hào giữa lông mày như được nói ở trước. Phương pháp này siêu việt nhất, vì lúc tâm tưởng đến Phật thì tâm ấy tức là Phật. Do hành giả tưởng thân Phật cực lớn nên thiện niệm của hành giả cũng vô cùng lớn. Nếu hành giả chưa đạt được như vậy thì nên quán tưởng hình tượng nhỏ, nhưng phải chuyên tinh, không được tán loạn. Quán kinh nói: "Quán tưởng thân tướng, quang minh của Phật A-di-đà như trăm, ngàn, vạn, ức sắc vàng Diêm-phù-đàn. Thân Phật cao sáu mươi vạn ức na-do-tha hằng hà sa do-tuần. Bạch hào giữa hai lông mày như năm ngọn núi Tu-di. Mắt Phật như nước bốn biển, màu trắng, xanh rõ ràng. Phật dùng Vô duyên từ để nhiếp thủ chúng sinh!"

Vàng Diêm-phù-đàn là loại vàng quý và đẹp. Na-do-tha tức là

vạn ức. Do-tuần là mười sáu dặm. Căn cứ vào kinh ta biết rằng thân Phật là vô cùng tận. Độ lớn của một hằng sa do-tuần mà đã không thể nói, huống gì độ lớn của cả sáu mươi vạn ức hằng sa do-tuần.

PHÁP MÔN TU TRÌ 11

Hành giả quán tưởng Bồ-tát Quán Thế Âm; thân Ngài cao tám mươi vạn ức na-do-tha do-tuần, màu tử kim; lòng bàn tay có năm trăm ức hoa sen nhiều màu, có tám vạn bốn ngàn ánh sáng, ánh sáng của hoa sen mềm mại. Ngài dùng bàn tay báu ấy để tiếp dẫn chúng sinh. Tiếp theo, hành giả quán tưởng Bồ-tát Đại Thế Chí; thân Ngài cao tám mươi vạn ức na-do-tha do-tuần, màu tử kim. Những chúng sinh có duyên đều được thấy. Tiếp theo, hành giả tưởng tự thân sinh trong thế giới Cực lạc, ngồi kết già trong hoa sen. Hành giả tưởng hoa sen mở và đóng, thấy Phật và Bồ-tát đầy khắp hư không.

PHÁP MÔN TU TRÌ 12

Hành giả phát tâm cứu độ chúng sinh, tâm chí thành, tâm kiên cố, tâm sâu dày cộng thêm lễ bái, niệm Phật. Như thế, hiện đời hành giả được gia hộ, thân sau được sinh lên Thượng phẩm thượng sinh. Tâm cứu độ chúng sinh là nguyện sinh về Tịnh độ, sau khi được thấy Phật, được nghe pháp rồi, sẽ cứu độ chúng sinh trong biển khổ chứ không phải độ riêng thân mình. Tâm chí thành là chí thành quy hướng, không có sự cẩu thả. Tâm kiên cố là tu tập kiên cố không thối lui. Tâm sâu dày là dụng tâm đến chỗ cực sâu, hướng thẳng đến Tịnh độ như tìm ngọc dưới đáy biển. Ba đời chư Phật cùng chúng sinh trong pháp giới đều từ tâm tạo ra, tâm ta đã như vậy sao không được Thượng phẩm thượng sinh.

PHÁP MÔN TU TRÌ 13

Hành giả thực hành việc trai tăng cúng Phật, đốt hương, dâng hoa, treo phan, xây tháp, niệm Phật và lễ sám. Nói tóm là làm tất cả những việc sùng phụng Tam bảo. Đem những công đức ấy mà hồi hướng nguyện vãng sinh Tây phương cũng được. Hoặc hành giả làm đủ loại công việc lợi ích và phương tiện thiện xảo thuộc thế gian. Nghĩa là, làm con thì hiếu dưỡng với cha mẹ, làm anh thì yêu thương em út, làm em thì vâng thuận anh, tất cả việc trong nhà đều tươm tất. Đối với tông tộc thì hòa đồng, lấy lễ mà giao tiếp; với bà con làng nước, với thông gia quyến thuộc thì lấy ân đức mà ban phát. Thờ vua thì hết dạ trung thành; làm bậc trưởng thượng thì đem điều thiện mà an dân; làm kẻ dưới thì đem lòng cần mẫn mà phụng sự người trên. Hoặc dạy dỗ người ngu tối, hoặc nâng đỡ người yếu đuối cô độc, hoặc cứu giúp người bị nạn, hoặc bố thí cho người bần cùng, hoặc sửa cầu đào giếng, hoặc phát thuốc cho cơm, hoặc bớt phụng sự bản thân để làm lợi ích cho người khác, hoặc lúc cầm tài sản để làm lợi ích cho mọi người thì nên tự xét mình, hoặc đem điều thiện để dạy người, hoặc xua điều ác ngợi khen điều thiện. Hành giả làm tất cả điều thiện thuộc thế gian tùy sức mình rồi đem những công đức đó để hồi hướng nguyện sinh Tây phương cũng được. Hoặc hành giả làm tất cả việc lợi ích thuộc thế gian không phân biệt lớn nhỏ. Ví dụ như dầu chỉ đem một đồng tiền mà cho người, hoặc cho người một ly nước, thậm chí một việc thiện rất nhỏ hành giả cũng nên khởi niệm rằng: “Tôi dùng những duyên lành này để hồi hướng nguyện sinh Tây phương.” Hành giả luôn trì tâm niệm ấy, niệm nào cũng nguyện sinh Cực lạc thì chắc chắn được sinh về Thượng phẩm.

PHÁP MÔN TU TRÌ 14

Đức Phật nói: “Muốn sinh Tịnh độ thì nên tu tập ba loại phước:

1. Hiếu dưỡng với cha mẹ, phụng sự sư trưởng, có lòng nhân từ không giết hại, tu mười nghiệp lành.

2. Thọ trì Tam quy, có đủ các giới và không phạm uy nghi.

3. Phát tâm Bồ-đề, tin tưởng nhân quả, đọc tụng kinh điển Đại thừa và khuyên dạy người khác tu tập.”

Đó là nhân tịnh nghiệp chân chính của chư Phật trong cả ba đời. Tam quy là quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tăng.

PHÁP MÔN TU TRÌ 15

Tôi đọc tất cả kinh tạng nhưng không thấy nói đến việc "gửi vào kho âm phủ", nên mong mọi người hãy đem những vật phẩm gửi vào kho mà thỉnh tăng làm lễ cúng dường Tây phương. Nếu quý vị một lòng nghĩ nhớ đến Tây phương thì sẽ được vãng sinh. Còn nếu quý vị không làm như trên mà lại đem của gửi vào kho âm phủ thì hoàn toàn sai lạc. Bởi vì, một khi tâm chí của ta đã quanh quẩn tại âm phủ thì mất tất phải vào âm phủ. Như nếu có người không tu sửa mình theo đức hạnh của bậc quân tử để kết giao với hiền nhân mà lại đem tiền gửi vào viện tư lý, nơi người coi ngục đợi lúc mình vào tù thì lấy số tiền ấy mà chuộc tội! Đó là một việc làm quá sức lầm lạc!

Thuyết ăn thịt.

Kinh Lăng-già nói: Có vô số lý do để không nên ăn thịt. Thịt chúng sinh vốn chẳng phải là vật để ăn, do tai nghe mắt thấy đã quen nên không biết đó là sai. Nếu có thể dứt bỏ thì nên bỏ ngay. Nếu không thể bỏ thì chỉ ăn ba thứ tịnh nhục để giảm thiểu việc ăn thịt. Đó là không thấy giết, không nghe giết, không nghi vì mình mà giết. Nếu thức ăn nhiều mon thì nên bỏ bớt món thịt. Nếu hai bữa ăn đều là thịt thì nên ăn chay một bữa. Được vậy thì lộc của một người là vô số có thể giải oan, diệt tội. Như lời vua Diêm-la nói với Trịnh Lân thì nếu chí thành niệm Đức Phật A-di-đà ắt sẽ được vãng sinh.

Thuyết về tướng ngồi của Quán Âm.

Theo Tạng kinh, tay chân và sáu căn của chư Phật, Bồ-tát thường đoan chánh nên gọi là tám thứ đoan chánh. Bồ-tát Quán Âm vốn ngồi kiết già, Thần thông của Ngài biến hóa tự tại nên gọi là Quán Tự Tại. Người đời nay vẽ, đắp tượng giơ chân, gác tay ngồi rồi gọi là Quán Âm Tự Tại đó là sai bậy vậy.

■

LONG THƯ TĂNG QUẢNG TỊNH ĐỘ VĂN

QUYỂN 5

Pháp sư Tuệ Viễn người thời Đông Tấn, là vị đầu tiên khởi xướng pháp môn Tịnh độ. Từ Thị Lang – Vương Mẫn Trọng là quan bản triều, đến Tiền Đường Lục cư sĩ ghi chép và tập hợp hơn hai trăm câu chuyện về vãng sinh rồi khắc thành bản để lưu truyền. Nay tôi không ghi lại tất cả mà chỉ chọn lấy "Người tu có giữ trai giới", "Người tu thuộc bậc trung", "Người tu thuộc kẻ có tội ác", cho đến "Người tu trong lúc bị bệnh khổ"; cộng tất cả là ba mươi truyện. Những truyện này không ngoài mục đích khởi phát tín tâm cho hành giả.

1. Pháp sư Tuệ Viễn, thời Đông Tấn.

Tăng Tuệ Viễn người xứ Nhạn Môn. Ngài trụ ở Lô sơn, cùng Lưu Di Dân và tăng tục gồm một trăm hai mươi ba người kết thành Liên xã để tu tập Tịnh độ; và bảo rằng, mong ngày sau được thác sinh trong hoa sen. Ngài chuyên trừng tâm quán tưởng. Mười một năm đầu Ngài được thấy Thánh tượng ba lần nhưng vẫn im lặng. Sau mười chín năm, một buổi chiều tháng bảy, Ngài thấy thân của Đức Phật A-di-đà đầy cả hư không; trong ánh sáng hình tròn có các vị hóa Phật, hai Bồ-tát là Quán Âm và Thế Chí đứng hầu hai bên. Ngài lại thấy ánh sáng như dòng nước phân làm mười bốn nhánh; mỗi nhánh chảy theo hai hướng là trên và dưới; chúng tự thuyết giảng pháp vi diệu là Khổ, Không, Vô thường và Vô ngã. Những cảnh tượng đó giống như cảnh tượng mà kinh Thập Lục Quán đã mô tả. Đức Phật A-di-đà nói với sư Huệ Viễn rằng: "Ta đem sức mạnh của bản nguyện đến để an ủi ông. Bảy ngày sau, ông sẽ sinh vào cõi nước của ta." Ngài thấy tăng Phật-đà Da-xá, Tuệ Trì và Đàm Thuận đứng bên cạnh Đức Phật. Những vị ấy vái chào Ngài và nói: "Sao sư đến chậm vậy? Trong lúc sư lại lập nguyện ước trước chúng tôi cơ mà!" Ngài Tuệ Viễn trò chuyện với họ và nói rằng: "Đầu tiên tôi ở Lô sơn và trong mười một năm được thấy Thánh tượng đến ba lần. Hôm nay lại được thấy, chắc chắn tôi được vãng sinh rồi." Hôm sau Ngài nằm dưỡng bệnh đến bảy ngày thì viên tịch.

Thuở nhỏ, Ngài đọc tất cả kinh sử và rất tinh thông về Lão, Trang. Nhân lúc đến núi Thái hành, được nghe pháp sư Đạo An giảng kinh Bát-nhã nên Ngài đắc độ và liền nói: "Những nghị luận của Cửu Lưu Chỉ là bã và trấu." Vì vậy, Ngài liền xuống tóc và thờ pháp sư Đạo An làm thầy. Sau đó, Ngài đến Lô sơn và không ra khỏi núi ấy suốt ba mươi năm. Ngài thị tịch năm tám mươi hai tuổi.

2. Lưu Di Dân, thời Đông Tấn.

Trình Chi tên tự là Trọng Ân, hiệu là Di Dân, ông theo Pháp sư Tuệ Viễn để tu tập Tịnh độ. Cư sĩ chuyên tọa thiền, quán tưởng và đã được thấy ánh sáng của Đức Phật chiếu rực rỡ, mặt đất đều hiện màu vàng chói, lúc ông đang nhập định. Ông cư ngụ tại núi Lô sơn mười lăm năm, năm cuối cùng lúc đang vào định, ông nhìn thấy Đức Phật A-di-đà; thân Ngài có màu tử kim, hào quang chiếu khắp nơi và Ngài duỗi tay đến thất của ông. Xúc động vì cơ duyên hiếm có đó, nên ông rơi nước mắt và tự bày tỏ rằng: "Con biết phải làm cách nào để Như Lai xoa đỉnh đầu, cầm cà sa đến đắp lên thân mình?" Đức Phật liền xoa đầu, cầm cà-sa mà đắp lên người ông. Ngày khác, trong lúc đang tưởng niệm đến Đức Phật, ông lại thấy mình đi vào hồ thất bảo; trong hồ có hoa sen xanh và trắng xen lẫn nhau, nước trong vắt. Bên trong hồ có một người mà trên đỉnh đầu có ánh sáng hình tròn, giữa ngực có chữ vạn; người ấy chỉ vào nước trong hồ mà nói: "Đó là nước có tám công đức. Ngươi nên uống nước ấy!". Ông liền uống nước và nghe ngọt lịm cả miệng, đến lúc quay về mà mùi hương lạ vẫn còn phát ra từ những lỗ chân lông trên thân thể. Ông liền nói với đại chúng: "Đây là duyên vãng sinh của tôi đã đến". Chư tăng ở Lô sơn đều quy tụ để trợ niệm cho ông. Ông đứng trước tượng Phật, đốt hương, lay hai lạy mà khấn rằng: "Nhờ Di giáo của Bổn sư mà hôm nay con biết được từ phụ A-di-đà. Nén hương này, trước tiên con xin cúng dường lên Đức Phật Thích-ca, cúng dường đức A-di-đà; sau cùng xin cúng dường chúng Bồ-tát trong Pháp hội, đến chư vị Phật và Bồ-tát ở khắp mười phương; nguyện chư vị cứu độ cho tất cả hữu tình đều được sinh về Tịnh độ". Khấn nguyện xong, ông liền nói lời từ biệt với đại chúng rồi ngồi ngay ngắn, mặt quay về hướng Tây mà đi. Ông mất năm năm mươi chín tuổi.

3. Khuyết Công Tắc, thời Đông Tấn.

Công Tắc là thành viên trong Liên xã của Ngài Tuệ Viễn. Sau khi mất, người bạn làm giỗ cho ông tại chùa Bạch mã ở Đông kinh. Lúc đó, toàn bộ rừng cây, điện vũ v.v... đều biến thành màu vàng, trong không trung có tiếng nói rằng: "Tôi là Khuyết Công Tắc. Ước nguyện được

sinh về Cực lạc của tôi đã hoàn mãn, nên tôi đến để báo cho đại chúng hay.” Nói xong, ông liền biến mất.

4. Hàn lâm học sĩ Trương Khán, thời Thạch Tấn.

Bình sinh, học sĩ luôn làm điều thiện, tin và học Phật, nguyện trì tụng Đại bi tâm Đà-la-ni mười vạn biến và cầu sinh Tây phương. Lúc nguyện trì tụng Đại bi hoàn thành là khi ông tròn sáu mươi tuổi; ông nằm dưỡng bệnh và chuyên tâm niệm Phật A-di-đà. Ông nói với người nhà rằng: “Tây phương Tịnh độ nguyên ở tại phòng phía Tây trong nhà, Đức Phật A-di-đà ngồi trên đài sen. Ông Nhi đang đứng trên đất cát vàng ở hồ mà lễ Phật và đùa giỡn.” Nói xong, ông niệm Phật hồi lâu rồi ra đi. Ông Nhi là cháu của học sĩ, mất lúc hai, ba tuổi.

5. Tăng Đàm Giám ở Giang lăng, thời Nam Tống.

Tăng Đàm Giám là người rất cẩn trọng đối với việc thực hành những trách nhiệm của mình, Sư thường ước nguyện được sinh về Cực lạc, được diện kiến Đức Phật A-di-đà. Vì vậy, dẫu làm được một việc thiện nhỏ sư cũng dùng hồi hướng cho Tịnh độ. Một hôm, trong lúc nhập định, sư thấy Đức Phật A-di-đà; Ngài lấy nước rưới vào mặt nhà sư mà nói: “Ta chùi sạch trần cấu cho ông! Ta rửa sạch tâm của ông! Thân và miệng của ông rất nghiêm tịnh!”. Ngài lại lấy một cành sen trong bình ban cho sư. Sau khi xuất định, sư liền từ biệt chư tăng trong chùa. Đêm dần khuya, sư đi một mình dưới mái hiên mà niệm Phật. Gần đến canh năm thì tiếng niệm của sư càng to thêm. Đến sáng, đệ tử vào vấn an như thường lệ thì thấy sư ngồi bất động trong tư thế kiết già, lúc nhìn kỹ mới hay sư đã viên tịch.

6. Tăng Tuệ Tiến thời Nam Tề ở Dương đô.

Năm ngoài bốn mươi tuổi, sư Tuệ Tiến phát nguyện tụng kinh Pháp Hoa; lúc bắt tay tụng thì bị bệnh, nên sư nguyện khắc in một trăm bản Pháp Hoa để sám hối nghiệp chướng. Lúc quyên tiền và khắc in xong thì bệnh cũng giảm dần. Sư nguyện đem công đức đó để hồi hướng cầu sinh Tịnh độ. Một hôm, bỗng nhiên giữa bầu Trời có tiếng nói rằng: “Công việc của ông đã xong. Ước nguyện của ông đã mãn. Kẻ được vãng sinh nếu không là ông thì là ai?” Sư nghe vậy liền nói: “Tiến con không dám lên Thượng phẩm, chỉ cần sinh về bậc thấp nhất của Hạ phẩm là cũng được bất thoái chuyển”.

Năm thứ ba, niên hiệu Vĩnh Minh, Sư hưởng thọ tám mươi tuổi và không bệnh mà viên tịch.

7. Tăng Bích Cốc Đàm Loan, đời Hậu Ngụy.

Đầu tiên, sư Đàm Loan ẩn cư tại Đào và có được mười cuốn kinh

của đạo Tiên; sư sung sướng tự đắc vì cho rằng đã đắc đạo Thần tiên. Sau đó, gặp vị tăng tên Bồ-đề Lưu-chi. Sư hỏi: “Đạo Phật có phép để sống lâu không chết chăng?”. Bồ-đề Lưu-chi nói: “Sống lâu không chết là con đường của Phật giáo.” Nói xong, Ngài liền trao cho sư cuốn kinh Thập Lục Quán và nói: “Nếu ngươi trì tụng kinh này thì không bị sinh hại trong ba cõi, không đến lại trong sáu đường, không màng chuyện đầy vơi, và không bận việc thành bại. Đó là sự sống lâu. Có kiếp thạch, có hà sa; số của thạch và sa cũng có hạn lượng nhưng thọ mạng thì vô lượng. Đó là phép sống lâu của Phật giáo!”. Sư thâm tín lời của Ngài Lưu-chi nên liền đốt kinh của đạo Tiên để chuyên tu tập Quán kinh. Dẫu lạnh nóng, tật bệnh gì sư vẫn luôn tinh tiến. Vua Ngụy thương chí nguyện cao vời của sư, lại hoan hỷ với sự tu trì, công cuộc giáo hóa người khác cùng việc lưu truyền, phổ biến giáo pháp Tịnh độ của sư nên phong cho sư hiệu là Thần Loan. Một hôm, sư nói với các đệ tử rằng: “Các con nên sợ hãi những nỗi khổ ở địa ngục, và siêng năng tu tập chín phẩm Tịnh độ.” Nhân đó, sư dạy học trò niệm lớn tiếng A-di-đà Phật, còn mình thì quay mặt về hướng Tây, nhắm mắt lạy Phật mà viên tịch. Lúc đó, tất cả tăng tục đều nghe tiếng sáo, tiếng tơ v.v... từ phương Tây vẳng đến. Một hồi lâu những âm thanh ấy mới dứt.

8. Tăng Đạo Dụ, chùa Khai giác, đời Tùy.

Sư Đạo Dụ chuyên niệm danh hiệu A-di-đà Phật và làm một bức tượng bằng gỗ chiên-đàn cao ba thốn. Sau đó, bỗng nhiên sư chết và bảy ngày sau thì sống lại và nói: “Tôi được thấy Đức Phật A-di-đà. Ngài hỏi: “Tại sao ông tạc tượng ta nhỏ vậy?” Tôi đáp: “Bạch Từ phụ, tâm lớn thì tượng lớn. Tâm nhỏ ắt tượng nhỏ!” Tôi vừa nói xong thì bức tượng ấy lập tức lớn bằng hư không. Ngài lại nói: “Ông hãy trở về bổn quốc lo tắm gội sạch sẽ. Lúc sao Mai mọc ta sẽ đến đón!” Đúng giờ quả liền có hóa Phật đến đón. Ánh sáng chiếu khắp phòng, mọi người đều thấy và nghe. Sư liền viên tịch ngay khi ấy. Đó là năm thứ tám niên hiệu Khai Hoàng.

9. Tăng Thiện Đạo ở Kinh sư, đời Đường.

Niên hiệu Trinh Quán, sư Thiện Đạo thấy Tịnh độ cửu phẩm đạo tràng của Thiền sư Đạo Xước ở Tây Hà, nhân đó sư càng tinh tiến tu tập, cần khổ trì niệm hơn nữa, như cứu dầu đang cháy. Mỗi lúc vào chánh điện, sư thường chấp tay, quỳ và một lòng niệm Phật đến lúc kiệt sức mới nghỉ. Dẫu gặp những ngày Trời lạnh đóng băng, sư vẫn hành trì đến toát cả mồ hôi để biểu thị tấm lòng chí thành của mình. Lúc không tu trì thì sư lại giảng pháp môn Tịnh độ cho đại chúng, không bao giờ sư

tạm dứt những việc làm lợi ích cho quần sinh. Sau ba mươi năm, không lúc nào sư tạm ngủ nghỉ; lúc thì tập phép Ban-chu, lúc lại lễ Phật và tụng kinh Phương Đẳng. Sư luôn làm tròn trách nhiệm của mình; hộ trì tịnh giới, không phạm một lỗi dù cực nhỏ, chưa bao giờ nhìn nữ nhân, tuyệt ý đối với danh lợi và tránh xa nơi vui đùa. Ở chỗ tu hành thì sư luôn gìn giữ thân thể sạch sẽ để cúng dường Phật. Những thức ăn, món uống hoặc áo quần có dư sư đem phân phát hết. Có thức ăn ngon thì sư giao nhà bếp để cúng dường cho đại chúng còn mình thì ăn những món ăn dở dang. Sư không bao giờ uống sữa, lạc và đề hồ. Có tiền của do tín đồ bố thí thì sư dùng để sao chép kinh A-di-đà đến cả mười vạn cuốn, vẽ hơn ba trăm bức Tịnh độ biến tướng. Thấy chùa tháp hư hoại, sư đều sửa sang. Sư thường đốt đèn sáng rực cả năm Trời. Không bao giờ sư giao tam y và bình bát cho người khác giặt rửa và không đi cùng chúng vì sợ nói chuyện thế sự sẽ làm trở ngại việc tu tập. Sư đã giáo hóa vô số người tu tập Tịnh độ. Có người hỏi sư rằng: “Điều thiện của việc niệm Phật có thể giúp người vãng sinh không?” Đáp: “Được! Ông sẽ được toại nguyện.” Nói xong, sư liền niệm một tiếng A-di-đà Phật, lập tức có một luồng ánh sáng phóng ra từ miệng; sư niệm từ mười đến một trăm tiếng, thì ánh sáng cũng tuôn ra như số tiếng niệm. Sư có viết bài kệ để khuyến tu rằng: “Dần dà da nhăn tóc trắng, bước đi ngày một lòm khòm, giả như đầy phòng vàng bạc, khó thoát già bệnh suy tàn. Dẫu bày ngàn trò khoái lạc, vô thường rồi cũng ập về, chỉ có đường tắt tu hành, là trì A-di-đà Phật”. Sau này, sư nói với đại chúng rằng: “Thân này quả là vật đáng chán! Tôi sắp về Tây đây.” Sư leo lên cây liễu trước cửa chùa để tự sát. Cao Tông hoàng đế nghe thấy sư niệm Phật mà miệng tuôn ánh sáng, lúc xả thân lại tinh thành và kỳ dị nên liền ban tên chùa là Quang Minh. Người cùng thời là Từ Vân Thức sám chủ viết sơ lược về sư như thế này: “Đức Phật A-di-đà hóa thân đến Trường an, nghe tiếng sản thủy liền nói: Có thể giảng dạy pháp môn niệm Phật.” Sau này khắp Trường an đều niệm Phật, có đại sư Pháp Chiếu tức là hậu thân của Thiện Đạo.”

10. Tăng Hoài Ngọc, người Đài châu, đời Đường.

Tăng Hoài Ngọc tu Tịnh độ gần bốn mươi năm. Vào khoảng Thiên Bảo nguyên niên, lúc đang niệm Phật, sư bỗng thấy vô số Thánh chúng Tây phương. Trong số ấy có một vị tay cầm đài bằng bạc đến báo với sư. Sư nói: “Ước nguyện của tôi là đài bằng vàng, sao bây giờ lại là đài bằng bạc?” Sư vừa nói xong thì cả đài và người đều biến mất. Hôm sau, người bưng đài ấy lại xuất hiện và nói: “Nhờ tinh cần tu niệm nên Pháp

sư được lên Thượng phẩm.” Người ấy nói thêm: “Người sinh Thượng phẩm thì trước tiên là được thấy Phật. Ông nên ngồi kiết già để đợi Đức Phật”. Người ấy chưa kịp trở gót thì ánh sáng lạ đã chiếu trong phòng. Ba ngày sau, ánh sáng ấy lại xuất hiện. Sư Hoài Ngọc nói với đại chúng: “Nếu các ông ngửi thấy mùi hương lạ tức là báo thân của tôi chấm dứt”. Hôm sau, sư viết bài kệ rằng: “Thanh tịnh sạch sáng không bụi bẩn, hoa sen hóa sinh là cha mẹ, tôi đã tu tập trải mười kiếp, thoát cõi Diêm-phù chán sự khổ. Một đời tinh khổ vượt mười kiếp, lìa hẳn Ta-bà sinh Tịnh độ”. Sư vừa viết xong thì mùi hương lạ đến từ bốn phía. Có đệ tử thấy Đức Phật và hai vị Bồ-tát cùng ngồi trên đài vàng; bên cạnh đó có đến trăm ngàn vị hóa Phật, tất cả đều từ phương Tây đến để đón sư. Sư cung kính, chấp hai tay rồi mỉm cười rồi đi luôn.

11. Tăng Khải Phương và Viên Quả ở Phần châu, đời Đường.

Hai Pháp sư Khải Phương và Viên Quả chuyên tâm quán tưởng Tịnh độ. Sau năm tháng, trong lúc đang quán tưởng cả hai sư đều thấy mình đang đi vào ao thất bảo; trong ao có đại bảo tràng và đích thân hai vị vào trong đó. Hai sư thấy Bồ-tát Quán Âm và Thế Chí ngồi trên hai hoa sen báu lớn, bên dưới có ngàn vạn đóa sen. Phật A-di-đà từ phương Tây lại; Ngài ngồi trên đóa sen lớn, phóng ánh sáng chiếu soi lẫn nhau. Hai sư lễ Phật và bạch: “Bạch từ phụ! Nếu chúng sinh ở Diêm-phù y cứ vào kinh để niệm Phật thì được vãng sinh không?” Đức Phật đáp: “Nếu chúng sinh nào niệm danh hiệu của ta thì sẽ được sinh vào cõi nước của ta. Không có trường hợp niệm mà không sinh!” Hai sư lại thấy mặt đất của Cực lạc bằng phẳng như lòng bàn tay; bảo tràng, lưới ngọc xen lẫn nhau cả trên và dưới. Hai sư lại thấy một vị tăng cỡi bảo xa đến nói rằng: “Ta là Pháp Tạng! Do nguyện lực thuở xưa nên nay ta đến đón các ngươi”. Hai sư nương xe mà đi và lại thấy thân mình ngồi trên tòa sen báu. Lại nghe Đức Phật Thích-ca và Bồ-tát Văn-thù khen ngợi Tịnh độ. Phía trước lại có ngôi điện lớn. Điện có ba đường bậc cấp; đường thứ nhất toàn cư sĩ, đường thứ hai gồm cả tăng và tục, đường thứ ba thuần Tăng sĩ. Đức Phật chỉ vào ba nhóm ấy mà nói với hai sư: “Họ đều là những người niệm Phật ở Diêm-phù-đề. Hai ông hãy nên cố gắng!” Sau khi tỉnh giấc, hai sư liền kể cho đệ tử nghe. Sau năm tháng, hai sư không bệnh mà tự nghe tiếng chuông trong lúc những người khác không nghe! Hai sư nói: “Tiếng chuông là việc của chúng ta!” Giây lát sau, cả hai sư cùng viên tịch.

12. Tăng Tự Giác, người Chân châu, đời Đường.

Sư Tự Giác phát nguyện rằng: “Nguyện nhờ Bồ-tát Quán Âm tiếp

dẫn con được tiếp kiến Đức Phật A-di-đà”. Vì vậy, sư quyên tiền bạc đúc thành một pho tượng Bồ-tát cao bốn mươi chín xích, đồng thời dựng chùa để tu tập. Lúc hoàn tất, sư chú nguyện vào tượng thì đúng canh ba, có hai luồng ánh sáng màu vàng xuất hiện. Đức Phật A-di-đà cỡi mây từ trong ánh sáng ấy đi xuống, có hai Bồ-tát là Quán Âm và Thế Chí theo hai bên. Đức Phật duỗi cánh tay vàng đè lên đỉnh đầu của sư mà nói: “Ngươi nên giữ lấy lời nguyện và nhớ lấy việc làm lợi cho người làm chính. Nếu được thế thì ai cũng sẽ sinh trong bảo trì cả!”. Sau mười một năm, vào buổi chiều ngày 15 tháng 7, sư thấy một người chỉ hiện nửa thân trong mây; tướng mạo như Tỳ-sa-môn Thiên Vương. Người ấy nói với sư rằng: “Thời hạn về An dưỡng đã đến!”. Sư liền ngồi kiết già trước tượng Đại bi Quán Âm mà viên tịch.

13. Tăng Thiếu Khang, người Mục châu, đời Đường.

Đầu niên hiệu Trinh Nguyên, Sư Thiếu Khang đến chùa Bạch Mã ở Lạc Hạ thấy văn tự trong điện phóng ánh sáng mãi, sư liền tìm kiếm thì thấy đó là “Tây phương Hóa Đạo Văn” của Ngài Thiện Đạo. Sư nói: “Nếu con có duyên với Tịnh độ thì xin Đức Phật làm cho bản văn này phóng ánh sáng lại.” Sư chưa dứt lời ánh sáng liền chiếu rực lên. Sư liền đến phòng thờ tôn ảnh Ngài Thiện Đạo ở Trường An để lễ lạy, hiến cúng. Ngài Thiện Đạo đứng giữa Trời nói: “Ông nên làm những việc như ta để lợi lạc cho hữu tình. Được thế thì những công đức ấy sẽ cùng sinh về Tịnh độ với ông.” Sư lại gặp một vị tăng, vị ấy nói rằng: “Muốn giáo hóa mọi người thì ngươi nên đến Tân Định!”. Nói xong, vị tăng biến mất. Tân Định nay gọi là Nghiêm Châu. Lúc sư mới đến thì chưa ai biết. Sư quyên tiền để dẫn dụ những đứa bé và giao hẹn với chúng rằng: “Phật A-di-đà là bổn sư của các cháu. Nếu các cháu niệm một tiếng thì ta sẽ cho các cháu một tiền.” Những đứa bé ấy thích có tiền nên niệm ngay. Hơn một tháng sau, những bé niệm Phật để có tiền đông lên. Sư liền nói: “Nếu niệm mười tiếng thì ta sẽ cho các cháu mười đồng.” Bọn trẻ vâng lời. Sư làm như thế chừng một năm thì tất cả lớn, nhỏ, sang, hèn luôn niệm A-di-đà Phật mỗi lúc gặp sư. Do vậy mà trên đường đi có rất nhiều người niệm Phật. Sau này, lúc ở núi Ô long, sư dựng đạo tràng Tịnh độ và làm ba bậc cấp ở đàn tràng rồi hội họp mọi người lại để niệm Phật vào buổi trưa và tối. Sư lên tòa bảo mọi người quay về hướng Tây rồi xướng lớn A-di-đà Phật trước để mọi người noi theo, ai cũng đều thấy một vị Phật xuất hiện từ miệng, xướng mười tiếng thì có mười vị Phật như xâu chuỗi ngọc phóng ra. Sư hỏi: “Các ngươi thấy Phật không? Nếu có thấy thì chắc chắn sinh về Tịnh độ.” Nhưng trong

số một ngàn người lễ Phật vẫn có kẻ không bao giờ thấy. Sau này, sư căn dặn mọi người rằng: "Quý vị nên tinh tiến tu tập Tịnh độ và sinh tâm chán bỏ cõi Diêm-phù-đề này!" Sư lại nói: "Những người được thấy Phật trước đây là những đệ tử chân chính của ta." Nói xong, sư liền phóng mấy luồng ánh sáng lạ rồi viên tịch.

14. Tăng Duy Ngạn, người Tinh châu, đời Đường.

Sư Duy Ngạn chuyên tâm tu Thập lục quán nên được thấy hai vị Bồ-tát là Quán Âm và Thế Chí xuất hiện giữa bầu Trời rất lâu. Sư đảnh lễ, rơi nước mắt mà than rằng: "Con may mắn được thấy Thánh tướng! Chỉ tiếc rằng không biết làm thế nào để truyền cho đời sau!" Bỗng có hai người tự xưng là họa công; chỉ trong giây lát mà họ đã vẽ xong chân dung của hai vị Bồ-tát. Thế nhưng mọi người vẫn không được thấy. Đệ tử kinh ngạc hỏi lý do. Sư nói: "Đây không phải lỗi của họa công." Sư lại nói: "Thời hạn đi Tây phương của ta đã đến. Ai trong số các con muốn theo ta thì nói rõ." Có một chú điệu nói: "Con xin theo thầy." Sư nói: "Được, vậy con nên về báo cho cha mẹ hay." Cha mẹ điệu cười và mắng chú. Điệu quay về chùa tắm gội sạch sẽ và ngồi trước tượng A-di-đà mà vãng sinh. Mọi người báo với sư. Sư đến vỗ vào lưng điệu ấy mà nói: "Con thờ ta sao lại đi trước vậy?" Sư bảo lấy viết, đốt hương, hướng về chỗ trước đây vẽ tượng Bồ-tát mà viết kệ rằng: "Quán Âm và Thế Chí, phụ trợ để tiếp dẫn từ xa. Bình quý hiện trên mũ, hóa Phật sáng trước đầu, cùng đi mười phương cõi, cầm hoa đợi chúng sinh. Nguyện duỗi tay từ bi, dìu con về Cực lạc." Viết xong, sư dạy đệ tử trợ niệm cho mình rồi nhìn về hướng Tây mà viên tịch.

15. Ni sư Tịnh Chân, người Trường an, đời Đường.

Ni sư Tịnh Chân trụ ở chùa Tích thiện tại Trường an. Sư chuyên mặc nạp, y và đi khất thực, suốt đời chưa một lần sân hận. Sư tụng kinh Kim Cang đến mười vạn lượt và chuyên tâm niệm Phật. Năm thứ năm niên hiệu Hiển Khánh nhiễm bệnh, sư nói với đệ tử rằng: "Trong tháng năm ta đã thấy Phật A-di-đà đến mười lần, thấy cõi Cực lạc đến hai lần; có những đồng tử nô giỡn trên bảo liên hoa. Ta đạt được Thượng phẩm." Nói xong, sư ngồi kiết già mà viên tịch. Ánh sáng chiếu rực khắp chùa.

16. Phòng Chữ, đời Đường.

Phòng Chữ chết vì bệnh dữ. Lúc vào âm phủ, ông thấy vua Diêm-la, vua nói: "Căn cứ vào sổ sách, ta biết ông từng khuyến hóa một người già niệm Phật, nay người đó đã vãng sinh Tịnh độ. Nhờ phước đức ấy mà ông cũng sẽ được vãng sinh cùng người đó. Vì vậy cho gọi ông đến

đây để gặp mặt.” Phòng Chữ nói: “Trước đây tôi có nguyện tụng kinh Kim Cang đến mười ngàn biến, và đến chiêm bái Ngũ Đài chứ chưa muốn vãng sinh”.Vua nói: “Tụnh kinh, lễ bái tất nhiên là tốt. Nhưng, không bằng sớm về Tịnh độ.” Vua biết không thay đổi tâm nguyện của ông nên đành để cho ông về.

Qua chuyện đó ta biết rằng dạy người tu không chỉ được khuyên vãng sinh, mà còn cảm đến tận u minh.

17. Lý Tri Dao, người Trường an, đời Đường.

Cư sĩ Tri Dao rất giỏi về giáo lý Tịnh độ. Ông là người mẫu mực cho đại chúng trong ngũ hội niệm Phật. Sau này bị bệnh nên ông nói: “Hòa thượng niệm Phật đến”. Nói xong, ông tắm gội, súc miệng, mặc áo, lấy hương đèn rồi ra khỏi phòng để đảnh lễ Hòa thượng. Ông nghe giữa Trời có một tiếng nói kệ rằng: “Ta báo cùng Tri Dao, công thành quả tự đến, dẫn ông về Tịnh độ, dắt ông lên cầu vàng.” Dao liền lên giường ngồi mà đi. Lúc ấy ai cũng ngửi thấy mùi hương lạ.

18. Bà họ Đào, người Thượng đảng, đời Đường.

Nhờ bà Phạm Hạnh khuyên dạy nên bà họ Đào niệm Phật A-di-đà. Lúc lâm chung, bà thấy Đức Phật và Bồ-tát đến đón. Bà liền nói với Đức Phật rằng: “Con chưa chia tay với bà Hạnh, xin Ngài đợi cho vài phút.” Đức Phật đứng giữa Trời đợi bà Hạnh đến. Sau khi từ biệt, bà liền đứng mà mất.

19. Vợ Ôn Tĩnh Văn, người Tinh châu, đời Đường.

Vợ của cư sĩ Ôn Tĩnh Văn bị bệnh đã lâu, Tĩnh Văn dạy bà niệm Phật A-di-đà. Bà niệm suốt hai năm liền và được thấy Tịnh độ. Bà nói với Tĩnh Văn rằng: “Tôi đã được thấy Phật! Tháng sau tôi sẽ ra đi.” Bà lại đem món ăn dâng lên cha mẹ chồng và nói: “Con nay đã được vãng sinh. Mong cha mẹ và chồng con chuyên tâm niệm Phật. Lúc đến Cực lạc chúng ta sẽ gặp nhau!” Nói xong, bà liền ra đi. Ba ngày trước khi mất, mọi người đều thấy hoa sen lớn như vầng mặt Trời.

20. Trương Chung Húc, đời Đường.

Chung Húc làm nghề mổ gà. Một hôm ông thấy một người mặc áo đỏ xua bầy gà đến kêu chúng mổ khắp người và mắt, làm hai mắt ứa máu. Có vị tăng đến thiết tượng Phật, thắp hương và niệm A-di-đà Phật. Đồng thời, vị tăng ấy dạy ông một lòng chuyên niệm danh hiệu Phật. Bỗng có mùi hương lạ tràn ngập cả căn phòng, ông ra đi rất an nhiên.

21. Trương Thiện Hòa, đời Đường.

Thiện Hòa làm nghề mổ trâu. Lúc sắp mất, ông thấy con trâu có nhiều đầu nói bằng tiếng người với ông rằng: “Ngươi giết ta!” Hòa sợ

quá nên bảo vợ rằng: "Bà mau mau thỉnh tăng đến cứu tôi!" Vị tăng đến và nói với ông rằng: "Kinh Thập Lục Quán dạy rằng: "Nếu lúc người sắp mất, mà tướng địa ngục hiện, một lòng niệm mười tiếng Nam-mô A-di-đà Phật, thì được sinh Tịnh độ." Hòa nói: "Bạch thầy! Con đang rơi vào địa ngục, không thể nào cầm lò hương được!" Ông dùng tay trái cầm mồi lửa, tay phải niêm hương, quay mặt về hướng Tây mà niệm Phật; chưa niệm hết mười tiếng ông đã nói: "Con thấy Đức Phật A-di-đà từ phương Tây đến. Ngài ban cho con bảo tòa". Nói xong, ông liền ra đi.

22. Tăng Chí Thông, người Phượng dương, đời Hậu Tấn.

Tăng Chí Thông thấy bản văn Tịnh độ nghi thức của Đại sư Trí Giả nên hoan hỷ vô cùng. Sư không khạc nhổ và không ngồi quay lưng về hướng Tây và chuyên tâm niệm Phật. Sau này, sư thấy bạch hạc, khổng tước bay từng hàng từ phía Tây xuống. Sư lại thấy ánh sáng, hoa sen nở và khép trước mặt nên nói rằng: "Bạch hạc, khổng tước là cảnh Cực lạc. Hoa sen, ánh sáng là nơi thác sinh. Tịnh độ hiện rồi!" Sư liền đứng dậy lễ Phật và mất trước mặt Ngài. Lúc thiêu xác, có mây lành năm màu bao phủ phía trên ngọn lửa.

23. Quốc Sơ, Vĩnh Minh Diên Thọ Thiền sư.

Thiền sư tên Diên Thọ, gốc người Đan Dương sau chuyển đến Dư Hàng. Thuở nhỏ, Sư thường tụng kinh Pháp Hoa. Đầu tiên, khi chưa xuất gia làm Huyện nha hiệu và hay lấy tiền cửa quan; lúc khám xét, người ta chỉ thấy sư dùng tiền ấy để mua vật phóng sinh. Tội đáng chết nên nha môn giải sư đến thành thị, Tào Tiền vương sai người thăm dò; nếu nhan sắc thay đổi thì chém, nếu vẫn bình thản thì trình với ông. Lúc đem chém, Thần sắc sư vẫn bình thường. Tiền vương liền tha mạng và sư bèn đi tu. Lúc nhập định, sư thấy Bồ-tát Quán Âm rót cam lộ vào miệng. Từ đó, sư chứng được Quán Âm biện tài; mỗi lần hạ bút là ngôn từ tuôn đầy trang giấy. Những sách do sư trước tác gồm "Vạn Thiện Đồng Quy Tập"; "Tông Cảnh Lục" v.v... gồm cả mấy trăm cuốn. Sư trụ trì ở chùa Tuyết Đậu, Vĩnh Minh, mỗi ngày làm một trăm lẻ tám việc thiện và tinh tiến niệm Phật. Sau này, sư ngồi mà viên tịch. Người ta thiêu xác sư rồi gom tro lại để xây tháp. Có vị tăng mỗi ngày đều nhiễu tháp lễ lạy. Mọi người hỏi lý do. Vị tăng đáp: "Tôi là tăng ở Vũ châu, nhân bị bệnh nên tôi vào nơi âm phủ, nhưng vì mạng chưa hết nên tôi lại được trả về. Tôi thấy ở góc điện có ảnh vị tăng và vua Diêm-la thường đến đảnh lễ, tôi hỏi vị tăng ấy là người ở xứ nào. Chủ sứ đáp: "Đó là Diên Thọ Thiền sư ở chùa Vĩnh minh tỉnh Hàng châu. Thông

thường, người chết đều đi qua đây. Chỉ có vị ấy là không. Ngài đã sinh lên Thượng phẩm Thượng sinh ở cõi Cực lạc. Vì vua kính trọng nên mới vẽ hình Ngài để cúng dường.” Tôi nghe vậy nên mới phát tâm đến đây để nhiễu tháp và đảnh lễ.

Qua câu chuyện này ta biết rằng những ai chuyên tâm niệm Phật thì sẽ được âm phủ tôn kính.

24. Tăng Khả Cửu, người Minh châu, đời Tống.

Sư Khả Cửu thường tụng kinh Pháp Hoa, nên có hiệu là Cửu Pháp Hoa. Bình sinh, sư chuyên tâm tu tập Tịnh độ. Năm thứ tám niên hiệu Nguyên Hựu, sư tròn tám mươi mốt tuổi và viên tịch vào năm đó trong tư thế kiết già. Ba ngày sau, sư sống lại và nói về cảnh vật ở Tịnh độ y như kinh Thập Lục Quán đã mô tả. Sư thấy đài sen ghi tên họ của những người cùng vãng sinh. Một đài tử kim ghi: “Viện Quảng Giáo phủ thành đô nước Đại Tống sau khi huân tập Pháp Hoa sẽ sinh vào đây.” Lại thấy một đài vàng ghi rằng: “Tôn Thập Nhị Lang ở Minh châu sinh trong đây.” Lại một đài vàng ghi: “Cửu Pháp Hoa đài”. Lại có đài bạc ghi: “Đài của Từ Đạo Cô, người Minh châu”. Nói xong, sư thị tịch. Năm năm sau, Từ Đạo Cô mất; mùi hương lạ tràn ngập cả căn phòng. Mười hai năm sau, Tôn thập nhị mất, nhạc Trời trổi khắp không gian.

25. Kim Đại Công, người Cối kê, đời Tống.

Đại Công tên Thích, làm nghề chài lưới. Một hôm, ông đổi nghề và trì tụng mỗi ngày mười ngàn danh hiệu A-di-đà Phật ăn chay, tu hành chưa từng tạm nghỉ. Sau đó, dầu không bệnh nhưng ông vẫn nói với người nhà rằng: “Ta thấy Đức Phật A-di-đà cùng Bồ-tát Quán Âm, Thế Chí trước cửa. Nay là lúc ta về Tịnh độ!” Ngày sau ông lại nói: “Ta thấy sen vàng đến đón mình!” Ông sai người nhà thắp nhang, đốt đèn rồi ngồi yên, tay bắt ấn mà ra đi. Những người xa gần trong làng đều nghe tiếng nhạc, đều ngửi thấy mùi hương lạ suốt ngày. Đó là năm thứ sáu niên hiệu Chính Hòa.

26. Hoàng Đả Thiết, người Đàm châu, đời Tống.

Hoàng Đả Thiết trước là lính. Ông làm nghề thợ rèn. Mỗi lần đập sắt ông lại niệm lớn tiếng A-di-đà Phật không ngừng. Một hôm, dầu không bệnh gì nhưng ông lại nhờ láng giềng ghi lại bài kệ với mục đích khuyên mọi người niệm Phật. Bài kệ ấy thế này: “Ngày đêm chan chát, luyện hoài thành cứng, thái bình sắp đến, tôi về Tây phương.” Viết xong, ông liền ra đi. Bài tụng này lưu hành rất rộng rãi ở Hồ Nam, nên có nhiều người niệm Phật.

27. Nhân Hòa Ngô Oánh, người phủ Lâm an, đời Tống.

Ngô Oánh trước là Tăng sĩ, sau đó ông hoàn tục, lấy hai vợ và sinh được hai người con. Ông làm đủ nghề như đồ tể, bán rượu v.v... và lại thường nấu ăn thuê cho người khác. Mỗi lần giết gà vịt, ông xách con vật lên và gọi: "Con của Phật Di-đà, mau thoát cái thân này." Nói xong, tay giết miệng liên tục niệm lớn A-di-đà Phật! Mỗi lần cắt thịt ông cũng liên tục niệm lớn A-di-đà Phật! Ông không bao giờ bê trễ việc niệm Phật và lại dạy mọi người trong thôn xóm tụng kinh, lễ sám cùng niệm A-di-đà Phật. Sau này, trên mắt ông sinh một bọc mủ máu lớn như gà con, nên ông buồn và sợ hãi vô cùng. Ông liền dựng một cái lều bằng tranh, từ giã vợ con để sớm hôm chuyên tâm niệm Phật và sám hối. Mùa thu năm thứ hai mươi ba niên hiệu Thiệu Hưng, ông nói với những người trong thôn rằng: "Ngày mai, vào giờ Tuất, tôi sẽ đi!" Mọi người đều cười. Ông đem chén bát, nồi niêu cho dân quanh nhà. Hôm sau, ông nói với đạo hữu là bà Hạnh rằng: "Tôi sắp đi đây. Mong các vị đến trợ niệm cho." Ông đem bố sam đựng rượu để uống. Uống xong, ông liền viết bài tụng rằng: "Giống rượu nhưng không phải, hỏi kham nổi thiền tông, hôm nay trân trọng, ngày mai gió mát trăng trong!" Viết xong, ông ngồi ngay ngắn, chấp tay niệm Phật và nói lớn "Đức Phật đã đến!" rồi đi luôn.

28. Phu Nhân Kinh Vương, đời Tống.

Niên hiệu Nguyên Hựu, Kinh Vương phu nhân cùng những tỳ thiếp chuyên tu Tịnh độ. Trong số tỳ thiếp ấy có một người bê trễ nên bị phu nhân trách đuổi đi. Sau khi hối ngộ, tỳ thiếp ấy liền tinh tấn tu trì lại. Ít lâu sau, tỳ thiếp ấy nói với một tỳ thiếp khác rằng: "Đêm nay em sẽ vãng sinh!". Đêm ấy có mùi hương lạ đầy phòng, tỳ thiếp ấy không đau mà mất. Sáng mai một tỳ thiếp cùng phòng nói với phu nhân: "Đêm qua em mộng thấy chị ấy thác vào giấc ngủ em mà nói: "Nhờ phu nhân dạy em tu tập Tịnh độ và khiển trách sự bê trễ của em nên em đã được vãng sinh. Em vô cùng biết ơn phu nhân." Phu nhân nói: "Nếu nó cho ta thấy ta mới tin!" Đêm đó, phu nhân mộng thấy tỳ thiếp ấy đến nói tạ ân như trước. Phu nhân hỏi: "Ta có thể đến Tây phương được chăng?" Tỳ thiếp ấy đáp: "Được, nhưng phu nhân phải theo em." Phu nhân đi theo tỳ thiếp ấy và bà thấy đường đê của hồ rất rộng; trong hồ có sen hồng, trắng, lớn nhỏ xen lẫn nhau, có đóa tươi đóa lại héo. Phu nhân hỏi lý do. Người thiếp ấy đáp: "Đó là những người thế gian phát tâm tu Tây phương. Họ vừa phát niệm thì trong ao liền sinh một đóa sen; nếu nguyện tâm của người tu tinh tiến thì càng lúc hoa càng nở tươi cho đến lớn bằng bánh xe; nếu nguyện tâm của người tu thối lui thì càng ngày

hoa càng héo cho đến khi tàn rữa”. Sau đó phu nhân thấy một người ngồi trên hoa sen; áo bay phất phới, có mão báu, anh lạc trang sức trên thân. Phu nhân hỏi: “Đó là ai?” Người thiếp đáp: “Đó là Dương Kiệt”. Lại thấy một người ngồi trên hoa, người thiếp nói: “Đó là Mã Khôn”. Phu nhân hỏi: “Chỗ của ta ở đâu?”. Người thiếp ấy dẫn phu nhân đi vài dặm. Nhìn xa thấy một mô đất bằng vàng và bức vách cũng bằng vàng sáng rực. Người thiếp nói: “Đó là nơi phu nhân sẽ thác sinh, tức là Thượng phẩm Thượng sinh”. Sau khi thức giấc, phu nhân cho người đi hỏi chỗ ở của Mã Khôn và Dương Kiệt thì hay rằng Kiệt đã qua đời, còn Khôn vẫn sống.

Qua câu chuyện này ta biết rằng, những người tinh tiến tu tập Tây phương tuy nhân còn ở Ta-bà nhưng Thần thức của họ đã về Cực lạc. Sau này, trong buổi lễ sinh nhật của mình; phu nhân đứng bưng lò trầm hương, đốt hương, mắt hướng lên gác Quán Âm; lúc con cháu vừa tiến hành những nghi lễ hiến thọ thì bà đã đứng mà ra đi rồi.

29. Quán Âm Huyện Quân, đời Tống.

Huyện Quân người họ Ngô. Chồng bà là Đô quan viên ngoại Lữ Hoàng. Ông cũng ngộ giáo lý nhà Phật nên cả hai vợ chồng đều trai giới, tịnh tu. Bà Ngô có hai cô hầu đều ăn chay và trợ giúp bà trong việc tu tập; một cô rất thích thiền lý nên dẫu bị bệnh mà vẫn vui vẻ, nói cười, khi mất tựa như ve thoát xác; một cô phụng trì giới luật khắc khổ, có lúc không ăn suốt cả tháng và mỗi ngày chỉ uống một chén nước Quán Âm tịnh thủy do bà Ngô chú nguyện. Một hôm, cô bỗng thấy ba đóa sen bằng vàng đỡ chân. Sau vài ngày lại thấy đầu gối, vài ngày sau thấy thân,vài ngày sau nữa thấy mặt mũi. Đó là Đức Phật A-di-đà, hai bên Ngài là Quán Âm và Thế Chí. Cô lại thấy phòng ốc, điện thờ, cõi nước hiện rõ như nhìn lòng bàn tay và biết đó là cõi Cực lạc. Có người hỏi chi li hơn thì cô đáp: “Nơi ấy đàn ông con trai thanh tịnh. Họ đi kinh hành và du hý, không có nữ nhân.” Mọi người hỏi: “Đức Phật ở đó thuyết pháp như thế nào?” Cô đáp: “Tôi chỉ được thiên nhãn chứ chưa đắc thiên nhĩ nên thấy biểu hiện của hỏi đáp là sự chỉ trỏ và gật đầu mà thôi, còn lời lẽ thì tôi không nghe được.” Hiện tượng ấy tồn tại liên tục trước mắt cô đến ba năm. Sau đó, bỗng nhiên cô bị bệnh, tự nói việc vãng sinh của mình rồi ra đi.

Bà Ngô thờ Quán Âm rất có sự linh nghiệm. Trong thất của mình bà thường đặt mười cái bình, thẩu đựng đầy nước rồi cầm cành dương mà tụng chú. Mỗi lần trì tụng Thần chú bà đều thấy Bồ-tát Quán Âm phóng ánh sáng vào bình. Những người đau ốm uống nước ấy liền được

thuyên giảm. Nước đã được chú nguyện ấy nếu có chứa đồ bẩn cũng không bị thối, gặp lúc Trời rất lạnh cũng không bị đóng băng. Người đời đều gọi bà là Quán Âm Huyện Quân.

30. Phu nhân họ Bằng, đời Tống.

Phu nhân tên Pháp Tín, con gái của Tặng thiếu sư Hứa Tuân. Chồng bà là Thừa tuyên sứ Trần Tư Cung.() Thuở nhỏ bà luôn bị bệnh, đến lúc lấy chồng thì bệnh càng nặng. Bác sĩ nói là không thể chữa trị được. Bà đến hỏi phương cách điều trị với Thiền sư Từ Thọ Thâm. Thiền sư dạy bà ăn chay, niệm Phật. Phu nhân bỏ hết ngũ vị tân, cá thịt cùng những món trang sức; mặc áo quần tầm thường và chuyên tâm nghĩ nhớ đến Tây phương. Lúc đi, phu nhân cũng nghĩ nhớ đến Tây phương; lúc ngồi cũng nhớ đến Tây phương; lúc nói, nín, động tĩnh, châm nước, dâng hoa, tụng kinh, hành đạo cũng nhớ đến Tây phương. Dẫu làm một việc thiện nhỏ bà cũng đem nó làm cầu bến cho ước nguyện vãng sinh. Bà tu tập như thế suốt mười năm nhưng chưa bao giờ có tâm trạng mỏi mệt, tâm tư luôn an lạc, thân thể khỏe mạnh, Thần khí sung mãn nên ai cũng tôn kính và yêu mến bà. Một hôm, bà bỗng viết bài kệ rằng: “Tùy duyên mặc nghiệp đã bao năm, trâu già cày ruộng luống uổng oan, sách tấn thân tâm quay về sớm, thoát nạn người ta xỏ mủi càn.” Họ hàng phu nhân ai nấy đều kinh ngạc. Bà nói: “Nếu mất thì về Cực lạc. Có gì là kỳ quái đâu!”. Nói xong, bà nằm dưỡng bệnh; hơi thở đã mong manh và ngắt ngứ. Bỗng nhiên, phu nhân vùng dậy nói: “Thần thức tôi dạo khắp Tịnh độ, đích thân lễ bái Đức Phật A-di-đà. Quán Thế Âm bên trái, Thế Chí bên phải; có cả trăm, ngàn, vạn ức Phật tử thanh tịnh cúi lạy Đức Phật và mừng tôi được sinh về Cực lạc. Cung điện, rừng, hồ thì sáng láng, kỳ diệu khác gì cảnh tượng mà kinh Hoa Nghiêm và kinh Thập Lục Quán mô tả.”

Sáng hôm sau, phu nhân ra đi một cách an nhiên. Người nhà nghe mùi hương kỳ diệu ngào ngạt; mùi hương ấy khác xa hương thơm thế gian. Ba ngày trà tỳ, thi thể của phu nhân vẫn như lúc còn sống.

■

LONG THƯ TĂNG QUẢNG TỊNH ĐỘ VĂN

QUYỂN 6

Hành giả Tịnh độ nên tùy theo vị thế của mình để làm việc thiện, nhằm hỗ trợ cho việc tu tập. Vì vậy, cuốn này có tên là "Đặc Vị Khuyến Dụ" (đặc biệt vì sự khuyến tu). Với những người không biết chữ thì mong các bậc từ nhân quân tử phát tâm Bồ-đề mà giảng nói cho họ; vì đó là công việc lớn nhất trong hạnh Bố thí.

Thứ tự trước sau là từ gần đến xa, hoặc từ gấp gáp đến thư thả chứ không câu nệ là người cao kẻ thấp.

1. Khuyên kẻ sĩ.

Ở đời, có kẻ sĩ chưa đọc nhiều sách nhưng vẫn đỗ đạt cao, có người tuy đọc nhiều nhưng suốt đời vẫn thi hỏng, đó là do kiếp trước gieo trồng khác nhau, nên kiếp này có quả báo không giống nhau. Tuy nhiên, dẫu tuổi nhỏ mà đã đỗ cao, được thăng quan tiến chức, công nghiệp cứu đời được một thời đi nữa thì phước báo ấy cũng có lúc suy tàn. Tôi phụng khuyến các bậc hậu sinh nên cần mẫn đối với việc học hỏi, thành tâm với bằng hữu. Tôi lại nhớ đến những vị cao Tăng của tôi; vị nào cũng lưu tâm đến con đường khoa cử, nhờ năm tháng dài rộng và công sức tích lũy nhiều nên tự có niềm vui; đến lúc tuổi già, nhớ lại những sự việc đã qua chẳng khác gì giấc mộng! Than ôi! Ngày lại ngày nào có vị nào thoát được vòng mộng huyễn đó đâu! Vì vậy, nên chúng ta hãy sớm lưu tâm đến việc tu tập Tịnh độ.

Không luận là già hay trẻ, nếu các bạn chuyên đem Tịnh độ để giáo hóa cho mọi người, lại khiến cho mọi người cùng khuyến hóa, thì hiện đời các bạn sẽ gặt hái được phước đức và thân sau sẽ được sinh lên Thượng phẩm.

2. Khuyên quân tử ra làm quan.

Ở đời, người làm quan là do kiếp trước đã gieo trồng phước đức. Như gieo hạt vào mùa Xuân thì mùa Thu gặt hái. Cũng vậy, nếu người không gieo trồng phước đức thì không thể có địa vị như ngày hôm nay. Song, quả báo ấy vẫn có khi hết. Trái lại nếu quý vị tiếp tục tạo phước,

thực hành đủ loại phương tiện và những việc thương người, lợi vật rồi đem những công đức ấy mà hồi hướng Tây phương thì sẽ khỏi luân hồi, tuổi thọ và niềm vui sẽ vô cùng tận, mà phước báo thế gian không thể nào sánh được. Nếu các vị quá thương dân chúng không đành từ bỏ thì nên phát nguyện vãng sinh; sau khi được liễu thoát sinh tử lập tức trở lại cõi này, hiện thân Tể quan để làm lợi ích rộng lớn cho mọi người thì tấm lòng kia sẽ được thỏa mãn.

Nếu có thể đem Tịnh độ để giáo hóa mọi người, lại khiến cho mọi người khuyến hóa nhau, thì ai cũng cho rằng lời nói của mình có trọng lượng mà hoan hỷ phụng trì. Căn cứ vào bài kệ của Bồ-tát Đại Từ thì hiện đời, chư vị có thể đem công đức ấy để tiêu trừ tai nạn, tăng trưởng phước đức và thân sau sẽ sinh lên Thượng phẩm.

3. Khuyên những người ở Công môn.

Người ở Công môn nên tự suy nghĩ thế này: "Những vị kia là quan, còn ta là tôi tớ. Những quan chức ấy là người tôn quý, còn ta là hạng thấp hèn. Những vị ấy là người nhàn nhã, còn ta là kẻ lao nhọc. Ta luôn luôn vui vẻ thờ phụng họ. Lúc được thương cũng không vui; trái lại, lúc gặp điều nghịch cùng những lời trách mắng ta cũng không buồn, bởi vì đó là do sự tu tập hời hợt của ta ở đời trước nên mới ra nông nổi thế này. Ta nên cẩn thận ở lời ăn, tiếng nói, cử chỉ để bảo toàn tính mạng."

Không luận là việc lớn hay nhỏ, quý vị nên tùy nghi để ứng xử. Nếu trước mắt nhìn mọi người với niềm hoan hỷ thì không có hoạn nạn về sau; và nếu quý vị luôn tích lũy điều thiện thì phước đức ấy để truyền đến con cháu. Nên nhớ rằng, những người phục dịch ở công đường nhưng con cháu họ vẫn vinh hiển là do tiên tổ của họ đã chứa dồn phước đức. Đạo Trời luôn chiếu sáng, nên chúng ta không thể hoài nghi quy luật ấy được. Nếu quý vị thường xuyên niệm A-di-đà Phật, nguyện sinh thế giới Cực lạc; lại đem giáo pháp Tịnh độ giáo hóa mọi người, khiến mọi người giáo hóa lẫn nhau thì hiện đời quý vị sẽ gặt được phước đức và thân sau sẽ sinh lên Trung, Thượng phẩm.

4. Khuyên những người làm thầy thuốc.

Những người làm thầy thuốc nên tự nghĩ thế này: "Những người khác khổ đau vì bệnh tật cũng như bản thân ta bị đau khổ nên có ai mời gấp, ta đi ngay không trì hoãn. Hoặc có ai đến xin thuốc, ta liền trao ngay và không quan tâm đến địa vị của họ là sang hay hèn, là giàu hay nghèo, chỉ nên lấy việc cứu người làm tâm niệm để kết duyên cùng họ, để dồn chứa phước đức cho mình. Và tất nhiên, trong chốn mịt mờ tự có người phù hộ cho mình. Nếu thừa lúc người ta cần kíp để chuyên tâm

tìm cầu tiền bạc, dụng tâm đã bất nhân thì cố nhiên trong chỗ mịt mờ sẽ có họa hoạn cho mình.”

Làng tôi có vị thầy thuốc trên Trương Ngạn Minh, ông ta trị bệnh rất giỏi. Dẫu người tìm đến chữa trị là Tăng sĩ, đạo sĩ, bần sĩ, quân lính, quan chức hay nghèo khó ông đều không nhận tiền. Trái lại, ông còn giúp đỡ họ về tiền và gạo nữa. Những người đến mời dẫu nghèo hèn ông vẫn sốt sắng đi ngay; người giàu có đem tiền đến bốc thuốc thì ông không hỏi tiền nhiều hay ít mà chỉ trao nhiều thuốc cho và mong sao bệnh nhân được lành lặn chứ chưa từng có ý nghĩ là họ sẽ mang tiền đến bốc thuốc lại. Gặp nhiều bệnh nguy kịch và biết sẽ không cứu sống được, ông cũng bốc thuốc tốt cho để an ủi bệnh nhân mà không chịu nhận tiền.

Tôi ở đây đã lâu nên biết rõ ông là người thầy thuốc mà suốt đời không nói đến tiền bạc nên có thể nói ông là con người tuyệt vời nhất.

Một hôm trong thành có hỏa hoạn, lửa đốt cháy khắp nơi chỉ có nhà ông là nguyên vẹn. Đó là bằng chứng rõ ràng của vấn đề Thần minh phù trợ. Con ông đọc sách và sau này được dự vào khôi tiến. Ông có hai, ba đứa cháu thông minh đức độ, điều ấy cũng chứng tỏ cho niềm tin đối với vấn đề phước thiện của đạo Trời. Giả sử như ông ta chỉ chăm chú vào tiền bạc mà đánh mất cái số ấy đi thì cái được không đủ bù cho điều mất. Những người đồng môn nên lấy ông làm tấm gương cho mình.

Nếu chư vị luôn giữ tâm đó để hồi hướng Tịnh độ thì chắc chắn sinh lên Thượng phẩm. Nếu nhân người bị bệnh khổ mà đem Tịnh độ để giáo hóa thì họ rất dễ sinh tín tâm. Lại khiến bệnh nhân phát đại nguyện để rộng truyền giáo pháp, để chuộc tội đời trước, để cầu cho bệnh được thuyên giảm tất sẽ như ý nguyện; còn nếu tuổi Trời đã hết thì cũng có thể nương nguyện lực ấy mà sinh về Tịnh độ.

Nếu chư vị luôn giáo hóa mọi người như thế thì không những thân sau của chư vị được vãng sinh Thượng phẩm, mà hiện đời còn được mọi người tôn kính và phước báo vô cùng tận, cho đến con cháu đời sau còn được hưởng.

5. Khuyên Tăng sĩ.

Là một Tăng sĩ thì tự mình phải suy nghĩ thế này: “Ta là người xuất gia. Vậy, bổn phận chính của ta là phải liễu đạt sinh tử! Nếu không làm được điều ấy thì ta lại bị trôi nổi cùng trần tục và khi cái chết ập đến thì biết dựa dẫm vào đâu! Dẫu ngày thường ta có tạo được thiện nghiệp chăng nữa cũng không thể thoát khỏi luân hồi, nghĩa là lúc quả

báo của thiện nghiệp hết thì ta vẫn bị đọa lạc lại. Chi bằng sớm tu tập Tịnh độ để thoát luân hồi, để được diện kiến Đức Phật A-di-đà mới gọi là đã hoàn thành trách nhiệm của một kẻ xuất gia."

Như các Ngài Vĩnh Minh Diên Thọ thiền sư, Trường Lô Trách thiền sư, Vạn Niên Nhất thiền sư v.v..., đều tu Tịnh độ và lại đem giáo pháp đó để giáo hóa mọi người, khiến cho họ giáo hóa nhau. Lẽ nào chúng ta không làm theo các bậc ấy?

Thông thường, nếu ta nhận sự cúng thí của người khác dầu chỉ một đồng tiền, một bát cơm thì nên giảng nói Tịnh độ để báo đền ân đức cho họ. Dẫu không tin ta cũng giảng giải cho họ biết, nhờ sự chín muồi của nhĩ căn nên lâu ngày họ cũng tin tưởng. Còn nếu lúc vừa nghe mà họ tin ngay thì đó quả là điều ân ích lớn lao.

Nếu giáo hóa mọi người như vậy thì hiện đời ta được mọi người kính mến và thiện duyên ngày một thuần thục. Giả sử, ta thường chuyên tâm quán tưởng thì không bao lâu mình sẽ thấy được chân thân của Đức Phật; sau khi xả bỏ báo thân này ta sẽ sinh lên Thượng phẩm và là vị Bồ-tát thuộc Bất thoái chuyển địa.

Cổ đức nói: "Thân này không chịu đời này độ. Thì hỏi đời nào mới độ thân."

Ngưỡng mong chư Tăng nên thường xuyên nuôi dưỡng và tưới tắm cho những ý tưởng ấy, không nên biếng nhác, chây lười!

6. Khuyên kẻ tham thiền.

Nếu người tham thiền được đại ngộ thì liền thoát được luân hồi sinh tử, bởi lẽ đó là pháp siêu việt nhất. Song, để đạt được kết quả ấy thì dẫu có cả trăm người tu cũng chưa có được dăm ba người. Nhưng nếu tu Tây phương, dẫu đến vạn người cũng đều trót lọt cả. Bởi vậy, tôi muốn khuyên những bậc thượng căn thượng trí trong hàng ngũ Tăng sĩ điều này: Ngoài thời giam tham thiền, chư vị nên dành chút thời gian nhàn rỗi để tu Tây phương. Cho dù chư vị tham thiền được đại ngộ, được thoát luân hồi, tuy vẫn còn cách Phật địa rất xa nhưng lại có thể diện kiến Đức Phật A-di-đà để lễ lạy chí kính thì có gì là khó. Nếu chư vị chưa được đại ngộ mà mạng sống chấm dứt đột ngột thì vẫn được vãng sinh, được thấy Phật và nghe pháp, như vậy lo gì không được đại ngộ.

Nếu chư vị không tu Tịnh độ thì không thể thoát được cái nạn luân hồi tùy theo nghiệp duyên, tuy được như các vị Thanh Thảo Đường, Giới Thiền Sư, Chân Như Triết đi nữa cũng đắm chìm trong luân hồi cả. Thật vô cùng đáng sợ! Muốn biết rõ vấn đề này xin chư vị đọc ở quyển bảy.

Nếu chư vị không xem nhẹ Pháp môn này và chuyên tâm tu tập, lại đem giáo pháp này giáo hóa mọi người, làm cho họ khuyến hóa lẫn nhau; thì mọi người đều cho chư vị là danh Tăng nên họ hoan hỷ nghe theo lời quý vị. Như vậy sự ích lợi quả thật vô cùng mà chư vị cũng chắc chắn được sinh lên Thượng phẩm thượng sinh.

7. Khuyên người giàu.

Người giàu có nên tự nghĩ thế này: “ Ta nay sinh vào nhà giàu có là do đời trước ta có gieo trồng phước đức, như lúa gạo hôm nay là do ta trồng năm trước. Những tài lộc, quần áo, thức ăn của đời này đều có định số ở âm ty. Nếu ta làm lụng từ từ và hợp với số có thì tự nhiên của cải sẽ đến, của cải đến chậm thì mạng sống có thể kéo dài, như dòng nước cạn thì nước được tồn tại lâu; nếu ta tham tiền tài và làm ăn vội vã thì cũng ngang với số ấy, có được tài sản ngoài số thì tai họa sẽ sinh, làm cho chúng mất mát, như nước quá đầy thì bị tràn. Vì vậy, chúng ta nên tùy phận mà sống sao cho không bị đầy tràn. Lại nữa, chúng ta nên bỏ ra chút ít tài sản mà cứu tế cho mọi người, được thế thì không những hiện đời chúng ta được an lạc mà còn gieo trồng được phước đức cho đời sau.”

Nhưng chúng ta nên nhớ rằng phước thế gian có lúc cũng hết, nếu chúng ta đem phước ấy để hồi hướng Tây phương thì nó sẽ nhiều lên vô cùng. Huống gì sự giàu đủ của thế gian không thể vừa ý mình được, chúng ta nên lưu tâm đến Cực lạc thì tự mình sẽ được niềm vui. Chúng ta nên ấn thí những văn bản nói về Tịnh độ Tây phương để khuyến hóa mọi người, khiến mọi người cùng khuyến hóa nhau, làm thế tức là chúng ta đang gieo trồng phước đức vô lượng. Hiện đời chúng ta có thể dùng phước đức ấy để tiêu trừ tai nạn, được quỷ Thần tôn kính và phù hộ. Thân sau chắc chắn chúng ta sẽ sinh lên Thượng phẩm.

8. Khuyên người tham lam keo kiệt.

Kẻ nhận của người khác ba ngàn đồng nhưng vẫn cho rằng ít gọi là tham. Tự phí mất của mình chỉ hai ngàn đồng mà đã cho là quá nhiều gọi là keo kiệt.

Lỗi của tham lam, keo kiệt thì ai cũng như nhau nhưng ai tự biết! Người bỏ được hai bệnh ấy mới gọi là hiền, như vậy thì việc thiện nào cũng làm được, điều ác nào cũng ngăn cấm được. Vì sao? Vì ta không tiếc tiền lúc làm việc thiện, ta không tham tài sản mà làm điều ác. Nếu chúng ta làm thế để tu tập Tịnh độ thì chắc chắn không sinh vào Hạ phẩm. Chúng ta thường đem Tịnh độ để hoằng hóa mọi người, lại khiến cho những người được giáo hóa ấy giáo hóa kẻ khác; vì mọi người cho

rằng ta không có lòng tham lam, keo kiệt nên càng tôn kính và hoan hỷ nghe theo lời giáo huấn của ta và như thế thì số người được giáo hóa sẽ đông lên. Và dĩ nhiên, chúng ta không cần nghi ngờ việc mình được sinh lên Thượng phẩm hay không? Đồng thời, chúng ta có thể đứng nhìn phước báo hiện đời! Vấn đề này quả thật tôi không thể diễn đạt trọn vẹn bằng lời lẽ được, mong hành giả tự cảm nhận vậy!

9. Khuyên người con hiếu thảo.

Thiền sư Trường Lô Trách viết: “Hiếu hữu văn” gồm một trăm hai mươi thiên. Một trăm thiên đầu nói về việc phụng dưỡng cha mẹ bằng của ngon vật lạ, đó là hiếu dưỡng thuộc thế gian; hai mươi thiên sau là nói về khuyên mẹ cha tu tập Tịnh độ, đó là hiếu sự thuộc xuất thế gian. Bởi lẽ, hiếu sự thuộc thế gian chỉ hạn cuộc ở một đời, nên vẫn là hiếu sự nhỏ; trong lúc hiếu sự thuộc xuất thế gian là không cùng tận, vì nếu cha mẹ chúng ta được sinh Tịnh độ thì phước đức và thọ mạng nhiều hơn hằng hà sa kiếp. Tóm lại, đó là hiếu sự vĩ đại nhất.

Lúc cha mẹ còn sống mà ta không thể khuyến song thân tu tập Tịnh độ thì sự đau lòng ở ngày khác, sự bày vẽ nghi lễ thật đầy đủ của chúng ta nào có ích lợi gì đâu?

Còn nếu chúng ta lại có thể đem Tịnh độ để giáo hóa mọi người, khiến cho người được giáo hóa ấy giáo hóa người khác, rồi đem công đức ấy mà hỗ trợ cho phước và thọ của cha mẹ, làm thiện quả của cha mẹ được dày dặn thêm. Do bởi Đức Phật không bao giờ ngăn trở ước nguyện của chúng sinh, nên ý tưởng ấy sẽ được toại nguyện.

Trong Thượng phẩm thượng sinh, vấn đề được nói trước tiên là việc hiếu dưỡng đối với song thân. Nếu chúng ta đem tâm nguyện Tịnh độ mà làm việc hiếu sự, thì thứ đệ vãng sinh của mình ta có thể nhận biết ngay.

10. Khuyên cốt nhục ân ái.

Những người yêu thương nhau trong vòng cốt nhục nên suy nghĩ thế này: Bồ-tát Đại Từ có bài kệ rằng: “Cốt nhục ân tình thương mến nhau, khó được bên nhau đến bạc đầu, cường tráng ít nhiều chết chóc cả, tuổi thơ bỏ mạng phải ít đâu. Khuyên người người niệm tụng A-di-đà, được hóa sinh trong ao thất bảo, vĩnh viễn sum vầy không ly biệt, sống lâu muôn kiếp và khoái lạc.”

Nếu không được như thế thì chỉ là việc đem áo đẹp để tô điểm xác thân, đem món ngon để lấp cửa miệng, một sớm cùng nhau ly biệt, thì không có nơi nào để bám víu, tựa nương! Vì vậy, lúc còn sống, chúng ta nên đem pháp môn niệm Phật mà khuyên dạy nhau. Nếu chúng ta có

thể đem pháp môn ấy để giáo hóa người khác, khiến cho những người đó lại khuyến hóa người khác nữa, thì không những ta làm cho tình cốt nhục của ta được lâu bền, mà tình cốt nhục của những người khác cũng được vô tận thì phước báu cũng không cùng tận. Và dĩ nhiên, chúng ta sẽ được sinh lên Trung phẩm thượng sinh.

11. Khuyên phụ nhân.

Phụ nhân nên nghĩ thế này: Căn cứ vào lời của Phật thì những kẻ có tâm ái dục quá nặng sẽ thọ nhận cái thân phụ nữ. Đó vốn đã không phải là thiện nghiệp, nhưng nếu các vị không tự xét mà còn tăng thêm lòng ganh ghét, tham dục, làm cho nghiệp duyên càng sâu nặng thêm thì quả báo thật vô cùng đáng sợ!

Nếu các vị luôn hồi tâm để sám hối, nguyện trừ bỏ những tâm niệm sai lầm đó, nguyện lấy nhân từ để đãi ngộ với tỳ thiếp, nguyện đem lòng ôn hòa để tiếp người trên kẻ dưới; thường niệm A-di-đà Phật và phát nguyện rằng: “Nguyện cho ác nghiệp của tôi được tiêu trừ, thiện nghiệp ngày càng sinh trưởng. Hiện thân được thanh tịnh và cả trong ngoài đều được khinh an. Sau đời này tôi không thọ thân nữ nữa”. Các vị nên làm cho những niệm tưởng ấy được liên tục thì chúng sẽ tự thuần thục, lẽ tất nhiên, quý vị sẽ được sinh về cõi Cực lạc. Nếu quý vị đem Tịnh độ giáo hóa gia đình cho đến những tỳ thiếp và họ hàng thân thích, thì phước đức của mình sẽ không cùng tận, chắc chắn sinh lên Thượng phẩm. Các vị đọc chuyện của kinh Vương Phu Nhân thì sẽ rõ những điều tôi nói.

12. Khuyên hầu thiếp.

Người làm tỳ thiếp nên tự nghĩ thế này: Do đời trước ta không tu tập phước thiện nên hôm nay mới nhận thân phần bần tiện này. Người ta thì nhàn nhã, còn mình thì lao nhọc; người ta hưởng của ngon vật lạ, còn mình thì cơm thừa cá cặn; người ta thì lụa là mềm mịn, còn mình thì quần áo xấu thô. Tất cả sự việc đó đều do nghiệp duyên đời trước. Cố nhiên, chuyện đã qua thì không thể hối hận được. Nhưng, từ đây trở về sau, quý vị nên nghĩ nhớ đến điều thiện và luôn thành tâm sám hối; luôn trung thực cần mẫn, phụng sự kẻ trên mình một cách chu đáo để bảo trọng tấm thân, để gieo trồng phước đức về sau. Các vị nên thường xuyên niệm A-di-đà Phật và làm sao cho từng niệm từng niệm nối nhau mãi, lúc niệm tự thuần thục thì chắc chắn được sinh về Cực lạc. Các vị lại nên đem Tịnh độ để giáo hóa cho đồng loại của mình, khiến những người đó giáo hóa những người khác, thì phước báo của mình sẽ vô lượng và tất nhiên là sẽ được sinh lên Trung, Thượng phẩm.

13. Khuyên nông dân.

Người làm nông nên nghĩ thế này: Tuy nông nghiệp là công việc căn bản, song công việc xới đất cày ruộng làm chết rất nhiều côn trùng nhỏ bé. Tuy việc chẳng biết làm sao hơn, nhưng nếu các vị khéo léo để bảo toàn, sám hối những sai lầm trước đây, thường niệm A-di-đà Phật và phát nguyện rằng: "Nguyện sau khi được thấy Phật, được đắc đạo; trước tiên tôi sẽ độ tất cả chúng sinh nhỏ nhiệm bị giết hại từ khi tôi cày cấy đến nay; kế đến, tôi sẽ độ tất cả chúng sinh cả oán và thân." Các vị nên thường xuyên nghĩ nhớ như vậy, và khiến cho niệm tưởng ấy được liên tục thì nó sẽ thuần thục và tất nhiên là các vị sẽ được vãng sinh thế giới Cực lạc. Nếu các vị đem Tịnh độ để giáo hóa mọi người, khuyến mọi người cùng khuyến hóa nhau, thì hiện đời mình sẽ gặt được phước báo, thân sau sẽ chắc chắn sinh lên Trung, Thượng phẩm.

14. Khuyên người nuôi tằm.

Người nuôi tằm nên tự nghĩ thế này: Tằm cho tơ để dệt vải may áo. Đó tuy là lẽ thường nhưng cũng là sự giết hại mạng sống loài vật. Người đời nói rằng, Bồ-tát Mã Minh nghiên cứu Tạng kinh thấy không có giáo thuyết ấy, chỉ nói rằng Đức Phật dạy đệ tử không được mặc gấm vóc, cho đến không được dùng da để làm giày dép. Vì muốn có những thứ ấy thì phải giết loài vật. Lẽ nào người sống bằng nghề nuôi tằm lại không hỗ thẹn! Các vị nên thường xuyên niệm A-di-đà Phật và phát đại nguyện rằng: "Sau khi được thấy Phật, được thành đạo, tôi sẽ độ tất cả tằm mà tôi đã giết hại từ khi nuôi tằm đến nay." Các vị cố giữ cho những niệm tưởng ấy được liên tục, thì chúng sẽ chín muồi và như thế, quý vị cũng được sinh về Cực lạc. Nếu quý vị đem giáo pháp Tịnh độ để giáo hóa mọi người, lại khiến cho mọi người cùng giáo hóa lẫn nhau, thì hiện đời quý vị sẽ gặt được phước báo, thân sau cũng được sinh lên Trung phẩm.

15. Khuyên người buôn bán.

Những người buôn bán nên tự nghĩ thế này: Bình sinh, việc trao đổi hàng hóa của ta tất có điều giả dối. Chúng ta không thể nói rằng mình vô tội khi mà ngay một đoạn gấm cũng từ mạng của tằm mới có. Một mai, khi mạng sống chấm dứt, chắc chắn chúng ta sẽ bị nghiệp duyên kéo đi. Cho nên, không gì hơn là hôm nay chúng ta nên sám hối, làm việc thiện và làm lụng kiếm sống tùy theo vị trí của mình. Nếu số của ta là có nhiều tiền của thì tự nhiên tiền của sẽ đến dần; nếu số của ta thiếu thốn về đường tiền của thì dẫu có nó rồi lại cũng bị mất mát. Huống gì cái số tiền bạc của đời người vốn dĩ có hạn; kẻ vội vã tìm cầu,

tiền của đầy tràn thì lại mất sớm; kẻ tìm cầu thư thả mà tiền của đến chậm thì có thể bền lâu. Quý vị nên nuôi dưỡng những tư tưởng ấy trong tâm, thường niệm A-di-đà Phật và phát nguyện rằng: “Nguyện sau khi được thấy Phật, được thành đạo; trước tiên tôi sẽ độ tất cả chúng sinh từng buôn bán với tôi; kế đến, tôi sẽ độ tất cả kẻ oán người thân; sau hết, tôi sẽ độ tất cả chúng sinh có duyên hay vô duyên với tôi”. Quý vị nên giữ cho những niệm tưởng ấy được liên tục, thì tự chúng sẽ được chín muồi và chắc chắn quý vị sẽ được sinh về thế giới Cực lạc. Nếu quý vị lại đem Tịnh độ để giáo hóa mọi người, khiến cho mọi người cùng giáo hóa lẫn nhau, thì hiện đời quý vị sẽ gặt hái được phước báo, thân sau sẽ sinh lên Trung, Thượng phẩm.

16. Khuyên thợ mộc.

Những người thợ mộc nên tự nghĩ thế này: Ta là thợ mộc, có khi làm nhà cho người khác, có lúc làm vật dụng cho người khác. Tuy nghề này là thiện, nhưng vì đời trước ta không tu tập và gieo trồng phước thiện, nên hôm nay mới nghèo nàn. Nhà ta làm thì người khác ở, vật dụng ta tạo thì kẻ khác dùng, nhưng nếu không vậy thì áo quần thức ăn của ta sẽ thiếu hụt. Chung quy, quý vị nên tùy phận mà làm điều thiện. Nghĩa là, lúc làm cho người thì không nên quá tham vật liệu, phải tận tâm đối với công việc, vì những việc ấy cũng là cách gieo trồng phước đức. Quý vị nên thường xuyên niệm A-di-đà Phật, lúc làm lụng cũng một lòng niệm A-di-đà Phật, sao cho từng niệm từng niệm được liên tục thì chắc chắn quý vị sẽ được sinh về thế giới Cực lạc. Nếu quý vị đem giáo pháp Tịnh độ để giáo hóa cho mọi người, sao cho mọi người cùng giáo hóa lẫn nhau, thì hiện đời quý vị sẽ gặt hái được phước báo, thân sau chắc chắn sẽ sinh lên Trung, Thượng phẩm.

17. Khuyên người đa truân.

Những người đa truân không nên oán Trời trách người, bởi lẽ tất cả đều do nghiệp duyên của ta. Nếu lúc gặp người khác mà ta hoan hỷ thì sẽ có quả hoan hỷ, nếu ta não hại họ thì sẽ gặt quả báo bị não hại. Nếu ta thực hành phương tiện thì được quả báo vừa lòng, nếu ta ngăn trở người khác thì ta bị quả báo là răng cỏ không đều đặn. Nói chung, tất cả đều do những việc làm ở đời trước, nó như ảnh theo hình, âm vang theo tiếng. Sở dĩ đời này các vị có quá nhiều nổi truân chuyên là bởi đời trước không làm điều thiện, không tạo phước nghiệp. Cố nhiên, chuyện đã qua thì không thể níu kéo được. Nhưng, từ nay mong quý vị nên tinh cần sám hối, luôn niệm A-di-đà Phật; không những có thể tiêu trừ được chướng nạn đời trước, mà còn làm cho duyên lành được tăng trưởng, đời

sau quý vị sẽ sinh về thế giới Cực lạc, không còn bao nỗi truân chuyên như vậy nữa.

Mong rằng, các vị đừng cho rằng đời sau là chuyện xa vời, viễn vông. Chỉ cần ta nhắm mắt xuôi tay là thấy rõ mọi điều. Nếu các vị đem Tịnh độ để khuyên dạy mọi người, khiến cho mọi người cùng giáo hóa nhau, thì hiện đời quý vị sẽ gặt hái được phước báo, thân sau sẽ được sinh lên Trung, Thượng phẩm.

18. Khuyên những người cốt nhục mà thù oán nhau.

Những kẻ cốt nhục mà thù oán nhau nên tự nghĩ thế này: Do ác nghiệp đời trước nên đời này ta mới chiêu cảm quả báo này. Nghĩa là, hoặc ta giết hại họ, hoặc là ta cướp nợ của họ, hoặc ta não hại họ. Bởi lẽ, nếu ta tạo duyên lành thì làm gì có tình trạng như thế này! Nếu quý vị luôn sám hối nghiệp của đời trước, tự trách cứ bản thân và không làm những việc ác nữa, hoặc thường xuyên niệm A-di-đà Phật, thì giải trừ được tâm phẫn nộ, tiêu diệt được ác duyên; và nếu quý vị nguyện sinh thế giới Cực lạc thì những người đoàn tụ với mình đều là thượng thiện nhân v.v... Tất nhiên, sẽ không còn những hoạn nạn như đã nói. Nếu quý vị đem giáo pháp Tịnh độ để giáo hóa mọi người, lại làm cho mọi người cùng khuyến hóa nhau, thì hiện đời sẽ gặt hái phước báo và sau khi mất, quý vị sẽ sinh lên Trung, Thượng phẩm.

19. Khuyên người đánh cá.

Những người làm nghề chài lưới nên nghĩ thế này: Cá sống trong nước và không làm hại ai cả, nhưng ta lại tìm đủ cách để đánh bắt chúng đem bán với mục đích nuôi sống thân mạng và gia đình. Cá trong nước cũng có quyến thuộc, trong bụng chúng có rất nhiều trứng; nếu ta giết hại chúng thì tội lỗi quả là vô lượng. Nếu đổi được nghề thì vô cùng quý, nhưng nếu quý vị vẫn làm thì không nên giết quá nhiều cá nhỏ và những con vật khó chết như ốc, sò, hến, trai v.v... (thông thường, những loài không vảy là rất khó chết). Nếu quý vị luôn niệm A-di-đà Phật, sám hối và phát nguyện rằng: “Nguyện sau khi được thấy Phật, được đắc đạo, tôi sẽ độ hết những loài mà tôi đã giết từ xưa đến nay, khiến tất cả chúng đều sinh về Tịnh độ” và nếu các vị nuôi dưỡng những niệm tưởng ấy mãi khiến cho chúng tự thuần thục, thì quý vị cũng được sinh về Cực lạc. Nếu quý vị đem Tịnh độ để giáo hóa mọi người, lại làm cho mọi người cùng khuyến hóa lẫn nhau, thì hiện đời quý vị sẽ tiêu trừ tai nạn, gặt hái phước báo và thân sau quý vị sẽ không bị sinh vào Hạ phẩm hạ sinh.

20. Khuyên người bẫy chim.

Người bẫy chim nên tự nghĩ thế này: Những con chim bay ở rừng, ở đồng nội và giữa bầu Trời vốn không làm hại con người. Vì thèm thịt nên chúng ta tìm đủ cách để bắt chúng. Ta yêu tánh mạng mình thì chúng cũng quý mạng sống của chúng; ta thương cốt nhục mình thì chúng cũng có con cái. Nếu ta đổi được nghề thì vô cùng quý, nhưng nếu quý vị vẫn làm nghề ấy thì cũng không nên giết nhiều loài nhỏ, loài sinh sản và bồng bế. Quý vị nên thường xuyên niệm A-di-đà Phật, sám hối và phát đại nguyện rằng: "Nguyện sau khi thấy được Phật, được giác ngộ, tôi sẽ độ tất cả vật mạng mà tôi đã giết từ xưa đến nay, khiến cho tất cả chúng đều sinh về Tịnh độ." Quý vị nên nuôi dưỡng những ý tưởng ấy sao cho chúng được thuần thục thì sẽ được sinh về thế giới Cực lạc. Nếu quý vị đem giáo lý Tịnh độ để giáo hóa mọi người, và lại khiến cho mọi người cùng giáo hóa lẫn nhau, thì hiện đời, quý vị có thể tiêu trừ tai nạn, diệt được tội lỗi, và thân sau sẽ không sinh vào Hạ phẩm hạ sinh.

21. Khuyên đầu bếp.

Người đầu bếp nên tự nghĩ thế này: Vì đời trước ta không tu phước tạo nghiệp thiện, nên đời này bị bần cùng khốn khó lại chiên xào, cắt xẻo chúng sinh. Tuy ta không trực tiếp giết nhưng tội vẫn nặng. Nếu các bạn đổi được nghề thì vô cùng quý báu, còn nếu không đổi được thì nên cẩn thận, tức là không nên tự tay mình giết loài vật. Quý vị nên thường xuyên niệm Phật, sám hối, làm việc thiện và phát đại nguyện rằng: "Nguyện sau khi đắc đạo, tôi sẽ độ tất cả vật mạng bị mình giết hại, tất cả chúng sinh bị tôi cắt xẻo từ trước đến nay, khiến cho chúng sinh ấy đều sinh về Tịnh độ." Nếu quý vị làm cho các niệm tưởng ấy liên tục và thuần thục thì mình sẽ được sinh về thế giới Cực lạc. Nếu quý vị luôn đem giáo pháp Tịnh độ để khuyến tiến mọi người, và lại khiến họ khuyến hóa lẫn nhau, thì hiện đời quý vị sẽ tiêu trừ được tai nạn, tội lỗi; và lúc mất cũng không bị sinh vào Hạ phẩm hạ sinh.

22. Khuyên người làm phước.

Người làm đủ điều phước tất nhiên là tốt lành, nhưng quả báo của phước thế gian vốn có hạn, bởi vì nó không ra khỏi vòng luân hồi. Nếu quý vị đem phước ấy để hồi hướng Tây phương, thì sẽ được ra khỏi luân hồi và phước báo ấy sẽ vô cùng tận. Nhưng có hơn một nửa số người ở đời không biết được cái lý này, tôi mong rằng những người toàn nương vào việc phước, lấy tâm Bồ-tát làm tâm mình để giải nói cho những người ấy biết rõ; như chỗ tối tăm mà có được cây đèn, như người mê mà thấy được con đường. Quý vị nên đem pháp môn này để bố thí cho

tất cả, khiến ai cũng biết, ai ai cũng được thoát khỏi luân hồi. Được thế thì phước báo của quý vị sẽ vô cùng tận, đồng thời quý vị sẽ được sinh lên Thượng phẩm ở thế giới Cực lạc. Và tất nhiên, phước báo thế gian không thể nào sánh được.

23. Khuyên người tụng kinh.

Người tụng kinh hoặc người trì trai giới cố nhiên là nghiệp lành và đời sau được thọ nhận phước báo, vấn đề ấy chẳng có gì để nghi ngờ cả. Song quả báo của chúng ta rồi sẽ hết và chẳng đưa ta thoát khỏi vòng luân hồi. Nếu chư vị tu tập Tây phương tức được thoát vòng luân hồi. Người ác tu tập pháp môn này còn được vãng sinh, huống gì những người trì trai, tụng kinh. Đương nhiên, họ chắc chắn được sinh lên Thượng phẩm.

Tuy thế, nếu quý vị chỉ tu tập một mình công đức của quý vị sẽ rất nhỏ, còn nếu quý vị khuyên người khác tu hành thì công đức lớn vô cùng. Nếu quý vị đem giáo pháp này để khuyến hóa mọi người, và khiến những người ấy khuyến hóa những người khác; vì mọi người thấy quý vị trì trai, tụng kinh nên rất tin tưởng và xem trọng lời nói của mình. Do vậy, công đức của quý vị lại lớn hơn nữa. Hiện đời quý vị sẽ thọ được quả báo cung kính, quy y và phước đức của thân sau là vô cùng tận.

24. Khuyên người sang.

Người sang trọng nên tự nghĩ thế này: Tuy rằng ta có đủ điều vừa ý, đủ món khoái lạc, nhưng thời gian qua mau khó bảo toàn được tấm thân giả huyễn này. Những người vô cùng sang trọng xưa nay giờ còn được mấy kẻ! Chi bằng quý vị dành chút thời giờ rỗi trong mỗi buổi sáng để tu tập pháp môn Tây phương. Hiện đời quý vị sẽ được tiêu trừ được tai nạn và giảm bớt nghiệp, thân sau sẽ được thác sinh trong hoa sen; mãi mãi không có nẻo khổ và luôn luôn thọ nhận khoái lạc. Những kết quả ấy thật vô cùng siêu việt!

Như ông Văn Lộ ở đời Tống cùng thiền sư Tịnh Nghiêm kết duyên Tịnh độ với mười vạn người. Các ông Dương Thứ, Vương Mẫn Trọng, Cát Trọng Trầm, Mã Đông Ngọc, Bằng Tế Xuyên v.v..., đều là những người sang trọng nhưng vẫn tu tập Tịnh độ. Lẽ nào quý vị không nghĩ đến những trường hợp đó? Nếu quý vị phát tâm đại Bồ-đề chuyên đem Tịnh độ để dạy mọi người, lại khiến mọi người cùng giáo hóa lẫn nhau. Mọi người cho quý vị là hạng sang trọng nên đều tin tưởng và tôn trọng lời nói của mình, do vậy mà giáo lý Tịnh độ có thể lưu hành rộng khắp. Được thế thì phước báo của quý vị là không thể suy lường và thân sau

chắc chắn sinh lên Thượng phẩm. Nếu quý vị chỉ chìm trôi trong biển đời cho qua ngày đoạn tháng mà không biết gì đến việc tu tập đối với pháp môn này thì một ngày nào đó có hối hận cũng không còn kịp nữa!

25. Khuyên những bậc đại thông minh.

Những bậc đại thông minh, học rộng nhớ lâu, lời lẽ phát ra thành văn, hạ bút thành chương, đều là những bậc mà người đời tôn trọng và ngưỡng mộ. Song, những sự tôn trọng và kính ngưỡng ấy chẳng dính dáng gì đến ngã tánh bên trong cả.

Trang Tử nói: "Nói thấy Không có nghĩa là thấy đối tượng mà tự thấy mình. Nói nghe Không có nghĩa là nghe đối tượng mà là tự nghe mình. Không tự thấy mà lại đi thấy đối tượng, không tự nghe mà lại đi nghe đối tượng, thì đó là được cái được của người khác chứ không phải là tự được cái được của mình; là thích cái thích của người khác chứ không phải tự thích cái thích của mình."

Một sáng vô thường ập đến mới hay những điều mình quan tâm lúc bình sinh là hoàn toàn vô ích. Tất nhiên, quý vị không thể bỏ sự nghiệp thông minh ấy, nhưng mỗi ngày cũng nên bỏ ra ít giây phút nhàn rỗi để tu tập Tịnh độ. Nếu chư vị hiểu suốt về lý của Tịnh độ thì ác duyên sẽ tự giảm và thiện duyên tự tăng trưởng, tất nhiên mình đã tự có niềm an lạc ngay lúc đang còn sống. Nếu quý vị đem Tịnh độ để giáo hóa mọi người, lại khiến cho mọi người cùng giáo hóa nhau, vì mọi người cho mình là bậc thông minh xuất chúng mà còn tin Tịnh độ nên họ càng tin tưởng pháp môn niệm Phật. Nhờ vậy mà giáo lý Tịnh độ có thể lưu truyền rộng khắp và lâu bền. Như vậy, quý vị cũng là những Bồ-tát phù trì cho giáo lý Tịnh độ, ngày sau chắc chắn sẽ sinh lên Thượng phẩm. Phước báo ấy quả không thể nào đo lường được.

26. Khuyên người bán rượu.

Người bán rượu nên nghĩ thế này: Ngũ cốc là để nuôi người, nay ta ngâm cho nát để nấu rượu làm cho người uống nó bị loạn động tâm tánh và đa phần đều làm việc ác. Lỗi ấy tại ai? Quý vị nên thường xuyên sám hối, luôn niệm A-di-đà Phật và phát đại nguyện rằng: "Nguyện tất cả tội lỗi vì làm tâm tánh mọi người bị loạn động và ngũ cốc bị hư hoại từ lúc tôi bán rượu đến nay đều được tiêu trừ. Nguyện sau khi được thấy Phật, được thành đạo, tôi sẽ độ thoát hết cây giống của ngũ cốc dùng cấy lại để nấu rượu, tất cả những chúng sinh cực nhỏ cùng sức mạnh tất cả chúng sinh và những người loạn tánh vì uống rượu khiến cho họ đều sinh về Tịnh độ." Quý vị giữ sao cho những ý tưởng đó được liên tục,

khiến chúng được chín muồi thì sẽ được sinh về Tịnh độ. Nếu quý vị luôn đem giáo lý ấy để giáo hóa mọi người, khiến họ lại giáo hóa những người khác, thì hiện đời mình sẽ diệt được tội và tăng trưởng phước đức, sau khi mất nhất định sinh lên Trung phẩm.

27. Khuyên những người mở tiệm ăn.

Những người mở tiệm ăn nên tự nghĩ thế này: “Ta cắt xẻo, chưng, nướng thịt chúng sinh vì mục đích kiếm lợi và nuôi sống mình. Ta có cốt nhục và lại muốn cốt nhục của mình được an ổn mà nghề của ta lại do giết hại chúng sinh mới có, thì quả là vô cùng tàn ác.”

Nếu quý vị đổi được nghề thì vô cùng quý, nhưng nếu chưa đổi được thì cũng nên bớt giết những loại khó chết như: Nghêu, ốc, sò, hến v.v... cho đến những loài rất nhỏ có cưu mang nhiều mạng sống. Nếu không bỏ được như vậy nữa, thì cũng nên tùy theo phần mà sử dụng thịt, còn nếu không thể nữa thì nên thường xuyên niệm A-di-đà Phật, như thế cũng hơn người không niệm rất nhiều. Tiếp theo nữa, quý vị nên sám hối và phát đại nguyện rằng: “Nguyện sau khi được thấy Phật, được đắc đạo, tôi sẽ độ tất cả thịt chúng sinh mà tôi đã dùng, khiến cho tất cả đều sinh về Tịnh độ.” Quý vị nên nuôi dưỡng những niệm tưởng ấy sao cho được liên tục, thì chúng sẽ thuần thục và tất nhiên quý vị cũng được sinh về thế giới Cực lạc. Nếu các vị luôn đem Tịnh độ để giáo hóa mọi người, lại khiến cho mọi người khuyến hóa người khác, thì hiện đời quý vị có thể tiêu trừ được tội lỗi và thân sau sẽ có được phước báo nhiều vô cùng tận.

28. Khuyên người làm đồ tể.

Người làm đồ tể nên nghĩ thế này: “Người ta vì tham thịt nên nuôi gia súc, còn ta vì tham lợi nên giết loài vật. Ta giết súc vật để nuôi thân và gia đình mình. Ta có quyến thuộc và muốn quyến thuộc của mình được an lạc, trong khi đó ta lại giết hại súc vật. Tội lỗi đó thật là vô lượng!”

Nếu có thể từ bỏ nghề ấy thì vô cùng quý, nhưng nếu quý vị chưa từ bỏ được thì cũng nên giảm bớt sự giết hại. Nếu chưa có thể bỏ bớt sự giết hại, thì quý vị nên thường xuyên niệm A-di-đà Phật, như thế vẫn tốt hơn không niệm rất nhiều. Thứ nữa, quý vị nên sám hối và phát đại nguyện rằng: “Nguyện sau khi được thấy Phật, được đắc đạo, tôi sẽ độ tất cả chúng sinh bị tôi giết từ trước đến nay, khiến cho chúng sinh được sinh về Tịnh độ.” Quý vị nên dưỡng nuôi niệm tưởng ấy mãi sao cho chúng được thuần thục thì quý vị cũng được sinh về thế giới Cực lạc. Nếu quý vị luôn đem Tịnh độ để giáo hóa mọi người, lại khiến mọi

người giáo hóa lẫn nhau, thì hiện đời có thể tiêu trừ được ác nghiệp và thân sau quý vị cũng được gặt hái được phước báo nhiều vô cùng.

29. Khuyên người phong trần.

Chị em phong trần nên nghĩ thế này: Sinh làm thân con gái đã là ác nghiệp rồi, huống gì ta lại nổi trôi nơi gió bụi nữa. Nghiệp của ta quả là vô cùng bất thiện!

Nếu chị em luôn luôn tỉnh ngộ để đoạn trừ nghiệp dâm thì phúc đức vô cùng, nhưng nếu chưa bỏ được thì nên cũng thường xuyên niệm A-di-đà Phật và phát đại nguyện rằng: "Nguyện ác nghiệp của tôi ngày một tiêu trừ, thiện nghiệp ngày càng tăng trưởng. Áo quần, thức ăn luôn đơn giản và biết đủ. Nguyện tôi sớm được rời ngưỡng cửa này! Nguyện sau khi được thấy Phật, được thành đạo, tôi sẽ độ tất cả những kẻ vì tôi mà sa vào vòng dâm dục, khiến tất cả họ đều sinh về Tịnh độ". Nếu chị em giữ gìn những ý tưởng ấy liên tục thì chúng sẽ tự thuần thục và chắc chắn chị em sẽ được sinh về thế giới Cực lạc. Nếu chị em luôn đem Tịnh độ để giáo hóa mọi người, lại khiến mọi người khuyến hóa lẫn nhau, thì hiện đời chị em sẽ tiêu trừ được tai nạn, tội lỗi; và thân sau cũng gặt được phước báo nhiều vô số.

30. Khuyên người tạo tội ác.

Những người tạo tội ác nên tự nghĩ thế này: Bình sinh ta đã tạo nhiều tội ác, một ngày nào đó, sau khi đã nhắm mắt xuôi tay thì biết làm thế nào đây?

Quý vị nên hồi tâm sám hối gấp, nên niệm A-di-đà Phật và phát đại nguyện rằng: "Nguyện sau khi được thấy Phật, được đắc đạo, tôi sẽ độ tận tất cả những người bị tôi hãm hại từ trước đến nay, khiến cho họ đều sinh về Tịnh độ." Quý vị nên giữ cho ý tưởng ấy được liên tục, thì tự nhiên chúng sẽ thuần thục. Được thế, dần dần các vị sẽ tiêu trừ được ác nghiệp, thiện duyên sẽ được tăng trưởng và chắc chắn quý vị sẽ được sinh về thế giới Cực lạc. Nếu quý vị luôn đem Tịnh độ để giáo hóa mọi người, lại khiến mọi người cùng giáo hóa nhau, thì không những hiện đời quý vị có thể tiêu trừ tội lỗi, mà thân sau cũng có được phước báo nhiều vô cùng.

31. Khuyên người bệnh khổ.

Kẻ giết hại chúng sinh thì sẽ bị quả báo đoản mạng, người tùy hỷ với kẻ sát hại ấy thì sẽ bị quả báo phiền não. Người bị khổ vì bệnh tật là dư báo của sự sát sinh. Quả báo của việc ăn thịt cũng là quả báo của sự não hại chúng sinh. Vấn đề thiện ác đối với con người như bóng đi theo hình, không thể nào chạy trốn được! Vì vậy, những người khổ

vì bệnh nên tự trách mình thế này: Sở dĩ ta đau khổ như vậy là do ác nghiệp của mình!

Các vị nên thường xuyên niệm A-di-đà Phật và phát thệ nguyện rằng: "Nguyện tôi không làm điều ác nữa không sát sinh nữa, không não hại chúng sinh nữa. Nguyện sau khi thoát được nỗi khổ vì bệnh tật này, được thấy Phật và được giác ngộ, tôi sẽ độ tận tất cả chúng sinh mà tôi đã giết hại ở đời trước và đời này, cho đến độ thoát tất cả kẻ oán người thân khiến cho họ đều sinh về Tịnh độ."

Quý vị nên làm cho những niệm tưởng ấy được tồn tại mãi cho đến lúc chúng tự thuần thục thì chắc chắn quý vị được sinh về Cực lạc. Nếu quý vị luôn đem Tịnh độ để giáo hóa mọi người, và khiến cho mọi người giáo hóa lẫn nhau; một khi công lực đã mạnh thì quả báo lành sẽ tự đến. như thế bệnh khổ của quý vị tất sẽ giảm và thân sau sẽ gặt hái được phước đức nhiều vô cùng.

32. Khuyên người ghét điều ác muốn làm vị Thần.

Ở đời, có người ghét điều ác, họ nói: "Thế gian toàn là kẻ ác, sức ta không trị được, đến lúc chết ta sẽ làm vị Thần để trừng trị họ chứ không muốn sinh về Tây phương! Căn cứ vào lời của Phật thì trong sáu đường, Thần là chúng sinh đọa lạc, còn Tây phương thì vượt ngoài sáu nẻo luân hồi. Vì người tu Tây phương lấy Từ bi chánh trực làm gốc, nên tất cả việc làm đều từ bi; gặp kẻ có tội thì thương xót cho sự ngu tối của họ, gặp kẻ khốn khổ thì tế độ cho họ. Như vậy, đối với mình thì không bị liên lụy, mà đối với tất cả chúng sinh thì lại có duyên lành lớn. Người lấy sân hận chánh trực làm gốc, thì tất cả việc làm đều sân hận; trách phạt lỗi người thì đem bệnh tật mà gia thêm, trị tội người thì dùng vạc lửa. Như vậy, đối với người thì bị hại còn mình thì thọ nhận phước của Thần! Vì luôn lấy sân hận để tạo nghiệp, nên bị đọa vào địa ngục. Từ địa ngục ra lại bị làm thân rắn, rết, bọ cạp v.v... không có lúc siêu thoát.

Thuở xưa, có hai vị Tăng cùng tu hành. Một vị làm việc phước nhưng lại nhiều sân nộ. Vị kia luôn khuyên vị Tăng ấy không nên sân hận, nhưng vị ấy lại không nghe. Sau đó, vị tăng nhiều sân nộ mất. Vị tăng giữ giới theo khách thuyền đến cái đình nằm trên đập của con sông, ở đó có cái miếu Thần rất linh, vị Thần ở đó thường nói chuyện với mọi người. Khách lên bờ tế Thần, vị Thần ấy nói: "Các ngươi gọi vị Tăng đi cùng thuyền đến gặp ta. Lúc vị tăng đến, vị Thần nói: "Tôi là bạn đồng tu với ông, vì sân hận mà đọa làm Thần ở đây." Vị tăng muốn nhìn thấy hình dáng của Thần nhưng vị Thần ấy không đồng ý. Vì vị

tăng đề nghị mãi nên Thần liền để lộ cái đuôi cụt của loài mãng xà. Vị Thần lại nói: "Có người cho tôi mười đoạn lụa, mong ông làm lễ truy tiến cho tôi. Hôm sau ông sẽ thấy tôi ở phía Tây của núi Hồng châu". Vị tăng làm theo lời của Thần và thật sự thấy xác rắn nằm ở phía Tây núi; con rắn dài đến hai, ba dặm. Đó là quả báo của sân hận!

Vả lại, con người có tâm hư minh, nó trong lặng như nước; nếu ta vừa khởi sân tâm thì như đem bùn đất mà ném vào nước làm cho nước bị vẩn đục; nếu ta vừa khởi tâm Từ bi thì như đem hương trầm và chiên đàn để làm cho nước càng trong trắng hơn. Tại sao chúng ta không khởi từ tâm để tu tập hạnh Tây phương mà lại sân hận để bị đọa làm Thần? Quả thật là đáng thương xót!

33. Khuyên người trong quân đội.

Các vị nên nghĩ rằng: Chúng ta nhận sự nuôi dưỡng của quốc gia; lương bổng, lụa là đều do sức lao khổ của dân mà có; cơm ăn, áo mặc của bọn ta và tiền bạc để phụng dưỡng song thân, nuôi dưỡng vợ con đều do quốc gia ban phát, dân chúng góp sức. Vì vậy, lúc vô sự bọn ta luôn tu chỉnh binh khí, luyện tập binh mã và cung tên; chấn chỉnh quân đội nơi đáng sợ, tiêu diệt giặc loạn lúc chúng chưa manh động, sao cho quốc gia được an bình và giàu có, dân lành được yên ổn. Mỗi ngày các bạn nên niệm thầm một ngàn tiếng A-di-đà Phật; nguyện trong cõi mịt mờ giúp thêm khí lực, làm mạnh quân đội, để lúc có nạn thì có sức mà chế ngự, dẫu mất mạng nhưng không hối tiếc. Lúc vô sự thì lấy sự yên tĩnh để trấn an, không phải vì tham công mà giết càn mà chỉ mong cầu cho đất nước được yên ổn, sinh dân luôn được thái bình. Đó chính là tâm của vị Bồ-tát phát làm hạnh tướng quân.

Lại nữa, nếu các bạn đem Tịnh độ để dạy người, và lại khiến mọi người cùng giáo hóa lẫn nhau, nhờ vậy thiện niệm được chín muồi, phước lộc càng tăng và thân sau chắc chắn bạn sẽ được sinh về Trung thượng phẩm.

34. Khuyên người ác khẩu.

Thân, miệng và ý gọi là ba nghiệp, quả báo mà kinh tạng nói phần nhiều do khẩu nghiệp, bởi vì miệng dễ phát nên lời lẽ. Kinh nói: "Ngày xưa, có kẻ giận mẹ vì bới cơm đến trễ nên nói: Sinh trong bụng mẹ không bằng sinh trong bụng con hưu. Đời sau, kẻ đó thác sinh vào bụng con hươu." Lại có kẻ đem thức ăn cho người khác, vì người nhận không vừa ý nên kẻ đó liền nói: "Cho người không bằng con chó. Sau đó kẻ đó bị làm thân chó." Hai trường hợp đó là quả báo của miệng.

Ác khẩu là miệng nói lời độc ác, sân nộ, ngôn ngữ không ôn hòa.

Đời nay, người ta gọi ác khẩu là "lời dơ bẩn". Quả báo của ác khẩu vốn đã không lành; còn quả báo của lời bẩn dơ lại là địa ngục và súc sinh. Đa phần người đời vì không biết quả báo như thế nên luôn luôn dùng miệng ác và lời bẩn để đối nhân xử thế. Tôi mong rằng ai ai cũng nên cố gắng ngăn giữ căn bệnh miệng ác, lời bẩn ấy, nên thường xuyên niệm A-di-đà Phật để gội rửa sự bẩn ác của khẩu nghiệp. Các vị cũng nên thường xuyên niệm danh hiệu A-di-đà Phật để chùi gội sự bẩn ác của nhĩ căn và nguyện đem thiện nghiệp của việc niệm Phật để kỳ cọ sự bẩn ác từ vô lượng kiếp đến nay. Làm như thế thì thiện nghiệp của quý vị ngày một chín muồi và ác nghiệp ngày càng tiêu giảm. Nếu các vị còn đem Tịnh độ để dạy người và lại khiến mọi người cùng giáo hóa lẫn nhau thì tai nạn có thể tiêu, phước lộc có thể lâu bền và thân sau sẽ được sinh vào Trung, Thượng phẩm.

35. Khuyên đồng nam.

Người ta lúc sinh con trai, mới bảy tuổi đã cho nhập học là vì muốn con được biết văn nghĩa. Đến lúc con lớn khôn thì lập gia đình. Đó là tấm lòng của các bậc cha mẹ. Họ nào biết rằng, đời người thật khó bảo toàn được; hoặc gặp oan gia đến nỗi chết oan, hoặc là oan nghiệp đời trước nay thác sinh để não hại cha mẹ, để phá nát gia sản.

Tôi phụng khuyến các bậc làm cha mẹ thế này: Lúc bé vừa biết nói, hằng ngày quý vị nên niệm bốn Thánh hiệu của Tây phương, mỗi Thánh hiệu mười tiếng cho nó nghe, và tụng một biến bài kệ của Bồ-tát Đại Từ cùng tụng bài chú Vãng sinh. Nếu một ngày quý vị tụng đủ năm trăm hoặc một ngàn biến, thì trong một đến hai năm, có thể đủ ba mươi vạn biến, vì bài chú này chỉ có năm mươi chín chữ và rất dễ trì tụng. Bắt đầu tụng từ lúc nó được sáu tuổi và đến bảy tuổi thì ngừng và không nên sợ việc học của nó sẽ bị trở ngại. Nếu đời này nó và quý vị không có oán kết gì thì đó cũng là thiện nghiệp lớn lao của nó, nghĩa là tai nạn được tiêu trừ và phước đức được tăng trưởng; nếu đời này quý vị với nó có oán kết thì nhờ sự trì tụng ấy oan kết được cắt lìa. Quả là công việc hết sức tốt lành! Nếu chư vị không tin lời tôi thì đến lúc gặp sự cố có hối hận cũng không kịp.

Khổng Tử nói: "Nếu người ta không nói: Tôi biết làm thế nào, tôi biết làm thế nào? Thì ta cũng không biết nên làm thế nào!"

36. Khuyên thất nữ.

Tôi thường thấy đa phần phụ nữ bị bệnh tật hoặc mất mạng là do sinh sản. Sở dĩ có nông nỗi đó là do đời trước bà mẹ có oán kết với đứa con.

Trong Tạng kinh có nói: “Nếu ai trì tụng chân ngôn Bạt nhất thiết nghiệp chướng căn bản Vãng sinh Tịnh độ, thì Đức Phật A-di-đà luôn đứng trên đỉnh đầu người ấy và không cho oan gia làm hại. Hiện đời, kẻ ấy được an ổn, sau khi mất sẽ được vãng sinh tùy theo ý nguyện của mình. Nếu kẻ ấy trì tụng đủ hai mươi vạn biến, thì mầm Bồ-đề sinh khởi, tụng đủ ba mươi vạn biến thì sẽ được diện kiến Đức Phật A-di-đà.”

Tôi phụng khuyến những thiếu nữ lúc còn ở cạnh song thân, nên giảm bớt công việc, tắm gội sạch sẽ và mỗi ngày nên tụng niệm bốn Thánh hiệu, mỗi thánh hiệu mười tiếng. Ngoài một biến bài kệ của Bồ-tát Đại Từ ra mỗi ngày các cháu nên trì tụng năm trăm hoặc một ngàn biến bài Thần chú này thì không quá một đến hai năm, các cháu có thể tụng đủ ba mươi vạn biến. Thực hành như thế thì sau khi lập gia đình, các cháu sẽ tránh được những sự nguy hiểm do sinh sản.

Nếu các bậc cha mẹ phá rối việc tu tập của con mình, hoặc không tin những lời nói này, thì một mai gặp phải oan trái làm con mình lâm vào tai nạn có hối hận cũng không kịp. Nếu đời này con gái của mình không có oán kết, lúc còn ở với cha mẹ nên tụng chân ngôn này trước đủ ba mươi vạn biến, để gieo đại thiện căn, thực hành đại thiện duyên ấy thì làm gì cũng được. Yêu thương nhau bằng cách ấy thì quả là vô cùng tốt lành và vô cùng lớn lao. Nguyện các cháu cố gắng tu trì!

37. Miệng con bát bát nhi sinh hoa sen.

Có một người nuôi một con vẹt tên tục là Bát Bát Nhi. Lúc gia chủ thấy nó bắt chước vị tăng để niệm Phật, thì ông ta liền cúng nó cho vị Tăng ấy. Vị Tăng này luôn dạy nó niệm A-di-đà Phật. Sau khi con Bát Bát Nhi chết, vị Tăng làm một áo quan nhỏ để chôn; sau này, trên mộ nó sinh ra một đóa sen. Vị Tăng ấy mở áo quan ra để xem thì thấy rễ của hoa sen mọc từ miệng của nó.

Có người làm bài kệ tặng nó thế này:

“Có một con chim tên Bát bát,
Theo Tăng luôn miệng niệm A-di,
Chết chôn đất bằng hoa sen nở,
Bọn ta nhân loại có nên gì?”

Bởi vì Đức Phật A-di-đà có nguyện rằng: “Nếu chúng sinh niệm danh hiệu của tôi thì chắc chắn được sinh về nước tôi”.

Thông thường nói chúng sinh tức là trên từ Trời và người, dưới đến những loài trùng kiến cực nhỏ đều là chúng sinh cả. Như vậy chắc chắn con Bát bát nhi ấy được sinh về thế giới Cực lạc và thành bậc

thượng thiện.

Than ôi! Nếu được làm người mà không biết Tịnh độ và không tu tập thì quả thật là đau xót vô cùng!

Chuyện này xảy ra ở bên ngoài thành Đàm châu, nhân đó dân chúng lấy tên của nó mà đặt cho thành.

■

LONG THƯ TĂNG QUẢNG TỊNH ĐỘ VĂN

QUYỂN 7

Người tham thiền phần lớn không tin Tịnh độ, bởi họ cho rằng Tịnh độ là chấp tướng. Họ chỉ muốn “Chỉ thẳng tâm người; thấy tánh thành Phật” mà thôi! Giáo thuyết ấy quả là siêu việt nhưng không dễ gì đạt được. Cũng vì vậy mà có rất nhiều người bị lầm lạc.

Vì lý do đó tôi nói rõ về chỗ hỏng của việc tham thiền đồng thời dẫn sự tích làm bằng chứng để nói với những người tu tập nhưng không biết những điều quan trọng của nó. Cho nên, quyển này có tên là “Chỉ mê quy yếu” (Chỉ ra điều sai để quy về điều quan trọng).

1. Tằng Lỗ Công là hậu thân của Thanh Thảo Đường.

Đời Tống có hai vị Thanh Thảo Đường. Vị trước năm ngoài chín mươi tuổi, có người đàn bà họ Tằng thường cúng thức ăn và bố thí vật dụng cho Hòa thượng. Vì cảm ân đức đó nên Hòa thượng nói với bà: “Lão tăng sẽ làm con trai phu nhân.” Một hôm, trong khi sinh nở, bà sai gia nhân đến chùa xem thật hư thế nào. Người nhà đến chùa và về nói với bà rằng Hòa thượng Thảo Đường đã ngồi mà viên tịch. Đứa bé tức là Tằng Lỗ. Do đời trước thường tu tập phước và tuệ nên đời này ông đỗ đạt cao, sau này làm đến chức Tể tướng. Dưới nhãn quan của thế gian thì danh lợi như thế đã là cùng tột, nhưng dưới nhãn quan của nhà Phật thì quả là một sự mê lầm. Vì sao? Vì phú quý trần gian vốn chóng tàn, lúc hưởng hết thì vẫn hoàn toàn tay trắng phải tùy nghiệp mà đi và lại bị luân hồi không có ngày thoát khỏi. Như thế sao bằng sinh về Tây phương để được thấy Phật, được thoát vòng sinh tử rồi trở lại thế gian làm Tể tướng? Nhờ vậy mà dẫu thọ sinh trong bào thai nhưng không bị mê muội vì nhất tánh đã sáng suốt; dẫu ở tại luân hồi nhưng vẫn tự tại và đi hay ở đều tự biết. Nếu chúng sinh ta chưa thoát được sinh tử mà vẫn cố chấp ân nghĩa thì không thể thoát vòng tham ái và sẽ ở mãi trong luân hồi. Tính toán sai lầm đến thế quả là hết mực!

2. Tô Đông Pha là hậu thân của Thiền sư Ngũ tổ giới.

Ngũ tổ giới thiền sư là tiền thân của Tô Đông Pha. Do đời trước tu

tập nên đời này thông minh xuất chúng; nhưng do tập khí ngũ độc chưa trừ hết, nên đời này có duyên nặng với thi ca; và cũng vì "Ý tại ngôn ngoại" nên bị đày ải. Đó cũng là sự mê lầm lớn! Nếu đời trước, lúc làm Tăng ông ta vừa tham thiền vừa tu tập Tây phương thì chắc được sinh về Cực lạc để thành tựu đại phước tuệ, và tất nhiên là không bị sinh vào lại cõi này để chịu bao đau đớn.

Tôi nghe nói, khi đi về phương Nam ông chỉ mang theo quyển A-di-đà. Mọi người hỏi lý do. Ông đáp: "Đây là sổ công cứ để sinh về Cực lạc." Nếu thật thế thì bây giờ Đông Pha học sĩ mới tìm ra phương sách. Âu đó cũng là nhờ thiện căn đời trước và sự thông minh xuất chúng nên nay mới ngộ được cái lý của Tịnh độ.

Nghe nói, đời trước Lỗ Trực là phụ nữ chuyên tụng kinh Pháp Hoa; nhờ công đức ấy nên đời này thông minh và được làm quan. Đó là nghiệp duyên mà đến. Nếu sinh Tây phương thì phước báo đâu chỉ chừng ấy.

3. Hậu thân của Triết lão nhiều sầu khổ.

Triết Lão trụ ở ngôi chùa lớn tại Kinh đô. Bốn mươi năm sư không bao giờ ngủ. Do sự tọa thiền tinh khổ như vậy nên sau này khi viên tịch ngay cái áo giấy khi đốt cũng có xá-lợi. Trong số những người làm quan, có vị đem ba mươi hai ngàn tiền vàng để mua một cái, bởi nó có xá-lợi. Hiệu nghiệm tu tập của sư siêu việt đến thế, nếu tu Tây phương thì sẽ là Bồ-tát Bất thoái chuyển địa. Tức là bậc đã "Sinh tử tự như". Nếu trở lại cõi này để tế độ chúng sinh thì có gì mà không làm được. Do sư không tu pháp môn này nên sinh vào gia đình quá sức giàu sang, mà suốt đời chỉ chịu nhiều buồn khổ. Thật đáng buồn thay! Bởi lẽ có đại giàu sang chăng nữa rồi cũng hết và cũng bị luân hồi như cũ.

Có người biện bạch rằng: "Do Triết Lão tu hành quá cần khổ, nên đời này chịu lắm nỗi sầu đau. Ý Ngài thế nào?" Đáp: Đức Phật dạy:

"Dẫu trải trăm ngàn kiếp,
Nghiệp đã làm còn nguyên,
Lúc đầy đủ nhân duyên,
Tự mình mang quả báo".

Đại sư Vĩnh Gia cũng nói:

"Thoát thì không cả nghiệp xưa và nay,
Chưa thì phải bồi hoàn nợ trước".

Lý do Triết Lão chưa thoát được sinh tử, đời này sinh vào nơi đại phú quý là do tâm nguyện của đời trước. Sở dĩ đời này chịu trăm cay ngàn đắng là vì lúc đầy đủ nhân duyên thì phải trả nợ cả trăm ngàn đời

trước. Nếu được sinh về Tây phương thì làm gì có thảm trạng như thế? Bởi vì sinh về Cực lạc thì được thoát vòng sống chết, nhờ vậy, dẫu vào trong thế giới sinh tử của tất cả chúng sinh để thực thi công cuộc tế độ rộng lớn, nhờ nhất tánh đã sáng suốt, nên vẫn siêu thoát ngoài ba cõi.

Vả lại, sở dĩ Triết Lão tu hành tinh khổ như thế mà vẫn bị trôi lăn trong ba cõi là bởi bờ của ba cõi quá cao, biển khổ quá sâu và ba đào quá dữ dội.

Người tu Tây phương được siêu thoát là nhờ nương tựa vào Phật lực. Đã có Phật lực mà không chịu cậy nương, nào khác kẻ bần cùng đói khát gặp người giàu sang nhưng không chịu nhờ vả! Thật đáng buồn thay!

4. Hậu thân của Cổ lão say đắm cảnh giàu sang.

Trước kia, trưởng lão Huệ Cổ trụ ở Thư châu tỉnh Thái Bình. Kế đến Sư lại trụ ở ngôi chùa lớn tại tỉnh Triết Đông. Sư còn có tên là Hành Tôn Túc. Sau khi mất, sư sinh vào gia đình tể tướng và đỗ đạt cao, người đời đều cho là vinh hoa phú quý. Nhưng dưới nhãn quan Phật giáo thì hiện trạng ấy quả là vô cùng thất sách. Vì sao? Vì đời trước thì trai giới nhưng đời này lại ăn thịt cá và lẽ tất nhiên sẽ cho thịt cá là ngon; đời trước thì thanh tu nhưng đời này lại cận kề với sắc dục và cố nhiên sẽ cho sắc dục là tuyệt vời nhất; đời trước điềm đạm thanh tịnh còn đời này lại hưởng thụ giàu sang và dĩ nhiên sẽ cho phú quý là chân lý!

Ví như con voi to lớn đi vào đầm lầy, càng bước càng lún sâu mà không biết làm thế nào để thoát nạn. Kinh Lăng Nghiêm nói:

“Văn sở văn tận,
Tận văn bất trụ;
Giác sở giác không,
Không giác cực viên”.

(Nghe và điều được nghe chấm dứt; không trú ở nghe. Biết và cái được biết thành không; không giác là giác cực tròn đầy).

Nghĩa là, kinh nói điều được nghe đến sự nghe đều chấm dứt, cả sự chấm dứt và sự nghe đều không đình trụ. Vì vậy, sống giữa thế gian tuy được hưởng thụ dục lạc, nhưng dục lạc ấy không đình trụ. Cái gì không đình trụ thì cái ấy là quá khứ; đã quá khứ thì không bền lâu. Lại nữa, “Sự nhận biết và cái được nhận biết đều quy về không”. Không tức là giả. Nếu kẻ nào tri nhận được không ấy thì tánh của chân giác vô cùng tròn đầy và không bị đọa lạc nữa. Nếu Cổ lão ngộ được chân lý đó thì sẽ không sinh vào gia đình tể tướng. Trái lại, dẫu chưa giác ngộ được chân tánh, nhưng nếu có tu Tây phương thì Cổ lão có thể thoát

khỏi luân hồi. Kinh Lăng-già nói: “Người tu hành giống như gạn nước đục, tuy đã gạn cho trong nhưng chưa vét hết bẩn ở đáy nên khi quậy lên thì nước lại vẫn đục như cũ.” Đó là trường hợp của Cổ lão thiền sư. Còn nếu được sinh Tây phương, được thấy Phật và được thành đạo, rồi sinh lại cõi này thì giống như nước đã được vét hết bẩn nên trong veo, dẫu khuấy nữa cũng không bị đục. Bởi vậy, dẫu Cổ lão có tên là Hành Tôn Túc đi nữa cũng phải tu tập Tịnh độ.

Quả thật tấm gương của Cổ lão đủ cho chúng ta soi ngắm bản thân mình!

5. Sinh về tây phương như việc nhận quan ở hiện đời.

Như người có chức quan nhưng không nhận mà lại muốn học tập nữa để đạt đại khôi. Cố nhiên, chí hướng ấy thật vô cùng cao cả. Nhưng đại khôi đâu dễ dàng đạt được. Vì vậy không bằng người vừa nhận chức quan, vừa tiếp tục học tập. Nếu được đại khôi thì như vẽ thêm hoa trên gấm; nếu không được thì cũng còn có chức quan. “Người tu Tây phương” tức là nhận chức quan. “Vừa tiếp tục học tập” tức là kiêm cả việc tu thiền. “Không được đại khoa” tức là tham thiền chưa được khai ngộ. “Không mất chức quan” tức là thoát sự luân hồi và thọ nhận niềm an lạc lớn. Một khi đã sinh về Cực lạc, được thấy Phật, được nghe pháp, thì sao lại không được đại ngộ? Bởi vậy chúng ta không thể phế bỏ giáo lý Tịnh độ!

6. Ba vị Bồ-tát tu Đâu-suất.

Trong “Thập nghi luận”, Ngài Trí Giả nói rằng: “Có ba vị Bồ-tát tu Tịnh độ Đâu-suất. Vị thứ nhất tên Vô Trước, vị thứ hai tên Thế Thân và vị thứ ba tên Sư Tử Giác. Họ hẹn nhau rằng, ai sinh vào Đâu-suất trước và được thấy Ngài Di-lặc thì quay về báo cho nhau biết. Sư Tử Giác viên tịch trước, nhưng qua mấy năm sau mà vẫn không thấy trở về. Sau đó Bồ-tát Thế Thân viên tịch, mãi đến ba năm sau mới về báo rằng: “Ngày ở cõi Trời rất dài. Tôi vừa sinh vào Đâu-suất và lễ Đức Phật Di-lặc, nghe người thuyết pháp xong lập tức quay về đây mà đã ngót ba năm!” Vô Trước hỏi tình hình của Sư Tử Giác thì Thế Thân đáp: “Sư Tử Giác sinh vào Đâu-suất ngoại viện, vì ông ta luyến tiếc nhạc Trời nên chưa được thấy Đức Phật!”.

Vì Bồ-tát ở Đâu-suất còn luyến tiếc nên không được thấy Phật. Bởi lẽ, luyến tiếc là gốc rễ của luân hồi. Qua đó, ta biết rằng Tịnh độ Đâu-suất rất khó, mà lại có sự đọa lạc, nên không thể nào so sánh với hoàn cảnh dễ tu và không có tình trạng đọa lạc của Tây phương được.

Đại sư Trí Giả lại nói: “Có người được thấy Đức Phật Thích-ca

nhưng vẫn không thành đạo, nhưng người tu Tây phương được thấy Phật A-di-đà thì ai cũng được thành Phật.” Như vậy, ai cũng nhận thấy rằng nguyện lực để gia bị cho hành giả của Phật Thích-ca và A-di-đà là hoàn toàn khác nhau. Vì vậy kệ của Bồ-tát Đại Từ viết rằng:

“Phật A-di-đà,
Là tối thắng nhất,
Trong tất cả Phật,
Ba đời mười phương.
Niệm danh hiệu Ngài,
Trừ tất cả tội,
Liền sinh Tịnh độ”.

Chí lý thay là những lời kệ trên!

7. Hậu thân của Ni sư Pháp Hoa làm cô hát ở nhà quan.

Trong nhà của Âu Dương Vĩnh Thúc Tri người tỉnh Dĩnh Châu, có một cô đào hát ở cửa quan, miệng có mùi thơm của hoa sen. Có vị tăng biết đời trước nói rằng kiếp trước cô đào ấy là ni cô chuyên tụng kinh Pháp Hoa suốt ba mươi năm, nhưng chỉ vì sai lầm trong một niệm mà đời này lâm vào cảnh ngộ ấy. Hỏi cô đã từng đọc kinh Pháp Hoa chưa? Cô đáp: “Đã thất thân vào chỗ xướng ca thì làm gì có thời gian để tụng kinh!”. Người nhà mang kinh Pháp Hoa cho cô, cô liền đọc tụng như nước chảy, nhưng khi mang kinh khác ra thì cô không đọc được. Qua thử nghiệm ấy, người ta mới tin lời vị Tăng nói. Nếu ni cô biết pháp môn Tây phương thì đời trước đã được sinh lên Thượng phẩm thượng sinh rồi; nhưng vì không biết nên đọa vào làng ca kỷ. Quả là vô cùng đau xót!

Cũng từ chuyện đó ta biết rằng, người luôn đem pháp môn Tây phương để giáo hóa cho mọi người, thì công đức cứu độ thật hết sức vĩ đại và phước báo của họ cũng không thể lường đo được.

■

LONG THƯ TĂNG QUẢNG TỊNH ĐỘ VĂN

QUYỂN 8

Thế giới Cực lạc cách cõi Ta-bà này đến trăm, vạn thế giới độ. Luận ở sự thì khoảng cách đó là không thể nói được. Nhưng vì tuệ tánh của Đức Phật vốn hàm chứa cả hư không thế giới, cho nên những sự cất bước, động niệm của chúng sinh đều nằm trong tuệ tánh của Phật. Nếu mọi người tu đều chí thành đều khẩn thiết thì đều có sự ứng nghiệm.

Vì vậy, ở quyển này tôi trần thuật những sự ứng nghiệm của người tu Tịnh độ.

1. Thấy người sát sinh, nhờ niệm Phật nên được phước.

Quán Âm Cảm Ứng Ký nói: "Tên Trịnh Lân chết ở âm phủ, nhưng do ngục tốt nhầm nên ông ta được phóng thích. Diêm Vương dặn ông: Khi về trần gian, ngươi nên cố gắng làm điều thiện; lúc thấy người khác sát sinh ngươi nên niệm A-di-đà Phật và Quán Thế Âm là đủ. Nếu chúng sinh bị giết ấy được thọ sinh thì ngươi cũng có phước." Qua chuyện này ta biết rằng, nhờ niệm A-di-đà Phật mà có thể cầu siêu cho người mất, có thể tăng trưởng phước thọ, chứ không chỉ thân sau được vãng sinh mà thôi.

2. Trần Xí niệm Phật đuổi được quỷ.

Vọng Giang Trần Xí là người cùng quận với tôi. Ông ta từng giết lầm người khác. Sau này vì thấy quỷ, sợ quá ông ta mới vội niệm A-di-đà Phật, nhờ vậy quỷ không dám đến gần. Ông tiếp tục niệm nên quỷ liền biến mất và từ đó ông chuyên tâm niệm Phật. Lúc lâm chung, ông ngồi mà đi. Nửa năm sau, ông nhập vào người cháu gái tên là Diệu Quang mà nói: "Nhờ niệm A-di-đà Phật nên tôi được sinh về Cực lạc." Mỗi lời nói, cử chỉ của ông đều như lúc còn sống. Những người quen biết thân thích đều đến xem. Đến hai ba ngày, người nhà nói: "Tiếc thay, lúc còn sống ông chưa từng truyền được hỷ Thần cúng dường." Ông liền hiện hình, nghiêm trang như lúc còn sống, chỉ có mặt mày là có vẻ trẻ ra, bởi chúng sinh ở Tây phương được sống lâu không già. Đầu ông như nhục đỉnh của Phật, vì đó là dấu của sự thành Phật dần dần.

Câu chuyện này do sĩ nhân Chu Minh Thúc người Vọng giang kể cho tôi nghe.

3. Trâu Tân Vương niệm Phật nên được tỉnh mộng.

Tôi hay đem giáo lý Tây phương nói cho sĩ nhân ở Trấn Giang là Trâu Tân Vương nghe. Tôi lại nói rằng: "Nếu bạn bận rộn lắm thì chỉ cần vào sáng sớm, chấp hai tay và quay mặt bề hướng Tây mà niệm mười tiếng Nam-mô A-di-đà Phật cũng được." Tân Vương tin lời tôi mà tu tập. Đêm đến, Vương nằm mộng thấy mình cùng số sĩ nhân phó pháp. Chính lúc đang sợ hãi, Vương liền niệm A-di-đà Phật, niệm đến mười tiếng thì tỉnh giấc. Đó là Đức Phật dùng phương tiện để làm cho tín tâm của Vương được kiên cố.

4. Trương Kế Tổ niệm Phật để truy tiến cho người mất.

Tôi thường đem chuyện Tây phương nói cùng sĩ nhân ở Trấn giang là Trương Kế Tổ. Kế Tổ tin lời tôi. Lúc nhũ mẫu của anh mất, anh chỉ niệm A-di-đà Phật để cầu siêu cho bà. Một đêm, anh nằm mộng thấy nhũ mẫu mặc bối tử y đến cảm tạ Kế Tổ rồi ra đi. Đó là hiệu nghiệm của việc chỉ dùng danh hiệu Phật mà cầu siêu được cho kẻ khác.

5. Lưu Tuệ Trọng niệm Phật được ngủ yên ổn.

Bạn cũ của tôi là Lưu Tuệ Trọng, người Trường hưng thuộc tỉnh Tô châu. Vì những lần mộng ông ta luôn bị sợ hãi nên tôi khuyên niệm A-di-đà Phật. Tuệ trọng chí thành niệm một trăm lẻ tám biến, ngay đêm đó ông ngủ rất ngon. Đêm sau, Trọng vẫn tụng niệm như trước, và từ đó trở đi giấc ngủ nào cũng được an bình. Qua chuyện này ta thấy, Phật lực vô cùng rộng lớn, không việc gì mà Ngài không làm được. Đây là kinh nghiệm tôi dùng để viết bài tựa "An tĩnh hình Thần".

6. Cô con dâu họ Nguyễn nhờ niệm Phật nên mắt được sáng.

Cô con dâu thứ ba tên Nguyễn Niệm là người ở Trang viên, Doanh điền, huyện Hòa ninh, quận Long thư. Vì hai mắt sắp mù nên cô luôn niệm A-di-đà Phật, nên liền được sáng. Tôi là người trực tiếp chứng kiến hiện tượng này.

7. Vua Diêm-la khuyên bà lão họ Tưởng niệm Phật.

Ở thôn Châu lâm, huyện Kim đàn, tỉnh Trấn giang, có bà lão mất năm bảy mươi tuổi. Lúc vào âm phủ, do mạng sống chưa hết nên bà sống lại. Vua Diêm-la hỏi: "Bà tụng kinh được không?" Bà đáp: "Thưa không." Vua nói: "Nếu không thể tụng kinh thì chỉ niệm A-di-đà Phật cũng được." Sau khi về trần, bà nói: "Vua Diêm-la dạy tôi niệm A-di-đà Phật" bà sống gần một trăm hai mươi tuổi mới mất. Như vậy, việc bà được vãng sinh là chuyện tất nhiên. Thêm nữa, chính nhờ niệm Phật

nên tuổi thọ của bà được kéo dài.

Câu chuyện này tôi nghe từ sĩ nhân ở Kim đàn là Nhược Diên Chi kể.

8. Thiệu An Phủ nhờ niệm Phật nên được thoát nạn.

Giang Thiệu Mang tự là Hy Văn, người đời Tấn. Lúc còn là sĩ nhân, ông mộng thấy mình đến quan phủ và mọi người đều gọi là An Phủ. Mang vui mừng nói "Điềm này báo trước ta sẽ làm đến chức An Phủ." Mang đi tới trước và thấy một quan viên. Vị ấy hỏi: "Ông biết vì sao mình chưa thi đậu không?" Mang đáp: "Không biết!" Quan viên ấy liền sai người dẫn Mang đi tìm hiểu nguyên nhân. Ông thấy một cái vạc lớn đang nấu những con hàu, lúc thấy ông những con hàu liền nói tiếng người và gọi tên ông. Ông liền niệm A-di-đà Phật, vừa xướng một tiếng là có một con hàu biến thành chim sẻ màu vàng mà bay đi. Sau này, đúng như giấc mộng, ông được đỗ vào làm quan đến chức An phủ sứ. Vì thấy việc sát sinh làm cản trở con đường tiến thân, nên ông luôn tự ngăn cấm mình; lại được chứng kiến Phật lực rộng lớn nên ông vô cùng kính tín.

Theo quan điểm của tôi thì chuyện quan chức vốn có định phân, chúng ta không nên tìm cầu một cách cẩu thả.

9. Nhờ niệm Phật nên lành bệnh phong.

Tôi sắp theo thuyền đến đập Trấn Giang nhưng vì nước cạn không đi được, nên liền ở Kim Sơn mượn bốn cuốn kinh A-di-đà v.v... để khảo sát lại; đồng thời khắc bản để truyền bá. Lúc vừa đặt bút thì bàn tay trái của tôi bị phong, những ngón tay run lên nên không viết được. Tôi liền vận động những ngón tay mà niệm dăm ba tiếng A-di-đà Phật và Quán Thế Âm, đồng thời khấn nguyện xin cho lành bệnh để hoàn thành việc chép kinh; vừa khấn nguyện xong thì những ngón tay hết run. Cho đến khi tôi chép xong toàn tập mà tay vẫn bình thường.

Qua câu chuyện này, ta thấy rằng Phật và Bồ-tát chỉ ở trước mắt mình, chỉ vì niềm tin của chúng ta quá cạn mỏng!

10. Nhờ niệm Phật nên thoát được sợ hãi trong giấc mơ.

Mỗi lúc bị sợ hãi trong cơn mộng, tôi luôn niệm A-di-đà Phật và Quán Thế Âm Bồ-tát, nhờ vậy mà lúc nào tinh Thần cũng được an ổn và lập tức tỉnh giấc. Qua đó, ta thấy rằng uy Thần của Phật và Bồ-tát mạnh vô cùng, chỉ cần người tu có một niềm tin sâu bền thì sẽ có sự ứng nghiệm ngay.

11. Nhờ niệm Phật nên không bị nhà đè chết.

Có một bà lão bị mù cả cặp mắt nên thường nhờ cháu dẫn đi, bà

chuyên niệm Đức Phật A-di-đà. Một hôm, hai bà cháu đứng nghỉ dưới một căn nhà cũ, bỗng nhiên căn nhà bị nghiêng đổ, đứa bé bỏ chạy chỉ còn bà vẫn đứng ở đó. Lập tức, có hai trụ gỗ gác với nhau che chắn phía trên, nên bà lão thoát chết. Đó là sự kỳ diệu của việc niệm Phật. Câu chuyện này tôi nghe Cư sĩ Diệu Định kể.

12. Nhờ niệm Phật nên bệnh tật giảm.

Có vị quan tên Lý Tử Thanh ở trọ tại Tú châu. Ông ta thích giáo lý của Lão Tử và thường theo học với tôi. Năm trước, Thanh bị khốn khổ mãi vì bệnh tật. Tôi nói: "Chỉ sợ Tử Thanh không tin mà thôi, nếu tin thì bệnh sẽ lành ngay!" Tôi liền trao cho Tử Thanh một phương thuốc và nói lúc nào bệnh phát thì niệm A-di-đà Phật mà uống. Tử Thanh nghe lời tôi nên bệnh giảm ngay hôm đó đến tám phần. Ngày tiếp theo, Tử Thanh lại uống và niệm Phật như trước, nhờ thế mà bệnh lành hẳn. Từ đó, Tử Thanh càng tin sâu hơn nữa đối với giáo lý nhà Phật và thường để bản "Tịnh độ Văn" trong tay áo.

13. Nhờ niệm Phật nên bệnh lâu ngày được lành.

Cô con gái nhà họ Lương bị mù cả hai mắt. Cô ta niệm Phật A-di-đà liên tục trong ba năm, nên hai mắt được sáng. Lại nữa, phu nhân họ Bằng nhờ niệm Phật mà bệnh lâu ngày được lành. Xin bạn đọc đọc ở quyển 5.

14. Thêu tượng Phật có xá-lợi.

Phủ Cống châu, cung nhân của Liêm trung đại phu thêu tượng Phật A-di-đà cao một trượng sáu. Vừa thêu một nửa thì xá-lợi xuất hiện. Câu chuyện này do người thân thích của đại phu là Trịnh Phùng Nguyên kể cho tôi nghe.

15. Tượng Phật thường có xá-lợi.

Chung Ly Thiếu sư Trạch ở Chân châu bắt đầu tu Tây phương nhờ phu nhân họ Nhậm. Ông ta khắc một tượng A-di-đà dài bốn tấc tám phân, và trang hoàng rất trang nghiêm; lại thường đội tượng ấy trên đầu để hành trì. Tượng ấy luôn xuất hiện xá-lợi giữa hai lông mày. Xá-lợi lớn như hạt thóc, ánh sáng chiếu cả người ông. Chuyện này tôi rút ra từ Bảo Châu Tập.

16. Mộng thấy Phật liền được thông minh biện tài.

Tuệ Tư Thiền sư người đời Tùy, nhân nằm mộng thấy Đức Phật A-di-đà thuyết pháp, nên sau đó sư thành người thông minh và biện tài. Những điềm lành không chỉ xuất hiện một đôi lần. Chuyện này tôi rút ra từ Vãng sinh truyện.

17. Niệm Phật chữa lành bệnh.

Những năm gần đây, ở Tú châu có một vị tăng thường niệm A-di-đà Phật để trị bệnh cho người khác. Những người bệnh mời Sư đến thường được thuyên giảm. Đây là câu chuyện mà người ở Tú Châu thường kể.

18. Nhờ niệm Phật nên cháu được thoát nạn.

Trong thôn tôi có một lão già, mỗi lúc có sự cố gì ông ta liền chắp tay ngang trán mà niệm A-di-đà Phật. Cháu của ông mới hai, ba tuổi, đi cùng mẹ ra đồng ruộng nhưng bỗng nhiên bị lạc. Lão tìm hỏi nhưng không thấy. Vài ngày sau, có người nói với lão rằng nó đang ở ngoài khe. Y lời, ông tìm thấy nó và lại thấy dấu chân của nó in khắp khe. Khe ấy rất sâu, ông không hiểu vì sao nó lại qua được bờ bên kia lại không bị suy suyển gì, dầu trải qua mấy ngày. Mọi người đều bảo rằng, nhờ ông của nó chí thành niệm A-di-đà Phật nên mới chiêu cảm được phước lành ấy.

■

LONG THƯ TĂNG QUẢNG TỊNH ĐỘ VĂN

QUYỂN 9

Kinh Thập Lục Quán nói: “Nhân của Thượng phẩm thượng sinh là đọc tụng kinh điển Đại thừa, giải Đệ nhất nghĩa.” Vì vậy, người tu Thượng phẩm phải biết rõ yếu chỉ sâu thẳm của Đức Phật. Nhưng hiện nay, đối với người tu, ngay cả ý cạn còn chưa biết nói gì ý sâu! Vì vậy, những điều thiết yếu từ cạn đến sâu trong sự dụng công hằng ngày đều được trình bày ở đây, nên tôi gọi là “Trợ Tu Thượng Phẩm”.

1. Nói về chữ tập.

Yếu chỉ mà Khổng Tử dùng để dạy ba ngàn đệ tử không nằm ngoài bộ Luận Ngữ. Nhưng chương đầu tiên lại lấy câu “Học nhi thời Tập chi. Như thế, câu đó là công việc đầu tiên và cấp thiết nhất. Bởi lẽ, “Học” nghĩa là học làm quân tử, làm Thánh nhân thì không thể là việc của một sớm một chiều mà được, nên cần phải vận dụng thời gian để tu tập dần dần. Nếu muốn học được đức tính rộng lớn thì tập ở lúc hẹp hòi; học tín ôn hòa thì tập ở lúc phẫn nộ; học đức tính khiêm cung thì tập ở lúc ngạo mạn; học đức tính lương thiện thì tập ở lúc gian xảo; học đức tính khiêm nhượng thì tập ở lúc tranh thắng; và học đức tính cần mẫn thì tập ở lúc biếng nhác. Song, nói “Tập ở thời” nghĩa là tập ngay những lúc mình đang có việc. Có như thế, việc tập ấy mới không phải là việc hư giả và tất nhiên việc tập của mình mới chắc chắn thành tựu. Việc tập mà thành thì hẳn nhiên là bản thân mình tự có niềm an lạc. Vì vậy mà Khổng Tử nói “Lẽ nào lại không có niềm vui”. Kẻ ngộ nhận được chân lý ấy thì có thể thực hành dễ dàng tất cả điều thiện được nói trong luận ngữ, và cũng do đó mà ta biết được thâm ý của Khổng Tử khi Ngài đem câu ấy mà đặt ở phần đầu của mỗi chương.

Những người tu Tây phương để tiến đến chân lý thì lại càng biết quý chữ tập hơn nữa, cho nên cần phải nhận thức thật thấu đáo về chữ tập.

2. Nói về việc làm lợi cho người của Thái Thú Cát.

Niên hiệu Đại Quán, có một quan viên mua dép trong chợ ở Kinh

đô. Ông thấy một đôi dép rất lớn. Quan viên ấy hỏi thì chủ tiệm nói: "Đôi dép đó là của một quan viên đến sửa. Ông ta dùng nó để tống táng." Quan viên này hỏi bao giờ chủ nhân đến nhận và ông ta đợi. Y như lời, ông thấy cha mình xuống ngựa, trả tiền và mang đôi dép đi. Người con làm lễ nhưng người cha không đoái hoài đến rồi lên ngựa đi luôn. Người con đuổi theo hai, ba dặm liền nói lớn, vì sợ không theo kịp: "Chúng ta là cha con, sao cha không có một lời để khuyên bảo?" Người cha nói: "Những kẻ học với Cát này rất đông. Vậy người đang nói với Cát là ai?" Người con đáp: "Là người đời!"; rồi hỏi nơi ở. Lúc bấy giờ ông Cát đang làm thái thú ở Trấn Giang. Người con đến thăm. Sau khi trình bày lý do, vị quan viên hỏi: "Tại sao cha lại xem trọng chuyện bên kia thế giới vậy?" Người cha đáp: "Đầu tiên, một ngày ta làm một việc có lợi cho người khác. Tiếp đến là hai việc, sau nữa là ba hoặc bốn việc, hoặc mười việc. Ta làm như thế đến nay đã bốn mươi năm và cũng chưa bỏ dẫu chỉ trong một ngày."

Hỏi: "Làm việc gì để có lợi cho người khác?" Thái thú Cát chỉ vào cái ghế thấp ở dưới chân mà nói: "Con thấy chứ? Nếu cái ghế này không được đặt ngay ngắn thì nó sẽ kẹp chân người. Ta sửa lại nó ngay ngắn. Đó cũng là việc có ích lợi cho người khác! Lại nữa, nếu người ta khát nước, ta mang cho họ một ly, đó cũng là việc lợi người. Nói tóm lại, ta làm việc lợi người tùy theo vị trí của mình, nên trên từ khanh tướng, dưới đến kẻ ăn xin đều có thể làm được cả. Điều quan trọng là giữ cho bền bỉ."

Người con lạy cha rồi lui về. Sau này, do tuổi già nên Thái thú Cát ngồi mà mất.

Qua câu chuyện đó ta thấy rằng, những việc làm nào có ích lợi cho mọi người ta nên cố gắng để làm, những chuyện nào có hại cho mọi người thì ta nên từ bỏ. Cổ nhân nói: "Thương người và làm lợi cho vật thì gọi là Nhân." Thái thú Cát là người đã đạt được những lời cổ nhân nói. Ông ta lại chuyên tu Tịnh nghiệp và đem những việc làm đó để hồi hướng nguyện sinh Cực lạc. Sau này, có vị Tăng du Thần ở Tịnh độ và thấy ông Cát ở tại đó.

3. Nói về quả báo của bố thí.

Nhà Nho nói "Thí báo". Nhà Phật nói "Bố thí quả báo". Thật ra hai cách nói ấy không khác nhau. Đức Phật nói: "Muốn có thức ăn thì phải siêng năng trồng trọt. Muốn được trí tuệ thì phải siêng năng học hỏi. Muốn sống lâu thì phải tự ngăn cấm mình đối với việc sát hại. Muốn được giàu sang thì phải luôn bố thí."

Bố thí có bốn loại:

1. Tài thí: Tức là đem tiền của để giúp đỡ cho người khác.

2. Pháp thí: Tức là đem con đường thiện để giáo hóa mọi người.

3. Vô úy thí: Tức là khi người và loài vật đang sợ hãi, ta an ủi khiến họ được yên ổn. Hoặc ta đem cách thoát ly sợ hãi dạy cho họ khiến họ không còn sợ hãi nữa.

4. Tâm thí: Tức là tuy sức mình không thể cứu giúp vật nhưng luôn luôn nuôi dưỡng tâm cứu giúp vật.

Đức Phật dạy: "Hiếu dưỡng với cha mẹ, đó cũng là bố thí". Thông thường, đem những vật bên ngoài mình cho những người khác thì gọi là bố thí. Vì vậy, làm người dưới thì trung thành và năng nổ thờ phụng người trên; làm người trên thì đem nhân từ để làm cho chúng dân được an ổn; làm thầy thì cẩn thận ở cách giáo dục và dắt dẫn; làm bạn thì thành thật ở việc tu dưỡng. Nói chung là mỗi lời ăn tiếng nói đều cầu sự lợi ích, mỗi hành vi cử chỉ đều không làm thương tổn đối với người khác, và dùng đủ loại phương tiện mà làm lợi vật cũng như không làm cho người và vật bị tổn thương. Tất cả những điều ấy đều là Bố thí. Việc ta làm đều như thế, tâm ta cũng được nuôi dưỡng như thế, thì sao lại không gặt hái được quả báo phú quý ở đời sau?

Lời xưa nói:

"Người người đều biết có năm sau,
Nên nhà nhà đều gieo hạt năm sau,
Ai ai cũng biết có đời sau,
Sao không gieo trồng phước đời tới?"

Phước đức mà ta nhận được hôm nay là do sự tu tạo ở đời trước, cũng như lúa gạo ta ăn năm nay là do sự gieo trồng ở năm trước. Con người ta không thể gieo hạt vào buổi sáng mà có ăn vào buổi chiều được; cũng như không thể vừa tu phước mà lại thọ nhận ngay được. Vì vậy, gieo trồng lúa đậu thì phải nửa năm; gieo trồng phước đức thì phải đợi đến đời khác.

Khổng Tử nói: "Của phi nghĩa nên quẳng xuống đất, không nên giữ trong người. Lực bất chính không nên phát ra ở thân, không nhất thiết vì mình." Lão Tử nói: "Vì người thì ta càng có. Cho người ta càng có nhiều". Cả hai câu trên đều nói về việc bố thí.

Tăng Tử nói: "Điều gì xuất phát từ nơi người thì nó cũng trở lại với người."

Lão Tử nói: "Đạo Trời quý ở sự trở lại."

Hai câu trên đều nói về quả báo.

Như vậy, Nho giáo và Đạo giáo đều nói về thí báo. Nhưng hai giáo thuyết đó không nói về nhân quả thuộc phạm vi đời khác. Nghĩa là họ chỉ nói rằng nếu ta thương người thì người luôn thương mình; nếu ta kính trọng người thì người luôn kính trọng mình; nếu ta gây tai họa cho người thì người sẽ gây tai họa cho ta. Nói chung, tất cả đều là thí báo thuộc phạm vi đời này.

Biết những điều ấy để tu Tịnh độ thì thiện căn được vun bồi nhiều thêm.

4. Nói về bậc chí nhân được sống lâu.

Tôi thường nghe bậc chí nhân nói: "Thức ăn, áo mặc, tài lộc của con người đều có định số ở âm ty. Người biết kiệm ước không tham thì tuổi thọ được dài. Kẻ xa xỉ và mong cầu quá nhiều, lúc tuổi thọ hết thì những vật ấy cũng chấm dứt. Như người có ngàn đồng tiền vàng, nếu một ngày tiêu trăm đồng thì trong mười ngày sẽ tiêu hết ngàn đồng; nếu một ngày tiêu năm mươi đồng thì ngàn đồng ấy sẽ dùng được hai mươi ngày; còn nếu tiêu xài hoang phí, xa xỉ và không làm lụng, thì trong một ngày sẽ tiêu sạch ngàn đồng ấy."

Kinh Dịch nói: "Số của Trời đất là năm mươi lăm, nên thành sự biến hóa mà vận hành nơi quỷ Thần." Đó là cái lớn của Trời đất, là sự huyền diệu của biến hóa. Sự sâu thẳm mịt mờ của quỷ Thần mà còn không mất đối với số, huống gì đối với con người?

Có người hỏi: "Vì sao người có tính liêm sỉ và kiệm ước nhưng mạng sống lại ngắn, còn kẻ có tánh tham lam và hoang phí nhưng lại sống lâu?" Đáp: "Người có đức tính liêm sỉ và cần kiệm nhưng mạng sống ngắn ngủi là bởi số đời này của họ ít; nếu lại tham lam và hoang phí nữa thì mạng sống càng ngắn ngủi hơn. Kẻ có tính tham lam và hoang phí nhưng mạng sống lại dài là bởi số đời này của họ nhiều; nếu biết liêm sỉ và cần kiệm thì mạng sống sẽ dài lâu hơn nữa.

Vả lại, Trời đất không thiên vị với con người thì không thể nói số ở hiện đời là nhiều hay ít, mà nhiều hay ít là do hành vi của đời trước cả. Vì vậy mới nói rằng:

"Muốn biết nhân đời trước,
Xem thọ nhận đời này".

Điều quan trọng nhất là nếu hiện đời ta làm được nhiều việc phước thiện, thì phước và thọ sẽ được tăng. Bởi vậy, kinh thư nói: "Thần đến nghe điều ấy. Làm lớn phước của ngươi." Nếu hiện đời ta tạo lắm tội lỗi thì phước thọ sẽ suy giảm. Nên kinh thi nói: "Làm nhiều việc bất chính, tức là tự chôn mình."

Vả lại, hành giả tu Tịnh độ không hẳn chú trọng quá nhiều phước thọ, nhưng nếu làm những việc tổn phước thọ thì là mỏng đức. Há không tự răng mình ư? Những việc làm tăng thêm phước thọ tức là việc bồi bổ cho đức được sâu dày hơn, há chúng ta không nên cố gắng sao?

5. Nói về việc ăn thịt.

Đức Phật nói với Bồ-tát Đại Tuệ rằng: “Có vô số lý do không nên ăn thịt. Hôm nay Như Lai sẽ nói cho ông nghe. Nghĩa là do sự xoay vần của nhân duyên mà từ xưa đến nay tất cả chúng sinh luôn làm thân quyến của nhau; vì tưởng đến mối thân quyến đó nên không nên ăn thịt. Vì thân thể do khí phận không trong sạch nuôi lớn, nên không nên ăn thịt. Vì nếu chúng sinh nghe mùi thì đều sợ hãi, vì thế các người không nên ăn thịt. Vì ăn thịt sẽ làm cho lòng từ của người tu không sinh, bởi thế không nên ăn thịt. Vì thịt mà hạng phàm phu mê đắm, là món hôi bẩn, là món bất thiện, bởi thế các ông không nên ăn thịt. Vì thịt làm cho chú thuật không có hiệu nghiệm, bởi thế các ông không nên ăn. Vì khi kẻ sát sinh thấy hình khởi thức đều đắm sâu mùi vị, bởi thế các ông không nên ăn thịt. Những người ăn thịt thì chư thiên không đoái hoài đến, bởi thế các ông không nên ăn thịt. Vì thịt làm cho miệng có mùi hôi, bởi thế các ông không nên ăn. Vì người ăn thịt lúc ngủ hay gặp ác mộng, bởi thế các người không nên ăn. Vì nếu người ăn thịt ở nơi vắng vẻ, rừng núi, thì hổ lang sẽ nghe mùi và tìm đến, bởi thế các ông không nên ăn. Vì ăn thịt sẽ khiến cho người ta mất điều độ đối với việc ăn uống, bởi thế các ông không nên ăn. Vì thịt làm cho người tu không sinh tâm yếm ly, bởi vậy các người không nên ăn. Vì ta thường nói rằng, khi muốn ăn thịt, các ông nên tưởng là đang ăn thịt con mình, nên tưởng là đang uống thuốc, bởi vậy các ông không nên ăn thịt. Không có chuyện Như Lai nói đến việc ăn thịt.”

“Này Đại Tuệ! Những kẻ sát sinh vì tiền bạc mà giết để bán. Những người ngu ăn thịt chúng sinh kia đem tiền mà mua và đánh bắt các loài thịt. Những kẻ sát sinh ấy lấy tiền bạc, hoặc dùng cần câu và lưới để bắt những chúng sinh dưới nước, trên không và trên đất liền, chúng giết hại đủ loại chúng sinh để bán buôn và cầu lợi.”

“Này Đại Tuệ! Việc ăn thịt ấy vốn do sự giáo hóa, sự tìm cầu và ức tưởng mà có. Vì lý do đó nên các ông không nên ăn thịt.”

Đức Phật lại nói bài kệ giảng lược thế này:

“Vì lợi mà giết chúng sinh
Đem tiền mua đủ loại thịt
Cả hai đều là nghiệp ác

Chết đọa ngục Gọi kêu.
Nếu không do giáo hóa
Cùng tìm cầu ức tưởng
Thì không có tam tịnh nhục
Tất cả đều có nguyên nhân
Vì thế, thịt không nên ăn.
Rượu thịt và ngũ vị tân
Chướng ngại con đường Thánh
Ăn thịt thì không Từ bi
Xa rời biểu tướng Thánh đạo
Và con đường giải thoát
Thịt vì vậy không nên ăn.”

Vốn dĩ thịt chúng sinh không phải là vật dùng để ăn, nhưng do mắt thấy, tai nghe đã trở thành tập quán, nên không biết nó là vật không phải dùng để ăn. Người nào đoạn được việc ăn thịt thì vô cùng quý. Nếu người nào không bỏ được việc ăn thịt thì nên ăn theo phép Tam tịnh nhục, nhưng cũng nên giảm bớt thịt. Nếu ăn mà có cả mùi vị của ngũ vị tân thì nên bỏ bớt một loại. Nếu cả hai bữa ăn đều thịt thì nên ăn một bữa rau. Bởi lẽ tài lộc và khoa cử vốn có số, nên nếu ăn được như vậy sẽ được sống lâu. Người ăn rau buổi sáng thì có nhiều điều lợi:

1. Nghiệp duyên sẽ giảm bớt.
2. Thân tâm dễ được trong sạch.
3. Điều thiện không bị cản trở.
4. Không có tâm trạng chán món này thích món khác vào bữa ăn tối.

Ăn uống như vậy thì sẽ được sống lâu. Nếu người nào ăn chay thấy khó khăn thì nên dùng chi phí cho thịt cá để ăn rau thì dễ thực hành và giữ cách ăn ấy được bền lâu. Còn nếu chúng ta ăn chỉ vì muốn thỏa mãn bụng và miệng thì không bao giờ biết chán đủ cả. Có người nói: “Muốn không có kiếp binh đao ở thế gian thì chúng sinh không nên ăn thịt.” Lời nói ấy quả là đáng sợ!

Người ăn theo phép “Tam tịnh nhục” thì ngày tiếp sau nên vì thịt của chúng sinh mình đã ăn mà niệm bốn Thánh hiệu Tây phương, và chân ngôn để truy tiến vãng sinh, cũng có thể giải oán kết và diệt được tội lỗi.

Căn cứ vào lời vua Diêm-la nói với Trịnh Lân thì niệm bốn Thánh hiệu để truy tiến cũng được vãng sinh. Chuyện này được ghi rõ ở quyển thứ tám.

- Tam tịnh nhục là:
    1. Không thấy việc giết.
    2. Không nghe nói đến việc giết.
    3. Không hoài nghi rằng người ta giết vì mình.

Cộng với thịt tự tử và thịt thừa của chim gọi là ngũ tịnh nhục.

6. Nói về giới sát, đạo, dâm.

Trong kinh Lăng Nghiêm, Đức Phật nói: "Do tưởng ái nữ sắc, tâm cột vào đó không lúc nào rời ra nên có dâm dục. Vì thế, cha, mẹ, con, cháu ở thế gian nối tiếp nhau không dứt. Những kẻ đó lấy dục tham làm gốc. Do tham ái huyết vị, và tâm tham ấy không dừng lại, nên có việc ăn thịt. Vì thế các loài noãn, hóa, thấp, thai ở các cõi tùy sức mạnh của mình mà ăn nuốt lẫn nhau. Những chúng sinh đó lấy sát tham làm gốc. Vì người ăn thịt loài dê, nên dê chết làm người, và người chết lại làm dê. Sự ăn nuốt lẫn nhau của các chúng sinh khác cũng như vậy; nghĩa là sự sống chết, chết sống thay nhau và ăn thịt lẫn nhau. Sự câu sinh của các nghiệp tiếp diễn như thế đến tận cùng vị lai. Như thế, sự ăn ấy lấy trộm và tham làm gốc. Người đoạt mạng ta, ta trả nợ người; do nhân duyên ấy mà chúng sinh ở mãi trong sinh tử trăm ngàn kiếp."

"Ngươi đắm say lòng ta, ta yêu chuộng sắc đẹp của ngươi; do nhân duyên đó mà ở mãi trong chốn buộc ràng trăm ngàn kiếp. Đó là ba giới căn bản sát, đạo, dâm. Vì nhân duyên của sát, đạo, dâm mà quả báo của ác nghiệp cứ nối nhau không dứt."

Còn Tịnh độ Tây phương thì nhờ thọ nhận thân thanh tịnh, nên không sinh ra từ dâm dục; nhờ ăn món ăn thanh tịnh nên không do sự sát hại mà có vật thực; nhờ kết bạn với những người thanh tịnh nên không nhân sự nhiễm trước mà có sự giao hảo. Tất cả đều thoát khỏi những điều mà kinh đã nói. Vì vậy, người tu Thượng phẩm cần phải biết rõ.

7. Nói về vấn đề ăn uống và trai gái.

Uống ăn và trai gái là hai điều ham muốn lớn nhất của con người! Bậc chế phục và xem nó như không có được gọi là Thánh nhân. Người tiết chế nó mà không phóng túng gọi là Hiền nhân. Kẻ phóng túng và không tiết chế được nó là phường hạ ngu. Bởi lẽ, hai loại ham muốn ấy là điều kiện để con người tạo tội. Kẻ sát sinh để nuôi miệng và bụng nếu không tạo tội thì làm gì? Huống gì hai loại ấy lại hỗ trợ nhau để phát khởi. Nghĩa là do ăn uống béo bổ nên khí huyết đầy tràn, huyết khí đầy tràn thì dâm dục nhiều. Dâm dục nhiều thì huyết khí bị hao tổn, huyết khí bị hao tổn thì cần ăn uống để tẩm bổ. Nếu con người muốn giảm sự ham muốn của bụng và miệng, thì trước tiên phải tiết chế việc

dâm dục. Nếu người tiết chế được dâm dục thì có thể giảm được sự ham muốn của bụng và miệng. Đó là con đường để được khỏe mạnh và sống lâu. Người nào tiết chế được và dứt hẳn hai vấn đề ấy, dẫu ăn uống đạm bạc, nhưng vẫn thấy ngon. Kẻ phóng túng với hai điều ấy, thì bởi số của thọ dụng của đời người vốn có hạn, lúc hết hạn thì mất sớm.

Thiền sư Từ Giác nói:

Uống ăn với người dài ngày tháng,
Dở ngon tùy phận qua cơn đói,
Vừa qua vài phân thành vật gì?
Sao chẳng đem tâm mà suy nghĩ kỹ.

Nếu luôn suy xét như vậy thì tự mình có thể giảm bớt được sự ham muốn của miệng và bụng.

Vụ Thật Dã phu nói:

"Túi da thịt xương cùng phẩn tiểu,
Miễn cưỡng kiêu căng phỉnh gạt người,
Anh hùng thiên cổ ngồi đây cả,
Trăm năm rồi cũng nắm đất thôi".

Nếu luôn suy xét như thế thì tự mình có thể giảm được chuyện dâm dục. Quả thật, nếu chúng ta thoát được hai điều ấy, thì hiện đời làm gì có sự ốm đau cùng chết yểu và thân sau làm gì bị rơi vào địa ngục, súc sinh?

Người tu Tịnh độ dẫu không thoát được hai điều đó, nhưng cũng thoát khỏi luân hồi. Nhưng với hai vấn đề ấy, người tu Tịnh độ nên tự cấm mình.

8. Nói về lòng tham phá hư tiền đồ.

Có hai vị quan viên cầu mộng trong miếu Nhị Tướng tại kinh đô để hỏi về tiền đồ. Đêm đó, một vị mộng thấy có người cầm cuốn sổ, ông ta mở bìa và nói: "Đây là tiền đồ của vị quan nhân cùng đi với ông." Người đó nhìn vào sổ thấy bạn của mình được nâng lên từ Tiểu quan đến chức Tể tướng, nhưng lại có dấu xóa. Vị quan viên hỏi lý do. Người cầm sổ đáp: "Quan nhân này tham tài. Nếu ở trần gian mà lấy một vật gì đó thì ở đây sẽ xóa một điều. Nếu nhanh chóng sửa lỗi thì còn có thể làm đến chức Giám ty." Người bạn nghe nói lại như vậy, nên không còn lấy tài sản người khác một cách bừa bãi nữa. Sau này ông ta làm đến chức Giám ty.

Lại nữa, thuở Hà Tiên Cô còn sống, có một chủ bạ có Thiên thư giáng. Vì ông không biết chữ nên liền đến hỏi Tiên cô. Tiên cô bày hương án, lễ lạy rồi xem. Xem xong, Tiên cô mỉm cười. Chủ bạ hỏi:

"Con đến hỏi vì sao Tiên cô lại cười?" Tiên cô nói: "Thiên thư nói Chủ bạ nhận mười lượng vàng nên bị mất tài lộc trong năm năm!"

Qua hai câu chuyện trên ta thấy rằng, tiền của bất nghĩa là vật đáng sợ. Nếu ta đem tâm biết kinh sợ đó nương nơi Tịnh độ thì thiện duyên sẽ chín muồi rất nhiều.

9. Nói về phước, tuệ.

Làm người thì cần phải tu tập phước, tuệ. Tu phước là làm những việc có lợi cho con người, luôn thực thi phương tiện, làm tất cả điều thiện và tự cấm đối với những điều ác. Tu tuệ là biết nhân quả và tội phước, đọc tụng kinh sách của Phật để biết rõ vấn đề lý tánh ở bên trong, đọc sách Nho để hiểu được đạo của thế gian ở bên ngoài. Tu phước thì được giàu sang. Tu tuệ thì được sáng suốt. Nếu chỉ tu tuệ nhưng không tu phước thì tuy sáng suốt nhưng lại khốn cùng. Nếu tu phước nhưng không tu tuệ thì tuy giàu sang nhưng lại ngu si. Còn nếu tu cả phước và tuệ thì đã giàu sang lại sáng suốt. Nếu không tu Phước và tuệ thì đã ngu si mà lại khốn cùng nữa. Đức Phật tu cả phước và tuệ nên được gọi là Lưỡng Túc Tôn. Nghĩa là bậc có đủ cả phước và tuệ.

Ngày xưa, có hai người cùng tu hành. Một người chuyên tu phước, một người chuyên tu tuệ. Sau mấy đời, người chuyên tu phước thì nhân thọ phước mà làm ác nên bị đọa vào loài voi; nhưng nhờ còn phước nên được người cỡi để chiến đấu, đồng thời do có công trạng nên quốc vương đem chuỗi anh lạc ban cho nó. Người chuyên tu tuệ thì đắc quả A-la-hán, nhưng không tu phước nên dẫu làm Tăng mà lúc đi khất thực phần lớn vẫn không có ăn. Vì vậy có bài kệ nói rằng:

"Tu phước không tu tuệ,
Làm voi đeo anh lạc,
Tu tuệ không tu phước,
Nên phước La-hán mỏng."

Đó là lý do mà hành giả cần phải tu cả phước và tuệ. Nếu không thể tu cả phước và tuệ thì nên tu tuệ chớ không nên chú trọng về phước. Vì nếu chú trọng về tuệ hơn thì ta biết được vấn đề tội và phước để cẩn trọng trong hành vi và luôn tự ngăn cấm mình, nhờ đó nên không bị sa đọa. Nếu xem nặng phước hơn thì vì thọ phước mà làm điều ác, và do đó mà ta sẽ bị đọa lạc. Kinh Lăng Già nói: "Thọ lạc hiện đời tức gieo khổ mai sau." Kệ nói:

"Tu cả phước tuệ,
Cùng niệm Di-đà,
Là bậc cao nhất

Trong chín phẩm sen
Hoài nghi gì nữa.”

Nếu người trai giới và sáng suốt tu tập thì chắc chắn được Thượng phẩm thượng sinh. Kệ lại nói:

“Tuy tu phước và tuệ,
Nhưng không niệm Di-đà,
Chưa chứng quả La-hán,
Luân hồi chưa thoát ra.”

Bởi lẽ, nếu tu hành ở cõi này thì ta phải đắc quả La-hán mới thoát được luân hồi.

10. Nói về việc tu tập lòng Từ.

Bồ-tát Quán Thế Âm nói: “Tất cả điều thiện đều sinh ra từ lòng Từ.” Lão Tử nói: “Tam bảo lấy Từ làm đầu.” Nho giáo nói: “Nhân là con đường đầu tiên của ngũ thường”. Như vậy, ý của ba giáo lý đều giống nhau. Sở dĩ người ta có quá nhiều sân nộ là bởi họ không suy gẫm về lòng từ. Chưa nói chuyện sân nộ làm hại chúng sinh và tạo nên nghiệp, mà trước hết sự sân nộ ấy làm hao khí và thương tổn đức tính hòa nhã của mình. Bao giờ người ta đạt đến cảnh giới của Từ và Nhân, lúc đó họ mới biết rằng sân nộ là tâm thái không tốt lành.

Tất nhiên, lúc đang sân nộ thì ta không thể tự biết nỗi khổ do sân nộ gây ra. Cũng như ta đang lúc đi trong bụi gai, đến chỗ có phòng lớn để nghỉ ngơi, ta mới biết được sự sai lầm của tánh sân nộ trước đây như đang đi trong bụi gai vậy! Đến lúc ta đã tập được lòng nhân từ , thì giống như được vào nghỉ ngơi trong căn phòng rộng rãi. Điều này tôi không thể nào diễn đạt trọn vẹn bằng lời lẽ được. Nghĩa là, ta chỉ nên tập trong lúc sân hận, lâu dần tự mình sẽ có được niềm an lạc. Giáo lý của Đức Phật và Lão Trang ngăn cấm sân tâm thì đã đành; nhưng ngay cả Nho gia cũng ngăn cấm đối với sân tâm. Hoàn Khôi hại Khổng Tử, nhưng Khổng Tử có sân hận chăng? Tạng Thương hủy báng Mạnh Tử nhưng Mạnh Tử có giận chăng? Hàn Tín không báo thù mối nhục “lòn trôn”. An Quốc không oán giận lời “chìm tro”. Những bậc ấy xứng đáng làm thầy cho thiên hạ. Huống gì kẻ tiếp đãi người nghèo hèn, chế ngự nô bộc, thê thiếp và những người chửi mắng, phản nghịch thì mình sẽ dễ sân hận hơn nữa. Thật ra, những kẻ ấy cũng là người, nhưng vì phước báo của họ kém mỏng nên mới hầu hạ ta, lẽ nào ta lại mặc tình để tự tạo ác nghiệp?

Nói cho cùng, thì lòng Từ hòa sẽ mang lại sự tiện lợi cho chính bản thân mình.

Kinh nói:

"Đời này thấy mình,
Mọi người hoan hỷ,
Do kiếp trước ta,
Hoan hỷ với người."

Bốn câu đó nói đến sự đạt lòng Từ hòa. Hành giả tu Tịnh độ nên lấy Từ hòa làm tâm. Nghĩa là, nếu tất cả chúng sinh gây nên tội ác với ta đi nữa, ta cũng không nên sinh tâm sân hận để làm cho tâm thanh tịnh của ta bị dơ bẩn. Ta nên nghĩ rằng, những kẻ ấy vì ngu si mà hành động như vậy, nếu người có trí tuệ thì chắc chắn họ sẽ xử sự khác đi. Vì vậy chúng ta nên khởi tâm xót thương cho sự ngu si của họ.

Cũng vì thế nên Tăng Tử nói: "Nếu đạt được ý nguyện thì nên lo buồn chứ đừng vui mừng". Nếu hành giả giữ gìn tâm niệm đó để tu Tịnh độ thì thiện căn sẽ được tròn đầy và chín muồi rất nhiều.

11. Nói về việc làm bậc quân tử.

Là người ai cũng có thể làm quân tử nhưng lại không chịu làm, ai cũng không nên làm tiểu nhân vậy mà ai cũng làm. Hoặc là thành tín, hoặc là cung kính, hoặc ôn hòa phương chính, hoặc trọng người hiền và nêu cao điều thiện, hoặc tùy nghi để làm lợi cho chúng sinh; tất cả những phẩm chất đó đều là công việc của bậc quân tử. Tại sao không ai chịu làm những việc đó dẫu không có gì khó khăn?

Hoặc là dối trá ngạo mạn, hoặc là thô bạo siểm khúc, hoặc nói lỗi người khác và đề cao điều ác, hoặc phóng túng và làm hại chúng sinh theo ý tưởng của mình; đó là những phẩm chất của phường tiểu nhân. Tại sao ai cũng cứ làm, dẫu biết chẳng lợi lộc gì cả?

Làm quân tử thì mọi người đều vui mừng, được Thần linh gia hộ, hoạn nạn không sinh và phước lộc được bền lâu. Nói tóm là gặt hái được rất nhiều. Tuy làm những việc ấy có khi bị mất mạng nhưng không phải vì làm bậc quân tử nên bị mất mạng, bởi lẽ có những người không làm quân tử mà vẫn mất mạng như thường! Vì sao? Vì mạng sống vốn có định số. Làm tiểu nhân thì ai cũng oán trách, Thần linh nổi giận, họa hoạn sẽ sinh và phước thọ bị suy giảm. Nói tóm là mất mát rất nhiều. Tuy làm kẻ tiểu nhân vẫn có lúc bảo toàn được mạng sống, nhưng sự thể ấy không phải do làm tiểu nhân mà có được, bởi lẽ có những kẻ khác không làm tiểu nhân, nhưng vẫn bảo vệ được mạng sống! Vì sao? Vì mạng sống vốn đã có định số.

Khổng Tử nói: "Không biết gì về mạng thì không thể làm bậc quân tử. Kẻ tiểu nhân vốn không biết gì mạng Trời cả!". Ngài lại nói:

"Được hay mất đều do mạng số. Phải thường xuyên suy gẫm về chân lý đó." Ý Khổng Tử nói rằng: "Bậc quân tử là người có khả năng để thực hành cái đạo lý đó, nên gọi là quân tử. Kẻ tiểu nhân thì lại bẻ cong cái đạo lý đó, nên gọi là tiểu nhân." Dùng đạo lý đó mà tu tập Tịnh độ thì hành giả sẽ không bị sinh về Hạ phẩm.

12. Nói về việc làm Thánh, làm Phật.

Theo quan điểm của tôi, thì sở dĩ Khổng Tử là bậc Thánh bởi vì Ngài không rơi vào tư tưởng một chiều. Song, vấn đề quan yếu nhất của Ngài là thái độ "Chắc chắn rằng trong ba người cùng đi với nhau sẽ có người là thầy của ta". Ngay kẻ ác cũng là thầy của ta. Vậy có ai không phải là thầy của ta? Kiến thức của Ngài như vậy quả xứng đáng là bậc Thánh!

Lại nữa, theo quan điểm của tôi, thì sở dĩ đức Thích Ca được gọi là Phật là bởi Ngài không rơi vào tư tưởng một chiều. Nhưng điều cốt tủy nhất của Ngài là: Lúc Đức Phật còn tu hành trong núi, có một vị quốc vương đi săn bắn hỏi Ngài thú vật ấy ở đâu. Nếu Ngài nói thật thì mạng sống của thú vật sẽ bị giết, nhưng nếu nói dối thì sẽ bị phạm giới vọng ngữ. Đang lúc còn phân vân chưa đáp, thì Quốc vương nổi giận và chém đứt một cánh ta của Ngài! Quốc vương lại hỏi như trước và Ngài đang trầm ngâm chưa đáp thì quốc vương lại chém đứt một cánh tay nữa! Ngài liền phát nguyện rằng: "Nguyện lúc tôi thành Phật, trước tiên tôi sẽ độ quốc vương để mọi người không học theo ông mà làm ác!" Đức Thích Ca nuôi dưỡng tâm mình như vậy thì làm sao không xứng đáng là một vị Phật được.

Sau khi Đức Thích-ca ra đời và thành Phật, Ngài độ Tôn giả Kiều-trần-như trước, vì Tôn giả chính là vị quốc vương thuở đó. Nếu chúng ta áp dụng hai tâm niệm của hai vị ấy trong lúc tu tập Tịnh độ, thì chắc chắn rằng mình sẽ đứng ngang hàng với chư vị Đại Bồ-tát.

13. Nói về A-la-hán.

Đức Phật nói rằng: "Tuy quả vị A-la-hán luôn được Trời và người cúng dường, nhưng phước lực để gia bị cho con người là rất yếu kém." Giả sử, có một người cúng dường cho các vị A-la-hán khắp bốn thiên hạ suốt trăm năm cũng không bằng người phát tâm Bồ-đề để cúng dường cho Đức Phật trong một ngày. Bởi lẽ, từ vô lượng kiếp đến nay Ngài luôn luôn cứu độ chúng sinh, nên chúng sinh nào cũng có được phước đức của Phật, trong lúc phước đức để làm lợi cho loài người của Đức Phật lại vô cùng lớn.

Vị A-la-hán sau khi được giải thoát sinh tử liền nhập Niết-bàn.

Nghĩa là Ngài chỉ lo hoàn thiện cho bản thân mình, vì vậy phước lực lan tỏa đến loài người của Ngài là rất yếu kém!

Đức Phật lại nói: "Một người nào đó có phước báo là bởi nhờ họ đã từng cúng dường Phật." Chúng ta không nên quan niệm rằng cúng dường là việc chuẩn bị cho thân sau. Năm gần đây, có vị tăng ở Tú châu chuyên niệm A-di-đà Phật để cầu đảo trị bệnh cho mọi người và bệnh liền thuyên giảm. Vậy ta có thể nói rằng, Đức Phật không làm lợi cho con người lúc họ đang còn sống chăng?

Đã có thể cầu đảo để chữa bệnh, thì tất nhiên cũng có thể cầu phước, chỉ sợ rằng niềm tin của ta không được sâu dày mà thôi. Nếu người tu Tịnh độ luôn cầu nguyện trở lại cõi này để giáo hóa chúng sinh, thì sẽ có phước đức. Vì vậy hành giả niệm Phật cần phải biết rõ điều này.

14. Kinh Lăng-già.

Kinh Lăng-già thuyết minh về chân lý, sâu thẳm để hành giả diệt trừ tất cả vọng tưởng. Kinh này có ba bản dịch. Bản gồm mười quyển thì quá sức rối rắm. Bản gồm bốn cuốn tuy được Đạt-ma phát huy và Tô Đông Pha viết lời tựa, song sự phiên dịch lại vô cùng tăm tối, nên rất khó đọc và khó hiểu. Chỉ có bản gồm bảy cuốn là rõ ràng.

Hành giả tu Tịnh độ muốn đạt được Thượng phẩm thượng sinh thì cần phải đọc tụng kinh điển Đại thừa, giải đệ nhất nghĩa. Vì vậy, hành giả cần biết đến kinh này.

15. Nói về hai người Trời.

Kinh Hoa Nghiêm nói: "Một người sống có hai người Trời đi theo. Một người tên Đồng Sinh, và một người tên Đồng Danh. Người Trời luôn nhìn thấy người nhưng người thì không nhìn thấy người Trời". Như vậy, hai người đó không phải là đồng bọn của hai bộ đồng tử là thiện và ác sao? Lẽ nào chúng ta không thấy hỗ thẹn khi nghĩ rằng sự động tâm, phát ngôn và cất bước của mình luôn luôn có hai người Trời đó nhìn thấy? Nếu người tu Tịnh độ biết áp dụng điều trên vào đời sống của mình thì chắc chắn sẽ sinh lên Thượng phẩm thượng sinh.

Có kẻ nói: Cứ một người lại có hai người Trời, vậy thì người Trời ở đâu mà nhiều thế? Đáp: Nếu một vầng trăng mà hiện khắp tất cả dạng hình của nước, thì ta có thể nói rằng có nhiều vầng trăng chăng?

16. Nói về nhân quả ở phạm vi nhỏ.

Có người sửa cầu, lại có kẻ phá cầu, đó là cái nhân nhỏ của thiên đường và địa ngục. Có người ngồi kiệu, lại có kẻ khiêng kiệu, đó là quả nhỏ của thiên đường và địa ngục. Người tu nên căn cứ theo nguyên tắc

đó để loại suy khi gặp những trường hợp khác thì có thể nhìn nhận được vấn đề. Nếu hành giả luôn giữ tâm mình trước hai trường hợp trên để tu Tịnh độ thì chắc chắn được sinh về Thượng phẩm.

■

LONG THƯ TĂNG QUẢNG TỊNH ĐỘ VĂN

QUYỂN 10

Kẻ đạt đến độ tuyên áo của chân lý thì dẫu ở cõi đời dơ bẩn nhưng cũng như đang sống tại Tịnh độ. Vì vậy, cuốn sách này mới nói về phạm vi cực sâu của chân lý, và gọi là "Tịnh trược nhất như". Dầu vậy, người đọc không nên ỷ lại vào lý sâu này mà phế bỏ sự tu tập Tịnh độ. Nếu ỷ lại thì tôi e rằng hành giả sẽ rất dễ sa chân lún bước đầm lầy "Không đàm", hoặc dính bết vào tệ nạn của những người tham thiền!

1. Nói về tình.

Giận, vui, yêu, ghét, ham, muốn; tất cả trạng thái đó gọi là tình. Nuôi dưỡng tình là ác, phóng túng tình là giặc, và bẻ gãy tình là thiện, diệt trừ tình là Thánh.

Ăn uống món béo bở, mặc áo quần sang trọng, ở chỗ cao rộng; những lối sinh hoạt ấy được gọi là dưỡng tình. Ăn uống bừa bãi, áo quần diêm dúa, cư xử không biết chán; những lối sống ấy được gọi là phóng túng tình. Người ta có lỗi nhưng mình không trả thù, người ta xúc phạm mà mình không oán trách, những đức tính đó gọi là bẻ gãy tình. Dẫu người khác có lỗi hay xúc phạm, hay làm mình bị thương tổn nhưng mình vẫn xem như không có, và lại sinh lòng xót thương những hành vi ngu si ấy; những đức tính ấy gọi là diệt tình.

Nếu hành giả ngộ được chân lý diệt tình đó thì tâm địa của mình luôn luôn thanh tịnh như đang ở tại Tịnh độ.

2. Nói về vấn đề "Tức thị không".

Đức Phật nói: Thọ chính là không. Thọ nghĩa là sự thọ nhận trạng thái khổ và lạc, cho đến những sự thọ dụng khác. Như khi ta đang ăn có đủ món, nhưng lúc buông đũa là không cả; lúc đi ra thì có nhiều người đi theo, nhưng lúc đến nơi thì không còn ai cả; suốt ngày đi tham quan nhưng lúc trở về thì không còn ai cả. Lại như lúc làm việc thiện đã xong thì sự lao nhọc không còn, nhưng thiện nghiệp vẫn hiện hữu; việc làm ác đã xong và tâm trạng thỏa mãn không còn, nhưng ác nghiệp thì vẫn tồn tại.

Nếu ai hiểu sâu lý ấy thì ăn uống đạm bạc để không tạo sự oán trách vì dùng quá nhiều và giết hại chúng sinh; lúc ra khỏi nhà có thể tùy phận để không tạo ra sự phiền toái, lao tâm và làm khổ người khác; bỏ đi sự ngoạn cảnh để không gây nên những lỗi lầm trầm trọng vì phóng đãng và bỏ bê công việc; có thể làm được điều thiện để không phạm phải sai lầm khác vì biếng nhác và bảo thủ; có thể tự ngăn cấm đối với việc ác để không bị mắc tội vì sự buông tuồng và kẻ khác thù oán.

Tôi sung sướng vì tự thân đạt được những điều đó, nên rất muốn được xẻ chia cùng với mọi người... cho đến tất cả những thọ dụng khác... nghĩa là thọ nhận trạng thái không khổ không lạc).

3. Nói về lục căn.

Trang điểm cho mình cả ngàn món cũng chỉ vì con mắt chừng nửa thốn của người khác; nghe cả trăm bản nhạc cũng vì lổ tai nhỏ bằng hạt đậu; xông ướp mình bằng trầm hương, chiên đàn hương, mã não, xạ hương cũng chỉ vì cái mũi có hai lỗ; ngồi ăn ở trước phương trượng cũng chỉ vì cái lưỡi dài ba thốn; giữ gìn cho được đẹp đẽ, tốt tươi cũng chỉ vì cái thân hôi hám và thối nát; đón đưa tùy thuận cũng chỉ vì cái ý tưởng buông tuồng.

Nếu người có khả năng nhận thức và phá vỡ những điều trên tức là người không có phiền não và được an lạc. Đức Phật nói: “Từ vô thỉ đến nay chúng sinh luôn nhận giặc làm con để chúng cướp lấy gia bảo của mình.” Ý Đức Phật nói đến tên giặc làm cho lục căn bị mê tối và chân tánh bị chôn vùi. Mạnh Tử nói: “Chỉ có Thánh nhân mới đi trên hình thể.” Bởi vì Thánh nhân thì không bị mê hoặc bởi hình thể.

Có một dâm nữ được đắc đạo, Văn-thù hỏi: “Làm thế nào để không sân?” Dâm nữ ấy đáp: “Thấy tất cả chúng sinh không sinh ra.” Văn-thù lại hỏi: “Làm thế nào để thấy Thập bát giới?” Dâm nữ đáp: “Thấy như thấy kiếp hỏa đang thiêu cháy các thế giới!” Kỳ diệu thay là câu trả lời ấy! Bởi vì ý dâm nữ đó muốn nói rằng, tất cả chúng sinh vốn dĩ không có mà chỉ sinh ra từ vọng tưởng. Đã là vọng tưởng thì làm gì có sân! “Thập bát giới” là lục căn, lục trần và lục thức. Vì hội đủ những pháp ấy nên mới sinh ra vô số sự việc, mới gây nên vô lượng điều ác, nên dâm nữ nói là “Như kiếp hỏa đang thiêu cháy các thế giới.”

Nếu ai ngộ được chân lý này thì dẫu chưa sinh về Tịnh độ mà cũng như đã sinh về rồi.

4. Nói về chân tánh.

Kinh Kim Cang có hai mươi bảy đoạn, nhưng yếu chỉ của nó không

nằm ngoài câu: "Chân tánh đều vô sở hữu, như hư không." Hư không ở câu này là Ngoan không, mà ngoan không thì sự thật là không có. Chân tánh dẫu giống như hư không nhưng trong chân tánh thì lại có. Vì vậy, nên kinh nói rằng: "Chân không không phải là không."

Ngoan không thì có thể làm ra, có thể bị hủy hoại. Như đất này là vật có thật; nếu ta đào một thước đất thì có một thước không, nếu ta đào một trượng đất thì có một trượng không. Đó gọi là ngoan không được làm ra. Như cái bát này vốn trống không; nếu ta lấy đồ vật bỏ vào đó thì cái bát đầy; cái phòng này vốn trống không, nếu ta đem đồ vật đặt vào đó thì căn phòng sẽ đầy. Đó là ngoan không thể bị hủy hoại. Riêng cái không của chân tánh thì không thể làm ra được và cũng không thể bị hủy hoại. Bởi nó ngậm chứa cả hư không thế giới thì sao có thể bị làm ra được? Từ vô thỉ đến nay nó chưa từng biến động thì làm sao nó lại bị hủy hoại được?

Trong chân tánh là hoàn toàn không có. Sự không có này không có gì so sánh được nên bất đắc dĩ mới lấy ngoan không để so sánh. Vì vậy Bát-nhã Tâm kinh nói: "Đó là tướng không của các pháp." Nghĩa là tướng của các pháp đều là không. Tức là chân tánh. Tiếp theo kinh đó lại nói: "Trong không có sắc" cho đến "không có trí, cũng không có đắc". Nghĩa là trong chân tánh đều vô sở hữu. Như trong Ngoan không đều không có một vật gì cả. Dẫu "Tất cả đều là vô sở hữu nhưng lại có tất cả chúng sinh", nghĩa là vọng duyên hiện ra từ chân tánh.

Như hình ảnh thì có đến và đi, nhưng tấm gương thì vẫn như cũ; tuy chúng sinh có sinh và diệt, nhưng chân tánh thì vẫn không thay đổi. Lúc trừ được sinh và diệt thì chân tánh liền hiển lộ, bởi lẽ sinh và diệt là vọng mà chân tánh là chân. Vì vậy, kinh Lăng Nghiêm nói:

"Các vọng đã tiêu trừ
Bất chân đợi làm gì."

Chân tánh này trên từ chư Phật dưới đến loài xuẩn động, hàm linh đều giống nhau. Nếu chân tánh mà khác nhau thì đó là Vọng.

5. Nói về vấn đề "Tâm là vọng tưởng".

Quyển một của kinh Lăng Nghiêm tường thuật về việc Đức Phật và A-nan bảy lần đàm luận về tâm. Tóm lại là Đức Phật xếp tâm mà thế gian quan niệm là vọng tưởng, là không phải chân tâm. Vì chân tâm tức thể tánh.

Kinh Viên Giác nói: "Chúng sinh nhận lầm cảnh tượng duyên với lục trần là tự tâm tướng." Theo quan niệm thế gian thì tâm là ảnh tượng của sáu loại trần, tâm như thế là hoàn toàn không có thật, nhưng vì bên

ngoài có sáu trần nên bên trong mới hiện ra ảnh tượng của tâm. Nghĩa là, nếu bên ngoài có sắc thì bên trong sẽ khởi lên loại tâm yêu mến sắc; nếu bên ngoài có âm thanh thì bên trong sẽ sinh ra loại tâm yêu thích âm thanh; nếu bên ngoài có hương vị xúc và pháp thì bên trong xuất hiện loại tâm yêu mến những pháp ấy. Bởi lẽ chân tánh như tấm gương, sáu trần như hình và tâm được sinh ra như ảnh. Nếu bên ngoài không có sáu loài trần đó thì bên trong cũng không có tâm đó. Như vậy, tâm đó chính là ảnh tượng của sáu loại trần duyên. Nghĩa là, lúc hình đến thì ảnh hiện, lúc hình đi thì ảnh mất, nhưng chân tánh của tấm kính thì vẫn thường trụ.

Bởi thế, ***kinh Kim Cang*** nói: "Tâm quá khứ không có. Tâm hiện tại không có. Tâm vị lai không có." Ba loại tâm ấy đều được gọi là vọng tưởng tâm và cũng do vọng tưởng tâm mà có quá khứ, hiện tại và vị lai. Còn chân tâm thì từ vô thỉ đến nay chưa từng biến động thì làm gì có quá khứ, hiện tại và vị lai. "Bất khả đắc": tức là không có.

Lúc đói thì ta nghĩ đến việc ăn, và chính lúc ta đang ăn thì tâm nghĩ đến ăn ấy đã là quá khứ; lúc ta đang ăn và đang tri nhận mùi vị của thức ăn thì tâm đang tri nhận ấy là hiện tại; lúc ta chưa nghĩ gì đến việc ăn uống tức là tâm nghĩ về đó chưa có nên gọi tâm đó là vị lai. Vì ba loại tâm ấy luôn bị hoại diệt tùy theo thời gian nên gọi chúng là Bất khả đắc.

6. Nói về vấn đề "Năm uẩn đều là không".

Bát-nhã Tâm Kinh nói: "Bồ-tát Quán Tự Tại soi chiếu và thấy năm uẩn đều là không, nên Ngài vượt qua được tất cả khổ ách." Năm uẩn là sắc, thọ, tưởng, hành và thức. Sắc tức sắc thân. Thọ tức là sự thọ dụng. Tưởng tức là tư tưởng. Hành là những việc được làm. Thức là sự tri nhận. Vì năm loại ấy luôn kết tụ và che lấp chân tánh nên gọi là uẩn. Nó còn được gọi là năm ấm. Ấm nghĩa là làm mờ chân tánh. Sắc thân rốt cuộc quy về hoại diệt. Thọ dụng thì tùy thời gian mà diệt mất. Vì vậy sắc và thọ chính là không.

Lại nữa, như lúc ta nhớ tưởng đến một vật gì đó, và lúc có nó rồi thì ta không tưởng đến nữa; vì thế, tưởng tức là không. Những việc đã làm, lúc ta quay đầu nhìn lại thì chúng đã như cơn huyễn mộng; vì vậy, hành tức là không. Dẫu biết ngàn muôn sự việc nhưng lúc tái sinh thì ta liền bị quên sạch; vì thế thức chính là không.

Tất cả khổ ách đều sinh ra do năm loại ấy. Nếu ta có khả năng soi chiếu và thấy sắc thân là không thì ta không bị lún vào sắc thân để lo sợ về cái chết, như vậy là ta đã vượt qua được một loại khổ. Nếu chiếu soi

và thấy sự thọ dụng là không, thì ta không bị sa vào thọ dụng để tham đắm sự phụng dưỡng, đó là ta lại vượt qua được một loại khổ nữa. Chiếu soi và nhìn thấy tư tưởng là không thì không bị chìm vào tư tưởng mà ý lại không có chỗ đắm trước, đó là ta lại vượt qua được một loại khổ ách. Chiếu soi và nhìn thấy những việc làm là không, thì ta không dính mắc vào những việc làm nên có thể đình chỉ được dấu vết của tâm, đó là ta lại vượt qua được một loại khổ ách nữa. Nếu chiếu soi và nhìn thấy sự tri nhận là không, thì ta không mắc vào sự nhận thức, nên có thể "Ngồi mà quên", đó là ta lại vượt qua được một loại khổ ách nữa.

Bởi vậy, nếu chiếu soi và nhìn thấy năm uẩn đều là không thì ta vượt qua được tất cả khổ ách. Năm uẩn ấy đều là không, chúng là Vọng duyên hiện lên trong Chân tánh. Những pháp như lục căn, lục trần, lục thức, Thập nhị duyên và Tứ đế cũng đều là không như ngũ uẩn.

7. Nói về sự "Phế tâm dụng hình".

Liệt Tử nói: "Khổng Tử phế tâm mà dụng hình". Nghĩa là tâm đã không vướng mắc vào sự vật nên phế bỏ nó và chỉ dụng hình thể để ứng với vật. Quả thật, tôi thích câu nói của Liệt tử vô cùng.

Bởi vậy, dẫu lao khổ, tiều tụy nhưng tôi vẫn thấy vừa lòng; tuy được vinh hoa phụng dưỡng nhưng tôi không cho đó là đắc chí. Bởi vì tâm tôi không dính mắc vào sự vật. Nhân đây tôi mới hiểu sở dĩ "Vị Bồ-tát đã thoát sống chết liền thác sinh vào trong tất cả chúng sinh để thi thiết việc giáo hóa" là vì tâm của Ngài không dính mắc vào sự vật. Ngài chỉ dùng hình thể để ứng với vật mà thôi. Như vậy, ở cõi này, đức Khổng Tử cũng là hàng Bồ-tát.

8. Nói về việc sử dụng hình hài.

Bài kệ nói về vị Trời lạy xương khô viết rằng:

"Người là ta đời trước,
Ta nay thiên nhãn mở,
Áo quý tùy tâm đến,
Thức ngon tự ý nay."
"Tạ ân xưa người khổ,
Khiến nay ta sướng vui,
Vừa rải hoa vừa múa,
Người đời chớ khinh nghi."

Lại nữa, bài kệ nói về quỷ đói quất cái thây chết viết rằng:

"Vì túi da hôi này,
Bôn ba ngàn ức kiếp,
Chỉ biết tham dục lạc,

Mà chẳng tạm tu hành.
Nghiệp mình quá ít ỏi,
Suối vàng năm tháng dài,
Dẫu đánh cho đau đớn,
Nhưng hận này khó quên."

Nếu đem những lời đó để giáo hóa người phàm tục thì có thể được, nhưng nếu cho những lời ấy là chân lý thì hoàn toàn sai. Vì sao? Vì Thần nhân thác sinh vào hình hài nên việc sử dụng hình hài đều là Thần. Như người thợ mộc dùng rìu búa để làm việc thiện thì sẽ tạo ra khí giới lành; nếu ông ta dùng chúng để làm việc ác thì sẽ tạo nên những khí giới ác. Bởi vậy, sở dĩ hôm nay là Trời là do đời trước khéo sử dụng hình hài; sở dĩ đời này là quỷ đói vì đời trước không khéo sử dụng hình hài. Sự được hay mất và sự thọ báo đều ở hiện đời. Vậy lễ lạy hoặc đánh đập nào có lợi ích gì đâu!

9. Nói về vấn đề "Giải quyết được sống chết".

Chúng ta hãy tưởng tượng ngón chân cái của bàn chân phải mình đang ung thối và chảy nước hôi hám. Nó rữa dần đến ống quyển, đến đầu gối, đến bắp vế, đến thắt lưng. Với chân trái chúng ta cũng tưởng tượng như vậy. Nó rữa dần đến thắt lưng, đến bụng, đến ngực, đến trán và đến đỉnh đầu. Tất cả đều rữa nát! Chỉ còn bộ xương Trắng. Tiếp theo, chúng ta lần lượt quan sát rõ ràng về xương trắng đó và nhận rõ từng bộ phận của nó. Tĩnh tâm để quan sát một hồi lâu rồi ta suy nghĩ xem người đang quan sát xương trắng đó là ai và xương trắng là ai? Nhờ vậy mà ta biết rằng thân thể và ngã luôn là hai vật. Lại rời bỏ dần xương trắng để quan sát; trước tiên, ta rời xa một khoảng đến năm trượng, cho đến một trăm, một ngàn trượng. Nhờ vậy, ta biết rằng xương trắng ấy với ngã hoàn toàn không liên quan nhau. Nếu chúng ta luôn thực hành cách quán tưởng đó thì sẽ thấy ngã và hình hài vốn là hai. Ngã chỉ tạm trú ở hình hài, vậy ta có thể nói hình hài còn mãi và không hư hoại để cho ngã thường trú trong đó không? Được như vậy là chúng ta đạt được vấn đề gọi là "Giải quyết được việc sống chết". Huống gì chúng ta chuyên tu Tịnh độ, lúc xả báo thân ở cõi này ta sẽ thác sinh vào Cực lạc. Nếu chúng ta luôn thực hành phép quán tưởng ấy trong từng ngày, thì tự mình sẽ có sự tự đắc riêng; như người uống nước thì tự mình sẽ biết được nước đó lạnh hay nóng mà không cần phải mượn lời để phô diễn.

10. Nói về ngã.

Sự hiện hữu của chúng sinh tất phải có ngã. Bởi lẽ, nếu không có

ngã thì chúng sinh sẽ bị rơi vào thảm trạng gọi là "Trục vật". Sự tồn tại của chân lý thì phải không có ngã. Bởi lẽ nếu có ngã thì chân lý sẽ bị che mất.

Khổng Tử thì "Vô ngã". Bồ-tát thì "Vô ngã tướng". Ai đạt đến trình độ này sẽ ngang bằng với hư không. Đã ngang với hư không thì sao lại có chuyện phân ra sạch và bẩn? Tuy nói thế nhưng tôi vẫn sợ rằng người tu khó mà đạt đến cảnh giới ấy!

- Lời bạt của Cư sĩ Duy Tâm, Kinh Khê Chu Kỳ.

Học lực của Long Thư Vương Hư Trung đã đến độ sâu thẳm. Ông giải thích những lời của Lục Kinh, Mạnh Tử và Lão Trang mà không dẫm lại người xưa dầu một chữ, một câu; dụng tâm như thế quả là vô cùng cần mẫn.

Một hôm, ông bỏ hết những sở học ấy để chuyên tu Tịnh độ và trước tác "Tịnh độ văn". Tác phẩm ấy có đủ thứ lớp của tinh, thô, sâu, cạn. Ông đem khắc in nó để ấn tống cho những ai có duyên. Ông bôn ba khắp các quận thuộc tỉnh Triết Giang và đích thân đến Kiến An để khắc bản ở tiệm Dục Thư. Nói chung, bao giờ ông cũng sốt sắng như chưa có một ngày thư thả.

Tôi đọc thấy kinh Vô Lượng Thọ nói: "Nếu chúng sinh nghe tên của Đức Phật đó mà tin tưởng, hoan hỷ cho đến một lòng nguyện sinh về thế giới ấy, thì sẽ sinh về ngay và được trụ ở vị trí Bất thoái chuyển".

Bất thoái chuyển: Phạn ngữ là A-duy-việt-chí. Đó là Báo địa mà Bồ-tát Di-lặc đạt được trong kinh Pháp Hoa. Một niệm vãng sinh liền ngang hàng với Bồ-tát Di-lặc, đó là lời chân thật của Đức Phật mà chúng ta nên tin nhận.

Ngày mồng bảy tháng tư (nhuận), năm Nhâm Ngọ. Niên hiệu Thiệu Hưng. Cư sĩ Duy Tâm, Kinh Khê Chu Kỳ viết lời bạt.

LỜI BẠT CỦA TRẠNG NGUYÊN LƯU ĐÃI CHẾ

Ngày xưa, Lục Tổ nói về tướng trạng của Tây phương cùng sứ quân họ Vi với những lời lẽ giản dị mà ý chỉ lại rất rõ ràng. Bởi lẽ không phân biệt Đông Tây thì lý do nào lại nói đến tướng trạng được?

Đến khi tôi đọc được tác phẩm "Tịnh độ văn" của Cư sĩ Vương Hư Trung thì lại thấy những lời giáo huấn cấm ngăn của ông quá sức chân thành. Bởi vì tự thân của Pháp thì không có đốn hay tiệm, nhưng căn cứ thì lại có người sáng suốt kẻ tối tăm.

Vì Lục tổ thuyết đệ nhất nghĩa cho hàng thượng căn, nên Ngài dời Tây sang Đông chỉ trong sát-na, hành giả trực ngộ ngay dưới lời chứ không dung dưỡng sự nghĩ bàn.

Cư sĩ Hư Trung lại vì muốn khai ngộ cho các loại căn tánh bậc hạ nên trước tác luận thư này và lấy Tây phương làm nơi quy chiếu, nên ông vội vàng khắc in để lưu hành và chỉ sợ tác phẩm này không lưu hành rộng rãi mà thôi. Qua việc làm đó ta thấy được tấm lòng yêu thương mọi người của ông thật vô cùng ân cần và tha thiết!

Nếu có người nhờ tác phẩm "Tịnh độ Văn" của ông mà được ngộ nhập thì đâu khác gì trường hợp "Nơm bẫy và cá thỏ".

Ngày mồng 6 tháng 6 năm Nhâm Ngọ. Niên hiệu Thiệu Hưng. Mộc Nạp Ông Lưu Chương viết.

- Lời bạt của Diệu Hỷ lão nhân.

Cư sĩ Long Thư Vương Hư Trung, Nhật Hưu ngoài sự đọc rộng về các loại sách ra còn lưu tâm đến Phật giáo. Ông lấy việc lợi người làm trách nhiệm của mình. Quả thật là hoa sen trong lửa! Đức Phật nói: "Tự mình chưa được giải thoát nhưng độ người trước tiên là tâm của Bồ-tát. Tự giác đã tròn là luôn làm cho kẻ khác được giác ngộ, đó là Như Lai xuất hiện giữa đời?" Tôi hoan hỷ với chí nguyện của Cư sĩ nên viết sau tác phẩm này. Nếu thấy được A-di-đà thuộc tự tánh tức là hiểu được Tịnh độ thuộc duy tâm. Nếu ai chưa đạt đến giai đoạn ấy thì công đức của tác phẩm này quả là không mất.

Ngày hai mươi tháng tám năm Canh Thìn; viết tại Lưu Cảnh Văn lại khoa rằng: Song kính Diệu Hỷ Tông Cảo bạt.

Long Thư Tăng Quảng Tịnh độ Văn, quyển 10 hết.

■

LONG THƯ TĂNG QUẢNG TỊNH ĐỘ VĂN

QUYỂN 11

PHẦN PHỤ LỤC

THIỆN THAI TRÍ GIẢ
KHUYÊN HÀNH GIẢ CHUYÊN TU TỊNH ĐỘ

Nếu có người hỏi rằng: "Chư Phật và Bồ-tát lấy đại bi làm sự nghiệp. Nếu người tu muốn độ sinh thì chỉ nên nguyện sinh vào ba cõi, ở trong ngũ trược và tam đồ để cứu chúng sinh đau khổ. Tại sao chư vị lại cầu sinh Tịnh độ, lại chỉ an ổn bản thân bỏ rơi chúng sinh vậy? Nếu như thế hóa ra chư vị chỉ chuyên tâm vào việc tự lợi, đồng thời cũng làm cản trở con đường Bồ-đề?"

Đại sư Trí Giả đáp:

- Có hai hạng Bồ-tát: Thứ nhất, là hạng đã tu tập con đường Bồ-tát từ lâu và đã chứng đắc Vô sinh nhẫn. Nếu những vị này không sinh vào ba cõi v.v... thì lời trách cứ đó quả là xứng đáng! Thứ hai, là hạng chưa chứng đắc Vô sinh nhẫn trở lui, cho đến hạng phàm phu mới phát tâm. Hạng phàm phu Bồ-tát cần phải thường xuyên gặp Phật. Một khi họ thành tựu sức nhẫn thì mới có thể ở trong ba cõi, mới có thể cứu khổ cho chúng sinh trong đời bẩn ác.

Vì vậy luận Đại Trí Độ nói: Không bao giờ có chuyện hàng cụ phược phàm phu mà có tâm nguyện đại bi để sinh vào đời ác mà cứu những chúng sinh khổ. Vì sao? Vì mức độ phiền não ở thế giới ác rất dữ dội. Nếu là hạng tự mình chưa có nhẫn lực thì tâm sẽ bị chuyển theo hoàn cảnh, bị sắc và thanh trói ngay. Tự mình bị đọa lạc trong tam đồ thì làm sao có thể cứu vớt chúng sinh được? Ngay cả hạng cụ phược phàm phu được sinh vào cõi người đi nữa thì cũng khó mà chứng đắc con đường Thánh. Có thể do trì giới, tu phước nên họ được sinh trong cõi người, được làm quốc vương, đại Thần rất giàu có và tự tại; nhưng nếu gặp bậc Thiện tri thức thì họ sẽ không tin tưởng. Họ chỉ đắm vào vũng tham lam, mê tối và phóng dật để rồi tạo nên bao nhiêu thứ tội nghiệp.

Một khi rơi vào tam đồ, họ phải trải qua vô lượng kiếp. Lúc thoát khỏi địa ngục, họ lại phải nhận cái thân bần tiện, và nếu không gặp được Thiện tri thức thì họ vẫn bị sa vào địa ngục lại. Do vậy, họ bị luân hồi cho đến ngày hôm nay. Sự luân hồi của tất cả mọi người là như sự luân hồi ở trên. Vì vậy, tôi gọi con đường này là Nan, hành, đạo (con đường khó tu tập).

Cũng vì lý do trên mà kinh Duy-ma nói: "Bệnh mình mình không thể cứu được mà lại đòi cứu những người bệnh khác!"

Lại nữa, Trí Độ luận nói: "Ví như có hai người, mỗi người đều có thân nhân bị nước nhận chìm. Một người hốt hoảng nhảy ngay vào nước để cứu họ, nhưng vì thiếu sự hỗ trợ của phương tiện nên cả hai đều chìm ngỉm. Một người tức tốc chạy đi tìm thuyền bè để tiếp cứu, và nhờ có sự hỗ trợ của phương tiện, nên cả hai đều thoát nạn bị dòng nước nhận chìm. Cũng vậy, hạng Bồ-tát mới phát tâm chưa có nhẫn lực thì không thể cứu vớt chúng sinh được. Vì lý do đó nên họ cần phải gần Phật thường xuyên. Sau khi chứng đắc Vô sinh nhẫn rồi, họ mới có năng lực để cứu độ chúng sinh cũng như người có được thuyền bè vậy."

Lại nữa, luận nói: Ví như trẻ thơ không được rời xa mẹ. Nếu rời xa mẹ thì hoặc là nó sẽ chết vì bị rơi xuống hầm hố hoặc vì khát sữa. Lại nữa, như chim non vì chưa đủ cánh lông nên nó chỉ được bám vào cành nhánh chứ không được đi xa. Đến lúc lông cánh đã đủ đầy nó mới có thể bay lượn giữa bầu Trời một cách tự tại và không bị gì ngăn ngại.

"Hạng phàm phu không có nhẫn lực thì chỉ được phép chuyên niệm A-di-đà Phật để cho Tam-muội thành tựu. Nhờ thành tựu được Tam-muội nên lúc sắp mất hành giả thâu niệm để vãng sinh. Đây là điều không đáng để nghi ngờ. Sau khi thấy được Đức Phật A-di-đà, được chứng Vô sinh pháp nhẫn rồi, hành giả sẽ sinh lại trong ba cõi, ngồi thuyền Vô sinh nhẫn để cứu độ chúng sinh, để làm Phật sự theo tâm nguyện của mình một cách tự do, tự tại." Vì lý do đó luận nói rằng: "Du hý nơi địa ngục." Nghĩa là hành giả sinh về cõi Cực lạc, đắc vô sinh nhẫn rồi, lập tức sinh vào lại cõi, miền, sống, chết để giáo hóa chúng sinh trong địa ngục và cứu vớt những chúng sinh khổ?

"Vì những lý do đó mà hành giả cầu sinh Tịnh độ. Ngưỡng nguyện người tu hành nên chuyên tâm với Tịnh độ. Cho nên, luận Tỳ-bà-sa gọi đó là Dị hành đạo (Con đường dễ tu tập)."

Thiền sư Trường Lô Trách, người Chân châu, khuyên người tham Thiền tu Tịnh độ.

Kẻ chấp trước "Niệm là niệm; sinh là sinh" tức là phạm vào lỗi

thường kiến. Kẻ bám chặt vào "Vô niệm là vô niệm; vô sinh là vô sinh" tức là bị mê hoặc bởi tà kiến. "Niệm mà vô niệm; sinh mà vô sinh", đó là Đệ nhất nghĩa đế. Do vậy, ở phạm vi thật tế lý địa không dung một mảy bụi, thì trên không có chư Phật để có thể niệm và dưới không có Tịnh độ để có thể sinh; nhưng ở ngưỡng cửa Phật sự không bỏ một pháp nào thì lại thâu nhiếp tất cả căn tánh.

Pháp niệm Phật Tam-muội là phương thuật cốt tủy để trở lại nguồn và mở bày cửa ngõ vãng sinh, nên dẫu hành giả niệm Phật suốt ngày nhưng chẳng trái với lý vô niệm; hăm hở vãng sinh nhưng chẳng nghịch với lý vô sinh. Vì vậy mà có sự kiện "cảm ứng đạo giao", dẫu Thánh và phàm đều an trụ nơi vị trí của mình, Đông Tây không qua lại với nhau nhưng Thần thức đã dời sinh Tịnh độ. Không một ai có thể suy tư đến chỗ cùng tận của hiện tượng ấy được cả!

Bởi thế kinh nói rằng:

"Nếu ai nghe nói đến Phật Di-đà chấp trì danh hiệu"... cho đến... "Lúc họ sắp mất tâm không điên đảo liền được vãng sinh cõi nước Cực lạc của Phật Di-đà".

Tuy Thế Tôn phân ra hai cửa là chiết và nhiếp, hiện ở hai vùng đất là tịnh và uế, nhưng không phải Thế Tôn cho rằng hầm hố, gò đồi, năm nẻo chung lộn nhau, đất đá, núi non và đầy rẫy bẩn ác của cõi Ta-bà là hoàn toàn đáng chán; cũng không phải Thế Tôn cho rằng đất bằng vàng, hàng cây đụng Trời, lầu bằng bảy loại trân bảo, hoa phô bốn màu của Cực lạc là hoàn toàn đáng hâm mộ. Nhưng vì nhẫn lực của hàng Bồ-tát đang vào đạo chưa được thuần thục nên cần phải nương vào Tịnh độ để làm Tăng thượng duyên. Vì sao? Vì ở cõi Ta-bà thì Đức Phật Thích-ca đã nhập diệt mà Ngài Di-lặc lại chưa sinh; trong lúc đó ở cõi Cực lạc thì Đức Phật A-di-đà đang thuyết pháp. Ở Ta-bà, hành giả chỉ hân ngưỡng tên lành của Bồ-tát Quán Âm và Thế Chí, trong lúc đó ở thế giới Cực lạc thì hai vị thượng nhân ấy lại trực tiếp làm bạn tốt của hành giả. Ở cõi Ta-bà thì các loại ma tranh nhau làm hành giả bị não loạn, trong lúc ở Cực lạc thì trong ánh sáng vĩ đại quyết không có ma sự. Ở cõi Ta-bà thì những âm thanh tà ngụy làm tâm tưởng hành giả bị tạp loạn, có nữ sắc và yêu dâm; trong lúc đó ở thế giới Cực lạc thì tất cả chim, nước, cây, rừng đều tuyên giảng diệu pháp, chánh báo thì thanh tịnh và thật sự không có nữ nhân.

Cho dẫu sự tu hành ở Ta-bà có hội đủ điều kiện chăng nữa cũng không bằng ở Tây phương. Vậy mà những kẻ có niềm tin cạn mỏng lại sinh tâm hoài nghi và phỉ báng một cách ngạo ngược.

Tôi xin đem chuyện đời để luận bàn cùng quý vị. Ở cõi này, có ai là không chán cảnh ồn náo của tục gia, và có ai lại không thích cảnh vắng lặng của chùa chiền? Vì thế, lúc có kẻ bỏ nhà xuất gia thì ai cũng ân cần khen ngợi. Nhưng nỗi khổ của cõi Ta-bà đâu chỉ ở nơi cảnh ồn náo của tục gia và cảnh thanh nhàn của Cực lạc nào chỉ dừng ở vẻ vắng lặng của Lan nhã. Những kẻ nhận thức được việc xuất gia là tốt đẹp nhưng lại không nguyện vãng sinh là kẻ mang trong lòng căn bệnh ngu thứ nhất!

Những người vượt ngàn dặm đường, trải qua vô vàn nỗi lao khổ để tìm cầu Thiện tri thức, mong được phát minh đại sự, để quyết trạch chuyện sống chết. Trong lúc Báo thân của Đức Phật A-di-đà đều siêu việt, nguyện lực của Ngài vô cùng rộng lớn; Ngài chỉ một lần khai diễn viên âm thì mọi người đều được khai ngộ. Những kẻ nguyện tham vấn Thiện tri thức nhưng lại không mong diện kiến Phật A-di-đà là những kẻ mang trong lòng căn bệnh ngu thứ hai!

Nơi tùng lâm có chúng đông đảo nên ai cũng muốn nương nhờ tấm thân, còn chỗ đạo tràng ít chúng thì ai cũng không thèm gửi bóng! Thế mà số lượng những vị Nhất sinh bổ xứ ở cõi Cực lạc nhiều vô cùng và chư thượng thiện nhân cùng hội tụ một chốn. Những kẻ muốn nương thân ở chốn tùng lâm, nhưng lại chối từ hải chúng thanh tịnh là những kẻ mang trong lòng căn bệnh ngu thứ ba!

Tuổi thọ của con người ở cõi này không quá một trăm, nhưng trẻ nít thì ngu, người già thì lẫn, đủ thứ bệnh tật; nói chung là hôn trầm, thụy miên hơn một nửa đời người. Ngay cả hàng Bồ-tát còn mịt mờ lúc cách ấm; Thanh văn vẫn còn tăm tối lúc xuất thai, thì hạng "Xích bích thốn âm" đã mười phần mất hết chín. Người chưa bước chân vào Bất thoái địa không thấy là đáng sợ làm sao? Trái lại, thọ mạng của chúng sinh ở Tây phương là vô cùng tận. Một khi đã thác sinh vào bào thai của hoa sen là vĩnh viễn chấm dứt nỗi khổ vì sống chết. Thọ mạng của họ cứ tiếp nối mãi cho đến lúc thành đạo; nhờ vậy mà được quả vị A-duy-việt chí và nắm tay trong niềm hy vọng thành Phật. Những kẻ lưu chuyển trong cảnh ngắn ngủi của Ta-bà mà không hay biết gì về sự kiện năm dài tháng rộng ở Tịnh độ là những kẻ mang trong lòng căn bệnh ngu thứ tư!

Nếu hành giả đã ở địa vị Bất thoái, đã chứng đắc Vô sinh; ở nơi cõi dục mà không ham muốn, sống giữa đời mà không bị nhiễm bụi, mới có thể khởi lòng từ không điều kiện, vận động lòng bi cùng thể tánh mà quay vào nơi trần lao, hòa mình trong ánh sáng và bụi mù của

ngũ trược. Có những kẻ kiến văn thì cạn nông, trí tuệ đơn bạc, hoặc có những kẻ gom góp được vài ba mớ công hạnh phù hợp với những điều thiện nhỏ nhít mà vội cho là mình đã mãi mãi ra khỏi bốn giòng chảy, đã vượt qua Thập địa. Đồng thời, họ luôn trách mắng và chê bai Tịnh độ, tham đắm Ta-bà, tự bịt mắt mà về không và trôi nổi rập rềnh như rác rớm, làm thân trâu ngựa và chịu bao khổ đau nơi địa ngục. Họ không biết mình là loại người nào và tự nghĩ mình là ngang hàng với Bồ-tát quyền thừa. Đó là những kẻ mang trong mình bệnh ngu thứ năm!

Vì vậy kinh nói:

"Hãy nên phát nguyện, nguyện sinh nước ấy."

Bởi thế, những kẻ không tin lời thành thật của chư Phật, không nguyện sinh Tịnh độ, không phải là những người mê tối hay sao?

Nếu người tin lời Phật mà sinh về Tịnh độ thì không bị cột bởi sợi dây thế giới hệ, không bị hại bởi sóng kiếp số. Họ sẽ xa lìa tám loại khổ của nhân gian và năm tướng suy tàn của cõi Trời: "Cái tên đường ác còn không có. Huống gì thật có nẻo đường ấy?" Họ chỉ làm sáng rỡ pháp nhất thừa, quyết không có ba thừa. Họ chỉ quy y nhất thể Tam bảo và phụng sự Như Lai khắp mười phương. Ánh sáng của Phật chiếu vào thân thể họ nên muôn ngàn mê hoặc âm thầm tiêu trừ. Mùi vị pháp bồi bổ Thần thức nên họ có đủ sáu loại Thần thông, ba mươi bảy phẩm trợ đạo pháp ứng với ý niệm của họ mà viên thành. Tùy chủng loại chúng sinh mà họ ứng hiện ba mươi hai thân đầy ắp không gian và thời gian. Họ đi quanh năm nẻo để hóa độ tất cả các căn tánh. Họ du hý khắp các loại Tam-muội mà không động nhất tâm. Họ rảy nước thiền định vào ba ngàn thế giới để đưa chúng sinh ra khỏi căn nhà lửa. Tự lợi và lợi tha họ đều thực hành viên mãn.

Được như vậy mới gọi là "Tự tánh Di-đà, duy tâm Tịnh độ". Bởi lẽ nó là ngưỡng cửa quan yếu của giải thoát, là con đường tắt và nhanh của việc tu hành. Vì vậy, tất cả các kinh liễu nghĩa Đại thừa đều quy chiếu vào Tịnh độ; tiên Hiền hậu Thánh thuộc tự lực hoặc tha lực đều cầu nguyện vãng sinh. Bởi vì... muốn độ người, trước tiên mình phải tự độ đã!...

Than ôi!

"Làm người mà không biết lo xa thì chắc chắn nỗi buồn khổ sẽ ở cận kề." Một phen đánh mất tấm thân này thì ta sẽ ân hận đến cả ngàn kiếp. Vì vậy, Lô Trách tôi đốc suất mỗi vị trong đại hải chúng niệm một trăm, một ngàn cho đến mười ngàn tiếng A-di-đà Phật, rồi đem công đức ấy để hồi hướng cho những người cùng duyên để nguyện sinh về

cõi Cực lạc. Một khi hành giả đã gửi thân nơi Liên trì thắng hội, thì pháp kim địa được sáng tỏ. Nhờ thắng duyên hỗ trợ nên nguyện ước của hành giả được viên mãn. Nói theo cách thi vị, thì hành giả đã chèo thuyền thuận với con nước mà lại thêm công sức của mái chèo; như vậy, dẫu đường xa vạn dặm hành giả vẫn tới đích dù không nhọc sức hao hơi!

Mùa đông năm thứ tư niên hiệu Nguyên Hựu, Tông Trách tôi mộng thấy một người con trai tuổi chừng ba mươi, mặc áo trắng, quấn khăn đen, phong mạo rạng rỡ và cử chỉ rất thanh nhã. Người ấy chào tôi rồi nói: "Tôi muốn gia nhập hội Di-đà của sư, nên báo để Sư ghi tên cho". Tôi liền lấy cuốn Liên Hoa thắng hội, cầm bút và hỏi: "Ông tên gì?" Đáp: "Phổ Tuệ". Tôi vừa viết xong thì người áo trắng lại nói: "Anh tôi cũng báo tên." Tôi hỏi: "Anh của ông tên gì?" Đáp: "Phổ Hiền". Nói xong, người ấy liền ẩn mất. Sau khi tỉnh giấc, tôi tham vấn với các vị trưởng lão về tên của hai vị trong giấc mơ. Các trưởng lão nói: "Trong phẩm Ly thế gian của kinh Hoa Nghiêm có tên của hai vị Bồ-tát ấy." Tông Trách tôi nghĩ rằng đó là những Phật tử đang thi hành Phật sự để trợ giúp cho công cuộc hoằng hóa của Đức Phật. Như vậy, tất nhiên là Tịnh độ đã có sự khen ngợi thầm kín của Hiền thánh và dĩ nhiên, cái duyên của những người tham dự vào hội này không phải là nhỏ. Vì vậy mà hôm nay tôi đặt tên của hai vị Bồ-tát ấy trước trong hội Di-đà này!

Tỉnh Hàng châu, Thiền sư Vĩnh Minh Diên Thọ ngăn cấm những kẻ không chứng ngộ không được khinh rẻ Tịnh độ.

Nếu có người hỏi: "Chỉ cần hành giả thấy tánh, ngộ đạo là đã thoát được sinh tử, cần gì phải niệm Phật và cầu sinh về phương khác?"

Đáp: Người tu chân thật thì nên tự quán sát thân tâm mình. Như người uống nước thì tự biết nóng lạnh. Nay tôi xin trích dẫn những lời dạy của Thánh hiền để phá kẻ có nhiều mê hoặc.

Chư vị nhân giả nên tự xét hạnh giải của mình xem! Nói đến sự thấy tánh ngộ đạo, nhận lời thọ ký của Như Lai, và làm rạng rỡ vị trí của Tổ sư, thì chư vị được như Ngài Mã Minh, Long Thọ chăng? Nói đến việc chứng đắc vô ngại biện tài, chứng Pháp Hoa Tam-muội, thì chư vị có thể sánh với Thiên Thai Trí Giả chăng? Nói đến việc thông suốt cả Tông và giáo, kiêm tu cả hạnh và giải, thì chư vị có bằng Trung Quốc sư chăng?

Vậy mà chư vị ấy đều để lại lời dạy là một mực khuyên người tu cầu vãng sinh. Bởi lẽ, bậc đã thực thi công cuộc tự lợi và lợi tha thì không bao giờ dối người và tự gạt mình cả. Huống gì pháp môn Tịnh độ

này được đấng Đại hùng khen ngợi, được kim khẩu dặn dò. Nếu những người tu theo gót tiên hiền và tuân theo lời dạy của Đức Phật thì chắc chắn không bị lầm mê. Những sự hiển trước của các bậc cao sĩ xưa nay được ghi lại trong Vãng sinh truyện là rất nhiều, người tu nên đọc để tự nhìn lại mình và cũng là để tự độ mình.

Các vị có thể làm chủ mình trong lúc lâm chung chăng? Các vị có bảo đảm rằng những chướng sâu nghiệp nặng của mình không hiển hiện chăng? Các vị có chắc là báo thân này của mình không bị luân hồi chăng? Các vị có chắc rằng mình không bị khổ não, mình sẽ ra vào tự do khi đi trong những loài khác nhau ở tam đồ ác đạo chăng? Liệu qúy vị có thể thác sinh vào cõi Trời, cõi người và các thế giới khắp mười phương theo ý nguyện của mình mà không bị trở ngại chăng?

Nếu quý vị tự tin rằng mình đã đạt đến trình độ ấy thì có gì bằng! Còn nếu chưa được thì các vị không nên ôm giữ căn bệnh cống cao nhất thời để đến nỗi phải trầm luân ngàn triệu kiếp. Một khi đã tự mình chôn mất điều thiện thì còn mong cứu vớt được ai nữa?

Than ôi!

Buồn bã thay!

Lời thở than làm sao đến được!

(Lời của Trách thiền sư xin đọc ở tập "Thiền Sư Khuyến Hóa". Lời của Trí Giả đại sư và Thọ thiền sư xin đọc ở trong tập "Trực chỉ Tịnh độ quyết nghi" của Thị Lang Vương Mẫn Trọng, người đời Tống). Thị Lang tên là Cổ, khi đang làm quan các Thần tiên biết tiếng. Chung Ly Chân nhân từng làm thơ tặng Ngài rằng:

Đèn bão, bọt sóng buồn lẫn nhau
Ôm mãi hư vinh ích gì đâu?
Dưới cằm chứa ngọc nên nắm lấy
Trong thân có đạo còn cầu ai?
Tài cao, tao nhã gọi tiên cốt
Trí soi linh như rùa báu lớn
Một nửa núi xanh không chỗ bán
Hẹn anh dắt tay nói hi-di.

Từ đây có thể thấy Thị Lang là người phi phàm thì càng biết rằng Tịnh độ Tây phương là chốn rất nên hướng về.

VĂN KHUYẾN TU TỊNH ĐỘ CỦA THỪA TƯỚNG TRỊNH THANH

Mọi người đều cho rằng tu Tịnh độ không bằng Thiền, Giáo và Luật. Riêng tôi, tôi cho rằng pháp môn của Thiền và Giáo không bằng Tịnh độ.

Tánh chân tịnh minh diệu, hư triệt linh thông này đều có đủ nơi người ngu và kẻ trí. Vì huyễn cảnh căn trần cùng nhau chìm đắm, vì sinh tử luân hồi không bao giờ dứt, nên Đức Phật Thích-ca đem Thiền, Giáo, Luật mà giả thi thiết phương tiện, khiến chúng sinh từ cửa mà vào và đều được giải thoát.

Chỉ riêng Đức Phật Vô Lượng Thọ đưa ra một cửa gọi là tu hành Tịnh độ. Pháp môn này có tính chất giản yếu và cắt thẳng như một phương thuốc mà trị được trăm bệnh. Nếu hành giả chuyên tâm, nhất niệm thì liền được vãng sinh. Pháp môn này ai cũng tu tập được không luận là tăng hay tục. Mọi người chỉ biết rằng giáo lý này để giáo hóa hạng ngu phu thiển cận, nhưng thật ra đây là con đường tắt và nhanh để thành Phật.

Những người tu học ngày nay không ngoài Thiền, Giáo và Luật. Xét ở sự rốt ráo và viên đốn thì không pháp nào được như Thiền. Nhưng nếu không phải là bậc lợi căn thượng khí, Thần lãnh ý giải thì chưa thoát khỏi lỗi rơi vào ngoan không! Xét ở sự nghiên cứu về Tam thừa thì không pháp nào như Giáo. Nhưng nếu không phải là bậc đạt đến trình độ "Được cá quên nơm; nhân ngón tay để thấy mặt trăng" thì chưa thoát khỏi bệnh "Cạo giấy cũ"! Xét ở việc bảo vệ điều thiện, ngăn ngừa điều ác, thì không pháp nào bằng Luật. Nhưng nếu không phải là bậc thân tâm thanh tịnh, trong ngoài như một thì chưa thoát được nỗi khổ do mình tự trói buộc mình!

Nhìn chung, luận vào chỗ của người tu thì là Thiền, Giáo và Luật; tìm nơi quay về của hành giả thì là Giới, Định và Tuệ. Nếu hành giả muốn có Giới, Định và Tuệ nhưng không do Thiền, Giáo và Luật thì chỉ một ngưỡng cửa là Tịnh độ mà thôi!

Nghĩa là, lúc hành giả vừa niệm Phật; miệng niệm tụng, tâm suy tư và không làm những điều ác, đó chính là Giới. Lúc hành giả buộc niệm vào tịnh cảnh thì huyễn trần bị diệt; đó là Định. Bản chất của niệm là vô niệm, tâm hoa trong suốt; đó là Tuệ. Nếu hành giả có thể trừ bỏ cả vạn mối nghĩ suy để chuyên tâm vào Tây phương thì chẳng cần bày trò múa gậy, la hét mà vẫn ngộ được viên đốn cơ; không đọc Đại

tạng kinh mà vẫn có được con mắt chánh pháp; Không giữ mình trong bốn oai nghi mà vẫn được tự tại, được vẫn không bẩn dơ và không vẫn trong sạch, không bị trói buộc cũng như không có sự giải thoát... Chính lúc đó cái gì là Giới, Định và Tuệ; cái gì là Thiền, Giáo và Luật; tâm ta và tâm Phật là một không có sự sai khác. Đây là điểm tột cùng của pháp tu Tịnh độ. Đã vậy, tại sao hành giả lại hoài nghi chuyện "Nước có tám công đức và đài sen bằng vàng?"

- Ghi lại giấc mộng của người họ Lý quận Lô lăng.

Năm Quý Tỵ, niên hiệu Càn Đạo, toàn gia đình Ngạn Bật tôi bị nhiễm bệnh. Ngày mồng năm tháng tư bản thân tôi cũng bị bệnh đến nỗi không uống thuốc hay ăn cháo gì được. Sáng ngày mười chín, tôi mộng thấy một người mặc áo đỏ, Thần sắc rạng rỡ, ông ta lấy tay vỗ và xoa thân thể tôi rồi gọi: "Ngạn Bật! Mau ngồi dậy!" Tôi sợ hãi hỏi: "Ông là ai?" Ông ta đáp: "Tôi là Long Thư." Nhân đó, tôi nói với ông về tình trạng bệnh tật của mình, dẫu muốn vịn vào ông nhưng không được. Phải làm thế nào để lành bệnh. Ông hỏi: "Ngươi có nhớ con đường tắt và nhanh mà Tĩnh Khuyết Trọng đã dạy cho không?" Tôi đáp: "Thưa có! Vì ngày nào tôi cũng tụng niệm danh hiệu A-di-đà Phật." Ông nói: "Người ngồi dạy rồi dùng cháo trắng thì bệnh sẽ lành ngay!" Lúc tỉnh giấc tôi bảo người nhà mang cháo để ăn và quả thật bệnh được lành. Sau này, tôi được thấy tranh vẽ về Cư sĩ Long Thư mà Thần thái hoàn toàn giống người tôi đã thấy trong giấc mộng!

Ngạn Bật tôi nghe nói, Cư sĩ tinh thông lục nghệ từ lâu, rất giỏi về kinh Dịch và dạy người không biết mệt mỏi. Chủ nhân của nơi mọi người đến học đem Tĩnh Dật Đường để tạ công cho ông. Ngoài cửa Tĩnh Dật Đường luôn đầy ắp giày dép. Ngày mười một tháng giêng, tôi sai đứa cháu đến thọ giáo với ông. Không bao lâu nó quay về nói rằng: "Lúc đêm xuống, sau khi Cư sĩ giảng bài xong, Ngài trì tụng và lạy Phật như thường lệ. Vào canh ba, bỗng nhiên Ngài niệm rất lớn mấy tiếng A-di-đà Phật và nói: "Đức Phật đã đến đón ta!" Dứt lời Ngài đứng mà đi".

Ngay đêm đó, có người trong nước nằm mộng thấy hai người mặc áo xanh dẫn Cư sĩ đi về phía Tây. Câu chuyện này thành sự kiện kỳ diệu nhất nên dẫu người biết hay không biết đến ông đều chiêm bái. Tôi hận là mình không được thờ ông làm Thầy nên càng nói lòng càng thêm đau xót.

Trước lúc thị tịch ba ngày, Cư sĩ đi viếng thăm và chúc mọi người cố gắng tu tập rồi nói "Từ đây về sau, chúng ta không còn gặp nhau

nữa!"

Ngày mồng mười, Cư sĩ đến thăm Triệu Công Tĩnh Hàn, mượn tịnh thất của Triệu và nói: "Đạo nghiệp đã xong, giờ đi lại rất tốt." Cư sĩ lại viết số thời khóa tích lũy trong hàng ngày hơn chín trăm hai mươi lăm ngàn năm trăm biến và dán ở bức tường. Ôi! Nếu là người không có căn tánh thông minh, đạt đến chân lý của tử sinh thì chưa dễ gì thấu đến trình độ đó!

Ngạn Bật tôi đau một trận đến nỗi sắp bỏ mạng. Quan quách, áo vải liệm đã bày biện trước mắt. May nhờ cư sĩ từ bi tiếp vớt mới được lành lặn. Quả thật ông là bậc sinh tử cốt nhục .

Có kẻ nói: "Mộng do tưởng tượng mà có!" Nhưng hiệu của việc ăn cháo trắng lẽ nào lại là chuyện hoang đường? Do đó ta biết rằng do bi nguyện của Cư sĩ quá thẩm sâu nên công đức tế độ thấu đến con người. Tuy ở Thường tịch quang nhưng Cư sĩ không quên nguyện lực của mình. Lẽ nào chúng ta không cố gắng tinh tiến đối với sự khuyến tu Tịnh độ để thành Phật của Cư sĩ hay sao?

Tôi kính cẩn tạc tượng của ông, đồng thời viết sự tích cảm ứng để truyền bá được rộng rãi chứ không dám thêu vẽ chữ lời làm tai mắt mê hoặc. Vì vậy, lời bạt này trực tiếp tường thuật và nói đủ những sự việc ấy để hỗ trợ cho lòng kính tín của người thấy và người nghe. Mong sao mọi người đều được thấm nhuần lợi ích.

Ngưỡng nguyện Thần thức của Vương cư sĩ chiếu soi để chứng thực cho những lời ở trên của tôi.

Ông người họ Vương. Tên Nhật Hưu. Tự là Hư Trung. Hiệu là Cư sĩ Long Thư.

Vào cuối năm này, Lô Lăng Lý Ngạn Bật kính cẩn ghi lại.

LỜI BẠT CỦA HU GIANG - NIẾP DUẪN ĐỊCH.

Ngày thường trước khi chưa vãng sinh, cư sĩ luôn đem giáo lý Tịnh độ để khuyến hóa người khác một cách khẩn thiết và luôn đi khắp thôn làng. Lúc bấy giờ, tôi mới hơn hai mươi tuổi, gặp lúc dự định cùng nhau đi lên phía Đông. Vả lại, thuở ấy tôi chưa biết có Phật pháp, không biết mặt ông. Đến năm ba mươi tuổi, gặp tai nạn liên tục, tôi mới hiểu rằng con người trầm luân trong biển khổ, phiền não không bờ bến. Tôi liền một lòng sưu tập tất cả lời nói của cư sĩ để làm kế siêu thoát. Được ba năm thì cư sĩ vãng sinh ở Lô Lăng. Mọi người ở quận đều thêu tượng cư sĩ để thờ phụng, ấy là tháng giêng năm Quý Tỵ, nhằm niên hiệu Càn Đạo. Sau năm năm vào năm Đinh Dậu, anh tôi là tri phủ Binh bộ đến nhậm chức ở Lô Lăng, được bản khắc mang về nhà. Tôi sợ văn bản này bị mai một, không lưu truyền dài lâu được nên liền khắc vào đá đặt ở điện A-di-đà thuộc chùa Báo Ân ở phía Bắc thành. Nay tôi nguyện ấn tống một vạn tập "Tịnh độ Văn" của Cư sĩ. Lại đem chân dung của Cư sĩ và bài tán thuật của Thừa tướng Chu Ích Công trở xuống mà phụ kèm ở đầu cuốn; tất cả đều tập trung vào bản khắc ở Lô Lăng. Mong sao người thấy, người nghe đều tăng trưởng tín tâm, cố gắng tinh tiến. Được vậy thì Tịnh độ Tây phương thật chẳng khó gì.

Niên hiệu Gia Thái năm Quý Hợi, Văn Lâm lang, Tâm giám Hồ Quảng Tổng lãnh sở, Nhương Dương phủ, Hộ Bộ đại quân thương - Hu Giang Niếp Duẫn Địch kính viết lời bạt.

Duẫn Địch thường thấy kẻ tham thiền sơ cơ chỉ biết quy kính Thiền tông, cho Tịnh độ Tây phương là chấp tướng rồi ra sức chê bai phản bác. Nào biết rằng Đức Thích-ca Như Lai vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện ở đời là vì muốn làm cho chúng sinh liễu ngộ sinh tử mà xa lìa đường khổ luân hồi. Pháp môn tham thiền vốn để liễu ngộ sinh tử. Tham thiền có tỉnh thì hiện đời liễu ngộ sinh tử. Được sinh về Tịnh độ thì được thấy Phật A-di-đà rồi sau sẽ liễu ngộ sinh tử, chứng Vô sinh pháp nhẫn lên địa vị Bất thoái, thẳng đến thành Phật. Người tham học sơ cơ sao lại khăng khăng chọn duy nhất một pháp môn Thiền vậy. Nay lược chọn hai, ba thuyết kèm theo sau Tịnh độ văn của Long Thơ để nói rõ.

- Lời bạt của người đoạn hạt giống Phật ở Tứ minh.

Cư sĩ Long Thơ viết Tịnh độ văn mười một quyển, trong đó phần đầu là khởi niềm tin đối với Tịnh độ, phần cuối nói về cái "Ngã", có thể nói là sự phân bố có thứ tự. Cả sự và lý đều rõ ràng sáng tỏ, không còn lời gì để nói hơn. Lời văn mười quyển này chính do Cư sĩ khi còn

sống khắc bản, muốn nó lưu hành khắp thiên hạ để mọi người đều đồng niệm Phật mà sinh về An lạc. Dụng tâm của Ngài quả thật khó với tới được. Chỉ có quyển 12 thêm vào sau quyển thứ 11 là bị nghi rằng chẳng phải chí hướng của Cư sĩ. Đây ắt là phần đầu của bản văn quyển bốn. Ban đầu muốn bỏ bản thảo đi, nghĩ lại người đời sau tôn sùng Cư sĩ nên không đành mà gọi quyển 11 là phần thêm vào. Huống chi ý thú của pháp môn tu trì giống với quyển bốn, chỉ có điều văn ý nghiêm túc, văn vẻ hơn. Tôi thưởng thức có bản viết tay của Cư sĩ, hợp với bản trên thì vừa khớp, như vật đã mất nay có lại. Nay tuy khắc bản đã xong, cũng chính là ý chí kiên quyết đã làm ra. Lại muốn đem bản phụ lục của các bậc thầy trước đây, những lời khuyến phát theo thứ tự mà chấn chỉnh đầy đủ để hoàn thành bộ sách không bị thiếu sót. Như người sau thấy có điều sai sót xin hãy thêm vào.

Năm Quý Dậu, niên hiệu Hồng Vũ, trung hạ, kiết nhật.

■

LONG THƯ TĂNG QUẢNG TỊNH ĐỘ VĂN

QUYỂN 12

PHẦN PHỤ LỤC

VĂN KHUYÊN TU TỊNH NGHIỆP CỦA SƯ TỬ PHONG NHƯ - NHƯ NHANG BÍNH

Thân là gốc khổ, giác ngộ sớm tu.

Sắc thân này có ai tin là gốc khổ, mãi đắm tham lạc thú thế gian mà chẳng biết nó là nguyên nhân của khổ. Kiếp phù sinh dễ trôi qua đâu có dừng mãi. Chất thân mong manh giả tạm đều sẽ bị tiêu mòn. Ngày chưa vào bào thai nào có hình nam nữ, chỉ do duyên với đất nước gió lửa giả hợp mà thành thì không tránh khỏi nỗi khổ tàn tạ của sinh, già, bệnh, chết. Trên không manh mối nắm níu, dưới không căn cội nảy sinh. Như bọt sóng chìm nổi còn mất trong khoảnh khắc, mong manh như hạt sương đầu ngọn cỏ có đó liền không. Kẻ sống lâu chẳng qua sáu, bảy mươi rồi mất, kẻ yểu mạng phần nhiều chỉ sống hai, ba mươi năm. Có kẻ biết ngày nay nào biết việc ngày sau, lại có kẻ lên giường vội biệt, một hơi thở ra xa cách muôn trùng. Ngài Tuyết Phong có bài tụng:

Một ngọn đèn côi trên bàn đêm
Lên giường để lại roi và giày
Ba hồn bảy phách đi theo mộng
Chưa rõ ngày mai đến hay không.

Nói rằng thân này không có việc đó thì sao mọi người đều bị nó lừa gạt. Gân ràng rịt bảy thước xương đầu, một túi da đựng thịt, chin lỗ thường chảy nước bất tịnh, sáu căn buông thả theo vô minh, tóc lông móng răng đầy cáu bẩn, nước mắt nước mũi nhơ nhớp như nhà xí, bên trong chỉ toàn là loài trùng tụ hợp, bên ngoài bị muỗi mòng rận rệp cắn rúc, bất cứ bệnh tật tai nạn nào đều có thể chết người, lại lạnh quá nóng quá khiến người mau già, mắt bị sắc dẫn đến ngạ quỷ, tai đi theo tiếng vào A-tỳ, miệng khi còn sống ăn đủ món, chết rồi chỉ thêm mấy giọt

dầu. Thơ của Trưởng Khôi có nói:

Hồng hồng trắng trắng chớ lừa nhau
Vô vị chân nhân thịt đỏ au
Bại hoại chẳng bằng thân chó lợn
Nên nay tu pháp quán tử thi.

Thân này không có chỗ nào đáng ưa thích, tiếc nuối, mọi người nên nguyện thoát khỏi nó, sao còn u mê đắm đuối phong lưu, điên đảo lo đủ mọi sự, hoặc trên đầu lâu cài hoa, hoặc xông hương lên túi da hôi thối này, mặc y phục để che đậy máu mủ, khoác gấm vóc để che khuất thùng phân tiểu. Dùng trăm phương ngàn kế gian tà nói sống đời muôn năm, chẳng biết đau đầu hoa mắt là vua Diêm-la đã sai người đến; tóc bạc da mồi là quỷ vô thường đã gửi thư tìm. Mỗi mỗi tham tài mê sắc đều là con đường tất để mất thân người. Ngày ngày uống rượu ăn thịt đều là trồng sâu nhân địa ngục, trước mắt mưu cầu vui sướng nhất thời, thân sau chịu cay đắng muôn kiếp. Văn Tịnh độ viết:

Túi da máu thịt, gân cột xương,
Phàm phu điên đảo cho là thân
Đến chết mới hay chẳng phải ta
Vàng ngọc trước đây giao cho người.

Một khi mạng căn dứt tuyệt, bốn đại bị gió đao cắt, ngoài thì chân tay co rút, trong thì gan ruột nát tan, dù cho vợ con tiếc nuối cũng không cách nào giữ lại được. Giả như cốt nhục đứng đầy xung quanh cũng có ai thay cho ngươi được. Bài tụng xưa nói:

Cha mẹ ơn sâu rồi cũng biệt
Vợ chồng nghĩa trọng cũng chia lìa
Tình người như chim cùng chỗ trú
Hạn lớn đến thời mỗi bay đi.

Người sống chỉ dành đau đớn khóc than, kẻ chết không khỏi bị Thần thức bôn tẩu. Đường phía trước mù mịt, ngước mắt không bóng bạn bè, qua cầu Nại hà ngó lại không khỏi bị thương, vào quỷ môn quan có ai không thê thảm. Trần gian mới qua bảy ngày mà cõi âm đã bị áp giải gặp mười vua. Quan tào xử án không chút tình người, lính ngục cầm xoa không chút vui. Kẻ bình sinh làm thiện thì lên cõi Trời, làm tiên, làm người. Kẻ khi còn sống tạo ác thì giải vào nơi nước sôi, lửa cháy, dao cắt. Chảo nước sôi như núi lở, thế rừng kiếm như núi vọt lên. Đổ nước đồng vào miệng thì khắp người thịt nát, nuốt hòn sắt nóng đầy miệng bốc khói. Bị chém chặt thì máu thịt rơi lả tả, vào băng lạnh thì da đều nứt toác. Thân nát gió nghiệp thổi qua liền sống lại, mạng chung

La-sát hét liền sống. Trải qua trăm ngàn trên cõi người, trong địa ngục mới chỉ một ngày đêm. Điện Quang tập nói:

Vạc nước sôi, lò than hơi nóng tràn đầy chốn tối tăm
Rừng kiếm, núi dao cao vót tận Trời xanh
Chịu tội phải trải qua muôn kiếp
Ngục tốt đầu trâu mới cho đi.

Hồn phách tuy về nơi cõi quỷ mà thi thể còn nằm trong áo quan. Hoặc cách ba ngày năm ngày, hoặc đương sáu, bảy tháng, thây rữa ra thì sinh trùng, thành máu, hơi hôi xông khắp đất Trời, sình trương gớm ghiếc chẳng dám nhìn, mau mau hối thúc thảy vào nơi đống lửa hoặc chôn vùi nơi muôn dặm núi hoang. Thuở xưa hồng nhan im lìm đã trở thành lò tro lạnh, ngày nay xương trắng nơi hoang vu đã biến thành gò đất. Bài tụng của Ngài Hàn Sơn có nói:

Mặt hoa, da phấn đẹp như mơ
Ướp hoa, xông hương áo phất phơ
Ngày nay phong lưu đâu chẳng thấy
Liễu xanh, cỏ thơm, xương nằm trơ.

Ân ái đến đây là hết rồi, anh hùng thuở xưa nay còn đâu, nước mắt như mưa chốn cô liêu, gió thảm thổi lạnh vèo vèo, đêm tàn quỷ còn gào khóc, lâu năm quạ mổ chim rỉa, bờ hoang, khắp chốn là bia đá, trong đám liễu xanh treo xuông vàng mã, đến chỗ này có ai không tỉnh ra. Ngài Hàn Sơn nói:

Chim mổ quạ rỉa hết thịt da
Gió thổi, nắng soi, đầu lâu khô
Trước mắt thử hỏi kẻ bàng quan
Nhìn kỹ hình hài mình thử xem.

Kẻ có mắt thôi không còn đắm đuối, quay người chạy trốn khỏi bến mê, chớp mắt xé toạc lưới ái, tạo kế sống nơi hang quỷ nghỉ ngơi. Muốn biết trên cục thịt có chân nhân thì dù nam hay nữ cũng phải tu tập. Kẻ trí người ngu đều có phần. Chỉ xin soi chiếu lại mình liền biết bản thế vốn không.

Nếu chưa thể họ đạo tham thiền thì nên siêng năng trì trai niệm Phật, bỏ ác làm thiện, bỏ cũ tu mới, biến lục tặc thành sáu Thần thông, lìa tám thứ khổ được tám thứ tự tại, bèn có thể bảo Trời, hành hóa không ngăn ngại, thay Phật độ người, được mọi người tuyên dương, giúp gia tộc được giải thoát, giúp nơi nơi đều được giác ngộ, dạy mọi người ra khỏi trầm luân, trên giúp chư Phật chuyển bánh xe pháp, dưới cứu chúng sinh ra khỏi biển khổ, lời Phật nói không tin thì còn lời nào đáng

tin. Ở cõi người không tu vậy ở cõi nào dễ tu? Chớ bảo một ngày thay đổi cả, dù có ngàn Phật khó cứu ngươi, như lửa cháy đầu không thể đợi, xin ngay đây nhận lấy, chớ để đời này luống qua. Ngài Hàn Sơn nói:

Trăm xương tản mác lìa bùn đất
Một vật mãi mãi là của ai
Chi bằng ngay đây thông đường nẻo
Đầu lâu đầy đất mấy ai hay.

VẤN ĐỀ BA ĐIỀU NGHI LÚC LÂM CHUNG CỦA TÔNG CHỦ TỪ CHIẾU

Trong "Tịnh độ thập môn", Từ Chiếu tông chủ đã răn dạy rằng: Vì người niệm Phật có ba điều nghi lúc lâm chung nên không sinh Tịnh độ:

1. Nghi rằng từ xưa đến nay mình đã tạo những nghiệp cực nặng mà thời gian tu tập lại quá ít nên sợ rằng sẽ không được sinh.

2. Nghi rằng tuy mình niệm A-di-đà, nhưng do tâm nguyện chưa thành hoặc tham, sân, si chưa hết nên sợ rằng không được vãng sinh,

3. Nghi rằng mình tuy niệm A-di-đà, nhưng sợ lúc lâm chung Đức Phật không đến tiếp dẫn.

Vì nghi nên chướng ngại sinh khởi và đánh mất chánh niệm nên không được vãng sinh. Vì vậy, hành giả niệm Phật cần phải hết sức tin tưởng và ý chỉ thông sáng của kinh, không sinh tâm nghi ngờ. Kinh nói: "Niệm một tiếng A-di-đà Phật thì diệt trừ được tội nặng trong suốt tám mươi kiếp sinh tử." Trên thì đạt đến nhất tâm, dưới thì thành tựu mười niệm là hành giả được tiếp đón để sinh về chín phẩm sen và xả ly được ngũ trược. Nếu hành giả đạt đến trình độ tâm tâm thông sáng, niệm niệm nhất hư, thì đoạn hẳn nghi tình và quyết định vãng sinh.

- Văn nói về chánh niệm vãng sinh lúc lâm chung của Hòa thượng Thiện Đạo.

Tri Quy Tử hỏi: "Bạch Ngài! Việc lớn ở đời là sống chết. Một hơi thở không vào là thân tâm người ta đã thuộc đời sau rồi. Một niệm sai lầm là người ta đã đọa vào luân hồi. Con đã từng được Ngài khai thị pháp niệm Phật vãng sinh. Chân lý của Pháp này quả là vô cùng sáng tỏ. Song, con lại sợ lúc bệnh và cái chết ập đến thì tâm thức sẽ tán loạn, lại sợ bị người khác mê hoặc làm động loạn chánh niệm, khiến quên mất cái nhân của Tịnh độ. Ngưỡng mong Ngài từ bi khai thị cho con

thêm một lần nữa về phương cách quay về lối tắt, khiến con được thoát nỗi khổ của trầm luân?”

Sư nói: “Lành thay là câu hỏi ấy! Ngươi hãy lắng nghe!”

“Thế này: Tất cả mọi người muốn sinh Tịnh độ lúc lâm chung thì cần phải không sợ cái chết. Tất cả nên luôn nghĩ rằng, thân này có lắm nỗi khổ, không sạch, và có đủ các loại ác nghiệp trói buộc nhau. Nếu chúng ta được từ bỏ cái thân dơ bẩn này để siêu sinh Tịnh độ, để thọ nhận Vô lượng niềm an lạc, để giải thoát nẻo khổ sinh tử, thì đó là việc phù hợp với ý nguyện của mình; cũng như người cởi bỏ chiếc áo rách và được khoát chiếc áo quý. Nghĩa là, chúng ta nên buông bỏ thân tâm mà không nên sinh niềm luyến tiếc. Lúc bị bệnh, chúng ta nên lập tức nghĩ đến luật Vô thường và một lòng chờ chết, đồng thời nên dặn dò gia nhân, người khám bệnh, hoặc những người tới lui thăm viếng rằng: “Nếu các vị đang đứng trước tôi thì xin vì tôi mà niệm Phật, không nên nói những chuyện vô bổ, hay những việc tốt hoặc xấu trước mặt tôi. Cũng không nên đem những lời thương cảm mà an ủi, vỗ về hoặc mong cho tôi được an lạc; bởi lẽ, những điều đó là rỗng tuếch và vô ích!”

Nếu lúc bệnh chuyển nặng và sắp mất, thì thân quyến không được khóc lóc hoặc phát ra những tiếng thở than áo não làm rối loạn tâm Thần, làm mất chánh niệm của người tu. Tất cả chỉ nên đồng thanh niệm Phật cho đến lúc người tu trút hơi thở cuối cùng mới có thể buồn khóc. Bởi vì nếu người bệnh chỉ vừa khởi lên một niệm luyến tiếc thế gian, thì niệm ấy liền trở thành chướng ngại và làm cho người tu không được giải thoát. Nếu lúc lâm chung mà có được người hiểu rõ về Tịnh độ đến sách tiến thì quả là một sự may mắn lớn lao.

Nói chung, nếu người tu căn cứ vào những điều trên để thực thi thì chắc chắn được siêu sinh.”

Lại hỏi: Có thể tìm thầy để cầu thuốc chăng?

Đáp: Đầu tiên, việc tìm thầy để uống thuốc chẳng có gì trở ngại cả. Nhưng nên nhớ rằng, thuốc chỉ trị được bệnh mà không trị được mệnh. Nếu mạng sống đã hết thì thuốc có thể làm được gì? Nếu người tu giết mạng sống của loài vật để cầu sự an ổn cho bản thân mình thì không nên làm. Tôi thấy có nhiều người nhân bị bệnh mà trì trai; vừa thuyên giảm đôi chút thì họ lại bị thầy thuốc dùng rượu và thịt để hỗ trợ cho thuốc, nhân đó mà bệnh lại tái phát. Nếu người tu đã tin và biết rằng Phật lực có thể cứu mình thì việc dùng rượu thịt ấy nào có ích lợi gì đâu!

Lại hỏi: Cầu Thần cầu phước được chăng?

Đáp: Mạng sống của con người dài hay ngắn đã được định lúc còn sống, thì cần gì phải nhờ bàn tay của Thần kéo dài ra. Nếu do ngu si mà tin tưởng vào tà kiến rồi sát hại chúng sinh để cúng tế quỷ Thần, thì chỉ tăng thêm tội nghiệp và làm cho mạng sống bị hao tổn mà thôi. Nếu mạng sống đã hết thì phường tiểu quỷ sẽ làm được trò trống gì? Ngược lại, chỉ làm cho tâm thức áo não, chẳng cứu vớt được gì. Mong người tu nên cẩn thận với những tà niệm ấy. Chư vị nên dán bài văn này vào nơi mà mắt mình thường nhìn đến, và luôn luôn đọc nó để tránh sự sai lầm và quên mất lúc lâm chung.

Lại hỏi: Người ngày thường chưa từng niệm Phật có sử dụng pháp ấy được không?

Đáp: Với pháp này thì dẫu tăng hay tục, hay người chưa từng niệm Phật nếu áp dụng thì đều được vãng sinh. Tôi thấy có nhiều người ngày thường luôn niệm Phật, lễ Phật, tán thán Phật và phát nguyện vãng sinh hết sức ân cần. Nhưng đến phút lâm chung họ lại sợ chết nên không nói gì đến việc vãng sinh hoặc giải thoát cả. Đến lúc hơi tàn, mạng dứt, Thần thức đã vào nơi tăm tối, mới bắt đầu áp dụng phép mười niệm; việc làm ấy chẳng khác gì giặc đã đến cửa mới chuẩn bị chiến đấu thì còn cứu vãng được gì nữa!

Sinh tử là việc lớn nên tự bản thân của người tu phải nỗ lực mới nên việc. Nếu sai lầm chỉ trong một niệm là sẽ chịu khổ muôn đời và ai có thể thay thế cho mình! Ngưỡng mong người tu suy đi nghĩ lại cho thấu đáo vấn đề. Lúc rảnh rỗi, quý vị nên tinh tiến tu trì pháp này, vì đó là việc lớn lao dành cho lúc lâm chung.

- Phép mười niệm vào lúc sáng sớm của Từ Vân Sám chủ.

Mười niệm là: Mỗi ngày, vào sáng sớm, sau khi mặc áo tràng, hành giả đứng quay mặt hướng Tây, chấp tay và niệm lớn danh hiệu A-di-đà. Hết một hơi là một niệm. Đủ mười hơi như vậy là mười niệm. Chỉ tùy hơi của hành giả dài hay ngắn chứ không giới hạn ở số lượng danh hiệu Phật. Điều quan trọng là duy trì công phu ấy cho dài lâu và lấy lúc hết hơi làm mốc. Tiếng niệm Phật của hành giả không cao thấp, không nhanh chậm. Mục đích của mười niệm là khiến cho tâm hành giả không tán loạn, lấy sự chuyên tinh làm công. Vì thế, gọi mười niệm tức là nói rõ việc mượn hơi để gom tâm. Khởi niệm đó xong phát nguyện hồi hướng rằng:

"Đệ tử tên là... một lòng quy y Đức Phật A-di-đà. Nguyện Ngài dùng tịnh quang để chiếu soi con, dùng lời nguyện từ bi để nhiếp thọ con. Con nay xưng tụng danh hiệu Như Lai trong mười niệm, và vì đạo

Bồ-đề mà cầu sinh Tịnh độ. Thuở xưa, Đức Phật có nguyện rằng:

"Nếu có chúng sinh nào
Muốn sinh về nước tôi
Một lòng yêu và thích
Dầu chỉ niệm mười niệm
Nếu họ không được sinh
Tôi không thành Chánh giác
Chỉ trừ kẻ ngũ nghịch
Kẻ bài báng Chánh pháp."

Nay con tự nhớ từ xưa đến nay không tạo nên tội nghịch, không bài báng Đại thừa. Con nguyện dùng mười niệm này để được vào trong biển đại thệ nguyện của Như Lai. Nhờ nương vào nguyện lực của Phật nên những tội lỗi của con được tiêu trừ, tịnh nhân được tăng trưởng. Lúc sắp mất tự mình biết được ngày giờ, thân không có bệnh khổ, ý không tham luyến và tâm không điên đảo như người nhập định. Đức Phật và Thánh chúng cầm đài vàng đến đón tiếp con, chỉ trong một niệm mà con đã sinh về Cực lạc. Lúc hoa nở thì con được thấy Phật, được nghe giáo pháp của Phật thừa. Phật tuệ của con được hiển bày, độ tất cả chúng sinh và hoàn thành lời nguyện Bồ-đề.

Bồ-đề nguyện.

(Lúc phát nguyện xong, hành giả lạy hoặc không lạy cũng được. Điều quan trọng là hành giả không bỏ một buổi nào suốt cả cuộc đời. Còn như không phát nguyện, thì tùy theo tâm mình mà được sinh về cõi ấy).

Kệ khen ngợi Đức Phật.

(Cùng văn hồi hướng phát nguyện. Đến tận cùng của sự thì đạt lý. Đây đều là những phương pháp được chư Tổ soạn. Những vị tu Tịnh độ nên tùy ý để dùng chung).

"Thân Phật Di-đà màu vàng chói,
Tướng quý ánh sáng không ai bằng,
Bạch hào uyển chuyển năm Tu-di,
Mắt xanh trong suốt đường bốn biển.
Vô số Hóa Phật trong ánh sáng,
Hóa Bồ-tát cũng nhiều vô cùng,
Bốn tám nguyện cứu độ chúng sinh,
Chín phẩm đều làm cho giải thoát."

Ở đây niệm Phật một trăm, một ngàn cho đến mười ngàn tiếng, các danh hiệu Bồ-tát niệm mười tiếng hoặc một trăm tiếng; niệm xong,

thì đọc bài hồi hướng phát nguyện:

"Con nay xưng niệm A-di-đà,
Công đức chân thật danh hiệu Phật,
Ngưỡng nguyện từ bi thương nhiếp thọ,
Chứng biết sám nguyện của lòng con.
Bao nghiệp ác con làm kiếp trước,
Đều do vô thỉ tham sân si,
Được sinh ra từ thân khẩu ý,
Nay con xin sám hối tất cả.
Nguyện con trong giây phút lâm chung,
Trừ sạch tất cả những chướng ngại,
Diện kiến Đức Phật A-di-đà,
Liền được vãng sinh cõi Cực lạc."
"Nguyện đem công đức này,
Để trang nghiêm Tịnh độ,
Trên báo bốn ân nặng,
Dưới cứu ba đường khổ.
Nguyện những người thấy nghe,
Đều phát Bồ-đề tâm,
Lúc hết báo thân này,
Cùng sinh nước Cực lạc."

Thập phương Tam thế nhất thiết chư Phật, chư Bồ-tát Ma-ha-tát...

Lại nói: Tám mươi bốn ngàn tướng vi diệu đều là bản tánh Di-đà, cách đây mười muôn ức cõi nước đều là duy tâm Tịnh độ. Tịnh uế tuy khác xa nhưng không ngoài tự tâm. Chúng sinh và Phật tuy không đồng vào ngoài tự tánh. Tâm thể trống rỗng bao la không trở ngại đến đi, tánh vốn bao trùm nào cản trở lấy bỏ. Do vậy vừa khởi niệm liền lên cõi báu, trở lại quê nhà xưa. Búng tay liền đứng trước từ dung, nối lại tình cha con trong sáng. Bao đời trái đức chịu oan chìm nổi, ngày nay thành tâm lễ lạy cầu mong cứu giúp, ba tâm trọn phát, một lòng về Tây, tận đời vị lai vẫn nương về, trải vô lượng kiếp mà tán tụng.

(Niệm danh hiệu Phật và Bồ-tát như trên).

Con là Tỳ-kheo pháp danh là... vì cứu độ chúng sinh mà một lòng quy mạng đầu thành đảnh lễ, tán dương Đức Phật A-di-đà và Thánh chúng ba thừa. Nguyện ánh sáng trong sạch và thệ nguyện Từ bi nhiếp thâu con. Con nay vì để thoát quả báo khổ cõi Ta-bà cầu sinh Tịnh độ, viên mãn nguyện Bồ-đề mà phát tâm chân thành tu hành theo Tịnh

nghiệp. Nguyện đem công đức lễ bái, nhớ nghĩ Thánh hiệu Như Lai và tụng đọc kinh chú gieo vào biển thệ nguyện của Như Lai, nương sức từ của Phật mà các tội tiêu diệt, nhân Tịnh độ tăng trưởng, chánh niệm trước mắt, khi sắp qua đời biết trước thời khắc, thân không có bệnh khổ, nghiệp khẩu trong sạch, tâm không tán loạn nghiêng ngã như vào thiền định, Đức Phật và Thánh chúng tay bưng đài vàng, hương lạ, nhạc Trời đến đón rước con, chỉ trong một niệm liền sinh về cõi Phật, hoa nở thấy Phật, liền nghe Phật thừa, mau khai mở trí tuệ Phật, lìa chứng Vô sinh, rộng độ hữu tình đều về Tịnh độ. Chỉ nguyện Như Lai đặc biệt cứu giúp.

(Niệm danh hiệu...)

Lại tụng:

Quy mạng cha lành nơi Lạc bang
A-di-đà dũng mãnh điều ngự
Một âm diễn nói kinh sâu xa
Bồ-tát Thanh văn, chúnh Thánh hiền
Ánh sáng lành chiếu khắp thâu nhiếp con
Thành tựu mười niệm, tam Bồ-đề
Xa hẳn năm trược sạch các duyên
Liền lên chin phẩm như Phật ở
Trăng Phật hiện nơi nước lòng con
Tâm con cũng hiện trong trăng Phật
Nguyện lực hễ còn thệ về nương
Nghe con khan cầu liền đến rước

(Niệm danh hiệu...)

Công đức niệm Phật, lễ sám, trì chú, tụng kinh trên một lòng đều quy mạng vì chúng sinh, hồi hướng thẳng đến biển nguyện của Phật A-di-đà ở thế giới Cực lạc, ngưỡng xin Thế Tôn dùng bánh xe nguyện lớn và thệ nguyện Từ bi nhiếp thọ cho ba nghiệp và thiện căn của con tăng tiến, nơi cõi ác này mau hết báo duyên, tất cả nhân sinh tử rốt ráo đoạn hết. Khi sắp mạng chung được chánh niệm vãng sinh, thấy Phật, ngộ tâm, trở lại độ tất cả chúng sinh. Các tội lỗi và nghiệp chướng con đều xin sám hối, nguyện được Phật tiếp dẫn, cùng về với Phật, giữ gìn tinh Thần Phật pháp, khắp với chúng sinh đều được lợi lạc mà khai triển oai linh, trong Tam-muội đồng được hộ về, nguyện Phật Từ bi thương xót nhiếp thọ.

(Niệm danh hiệu...)

Lại tụng:

Kính lạy A-di-đà
Đại Từ phụ cứu đời
Chân pháp tạng sâu xa
Hiền thánh tăng ba thừa
Con với tâm thành thực
Cầu xin cõi tịnh Phật
Nguyện giữ thệ rộng xưa
Vô duyên từ dùng khắp
Ứng niệm theo cơ duyên
Giống như trăng trong nước

(Niệm danh hiệu như trước...)

Với công đức tụng kinh niệm Phật trên, xin chúc Tăng chư Thiên hộ pháp, báo đáp bốn ơn ba cõi, lợi lạc chúng sinh trong pháp giới. Chúng con xin sám hối gốc tội, trang nghiêm cõi Tịnh. Nguyện khi thân báo này sắp hết nhờ thiện căn chắc chắn được sinh về thế giới Cực lạc, thấy Phật nghe pháp, mau chứng Bồ-đề, rộng độ chúng sinh, rộng làm Phật sự.

(Niệm danh hiệu...)

KHUYÊN TẤT CẢ MỌI NGƯỜI TU TRÌ

Nam-mô A-di-đà Phật.

"Nguyện cùng người niệm Phật,
Sinh hết về Cực lạc,
Thấy Phật thoát sống chết,
Độ tận theo gương Ngài."

Đại Tạng kinh nói: "Người niệm Phật A-di-đà thì hiện đời tai nạn được tiêu trừ, tuổi thọ được trọn vẹn". Đức Phật A-di-đà có lời nguyện rằng: "Lúc tôi thành Phật, nếu có chúng sinh khắp mười phương tin tưởng, yêu thích và muốn sinh về nước tôi, dầu họ chỉ niệm lớn danh hiệu tôi có mười tiếng, nhưng nếu không được sinh thì tôi thề không thành Phật".

Mỗi buổi sáng, hành giả chắp tay, mặt hướng về Tây chí thành niệm Phật mười tiếng cùng niệm bốn câu kệ trên một biến. Nếu ngày nào hành giả cũng tu trì như vậy thì tự nhiên trong ao thất bảo ở Tây phương sẽ sinh một đóa hoa sen và ngày khác hành giả sẽ thác sinh vào đó. Quần áo, thức ăn của hành giả được hóa hiện ra theo ý nguyện của

mình và được sống lâu không già.

Trong Long Thư Tịnh độ văn nói về sự cảm ứng rất nhiều, Vương Nhật Hưu khuyên tôi nên vẽ hai bức tranh Tây phương. Nguyện kẻ phát tâm Đại Bồ-tát viết, in thành khá nhiều bản. Bản nhỏ in mười bản, bản lớn in một bản, bản nhỏ cho người bất kỳ, bản lớn chọn người mà cho, bản nhỏ để khuyên kẻ tỳ thiếp, bản lớn để khuyên người làm quan. Nếu có thể in ấn toàn bộ và lưu hành rộng là phước đức không dễ lường. Nhân sự tụng đọc lại kèm việc in cho, nên biết đó là sự khuyên răn tốt lành nhất.

Khuyên răn khẩu nghiệp: Miệng tụng danh hiệu Phật như nhả châu ngọc (được quả báo cõi Trời, cõi Phật); miệng thuyết pháp giáo hóa như phóng ánh sáng (phá vỡ sự mê ám của người); miệng nói lời vô ích như nhai gỗ nát (chẳng bằng im lặng dưỡng hơi); miệng ưa đùa cợt như mùa dao kiếm (sẽ làm tổn thương người); miệng nói lời nhơ bẩn như giòi bọ (quả báo súc sinh, địa ngục); miệng nói lời lành như phun hương trong lành (như việc khen ngợi sở trường của người); miệng nói lời thành thật như mở vải vóc ra (dùng để độ người); miệng nói lời lừa gạt như nay hố bay nguy hiểm (làm người mê lầm); miệng nói việc ác như phun hơi hôi thối (như nói chuyện kém của người).

Đời người chẳng qua là ba nghiệp thân miệng ý; sát đạo dâm là ba nghiệp của thân; nói dối, hai lưỡi, thêu dệt, nói lời ác là bốn nghiệp của miệng; tham sân si là ba nghiệp của ý. Tổng cộng là mười nghiệp; nếu giữ gìn không phạm thì đó gọi là mười điều lành. Theo lời Phật dạy thì quả báo khẩu nghiệp nhiều hơn hai nghiệp thân ý. Do vì khởi ý niệm thì chưa hẳn thành hình ra bên ngoài, nhưng đã nói ra miệng thì liền thấy sự việc. Toàn thân làm ác còn có lúc bị khó khăn ngăn trở, còn miệng thì dễ phát ra lời. Chưa nói việc đời sau, chỉ nói việc đời nay, ví như có người khen kẻ khác một lời thì người ấy suốt đời được mang ơn, để phước cho cháu con. Nói một lời hại người, kẻ ấy suốt đời bịhại, liên lụy cháu con. Khẩu nghiệp quả thật nặng nề. Một lời nói ra sẽ trở lại với chính mình, cho nên nó thật đáng sợ. Kẻ oán Trời thì nghèo khốn, kẻ vô trí thì oán người, chỉ nên tự cẩn thận ngăn tránh. Thuật lại ý Hiền thánh ở đây là để khuyên ngăn. (Một thiên này, nếu ai có thể ấn tống thì người đó là bậc thiện nhân trong số những người thiện).

Con đường siêu thoát luân hồi nhanh và tắt.

Trong Đại tạng có hơn mười cuốn kinh nói về những sự việc của Tịnh độ Tây phương; mọi người đều được hóa sinh trong hoa sen, áo quần và thức ăn đều do hóa thành, mọi người được sống lâu không già.

Nói về pháp môn tu hành của Tịnh độ gồm có chín phẩm. Nay tôi chọn ra một phương pháp mà mọi người đều có thể tu hành.

Đó là, Đức Phật A-di-đà có thệ nguyện rằng: "Lúc tôi thành Phật, nếu chúng sinh tin tưởng, yêu thích và muốn sinh về cõi nước của tôi, dẫu họ niệm lớn danh hiệu của tôi có mười tiếng nhưng nếu không được sinh thì tôi thề không thành Phật." Hiện đời, những chúng sinh ấy có thể tiêu trừ được tai nạn, giải được oán kết, tăng thêm phước và bảo toàn được tuổi thọ.

Phương pháp ấy như thế nào? Hành giả mỗi sáng chấp hai tay, mặt hướng về phía Tây, đảnh lễ mà niệm Nam-mô A-di-đà Phật. Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát. Nam-mô Đại Thế Chí Bồ-tát. Nam-mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ-tát (mỗi danh hiệu mười biến).

Lại đảnh lễ mà niệm một biến bài kệ "Đại Từ Bồ-tát tán Phật sám hối hồi hướng phát nguyện":

"Phật ba đời mười phương,
Đệ nhất A-di-đà,
Chín phẩm độ chúng sinh,
Oai đức không cùng tận.
Con nay quyết quy y,
Sám hối tội ba nghiệp,
Nếu có những phước lành,
Một lòng đem hồi hướng.
Nguyện cùng người niệm Phật,
Tùy thời hiện cảm ứng,
Lúc mất cảnh Tây phương,
Hiện rõ ràng trước mắt.
Thấy nghe đều tinh tấn,
Cùng sinh nước Cực lạc,
Thấy Phật thoát tử sinh,
Độ chúng sinh như Phật".

(Lại đảnh lễ mà lui ra).

Bài kệ này có uy lực rất lớn. Nó có thể diệt trừ tất cả tội và nuôi lớn tất cả phước. Dạy người niệm sẽ được phước báu lớn.

Nếu hành giả chí thành tụng niệm như thế thì sẽ sinh vào Trung phẩm. Hành giả lại tinh tiến thêm nữa lại đem pháp môn niệm Phật này để giáo hóa tất cả mọi người, khiến cho họ cùng khuyến hóa lẫn nhau. Được như thế, hành giả chắc chắn sinh vào Thượng phẩm thượng sinh. Người tội ác tu tập cũng được sinh vào Hạ phẩm. Trong khi niệm

Phật thì ao bảy báu ở phương Tây sinh ra một đóa sen, nêu tên họ người niệm, ngày sau sẽ thác sinh vào đó. Việc này so với việc nói âm phủ ghi họ tên đợi khi tuyệt mạng đến bắt hoàn toàn khác nhau.

Nhân duyên niệm Phật báo ứng.

Con gái nhà họ Lương hai mắt đã mù lại được sáng. Phu nhân họ Bằng bị bệnh lâu ngày được lành. Trần Trọng Cử đuổi quỷ oán đi. Lưu Tuệ Trọng đêm ngủ không còn bị kinh sợ. Những hiện tượng ấy là hiệu quả của việc niệm Phật lúc còn sống.

Bà lão họ Đào thấy Phật xuất hiện giữa bầu Trời. Đàm Giám có được hoa sen trong chiếc bình. Hoài Ngọc được đài vàng đón về Cực lạc. Trí Thuấn thấy chim khổng tước bay và hót. Những hiện tượng đó là hiệu quả của sự vãng sinh lúc lâm chung.

Chí Thông có mây lành năm màu xuất hiện. Ông họ Lý được ba căn không hư hoại. Bảo Tạng có đồng tử hiện trên đỉnh đầu. Công Tấc có màu vàng hiện trong thôn xóm. Những hiện tượng đó là hiệu quả của sự thị hiện thân đời sau.

Người sinh Tịnh độ thì chỉ tiến thẳng đến quả vị Phật chứ không thối lui. Vì vậy, nếu ta khuyên một người tu Tịnh độ tức là ta đã thành tựu một chúng sinh làm Phật. Thông thường, làm một vị Phật tất sẽ độ vô số chúng sinh. Như vậy, những chúng sinh được độ đó đều bắt đầu từ nơi ta. Vì thế, phước đức của người khuyên dạy kẻ khác tu tập Tịnh độ là không có cùng tận.

Kệ của Đại Từ Bồ-tát nói:

"Khuyên được một người tu,
Bằng tự mình tinh tiến,
Khuyên được quá mười người,
Phước đức là vô lượng.
Nếu khuyên đến trăm, ngàn,
Gọi là chân Bồ-tát,
Nếu hơn cả mười ngàn,
Là Di-đà từ phụ."

Kệ lại nói:

"Ân tình cốt nhục thương nhau,
Khó mong cầu được bạc đầu đoàn viên,
Lắm người mất buổi tráng niên,
Lại còn nhiều đứa trẻ con qua đời,
Chuyên cần niệm Phật A-di,
Trong ao thất bảo tức thì hóa sinh,

Được an lạc được trường sinh,
Vầy sum mãi mãi chẳng còn biệt ly.”

Thơ người xưa nói:

“Ngàn món chẳng được mang đi,
Có mang chăng, chỉ nghiệp tùy tấm thân.”

Những người có chí nguyện cứu đời không tự cảnh tỉnh và lo sợ hay sao?

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 172

TỊNH ĐỘ CẢNH QUÁN YẾU MÔN

SỐ 1971

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1971

TỊNH ĐỘ CẢNH QUÁN YẾU MÔN

Đời nhà Nguyên, truyền giáo tông Thiên thai.
Đại sư Hưng giáo, Sa-môn Hổ Khê. Hoài Tắc thuật.

Pháp môn Tịnh độ là con đường quan trọng giúp chúng sinh đời Mạt pháp có cơ duyên ra khỏi sinh tử, là con thuyền vượt qua năm đường, một đời này được sinh về Cực lạc, không bao giờ còn lui sụt. Ở đây họ có thân các vị trời bay đi tự tại, y phục ẩm thực tự nhiên, được tham dự vào hải chúng thanh tịnh, thường được thấy Phật, nghe pháp, mau chứng được Thánh vị. Ở đây không còn sự não hại của các hữu tình như: cọp, sư tử, muỗi mòng, rận rệp..., không còn sự ép ngặt của những việc vô tình như: lạnh, nóng, gió, mưa. Họ được hóa sinh từ hoa sen, tuổi thọ vô lượng. Đã không có các khổ não sinh, già, bệnh, chết, mà còn hưởng được sự sung sướng, nên gọi là thế giới Cực lạc.

Đức Phật vì muốn cho chúng sinh còn mê muội trong cõi Ta-bà được xa lìa các khổ nên Ngài mở ra môn chiết phục. Đó là con đường Đức Di-đà Từ Phụ thị hiện để tiếp độ chúng sinh, cho nên Ngài hết lời căn dặn, khuyên bảo chúng sinh. Riêng khen ngợi Tịnh độ, khuyên tất cả chúng sinh cầu vãng sinh, đó là lý do. Do đó, Thánh hiền, đạo tục ở cõi này muốn sinh về Cực lạc phải tu tập, hồi hướng phát nguyện thì lúc qua đời sẽ thấy Phật, được vãng sinh. Chuyện vãng sinh có ghi đầy đủ trong các sách, không thể tính kể.

Nhưng hàng phàm phu thấp kém lại tham đắm sắc, thanh... thô xấu xa của thế gian, cam tâm chịu nổi trôi trong vòng sinh tử, không cầu ra khỏi. Giống như muốn vào thành, nếu không làm nhà để nghỉ trước, thì đến chiều tối làm sao có chỗ để ngủ, thật đáng thương thay! Nhưng các bậc Thượng thiện chán khổ cầu vui, phát tâm niệm Phật thì nhiều,

còn người hiểu biết về quán cảnh thì rất ít. Do đó tôi đặt bút trình bày sơ lược, ngõ hầu khiến cho người tin ưa, nhân đây được vào cửa đạo, không luống uổng công lao tu hành. (Lúc mới vào đạo tràng nên nhớ tưởng đến Tam bảo, tâm sinh cung kính, thương xót chúng sinh, thầm phát nguyện rằng: "Con cùng chúng sinh trong pháp giới cùng một thể tánh với chư Phật, Bồ-tát, chỉ vì con và chúng sinh còn mê, còn chư Phật và Bồ-tát đã ngộ. Nay con khắp vì chúng sinh trong pháp giới cầu sinh về Cực lạc, vào đạo tràng này phúng tụng văn kinh, niệm danh hiệu Phật, như nghi thức bổ trợ).

Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật ghi: Nếu có người thành tâm muốn sinh về Cực lạc, trước nên quán Phật Di-đà cao một trượng sáu trong ao sen. Như trước đã nói thân lượng Phật cao lớn vô biên, tâm phàm phu chẳng thể lường biết được, vì thế tám vạn tướng tốt, ở địa vị Thập tín mới thấy được, phàm phu mới phát tâm quán cảnh giới chẳng thể biết được cho nên khiến quán thân Phật cao trượng sáu, còn về ba mươi hai tướng tốt thì không thể quán cùng khắp. Vì thế nên từ quán một tướng tốt mà vào. Chúng ta chỉ cần quán sợi lông trắng giữa hai đầu chân mày thì ba mươi mốt tướng còn lại tự nhiên xuất hiện. Nếu quán thuần thục, không thay đổi cách quán thì quán các tướng khác của thân Phật đều được. Nếu quán tướng này rõ ràng thì tướng sợi lông trắng giữa hai đầu chân mày trắng như ngọc, như tuyết, dài một trượng năm thước, chu vi năm tấc, bên ngoài có tám góc, bên trong bộng, xoáy về bên phải, chiếu rõ kim nhan của Phật. Ánh sáng trong suốt, chiếu soi cùng khắp không thể lấy gì ví dụ được. Muốn quán tướng này trước phải hiểu "Muôn Pháp duy tâm, tất cả duy thức". Cho nên trong kinh ghi: "Tâm bao trùm hư không, thân cùng khắp sa giới." Lại nói tâm như người thợ vẽ, tạo ra các thứ năm ấm. Tất cả những gì trên thế gian này đều do tâm tạo. Vì vậy cây báu, đất báu, ao báu ở thế giới Cực-lạc là y báo, thân ba mươi hai tướng tốt là chánh báo của hải chúng Di-đà, tất cả đều có sẵn trong tâm ta, đều do tâm tạo ra, không từ nơi khác mà có được, không từ bên ngoài mà đến. Người hiểu rõ điều này mới có thể nói về tức tâm quán Phật, cho nên nói rằng: "Duy tâm Tịnh độ, bản tánh Di-đà." Cho nên kinh Quán Vô Lượng Thọ ghi: "Chư Phật Như lai là thân pháp giới, nhập vào trong tâm tưởng của chúng sinh, cho đến tám mươi vẻ đẹp."

Đại sư Thiên Thai dùng hai nghĩa để giải thích vấn đề này:

1. Giải thích theo đạo cảm ứng giao nhau.

2. Giải thích theo giải nhập tương ưng.

Nếu không có giải thích thứ nhất thì quán chẳng phải quán Phật.

Nếu không có giải thích thứ hai thì ngoài tâm có Phật, cho nên giải nhập tương ưng là tức tâm, đạo cảm ứng giao nhau là quán Phật. Cho đến giải thích tâm này làm Phật, tâm này là Phật. Nói theo tu quán thì gọi là "Tâm tác", nói theo sẵn có thì gọi là "Tâm là". Văn này rút trong "Tượng quán nghĩa biến sơ hậu" thứ tám. Như vậy thí dụ hợp với điều này, nói tâm này làm mặt trời, tâm này là mặt trời, tâm này làm Thế Chí, tâm này là Thế Chí. Cho đến trong chin phẩm, tùy theo cảnh mà quán thì không có gì chẳng cảm ứng. Nhưng tức tâm quán Phật cũng gọi là ước tâm quán Phật. Ước tâm thì nói theo nương gá vào Phật, tức tâm là nói theo sẵn có, vì đầy đủ nên gọi là tức. Mỗi trường hợp nêu lên một nghĩa, ý bao gồm cả hai. Nói về quán cảnh này tuy nhiều nhưng chưa thấy đích đáng. Nay trước tiên phải dẫn thuyết xưa để bình luận việc này, rồi sau đó chính thức nêu ra ý này. Pháp tịnh giác tức là nhiếp Phật quy tâm, sau đó dùng quán gọi là quán Phật. Ở đây cho rằng muốn quán tưởng cảnh Cực lạc mà quán tại cảnh Đông độ là sai, nhờ đâu mà sinh về Cực lạc, cũng là trực quán tâm. Pháp sư Quảng Trí cho rằng: "Nhiếp tâm quy Phật gọi là quán Phật, đây là trực quán Phật." Tại sao các Tổ sư gọi quán tâm là Tông? Nếu căn cứ theo cách nhìn của hai Ngài, thì trước phải hiểu rõ "Muôn pháp duy tâm" mới có thể quán tâm, muôn pháp duy Phật mới có thể quán Phật. Ở đây đồng với thường ngồi trực quán Tam đạo (phiền não đạo, nghiệp đạo, khổ đạo). Ấy là trực quán tâm, trực quán Phật. Hai Ngài tranh chấp không thôi, bèn cần sự quyết đoán của Tổ sư Tứ Minh. Tổ sư tiếp nhận ý kiến của hai Ngài, không phải là nhiếp Phật quy tâm, không phải là nhiếp tâm quy Phật, mà là ước tâm quán Phật. Vì sao? Vì Tịnh độ Di-đà vốn đã sẵn đủ trong tâm ta. Cho nên nhờ vào ba mươi hai tướng tốt của Phật để huân tập pháp thân tánh thể vốn sẵn có trong tâm ta. Nếu quán trí thành tựu thì tự nhiên sẽ rõ ràng. Cho nên Diệu Tông nói: "Chúng sinh nhờ nương vào y chánh của Phật Di-đà mà huân tập tâm tánh". Tâm tánh dễ phát khởi tức là nghĩa này.

Hỏi: Ước tâm quán Phật chỉ là sở quán, cảnh cũng bao gồm quán năng quán ư?

Đáp: Một chữ "quán" tức là quán năng quán, hai chữ "tâm Phật" là cảnh sở quán.

Hỏi: Nếu vậy thì cảnh sở quán là vọng hay chân?

Đáp: Sở luận của một nhà nêu ra quán cảnh khác hẳn với các thuyết. Trực quán chân tâm, chân Phật chỉ thuộc về cảnh giới Phật. Cho nên hễ nói quán tâm, quán Phật đều thuộc cảnh vọng. Nhưng hiểu được

vọng tức là chân, thì không cần phá vọng, sau đó hiển chân. Các nhà trực quán chân thì vọng cần phải phá, chân lý mới hiển bày. Đây chính là nghĩa duyên theo lý đoạn cửu (cửu kết). Đó là phá tánh ác của chin cõi, hiển bày tánh thiện của cõi Phật, là pháp đoạn diệt. Ấy chính là "Thiên về Biệt giáo" ở trước, chẳng phải là "Viên đốn diệu quán".

Hỏi: Đã nói ước tâm quán Phật, Phật là quả nhân, tại sao nói là vọng? Nếu là vọng thì Đức Phật Di-đà là phàm phu sao?

Đáp: Hành giả sơ phát tâm thì đối với ngoại cảnh chưa thể quên được, dẫn đến thấy có Phật khác. Tất cả đều quên, cũng chính là từ ấm bên ngoài mà vào, cho nên biết lỗi là tại ta, đâu có liên quan gì đến Phật.

Hỏi: Cảnh sở quán không ngoài trong ngoài. Tâm thuộc bên trong, Phật thuộc bên ngoài. Nay nói ước tâm quán Phật chẳng phải trong ngoài đều quán. Nếu vậy phải ngửa mặt quán. Phật, cúi đầu chiếu soi tâm. Như bước qua bậc cửa còn lưỡng lự, rốt cuộc phải làm thế nào?

Đáp: Ở đây càng khó được thích đáng, nay lược nêu ra lỗi của một người, sau nêu ra chính nghĩa.

Nghĩa đầu: Các bậc tiền bối nói: Cảnh thuộc bên ngoài, quán thuộc duy tâm, nên biết lời nói này có hai lỗi:

1. Rơi vào lỗi trong, ngoài đều quán.

2. Quán thuộc duy tâm, có lỗi quá lạm chân tâm.

Bởi vì hành giả mới phát tâm nên theo vọng tâm mà quán ứng thân Phật Di-đà, khi nào hiển bày Phật thể chân thật mới tránh khỏi lỗi này. Tổ sư tuy có nói duy tâm mà quán lập, chính là chỉ đối với cảnh do vọng tâm tạo ra phải dùng ba quán để thể nghiệm nó. Nếu quán thành tựu thì chân Phật mới hiển bày. Nên biết thuyết này rất sai lầm.

Nêu lên chính nghĩa: Nên biết tâm ta không hạn cục nơi chốn, như trước đã có dẫn văn kinh, cho nên Ngài Kinh Khê nói: "Nói duy tâm đâu chỉ là chân tâm, nên biết rằng tâm phiền não trùm khắp. Ông còn không biết tâm phiền não trùm khắp, làm sao rõ biết sinh tử sắc biến sắc, vì sao biến sắc tức tâm?" Nếu vậy không cần nhiếp Phật quy Đông độ, quán sát-năm ấm, cũng không cần ngửa mặt quán Phật, cúi đầu chiếu soi tâm, mới gọi là ước tâm quán Phật. Ở đây dứt nghi rằng: "Khẳng định cảnh thuộc bên ngoài, cảnh chính là tâm nên không cần nhiếp Phật quy tâm, mới gọi là ước tâm quán Phật. Như thế đã rõ lỗi, lại thâm đắc ý Phật, cũng là vượt khỏi thường tình. Huống chi từ miệng vàng của Đức Phật dẫn dụ? Như cầm gương sáng tự thấy mặt mình, hình trong gương ở ngoài há có thể "Nhiếp quy" thân ta mới là hình ta sao?

Cũng như dẫn tâm hướng Cực-Lạc làm nhân vãng sinh. Tuy tâm không có nơi chốn nhưng do mê mờ mà có hạn cục. Nay dùng cách giải trừ khéo léo để hóa giải tâm hạn cục này. Nhưng đối với Phật sẽ thành ba đế, ba quán. Vì thế "gương" dụ cho pháp quán, "Cầm" dụ cho tu quán, "Thấy hình" dụ cho quán thành tựu, tức là thấy bổn tánh Phật. Nếu quán chưa thành thì hình ở ngoài. Ví dụ ở tâm cần gì "Nhiếp quy" thân mình? Ở đây hiển bày rõ ràng nhưng người đời không thể đạt được.

Hỏi: Ước tâm quán Phật, khẳng định cảnh bên ngoài thuộc về luống dối, nghĩa này rõ ràng không có gì đáng nghi ngờ. Dùng ba quán thể nghiệm cảnh luống dối này thành ba đế, xin chỉ bày tướng này?

Đáp: Như quán sợi lông trắng giữa hai đầu chân mày, một lòng, một ý, chuyên tưởng không dời đổi, rõ ràng phân minh thì có thể hiểu được cảnh này. Các pháp đầy đủ, tướng này là từ thân ta mà được, là từ tâm ta mà được. Còn Phật không từ thân ta mà được, không từ tâm ta mà được. Không từ thân ta mà được tâm Phật, không từ tâm ta mà được sắc Phật. Cái nào nếu là tâm thì Phật không có tâm, nếu là sắc thì Phật không có sắc, nên không thể dùng sắc, tâm để cầu Tam-Bồ-đề. Cảnh sở quán đã không thì quán năng quán cũng diệt. Năng sở đều mất, không rơi vào suy nghĩ thường tình. Không tuy không thật có, nhưng tùy theo niệm liền thấy. Như kính chiếu soi thì mặt mình hiện ra trong đó. Lại như Tỳ-kheo quán xương khởi lên các thứ ánh sáng. Ở đây không có người đem đến, cũng không có xương này, tất cả đều do ý làm ra, đều giả dối như huyễn hóa. Phật vốn không hề đến, ta cũng không đi. Tâm không tự biết tâm, tâm không tự thấy tâm, tâm còn suy nghĩ si mê, không còn suy nghĩ là Niết-bàn. Pháp này không thể chỉ bày, đều do nhớ nghĩ tạo nên. Dù cho có nhớ nghĩ (niệm) cũng không phải tất cả đều không.

Trong ba quán thì nói theo năng quán, trong ba đế thì nói theo "Sở hiển". Đế, quán không hai, năng, sở là một. Nên Tổ Sư nói: "Ba đế, ba quán, ba phi, ba ba, một một, tam vô sở ký, đế quán gọi là thể riêng biệt." Ở đây cũng giống như vậy, cho nên năng sở chỉ là một.

Hỏi: Một tâm ba quán, ba đế một cảnh, không trước không sau, mới là viên đốn Tam-muội. Theo điều đã nói trên thì dường như nghĩa thứ lớp của tâm?

Đáp: Tuy nói trước sau nhưng dùng trong một lúc, lại như quán chiếu sợi lông trắng này tức là tâm ta. Ngoài tâm không có pháp, pháp pháp không thật có tức là "Không". Tướng này rõ ràng là "Giả", giả tức là cảnh, "Không" tức là quán. Rõ ràng thông đạt không bị cảnh làm

nhiễm ô mà quên "Giả", rõ ràng thông đạt không bị trí làm thanh tịnh mà quên "Không". Chẳng nhiễm chẳng tịnh, cảnh quán đều dứt, năng sở đều quên. Đó tức là Trung đạo, đâu còn có trước sau! Nếu nói về giả quán cũng như vậy. Sợi lông trắng rõ ràng như xương chiếu ra ánh sáng là "Giả", tướng này không thể nắm bắt được là "Không", không có người đem đến, cũng không có xương này là "Trung". Nếu nói về trung quán, hiểu rõ sợi lông trắng này chẳng phải "Không", chẳng phải "Giả", nếu tâm vọng tưởng thì si mê, dứt vọng tưởng thì Niết-bàn. Pháp này không thể chỉ bày, vì nó đều do suy nghĩ, việc làm không còn vướng vào hai bên. Hai cái này mất thì hai cái kia chiếu, do hai cái kia chiếu nên "Không", "Giả" rõ ràng. Vong chiếu đồng thời nên không có trước sau. Như thế một "Không" thì tất cả đều "Không", Ba quán cũng "Không", một "Giả" tất cả "Giả", ba quán cũng "Giả", một "Trung" tất cả "Trung", ba quán cũng "Trung", không trước không sau, dứt bặt nghĩ bàn.

Hỏi: Y chánh Tịnh độ ở ngoài mười muôn ức cõi, tại sao nói "Duy tâm Tịnh độ, bản tánh Di-đà"? Lại trong kinh ghi: Phật A-di-đà ở cách đây không xa?"

Đáp: Nghĩa này phải y cứ theo ba đế, ba quán đã nói thì nghi này mới giải được. Người nào thành tựu không mất tự thể thì Đông, Tây như nhau, ngại gì cõi Tịnh độ ngoài mười muôn ức cõi. Đó tức là cái giả nhiệm mầu. Cùng một thể tánh không ngăn cách một mảy may nào. Đó là cái không nhiệm mầu. Hai tướng bất nhất, bất dị không còn. Đó tức là cái trung nhiệm mầu. Cũng là một là tất cả nên không ngại xa, tất cả là một nên không ngại gần, chẳng phải một, chẳng phải tất cả nên không xa không gần. Ví dụ: Lấy bỏ không lấy không bỏ, hợp tan không hợp không tan v.v... không pháp nào không như vậy, như trong sáu chương trước của chỉ quán đã nêu, nương theo Tu-đa-la (kinh) để mở rộng, giải thích, nói thẳng bổn chân của các pháp, đều là ba đế diệu pháp. Do lý này đầy đủ mới có sự dụng. Vì "Giả" nên không mất tự thể nên dù gần hay xa cũng vãng sinh về Cực lạc. Lại do "Không" nên đồng một thể tánh, nhờ năng lực Phật, năng lực Tam-muội, nên một niệm có thể thấy. Tâm ở trong định, như khoảng thời gian búng ngón tay, không gần mà gần, thật không vãng sinh. Hai điều này chẳng phải là hai bên. Sự chẳng phải vãng sinh, chẳng phải không vãng sinh, đã tức lý thì chính là diệu sự. Nhưng Đức Phật tùy theo căn cơ của chúng sinh đưa ra một việc lại bao gồm cả ba, cho nên kinh Tiểu Di-đà thiên về nói xa, kinh Thập Lục Quán thiên về nói gần. Gần xa cùng chiếu thì gần xa đều

vắng lặng. Vì thế gần, xa chẳng phải gần chẳng phải xa, sinh tức là vô sinh, vô sinh tức là sinh, chẳng phải sinh, chẳng phải bất sinh. Người đời nay thường chạy theo lời nói sinh ra kiến giải, chấp vào một bên, không thể giải thích đầy đủ được. Nên luận Thập Nghi chép: “Người đời nay nghe nói sinh liền nghĩ là sinh, nghe nói không sinh liền nghĩ là không sinh, chính là rơi vào lỗi này, thật đáng thương thay!”

Nếu không theo lý đầy đủ của ba pháp mà luận về sự-dụng của ba pháp thì mắc lỗi từ tâm sinh, lại vời lấy sự chê bai của duyên lý đoạn cửu, há là pháp môn viên đốn? Nếu không như vậy, vì sao Diệu Tông đưa ra ba năng lực trong kinh Ban-chu Tam-muội để Tam-muội làm chứng?

1. Phật lực.

2. Tam-muội lực.

Hai năng lực này chẳng phải sự dụng chăng?

3. Bổn công đức lực. Đây chẳng phải là lý sẵn có ư?

Song người đời Mạt pháp muốn lập hạnh tu hành nên chọn pháp môn nhập lý làm nơi chốn để khởi các quán, vì chúng sinh còn mê mờ chưa ngộ được lý. Cho nên đến phần thứ bảy trong chương chánh tu, mới nói về chọn lựa sở quán trong mười cảnh. Ở đây cũng giống như vậy, như trước đã nói. Bởi ở đây không thấy ý này há không cảm ứng chăng?

Hỏi: Duy tâm của duy tâm Tịnh độ và bản tánh Di-đà so với duy tâm trong duy sắc duy tâm của mười môn bất nhị giống và khác nhau thế nào?

Đáp: Duy tâm Tịnh độ là ấm cảnh sở quán, bản tánh Di-đà là pháp môn sở hiển, cũng là pháp quán năng quán. Mỗi bên nêu lên ý của mình để hiển bày lẫn nhau. Nếu mười môn bất nhị y theo ba đế, diệu sắc diệu tâm mà nói về duy tâm, thì nên nói rằng: Chẳng phải sắc, chẳng phải tâm là “không”, sắc, tâm là “giả”, duy sắc tâm là “trung”. Đây chính là thẳng đến trung đạo, còn gì đợi luận bàn! Gọi là diệu sắc diệu tâm há cùng với tâm Tịnh độ, ấm tâm sở quán cùng một lúc mà bàn được?

Nếu quán thân tướng của hai Bồ-tát giống nhau thì nên chọn ra những điểm riêng khác. Như trong kinh ghi: Chỉ cần quán tướng đầu thì biết là Bồ-tát Quán Thế Âm hay là Bồ-tát Đại Thế Chí.

Tướng đầu ấy thế nào? Trên đỉnh đầu Ngài Quán Âm có nhục kế như hoa sen chưa nở, hồng tươi trong suốt thanh tịnh. Trên nhục kế của Ngài Thế Chí có bình báu chứa đầy ánh sáng. Nếu lúc niệm danh hiệu

hai vị Bồ-tát này thì nên quán tướng này. Nếu khi niệm hải chúng thanh tịnh nên tưởng nhớ đến các vị trời trong Tam Thừa vây quanh Phật và hai vị Bồ-tát.

Đã nói về tướng quán cảnh, tất cả các ví dụ trên đều có thể biết được. Nếu không chọn lựa kỹ càng làm sao gọi là viên tu, cho nên không thể đạt được.

Dùng bút ghi lại, nhưng lão già này mắt đã mờ, chưa kịp xem lại văn, nên phần nhiều có thiếu sót, mong người xem lượng thứ cho.

Ngày 18 tháng 12, niên hiệu Chí Đại năm thứ 3.

Lời tựa của Tịnh độ hoặc vấn.

Tham thiền hay niệm Phật đều không bỏ. Thiền chủ yếu là thấy tánh, niệm Phật thì lìa trần. Trộm nghĩ pháp môn niệm Phật thật là con đường qua lại chung của Thiền và Giáo, là con đường tất dạo chơi của sĩ thứ. Điều này không đáng tin sau khi ở đời những học giả tham thiền thì có bệnh thiện, làm Phật sự thì có ma sự, chỉ do cách xa thời Thánh hiền, nhánh nguồn khác biệt, đâu đâu cũng có điều này, ai có thể ngăn dứt? Như Ngài Thiên Như đời Nguyên là một thiền sư thông suốt vả tông thuyết và quy tắc trời người; như kiếm lìa hộp báu để chém sự bất bình, thuốc ra khỏi bình vàng để trị bệnh trầm kha, Ngài đã ở nơi không có gì đáng nghi ngờ mà khéo đặt ra nghi tình, chỗ không có gì để hỏi mà nêu câu hỏi nên gọi là "Tịnh độ hoặc vấn" gồm cả thảy hai mươi sáu điều hỏi đáp để khơi nguồn mở lối người hiểu biết. Nếu tin tưởng thì tịnh niệm văn này. Như còn chấp trước, hiểu sai, không phân biệt xấu đẹp, giữa ban ngày lạc đường, nên đi đến phương Bắc lại quay về phương Nam thì nay có đệ tử đức đại Từ bi lưu hành bản văn này khắp nơi chứ chẳng phải chỉ dành riêng cho người tu Tịnh nghiệp, hầu có thể làm một lời khuyên cho kẻ không tin.

Giảng chủ ba tông - Thủ Ngu Ngộ cẩn thức.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 172

TỊNH ĐỘ HOẶC VẤN

SỐ 1972

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1972

TỊNH ĐỘ HOẶC VẤN

Đời Nguyên, Sư Tử Lâm Thiên Như trước tác.
Đời Minh, Ngài Vân Thê Châu Hoằng biên tập,
đệ tử Quảng Tín hiệu đính.

Thiên Như lão nhân đang tĩnh tọa nơi thất Ngọa vân, có người khách đẩy cửa bước vào, tự xưng là Thiền khách. Lão nhân bèn mời ngồi. Ngồi lâu, ánh tịch dương xuyên qua song trúc, lò hương thiền khói sắp muốn tan. Khách bèn đứng dậy, thư thả mà hỏi.

Hỏi: Trộm nghe xưa Hòa thượng Vĩnh Minh Diên Thọ, bẩm thọ môn học đơn truyền nơi Thiều quốc sư ở núi Thiên thai, là cháu đích tôn của Ngài Pháp Nhãn. Khi Hòa thượng trụ trì chùa Tịnh Từ ở Hàng Châu, chúng có đến mấy ngàn, biện tài cơ trí như gió cuốn sấm vang, thiền lâm trong và ngoài nước đều tôn xưng Ngài là bậc đại tông trượng. Cớ sao ngoài việc nói Thiền, Ngài còn tự tu Tịnh độ, lại còn dạy người, viết sách để truyền bá pháp môn Tịnh độ ở thế gian, đồng thời còn soạn kệ Tứ liệu giản, đại để nói: “Có thiền không Tịnh độ; mười người chín lầm đường... không Thiền có Tịnh độ; muôn tu muôn người sinh.” Xem qua những lời dạy như thế, thì Ngài đã chủ trương Tịnh độ, không ít nhiều khoan dung, tự hạ thấp môn thiền của mình, hơi quá lời tán thán Tịnh độ. Điều này rất nhiều vị sinh tâm nghi ngờ, mong Ngài giải thích cho?

Đáp: Lời hỏi của ông thật thích đáng. Ông nên biết Đại sư Vĩnh Minh chẳng phải là quá lời tán thán pháp môn Tịnh độ, mà thật ra lời nói của Ngài có công rất lớn đối với bên Tông cả bên Giáo. Chỉ tiếc Ngài Vĩnh Minh lược nói đại cương, mà chưa phát minh hết ý thú, nên chưa đánh tan hết các mối nghi hoặc của Thiền giả. Tôi xưa nay học về

Thiền, chưa am tường mấy về giáo lý Tịnh độ, nên cũng thường xem qua mấy bộ sách Tịnh độ, nên có được chút hiểu biết Tịnh độ vốn là môn dễ thực hành, dễ chứng đắc, nhưng cũng là pháp khó nói, khó tin.

Vì thế, lúc Đức Từ phụ Thích-ca còn tại thế, Ngài vì các đệ tử mà thuyết kinh A-di-đà, đã dự biết trước chúng sinh thời Mạt pháp khó sinh lòng tin tưởng, quy hướng. Do đó, Ngài đã dẫn lời sáu phương chư Phật hiện tướng lưỡi rộng dài nói lời thành thật, để phát khởi lòng tin và phà trừ mọi nghi hoặc của chúng sinh. Ở cuối bản kinh, nhân nói việc chư Phật tán thán mình, Ngài lại tự nói: "Nên biết Ta ở đời ngũ trược ác thế, thường làm các việc khó làm, vì tất cả chúng sinh ở thế gian này mà nói pháp khó tin này, đây quả thật là điều vô cùng khó!" Đó là những lời tha thiết ân cần dặn dò, khuyến khích sách tấn các chúng sinh tin tưởng. Vả lại, Đấng Đại Bi Thế Tôn rủ lòng thuyết giáo cứu đời mạt kiếp, phàm chính từ kim khẩu của Ngài nói ra, một câu một bài kệ, hàng nhân và phi nhân đều tín thọ phụng hành, chỉ riêng về pháp môn Tịnh độ, thì thế gian có sự nghi ngờ. Vì sao? Do vì giáo môn Tịnh độ rất rộng lớn, nhưng pháp tu thực rất đơn giản. Với pháp môn rất rộng lớn mà rất dễ hành trì, nên người nghe phần nhiều không thể không sinh tâm nghi ngờ.

Nơi rộng lớn là pháp môn này thâu nhiếp hết mọi căn cơ, trên đến hàng Nhất sinh bổ xứ trong địa vị Đẳng giác Bồ-tát cũng cầu sinh Tịnh độ, dưới đến hàng ngu phu ngu phụ, cùng hàng vô trí phạm đủ tội ngũ nghịch thập ác, khi lâm chung chỉ cần rủ lòng sám hối, hướng tâm về Tịnh độ, đều quyết được vãng sinh. Còn nói giản dị là pháp môn này, người tu không phải trải qua sự hành trì gian lao cực nhọc, chỉ cần chuyên tâm trì niệm bốn chữ A-di-đà Phật, do công đức đó mà sớm lìa bỏ cõi Ta-bà, vãng sinh về thế giới Tịnh độ, chứng đắc quả vị Bất thoái chuyển, từ đó lần đến thành Phật mới thôi. Bởi do sự rộng lớn của pháp môn Tịnh độ như kia, sự giản đơn của pháp môn Tịnh độ như nay. Vì thế, mặc dù là kẻ trí,vẫn không thể không sinh nghi ngờ. Nay ông đã hiểu như thế, thì có thể biết những lời tán thán của đại sư Vĩnh Minh đối với pháp môn Tịnh độ là có ý sâu xa và không quá đáng lắm vậy.

Hỏi: Việc rộng lớn mà lại giản dị của pháp môn Tịnh độ, tôi đã từng nghe chỉ dạy. Những bậc đại trí trong Thiền tông đã gọi là kiến tánh thành Phật, thì cần gì phải cầu sinh về cõi Tịnh độ?

Đáp: Do ông chưa biết mới nói đó thôi. Chứ thật ra những bậc đại trí đạt ngộ Thiền, lại càng sinh tâm khẩn thiết cầu sinh Tịnh độ. Cổ nhân nói: "Nếu không cầu sinh Tịnh độ, thì còn cảnh nào để cầu sinh." Do

hiện nay ông chưa đạt ngộ, còn bằng ông đã đạt ngộ rồi, thì e rằng chí nguyện cầu sinh Tây phương của ông, vạn trâu kéo cũng không lại.

Hỏi: Chư Phật và các bậc Tổ sư sở dĩ xuất hiện ở thế gian là vì sự giáo hóa chúng sinh. Người tu hành vì chưa xong đại sự, còn như đại sự đã xong, thì nên nỗ lực giáo hóa, tùy loại hóa thân vào các nơi khốn khổ, không ngại đường sinh tử mà rộng độ chúng sinh. Nay kẻ đã đạt ngộ, lại mang tâm cầu sinh Tịnh độ, tức là chán khổ cầu vui, không đoái hoài gì những kẻ đang đắm trong biển sinh tử? Với việc chán khổ cầu vui như thế, hoàn toàn không phải là sở nguyện của tôi?

Đáp: Vừa thấy trứng không muốn đợi qua đêm mà muốn nở, tâm niệm đó quả thật là gấp gáp. Ông cho rằng người tu hành một phen sau khi tỏ ngộ, thì lậu tập hoàn toàn tiêu diệt, bèn chứng được quả vị Bất thoái chuyển sao? Ông cho rằng một phen sau khi đạt ngộ, lại không cần phải học Phật pháp, không cần phải tiếp tục tu hành để chứng đắc quả vị từ thấp lên cao sao? Ông cho rằng một phen sau khi đạt ngộ, liền có thể ngang bằng với chư Phật, có thể ra vào sinh tử, không bị các chướng duyên làm nhiễu loạn hay sao? Xét như thế, thì chư vị Bồ-tát trải qua hằng hà sa số kiếp tu lục độ vạn hạnh, cũng đều xấu hổ đối với ông.

Người xưa từng dạy: "Bồ-tát còn mê khi cách ấm, Thanh văn còn muội khi xuất thai." Huống gì thời nay, người hiểu mỏng ngộ cạn, nói việc tự cứu mình còn chưa xong. Giả sử có chỗ đạt ngộ sâu xa, trí thông hiểu cao sáng, hạnh cùng giải tương ưng, chí nguyện muốn độ người mãnh liệt. Nhưng ngặt nỗi, người tu hành khi chưa chứng lên quả Bất thoái, thì lực dụng chưa đầy đủ, mà muốn ở lại cõi Ta-bà ác trược này để giáo hóa chúng sinh cang cường, việc này hàng Tiên Thánh còn chưa dám hứa. Ví như người đem chiếc thuyền đóng trám chưa kỹ, chèo ra giữa biển sóng lớn để vớt người, tất yếu mình và người đều bị đắm chìm, lý do tất nhiên là như vậy. Vì thế trong luận Vãng Sinh nói: "Muốn thong dong du hí nơi cõi địa ngục, tất trước phải cầu sinh Tịnh độ; sau khi đã chứng đắc Vô sinh pháp nhẫn rồi, mới trở lại sinh tử cứu khổ chúng sinh. Do nguyên nhân như thế, mà người tu hành cần phải cầu sinh Tịnh độ. Lai các bậc Tiên Thánh có nói: "Người tu khi chưa chứng được quả vị bất thoái, không thể vào cõi tục hóa độ chúng sinh; chưa chứng được Vô sinh pháp nhẫn, cần phải thường không xa rời Phật. Ví như trẻ thơ, không thể rời mẹ, lại như chim non không thể chuyền cành."

Nay ở cõi Ta-bà, Đức Thích-ca đã diệt độ, Đức Di-lặc chưa hạ

sinh. Huống nữa cõi này bốn ác khổ thú, nhân quả dây dưa, đầy khắp ngoại đạo tà kiến, thị phi làm rối loạn. Sắc đẹp tiếng dâm hằng mê hoặc, cảnh duyên uế độc mãi phủ quanh. Hiện tại đã không có Phật để nương, lại còn bị cảnh duyên nhiễu loạn. Hàng sơ tâm ngộ đạo, mấy ai gặp cảnh ngộ như thế mà không bị thối bại.. Vì vậy, Thế Tôn đã ân cần chỉ thẳng lối về thế giới Cực lạc, là cũng bởi lý do đó. Bởi Đức A-di-đà kia đang hiện tại thuyết pháp, thắng duyên cõi Cực lạc, đầy đủ các món thanh tịnh, lại nương vào sức Phật, nên nhẫn lực dễ thành. Quyết sớm chứng được quả vị Phật, thân cận Phật ắt được thọ ký. Sau đó trở lại cõi Ta-bà giáo hóa chúng sinh, ra vào tự tại. Do bởi các nguyên nhân như thế, mà kẻ thượng căn lợi trí còn nguyện thác sinh, huống gì ông thuộc vào loại trung căn, đối với sự tu hành có đôi chút tỏ ngộ.

Ông không thấy trong kinh Quán Phật Tam-muội, Ngài Văn-thù-sư-lợi tự bày tỏ túc nhân của mình: "Ta đã chứng đắc được pháp Niệm Phật Tam-muội, thường cầu sinh về cõi Tịnh độ." Thế Tôn bèn thọ ký cho Bồ-tát Văn-thù: "Ông sẽ được vãng sinh về thế giới Cực lạc." Lại không thấy trong kinh Hoa Nghiêm, Bồ-tát Phổ Hiền khuyến tấn đồng tử Thiện Tài cùng đại chúng hải hội, dùng mười đại nguyện làm chỗ quy hướng về thế giới Cực lạc. Kệ nói: "Nguyện tôi khi đến lúc lâm chung; Dứt trừ tất cả điều chướng ngại; Diện kiến đức Phật A-di-đà, Liền được vãng sinh về cõi Cực lạc." Lại nói: "Chúng hội Di-đà đều thanh tịnh; tôi từ hoa sen nở ra; thân thấy Đức Phật Vô Lượng Quang; Liền thọ ký tôi đạo Bồ-đề; nhờ Đức Phật kia thọ ký rồi; tôi hóa vô số vạn ức thân; trí thuệ rộng lớn khắp mười phương; khắp lợi tất cả Pháp giới."

Ông lại không thấy bài kệ thọ ký Bồ-tát Long Thọ trong kinh Lăng-già:

"Trong nước Nam Thiên trúc
Có danh đức Tỳ-kheo
Tôn hiệu là Long Thọ
Khéo phá vô tông hữu
Pháp vô thượng Đại thừa
Chứng sơ Hoan hỷ địa
Sinh về nước Cực lạc."

Lại không thấy trong luận Đại thừa Khởi Tín, Bồ-tát Mã Minh có lời phát nguyện vãng sinh. Trong luận Vô Lượng Thọ, Bồ-tát Thế Thân cũng hết sức tán thán pháp môn Tịnh độ. Lại không thấy trong kinh Đại Bảo Tích, Đức Phật ấn chứng hứa khả cho vua Tịnh Phạn cùng bảy vạn người họ Thích, đồng vãng sinh nước An dưỡng. Trong kinh Thập

Lục Quán, Đức Phật đã chỉ dạy phu nhân Vi-đề-hy cùng năm trăm tỳ nữ, thành tựu ý nguyện lễ bái đức Phật A-di-đà. Lại nữa, đức vua Tịnh Phạn và hoàng hậu Vi-đề-hy... đều là các bậc hiện tiền chứng được Vô sinh pháp nhẫn.

Ở Tây Trúc, số vị được vãng sinh Tịnh độ như thế không thể tính xiết được. Còn ở Đông độ, có Đại sư Tuệ Viễn ở Lô Sơn, cùng những vị cao nhân kết hội Bạch Liên xã. Các bậc tôn túc trong các tông Thiên Thai, Hiền Thủ, ngoài việc tự tu Tịnh độ còn đem giáo hóa người, kẻ tăng lẫn tục, được vãng sinh Tịnh độ, số lượng như thế không sao xiết kể. Đến như hai Ngài Văn-thù, Phổ Hiền đều là bậc đại Bồ-tát; đồng tử Thiện tài và hải chúng Hoa tạng đều là những vị Thiện tri thức, sự tỏ ngộ đồng hàng với Bồ-tát thập địa. Các Ngài Mã Minh, Long Thọ cũng đều là những bậc đại tổ sư của Thiền tông.

Các bậc Thánh nhân trên, chỗ chứng ngộ của họ so với kẻ chứng ngộ ngày nay có được mấy người. Thế mà các Ngài, đều nguyện vãng sinh về thế giới Cực lạc, thân cận đức Phật A-di-đà. Còn ông cho rằng sau khi đã tỏ ngộ, thì không cần cầu sinh Tịnh độ, như thế thì các bậc đại Bồ-tát như Văn-thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ... so ra đều không bằng ông. Sao ông lại không tự xét tâm, tự lượng sức tu của mình, thật có hơn hai vị đại Bồ-tát, hai vị đại Thiền tổ đó không. Chỗ tham học các bậc Thiện tri thức, chỗ đạt ngộ Phật tánh của ông, thật có hơn đồng tử Thiện Tài và hải chúng Hoa tạng đó không. Chỗ chứng đắc Vô sinh pháp nhẫn, được Phật ấn chứng có hơn đức vua Tịnh Phạn và hoàng hậu Vi-đề-hy hay không. Lại đức vua Tịnh Phạn là thân phụ của Phật, bảy vạn người họ Thích là quyến thuộc của Phật. Nếu sinh về Tịnh độ, là không có sự lợi ích, thì Phật nỡ nào đi dối trá thân phụ và bà con quyến thuộc của mình. Trước đây, nói người là chứng Vô sinh pháp nhẫn, có thể vào tục hóa độ chúng sinh, nay thân phụ và bà con của Ngài đã chứng được nhẫn lực này, thế mà đức Phật còn thọ ký cho họ vãng sinh, thì tấm lòng bảo hộ và hộ trì của Đức Như Lai, chẳng phải là thân thiết lắm sao.

Tôi thấy rất nhiều vị tu Thiền ngày nay, không xét liễu nghĩa của Như Lai, không rõ huyền cơ của Đạt-ma, bụng rỗng lòng không, tập quán thành cuồng vọng. Khi thấy người tu Tịnh độ, thì cười ngạo nói: "Đó là chỗ học chỗ làm của ngu phu, ngu phụ." Tôi cho rằng lời nói đó không phải là khinh thường các hàng ngu phu ngu phụ mà chính là khinh thường các vị Bồ-tát như Văn-thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ. Người đó tự mê chánh đạo, tự làm mất thiện căn, tự làm

hại tuệ thân mà còn làm mất giống Phật, trở thành nghiệp phỉ báng chánh pháp, lại còn chiêu cảm nghiệp khinh chúng tăng. Chư Phật, chư Tổ các Ngài thấy vậy vô cùng thương xót. Nhân đây, Hòa thượng Vĩnh Minh, vô cùng thương xót, đem hết tâm cang chủ trương pháp môn Tịnh độ, không những Ngài tự tu, mà dùng pháp Ngài để giáo hóa người khác. Cho nên, khi lâm chung, Ngài biết trước giờ chết, có các tướng đặc biệt thù thắng, như lúc trà tỳ xá-lợi từ thân tuôn ra vô số.

Nghe nói có một vị Tăng ở Phủ châu, thường ngày cung kính đi nhiễu xung quanh tháp Ngài, mọi người hỏi lý do, vị Tăng đó đáp: "Nhân tôi khi bệnh nặng, thần thức đi vào minh giới, Diêm vương xét thấy dương số chưa hết, bèn cho trở về. Tôi thấy bên trái điện Diêm vương thiết bàn thờ bức tượng của một vị Tăng, Diêm vương lễ bái cung kính. Tôi hỏi vị chủ quan, vị đó đáp: "Đó là Thiền sư Vĩnh Minh Diên Thọ, do Ngài tu hành tinh tấn, được sinh về thượng phẩm ở cõi Cực lạc, cho nên Diêm vương họa bức tranh của Ngài để lễ bái." Xét đại sư Vĩnh Minh đã tỏ ngộ Thiền trực chỉ của Đạt-ma Tổ sư, lại gởi thân nơi cõi Cực lạc, do đó mà giải mở mối tình chấp của người tu Thiền và cũng làm duyên khuyến tấn cho chúng sinh trong thời mạt pháp. Vì thế tôi nói Ngài có công rất lớn đối với cả bên Tông bên Giáo là ở điểm đó.

Song chẳng phải đặc biệt chỉ có Thiền sư Vĩnh Minh mà thôi. Như Thiền sư Tử Tâm Tân có trước tác văn khuyến tu Tịnh độ, có đoạn viết: "Di-đà rất dễ niệm, Tịnh độ rất dễ sinh." Lại nói: "Người tham thiền rất cần kiêm thêm niệm Phật. Nếu có kẻ căn cơ ngu độn, sợ e rằng đời này chưa được đại ngộ, thì cần nương tựa nguyện lực Di-đà, tiếp dẫn vãng sinh Cực lạc." Lại nói: "Các ông nếu nhất tâm niệm Phật mà không được vãng sinh Tịnh độ, lão Tăng này xin đọa địa ngục Rút lưỡi." Lại như Thiền sư Chân Yết Liễu khi trước tác văn Tịnh độ, có nói: "Người trong tông Tào Động cần nên tu Tịnh độ, vì sao như thế. Do bởi pháp môn niệm Phật là đường tắt tu hành. Xét trong Đại tạng, pháp môn này, ngoài việc thâu nhiếp căn khí thượng thượng, còn thâu nhiếp căn cơ trung hạ: Lại nói: "Bậc đại tượng trong tông môn, đã đạt ngộ pháp bất không bất hữu, lại còn hướng về chăm chú nơi Tịnh nghiệp, thế chẳng phải sự thấy Phật của Tịnh nghiệp rất dễ so với tông môn sao?" Lại nói: "Cho dù Phật hay Tổ, bên Giáo hay bên Thiền, đều tu Tịnh độ, đồng quy về một nguồn. Vì thế, nhập vào được môn này, thì vô lượng pháp môn đều được nhập vào."

Đến như các Ngài Thiên Y Hoài Thiền sư, Viên Chiếu Bản Thiền sư, Từ Thọ Thâm Thiền sư, Nam Nhạc Tư Thiền sư, Pháp Chiếu Thiền

sư, Tịnh Đại Từ Thông Thiền sư, Thiên Thai Hoài Ngọc Thiền sư, Lương Đạo Trân Thiền sư, Đường Đạo Xước Thiền sư, Tỳ Lăng Pháp Chân Thiền sư, Cô Tô Thủ Nạp Thiền sư, Bắc Nhàn Giản Thiền sư, Thiên Mục Lễ thiền sư. Những bậc đại lão đó, đều là những bậc đại tông tượng trong Thiền môn. Xét ra các Ngài đều hoặc mật tu, hoặc hiển hóa phát dương tông chỉ Tịnh độ, tuy không ước hẹn mà ngẫu nhiên đồng đường. Song, chẳng phải chỉ có các bậc đại lão như thế mà thôi. Tôi từng nghe một vị lão túc bên Tông môn nói: "Hợp ngũ gia tông phái, hầu hết các Thiền tăng trong thiên hạ, hoặc đã ngộ hoặc chưa ngộ, không có vị nào là không quy hướng Tịnh độ." Tôi bèn hỏi nguyên do, vị đó đáp: "Như Thiền sư Bách Trượng Đại Trí Hải, là vị nối pháp truyền đạo của Giang Tây Mã Tổ, những Tòng lâm trong thiên hạ, đều nương theo cách thức của Ngài mà kiến lập. Từ xưa đến nay, không có một ai dám có lời thị phi. Thanh quy trong Thiền môn đều theo Ngài chế mà thi hành, không có một người nào làm trái pháp. Theo nghi thức thanh quy thì nghi thức cầu cho những vị Tăng bệnh nặng như sau: "Tập hợp đại chúng lại, tất cả đồng tụng một bài kệ xưng tán Phật A-di-đà, lại đồng thanh xưng tụng Phật hiệu Nam-mô A-di-đà Phật ngàn biến, rồi phục nguyện hồi hướng: "Nếu các duyên chưa hết, mong sớm được khỏe mạnh. Còn bằng số mạng khó tránh, thì được sinh về An dưỡng." Đây chẳng phải là bằng chứng chỉ quy về Tịnh độ hay sao? Lại xem trong nghi thức cử hành tang lễ vị Tăng có đoạn: "Đại chúng đồng niệm Phật và phục nguyện hồi hướng: "Thần siêu cõi Tịnh, nghiệp dứt cõi trần, thượng phẩm sen nở hiện kim thân, nhất sinh Phật trao phần quả ký." Đây chẳng phải là bằng chứng chỉ quy về Tịnh độ hay sao. Đến lúc trà tỳ, cũng chẳng có gì khác, vị Duy na cầm khánh cao tiếng xướng Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới đại từ đại bi A-di-đà Phật và đại chúng xướng họa theo, cứ như thế mà niệm mười lần. Đây gọi là pháp thập niệm.

Xướng và đại chúng hòa xong, vị Duy-na lại hồi hướng: "Trên đây đại chúng đã xưng mười niệm, phụ giúp vãng sinh." Đây chẳng phải là bằng chứng chỉ quy về Tịnh độ hay sao. Kể từ Thiền sư Bách Trượng trở về sau, trong Thiền môn, phàm có vị Tăng nào viên tịch, đều y theo pháp thức này cử hành tang lễ. Cho nên nói toàn thể ngũ gia tông phái, hầu hết các vị Thiền tăng trong thiên hạ, không có bất cứ vị nào mà không quy hướng về Tịnh độ, điều đó không đúng sao. Tôi nghe những lời dẫn chứng của vị lão túc này, đều có y cứ nên không thể biện bác như thế nào được. Lại nhân những lời vị đó nói, tôi chợt ngộ ra thâm ý

của Tổ sư Bách Trượng, chẳng những đầy đủ mà hoàn toàn đúng vậy.

Xưa nay ông ở Tòng lâm, đích thân đã đưa biết bao nhiêu vị Tăng viên tịch. Việc hồi hướng thập niệm, trong miệng xướng lên, tai nghe rõ tiếng, không biết bao nhiêu lần. Ông đã không hiểu được ý Tổ sư lại tự thân không chánh tâm tỉnh giác, còn vọng nói kẻ ngộ đạo không nên nguyện sinh Tây phương. Quả thật sự chấp trước của ông, kẻ tu thiền trong thiên hạ e rằng không ai bằng.

Hỏi: Sự nhiếp cơ của pháp môn Tịnh độ, nay đã được Ngài giải thích rõ, kẻ ngu này không dám luận bàn. Nhưng tôi lại thường nghe thuyết duy tâm Tịnh độ, bản tính Di-đà, trong tâm có ý vui mừng, rồi xem trong các kinh luận, đều nói Tịnh độ là cõi Cực lạc cách xa thế giới Ta-bà này mười vạn ức Phật độ, nghĩa là đức Di-đà là giáo chủ cõi Cực lạc, như vậy, cõi kia cách đây rất xa, ngoài nghĩa duy tâm bản tánh, vấn đề này như thế nào?

Đáp: Lời hỏi của ông còn nông cạn lắm. Ông không biết chân tâm của ông rộng lớn vô cùng. Kinh Lăng-nghiêm nói: "Những núi sông, đất đai cho đến hư không ngoài sắc thân ta, đều là vật nằm trong chân tâm vô cùng sáng suốt." Lại nói: "Chỗ xuất sinh các pháp đều từ nơi tâm hiện ra. Có cõi Phật nào nằm ngoài tâm ta." Do đó, nên biết lý Tịnh độ duy tâm là ngoài tâm không có quốc độ, như biển cả nổi lên vô lượng bọt sóng, nhưng không có một bọt sóng nào nằm ngoài biển cả. Lý duy tâm Tịnh độ, là ngoài tâm không có quốc độ, như vô lượng vi trần đều nương nơi đại địa. Lại nên biết các vị Tiên Thánh nói: "Do từ một tâm này mà có đủ bốn độ. Bốn độ là Phàm Thánh đồng cư độ, Phương tiện hữu dư độ, Thật báo vô chướng ngại độ và Thường tịch quang Tịnh độ."

Cõi Phàm Thánh đồng cư độ chia làm hai loại, đó là đồng cư uế độ và đồng cư Tịnh độ. Đồng cư uế độ là như cõi Ta-bà ở trong quốc độ này, có Phàm có Thánh, mà Phàm Thánh đều có hai hạng. Hai hạng của Phàm là ác chúng sinh tức là bốn ác thú và thiện chúng sinh là người trời. Hai hạng của Thánh, là thật Thánh tức là các Thánh nhân thuộc bốn đạo quả, hàng Bích-chi-Phật, bậc lục địa trong Thông giáo, thập trụ trong Biệt giáo, Thập tín hậu tâm trong Viên giáo. Các bậc Thánh này tuy phần thông hoặc đã dứt sạch, nhưng quả báo về sắc thân vẫn còn, nên gọi là "Thật". Hạng "Quyền" Thánh là các vị Pháp thân và Diệu giác Phật trong cõi Phương tiện Thật báo tịch quang độ. Các Ngài vì ham muốn lợi lạc cho những kẻ hữu duyên, nên ứng hiện sinh vào cõi đồng cư, như thế đều gọi là "quyền" Thánh. Các bậc

Thánh như thế cùng với hàng phàm phu đồng ở chung nên gọi là Phàm Thánh đồng cư độ. Cõi này vì có bốn ác thú ở chung nên gọi là uế độ. Còn cõi đồng cư Tịnh độ, là như thế giới Cực lạc, mặc dù quả báo rất thù thắng, cõi Ta-bà này không thể so bì, nhưng cũng gọi là Phàm Thánh đồng cư độ. Vì sao? Bởi thế giới Cực lạc tuy không có bốn ác thú, nhưng còn có trời người, những vị đó được sinh về Cực lạc, chưa hẳn là người đắc đạo, như kinh Vô Lượng Thọ nói: "Kẻ phạm vào các trọng tội ngũ nghịch, thập ác, đến khi lâm chung, phát tâm niệm Phật sám hối, quyết được vãng sinh." Nên biết thế giới Cực lạc, các chúng sinh tuy còn hoặc nhiễm vẫn được ở chung, hai bậc Thánh thật và quyền đồng như cảnh Ta-bà nhưng vì cõi này không có bốn ác thú, nên gọi là đồng cư Tịnh độ. Lại để nói rõ tướng của các cõi Tịnh, có rất nhiều sự sai khác, như thế giới Vô động, tuy cũng là cõi Tịnh, nhưng cõi này còn có núi Tu-di và chúng sinh còn có tướng nam nữ. Tịnh độ vốn có nhiều cõi bất đồng, uế độ cũng có nhiều chủng loại sai khác.

Cõi Phương tiện hữu dư độ là chỗ cư trú của hàng Thánh nhị thừa và ba hạng Bồ-tát đã chứng phương tiện đạo. Những vị này nếu tu hai món quán, đoạn trừ thông hoặc, dứt sạch trần sa hoặc nhưng biệt hoặc và vô minh chưa đoạn, khi xả thân phần đoạn mà sinh ngoại giới, thọ thân pháp tánh, tức những vị này vẫn còn chịu sự chi phối của biến dịch sinh tử. Vì thế cõi của những vị này cư trú gọi là hữu dư, bởi do họ chưa đoạn được vô minh. Gọi là phương tiện vì đó là chỗ cư trú của những hành nhân tu chứng phương tiện đạo. Vì thế, Thích luận nói: "Ngoài tam giới có Tịnh độ, đây là chỗ cư trú của hàng Thanh văn, Bích-chi-Phật, thọ thân pháp tánh, không còn chịu sự phần đoạn của sinh tử."

Còn cõi Thật báo vô chướng ngại độ, ở cõi này, không có hàng nhị thừa, mà chỉ thuần là các bậc Pháp thân Bồ-tát cư trú. Những vị này đã phá từng phần vô minh, hiển thị pháp tánh, chứng đắc quả chân thật, nhưng vì họ chưa đoạn hết vô minh nên còn bị chi phối của nghiệp vô lậu, thọ pháp tánh Báo thân, nên cũng gọi là Quả báo độ. Kinh Nhân Vương nói: "Tam hiền thập tánh trụ quả báo" là ý đó. Trong kinh Hoa Nghiêm thuyết minh về thế giới Nhân-đà-la võng chính là cảnh này.

Cõi Thường tịch quang Tịnh độ, là lý pháp giới như như, trí tuệ sáng suốt khắp chiếu của bậc đại giác, lấy ý đó đặt tên quốc độ, còn gọi là Pháp tánh độ, nhưng chân như Phật tánh chẳng phải thân, chẳng phải độ, nên nói là thân độ. Lìa thân không có độ, lìa độ không có thân, gọi là thân độ. Một pháp có hai nghĩa, quán Phổ Hiền, trụ xứ Tỳ-lô-giá na gọi là Thường tịch quang. Hai cõi trước là Ứng thân, là chỗ ở của Ứng

thân Phật. Cõi thứ ba vừa thuộc về Ứng thân vừa thuộc Báo thân, là chỗ ở của Báo thân Phật. Cõi thứ tư chỉ là chân thân, chẳng phải Ứng và Báo, đây là chỗ ở của Pháp thân Phật.

Lại nói: "Thường là Pháp thân, tịch là giải thoát, quang là Bát-nhã, như thế của chữ y, không có cách biệt ngang dọc, gọi đó là bí mật tạng, là chỗ du hóa của chư Phật Như Lai, chân thường cứu cánh, cõi Tịnh độ thanh tịnh cùng cực."

Do quan sát tâm như thế, nghĩa là mười phương vi trần quốc độ đều là cõi nước ở trung tâm chúng ta, ba đời hằng hà sa chư Phật đều là chư Phật ở trong tâm chúng ta. Hiểu được lý này, thì biết không có quốc độ nào mà không nương nơi tâm chúng ta kiến lập, không có vị Phật nào mà không nương nơi bản tánh của chúng ta mà hiển hiện. Thế thì cõi Cực lạc cách xa ngoài mười vạn ức Phật độ, chẳng phải là cõi Tịnh độ nơi tâm chúng ta sao. Giáo chủ của thế giới Cực lạc chẳng phải là Đức A-di-đà ngoài bản tánh chúng ta sao.

Lại nên biết chỉ một tâm này, bao hàm mười cõi giới, thân và độ dung thông, trùng trùng vô ngại. Lại nên biết tâm, Phật và chúng sinh, ba món đó không có sự sai khác, chúng sinh và Phật tương trợ đồng hiện, niệm niệm giao tham. Do vậy mà cổ đức từng nói: "Chư Phật ở trong tâm chúng sinh, mỗi trần đều là Cực lạc. chúng sinh trong tâm chư Phật, mỗi niệm là Di-đà." Lại nói: "Mười phương tịnh uế, gom về trong khoảng một sát-na. Mỗi niệm sắc tâm, bủa khắp gồm thâu nơi pháp giới." Như thế thì biết tất cả các nước pháp đều sẵn đủ trong thể thiên chân, chẳng phải do duyên khởi mà thành lập. Một niệm đã như thế, một trần cũng như vậy. Cho nên nói: "Trong mỗi mỗi trần tất cả cõi; trong mỗi mỗi tâm tất cả tâm; mỗi mỗi tâm trần lại khắp nhau, Trùng trùng vô tận không chướng ngại; một lúc hiện rõ không ẩn hiện; Tất cả viên thành chẳng kém hơn."

Nếu hạt thần châu bao trùm các báu, ví như ánh sáng lưới báu trời Đế Thích ảnh hiện khắp ngàn châu, tâm ta đã như thế, chúng sinh và Phật đồng một thể. Như thế thì thần thức dạo chơi đến muôn quốc độ, thật là sinh ở tâm ta, gá thân nơi cửu phẩm liên đài, chẳng phải là không ở nơi sát-na sao? Lại nói: "Thế giới Cực lạc biến khắp tất cả xứ, tuy là một mà toàn thâu. Như trên điện Đế Thích, ngàn châu trong lưới báu, ánh sáng của ngàn châu đều gom hiện vào một hạt châu và ánh sáng một hạt châu lại hiện khắp vào tất cả các hạt châu. Tuy mỗi hạt châu giao hiện lẫn nhau, lìa ra mà chẳng phân chia, ánh sáng thảy đều chiếu khắp lẫn nhau, cũng không sở tại.

Thế giới Cực lạc cũng như một hạt châu trong muôn ngàn hạt châu thế giới khác. Mười vạn ức cõi nước đều như muôn hạt châu trong một hạt châu thế giới Cực lạc. Cho đến khắp khắp cõi tam thừa Thánh nhân trời, người, cho đến các cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh và A-tu-la, mỗi mỗi cõi cũng không khác một hạt châu trong ngàn hạt châu và Đức A-di-đà cũng là một hạt châu trong ngàn hạt châu. Cho nên, thấy được một vị Phật, là thấy mười phương chư Phật, cũng là thấy chín cõi chúng sinh ở mười phương. Hằng sa vi trần quốc độ, mười phương kim cổ, toàn thể đều là một hải ấn đốn viên không có gì khác.

Những lời dẫn giải trên đây đều là những lời di huấn của chư Phật, Tổ, Thánh hiền đã tuyên dương. Nếu hiểu được lý này, thì sẽ biết được thế giới Cực lạc là duy tâm, mỗi mỗi cõi Phật, mỗi mỗi điểm trần đều là duy tâm. Đức A-di-đà là bản tánh, mỗi vị Phật, mỗi chúng sinh đều là bản tánh. Như thế ông lại còn nghi ngờ gì nữa.

Hỏi: Đã nói tịnh và uế đều dung thông, mỗi điểm trần đều là Cực lạc. Cớ sao thế giới Ta-bà lại trở thành uế độ?

Đáp: Kẻ phàm phu do bị nghiệp hoặc chi phối, mà chính ngay nơi tịnh thành uế, còn chỗ thấy chư Phật thì uế đều thành tịnh. Chẳng lẽ cảnh quả báo của Đức Phật Thích-ca mà là quả uế trược hay sao.

Hỏi: Tôi đã tin lý duy tâm rộng lớn, hàm nhiếp tất cả, viên dung không chướng ngại. Nhưng sao còn có kẻ trệ nơi tình mê, chưa thoát nghiệp uế, thì quốc độ duy tâm, họ làm sao được thanh tịnh?

Đáp: Tâm cấu uế thì quốc độ ô trược, tâm thanh tịnh thì quốc độ thanh tịnh. Vì vậy, kinh Duy-ma nói: "Muốn được Tịnh độ trước phải tịnh tâm, tùy tâm thanh tịnh cõi Phật thanh tịnh." Xét như thế, muốn được tịnh tâm mà bỏ pháp tu Tịnh độ, thì không còn một pháp nào thù thắng, sớm thành tựu hơn.

Hỏi: Với pháp tu Tịnh độ, xin Ngài vì tôi giảng khái quát pháp môn này.

Đáp: Tịnh độ vốn vô tu, tu nhân là bởi do mê lầm mà có. Pháp vốn không có cao thấp, cao thấp là do bởi căn cơ mà ra. Căn cơ của chúng sinh luôn sai khác, nên pháp tu cũng phân ra thành nhiều loại. Tóm thâu có thể chia thành ba môn, đó là quán tưởng, ức niệm và chúng hạnh. Ba môn này đều nương vào Đức A-di-đà giáo chủ thế giới Cực lạc làm cơ sở chính yếu.

Pháp môn thứ nhất là Quán tưởng, như Quán kinh nói: "Chư Phật Như Lai là thân pháp giới, vào trong tâm tưởng của tất cả chúng sinh, cho nên khi tâm các ông tưởng nhớ Phật, tâm đó tức là ba mươi hai

tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Tâm ấy làm Phật, tâm ấy là Phật. Biển chánh biến tri của chư Phật từ nơi tâm tưởng mà sinh. Vì thế các ông phải nhớ nghĩ và quán tưởng kỹ thân của Đức Phật kia."

Đoạn kinh trên, Thiên Thai sớ nói: Câu "Chư Phật Như Lai" trở xuống, là thuyết minh về chư Phật; câu "Thị cố đương tri" trở xuống là riêng quán đức Phật A-di-đà. Pháp giới thân là thân pháp tánh của Báo Phật, tâm chúng sinh khi thanh tịnh thì pháp thân tự hiện, nên nói là Nhập. Như mặt trời mọc lên thì ánh sáng sẽ hiện chiếu xuống trăm sông. Đây là chỉ thân Phật tự tại, có thể tùy vật mà ứng hiện. Lại pháp giới thân là thân Phật không chỗ nào không hiện, lấy pháp giới làm thể. Chứng đắc được pháp Quán Phật Tam-muội này thì vào ra đều tương ưng, nên nói Nhập tâm tưởng. Câu "Thị tâm tác Phật" là Phật nguyên vốn không, nhân vì chúng sinh tâm tịnh nên mới có, sợ e người khác hiểu lầm là Phật bỗng nhiên có, nên gọi là "tức" và "thị". Mới bước đầu tu hành gọi là "tức", đến khi công viên quả mãn thì gọi là "thị."

Diệu Tông Thích nói: "Muốn tưởng nhớ thân Phật, cần phải hiểu quán thể, thể là bản giác, khởi thành pháp quán. Bản giác là thân pháp giới của chư Phật, vì chư Phật không sở chứng pháp gì khác, mà toàn chứng bản tánh chúng sinh. Nếu thỉ giác có công, thì bản giác mới hiển lộ, cho nên nói pháp thân từ tâm tưởng mà sinh. Lại đức Di-đà cùng với tất cả chư Phật vốn đồng một pháp thân, đồng một trí tuệ, sự ứng dụng đều như nhau. Hiểu được thân của đức Di-đà là hiểu được thân của tất cả chư Phật, tỏ ngộ được tướng chư Phật là tỏ ngộ được thể Di-đà. Do đó nói rộng chư Phật để quy kết về sự quán tưởng đức Di-đà. Từ câu 'Pháp giới thân' trở xuống là nói về lý giải nhập tương ưng."

Ngài Dung Tâm giải thích: "Nếu không có lời chú giải trước, thì môn quán tưởng này chẳng phải là quán Phật. Nếu không có lời chú giải sau, thì thể của chúng sinh và Phật có sai khác. Hai lối giải thích trên đã tương trợ tác thành để thuyết minh pháp quán." Diệu Tông sao lại nói: "Nay quán tâm là chẳng phải quán thẳng vào bản tánh Phật, để lần hồi thể nhập bản tánh của chư Phật sao? Vì thế, trước nói rõ Ứng thân Phật nhập vào tâm tưởng chúng ta. Kế nói thân Phật toàn là bản giác nên Ứng thân Phật hiển lộ. Biết rõ bản tính, nương ngoài nghĩa lý mà thiết lập quán pháp duy tâm. Nếu luận bàn về Tác và Thị, tức là ba pháp quán bất tư nghì. Bởi do cả phá cả lập nên gọi là Tác, là hai pháp quán không và quán giả; không phá không lập gọi là Thị, là quán Trung đạo. Toàn Thị mà Tác là ba đế đều phá đều lập, toàn Tác mà Thị là ba đế đều chẳng phá chẳng lập. Tức là không giả của trung gọi là Tác,

khéo phá ba hoặc, khéo lập ba pháp, cho nên cảm được ba thân tròn đầy của chư Phật, khéo thành ngay quả ba thân của chúng ta. Tức trung của không giả là Thị, thì toàn hoặc là trí, toàn chướng là đức, cho nên tâm là Ứng Phật, tâm là quả Phật. Vì thế mà biết Tác và Thị đều là một tâm. Tu ba pháp quán này là bản thể của tất cả các pháp quán, là tông chỉ huyền diệu của một bộ kinh.”

Lại nói: “Pháp quán này có thể làm thanh tịnh bốn cõi, như thế mới là chỗ tột cùng của bộ kinh này.” cho đến nói: “Bộ kinh này nói việc phu nhân Vi-đề-hy, nhàm chán cõi Đồng cư uế độ, muốn được sinh về Đồng cư Tịnh độ, nên Phật bèn nói pháp quán huyền diệu, là quán tưởng y chánh trang nghiêm của cõi Tịnh độ, ba pháp quán này thành thì mọi trần cấu đều rơi rụng. Nếu không cầu sinh về cõi Tịnh độ, thì còn cõi nào để cầu sinh. Nên biết, chính vì để cầu sinh cõi Đồng cư Tịnh độ, nên thành lập ba pháp quán, do vì pháp quán nhiệm mầu mới có thể phá trừ ba hoặc, không chỉ riêng cảm ứng nơi cõi Đồng cư Tịnh độ, mà tùy theo chỗ đoạn trừ lậu hoặc cạn sâu, tự nhiên sẽ cảm được ba Tịnh độ kia. Như người bệnh dùng thuốc, thân sẽ an ổn, nếu có được thang thuốc tiên, thì không hẳn chỉ lành bệnh, mà còn được xương cốt nhẹ nhàng. Thân an ổn là dụ cho việc sinh ở cõi Đồng cư Tịnh độ, xương cốt nhẹ nhàng là dụ cho việc sẽ sinh ba cõi Tịnh kia. Chỉ là một loại thuốc này, mà sức diệu dụng thật sâu vô cùng, như một pháp quán huyền diệu, có thể làm thanh tịnh bốn cõi Tịnh.”

Lời giải rằng: Phu nhân Vi-đề-hy muốn lìa bỏ cõi uế, sinh về Tịnh độ, nên đức Phật hiển thị pháp lìa bỏ hết thảy uế, hiển thị pháp tánh Tịnh độ rốt ráo. Như ánh trăng không bị mây che, lìa bỏ hết thảy mọi bệnh quả báo, cho nên thỉnh cầu Bồ-tát Quán Âm tuyên thuyết thần chú là có thể tiêu diệt cội gốc ba độc, đầy đủ quả báo ngũ nhãn... Do đó, pháp nhất tâm tam quán cầu sinh Tịnh độ là lấy tam hoặc làm nhân cõi uế độ, lấy tam đế làm quả Tịnh độ. Nên biết lậu hoặc được dứt sạch là Thường tịch quang Tịnh độ, cứu chúng sinh của tam đế. Nếu lậu hoặc chưa dứt sạch, là Thật báo Tịnh độ, chứng từng phần của tam đế...

Như trên đã nói pháp nhất tâm tam quán có thể phá trừ ba hoặc, có thể làm thanh tịnh bốn độ. Nếu người nào lậu hoặc chưa phá, mà sinh về cõi An dưỡng đồng cư, nhờ nương vào các thắng duyên của cõi này, lần hồi tiến tu thì ba độ kia có thể chứng đắc. Vả lại, Giáo tông có nói: “Ngủ trược nặng nhẹ, đồng ở Tịnh độ hay uế độ. Mà viên quán trược uế nhẹ mà cảm cõi Đồng cư, y báo và chánh báo rất nghiêm tịnh. Cũng như người nào tu giới và thực hành các điều thiện sẽ sinh về cõi An dưỡng,

cảnh tướng của cõi này rất thù thắng. Cho nên tông Thiên Thai nói rằng Viên quán là định thiện.

Môn thứ hai là Ức niệm, là hành giả hoặc nương theo tướng hảo, hoặc trì danh hiệu Phật, gọi là Ức niệm. Môn này có đủ lý sự, như trưởng giả Giải Thoát trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Nếu tôi muốn thấy Đức Vô Lượng Thọ Như Lai và thế giới An dưỡng thì tùy ý liền được thấy. Tôi có thể rõ biết được tất cả các Đức Như Lai, các quốc độ trang nghiêm, thần thông nhiệm mầu... bao cảnh tướng trên đây, không từ đâu mà đến, không đi về đâu, không có xứ sở cũng không có trú xứ, cũng như thân tôi, không thật có tới lui, đi đứng. Các Đức Như Lai kia không đi đến chỗ tôi, tôi cũng không đi đến chỗ các Ngài. Tôi hiểu tất cả các Đức Phật cùng tâm tôi đều như mộng. Chỗ thấy như mộng từ phân biệt mà sinh, lại thấy tất cả chư Phật đều từ tâm tôi mà khởi, lại biết tâm tôi như nước trong chum, tỏ ngộ các pháp như hình bóng hiện trong nước. Lại biết tất cả chư Phật cảnh huyễn hóa, lại biết chư Phật, Bồ-tát trong tự tâm, thảy đều như tiếng vang, ví như hang trống, tùy theo âm thanh mà phát tiếng dội lại. Tôi tỏ ngộ được tâm nên có thể tùy niệm thấy Phật. Tôi thấy như thế, ức niệm như thế, chỗ thấy tất cả Đức Phật đều do từ tâm tôi.

Ngài Trinh Nguyên sớ giải đoạn kinh trên rằng: "Từ câu "Vô sở tùng lai" trở xuống chính là thuyết minh lý duy tâm, nếu ngộ được tức tâm là vô tâm, liền thể nhập vào chân như, rõ được tướng hư huyễn đều do duy tâm hiện ra, đã rõ được lý duy tâm và tức tâm là Phật, cho nên tùy theo chỗ niệm, không đâu là không Phật. Đoạn sau nêu ra bốn thí dụ, gồm thông (chung) và biệt (riêng), để hiển thị lý duy tâm. Bốn thí dụ đếu chứa đủ bốn quán. Ví dụ thứ nhất là nói toàn thể đều duy tâm, thí dụ thứ hai nói vì duy tâm nên không, dụ thứ ba nói vì duy tâm nên giả, dụ thứ tư nói vì duy tâm nên trung. Bốn dụ đó đều viên dung vô ngại, đây là ý kinh Hoa Nghiêm.

Cảnh mộng là dụ cho lý không đến không đi, hình bóng trong nước là dụ cho cảnh chẳng ra chẳng vào, cảnh huyễn hóa là dụ cho lý chẳng có chẳng không, tiếng vang là dụ cho lý chẳng hợp chẳng tan. Lại như kinh Bát-nhã dạy tu pháp Lập Phật Tam-muội, chuyên trì niệm danh hiệu Đức Phật A-di-đà. Pháp tu đó đại lược là; Hành giả thường nhớ nghĩ chuyên trì danh hiệu Phật A-di-đà. Ví như trong mộng thấy vàng bạc, bà con rồi sinh tâm vui mừng. Ngài Vĩnh Minh nói: "Dụ cảnh mộng thấy vàng bạc, bà con là do tâm tạo ra, là có mà không, cho nên không đến không đi. Lại cảnh huyễn hóa là không thật có, thì tâm ta và

Phật cả hai đều mất, mà không phải là không có tướng huyễn, thì không hoại tâm Phật, không và hữu đều không ngại lẫn nhau, tức là không đến không đi. Thấy khắp nơi không ngại, thấy tức là không thấy, thường khế hợp với lý trung đạo, cho nên chư Phật thật không đi, tâm ta cũng không đến. Sự cảm ứng đạo giao đó, duy tâm tự thấy."

Lại như trong kinh Lăng-nghiêm, Bồ-tát Đại Thế Chí nói: "Nếu con thường nhớ mẹ như mẹ nhớ con, thì mẹ con trải qua nhiều đời cũng không xa rời nhau. Ta do tu nhân, dùng tâm niệm Phật, mà được chứng đắc Vô sinh pháp nhẫn." Tráp Xuyên dùng lý và sự để phân tích đoạn trên: "Quán thí dụ mẹ con thường nhớ nghĩ lẫn nhau, là đồng ở sự tướng mà thôi, quán từ Bồ-tát chứng Vô sinh pháp nhẫn, thì việc niệm Phật tâm không còn đơn lẻ, là ước về sự tướng giải thích. Niệm còn ba quán, Phật đủ ba thân, tâm phá ba hoặc, Vô sinh pháp nhẫn được dựng lập, là có thể nhập vào." Lại như trong kinh A-di-đà nói: "Chấp trì danh hiệu cho đến nhất tâm bất loạn." Ngài Tịnh Giác giải thích: "Nhất tâm bất loạn như pháp quán huyền diệu trước, là đồng tên với chánh thọ, là định tâm, định thiện. Căn cứ vào người vãng sinh mà luận, thì có lý sự. Nếu đạt tâm này thì bốn tánh không sinh, cùng không tuệ tương ưng, đó là lý nhất tâm. Nếu tâm còn niệm, mỗi niệm mỗi niệm không gián đoạn, gọi là sự nhất tâm."

Ngài Chân Hiết nói: "Nhất tâm bất loạn bao hàm cả lý sự. Nếu là sự nhất tâm, mọi người ai cũng có thể thực hành được. Do chấp trì danh hiệu Phật nên tâm không tán loạn, như rồng gặp nước, tợ cọp gặp núi. Đây là chỉ đoạn trong kinh Lăng-nghiêm nói nhớ Phật niệm Phật hiện tiền hoặc đương lai quyết định sẽ được thấy Phật, cách Phật không xa, không cần nhờ phương tiện, mà tâm tự khai mở. Nghĩa lý này thâu nhiếp cả căn trung và hạ. Nếu lý nhất tâm cũng chẳng phải lý gì khác, chỉ đem bốn chữ A-di-đà Phật làm chữ thoại đầu, ngày đêm sáu thời ngay đó đề khởi, không dùng tâm có để niệm, không dùng tâm không để niệm, không dùng tâm cũng có cũng không để niệm, không dùng tâm chẳng phải có chẳng phải không để niệm, trước sau đều đoạn một niệm không sinh, không vượt giai tầng mà vào Phật địa." Tôi bình phẩm lời của Ngài Chân Hiết rằng: "Không dùng tâm có để niệm... văn có bốn câu, có thể phối hợp với ba pháp quán. Câu thứ nhất phối hợp không quán, câu thứ hai phối hợp giả quán, câu thứ ba là song ly, câu thứ tư là song tức, song ly song tức phối hợp trung quán, cũng bao hàm cả ý nghĩa ngăn chiếu."

Tóm lại, chẳng phải không tu mà khế hợp với tánh, hiển nhiên

đương xứ của nó là không, toàn thể tức hữu cũng chẳng phải không hữu, không thể diễn bày, không thể luận bàn, đường tâm tuyệt lộ tức gọi là Phật. Như trên tôi đã dẫn giải một số điều, gọi là ức niệm. Còn các phần lý sự, nói về lý niệm cũng là viên quán đồng, có thể phá ba hoặc, khéo làm thanh tịnh bốn cõi, lý này thâu nhiếp hạng chúng sinh căn cơ thượng thượng. Nói về sự tướng niệm, là gần thì cảm được Đồng cư Tịnh độ, xa thì làm nhân cho ba Tịnh độ trước. Từ đây trở xuống, sự tướng không đồng, như các bộ kinh đã nói, hoặc một đời kệ niệm, hoặc ba tháng kệ niệm, hoặc sáng chiều thập niệm, hoặc một ngày một đêm không rời chuyên niệm, thêm vào sức tín sâu, sức nguyện thanh tịnh, sức Phật gia bị, quyết được vãng sinh thế giới Cực lạc. Lại dưới đến hạng phàm phu tạo ngũ nghịch, thập ác, khi lâm chung niệm đủ thập niệm, cũng được vãng sinh, đây là pháp thâu nhiếp hạng trung căn và hạ căn.

Môn thứ ba là Chúng hạnh, như trong kinh Hoa Nghiêm, Bồ-tát Phổ Hiền khuyến tấn Thiện Tài đồng tử cùng đại chúng hải hội phát mười đại nguyện để cầu sinh Tây phương. Mười đại nguyện đó là:

1. Kính lễ chư Phật .
2. Khen ngợi Như Lai.
3. Rộng tu cúng dường.
4. Sám hối nghiệp chướng.
5. Tùy hỷ công đức.
6. Thỉnh Phật chuyển Pháp luân.
7. Thỉnh Phật trụ thế.
8. Thường theo Phật tu học.
9. Thường tùy thuận chúng sinh.
10. Hồi hướng khắp cả.

Trong mỗi đại nguyện đều nói: Cõi hư không hết, cõi chúng sinh hết, nghiệp chúng sinh hết, nghiệp phiền não hết, thì nguyện tôi mới hết. Nhưng cõi hư không cho đến nghiệp của chúng sinh không bao giờ hết, nên nguyện vương tôi không bao giờ hết. Hành giả mỗi niệm như thế tương tục, không có gián đoạn, Tam nghiệp thân khẩu ý không bao giờ sinh tâm mệt nhọc, cho đến khi lâm chung, sát-na sau cùng, tất cả các căn thảy đều tán hoại, tất cả mọi oai thế thảy đều mất hẳn, phó tướng đại thần, nhà cửa trong ngoài, xe cộ binh ngựa, kho lẫm vàng bạc, mọi thứ đều không thể đem theo, chỉ có nguyện vương này luôn luôn bên mình, ở trong mọi thời, dẫn dắt ta trong khoảng sát-na liền được vãng sinh về thế giới Cực lạc. Khi đã vãng sinh rồi, liền được thấy Đức Phật A-di-đà, người đó thấy mình sinh trong hoa sen, được Phật

thọ ký. Sau khi đã được thọ ký, trải qua vô số kiếp, hiện thân đến khắp mười phương thế giới bất khả thuyết bất khả thuyết, dùng sức trí tuệ, tùy chúng sinh tâm mà làm lợi ích. Chí đến trong biển cả đại khổ phiền não, mà cứu vớt chúng sinh, khiến họ được xuất ly, khiến họ được vãng sinh về thế giới Cực lạc."

Lại như trong kinh Pháp Hoa nói: "Nghe kinh điển, như thuyết mà tu hành, đến khi thân hoại mạng chung, liền được vãng sinh về thế giới Cực lạc, Phật A-di-đà cùng đại chúng Bồ-tát vây quanh trụ xứ, được sinh trong hoa sen, ngồi trên tòa báu, không bị tham dục quấy nhiễu, không bị sân nhuế ngu si não loạn, cũng không bị các cấu nhiễm, kiêu mạn, tật đố bức bách, chứng được thần thông Bồ-tát và Vô sinh pháp nhẫn." Lại như trong kinh Đại Bảo Tích có nói người tu hành nào phát mười loại tâm, thì quyết định được vãng sinh. Đức Thế Tôn dạy Bồ-tát Di-lặc, mười loại tâm đó, chẳng phải hàng phàm phu ngu lậu, kẻ không thiện căn, người nhiều phiền não có thể phát được. Phát mười loại tâm đó là:

1. Đối với tất cả chúng sinh luôn khởi tâm đại Từ, không làm tổn hại.

2. Đối với tất cả chúng sinh luôn khởi tâm đại Bi, không gây bức não.

3. Đối với chánh pháp của Phật, không tiếc thân mạng, hết lòng hộ trì.

4. Đối với các pháp, khởi sức nhẫn nại, không chấp trước.

5. Không tham sự lợi dưỡng, cung kính tôn trọng, tâm luôn an vui điềm tĩnh.

6. Cầu chứng trí tuệ của Phật, ở trong tất cả các thời, tâm không quên lãng.

7. Đối với tất cả chúng sinh, khởi tâm tôn trọng, cung kính cúng dường, không có tâm khinh thường.

8. Không đắm trước thế luận, đối với Bồ-đề phần, sinh tâm quyết định.

9. Gieo trồng các thiện căn, không có các tạp nhiễm, sinh tâm thanh tịnh.

10. Đối với các Đức Như Lai, lìa bỏ các tướng, sinh tâm tùy niệm.

Đây là mười thứ phát tâm của Bồ-tát. Do phát tâm này, Bồ-tát quyết định được vãng sinh. Nếu người nào đối với mười thứ tâm này, thành tựu được một tâm, sinh lòng ưa muốn được vãng sinh về thế giới

Cực lạc của Đức Phật A-di-đà, nếu không được vãng sinh, không bao giờ có chuyện đó xảy ra.

Lại như trong kinh Thập Lục Quán nói: “Muốn được sinh về nước kia, nên tu ba thứ phước.

1. Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng thờ sư trưởng, từ tâm không sát hại chúng sinh, tu thập thiện nghiệp.

2. Thọ trì ba pháp quy y, đầy đủ các giới, không phạm oai nghi.

3. Phát tâm Bồ-đề, tin sâu lý nhân quả, đọc tụng kinh điển Đại thừa, khuyến tấn mọi người tu hành. Ba món phước nghiệp này, là chánh nhân Tịnh nghiệp của ba đời chư Phật quá khứ hiện tại và đương lai.” Sớ nói: “Phước nghiệp đầu là của hạng phàm phu, phước nghiệp thứ hai là của hàng Thanh văn và phước nghiệp sau là của hàng Bồ-tát.”

Lại như trong kinh Vô Lượng Thọ có nói ba hạng phát tâm Bồ-đề, cùng các kinh luận khác diễn bày việc tụng kinh, trì chú, xây chùa, tạo tượng, lễ bái, tán tụng, phụng trì trai giới, đốt hương rải hoa, cúng dường tràng phan bảo cái, phàm mỗi hạnh mỗi việc đều thuần thục, đều cầu sinh, dùng sức tín nguyện hồi hướng, quyết định sẽ được vãng sinh. Như các điều trên tôi đã dẫn, gọi đó là chúng hạnh. Nhưng nguyện hạnh có sự lớn nhỏ không đồng, nên có lý sự sai khác. Vả lại như mười nguyện trong kinh Hoa Nghiêm, mười loại tâm trong kinh Đại Bảo Tích, thì việc vãng sinh nơi thế giới Cực lạc, chỗ cảm được sự thù thắng so với các hạnh khác, sự hơn kém sai khác rất nhiều.

Hỏi: Tôi nghe nói đồng tử Thiện Tài là bậc viên đốn lợi căn, một đời chứng quả. Cớ sao Bồ-tát Phổ Hiền không khuyến sinh về thế giới Hoa Tạng, mà là khuyến khích vãng sinh thế giới Cực lạc, ý là như thế nào?

Đáp: Trong kinh Hoa Nghiêm sớ có nêu điều này. Sớ đáp; “Sở dĩ Bồ-tát Phổ Hiền khuyến đồng tử Thiện Tài và Hải chúng vãng sinh Cực lạc vì các lý do: vì có duyên, vì tâm niệm được chuyên nhất, vì không lìa thế giới Hoa Tạng và vì không lìa bổn sư. “Ý là trong Hoa Tạng có các cõi Phật, nhiều như số vi trần. Thế giới Ta-bà cách thế giới Cực lạc mười muôn ức cõi, cũng không ra ngoài số sát chủng đó, cho nên nói không lìa thế giới Hoa Tạng. Kinh nói: “Hoặc thấy Đức Phật Vô Lượng Thọ, có Bồ-tát Quán Tự Tại... cùng vi nhiễu, liền khen ngợi thân dị hóa của Đức Tỳ-lô-giá-na, cho là bổn sư.” Lại nói: “Bồ-tát Phổ Hiền vì đồng tử Thiện Tài và hải chúng Hoa tạng, kết khuyến quy hướng cõi Cực lạc. Bởi vì đồng tử Thiện Tài là bậc tín giải viên thông, đã nhập vào trí Văn-thù, tu hạnh Phổ Hiền, phước tuệ và lý sự đều xứng hợp với

pháp giới. Đây là bậc đại tâm, tuy đã ngộ bản minh huyền diệu, mức chứng đồng hàng với chư Thánh, nhưng do lực dụng chưa đầy đủ, chưa nhập thế làm lợi ích khắp chúng sinh bằng các Đức Như Lai, vì thế tạm nương về Tịnh độ, gần gũi Đức Di-đà, mượn thắng duyên tu hành cho đến khi thành Phật. Vì thế Bồ-tát Phổ Hiền khuyến tấn đồng tử Thiện Tài và hải chúng Hoa tạng phát tâm cầu sinh Tịnh độ là ở ý đó.

Hỏi: Trong môn thứ ba Chúng hạnh, Ngài đã nói sự lý có lớn có nhỏ sai khác, chỗ cảm sinh tướng cũng đều khác nhau. Như thế, hai môn quán tưởng và ức niệm, nhân tu nếu không đồng, chỗ cảm ứng có sai khác không?

Đáp: Đều hoàn toàn khác nhau. Cho nên Ngài Vĩnh Minh nói: “Chín phẩm vãng sinh, sự không phải đồng một bực. Hoặc có kẻ nương về Hóa quốc, thấy Ứng thân Phật, hoặc có người sinh nơi Báo độ, thấy chân thể Phật; hoặc có vị vừa sinh một đêm, liền lên ngôi thượng địa; hoặc có vị phải trải qua nhiều kiếp mới chứng được quả Tiểu thừa; hoặc có vị lợi căn độn căn, hoặc định ý tán ý, hoặc ngộ đạo nhanh hay chậm, căn cơ khí chất không đồng, hoặc hoa nở sớm muộn mà thời hạn thấy Phật có khác.” Lại như Ngài Từ Vân nói: “Tuy phân thành chín phẩm, nhưng đó chỉ là phân khái lược, nếu phân vi tế, thì sẽ có vô lượng phẩm.”

Hỏi: Thế giới Cực lạc chỉ là Đồng cư, chẳng phải là cõi Thật báo. Tại sao lại nói: hoặc có vị sinh nơi Báo độ, thấy được chân thể Phật?

Đáp: Ông cho rằng cõi Thật báo ở riêng ngoài Đồng cư hay sao? Ông nên biết rằng ba cõi Tịnh kia không lìa Đồng cư, chỉ có thân, cảnh, sự thọ dụng không đồng nhất mà thôi. Như trong kinh nói: “Thân của Đức Phật A-di-đà cao sáu mươi muôn ức na-do-tha hằng hà sa do-tuần.” Cổ đức nói: “Đây chính là thân Thật báo.” Lại Ngài Tráp Xuyên nói: “Thế giới Cực lạc có đủ bốn cõi không đồng, đâu riêng chỉ có cõi Cực lạc mà thôi.” Ngài Kinh Khê nói: “Quán thẳng cõi Cực lạc, có đầy đủ bốn độ, như đương thời cõi Hoa nghiêm không lìa rừng Thệ-đa, nhưng các bậc đại Thanh văn vẫn không thấy, không biết,” đó tức là lý này vậy.

Hỏi: Như thế cõi Ta-bà này có đủ bốn độ, do đó chúng ta nên ở đây tu hành, cớ gì phải cầu sinh về thế giới Cực lạc?

Đáp: Vẫn biết thế giới Ta-bà này có đủ bốn độ, nhưng vì nghiệp uế chúng sinh khó trừ, muốn lìa bỏ uế lấy tịnh, cần phải sinh về thế giới Cực lạc. Tôn giả Tứ Minh nói: “Cõi Ta-bà lắm uế trược nặng nề, tu đến hàng Thập tín mới thoát được cõi luân hồi. Nhưng cảnh Tịnh độ kia vô cùng thắng diệu, được sinh về chín phẩm, tức đã lên ngôi bất thoái.”

Ông há không thấy trong kinh Pháp Hoa nói, khi Đức Phật Đại Thông còn tại thế, những vị đệ tử thọ giáo tu hành với Ngài, tuy đã trải qua vô số kiếp như vi trần của vô lượng vô biên cõi Phật, mà còn trụ nơi địa Thanh văn. Đó đều là do nơi nhân thoái chuyển, nên phải qua rất nhiều kiếp sâu xa, vẫn không tiến bộ. Ví như Ngài Xá-lợi-phất, khi xưa đã chứng đến vị Lục trụ, thế mà còn bị thối lạc, huống gì là hàng phàm phu tu hành lơ láo như chúng ta. Do bởi người tu hành ở cõi Ta-bà này gặp rất nhiều duyên chướng ngại, nên Cổ đức nói: "Ba việc bông xoài trứng cá và Bồ-tát sơ phát tâm, các việc đó trong nhân rất nhiều, nhưng đến khi đậu quả thì rất ít." Cho nên, người tu nếu được vãng sinh thế giới Cực lạc, nương nhờ thắng duyên tu hành, thì dù cho hàng phàm phu ngu hạ vẫn được chứng lên ngôi bất thoái. Do bởi lý do đó, mà người tu cần cầu sinh về thế giới Cực lạc.

Hỏi: Mười phương có vô số Đồng cư Tịnh độ, nay sao lại riêng chỉ thế giới Cực lạc và chỉ riêng khen cảnh thắng duyên cuả cõi đó, vì cớ sao như thế?

Đáp: Kinh A-di-đà nói: "Chúng sinh ở cõi đó, không có các sự khổ, chỉ thọ các điều vui, nên gọi là Cực lạc." Nay xin đem cõi Ta-bà mà so sánh đối với thế giới Cực lạc.

Ở cõi này, người ta bẩm thọ thân hình huyết nhục, có sinh tức có khổ, còn ở cõi kia, hóa sinh trong hoa sen, nên không có khổ về sinh. Ở cõi này, con người do thời tiết đổi dời, mỗi ngày trôi qua, lão tử cận kề, còn ở cõi kia, hoàn toàn không có nóng lạnh, nên không có sự khổ về già. Ở cõi này, con người do bốn đại chống nhau, sinh nhiều bệnh khổ, còn ở cõi kia, thể chất kim cương thơm sạch, nên không có sự khổ về yếu đau. Ở cõi này ít có ai sống đến tuổi bảy mươi, vô thường mau chóng, còn ở cõi kia thì thọ mạng vô lượng, nên không có sự khổ về chết. Ở cõi này, con người bị dây tình ái trói buộc, có ái tức có khổ chia lìa, còn ở cõi kia, không có cha mẹ vợ con, nên không có khổ về ái biệt ly. Ở cõi này, con người bị sự oán thù đối đãi, có oán tức có báo, còn ở cõi kia toàn là các bậc thượng nhân câu hội, nên không có sự khổ về oán tắng hội.

Ở cõi này, con người khốn khổ vì đói khát, tham cầu mà không đủ, còn ở cõi kia, các việc ăn mặc, các thứ trân bảo, tùy ý hiện hành. Ở cõi này, con người hình thù xấu xa, các căn phần nhiều không đủ, còn ở cõi kia, tướng mạo đoan nghiêm, hào quang rực rỡ. Ở cõi này, con người phải chịu sự khổ luân chuyển sinh tử, còn ở cõi kia vĩnh viễn chứng Vô sinh. Ở cõi này có khổ bốn thú, còn ở cõi kia tên ba ác đạo hãy không

còn. Ở cõi này, toàn là gò, nổng, ham, hố, rừng rậm, chông gai, đất cát, đá núi, đầy dẫy cảnh uế ác, còn ở cõi kia, vàng ròng làm đất, cây báu ngút trời, lầu chói bảy báu, hoa đua bốn sắc. Ở cõi này song lâm đã tịch, Long Hoa còn xa, còn ở cõi kia Đức A-di-đà hiện đang thuyết pháp. Ở cõi này, Bồ-tát Quán Âm, Thế Chí luống mến danh lành, còn ở cõi kia hai vị thượng nhân này vốn là bạn hữu. Ở cõi này, quân ma ngoại đạo não loạn người tu chánh đạo, còn ở cõi kia Phật hóa nhất thuần, ngoại ma tuyệt tích. Ở cõi này, sắc, thanh, danh lợi mê hoặc người tu, còn ở cõi kia chánh báo thanh tịnh, người nữ không còn. Ở cõi này, đầy ác thú muỗi mòng, tiếng dâm âm tà, còn ở cõi kia nhạc, cây, chim, nước hằng diễn pháp âm.

So sánh sơ lược hai cõi, cảnh duyên khác biệt, thì sự thù thắng của thế giới Lạc bang, nói không cùng tận, không thể nêu ra hết. Sự thù thắng của cảnh Cực lạc, có thể khiến chúng sinh phát lòng mong muốn. Duyên thù thắng của cõi Cực lạc, có thể trợ lực cho chúng sinh tu hành. Do vậy, tuy mười phương đều có các cõi đồng cư, số lượng rất nhiều, nhưng chỉ có cõi Cực lạc là đầy đủ thắng duyên tu hành, vì thế chỉ riêng tán thán cõi này.

Hỏi: Các Đức Như Lai ở khắp mười phương, chúng sinh đều có thể thân cận, nay cớ sao chỉ suy cử Đức Phật A-di-đà mà không suy cử vị Phật khác?

Đáp: Sở dĩ chỉ suy cử Đức Phật A-di-đà, mà không suy cử vị Phật khác vì ba lý do: Vì Đức A-di-đà có lực thệ nguyện sâu rộng, vì chúng sinh ở cõi Ta-bà này rất có duyên với Ngài, vì sự hóa đạo giữa Đức Phật Thích-ca và Đức Phật A-di-đà có liên quan với nhau.

Thế nào là Đức A-di-đà có lực thệ nguyện sâu rộng, như kinh Vô Lương Thọ nói: “Đức Phật A-di-đà xưa kia trong khi tu nhân, đã phát ra vô số thệ nguyện rộng lớn. Phần căn bản của các lời thệ nguyện đó là: “Nếu sau khi tôi thành Phật, có các chúng sinh nào muốn sinh về nước tôi, hoặc nghe danh tôi, tu các thiện căn, xưng danh hiệu tôi, cho đến mười niệm, nếu chúng sinh đó không được vãng sinh, tôi nguyện không thành Chánh giác. Khi đã được sinh về nước tôi rồi, mà còn bị thoái chuyển, không quyết được thành Phật, tôi nguyện không thành Phật.” Cho nên, trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Đức A-di-đà có lời thệ nguyện sâu nặng, nguyện tiếp dẫn chúng sinh ở thế giới Ta-bà.”

Chúng sinh ở cõi Ta-bà này có duyên với Ngài, là Đức Thích-ca chúng ta khi còn tại thế, chúng sinh nghe lời thuyết pháp của Ngài, mà quy hướng Đức A-di-đà rất nhiều. Sau khi Phật diệt độ, chúng sinh thời

mạt thế, không luận là hàng Tăng, tục, nam, nữ, giàu nghèo, sang hèn, những người đã nghe Chánh pháp, thảy đều quy hướng Tịnh độ, những kẻ chưa nghe chánh pháp, cũng xướng danh Phật A-di-đà. Cho đến hàng hung dữ, kẻ không có lòng tin, khi gặp cảnh tai nạn nguy khốn, hay lúc vui mừng, thán oán, bất giác cũng kêu gọi Phật A-di-đà. Đến như trẻ nhỏ, trong khi chơi đùa lấy đất nặn hình, vẽ tượng Phật A-di-đà trên vách. Thậm chí còn có những đứa trẻ chưa biết chữ, nói năng chưa rành, tự nhiên cũng xưng danh Phật A-di-đà. Các sự việc trên đều không do ai khuyến khích, không chỉ bày, đó chẳng phải là chúng sinh ở cõi Ta-bà có duyên sâu với Ngài sao.

Lại như kinh Vô Lượng Thọ nói: "Nay ta nói kinh này, khiến cho chúng sinh thấy được Đức Vô Lượng Thọ và thế giới của Ngài. Những ai tu hành muốn được giải thoát, nên phát nguyện cầu sinh, chớ nên sau khi ta diệt độ, lại sinh tâm nghi hoặc. Đời đương lai sau này, các kinh luận đều diệt hết, ta dùng sức Từ bi, chi riêng lưu kinh này trụ thế một trăm năm. Nếu có chúng sinh nào gặp được kinh này, tùy theo tâm sở cầu, đều được đắc độ." Lại kinh nói: "Sau khi kinh này diệt rồi, thì Phật pháp không còn nữa, chỉ còn lại bốn chữ danh hiệu A-di-đà Phật, để cứu độ chúng sinh, kẻ nào không tin mà sinh tâm hủy báng, sẽ bị đọa vào địa ngục, thọ đủ các loại khổ." Cho nên Ngài Thiên Thai nói: "Nên biết Đức A-di-đà cùng chúng sinh ở thế giới Ta-bà có nhân duyên sâu nặng với nhau."

Còn sự giáo hóa của Đức Phật Thích Ca và Đức Phật A-di-đà có liên quan lẫn nhau. Như các bậc Tiên giác nói: "Thánh nhân hai cõi, trụ ở quốc độ uế và tịnh, diễn bày hai pháp chiết phục và nhiếp thọ, để điều phục chúng sinh cang cường." Nghĩa là Đức Phật Thích-ca ở cõi Ta-bà đem các duyên nhơ uế, khổ não, vô thường, chướng nạn, nhiều ác ma não loạn, mà chiết phục, khiến chúng sinh biết rõ mà sinh tâm nhàm chán. Đức A-di-đà thị hiện ở cõi Tịnh độ, đem các duyên an ổn, thọ mạng dài lâu, không bị thối chuyển mà nhiếp thọ, khiến chúng sinh rõ mà sinh lòng ham muốn. Hai vị Thánh nhân đã phương tiện dùng hai pháp nhàn chán và ưa muốn làm cho chánh đạo được lưu hành. Lại Đức Thích-ca ngoài việc chỉ dạy đạo Tam Thừa để giáo hóa chúng sinh, còn có những chúng sinh nào chưa kịp độ, thì nhờ Đức A-di-đà tiếp tục hóa độ nơi cõi Cực lạc. Do vậy, ở trong các kinh điển Đại thừa, đức Thế Tôn đã nhiều lần ân cần dạy bảo, khuyến khích chúng sinh cầu sinh Tây phương." Trên đây là diễn bày sự giáo hóa giữa hai Phật Đông và Tây có liên quan lẫn nhau. Do bởi ba lý do mà tôi vừa nêu, nên trong

mười phương các Đức Như Lai, Đức Phật Thích-ca chỉ riêng suy cử Phật A-di-đà.

Hỏi: Với thuyết trong mười phương với Đức Như Lai, chỉ riêng suy cử Đức Phật A-di-đà, tông chỉ đó tôi đã nghe rõ, các pháp chán ưa, lấy bỏ cũng đã nắm bắt. Chỉ có điều nghi vấn là người tu nếu còn niệm chán, ưa, lấy, bỏ như thế có mang lỗi ghét, yêu, năng, sở hay không?

Đáp: Ông chưa rõ các việc trên, nên mới đặt ra câu hỏi nông cạn như thế. Sự chán, ưa, lấy, bỏ là không phải lòng yêu, ghét, năng, sở của thế gian, mà chính là thông pháp của các Đức Như Lai dùng để giáo hóa chúng sinh chuyển phàm thành Thánh. Nếu người tu không sinh tâm chán bỏ, thì làm sao có thể chuyển phàm thành Thánh.

Cho nên, quá trình tu từ phàm phu tiến lên Thánh vị, từ Thánh vị cho đến chứng quả Đẳng giác Bồ-tát, trong khoảng thời gian đó, các Ngài đều vận dụng các phương pháp trên. Đến khi chẳng còn chán ưa, tức là đã chứng lên ngôi vị Diệu giác. Do đó, các bậc tiên đức nói: "Cùng cực của việc chán, ưa, lấy, bỏ cùng không chán, ưa, lấy, bỏ không có gì sai khác." Huống gì pháp môn Tịnh độ này, là hóa cơ một đời do Đức Phật Thích-ca và Đức Phật A-di-đà đồng chung lập. Đức Phật Thích Ca đang ở cõi Ta-bà này chỉ cho chúng sinh đường đến Cực lạc, Đức A-di-đà ở cõi kia đón nhận chúng sinh sang. Nếu chúng sinh không có niệm chán bỏ thì do đâu mà lìa bỏ cõi Ta-bà, không có niệm ưa, lấy thì làm sao vãng sinh đến cõi Cực lạc để tu hành, cho đến khi thành Phật, như thế các việc chán, ưa, lấy, bỏ đã không có công mà thôi, sao ông lại cho là có lỗi.

Hỏi: Với việc chán, ưa, lấy, bỏ nay tôi không còn dám luận bàn, nhưng thuyết vãng sinh có trái với lý do vô sinh hay không?

Đáp: Ngài Thiên Thai nói: "Người trí sốt sắng cầu sinh Tịnh độ, đạt đến sinh thể bất khả đắc, đó là chân vô sinh. Đây là lý tâm tịnh nên Phật độ tịnh. Còn kẻ ngu vì bị cái sinh ràng buộc, nghe nói sinh là hiểu thật có sinh, nghe nói vô sinh bèn nhận là không sinh về đâu cả, mà không biết sinh vốn là vô sinh, vô sinh đích thị là sinh." Thiền sư Trường Lô Tông Trách nói: "Cho sinh là thật có sinh, đó là lạc vào lỗi chấp thường; cho vô sinh là không thật có sinh, đó là lỗi chấp đoạn. Sinh mà thật không sinh, không sinh mới thật là sinh. Đó là Đệ nhất nghĩa đế." Thiền sư Thiên Y nói: "Sinh thì quyết định sinh, song về thì thật chẳng về." Ba thuyết nêu trên, tông chỉ thật rõ ràng. Nay tôi lại dùng hai chữ tánh và tướng để giải thích rộng vấn đề này. Là tánh chân như huyền diệu vốn không sinh, do bởi nhân duyên hòa hợp mà có tướng

sinh, bởi tánh chân như vẫn hiển hiện ra các tướng, cho nên nói: "Vô sinh tức là sinh, vì tướng của nó là do tánh hiển hiện, nên gọi vô sinh." Nếu ai hiểu được như thế thì biết được việc sinh về Tịnh độ, là sinh trong thể duy tâm, sinh mà vô sinh, lý đâu có chống trái.

Hỏi: Với học thuyết vô sinh, tông chỉ đã rõ ràng, nhưng học giả đời nay không thể hiểu được, ngàn người vạn người thảy đều nghi ngờ rằng thế giới Cực lạc cách xa cõi Ta-bà mười vạn ức Phật độ, xa như thế lúc lâm chung, sợ khó đến được. Mong Ngài có phương sách gì để giải rõ mối nghi này?

Đáp: Mối nghi này của ông thật đáng buồn cười. Tôi đã nhiều lần nói ngoài tâm không có độ, ngoài độ không có tâm, đến đây rồi mà ông còn chưa hiểu. Việc này không có gì khác, chỉ là do chúng sinh mê hoặc nhận lầm tâm mình thuộc phạm vi nhỏ hẹp trong sắc thân, mà không biết tâm lượng cuả nó rộng vô biên. Ông há chẳng nghe bài kệ tán thán Phật: "Tâm bao trùm thái hư, lượng khắp hằng sa cõi." Vả lại, mười phương hư không rộng lớn vô biên, đếu bị tâm lượng của chúng ta bao trùm và đầy khắp tất cả. Hằng sa thế giới vô lượng vô biên, đều ở trong tâm ta, mỗi mỗi biến khắp. Như đây mà thấy, cõi Cực lạc xa mười vạn ức Phật độ, đều ở trong tâm ta, kỳ thật rất gần có gì là xa. Vì ngay khi mạng chung được vãng sinh, thì cũng chính là sinh trong tâm ta, kỳ thật rất dễ, có chi là khó. Ông há không thấy trong Tịnh độ Thập Nghi luận nói: "Mười vạn ức Phật độ là đối với tâm lượng của hàng phàm phu nhục nhãn trong nẻo sinh tử mà nói đó thôi. Còn đối với chúng sinh khi nghiệp đã thành tựu, lâm chung tâm ở trong định, tức là tâm thọ sinh Tịnh độ, khi mới động niệm tức đã vãng sinh. Nhân đó, kinh Thập lục quán nói: "Thế giới Cực lạc của Đức Phật A-di-đà, đến đó không xa." Lại nghiệp lực không thể nghĩ bàn, một niệm liền sinh, chớ lo đường xá xa xôi. Lại như người nằm trong mộng, thân tuy ở trên giường nhưng ý thức đã ở khắp mười phương, việc vãng sinh Tịnh độ cũng như vậy.

Kinh nói: "Trong khoảng khảy móng tay, liền được vãng sinh." Lại nói: "Thời gian chỉ khoảnh khắc." Cho nên, Tự tín lục nói: "Mười vạn ức cõi trong khoảnh khắc liền đến, vì tự tâm vốn nhiệm mầu." Các loại thí dụ trên đại ý nói, vì sinh trong chân tâm rộng lớn của mình, nên rất gần và rất dễ sinh vậy. Nay tôi tạm không nói đến tâm rộng lớn, chỉ căn cứ vào tâm lượng phàm phu hạn hẹp của ông thôi, nói ra một thí dụ: Thí như ở đây đi đến Tây Thiên trúc, phải trải qua hơn mười vạn dặm, lộ trình đi phải qua rất nhiều nước. Có một người bản thân tuy chưa đến, nhưng từng nghe người khác kể lại xứ Thiên trúc một lần, ghi

nhớ trong tâm. Người đó sau này khi nằm ngồi, bỗng động niệm nhớ lại xứ Thiên trúc, suy nghĩ ngàn dặm là đến nước nào, liền đến nước đó, suy nghĩ muôn dặm là đến nước nào, liền đến nước đó, suy nghĩ xứ Thiên trúc liền đến Thiên trúc. Lấy việc này để so sánh với việc vãng sinh Tịnh độ, cả hai đồng một đạo lý. Như thế há không phải trong một khoảng khảy móng tay, động niệm là đến, có gì là khó vãng sinh đâu. Ông không tu Tịnh nghiệp mà muốn vãng sinh về thế giới Cực lạc, cố nhiên là cực khó, bằng như Tịnh nghiệp thành tựu, thì việc vãng sinh rất dễ. Chỉ cần quyết tâm, thì sẽ được mãn nguyện.

Hỏi: Không tu Tịnh nghiệp, muốn được vãng sinh Cực lạc là khó, đó là điều chắc chắn. Cớ sao trước Ngài nói hàng phàm phu nghịch ác, lâm chung cũng có thể vãng sinh. Điều này chưa nghe Ngài giải thích, tôi lại có sự nghi ngờ, mong Ngài vì tôi mà chỉ dạy cho?

Đáp: Kinh Thập lục quán nói: "Hạ phẩm hạ sinh là, hoặc có chúng sinh gây các nghiệp bất thiện, tạo ngũ nghịch, thập ác và các việc không lành, do nghiệp ác này đáng đọa vào địa ngục, trải qua nhiều kiếp thọ khổ vô cùng, như người ngu này, đến khi lâm chung, gặp được Thiện tri thức, an ủi và thuyết pháp cho nghe, dạy cho niệm Phật, song vì người này bị sự khổ bức bách không thể nhớ Phật được, thiện hữu liền bảo: "Nếu ông không thể nhớ Phật, thì nên chí tâm xưng danh hiệu Phật Vô Lượng Thọ. Như thế nhờ sự chí tâm, khiến âm thanh không gián đoạn, đầy đủ mười niệm, xưng Nam-mô A-di-đà Phật, ở trong mỗi niệm, dứt trừ tám mươi ức kiếp sinh tử trọng tội. Khi người đó niệm Phật, thấy sen vàng chói sáng như vầng nhật hiện ra ở trước, trong khoảng một niệm, liền được vãng sinh. Ở trong hoa sen đủ hai mươi đại kiếp, hoa sen mới nở, người đó thấy Bồ-tát Quán Âm, Thế Chí dùng tiếng đại bi, vì mình mà rộng nói Thật tướng các pháp và cách trừ diệt tội chướng. Người đó nghe rồi tự nhiên hoan hỷ, ngay đó phát tâm Vô thượng Bồ-đề.

Đoạn kinh trên đã chỉ rõ cảnh tướng của bậc hạ phẩm hạ sinh, tuy phải trải qua thời gian mười hai kiếp ở trong hoa sen, nhưng sự thọ dụng khoái lạc đồng như ở cung trời Đao lợi. Cho nên Cổ đức nói: "Trong hoa khoái lạc như cung trời Đao lợi, không giống trong thai mẹ cha ở nhân gian." Kẻ tạo đủ tội ngũ nghịch thập ác, mà vẫn được vãng sinh, theo Quán kinh sớ là: "Bởi nhờ chí tâm niệm Phật mà diệt trừ tội chướng, do đó lấy niệm Phật làm thắng duyên." Tôi nghiên cứu ý kinh, thì nhờ công đức niệm Phật mà diệt tội nên được vãng sinh. Nhưng tham khảo các kinh luận và sớ giải về Tịnh độ, thì sự vãng sinh của hạng người cực ác, ước hết trong ba nghĩa:

Nghĩa thứ nhất, hoặc có người hỏi vì sao người ác chỉ niệm Phật trong một thời gian ngắn mà có thể thắng được nghiệp ác trọn đời?

Đáp: Người đó niệm Phật tuy ít, nhưng tâm lực rất mạnh mẽ, đây là tâm quyết định dũng mãnh, gọi là đại tâm. Vì quyết lìa bỏ thân này, như người lâm trận, không tiếc thân mạng, gọi là người rất có sức mạnh.

Nghĩa thứ hai, là người này tuy tạo nghiệp ác, nhưng hoặc hiện đời đã từng tu Tam-muội, cho nên khi lâm chung, nghe người khác nhắc bảo, thì định tâm rất dễ thành. Đây là hạng người mà trong nhà Phật gọi là hạng thừa cấp giới hoãn. Nếu người đó hiện thời không tu Tam-muội, cũng là đời trước đã trồng nhân tu, đời nay chín muồi. Vì túc nghiệp đời trước rất mạnh, nên đến khi lâm chung gặp được Thiện tri thức, giảng về công đức thập niệm.

Nghĩa thứ ba là, nếu không do nhân tu trước gieo, lại hiện đời chẳng có sự tu hành, nhưng khi lâm chung, người đó niệm Phật với tấm lòng tha thiết sám hối. Cho nên Ngài Vĩnh Minh nói: "Thiện ác không định, bởi thể nhân duyên của nó vốn không. Muốn biết đường siêu đọa, phải nhìn tới tâm niệm kém hơn. Một lượng vàng ròng, thắng xa bông gòn trăm lượng; một chút lửa le lói, đốt tiêu rơm cỏ muôn trùng."

Hỏi: Sống trong cõi ngũ trược ác thế, mọi người ai cũng đều có tội, giả sử không tạo trọng tội ngũ nghịch, thì cũng tạo tội khác, làm sao tránh khỏi. Nếu không sám hối để tội nghiệp tiêu diệt, mà đến lúc lâm chung niệm Phật, họ cũng được vãng sinh hay sao?

Đáp: Những người này chưa sám hối, nhưng tội chướng chưa hết cũng được vãng sinh. Đây là nhờ sức đại nguyện bất khả tư nghì của Đức Phật A-di-đà. Kinh Na Tiên Tỳ-kheo nói: "Như đem tảng đá thật to để trên thuyền, do nhờ sức thuyền nên đá không bị chìm và được chuyển sang bờ bên kia. Nếu không có thuyền thì dù đem hạt cát để xuống nước, hạt cát vẫn bị chìm." Dụ như người ở thế gian này, một đời tạo ác, khi lâm chung niệm Phật, cũng không bị đắm chìm. Còn nếu không niệm Phật, tuy chỉ tạo các việc ác nhỏ, cũng bị đắm chìm, huống đó là người trọn đời tạo ác ư. Thuyền dụ cho Phật lực, đá dụ cho ác nghiệp của chúng sinh. Cho nên, người xưa có thuyết đới nghiệp vãng sinh. Trong văn Tứ độ cũng nói: "Người còn đủ các hoặc nhiễm, vẫn được vãng sinh về Đồng cư Tịnh độ." Lại như Tăng Hùng Tuấn khi lâm chung thấy nước biển đồng sôi, lại có người ở Phần châu, khi sống chuyên nghiệp giết trâu, khi lâm chung thấy bầy trâu ồ ạt kéo đến muốn chém, khiến vô cùng thống khổ. Lại như Trương Chung Quỳ, chuyên nghiệp giết gà, lâm chung thấy thần nhân xua bầy gà đến mổ khắp hai

con mắt, máu huyết dầm dề trên giường. Những vị đó lâm chung trong khi hoảng sợ, nhờ xưng danh Phật mới được vãng sinh, đây chẳng phải là bằng chứng là nhờ sức Phật cứu độ hay sao.

Tôi xin đem một ví dụ nữa để giải thích rõ điều này, như có người phạm pháp luật, đáng lẽ phải bị tù ngục, nhưng kẻ ấy nhờ biết cầu cứu với vua, do vua tuyên triệu, nên quan không thể gia hình, còn lại được triệu về kinh. Vì thế bộ Tây Tư Sao nói: “Chúng sinh được sinh về Tịnh độ, là do nhờ tha lực; Đức Thích-ca chỉ đường, Đức A-di-đà tiếp dẫn, chư Phật hộ niệm. Ví như người vượt qua biển cả, đã được thuyền to, lại nhờ người khéo dẫn dắt, thêm vào đó, sức gió thuận, nên có thể mau đến bờ bên kia. Nếu không chịu bước lên thuyền, lưu liên nơi miền ác đạo, đó chính là lỗi của ai?”

Hỏi: Trước có nói: “Hàng phàm phu bác địa cũng được chứng lên ngôi bất thoái, đây ắt hẳn đã không còn ác nghiệp nữa. Còn kẻ đới nghiệp vãng sinh có thể được địa vị Bất thoái không?

Đáp: Đều được bất thoái. Kinh nói: “Những ai sinh về cõi Cực lạc, thảy đều trụ nơi chánh định tụ.” Lại nói: “Ở trong cõi Cực lạc, chúng sinh nào được sinh về đó, đều là bậc A-bệ-bạt trí.” Lại trong Thập Nghi luận nói: “Có năm nguyên nhân khiến cho người vãng sinh được bất thoái:

1. Do nguyện lực đại bi của Phật A-di-đà nhiếp trì nên được bất thoái.

2. Do hào quang của Phật thường chiếu đến thân, khiến tâm Bồ-đề luôn tăng trưởng, nên được bất thoái.

3. Chim, nước, rừng cây, gió, âm nhạc thường phát ra tiếng khổ, không, vô thường, vô ngã, hành giả nghe rồi sinh lòng niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, nên được bất thoái.

4. Cõi Cực lạc thuần các vị Bồ-tát là bạn lữ, không có cảnh ác duyên, bên ngoài không có tà ma quỷ thần, bên trong không có ba độc, các phiền não thảy đều không khởi, nên được bất thoái.

5. Đã được sinh về cõi Cực lạc, thì mạng sống dài lâu, đồng với chư Phật, Bồ-tát nên được bất thoái.”

Lại cổ nhân nói: “Đã không nguyện sinh Tịnh độ thì thôi, có nguyện đều được vãng sinh. Đã không được sinh Tịnh độ thì thôi, đã được vãng sinh tất vĩnh viễn đều được bất thoái chuyển.”

Hỏi: Kẻ một đời tạo ác, khi lâm chung niệm Phật liền được đới nghiệp vãng sinh, lại còn chứng bất thoái chuyển, nguyện lực của Phật Di-đà thật chân thành, thật sâu xa không thể nghĩ bàn. Vậy thì chúng ta

ở trong đời này, cứ làm mọi sự nghiệp thế gian, đợi đến khi lâm chung, rồi sẽ niệm Phật được không?

Đáp: Khổ thay, khổ thay! Lời nói của ông vô cùng sai lầm. Rượu thạch tín là loại độc trong tất cả các loại rượu, nay lời nói của ông, độc hơn cả rượu thạch tín. Chẳng phải riêng hại bản thân ông, lại còn hại cả thiên hạ, nếu như tăng hay tục, thiện nam tín nữ đều nghe theo ông. Sở dĩ hàng phàm phu thập ác lâm chung biết niệm Phật, là do đời trước họ đã có thiện căn, phước đức nhân duyên mới gặp được Thiện tri thức, mới niệm được danh hiệu Phật. Việc đó chỉ là muôn một, trong vạn người chỉ có một hoặc nửa người. Ông cho rằng mọi người khi lâm chung, đều gặp được sự may mắn này hay sao. Há không thấy trong Quần nghi luận nói: "Trong thế gian có mười hạng người khi lâm chung không thể niệm Phật được:

1. Thiện hữu chưa hẳn đã gặp, nên không ai khuyên niệm.
2. Nghiệp khổ bức bách nơi thân, không yên ổn, rảnh rỗi mà niệm Phật.
3. Hoặc bị trúng phong cứng họng, không thể xưng danh hiệu Phật.
4. Cuồng loạn mất trí, không thể chú tâm tưởng Phật.
5. Hoặc gặp tai nạn nước lửa, mất sự điềm tĩnh chí thành.
6. Hoặc gặp cọp beo, ác thú làm hại, không gặp được thiện hữu.
7. Khi lâm chung bị ác hữu phá hoại lòng tin.
8. Gặp bạo bệnh rồi hôn mê bất tỉnh mà qua đời.
9. Bị trúng thương rồi thoạt chết giữa trận.
10. Từ trên cao té xuống mà hoại mất tánh mạng."

Mười việc trên đây, đều là những việc mọi người thường thấy, thường nghe, không luận hàng tăng tục hay nam nữ, mọi người ai cũng có thể vướng vào. Hoặc do nghiệp nhân đời trước đã chín muồi, hoặc nghiệp hiện tại cảm đến, nên sự việc bỗng nhiên hiện ra, không thể trốn tránh được. Ông nay không phải là bậc Thánh nhân có thần thông, có thể biết được khi lâm chung có nghiệp hay không có nghiệp. Lại ông chẳng phải là bậc tha tâm thiên nhãn, có thể biết được khi lâm chung chết tốt hay xấu. Giả sử gặp phải một trong mười nạn trên liền biết làm sao, khi đó trở tay sao kịp, chừng đó dù Phật sống hay Thiện tri thức cứu cũng thể được, bèn tùy theo nghiệp mà thọ khổ báo, thần thức sẽ đọa vào tam đồ bát nạn vô lượng khổ. Đến lúc đó rồi, thì muốn nghe danh hiệu Phật, vẫn không nghe được.

Giả sử ông không bị các duyên ác đó, chỉ có bệnh nhẹ mà chết,

lúc đó cũng không tránh khỏi bị gân xương co rút, tứ đại phân ly. Trạng thái lúc đó như con đồi mồi bị lột hết vảy, con cua rớt vào nước sôi, thống khổ bức bách, đau đớn kinh hoàng, do đó cũng không thể an tâm mà niệm Phật. Lại giả sử ông không bệnh mà chết, nhưng e duyên đời chưa dứt, niệm tục chưa xong, nỗi tham sống sợ chết, khiến cho tâm lý rối loạn. Nếu là người thế gian, lại còn thêm việc nhà cửa chưa yên, hậu sự chưa xong, vợ con khóc lóc, trăm mối ưu tư, cũng không thể an tâm mà niệm Phật. Lại giả sử trước khi ông chết, chỉ có vài cơn bệnh thống khổ nơi thân, phải gắng chịu sự đau đớn nơi thân, rên rỉ không yên, tìm thầy hỏi thuốc, sám hối cầu đảo, tạp niệm rối ren, cũng không thể an tâm mà niệm Phật. Lại giả sử trước khi ông chưa bệnh, chỉ là tuổi già sức yếu, tướng suy hiện ra, đủ sự buồn suy, ảo não buồn than, chỉ lo thân già còn chưa xong, thì làm sao còn an tâm mà niệm Phật. Lại giả sử khi ông còn trẻ, đang lúc thiếu niên cường tráng, đó là lúc niệm Phật tốt nhất, nhưng bởi tâm cuồng vọng chưa yên, việc đời chưa xong, bôn tẩu Đông tây, ngày đêm loạn tưởng, nghiệp thức rối bời, cũng không thể an tâm mà niệm Phật. Lại giả sử lúc ông thanh nhàn tự tại, có chí tu hành, nhưng đối với tướng thế gian, nếu nhìn không thấu, buông không xuống, nắm không vững, dứt không xong, hốt nhiên gặp cảnh duyên không thể tự chủ, tâm tùy theo cảnh mà điên đảo, cũng không thể an tâm mà niệm Phật.

Ông xem khi còn thiếu niên cường tráng cho đến lúc già bệnh, nếu không còn một chút việc đeo đẳng nơi tâm, còn không niệm Phật được, huống là lúc lâm chung. Huống gì ông lại cho cứ làm các sự nghiệp thế gian, đợi đến khi lâm chung rồi sẽ niệm Phật. Ông thật là người ngu si, nên thốt ra những lời ngu si, dám bảo chỗ dụng tâm của ông thật là lầm lỗi. Vả lại các sự nghiệp thế gian, vốn như giấc mơ, như trò huyễn, như bóng bọt, như tiếng vang, chỉ thoáng chốc có rồi không, nó chỉ làm duyên tăng trưởng trên đường sinh tử. Giả sử cuộc đời ông có xây dựng chùa to tháp lớn, gây nên thanh thế địa vị, kết thân với kẻ quyền quý giàu sang, ông cho rằng đó là làm được các việc tốt, đâu biết đó là phạm vào lời răn dạy của các Đức Như Lai. Do đó, cổ đức có lời khuyên rằng: “Người xuất gia nếu chưa chứng đạo, thì đừng quá chú trọng nơi các công đức hữu vi, chỉ làm tăng thêm lỗi lầm, thiên đường chưa tạo, địa ngục trước thành, nếu sinh tử chưa rõ, thì đều là gốc khổ. Một mai nhắm mắt rồi, thọ các sự thống khổ, mới biết các việc làm trong đời này đều là trên gông cùm thêm xiềng xích, dưới vạc nóng thêm củi than, trên kiếm thọ lại thêm dao bén, dưới ca-sa đã nát thân hình, muôn kiếp

khó làm thân người, nghe nói nổi sinh tâm bi lụy, nước mắt đầm đìa." Tổ sư đã tha thiết khuyên răn như thế, đâu có lời hứa cho ông tạo tác duyên đời, rồi đến khi lâm chung mới niệm Phật?

Ông lại không nghe thiền sư Tử Tâm nói: "Con người thế gian, tài bảo như núi, thê thiếp đầy nhà, đêm ngày hoan lạc, đâu phải họ không muốn sống lâu ở đời. Nhưng ngặt nỗi cuộc đời có hạn, tháng năm thúc giục tuổi già, cái chết đâu thiên vị kẻ giàu sang, sức nghiệp đâu nể người tài trí. Cái già, bệnh, chết không thuận nhân tình, quỷ vương vô thường, sao tránh mặt mũi, vả lại những việc như thế mọi người mắt đã từng thấy, tai đã từng nghe. Nên biết, quyến thuộc thân tình trước còn sau chết, bạn bè huynh đệ sinh sau ta còn lại được mấy người. Người thế gian nói: "Đợi đến già rồi sẽ niệm Phật", nhưng ở đời có mấy người đợi được đến già, không biết thiếu niên cường tráng chết yểu rất nhiều. Cổ đức nói: "Chớ đợi đến già rồi niệm Phật, đồng hoang mộ trẻ đã nhiều đây." Lại nói: "Con người từ lúc còn trẻ, cưới vợ nuôi con, kinh doanh tính toán, phải chịu biết bao nỗi khổ nhọc đắng cay. Hốt nhiên ba tất hơi tàn, tránh sao một sớm mạng chết. Nếu là con cháu hiếu thuận, thì mời vài vị Tăng đến tụng cho năm ba bộ kinh, đốt hương đèn vàng mã, đến ngày kỵ giỗ lại sắm cơm canh cúng quảy, khóc cho mấy tiếng, đó gọi là con cái còn biết tưởng nhớ đến cha mẹ. Nếu là đứa con bất hiếu, cha mẹ mới chết, thân thể chưa lạnh, đã lo tranh chấp tài sản, chia chác ruộng vườn, tự ý ăn chơi khoái lạc, số như thế rất nhiều. Cho nên, người xưa nói: "Con cháu mỗi người tự có phước riêng, chớ vì nó mà suốt đời làm thân trâu ngựa." Lại xin dẫn lời chư cổ đức: "Cười thương kẻ giàu sang; lo giàu thêm rộn ràng; hủ gạo sinh sâu mọt; kho tiền đầy ngổn ngang; ngày cầm cân suy nghĩ; đêm thắp đuốc tính toan; hình hài trơ lẩn thẩn; tâm trí rối bàng hoàng; vô thường khi chợt đến; biển nghiệp sóng mênh mang." Ngài Tử Tâm đã thiết tha khuyên nhắc như thế, đâu có hứa cho ông mãi làm các sự nghiệp thế gian, rồi đến khi lâm chung làm sao niệm Phật được?

Nên xét: con người ở đời, sống có được bao lâu, như lửa nhám thân đá, chớp giật lưng trời, thấy đó rồi mất đó. Ông phải thừa trước lúc già chưa bệnh, rủ sạch thân tâm, gác qua thế sự, được một ngày sáng tối lo một ngày niệm danh hiệu Phật, được một thời công phu thì tu một thời Tịnh nghiệp. Do đây, đến lúc lâm chung, dù chết lành hay chết dữ, thì mọi việc đều an bài, con đường vãng sinh Tây phương của ta đã rộng mở. Bằng chẳng được như thế, sau này hối hận không kịp, ông nên suy nghĩ kỹ.

Hỏi: Lời nói của tôi thật quá lỗi lầm, dù có dong xe bốn ngựa cũng không thể vớt kịp. Nay nghe lời dạy của Ngài, ai mà chẳng lạnh lòng. Ngặt nỗi lòng người dễ tiến mà dễ thối, một khi nghe răng nhắc thì dũng mãnh tinh tấn, nhưng bỗng gặp một vài chướng ngại trước mắt lại muốn quay đầu, riêng cầu phương tiện. Con người phần nhiều đều nói: kết quả của Tịnh nghiệp chỉ là việc sau khi chết, còn chuyện trước mắt thì không lợi ích gì, do đây thân tâm theo đó phóng dật, đó cũng là duyên cớ thối thất thích đáng của người tu?

Đáp: Chỗ thấy của ông chưa rộng. Ông há không thấy trong kinh nói: "Người nào thọ trì danh hiệu Phật, hiện đời sẽ được mười điều thắng lợi:

1. Ngày đêm thường được tất cả chư Thiên, đại lực thần tướng, hằng sa quyến thuộc ẩn mình theo ủng hộ.

2. Thường được hai mươi lăm vị Bồ-tát, như Bồ-tát Quán Thế Âm, ... và tất cả các vị Bồ-tát khác thường đi theo ủng hộ.

3. Thường được chư Phật ngày đêm hộ niệm, Đức Phật A-di-đà thường phóng ánh sáng, nhiếp thọ người này.

4. Tất cả ác quỷ, hoặc Dạ-xoa, hoặc La-sát không thể làm hại, tất cả rắn độc, rồng độc, thuốc độc, thảy đều không thể xâm hại.

5. Các nạn nước lửa, giặc oán đao tên, gông xiềng, tù ngục, hoạnh tử, cuồng tử, thảy đều không phải chịu.

6. Các nghiệp đã làm trước đây, thảy đều tiêu diệt, những oan mạng bị đương nhân giết, nhờ công đức niệm Phật thảy đều được giải thoát, lại không còn báo thù.

7. Đêm ngủ mộng thấy toàn việc lành, hoặc thấy sắc thân vi diệu của Phật A-di-đà.

8. Tâm thường hoan hỷ, nhan sắc sáng nhuận, khí lực sung mãn, việc làm luôn có kết quả tốt đẹp.

9. Thường được mọi người trong thế gian cung kính cúng dường, hoan hỷ lễ bái như cung kính Phật.

10. Sau khi mạng chung, tâm không sợ hãi, chánh niệm hiện tiền, được thấy Đức Phật A-di-đà và các bậc Thánh tay bưng đài vàng tiếp dẫn vãng sinh về Tây phương Cực lạc, cùng tận kiếp vị lai hưởng thọ mọi sự vui mầu nhiệm.

Mười điều lợi ích trên đây, kinh văn đã ghi lại, chính do từ kim khẩu của Phật nói ra, đã có sự lợi ích trong đời này và đời sau. Do đó, pháp Tịnh độ là pháp khẩn yếu trong các môn thế và xuất thế gian. Ông chỉ nên tinh tấn niệm Phật, chớ nên ôm lòng hoài nghi.

Hỏi: Môn niệm Phật, đã nhờ Ngài nhiều lần chỉ bày, khiến các mối nghi của tôi được tiêu tan, chánh tín hiện tiền. Nhưng văn trên có nói: "Rủ sạch thân tâm, gác qua thế sự." Nay con người trong đời, kẻ có được cảnh duyên thuận tiện, thân ý an nhàn, thì có thể y theo đây mà tuân hành, như có người việc đời trăm mối buộc ràng, không thể thoát ra được, thì nên làm cách nào để thực hành theo các lời Ngài chỉ bày?

Đáp: Con người ở trong đời, nếu biết thống niệm về sự vô thường, dụng tâm chân thật tha thiết, không luận gặp cảnh khổ vui, nghịch thuận, động tĩnh gấp, hưỡn, hoặc làm các chức vụ công tư, hoặc khi tiếp tân đãi khách, đối xử muôn duyên, ứng thù tám mặt, cùng với việc niệm Phật cũng không có gì ngăn ngại. Ông không thấy người xưa nói: "Mai lại A-di-đà, chiều cũng A-di-đà, dù gấp như tên bắn không rời A-di-đà." Lại nói: "Trúc rậm chẳng vướng dòng nước chảy, non cao nào ngại mây trắng bay." Ngoài ra kẻ thế duyên bận rộn, năng lực yếu kém, cũng nên trong gấp tìm chút rảnh, trong động tìm chút yên. Mỗi ngày nên niệm một vạn hay ba vạn câu, một ngàn hay ba ngàn câu Phật hiệu, làm định khóa mỗi ngày, không nên ngày thì niệm quá nhiều, ngày thì lại chểnh mảng. Nếu vị nào quá bận rộn không có thời gian rảnh rỗi, thì mỗi sớm mai nên hành pháp thập niệm, công phu tích chứa lâu ngày, cũng không luống bỏ. Ngoài thời gian niệm Phật, còn gia thêm các việc tụng kinh, lễ Phật, sám hối phát nguyện, rộng tu các pháp kết duyên để tăng phần phước, tùy sức bố thí, tu tạo các công đức lành để trợ duyên với pháp niệm Phật. Phàm có làm một việc cực nhỏ nào, cũng đều hồi hướng về Tây phương, cứ dụng công như thế này, chẳng những quyết định được vãng sinh, mà còn tăng thêm phẩm vị.

Hỏi: Tôi chỉ từng nghe Ngài dạy pháp niệm Phật, nhưng chưa nghe nói công đức của niệm Phật. Vả lại pháp thập niệm hồi hướng, tôi cũng chưa được hiểu rõ, mong Ngài vì tôi mà giải thích?

Đáp: Người tu niệm Phật, hoặc chuyên duyên tưởng ba mươi hai tướng tốt, buộc tâm vào định, mở mắt, nhắm mắt, thường được thấy Phật. Hoặc chỉ chuyên xưng danh hiệu Phật, chấp trì không tán loạn, cũng ngay trong đời này mà được thấy Phật. Hiện nay, phần nhiều người tu Tịnh độ, đều lấy pháp xưng danh hiệu Phật làm thắng. Pháp xưng danh, cần nên chế tâm lại, không để tán loạn, niệm niệm nối nhau buộc tâm nơi câu niệm Phật. Khi miệng niệm danh hiệu Phật A-di-đà, tâm phải dõi theo, mỗi chữ phải rõ ràng. Khi xưng danh hiệu Phật, phải nên nhất tâm nhất ý, tâm tâm tương tục, dụng công như thế, mới được gọi là trong một niệm có thể tiêu diệt được tám mươi vạn ức

kiếp sinh tử trọng tội. Còn bằng nếu không dụng công niệm Phật được như thế, thì sự diệt tội rất khó.

Pháp tu Thập niệm là sáng sớm mỗi ngày day mặt về hướng Tây, đứng thẳng chấp tay, niệm danh hiệu A-di-đà liên tục, hết một hơi được kể một niệm. Như thế niệm mười hơi, thì gọi là thập niệm. Nhưng tùy theo hơi ngắn hay dài của mỗi người mà không hạn chế số câu Phật hiệu nhiều hay ít, chỉ cần bền lâu. Ngoài ra âm thanh Phật hiệu, không cao, không thấp, không nhanh không chậm, chớ để tâm tán loạn. Như thế mười hơi, liên tục không gián đoạn, nhờ chú ý tâm không tán loạn, lấy sự chuyên tinh làm công, pháp tu như thế gọi là pháp Thập niệm, hiển rõ việc mượn hơi thở để buộc tâm. Trọn cả cuộc đời, không được một ngày nào quên bỏ việc hồi hướng phát nguyện. Nghĩa là sau khi niệm Phật, dùng tâm chí thành nói rằng: "Đệ tử con là... một lòng hướng về thế giới Cực lạc của Đức Phật A-di-đà, nguyện Ngài lấy hào quang tịnh soi chiếu thân con, lấy sức từ thệ nguyện nhiếp thọ con. Nay con chánh niệm, xưng danh hiệu Ngài, là vì đạo Bồ-đề, cầu sinh Tịnh độ. Đức Phật A-di-đà xưa kia có lời thệ nguyện: "Nếu có chúng sinh nào, muốn sinh về nước tôi, cho đến mười niệm, nếu chẳng đặng sinh, tôi nguyện không thành Chánh giác." Con nguyện nhờ nhân duyên niệm Phật này, mà được nhập vào trong bể đại thệ của Như Lai, nương nhờ sức từ của Phật, các tội tiêu diệt, nhân duyên Tịnh độ tăng trưởng đến khi gần giờ lâm chung, biết trước giờ chết, thân không bệnh khổ, tâm không tham luyến, ý không điên đảo, như nhập vào thiền định, Phật và Thánh chúng, tay bưng kim đài, đồng đến tiếp dẫn, trong khoảng một niệm, sinh nước Cực lạc, hoa nở thấy Phật, liền nghe Phật thừa, sớm nở Phật tuệ, rộng độ chúng sinh, mãn Bồ-đề nguyện.

Pháp thập niệm Phật trên đây, cho đến việc hồi hướng, đều là những lời chỉ dạy rất khẩn thiết cần yếu của chư tiên đức. Môn này lưu truyền đã lâu và thạnh hành ở đời, người niệm Phật nên tuân hành.

Hỏi: Đối với con người trong lưới tục, chư vị cổ đức đã tùy theo căn cơ chỉ dạy các phương pháp tu hành rất cặn kẽ, rõ ràng. Nhưng chúng tôi là người xuất gia, nên làm thế nào để dụng công?

Đáp: Trước tôi đã nói, sự tu hành có rất nhiều môn. Trong nhiều môn đó có thể nhiếp thành ba môn, đó là quán tưởng, ức niệm và chúng hành. Ba môn như thế, mỗi mỗi môn đều có thể tu, hoặc là chuyên tu hoặc kiêm tu, tùy theo yêu thích của mình.

Hỏi: Pháp tu Viên quán, pháp niệm duy tâm, tợ như là hành môn của hàng thượng căn. Mười niệm trong kinh Hoa Nghiêm, mười tâm

trong kinh Đại Bảo Tích cũng là chỗ dụng công của hàng đại căn. Nếu như căn khí không xứng, thì công hạnh khó thành. Nay tôi tự lượng căn tánh và sở thích của mình, chỉ hợp với pháp chuyên trì danh hiệu, nếu rảnh thì gia thêm lễ bái sám hối mà thôi, không rõ ý Ngài như thế nào?

Đáp: Lành thay! Lành thay! Ông đã tự lượng biết sức mình. Xét lời nói của ông, chính là phù hợp với pháp chuyên tu vô gián của đại sư Thiện Đạo. Pháp chuyên tu vô gián là do chúng sinh chướng động, tâm thô tháo, ý thức rối bời, thần loạn mà cảnh lại vi tế, nên pháp quán rất khó thành tựu. Vì thế, đấng Đại Thánh thương xót trực tiếp chỉ dạy pháp chuyên trì danh hiệu, vì xưng danh rất dễ, niệm niệm tương tục liền được vãng sinh. Nếu có thể mỗi niệm mỗi niệm tương tục, cho đến khi mạng chung, thì mười người tu, mười người được vãng sinh, trăm người tu thì trăm người được vãng sinh. Vì sao như thế? Vì không có tạp niệm nên được chánh niệm, vì cùng bản nguyện của Phật tương ưng, vì không trái với giáo pháp, vì thuận theo lời Phật dạy. Nếu bỏ pháp chuyên tu này mà tạp tu các nghiệp khác, để cầu sinh Tây phương, thì trong trăm người tu, chỉ có một hai người vãng sinh, trong ngàn người tu hy vọng chỉ có ba bốn người vãng sinh. Do vì tạp duyên làm loạn động, khiến mất chánh niệm, vì cùng với bản nguyện Phật không tương ưng, vì trái ngược với giáo pháp, không thuận với lời Phật dạy, vì buộc tâm không tương tục, vì tâm không tương tục báo ân Phật, vì tuy có hạnh nghiệp nhưng thường cùng tương ưng với danh lợi, vì ưa thân cận tạp duyên làm chướng ngại cho Sự vãng sinh Tịnh độ của mình và người.

Pháp tu vô gián là thân chuyên lễ Phật A-di-đà, không lễ vị Thánh nào khác, miệng chuyên xưng danh hiệu Phật A-di-đà, không xưng danh hiệu vị Thánh và trì tụng các kinh điển nào khác, ý chuyên sâu nhớ tưởng Phật A-di-đà, không xen các tạp tưởng nào khác. Lại nếu lúc khởi tâm tham, sân, si, nổi lên làm công phu gián đoạn, thì tùy phạm, tùy sám, đừng để qua cách ngày, cách đêm hay cách giờ, khiến tâm luôn thanh tịnh, đó gọi là pháp tu vô gián.

Theo Thiên trúc truyện thì Đại sư Thiện Đạo là hóa thân của Đức Phật A-di-đà. Xét thuyết chuyên tu vô gián của Ngài, khẩn yếu là ở chỗ niệm niệm tương tục. Do đó Đại sư Cô Sôn nói: "Không nên lơ là phát nguyện, tán loạn xưng danh." Đại sư Vĩnh Minh nói: "Nên một lòng hướng về, trọn kiếp tịnh tu. Trong khi nằm, ngồi, đều day mặt về hướng Tây. Lúc hành pháp lễ bái, khi niệm Phật, phát nguyện phải khẩn thiết chí thành, không xen lẫn các tạp niệm khác. Trạng thái như người sắp bị

hành hạ lục vấn, như kẻ đang ở chốn lao ngục, như người gặp giặc oán đuổi theo, bị nạn nước lửa bức bách, một lòng cầu cứu, nguyện thoát nỗi khổ luân hồi, mau chứng Vô sinh pháp nhẫn, để rộng độ hàm thức, nối ngôi Tam bảo, đền đáp bốn ân, sự chí thành như thế, mới không hư bỏ. Hoặc như nói hạnh không tương xứng, tín nguyện không vững, tâm không niệm niệm tương tục, ý thường gián đoạn, đem sự giãi đãi đó, để cầu lâm chung vãng sinh, nhưng vì nghiệp chướng che đậy, e khó gặp được Thiện hữu tri thức, lại nước gió bức bách khiến sự chánh niệm khó thành. Vì sao vậy? Bởi vì nay là nhân, lâm chung là quả. Nhân phải cho thật, quả mới không hư, như âm thanh lớn thì tiếng dội rền xa, như hình ngay thì bóng thẳng.

Hỏi: Tu sao cho niệm niệm tương tục, thật ra tôi cũng muốn được như thế. Nhưng ngặt vì định lực chưa thành, niệm đầu chưa làm chủ, hoặc tri kiến cũ chưa mất, hoặc suy nghĩ tà vạy loạn tưởng, hoặc xúc đối cảnh duyên, tự kiềm chế không được, hoặc tình tưởng rối ren, cố ngăn dẹp không xong. Bất giác niệm đầu chạy Đông chạy Tây, đi xa ngàn dặm muôn dặm mà không hay biết. Lại như trong tâm có bận lo một việc gì, thì trải qua năm ngày mười ngày, nửa tháng một tháng, tâm trí vẫn còn vương vấn chưa dứt, nói gì đến việc gián đoạn tu hành thôi vậy? Nói ra thật xấu hổ, suy nghĩ lại thật đáng thương tâm. Mong Ngài từ bi chỉ dạy phương cách gì để đối trị?

Đáp: Đây là căn bệnh chung của những kẻ học giả trong thiên hạ. Ông đương khi tu gián đoạn, nếu không thống thiết tự răn trách, thì pháp chuyên tu vô gián tuyệt hẳn kỳ thành tựu. Tôi nghe người xưa có ba điều thống thiết tự răn trách, nay lại vì ông mà nói ra, ông nên lắng nghe mà suy nghĩ.

Ba điều đó là báo ân, quyết chí và cầu nghiệm.

Thứ nhất báo ân, đã là người tu pháp môn Tịnh độ, nên nghĩ mọi cách báo ân, ân Phật ân đất nước tạm gác qua không luận bàn, chỉ như ân cha mẹ dưỡng dục, há chẳng phải là ân nặng sao. Công đức giáo dưỡng của Sư trưởng, chẳng phải là ân sâu sao. Ông mới đầu phát tâm xuất gia, là để báo đáp thâm ân. Sau này khi hành cước học đạo, là bảo để báo đáp trọng đức, xa lìa làng xóm hai ba mươi năm, cha mẹ gian lao khốn khổ, ông cũng không hay, cha mẹ già bệnh, ông cũng không biết, đến như cha mẹ quá vãng ông cũng không về. Lại như cha mẹ vì nghiệp phải ở trong tam đồ, thọ khổ, ngày đêm mong ông đến cứu, ngóng ông đến độ, ông tu hành thì niệm niệm gián đoạn, Tịnh độ không thành. Tịnh nghiệp của ông đã không thành, tự cứu mình còn không được. Bản

thân còn không cứu nổi, nói gì đến việc cứu cha mẹ. Đã không cứu được cha mẹ, tức ông là kẻ vong ân bội nghĩa, là người con đại bất hiếu. Kinh nói: "Người nào phạm tội bất hiếu, sẽ đọa vào địa ngục." Thế thì tâm niệm gián đoạn niệm Phật, chính là nghiệp nhân của địa ngục.

Vả lại ông là người không dệt mà có áo mặc, không cày bừa mà có cơm ăn, phòng ốc, giường nằm, chăn gối... ông không đổ mồ hôi mà có thọ dụng. Nay ông lại biếng trễ tu hành, tức là người vong ân với đàn-na tín thí. Tổ Sư nói: "Những phần này là do thí chủ bớt phần vợ con mà đem cúng dường, vì muốn cho đạo pháp được trường tồn. Người tu hành nếu đạo nghiệp không thành, thì dù tấc vải, hạt cơm thì kiếp sau phải làm thân trâu để đền trả." Nay ông thì niệm niệm gián đoạn, Tịnh độ không thành. Nếu Tịnh độ không thành, tất sẽ có phần trong kiếp luân hồi vay trả. Thế thì với một tâm niệm gián đoạn, chính là nghiệp nhân của loài súc sinh.

Thứ hai là quyết định. Nếu dốc lòng theo pháp chuyên tu thì phải có ý chí quyết định. Ông một đời tu Thiền, nhưng Thiền không tỏ ngộ, một đời nghiên cứu giáo điển, nhưng tông chỉ không nắm, chí đến lúc này, tình tưởng chưa yên. Ông lúc thì nói vài ba Thiền ngữ, lúc thì nói một vài câu giáo, lúc lại muốn tả tự, lúc lại muốn làm thi, tình mắc hai bên, niệm chia bốn nẻo. Tổ Sư nói: "Tâm niệm còn vướng mắc, đó là nghiệp nhân của tam đồ. Tình tưởng vừa mới sinh, muôn kiếp bị ràng buộc." Ông nay ý chí không có sự quyết định, tình niệm lại đa đoan. Nhân tình niệm đa đoan này làm gián đoạn sự chánh niệm. Thế là một tâm niệm gián đoạn, đó là nghiệp nhân của lưới sắt nóng và nước đồng sôi vậy.

Vả lại, ông muốn hộ trì các giới căn, nhưng ý chí không quyết định, hoặc do thân và miệng buông lung, khiến niệm niệm rong ruổi. Trong kinh dạy: "Thà lấy nước đồng sôi rót vào miệng, chứ quyết không đem cái miệng phá giới này thọ dụng thức ăn, vật uống của Đàn-việt. Thà đem dây sắt nóng quấn chặt vào thân, chứ quyết không đem tấm thân phá giới này mà thọ dụng y phục của Đàn-việt." Huống nữa, ông do sự trì giới không tinh nghiêm, nhân đó, tình tưởng vọng động, thế thì một niệm gián đoạn, chẳng phải là nghiệp nhân giường sắt và cột đồng hay sao.

Vả lại, ông đã ý chí không quyết định đoạn trừ lòng thương ghét, đối với danh lợi hư phù, bản thân chưa phá trừ, khi danh lợi thuộc về mình, thì sinh lòng tham ái, nhưng khi danh lợi thuộc về người khác, thì sinh niệm tật đố. Cổ nhân nói: "Tham danh đắm lợi, đi vào nẻo súc

đường quỷ, buông lòng thương ghét, đồng vào hầm lửa vạc dầu." Ông lại do tâm thương ghét này, mà gián đoạn sự niệm Phật, thế thì một tâm niệm gián đoạn, đó chính là nghiệp nhân của ngạ quỷ, hầm lửa vậy.

Thứ ba là cầu sự ứng nghiệm. Người theo pháp chuyên cần nên cầu sự ứng nghiệm. Ông nay tóc bạc da mồi, tướng chết đã dần hiện ra, biết từ nay đến khi lâm chung, còn được bao nhiêu ngày. Nay ông phải làm sao mà ngay đời này được thấy Phật. Ví như Pháp sư Tuệ Viễn ở Lô Sơn, trong cuộc đời Ngài đã ba phen thấy Phật xoa đầu. Lại như Pháp sư Hoài Cảm, khi mới mở miệng xưng danh, liền được thấy Phật. Lại như pháp sư Thiếu Khang, vừa xướng lên một câu hiệu Phật, liền có một vị Phật từ trong miệng bay ra, xướng câu hiệu Phật mười lần, có mười vị Phật trong miệng bay ra, tợ hồ như hạt châu nối tiếp nhau. Những sự linh nghiệm như thế của người tu Tịnh độ, có đến muôn ngàn. Ông nếu niệm Phật không gián đoạn, thì đối với việc thấy Phật không khó. Còn tâm gián đoạn phát sinh, quyết không bao giờ thấy Phật. Đã không thấy được Phật tức không có duyên với Phật, thì rất khó vãng sinh Tịnh độ. Mỗi khi đã không được vãng sinh Tịnh độ, quyết sẽ đọa vào cảnh tam đồ ác đạo. Thế thì một tâm niệm gián đoạn, đó chính là nghiệp nhân của tam đồ ác đạo vậy. Phải nên răn dè và suy nghĩ kỹ.

Ba điều răn trên đây, người tu Tịnh nghiệp cần nên ghi nhớ, tự trách răn mình một cách thống thiết, làm sao tâm không rời Phật, Phật chẳng rời tâm, đạo cảm ứng giao thông, ngay đời này sẽ được thấy Phật. Mỗi khi đã thấy Phật ở cảnh giới Liên bang, tức sẽ thấy mười phương chư Phật, là thấy vị Phật thiên chân của tự tánh. Khi đã thấy được vị Phật thiên chân của tự tánh, thì sự đại dụng sẽ hiện tiền. Sau đó mới nương theo lòng bi nguyện, rộng độ tất cả chúng sinh. Pháp tu như thế gọi là Tịnh độ thiền, mà cũng gọi là Thiền Tịnh độ. Thế thì ý của Ngài Vĩnh Minh bảo rằng: "Có Thiền có Tịnh độ; dường như cọp mọc sừng; đời này làm thầy người; đời sau làm Phật tổ." Chẳng phải là rất ứng nghiệm trong giai đoạn này hay sao. Nên cố gắng cố gắng!

Đến đây, vị thượng nhân tu Thiền này rất hoan hỷ và kinh ngạc, lặng lẽ giây lâu, dường như tìm được vật chi đã mất. Thiên Như lão nhân lại bảo vị này:

- Thiền cùng Tịnh độ, nếu liễu thì liễu cả hai, bởi ngoài tâm không có pháp, chớ nên nhận lầm.

Vị thượng nhân tu Thiền nghe xong đảnh lễ thưa rằng:

- Tôi rất may mắn được Ngài chỉ bảo. Nay tôi đã biết rõ đường về.

Nói xong liền từ tạ ra về.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 172

LÔ SƠN LIÊN TÔNG BẢO GIÁM

SỐ 1973
(QUYỂN 1 → 10)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1973

LÔ SƠN LIÊN TÔNG BẢO GIÁM

LỜI TỰA

Thiền môn và Tịnh môn, mỗi môn đều có các Tổ làm hưng thạnh pháp môn mình, cơ đồng với Địch quốc. Thiền sư Từ Giác Tông Trách có ví dụ làm ruộng mở kho, tùy theo ý muốn của mọi người đều được như ý, đây cũng là lời phương tiện hòa hợp. Hai vật có thể hòa hợp, nếu vốn chẳng phải hai thứ hòa hợp thì làm sao có Như Lai Thiền, Tổ sư Thiền? Tổ sư Thiền cũng là lời Phật.

Thiền-na, Hán dịch là Tĩnh lự, đó là tám Thiền tám Định. Tam-muội niệm Phật chép: "Nhất tâm bất loạn, nhiếp cả lục căn, tịnh niệm nối nhau chẳng phải là tĩnh định ư? Vả lại, niệm Phật và xướng Phật khác nhau, xướng Phật thuộc về miệng, niệm Phật thuộc về nhớ nghĩ, mẹ nhớ con, con nhớ mẹ, là miệng hay là tâm? Phật sở niệm là chiên-đàn hay là vàng Diêm-phù-đàn? Do trời Tỳ-thủ-yết-ma làm ra chăng? Là ứng thân hay là Báo thân? Hay là Pháp thân? Là Phật quá khứ? Hay là Phật hiện tại? Là Tịnh độ ở Tây phương chăng? Giở chân, hạ chân tức đạo tràng? Quán kinh do miệng vàng của Phật nói ra : Tâm này làm Phật, tâm này là Phật, cho nên quán tâm tức quán Phật, quán Phật tức niệm Phật. Nói một cách cùng cực thì niệm vốn vô niệm, Phật cũng vô Phật, năng niệm không, sở niệm cũng không, Như Lai Thiền tức Tổ sư Thiền. Cho nên, Bồ-tát Đại Thế Chí thì niệm Phật vô sinh, Bồ-tát Quán Thế Âm nghe lại tự tánh, hai Bồ-tát dường như mỗi vị đều có viên thông riêng nhưng đồng về An dưỡng, hầu cận Đức A-di-đà, tiếp dẫn chúng sinh ở Đông độ. Rõ được lý này thì ngay nơi Tịnh là Thiền, các

Thánh đồng về một mối, nhưng các Thích tử đời sau lại phân chia môn hộ, thí như phòng nhà của Tổ tông vốn chỉ có một gian, nhưng con cháu ở trong đó lại ngăn chia ra tường vách, cắm cây làm rào trồng gai nên không qua lại với nhau được, đó là do chấp mê điên đảo cùng cực.

Có người hỏi rằng: Tam Thánh tiếp dẫn thì Tịnh độ ở Tây phương là rõ ràng, có mâu thuẫn với ý chỉ tự tánh duy tâm hay không? Tôi nói: Di Đà là Di-đà của chúng sinh, chúng sinh là chúng sinh của Di-đà, Cực lạc là duy tâm của Di-đà, duy tâm là Cực lạc của chúng sinh, cho nên biết ý chỉ tự tánh duy tâm nghĩa là Tây phương có Phật Di-đà, có thể nói Đông độ đều có Di-đà, cũng có thể nói Pháp thân, Báo thân là Phật, có thể nói Liệt ứng thân cao trượng sáu và Phật do trời Tỳ-thủ-yết-ma làm ra đều là Phật. Cũng có thể nói niệm Phật quá khứ, có thể nói niệm tất cả Phật hiện tại, vị lai, cũng có thể nói đâu có sự khác nhau nào giữa Thiền và Tịnh.

Bộ sách Liên Tông Bảo Giám do Hòa thượng Ưu Đàm ở Lô Sơn biên tập, nêu lên chỗ chánh ngụy, theo mùi hương tìm gốc, thật là chỉ nam của Tịnh độ. Nhân đó vì Pháp sư Lăng-nghiêm Bạch mà khắc in truyền bá, thay thế dắt dẫn.

Đệ tử là Tử Bá Tiền Sĩ Thăng viết tại Cánh Vũ đường ở am Phóng Hạ.

- Tổ đường Thiện pháp, tông Bạch Liên ở Lô Sơn Đông Lâm Thiền tự khuyên tu Tịnh nghiệp.

Thần là tăng Phổ Độ kính cẩn biên tập bộ Liên Tông Bảo giám.

Bộ Liên Tông Bảo Giám này đã phát minh ra pháp môn niệm Phật Tam-muội của chư Phật, chư tổ. Rất mong chư tôn túc, chư Thiện tri thức đề bạt, ấn chứng để được đưa vào đại bộ. Xin đảnh lễ, Đáp sư phụ, công ban nước Kế tân, người đứng đầu làm cho Phật pháp được tôn sùng nhận được tông chỉ giáo pháp, chỉ dạy pháp Bát-nhã cho trưởng lão Thất-lợi, Hiền-da, Na-thất-lợi lại truyền rộng rãi khắp các ty thừa. Ngày mười một tháng mười Đại Nguyên đến cung Giáng Phước. Nay thời hoàng đế Tiềm Long, phân nguyệt, hải khiếp tiết, ngày thứ nhất đích thân tôn thờ quyển Liên Tông Bảo Giám, dâng sách lên sắc lệnh bảo người khắc bản ấn hành. Sự cung kính này ngang với Đại bộ; nghĩa lý rõ ràng không thể bỏ qua công của thừa tướng ban bố đến chùa Vô Lượng Thọ Pháp Vương. Công việc khắc bản đã xong, nhân đây xin chúc triều đình:

Chúc Hoàng đế Thánh thọ vạn an! Hoàng Thái hậu, hoàng hậu trai niên! Thái tử và chư vương thiên thu văn võ quan liêu cao tăng lộc

vị, hoàng đồ vĩnh cố! Phật nhật tăng huy, phàm nhật kiến văn đồng thành Phật đạo!

Ngày trăng tròn tháng giêng niên hiệu Hoàng Khánh năm Giáp tý, Ưu-Đàm Phổ Độ kính dâng.

- Xét trong kinh nói ở phương Tây có cõi nước tên là Cực lạc, cõi ấy có Phật hiệu là A-di-đà, vòi vọi mênh mông, vượt ngoài thái hư, không hẹp không rộng, tự nhiên hóa độ, ao quỳnh đất vàng, không nhiễm một hạt bụi, cây rừng, nước chim đều giảng nói khổ không, nguyện lực của Phật thâu nhiếp các chúng sinh đó, một niệm tương ưng liền bước lên đài vàng, dù là phẩm hạ hạ cũng là thai hoa sen. Tôn giả Nhạn Môn kết xã, răn nhắc luôn tu Tịnh nghiệp, cho nên đạo niệm Phật đề xướng thạnh hành ở thế gian, đến nay gọi đó là Liên Tông, cách xưa đã lâu xa, dòng pháp thành tệ, tà đạo lẫn lộn, lời lẽ nhiệm mầu thành mờ tối. Do đó, Hòa thượng Ưu-Đàm nương nguyện lực xưa, noi theo chánh tông, phấn phát tâm chân thật, tìm kiếm yếu chỉ, sắp xếp đầu cuối, chia ra chân ngụy, lập thành mười môn, gọi là Bảo Giám tặng cho những người tham học.

Năm Giáp dần, niên hiệu Diên hựu, tại núi Đại ngưỡng, Thiền sư Đại Viên Phật Giám truyền pháp, Sa-môn Hy Lăng ghi chép.

Tâm tánh bị sai sử bởi trần lao phiền não nhưng không bị trần lao phiền não nhận chìm, như sen mọc từ bùn nhơ mà không bị bùn nhơ làm nhiễm ô tinh chất, cho nên chỉ thẳng là “Liên”. Tâm tánh chung cho các pháp Tam Thừa nhưng không bị các pháp Tam Thừa lăng đoạt, từ tông chia ra chi phái, nhưng không do chi phái mà đánh mất căn bản. Cho nên niệm Phật là “Tông”. Tâm tánh hư không trùm chứa dưỡng nuôi muôn vật, thí như trong biển cả có kho báu vô tận xuất hiện bốn thứ châu, cho nên gọi là “Bảo”. Tâm tánh sáng suốt thanh tịnh, chiếu soi rõ ràng các sắc tượng, dụ như một chiếc gương ở trên đài có công năng phân biệt đẹp xấu, nên gọi là “Giám”. Hòa thượng Ưu-Đàm là người họ Tưởng ở Đơn Dương, gia đình nhiều đời thờ Phật, chứa nhóm điều lành, sinh ra thông minh lanh lợi. Năm hai mươi tuổi, sư nhàm chán duyên đời cạo tóc xuất gia, ban đầu tham học với Thiền sư Tuệ ở Bảo Sơn thuộc Long Hoa, Thiền sư vừa thấy Sư liền biết là pháp khí. Sư lần lượt tham học với các Thiền lão, giũa mài gạn lọc, đạt tâm Tịnh độ, thấy tánh Di đà, rất tiếc cho đạo tổ đã bị chìm đắm, nên biên tập Niệm Phật Cảnh Yếu, đặt tên là Liên Tông Bảo Giám, mỗi lời đều phá hoặc, mỗi điều đều cảnh tỉnh. Thiền sư Viên Ứng Nhật ở Đông Nham thuộc Thiên Đồng vừa thấy Sư liền chứng minh nói rằng: “Lành thay, lành

thay, đúng vậy, đúng vậy." Sau đó, sư khai pháp tại Pháp Vương Thiền tự ở kinh đô, quốc sư Quán Đảnh dâng Bảo Giám lên vua.

Vua Kim Luân hưng khởi chánh tông và ban hạ ngọc chỉ, quên mình vì pháp, làm khuôn phép cho đời sau, khai đạo trời người, chứa nhóm tuệ mạng của Phật, là vật báu trong thật tăng, từ gốc đến ngọn, dẫn dắt chúng trở về tông, không bỏ bi nguyện, dung hợp chân tục, thị hiện sen trong lửa, phấn phát lại ngọn gió Tịnh độ đã ngừng thổi trong ngàn năm của Tổ sư Tuệ Viễn ở Đông Lâm. Cái gọi là Lô Sơn Liên Tông Bảo Giám đâu phải là lời nói suông. Xưa, sư tên là Đức Công Đại nhân, soạn lời bạt khen ngợi tên phẩm, đầy đủ ở cuối quyển. Người tu Tịnh nghiệp về sau giở xem tập sách này thì rõ suốt chỉ thú của Phật tổ, mở mang đạo này, lưu lại vô cùng. Công đức to lớn không gì sánh bằng? Vì muốn kéo dài phước đức nên nhà vua đổi niên hiệu. Đầu mùa hạ năm Giáp dần tất cả Tỳ-kheo tăng ở Minh Trí, Sùng Thắng Thiền tự, đồng đảnh lễ viết lời tựa.

LỜI TỰA
LÔ SƠN LIÊN TÔNG BẢO GIÁM

Tánh pháp giới chân thật, chúng sinh và chư Phật bình đẳng không khác, không giống, tâm diệu giác sáng suốt, nhiễm, tịnh lẫn lộn nhưng chẳng phải một, chẳng phải hai, cho nên mỗi hạt bụi đều là Tịnh độ, cõi khác cõi này đều là nước Cực lạc; niệm niệm Di-đà thì côn trùng nhỏ nhít, muôn loại hàm linh đều là Phật pháp thân. Bởi vì tình sinh, nên trí cách, ý tưởng thay đổi nên thân thể khác nhau. Tâm theo sự thay đổi của sinh, trụ, dị, diệt, mà cảnh có cao thấp, gò nổng, hầm hố cho nên cõi tịnh cõi uế khổ vui có khác, chư Phật, chúng sinh, Thánh phàm không giống nhau. Do đây dẫn đến sáu đường, mênh mông lặn hụp trong chin cõi (cửu cư = Cửu hữu), bốn loài chúng sinh lên xuống trong ba cõi, từ mê đến mê, từ khổ vào khổ, thay hình đổi dạng trải qua số kiếp như bụi, không có lúc nào giải thoát. Thế nên Đức Phật mới mở ra pháp môn thuận tiện dạy mọi người Tam-muội niệm Phật; chỉ có tịnh Độ là chỗ quay về.

Cái gọi là Tam-muội niệm Phật: Tiếng Phạm là Phật-đà, Hán dịch là Giác (giả). Giác là tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn, cho nên gọi là Phật. Giống như người đang ngủ say tỉnh giấc, như hoa sen nở, là khiến cho hữu tình chiếu soi lại mình, tịnh niệm nối nhau, lâu ngày thuần thục, dứt hết hoặc chướng, một niệm không sinh, mé trước mé sau đều dứt ngộ, được tánh giác này trong không có tâm năng niệm, ngoài không có tâm sở niệm, năng sở đều quên thì chúng sinh và Phật không hai, nên gọi là niệm Phật.

Niệm Phật: Tiếng Phạm là Tam-muội, Hán dịch là chánh định. Nghĩa là tư duy chuyên nhất, ý tưởng vắng lặng, thần trí sáng suốt. Kinh nói: "Nếu có người nào niệm Phật thì nên biết người đó là hoa Phân-đà-lợi trong cõi người."

Tổ sư Tuệ Viễn đời Đông Tấn nhân nghe Pháp sư Di Thiên giảng kinh Bát-nhã hoát nhiên đại ngộ, nhập vào vô lượng Tam-muội sâu xa, đến trụ ở Lô Sơn cùng với các cao tăng và kẻ sĩ của triều đình kết thành xã tu hành. Cho nên gọi "Chư giáo Tam-muội". Tên gọi ấy có rất nhiều, công đức cao mà dễ tiến thì niệm Phật đứng đầu. Vì nhân duyên trước nên đặt tên xã này là "Bạch liên". Những vị sư ở xã này trước tác bài tựa "Niệm Phật Tam-muội" vì để nêu cao đạo lý này.

Phán giáo của Ngài Thiên Thai Trí giả như Kinh Quán Vô Lượng Thọ là lời dạy chứng thực của tất cả Đại thừa, dùng "Tam quán Trừng

tâm" để tỏ rõ yếu chỉ niệm Phật. Tôn giả Pháp Chiếu đảnh lễ Ngài Văn-thù xin Ngài chỉ dạy cho pháp yếu này. Thiền sư Tỉnh Thường kết xã Tịnh Hạnh, tể tướng và các quan nổi tiếng quy về cùng tu tập. Bởi vì đạo tràng này cũng là đạo tràng của Thiền sư Trường Lô Tông Trách kết Liên hoa thắng hội cảm được hai vị Bồ-tát Phổ Hiền và Phổ Tuệ vào hội để chứng minh đạo tràng này.

Tông chỉ của Ngài Từ Chiếu là dùng năng lực bổn nguyện để thị hiện ở thế gian, phát tâm rộng lớn dùng phương tiện để dắt dẫn chúng sinh vào thật chứng. Ngài tùy theo căn cơ của chúng sinh mà giáo hóa. Vì Ngài muốn người căn trí sáng suốt hay ngu đần gì cũng đều hiểu được đạo lý này. Mọi người đều nhóm họp ở Bạch Liên để sám hối, khai thị cho cả bốn độ, dùng tín hạnh nguyện làm tư lương, lấy Giới Định Tuệ làm then chốt để lập nên chánh tông niệm Phật này. Vua Cao Tông đời Tống chính tay viết hai chữ "Liên xã" vì tôn sùng pháp môn này. Cúi mong đại nguyên phổ thiên thống nhất các nước, lòng mọi người ưa thích điều thiện.

Thiền sư Viên Ứng Phật trụ Đông Lâm Thiền tự ở Lô Sơn, vâng theo Thánh chỉ trụ trì đạo tràng, sửa sang chùa chiền, nhóm hợp các bậc cao tăng hiền tài để truy tìm những việc xưa mà chỉnh đốn những người kế vị tông môn, bắc cầu đại pháp gọi là Tông Viễn mà khai mở Đạo Tổ. Ngoài việc hành đạo của Tổ, mười tám năm đề xướng tông thừa, còn thường dùng "Tam-muội niệm Phật" để khai mở dẫn dắt trời người. Đầu mùa Thu năm Nhâm thìn, sắc chỉ truyền đến Quảng Lợi Thiền tự ở núi Dục vương thỉnh Ngài Tốn Tịch khai mở Tiên Duyệt đường.

Tháng giêng năm Trinh Nguyên thứ 1, Thiền sư Khuê kế vị trụ trì, mọi người mời Ngài lên pháp tòa khai đường thuyết pháp.

Cư sĩ Thuật Minh, Hòa thượng Yến Giác, Đạo Phá y kính vâng Thánh chỉ ban tặng "Bạch Liên Tông Thiện Pháp Đường" để hộ trì giáo pháp vào tháng giêng niên hiệu Trinh Quán thứ 2.

Lại nữa, vào tháng 10 niên hiệu Trinh Quán năm thứ 5 vâng theo Thánh chỉ ban tặng cho Đại sư Thông Thọ làm chủ Bạch Liên Tông và còn ban cho Đại đức chiếc ca-sa Kim Lan.

Kính vâng Thánh triều ban giáng ngự hương kim toàn đến chùa. Từ đời Tấn đến nay mới chỉ ngàn năm cảm được ân này được vẻ vang rạng rỡ. Những phương xa ở vùng khác nếu có người hiền kẻ ngu đều theo giáo hóa họ để họ đồng tâm niệm Phật. Kính chúc:

Hoàng đế Thánh thọ vạn an.

Thiên hạ thái bình, bánh xe pháp thường quay, thiên hạ hớn hở

vui hòa như thời vua Thuấn, vua Nghiêu, thời tiết ở thế giới này là thế giới Cực lạc, độ khắp tất cả con cháu dòng họ Thích làm lợi ích cho giáo môn. Người đã từng thấy xưng tán Liên Tông, chưa am tường yếu chỉ niệm Phật mà đã bỏ gốc theo ngọn, kẹt vào tướng tu tập chánh nhân Tịnh nghiệp đều sẽ chìm đắm trong luân hồi. Đều nghĩ đến vật báu mà quên nước, trái chân hướng ngụy. Người quấy nhiễu việc này nhiều như lông bò, người đầy đủ chánh giác hiếm như sừng thỏ, đến nỗi khiến cho học trò của những người có tâm nghĩ đến vật báu nói trên khinh thường đạo Phật ta. Buồn thay! Mọi người đã bỏ nề nếp của thời xưa, quấy nhiễu giáo pháp, lâu ngày sẽ hư hoại chánh pháp. Tà pháp nhỏ nhiệm lâu ngày sẽ tăng trưởng nhanh trong lòng người. Lý giải sai lệch, đi vào đường tà, không tư duy pháp môn Tịnh độ là mở ra đường tắt cho luân hồi, chúng sinh mau bước vào. Trong đó sáng như mặt trời, yếu chỉ sâu xa trong kinh điển, trong lúc sám hối lại không gặp minh sư khai ngộ. Giống như những người mù sờ voi mỗi người nói mỗi cách, từ tối vào tối, mãi ràng buộc bởi tà kiến. Thật đáng thương thay!

Nay cung kính gặp Thiên tử có tâm Phật, dùng chánh pháp cai trị nhân dân, lúc vua tôi khánh hội thì chánh trị và Phật pháp có tiếp cận lưu thông được không? Dùng Tam-muội niệm Phật của Tổ sư để khai thị cho trời người, dùng làm con mắt cho tương lai, giúp cho mọi người ngộ nhập tri kiến Phật. Đệ tử mới khởi tâm Tịnh độ tìm lại Tông môn trước, tập hợp những lời chí tình then chốt của Tổ sư và những điều mắt thấy viết quyển Bảo Giám để xét rõ chân ngụy (đúng sai).

QUYỂN SÁCH NÀY CÓ MƯỜI CHƯƠNG

Chương 1: Nói về Chánh nhân niệm Phật, nghĩa là vào nhà phải từ cửa.

Chương 2: Chánh giáo, chỉ dạy pháp môn niệm Phật Tiệm Thiên, Đốn, Viên, khiến cho người tinh tấn tu tập tùy theo căn cơ mà đến với đạo.

Chương 3: Chánh Tông. Vì chỉ bày lý niệm Phật Tam-muội chánh tâm, giúp cho người tu tập hiểu rõ tông của mình và đạt đến gốc rễ của nó.

Chương 4: Chánh phái. Vì muốn nói rõ gốc rễ ngọn ngành của Sự đắc đạo mà chư Phật, chư Tổ ấn chứng cho các sư của Tông phái, giúp cho người hậu học biết tông chỉ mà noi theo.

Chương 5, 6, 7: Chánh Tín, Chánh hạnh, Chánh nguyện, giúp cho hành giả kính tin chánh pháp, tin Chánh hạnh, phát chánh nguyện cầu sinh Tây phương.

Chương 8: Chánh quyết vãng sinh. Vì muốn chỉ con đường lúc qua đời sinh về Tịnh độ.

Chương 9: Chánh báo. Vì muốn nói rõ sở đắc của việc tu hành ở cõi Tịnh độ, y theo công đức trang nghiêm của Chánh báo.

Chương 10: Chánh luận. Vì dẫn chứng lời chân thật của chư Phật để phá các tà kiến sai lầm khác, khiến cho chúng sinh bỏ ác làm lành chứ không dám để họ giúp đỡ tông phong, vì lợi ích của người chưa nghe: Người có tư tưởng uẩn khúc giúp họ có cái nhìn chính xác ngay thẳng. Người tà kiến thì giáo hóa cho họ quay về chánh kiến. Người nghi ngờ thì giải bày cho họ khỏi nghi ngờ; người mê mờ giúp họ tỏ ngộ, làm cho mọi người ở trên mặt đất đối với pháp môn niệm Phật đều được Tam-muội niệm Phật, đồng chứng Bồ-đề, không trái với bổn nguyện, người tu Tịnh nghiệp có lòng Từ bi thử lật quyển sách này xem, vui theo khen ngợi, lưu thông. Nếu Phật, Tổ chưa xuất hiện ở thế gian thì xin những bậc cao tăng để mắt vào.

Đại Đức cửu niên Ất tỵ, Di-đà thị Tướng Nhật Giang Châu, Lô Sơn Đông Lâm Thiền tự Bạch Liên Tông Thiện pháp đường, Tăng Ưu-Đàm Phổ Độ Tề Mộc kính đề.

LÔ SƠN LIÊN TÔNG BẢO GIÁM

QUYỂN 1

NÓI VỀ CHÁNH NHÂN NIỆM PHẬT

Từng nghe, trong hằng hà sa số các Như Lai, Đức Di-đà là bậc nhất, trong các cõi Phật nhiều như số bụi nhỏ ở mười phương thì Cực lạc là nơi trở về chí lý nhất. Vốn chỉ là duy tâm, nên người mới học phải do nhân địa, nên biết có chăm bón cây thì cây mới phát triển xanh tốt, đi ngàn dặm phải bắt đầu từ bước thứ nhất, muốn vượt thoát sinh tử cũng phải lấy Tịnh độ làm nơi hướng về để chứng Niết-bàn. Nên niệm Phật là yếu chỉ để chánh tâm. Tin sâu Cực lạc, diệu môn chân giải thoát, nhớ tưởng Đức Phật Di-đà, đấng cha lành đáng quý của chúng sinh, xưa đã nói rõ về cảnh giới này, nên nhìn quả để tu nhân, dần dần đến con đường huyền diệu. Ấy cũng chính là từ nhân đến quả. Các Bậc hiền đức nhóm họp kết xã, dựa vào yếu chỉ này chuyên niệm Phật và khuyên bảo người cùng tu tập giáo môn này. Nhân rộng thì quả lớn, sông dài thì nguồn sâu, hình ngay thì bóng thẳng, tiếng dội vang theo âm thanh, Ngài Thế Chí chỉ ra tông yếu để chứng viên thông. Đức Thế Tôn dạy: Tu nhân Tịnh nghiệp từ văn, tư, tu chứng Tam-ma-địa. Nương tín, hạnh, nguyện vào pháp giới môn. Cho nên một niệm sinh khởi, muôn loại đều biết. Tín tâm sinh thì chư Phật hiện, vừa xưng danh hiệu tôn quý đã gieo giống ở thai sen, một khi đã phát tâm Bồ-đề thì tên ghi ở đất vàng ròng. Người có duyên gặp pháp môn này thì tự tu tự ngộ, niềm tin cạn mỏng không tu trì là rất ngu và lầm to. Cho nên nói Nhất thừa xướng cao, cuối cùng đạt đến Lạc bang. Tu muôn hạnh tròn đầy tối thắng, riêng xưng danh hiệu quý báu thì tội nặng trong tám mươi ức kiếp đều tiêu diệt, những phương xa vời hơn mười vạn ức cõi, phút chốc liền đến, giống như có cánh. Tưởng niệm chuyên chú tức là quán tâm mà thấy thân Phật. Tâm cảnh giao xen nhau tức là cửa của nhân. Nếu tâm duyên cảnh thành quả tốt thì tất cả tịnh, uế, thư thái, mệt mỏi đều ở nơi đầu mối nhỏ nhiệm này, tánh bao dung, bén nhạy bao trùm khắp pháp giới.

Thế nên chư Phật và chúng sinh không khác, cõi tịnh và cõi uế khắn khít nhau. Người ngu tối và người thông thái đồng hiểu được, sự lý vô ngại giống như thần châu bao gồm các thứ của báu, như lưới trời đan xen tỏa ngàn tia sáng. Tâm ta đã như thế thì chúng sinh và Phật cũng giống như vậy. Cho nên biết thần thức đi qua ức cõi thực ra sinh từ trong tâm của mình. Gá chất vào chín phẩm thai sen, chẳng lẽ trốn chạy trong mé sát-na. Nếu những Bậc hiền nhị thừa hồi tâm liền sinh đến đất vàng ròng, hạng phàm phu phạm tội ngũ nghịch chỉ nhất tâm niệm Phật mười niệm liền được sinh về thế giới Bảo liên.

Than ôi! Hiểu ý sai, nghiệp chướng nặng, lòng tin ít, nghi ngờ nhiều, chê bai Tịnh nghiệp là Quyền thừa, chê bai việc tụng trì là hạnh thô, há khỏi chìm vào nhà lửa ư? Một khi đã chìm trong bể lửa thì tự mình cam chịu, muôn kiếp đắm chìm. Làm trái lời dạy của đấng cha lành thì phải chịu đau khổ suốt đời, nên phải có lòng tin Phật. Nếu không nương vào tha lực dứt trừ tội chướng thì không biết nhờ đâu để dứt trừ? Nếu không gặp được pháp môn này, tu tập giải thoát sinh tử thì không phát thệ nguyện giống như chư Phật, nên theo lối mòn của chư Phật thuở xưa tu tập, sau khuyến khích những người tu Nhị thừa đã thật tôn sùng pháp môn này. Đã phát nguyện, đang phát nguyện, sẽ phát nguyện, làm bất cứ một công đức gì đều hồi hướng về cõi Phật Di-đà. Nếu đã sinh về cõi Tây phương, đang sinh, sẽ sinh về cõi Tây phương thì niệm niệm đều hồi hướng về Tịnh độ. Nếu muốn dùng việc trong một đời để giải thích thì cũng ở trong tất cả thời. Bởi lẽ, một ngàn chiếc xe đều lăn trên một con đường, trong bốn oai nghi, muôn điều lành hồi quy đồng lên diệu môn Cực lạc, mau thành Tam-muội niệm Phật, do vậy bước đầu tiên phải rõ ràng sau đó mới thẳng đường đến Tây phương.

1. Nhân địa của Phật A-di-đà.

Kinh Cổ Âm Vương nói: Trong kiếp quá khứ có nước tên Diệu Hỷ, vua nước ấy là Kiều-thi-ca, ông nội là quốc vương nước Thanh Thái, vua cha là Nguyệt Thượng Chuyển Luân vương, mẫu hậu là Thù Thắng Diệu Nhan. Hai người sinh được ba người con, con trưởng là: Minh Nguyệt, con thứ là Kiều-thi-ca, con út là Đế Chúng.

Lúc ấy, Đức Phật Thế Tự Tại Vương thị hiện ở đời, Kiều-thi-ca Phát tâm về nương Phật, lìa bỏ ngôi vị, đầu Phật xuất gia hiệu là Tỳ-kheo Pháp Tạng.

Kinh Đại Di-đà nói: Tỳ-kheo Pháp Tạng ở chỗ Đức Phật Thế Tự Tại Vương Phát tâm vô thượng, tất cả người thế gian không thể sánh bằng. Nhân lúc Đức Phật Thế Tự Tại Vương giảng về hai trăm mười ức

cõi nước chư Phật, Pháp Tạng cảm thấy thích ứng với tâm nguyện của mình liền cúi đầu lễ Phật, phát bốn mươi tám nguyện lớn (kinh này có chép)... "Nếu không được như vậy thì thề không thành Phật."

Lúc ấy mặt đất rung chuyển, chư thiên rải hoa đẹp, trong hư không đồng thanh khen ngợi rằng chắc chắn sẽ thành Phật.

2. Bổn nguyện nhân địa của Phật A-di-đà và Phật Thích-ca.

Kinh Bi Hoa nói: Trong kiếp xa xưa có vua Chuyển luân tên là Vô Tránh Niệm, đại thần tên Bảo Hải là Thiện tri thức. Hai vị cùng ở chỗ Đức Phật Bảo Tạng phát tâm Bồ-đề. Ngài Vô Tránh Niệm phát nguyện:

"Ta tu Đại thừa nguyện ở nơi cõi tịnh thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề. Chúng sinh ở cõi nước ta không có các khổ não. Nếu không tạo được cõi Phật như thế thì ta nguyện không thành Chánh giác." Nay đã mãn nguyện, hiệu là A-di-đà đang ở cõi Tịnh độ. Còn đại thần Bảo Hải nguyện ở ngay cõi uế trược giáo hóa thành thục chúng hữu tình. Nay đã mãn nguyện, hiệu là Thích-ca Mâu-ni ở trong cõi đời ô trược này chứng thành quả Phật Bồ-đề.

3. Phật giảng Chánh nhân Tịnh nghiệp cho Thánh hậu Vi-đề-hy nghe.

Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói:

Bấy giờ, bà Vi-đề-hy rơi lệ bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn, cúi mong Ngài nói rộng cho con nghe nơi nào không có lo buồn, con sẽ vãng sinh về đó, con không thích ở cõi đời dơ uế Diêm-phù nữa.

Lúc đó, Đức Thế Tôn từ giữa hai đầu chân mày phát ra ánh sáng chiếu khắp vô lượng thế giới ở mười phương. Các cõi nước của chư Phật đều hiện trong luồng ánh sáng ấy.

Vi-đề-hy xem xong bạch Phật rằng:

- Các cõi nước chư Phật tuy thanh tịnh và đều có ánh sáng nhưng nay con thích sinh về thế giới Cực lạc, chỗ của Phật A-di-đà, cúi xin Đức Thế Tôn dạy con tư duy, dạy con chánh thọ.

Phật bảo Vi-đề-hy:

- Cõi Phật A-di-đà cách đây không xa, bà hãy buộc niệm quán kỹ cõi nước kia. Nay ta sẽ nói rộng cho bà nghe, cũng khiến cho hàng phàm phu ở đời sau tu Tịnh nghiệp được sinh về cõi nước Cực lạc Tây phương. Người muốn sinh về cõi kia phải tu ba thứ phước:

1. Hiếu thảo, nuôi nấng cha mẹ, kính thờ sư trưởng, có từ tâm không sát hại, tu thập thiện nghiệp.

2. Vâng giữ ba quy y, giữ đủ các giới, không phạm uy nghi.

3. Phát tâm Bồ-đề, tin sâu nhân quả, khen ngợi Đại thừa, khuyên người tinh tấn tu tập. Ba điều này gọi là chánh nhân Tịnh nghiệp.

Phật bảo A-nan và Vi-đề-hy: Lắng nghe, lắng nghe, tư duy điều ấy.

4. Hiếu thảo nuôi nấng cha mẹ.

Niệm Phật là hạnh quan trọng trong các pháp, hạnh hiếu đứng đầu trong trăm hạnh; tâm hiếu là tâm Phật, hạnh hiếu là hạnh Phật. Muốn đắc đạo như chư Phật trước phải hiếu thảo, nuôi nấng cha mẹ. Thế nên Thiền sư Tông Trách nói: Hiếu là cánh cửa của những điều tốt đẹp, lời Phật lấy hiếu làm tông, kinh Phật lấy hiếu làm giới, trong lời nói không có sai lầm, miệng phát ra ánh sáng của giới ngay đó đốn khai tâm địa một cách rõ ràng. Hiếu có hiếu tại gia, hiếu xuất gia.

Hiếu ở tại gia thì được cha mẹ thương yêu, vui mừng và luôn nhớ nghĩ đến. Còn nếu con không hiếu thảo thì cha mẹ la rầy, buồn phiền nhưng không oán giận. Cha mẹ thường chìu ý con, hết lòng dạy dỗ và nuôi dưỡng.

Còn hiếu xuất gia thì cắt dứt tình thân ái, giã từ cha mẹ, ăn uống đạm bạc cốt để thâm nhập đạo lý vô vi, trên báo ơn sâu nặng, hướng đến con đường chính của Sự giải thoát, là con đường ngắn nhất báo đáp ân cha mẹ, không chỉ ở đời vị được lợi ích mà ngay đời hiện tại cũng được thành công. Vì thế, Đức Như lai vào lúc nửa đêm vượt thành xuất gia và chứng đạo trên đỉnh núi Tuyết. Ngài Tuệ Năng để lại tiền bạc và người mẹ già, nối pháp Tổ Hoàng Mai. Nhưng dùng giáo pháp để dứt ân ái thì phải tư duy báo đức. Thế nên Ca-tạp-tước, cha tuy già nhưng vẫn hết lòng lo lắng phụng dưỡng hầu hạ không để cha mẹ phải chịu cơ hàn thiếu thốn. Tất-lăng-già hết lòng giữ giới, Đại sư Nhẫn có nhà dưỡng mẫu, Trần Mục Châu dệt giày nuôi cha mẹ, Pháp sư Lãng cõng mẹ cha đi khắp nơi học đạo. Người xuất gia lấy pháp vị làm ngon ngọt mà không quên ơn bú mớm ẵm bồng của cha mẹ, lấy Phật sự làm cần lao mà chưa bỏ quên lễ nghi thế đế. Chẳng những báo ân cha mẹ trong một đời, mà cha mẹ trong nhiều đời cũng đều báo ân. Không chỉ độ cha mẹ hiện đời mà cha mẹ trong pháp giới cũng đồng độ lên bờ giác. Đâu chỉ xứng với Chu công mà khắp trời chỉ bày bến mê? Đạo hiếu của người xuất gia vượt qua sự thuần hiếu của cha chú. Thế nên lợi ích ấy rất rộng lớn. Còn nếu nhân duyên chưa đủ, cha mẹ không cho phép xuất gia thì ở tại gia hết lòng nuôi nấng cha mẹ, tinh tấn tu nhân xuất gia. Nếu được như vậy thì “Tục” mà “Chân” cũng có con đường thành Phật.

Cha mẹ luôn mong mỏi con mình nên người tốt, không phụ công dạy dỗ nuôi dưỡng của mình. Vì thế phận làm con phải hết lòng báo đáp công ơn sâu dày của cha mẹ.

Người xuất gia chứng đến quả vị Nhất thừa viên mãn, giúp cho Bồ-tát tại gia tu tập hiểu được chánh nhân niệm Phật, không còn nghi ngờ, còn những người xuất gia cao hạnh cũng nhờ đây mà noi theo. Bởi vì có những người chuyên tâm thờ Phật nhưng không hết lòng nuôi nấng cha mẹ, nhân thấy tấm gương này sinh tâm cảm động mà hết lòng hiếu thảo mẹ cha.

Than ôi! Thời gian dễ qua, ân cha mẹ khó quên. Cha mẹ còn sống như Phật còn tại thế, lấy đó báo đáp ân đức cha mẹ, viên thành công phu niệm Phật. Nên biết cha mẹ vui thì chư Phật vui, tâm này thanh tịnh tức là cõi Phật. Thanh tịnh có thể gọi là màu sắc hoang dã, không còn bị núi sông ngăn cách, ánh sáng mặt trời soi thẳng xuống đáy sông sâu.

5. Kính thờ sư trưởng.

Người xưa nói: Người sinh ra ta là cha mẹ, người dạy dỗ ta nên người là thầy bạn. Nên biết thầy là bậc đạo sư sáng suốt, hướng dẫn chúng ta ra khỏi đường mê; là ngọn đuốc tuệ trong ngôi nhà đen tối; là con thuyền trên biển khổ; là đôi mắt của trời người. Ân ấy lớn hơn cha mẹ; đức ấy sánh bằng trời đất. Do vậy, đệ tử phải hết lòng kính thờ sư trưởng, cho dù lìa bỏ thân mạng để cầu nửa bài kệ; chặt đứt cánh tay để thưa hỏi chân thừa; dùng thân làm giường ghế cho thầy ngồi suốt bốn mùa để kế thừa tôn chỉ, lìa bỏ tất cả kiến thức thế gian để học Bát-nhã, lao mình vào đống lửa để chứng Bồ-đề. Người xưa vì mến đạo nên quên mình, thờ thầy để được tu học, ngày nay chúng ta không cố gắng tu học ư?

Nên biết xuất gia thờ thầy để cầu chánh kiến, lúc tham vấn chớ khen ngợi tà tông, phải hiểu rõ nguyên do tội phước, xét đoán lợi hại của chánh, tà. Chánh thì thành Phật, tà thì thành ma. Tu tập mà không gặp thầy giỏi thì tu đến già cũng không được gì. Thế nên, Đức Như lai nói thầy là bậc cao cả không gì sánh bằng. Người xưa đã lìa bỏ tất cả để chọn thầy học đạo, còn ngày nay chúng ta sao không như thế? Huống chi đời mạt pháp, có nhiều tà sư, chúng ta muốn tu hành cũng không biết gần gũi ai, chỉ giữ chánh niệm. Phải hiểu rằng: Gặp được minh sư không phải dễ. Thế nên đệ tử kính thờ thầy tổ. Đồng với kính thờ Phật, có thể nói: Cúng dường bốn việc cần dùng cho dù muôn lượng vàng ròng cũng tiêu được.

6. Quy y Tam bảo.

Phật là bậc Đại sư của ba cõi, pháp là con mắt của chúng sinh; tăng là lục Hòa thượng sĩ, cũng là ruộng phước chân tịnh. Nếu trái với đây là tà, thuận theo đây là chánh, công năng của thần không bằng. Năng lực của bậc Thánh khó nghĩ bàn, việc dứt khổ, như trống có bôi thuốc, tên bắn thoát nạn, như gươm bén phá vòng vây, biến khổ thành vui, chỉ trong khoảnh khắc chuyển phàm thành Thánh. Thế nên tướng xe lửa hiện, nhờ quy y Tam bảo nên liền được mát mẻ; sắp đọa vào địa ngục, niệm danh hiệu Phật liền xa lìa khổ. Đức Phổ Minh cho các vua thoát khổ nạn mà không định công, Đế Thích khước từ uy nghiêm Đảnh sinh, năng lực của Bát-nhã cũng giống như vậy. Thế nên, Phật tử có tín tâm quy y Tam bảo, chân thật từ tâm đem hương hoa cúng dường Phật tăng, khen tụng truyền bá làm cho pháp bảo phổ cập nhân gian, chứa nhóm các công đức lành hồi hướng về Vô thượng Bồ-đề, độ khắp chúng sinh đồng sinh Tịnh độ. Há không thấy nói chim Ca-lăng-tần-già xưng niệm cũng được sinh về Tây phương. Chư Thiên, Đế Thích vui mừng phát thệ nguyện cầu Thánh đạo, đều có khả năng trên thành Phật, dưới thoát vòng khổ. Có thể gọi Thiền là đại quy, thơ là Phác, Đại Đường Thiên tử chỉ cho ba người.

7. Phát tâm Bồ-đề.

Quả Phật vô thượng gọi là Bồ-đề. Nếu ai phát tâm này thì chắc chắn thành Phật. Pháp môn Tịnh hạnh gọi là tu Tịnh độ. Người tu Tịnh độ phải phát tâm, khổ là do mình chán ghét ngũ trược, ưa thích chín phẩm hoa sen thì trái với tâm Bồ-đề, đó là nghe pháp môn này rồi hành trì chứ không phát tâm. Nếu là chúng sinh khởi tâm đại bi cầu về nước kia, mong mau thành đạo lực, thần thông trùm khắp hư không mười phương, cứu độ tất cả chúng sinh làm cho họ cùng thành Phật thì thuận với tâm Bồ-đề. Bồ-tát này tu tập nên phát tâm Bồ-đề, nay khuyên người khác tu Tịnh nghiệp. Hạng thượng lưu muốn được lợi mình, lợi người thì phải lập chí, đến trước Tam bảo chí thành dâng hương hoa, dốc lòng phát nguyện.

Nam-mô Phật, Nam-mô Pháp, Nam-mô Tăng. Đệ tử tên... hôm nay phát tâm rộng lớn không vì mình mà cầu phước báo trời, người, cũng không cầu Thanh văn, Duyên giác, cho đến Bồ-tát quyền thừa, chỉ y theo pháp tối thượng thừa phát tâm Bồ-đề, cầu nguyện cho cha mẹ hiện đời và cha mẹ nhiều đời, pháp giới chúng sinh, tất cả bà con xa gần đồng sinh về cõi Tịnh, đồng lên giai vị không lui sụt trên đường tiến đến quả vị A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề. Nói như vậy ba lần.

Lúc nào cũng nguyện, luôn giữ tâm như vậy, cho nên Thiện Tài

chỉ một đời chứng quả, Long nữ tám tuổi thành Phật. Bị đọa trong địa ngục mà phát tâm này thì liền vượt lên Thập địa. Sa-di khởi ý liền vượt khỏi Nhị thừa, có thể nói một khi quay đầu thì ân đức thấm nhuần muôn vật thêm sâu.

8. Thọ trì giới pháp.

Đã phát tâm Bồ-đề còn phải tu hạnh Bồ-tát. Đầu tiên thọ ba quy y, sau đó năm giới rồi dần dần tiến tu thập thiện đến viên mãn ba nhóm luật nghi. Các căn không bị ngoại cảnh lôi kéo, vâng giữ tất cả giới luật, các căn còn giao động trước ngoại cảnh thì chia ra thọ trì: mỗi năm có ba tháng tu tập, mỗi tháng có sáu ngày trai giới. Như vậy. Năm giới khó thực hành, còn bỏ hai giới uống rượu và ăn thịt thì dễ phạm mười tội trọng nên phải giữ giới không sát sinh. Nên biết nhiều hạt bụi tụ lại thành ngọn núi cao; sương rơi từng hạt ven sườn núi cuối cùng cũng về biển cả. Cho nên kinh Niết-bàn nói: “Phật còn tại thế thì tôn Phật làm thầy, sau khi Phật diệt độ thì lấy giới làm thầy.”

Kinh Phạm Võng nói: “Giới như ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, cũng như châu anh lạc, các vị Bồ-tát nhiều như bụi nhơ đều do giới mà thành Chánh giác.” Cho nên rồng không có tâm phạm giới sát, chó sói có ý trì trai, Tỳ-kheo khổ nhọc tiết chế đến nỗi cây cỏ cũng giúp đỡ. Cư sĩ Nga bệnh đến chết cũng không uống rượu, ăn thịt, cho nên biết gốc của các điều lành thì năm giới đứng đầu. Vua đã để lại cương kỷ để trị nước thì người Quân tử phải vâng giữ để lập thân, không thể tạo ra một cương kỷ thứ hai mà xa lìa năm giới, không thể trong khoảng khắc mà phát huy. Phật gọi là năm đức; Nho gọi năm thường, ở cõi trời gọi là ngũ tịnh; ở đất gọi là năm nhạc, ở người gọi là năm tạng; ở xứ gọi là năm phương. Nói rộng ra không chỗ nào mà không hợp nhất; ngửa mặt trông lên, cúi xuống sát đất đều chẳng thể thêm được. Cho nên Pháp Uyển Châu Lâm nói: Ở thế tục còn có nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, bao gồm trong nhận thức riêng: sát, đạo, dâm, vọng, tửu. Đạo và tục tuy trái nhau nhưng giáo lý gần như thông nhau. Trong chánh pháp dạy: Tất cả mọi việc chắc chắn bắt đầu từ Nhân. Đây là thật pháp, chỉ cho Sự, lời thẳng thắn không dựa vào lời nói trau chuốt mà nói sai ý hiện thực. Như thế mà tu nhân, không mong quả mà chứng quả, là từ tu nhân mà vào đạo, chứ không muốn trau chuốt ngôn từ cho hay. Nay giữ được giới không sát sinh, không cầu lòng nhân từ mà lòng nhân vẫn hiển bày ở sự giữ giới; giữ giới không trộm cắp, không vui vì nghĩa tình mà tình nghĩa vẫn trang trải; giữ giới không dâm dật, không cầu lễ nghi mà lễ nghi vẫn có; người giữ giới không nói dối, không chuộng chữ tín mà vẫn được người

tin tưởng; người giữ giới không uống rượu, không tu trí mà trí vẫn sáng ngời. Chẳng những luật đã ngăn phòng những điều sai lầm mà còn lấy đó để giữ nước dạy dân. Người muốn tu Tịnh hạnh thì phải giữ gìn giới căn. Có thể nói muôn điều lành đều hoà dung, đồng với cõi Phật. Mọi người hớn hở vui hòa, an hưởng thái bình.

9. Từ bi không giết hại.

Loài noãn sinh, thai sinh, thấp sinh, hóa sinh; những loài côn trùng, chim bay thú chạy v.v... đều sẽ là những vị Phật tương lai, hoặc là cha mẹ nhiều đời của chúng ta. Họ đều ưa sống sợ chết, tham cuộc sống an nhàn, tránh né khổ nhọc, ham thích thân mình. Tất cả các loài hữu tình ấy đều cầu mong một cuộc sống an ổn để nuôi thân mạng mình. Nếu phân tích lý do thì có cả ngàn, sao ta nỡ nghe tiếng kêu đau thương mà cầm dao đâm vào mình nó; mắt chằm chằm đuổi theo con vật đến cùng. Hoặc căng lưới nhử thú mắc vào, hoặc giăng bủa lưới ở các ngọn đồi, hoặc đốt lửa trên đỉnh núi để trên cao không thoát dưới thấp cũng không biết chạy đi đâu; khói bay mịt trời, chim cắt, ngựa không ngừng tranh nhau tuôn chạy để săn bắt. Vượn trông thấy cung tên thì hồn bay phách lạc, nhạn nhìn thấy dây cung thì rớt tim bể đầu đổ não, đau thấu tận tim gan, làm sao chịu được tình cảnh này, huống tất cả mọi loài cùng bẩm thọ năm hành; đều gồm chứa bốn tượng, đồng thấm nhuần Phật tánh, đồng có thần minh, làm sao nỡ phơi bày núi thịt này, bắt lấy thú vật xẻ thịt lột da, nấu nướng ăn cho Sướng miệng, thỏa thích lòng tham. Họ không biết cắt đứt mạng sống sinh vật là làm cho thân Phật ra máu. Ăn thịt chúng sinh có lẽ nào không phải là thân cha mẹ; tạo nghiệp sát hại quá sâu dày làm dứt mất hạt giống từ bi thì lúc còn sống phước thọ sẽ ngầm tiêu mòn, sau khi chết bị đắm chìm trong núi đao rừng kiếm. Hết nghiệp ấy trở lại làm thân heo, gà, cá, thỏ... lần lượt bồi thường tội giết hại, nấu nướng này, nhân quả giống nhau, quán sát kỹ ăn thịt có thể nói là đáng sợ, dù cho tiêu thụ thịt ở nhà đồ tể cũng khó tránh khỏi tội nặng. Vì thế hàng Bồ-tát thà chịu chẻ xương chứ không ăn thịt chúng sinh. Thế nên thỏ trắng đốt thân mà vị tiên vẫn không màng đến; cỏ cây còn không nhổ huống chi là nếm mùi vị thịt chúng sinh. Người có lòng Từ bi thường tránh xa việc bếp núc, họ nghe tiếng kêu đau thương của nó, không nỡ ăn thịt. Còn như nuôi súc vật để bán cũng giống như khẩu giết tâm ăn. Bậc đại Thánh rủ lòng Từ bi cho nên chế giới để dứt trừ sát hại. Như vậy đức ấy rất lớn. Thế nên người tu Tịnh độ phải giữ giới, mới được gọi là không tham đắm hương vị, mới là rồng ở đầm báu.

10. Tu thập thiện nghiệp.

Ôi! Huyền yếu của Đại thừa vốn không lìa nhất tâm, chánh nhân Tịnh nghiệp trước phải tu thập thiện, dứt trừ bảy tội nặng của thân, miệng. Bảy hành vi này thành tựu thì diệt trừ được gốc rễ ba độc (tham, sân, si) của ý thức, ba học đầy đủ. Trong kinh A-di-đà nói: Người cầu sinh Tịnh độ phải tu. Trong kinh Hoa Nghiêm nói: Bậc Ly Cấu Địa có khả năng gần gũi trời, người, cho đến cõi trời Hữu Đảnh thì phải lấy Thập thiện làm duyên thọ sinh. Hàng Thanh văn cho đến quả vị Phật cũng do thập thiện làm gốc mà vào đạo. Nếu không vâng theo lời Phật dạy thì đọa vào ba đường. Nếu được thân người lại gặp hai thứ ác báo, đều do không tu thập thiện. Kính thờ thập thiện làm mười giới chính là nền tảng của Tịnh độ, khuyên mọi người thường tu thập thiện. Thực hành pháp môn này là vườn pháp của Bồ-tát khiến cho mọi người an trụ trong vườn pháp ấy, có thể đến đại thành vô úy để chứng đến địa vị không lui sụt. Công đức lớn không thể suy nghĩ bàn luận. Đây là điều Phật tử nên học.

11. Tin sâu nhân quả.

Giữ tâm trong sạch để đạt đến đại đạo, tin sâu nhân quả thế gian, bước theo con đường huyền diệu. Nghiên cứu tường tận cội nguồn ấy, chắc chắn phải ở yếu chỉ này. Về mặt dụng thì đối với tâm pháp gọi là tâm. Tâm ấy càng đủ muôn hạnh hội thông nơi chúng sinh. Bởi vì lấy tâm vô thường để chuyên chở thiện ác, thay nhau dùng tội phước làm ảnh hưởng, cho nên nhân quả không trái nhau. Thế nên, biết cảnh động gọi là nhân; do cảnh động thức sinh gọi là duyên, duyên khởi thì có tướng nghiệp, có nghiệp thì chắc chắn có quả báo. Cho nên nhân thiện, ác ở thế gian, cũng là cái quả bốn sinh, chín hữu, ba cõi, sáu đường ở đời sau. Pháp môn niệm Phật là nhân xuất thế gian, chín phẩm hóa sinh Tịnh độ thành Phật là quả xuất thế gian. Đối với nhân quả trên thì trong tâm đã rõ nên không ưa thích pháp thế gian. Còn đối với pháp xuất thế gian thì tâm, hạnh không trái nhau; niệm niệm không quên Tịnh độ, tâm tâm không lìa chữ Di-đà. Vì sao biết như vậy? Vì như nay niệm Phật là nhân, lúc qua đời được về Tịnh độ là quả. Phải tu nhân lành thì mới được quả quý. Điều đó không sai.

Ôi! Thiện ác, khổ vui đều do Tam nghiệp gây nên, do bốn duyên sinh ra, nhân sáu đường thành tựu thì thuộc về năm quả. Nếu một niệm sân nhuế khởi lên tức là nghiệp địa ngục; san tham là nghiệp ngạ quỷ, ngu si ám độn là nghiệp súc sinh, ngã mạn cống cao là nghiệp A-tu-la; giữ chắc năm giới là nghiệp của người, tu thập thiện là nhân của cõi trời; chứng ngộ nhân không là nghiệp Thanh văn; biết tánh duyên khởi

là nghiệp Duyên giác; Lục độ cùng tu là nghiệp Bồ-tát. Chân từ bình đẳng là nghiệp Phật. Nếu tâm tịnh thì liền hóa sinh về cõi thanh sạch, hương thơm, cây báu; Tâm uế thì rơi vào cõi nhơ uế, hầm hố gò đồi. Chịu thân hình nào đều là quả báo đẳng luân, thường cảm duyên tăng thượng. Thế nên xa lìa tâm xấu để được hình thể tốt đẹp. Kinh Duy-ma nói: Muốn được cõi thanh tịnh phải rửa sạch tâm mình, nên biết tất cả duy tâm, vạn pháp duy ngã. Ta muốn được quả tịnh thì phải tu nhân tịnh. Nên biết: Xiển-đề bị tà ma xúi giục nên tâm uế khởi lên, phải đọa vào địa ngục một ngàn kiếp. Người phỉ báng nhiễu loạn, không tin nhân quả là quyến thuộc của tà ma. Quán xét quả báo như bóng theo hình, tin nhân quả thì không dám làm điều sai trái.

12. Đọc tụng kinh điển Đại thừa.

Đã mến cảnh Tây phương nên cầu liễu nghĩa Đại thừa. Trong bóng tối có vật báu mà không có đèn soi thì cũng không hề biết được. Gương cũ bụi phủ đầy, nếu không lau chùi thì làm sao sáng? Đọc tụng kinh điển Đại thừa, Tam nghiệp thanh tịnh được nhất tâm; tôn kính Đức Phật, gần gũi bậc Thánh, thâm nhập kinh tạng, tâm khen ngợi đọc tụng thọ trì kinh điển mà hiện đời không đắc đạo thì cũng giống như cây thông mọc trên đỉnh núi cao chót vót, nhờ nhân tốt mà được xanh tươi và có nhiều lợi ích cho đời, còn cây quế sống trên đỉnh núi một trận mưa nhỏ thấm nhuần mới đơm bông tỏa hương, hoa sen mọc trong bùn lầy nhưng không bị bụi trần làm ô nhiễm. Tuy tánh hoa sen tự trong sạch và bản chất cây quế vốn cao quý đều do chỗ nương tựa (đất). Cao thì vi diệu, muôn vật đều có chỗ nương nhờ, đục trong không thể thấm vào.

Ôi! Cỏ cây vô tri còn nhờ điều lành mà thành. Con người có ý thức mà không nhân tâm để chứng tâm Phật, há không nghe Ngài Trí Giả tụng kinh Pháp Hoa thấy hội Linh Sơn chưa tan. Ngài Khuê Phong tụng kinh Viên Giác bổng nhiên tâm địa thanh thoát, đạt lý quên tình, khắp am khế hợp với yếu chỉ của kinh Hoa Nghiêm. Nghe câu "ưng vô sở trụ" Lục Tổ ngộ tông Bát-nhã. Hãy nhìn lại những bậc tiền bối mà noi theo. Người đời nay há có thể không học mà gọi là qua sông ư? Muốn qua bờ bên kia phải nương vào mái chèo, khi đến bờ thì không cần thuyền nữa.

13. Khuyên người tinh tấn.

Người mới học Phật, thì tâm đại bi là con đường chính của Bồ-tát hạnh lợi tha phải tu tập tinh tấn mới là Tịnh nghiệp. Do đây các Bậc hiền đời Tấn cầu sinh về nước An dưỡng, hải chúng ở mười phương đều ưa thích lìa bỏ cõi Ta-bà. Than ôi! Sinh tử khó trốn tránh, vô thường

qua nhanh, có thể nào không kính mến và tu tập theo những bậc trí tuệ để dẫn dắt con cháu đời sau ư? Khuyên một người, hai người, cho đến nhiều người tu theo pháp môn này, mỗi ngày niệm một câu cho đến ngàn câu danh hiệu Đức Phật sẽ đến được chỗ nhiệm mầu của cõi Cực lạc. Mỗi ngày niệm một ngàn danh hiệu Phật, chứa nhóm cho đến một tháng, một năm thì niệm được ba mươi sáu vạn câu danh hiệu Phật. Cứ chứa nhóm dần dần cũng đến được đất Phật. Mỗi ngày làm một việc lành nhỏ, chứa nhóm đến một tháng, một năm thì có ba trăm sáu mươi việc lành, cứ chứa nhóm lần lần thì cũng bằng người quân tử. Kẻ ngu kẻ tiểu nhân, không chịu sám hối thì cũng giống như cầm thú, do không học cũng không khuyên người học. Kinh nói: Nếu có người dùng bảy chất báu trong bốn thiên hạ cúng dường Phật, Bồ-tát, Duyên giác, Thanh văn được phước đức rất nhiều, nhưng không bằng người khuyên người khác niệm danh hiệu Phật một câu, phước đức ấy rất lớn. Ấy là những điều Đức Thế Tôn khuyến khích tu tập. Cũng nói rằng: Mình muốn lập chí cũng muốn người lập chí, mình muốn thành đạt cũng muốn người thành đạt. Đây là sự khuyến tấn cố gắng của Trọng Ni. Do vậy chúng ta phải cố gắng cùng nhau niệm Phật, tôi luyện tịnh hạnh, hoặc vào tháng giêng, tháng năm, tháng chín cùng nhau nhóm họp lại để tu tập hoặc nửa năm, một năm, ba năm là một kỳ niệm Phật để trồng sâu thiện căn, đồng hồi hướng công đức này đến tất cả mọi người, nguyện họ thường làm bạn đạo với mình. Nếu có ai thoái chí rút lui thì cùng nhau khuyên bảo động viên họ, còn nếu ai nguyện lìa bỏ phàm tục tu tập thì quan tâm gần gũi. Tuy không thể hoằng giáo lợi tha nhưng cũng có thể ôn cũ biết mới, lẽ nào thấy người nghèo mà không bố thí một xu? Người xứng đáng được nhận ân huệ để làm lợi ích cho người mà ta cũng không nói giúp một câu. Người kia lẽ nào không biết tài thí cứu được sự nghèo thiếu trong một đời; bố thí thức ăn thì cứu được thân mạng trong một ngày, pháp thí thì giúp người ra khỏi trần thế; công đức ấy rất lớn không gì so sánh. Tài thí như ánh sáng ngọn đèn chỉ chiếu sáng một gian phòng; pháp thí giống như ánh sáng mặt trời chiếu soi cả đại thiên. Sẻn pháp không khuyến khích người khác tu thì nhiều kiếp đọa vào địa ngục hắc ám. Tự mình thúc liễm thân tâm và thực hành hóa đạo thì hiện đời là A-di-đà, dám mong vận dụng lòng từ khuyến khích mọi người đồng phát tâm bi này, nguyện kết Tịnh duyên này, nhổ gốc khổ đắm chìm, vượt thoát luân hồi, mau lên Tịnh độ để báo ơn Phật. Có thể gọi là người chưa được độ khiến cho được độ.

LÔ SƠN LIÊN TÔNG BẢO GIÁM

QUYỂN 2

NÓI VỀ CHÁNH GIÁO CỦA NIỆM PHẬT

Pháp giới vốn không có chúng sinh; có chúng sinh do vọng kiến. Như lai vốn không ngôn giáo; có ngôn giáo là vì hữu tình. Vọng kiến là bệnh của chúng sinh; dùng lời nói để cảnh tỉnh vọng tâm thì vọng tâm được cảnh tỉnh. Hàng ngày phàm phu thường dùng tâm vọng mà không biết. Lời của Như lai rất ít có, cho nên Đấng Năng Nhân Đại Giác thương chúng sinh chưa ngộ, rủ lòng đại Bi đưa ra khuôn phép nhiệm mầu. Dạy yếu chỉ đốn ngộ, trong kinh Hoa Nghiêm nói: hàng Thanh văn nghe còn giống như đui như điếc. Kinh A-hàm nói: Bồ-tát không mong được lợi ích; kinh Phương Đẳng khen ngợi pháp môn niệm Phật; kinh Đại Bát-nhã thì nêu cao trí tuệ, trở về tánh không; kinh Niết-bàn: Đường đi khác nhau nhưng mục đích giống nhau, kinh Pháp Hoa thọ ký rộng khắp. Tất cả các kinh như thế đều thiên về khen ngợi Tây phương. Bởi vì nguyện lực của Phật A-di-đà rất rộng lớn, nhân duyên mạnh mẽ, giáo pháp tôn quý, chân lý đầy đủ. Người tu theo giáo nghĩa này sẽ đến cõi Phật, về nơi đất báu, ao hoa thắng diệu trang nghiêm, khiến cho hành giả ưa thích cõi ấy, chán ghét cõi Ta-bà này. Nghĩa lý ấy chỉ ra tự tánh Di-đà, niệm niệm tròn sáng, tâm tâm Thật tướng giống như trăm sông đều chảy về biển cả. Thực hành pháp môn ấy, mở bày mười sáu pháp quán thâu nhiếp tâm diệu cảnh, hiểu rõ tánh tướng là không, giống như gương sáng soi rõ hình bóng mình; quả chín phẩm lần lượt hóa sinh, thâu nhiếp tất cả hạng lợi căn và độn căn đồng chứng lên giai vị không lui sụt, đến vô thượng Bồ-đề.

Thế nên, chúng sinh chín cõi dùng tâm vô sở đắc tu diệu hạnh để sinh về cõi Phật cũng là hợp nghi. Bản hoài xuất hiện ở đời của Như lai là độ hết tất cả chúng sinh, thiên về khen ngợi là có yếu chỉ của nó.

Thật ra, yếu môn của trăm ngàn Tam-muội là nói thẳng cảnh giới nhất quán, nói về sự nghi thì sám hối lục căn, trừ sạch Tam nghiệp.

Nghiên cứu tông chỉ thì không có muôn pháp, hiểu rõ nhất tâm là con thuyền vượt qua biển khổ, là thuốc hay cứu người bệnh nặng. Người tin lời này là khai tâm bổn giác, ra khỏi khổ ngủ trược, đạt đến chân Tịnh độ, hiểu rõ tánh Di-đà. Như vầng trăng sáng trên hư không, như hoa sen không dính nước. Cho nên Liên giáo lấy hoa sen làm tên. Dương Vô Vi nói: Hoa sen mọc từ bùn dơ, như việc không bỏ thế giới chúng sinh, chỗ nhiễm ô phơi bày thể tánh thanh tịnh. Hoa có hạt chẳng phải cảnh ma. Hoa quả đồng thời, nhân quả như một. Hoa nở sen hiện, bày quyền hiển thật. Hoa rụng, sen thành, bỏ quyền lập thật. Một hoa sinh vô lượng hoa, kiến lập tất cả các pháp. Thập phương đồng ẩn trong một hoa, chỉ bày cảnh Phật không khác. Nghĩa của Liên giáo chính là được mất, cho nên phát khởi lòng Từ, vận dụng tâm Bi đi khắp trong thế giới Thường quang. Giới châu nghĩa hải là biển cả chứa vị giải thoát, cho nên trời rồng hộ trì, vua quan cung kính, xưa nay không biếng trễ, tất cả sĩ thứ đều kính mến môn phong giáo hóa này. Nếu không phải nguyện lực đại bi vỗ về thương xót thì người nào có khả năng đến đó được? Thế nên, Ngài Long Thọ luận chứng điều này, Ngài Phổ Hiền tu theo pháp môn ấy, Ngài Thiên Thai quyết chọn pháp môn này, Ngài Từ Ân thông tán, Ngài Từ Chiếu nhóm họp các Bậc hiền đức lại để cùng nhau sám hối, Ngài Tông Thản sớ giải. Túc Nạp là một danh Nho nhưng vẫn mến mộ pháp môn niệm Phật nên có Bảo Châu tập, những Cao Hiền, Đạt sĩ tu tập pháp môn này, ở đây chỉ nêu sơ lược đề mục.

Đại pháp đi đến chỗ suy giảm, con người cách xa bậc Thánh. Người thờ Phật rất ít, phần đông đều mưu cầu đạo để tranh giành danh lợi về mình, xem truyền bá là trò chơi trẻ con. Do vậy khiến cho pháp môn điêu tàn, suy yếu, làm đảo lộn cương yếu giáo môn. Thế nên các Bậc hiền đời sau phải có trách nhiệm với giáo môn mình. Khắp mong vì pháp quên mình, nên giữ tâm trong sạch nương tựa vào thầy; vì muốn cầu thông hiểu chân thừa nên phải gần gũi cổ điển (sách xưa) Vâng theo lời dạy của các bậc Thánh mới có thể hiểu rõ nghĩa lý. Đã hiểu rõ nghĩa lý rồi thì mới tu tập, hạnh nguyện không thiếu, đạo quả mới có thể chứng. Nên biết: Tai nghe, mắt thấy phải nương vào bốn pháp, cùng tư duy tu tập. Nếu miệng tụng, tâm buông lung, thì cho dù hiểu cả ngàn chương cũng có ích gì? Ở đây thì tâm dùng giáo quán chiếu, Phật thì dùng niệm giữ gìn; chẳng phải dùng giới ngăn ngừa, tội căn cứ vào sám hối mà được rửa sạch, đạo do thực tiễn, động dùng lễ hành; gần thì mong được lập thân nổi tiếng; xa thì mong chuyển phàm thành Thánh, phát huy đạo của Phật Tổ, bỏ rơi bọn ta là ai? Cầm dao trí tuệ cắt dứt

lưới ma, uống nước cam lồ chánh pháp, chặt rừng rậm tà kiến, tránh bạn ác như tránh hổ báo; tôn trọng bạn hiền như tôn trọng cha mẹ; cẩn thận giữ gìn chí tiết không lui sụt. Người có đại tâm chánh giác đáng tôn trọng; người có hành vi không đúng với đạo thì ta không noi theo. Nếu ta có lỗi thì phải mau sửa đổi; làm được việc tốt chớ có khoe khoang. Được như thế thì tự nhiên tránh xa tai họa; lễ nghĩa hội đủ; hiện tại đang ở trần thế thì được người kính trọng, trời che chở, một ngày kia sinh về Tây phương Tịnh độ thì các bậc Thánh trông chờ, đạo nghiệp thành đạt, đâu thể ở nơi hình tướng hỏi vận mệnh rồi dua nịnh để cầu thời vinh quang thành đạt. Đâu cần phải xem cảnh đoán vận số, bói toán cả ngày. Vì việc này chẳng phải là kiến thức của đạo nhân mà là vọng tình của phàm phu. Thế nên chớ vọng cầu nơi người khác, phải nương vào bổn phận của mình. Ở đời nên nhân mà không nhượng, thấy người khác vãng sinh thì cũng tu làm sao cho mình được vãng sinh, danh lợi không làm lay động hoài bão, sinh tử không đáng nhọc nghĩ suy. Muốn công thành chí toại thì sẽ được trọn vẹn. Do vậy phải nghiệm quả để suy nhân; tin có làm là có quả báo; trí tuệ đầy đủ thì chiếu soi mê mờ, ánh sáng đầy đủ thì phá tan bóng đêm, lời nói đúng pháp thì việc làm thường an vui, đức nghĩa đáng tôn trọng; tiến thoái có thể đo lường; phân biệt điều đúng, điều sai giống như thử vàng và đá, trừ mê mờ soi sáng muôn vật, giống như chiếu ngọn đèn chánh pháp ở thế giới Ta-bà. Đây là điều đấng đại Tôn Sư làm người bạn không mời, lấy ra vật báu dưới cung rồng, ban đều cho tất cả chúng sinh, mở cánh cửa môn phong của Tổ để những người sau trừ sạch bệnh tà kiến, chỉ cho họ pháp trở về nguồn mầu nhiệm, khiến cho gương mờ sáng lại, giống như áo bẩn mà giặt sạch khiến cho chân phong hưng thịnh, phước đến đại thiên, khiến cho mặt trời trí tuệ sáng hơn xưa, có thể gọi là đệ tử chân chánh của Đấng Pháp vương; có thể gọi là đại trượng phu, đó là phụng thờ giáo pháp Đại Thánh Tây phương, đâu có gì hổ thẹn?

1. Phật giảng pháp môn niệm Phật cho vua cha nghe.

Kinh Bảo Tích nói: Vua cha của Thế Tôn đảnh lễ dưới chân Phật, nhất tâm chấp tay mà bạch Phật rằng: Phải tu hành thế nào để được đạo của chư Phật?

Phật bảo: Tất cả chúng sinh đều là Phật, đức vua hãy niệm danh hiệu Phật A-di-đà ở thế giới phương Tây. Hãy tinh tấn tu tập sẽ được Phật đạo. Vua hỏi:

- Vì sao nói tất cả chúng sinh đều là Phật?

Phật đáp:

- Bởi vì tất cả các pháp không sinh, không dao động, không lấy, không bỏ; không có hình tướng, không có tự tánh, đức vua hãy an trụ tâm mình trong pháp của chư Phật này, chớ tin ở người khác. Bấy giờ, vua Tịnh Phạn cùng bảy muôn người dòng họ Thích nghe Phật nói pháp rồi tin hiểu vui mừng, ngộ Vô sinh nhẫn. Phật mỉm cười nói kệ. Dòng họ Thích chắc chắn được trí tuệ cho nên chắc chắn sinh tín tâm đối với Phật pháp, an trụ trong cõi người; sau khi qua đời sinh về cõi nước An lạc, tận mặt thấy Đức Phật A-di-đà, không còn sợ hãi, chứng thành Bồ-đề.

2. Thiện Tài tham vấn năm mươi ba vị Thiện tri thức, đầu tiên là tham kiến Tỳ-kheo Đức Vân, nghe giảng pháp môn niệm Phật.

Phẩm Nhập Pháp Giới trong kinh Hoa Nghiêm chép: Tỳ-kheo Đức Vân nói với Thiện Tài rằng:

- Này thiện nam! Ta được tự tại quyết định giải lực, tín nhãn thanh tịnh, ánh sáng trí tuệ chiếu soi, quán khắp cảnh giới, lìa tất cả chướng, đầy đủ hạnh thanh tịnh. Đến khắp mười phương cúng dường chư Phật, thường nhớ nghĩ tất cả chư Phật Như lai, tổng trì chánh pháp của tất cả chư Phật, thường gặp tất cả chư Phật, tùy theo tâm ưa thích của chúng sinh mà thị hiện giúp họ thành chánh giác, ở trong đại chúng rống lên tiếng rống sư tử.

Này thiện nam! Ta chỉ được sự nhớ nghĩ này, tất cả cảnh giới chư Phật, ánh sáng trí tuệ thấy khắp pháp môn, đó là: Trí quang phổ chiếu niệm Phật môn, Linh nhất thiết chúng sinh niệm Phật môn, Linh an trụ lực niệm Phật môn, linh an trụ pháp niệm Phật môn, chiếu diệu chư phương niệm Phật môn, Nhập bất khả kiến xứ niệm Phật môn, Trụ ư chư kiếp niệm Phật môn, Trụ nhất thiết thời niệm Phật môn, Trụ nhất thiết sát niệm Phật môn, Trụ nhất thiết thế niệm Phật môn, Trụ nhất thiết, cảnh niệm Phật môn, Trụ tịch diệt niệm Phật môn, Trụ viễn ly niệm Phật môn, Trụ quảng đại niệm Phật môn, Trụ vi tế niệm Phật môn, Trụ trang nghiêm niệm Phật môn, Trụ năng sự niệm Phật môn, Trụ tự tại tâm niệm Phật môn, Trụ tự nghiệp niệm Phật môn, Trụ thần biến niệm Phật môn, Trụ hư không niệm Phật môn.

3. Bồ-tát Trí Thủ nói về niệm Phật.

Kinh Hoa Nghiêm nói: Trong tất cả oai nghi thường nhớ nghĩ công Đức Phật, đêm ngày không dừng nghỉ. Việc như thế nên làm.

4. Đại sĩ Long Thọ khuyên niệm Phật.

Luận Đại Trí Độ ghi: Phật là Đấng Pháp Vương vô thượng, các Đại Bồ-tát là pháp thần. Người được chư thần tôn trọng chỉ có bậc Pháp vương, cho nên Bồ-tát phải nên niệm Phật.

Lại ghi rằng: Có các Bồ-tát tự nghĩ lại mình xưa kia đã hủy báng Bát-nhã đọa vào đường ác trải qua vô lượng kiếp, tuy tu các pháp môn khác cũng chưa thể thành đạt được. Sau cùng gặp bậc Thiện tri thức dậy tu pháp niệm Phật Tam-muội liền đắc đạo, diệt trừ tội chướng mới được giải thoát. Lại nói kệ rằng:

Nếu người mong làm Phật
Tâm niệm A-di-đà
Tức thời sẽ hiện thân
Nên ta quy mạng lễ.

5. Niệm Phật có bảy công đức cao quý.

Cam Lộ Sớ nói:

1. Từ thiểu dị hành thắng: Chỉ xưng một câu "Nam-mô A-di-đà Phật", mọi người đều niệm được.

2. Niệm duyên Phật cảnh thắng: Nhất tâm duyên niệm tướng tốt của thân Phật thì cõi nước thanh tịnh là đất.

3. Ly nạn hoạch an thắng: Chư Phật Bồ-tát che chở người niệm Phật, không có các hoạn nạn, an vui tốt lành.

4. Xưng danh diệt tội thắng: niệm Phật một câu diệt trừ tội nặng trong tám mươi ức kiếp sinh tử.

5. Trì niệm hoạch phước thắng: Xưng niệm một câu danh hiệu Phật, phước đức hơn cả phước đem bảy chất báu trong thiên hạ cúng dường chư Phật và A-la-hán.

6. Quả cảm kiến Phật thắng: Chúng sinh niệm Phật chắc chắn được thấy Phật.

7. Thân nghinh vãng sinh thắng: Hóa thân Phật và Bồ-tát phát ra ánh sáng đón rước hành giả vãng sinh Tịnh độ.

6. Pháp môn tu trì.

Cảnh giới vô vi dứt bặt tên gọi. Nếu có sắc tâm hữu lậu thì phải dựa vào tu chứng chân như bao gồm các đức, phương tiện có nhiều môn. Trên từ lìa tướng bình đẳng, dưới đến xưng danh mười niệm, thảy đều không lìa Tam Thừa. Vãng sinh thầm hợp với chín phẩm; hữu niệm rốt cuộc cũng trở về vô niệm; hữu sinh thẳng đến vô sinh. Có thể nói một câu A-di-đà mọi căn cơ đều thích ứng.

7. Pháp môn lìa tướng niệm Phật Tam-muội vô trụ.

Tông chủ Từ Chiếu nói: Tam-muội về lìa tướng niệm Phật, người có trí tuệ thượng căn ngộ sâu lý này thường vận tâm bình đẳng như hư không, không có tướng ngã, nhân, chúng sinh và thọ giả. Kinh nói: "Lìa tất cả các tướng là chư Phật."

Luận nói: Ta vì chấp bên trong là nhân, bên ngoài là chúng sinh, cái theo trước là năng thọ, cái theo sau là nghĩa. Đã không có tâm chấp trong ngoài, trước sau thì tất cả tướng đều vắng lặng.

Kinh nói: Biết không có ngã, nhân thì ai chịu luân chuyển, cũng không có thân tâm để chịu sinh tử kia, cho nên gọi là "Tam-muội lìa tướng niệm Phật". Đây là thấy bản tánh của tất cả chúng sinh giống như Phật Di-đà. Đã không chấp hai bên hữu tướng và vô tướng, cũng không có thuyết thường kiến và đoạn kiến là niệm niệm Di-đà vượt ra thế giới, nơi nơi đều là Cực lạc. Hiện tiền như thế, niệm là niệm của vô niệm, niệm là sinh của chân như vô sinh, sinh là Thật tướng. Nên biết vô niệm tức là ly niệm, Thật tướng là vô tướng, vô tướng là vô trụ, vô trụ là vào cảnh giới Phật. Đây là đạo Vô thượng chánh chân Đại Bồ-đề. Nếu đến địa vị này tức là vô tu vô chứng, không có sinh tử để giải thoát; không có Niết-bàn để cầu, tánh tướng đều không, phàm Thánh bình đẳng; không có Phật đạo để thành, không có chúng sinh để độ; không có điều kỳ diệu để đắc. Không có một pháp đã có, không có một pháp mới thành. Tự tha đều bặt dứt, sự lý không ngại, mỗi hạt bụi đầy đủ, mỗi cõi đều toàn bày pháp vốn như vậy. Suy nghĩ bàn luận cũng không đến được. Có thể gọi là một con đường đến cửa Niết-bàn của các Đức Bạc-già-phạm ở mười phương.

8. Pháp môn niệm Phật Tam-muội tam quán của Ngài Thiên Thai.

Nắm không tròn, rải ra không bung
Xem đi xem lại thành ngớ ngẩn
Người người nếu đến đất ngớ này
Ba quán vốn dĩ là họa thai.

Đại sư Trí Giả nói: Giáo lý của chư Phật đã nói rõ chẳng phải quán hạnh, chẳng phải vì trở lại bản tánh mới căn cứ vào lý nhất tâm ba đế chỉ ra "ba chỉ, ba quán", mỗi một quán tâm, niệm niệm không thật có. Trước hết quán không, kế đến quán giả, sau cùng quán trung, lìa hai bên, quán nhất tâm, giống như trăng ra khỏi mây. Đây là hành tướng của Biệt giáo. Lại nói: Phá tất cả hoặc chẳng gì hơn không; lập tất cả pháp chẳng gì hơn giả. Rốt ráo tất cả tánh chẳng gì lớn hơn trung. Cho nên nói một trung tất cả trung, vô giả, vô không; vô bất trung; không, giả cũng như vậy, tức là hành tướng của Viên giáo. Như ba điểm của chữ "Y" Tây Thiên, ba mắt của trời Thủ-la, chẳng phải dọc, chẳng phải ngang, và khác nhau. Cho nên ba quán viên thành pháp thân bất tố tức là khác xa với cùng tử. Bồ-tát Long Thọ nói kệ rằng:

Pháp do nhân duyên sinh
Ta nói tức là không
Cũng gọi là giả danh
Cũng gọi nghĩa trung đạo.

Đây tuy khác với kinh Lăng-nghiêm, kinh Viên giác nói ba quán: Xa-ma-tha, Tam-ma-bát-đề, Thiền-na, danh mục tuy khác nhau nhưng đồng đi đến một điểm. Cũng gọi là ba đế, là đức tánh của thiên nhiên.

Trung đế: Bao gồm tất cả các pháp.

Chân đế: Dứt bặt tất cả pháp.

Tục đế: Lập tất cả pháp.

Đưa ra một tức là ba chẳng có trước sau, hàm sinh sẵn đủ, chẳng phải sở đắc của tạo tác. Bí tàng không hiển bày vì bị ba hoặc che lấp. Vô minh che lấp pháp tánh, trần sa chướng ngại việc hóa đạo; kiến tư làm trở ngại vắng lặng. Nhưng ba hoặc này là hư vọng về mặt thể. Do đây lập ra "Ba quán", phá "Ba hoặc", chứng "Ba trí", thành "Ba đức".

Không quán: Phá kiến hoặc, tư hoặc, chứng trí nhất thiết, thành đức bát-nhã.

Giả quán: Phá hoặc trần sa, chứng trí đạo chủng, thành đức giải thoát.

Trung quán: Phá hoặc vô minh, chứng Nhất thiết chủng trí, thành đức pháp thân, chẳng phải đều khác nhau, cũng chẳng phải khác thời; lý thiên nhiên đầy đủ các pháp, nhưng tánh ba đế này tự nó đã cùng tột lý tánh. Vì thế nó và Thiền tông khác mà chẳng khác. Lúc hành giả niệm Phật thì ý căn là nhân, bạch hào viên quang là duyên, niệm sinh khởi tức là pháp sở sinh, đế quán tâm niệm Phật khởi tức là giả danh, quán suốt thể tức là không, tâm này có Như lai tạng, lìa biên hiển trung. Hoặc căn hoặc trần đều là pháp giới, chư Phật, chúng sinh một niệm ứng khắp, ngang nơi biên là trung, không Phật, không niệm. Đây là Đại thừa tu tập viên mãn ba quán niệm Phật. Có thể gọi là vô tướng, vô không, vô bất không, tức là tướng của Như lai chân thật.

9. Pháp môn Không quán niệm Phật Tam-muội vô niệm.

Về Không quán niệm Phật Tam-muội, bài tựa của Tổ Sư nói: Chuyên nghĩ nhớ vắng lặng, tâm chuyên nhất không xao động, khí hư thần minh, không tối tăm nào thấu suốt, nhập vào định này quên cả tri kiến, trần lụy mau tiêu trừ, tình thức ngưng đọng đều dung hòa sáng tỏ, không phải là chí diệu trong thiên hạ thì ai có thể đến được chỗ này ư? Đại sư Trí giả lấy "không quán" để tẩy sạch tất cả pháp. Cho nên nói: "Một không tất cả không". Không có giả và trung nào chẳng phải

không, nhập vào quán này là xét thật chân đế. Nay muốn làm cho hành giả bỏ vọng về chân nên nói pháp này: Từ giả quán vào không quán, vì giả là phương tiện để nhập không. Trước quán tất cả pháp là giả, cho đến bốn đại, năm uẩn, lục căn, lục trần, sáu thức, cho đến cùng tận các thế giới mười phương, núi sông đất đều không có một vật. Hiểu rõ luống dối thì hiểu được chân, cho nên gọi là nhị đế quán.

Người tu pháp quán này trước phải nhiếp tâm tĩnh tọa, quét sạch không dính mắc vào tất cả cảnh giới luống dối không thực ở thế gian, chỉ quán "không", cho nên kinh Bát-nhã nói: Trong không, ngoài không, trong ngoài đều không không, cái không không, cũng không thật có. Như thế đốn nhập vào biển không Bảo Minh của Như lai.

Tánh giác chân không tức Như lai tạng, tánh không tròn sáng, linh quang chiếu khắp pháp giới tánh. Như hạt châu ma-ni tùy ý sinh ra, giống như biển cả sâu rộng gồm nhiếp, bình đẳng tánh trí gọi là Phật tri kiến; có thể gọi là các hành pháp vô thường, tất cả không tức là Như Lai đại viên giác.

10. Pháp môn Nhật quán niệm Phật Tam-muội chuyên tưởng.

Kinh Quán Vô lượng Thọ nói:

- Phật bảo Vi-đề-hy: Phu nhân và chúng sinh nên chuyên tâm buộc niệm một chỗ, tưởng về Tây phương. Khi thực hành tưởng thì tất cả chúng sinh nếu không phải là người mù bẩm sinh, là người có mắt thì đều thấy mặt trời lặn, phải khởi tưởng niệm đang ngồi hướng về phương Tây, quán kỹ mặt trời, khiến cho tâm an trụ vững chắc không dời đổi. Lúc mặt trời sắp lặn giống như chiếc trống treo, đã thấy mặt trời rồi mở mắt nhắm mắt đều rõ ràng. Đây là tưởng mặt trời, gọi là sơ quán. Hành giả nhập vào quán này, phải ở chỗ vắng lặng, cắt dứt mọi duyên bên ngoài, ngồi ngay thẳng nhiếp tâm quán kỹ vầng mặt trời hiện ở trước mắt, chú tâm vào một cảnh thì tâm sẽ lắng đọng yên tĩnh, giống như soi gương thấy mặt của mình. Nếu tâm rong ruổi thì chế ngự khiến cho trở về, tâm ngưng nghỉ thì đó là trụ nơi định tức là đắc Tam-muội, có thể gọi là quạ vàng đáy biển (thấy) mặt trời trên hư không, con ngươi trong mắt (nhìn) người trước mặt.

11. Pháp môn tham Thiền niệm Phật rốt ráo.

Bài tựa Thiền kinh của Tổ sư Tuệ Viễn nói: Thiền chẳng nhờ trí thì không thể đến chỗ tột cùng của Sự vắng lặng của nó. Trí chẳng nhờ thiền thì không thể soi chiếu sâu xa. Sự soi chiếu và vắng lặng của thiền và trí giúp đỡ nhau. Chiếu không lìa tịch, tịch không lìa chiếu, cảm thì cùng xa, ứng thì đồng hướng đến. Ngài Từ Chiếu nói: Tịch mà thường

chiếu, chiếu mà thường tịch. Thường tịch, thường chiếu, gọi là thường tịch quang. Người niệm Phật muốn tham thiền thấy tánh thì hãy căn cứ vào pháp này, phải ở trong ngôi nhà vắng lặng, ngồi ngay thẳng, quét sạch các duyên ràng rịt, cắt dứt tình trần, mở to hai mắt.

Ngoài không dính mắc ngoại cảnh, trong không trụ nơi định, soi chiếu trở lại mình, trong ngoài đều vắng lặng. Sau đó liên tục niệm "Nam-mô A-di-đà Phật" năm ba câu, soi xét trở lại mình nói: Thấy tánh thì thành Phật rốt ráo là A-di-đà trong bản tánh của ta. Lại quán chiếu "nhất niệm" khởi ở đây từ nơi nào khởi, quán phá một niệm này, lại nói phá một niệm này là ai?

Tham vấn hồi lâu lại đề cử niệm "Nam-mô A-di-đà Phật", lại quán như thế, tham như thế, tha thiết thực hành công phu, đừng để gián đoạn. Tỉnh táo không mê muội, như gà ấp trứng, không câu chấp trong bốn uy nghi, cũng đề cử như thế, quán như thế, tham như thế, bỗng nhiên ở nơi hành sử khi nghe tiếng thấy sắc bỗng nhiên sáng tỏ, đích thân thấy bản tánh Di-đà. Trong ngoài thân tâm nhất thời thông thoát, tận cùng trời đất là Tây phương, muôn tượng sum la đều là tự kỷ. Tĩnh không mất chiếu, động không rời tịch. Sau đó phát khởi lòng từ, vận dụng tâm bi, dìu dắt những người chưa biết, bi trí viên dung, nhập vào vô công dụng hạnh, được sinh lên thượng phẩm, gọi là Thật báo trang nghiêm độ, được Nhất thiết chủng trí. Có thể gọi là trăng hư không trên đầm xanh muôn xưa, nhiều mò vớt mới biết được.

12. Pháp môn Nhiếp tâm niệm Phật Tam-muội điều tức.

Phẩm Hiền Hộ trong kinh Đại Tập nói: Người cầu vô thượng Bồ-đề phải tu niệm Phật Thiền Tam-muội có kệ chép: Nếu người chuyên niệm danh hiệu Phật A-di-đà gọi là thiền vô thượng thâm diệu. Lúc dốc lòng quán tưởng thấy Phật tức là pháp bất sinh bất diệt. Kinh Tọa Thiền Tam-muội nói: Bồ-tát tọa thiền không nhớ nghĩ gì cả, chỉ nhớ Phật thì được Tam-muội. Hàng sơ cơ tu tập không tránh khỏi hôn trầm tán loạn thì nên quán tất cả là giả để đối trị trời người. Bảo Giám nói rằng:

- Hễ tu thiền định phải nhập tịnh thất thân ngồi ngay thẳng, đếm hơi thở ra vào. Từ một đến mười, từ mười đến trăm, từ trăm đến ngàn muôn thì thân này an trụ, tâm này vắng lặng, bình đẳng như hư không... không nhọc công ngăn chặn. Quán như vậy một hồi lâu thì hơi thở tự an trụ, không ra, không vào. Lúc ấy biết hơi thở này từ trong tám vạn bốn ngàn lỗ chân lông như mây mù lan tỏa, những tật bệnh từ vô thỉ đến nay đều tự tiêu trừ, các chướng ngại tự tiêu diệt, tự nhiên tỏ ngộ. Giống như người mù bỗng được sáng mắt, lúc ấy thấy thấu suốt, không cần

nhờ người chỉ đường. Nay nhiếp tâm niệm Phật này muốn mau thành Tam-muội thì phải dùng pháp quán sổ tức để đối trị bệnh hôn trầm tán loạn. Lúc sắp ngồi thiền, trước nghĩ thân mình ở trong vầng ánh sáng tròn, quán ngay đầu mũi tưởng hơi thở ra, thở vào. Mỗi lần thở nên niệm thầm Nam-mô A-di-đà Phật. Cách điều hòa hơi thở là tâm không nhanh, không chậm, hơi thở và tâm nương nhau ra vào. Phương pháp này đi, đứng, nằm, ngồi đều thực hành được cả, đừng để đứt quãng, thường phải hành trì nối nhau cho đến lúc thâm nhập vào thiền định; hơi thở và niệm đều quên thì thân tâm này đồng với hư không. Thực hành lâu ngày, tâm thuần thục trí tuệ sáng suốt, Tam-muội hiện tiền tức là duy tâm Tịnh độ.

13. Pháp môn Nhất tưởng niệm Phật Tam-muội chuyên niệm.

Kinh Đại Bát-nhã nói: Ngài Mạn-thù-thất-lợi bạch Phật rằng:

- Các Bồ-tát tu hành pháp môn gì để mau chứng Vô thượng Bồ-đề?

Phật đáp:

- Bồ-tát tu hành Tam-muội Nhất tướng trang nghiêm mau chứng Vô thượng Bồ-đề. Hành giả tu pháp môn này không nói chuyện vô ích, không nghĩ đến các tướng, chuyên tâm buộc niệm vào một Đức Phật, nhớ lấy danh hiệu, khéo nghĩ tưởng dung nghi của Phật, tức là quán khắp tất cả chư Phật ba đời thì được tất cả trí tuệ của chư Phật. Luận Thập Nghi của Ngài Thiên Thai nói:

- Tất cả chư Phật đều bình đẳng nhưng căn cơ của chúng sinh phần nhiều chậm lụt, vẩn đục, hỗn loạn. Nếu không chuyên tâm buộc niệm vào một danh hiệu Phật thì tâm sẽ tán loạn, lâu được định, khó thành Tam-muội. Cho nên phải chuyên niệm Phật A-di-đà, tức là nhất tướng Tam-muội. Luận Bảo Vương nói:

- Người tu trì Tam-muội Nhất tướng niệm Phật phải thường buộc niệm, trong lúc đi, đứng, nằm, ngồi cũng nghĩ nhớ đến danh hiệu Phật A-di-đà. Lúc lên giường ngủ cũng niệm Phật, vừa mới thức giấc cũng niệm nối nhau, không để một việc khác xen vào làm đứt quãng; Không để tham sân làm gián cách. Tùy theo sự sai phạm mà sám hối; niệm niệm không xen hở, không nghĩ việc khác, không cách ngày, không cách giờ, niệm niệm thường không lìa Phật, niệm niệm thanh tịnh tròn sáng thì đó là được Tam-muội nhất tướng, cũng có thể gọi là. Nếu đã liễu ngộ thì muôn việc xong.

14. Pháp môn Lục thời niệm Phật công đức hồi hướng.

Tổ sư Tuệ Viễn kết xã ở Đông Lâm, tăng tục đồng tu Đại trí

thượng hiền, thâm nhập thiền quán đắc Tam-muội niệm Phật. Kẻ sĩ trung lưu sáu thời tu tập lễ bái Tịnh độ hồi hướng Tây phương. Đời Đường có bài thơ rằng: "Tuệ Viễn riêng khắc liên hoa lậu, vẫn hướng về núi lễ bái sáu thời."

Hễ tu pháp môn này, thì trước phải ở trong tịnh thất thờ tượng Phật, cúng dường hương hoa đèn đuốc, quét dọn bụi bặm, mặc áo mới sạch, mỗi ngày vào buổi sáng, buổi trưa, buổi chiều, đầu hôm, nửa đêm và gần sáng nên đối trước Tam bảo, ngồi thẳng chắp tay, tín lễ Tây phương. Mỗi thời lễ bái mắt phải quán tôn dung từ bi của Phật, xưng Thánh hiệu Phật A-di-đà một ngàn câu, tụng văn phát nguyện hồi hướng Tây phương rồi lạy Phật bốn mươi tám lạy. Ngày ba thời, đêm ba thời, hành đạo tinh chuyên không mệt mỏi, ý chí tu trì, hạnh nguyện vững chắc, Tịnh nghiệp viên thành, một ngày kia chắc chắn được trung phẩm trung sinh.

15. Pháp môn Sám tội niệm Phật công đức hệ niệm.

Kinh Đại Di-đà nói: Lúc ta thành Phật, dân chúng, chư thiên ở vô số thế giới chư Phật, trong mười phương nghe danh hiệu ta đều đốt hương, rải hoa, đốt đèn, treo phướn, cúng dường trai cho Sa-môn, xây dựng chùa tháp, trai giới thanh tịnh, làm các việc lành, nhất tâm buộc niệm vào danh hiệu ta, tuy chỉ trong một ngày đêm xưng niệm không dứt cũng được sinh về nước ta. Nếu không được như vậy thì ta nguyện không thành Phật. Lại nói:

Lúc ta thành Phật, các trời, nhân dân trong vô số thế giới, ở mười phương, cho đến các loài côn trùng nhỏ nhít đời trước gây ra nghiệp ác, nghe danh hiệu ta đều sám hối làm lành, vâng giữ kinh giới, nguyện sinh về cõi nước ta, thì lúc qua đời không đọa vào ba đường ác, thọ thân đời sau, tất cả những điều mong muốn đều được như ý. Nếu không được như thế thì ta nguyện không thành Phật.

Người tu trì, trước phải sửa soạn đàn tràng trang nghiêm sạch sẽ, đốt hương đèn cúng dường, thỉnh một vị Tỳ-kheo và các bậc Thượng thiện đồng lên đạo tràng để chứng minh rồi niệm hương bạch Phật, tỏ bày chí nguyện của mình; xua tan lo âu, tâm không lo buồn, chớ tham dự vào việc gia đình, đừng gần gũi người thân, nên trai giới tu trì, buộc niệm vào danh hiệu Phật; ngày đêm niệm Phật một ngàn câu, tụng kinh A-di-đà. Thực hành như thế mỗi ngày ba thời, dốc lòng sám hối hồi hướng; nói rằng: nay con tự nhớ, từ lúc sinh ra đến nay đã gây ra nhiều nghiệp ác, hôm nay nguyện nhờ công đức niệm Phật này mà được vào biển đại thệ của Như Lai, nương năng lực Từ bi của Phật, được tiêu trừ

tất cả tội chướng, giải tỏa oan khiên, Tam nghiệp thanh tịnh, sinh ra các công đức lành, trang nghiêm thanh tịnh. Nguyện được phước trí hiện tiền, nguyện biết trước ngày giờ qua đời, lúc sắp qua đời thân không bệnh khổ, tâm không điên đảo như nhập vào thiền định; trong khoảnh khắc sinh về Cực lạc Tây phương, được Phật tiếp dẫn, ở trên đài sen trong ao bảy báu, được Phật thọ ký, được nghe giáo pháp, mau được trí tuệ Phật, độ tất cả chúng sinh, thỏa nguyện Bồ-đề. Có thể gọi là nước chảy bên vách đá, gió thổi hương hoa bay tỏa.

***16. Pháp môn Thần hôn niệm Phật công đức tín nguyện*.**

Bồ-tát tại gia thờ Phật giữ giới, hằng ngày làm các việc nhà, chưa thể nhất tâm tu hành thì: Buổi sáng phải dậy sớm đốt hương, tham thừa pháp Tam bảo, tùy ý niệm Phật, buổi chiều cũng như thế. Lễ bái, niệm Phật phải là thời khóa hàng ngày. Nếu có hôm nào bỏ sót một thời thì ngày hôm sau phải tự sám hối trước Phật. Pháp môn này thích hợp cho mọi tầng lớp. Kẻ sĩ đọc sách vẫn tu trì được. Nhà nông trồng trọt vẫn tu trì được. Người thợ làm việc vẫn niệm Phật được, những người buôn bán vẫn niệm Phật được. Ngoài việc sáng xem kinh, chiều lễ Phật, còn phải tranh thủ thời gian mười hai thời trong ngày để công phu, trì danh hiệu Phật, từ trăm câu đến ngàn câu, lấy sự chí thành làm công phu để mong vãng sinh Tịnh độ. Hồi hướng rằng: Đệ tử... với công đức lễ bái niệm Phật nguyện lúc qua đời được sinh về Tịnh độ, bên bờ ao sen đích thân gặp Phật A-di-đà; trong những hàng cây báu gặp gỡ bạn lành, nguyện khắp cho cha mẹ, sư trưởng và chúng sinh trong pháp giới đều được như nguyện này. Có thể nói là nhiều hạt bụi thành ngọn núi lớn, một giọt nước nhỏ lâu ngày cũng thành dòng sông.

17. Pháp môn Giản kính niệm Phật công đức thập niệm.

Ngài Từ Vân Sám Chủ nói: Người ở thế gian, công việc bề bộn, mỗi ngày vào buổi sáng sớm nên mặc áo mới sạch, xoay mặt về phía Tây, chấp tay niệm danh hiệu Phật A-di-đà, niệm Phật luôn một hơi là một niệm. Cứ như thế đến mười hơi, tùy theo hơi thở ngắn hay dài, lấy dứt hơi làm chừng, tiếng niệm Phật không cao không thấp. Đặt tâm vào câu niệm Phật, như thế đến mười hơi nối nhau không đứt quãng, định tâm chuyên tinh niệm Phật thì công đức hiển bày. Đó là nương vào hơi thở để buộc tâm. Hồi hướng rằng:

Con pháp danh... một lòng quay về nương tựa Đức Phật A-di-đà ở Tây phương. Nguyện Ngài dùng ánh sáng thanh tịnh nhiếp thọ con. Nay con niệm danh hiệu Như Lai mười niệm, cầu sinh Tây phương. Phật xưa đã nguyện; nếu có chúng sinh nào muốn sinh về nước ta thì xưng danh

hiệu ta dù chỉ mười niệm, nếu người ấy không được sinh về nước ta, thì ta nguyện không thành Phật. Nay con đem công đức mười niệm này nguyện lúc qua đời tâm không điên đảo, trong khoảng khắc sinh về cõi Cực lạc, nghe pháp nhiệm mầu của Phật, mau chứng Bồ-đề. Có thể gọi là nếu tín tâm không lui sụt thì chắc chắn sẽ được gặp Phật.

18. Bài tựa viên dung tứ độ tuyển Phật đồ của Từ chiếu tông chủ.

Tịch quang, Đồng cư là một không khác, nhưng tình sinh kia đây nên thấy có thân sơ. Trước mặt rõ tánh sắc không, là như như, vốn không hai đường mà tự thấy có diệu có thô, ta thì không như thế. Tất cả đồng một thể Tỳ-lô, trước phải biết gốc để khỏi bị những cặn bả dơ bẩn dính vào. Hành có hành tướng, trí có trí mô, nguyện có nguyện lực, tấn có lộ trình. Tỉnh tỉnh lặng lặng như hạt châu sáng sạch chiếu suốt vào tâm thể phàm Thánh, đồng một đường đi, bốn cõi đồng theo vết chân xưa, ba thân như một thì tất cả lời nói, việc làm đều là Tịnh độ; khắp nơi khắp chốn đều niệm Di-đà. Còn sơn tăng vì thấy bốn độ hỗn loạn, không có luân trí chuyển hành dung, đến nỗi khiến cho kẻ độn căn, người lợi căn không phân biệt được, nhân quả đều mất, chỉ nói Tịnh độ mà không biết Tịnh độ cao thấp, chỉ nói "Duy tâm" mà không biết sự sâu cạn của tâm, cho nên thấy các nhà huỷ báng nhau, mỗi người chấp một bên, ai biết mình tự phá tông phong, chẳng phải ma có thể phá được. Nay nói sơ lược để khai mở một tuyến đường, nêu ra bốn đồ họa để dứt bỏ mê tình, mau hiểu được tâm địa. Sau đây, hà sa thế giới đều gom trong một trang giấy; vô lượng pháp môn sẽ nêu ra trong gang tấc.

Biểu đồ tướng chung bốn cõi viên dung:

Tự tánh Phật Di-đà
Do tâm cơ Tịnh độ
Khi ngộ, chỉ một niệm
Mê trải qua ba kỳ (*)
Lập hai môn chiết nhiếp
Phàm Thánh một đường về
Tình đời xem nóng, lạnh
Mặt người tùy thấp, cao

- Phàm Thánh đồng cư độ (cõi phàm Thánh cùng ở)

Tam quang cụ túc
Như ấm tự xuất thân
Tình Phàm Thánh khác, trí có khác
Phải nương tu chứng hợp Tỳ-lô

Sợ người sức yếu đi mệt mỏi
Nửa đường dừng, quyền chỉ Tây phương
Ngang vượt hai cõi, ít người biết
Dễ tu dễ đến chớ nghi ngờ
Trần cấu chưa dứt cầu giải thoát
Nhất tâm tín nguyện niệm Di-đà
Qua đời chánh niệm đi rõ ràng
Ba sáng bảy ngày biết giờ trước
Đã sinh Tịnh độ thường nghe pháp
Lo gì không ngộ được tâm cơ
Nguyện không lui sụt
Ba đức mê
Tông - dụng - thể
Thắng - liệt - ứng
Tình kiến chưa dứt
Còn đủ phiền não
Mười niệm thành tựu vãng sinh
Vượt ra ba cõi theo chiều ngang
Tu-đà-hoàn và trời người trông thấy.
Thân cao tám thước.
Phàm Thánh cư.

Cõi này, tăng, tục, nam, nữ đều ở chung nhưng có tín nguyện niệm Phật nên đều được vãng sinh. Cho dù chưa dứt bỏ phiền não, không xuất gia, không tu thiền định, chỉ niệm danh hiệu Phật nhưng đến lúc qua đời cũng được Phật Di-đà tiếp dẫn, liền sinh vào cõi Tịnh độ, được thần thông, được bất thoái chuyển, thẳng đến Bồ-đề. Cõi Phàm Thánh đồng cư chính là cõi tự tha thọ dụng, đầy đủ ba thứ ánh sáng, nhiếp hết bốn cõi chín phẩm hóa sinh theo lý, ba cõi sau đều ở trong đó nhưng chỉ dẫn ra hạ hạ phẩm là vì tổ sư biết rõ nó dễ tu dễ về. Các phẩm vị cao thấp khác đều tùy theo hạnh nguyện tu chứng mà thành tựu.

Phương tiện thắng cư độ
(Như biên công xuất thân)
Dứt bỏ phiền não bặt dấu vết
Trí diệt tâm nguội đã thôi nghỉ
Bảo sở không thể bước đến trước
Như lai phương tiện nên giữ lại
Tánh Thanh văn dọc ra ba cõi,

Phiền não trần lao mau dứt trừ,
Tám định bốn thiền thường quán luyện
Thoát hẳn trần thế, không trở lại
Hạnh không lui sụt
Đức giải thoát
Thể dụng tông
Thân thắng ứng
Trí Nhất thiết
Phá kiến hoặc, tư hoặc
Bát quan đẳng sinh
Vượt ra ba cõi theo chiều dọc

Đệ tử Thanh văn chứng quả thứ tư v.v... thấy được: Thân vàng trượng sáu

La-hán cư:

Cõi này đều là những vị căn tánh định tánh Tiểu thừa, sợ ba cõi như sợ cọp, quỷ, rồng, rắn. Họ phá kiến hoặc, tư hoặc, dứt bỏ tham sân si, dứt hạt giống Như lai như con hoẵng nhảy đi một mình không nhìn lại bầy đàn phía sau. Thiên chấp về cái biết hạn hẹp, chìm đắm vào sự vắng lặng nên sinh ở Phương tiện độ. Nên Đức Như lai nói thuần Đại thừa để điều phục họ.

Thật báo trang nghiêm độ
(Như khoa tuyển xuất thân)
Tâm pháp nhỏ nhiệm chưa dứt bỏ
Nên biết tình hết, mới trừ gốc,
Mồ hôi dính áo chưa cởi được
Hạt bụi nhỏ chướng ngại trời đất.
Chẳng ngang chẳng dọc lý hợp nghi
Ba quán, tâm lặng tiến chẳng nghi
Sức mình chưa thể lên bờ giác
Trở lại căn cơ các Thánh hiền
Như nguyệt chi quang (Như ánh sáng trăng)
Trí không lui sụt
Đức Bát-nhã
Dụng tông thể
Báo thân viên mãn
Trí Đạo chủng
Phá hoặc trần sa
Phần phá hoặc vô minh

Ba tâm khắc bị sinh

Ra khỏi ba cõi chẳng theo chiều ngang, chẳng theo chiều dọc.

Tám vạn bốn thiên tướng tốt là chỗ thấy của các vị Nhất sinh bổ xứ và các vị đại sĩ.

Bồ-tát cư:

Cõi này đều đã tu trọn vẹn ba quán, Thập trụ, Thập hạnh, Thập Hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác pháp thân Đại sĩ như bụi, như cát; mỗi mỗi đều phần phá vô minh. Phân thân khắp mười phương. Tám tướng thành đạo, độ thoát chúng sinh, đều chưa rốt ráo. Lời dạy của Ngài Thiên Thai Hiền Thủ thật rõ ràng.

Thường Tịch quang Tịnh độ:
Như nhựt chi quang (như ánh sáng mặt trời)

***

Cảnh trí như như bặt tu chứng
Không còn việc nhàn vướng mắc tâm
Tình hết kiến trừ, tin tức đoạn
Một vầng trăng sáng giữa trời thu
Cửa ngang thấu đảnh không nghĩ bàn
Chỉ ở đương niệm dứt tư duy,
Duy tâm Tịnh độ chỉ tâm tịnh
Ngay đó gánh vác, cơ bậc nhất
Trí tỏ, mê trừ không phiền não
Trở về nguồn cội riêng mình biết
Vô tâm, thân khắp trần sa giới
Mặc tình thâu nhiếp các căn cơ
Vị không lui sụt
Đức Pháp thân
Tông, thể, dụng
Pháp thân thanh tịnh
Nhất thiết chủng trí
Phá hết ba hoặc
Một niệm bất sinh
Xung quan thấu đỉnh
Vô thượng chánh chân
chư Phật sở kiến
Thân pháp giới
Quả nhân cư

Cõi này là cảnh giới tối thượng thừa hoặc dứt, tình quên, các pháp

không sinh, bát nhã không sinh, bất sinh không sinh, gọi là Đại Niết-bàn. Rốt ráo ở đỉnh núi Niết-bàn cõi trang nghiêm Thường tịch Quang gọi là Thanh tịnh pháp thân Tỳ-lô-giá-na Phật, gọi là "Đến bờ kia", cũng gọi là chính mình trước kiếp không.

Bốn Độ ở Đông phương
Bốn cõi không chia nơi
Tình sinh nên ngăn ngại
Ngộ mê chia lớn nhỏ
Tịnh uế ngăn Tây Đông
Muôn hữu thân tuy khác
Cơ trời lý tự đồng
Gió xuân thổi phớt qua
Chỗ nào không hoa hồng?
Đại kiến trước sau không đổi
Tiểu kiến chín phẩm khác nhau
Thượng trí, chỉ ở nhất tâm
Hạ trí, Đông Tây ngăn ngại
Bốn độ ở Tây phương.

Như ánh sáng mặt trăng, sinh đủ cả tám vạn bốn ngàn tướng tốt và ba tâm.

Như ánh sáng của các vì sao, sinh thân vàng một trượng sáu và tám cánh tay.

Như ánh sáng đom đóm, sinh thân cao tám thước và mười niệm thành tựu.

Bồ-tát nhất sinh bổ xứ và các Đại sĩ được thấy cõi Thật báo.

Đệ tử Thanh văn được thấy cõi Phương tiện.

Tu-đà-hoàn và các vị trời, người được thấy cõi Đồng cư.

Chớ cho Tây phương xa
Tây phương trước mắt ta
Tuy nói vượt mười muôn
Không hề lìa Tam thiên
Vừa cất tiếng niệm Phật
Ao sen đã nở hoa
Nếu tín tâm không lui
Chắc chắn lễ Như lai.

Tây phương là chấp tướng, nhàm chán tu hai môn. Nếu người hiểu được điều này thì mọi nơi đều là Tịnh độ.

Người ở địa ngục A-tỳ nương vào chánh niệm mà được an vui,

thân độ Tỳ-lô không rời một niệm của hạ phàm. Ngài Trí Giả nói: Đâu lìa Già-da mà cầu cõi Thường tịch quang ư? Nên biết Tỳ-lô-giá na đầy khắp mọi nơi. Người khéo quán tâm thì tất cả muôn pháp đã sẵn đủ nơi tâm.

Bốn độ của quán tâm
Muốn nói Phật thiên chân
Từ nay dứt chứng tu
Chẳng cần tìm bên ngoài
Chỉ cần ở nơi tâm
Ngộ rồi ba thân hợp
Mê thì bốn chẳng đồng
Chớ sinh tâm phân biệt
Ngay đó ngừng dứt tâm

Suốt ngày Tịch quang mà không hề Tịch quang là hàng phàm phu; muốn chứng tịch quang mà chưa đến chỗ tột cùng Tịch quang là các Bồ-tát; đầy đủ Tịch Quang và trụ trong Tịch quang là Đức Như Lai; cõi thường tịch quang tịnh lìa tâm tướng. Nếu ai đến được cảnh giới này thì thấy tất cả mọi nơi đều là Thường tịch quang.

Bốn độ của Tây phương
Bốn độ dọc ngang như lưới trời
Một phương lưu xuất tất cả môn
Chớ nói Tây phương không bốn độ
Phẩm phẩm tròn đầy không thể phân
Bốn độ của hằng sa
Bốn độ mười phương đều đầy đủ
Biển cõi như cát cũng như vậy
Thánh, phàm, nhân quả khắp sa giới
Đều ở trong một niệm phàm phu
Bốn độ của nhất tâm
Bốn cõi một nhà tại lòng ta
Đâu cần tìm xa ở phương khác
Chỉ thường quán sát biểu đồ này
Phàm Thánh cao thấp thấy cạn sâu.
Bốn độ của viên dung
Bốn độ viên dung không thể phân
Nên biết phần xứ không thể chia
Tuy nhiên một ngôi Linh Quang tự
Ngại gì điện Phật và ba cửa.

Bốn độ trước mắt
Bốn cõi rõ ràng ở trước mắt
Lại không một vật phá ruộng tâm
Xua tan mây mờ, khoảng trời trong
Một vầng trăng sáng giữa trời xanh.
Bốn độ của ba đế
Từ nay bốn cõi vốn không dấu
Muôn tượng sâm la không, bất không
Chớ rơi thiên, tà dối phân biệt
Từng độ rõ ràng không, giả, trung
Bốn độ tức nhau
Thể, tông và dụng ba tức nhau
Một tức là ba, ba là một
Đỉnh chia ba chân, một chẳng thiếu
Trời, trăng, sao sáng không hề lớn
Bốn độ mê ngộ
Phàm Thánh, sang hèn đồng một thể
Tình sai trở ngại chẳng dung thông
Ngộ thì toàn thể bốn độ hiện
Mê thì một độ không dấu vết
Bốn độ của mọi người.
Mọi người đều có cả bốn cõi
Từ nay mê vọng không thể biết
Sáng nay chỉ ra rõ rành rành
Khuyên bạn tinh chuyên đừng trể nãi
Bốn độ dứt bặt đối đãi.
Bốn cõi nói ngang và nói dọc
Lại không thể giữ hạt cải nhỏ
Nếu rõ thành châu vốn là tường
Ba nhà trong thôn chẳng từng thôn.

Giáo là mắt Phật; Thiền là tâm Phật. Nếu tâm không có mắt thì tâm không có chỗ y cứ; nếu mắt không có tâm thì mắt không thể thấy vật gì. Tâm và mắt hòa hợp thì mới rõ Đông tây. Thiền giáo khéo dung hòa mới biết được chỗ thông suốt, chỗ bít lấp. Nên biết căn cơ của chúng sinh có lợi, có độn, pháp Phật có khai, có ngăn. Nếu khăng khăng theo một phương pháp để thâu nhiếp mọi căn cơ thì trở thành hủy báng chánh pháp. Bốn cửa vào thành đều ở trước phủ. Bốn cõi buộc tâm đều bước lên bờ kia. Người nghe giáo không thể lệch theo tà kiến;

người tham thiền nên hiểu như thế là phương tiện quyền thật. Vận dụng phương tiện ở con người thì nên sự lý dung thông, không thể chấp pháp mà thành bệnh. Ba tuệ là văn, tư, tu; ba học là giới, định, tuệ đều phải trở về nguồn cội. Tất cả đều mong chuyển phàm thành Thánh. Người đời nay không hiểu nên chấp một bên chỉ nói về giáo mà không thông thiền. Thiền không thông giáo vốn là bỏ chấp lại thuộc về tình cảm thiên lệch, bình đẳng tu tâm lại sinh phân biệt. Thiền nói: "Hoa vàng, trúc xanh đều là chân như." Giáo nói: "Một sắc, một hương đều là Trung đạo."

Bồ-tát Đại Thế chí nhờ niệm Phật mà được tâm khai ý giải. Đại sư Trí Giả tụng kinh Pháp Hoa mà được thấy pháp chân thật, là nơi sống còn của đạo mầu nhiệm. Đâu phải ở sự tranh luận. Nay phải dung hoà phàm tâm và thân độ với nhau, niệm Phật và Thiền giáo là một con đường, vào cửa tuy khác nhưng rốt cuộc thì đồng thể mà khởi tâm thương ghét, chớ phân biệt bỉ thử. Mỗi người cần phải đạt đến cội gốc, chớ tranh cành lá, đừng chấp thật chê quyền, chấp quyền (phương tiện) chê thật. Quốc sư Thanh Lương nói:

Biển nghiệp trần lao
Kết hoặc chấp chặt
Tình hết chấp trừ
Không nhọc quét dọn.

Ôi! Ba thân Pháp, Báo, Ứng; bốn cõi Tịch quang, đồng cư. Đều phải trở về nguồn cội, đồng trở về một đường; một thân là ba thân; bốn cõi là một cõi, chẳng sau chẳng trước; chẳng đến chẳng đi, tình chấp có sai lệch chẳng phải Phật che giấu. Chỉ cho phép tâm truyền không cho nói năng mà tròn đầy trùm khắp vô tận vô cùng. Nhất chân không ngăn ngại, lớp lớp như mành lưới châu của trời Đế Thích. Dụ như lưới trời Đế Thích khó đồng với con rối lanh lợi, nhanh nhẹn hoạt bát chẳng phải ở nơi lanh lợi. Chỉ nhờ vào tỉnh táo, Tỳ-lô đắc đạo; hứa với người liền thành, dứt hết sinh tử, liền phát ra ánh sáng. Không thể nghĩ bàn biển lặng sông trong:

Một cõi chia bốn cõi
Mỗi cõi có ba thân
Thân cõi không có hết
Tình kiến giống như sao
Lực không ngại Như Lai
Như trăng trên hư không
Nơi nào cũng có trăng

Chỗ nào cũng sáng sủa
Bài tụng sau
Đại đạo thông mọi nơi
Rõ ràng mấy trăm châu
Các đường đi mỗi châu
Mỗi đường hợp xuân thu
Khi mê, ba thân khác
Ngộ rồi một cũng không
Thuyền này không kia đây
Chớ đem kết oán thù
Giềng mối niệm Phật
Vốn tự không dấu không vết
Phương tiện do anh nêu ra

***

Có người hỏi tôi vì sao?
Nam-mô A-di-đà Phật.
Niệm Phật tâm khai.
Nhân tu Tam-muội, niệm Di-đà
Trong lòng bỗng thấy Phật Di-đà,
Mới biết mỗi hạnh đều bảo sở
Mới hay cõi cõi đều xen nhau.
Thiền, giáo thành tựu lẫn nhau.
Thiên Thai, Hiền Thủ, Từ Ân giáo
Đạt-ma, Nam Sơn, ý chẳng khác
Pháp môn số nhiều không cùng tận
Không lìa đầu lông, dứt khéo thô
Thể của ba thân đồng nhau.
Ba đức bí tàng và ba thân
Cuốn duỗi tùy cơ, phân chẳng phân
Nơi nơi dung thông, không chướng ngại
Chớ dạy một bề làm ba người
Tam bảo không khác.
Phật, pháp, tăng bảo chân chánh nhất
Đâu khác mà nay một điểm linh
Nêu một tức ba, ba là một
Chớ dạy nhận sai, định bàn tinh.
Thân và độ không hai.
Tỳ-lô tức là cõi Tịch quang

Tịch quang tức là Đại Tỳ-lô
Thân, độ xưa nay không hai tướng
Hoàng thành vốn là kinh đô lớn
Tâm Phật không khác.
Tâm này tức là A-di-đà
Di-đà tức là nguồn tâm ta
Trăng khuyết chiếu sáng mọi nẻo đường
Ai tin xưa nay ngày ngày tròn
Dứt bặt dấu vết vô tướng.
Niệm niệm tròn sáng pháp giới đồng
Khỏi tu trải qua ba tăng-kỳ
Nếu ở trong đây thấu nghĩa mầu
Một chấm bụi nhỏ cũng không giữ.
Tình hết thì rõ ràng.
Biển tánh Tỳ-lô không dấu vết
Cõi mầu Tịch Quang cũng không vết
Kiếp hỏa cháy bừng chưa tắt dứt
Núi xanh như cũ giữa mây trắng
Người người thấy đạo.
Tịch quang vàng ngọc và bùn cát
Đến chỗ vô tâm lại là nhà
Hiểu được ý mầu ở trong đó
Ưu-Đàm vốn là hoa sen trắng
Chỗ chỗ gặp nguồn.
Tâm tâm niệm niệm Phật Di-đà
Người người, chỗ chỗ Tỳ-lô xưa
Biển cõi bụi nhỏ như sao giăng
Gom trong bức vẽ của sơn tăng.

■

LÔ SƠN LIÊN TÔNG BẢO GIÁM

QUYỂN 3

NÓI VỀ CHÁNH TÔNG CỦA NIỆM PHẬT

Đại sư Minh Giáo nói: Lời dạy bảo của đấng Năng Nhân là phải lấy Thiền làm Tông, Phật làm Tổ. Tổ là khuôn phép lớn của giáo, Tông là đại thống lãnh của giáo. Người thống lãnh không sáng suốt thì mọi người trong thiên hạ không đạt được một kết quả nào; khuôn phép lớn mà không chân chính ngay thẳng thì thiên hạ không mong được cái sở chứng của mình. Người học Phật xưa nay cạnh tranh sở học của mình, mọi người đều giành phần thắng về mình, bởi vì Tông bất minh, Tổ bất chánh thì sẽ gây hoạn. Nhưng không phải tổ tông mình bất minh, bất chánh mà là người đời sau không chịu khảo cứu hết kinh luận nên họ phá vỡ sự minh chánh này. Còn nếu có người chỉ dạy lại không biết yếu chỉ nhiệm mầu là ở chổ ngoài giáo ngôn. Các người học Thiền không hiểu rõ lời Phật nói đại khái thấy trong giáo rối ren, tự tướng, đúng sai, xưa nay chưa dừng nghĩ. Tôi có tham cứu Đại tạng, hoặc kinh, hoặc truyện, rà đi soát lại để rút ra kết quả. Cái gọi là Thiền tông chính là tâm của Phật, Tổ. Phật nói Đại tạng giáo chưa từng không lấy tâm làm tông.

Than ôi! Căn tánh của chúng sinh khác nhau, làm sao dùng một pháp để nói rõ được.

Đức Phật bình đẳng giáo hóa, tùy theo bệnh của mỗi người mà phát thuốc. Còn pháp môn niệm Phật của tông Tịnh độ thì có thật có quyền, có đốn có tiệm. Tất cả đều tỏ rõ thật lý của Sự chứng ngộ của chư Phật, chỉ ra bổn nguyên tự tánh của chúng sinh; dùng Tam-muội niệm Phật để thâu nhiếp tất cả mọi người. Nếu ai tu pháp môn này được rõ tâm thấy tánh thì nhập vào trí tuệ của chư Phật.

Có người hỏi: Niệm Phật như thế mà thấy tâm tánh, được vào trí tuệ chư Phật ư?

Tôi trả lời: Tâm là tông của muôn pháp, nếu luôn giữ tâm ở nơi

mình thì đạo nào mà không thành? Bồ-tát Đại Thế Chí tu pháp môn niệm Phật mà chứng Vô sinh pháp nhẫn. Nếu xét về nhân địa thì thuần niệm Phật là dụng công trên hết. Niệm Phật nối nhau không đứt quãng thì sẽ kết thành một khối cho nên nói nhiếp cả lục căn, tịnh niệm nối nhau, được Tam-ma-địa, ấy là bậc nhất. Bởi vì Phật là tâm, niệm Phật là niệm tâm; tâm tâm không hai. Tâm đã không hai thì Phật Phật đều như vậy. Một niệm quán thông, không có mé trước, mé sau. Ba đời đều dứt, chính là chân đạo tràng. Mỗi hạt bụi đều hiển bày, cõi cõi đều lộ rõ. Ấy chính là vào biển Như lai chánh biến tri, đầy đủ tất cả trí tuệ của Như lai, yếu chỉ của niệm Phật, đại lược là như thế.

Xưa kia, Tổ sư Tuệ Viễn đã được Tam-muội này rồi, đem chỉ dạy cho một trăm hai mươi ba vị khiến họ đồng tu, đồng chứng. Ngày nay, chúng ta hãy chuyên ròng nghĩ nhớ, tâm tưởng vắng lặng đến cùng tột thì cũng sẽ đắc được. Thế nên Tổ bấy giờ với tâm nguyện sâu xa, muốn giúp đỡ cho chúng sinh trong việc tu tập, nhưng kinh bản mới ở đời Tấn chưa đến, vị cam lồ của pháp Thiền người trong nước chưa được nghe, người dân lại có dị thuyết về Thật tướng tông bổn nên Ngài sai đệ tử mình vượt qua Thông lãnh, từ xa đón rước Thiền sư, tìm kinh bản gốc. Cho nên Đại sư Minh giáo hiểu được ý muốn của Tổ bảo vị Tăng tên Trí Nghiêm ở nước Tần đến nước Kế Tân thỉnh Ngài Bạt-đà-la đến Trung Hoa để truyền Thiền pháp trong thời gian dài.

Ngài Bạt-đà-la ban đầu đến Trường An, sau đến Lô Sơn rồi trao kinh Thiền cho Ngài Tuệ Viễn để cùng dịch. Dịch xong Ngài Tuệ Viễn ghi lời tựa. Bạt-đà-la từng nói với Tuệ Viễn rằng: Tây độ truyền pháp Tổ sư từ Ngài Đại Ca-diếp về sau truyền nhau có hai mươi bảy vị. Trong đó hai mươi sáu vị tổ đời cận đại đã diệt độ nhưng danh tiếng không ai bằng Ngài Mật-đa. Cho nên đệ tử của những đời sau gọi Ngài là Bát-nhã-đa-la. Ngài đang hành hóa ở các nước Nam Thiên trúc, ngọn đèn tuệ này lần lượt được truyền đến Ngài Đạt-ma-đa-la, là vị Tổ thứ hai mươi tám. Nay tôi đúng như những điều đã nghe mà giảng nghĩa này.

Ngài Tuệ Viễn nghe lời nói của Bạt-đà-la cho nên ghi lời tựa rằng:

Đạt-ma-đa-la là bậc tài giỏi của Tây Vực, là người noi theo thiền huấn. Bảo Lâm truyện nói Bạt-đà-la từng nói với Tuệ Viễn rằng các Tổ truyền pháp nhiều đời vẫn nghiệm nơi kinh Thiền. Cho nên bài tựa của Trương Dã, bài minh trên tháp Tuệ Viễn ghi rằng: Các kinh về tâm Thiền, xuất xứ từ Lô Sơn. Sư thường cho rằng pháp thiền tinh vi, chẳng phải người hiền tài thì chớ trao truyền. Công đức cao dày mà dễ tiến chỉ

có pháp môn niệm Phật. Dùng chỉ, quán để dẫn dắt, dùng Tịnh nghiệp để chuyên tu. Pháp tu tập này dùng tập trung tâm ý để tâm lắng đọng, nhập vào pháp môn vô tận của Như lai, chính thật là từ đây.

Thế nên, lời dạy của Tịnh độ này truyền đến Ngài Thiên Thai Trí giả lại chỉ ra pháp ba quán, tu theo pháp ba quán này để chứng được nhất tâm. Thâu tóm yếu hạnh của Tam Thừa, thâu nhiếp tất cả các căn cơ của năm tánh; giao thẳng tài sản thật của quán hạnh, ngộ nhập tri kiến của Như lai. Nên biết yếu chỉ của niệm Phật là do Quán kinh làm tiêu chỉ, kinh ấy lấy cảnh giới Tịnh độ làm tông, lấy quán trí diệu hạnh làm chỗ hướng đến, lấy quán tướng Di-đà làm thể, lấy diệt ác sinh thiện làm dụng. Cho nên biết vô lượng công đức cùng trang nghiêm, các thứ thắng hạnh đồng quy hướng; người hỏi người đáp rõ ràng cặn kẽ vấn đề, giống như các vì sao vây quanh sao Bắc đẩu, như muôn dòng sông đều chảy về biển Đông. Thế nên, bà Vi-đề-hy không trải qua giai vị nào, mà đốn chứng Vô sinh. Người phạm mười điều ác, tội ngũ nghịch chỉ nhất tâm xưng niệm danh hiệu Phật A-di-đà dù chỉ mười niệm thì người ấy liền được sinh về thế giới Cực lạc, tức là thuộc về Viên đốn giáo.

Pháp môn Tam-muội niệm Phật này dùng phương tiện quyền thật, đốn tiệm, chiết phục, thâu nhiếp, để thâu nhiếp tròn đầy tất cả chúng sinh ngộ mê, hội quy vào chân tông giống như xe có bánh xe, như chim có đôi cánh. Người vào đạo do đây được gọi là "chí", gọi là "tận".

Thế nên, gom các chánh thọ lại chỉ dạy người khác tu tập tông yếu, mở sáng mắt tâm họ, chỉ thẳng cội nguồn, với mục đích khiến họ niệm Phật, tinh tấn tu tập để hiểu rõ tông mình, không mê muội đối với Tổ. Nếu một câu đương cơ thì duy tâm Tịnh độ bày.

1. Định rõ về tông thể.

Từ Ân Thông Tán chép: Ở Trung Quốc các bậc tiên đức chia chung kinh luận làm bốn tông.

1. Tánh tông.
2. Phá tánh tông.
3. Phá tướng tông.
4. Hiển thật tông.

Các kinh Niết-bàn, Hoa Nghiêm, Pháp Hoa v.v... hiển bày nghĩa trung đạo chân thật. Cho nên bỏ hóa thành trở về bảo sở. Kinh A-di-đà là tông thứ tư; kinh này dựa vào văn kinh để phán giáo, giáo có ba, dùng loại để định ra tông, có tám loại:

1. Ngã pháp câu hữu tông.
2. Hữu pháp vô ngã tông.

3. Pháp vô khứ lai tông.
4. Hiện thông giả thật tông.
5. Tục vọng chân thật tông.
6. Chư pháp đản danh tông.
7. Thắng nghĩa giai không tông.
8. Ứng lý viên thật tông.

Cho nên kinh Hoa Nghiêm và kinh Di-đà thuộc về tám tông.

- Lý tưởng giả hợp luận Hoa Nghiêm Thập chủng Tịnh độ Quyền thật tông thể.

Biển trí mênh mông cuồn cuộn, chẳng thể tìm thấy bờ mé; chân nguyên bao la bát ngát khó tìm thấy bến bờ. Thể tướng của pháp giới Giá-na bao trùm nơi trần sa. Linh môn rộng lớn, tịnh uế đan xen lẫn nhau nơi vô cực, nhưng tùy theo nghiệp dụng tu tập của mỗi người mà ứng hiện các cảnh giới không giống nhau, khiến cho trái với Thánh cảnh, căn cứ vào căn tánh bất định hoặc phương tiện phân Tịnh độ ở nước kia, cõi uế ở Ta-bà. Hoặc đây là hóa nghi, chỉ thượng phương là Thật báo. Ngài Văn-thù từ thế giới kim sắc ở phương Đông mà đến; Ngài Quán Âm ở cõi nước An lạc phương Tây mà đến.

Như vậy, quyền nghi đều khác nhau, mục đích để khơi mở lòng tin không y cứ cứng nhắc. Nay vì để lược qua cho biết các pháp môn giúp cho những người mới phát tâm tu tập có chỗ y cứ nên quy ước ra mười loại, quyết định lấy đây làm kim chỉ nam cho người tu theo.

Thứ nhất: Tịnh độ trong kinh A-di-đà đây là vì một phần kẻ phàm phu chấp tướng chưa tin lý chân thật về pháp không, chỉ chuyên nhớ niệm, niệm tưởng không chuyển dời; vì chuyên niệm chí thành cho nên tâm được một phần thanh tịnh, được sinh về Tịnh độ. Đây là Quyền chưa phải thật.

Thứ hai: Tịnh độ trong kinh Vô Lượng Thọ Quán. Đây là vì các hành giả có một phần chưa tin lý chân thật về pháp không. Chúng sinh thích hình tướng đẹp đẽ cho nên phương tiện dạy họ nhớ tưởng hình tướng đẹp đẽ của Phật A-di-đà kia. Khi nhớ tưởng hình sắc Phật thành tựu thì liền được sinh về cõi Phật. Đây là Quyền chưa phải thật.

Thứ ba: Tịnh độ trong kinh Duy-ma.

Phật dùng ngón chân cái ấn xuống đất để tăng thêm thần lực. Tạm hiện có rồi trở lại không. Ấy là cõi Thật báo chưa đủ trình bày sự rộng hẹp. Đây là thật nhưng chưa rộng.

Thứ tư: Tịnh độ trong kinh Phạm Võng.

Tuy nói một đóa hoa lớn có một ngàn cánh, trên mỗi cánh hoa có

một trăm ức hóa Phật giáo hóa một trăm ức bốn thiên hạ chúng sinh. Nhưng một ngàn cánh hoa ấy và một đóa hoa lớn nhất này là Bồ-tát Tam Thừa; sự thấy biết của những vị này chưa rộng cho nên phần chỉ cảnh quả báo, chưa thành viên mãn. Đây là Quyền chưa phải Thật.

Thứ năm: Tịnh độ trời Ma-hê-thủ-la.

Đức Như Lai ở cõi trời ấy ngồi tòa hoa sen, thành Đẳng chánh giác cho là Thật báo, còn trong đạo tràng Bồ-đề, nước Ma-kiệt-đề, cõi Diêm-phù-đề này, Ngài thành Đẳng Chánh giác là sự hóa thân. Đây là Ngài ở trong Tam Thừa dùng phương tiện dạy hàng Bồ-tát nhiễm tịnh chưa quên mà nói cõi Diêm-phù-đề và sáu tầng trời này là cõi Dục hữu lậu; cõi Tịnh độ trời Ma-hê-thủ-la kia là vô lậu, cho nên tâm còn chấp nhiễm tịnh chưa quên được kia đây. Đó là dùng phương tiện giáo hóa chưa phải là nói thật.

Thứ sáu: Tịnh-độ nói trong kinh Niết-bàn.

Như Lai có Thật báo Tịnh độ ở Tây phương, cách đây hai mươi hai hằng hà sa cõi Phật. Đây là phương tiện giáo hóa hàng Tam Thừa còn một phần nhiễm tịnh chưa quên nói tam thiên đại thiên thế giới này là cõi uế và phương tiện nêu ra cảnh giới Thật báo Tịnh độ ở Tây phương để chúng sinh ưa thích tu theo. Đây là Quyền chẳng phải thật.

Thứ bảy: Ba thứ Tịnh độ trong kinh Pháp Hoa. Đây là vì hàng Bồ-tát Tam Thừa nhiễm tịnh chưa quên mà nói: Dời tất cả chư thiên đến ở cõi khác, đây là Quyền chẳng phải Thật.

Thứ tám: Tịnh độ ở hội Linh sơn.

Đây là Ngài dắt dẫn, phương tiện dạy hàng Bồ-tát Tam Thừa nhiễm tịnh chưa quên, mà giảng giải cho họ biết Ta-bà vừa là cõi uế; vừa là cõi tịnh. Chúng sinh tin nhận nhưng chưa thể chính mắt nhìn thấy. Đây là Thật chẳng phải Quyền.

Thứ chín: Duy tâm Tịnh độ.

Tự chứng được tâm mình, đương thể vô tâm tánh, chỉ có chân trí, không nghĩ đến tịnh uế, gọi là chân nhậm vận tánh, tâm không quái ngại, không tham, không si mà theo trí đại Bi là an vui chúng sinh, đây là thật Tịnh độ. Vì chính mình tịnh cho nên khiến người khác cũng tịnh. Thế nên kinh Duy-ma nói: Hễ tâm mình tịnh thì cõi Phật tịnh, muốn được Tịnh độ thì trước phải tịnh tâm mình. Đây là thật Tịnh độ.

Thứ mười: Tịnh độ mà Phật Tỳ-lô-giá-na ở là tướng bao gồm vô uế, vô tịnh, không có cao thấp, kia đây, tự tha của các cõi tịnh uế trong các Liên hoa Phật sát ở mười phương. Mỗi cõi Phật đều đầy khắp pháp giới, không có tướng ngăn cách. Lược nói qua mười cõi Phật thì biết cõi

Phật vô tận nhưng không vượt ra một hạt bụi, không lớn nhỏ cho nên không lập hạn lượng. Vì lấy pháp làm giới nên không giới hạn bờ mé. Giống như tướng biển có trùng trùng sắc tướng thuần tạp. Đây là thật Tịnh độ chẳng thuộc về quyền.

2. Nói về niệm Phật tham Thiền cầu tông chỉ.

Thiền sư Từ Giác Tông Trách nói: Niệm Phật không chướng ngại tham thiền, tham thiền cũng không chướng ngại niệm Phật. Pháp tuy có hai nhưng lý đồng một thể. Người căn trí bậc thượng thì niệm Phật nối nhau không dính mắc vào hai đế, còn người căn trí bậc hạ thì nghiêng về một bên, cho nên không hòa hợp, phần nhiều khởi tâm phân tranh. Thế nên người tham thiền công kích người niệm Phật, người niệm Phật chống lại người tham thiền. Tất cả đều do chấp thật, xem thường Quyền, hoặc chấp Quyền chê Thật, cả hai đều đạo quả chưa thành, cửa địa ngục đã sớm mở ra. Thế nên trước phải biết rõ căn trí sâu cạn của mỗi người để dạy cho họ pháp môn tu tập thích hợp. Thí như người làm ruộng há sao mở kho được, người mở kho đâu thể làm ruộng. Nếu dạy người làm ruộng mở kho thì cũng giống như người què chân leo núi. Còn nếu dạy người mở kho làm ruộng thì cũng giống như ép người hiền lành làm kẻ trộm. Rốt cuộc không được gì. Chi bằng người làm ruộng hãy tự mình làm ruộng, người mở kho nên chính mình mở kho. Tùy theo sở thích của mình thì sự việc đạt được kết quả như ý. Thế nên niệm Phật, tham thiền mỗi hạnh đều cầu tông chỉ. Dòng suối, ngọn núi tuy khác nhau nhưng mây và trăng thì giống nhau. Có thể nói: liễu xanh ở mọi nơi đều buộc ngựa được, nhà nhà mở cửa thấy Trường An.

3. Tịnh độ chẳng phải quyền nói cho hàng độn căn.

Thiên Thai Tư Phạm giảng chủ ở lâu trên núi Lâm bình, giải và hạnh cao vời, tạo ra giáo quán, tánh tướng sâu xa. Ngài thường cùng kẻ sĩ đại phu qua lại, tùy theo lời hỏi của những người ấy mà Ngài giải thích rõ ràng.

Một hôm có thông phán Trịnh Công hỏi: Trong giáo có nói niệm Phật A-di-đà nguyện sinh Tịnh độ là vì hạng độn căn mà phương tiện quyền nói. Bậc thượng căn đốn ngộ hễ vượt lên thì vào thẳng Phật địa, đâu nhờ Tịnh độ của Đức Phật kia.

Ngài đáp: Tông ta trước phải thấu đạt thuyết này. Nói Phật tại thế thì có Ngài Văn-thù, Phổ Hiền tu theo pháp môn niệm Phật này mà thành tựu đạo quả, còn sau khi Phật diệt độ có Ngài Mã Minh, Long Thọ, Đại sư Trí Giả, Thiền sư Trí Giác đều nguyện vãng sinh Tịnh độ, chẳng lẽ đó là hạng độn căn ư? Nếu cho đó là Quyền giáo thì đâu là

thật giáo?

Xưa kia, Tôn Tân Lão cũng nghi ngờ Tịnh độ này, nhân gặp được Dương Thứ công Vương Mẫn Trọng giảng giải, bàn luận nên ông liền hiểu ra và tin Tịnh độ này chẳng phải quyền nói của bậc Thánh mà chính là chân tông của viên thật. Chỉ cần chuyên niệm danh hiệu Đức Phật kia chắc chắn sinh về Tịnh độ. Đây là xưng tánh thật ngôn chẳng phải là Quyền giáo.

4. Tông yếu tịnh độ của thiền sư Chân Yết Liễu.

Di-đà không lìa tâm chúng sinh, đây là ba thứ không sai biệt, Cực lạc trùm khắp tất cả mọi nơi, nêu một để thâu nhiếp tất cả. Giống như mành lưới báu ngàn hạt châu trên cung điện của trời Đế Thích, ánh sáng của ngàn hạt châu lung linh hòa nhập vào một hạt châu; ánh sáng của một hạt châu biến khắp hòa nhập vào ngàn hạt châu. Tuy tất cả những hạt châu cùng nhau biến khắp nhưng hạt châu này không phải là hạt châu kia, hạt châu kia cũng không phải là hạt châu này. Xen mà không lẫn, lìa mà không phân. Mỗi mỗi đều sáng khắp, cũng không phân biệt nơi chốn. Tịnh độ của Phật A-di-đà là một trong ngàn hạt châu, là một cõi Phật trong mười muôn cõi Phật. Thế nên bậc Thánh dùng phương tiện khéo léo dạy người chuyên niệm danh hiệu Phật A-di-đà chính là một ngàn hạt châu chỉ thẳng một hạt châu, thấy một Đức Phật tức là thấy chư Phật trong mười phương cũng chính là thấy chúng sinh của chín cõi trong biển cõi nhiều như bụi nhỏ. Mười đời xưa nay một ấn đốn viên chẳng phải pháp khác.

5. Đại sư Tịch Thất chỉ bày tịnh độ thật thấy.

Người không tu Tịnh nghiệp nói chuyên tâm thiền định, ngộ tánh chân tông, hoặc nghe nói về Tịnh độ thì chắc chắn nói Tịnh độ duy tâm. Tâm ta đã tịnh thì cõi nước tịnh, cần gì phải riêng cầu sinh về Tịnh độ?

Ngài Tịch Thất bảo: Trong kinh Duy-ma nói Đức Như Lai ấn ngón chân cái xuống đất thì thấy cõi Ta-bà đều trang nghiêm sạch sẽ, nhưng chúng hội không thấy, chỉ có Phạm vương Loa-kế biết được. Ngày nay do điều này nên nói người ngộ tánh giống như việc thấy Tịnh độ của Phạm vương không? Huống chi ông ở trong ngôi nhà lụp xụp, phòng ốc chật hẹp, chắc chắn ham thích một ngôi nhà rộng lớn, phòng ốc cao đẹp. Người thoát khỏi cảnh cơm hẩm canh rau thì chắc chắn mong muốn những món ăn thơm ngon, người mặc vải thô áo vá thì chắc chắn ham thích gấm vóc lụa là. Nếu nói tâm tịnh cõi nước tịnh thì không cần phân biệt như thế. Huống chi khổ già, bệnh, chết là những nỗi khổ của thế gian trái với điều mong mỏi. Người chưa ngộ giống như miệng nói

tâm tịnh thì độ tịnh, nhưng thân bị trói buộc trong khổ não của cõi uế. Ấy là tự khi mình quá lắm, nếu không như thế thì phải tin vào giáo lý và tu theo Tịnh độ.

6. Luật sư Đại Trí dạy sự, lý của niệm Phật là không hai.

Sư từng vì Pháp sư Từ Tuệ Văn viết lời tựa cho Tịnh độ tập. Bài tựa ấy đại khái là: xưa nay học Phật phần nhiều lầm sự lý, cho lý là nhỏ nhặt, lẽ ra không cần phải lập; nói sự là muôn tượng sum la. Dừng tâm trụ vắng lặng là lý, trong cảnh động mà vẫn dụng tâm giữ việc tu tập là sự, bèn dẫn việc xưa rằng: Trong lý thật tế thì không chấp một hạt bụi, trong cửa Phật sự thì không bỏ một pháp. Đây là sự lý ngang nhau, Không-Có đều lập. Đồng thời theo tôi đã từng đổi câu ấy thành: Thực tế lý địa chẳng thiếu một trần, trong cửa Phật sự không giữ một pháp. Do lý thật tế đầy đủ tất cả pháp chẳng lẽ thiếu một hạt bụi, vì cánh cửa Phật sự lìa tất cả tướng chẳng lẽ còn giữ một pháp ư? Như thế mới thấy lý sự như một; không hữu là không hai.

7. Pháp sư Văn làm bài tựa về tông yếu của niệm Phật.

Ôi! Đạt được hữu tâm của vô tâm, biết vô niệm của hữu niệm. Hữu, vô chẳng trụ, năng sở đâu còn. Đây là niệm niệm tròn sáng, tâm tâm vắng lặng. Nếu hiểu được yếu chỉ này thì các pháp đều thành tựu, càng khế hợp với tông thì các môn thông diệu nay có thể không trái với thật tế, mà chỉ bày viên tu, để kẻ gánh nặng đi xa bỏ gánh nặng xuống, những người đang trôi giạt ở bến mê, mau lên bờ kia; cầu sinh về cõi Tây phương không người nào trước không tu môn quán niệm Phật. Thế nên tôi liền lấy đại cương kinh luận viết thành pháp môn tịnh hạnh Tây phương để chỉ phương pháp tu tập cho người tu Tịnh nghiệp có chỗ hướng đến. Còn những người tuy có gặp lời văn này nhưng không khởi lòng tin, không tu hành thì gần giống như kẻ phát cuồng vì nóng nhảy xuống ham xí, chỉ còn thò ra một sợi tóc mỏng manh mà muốn được cứu vớt thì không biết phải làm thế nào?

■

LÔ SƠN LIÊN TÔNG BẢO GIÁM

QUYỂN 4

NÓI VỀ NIỆM PHẬT LÀ CHÁNH PHÁI

Phật do tâm tạo; đạo do người mở mang, yếu chỉ của việc mở mang đạo pháp trước hết phải niệm Phật. Niệm Phật là chánh tâm, vì chánh tâm nên thường hợp với đạo. Tông cùng tột của đạo là Phật, Phật là giác. Tất cả chúng sinh đều có tánh bổn giác này, vì một niệm sai khác cho nên không giác. Tướng quốc họ Bùi nói: Người suốt ngày viên giác mà không hề viên giác là chúng sinh; người đầy đủ viên giác mà trụ trì trong viên giác là Như Lai. Cho nên Bạc-già-phạm thành đạo ở Ma-kiệt-đà, nói "có", bàn "không", quán sát căn cơ, tùy theo dạy giáo, ngoài các pháp khai riêng pháp môn niệm Phật để cắt đứt gốc rễ của các khổ, được dự vào con đường chính yếu của dòng Thánh. Cho nên kinh nói: "Từ cõi này đi về Tây phương qua mười muôn ức cõi Phật có một thế giới tên là Cực lạc. Đức Phật cõi ấy hiệu là A-di-đà." Trong nước ấy không có ba độc tám nạn nhưng có rất nhiều bảy báu đẹp đẽ trang nghiêm; lấy pháp làm thân; làm bạn với các bậc Thánh.

Nếu người tinh thành phát nguyện hướng tâm về cõi nước kia thì được vãng sinh, vượt xa ba cõi chín địa, chứng đạo mầu vô thượng của chư Phật. Lời nói này không phải điều luống dối. Kể từ khi đại giáo từ phương Đông truyền đến, đến thời Phật-đồ-trừng thì thạnh hành. Do Phật-đồ-trừng độ Ngài Đạo An, học trò Ngài Đạo An có Tuệ Viễn, Giới Châu, Nghĩa Hải, Long Tư, Phụng Chương tu tập theo cương yếu của giáo môn này. Sư viết bài "Thân quán vịnh niệm Phật Tam-muội", thời Tấn bấy giờ, các Bậc hiền mến mộ đức hạnh của Sư tranh nhau đến đạo tràng Chánh giác, cùng nghiên cứu đạo này. Tiếng tăm vang dội đến đế vương, đạo được tông kính một thời. Di Thiên suy tôn làm cao đệ, La-thập kết làm bạn tốt. Thức lượng rộng lớn, vượt hơn xưa nay. Đến nỗi cưỡng gọi là đạo, là Tôn sư của muôn đời. Người truyền lại đầy đủ cho trời người là Tuệ Viễn. Đời Tùy có Ngài Trí Giả; đời Ngụy có Ngài

Đàm Loan; đời Đường có Ngài Thiện Đạo, các vị này đã chấn chỉnh tôn phong. Đời Tống có Thản Công, viết sớ giải thích cặn kẽ về cam lồ, Tỉnh Thường kết xã, Từ Giác khuyên tu. Thiền sư Diên Thọ dung hợp ngàn điều lành đồng quay về một mối. Đời Nguyên, Tông chủ tập họp các kinh để làm thành sám, rộng thực hành các phương tiện, dùng lòng Từ bi uyển chuyển giáo hóa. Cho nên Tổ sư muốn làm cho tất cả chúng sinh trên mặt đất đều thấy được bổn tánh Di-đà, đạt được duy tâm Tịnh độ, tất cả đều giác ngộ đạo mầu Bồ-đề, bèn lập ra bốn chữ "Phổ giác diệu đạo" để đặt tên cho tông quán. Bốn chữ này là một tấm gương lớn chiếu khắp vô biên nhưng đồng một thể dụng. Lấy gì biết như thế? Nói tóm lại, ví dụ như thân thể của con người. Thân có đầu mắt, tay chân là dụng, không thể tách rời một phần nào. Chính mình không có nguyện vọng rộng lớn và lòng Từ bi sâu xa thì làm sao có thể giữ chữ tín đối với người đời sau ư? Trộm luận bàn rằng: Thế giới chúng sinh gọi là phổ; trí đạt được lý này gọi là giác; đức, dụng vô biên gọi là diệu; ngàn Thánh dẫm đạp gọi là đạo. Lại nữa, phổ tức là thể của tự tâm trùm khắp mười phương; giác tức là dụng của trí tự tâm soi sáng không lầm; diệu là hạnh của tự tâm lợi vật ứng cơ; đạo là tự tâm thông đạt lý trung chánh. Điều chứng ngộ của Hằng sa chư Phật tức là đạo này, sở đắc của Tổ sư nhiều đời là đạo này. Chúng sinh trong mười phương được sinh về Tịnh độ cũng đã học đạo này; những người tu tập ở đời vị lai cũng sẽ học đạo này.

Lại nữa, chư Phật, các Bồ-tát thị hiện ở thế gian làm vị đại đạo sư, các Ngài đều có bi nguyện nên không bỏ chúng sinh, hoặc làm vua chúa, quan văn, quan võ, cư sĩ, tể quan, xuất gia, tại gia, thuận hạnh, nghịch hạnh đều dùng đạo này để giáo hóa nhân dân.

Muôn loại hàm linh trong ba cõi từ vô lượng kiếp đến ngày nay, qua lại trong sáu đường giống như con kiến bò quanh cối xay, không biết ra khỏi bằng đường nào. Chư Phật, Tổ vì thương xót những chúng sinh ấy nên bày ra phương cách để dắt dẫn họ, giúp họ hướng về chỗ ta hướng về. Chỗ ta hướng về chẳng phải sáu đường, chẳng phải Tam Thừa mà là cõi của Như Lai Chánh giác. Người được đạo mà ta hướng về cũng dùng đạo này giáo hóa những người chưa có nơi hướng về, giúp họ hướng về chỗ hướng về này. Giống như mồi trăm ngàn ngọn đèn mà ánh sáng không phân tán lại còn sáng rực hơn trước. Tông niệm Phật này, chính là pháp của tâm, chính là chánh đạo mà chúng sinh quy hướng. Người này truyền cho người kia không bao giờ chấm dứt, nên gọi vô tận đăng. Thuyết Phổ giác diệu đạo há là lời nói suông ư? Bởi vì

mọi người đều có khả năng thành Phật, không phân biệt là tăng hay tục, người độn căn hay lợi căn, không có kia đây, cũng không có cao thấp. Tất cả mọi người đều đồng một thể tánh mà thôi. Hễ ai nhận thấy được thể tánh ấy là ngộ, còn để mất nó là mê. Tất cả mọi người đều đồng một lý tánh, hễ mê là phàm phu; ngộ là Thánh. Người mê là sự ngăn cách, chứ lý không ngăn cách, người đánh mất là tự đánh mất chính mình, nhưng tánh thì không mất. Người biết được điều đó tu Tam-muội niệm Phật chính là làm cho tâm mình ngay thẳng. Tâm này đã ngay thẳng thì tánh thuận theo lý. Tánh đã thuận theo lý thì sau trần không thể nhiễm, muôn cảnh không thể lay động, dụng ở trong tất cả, vắng lặng trong cõi muôn hóa, đã không lay động bổn xứ mà còn đi khắp mười phương, vượt đến cõi Cực lạc, vụt bay đến ngôi nhà Tịch quang, trụ trên đỉnh núi Niết-bàn, chầu đấng Vô thượng pháp vương, Phổ giác diệu đạo nghĩa của chánh tâm cao tột đến thế nào? Người không biết nghĩa này công phu từ chỗ nào thực hành, trí từ chỗ nào phát ra. Thí như người mù không thấy ánh sáng mặt trời, mặt trăng, đi ngang qua nơi nguy hiểm, bị sa hầm sụp hố không thể tự lên được. Xa thời kỳ Thánh hiền nên đa phần con người hiểu lầm, tuy có trông mong chánh đạo nhưng đều rơi vào tà tông. Những người tầm thường dung tục đều hiểu như vậy mà thôi, khiến cho bọn tà kiến quỷ quyệt làm mê lầm đồng thời dấy lên; phải quấy, "không có" nổi lên như ong v.v... hủy báng lẫn nhau, kẹt vào sự tướng không chịu xã bỏ; thuận theo ứng duyên không tự giác; chấp giữ như cây khô lại gọi là định; cậy mình thông minh tự cho là trí tuệ; buông lung trái đạo lại gọi là có năng lực; nương cậy vào quỷ thần lại gọi là có thần thông; có thân tâm phóng khoáng gọi là không ngăn ngại; rỉ tai nhau truyền đi gọi là bí quyết; chấp ngã tông là phổ, là giác; nói tông kia là diệu, là đạo. Đây đều là lén soi gương này, đi vào lãnh vực tà kia, bị bụi nhỏ ngăn che, không thấy tông thể. Tuy được tên gọi là gương nhưng không có được dụng, thật không biết Ngài Từ Chiếu lập bốn chữ này là có ý sâu sắc, người mê muội không biết nên chấp vào đây thì sẽ đánh mất mình.

Lại có người nói tại gia là Di-đà giáo, xuất gia là Thích-ca giáo, rồi tự tôn làm Tổ, chấp pháp làm tông, còn chấp kia đây. Tâm gặp việc thì không giải quyết được, chính mình là kẻ hiểu biết yếu kém thiên tà chứ chẳng phải người khác làm cho chúng ta thành con cháu Phật Tổ mà không thể phá hoặc chấp này, thì lấy gì giương cao mặt trời trí tuệ nơi tâm tối? Đau lòng vì tuệ mạng Phật Tổ chênh vênh, còn hơn cắt thịt thân mình; nhớ nghĩ báo ân sâu nặng của Phật Tổ thì dù ngủ nghỉ, ăn

uống, ở chỗ an ổn cũng không yên lòng; nhớ nghĩ đến đệ tử Phật ở khắp nơi tu tập sai đường, mà không thể cứu vớt, tuy chưa thể làm được một phần muôn của người xưa nhưng tâm này không luống dối, tôi từng tha thiết đọc Cao Tăng Truyện ký tìm dấu vết chân chánh của các Bậc hiền triết, nghiên cứu nguồn gốc của nó trích ra sự thật, sự lý chính đáng còn tồn giữ, tập hợp tất cả rồi viết ra; chỗ thiếu sót thì bổ sung vào, chỗ lờ mờ chưa rõ thì cắt bỏ; chỗ tối nghĩa thì làm cho sáng tỏ, chỗ đứt đoạn thì viết thêm dẫn chứng vào, ngõ hầu sau ngàn năm người tu Tịnh nghiệp nhờ lời nói mà tư duy về đạo, uống nước biết được nguồn gốc, biết được di phong của người xưa, hiểu rõ được ngọn ngành của Tiên tông, tiếp nối và làm hưng thịnh hạt giống Phật, mở mang đạo mầu, giữ tuổi thọ tuệ mạng đến vô cùng, truyền ngọn đèn chân chánh đến vĩnh viễn. Đây không phải bốn chữ là một tấm gương chiếu sáng vô cùng ư? Phải hiểu rõ đạo này, cẩn thận chớ xem thường.

1. Chuyện thật về Tổ sư Tuệ Viễn.

Sư húy Tuệ Viễn, người ở Lâu Phiền thuộc Nhạn Môn, nay là Đại châu Hải đông. Họ Giả, sinh ở Thạch Triệu, vào năm Giáp ngọ, thuộc niên hiệu Diên Hy. Vào niên hiệu Hàm Hoà thứ 9 vua Thành Đế đời Tấn, Sư mười hai tuổi, theo cậu du học ở Hứa Lạc. Sư thông hiểu sáu kinh, thông thạo sách Chu Dịch Lão Trang. Năm hai mươi mốt tuổi sư vượt qua sông, cùng Phạm Tuyên Tử ở ẩn, gặp giặc ở Trung nguyên nổi lên. Lúc ấy, Sư nghe tiếng Pháp sư Đạo An ở núi Thái Hành giảng kinh Bát-nhã nên cùng với người em là Tuệ Trì cùng đến nghe, nhân đó hoát nhiên đại ngộ. Sư nói:

- Đạo Nho lưu truyền đã lâu nhưng đều là vỏ trấu. Nói rồi Sư cùng người em cạo tóc xuất gia, thường lấy Đại pháp làm trách nhiệm của mình. Ngài Đạo An bảo:

- Kẻ làm cho đạo lưu truyền ở trong nước là Tuệ Viễn.

Niên hiệu Thái Nguyên thứ 9 đời Hiếu Vũ Đế, Sư đến Lô Sơn, dộng gậy xuống đất nói: “Có dòng suối ở đây”, bỗng nhiên có dòng suối phun vọt lên. Sư bèn cắt cỏ tranh làm am, giảng kinh Niết-bàn cảm được Sơn thần. Sơn thần hiển linh giúp đỡ Sư về vật liệu (gỗ), mưa gió chuyển gỗ về. Thái thú ở Giang châu kinh hãi sự thần dị này. Sư lập chùa Đông Lâm, đặt tên điện là Thần Vận.

Đến niên hiệu Thái Nguyên thứ 11 chùa xây dựng hoàn thành. Vì ở Đông Nam kinh luật chưa đầy đủ, thiền pháp không được nghe nên Sư dựng riêng một thiền thất trong khuôn viên chùa và thỉnh một thiền sư về hướng dẫn mọi người tu tập pháp thiền, khiến các đệ tử vượt qua

sa mạc đến học Thiền kinh, những người dân ở gần sông đều được tu tập. Sư nguyện đem giáo pháp Đại thừa giáo hóa khắp nơi từ phương Bắc đến phương Tây, phương Nam. Có lần Sư nói: Thiền pháp sâu xa nhiệm mầu, người không có tài thì không thể trao truyền, chỉ dạy được. Yếu môn nhập đạo, công đức cao vời, tu tập dễ tiến không gì hơn niệm Phật.

Học trò của Sư khoảng ba ngàn vị tới lui, một trăm hai mươi ba vị là bậc chân tín và mười tám Bậc hiền như Lưu Di Dân... Những vị ấy đối trước tượng Phật Vô Lượng Thọ thiết trai, lập nguyện đồng tu tập để sinh về Tịnh độ Tây phương và kết Bạch Liên xã, Lưu Di Dân làm bài văn phát nguyện, sư tự soạn bài tựa về niệm Phật Tam-muội. Tạ Linh Vận ỷ có tài nên ngạo mạn nhưng một khi gặp Sư liền tỏ lòng cung kính, phát nguyện đào ao trồng sen để xin gia nhập vào Liên xã của Sư tu tập nhưng Sư thấy ông tâm tạp loạn nên không nhận.

Trong núi có nhiều rắn, có một hành giả, không biết là người nào đã từng giúp Sư đuổi rắn, đến nay hiệu là Tỵ xà Thánh giả. Một dòng suối chảy ngang qua chùa Sư ở, đến cuối dòng nhập vào Hổ Khê. Mỗi lần tiễn khách về, Sư lấy Hổ khê làm ranh giới. Bấy giờ, Đào Uyên Minh và Lục Tu Tĩnh từng được Sư đưa tiễn, vì ba người đàm đạo rất khế hợp, bất giác đi quá Hổ khê, rồi cùng nhau cười lớn. Đời sau nhân đấy truyền Tam Tiếu đồ ở đây.

Pháp sư La-thập thông hiểu kinh sách, xứng đáng làm thầy, là vị Bồ-tát hộ pháp Đông phương. Tăng chúng ở nước ngoài đều nói đất Hán có đạo sĩ Đại thừa, nên mỗi lần thắp hương lễ bái đều hướng về phương Đông núi Lô làm lễ, tỏ lòng cung kính.

Niên hiệu Long An năm đầu đời vua Tấn An Đế; Hoàn Huyền xúi giục vua sa thải tăng ni. Sư bảo Lô Sơn là nơi ở đạo đức không dễ tìm. Thế rồi sư đem ý kiến ấy trình lên vua, xin vua không đào thải tăng ni. Đến năm đầu nhà Nguyên, Hoàn Huyền lại muốn Sa-môn phải cung kính bậc vương giả. Sư lại viết những lời bàn bạc rồi rời khỏi An Đế. Từ Giang Lăng Sư trở về kinh đô, mọi người khuyên Sư trở lại, sư viện cớ bệnh nên không đi. Vua bèn sai người đến thăm hỏi, sư dâng biểu lên vua.

Ngày 1 tháng 11 năm Ất Mão thuộc niên hiệu Nghĩa Hy, sư nhập định đến mười bảy ngày; khi xuất định gặp Đức Phật A-di-đà thân màu vàng tử ma chiếu khắp thế giới hư không. Văn Long Thư Tịnh độ viết: Tuệ Viễn ba lần thấy tướng Thánh nhưng Sư không hề nói, ba mươi hai năm không ra khỏi núi, cũng không đến nhà thế tục.

Ngày 1 tháng 8 năm Bính Thìn Sư thị hiện bị bệnh, đến ngày mồng 6 bệnh trở nặng, các bậc Đại đức kỳ cựu thỉnh sư uống rượu đậu, nhưng Sư không chấp thuận, lại thỉnh Sư uống mật ong, Sư bảo Luật sư xem xét rồi đem cất, không bao lâu Sư nhóm họp các đệ tử đến dặn dò:

"Ta tự biết ngày ra đi, ta sẽ bỏ thân ở núi này, nên từ nay đến cuối cuộc đời ta sẽ đóng cửa thất, dứt bặt các duyên, chuyên giữ chí mình không màng đến thân xác. Năm nay đã tám mươi ba tuổi rồi, lúc trút hơi thở cuối cùng ta muốn để xương cốt ở dưới rừng thông, tức là lấy đỉnh núi làm mộ để nuôi cây cỏ tốt tươi. Đây là theo thông lệ của người xưa, các vị chớ có trái. Nếu làm cho thần thức sáng suốt đạt đến chỗ chân thật thì Đức Thế Tôn đại bi cũng sẽ giúp cho". Nói xong, Sư từ giã mọi người. Quan thái thú Tầm Dương đến điều hành tang lễ. Thi thể Sư an táng ở Tây Lãnh, chất đá làm tháp thờ, vua An Đế ban hiệu là "Lô Sơn Tôn giả Hồng Lô Đại khanh Bạch Liên xã chủ ngưng tịch chi tháp". Tạ Linh Vận lập bia đề bài minh để tuyên dương công đức. Bài tựa của Trương Dã có Khuông Sơn Tập mười quyển lưu hành ở đời.

2. Thụy hiệu của Tổ sư Tuệ Viễn qua các Triều đại.

Niên hiệu Nghĩa Hy, vua An Đế đời Tấn ban thụy hiệu cho Sư là Lô Sơn Tôn giả Hồng Lô Đại khanh Bạch Liên xã chủ.

Năm Mậu Thìn, vua Đại Trung đời Đường ban thụy hiệu cho Sư là Biện Giác Đại sư.

Thăng Nguyên niên hiệu đời Nam Đường năm thứ ba vua ban thụy hiệu cho Sư là Chánh giác Đại sư.

Niên hiệu Thái bình Hưng quốc năm thứ ba đời Tống vua ban thụy hiệu cho Sư là Viên Ngộ Đại sư.

Niên hiệu Càn Đạo năm thứ hai đời Tống vua ban thụy hiệu cho Sư là Biến Chánh Giác Viên Ngộ Đại Pháp sư.

3. Đại sư Minh Giáo đề bài ký về ảnh đường thờ Tổ sư Tuệ Viễn.

Về sự tích Ngài Tuệ Viễn, người học tuy có thấy nhưng ít ai biết được tường tận, khiến cho người học đời sau không biết rõ ràng; không thấy đức hạnh của các bậc Tiên hiền cũng là lỗi của người hậu học. Tôi đọc Cao Tăng Truyện, Liên xã Lục, Cửu Giang Tân Cựu lục, thích nhất là sáu việc của Tuệ Viễn, thường lấy đó để nhắc nhở mình tu học. Thế rồi tôi trích dẫn ra ghi bài ký ấy đóng khung treo lên giảng đường để mọi người đến học được thấy.

Lục Tu Tĩnh là người tu học theo giáo phái khác, khi trở về sư tiễn quá Hổ Khê. Đó là y pháp bất y nhân. Đào Uyên Minh đắm say men rượu nhưng sư lại kết bạn. Bởi vì bỏ qua chi tiết nhỏ chỉ y cứ vào sự đạt

ngộ. Cao tăng Bạt-đà hiển bày việc lạ, bị đuổi đi nhưng lại đón về và khen ngợi. Bởi họ xem nặng về học thức mà khinh miệt Bậc hiền, Tạ Linh Vận vì tâm hỗn loạn nên không nhận, sau quả chết vì bị gia hình tâm nên mất phép tắc, bởi biết là pháp khí nhưng phải cẩn thận đến cùng. Lô Tuần muốn làm phản nhưng sư chỉ chấp tay cầu cứu vì tự tin vào đạo. Hoàn Huyền ra uy nhưng Sư chống đối không khuất phục vì có khí tiết lớn. Tình người xưa nay đều sợ uy thế, khó tránh khỏi quên nghĩa để tránh né nghi ngờ, háo danh mà mê muội sự thật, nương dựa thế lực mà tàn nhẫn với kẻ thế cô, tô điểm đức hạnh mà sợ liên lụy, tự khen chê người. Ai có đạo hạnh cao quý trong đời như Bậc hiền lại bằng lòng nói ít lời mà nghe theo người ư? Ai vốn có đức tốt làm những việc trong sạch, thanh khiết lại bằng lòng kết giao với người say sưa vì coi trọng sự chứng đạt của kẻ đó ư? Ai là bậc thầy có thể khuất phục người, vì tôn trọng lễ mà bị trách đuổi đi, lại khen như khách và khen ngợi là Bậc hiền ư? Ai là người chối từ kẻ sĩ nổi tiếng, không dạy dỗ truyền đạt giáo pháp để giữ trọn vẹn đến cuối ư? Ai có nghĩa, không trốn tránh tai họa, hòa nhã như cố cựu vì tin vào đạo ư? Ai là kẻ gặp oai tướng đang sát phạt, bạo ngược lại giữ đạo không bị rối loạn để giữ khí tiết ư? Vì thế Tuệ Viễn biết mọi việc một cách sâu rộng, vượt xa xưa nay. Nếu đảm trách Thánh đạo rộng lớn sâu xa cùng tột giáo pháp làm giàu có trời người là những chúng sinh không mong mỏi mà được cùng tột. Đó là Thánh ư? Hiền ư? Là vĩ nhân ư? Thổi một luồng gió mát kết thành khối lớn, đó là danh tiếng của Tuệ Viễn; ngọn núi cao vọt giữa bốn biển sắc thu là sự thanh cao của Tuệ Viễn; người như rồng, tăng như phụng đều khen nguyên tắc là khuôn phép của Tuệ Viễn. Mây trắng, hang son, cây ngọc, cỏ quỳnh đều là nơi dừng chân của Tuệ Viễn. Người sinh sau tuy mến mộ nhưng hận. Xem di tượng này xin cúi đầu làm lễ, nguyện lấy những mảng văn tản mạn viết lại trên vách thất.

4. Tên họ mười tám vị Đại Hiền ở Lô Sơn.

1. Tổ sư Tuệ Viễn, húy Tuệ Viễn, người ở Lâu Phiền thuộc Nhạn Môn, họ Giả.

2. Pháp sư Vĩnh, húy Tuệ Vĩnh, họ Phần, người ở Hà nội.

3. Pháp sư Trì, húy Tuệ Trì, là em của Tuệ Viễn. Hai anh em cùng thờ Pháp sư Đạo An làm thầy.

4. Pháp sư Sinh, húy Đạo Sinh, xuất thân từ họ Ngụy, người ở Cự Dã.

5. Tôn giả Phật-đà-da-xá, Hán dịch là Giác Minh, thuộc dòng họ Bà-la-môn ở nước Kế tân.

6. Tôn giả Phật-đà-bạt-đà-la, Hán dịch là Giác Hiền, là cháu của vua Cam Lộ Phạn.

7. Pháp sư Duệ, húy là Tuệ Duệ, người ở Ký châu.

8. Pháp sư Thuận, húy là Đàm Thuận, người ở Quảng long.

9. Pháp sư Kính, húy là Đạo Kính, họ Vương ở Lang-da, theo Tổ Ngưng Chi đến ở Giang châu.

10. Pháp sư Hằng, húy Đàm Hằng, người ở Hà Đông, là đồng tử xuất gia, không rõ tên họ.

11. Pháp sư Bỉnh, húy Đạo Bỉnh, họ Trần, ở Dĩnh xuyên.

12. Pháp sư Trầm, húy Đàm Trầm, người ở Quảng lăng, không biết tên họ.

13. Lưu Di Dân, húy Trình Chi, tự Trung Tư, người ở làng Bành thành, con cháu của vua Hán Sở Nguyên.

14. Tán kỵ thường hầu Lôi Công, húy Tông, tự Trọng Luân, người ở Nam xương.

15. Thái tử Xá Nhân Tông Công, húy là Bính, tự là Thiếu Văn, người ở Nam dương.

16. Trị trung Trương Công, húy là Dã, tự Lai Dân.

17. Tán kỵ thường hầu Trương Công, húy Thuyên, tự là Tú Thạc, dân tộc Mông.

18. Thông Ẩn Xử sĩ Chu Công, húy là Tục Chi, tự Đạo Tổ, người ở Quảng võ thuộc Nhạn môn.

5. Thiền sư Quán Hưu đề thơ ở ảnh đường thờ mười tám vị Đại Hiền.

Sen trắng bên ao ảnh đường xưa
Phong cách Lưu, Lôi vang dội khắp
Xem nhẹ Thiên tử, các chư hầu
Chỉ mến thầy tôi dòng pháp dài
Người quá tham đắm vời chẳng được
Tạ công tâm loạn, hết phương chữa
Người nào đến đây nghĩ mông lung
Như gió thoảng qua bức tường thấp.

6. Nói về việc thành đạo của Tổ Tuệ Viễn.

Sách Lễ Ký ghi:

Tiên tổ không khen ngợi tốt đẹp là vu báng, có điều tốt mà không biết là ngu si, biết mà không dạy cho người khác là bất nhân. Ba điều này người quân tử rất hổ thẹn. Chao ôi! Ta là học trò của Đức Phật há không như vậy chứ?

Ngài Tuệ Viễn - Tổ sư của ta đức hạnh, giai vị, công đức rộng lớn, sáng ngời mà vẫn hạ mình dạy dỗ cho rất đông người ngu dốt. Vì Sư muốn làm người dẫn dắt những người kém phước duyên nhưng lại là kẻ chẳng ra gì, sự học ít ỏi, tài đức kém yếu, chưa thể noi theo kế thừa Tông bảo trước, bèn một mình học rõ giáo lý. Chẳng lẽ cũng hổ thẹn ư? Sư từng tham học với Thiền sư Tú - người thông kinh luận ở thạch thất. Sư bảo: cách khổng Tử một trăm năm có Mạnh Tử tiếp nối tông chỉ. Lúc ấy, đạo cơ của Khổng Tử suy vi, trục xe ở đây có năng lực đi vào quỹ đạo của nó, làm hưng thạnh môn phong, khiến mọi người nể phục. Phật giáo từ phương Đông truyền đến khoảng ba trăm năm có Tuệ Viễn. Lúc ấy, Sa-môn dần dần hưng thạnh, nhưng chưa được độc lập, Sư đặt ra hiến chương, khuôn phép tốt đẹp, làm Tông sư của thiên hạ. Thế nên, đạo Phật từ đây mới được hưng khởi. Vì thế gọi Tuệ Viễn là người có công lớn trong dòng họ Thích. Cũng như Mạnh Tử, học trò của Khổng Tử. Ngài Tuệ Viễn cho cao tăng và kẻ sĩ trong triều đình đồng tu Tịnh xã. Đạo của Sư vang dội đến đế vương, pháp lưu truyền khắp trong nước. Người đời sau tu tập pháp môn niệm Phật không ai không biết nguồn cội của Tổ mình.

Người nào đánh mất nguồn cội của mình, truyền bá nhiều kiến chấp và nói về sự bạc phước của thế gian thì đó là bọn Xiển-đề, họ dối chọn Lô Sơn ghi thành Đạo ký thêm văn từ trau chuốt, lời nói không có căn cứ để làm cuồng loạn, mê hoặc thiện tín, truyền khắp mọi người, đến nay không thể sửa đổi.

Tôi đã xem kỹ Đại tạng, Hoằng Minh Tập, Cao Tăng truyện và quán sát tường tận yếu chỉ của nó nên nêu lên sơ lược bảy việc để phá trừ mê lầm cho mọi người. Người hiểu biết thì noi theo gương Ngài Tuệ Viễn, đảnh lễ Pháp sư Đạo An ở núi Thái Hành mà xuất gia vọng truyền là thờ Tôn giả Chiên-đàn làm thầy là điều dối gạt thứ nhất. Vọng cho rằng Đạo An là cháu của Tuệ Viễn là điều dối gạt thứ hai. Tuệ Viễn ba mươi năm không ra khỏi núi, không đến nhà thế tục mà vọng cho là Bạch Trang bắt được là điều dối gạt thứ ba. Tấn Đế ba lần vời Tuệ Viễn nhưng Sư viện cớ bệnh để chối từ lời mời, mà cho là bán thân cho Thôi tướng công làm tôi tớ là điều dối gạt thứ tư. Cánh tay của Ngài Đạo An có vòng thịt mà dối cho là Tuệ Viễn là điều dối gạt thứ năm. Lúc sắp qua đời Sư ngồi dưới gốc thông, bảo môn đồ chôn ở Tây Lĩnh. Nay vẫn còn thấy ngôi tháp im lìm lặng lẽ, có thể lấy đó để chứng minh, mà dối cho Tuệ Viễn ngồi trên thuyền ánh sáng chói lọi rồi bay lên cõi trời Đâu-suất là điều dối gạt thứ sáu. Pháp sư Đạo Sinh ở Hổ Khâu giảng

kinh, chỉ đá phát thệ nguyện, đá liền gật đầu mà dối cho là Tuệ Viễn, đó là điều lừa dối thứ bảy. Đáng thương xót thay những phường gian tế ở đời không biết được đức hạnh chân thật của Tổ sư vọng tô điểm thêm nhiều việc không căn cứ, gieo vào tâm tưởng người sau những điều không hay, làm cho mọi người chê cười, hủy báng Thánh đức. Người hiểu biết thấy việc đó mà không tìm hiểu nguyên do đúng hay sai, cứ để cho họ xem thường Tổ sư ta ư? Há chẳng làm thân Phật chảy máu, phạm tội ngũ nghịch ư? Tôi có xem các bậc tăng tài đức đời Tống, như Tài Quán, Huệ Nghiêm, Linh Vận, phiên dịch kinh Niết-bàn, thêm bớt ngôn từ. Mơ thấy thần mắng: "Dám lấy phàm tình mà xem nhẹ Thánh điển." Tài Quán, sợ hãi nên dừng lại.

Huệ Lâm nhờ tài học của mình nên may mắn được vua phong hiệu là Hắc y tể tướng, tự dính mắc vào phải quấy, bàn luận phân biệt, hủy báng Phật giáo, nên chiêu cảm lấy bệnh nặng, thân thể thối rữa mà chết.

Ôi! Những điều như thế đều là vọng viết truyện ký về Tổ sư mà không sợ đọa vào ba đường địa ngục ư? Những người cùng chí hướng với tôi hãy xem xét kỹ về sự tích thật của Tuệ Viễn từ gốc tới ngọn, nói khắp cho mọi người biết để làm rạng rỡ Tổ đạo, ngõ hầu khôi phục lại sự thật của các bậc tiên tổ, rút lại những điều trái ngược ấy.

7. Đại sư Thích Đàm Loan ở Bích cốc.

Sư là người ở Nhạn môn, lúc nhỏ đến núi Ngũ Đài, cảm được khác lạ của nó nên Sư tự phát nguyện xuất gia. Sự đốn tiệm trong Tam Thừa Sư đều nghiên cứu tường tận trong văn lý. Sư từng mang bệnh đến Phần châu, chợt thấy mây ám bay hết, cửa trời rộng mở, sáu tầng trời cõi dục giai vị thượng hạ nhiều lớp. Sư vừa chớp mắt bệnh liền tiêu trừ. Từ đó tất cả việc gì Sư cũng dụng tâm Phật đạo, như sợ không kịp, việc khai thị cho kẻ ngu, dẫn dụ người đời vào đạo không ngơi nghĩ gần xa.

Ban đầu Sư thích Thuật học, nghe ông Đào ẩn cư tu tập đắc được pháp sống lâu, sư lặn lội từ xa đến ông Đào để xin mười quyển kinh tiên. Ông Đào cho Sư, sư rất vui mừng tự đắc, cho là pháp thuật của thần tiên chính là đó. Sau, sư trở về Lạc Hạ gặp Bồ-đề-lưu-chi, trong ý khá tự đắc nên hỏi Ngài Lưu-chi: Đạo Phật có thuật sống lâu hay không? Đạo Phật có khả năng làm trẻ mãi, không già không chết chăng?

Ngài Lưu-chi cười, đáp:

- Sống lâu không chết chính là đạo Phật ta. Sư bèn trao quyển kinh Vô Lượng Thọ cho Đàm Loan, nói: Ông hãy tụng kinh này thì không sinh vào ba cõi, sáu đường. Tất cả những điềm lành, dữ, tốt xấu

trong hư không đều không thể đến. Tuổi thọ thì có kiếp thạch, có hà sa, số kiếp thạch và hà sa có hạn lượng, còn tuổi thọ con người ở đây rất dài lâu không thể tính kể, không có kỳ hạn. Đó là quyển sách sống lâu của họ Kim tiên ta.

Ngài Đàm Loan vâng theo lời nói đó, phát tâm tin sâu, liền đốt các sách kinh Tiên mà chuyên quán kinh này.

Sư thường xem kinh, hiểu được nghĩa lý, tu ba thứ phước nghiệp, quán tưởng hình tướng chín phẩm, tuy nói lạnh nóng thay đổi, bệnh tật xâm nhập nhưng vẫn không bỏ niệm ban đầu. Chúa nhà Ngụy thương xót ý chí ấy lại chuộng sự tự hành hóa tha của Sư và có đạo nghiệp rộng lớn nên ban hiệu là Thần Loan và bảo Sư đến trụ trì chùa Đại nghiêm ở Tinh châu. Không bao lâu sư dời đến trụ chùa Huyền trung, ở Phần châu. Đêm nọ, Ngài Đàm Loan đang tụng kinh, có một vị phạm tăng khí phách hơn người đến thất sư, nói: Long Thọ ta đã ở Tịnh độ, vì ngươi có tâm Tịnh độ nên ta đến gặp ngươi.

Ngài Đàm Loan hỏi:

- Ngài dùng giáo pháp nào dạy tôi?

Long Thọ đáp:

- Quá khứ không thể đến, vị lai không thể truy tìm, hiện tại nay ở đâu? Thời gian trôi qua khó giữ lại. Nói xong biến mất.

Ngài Đàm Loan xét điều đã thấy tốt đẹp khác thường thì biết được kỳ hạn của sinh tử, bèn tập họp mấy trăm vị đệ tử giảng dạy kỹ càng và căn dặn rằng: Ta đã dạy bảo rằng bốn loài sinh khổ nhọc đều dừng, các khổ địa ngục không thể không sợ, Tịnh nghiệp không thể không tu. Do đó khiến các đệ tử đồng thanh lớn tiếng xưng niệm A-di-đà Phật. Ngài Đàm Loan hướng về phương Tây nhắm mắt rồi thị tịch. Lúc đó đạo tục đồng nghe âm thanh như tiếng ty trúc reo từ phương Tây vọng đến, giây lâu Sư bèn hóa.

8. Đại sư Thiên Thai Trí Giả.

Sư húy Trí Khải, tự Đức An, họ Trần, người ở Dĩnh Xuyên. Mẹ sư họ Từ, nằm mộng thấy khói hương năm mầu bao quanh thân bà, sau đó bà có mang. Đến ngày sinh ra sư có ánh sáng thần diệu chiếu sáng rực cả phòng. Mỗi mắt sư có hai con ngươi, lông mi chia thành tám màu. Thuở nhỏ, sư nhìn thấy hình tượng Phật liền đảnh lễ, gặp chư tăng thì vái chào. Đến năm mười tám tuổi Sư đến chùa Quả nguyện ở Tương châu xuất gia, tụng kinh Pháp Hoa, thông cả Luật tạng, tánh thích tu Thiền nên Sư đến núi Đại Tô đảnh lễ Thiền sư Tuệ Tư, quay mặt về hướng Bắc thờ Thiền Sư làm thầy.

Thiền sư Tuệ Tư vừa gặp Sư liền nói: Ngày xưa ở Linh sơn chúng ta đã từng nghe kinh Pháp Hoa, túc duyên đã đến, nay chúng ta lại gặp nhau. Nhân đây Ngài trao Tam-muội Pháp Hoa cho Trí giả, sư tụng kinh suốt hai mươi mốt ngày, lúc tụng đến câu "Chân tinh tấn, đó gọi là chân pháp cúng dường" trong phẩm Dược Vương Bổn Sự thì thân tâm Sư bỗng nhiên vắng lặng mà như nhập thiền định. Sư thấy rõ nghĩa Pháp Hoa như ánh sáng mặt trời chiếu soi muôn vật; thấu đạt các pháp tướng như gió mát thổi trong hư không. Sư bèn đem điều đã chứng bạch Thầy, Thầy bảo:

- Chẳng phải ông không chứng, chẳng phải ta không biết. Sở chứng của ông là Pháp Hoa Tam-muội tiền phương tiện đắc toàn Đà-la-ni, Ông là người bậc nhất trong những vị giảng kinh Pháp Hoa. Sau này hãy truyền bá giáo pháp khắp cùng thành thị thôn quê. Lúc mọi người chịu khuất phục, công việc hoằng hóa sắp xong thì Ngài vào Thiên Thai hàng ma, tinh tấn tu hành. Việc hóa duyên đã mãn, Sư đến trước tượng đá lớn ở Tân Xương thị hiện bị bệnh và nói với các đệ tử là sẽ tịch diệt. Các đệ tử thỉnh Sư nói cho họ biết nơi sư sắp sinh về. Sư bảo:

- Các thầy bạn của ta đều theo Bồ-tát Quán Âm đến đón rước ta. Đến tối, người thị giả thấy có Phật đến, thân Phật cao gấp hai tượng đá lớn. Lúc sắp qua đời, Sư bảo các đệ tử tụng kinh Vô Lượng Thọ và Quán kinh, sư mở mắt rồi quay sang đại chúng chấp tay khen ngợi rằng:

- Bốn mươi tám nguyện trang nghiêm Tịnh độ, ao hoa, cây báu dễ đến mà không có người, tướng xe lửa hiện, một niệm sửa đổi vẫn được vãng sinh, huống chi huân tu giới định, tu thắng hạnh, đạo lực thật không luống uổng. Nói xong, sư xưng danh hiệu Tam bảo rồi thản nhiên mà hóa. Về sau, có vị Tăng cầu xin được biết chỗ sinh của Ngài Trí Giả, liền mộng thấy kim dung Bồ-tát Quán Âm cao mấy trượng, Ngài Trí Giả theo sau và nói với vị Tăng: Ông đã hết nghi chưa? Như thế nên nghiệm biết Ngài Trí Giả vãng sinh Tây phương.

9. Hòa thượng Thiện Đạo ở kinh đô.

Thích Thiện Đạo vào niên hiệu Trinh Quán đời Đường, Sư đi khắp nơi hỏi đạo, gặp Thiền sư Đạo Xước ở Tây hà tu tập Phương Đẳng sám và giảng Quán kinh tại đạo tràng Tịnh độ cửu phẩm, sư rất vui mừng nói rằng: Đây đúng là bến bờ then chốt để vào cửa Phật. Nếu tu các pháp môn khác quanh co phức tạp khó thành tựu, chỉ có quán môn này mau vượt khỏi sinh tử. Nay ta đã được pháp môn này. Từ đó sư dốc chí khổ công tu tập như cứu lửa cháy đầu rồi tiếp tục đến kinh đô để kích phát bốn bộ đệ tử, không kể sang hèn, hàng thịt, bán rượu, ai ai Sư cũng

đều giúp cho họ được giác ngộ. Sư dạy mỗi người nhập Phật thất chắp tay, quỳ thẳng nhất tâm niệm Phật, không kiệt sức thì không nghỉ, cho đến trời lạnh cũng phải tháo mồ hôi. Tướng trạng này bày tỏ lòng chí thành, Sư vì người nói pháp Tịnh độ để giáo hóa các đạo tục, khiến họ phát đạo tâm tu hạnh Tịnh độ, không có tạm thời, không vì lợi ích, hơn ba mươi năm không có chỗ ngủ riêng, không ngủ nghỉ trái thời, trừ lúc tắm gội ngoài ra Sư không hề cởi y, Ban-chu hành đạo, lễ Phật phương đẳng... Sư đều chuyên tâm làm tròn trách nhiệm, hộ trì giới phẩm không hề phạm một lỗi nhỏ nhặt nào, không hề nhìn người nữ, không màng đến danh lợi, tránh xa sự nói chơi vui đùa. Chỗ ở của Ngài, nếu có Đàn-việt thanh tịnh cúng dường bốn thứ cần dùng như thức ăn, y phục... cho Sư thì sư không tự hưởng riêng mà đem những thức ăn ngon để vào nhà trù cúng dường cho đại chúng còn mình chỉ ăn những món dở. Sư không uống các thứ sữa, lạc, đề hồ. Mọi vật của Đàn-việt cúng Sư dùng vào việc viết kinh A-di-đà hơn mười muôn quyển. Ngoài ra còn họa hơn ba trăm bức biến tướng Tịnh độ.

Thấy vách tường chùa bị xuống cấp và ngôi tháp cũ kỹ, Sư phát tâm xây dựng lại, đốt hương thắp đèn quanh năm không để tắt. Ba y và bình bát sư không nhờ ai ôm và rửa, trọn đời không thay đổi, luôn giáo hóa những người có duyên. Mỗi khi đi đâu thì chỉ đi một mình chứ không đi với đại chúng, vì sợ đi với người sẽ bàn nói việc thế gian trở ngại việc tu hành. Nếu có người thưa hỏi việc tu tập, đảnh lễ yết kiến sư, mong được nghe Sư giảng một ít giáo pháp thì người ấy sẽ được dự vào đạo tràng, đích thân được nghe lời chỉ dạy, hoặc không hề thấy nghe phải suy tầm giáo nghĩa, hoặc xoay vần trao truyền pháp môn Tịnh độ. Xa gần đều đến nghe, tăng ni, sĩ nữ có người bỏ thân nơi núi cao, đốt thân cúng dường. Có hơn trăm người bỏ vợ con, tu Phạm hạnh, tụng kinh Di-đà từ mười muôn đến ba mươi muôn biến, mỗi ngày niệm Phật A-di-đà từ một muôn đến mười muôn câu và người được Tam-muội niệm Phật vãng sinh Tịnh độ không biết là số bao nhiêu.

Có người hỏi Ngài Thiện Đạo: Khéo niệm Phật thì sinh về Tịnh độ phải không?

Sư đáp: Đúng như ông nghĩ, sẽ được thỏa nguyện. Ngài Thiện Đạo chuyên niệm Phật A-di-đà, cứ như thế, hễ niệm một câu thì có một luồng ánh sáng từ trong miệng phát ra. Niệm mười câu cho đến trăm ngàn câu thì ánh sáng cũng giống như thế. Sư nói với mọi người: thân này luôn bị các thứ khổ ép ngặt, nó giả dối, luôn thay đổi không chút ngừng nghỉ, thật đáng nhàm chán. Nói rồi Sư liền leo lên cây liễu ở

trước chùa xoay mặt về hướng Tây nguyện rằng:

- Nguyện uy thần của Phật đến tiếp dẫn con, Bồ-tát Quán Âm và Bồ-tát Thế Chí cũng đến giúp sức cho con, khiến cho tâm con luôn giữ chánh niệm, không sinh tâm sợ hãi, nguyện ở trong pháp Di-đà không lui sụt. Nguyện xong, sư đứng thẳng trên cây mà hóa. Bấy giờ, các sĩ đại phu ở kinh đô đều nghiêng mình thành kính, quy tín, họ cùng nhặt xương của Sư đem chôn.

Hoàng đế Cao Tông biết Sư niệm Phật miệng phát ra ánh sáng, lại biết lúc lìa bỏ báo thân tinh chí đến như thế nên ban tặng chùa một tấm ngạch đề là Quang Minh.

Thiên Trúc Thức Sám chủ lược truyền rằng:

Hóa thân của Phật A-di-đà tự đến Trường An, nghe tiếng suối chảy róc rách Hòa thượng liền bảo, có thể dạy mọi người pháp môn niệm Phật. Thế rồi Sư liền lập ngũ hội giáo, khuyến hóa rộng khắp. Có người chí tín thấy Hòa thượng niệm Phật, Phật từ trong miệng bay ra. Ba năm sau khắp thành Trường An đều được Sư dạy pháp môn niệm Phật. Việc này thấy trong Biệt truyện.

Về sau, có Đại sư Pháp Chiếu tức là thân sau của Ngài Thiện Đạo, thời vua Đức Tông ở Tinh Châu cũng tu tập ngũ hội, dạy mọi người niệm Phật, vua ở Trường An nghe phương Đông Bắc có tiếng niệm Phật nên liền sai sứ đi tìm. Khi đến Đại Khang quả nhiên sứ giả thấy Đại sư Pháp Chiếu khuyên dạy người niệm Phật. Vua liền đón rước Sư vào nội cung, dùng giường dây của Lưu Cầu dạy người trong cung về ngũ hội niệm Phật. Việc này có nói rõ trong bổn truyện.

10. Đại sư Pháp Chiếu ở Kim đài.

Thích Pháp Chiếu vào niên hiệu Đại lịch thứ hai, đời Đường trụ chùa Vân Phong, ở Hành Châu, thường từ nhẫn lấy giới, định làm chỗ quay về. Một hôm, sư ở trong thiền đường tăng ăn cháo, bỗng thấy đám mây năm mầu trong bát. Trong đám mây có ngôi chùa ở phía Đông Bắc, ngôi chùa có núi lớn, trong núi có dòng suối chảy, phía Bắc dòng suối là Thạch môn, cửa rộng năm dặm, phía sau là ngôi chùa đề bảng vàng: Đại Thánh Trúc Lâm Tự.

Tuy chính mắt sư nhìn thấy nhưng trong lòng còn hoài nghi chưa tin chắc. Ngày nọ, trong lúc ăn cơm sư lại thấy đám mây năm màu hiện ra trong bát. Trong đám mây có hiện vài ngôi chùa nhưng không có núi rừng dơ bẩn mà thuần là thế giới màu vàng ròng: Ao báu, đài báu, lầu gác đẹp, có rất nhiều của báu và các Bồ-tát ở trong đó. Trong cõi đó có rất nhiều cõi nước Phật trang nghiêm thanh tịnh, vô số hình ảnh đẹp đẽ.

Sư rất vui với điều mình thấy, nhân đó đem thưa hỏi, có hai vị Tăng là Gia Diên và Đàm Huy nói: Thánh thần biến hóa không thể dùng phàm tình mà suy lường. Nếu nói về thế núi, sông thì chính là Ngũ Đài sơn. Bốn mùa hạ Ngài Pháp Chiếu ở chùa Hồ đông, thuộc Hành châu mở đạo tràng Ngũ hội niệm Phật.

Ngày 2 tháng 6 năm ấy đám mây lành năm màu giăng phủ khắp chùa, trong đám mây cũng có lầu gác. Phía trên gác có vài vị Phạm tăng thân cao hơn một trượng, cầm tích trượng hành đạo. Sư lại thấy Phật A-di-đà cùng hai vị Bồ-tát thân cao lớn bằng với hư không. Trời đã về chiều, sư ở trong đạo tràng ra ngoài gặp một ông lão, ông lão hỏi: Trước kia ông đã phát nguyện ở thế giới Kim sắc để đảnh lễ gần gũi các bậc Đại Thánh. Nay vì sao lại dừng ở đây?

Sư đáp: Bây giờ gian nan, đường xá khó đi, không dừng thì biết làm sao?

Ông lão bảo: Nếu hết lòng đi thì sẽ đi đến, có gian khó gì. Sư chưa kịp trả lời thì ông lão đã biến mất.

Sư vào đạo tràng, do thấy kỳ lạ khác thường nên lại phát nguyện: nguyện đem thân này kính thờ, gần gũi Đại Thánh. Tuy lửa dữ băng giá con cũng không bao giờ lui sụt.

Ngày 13 tháng 8 năm ấy, sư cùng vài người bạn đồng tu từ núi Nam Nhạc đi đến phía trước nhưng không gặp gian nan hiểm trở.

Ngày 5 tháng 4 năm thứ 5, Sư đến huyện Ngũ đài. Từ xa nhìn thấy phía Nam ngôi chùa có mấy luồng ánh sáng. Đến ngày mồng 6, Sư đến chùa Phật Quang như đã thấy trong bát, không sai tí nào. Đến canh tư đêm ấy có một luồng ánh sáng lạ từ phương Bắc chiếu vào người sư, sư không biết thế nào, bèn hỏi:

- Đây là điềm gì? Tốt hay xấu?

Chúng tăng nói:

- Luồng ánh sáng không thể suy nghĩ bàn luận của bậc Đại Thánh thâu nhiếp thân tâm ông, sao còn hỏi.

Nghe xong, Sư giữ oai nghi đầy đủ, đến trước một ngôi chùa. Phía Đông bắc của ngôi chùa đó rộng khoảng năm dặm quả là có núi, có suối, phía bắc dòng suối là thạch môn, bên cạnh thạch môn có hai đồng tử là Thiện Tài và Nan-đà. Hai đồng tử dẫn Sư đi vào cửa phía Bắc, đi được khoảng năm dặm, Sư thấy một cửa vàng, trên cửa có lầu, bên cạnh lầu gác là ngôi chùa, cửa chùa có một tấm biển vàng lớn đề chữ: Đại Thánh Trúc Lâm Tự, khuôn viên chùa rộng khoảng hai mươi dặm, hơn một trăm viện, mỗi viện đều có tháp báu, đất bằng vàng ròng, hoa

đài, cây báu đầy khắp trong đó. Sư vào chùa, đi đến giảng đường thấy Bồ-tát Văn-thù ở phía Tây, Bồ-tát Phổ Hiền ở phía Đông đều ngồi trên tòa sư tử cao. Sư đến làm lễ hai vị Bồ-tát và thưa:

Đời mạt thế, phàm phu hiểu biết kém cỏi, tâm địa Phật tánh không biết nhờ đâu mà hiển hiện. Chẳng hay dạy cho họ phương pháp tu tập nào là tốt nhất, xin Đại Thánh xé tan lưới nghi ngờ cho con.

Ngài Văn-thù đáp:

- Điều ông hỏi nay thật đúng lúc, trong các pháp môn tu tập, không pháp nào hơn pháp môn niệm Phật, ở đời quá khứ ta nhờ niệm Phật mà được nhất thiết chủng trí. Thế nên, tất cả các pháp như Bát-nhã ba-la-mật-đa, thiền định sâu xa cho đến biển Chánh biến tri của chư Phật đều từ niệm Phật mà sinh ra.

Sư hỏi:Phải niệm như thế nào?

Ngài Văn-thù đáp: Ở phương Tây thế giới này có Đức Phật A-di-đà. Nguyện lực của Đức Phật ấy không thể suy nghĩ bàn luận. Ông nên niệm danh hiệu của Đức Phật ấy nối nhau, không để đứt quãng thì sau khi qua đời chắc chắn vãng sinh. Lúc nói lời ấy hai vị Bồ-tát duỗi cánh tay màu vàng xoa đầu sư và thọ ký rằng: Ông niệm Phật không thể suy nghĩ bàn luận, rốt cuộc sẽ chứng lên bực Vô thượng giác. Nếu thiện nam, tín nữ nào muốn thoát khỏi cõi Ta-bà thì phải nên niệm Phật.

Bấy giờ, hai vị Bồ-tát cùng nói Già-đà, Sư nghe rồi càng thêm vui mừng. Bồ-tát Văn-thù lại bảo: Ông hãy đi đến viện của các Bồ-tát, tuần tự đảnh lễ cầu mong các Ngài chỉ dạy.

Sư y theo lời dạy, lần lượt đảnh lễ các vị Bồ-tát, xin được chỉ dạy. Rồi lần lượt đến vườn hoa thất bảo, từ vườn hoa đó đi ra, ở trước Đại Thánh làm lễ từ giã rồi ra về. Sư lại thấy hai đồng tử Thiện tài, và Nan-đà tiễn Sư ra đến cửa. Sư liền vái chào từ biệt, vừa ngẩng đầu lên thì hai đồng tử đã biến mất. Đến ngày 30, sư cùng với hơn năm mươi vị Tăng đến động Kim cương, chỗ ngày xưa Ngài đã gặp Đại Thánh, thì bỗng thấy đất đai rộng lớn trang nghiêm thanh tịnh, các thứ châu báu lưu ly... xây thành cung điện. Bồ-tát Văn-thù, Phổ Hiền và khoảng mười ngàn vị Bồ-tát, Phật-đà-ba-lỵ cũng ở trong đó. Thấy rồi sư theo chúng trở về chùa.

Canh ba đêm ấy ở lầu gác phía Tây viện Hoa nghiêm, sư lại thấy năm cây đuốc ở hang núi phía Đông chùa, những cây đuốc ấy cao hơn một thước, Sư nguyện: Nguyện năm cây đuốc ấy phân thành trăm cây và dồn về một phía. Tức thời đuốc phân đúng như nguyện. Sư lại nguyện trăm cây đuốc phân thành ngàn cây. Tức thời đuốc liền phân

đúng như nguyện, hàng hàng thẳng tắp đều nhau, ánh sáng rực rỡ khác thường, chiếu khắp cả núi rừng. Sư lại đi về động Kim cương, xin gặp Đại Thánh. Đến canh ba Sư thấy một vị Phạm tăng tự xưng là Phật-đà-ba dẫn sư vào chùa.

Đến ngày 1 tháng 12 Sư ở viện Hoa nghiêm, vào trong đạo tràng niệm Phật, nhớ lại hai vị Bồ-tát Văn-thù, Phổ Hiền thọ ký cho Sư sẽ chứng Vô thượng giác, lại bảo Sư niệm Phật A-di-đà chắc chắn được vãng sinh. Từ đó sư nhất tâm niệm Phật. Đang lúc niệm Phật, bỗng thấy vị Phạm tăng khi xưa đến, vào đạo tràng bảo:

- Đài hoa ở Tịnh độ đã hiện, ba năm sau hoa nở, ông sẽ sinh về đó. Đúng như điều ông đã thấy ở chùa Trúc lâm, sao không cho mọi người cùng biết? Nghe xong, sư nhớ lại điềm mộng ngày xưa, nhân đó bảo thợ khắc vào đá, đem những điều đã thấy về ngôi chùa Trúc lâm xây thành một ngôi chùa, đặt tên là Trúc lâm. Chùa đã hoàn bị, Sư bảo: Việc ta đã xong, không lưu lại nơi đây thêm ngày nào nữa. Nói xong, sư viên tịch trong ngày đó.

11. Pháp sư Thiếu Khang ở Mục châu.

Sư là người ở Tiên đô thuộc Tấn vân, mẹ họ La. Một hôm, bà đi dạo trên ngọn đỉnh hồ được một ngọc nữ cầm hoa sen xanh trao cho bà và nói: Trao hoa kiết tường này cho bà, bà sẽ sinh một quý tử.

Đến ngày sư chào đời, ánh sáng xanh chiếu khắp cả phòng, mùi thơm tựa như hoa sen. Năm lên mười lăm tuổi, sư tụng năm bộ kinh như Pháp Hoa, Lăng-nghiêm v.v..., tìm xét, nghiên cứu Tỳ-ni và nghe luận Hoa Nghiêm, luận Du-già.

Niên hiệu Trinh nguyên năm đầu, Sư đến chùa Bạch mã ở hạ lưu sông Lạc, thấy văn tự trong điện phát ra ánh sáng. Sư không thể suy lường được liền tìm xem ánh sáng phát từ đâu thì biết được ánh sáng ấy phát ra từ quyển Tây phương Hóa Đạo Văn của Ngài Thiện Đạo. Sư nói:

- Nếu có nhân duyên với cõi Tịnh độ thì hãy khiến cho văn tự này phát ra ánh sáng một lần nữa. Chưa dứt lời nguyện, quả nhiên chữ ấy phát ra ánh sáng. Sư phát nguyện:

Kiếp thạch có thể dời, nhưng nguyện con không thể đổi. Nguyện rồi sư bèn đến ảnh đường thờ Ngài Thiện Đạo ở Trường An để đảnh lễ cúng dường. Bỗng nhiên thấy Ngài Thiện Đạo hiện giữa hư không nói với sư rằng: Ông nương theo giáo pháp ta làm lợi ích an vui cho chúng hữu tình thì công đức sẽ được vãng sinh về nước An dưỡng. Sư nghe xong như có sở chứng, từ phương Nam đi về chùa Quả nguyện ở Giang

lăng. Trên đường đi sư gặp một vị Tăng, vị ấy nói với sư: Ông muốn dạy người niệm Phật thì hãy đến Tân Định. Nói xong, vị Tăng ấy biến mất, Sư liền đến Mục châu, dân chúng ở đây chưa được ai giáo hóa, sư bèn cho tiền dẫn dụ lũ trẻ con, bảo: Đứa nào có thể niệm một câu A-di-đà Phật thì sẽ được một tiền, các đứa trẻ nghe được tiền thì xúm tới niệm Phật thật đông. Sư bảo: Niệm Phật mười câu thì sẽ được một tiền. Như thế một năm, người lớn, trẻ nhỏ, kẻ sang, người hèn hễ thấy Sư là niệm A-di-đà Phật. Từ đó người niệm Phật ngày một đông, đầy khắp đường phố.

Vào niên hiệu Trinh Quán thứ 10, sư xây dựng đạo tràng Tịnh độ ở núi Ô long, lập đàn Tịnh độ tam cấp. Những người hành đạo sớm tối ghé vào đạo tràng, sư tự thăng tòa bảo nam nữ đệ tử xoay mặt về phương Tây lớn tiếng niệm Phật A-di-đà. Mọi người thấy Sư niệm Phật một câu thì Phật từ miệng sư bay ra, niệm nối nhau mười câu thì Phật bay ra nối nhau như xâu chuỗi. Sư hỏi:

- Các vị có thấy Phật chăng? Nếu thấy Phật thì chắc chắn sinh về Tịnh độ. Trong chúng hội lễ Phật cũng có người không thấy.

Ngày 3 tháng 10 niên hiệu Trinh Quán thứ 21, Sư bảo với đạo tục là sẽ về cõi An dưỡng, để phát khởi sự tinh tấn cho mọi người, Sư bảo cuộc sống ở cõi Diêm-phù-đề này rất đáng nhàm chán nên muốn lìa bỏ. Lúc ấy thấy Phật mới thật là đệ tử của ta.

Nói dứt lời Sư liền phát ra những tia sáng lạ thường rồi an nhiên mà hóa. Tháp thờ sư được xây dựng ở Đài Tử Nham, về sau được Thiền sư Thiên Thai Đức Thiều xây dựng mới lại. Người dân ở đó phần đông cho tháp ấy là tháp thờ Ngài Thiện Đạo.

12. Đại sư Tỉnh Thường.

Sư húy Tỉnh Thường, tự là Tạo Vi, người ở Tiền đường, con của họ Nhan. Năm mười bảy tuổi sư xuất gia, thọ giới cụ túc, tu tập rất nghiêm, thông hiểu Đại thừa Khởi Tín, tu tập pháp môn Thiên Thai chỉ quán, kế thừa di phong của Ngài Tuệ Viễn ở Lô Sơn.

Vào niên hiệu Thuần Hóa đời Tống, Sư trụ chùa Chiêu Khánh, ở Hàng Châu, chuyên tu Tịnh nghiệp, kết xã Tịnh Hạnh. Tướng quốc Hướng công, Vương Văn chính công lại đứng đầu xã. Các sĩ đại phu đến dự hội đều tặng thơ tụng, tự xưng là Tịnh Hạnh đệ tử. Sư bèn chích ngón tay, lấy máu hòa mực viết phẩm Tịnh Hạnh kinh Hoa Nghiêm. Mỗi lần viết một chữ là lạy ba lạy, đi nhiễu ba vòng xưng danh hiệu chư Phật. Đến lúc khắc bản thì in thành một ngàn quyển, chia cho một ngàn người. Sư lại dùng gỗ chiên-đàn hương tạc tượng Phật Tỳ-lô-giá-na, tạc

xong sư quỳ thẳng chấp tay phát nguyện:

"Từ hôm nay con và một ngàn người, tám mươi Tỳ-kheo nguyện phát tâm Bồ-đề, hành hạnh Bồ-tát đến tận đời vị lai. Chúng con nguyện khi lìa bỏ báo thân này, tất cả đều sinh về nước An dưỡng." Hàn lâm thừa chỉ Tống Bạch soạn bia, Hàn lâm học sĩ Tô Dị Giản soạn lời tựa Tịnh độ phẩm, Trạng nguyên Tôn Hà đề xã khách ở mặt sau bia. Pháp sư Cô Sơn Trí Viên ghi lại hạnh nghiệp của Sư có dẫn bài tựa của Tô Công: "Tôi sẽ trải tóc lót đường cho Ngài bước lên, khoét thân để xin Ngài giảng pháp mà không hề oán giận. Huống chi sự học kém cỏi, văn chương thô cạn mà dám xem thường ư?" Bia của Tống Công ghi:

"Sư mến mộ Tuệ viễn, Tịnh xã ở Lô Sơn, đổi tên Liên Hoa thành Tịnh Hạnh. Cuối đời Tuệ Viễn, những kẻ sĩ cùng kết giao đã ẩn dật hết phân nửa, bậc thượng nhân thì thăng lên thế giới an bình, bạn bè phần đông là Bậc hiền đức. Các danh sĩ thuở trước vẫn còn nhiều nhưng người có thể làm bến bờ, rường cột thì đã hết. Từ hai câu nói của hai vị mà có thể biết pháp môn niệm Phật lúc ấy được thịnh hành. Ngày 20 tháng 1 niên hiệu Thiên Hy thứ 4, sư thị tịch, thọ sáu mươi hai tuổi.

13. Thiền sư Trường Lô Từ Giác.

Sư húy là Tông Trách hiệu Từ Giác, người ở Tương dương, cha chết sớm nên mẹ phải tần tảo nuôi con. Thuở nhỏ Sư học theo đạo Nho, khí tiết thanh cao, học vấn sâu rộng. Năm hai mươi chin tuổi sư đảnh lễ Thiền sư Tú ở Trường Lô, thuộc Chân châu xuất gia. Sau khi xuất gia, sư tham cứu thông suốt huyền lý kinh luật, tỏ ngộ "Như Lai chánh pháp nhãn tạng". Vào niên hiệu Nguyên Hựu, sư trụ trì chùa Trường lô và đón mẹ về ở thất phía Đông phương trượng. Ngoài việc khuyên mẹ cạo tóc xuất gia và nuôi nấng bà, sư còn bảo mẹ cố gắng trì niệm danh hiệu Phật A-di-đà. Thế rồi bà dốc lòng niệm Phật suốt bảy năm. Đến lúc sắp qua đời bà vẫn niệm Phật, an nhiên thị tịch, không hề đau bệnh. Sư cho như vậy là đã hết lòng nuôi nấng mẹ rồi, bèn sáng tác văn khuyến hiếu, xếp một trăm hai mươi vị, soạn Vĩ Giang tập, tọa Thiền châm và còn tuân theo khuôn phép của Lô Sơn, lập Liên hoa thắng hội, khuyến khích đông đảo người tăng kẻ tục đồng tu pháp môn niệm Phật. Sư còn dạy họ pháp thứ tự quán tưởng, ngày dự hội, mỗi ngày niệm Phật A-di-đà từ một trăm câu đến một ngàn câu, từ một ngàn câu đến một muôn câu, phát nguyện hồi hướng, cầu sinh Tịnh độ. Trong mỗi ngày, mỗi người cứ niệm một lượt mười câu và tính xem ngày đó mình niệm được bao nhiêu lượt để lập công khóa.

Một đêm sư nằm mộng thấy một người áo trắng, quấn khăn đen,

dáng vẻ trông rất thanh lịch, khoảng ba mươi tuổi bảo rằng:

Tôi muốn vào hội Liên Hoa, xin Ngài hãy ghi tên tôi vào. Sư lấy quyển sổ ra và hỏi tên họ, người ấy đáp:

- Tôi tên Phổ Tuệ.

Ghi xong, người ấy lại xin ghi tên cho anh mình. Sư hỏi tên họ, người ấy đáp:

- Anh tôi tên Phổ Hiền.

Nói xong bèn biến mất. Sư thức dậy, bèn thưa hỏi các bậc lão túc, họ bảo: Phẩm Ly Thế gian trong kinh Hoa Nghiêm có hai vị Bồ-tát Phổ Hiền và Phổ Tuệ hộ trì và mở mang Phật pháp, nay ta lập hội cùng hẹn về Tây phương đã thầm cảm ứng đến hai vị đại sĩ này. Thế nên sư suy tôn hai vị Đại sĩ làm hội chủ. Từ đó xa gần đều biết và cuối cùng sư thị tịch ở đây.

14. Thiền sư Vĩnh Minh Diên Thọ.

Sư tên Diên Thọ, tự là Xung Huyền, hiệu Bão Nhất tử, người ở Đan Dương, cha họ Vương. Lúc mới sinh ra sư đã có tính khác thường: Khi cha mẹ tranh cãi Sư liền từ trên giường cao lăn xuống đất khiến cha mẹ hết tranh cãi.

Khi lớn lên Sư học đạo Nho, năm mười sáu tuổi sư dâng bài phú Tề Thiên lên vua Ngô Việt, mọi người đều tôn xưng Sư là bậc kỳ tài trong thế gian. Sư muốn xuất gia nhưng cha mẹ không cho, sư rất đau lòng như gai đâm vào tim chảy máu, tự thệ trọn đời ăn chay. Năm ba mươi bốn tuổi, sư quy y Đại sư Vĩnh Minh chùa Long sách, rồi xuất gia thọ giới cụ túc. Buổi sáng phục dịch đại chúng, tối tu Thiền.

Một hôm, nhân xem luận Trí Độ, có đoạn rằng: "Khi Phật còn tại thế có một ông lão xin xuất gia, Xá-lợi-phất không cho. Phật xét thấy ông lão này nhiều kiếp về trước đi nhặt củi bị cọp rượt, ông leo lên cây quýnh quáng niệm "Nam-mô Phật". Nhờ có chút duyên lành ấy nên đời này gặp Phật, được Phật độ xuất gia và đắc quả La-hán."

Sư nghĩ, người ở thế gian bị nghiệp chướng trói buộc không thể giải thoát, chỉ có pháp môn niệm Phật mới giáo hóa được họ. Nghĩ rồi Sư liền in bốn mươi vạn bản tháp Di-đà khuyên nhắc người lễ bái niệm Phật, ngày nào cũng sám hối rồi đi nhiễu quanh tượng Phật. Một hôm, Sư chợt thấy hoa sen trên tay tượng Phổ Hiền, nhân đó sư suy nghĩ về nguyện xưa không biết tiến thoái thế nào, bèn làm hai lá thăm, một lá ghi "Nhất tâm thiền định", một là ghi "Muôn điều lành sinh Tịnh độ". Đêm đó sư thầm hẹn rằng: Trong hai con đường này sẽ chọn một để tu tập công hạnh thành tựu, nghĩ đoạn, sư cầm xốc qua bảy lần, đều được

cây thăm “Muôn điều lành sinh Tịnh độ”, từ đó hằng ngày sư đều làm một trăm lẻ tám việc: Tụng kinh, lễ Phật, niệm Phật, thuyết giới, bố thí, phóng sinh... không hề lười mỏi hay nghỉ ngày nào.

Vua nước Việt xây dựng ngôi chùa Tịnh Từ, thỉnh Sư đến trụ trì và phong hiệu là Trí Giác Thiền sư. Nhóm họp các vị sư có đức hạnh của ba tông soạn Tông Cảnh Lục một trăm quyển, Vạn Thiện Đồng Quy tập, Thần Thê An dưỡng Phú... chín mươi bảy quyển để lưu hành ở đời. Sư chí thành chuyên niệm Phật, khuyên người đồng niệm Phật để sinh Tịnh độ. Người đời khen ngợi Sư là mực thước của tông môn, cột trụ của Tịnh nghiệp. Lúc sắp qua đời biết trước ngày giờ, rất nhiều việc tốt đẹp.

Khi trà-tỳ xá-lợi đầy khắp thân. Một vị Tăng nọ bị chết, thần thức xuống âm ty, thấy bên trái điện Diêm vương cúng dường bức vẽ một vị Tăng, Diêm vương lễ bái thành khẩn nói: Đây là Thiền sư Vĩnh Minh Diên Thọ sinh về Thượng phẩm ở Tây phương, cho nên lễ kính Ngài.

15. Thiên trúc Từ Vân sám chủ.

Sư húy là Tuân Thức, tự Tri Bạch, hiệu là Từ Vân sám chủ, họ Diệp, người ở huyện Lâm hải, thuộc Thai châu. Mẹ Sư cầu nguyện cổ Quán Âm mà sinh ra sư. Ban đầu ở núi Đông dịch, thờ thầy là Nghĩa Toàn. Mười tám tuổi xuất gia, đầu tiên ở chùa Thiền Lâm học luật, kế là đến chùa Quốc Thanh, đến trước tượng Bồ-tát Phổ Hiền đốt ngón tay, thệ học Thai Giáo, học cao hạnh khổ, tiếng tăm bao trùm vùng Lưỡng Triết, rộng tu tập Giáo Quán, chuyên lòng cầu sinh về nước An dưỡng, sư gia hạn cho mình chín mươi ngày tu tập Tam-muội Ban-chu. Vì quá khổ công tu tập nên sư ho ra máu ở đạo tràng, da chân bị rứt, sư lấy cái chết tự thệ nguyện. Một hôm, sư bỗng như nằm mộng, thấy Quán Âm mặc áo trắng duỗi tay chỉ vào miệng sư rồi lấy ra mấy con sâu, và trong ngón tay chảy ra nước Cam lộ rót vào miệng sư. Sư cảm thấy thân tâm mát dịu, bệnh xưa liền khỏi. Khi sám xong, tướng trên đỉnh đầu cao hơn một tấc, hai tay thong quá đầu gối, tiếng nói nghe như tiếng chuông vang và các điều lạ lùng khác đại chúng đều hoan nghênh sư.

Về sau, sư xây chùa Hạ Thiên trúc có mấy trăm phòng, ba lần bị giặc phóng hỏa đốt cháy nhưng lửa tự tắt là do nguyện lực vững chắc mà được như thế. Cho nên ngày sư thị tịnh người trong núi thấy ngôi sao lớn bị rơi xuống núi Linh thứu. Sư độ một trăm đệ tử và dạy một ngàn học trò.

Khi sắp qua đời, Sư đốt hương, chiêm ngưỡng tượng và chúc nguyện: Chư Phật mười phương đều trụ ở mé thật, nguyện trụ ở mé thật

này nhận một nén hương của con, chư Phật chứng minh vãng sinh về nước An dưỡng. Có người hỏi chỗ trở về của Sư, Sư đáp là Tịch Quang Tịnh độ. Một đêm, sư ngồi xếp bằng rồi quy tịch, vào niên hiệu Thiên Thánh, thọ sáu mươi chín tuổi, năm mươi hạ lạp.

Các tác phẩm do sư soạn: Vãng sinh Tịnh độ quyết nghi hạnh nguyện nhị môn, Tịnh độ sám pháp, Kim quang minh, Quán Âm chư bổn sám nghi, hiện còn truyền bá ở đời. Phong giáo của Thiên Thai thạnh hành ở đời Ngô Việt là nhờ đức hạnh của Thiên Trúc Từ Vân. Kinh quán Quyết nghi hạnh nguyện nhị môn chép: Mười phương mong cầu chẳng có thừa nào khác, chỉ có Phật thừa. Sám chủ ngộ bản tánh Thường Tịch Quang đó chính là cõi Phật duy tâm thanh tịnh, tự lợi lợi tha, Ngài soạn sự lý không ngăn ngại mấy trăm thiên (sách), mỗi lời nói đều lấy Tịnh độ làm tông quy hướng, để mở mang giáo lý của các kinh, hóa độ tất cả chúng sinh. Từ Sám Văn truyền bá ở đời, người vãng sinh Tịnh độ không biết là bao nhiêu ngàn vạn người, nối tiếp đạo của Thiên Thai, khen ngợi sự hóa độ của pháp môn Tịnh độ, ở đời chưa từng có ai như Ngài.

16. Truyện Văn Lộ Công.

Ông họ Văn, húy Nhan Bác, là Thái thú ở Lạc dương, ông từng dốc chí ăn chay. Một hôm, ông đến chùa Long an chiêm lễ Thánh tượng, chợt thấy tượng Phật bị hư hoại, bỏ dưới đất không sửa sang cung kính. Ông nhìn thấy rồi bước ra, bên cạnh có vị Tăng hỏi:

- Sao ông không làm lễ?

Công đáp: Tượng đã hư hoại, làm sao tôi lễ bái được.

Vị Tăng đáp: "Đạo của các bậc tiên đức giống như đất đường cái quan. Người ta đào lên làm tượng, người trí biết đó là đất đường, kẻ phàm cho là tượng tạo ra. Sau đó, quan muốn trở về đem tượng đắp đường, tượng vốn bất sinh bất diệt, đường cũng không mới không cũ." Công nghe điều đó trong lòng có tỉnh ngộ, do đó rất mến đạo, chuyên niệm Phật A-di-đà, cầu ngày qua đời được sinh Tịnh độ. Sáng dâng hương, tối ngồi niệm Phật không hề lìa bỏ. Có lần ông phát nguyện:

Nguyện con thường tinh tấn tu tất cả các thiện pháp, nguyện con hiểu rõ tâm tông, rộng độ tất cả hàm thức. Hễ gặp ai, ông đều khuyên họ niệm Phật, thệ nguyện kết duyên với mười muôn người, đồng sinh về Tịnh độ. Cư sĩ Như Như có bài tụng khen: Biết ông có chí khí lớn như trời nên xin kết mười muôn duyên sinh về Tây phương. Không riêng một mình cầu sự sống an vui mà nguyện tất cả mọi người đều lên bờ giải thoát.

17. Lộ Phủ Tông Thản sớ chủ.

Sư vốn họ Thân, người ở Lê thành, châu Quán lộ. Thuở nhỏ, sư trụ chùa Diên tường ở Bổn châu, xuất gia với Ngài Đạo Cung. Năm mười sáu tuổi sư thọ giới Sa-di, thông suốt nghĩa kinh, được người đời khen ngợi, giỏi tham học với các bậc danh tăng để mở mang hiểu biết. Sư giảng ở Lâm đức, gần năm mươi năm, lấy Đại tạng làm chỗ quay về, lấy viên đốn làm cửa ngõ. Sư đã giảng các kinh như Viên Giác... về sau tập hợp các sớ kinh Viên Giác, kinh Thập Lục Quán v.v... Về già, sư thường ở hai nhà họ Đường và họ Đặng giảng kinh Tịnh độ Quán, khuyên mọi người niệm Phật, cầu sinh Tịnh độ. Bấy giờ người nghe đông đảo đều tu Tịnh nghiệp, sau Ngài ở trấn Thanh đài, Đường châu thề cầu sinh An dưỡng lấy niệm Phật, quán tưởng làm thường trụ, giữ gìn Tam nghiệp, bốn uy nghi chưa từng tạm quên. Ngày 27 tháng 4 niên hiệu Chánh Hòa thứ 4 đời Đại Tống, sư bỗng nằm mộng thấy Phật Di-đà hóa thân đến bảo rằng:

- Ông chỉ giảng pháp trong sáu ngày nữa rồi sẽ về Tịnh độ. Sư thức dậy bảo mọi người: "Ta tu tập cầu vãng sinh Tịnh độ dường như nhân duyên đã tương ưng, ta vừa mộng thấy hóa Phật đến bảo: ông được về Tịnh độ." Chẳng lẽ không tin ư?

Hôm sau tuy cảm thấy không khỏe nhưng sư không tạm ngừng giảng kinh. Vào giờ sửu ngày 14 tháng 5 năm ấy, biết sắp đến giờ quy tịch, Sư bảo đánh chuông nhóm họp đồ chúng, và dặn dò:

- Nhân duyên có hợp sẽ có tan, đây là lẽ thường, Tịnh độ mới là thắng duyên, chỉ trong khoảnh khắc liền đến. Ta mong các vị niệm Phật để trợ duyên. Sư lại bảo: Bốn đại tan hợp thành thân ta trong bảy mươi sáu năm, nay đã đến ngày chia lìa. Nơi Tịnh độ là chỗ ta quy về, được đảnh lễ Đức Phật A-di-đà, thoát hẳn khổ ba cõi. Nói xong, Sư ngồi kiết già thị tịch. Lúc ấy, sấm vang vọng cả hư không, mây trắng từ phương Tây kéo đến giăng tỏa khắp mặt đất suốt ba ngày.

Trước kia sư có một xâu chuỗi mã não, lúc sắp qua đời sư đeo nó vào ngón tay. Mọi người không ai lấy ra được. Những điều cảm ứng cũng giống như chỗ khác đã nói.

18. Từ Chiếu Tông chủ.

Sư húy Tử Nguyên, hiệu là Vạn Sự Hưu, họ Mao, núi Côn sơn, thuộc Bình giang, mẹ sư họ Sài. Một đêm, bà mộng thấy Đức Phật chí tôn vào nhà và hôm sau sinh ra sư. Nhân việc đó mà đặt tên Phật Lai.

Cha mẹ mất sớm, họ hàng gởi sư vào chùa Diên tường, vì có chí nguyện xuất gia sư tụng kinh Pháp Hoa. Năm mười chín tuổi, sau khi

xuống tóc sư lại tu pháp Thiền chỉ quán.

Một hôm, đang ở trong định bỗng Sư nghe tiếng quạ kêu liền tỏ ngộ, làm kệ rằng:

Hơn hai mươi năm nghiên tầm sách
Suy đi, ngẫm lại, nghĩa chẳng thông
Bỗng nay nghe được âm thanh quạ
Mới hiểu xưa nay dụng tâm lầm.

Từ đó, Sư phát tâm làm tất cả mọi việc có lợi cho mọi người, Sư kính mến di phong Liên xã của Lô Sơn Viễn công, khuyên người quy Tam bảo, thọ trì năm giới:

1. Không sát sinh.
2. Không trộm cướp.
3. Không tà dâm.
4. Không nói dối.
5. Không uống rượu.

Niệm Phật A-di-đà ngũ thanh để chứng năm giới, kết duyên Tịnh độ. Hễ làm cho ngũ Căn vắng lặng thì đắc ngũ Lực, thoát khỏi ngủ trược. Thế nên Sư rút ra những lời cốt yếu trong Đại tạng viết thành “Liên tông thần triêu sám nghi”, lễ Phật sám hối, thay thế chúng sinh trong pháp giới cầu sinh về nước An dưỡng. Về sau, Sư đến hồ Điến Sơn xây dựng Liên tông sám đường, khuyến khích mọi người cùng tu Tịnh nghiệp. Sư viết Viên Dung Tứ Độ Tam Quán Tuyển Phật Đồ Khai Thị Liên Tông Nhãn Mục. Năm bốn mươi sáu tuổi, sư gặp chướng duyên ở châu Lâm giang, dù nghịch cảnh hay thuận cảnh, tâm vẫn thản nhiên không hề lay động, tùy nơi khuyến hóa, liền thành văn tụng, đặt tên là Tây Hạnh tập.

Niên hiệu Càn Đạo thứ hai vua Cao Tông vời Sư đến điện Đức Thọ giảng pháp môn Tịnh độ và phong tặng danh hiệu Khuyến Tu Tịnh nghiệp Liên Tông Đạo Sư Từ Chiếu Tông Chủ và đưa đến chùa Chiêu Khánh ở Tây Hồ Tiền Đường. Chúc Thánh, tạ ân Phật xong, sư trở về Bình Giang phát thệ rằng: “Nguyện tất cả chúng sinh đều hiểu được đạo nhiệm mầu” có lần sư lấy chữ “Tứ” để đặt tên “Tông” chỉ dạy mọi người chuyên niệm Phật A-di-đà để đồng sinh về cõi Tịnh. Từ đó tông phong hưng thịnh, sư tập hợp Di-đà Tiết Yếu, Pháp Hoa Bách Tâm, Chứng Đạo Ca, phong Nguyệt tập để lưu hành ở đời.

Ngày 23 tháng 3, Sư ở Đạt thành xây một thất nhỏ và bảo các đệ tử: Ta hóa duyên đã xong. Bây giờ phải đi thôi. Nói xong, Sư chấp tay từ giã đại chúng rồi an nhiên thị tịch. Ngày 27 trà-tỳ nhục thân có vô số

xá-lợi, xây tháp thờ ở Tùng giang. Tin này lan truyền tới thành thị và khắp thôn quê. Vua Ngô biết được phong hiệu là tháp Tối Thắng.

19. Vô Vi Tử Dương Đề hình đời Tống.

Ông húy Kiệt, tự Thứ Công, người ở quận Vô vi, đạo hiệu là Vô Vi tử, giỏi biện tài. Tuổi còn nhỏ mà đã làm quan đến chức Thượng Thư Chủ Khách Lang Đề Điểm Lưỡng Triết Hình Ngục Sự, nhưng lại tôn sùng Phật pháp, ngộ rõ Thiền tông. Lâm Tế ở Giang Tây giáo hóa bằng đánh hét ông vẫn cho là hạng tầm thường mà mở mang Di-đà giáo quán, nhóm họp những vị mới đến để cùng đàm luận. Ông bảo: Căn tánh của chúng sinh có lợi (nhanh) có độn (chậm lụt) nên chỉ có pháp môn vãng sinh Tây phương Tịnh độ là gần gũi dễ hiểu, đơn giản dễ tu. Chỉ cần nhất tâm quán niệm, nương vào nguyện lực Phật A-di-đà, một bề tu tập, không theo pháp môn khác thì chắc chắn thành công.

Ngài Long Thọ cũng nói: Đây là pháp môn dễ tu vì nương vào nguyện lực Phật A-di-đà.

Ông có viết lời tựa cho luận Thiên Thai Thập Nghi và Vương Cổ Trực Chỉ Tịnh Độ Quyết Nghi Tập, Pháp bảo tăng giám, Di-đà bảo các ký, Ba mươi bài tán nước An lạc và Bị trần Tây phương yếu luật thật là tấm gương cho muôn đời tu tập vãng sinh Tịnh độ. Ông có phụ đạo tập chuyên ghi về Phật thừa, Tô Đông pha viết lời tựa, tóm lược là:

Vô Vi tử bẩm tánh linh cơ, học rộng hiểu nhiều, người đời gọi ông là Thước-la-nhãn Thứ Công mục kích mà vẫn giữ đạo. Tuổi về chiều ông làm Giám ty quận thú bèn tạc pho tượng Phật Di-đà cao một trượng sáu, bất cứ làm việc gì ông cũng quán niệm Di-đà, đến lúc qua đời cảm được Phật đến đón rước. Ông ngồi thẳng mà hóa, có làm bài tụng từ giã cuộc đời rằng:

- Sống không có gì đáng luyến tiếc, chết cũng không có gì để lìa bỏ. Trong bầu hư không này, đã sai lại làm theo cái sai Cực lạc Tây phương.

Giữa niên hiệu Tuyên Hòa có phu nhân của Kinh Vương vãng sinh về Tịnh độ, thấy Ông ngồi trên hoa sen thì khẳng định ông đã vãng sinh rồi. Thế là Tướng sĩ đại phu trong triều hết lời khen ngợi Tây phương Tịnh độ. Họ nhập chánh định thấy chỉ có công đứng bên Vương Mẫn Trọng mà thôi. Há chẳng phải trời muốn đạo ấy trường tồn thì đời phải sinh ra con người ấy ư?

20. Long Thư cư sĩ Vương Hư Trung.

Quốc học Tiến sĩ Vương Nhật Hưu, tự Hư Trung, ông khéo vận dụng tài trí để tự hành, hóa tha. Điều này thấy trong bài tựa của Trương

Vu Hồ, ở đây không nói lại.

Ông là người ở Long Thư, có soạn văn Tịnh độ, nhân đó lấy hiệu là Long Thư. Văn ấy rất thịnh hành ở đời, người tu Tịnh độ không ai không xem qua. Vào niên hiệu Càn Đạo, Lý Ngạn Bật ở Lô Lăng bị bệnh nặng, quan quách đã chuẩn bị xong, bỗng ông nằm mộng thấy một vị thần hình dáng thanh tú đến dùng tay xoa thân thể và tay chân Bật. Bật kinh sợ hỏi. Ông đáp:

- Ta là cư sĩ Long Thư.

Bật nhân đó kể lại bệnh tật.

Long Thư nói:

- Ông dạy ăn cháo trắng sẽ lành bệnh ngay. Công lại hỏi: Ông còn nhớ lời của Hám Trọng Nha, dạy ông về đường tắt không?

Bật đáp: Ngày nào cũng niệm Phật không ngừng nghỉ. Từ đó Bật nhờ ăn cháo trắng mà hết bệnh. Về sau thấy dung mạo của Công giống hệt người trong giấc mộng. Bật rất kính trọng Công xưng là sinh tử cốt nhục, và bảo đứa cháu gái từ xa đến học đạo với Công. Ngày nọ, bỗng trở về nói: Cư sĩ đêm nọ, giảng đọc sách xong rồi như thường lệ lễ Phật niệm Phật, đến canh ba chợt niệm lớn vài ba câu A-di-đà Phật, rồi nói Phật đến tiếp dẫn ta và bỗng đứng thẳng mà hóa. Đêm ấy, có người nằm mộng thấy hai cậu bé mặc áo xanh dẫn ông đi về phương Tây.

Ba ngày trước ông đã đi khắp nơi khuyên bạn bè cố gắng tu Tịnh nghiệp và nói lời chia tay. Chao ôi! Nếu không rõ đạo duy tâm bổn tánh đạt được số kiếp sinh tử biến hóa, thì đâu còn đến giờ này! Có người nghi ngờ điềm mộng của Lý. Họ cho rằng vì tưởng tượng mà thành. Bật bảo: Chỉ ăn cháo trắng mà hết bệnh, làm sao xem thường được ư? Thừa tướng Ích Quốc Công Chu Tất Đại thấy kỳ tích của ông nên làm bài tụng khen ngợi:

- Lớn lao nhưng không cầu nguyện, phập phồng nhưng không ưu lo, thương cho gió nghiệt sắc thổi đến, nắm giữ những điều lành làm đồng hạng. Muốn hướng dẫn mọi người tu tập nên ông dùng nguồn nhân nghĩa và dẫn dụ họ bằng cái vui vắng lặng. Mọi người biết có người làm nhưng không nhận ra đó là Vô Vi. Cho nên trung đạo vẫn an nhiên mà chỉ dạy người bằng chân giác. Lý Cẩn Nguyên không có gì để báo đức bèn khắc tượng ông và sự tích để truyền bá trong dân chúng. Từ đó tất cả dân chúng ở Lô Lăng đều kính thờ ông (Long Thư cư sĩ).

21. Nghi Chân Vương Thị Lang.

Vương Thị Lang húy Cổ, tự là Mẫn Trọng, người ở Đông Đô. Ông từng đảm nhiệm chức Thượng thư lễ bộ Thị Lang, vì làm phát vận sứ

nên đến ở Nghi Chân. Bẩm tánh ông rất nhân từ, khoan dung, thương xót muôn vật, mở mang truyền bá Phật giáo, mở rộng nguồn giáo hóa, ngụ ở kinh đô, ông từng đến các bậc tôn túc thông hiểu giáo nghĩa để bàn luận Phật pháp rồi đến đỉnh Hoàng Long Thúy Nham ở Giang tây làm bạn Thiền với các vị Hối Đường Dương Kì và rất khế hợp tông chỉ, lại ngộ được sự thù thắng của pháp môn Di-đà Tịnh độ, chuyên khảo cứu các kinh điển, nghiên cứu kỹ vãng sinh, quán xuyến thông suốt văn kinh, phát minh Phật ý, bèn viết Trực Chỉ Tịnh độ Quyết Nghi Tập ba quyển, Dương Thứ Công viết lời tựa và phát hành bổn truyện.

Thị Lang biên tập kinh Đại Di-đà Tứ thập bát nguyện, Kinh thập lục quán, Cửu phẩm vãng sinh, luận Đại Thừa Khởi Tín của Bồ-tát Mã Minh, luận Trung Quốc sư Đối Túc Tông, Tùy Ý Vãng Sinh, luận Niệm Phật Tam-muội, luận Bảo Vương, và các kinh luận trình bày đầy đủ những điểm chính yếu của pháp môn niệm Phật, ghi chép đầy đủ, nếu xưng niệm Nam-mô A-di-đà Phật ba mươi sáu muôn ức, mười một muôn chín ngàn năm trăm đồng danh đồng hiệu A-di-đà Phật cũng là một chi phần rút ra từ trong Tạng kinh, nhẫn đến những điểm then chốt của pháp môn Tịnh độ và các luận của các Bồ-tát cũng đều biên tập.

Ngày rảnh rỗi Thị Lang tu tập quán niệm không hề xen hở, xâu chuỗi niệm Phật không hề rời tay, đi đứng nằm ngồi đều lấy Tịnh quán Tây phương làm Phật sự. Có vị Tăng thần thức đến Tịnh độ gặp Thị Lang và đại phu Cát Hệ cùng ở Tịnh độ làm Phật sự là chứng nghiệm vãng sinh Tịnh độ, ông đã mở mang Tịnh độ chỉ bày điểm then chốt, giúp Phật A-di-đà giáo hóa tất cả dân chúng. Sau mười tám vị Hiền ở Lô Sơn mà kế tục đạo này để giúp Phật mở mang pháp môn, nhưng lúc ấy chỉ có Thứ công Mẫn Trọng nổi tiếng đương thời lưu truyền đến mấy trăm năm sau mở rộng Di-đà Đại giáo, rộng độ nhiếp hóa rất thạnh hành, không có cùng tận. Những cao sĩ đời Tấn chỉ có hai ông là được vãng sinh nên mới có khả năng soi sáng các bậc Tiền hiền để nối tiếp tiếng thơm để lại.

Như trên là các Tổ đắc đạo Tông sư đều từ trong Đại tạng Cao Tăng truyện, Vãng sinh truyện, Bảo châu tập ghi ra, như Từ Chiếu Tông chủ giáo hóa thạnh hành ở đời, tất cả vua quan, tăng tục đều rất tôn kính, quy hướng tu theo pháp môn niệm Phật. Người được đắc đạo rất nhiều, nhưng xem xét trong các truyện lục đều không thấy ghi đầy đủ, không có văn để khảo cứu. Nay sưu tập, dò xét sự tích Từ Chiếu Tông Chủ để đưa vào tập. Không kể là tại gia hay xuất gia, hễ ai niệm Phật đắc đạo, những bậc danh hạnh, các bậc cao hiền, dụng tâm nghiên

tầm tham cứu thật lục để phát dương rộng rãi thì sẽ được thâu thập đưa vào (đại tạng) khắc bản lưu hành để không bị mai một những đức tốt của các bậc tiền bối, cũng là vinh hạnh của pháp môn.

■

LÔ SƠN LIÊN TÔNG BẢO GIÁM

QUYỂN 5

NÓI VỀ CHÁNH TÍN CỦA NIỆM PHẬT

Ôi! Duy tâm lạc quốc trùm khắp mười phương, tự tánh Di-đà viên dung nhất trí, khéo ứng phó với cảnh sắc thanh. Thời gian qua nhanh rồi cũng bỏ vọng về chân, ngay đó quay lưng với bụi trần, hướng đến chánh giác. Ngài Pháp Tạng xưa phát nguyện rộng, khai mở con đường huyền diệu Cực lạc. Cho nên Đức Phật Thế Tôn chỉ cảnh Tây phương dạy bà Vi-đề-hy đến cảnh giới mầu nhiệm. Đây là tướng lưỡi rộng dài đồng khen ngợi kinh này, khi tất cả kinh khác mất hết chỉ còn riêng để lại kinh này. Bởi vì, việc lợi ích cho chúng sinh nên tâm hỷ xả tăng trưởng, lòng Từ bi ứng hiện giáo hóa lớn. Giáo chia thành chín phẩm là riêng mở cửa phương tiện, quán rõ nhất tâm. Thật là con đường tất để trở về nguồn cội. Thánh phàm đồng hội họp như khách đi xa lâu ngày được trở về quê hương, đạo cảm ứng giao nhau như con thơ đi xa mẹ hiền ôm ấp trong lòng. Nếu không hiểu chỗ chí lý cao tột này thì gặp cảnh đều mê tín, tin vào lời bàn trọn vẹn này thì không việc gì không thông suốt, huống gì lại được ánh từ quang nguyện che chở, thâu nhiếp, Phật lực khó suy nghĩ bàn luận, nương thuyền xuôi theo dòng nước thì đâu nhọc công chèo chống, đẩy cửa rớt cối xay há là người khác ư? Nếu người có nguyện thì Phật đều đón rước, không căn cơ nào không bao trùm, thuyền đá có thể cứu thoát, lửa trong địa ngục mau tiêu. Các Bồ-tát, Thanh văn sinh về nước kia số đông không thể tính kể. Trước Hiền sau Thánh đắc đạo, đều có thể tra cứu, xét tìm. Ở cõi Tây phương thường có chim Oanh vũ, Ca-lăng-tần-già cất tiếng phát âm giảng nói. Tất cả các loài côn trùng nhỏ nhít đều được ân giáo hóa: Cảnh Thánh chẳng phải rỗng không, Phật nói không luống dối, sao có thể không xót thương những kẻ đắm chìm lặn hụp nơi sông ái, không lo bị chết cháy trong nhà lửa thiêu đốt. Lưới nghi kết dày, người kém trí khó vung dao. Trồng nhiều nghi ngờ, sức tin mỏng manh, làm sao nhổ được gốc

nghi ngờ nên phải cam tâm phục ý, ưa thích tai họa, bài bác cảnh giới thanh tịnh, tham luyến cõi phiền não. Như con thiêu thân đâm đầu vào lửa tự chuốc lấy tai ương, như cái vui của chim lồng cá chậu. Đấy là do năng lực điều lành nhỏ nhiệm, mà nghiệp lực vượt trội. Lòng tin kém mà gốc tội nhiều do đây ba đường mịt mờ, bốn sinh chộn rộn. Ai cũng tham sống thiết tha, ai biết trở về. Tất cả đều do nghiệp mênh mông mà không mong thoát khỏi sinh tử, số kiếp quá khứ đã khó cùng tận, luân hồi vị lai nhiều như hạt cải trong thành làm sao hết được? Chẳng phải ngày xưa đã gieo nhân lành thì sao nay được gặp nhân này, đánh trống mở cửa ngục tù, thì nên mau thoát khỏi chốn lao nhọc, gặp thuyền cứu vớt khổ đấm chìm đâu nên trì trệ, nghi ngờ. Kính thuận kim văn, khéo học pháp Phật. Người không nghe, không hiểu thì hay đau buồn. Huống chi cõi đời có năm thứ ác trược này bốn bên lửa đỏ, chỉ có Đức Phật mới có năng lực cứu vớt. Đã được nghe pháp mầu thì nên gieo duyên Tịnh độ. Một niệm tín thành là gieo trồng hạt giống ngàn muôn đức nghĩ suy đồng với Bậc hiền xưa, mong ngộ được chân thường, nên đều vâng làm như đã nói tận tâm đảnh lễ tin nhận.

1. Dứt nghi sinh tín.

Kinh nói: “Được thân người là khó, đã được thân người lại có đủ lục căn là khó, được sinh ở thành thị, thủ đô đất nước là khó, được gặp đạo Phật là khó, phát khởi tín tâm là khó”. Bởi nếu đã được nghe giảng giáo pháp mà lại nghi ngờ giáo nghĩa thì tín tâm không khởi được. Nếu không dứt trừ nghi ngờ thì tín tâm từ đâu mà sinh ra? Vì thế kinh Kim Cương nói: “Chánh tín ít có”. Kinh Pháp Hoa nói nhờ lòng tin nên được vào đạo. Vương Long Thư bảo: Phật là Đại Y vương có khả năng chữa trị tất cả bệnh tật nhưng không thể cứu người chết sống lại. Phật có khả năng độ tất cả chúng sinh nhưng không thể độ người bất tín. Bởi vì “Tín” là một tâm niệm chân thành. Nếu tâm niệm con người muốn rời xa thân thì thân cũng rời xa theo. Nếu tâm niệm muốn ở nơi thân thì thân cùng trụ lại. Như thế thân này tùy theo sự thay đổi của tâm niệm. Tâm muối rời xa thân mà thân bị trói buộc, thì lúc sắc thân hư hoại chỉ còn lại tâm niệm mà thôi. Nếu nghĩ nhớ đến chỗ nào thì liền sinh về nơi ấy. Cho nên một lòng niệm Phật cầu sinh Tịnh độ Tây phương thì chắc chắn được sinh về Tịnh độ, huống chi Đức Thế Tôn và các Đại Bồ-tát lại có bổn nguyện lực tiếp dẫn vãng sinh ư?

Có người hỏi: Tại sao cả đời niệm Phật, giữ giới mà đến lúc qua đời không được sinh Tịnh độ?

Đáp rằng: Vì tín lực ấy không sâu, hạnh nguyện còn thiếu, và

không hề phát đại tâm Bồ-đề, lại không hề dứt bỏ tà hạnh mười điều ác. Tuy nói là tu hành nhưng lời nói và việc làm không hề tương ưng. Tuy nói niệm Phật nhưng không hề tịnh niệm nối nhau. Công phu đã không chân thật thì làm sao có được quả báo của Tịnh độ.

Kinh Tịnh Danh chép: "Tâm tịnh thì cõi Phật tịnh". Lục Tổ Đàn kinh chép: Nếu trong tâm toàn thiện thì rất gần với cảnh Tây phương. Nếu ông lòng bất thiện mà niệm Phật cầu sinh Tây phương thì khó được kết quả. Nếu dứt bỏ mười điều ác thì Phật nào mà không đến đón rước? Cho nên thấy người đời không cầu tịnh tâm, chỉ là miệng niệm danh hiệu Phật, ở ngoài tâm cầu Phật, vọng tưởng, chấp trước mà không tự giữ cho tâm mình thanh tịnh. Tâm gây ra các việc ác, tự phá hoại Phật tánh của mình mà riêng cầu Phật bên ngoài ư? Cho nên mê lầm là chúng sinh, ngộ tức là Phật. Pháp môn Viên thông chép: "Nhớ Phật, niệm Phật hiện tiền, tương lai chắc chắn gặp Phật". Bởi nhớ Phật là tâm niệm, cũng là tín tâm thanh tịnh, tín, hạnh, nguyện đầy đủ.

Kinh Lăng-nghiêm nói: Một căn trở về nguồn thì lục căn thành giải thoát, chuyển hóa mười điều ác thành thập thiện, sáu thức chuyển thành sáu thần thông. Cho nên, trong tâm chánh tín nhớ niệm danh hiệu Phật, tịnh niệm nối nhau thì tự tánh Di-đà hiện tiền. Người niệm Phật được Phật cảm ứng, lúc sắp qua đời gặp Phật, được vãng sinh Tịnh độ. Hễ người tu Tịnh nghiệp thì phải tin lời Phật nói và làm theo hạnh Phật. Tâm và miệng đã khế hợp nhân quả thì tất nhiên không mê mờ. Nếu nghe mà không tin, tin mà không thực hành thì cũng giống như vẽ bánh muốn bụng hết đói. Tâm đã không tin thì sinh nghi ngờ, hủy báng Phật pháp. Nghi ngờ đã khởi thì tự làm mê tối tâm mình, tự làm mê tối tâm mình thì cách xa cõi Tịnh độ. Cho nên Cư sĩ Hương Sơn soạn bài tựa cho Từ Chiếu Liên Tông sám, viết rằng: Đạo sư giáo hóa muôn vật, dạy bảo người giữ đạo lý, lấy tâm tín sâu làm năng nhập, phá các Xiển-đề. Lấy chuyên niệm Phật làm hạnh môn, khiến tâm không tán loạn, thêm nguyện Bồ-đề, tâm làm cội gốc, để độ thoát chúng sinh. Người có đủ ba tâm này sẽ chứng lên bậc Thượng phẩm thượng sinh ở Tịnh độ Cực lạc, biển quả Tỳ-lô. Rộng mênh mông mà dễ đến bờ. Lại nói ba điều này ai cũng sẵn đủ, cũng viên thành, nhưng vì không có tín, hạnh, nguyện nên mãi đắm chìm đọa lạc.

Than ôi! Hễ làm người không cần phước đức, không cần tôn quý, không cần thông minh, không cần tướng tốt, chỉ cần có đủ tín, hạnh, nguyện thì đủ làm tư lương sinh về Tịnh độ. Tứ Liệu Giản nói: "Từ cõi này đi về phía Tây qua mười muôn ức cõi Phật có một thế giới tên

là Cực lạc, đó là nói xa. Nếu một niệm tín tâm niệm Phật thì liền đến phương Tây. Đây là nói gần". Cho nên nói: "Cũng gần mà cũng xa, tất cả đều phụ thuộc vào lòng tin nguyện của con người." Tín thì không cách một mảy lông, còn nghi ngờ thì luân hồi sinh tử. Lại nói: Từ cõi này đi về phương Tây xa xôi mười muôn dặm. Nếu đầy đủ lương thực thì lo gì đường xa không đến. Cho nên đạo lấy tín làm đầu mối của muôn điều lành, tín là tông của trăm hạnh. Hoa Nghiêm lấy Thập Tín làm điểm khởi đầu của quá trình Thành Phật. Pháp Hoa lấy chánh tín làm cửa vào đạo, ngũ Căn lấy tín căn làm đầu, ngũ Lực lấy tín lực làm trên hết. Cho nên chư Phật ba đời, các Đại Bồ-tát, Tổ sư nhiều đời tu các công hạnh đều có đủ đại nguyện lực để vào cảnh giới Phật, thành tựu đạo Bồ-đề đều từ chữ tín này mà vào.

Pháp sư Đàm Loan gặp Quán kinh của Lưu-chi thì đốt kinh Tiên, tu Tịnh nghiệp. Há không phải do chữ tín này ư? Bạch Thị Lang đi cũng niệm Di-đà, ngồi cũng niệm Di-đà há không xuất phát từ chữ tín này ư? Tô Học sĩ đeo tượng Di-đà đi ngồi đều mang theo bên người và gọi đó là Tây phương công cứ cũng không ngoài chữ tín này. Trương Thiện Hòa cả đời giết trâu, lúc sắp qua đời thấy cảnh địa ngục hiện ra trước mắt, may mắn gặp một vị Tăng bảo niệm danh hiệu Phật A-di-đà. Ông niệm chưa được mười niệm đã thấy Phật đến tiếp dẫn, vãng sinh về Tịnh độ, được thoát khỏi cảnh địa ngục. Đây há không phải do lòng tin mà được thoát khỏi địa ngục hay sao?

Kinh Hoa Nghiêm nói: "Lòng tin là nguồn sinh ra đạo, là mẹ sinh ra các công đức, lòng tin có công năng nuôi lớn các thiện căn. Tín thì vượt xa các đường ma, tín có công năng chứng đắc Tam-ma-địa, tín có công năng giải thoát bể khổ sinh tử, tín có công năng thành tựu Phật Bồ-đề. Than ôi! Người giữ trai giới ngày nay tin giữ giới mà không tin niệm Phật, tin thờ Phật mà không tin vãng sinh Tịnh độ. Đây đều là tự mình làm mất lợi ích lớn.

Chao ôi! Đường sinh lên trời, người phải lấy phước đức làm tiên quyết, trong biển sinh tử thì niệm Phật là bậc nhất. Nay muốn được vui cõi trời, người mà không tu phước đức, muốn thoát khỏi sinh tử mà không niệm Phật thì cũng giống như chim không có cánh mà muốn bay, cây không có rễ mà muốn tốt. Làm sao mà được? Chúng ta đồng thệ nguyện tất cả phải tin sâu lời Phật nói là chân thật, không luống dối. Phương thuốc hay để thoát khổ không gì bằng niệm Phật, chuyên tu Tịnh độ được vãng sinh Lạc quốc, thoát khỏi luân hồi, thời không đợi người, cẩn thận chớ có nghi ngờ. Nếu thân này không hướng sinh về cõi

Cực lạc thì sẽ hướng sinh về đâu?

2. Khuyết phát tín tâm.

Ôi! Phật A-di-đà là bậc chí tôn trong các Đức Phật, là cha lành của bốn loài. Người quy y, tin tưởng thì diệt hằng sa tội chướng. Người xưng niệm được phước vô lượng. Hễ muốn niệm Phật thì phải khởi tín tâm, nếu không có tín tâm thì không biết do đâu mà được, cho nên Pháp sư Triệu nói: Việc này như vậy là tướng tin, việc này không như vậy là tướng bất tin.

Ôi! Tin là sơ tông vào đạo, trí là huyền thuật rốt ráo. Đầu các kinh đều nói "Như thị" là tin, sau gọi "Vâng hành" là trí. Cho nên kinh A-di-đà nói: Nếu người nào có lòng tin thì nên phát nguyện sinh về cõi nước kia. Đây là điều Đức Bổn sư Thích-ca khuyến tín. Lại nói: Các ngươi nên tin tưởng, xưng tán, khen ngợi thì được công đức không thể suy nghĩ, bàn luận. Đây là điều chư Phật sáu phương khuyến tín. Lại nói: "Nếu người nào trồng thiện căn mà nghi ngờ thì hoa không nở, người tín tâm thanh tịnh thì hoa nở liền thấy Phật". Đây là điều mà Luận vãng sinh khuyên tin. Lại nói: "Tin, là từ ngữ thuận tin thì lý nói ra sẽ thuận. Thuận thì đạo thầy trò thành tựu, kinh thông có hạn cuộc, nếu không có lòng tin thì không thể truyền được". Đây là điều Pháp sư Triệu khuyên tín.

Lại nói, pháp môn niệm Phật bất luận là đạo hay tục, nam hay nữ, không câu nệ là sang hay hèn, ai ai cũng tu được pháp môn này. Người tu theo pháp môn này chỉ cần tín tâm. Đây là điều Hòa thượng Đại Hạnh khuyên tin.

Hỏi: Nói là tin nhưng chẳng hay tin theo pháp môn nào?

Đáp: Tin là dựa vào lòng tin. Trong kinh Phật nói: Niệm Phật chắc chắn sinh Tịnh độ. Tin niệm Phật thì chắc chắn diệt trừ các tội. Tin niệm Phật thì chắc chắn được chư Phật che chở, tin niệm Phật thì chắc chắn được Phật chứng minh. Tin niệm Phật thì lúc qua đời chắc chắn được Phật đón rước. Tin niệm Phật thì bất luận chúng sinh nào cùng với người có lòng tin đều được vãng sinh Tây phương. Tin niệm Phật thì vãng sinh chắc chắn ở địa vị không lui sụt. Tin niệm Phật sinh Tịnh độ chắc chắn không đọa vào ba đường ác. Cho nên khuyên tin niệm Phật, thọ pháp này, trì niệm này thì chắc chắn được vãng sinh Tịnh độ. Cho nên Hòa thượng Đại Hạnh bảo người niệm Phật tâm chỉ tin Phật, thì Phật liền biết người đó, vì Phật có tha tâm thông. Miệng chỉ xưng danh hiệu Phật thì Phật sẽ nghe được vì Phật có thiên nhĩ thông. Thân chỉ lễ Phật thì Phật liền thấy người đó, vì Phật có thiên nhãn thông. Vì thế Hòa thượng

Đại Hạnh dùng pháp niệm Phật này khuyến khích làm cho người phát sinh tín tâm. Lại dụ rằng: người có tín tâm giống như trồng cây ăn quả, cây lớn rễ cắm sâu vào lòng đất, cho nên gió thổi không lay động. Sau ra quả hạt cứu giúp người đói khát. Người niệm Phật cũng giống như thế, cần phải phát khởi tín tâm mới được đến Tây phương. Nếu không tin thì không biết do đâu mà được. Cho nên kinh nói: Hàng Bồ-tát Thập Trụ một khi khởi tín tâm niệm Phật rồi thì sau đó dù gặp duyên ác có lìa bỏ thân mạng đi nữa cũng không lui sụt tín tâm. Cho nên kinh Duy-ma nói: Tin sâu vững chắc giống như kim cương, pháp báu chiếu khắp như mưa cam lộ. Tam-muội niệm Phật từ lòng tin sâu mà phát sinh ra. Hãy xem hằng hà sa chư Phật ở Tịnh độ đều là người có chánh tín.

3. Kệ chánh tín vãng sinh của Từ Vân Tuân Thức sám chủ ở Thiên trúc.

Cúi đầu kính lễ cõi An lạc
Di-đà Thế chủ Đại từ tôn
Con nương các thứ Tu-đa-la (kinh)
Tin sâu chắc chắn được vãng sinh
An trụ Đại thừa, tâm thanh tịnh
Mười niệm, niệm Phật Vô Lượng Thọ
Qua đời thấy Phật dẫn về Tây
Kinh Đại Bảo Tích nói như vậy
Năm tội ác nghịch, lửa ngục hiện
Gặp bạn lành phát tâm mạnh mẽ
Xưng niệm mười câu liền vãng sinh.
Kinh Thập Lục Quán nói như vậy.
Nếu có tâm vui mừng, ưa thích
Ít nhất mười niệm liền vãng sinh
Nếu không như thế, không thành Phật
Bốn mươi tám nguyện nói như vậy.
Ai nghe tên sinh tâm chí thành
Một niệm hồi hướng liền vãng sinh
Chỉ trừ năm nghịch, chê chánh pháp
Kinh Vô Lượng Thọ nói như vậy.
Sắp qua đời không thể quán, niệm
Chỉ khởi tâm niệm biết có Phật
Người này dứt hơi liền vãng sinh
Kinh Đại Pháp Cổ nói như vậy.
Một ngày một đêm luôn buộc niệm

Chuyên niệm vãng sinh tâm không dứt
Trong mộng thấy Phật liền vãng sinh
Kinh Vô Lượng Thọ nói như vậy.
Ngày đêm luôn xưng danh hiệu Phật
Siêng năng tinh tấn, không xen hở
Xoay vần khuyên nhau đồng vãng sinh
Trong kinh Đại Bi nói như vậy.
Một ngày, hai ngày, đến bảy ngày
Luôn niệm danh hiệu tâm bất loạn
Phật hiện trước mặt liền vãng sinh
Kinh A-di-đà nói như vậy
Nếu ai nghe danh Phật Di-đà
Một ngày, hai ngày, đến nhiều ngày
Buộc niệm, hiện tiền liền vãng sinh
Trong kinh Bát-nhã nói như vậy
Một ngày, một đêm trong sáu thời
Năm phần lạy Phật niệm không dứt
Hiện thấy Phật kia liền vãng sinh
Kinh Cổ Âm Vương nói như vậy.
Mười ngày mười đêm giữ trai giới
Kết cờ phướn, lọng báu, đèn hương
Buộc niệm một chỗ liền vãng sinh,
Kinh Đại Di-đà nói như vậy.
Nếu người chuyên niệm Phật một phương
Hoặc đi hoặc ngồi bốn chín ngày
Hiện đời thấy Phật liền vãng sinh
Trong kinh Đại Tập nói như vậy.
Nếu người tự thệ thường kinh hành
Suốt chín mươi ngày không ngồi nằm
Trong Tam-muội thấy Phật Di-đà
Trong kinh Phật Lập nói như vậy
Nếu người ngồi thẳng hướng về Tây
Trong chín mươi ngày thường niệm Phật
Được thành Tam-muội, sinh trước Phật
Văn-thù Bát-nhã nói như vậy.
Con đối các kinh tụng ít phần
Kinh nói như thế vô cùng tận
Nguyện cùng người nghe sinh chánh tín

Phật nói chân thật không dối lừa
Phật đã nói rõ dễ vãng sinh
Ai ai cũng tin không nghi ngờ.

4. Bài tựa luận Tịnh độ Thập Nghi của Đại sư Thiên Thai Trí Giả.

Bốn quả rõ ràng không thể so lường chỗ sâu kín của Như Lai, bậc Thánh Thập địa cũng không thể hiểu cùng tận quả cao tột vi diệu này. Hàng phàm phu không có mắt tuệ nên bị vùi lấp trong ba cõi dù có thật cảnh an vui họ cũng cho là luống dối. Đối với cảnh Tịnh độ họ cho là sai lầm và nghi ngờ về cõi ấy. Nghi thân mình vì biết năm uẩn chưa đoạn diệt, nghi nơi tâm vì biết ngàn thứ mê hoặc chưa dứt bỏ. Nghi nơi việc làm vì biết Lục độ chưa cứu giúp. Giống như trên sóng gió bập bềnh chưa được ai cứu vớt, lo cứu mình trước rồi mới cứu những người xung quanh. Chính mình còn mê hoặc huống chi là người khác ư? Việc này khó tin, bị đạo tục nghi ngờ.

Theo Đại sư Trí Giả: Tâm xúc cảnh thì mê, trí làm cho thần sáng ngời, thừa, thời đều giúp giáo, ấn tích khác nhau là do chấp trước. Nhân chỗ khác ấy mà khảo xét sở chứng, không biết ba Bậc hiền ấy ư? Mười vị Thánh ư? Ấy là vì thần thông vi diệu của bậc Chánh đẳng giác giáo hóa khó nghĩ lường, dù tư duy mà không thể biết, chỉ Đại sư có niệm định tổng trì, chiếu soi các hạnh nghiệp cầu sinh Tịnh độ, ở giữa không chút xen hở được niệm định Tổng trì như Đại sư thì còn có việt nam Thập nghi này ư? Văn xa thì ghi chép những điều trong kinh, gần thì ghi chép các luận, bỏ đi ý nghĩa, chỉ lấy các truyện, không lìa kinh mà đầy đủ sự, không trau chuốt văn từ để thêm khéo léo. Nếu tra cứu văn từ thì đạt được ý đạt đến chỗ tột cùng của chín phẩm. Như thế mới thấy chỗ dụng tâm của Đại sư, thấy tấm lòng của Đại sư đối với Tịnh độ không còn nghi ngờ. Đó chính là trời cao không có mây thì các chòm sao tỏa sáng. Dù trải năm tháng có khác nhau nhưng rõ ràng không có chòm sao nào ẩn mất. Tôi được văn này, luôn nhớ niệm đấng Năng Nhân khen ngợi Tịnh độ, mong sao chư Phật chứng minh thành tựu. Hoặc tướng lưỡi rộng dài trùm khắp đại thiên, hoặc tiếng sóng biển giảng nói tiếng Phạm. Tôi tuy kém cỏi, nhưng không thể không nói, vì thế nên ở phần đầu luận lược ghi vài điều tận đáy lòng tôi. Văn nghĩa còn non nớt chưa đủ làm phát khởi sự giáo hóa của Đại sư. Điều này trước tiên xin Phật chứng minh thành tựu, để con có chỗ trở về nương tựa.

5. Bài tựa Vô Vi Dương Đề Hình Trực chỉ Tịnh độ quyết nghi.

Bậc Thánh có nguyện lớn từ Tịnh độ đến, đến mà thật không

đến; phàm phu tin sâu sinh về Tịnh độ, đi mà thật không đi. Kia không đến đây, đây không đến kia, nhưng Thánh phàm đồng hội ngộ, hai bên cùng giao tiếp nhau. Vì sao? Vì ánh sáng của Phật A-di-đà giống như mặt trăng tròn vạnh chiếu khắp mười phương. Nước lắng mà trong thì trăng hiện toàn thể. Trăng chẳng đến nước mà nước vẫn hiện bóng trăng. Nước chao lại đục thì ánh trăng chao, trăng chẳng bỏ nước chỉ sợ nước không đón nhận. Ở nước thì có trong, có đục, ở trăng thì không lấy, không bỏ, không đến, không đi.

Trưởng giả Giải Thoát trong kinh Hoa Nghiêm nói: Biết tất cả Phật giống như ảnh tượng, tự tâm như nước, các Đức Như Lai kia không đến đây, ta cũng chẳng đến kia. Nếu ta muốn gặp Đức Phật A-di-đà ở thế giới An lạc thì theo ý liền gặp. Cho nên biết chúng sinh chú tâm thì chắc chắn thấy Phật A-di-đà. Đây là xứng tánh thật ngôn, chẳng phải Quyền giáo.

Tịnh độ không có ham muốn, nên chẳng phải cõi dục, cõi ấy có mặt đất để ở nên chẳng phải cõi sắc, chúng sinh có hình tướng nên chẳng phải cõi Vô sắc. Tất cả chúng sinh chưa ngộ chánh giác, đang chìm trong giấc mộng lớn, lặn hụp trong sáu đường, không hề ngừng nghỉ. Các vị trời tuy vui nhưng khi phước báo hết thì các tướng suy hiện ra, A-tu-la sân giận, gây chiến giành phần hơn. Súc sinh, chim bay thú chạy ăn nuốt, giết hại lẫn nhau, quỷ thần ở chốn u minh bị đói khát ép ngặt, các chúng sinh chịu tội trong cảnh địa ngục đêm dài chịu khổ kêu la, còn nếu được sinh làm người thì vốn là hạnh phúc may mắn nhưng bị các khổ sinh, già, bệnh, chết trói buộc. Chỉ có cõi Cực lạc là vô khổ, toàn vui.

Người ở trong hoa sen hóa sinh ra, nên không có khổ sinh, cũng không có thời tiết nóng lạnh đổi dời nên không có khổ già, thân không có phần đoạn nên không có khổ bệnh, tuổi thọ vô lượng nên không có khổ chết. Cũng chẳng có cha mẹ vợ con, nên không có khổ ái biệt ly. Người ở cõi ấy toàn là người lành nên không có khổ oán tắng hội, hoa kích, thức ăn thơm tho, thọ dụng các món châu báu quý giá nên không có khổ cầu bất đắc. Quán chiếu không tịch nên không có khổ uẩn; thương xót cứu giúp hữu tình, muốn sinh thì sinh, không trụ ở tịch diệt, nên chẳng phải Nhị thừa; trí sáng chiếu soi sinh tử, được không còn lui sụt nên chẳng phải phàm phu. Ba cõi buông tuồng thí như bốn bên gò nổng hầm hố chứa chất dơ bẩn, ngăn cản suối khe thì chỗ nào là bến cầu. Thế nên mới có người lầm con đường này, bị thú dữ quỷ mị não hại, sống chen chúc chốn đạo binh, nước lụt lửa cháy, hoặc có lúc gió

táp sương sa cuồng bạo, bao cảnh rên la, bị người lấn hiếp mới biết đến thành vực có thể cứu giúp, y phục, cơm cháo cũng không đủ. Cam chịu những khổ đau này mà không cầu sinh về cõi An lạc.

Chỉ có Đức Phật Thích-ca là Đại Đạo sư chỉ cõi thanh tịnh là nước An Lạc, Phật Vô Lượng Thọ là thầy của Tịnh độ. Như vậy các chúng sinh nếu sinh về cõi ấy thì không có các thứ khổ, kẻ không nghe biết thật đáng thương xót, cũng có thiện sĩ phát ba thứ tâm.

Người không cầu sinh Tịnh độ, thường hay cao ngạo nói:

1. Ta phải vượt Phật, hơn tổ, Tịnh độ không đáng để cầu sinh về.

2. Nơi nào cũng là Tịnh độ, chẳng cần phải cầu sinh về Tây phương.

3. Đất Thánh Cực lạc, phàm phu chúng ta không thể sinh về.

Trên biển cả mênh mông, Phổ Hiền nguyện thấy Di-đà, cõi Phật tuy là không nhưng Duy-ma thường tu Tịnh độ, Như Lai mười phương đưa tướng lưỡi rộng dài khen ngợi Tịnh độ. Bồ-tát mười phương cũng đồng lòng đi đến. Thử suy nghĩ kỹ càng, ai bằng các bậc Thánh mà bảo là không đáng sinh về, sao dám tự khinh thường như thế? Còn như Tổ sư Long Mãnh thì sao? Kinh Lăng-nghiêm có lời dự ký, như Thiên Thân giáo tông, vô số luận có kệ cầu sinh Tịnh độ. Từ Ân Thông Tán đầu tiên là nêu mười điều thù thắng, Trí Giả phân nghĩa lý rõ ràng để giải bày mười nghi. Đó đều là bậc thượng triết tinh tấn cầu vãng sinh, sao dám tự kiêu mạn bảo không cần sinh về Tây phương?

Xe lửa có thể tắt, thuyền, đá không chìm, người hiện hoa báo không ai hơn Trương Húc, niệm mười niệm được siêu thoát đến cõi an lành. Người đọa địa ngục không ai nhanh bằng Hùng Tuấn sống lại mà chứng được diệu nhân. Người thế gian vướng nhiều lầm lỗi, chưa hẳn bằng đây, thế mà lại tự coi rẻ mình nói không thể vãng sinh ư?

Kinh Ban-chu Tam-muội nói: Bồ-tát Bạt-đà-hòa hỏi Phật: Chúng sinh đời vị lai làm sao được thấy chư Phật mười phương? Phật bảo dạy họ niệm Phật A-di-đà thì sẽ thấy chư Phật mười phương.

Kinh Bảo Tích nói: Chúng sinh phương khác nghe danh hiệu Vô Lượng Thọ Như Lai nhẫn đến có thể phát một niệm tin thanh tịnh, vui mừng ưa thích, nếu có thiện căn hồi hướng nguyện sinh về nước kia thì tùy nguyện được sinh về cõi An lạc, được không lui sụt. Đây đều là lời Phật nói. Nếu không tin lời Phật nói thì còn tin lời nào? Nếu không vãng sinh Tịnh độ thì cõi nào có thể đến? Tại sao lại tự khinh, tự mạn, tự bỏ tánh linh của mình để phải ra vào trong vòng luân hồi? Đây là lỗi của ai? Bốn mươi tám nguyện là để độ sinh, mười sáu pháp quán đồng quy

về buộc niệm. Một niệm đã tin rồi tức là đã gieo giống vào ao báu, các điều lành hỗ trợ, chắc chắn hóa sinh nơi đất vàng, không còn sự nghi ngờ, hối tiếc thì tức thời hoa nở được đạo giải thoát. Duy tâm Tịnh độ, tự tánh Di-đà, trong ánh sáng rực rỡ chắc chắn không có việc ma.

Vương Mẫn Trọng Thị Lang trong Quyết Nghi Tập có giải thích nghi tình, mau vượt đến Tín địa. Ông ghi những yếu chỉ rất tỉ mỉ để hướng dẫn con đường đến nước An dưỡng. Nếu đến bờ rồi thì nên quên thuyền, người đến bờ rồi thì không hỏi lời vớ vẩn này.

■

LÔ SƠN LIÊN TÔNG BẢO GIÁM

QUYỂN 6

NÓI CHÁNH HẠNH NIỆM PHẬT

Cõi Thường quang vốn không sắc tượng, nếu có cảm ứng thì có hình tướng, đạo Bồ-đề đã khai mở con đường chính yếu, không đi thì không đến.

Kinh Duy-ma chép: Năm trăm trưởng giả tử, Bảo Tích bạch Phật: Con đã phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề, nguyện được đến cõi Phật thanh tịnh, xin Phật nói việc làm của các Bồ-tát ở cõi ấy.

Phật bảo: Này Bảo Tích! Chúng sinh là Tịnh độ của Bồ-tát.

Pháp sư Triệu nói: Bậc chí nhân thấu suốt vô tượng, ứng theo vật mà có hình tướng, hình tướng không có thường thể, huống chi đất nước mà có thường ư? Bởi vì việc làm của chúng sinh khác nhau cho nên cảm ứng thân hình không giống nhau. Người tu Tịnh nghiệp thì được vãng sinh cõi tịnh, dùng ngọc báu trang nghiêm, người nhiều thiện ác thì sinh vào cõi uế, dùng cát sỏi làm đồ trang sức. Đẹp, xấu, ta người ở nơi mình, không nhất định, cho nên cõi nước không nhất định gọi là chân độ.

Cõi tịnh hay uế trói buộc chúng sinh, cho nên nói: Các loài chúng sinh là Tịnh độ của Bồ-tát.

Cõi tịnh của Đức Như Lai lấy vô phương làm thể nhưng vì hạnh nghiệp của chúng sinh khác nhau nên thấy khác. Vì chấp vào dị kiến nên sinh vào cõi tịnh hoặc cõi uế khác nhau. Vô phương nên chân độ có hình tướng ư? Nếu chấp cõi tịnh, uế thì đó là quả báo của chúng sinh, nhưng quả báo chúng sinh vốn là vô phương là sự chân của cõi Phật, há gọi là cõi khác, chỗ khác, hai cõi Phàm, Thánh rồi sau phân biệt thành tịnh hay uế sao?

Pháp sư Đạo Sinh nói: Hành giả Tịnh độ, đi đến cõi tịnh mà chẳng tạo, nếu muốn tạo ra cõi nước đó là chúng sinh. Dù cho lạm tạo trước phải rõ được việc tạo nền móng để biểu dương ý nghĩa tận cùng, sau đó

mới giảng nói thực hành.

Pháp sư La-thập nói: Bảo Tích hỏi tướng Tịnh độ, Đức Thế Tôn đáp chúng sinh là Tịnh độ của Bồ-tát. Vì nói Nhân trong Quả.

Quốc sư Thanh Lương nói: Trong tâm chư Phật, chúng sinh mới thành Phật, trong tâm chúng sinh Tịnh độ niệm niệm chứng chân. Kinh nói: Bồ-tát tùy chúng sinh được giáo hóa lấy cõi tịnh làm nhiêu ích các chúng sinh thí như có người muốn xây một ngôi nhà theo ý mình ở khoảng đất trống thì không trở ngại, còn nếu muốn xây trên hư không thì không thể nào được. Bồ-tát cũng giống như thế. Vì muốn thành tựu chúng sinh cho nên nguyện thành tựu cõi Phật, chẳng phải ở hư không. Nên biết: Trực tâm, thâm tâm, Đại thừa tâm là Tịnh độ của Bồ-tát.

Pháp sư Triệu nói: Cõi được thanh tịnh là do chúng sinh. Chúng sinh thanh tịnh là do các hạnh. Hạnh thanh tịnh thì chúng sinh tịnh, chúng sinh thanh tịnh thì cõi Phật tịnh. Lý này hẳn không sai khác. Cõi nước không dơ bẩn, khúc khuỷu phát xuất từ tâm ngay thẳng (trực tâm). Cho nên trực tâm là Tịnh độ của Bồ-tát. Trực tâm nghĩa là ngay thẳng, chất thực, không dua nịnh. Tâm ấy là gốc muôn hạnh.

Pháp sư Đạo Sinh nói: Trồng tâm gieo đức, rễ chắc khó nhổ đó là thâm tâm. Nương vào tám muôn hạnh, nâng đỡ tất cả mọi người không bỏ sót một ai, đó là tâm Đại thừa. Ba tâm này người mới học phải thực hành nó, muốn mở mang đại đạo thì trước phải trực tâm. Tâm đã chân trực thì sau đó mới thực hành được sâu, hạnh đã sâu thì vận dụng giáo hóa cùng khắp, không bờ mé. Tuần tự thực hành ba tâm này đầy đủ rồi, sau đó tu Lục độ cho đến muôn hạnh.

Pháp sư La-thập bảo: Trực tâm là tâm thành thật, khởi đầu của phát tâm ở nơi thành thật, hiểu đạo thêm sáng tỏ gọi là thâm tâm, hướng thẳng đến Phật tuệ gọi là tâm Đại thừa.

Kinh nói: Bố thí, Giữ giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ là Tịnh độ của Bồ-tát, bốn tâm vô lượng, bốn nhiếp pháp là Tịnh độ của Bồ-tát, phương tiện là Tịnh độ của Bồ-tát, ba mươi bảy phẩm là Tịnh độ của Bồ-tát, hồi hướng là Tịnh độ của Bồ-tát, thập thiện là Tịnh độ của Bồ-tát. Như thế Bồ-tát Bảo Tích theo trực tâm của mình mà có thể phát khởi thực hành, tùy sự phát khởi thực hành mà được thâm tâm, tùy thâm tâm ấy mà thực hành, thực hành thì có thể hồi hướng, tùy theo hồi hướng ấy mà có phương tiện, tùy theo phương tiện ấy mà thành tựu chúng sinh, tùy theo thành tựu chúng sinh mà cõi Phật thanh tịnh, tùy theo cõi Phật thanh tịnh mà nói pháp thanh tịnh, tùy nói pháp thanh tịnh mà trí tuệ tinh, tùy trí tuệ tịnh mà tâm tịnh, tùy theo tâm mình tịnh mà

tất cả công đức thanh tịnh. Pháp sư La-thập nói: Trực tâm dùng thành tâm mà tin Phật pháp, tín tâm đã lập thì sẽ làm các việc lành, các việc lành đã tích tụ thì tâm ấy chuyên sâu, thâm tâm đã vững chắc thì không rơi vào các việc ác, bỏ ác theo lành gọi là điều phục tâm, tâm đã điều phục thì gặp điều thiện, hạnh này gặp thiện thì những việc khó làm sẽ làm được, việc khó làm mà làm được thì muôn điều lành vẹn toàn, cho nên hồi hướng Phật đạo. Hồi hướng tinh tấn là phương tiện lực. Then chốt của phương tiện có ba:

1. Mỗi việc lành đều ở nơi hành động của mình mà không chấp tướng.

2. Không chấp chứng.

3. Khéo giáo hóa chúng sinh

Đủ ba điều này thì đến được Tịnh độ.

Cõi nước đã thanh tịnh thì chúng sinh thuần tịnh, chúng sinh đã thuần tịnh thì phước đức bằng với Hóa chủ. Cho nên nói là đều tịnh, các kinh tuy nói rộng các hạnh của Tịnh độ nhưng chưa rõ giai vị gần xa của nó, ở đây sẽ giải thích rất tường tận và sâu rộng, không thể vượt lên, phải tìm cầu đường lối của nố, có thứ tự, cho nên nói vết tích của phát hạnh bắt đầu ở trực tâm, trực tâm tức là chân tâm. Tâm này tất cả chúng sinh ai ai cũng có, chỉ vì mê mờ không biết, không hiểu. Cho nên Lục tổ Đại Sư nói: Một niệm bình trực tức là Di-đà, một niệm tà lệch tức là chúng sinh. Vì con người ở cõi uế trược hiện làm những việc vô minh: Miệng nói trực tâm mà việc làm nhiều dối trá, chìm đắm trong bể khổ nên không thể thoát ra. Cho nên Phật từ bi thương xót người kia, chỉ bày họ bằng phương tiện, hướng dẫn họ bằng niệm Phật để điều phục tâm tán loạn, giúp họ bỏ tà ác mà quay về chánh đạo. Tức là chúng sinh sinh về Tịnh độ, cho nên Luận Bảo Vương nói: Hạt châu trong sáng thả vào nước đục, nước đục ấy không thể không lắng trong. Đưa tưởng Phật vào loạn tâm, loạn tâm không thể không thành Phật. Cho nên, nhờ niệm Phật mà trực tâm hiển lộ, nhờ trực tâm mà làm các việc lành, làm các việc lành nên được sinh về Tịnh độ, há chẳng phải là phương tiện trí lực của Phật, Tổ ư?

Pháp sư Triệu nói: Người chứa nhóm công đức cho nên tâm tịnh, tâm tịnh thì không có công đức nào không tịnh.

Pháp sư Đạo Sinh nói: Công hạnh là nhân cao quý của Tịnh độ, công đức là quả cao quý của Tịnh độ. Nhân quả Tịnh độ là ảnh hưởng của tâm, cho nên muốn sinh về Tịnh độ thì phải làm cho tâm mình thanh tịnh, tiếng vang theo âm thanh, hình ngay thì bóng thẳng.

1. Công phu tu tiến.

Thuyết Tịnh độ Duy tâm đã nói rõ, mọi người phải biết tu thân rồi sau muốn chứng được đạo này phải lấy chánh tín làm cửa vào, lấy tu tâm làm Chánh hạnh, Chánh hạnh tức là công bỏ ra, là việc được làm. Công hạnh này gọi là Tịnh nghiệp, tức là tư lương vãng sinh Tây phương. Hạnh nghiệp này tùy theo sự tu tập của người. Bởi vì năng lực của tất cả mọi người có căn cơ lớn nhỏ, trí có cạn, có sâu, cho nên hạnh nghiệp khác nhau. Người thượng căn thượng trí thì ngay đó tự ngộ, hiểu được bản tâm của mình, thấy được bản tánh mình tức là Di-đà. Đây là cảnh giới vô trụ, vô y tối thượng thừa, trong muôn người không có một, còn người chưa đốn ngộ thì phải tin chắc cõi Tịnh độ, nhất tâm niệm Phật dần dần tiến tu, nương nguyện lực nhiếp giữ của Đức Phật A-di-đà, tự mình nhất niệm chân thật, hạ thủ công phu giống như ôm cây cầu mà tắm, trong ngàn người không sót một người.

Tuy nói pháp môn niệm Phật nhưng kỳ thật ý bao gồm vô tận. Cho nên Tổ sư lập giáo, lợi độn đều thâu nhiếp, có Thật, có Quyền, có sâu, có cạn, có nhanh, có chậm, ai ai cũng tu trì được. Người thượng căn tham cứu ngồi thiền, người trung căn quán tưởng, trì niệm, ngày đêm sáu thời lễ bái chuyên ròng niệm Phật cho đến mười niệm thành tựu, tất cả công đức ở sự nhất tâm. Việc tu tập hành trì mỗi người đều có hành tướng, thứ lớp, tầng bậc, tùy theo năng lực mà hành trì đều có thể tiến thú, hạnh môn này mới thành tựu quả Phật, là con đường Bồ-đề, cần phải tự tín tự hành, tự tu, tự độ, quan trọng là ở chỗ lập chí lớn, phát đại nguyện, tự nỗ lực công phu, hướng về phía trước chớ cho là dễ làm. Ví như mái hiên một trăm hai mươi cân đến lúc sụp đổ nếu có thể tự mình gánh vác đúng thời được mới là xong chuyện, quyết định không phải chỉ ở biết nói. Rộng hóa độ người có duyên, chắc chắn không ở nơi việc có truyền trao, làm việc uyển chuyển chắc chắn không ở sự xây dựng đạo tràng cho rộng, đốt nhiều hương đèn. Vì kẹt vào sự tướng mà hiểu lầm chánh lý, thuận theo thanh sắc mà trái với chân tông, đếm của báu cho người khác mà mình không được nửa đồng xu, bán thuốc hay mà bệnh mình không cứu được. Cho nên Tổ sư Tuệ Viễn nói: được đến cõi ấy (Cực lạc) cũng giống như ngọn đèn đốt trong ngôi nhà tối, người không làm chủ tâm ý thì đồng với người thấy ngón tay mà quên, mặt trăng, không ngộ vô tâm, chính khi động niệm đều là tà thì mặt trời trí tuệ lại ẩn trong mây đen, khách trần vọng động che lấp gương tâm liền sinh ra suy nghĩ, lo lắng giao nhau chạy, tình dục lăng xăng, điều phục mãi không được, chế ngự thì giống như buộc nơi vô ký, uổng công đứng nơi

cao phẳng vốn là việc ít có, bèn cùng với các tà mệnh, chỉ bày sắp đặt không có đầu mối thì khó gọi là chánh định, không cầu vào pháp giới, mãi mãi nhốt mình nơi chốn bụi trần. Hễ người tu Tịnh độ thì phải hiểu rõ giáo môn để đối phó với sinh tử chứ không chỉ nói suông rồi thôi; phải nghĩ đến vô thường mau chóng, thời gian không đợi người, phải ý cứ vào một pháp môn để tiến tu, đạt đến mục đích mới được. Nếu nửa tiến nửa lùi, nửa tin nửa nghi thì rốt cuộc cứu vớt được ai? Làm sao thoát khỏi luân hồi? Nếu tin thì từ nay hãy phát tâm mạnh mẽ, một bề tinh chuyện, không kể là hiểu hay không hiểu, thấy tánh hay không thấy tánh, vẫn chấp trì một câu Nam-mô A-di-đà Phật. Giống như dựa vào ngọn núi Tu-di, muôn vật như lung lay nhưng núi Tu-di không hề lay động. Chuyên tâm nhất ý, hoặc tham niệm quán niệm, nhớ nghĩ mười niệm, hoặc niệm thầm, chuyên niệm, buộc niệm, lễ niệm, niệm ngay tại đây, thường nhớ thường nghĩ, buổi sáng cũng niệm, buổi chiều cũng niệm, đi cũng niệm, ngồi cũng niệm, tâm niệm không luống qua, niệm Phật không lìa tâm, ngày ngày giờ giờ không luống bỏ, miên mật giống như gà ấp trứng, lúc nào cũng phải tiếp hơi nóng vào trứng. Niệm Phật cũng vậy; tịnh niệm nối nhau, lại thêm trí tuệ thì biết Tịnh độ tức là tâm mình. Đây là công phu tu tiến của người thượng trí, lấy định làm chủ, nương vào định được an ổn. Cho dù gặp cảnh khổ vui, thuận nghịch hiện tiền cũng chỉ niệm Nam-mô A-di-đà Phật, không một niệm nào khác làm thay đổi tâm mình, không một niệm làm tâm lui sụt, không một niệm tạp tưởng, tâm thẳng đến vô sinh, dứt sạch các niệm khác thì chắc chắn sinh về thế giới Cực lạc Tây phương. Nếu thường dụng công như thế thì các vô minh sinh tử, nghiệp chướng trong nhiều kiếp tự nhiên tiêu trừ, các trần lao tập khí tự nhiên sạch hết, liền thấy Đức Phật A-di-đà, không lìa bổn niệm. Công thành hạnh mãn, nguyện lực giúp sức, đến lúc qua đời chắc chắn sinh lên thượng phẩm, nếu năng lực chưa đầy đủ thì phải tùy khả năng tu tập, chưa thể chuyên tâm, công phu phải sáng tối lễ niệm. Cho dù gia duyên ràng buộc cũng không quên xưng danh hiệu Phật A-di-đà ít nhất là mười niệm. Ngày ngày thường dụng tâm, tinh tấn tu tập, chứa nhóm công hạnh, phát tâm thệ hết đời này cùng sinh về thế giới An lạc này, có thể gọi là nước phải chảy ra biển, mây chắc chắn trở về núi.

2. Những vật dụng hằng ngày giúp ích cho đạo.

Bồ-tát tại gia niệm Phật, hằng ngày nhận thức ăn cúng dường của đàn tín, ngồi hưởng trời người cúng dường đều là phi thường đạo không bằng cả đời có ý tu hành, đâu có chướng ngại làm việc, hoặc làm ruộng,

gieo trồng, hoặc kinh doanh ở chợ búa, hoặc nhà giàu có nhiều của cải, hoặc mưu cầu sự sống hàng ngày nên phải tư duy tinh cần thì không lười biếng, tiết kiệm thì có dư. Lấy đây mà tu thân thì mới là Phật tử. Nếu cũng xa hoa, lười biếng, không tiết kiệm, tiêu điều xơ xác, dù muốn tu hành cũng không thể được. Nếu tin hiểu thì tất cả mưu cầu sinh sống ở đời đều thuận với chánh pháp, khéo tay hay làm thì ích lợi chúng sinh; muốn tu chánh nhân Tịnh nghiệp nên lấy việc sinh sống đời mình làm trợ đạo. Cho nên lão Hoàng ở Đàm châu thường gõ sắt để tu hành, cư sĩ Bàng Uẩn bán tre trúc làm bờ rào để nuôi đạo; họa tượng Di-đà làm nghề nghiệp; tôn kính am Phật, thắp đèn để nuôi thân, đáng gọi là "một ngày không làm một ngày không ăn".

3. Làm phước trợ duyên.

Có đệ tử tu Tịnh nghiệp, hỏi Đạo sư Liên Tông Từ Chiếu rằng: Đệ tử chuyên tu Tam-muội niệm Phật thì có được thực hành bố thí, giữ giới, cúng dường làm phước không?

Sư đáp: Ông thường chuyên niệm Phật A-di-đà, nếu không giữ giới thì có tội hủy phạm; nếu không bố thí thì tăng trưởng nghiệp tham lam, keo kiệt; nếu không cúng dường Tam bảo thì có tâm ngã mạn; nếu không cung kính tất cả thì mắc tội khinh thường mọi người. Cho nên hủy phạm thì đọa địa ngục, tham lam keo kiệt thì đọa ngạ quỷ, ngã mạn thì thường đọa vào đường ác, khinh người thì đời đời nghèo hèn.

Nếu có nghiệp ác, chướng ngại như thế muốn sinh về Tịnh độ, có được chăng?

Người niệm Phật như thế cũng giống như mới cấy mạ xuống ruộng mà muốn thu hoạch ngay thì không thể nào được. Cho nên pháp sư Triệu nói: Hữu vi tuy ngụy nhưng nếu bỏ đi thì khó thành Phật đạo, vô vi tuy thật mà chấp thì tuệ tánh không sáng. Ông muốn tu Tam-muội niệm Phật được sinh Tịnh độ chóng thành quả Phật Bồ-đề thì phải chuyên lấy niệm Phật làm Chánh hạnh; lấy phước đức làm kiêm tu, đêm ngày thường siêng cúng dường Tam bảo, lễ bái, sám hối, bố thí, giữ giới để gột sạch Tam nghiệp, thêm lớn tịnh duyên, không làm các việc ác, tu tập các việc lành, hồi hướng tất cả các thiện căn về Tịnh độ, thành tựu công đức niệm Phật, mau chứng quả Bồ-đề. Có thể gọi là thuyền xuôi theo dòng thì đỡ phải chèo chống.

4. Bỏ ác làm lành.

Tịnh độ Thập môn giáo giới ghi: Người tu Tịnh độ nên bỏ ác làm lành mới được thành tựu công đức. Nếu người nào tuy niệm Di-đà nhưng tâm đầy dẫy sự ghen ghét thì ngầm gọi là dao nhọn, lúc sắp qua đời họ

bị gió thổi như dao cắt xẻ thân thể thành trăm mảnh đau đớn vô cùng. Hoặc nói ta là người giữ giới còn người khác không giữ giới, rồi sinh kiêu mạn với sư tăng, khinh chê tất cả. Nên hiện đời gặp tai họa, tuổi thọ ngắn ngủi, bệnh lao ói ra máu mà chết. Nếu người niệm Phật mà bụi trần chưa sạch, thì lúc niệm ác khởi lên nên tự mình xem xét. Người có tâm keo kiệt, tham lam, tâm giận giữ, tâm si mê, tâm ghen ghét, tâm lừa dối, tâm phân biệt, tâm cống cao, tâm tà vạy, tâm tà kiến, tâm khinh mạn, tâm năng sở và cảnh giới thuận nghịch, tùy theo sự tiêm nhiễm mà sinh ra tất cả tâm bất thiện. Nếu lúc các tâm ấy khởi lên phải lớn tiếng niệm Phật, đưa niệm trở về chánh niệm, chớ để cho tâm ác nối nhau, cho đến dứt sạch tất cả, không bao giờ để nó sinh trở lại. Tất cả tâm tin sâu xa, tâm chí thành, tâm phát nguyện, tâm hồi hướng, tâm Từ bi, tâm khiêm nhường, tâm bình đẳng, tâm phương tiện, tâm nhẫn nhục, tâm giữ giới, tâm hỷ xả, tâm thiền định, tâm tinh tấn, tâm Bồ-đề và tất cả tâm lành thường nên giữ gìn. Lại phải xa lìa phi phạm hạnh, dứt trừ các luật nghi xấu, gà chó heo dê tất cả không nên chứa nuôi, săn bắn, chài lưới đều không nên làm. Nên biết các bậc thượng thiện ở nước Cực lạc do lìa bỏ duyên ác, tu theo thiện nghiệp mà được sinh về Tịnh độ, không lui sụt Bồ-đề. Người niệm Phật nên học theo Phật, phải bỏ ác làm lành, làm gương sáng, răn dạy người khác. Người nào nương theo đây mà tu hành, thì đó chính là Chánh hạnh của Tịnh độ. Có thể nói mây vô tận gió quét sạch tất cả, một vầng trăng sáng chiếu lòng người.

5. Cứu giúp chốn tối tăm.

Sa-môn Thích tử, Bồ-tát tại gia tu Tịnh nghiệp Tây phương nên mở rộng tâm Từ bi rộng lớn, đúng như pháp tinh tấn tu hành, khéo vâng theo lời Phật dạy. Hiểu rõ nhân quả, phân biệt phải trái, tích tụ tư lương là phước, trí xuất thế gian, có trọn vẹn, công đức cao vời của bậc đại trượng phu. Cho nên Đức Thích tôn nhiều lần dặn dò đệ tử mình, tùy theo chỗ ở phải ban bố pháp thực, cứu giúp tất cả hữu tình trong pháp giới, giúp họ hết đói khát, khổ cực, giáo hóa khiến cho họ cùng đến Bồ-đề. Nếu không thí thực, không có tâm từ bi thì chẳng phải là đệ tử ta. Ấy là hạng người ác. Trong các kinh có văn tự rõ ràng, quán sát kỹ, thấy tất chúng sinh không rõ tự tánh, keo kiệt tham lam, ganh ghét, sân giận, ngu si, ở trong các cõi người, trời, quỷ, súc sinh, địa ngục, A-tu-la bị đói khát ép ngặt, đau buồn, khổ não trong đêm dài tăm tối, mong ra khỏi nhưng không có dịp. Suy theo lý thì họ đều là cha mẹ đời trước của ta. Như lời Phật dạy thì họ đều là kẻ oán người thân nhiều kiếp với ta. Vì thế chúng ta phải vận dụng tâm từ bi của Quán Âm, hạnh nguyện

của Phổ Hiền, thề cùng cứu độ tất cả thoát khỏi đắm chìm. Người có sức thì trì trai, thiết lễ cúng dường. Người không đủ sức thì chú nguyện vào thức ăn, rồi bố thí cho chúng sinh. Công đức cao quý của thí thực rộng lớn vô lượng, đầy đủ ích lợi, nói không thể nào cùng, chỉ lược nêu một vài việc, báo khắp các hiền giả. Tâm bố thí vừa phát khởi thì diệu hạnh mở bày, đầy đủ ba đàn, viên tu Lục độ, tự lợi lợi tha, tự giác giác tha, khéo nhóm họp phước trí xuất thế, mãi mãi làm tư lương Tịnh độ, xây dựng nền tảng, viên thành thể dụng. Cho đến chôn cất xương khô, an táng các thây chết bị phơi nắng, rộng vì các u hồn sám hối thay họ. Làm cầu cống để cho người qua lại, thức ăn, tiền tài tùy khả năng mình mà bố thí. Mỗi lần nhìn thấy người nghèo cùng, đói lạnh thì rất đau đớn thương xót, còn những người già cả cô quạnh, tàn tật thì càng thương xót gấp bội. Thường có tâm cứu giúp với tất cả tình thương chân thật. Tu tất cả thiện căn, nguyện tất cả chúng sinh được thành Phật. Đem những lợi lạc cao quý này, hồi hướng Tây phương, mong khắp hữu tình cùng lên bờ giác. Vì thế Tiêu Lương Võ Đế tu nghi thủy lục, Tam tạng Bất Không có phép cứu giúp người cô quạnh. Có thể nói một trận mưa khắp sa giới, tâm người như sống lại.

6. Phóng sinh.

Muốn đến Bồ-đề, lấy tâm từ làm gốc. Người tu Tịnh nghiệp cứu sinh vật là việc trước tiên. Nhìn thấy chim bay, thú chạy, các loài bơi lội, hoặc bị giăng lưới, hoặc bị bắt nhốt trong lồng, xỏ quai hàm, bẻ cánh, cột chân, treo ngược, đem đến chỗ nước sôi lửa bỏng, hay sắp sửa để lên dao thớt thì nó buồn bã, sợ hãi, hoảng hốt, trông về trời xa mà hồn vía tiêu tan, nhớ về rừng suối mà nát gan. Tuy biết muôn phần chết nhưng còn mong một chút sống sót, trông ngóng, kêu thương để cầu cứu giúp. Vì thế, người đệ tử Phật phải thương xót đem tiền của ra để chuộc mạng nó, rồi mở lồng, cởi trói, cắt dây, cho uống nước, đốt hương chắp tay chú nguyện, làm pháp thí xong từ từ thả chúng ra, hoặc thả ở ao hồ, hoặc nơi rừng vắng. Tất cả đều nhờ Phật đạo khai mở tâm từ bi. Cho đến trên thì loài người, dưới đến loài kiến dế. Chẳng những phải cứu sống mà còn phóng sinh, phóng sinh tự nhiên tuổi thọ nhờ đó được kéo dài, hồi hướng Tây phương, nguyện khắp chúng sinh cùng thành Phật đạo. Cho nên trưởng giả cứu sống cá, sa-di cứu kiến, Trịnh Xương Đồ đốt lưới, Thiền sư xây ao phóng sinh. Dương Bảo trị bệnh cho chim sẻ, Mẫn Trọng thả tôm tép, ngao, hến, Thiền sư Nguyên có làm bài tụng răn sát, Thiền sư Mãn nói giới phóng sinh. Đáng gọi là ân cần giải kết đinh hương, thả ra đầu cành xuân tự tại.

7. Tu Lục độ muôn hạnh.

Lục độ là: Bố thí, Giữ giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ; cũng gọi là Lục Ba-la-mật. Nếu người niệm Phật chuyên tu Tam-muội, học pháp xuất thế gian thì phải đạt đến chỗ chí thiện. Phải biết Lục độ muôn hạnh không lìa nhất tâm, ở trong nhất tâm ấy, tất cả pháp đều đầy đủ. Như tắm trong biển lớn thì đã dùng nước các sông, Như trăm thứ hương thơm làm thành viên, nếu đốt một viên thì đầy đủ các mùi thơm, như người tìm của báu được hạt châu như ý thì tất cả các của báu sinh ra vô cùng. Vì sao biết được như vậy? Vì trì một câu A-di-đà Phật nên được Tam-muội. Trong một niệm tương ưng với lý thì các pháp hiện tiền, Lục độ muôn hạnh tất cả đều đầy đủ. Bố thí thì tâm không còn tham đắm, giữ giới thì không khởi vọng duyên, nhẫn nhục thì năng sở đều quên, tinh tấn thì tâm không xen hở, thiền định thì động tĩnh đều vắng lặng, trí tuệ thì không lập một mảy may. Bấy giờ, trong một độ xuất ra vô lượng độ, trong mỗi độ như lưới trời Đế Thích. Chỉ cần biết một tâm vốn không thì tự nhiên muôn hạnh đầy đủ. Cho nên tám vạn bốn ngàn pháp môn, tám vạn bốn ngàn trí tuệ, tám vạn bốn ngàn công đức đều từ trong tâm một niệm niệm Phật mà xuất ra. Trong kinh Hoa Nghiêm, Bồ-tát Hiền Thủ nói: Này các Phật tử! Trong bất cứ lúc nào, khéo dùng tâm ấy thì được tất cả công đức nhiệm mầu tốt đẹp. Có thể nói một tánh thông suốt tất cả tánh, một pháp bao gồm tất cả pháp.

8. Duy-ma-cật chỉ bày tám pháp Tịnh độ của Bồ-tát.

Kinh Duy-ma-cật ghi: Bồ-tát ở thế giới Chúng Hương hỏi rằng: Bồ-tát thành tựu những pháp gì, ở thế giới này hành không thương tổn được sinh về Tịnh độ?

Duy-ma-cật đáp: Bồ-tát ở cõi này thành tựu tám pháp hành không bị thương tổn, được sinh về Tịnh độ.

Tám pháp là:

1. Làm lợi ích chúng sinh không cầu đền ơn.
2. Thay thế chúng sinh chịu khổ.
3. Làm tất cả công đức lành nguyện cho chúng sinh hưởng hết.
4. Bình đẳng với mọi người, nhún nhường mà không tự ti mặc cảm.
5. Đối với các Bồ-tát xem trọng họ như Phật.
6. Kinh chưa được nghe, khi nghe đến không nghi ngờ.
7. Không chê pháp tu của Thanh văn, không ganh tị khi thấy họ được cúng dường. Không vì lợi mình mà trong đó thường điều phục tâm mình.

8. Thường xét lỗi mình, không nêu lỗi người khác, luôn giữ nhất tâm, cầu các công đức.

Đó là tám pháp mà Bồ-tát ở thế giới Ta-bà hành không bị thương tổn sẽ được sinh về Tịnh độ.

9. So sánh sự khó dễ của việc tu hành.

Cõi Ta-bà ô trược nhiều nỗi khổ đau, muốn cầu đạo thì rất khó thành tựu. Tịnh độ an vui, nhiều điều tốt lành mà còn được địa vị không lui sụt. Người xưng danh hiệu Phật, được chư Phật che chở mà vãng sinh, người phát tâm Bồ-đề được ánh sáng Phật Di-đà soi chiếu làm tăng tiến, Bồ-tát La-hán làm bạn với họ, cây cối, chim, nước đều niệm Phật, bên tai thường nghe pháp mầu, trong tâm dứt hẳn tham, sân, vui sướng vô cùng, thọ lượng vô tận, vừa sinh về Tịnh độ, liền được không lui sụt. Lẽ nào so sánh với cõi trời cõi người gặp nhiều việc trái ý. Bậc thiện căn trên đường quyền thừa (tam thừa) ít khi được tròn đầy, ba bậc hiện chưa lên Thập địa, vẫn chưa thấy đạo mà mất niệm, Ngài Xá-lợi-phất chứng Lục trụ gặp duyên ác cũng thối tâm. Cho nên trong hội Pháp Hoa năm ngàn người đứng dậy rời khỏi chỗ ngồi của mình. Trong Kinh Bảo Tích ghi: Mất đạo do các quán. Phật tại thế còn vậy, sao ngày nay không như vậy. Hoa Nghiêm Hợp Luận hỏi rằng: Kinh Niết-bàn ghi: "Nghe hai chữ Thường trụ, còn được bảy kiếp không đọa vào địa ngục." Kinh Hoa Nghiêm ghi: Nếu nghe tên Như Lai và nghe Ngài thuyết pháp thì dù không tin hiểu cũng có thể tạo thành hạt giống." Vì sao tâm Bồ-tát Lục trụ và Bồ-tát Địa tiền vẫn còn nói là lui sụt?

Đáp: Từ phàm phu vào đạo, thắng giải chưa thành, chưa đắc cho là đắc, liền sinh kiêu mạn, không gần bạn tốt, không kính người tài giỏi. Vì lười biếng, kiêu mạn nên ở mãi cõi trời, cõi người. Tùy theo duyên thuận, nghịch, niệm ác vừa sinh liền đọa địa ngục. Nếu một lòng tin tưởng, không kiêu mạn, thường mong gặp bạn lành thì không phạm lỗi này. Vì sao? Vì tâm Bồ-tát Lục trụ và Tam hiền chưa lên Thập địa, nói chung chưa thấy đạo, hạnh nghiệp tu hành đều là hữu vi. Hễ có vô minh đều phải chiết phục, có sức mạnh thì không lui sụt. Còn trong Bát địa, mới nhập vô công dụng hạnh. Ấy mới biết hàng Tam thừa trải qua tăng-kỳ kiếp mà công hạnh không thành. Môn niệm Phật trong thời gian búng ngón tay đã bước lên địa vị không lui sụt. Vì vậy người sinh về Tịnh độ chỉ có thiện không có ác, ở địa vị không lui sụt thì chắc chắn thành Phật. Cho nên kinh Di-đà ghi: "Cõi nước An lạc, chúng sinh vãng sinh về đó đều không lui sụt." Than ôi! Người mới phát tâm, niềm tin chưa sâu nếu không có tha lực thì khó tiến tu. Thề nguyện sâu xa của

Đức Phật hễ ai có duyên đều được che chở, tiếp dẫn. Nên tin rằng người học đạo ở các pháp môn khác như kiến bò lên núi cao, vãng sinh Tịnh độ như xuôi buồm đi thuận gió, Phật Di-đà tiếp dẫn thẳng đến Bồ-đề, các Hiền Thánh dìu dắt vượt qua ba cõi. Thượng phẩm thì chứng quả vị Phật, hạ sinh còn hơn sinh ở cõi trời. Mọi người tin như vậy, chớ nghi ngờ, cùng tu không lui sụt.

10. Ngài Thiên Thai chỉ dạy hai hạnh môn chán ghét và ưa thích

Luận Thập Nghi ghi: Muốn sinh về Tịnh độ phải có đủ hai hạnh chán ghét và ưa thích.

Hạnh chán ghét: Thường quán thân này máu mủ, phẩn tiểu chảy lan tràn, hôi thối, dơ bẩn. Đầu tiên quán con người từ tình dục, tham ái sinh ra, đó là hạt giống dơ bẩn. Thứ hai, quán tinh huyết cha mẹ hòa hợp, đó là thọ sinh dơ bẩn. Thứ ba, lúc ở trong thai tạng tức là chỗ ở dơ bẩn. Thứ tư, ở trong thai mẹ thì chỉ ăn huyết mẹ tức là thức ăn dơ bẩn. Thứ năm, đủ mười tháng thì từ cửa mình sinh ra, tức là sợ sinh dơ bẩn. Thứ sáu, trong thân máu mủ tức là toàn thân dơ bẩn. Thứ bảy, sau khi chết sình trướng, tan rã tức là rốt ráo dơ bẩn. Quán thân mình đã như vậy thì quán thân người khác cũng như vậy.

Kế đến quán cảnh uế trược của cõi Ta-bà, cõi Ta-bà nhiều khổ đau cùng nhóm họp các khổ sinh, già, bệnh, chết, oán ghét lại gặp nhau, thương yêu phải xa lìa, lo buồn khổ não, ba đường, tám nạn, luân hồi trong sáu đường, đất, nước, gió, lửa, vô thường bại hoại, tham, sân, si, mạn, nghi gặp những cảnh này phải nên sinh tâm chán ghét, phát sinh hạnh chán ghét thì Tịnh độ sẽ thành tựu.

Hạnh ưa thích: Cầu sinh về Tịnh độ vì muốn nhổ sạch tất cả gốc khổ của chúng sinh. Cho nên tâm phải khởi tưởng ưa thích cõi Tây phương. Cõi ấy trăm báu trang nghiêm, đất vàng, rừng ngọc, ao hoa, ánh sáng rực rỡ, thần thông tự tại, mặc tình qua lại, mãi mãi không còn sinh tử, không còn khổ não. Gặp Phật A-di-đà tướng tốt sáng ngời, pháp môn tự ngộ, y thực tự nhiên, các môn khoái lạc, cho nên phải ưa thích.

11. Đạo tràng Tịnh nghiệp.

Tịnh nghiệp là diệu hạnh vô tướng, vô vi. Là huyền tông không ô nhiễm, không dính mắc.

Đạo tràng là nơi chư Phật ba đời trụ trì, là nơi của Bồ-đề, chánh giác. Lẽ nào số lượng của danh tướng có thể đo lường được? Chẳng phải năng sở của trí thức mà có thể thuật lại. Phải lấy thành kính làm trang nghiêm, diệu hạnh làm quy tắc, vì thế trong kinh Duy-ma-cật có

trình bày các tướng của đạo tràng, trong pháp xã của Pháp sư Tuệ Viễn có bài tựa về tiết độ. Cho nên giải thích nghĩa này phải nhập vào Thật tướng, cảnh và trí hòa hợp, sự và lý cũng như vậy. Hương thơm của năm phần pháp thân, đuốc trí tuệ soi sáng, dứt bặt suy nghĩ, lo âu, đó gọi là trai giới thanh tịnh, trang nghiêm gọi là bình đẳng cúng dường. Đi, đứng, nằm, ngồi không lìa đạo tràng, tất cả hành động, việc làm đều là Phật sự; niệm niệm Di-đà xuất thế, tâm tâm Bồ-tát phát sáng, hạnh hạnh đều là Tây phương, mỗi bước đều đến bảo sở, không có một pháp nào chẳng phải là chánh pháp. Cất một tiếng mà tròn đầy các tiếng, phát một niệm thì được trời, rồng che chở, ra một lệnh thì quỷ vương mất hồn. Cho nên hội Linh Sơn nghiễm nhiên vẫn còn. Ấy gọi là chân pháp cúng dường Như Lai. Nói về công đức thì vô lượng vô biên, nói về quả báo thì khó suy nghĩ bàn luận. Lấy đó cầu phước thì phước nào không đến, lấy đó độ sinh thì tất cả chúng sinh đều được độ. Ấy gọi là công đức chân thật, ấy gọi là đạo tràng Tịnh nghiệp.

Ôi! Nay đời Mạt pháp có hạng người ngu si không cứu xét tự tâm, không biết Phật lý, chấp vào ngoại cảnh cho là thật, một bề chấp tướng tu hành, bên này mở mấy đạo tràng, chỗ kia tính đèn nhang mấy cân, nơi nào đó hóa độ được bao nhiêu người, sám hối lúc nào, đếm hóa duyên bao nhiêu? Ta là đạo sư họ Trương truyền tông, người khác là đệ tử sư trưởng Lý, kia hiệu chữ Phổ tự, y đây tông chữ Giác mà không cần suy nghĩ cội gốc từ đâu đến. Mỗi người đều cạnh tranh chi phái mình không phải là chỗ này. Lại nói càn nói bậy, động một tí là mình đúng, người sai, giải thích sai lầm kinh Phật, mật truyền ngụy giáo, miệng khoe khoang làm cho rối rắm, tranh giành mình người, luận bàn cao thấp, nhiều thiếu sót sinh ra nhiều việc xấu xa, không biết hổ thẹn mới thành như thế, nào biết xấu hổ, sợ hãi với điều gì. Đem đạo Tịnh độ biến thành hội trường tạp kịch, lấy danh hiệu Di-đà muôn đức để hát xướng. Họ làm mất đi chánh nhãn của Tổ sư, làm cho giáo môn Liên tông ngày càng tàn lụn. Người đạt đạo thấy vậy buồn thương, người trí thức xét thấy thì kinh ngạc. Lại có người đánh chũm chọe mà niệm chân ngôn, pha trộn sự ứng phó của tăng môn, chú nguyện vào nước, vẽ bùa để bàn về hoạ phước, bắt chước việc làm của thầy đồng bóng, sai sử các vị trời, đuổi vong thâu quỷ, mạ nhục Tam bảo, cứu bệnh đuổi tà, trăm kiểu kỳ quặc, muôn thứ khác lạ, chạy vạy bôn ba, làm tôi tớ cho kẻ khác, vội vàng gấp gáp, không quan tâm, dạy bảo môn đồ. Đọc tụng thì mười sai hết chín, lúc lễ niệm thì la lối, hét hò, khai kinh thì ngủ gật, thâu kinh thì nói chuyện riêng gia đình. Chụm đầu bàn

luận làm rối loạn tâm hồn, làm cho ít thành nhiều, chỉ cải vã nhau ầm ĩ, không nghĩ đến nhân quả, không biết tội lỗi, mượn danh Phật tổ mở rộng pháp môn, nhận sự lễ bái cúng dường của trời, người. Đẹp thì vốn đẹp nhưng thiện thì chưa thiện, nếu là người hành trì giới của Phật ở cửa Phật thì nên học đạo của Như Lai, tụng kinh Phật, hành hạnh Phật, mới hết tâm nguyện của Tổ sư mà còn chưa thể nhập Thánh vượt phàm, chỉ sợ không đức độ mà được cúng dường. Như giẻ lau bàn không thể không dơ bẩn, đối với tự thân như đá mài dao, không tránh khỏi sự tiêu hao bản thể. Nếu đã giác ngộ chỉ thích hồi đầu, trước phải đầu Phật trì trai, cuối cùng làm việc gì? Nếu không thể cứu khỏi sự sinh tử thì đâu bằng tự lui về tu trì, chuyên niệm Phật Di-đà, khẩn cầu sám hối, gần gũi người trí, tham cứu Phật lý, hướng về nơi vắng lặng, thể cứu tâm vương, mau khiến cho biển nghiệp dừng sóng, hiển bày ly châu (hạt châu quý giá) chiếu khắp trời đất, việc mình thành tựu, lợi lạc chúng sinh. Nếu gặp được đạo tràng ứng cúng chớ buông lung xem thường, phải tiết độ để không làm trái, tuân theo trai giới và văn kinh để vâng giữ Phật pháp, hiện tại được Tam-muội niệm Phật. Chỉ có đây là pháp môn an vui, trên báo đáp bốn ơn, dưới cứu giúp ba đường, thật không uổng là một Phật tử, không cô phụ tâm linh của mình. Tín nguyện giúp nhau, hành giải đầy đủ. Như thế bước đi tức là Di-đà hiện tại, từ đây tu trì thật là con mắt của trời, người, là nhân duyên lớn. Há có bổ ích nhỏ nhoi sao? Biết chăng: Núi xanh nơi cao thấy trời rộng, sen trắng lúc nở nghe mùi thơm của nước.

12. Tự mình tu tập, hóa độ người khác.

Phật dạy: Tự mình chưa được độ mà trước muốn độ người, thì đó là Bồ-tát phát tâm, tự mình giác ngộ đã viên thành rồi giác ngộ người khác, thì đó là Như Lai ứng thế. Cho nên Tổ sư Liên tông sáng lập pháp môn niệm Phật, hành giải tương ưng, lợi mình lợi người, giáo hóa chúng sinh có phương pháp, dạy người bằng lý, gọi đó là Đạo sư, chuyên lấy Tam-muội niệm Phật chỉ dẫn người khác, khiến cho mọi người thoát ra khỏi thế gian ô trược, vì thế dạy truyền khắp thiên hạ, mọi người đều kính ngưỡng.

Nay, có người làm thầy đã không thông đạt đạo này, lại chấp vào danh tướng, tập trung nhiều đồ chúng, không tu hạnh chân thật. Do đó chỉ có tên suông, không có pháp để làm thầy người khác, muốn được mọi người cung kính tôn trọng nhưng không có đức độ để thọ nhận sự cung kính, thật đáng hổ thẹn!

Trong kinh chép: “Hễ muốn độ người, thì trước tiên phải cầu tự

độ.” Ngài Duy-ma-cật nói: “Đau khổ của mình không cứu được thì làm sao cứu được đau khổ của người khác?” Lại kinh Địa Ngục Báo Ứng ghi: “Mình không thanh tịnh mà dạy người thanh tịnh, thì không thể có việc đó”. Luận Trí Độ ghi: “Thí như có hai người, mỗi người đều có người thân bị chết chìm, một người nóng nảy nhảy ngay xuống nước để cứu, vì không có phương tiện nên cả hai đều bị chết chìm, còn người kia dùng phương tiện là thuyền bè cứu họ, nên được thoát nạn chết chìm. Vì thế làm một người thầy có tâm độ người mà không có trí độ người, thì làm sao quy phục người khác được? Trong bụng thì rỗng tuếch mà tâm lại cống cao, không chịu gần gũi bậc minh sư, chỉ biết kiêu căng thọ nhận sự lễ bái, cúng dường của người khác. Vì tham tiếng tăm tốt mà thật đặt nền móng của tai họa. Ví như người thường vọng xưng là đế vương thì tự nhận lấy sự chết chóc. Hai việc trước gọi là không có phương tiện cứu người, lẽ nào dám vọng làm ư? Hễ muốn làm thầy người, muốn độ đệ tử thì phải quán chiếu trên từ nguyên nhân tu hành của các Phật tổ, dưới biết được cội nguồn của đạo, chánh ấn truyền tông, pháp môn niệm Phật mỗi thứ tìm tòi nghiên cứu rõ ràng, tự tin tự hành, mỗi mỗi tu trì, mỗi mỗi thành tựu, tự lợi rồi mới lợi tha. Ấy là nương theo thuyền nguyện lực lớn của Phật Di-đà cứu vớt chúng sinh chìm đắm trong biển khổ. Mình người đều lợi lạc, không phải là thích hợp sao? Ấy gọi là dùng sự giác ngộ của giác ngộ người sau tự tin pháp môn này, cũng dạy người tin pháp môn này. Tự mình thực hành đạo này, cũng dạy người đạo này, tự mình nguyện vãng sinh Tịnh độ, cũng dạy người phát nguyện vãng sinh Tịnh độ, tự mình thấy bản tánh Di-đà, cũng dạy người thấy bản tánh Di-đà. Dụng tâm như thế há không phải là thực hành hạnh Bồ-tát ư?

Thầy và đệ tử, mỗi người lãnh thọ chánh nhân, cùng thực hành chánh đạo, lần lượt hóa độ tất cả chúng sinh đến tận đời vị lai, khiến họ đều giác ngộ Phật thừa, cùng ra khỏi sinh tử. Công đức này há dễ đo lường được ư?

Chúng ta phải lấy điều này mà làm thầy người, còn có gì hơn? Nếu không như vậy thì hai đường mê ngộ, phải chịu quả báo chánh tà khác nhau, có thể nói rằng lông vàng trong hang sinh sư tử, dã hồ dưới núi hiện chồn hoang.

13. Dùng việc xem xét tâm.

Tự Hành Lục của Thiền sư Vĩnh Minh Diên Thọ ghi: Khâm phục bậc Thánh xưa không khoe khoang tài giỏi, bậc Tiên hiền ngàn xưa không phô bày đức độ. Đạo Phật hưng khởi giáo lý, trước mình tu hành,

sau hóa độ người khác, Nho học nêu cao nghĩa cử nhưng không tránh khỏi quan hệ thân thuộc.

Sư thường dạy đệ tử rằng: "Nhân xem Hoằng minh tập thấy các bậc tiên đức thường xem xét lại Tam nghiệp." Tình chê trách còn mê muội, yếu chỉ để đạt đến mục đích chưa sáng tỏ. Do đây dùng sự kiểm xét tâm, thấy sự tu tập của mình chưa đến đâu càng làm thêm sợ hãi, hổ thẹn. Thế nào là xem xét? Tức là xem xét thân này của ta, từ sáng đến trưa, từ trưa đến chiều, từ chiều đến tối, từ tối đến sáng, cho đến một thời, một khắc, một niệm, một sát-na có bao nhiêu tâm, bao nhiêu hạnh, bao nhiêu điều lành, bao nhiêu điều ác, bao nhiêu tâm muốn dứt bỏ phiền não, bao nhiêu tâm muốn hàng phục ma oán, bao nhiêu tâm nhớ nghĩ đến Tam bảo, bốn đế, bao nhiêu tâm ngộ được khổ, không, vô thường, bao nhiêu tâm nhớ nghĩ báo đáp ơn từ của cha mẹ, bao nhiêu tâm nguyện thay thế chúng sinh chịu khổ, bao nhiêu tâm phát nguyện thực hành đạo Bồ-tát, bao nhiêu tâm muốn bố thì, trì giới, bao nhiêu tâm muốn nhẫn nhục tinh tấn, tâm nào muốn thiền định, hiển bày trí tuệ, bao nhiêu tâm muốn Từ bi cứu độ năm đường, bao nhiêu tâm muốn khuyến khích làm những việc khó làm, bao nhiêu tâm muốn vượt khỏi sự mong cầu, hoàn thành những việc khó làm, tâm nào muốn chấp nhận khổ đau để xây dựng Phật pháp, tâm nào muốn thành Phật hóa độ chúng sinh. Như trên là xem xét tâm. Kế đến là xem xét khẩu, về thời khắc thì như trên xem xét tâm, từ sáng trở đi đã giảng nói được bao nhiêu câu có ý nghĩa sâu xa, đã đọc được bao nhiêu kinh điển, đã tụng được bao nhiêu văn tự nói về lý, đã khen ngợi được bao nhiêu công đức của Phật, đã được bao nhiêu lần phát nguyện hồi hướng. Cuối cùng xem xét thân, thời khắc cũng như trên, gặp người lạy Phật đã được mấy bận, mấy lạy; đã được mấy lần gặp người lạy Pháp lạy Tăng; đã được bao nhiêu lần quét tháp, lau chùa, đã bao nhiêu lần đốt đèn, xông hương, rải hoa cúng dường; đã bao nhiêu lần quét dọn bụi bặm, đã bao nhiêu lần cung kính nhiễu Phật mười vòng, trăm vòng, ngàn vòng. Xem xét như thế, hiểu lý thì ít, trái đạo thì nhiều, nghiệp trong sạch thì không đáng nói, còn phiền não chồng chất, chướng ngại tràn đầy, ngày càng chứa nhóm thì do đâu được giải thoát? Vì thế xem xét như trên, không có công phu để tự cứu mình, làm sao có thời gian rảnh rỗi mà nói việc tốt xấu của người? Cho nên phải quở trách xem xét Tam nghiệp để biết được việc làm của ta, cái nào thiện, cái nào ác. Vì thế, nếu không tự mình quở trách, xem xét trước thì lấy gì giáo hóa chúng sinh? Bồ-tát vì muốn độ chúng sinh nên trước phải tự mình tu hành. Vì vậy, kinh Tịnh Danh ghi: Bồ-tát

dùng của cải vô lượng cứu giúp người nghèo khổ; giữ giới thanh tịnh để dạy những người phá giới; dùng hạnh nhẫn nhục, hòa nhã khuyên giải những người sân giận. Dùng tinh tấn nhắc nhở những người lười biếng, nhất tâm thiền định thâu nhiếp những người loạn động; dùng định, tuệ dẫn dắt những người vô tri.

Lại trong kinh ghi: Mình giữ giới khuyên người khác giữ giới, mình thiền định khuyên người khác thiền định. Luận Đại Trí Độ ghi: Đức Bổn sư Thích-ca Mâu-ni không bỏ phước xỏ kim, Tổ sư Bồ-tát Long Thọ giải thích rằng: "Như ông già một trăm tuổi múa là vì sao? Vì để dạy con cháu." Huống chi chưa đạt đến địa vị rốt ráo thì toàn là pháp môn tự lợi. Từ sơ tâm Thập Tín lần lượt đến Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, thẳng đến Đẳng giác, trước khi thành Phật, địa vị Phổ Hiền vẫn là tự lợi. Về lợi tha thì lên địa vị Diệu giác, đến sau khi thành Phật thì Phổ Hiền mới gọi là lợi tha.

Nhân được nghe thầy thuyết, ghi chép chỉ được hai, ba. Đã xem xét hạnh đối trị thì môn nhiếp hóa không mất, thừa, giới đều cần kíp, quyền thật song hành, thể dụng thu nhiếp nhau, lý sự vô ngại. Nay xin trích dẫn quy bài kệ ở sau tập Vạn Thiện Đồng Quy để nói lên sự tu tập viên thành.

Tụng rằng:

Bồ-đề không phát mà phát
Phật đạo không cầu nên cầu
Diệu dụng không làm mà làm
Chân trí không nghĩ mà nghĩ
Khởi thương, giác ngộ đồng thể
Thực hành từ, nhập vô duyên
Vô sở xả mà hành thí
Không chỗ giữ mà đủ giới
Tiến tu không chút vọng động
Nhẫn nhục không làm thương tổn
Bát-nhã ngộ cảnh vô sinh
Thiền định biết tâm vô trụ
Xét vô thân mà có tướng
Chứng vô thuyết mà nói năng
Kiến lập đạo tràng như huyễn
Trang nghiêm thế giới tánh không
Bày ra các thứ huyễn hóa
Cúng dường tâm vương Như Lai

Sám hối tánh tội vốn không
Khuyến thỉnh pháp thân thường trụ
Hồi hướng nhưng không thật có
Phước vui theo bằng chân như
Khen ngợi kia đây hư huyễn
Phát nguyện năng sở bình đẳng
Lễ bái ảnh hiện pháp hội
Hành đạo bước đến chân không
Đốt hương thơm đạt vô vi
Tụng niệm thông sâu Thật tướng
Rải hoa nói lên vô trước
Búng tay biểu thị khử trần
Thí là độ môn tiếng vang.
Tu tập muôn-hạnh không hoa
Thâm nhập pháp tánh, duyên sinh
Thường dạo pháp môn như huyễn
Thề dứt không nhiễm trần lao
Nguyện sinh duy tâm Tịnh độ
Thực hành trong lý Thật tướng
Vào ra quán môn vô ngại
Hàng phục ma quân bóng gương
Làm nhiều Phật sự trong mộng
Độ khắp chúng sinh như huyễn
Cùng chứng Bồ-đề vắng lặng.

■

LÔ SƠN LIÊN TÔNG BẢO GIÁM

QUYỂN 7

NÓI VỀ CHÁNH NGUYỆN NIỆM PHẬT

“Lý” do trí dắt dẫn, “hạnh” do nguyện phát khởi. Hạnh nguyện bằng nhau, lý trí đầy đủ. Lý trí đầy đủ thì tâm tâm, niệm niệm đều là Di-đà, trần trần, sát sát đều là Tịnh độ. Nếu không phải năng lực của hạnh nguyện rộng lớn thì làm sao đạt được như vậy?

Nếu muốn cho mọi người chứng được Tam-muội này thì chủ yếu ở tâm tín nguyện sâu xa, ấy chính là căn bản. Nguyện là thích, là mong muốn. Muốn sinh Tịnh độ Tây phương, mong gặp Phật A-di-đà, cho nên phát nguyện này. Vì thế nhờ vào sức mạnh của đại nguyện mà thẳng đến Cực lạc. Cho nên Ngài Từ Chiếu nói: “Thường luôn phát nguyện ưa thích vãng sinh, ngày ngày cầu nguyện chớ để lui mất. Nếu không phát nguyện thì thiện căn ngày càng chìm mất. Kinh Hoa Nghiêm ghi: “Không phát nguyện lớn, là việc làm của ma.” Cho nên Ngài Phổ Hiền phát nguyện rộng lớn như biển cả, Phật Di-đà có bốn mươi tám lời nguyện. Từ đó mới biết chư Phật mười phương, các bậc tiên hiền đều nhờ nguyện lực mà thành tựu Bồ-đề. Nếu không phát khởi tâm nguyện ưa thích thì không thể thành tựu hạnh nguyện ưa thích. Vì thế nói rằng: Pháp môn rộng lớn không nguyện không thành, cho nên Đức Phật tùy theo tâm của mỗi người mà đáp ứng đầy đủ hạnh nguyện, huống gì chuyên tu Tịnh nghiệp nguyện vãng sinh Tịnh độ, thì làm sao không tùy tâm mãn nguyện được? Sám có ghi: “Con nguyện không thối tâm Bồ-đề, con nguyện nhất định sinh Cực lạc, con nguyện mau gặp Phật Di-đà, con nguyện suốt đời không có niệm khác, chỉ duy tâm Tịnh độ.” Lại kinh Di-đà ghi: “Nếu có người nào tin thì nên phát nguyện, nguyện sinh về Cực lạc.” Sám ghi: “Chúng sinh vô biên thệ độ hết, phiền não vô tận thệ dứt hết, pháp môn vô lượng thệ nguyện học, Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành”, cho nên gọi đây là bốn lời nguyện rộng lớn. Ngài Từ Chiếu tập hợp thành sám, vì sợ người đời chấp sự mê lý nên nói rằng:

"Tự tánh chúng sinh, thệ nguyện độ, tự tánh phiền não, thệ nguyện dứt, tự tánh pháp môn, thệ nguyện học, tự tánh Phật đạo, thệ nguyện thành." Bốn câu này nói thẳng chân lý, muốn độ hết tất cả chúng sinh ở trong tự tánh, tất cả các vọng niệm chúng sinh, cái gọi là tâm tà mê, tâm vọng tưởng, tâm tham lam, tâm si mê, tâm ganh ghét, tâm sân giận, v.v... Cho nên khiến phát thệ nguyện rộng lớn, tự tánh tự độ. Lại đối với tự tánh dứt trừ tất cả phiền não, cái gọi là trần lao, nghiệp thức, suy nghĩ tà vạy, niệm ác, giống như mây nổi che lấp tự tánh nên ánh sáng không hiện ra, vì thế khiến phát thệ nguyện lớn để tự dứt trừ nó, không bao giờ cho nó phát khởi. Lại ở trong tự tánh, tu học tất cả pháp môn, cái gọi là Tam-muội niệm Phật, Bi Trí, Hạnh nguyện vô lượng pháp môn, nên khiến phát thệ nguyện rộng lớn, tự ngộ tự tu, thường không lui sụt, thẳng đến Bồ-đề, không vì được chút ít mà cho là đủ. Lại đối với tự tánh thì tin rằng có Phật, phát thệ nguyện lớn, thường tự quán chiếu, tự nguyện thành Phật Bồ-đề. Đây chính là tâm từ bi tha thiết của Ngài Từ Chiếu nói rõ cho hậu học, mở ra một cánh cửa, chỉ cần mọi người tin tưởng, tự chấp nhận theo đây tu hành, thì sẽ ngộ được tự tánh Di-đà, đạt đến duy tâm Tịnh độ, thành tựu Vô thượng Bồ-đề.

Các thiện nhân ở đời không biết ý này, lại hướng ra bên ngoài tìm cầu, khác gì người cầm hạt châu thần mà đi xin ăn, không phải là ngu muội sao? Nguyện tất cả mọi người thấy nghe đều khuyên bảo, sách tấn nhau, cùng khởi chánh niệm, sớm bước lên được con đường nhiệm mầu, biết lỗi lầm trước của trước đây, hiểu rõ địa vị sau của sau này. Lập chí khí lớn, phát mạnh mẽ lớn, phát thệ nguyện lớn, thề độ vô biên chúng sinh, thề dứt bỏ vô tận phiền não, thệ học vô lượng pháp môn, thề nguyện vãng sinh về thế giới Cực lạc ở Tây phương gặp Phật A-di-đà, thề cùng tất cả các thiện nhân viên thành Phật đạo vô thượng. Có thể nói rằng, không có gió xuân hoa không nở, hoa muốn nở rực rỡ phải cảm được sức mạnh của gió xuân.

1. Khuyên phát nguyện lớn.

Ngài Từ Chiếu nói: "Có Hành không có Nguyện thì Hành ấy sẽ trơ trọi; có nguyện mà không Hành thì nguyện ấy chắc là rỗng không. Không hành, không Nguyện thì luống trụ ở Diêm-phù; có Hành, có Nguyện thì thẳng đến vô vi. Đây là vấn đề căn bản của Phật tổ tu Tịnh nghiệp". Thời nay, nhìn khắp những người tín tâm quy y Phật, hoặc vì bệnh khổ mà phát tâm, hoặc vì báo đáp công ơn cha mẹ mà nảy sinh ý nghĩ, hoặc vì bảo vệ, giữ gìn gia đình, hoặc vì sợ tội lỗi mà trì trai giữ giới. Những người này tuy có tín tâm nhưng không có hạnh nguyện, tuy

nói niệm Phật nhưng không đạt đến cội nguồn. Hễ tu duyên lành đều để hoàn thành tâm nguyện, ít có người vì giải thoát sinh tử cho chính mình mà phát nguyện niệm Phật cầu sinh Tịnh độ, thường lo nhang đèn cho đạo tràng, những lời chú nguyện hồi hướng đều là để cầu khẩn thần minh khiến cho không còn tai họa và kéo dài tuổi thọ mà thôi! Cho nên so với bổn ý của kinh sám thì trái ngược nhau, không phù hợp với bản nguyện của chư Phật. Cho dù suốt đời tu hành mà không hiểu rõ lý thú, dụng công sai lầm thì đó là suốt ngày đếm của báu cho người khác mà mình không được nửa đồng.

Người qua đời sở dĩ không được vãng sinh Tịnh độ là vì không có hạnh nguyện. Lại có hạng người ngu si thọ giới với Phật mà lại ở trước Tam bảo đốt hương thề nguyện: Nếu con phá giới sẽ bị bệnh nan y làm khổ thân này, mãi mãi bị đọa vào địa ngục. Hoặc nói: Dù mắt trái chảy máu, mắt phải chảy mủ cũng cam chịu các thứ hình phạt của quan ty. Thấy có nhiều người nói nhưng vô tâm, phá trai, phạm giới nguyện chịu quả báo đau khổ, cam tâm bị đọa lạc. Họ tự đào huyệt chôn mình, thật không biết Phật, Tổ luôn có tâm thương xót chúng sinh, có bao giờ dạy người như vậy? Những người ấy đều là tà sư sai lầm, đem những hình phạt làm lời phát nguyện, sao lại quá mê muội như thế!

Tôi thường nghĩ mà thương xót, nên khuyên mọi người cùng phát chánh nguyện, cầu sinh Tịnh độ, nguyện cùng thành Phật. Người kia nói: “Ta là phàm phu làm sao dám mong sinh về Tịnh độ, nguyện cùng thành Phật? Nếu ta có tâm này là còn vọng tưởng.” Tôi trả lời rằng: Không phải như vậy, này Thiện tri thức! Phật là giác, Tịnh độ là tâm. Tâm này người nào cũng có. Giác là Phật, mê là chúng sinh. Người thế gian trái với chánh giác, hợp với trần tục, nên luân hồi trong bốn loài, sáu đường thuộc ba cõi. Nghiệp duyên thiện ác phải chịu quả báo xấu tốt đều do nhận thức sai lầm về bốn đại, cho rằng bốn đại là thân ta, lục trần là thật có, rồi chạy theo huyễn cảnh, suốt ngày trôi lăn, không hề tạm ngừng để thức tỉnh chính mình. Từ sinh đến chết chỉ lo cho gia đình không đầy đủ của cải, không vừa lòng, càng nhiều càng tìm cầu, càng tham lam không biết đủ. Tuy nói làm lành, kính thờ Phật, đốt hương lễ bái làm phước, nhưng chỉ mong vinh hoa giàu sang, sống hoài không chết. Mới làm được một ít việc lành thì cầu mong đủ thứ, muốn lúa thóc đầy kho, tơ tằm tăng gấp bội, con cháu vinh hiển, bò ngựa sinh nhiều. Nhưng chỉ một điều không vừa ý thì oán Phật không giúp cho đầy đủ. Của cải càng ngày càng tăng thêm, bèn nói trời, rồng cảm ứng. Tham lam như thế chính là vọng tưởng, tự không hay biết. Lại nói niệm Phật

cầu vãng sinh Tịnh độ, là tự tạo ra vọng tưởng, há không phải là quá điên đảo sao? Hễ cho là làm phước tất cả đều thuộc hữu vi, bởi vì đó là nhân hữu lậu của thế gian, chẳng phải việc tu hành đạo vô vi xuất thế. Cho nên người Phật tử tu hành nên suy nghĩ kỹ, ngày nay mình có cơ duyên gặp được Phật pháp, nên nghiên cứu tìm về cội nguồn, chớ cạnh tranh nhau về chi phái, một niệm xoay trở về chính mình tu pháp xuất thế, nguyện ra khỏi Ta-bà sinh về Tịnh độ. Cũng như người đi xa lâu ngày mong muốn được trở về quê cũ.

Tâm nguyện sinh Tịnh độ, nguyện thành Phật làm sao có thể so sánh giống với vọng tưởng của phàm phu? Há không thấy trong sám ghi: Con nguyện lúc sắp qua đời dứt trừ hết tất cả chướng ngại, được thấy Đức Phật A-di-đà, liền được vãng sinh cõi Cực lạc. Có thể nói rằng một ngày, được bước trên con đường tìm về bảo sở mới biết trước đây mình dụng tâm sai lầm.

2. Kệ và lời tựa Ngài Từ Chiếu Tông Chủ dạy người niệm Phật phát nguyện.

Di-đà tiết yếu ghi: Người niệm Phật việc lo lắng nhất là không khéo tương ưng, vì sao? Vì tuy nói giữ giới niệm Phật nhưng chưa hề phát tâm nguyện sinh về Tịnh độ, thì tất cả đều là vùi đầu cho qua ngày tháng, tự mình làm mất đi lợi ích tốt đẹp. Nói chung niệm Phật điều quan trọng trước tiên là phát tâm. Muốn vượt khỏi sinh tử, vãng sinh Tịnh độ nên lấy nguyện lớn làm ý chính, thường nên niệm Phật, sớm chiều chuyên tâm lễ bái Phật Di-đà như chầu vua. Mỗi ngày hai thời đầy đủ, càng gần thì càng thân. Tâm-miệng tương ưng với Phật; Cách Phật không xa, miệng niệm tâm nhớ tưởng, mong được thấy Phật; phát nguyện sâu dày, tin chắc không nghi ngờ; trải qua nhiều năm công phu thuần thục, tự nhiên Tam-muội được thành tựu. Người đó lúc qua đời được Phật Di-đà tiếp dẫn, cõi Tịnh độ hiện ra trước mắt, lại nguyện trong đời hiện tại này thường gặp bậc Thiện tri thức, không gặp thầy tà kiến, không bị mê hoặc tâm mình, không sinh lười biếng. Nếu niệm Phật như thế, lại có niềm tin sâu sắc và phát nguyện thì tín, hạnh, nguyện không thiếu sót. Vì thế người ấy sắp qua đời thấy Phật tức chẳng phải Phật từ bên ngoài đến mà tất cả đều do tâm hiển bày. Giống như hạt giống gieo xuống đất gặp mùa xuân thì dễ phát sinh, đâu phải từ bên ngoài đến mà chính là từ đất sinh ra.

Người tu hành ngày nay cũng vậy, niệm Phật, tín, nguyện huân tập vào thức A-lại-da thì lúc sắp qua đời phát hiện ra Tịnh độ Di-đà, tức chẳng phải bên ngoài đến, tất cả đến từ tâm hiện ra.

Kệ rằng:

Muôn pháp từ tâm sinh
Muôn pháp từ tâm diệt
Phật ta đại Sa-môn
Thường giảng nói như vậy
Giữ giới không tín nguyện
Không được sinh Tịnh độ
Chỉ được phước trời, người
Phước hết chịu luân hồi
Xoay vần khó ra khỏi
Xem kinh không mắt tuệ
Không biết ý sâu Phật
Đời sau được thông minh
Loạn tâm khó xuất ly
Chi bằng niệm Phật đi!
Hiện đời không danh lợi
Lúc nào cũng niệm Phật
Chính là A-di-đà.
Phát nguyện đem công đức giữ giới
Hồi hướng sinh về Cực lạc
Chính là hợp với hành trì
Trong ngàn người không sót một người
Những lời từ miệng vàng Đức Phật nói
Người ấy được đích thân Phật Di-đà nhiếp thọ
Chư Phật đều hộ niệm
Các vị trời khéo che chở
Chúng ta thấy người niệm Phật như thế
Không cách xa Phật
Nên ngồi trong đạo tràng
Xoay bánh xe đại pháp
Độ khắp vô lượng chúng sinh
Ví như cô gái nghèo cùng
Mang thai vua chuyển luân
Các vị trời thường theo che chở
Mà cô ta không biết
Trong bụng mình có quý tử
Nay người niệm Phật
Ý cũng giống như vậy

Người nhớ tưởng Phật, thường niệm Phật
Không lâu sẽ thành Phật.
Chư Phật khéo che chở
Nhưng người ấy không biết mình
Sẽ sinh Tịnh độ
Lại muốn đời sau
Được sinh vào cõi người.
Giống như người nghèo cùng
Trong đất nhà mình có kho báu chôn dưới đất
Có thần thường giữ gìn
Không để nó mất mát
Mà tự mình không biết
Trong nhà có kho báu
Phải đi khắp nơi
Tìm kiếm cơm áo để sinh sống
Nay người niệm Phật này
Ý cũng giống như vậy
Không biết người niệm Phật
Có đủ kho Như Lai
Lại nói ta không có phần
Ngược lại muốn sinh trong loài người.
Ví như người bệnh
Có thuốc hay
Nhưng không biết tính chất của nó
Thì không thể tự trị bệnh được
Suốt ngày nằm trên giường
Chịu đựng sự đau đớn.
Nay người niệm Phật này
Ý cũng giống như vậy.
Không biết tâm niệm Phật
Có công năng diệt trừ bệnh tham, sân
Có công năng làm bậc đại y vương
Có công năng làm kho báu lớn
Cứu độ tất cả mọi người
Có khả năng làm bậc Đại Pháp vương
Che chở chúng sinh
Lại cho rằng là phàm phu
Không được sinh về Tịnh độ

Vì thế họ trì trai giữ giới
Nguyện đời sau được làm người
Xoay vần lại tu hành
Mới được sinh về Cực-lạc.
Chúng ta thấy nhiều người tu hành
Thường nói như vậy.
Người nào không khen ngợi hạnh nguyện của Phật Di-đà
Thì không phù hợp với kinh Tịnh độ
Tà kiến che lấp tâm mình
Thì rốt cuộc khó ra khỏi được
Chẳng phải do người khác ngăn ngại mình
Mà tất cả đều do tâm mình làm chướng ngại mình.
Đời nay không được vãng sinh
Một lần sa đà thì trăm lần sa đà
Khuyên những người tu hành
Phải tin tưởng lời Đức Phật dạy
Vì lời Phật nói hoàn toàn chân thật
Lẽ nào lại có lời luống dối?
Nhưng mỗi người phải tự chuyên cần,
Nhất tâm cầu sinh Tịnh độ.
Nhân gió thổi lửa, năng lực không tiêu hao
Là nhờ có tâm niệm Phật
Nên hồi hướng, phát nguyện vượt ra ba cõi
Gặp của báu mà không lấy của báu
Gặp thức ăn mà chịu đói lạnh.
Than ôi! Bậc đại trượng phu
Mà không thấy được ý chân thật
Nay Ta khuyên nhủ, khen ngợi sơ lược
Xoay vần truyền cho người
Thay ta rộng lưu hành
Làm sứ giả Như Lai.
Ấy thật là Phật tử
Thật gọi là báo ơn Phật
Nguyện khắp chúng sinh
Đúng như lời dạy mà tu hành
Cùng sinh về Cực lạc.

3. Cầu sinh Tịnh độ quan trọng là phát nguyện.

- Luận Trí Độ quyển tám.

Hỏi: Các Bồ-tát hạnh nghiệp thanh tịnh được quả báo tốt đẹp, cần gì phải lập thệ nguyện, sau mới được quả báo tốt đẹp? Giống như người làm ruộng được mùa, lẽ nào đợi phát nguyện sao?

Đáp: Làm phước không phát nguyện thì không có mốc để hướng tới, nguyện làm người dẫn đường cho chúng sinh thì sẽ thành tựu. Như lời Phật dạy, nếu tu ít phước, ít giữ giới, không biết giảng nói chánh nhân, nghe nói đến sự vui sướng của trời, người, thì tâm thường nguyện thích, sau khi qua đời được sinh về đó. Đây là nguyện lực tạo ra. Còn Bồ-tát cầu sinh Tịnh độ thì với chí nguyện vững bền, sau đó mới được như vậy. Vì thế, nên biết nhờ nguyện lực kia, mà được quả báo tốt đẹp. Người xưa nói: “Quả Phật cao xa muốn lên phải có cách thức, cấp bậc. Núi cao tận mây thì phải có tâm rộng lớn dần, huyền đức mới phát ra, chiếu đến cả đời sau, hoằng thệ mới hưng khởi, nguyện mầu trùm khắp thế giới hư không. Một niệm khởi lên chí nguyện tức là hoa đẹp của trần kiếp, nửa khắc kính cẩn cúi mình chính là cam lồ của thế giới đại thiên.” Luận Đại Trang Nghiêm ghi: “Việc lớn ở cõi Phật chỉ thực hành công đức thì không thể thành tựu, phải có nguyện lực giúp đỡ, nhờ đó mới thành tựu. Nhờ nguyện lực nên phước đức thêm lớn, không tan mất, không hư hoại, sẽ sinh về cõi Phật, tùy theo hạnh nguyện được gặp Phật.” Kinh Hoa Nghiêm ghi: “Người ấy lúc sắp qua đời, phút giây sau cùng tất cả các căn đều không còn tác dụng, tất cả thân thuộc đều xa lìa, tất cả uy thế đều biến mất, cho đến voi, ngựa, xe cộ, châu báu, kho tàng v.v... tất cả mọi thứ không mang theo, chỉ có nguyện vương này không lìa bỏ, bất cứ lúc nào nó cũng dẫn đường đi trước, người ấy chỉ trong khoảnh khắc liền được vãng sinh về thế giới Cực lạc.”

4. Nghi thức phát nguyện tu hành của Hòa thượng Thiện Đạo.

Người tu Tịnh độ khi nhập vào quán và lúc ngủ nên phát nguyện này, hoặc ngồi, hoặc đứng chấp tay nhất tâm, xoay mặt về hướng Tây, niệm danh hiệu Phật A-di-đà mười câu, Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Đại Thế Chí, Bồ-tát Thanh Tịnh Đại Hải chúng, xong rồi nguyện rằng: “Đệ tử hiện là phàm phu sinh tử, tội chướng sâu dày, luân hồi trong sáu nẻo, vô cùng khổ não. Nay gặp Thiện tri thức, được nghe công đức bổn nguyện, danh hiệu Phật A-di-đà, một lòng xưng niệm cầu nguyện vãng sinh, cúi mong Phật từ bi không bỏ chúng con, thương xót nhiếp thọ. Đệ tử... không biết thân Phật tướng tốt sáng chói, mong Phật thị hiện khiến cho con được thấy và thấy các Bồ-tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí v.v... ở thế giới kia, trang nghiêm, thanh tịnh, tướng tốt sáng chói, v.v... khiến cho con mỗi mỗi đều thấy được”. Phát nguyện này rồi, nhất tâm chánh

niệm, liền tùy ý mình nhập quán, hoặc đến lúc ngủ phát nguyện rồi ngủ, có lúc đang phát nguyện liền được thấy, hoặc lúc ngủ được thấy. Chúng ta chỉ cần chuyên tâm phát nguyện, tự nhiên điều mình nguyện sẽ được viên mãn.

5. Văn phát nguyện cầu sinh Tịnh độ của Bạch Thị Lang.

Ký ghi: “Đức Phật Bổn sư Thích-ca Mâu-ni nói rằng, từ cõi này đi về hướng Tây qua mười muôn ức cõi Phật, có thế giới tên là Cực lạc, vì không có tám nạn, bốn đường ác. Nước ấy gọi là Tịnh độ vì không có ba độc, ngủ trược. Đức Phật đó hiệu là A-di-đà vì tuổi thọ vô lượng, hạnh nguyện vô lượng, công đức, tướng tốt sáng chói vô lượng. Ngài quan sát tường tận chúng sinh thế giới Ta-bà này, không phân biệt hiền ngu, sang hèn, già trẻ, hễ có người nào phát tâm quy y Phật, chấp tay hướng về Phương Tây, lúc gặp khổ não, nguy hiểm miệng niệm Phật A-di-đà, lại có người dùng vàng đúc tượng, hoặc hòa hợp các loại đất, hoặc khắc vào đá, hoặc thêu trên vải, cho đến trẻ con giỡn nhóm cát, vẽ nước. Tất cả đều được Ngài tiếp độ. Vì Phật A-di-đà là bậc Thượng thủ. Không biết như vậy, do đây mà quán Đức Phật kia có thệ nguyện lớn với chúng sinh, chúng sinh có nhân duyên lớn với cõi Tịnh độ. Nếu không phải như vậy thì Nam, Bắc, Đông, Tây, quá khứ, hiện tại, vị lai có Phật rất nhiều, tại sao chỉ có Phật A-di-đà là như vậy?

Vào đời Đường, Đại phu thái tử Thiếu Truyền Bạch Cư Dị lúc tuổi về già mắc bệnh bại liệt. Ông liền xuất tiền của sai thợ Đỗ Kính Tông căn cứ theo hai bộ kinh A-di-đà và Vô Lượng Thọ vẽ một bức tranh thế giới Tây phương cao chín thước, rộng một trượng ba thước, có Phật A-di-đà ngồi giữa, hai Bồ-tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí hầu hai bên, có trời người chiêm ngưỡng, quyến thuộc vây quanh, lầu đài, kỹ nhạc, cây cối, hoa cỏ, ao nước, chim muông bằng bảy báu, tô điểm năm mầu, trông sáng sủa rực rỡ. Thợ làm xong, đệ tử là Bạch Cư Dị đốt hương cúi đầu đảnh lễ rồi quỳ trước Phật, khởi Từ bi tâm phát thệ nguyện rộng lớn: “Con nguyện hồi hướng công đức này cho tất cả chúng sinh, tất cả chúng sinh người già như con, mắc bệnh như con, mong họ lìa khổ được vui, bỏ ác tu thiện, không qua châu Thiệm bộ ở phía Nam, bèn được thấy cảnh Tây phương, ánh sáng sợi lông trắng ứng niệm chiếu đến, được sinh về lên hoa sen xanh bậc thượng phẩm, tùy theo nguyện lực được vãng sinh. Con nguyện từ đây đến tất cả đời sau thường được gần gũi cúng dường.” Muốn nói lại nghĩa này, liền khen ngợi rằng: “Thế giới Cực lạc thanh tịnh không có các đường ác và các nỗi khổ, nguyện những người già bệnh như con cùng sinh về nước của Phật Vô Lượng

Thọ.”

6. Văn bố thí kinh phát nguyện sinh Tịnh độ của Phùng Tế Xuyên.

Lược ghi: Việc bố thí kinh của tôi tuy một nhưng có đủ hai thí (tài thí, pháp thí). Vì sao? Vì mua kinh là tài thí, lấy kinh truyền pháp là pháp thí. Theo lời Phật nói, tài thí thì đời sau sẽ được quả báo phước đức cõi trời cõi người, pháp thí sẽ được thế trí biện thông, là quả báo thế gian. Nên biết rằng cả hai quả báo đều là gốc của quả báo khổ, là nhân của luân hồi. Nay con xin phát nguyện, nguyện hồi hướng hai quả báo này, đến lúc qua đời trang nghiêm vãng sinh thế giới Cực lạc Tây phương, từ hoa sen hóa sinh, được thấy Phật nghe pháp, ngộ Vô sinh nhẫn, được không lui sụt, nhập vào hàng Bồ-tát, rồi trở lại trong các thế giới mười phương, ở cõi đời có năm thứ ô trược này, khiến cho tất cả thấy được thân con mà làm Phật sự. Nguyện đem nhân bố thí tài pháp này, mong được như Bồ-tát Quán Thế Âm đầy đủ từ bi lớn, dạo đi trong năm đường, tùy loài mà hiện thân để giảng nói pháp mầu, khai mở cho những người chưa ngộ, để họ mãi mãi xa lìa đường khổ, được trí huệ, nguyện tất cả chúng sinh đều được thành Phật. Đây là lời nguyện bố thí kinh của tôi. (Phần trên rút bia viết về việc bố thí kinh, Phùng Tế Xuyên bố thí kinh không mong quả báo thông minh, giàu sang ở cõi trời, người mà hồi hướng công đức về Tịnh độ, nguyện gặp Phật Di-đà. Có thể nói Ông ta là bậc trí thức cao minh, hiểu sâu Phật lý, là người của Đại thừa. Ôi! Thế mà thấy phần nhiều người trong Liên xã suốt ngày niệm Phật lại cầu phước báo đời sau, há không phải là sai lầm ư! Tôi mong mọi người được sinh Tịnh độ nên đưa ra văn thí kinh phát nguyện của Phùng Tế Xuyên cho mọi người lấy đó làm gương. Hễ có tu phước, niệm Phật cho đến làm một việc lành nhỏ nhất, tất cả đều phát nguyện hồi hướng Tây phương. Đã có chỗ trở về thì qua đời chắc chắn sinh về Tịnh độ).

■

LÔ SƠN LIÊN TÔNG BẢO GIÁM

QUYỂN 8

NÓI VỀ CHÁNH QUYẾT NIỆM PHẬT VÃNG SANH

Pháp môn vãng sinh của Tịnh độ bao gồm các kinh, sáng như mặt trời trên cao. Phương pháp vào đạo của người tu hành chân chánh chính là chỗ gá tinh thần vào chỗ niệm mà vô niệm, niệm chính là niệm Phật A-di-đà, sinh mà vô sinh, sinh là sinh về Tịnh độ. Cho nên Bồ-tát hạnh sâu trải qua các đời làm thầy khuôn phép. Quan nổi tiếng, học giả tài giỏi, người dân thường đều dốc một lòng tin theo đạo này. Người lập thệ tiến tu nhiều không thể kể xiết. Ý đó thế nào? Tức là nhất định muốn vãng sinh về Tịnh độ, gặp Phật Di-đà mới thôi. Nhưng nên biết rằng Phật vốn không có thân, cũng không có cõi nước, mà tất cả đều do tâm thanh tịnh của chúng sinh cảm ứng nên. Không nghe kinh nói sao? Tâm này làm Phật, tâm này là Phật, biển Chánh biến tri của chư Phật cũng từ tâm mà ra. Cho nên Đại sư Thiên Thai giải thích rằng, Phật vốn không có tâm tịnh nên có, nên chúng sinh tâm thanh tịnh thì pháp thể hiện tiền, chúng sinh tâm ô nhiễm thì trôi lăn trong sáu đường. Đây là lý bình thường, tại sao lại nghi ngờ? Nói theo Viên thật giáo thì duy tâm vốn đầy đủ, hoặc đây, hoặc kia, hoặc nhiễm, hoặc tịnh đều không vượt qua một niệm của tâm mình. Tâm là cội gốc tạo tội, cũng là chỗ cội gốc để thành Phật.

Cái gọi là cõi nước do tâm mà có (giới nhĩ hữu tâm) nên ba ngàn thế giới đầy đủ, nhưng ba ngàn các pháp đã sẵn đủ mười pháp giới, mười như, ba thứ thế gian giúp đỡ lẫn nhau mà hiển bày, vậy cõi nước An dưỡng, bỏ cái này để cầu cái gì? Chẳng phải chỉ có Tịnh độ duy tâm mà địa ngục cũng duy tâm. Lại nói: Tất cả Chánh báo, Y báo ở địa ngục A-tỳ hướng về tự tâm cực Thánh, thân độ Phật Tỳ-lô-giá-na không vượt qua một niệm của kẻ phàm, vừa khởi kiến chấp mê ngộ liền rơi vào đường tà, không phân biệt tịnh nhiễm khác nhau. Vì thế mới quy về chánh đạo. Núi dao rừng kiếm đều là hoa đốm giữa hư không, sen vàng

ao báu đều thành việc mộng, nhận thức như thế mới hiểu được chân tu giải thoát hoặc chưa thì nên y theo Quyền tiệm mà tu hành thêm. Tin tưởng rằng Phật A-di-đà là bản tánh của ta, quý ở chỗ lễ, tụng, sám, niệm, trong tất cả mọi lúc đi, đứng, nằm, ngồi phải chiếu soi ba quán. Nếu khế hợp với một tâm thì toàn trí phát ra cảnh, toàn cảnh chính là tâm. Nên biết y báo, chánh báo của Đức Phật đều là tâm, tất cả đều do tâm tạo. Tin rằng Tịnh độ Di-đà rõ ràng ảnh hiện trong mắt tâm. Thí như mài đồng thành gương là nhờ dày công, khiến cho các dơ bẩn trở thành sạch sẽ thì bản thể sáng ngời tự nhiên hiển bày, tất cả sắc tượng đều không ẩn giấu. Nên biết hình bóng trong gương, nếu nói có thì không thể thừa nhận vì không nắm bắt được, nếu nói không thì tại sao các hình ảnh thấy được rõ ràng. Cái gọi là có không nhất định có, không không nhất định không. Không có cứ để nó mặc tình là đúng nhất! Vì nó là cảnh không thể suy nghĩ bàn luận. Đạo duy tâm diệu quán muốn chứng được phải rõ nhân của nó, nên biết nhân bao trùm biển quả, quả thấu suốt nguồn nhân, từ đầu đến cuối không lìa một niệm. Từ nhân đến quả chỉ do tâm ban đầu. Nếu khéo tu thế nào thì đến lúc qua đời sẽ được quả báo như vậy. Thế mới biết chuyên tâm niệm Phật là nhân, vãng sinh Tịnh độ là quả. Bắt đầu từ nghe rồi tin, tin rồi tu hành, chứa nhóm công đức Tịnh nghiệp, được cơ duyên đầy đủ, thời tiết đã đến chân lý chiếu soi, thấy sự chết chỉ như trở về nhà, há không vui mừng sao? Cho nên tôi thương chúng sinh mà trình bày chánh quyết vãng sinh, chỉ rõ con đường về nhà, lúc này tin tưởng không còn nghi ngờ thì ngày kia sẽ được ra khỏi, không bao giờ nhầm lẫn; như thế thì lo gì không sinh về nước An dưỡng, tự tánh Di-đà chắc chắn thành tựu, cùng các bậc Thánh hiền đều thành tựu tịnh hạnh. Người đạt đến địa vị cao nhất thật cũng do ở đạo này.

1. Cha mẹ qua đời vãng sinh Tịnh độ.

Tin tưởng pháp môn Tịnh độ, phát tâm niệm Phật là lúc gieo giống xuống ao hoa sen, nhất tâm niệm Phật, phước lành trang nghiêm là lúc hoa sen lên khỏi mặt nước, niệm Phật viên thành, duyên Tịnh độ chín muồi là lúc hoa sen nở thấy Phật. Là một Phật tử tôn thờ Phật, trước tiên phải hiếu thảo với cha mẹ, lúc nào cũng giữ gìn tâm niệm hiếu thuận với cha mẹ, xem xét sức khỏe cha mẹ mà hết lòng nuôi nấng, làm hết sức mình mong sao cha mẹ được điều hòa. Lại nên nghĩ cha mẹ già như đèn treo trước gió, nên phải chuẩn bị trước đến lúc vãng sinh, trước hết dùng tất cả duyên lành, việc lành tu được của cha mẹ và công đức giúp sức tu tập nhiều người, viết thành một tờ sớ, luôn luôn ở trước cha mẹ

đọc tờ sớ ấy, khiến cha mẹ sinh tâm vui mừng. Lại phải khuyên cha mẹ ngồi hay nằm đều xoay về hướng Tây, không quên nguyện vãng sinh Tịnh độ. Đặt tượng Phật Di-đà, khuyên cha mẹ nhất tâm niệm Phật; đốt hương, đánh khánh, khuyên mọi người đồng thanh niệm Phật, khiến âm thanh niệm Phật nối nhau không dứt. Chúng ta không nên vì tình cảm lưu luyến thế gian, e rằng làm mất chánh niệm. Lúc qua đời xả báo thân vẫn phải niệm Phật thì tự nhiên các bậc Thánh đến đón rước, vãng sinh Tịnh độ, ở trong hoa sen báu chắc chắn sẽ thành Phật. Người con hiếu hầu hạ, nuôi nấng cha mẹ chính là lúc này, không nên lười biếng. Người con hiếu nuôi nấng cha mẹ lúc qua đời là việc lớn, lấy đây làm hiếu thì hiếu ấy không gì bằng. Huống chi từ xưa đến nay, người niệm Phật vãng sinh Tây phương chúng ta thấy rất nhiều. Ở đây xin nêu vài trường hợp, để người niệm Phật xem xét, sở dĩ Quốc chủ nước Ô-Trường thấy Thánh chúng đến đón rước, Văn Hoàng hậu đời Tùy nương theo mùi hương lạ đi về hướng Tây, Diêu Hành bà xin Phật chờ, Tống Thế Tử hầu mẹ cùng về Tây. Có thể nói vừa siêu vượt liền nhập vào Như Lai địa (địa vị Phật).

2. Ba điều nghi ngờ lúc sắp qua đời.

Tịnh độ Thập Môn của Từ Chiếu Tông Chủ khuyên rằng: Có ba điều nghi ngờ làm cho người niệm Phật lúc qua đời không được sinh về Tịnh độ.

1. Nghi mình từ trước đến nay gây nghiệp ác rất nặng mà thời gian tu hành rất ít, sợ không được vãng sinh Tịnh độ.

2. Nghi mình đang mắc nợ người khác, hoặc có tâm nguyện chưa thực hiện được và tham, sân, si chưa dứt bỏ, sợ không được vãng sinh.

3. Nghi mình tuy niệm Phật Di-đà, lúc qua đời, sợ Phật không đến đón rước.

Do ba điều nghi ngờ này mà thành chướng ngại, làm mất chánh niệm, không được vãng sinh. Cho nên người niệm Phật điều quan trọng là phải tin sâu xa ý chỉ rõ ràng của kinh Phật, chớ sinh tâm nghi ngờ. Trong kinh ghi: Niệm một câu A-di-đà Phật diệt trừ tội nặng trong ba mươi ức kiếp sinh tử. Trên cho đến nhất tâm bất loạn, dưới cho đến mười niệm thành công thì có Đức Phật dắt dẫn lên chín phẩm hoa sen, lìa bỏ ngủ trược (Ta-bà). Nếu tâm tâm không mê muội, niệm niệm không sai khác, thì nghi tình dứt hẳn, chắc chắn vãng sinh. Có thể nói đường dài mười muôn ức cõi chỉ trong khoảnh khắc là đến, mảy may suy nghĩ cách xa ngàn trùng.

3. Bốn điều quan trọng lúc sắp qua đời.

Tịnh độ Thập môn của Từ Chiếu Tông chủ khuyên rằng: Có bốn điều quan trọng lúc sắp qua đời không được sinh về Tịnh độ:

1. Phàm phu tuy có tín tâm niệm Phật, nhưng vì nghiệp chướng đời trước nặng nề nên bị đọa địa ngục. Nhưng nhờ thần lực của Phật nên trong lúc bệnh thì bệnh nặng trở thành nhẹ, do bệnh khổ nên hối ngộ thân tâm thì sẽ vãng sinh Tịnh độ. Thế mà người ngu không hiểu việc này, nói rằng, nay ta niệm Phật lại bị bệnh khổ, rồi hủy báng Phật Di-đà, do một niệm tâm ác này nên liền rơi vào địa ngục.

2. Tuy là giữ giới, niệm Phật, nói về Tịnh độ, nhưng ý lại lưu luyến Ta-bà, không cầu thiện căn xuất thế, tiếc rẻ gia đình giàu có, đến nỗi lúc sắp qua đời mắc phải bệnh khổ, sợ chết tham sống, tin lời trẻ con kêu quỷ, gọi thần,đốt tiền, làm ngựa, giết hại chúng sinh. Người chạy theo tâm tà vạy này thì không được Phật che chở. Nhân đây mà trôi nổi, đọa lạc trong ba đường ác.

3. Có người vì uống thuốc chữa bệnh nên dùng rượu, thịt, hoặc bị thân thuộc cùng nhau bức ép, người này không có niềm tin quyết định, làm mất thiện căn. Vì thế lúc qua đời người ấy bị đưa đến trước vua Diêm-la, tùy ý vua xét xử.

4. Lúc sắp qua đời nhớ lại những việc đã làm trong lúc còn sống, tiếc nuối tiền của, luyến ái quyến thuộc, tâm nghĩ mãi làm mất chánh niệm, nên đọa làm ngạ quỷ, đã là họa lớn, lại làm thân chó dữ, hoặc làm thân rắn để giữ gìn gia đình như lúc còn sống.

Thế nên Dương Đề Hình nói: “Ái không nặng không sinh Ta-bà, niệm không nhất tâm không sinh Tịnh độ.” Lời nói này thật đúng thay!

Hễ tu Tịnh độ, thì phải dứt trừ những tư tưởng mộng huyễn, niệm niệm nhớ nghĩ Phật Di-đà, buông bỏ toàn thân. Nếu giữ vững một niệm này, thì sẽ phá được bốn điều quan trọng trên, thì đài sen Tịnh độ đâu phải là xa. Có thể nói một câu A-di-đà Phật không có niệm khác, thì không nhọc khoảnh khắc đến Tây phương.

4. Toát yếu quyết nghi lúc sắp qua đời.

Người tu niệm Phật muốn sinh về Tịnh độ phải luôn nghĩ đến thế gian tất cả đều vô thường, có thành phải có hoại, có sinh thì có tử. Nếu chúng ta không hết lòng nghe Phật pháp thì xả thân này, thọ thân khác luân hồi trong ba cõi, xuống lên trong bốn loài, sáu đường, không có lúc nào giải thoát. Nay chúng ta có duyên lành được nghe chánh pháp, được tu Tịnh nghiệp, chuyên tâm niệm Phật để khi bỏ báo thân này sẽ sinh về Tịnh độ, nhập vào thai hoa, ở đó thọ hưởng nhiều sự vui sướng;

xa lìa hẳn sinh tử, không lui sụt đạo Bồ-đề, đây là việc đáng làm suốt đời của bậc đại trượng phu.

Khi mới bị bệnh, người bệnh phải hướng về phía trước, khiến cho thân tâm thoải mái, chớ sinh tâm lo ngại. Nên hướng về phương Tây, ngồi thẳng, chuyên tưởng Phật A-di-đà, Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Đại Thế Chí và vô số hóa Phật đang ở trước mặt mình, một lòng xưng niệm Nam-mô A-di-đà Phật", niệm mãi không dứt. Đối với tất cả những việc thế gian không được tham luyến, nếu có tâm niệm gì khởi lên thì mau niệm danh hiệu Phật, trong mỗi niệm diệt trừ được tội chướng. Nếu người bệnh hôn mê không thể tự mình niệm Phật thì người nuôi bệnh nên dùng nhiều phương tiện nhắc nhở khuyên giải, chỉ bày cho họ. Dùng tâm giúp đỡ như thế, khiến họ qua đời chỉ cần một niệm này chắc chắn vãng sinh Tịnh độ, nếu số mạng chưa chết thì được bình yên. Người bệnh chớ vọng khởi tâm tham luyến thế gian, sống thì sống, chết thì chết, chỉ mong được vãng sinh, đâu có gì phải lo ngại. Nếu chúng ta hiểu được lý này thì sự chết như cởi áo cũ mặc áo mới, vừa lìa bỏ thân phàm liền chứng quả vị Phật. Kỳ lạ thay! Lớn lao thay! Thật là cùng tột, vô tận. Nếu người đó lúc qua đời nghe nhạc trời hay mùi thơm lạ, hoặc thấy tòa báu sen vàng, đây chính là cảnh Thánh hiện tiền, chớ nghi là cảnh ma. Trong kinh ghi: "Người tu Tịnh nghiệp nhờ nguyện lực của Phật, quán Thật tướng Phật làm cảnh, giống như người gần gũi vua thì ai dám xâm phạm. Huống chi Phật A-di-đà có năng lực từ bi lớn, có năng lực thệ nguyện lớn, có năng lực trí tuệ lớn, có năng lực thiền định lớn, có năng lực uy thần lớn, có năng lực tồi tà lớn, có năng lực hàng phục ma lớn, có năng lực thiên nhãn thấy xa, có năng lực thiên nhĩ nghe xa, có năng lực soi chiếu tâm người, có năng lực ánh sáng chiếu khắp, nhiếp thọ chúng sinh, có năng lực công đức cao vời vô lượng, không thể suy nghĩ bàn luận như thế, há không có khả năng che chở người tu hành hay sao? Người niệm Phật đến lúc qua đời sẽ không bị ma chướng, vãng sinh về Tịnh độ. Có thể nói thân ta thịt nát cũng chưa đủ để đền đáp ơn Phật. Một câu thông suốt, vượt thoát trăm ức kiếp.

***5. Tăng Tế lúc sắp qua đời nhất tâm quán tưởng Tây phương*.**

Tăng Tế là đệ tử của Tôn giả Lô Sơn, lúc ông sắp qua đời, Tôn giả đưa cho ông một cây đèn nói: "Ông phải dồn hết sức lực quán tưởng Tây phương." Tăng Tế cầm đèn nhất tâm quán tưởng kim dung Phật Di-đà, giữ tâm không loạn động, lại thỉnh chư tăng tụng kinh Thập Lục Quán. Đến canh năm Tăng Tế trao đèn cho mọi người rồi nằm ngủ. Đến khi thức dậy Tăng Tế nói: "Tôi nằm mộng thấy Phật A-di-đà duỗi tay

tiếp dẫn, tôi phải đi thôi!" Nói xong, Tăng Tế nằm nghiêng bên phải an nhiên mà hóa. Đây chẳng phải là do sự tu tập giới-định-tuệ, thì lẽ nào có thể ở bên bờ sinh tử mà an nhiên nhẹ nhàng như thế ư! Có thể nói thấy được đường liền đi, không có gì trở ngại, dễ dàng vượt qua cửa sinh tử.

6. Văn Lâm chung chánh niệm vãng sinh của Hòa thượng Thiện Đạo.

Tri Quy Tử thưa: việc lớn nhất trong đời này không gì bằng sinh tử. Một hơi thở ra không thở vào là đã qua đời khác, một niệm sai quấy liền đọa vào luân hồi. Tiểu tử nhiều hệ lụy, mong được Sư dạy bảo. Pháp niệm Phật vãng sinh, lý của nó rất rõ ràng, nhưng sợ lúc bệnh đến, sắp chết, tâm thức tán loạn, lại nghĩ đến người khác, làm động đến chánh niệm, quên mất nhân Tịnh độ. Cúi mong sư chỉ bày lại phương pháp trở về, khiến cho chúng con thoát khỏi nỗi khổ đắm chìm.

Sư đáp: Hay thay lời hỏi của ông! Tất cả người đời, lúc sắp qua đời muốn sinh về Tịnh độ phải là người không sợ chết, thường nhớ nghĩ thân này nhiều khổ, dơ uế, nghiệp ác, bị các thứ đó trói buộc. Nếu được lìa bỏ thân dơ uế này, sinh về Tịnh độ, thọ hưởng vô lượng sự vui sướng, giải thoát các đường khổ sinh tử, đây là việc vừa ý, như cởi áo xấu mặc áo đẹp. Nhưng phải buông bỏ thân tâm, chớ sinh luyến tiếc, hễ gặp lúc bị bệnh phải nghĩ đến vô thường, một lòng chờ chết, dặn người trong nhà và người nuôi bệnh, nếu có người đến thăn hỏi thì tất cả đều nên đến chỗ tôi niệm Phật, không được nói những lời không đâu hay những việc lặt vặt trong gia đình. Cũng không nên dùng lời dịu dàng an ủi, chúc nguyện an vui. Vì những việc này như hoa đốm giữa hư không, chẳng có ích gì. Nếu người bệnh nặng sắp chết, thân quyến không được rơi lệ, than khóc hay phát ra những tiếng than vãn buồn bã làm mê loạn tâm thần của họ, làm mất đi chánh niệm, phải cùng lúc đồng thanh niệm Phật cho đến khi hơi thở dứt, mới được buồn khóc. Nếu người bệnh có một chút gì luyến tiếc thế gian sẽ trở ngại không được giải thoát. Nếu người bệnh hiểu rõ Tịnh độ, đến khuyên giải họ kịp thì thật là một may mắn lớn. Nếu nương theo những điều này thì chắc chắn vãng sinh không còn nghi ngờ gì.

Lại hỏi: Tìm thầy tìm thuốc có cần không?

Sư đáp: Tìm thầy tìm thuốc ban đầu không ngại gì cả, nhưng thuốc chỉ có thể chữa bệnh, không thể cứu được mạng sống. Nếu mạng sống đến lúc tận thì thuốc làm sao cứu sống được? Nếu giết mạng sinh vật làm thuốc để cầu thân được yên, thì đây là việc không nên làm. Tôi

thấy phần nhiều người đời, lúc bệnh thì giữ gìn trai giới, mới được khỏi bệnh chút ít, do thầy thuốc bảo dùng rượu thịt, máu huyết để trị bệnh. Nên người ấy bệnh trở lại. Hãy tin rằng thần lực của Phật có công năng cứu độ, còn rượu thịt không có ích gì.

Hỏi: Cầu thần ban phước thì thế nào?

Đáp: Mạng người dài ngắn lúc sinh ra đã định rồi, làm sao nhờ quỷ thần kéo dài mạng sống được? Nếu mê hoặc tin theo tà đạo, sát hại chúng sinh để cúng tế quỷ thần thì chỉ tăng thêm tội nghiệp, lại giảm tuổi thọ. Đại mạng đã hết thì tiểu quỷ làm sao khống chế được? Người bệnh mong mỏi, sợ hãi, không có người đến cứu vớt họ, vì thế nhất định phải cẩn thận việc này, nên dán văn này trước mắt để lúc nào cũng nhìn thấy nó, để khi lâm chung không bị quên mất.

Hỏi: Người bình thường không hề niệm Phật, nay thực hành phương pháp niệm Phật có được không?

Đáp: Pháp này người tăng kẻ tục, người không hề niệm Phật, nhưng bây giờ dùng pháp này tu tập đều được vãng sinh, chắc chắn không nghi ngờ. Tôi thấy phần nhiều người đời lúc bình thường niệm Phật, lễ lạy rất siêng năng, nhưng đến lúc bệnh lại sợ chết, không lo việc vãng sinh giải thoát. Chỉ đợi khi hơi thở dứt, mạng sống không còn, thần thức rơi vào chốn tối tăm, mới bắt đầu đánh chuông niệm Phật mười niệm, thật giống như giặc qua cửa ải thì làm sao cứu giúp được? Cửa chết rất rộng, phải do tự lực của chính mình. Nếu một niệm sai quấy thì nhiều kiếp chịu khổ nào có thể chịu thay. Bởi thế người đời phải suy nghĩ, những lúc rảnh rỗi nên siêng năng thọ trì pháp này, ấy là việc lớn lúc sắp qua đời. Có thể nói một điều là đường về Tây phương rộng lớn, đi thẳng về nhà chẳng cần hỏi bến bờ.

7. Hoá Phật đến đón rước.

Tống Kính Lục hỏi: Ngoài tâm không có Phật, thấy Phật là tâm. Vì sao trong kinh nói có Phật đến đón rước, sinh về Tịnh độ?

Đáp: Pháp thân của chân Phật vốn bất sinh, bất diệt, từ chân như khởi hóa Phật đến tiếp dẫn chúng sinh. Vì hoá tức chân, chân ứng với một đời, không đến không đi, tùy theo cảm ứng với tâm chúng sinh mà hóa hiện. Lại hóa thân là chân thuyết, không đến không đi, từ chân như hóa hiện có đến đi tức là tướng không đến mà đến, tướng không thấy mà thấy. Không đến mà đến giống như trăng dưới nước tự nhiên hiện ra, không thấy mà thấy, như mây bay bỗng nhiên hiện muôn hình.

Hỏi: Như trên đã nói chân thể là vắng lặng bất động, nhưng hóa tướng tức không đến mà đến, chính là ngoài tâm có Phật khác đến đón

rước. Tại sao nói tự tâm là Phật?

Đáp: Đây chính là năng lực bổn nguyện công đức của Như Lai, nên khiến cho chúng sinh có duyên, chuyên tâm tưởng niệm khiến cho tự tâm thấy Phật đến đón rước. Không phải chư Phật thực sự sai khiến hóa thân đến đón rước mà chỉ cần người có duyên với Phật, khi thời cơ thích hợp thì khiến tự tâm thấy Phật đến đón rước. Thân Phật vắng lặng, thường tịch không đến, không đi, chúng sinh biết được tâm là nương vào bổn nguyện của Phật, một niệm biến hóa thì có đến có đi, như bóng trong gương, như việc trong mộng. Hình trong gương chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, việc trong mộng chẳng phải có, chẳng phải không. Tất cả chỉ là tâm sinh khởi, chẳng liên quan gì đến chân thân, hóa thân của Phật. Điều quan trọng đầu tiên của người tu hành chân chánh là muốn sinh về thế giới Cực lạc thì phải chuyên ý nhất niệm, trì một câu A-di-đà Phật, chỉ một niệm này là Bổn sư ta, là hóa Phật, là vị tướng có sức mạnh phá tan địa ngục, là thanh kiếm báu chém bọn tà, là ngọn đèn sáng chiếu rọi chỗ tối tăm, là con thuyền lớn vượt qua biển khổ, là phương pháp khéo léo thoát khỏi sinh tử, là con đường tắt ra khỏi ba cõi, là bản tánh Di-đà, là đạt đến duy tâm Tịnh độ. Chỉ cần nhớ một câu A-di-đà Phật trong một niệm không để quên mất. Niệm niệm thường hiện hữu, niệm niệm không lìa tâm. Vô sự cũng như thế niệm, hữu sự cũng như thế niệm, an vui cũng như thế niệm, bệnh khổ cũng như thế niệm, sinh cũng như thế niệm, tử cũng như thế niệm, một niệm như vậy rõ ràng không mê muội, cần gì phải hỏi người tìm đường về? Có thể nói thuyền trôi nhờ người chèo thuyền, người thông đạt pháp này thì đi đến đường Niết-bàn.

8. Kệ lâm chung niệm Phật của Bồ-tát Hiền Thủ.

Lại phát ra ánh sáng gọi thấy Phật
Ánh sáng này giác ngộ người sắp chết
Hễ nghĩ nhớ thì thấy Như Lai
Qua đời được sinh về Tịnh độ
Thấy ai lâm chung khuyên niệm Phật
Và bày tôn tượng để chiêm ngưỡng
Khiến sinh tín tâm với Đức Phật
Cho nên thành tựu ánh sáng này.

Sám chủ Từ Vân Tuân Thức người Thiên trúc nói rằng: Bốn câu trước khen ngợi ánh sáng của Phật. Người thấy ánh sáng gọi là thấy Phật, khiến cho lúc qua đời vãng sinh Tịnh độ, bốn câu sau khen ngợi Phật tu nhân ánh sáng này. Nhân này là khuyên người sắp qua đời niệm

Phật, đồng thời bày tượng Phật cho người ấy nhìn thấy, sinh tín tâm, cho nên lúc thành Phật được ánh sáng ấy. Nay nêu bài kệ này ra khuyên mọi người tín thọ. Hễ khi gặp quyến thuộc và tất cả những ai, lúc sắp qua đời nên an trí tượng Phật trước giường bệnh, khiến cho người ấy nhìn thấy và khuyên họ niệm Phật. Nếu đau đớn ép ngặt, hoặc người ấy trước kia chưa có tín tâm, không chịu niệm Phật thì phải dùng nhiều phương tiện khuyên giải khiến họ niệm Phật, dù chỉ mười niệm cũng diệt được tội nặng, sinh về Tịnh độ, lợi ích này không thể nghĩ bàn. Nếu khuyên được một người sinh về Tịnh độ, dù tự mình không tu hành cũng được sinh Tịnh độ. Hơn nữa tương lai thành Phật sẽ phát ra ánh sáng, chiếu khắp tất cả chúng sinh, lúc qua đời thấy Phật. Thấy người đời phần nhiều vì ân ái nên xúm nhau khóc lóc, không nghĩ đến cứu độ. Đây là ác tri thức. Khổ thay! Khổ thay! Ân ái dẫn dắt đoạ vào đường ác không có lúc nào ra khỏi. Tuy mẹ hiền con thảo cũng không biết phải làm sao? Từ đây chúng ta nghĩ lại, có thể không khuyến thích ư! Có thể nói là nguyện khắp các chúng sinh đang chìm đắm, mau sinh về cõi Phật Vô Lượng Quang.

9. Y cứ vào tình, tưởng nhiều hay it mà nói về quả báo cao thấp.

Kinh Thủ-lăng-nghiêm ghi:

Phật bảo A-nan: Tất cả thế gian sinh tử nối tiếp nhau, sinh tùy theo thói quen (nghiệp), tử tùy theo sự trôi lăn. Lúc sắp qua đời chưa xả hơi ấm, thì thiện ác một đời biểu hiện ra cùng một lúc. Nếu thuần tư tưởng thì liền bay đi và sinh lên cõi trời. Tâm nhẹ nhàng lại thêm có phước tuệ và nếu tâm tự nhiên khai mở nguyện sinh thấy Tịnh độ của chư Phật mười phương tùy nguyện vãng sinh. Tình ít, tưởng nhiều, bay đi không xa thì làm vị tiên biết bay. Tình tưởng bằng nhau thì không lên cao, không xuống thấp, sinh vào nhân gian. Tư tưởng sáng suốt thì thông minh, tình cảm u tối thì ám độn. Tình nhiều, tưởng ít đọa làm bàng sinh, nặng làm thú, nhẹ làm chim, "bảy phần tình, ba phần tưởng thì chìm đắm trong thủy luân, lại sinh những nơi có lửa, chịu sức nóng của nó, thân làm ngạ quỷ thường bị thiêu đốt, nước làm hại, không được ăn uống, trải qua nhiều kiếp". Chín phần tình, một phần tưởng đoạ vào hỏa luân. Nhẹ thì hữu gián, còn nặng thì vô gián. Có hai thứ địa ngục: Nếu thuần tình rơi vào ngục A-tỳ. Nếu tâm đắm chìm lại thêm có sự khinh chê Đại thừa, hủy báng giới cấm của Phật, nói pháp dối trá, tham của tín thí, mong được cung kính, phạm tội ngũ nghịch, mười tội trọng thì đọa vào địa ngục A-tỳ trong mười phương.

10. Khi qua đời, thiện ác chiêu cảm quả báo có hơn kém.

Kinh Thủ Hộ Quốc Giới Chủ chép: Phật dạy: Nếu người khi sắp qua đời biết trước giờ khắc, chánh niệm rõ ràng, tắm gội mặc áo, an lành mà đi thì sẽ có ánh sáng rực rỡ chiếu đến thân, người ấy thấy tướng tốt của Phật, các tướng lành hiện ra, chắc chắn người này được vãng sinh Tịnh độ. Nếu người niệm Phật giữ giới không có tâm tinh tấn, thì khi qua đời cũng không có điềm tốt, cũng không có tướng ác thì địa ngục không nhận, An dưỡng cũng không đón, giống như người ngủ say. Người này nghi tình chưa dứt nên sinh vào thành nghi năm trăm năm thọ hưởng vui sướng, lại tu tín nguyện mới sinh về Tịnh độ. Nếu người khởi tâm thương xót, chánh niệm hiện tiền không luyến ái vợ con, tiền của, mắt nhìn rõ ràng, ngưỡng mặt mỉm cười, nhớ nghĩ cõi trời tương lai sẽ đến đón ta, tai nghe nhạc trời, mắt thấy thiên đồng, thì khi bỏ bảo thân này chắc chắn sinh về cõi trời. Nếu người sinh tâm hòa thuận, khởi tâm phước đức, thân không bệnh khổ, nhớ nghĩ cha mẹ, vợ con, đối với thiện ác tâm không tán loạn. Tâm người ấy ngay thẳng, di chúc tài sản, từ biệt mà đi, thì chắc chắn người này sinh trở lại cõi người. Nếu người đối với quyến thuộc mình mắt dữ nhìn chằm chằm, đưa tay quờ quạng giữa hư không, tiểu tiện không hay biết, thân thể hôi dơ, hai mắt đỏ ngầu, ngửa mặt mà nằm thân co quắp về bên trái, trăm đốt xương đau nhức, hoặc thấy tướng xấu, miệng không nói được, lộ vẻ than vãn, rên rỉ, oan trái hiện tiền, tâm thức tán loạn, say mê điên đảo, khắp thân thể lạnh như băng, tay chân cứng như đá. Người này qua đời chắc chắn đọa vào địa ngục. Nếu người hay liếm môi, thân nóng như lửa, thường bị đói khát, thích nói về ăn uống, há miệng không ngậm, tham luyến tài sản, mạng hết khó dứt, mở mắt mà đi. Người này chắc chắn đoạ làm ngạ quỷ. Nếu người mắc bệnh nặng, tâm thần hôn mê, tán loạn, sợ nghe danh hiệu Phật, thích ăn nhiều thức ăn có máu thịt, không nghe lời khuyên giải, luyến ái vợ con, các ngón tay chân co quắp, toàn thân ra mồ hôi, giọng nói khàn đục, miệng sùi nước bọt. Tướng này chắc chắn đọa làm súc sinh.

11. Mười trường hợp khi sắp qua đời không thể niệm Phật, khuyên nên tu trước.

Phàm phu nghiệp nặng nên nơi nào cũng muốn sinh về. Nếu không có công phu tu tập trước thì khi sắp qua đời không thể niệm Phật. Luận Thập Nghi của Ngài Thiên Thai ghi: Lúc sắp qua đời niệm Phật gọi là tâm sau cùng. Tâm ấy mạnh mẽ, bén nhạy, nên vừa niệm danh hiệu Phật liền vãng sinh Tịnh độ. Vì lúc sắp chết tâm ấy quyết định mạnh mẽ, cho nên hơn lực tu hành trong trăm năm.

Có người hỏi: Lúc sắp qua đời niệm Phật liền được vãnh sinh, tại sao phải nhờ vào công phu tu tập trước mới vượt qua nghiệp lực?

Đáp: Tuổi thọ dài ngắn của con người mấy ai lường được. Hoặc người bị bệnh nặng hôn mê, hoặc chết không kỳ hạn. Nếu lúc còn sống không lo tu điều lành thì khó tránh khỏi tai hoạ đời sau. Nên phải tạo các duyên lành trước, để đề phòng các tai hoạ này.

Có mười trường hợp khi sắp qua đời không thể niệm Phật:

1. Không gặp được thiện hữu.
2. Bệnh khổ hành hạ thân xác, tâm thần hôn mê, tán loạn.
3. Bị trúng gió không nói được nên lời, không niệm Phật được.
4. Cuồng loạn, mất tâm, khó tập trung tư tưởng.
5. Gặp nạn nước trôi, lửa cháy, không rảnh chí thành niệm Phật.
6. Gặp cọp sói quá sợ hãi chết ngay.
7. Khi chết ác hữu phá hoại đạo tâm.
8. Ăn uống quá độ, hôn mê đến chết.
9. Quân lính chiến đấu bị chết.
10. Rơi từ núi cao xuống, thân bị trọng thương mà chết.

Nên biết rằng lúc sắp qua đời khó bảo đảm được sự lành dữ, cho nên phải tu tập trước. Có thể nói những lúc nhàn rỗi phải mau tu hành, để tránh khi sắp qua đời trở tay không kịp.

■

LÔ SƠN LIÊN TÔNG BẢO GIÁM

QUYỂN 9

NÓI VỀ CHÁNH BÁO NIỆM PHẬT

Nhân tu thiện nghiệp thì quả cảm ứng cõi tịnh, hóa Phật dẫn lên đài vàng, hiền Thánh rước về Cực lạc.

Vượt khỏi ba cõi, thoát hẳn bốn lưu, nghiệp hết trần tiêu, quên tình không còn lo nghĩ, nương trong đài sen thần thức bay đi khắp bảo giới, đích thân kính thờ Phật Di-đà làm bổn sư, được Ngài Quán Âm, Thế Chí làm bạn thân. Đại hội hải chúng thanh tịnh trong ao báu, các vị trong chín phẩm đều nói về hạnh xưa của mình. Dùng ngũ hương phẩy lên thân, ba đức trang nghiêm thân, bỗng nhiên có gió nhẹ thổi đến, nghe được các âm thanh giảng nói pháp mầu. Mưa hoa rơi lã tã, thấy lưới lửa phát ra ánh sáng, thấy mình thấp thoáng gần mây như có thần túc, đãy hoa đựng đầy hoa đẹp, sáng sớm yết kiến Phật, được nghe pháp ấn, rồi trở về. Chiều đến cõi sắc vàng lại nghe kệ hay để tiêu dao. Hàng tân học sinh về đây không còn lui sụt. Chẳng những gần thì quên đi cực khổ, mà còn được quả Phật, xa thì ở rừng ngọc mà còn tắm gội nước công đức. Ở đây lầu các trăm báu lộng lẫy, bảy hàng cây báu nghiêm mật. Cảnh trí mùa xuân dài vô tận, đất bằng phẳng như bàn tay, y phục thức ăn tùy theo ý muốn mà có, âm nhạc không trổi tự kiêu, thọ dụng tự nhiên, vui sướng thật hơn nhân gian, chư thiên hàng muôn ức lần không thể suy nghĩ bàn luận. Chư Phật như hằng sa đều xưng tán. Người sinh về đây thân đầy đủ vẻ đẹp ánh sáng, chân đi trên đường Thánh, thềm hương, tuổi thọ vô cùng, bi nguyện vô tận, lìa bỏ hai lớp sinh - tử, không có quả báo xấu, sinh về cõi Thường quang, lìa tướng đến đi. Duyên mạnh đức thắng đều nhờ tâm niệm Phật sinh về nơi đây đủ phước đức, tuổi thọ không cùng. Ấy là nhân thanh tịnh chiêu cảm quả báo. Cho nên biết Phật có nguyện nhiếp sinh, chúng sinh có nhân cảm Phật. Thắng duyên như thế sinh khởi tín nguyện, nhờ quả mầu này mà thành tựu được chánh, y (y báo, chánh báo). Ở Cực lạc hoặc Thiền

tụng bên ao bảy báu, hoặc kinh hành trên đất vàng, ăn pháp hỷ, Thiền duyệt, mặt thiên y từ, bi, hỷ, xả. Công đức, tinh thần tăng thêm bi trí, ung dung biện đạo, nuôi lớn mầm Thánh, nhập Vô sinh môn, chứng quả vị Bồ-tát, đắc A-bệ-bạt trí (không lui sụt). Người đã sinh về đây thì không lui sụt tâm Bồ-đề, ở trong ngôi nhà Pháp vương (Phật), sau cùng được Như Lai thọ ký. Được nghe pháp Đại thừa, đồng gọi là Bổ Xứ ở cõi khác. Niệm niệm hư huyễn, tâm tâm tĩnh lự, đắc Tam-muội chánh định, có đủ sáu thần thông, cúng dường chư Phật khắp mười phương, qua lại không ngăn ngại: phân thân đi ức cõi mà không mất tâm định, rảy nước pháp khắp tam thiên, đưa chúng sinh ra khỏi nhà lửa. Lợi mình lợi người, hạnh nguyện tròn đầy. Có thể nói là trăm ngàn Tam-muội tất cả đều do tâm, trang nghiêm công đức do chính tự thân mình.

1. Công đức trang nghiêm.

Chương “Bồ-tát Công đức” trong kinh Đại A-di-đà ghi: Người vãng sinh về Cực lạc đều có vẻ mặt hoà nhã, đầy đủ tướng tốt, thiền định, trí tuệ thông đạt vô ngại, thần thông, uy đức đều viên mãn, nhập sâu vào pháp môn, được Vô sinh pháp nhẫn, hiểu rõ rốt ráo bí tạng của chư Phật, điều phục các căn. Thân tâm nhu nhuyến, an nhiên vắng lặng, đều nhập Niết-bàn, vào sâu trong chánh tuệ, không còn các thói quen khác. Nương Phật thực hành thất Giác chi, bát Chánh đạo. Tu hành ngũ Căn, chiếu rõ chân đế, thông đạt tục đế, biện tài tổng trì, tự tại vô ngại, khéo giải quyết việc thế gian. Phật nói ra vô số phương tiện thành thật, khiến họ thâm nhập pháp môn, giảng nói chánh pháp, độ khắp hữu tình. Quán ba cõi là không, hoàn toàn không thật có, biết tất cả pháp vô tướng, vô vi, vô thủ, vô xả, xa lìa điên đảo, vững chắc không gì lay chuyển nổi, như núi Tu-di. Trí sáng như mặt trời, rộng lớn như biển cả, xuất sinh ra công đức báu, mạnh mẽ như lửa thiêu đốt củi phiền não. Nhẫn nhục như đất, xem tất cả như nhau thanh tịnh, như nước rửa sạch các bụi trần, như hư không vô biên không hề chướng ngại. Vì thế như hoa sen lên khỏi mặt nước, lìa tất cả ô nhiễm, như sấm sét vang ra pháp âm, như mây giăng phủ rưới xuống mưa pháp, như gió lay cây nẩy mầm Bồ-đề, như tiếng trâu đầu đàn khác hẳn các con trâu khác, như sức mạnh voi, rồng khó lường được, như ngựa giỏi không lạc đường, như sư tử đầu đàn không hề sợ hãi, như loài cây Ni-câu-luật có bóng mát lớn, như hoa Ưu-bát-la ngàn năm khó gặp, như chày kim cương đập tan núi tà, như thân Phạm vương sinh ra Phạm chúng, như chim cánh vàng thắng rồng dữ, như chim bay trên hư không, không để lại dấu vết, như núi tuyết chiếu soi công đức thanh tịnh, như Ngài Từ thị (Di-lặc) quán sát pháp

giới v.v... Nên một lòng cầu pháp không nhàm chán, thường muốn nói rộng, chí không mỏi mệt, đánh trống pháp, dựng cờ pháp, dùng mặt trời trí tuệ xua tan ngu si đen tối. Tu sáu pháp hòa kính, thường làm thầy dẫn dắt, làm đèn sáng cho đời. Đây là ruộng phước cao quý nhất, làm an ổn chúng sinh, được công đức thù thắng mọi người đều tôn trọng. Cung kính cúng dường vô lượng, chư Phật, thường được Phật khen ngợi, rốt ráo các Ba-la-mật của Bồ-tát, xa lìa địa vị Thanh văn, Duyên giác. Phật bảo A-nan: các Bồ-tát ấy nhờ niệm Phật nên thành tựu vô lượng công đức như vậy. Ta chỉ vì ông nêu lên phần chủ yếu, nếu nói rộng ra thì dù ức kiếp cũng không thể nói hết.

2. Tu thêm quả Thánh ở Tịnh độ.

Kinh Đại A-di-đà ghi: Người niệm Phật sinh về Tịnh độ, liền vào ao bảy báu, tắm gội thân thể, gột sạch tình lự, mỗi người ở trên một đài hoa. Lúc ấy, tự nhiên có gió nhẹ thổi đến các hàng cây báu phát ra âm thanh hay ho, các thứ hoa báu tuôn rải, hương thơm ngào ngạt. Tất cả đều làm Phật sự. Người nghe vui mừng vô lượng, tự nhiên tâm khai mở, đều đến để tu tập, có người ở trên mặt đất giảng kinh, tụng kinh, nói kinh, hỏi kinh, nghe kinh, niệm Phật, suy nghĩ pháp mầu, nhất tâm ngồi thiền, kinh hành. Có người ở trên không trung giảng kinh, hoặc có người thì tụng kinh, nói kinh, hỏi kinh, nghe kinh, niệm Phật, suy nghĩ pháp mầu, nhất tâm ngồi thiền, kinh hành. Trong các đệ tử Thanh văn đây đều phát tâm vô thượng Bồ-đề. Có người chưa được quả Thánh, nhân đây được quả Thánh. Có người chưa được không lui sụt, nhân đây được không lui sụt. Các Bồ-tát tùy theo sự giúp sức mà đến địa vị ấy. Ở đây không ai không vui mừng ưa thích. Họ dùng Tam-muội Du hý làm lợi lạc chúng sinh hữu tình. Nhờ tâm niệm Phật vững chắc, xưng tán bổn nguyện Di-đà nên các Phật tử cũng được vãng sinh giống như thế. Nhờ đây thành tựu được trí tuệ biện tài, thần thông như ý, xuôi buồm thuận gió, mau chứng Bồ-đề, vượt qua muôn kiếp luân hồi, được sự kính trọng của các vị trời, Tịnh nghiệp cao quý, khéo được đại quả, rõ ràng nhờ vào niệm Phật mà được quả báo như vậy, xin các bạn đồng tu chớ quên việc này. Bò bay máy cựa còn có phần, bậc đại trượng phu vì thế nên cố gắng thực hành tu tập.

3. Ba mươi lợi ích của Tịnh độ.

Luận Thập Nghi của Đại sư Thiên Thai Trí Giả nói:

Người vãng sinh về Tịnh độ được ba mươi lợi ích:

1. Vãng sinh về cõi Phật.

2. Được pháp lạc rộng lớn.

3. Gần gũi chư Phật.
4. Đi khắp mười phương cúng dường chư Phật.
5. Đích thân nghe Phật nói pháp.
6. Phước tuệ tư lương mau được viên mãn
7. Mau chứng Bồ-đề.
8. Các bậc đại nhân cùng nhóm họp một chỗ.
9. Không lui sụt.
10. Vô lượng hạnh nguyện được tăng tiến.
11. Chim anh vũ, xá-lợi giảng nói pháp âm.
12. Gió thổi vào cây vang lên tiếng nhạc.
13. Nước ma-ni chảy quanh giảng nói khổ không.
14. Nhạc trỗi các thứ âm thanh hay ho.
15. Bốn mươi tám lời nguyện.
16. Thân sắc vàng.
17. Thân hình đẹp đẽ.
18. Đầy đủ sáu thông.
19. Thường an trụ trong định.
20. Không có các pháp bất thiện.
21. Tuổi thọ lâu dài.
22. Y thực tự nhiên.
23. Chỉ thọ hưởng những sự vui sướng.
24. Có ba mươi hai tướng tốt.
25. Không có người nữ.
26. Không có Tiểu thừa.
27. Lìa hẳn tám nạn.
28. Đắc ba pháp nhẫn.
29. Thân thường có ánh sáng.
30. Được sức mạnh như thân Na-la-diên.

Có thể nói nơi nơi là đạo Bồ-đề, rừng công đức sáng rỡ.

4. Thành Phật ở Tịnh độ.

Sau khi được định Kim cương thì nhân Bồ-tát được trọn vẹn, ở trong đạo giải thoát mà được quả vị Như Lai viên mãn, đầy đủ bốn tâm vô lượng, đắc bốn vô ngại biện, mười tám pháp bất cộng Nhị thừa, mười phương hiện tiền nói pháp vô uý, hoặc trần sa không còn, công đức muôn hạnh thành tựu, mười hiệu đầy đủ, ba thân hiển hiện cùng khắp, đầy đủ chín mươi bảy tướng của bậc đại nhân, phát ra tám vạn bốn ngàn tia sáng rực lớn, bi trí dung hòa, phước tuệ đầy đủ. Hiện ở mười lớp báo độ, có khả năng hoá hiện muôn loại hoá thân, rải khắp mây từ, mưa

xuống mưa pháp lớn chảy khắp pháp giới, nhuận thấm chúng sinh, đều ngộ bản tâm, cùng thành Chánh giác.

Nếu không chọn Phật như vậy, thì tông phong đâu được như ngày nay?

■

LÔ SƠN LIÊN TÔNG BẢO GIÁM

QUYỂN 10

CHÁNH LUẬN VỀ NIỆM PHẬT

Người tu theo pháp môn niệm Phật, hiểu rõ giáo pháp để lại của đấng Pháp Vương, làm theo lời dạy bảo của Ngài, phá tà hiển chánh, rửa sạch dơ bẩn, nêu cao thanh tịnh, vì hậu học ngu muội chỉ dạy cho họ. Nếu người không có khả năng dẫn dắt chúng sinh thì im lặng, tự mình giữ gìn tu tập cũng vào được cửa đạo. Tuy giảng dạy cho người khác, mình cũng nên lấy đó mà thực hành, há không nghe nhờ nơm mới được cá ư? Cũng vậy, trước phải thể nhận giáo pháp, sau đó mới tu hành. Nói là dạy bảo người chưa được Chánh hạnh thì phải làm thế nào? Nên không thể không nói. Vì thế Trọng Ni (Khổng tử) cho là chánh trước phải làm cho chánh cái bất chánh của mình. Khi Phật nhập Niết-bàn để lại lời răn dạy cần thiết ở chỗ sửa lỗi. Tôi từng xem thấy Đức Phật Thế Tôn khi đến làm vua Tây Trúc (?) biểu thị điều vô hình, nói lời vô ngôn để chế phục tâm tánh quần sinh, do đây có đủ các thứ pháp môn: Đốn giáo, Tiệm giáo, Đại thừa, Tiểu thừa v.v... ở cung rồng hay đáy biển tất cả đều cùng một mục đích là phá tà hiển chánh, trừ dơ lấy sạch. Chúng sinh được sự giáo hóa của Phật, người sửa đổi tâm tánh nhiều không thể tính kể. Thời nay thiên về khen ngợi cảnh giới Tây phương. Cho rằng đây là con đường tất của Sự tu hành. Bởi vì Phật A-di-đà có nguyện lực rộng lớn, thâu nhiếp tất cả chúng sinh trong cõi Ta-bà sinh về Tịnh độ. Đây là khiến chúng sinh bỏ vọng chứng chân. Vì thế chư Phật đều khen ngợi, Bồ-tát cùng vâng theo, khắp nơi sáng lập các tổ chức tu tập. Nên phong cách cao vời của ngàn xưa không mất đi, lòng Từ bi chiếu khắp, sám hối mười phương, chánh pháp lưu thông rộng lớn. Con đường Tịnh độ thể, lấy Di-đà tức bản tánh; tông lấy Tịnh độ tức duy tâm, dụng lấy lòng nhân từ tức khoan dung bỏ ác, sinh thiện. Ba điều này là để nói lên báo ứng ba đời nên lập ra như vậy. Nhất tâm vắng lặng, cùng tột lý của nó thì khiến ta đạt đến chân lý, ngược lại với

vọng. Người tin việc này, khéo dùng đây mà làm lợi ích chúng sinh. Pháp này thật sự giúp cho giáo dục của Chu, Khổng (Chu Văn vương - Khổng Tử), Ủng hộ sự giáo hóa Phật pháp một cách lớn lao, rộng rãi. Một người thực hành pháp này có thể dạy bảo một nhà, một nhà có thể dẫn dắt một làng, một làng có thể truyền đạt khắp một nước, cho đến vô cùng. Vì thế tất cả người dân trong thiên hạ đều được thấm nhuần đạo pháp, thọ hưởng phước đức, sáng ngời Thật tướng. Muốn bước lên cao không gì bằng cảnh giới Phật cùng cực. Há chỉ cho rằng thiện nhân, quân tử là hơn cả sao? Như thế thì còn lo gì trung hiếu mà không tu, lễ nghĩa mà không biết? Lấy điều này quán sát há chẳng phải đạo của Đấng Năng Nhân và đạo Trọng Ni đều là các nguyên tắc tiêu biểu để dạy người dân sao? Trải qua các triều đại rất tôn trọng học thuyết của Khổng Tử, áp dụng rộng rãi cách giáo dục này. Nhưng đến thời Tượng pháp chẳng phải người này mở rộng giáo pháp Phật thì tệ hại sinh ra. Người thành thật chân tu lần lần không còn. Có người lấy sự cao lớn của Phật đường làm chỗ để khoe khoang danh lợi, được ấm no là biết làm việc, đồ đệ đông là quý thì đó là phá hoại đạo này mà thôi. Những lời nói quái dị lại cho là hay, làm mê hoặc người nghe, khiến họ chạy theo tướng, noi theo khuôn sáo cũ, trở thành người thấp hèn xấu xa, mỗi ngày càng lẫn lộn chân ngụy. Những người làm cho tông phong thanh tịnh, nhân từ tha thứ thì ngày một mất. Do đó đạo Phật bị hủy báng cũng từ đây. Việc này là do con người, chẳng phải lỗi của giáo pháp. Người đời nay đa phần không xem xét nguyên do, thấy đồ đệ người là kẻ bất tiến lại chuyển giận sang người thiện vào giáo pháp có khác gì vì viên châu nhỏ mà làm tội vua Nghiêu, ân thương mà đổ lỗi, cho vua Thuấn, phục dược không điều độ lại đổ lỗi cho Thần Nông. Bị lửa thiêu đốt lại oán người cầm đuốc. Người ngu, kẻ bất tài học pháp của Phật đã lâu, nhưng chỉ lãnh hội được chút ít, lại có tâm đỡ đần. Họ chẳng dám để riêng một mình mình biết, mà muốn công bố với đại chúng để cứu vãn sự tệ hại của đại chúng.

Thường cho rằng giáo môn có bốn điều lợi hại:

1. Thầy truyền trao mà không hiểu rõ giáo pháp, thì pháp tà sẽ lớn mạnh, làm tổn thất chân lý.

2. Giới pháp không thực hành, cương thường (ba cương năm thường) rối loạn, sẽ phạm những điều cấm.

3. Giáo lý chưa rõ, bàn luận nghĩa lý, mê hoặc đại chúng.

4. Hạnh nguyện không tu, mê lầm đi trong ngõ tà, rơi vào đường ma.

Do sự tán loạn này làm cho kẻ hậu học như đui như điếc. Kẻ hậu học chẳng phải chỉ bị thương tổn mặt mày thôi. Hạng tự thị, hưởng thụ một truyền lại mười, mười truyền lại một trăm, một trăm truyền ngàn vạn, giống như cho chất độc vào biển. Vì sao biết? Vì chánh thuyết khó thực hành mà tà phong thì dễ nhiễm, lý tất nhiên là như vậy. Ôi? đạo Tổ thất truyền đã lâu, nên muốn cho con người không bị mê hoặc là việc làm rất khó.

Tôi tuy không thông minh, nhưng thật lòng thương xót chúng sinh, nên muốn chia ra từng điều để phân tích nghĩa lý, rộng rãi như trước đã nghe, bỏ ngụy theo chân, khai mở cho hậu học ngày nay. Nhưng tôi chỉ tiếc mình không có trí tuệ biện tài, sự thấy biết nhỏ hẹp, vì vậy trai giới nhất tâm, đầu thành đảnh lể Tam bảo, tìm cầu đại giáo, tham khảo huyền văn, định ra chánh tông, phá các dị thuyết, tổng kết thành chánh luận niệm Phật. Phân tích chứng minh cách ngôn của Phật, Tổ, phổ biến khắp nơi cho mọi người đều bước lên đường giác, ngõ hầu khiến cho Thánh giáo che kín lại được sáng tỏ, tội của chúng sinh trở thành phước.

Có vị khách đến hỏi: Tu hành tự rõ được sinh tử của mình cần gì phải nói về sở trường sở đoản của người khác?

Tôi trả lời: lý đó không đúng. Há không nghe Như Lai ra đời, không một pháp nào không phải là lợi sinh. Bồ-tát tu hành không một mảy may nghĩ đến thân mình. Phật tử thị hiện đồng với ngoại đạo, dùng phương tiện chuyển đổi tâm tà của họ. Mười thứ dân ma trong kinh Lăng-nghiêm đều do lý giải sai lầm. Mười nghiệp ma trong kinh Hoa Nghiêm đều hiển bày chỗ trở về chân chính. Than ôi! Ác tuệ do tà tu tự mình cam chịu rơi vào đường hiểm. Gặp cảnh này đâu thể nào im lặng, nghĩ đến sự ngu si kia lẽ nào ngồi nhìn như vậy? Huống chi lòng từ của Đức Thế Tôn phó chúc lưu lại nguyện lớn, cứu độ khắp chúng sinh. Bồ-tát như giáo tu hành thị hiện đồng sự để giáo hóa chúng sinh, khiến cho chúng sinh đều thành Phật. Đó là bổn hạnh của họ, còn nghi ngờ gì nữa, thấy đường mê mà không chỉ đường chánh, lòng Từ bi đâu nỡ thấy chúng sinh chìm đắm mà không nghĩ cách cứu vớt. Nên bất cứ ở đâu, chúng ta cũng phải dùng phương tiện, thuận theo chánh pháp để phá tà ma. Đây là việc làm của bậc Đại trí vô thượng, điều phục chúng sinh đi vào cửa đạo, là chỗ thâu nhiếp của chư Phật. Tôi thề bỏ thân mạng để lập chân tông, trọn đời không quên lời dặn dò của chư Phật. Chúng sinh dù hết nhưng tâm từ bi vẫn còn, hư không dẫu cùng tận mà nguyện con không cùng. Nếu gặp được Bậc hiền có trí thì sẽ giúp đỡ, hoằng hóa

rộng rãi đạo này. Có thể nói đem thâm tâm thờ phụng chúng sinh ở các cõi nhiều như bụi, ấy gọi là báo ơn Phật.

1. Nói về Phật Di-đà ở Tây phương.

Phật bảo: Thế giới Cực lạc ở Tây phương có Phật hiệu A-di-đà. Như kinh đã nói vừa có lý vừa có sự (dấu tích).

Nói về lý: Tây phương tức là tự tánh, tánh này không hình, không tướng, không biến, không hoại, trải qua nhiều kiếp vẫn bền chắc, thí như tinh kim trong dịch quái (bát quái trong kinh dịch) thì gọi là quẻ đoài. Vì là tịch tĩnh, nên gọi đó là Tây phương. Kim có màu sắc sáng, thể nó trong sạch, nêu kim để dụ cho pháp tánh. Bởi vì người đời tham mê trần cảnh, vọng niệm không dừng, Rối rắm, loạn động ở trong dịch quái, gọi là quẻ chấn, nên cho là Đông phương (Ta-bà). Người bỏ vọng theo chân, trở lại bản tánh thanh tịnh của mình, được thấy tự tánh, thì gọi là xả những dơ uế chấp trước ở phương Đông, bước lên đất vàng, sáng đẹp ở Tây vực (Tịnh độ). Tại phương hay vô phương dùng pháp làm ví dụ biểu thị cho lý thể. Hoa Nghiêm Hợp luận cho rằng Ngài Văn-thù từ phương Đông đến. Bởi Ngài Văn-thù là trí căn bản bất động. Phương Đông là nơi bắt đầu xuất phát ánh sáng nơi đầu tiên muôn vật phát sinh chấn động. Từ trí này sinh tín tâm, cho nên Hoa Nghiêm xếp Tín vị vào đầu tiên. Khoảng giờ sửu giờ dần nhà Phật cho là sáng sớm, mặt trời trí tuệ bắt đầu sáng, giống như Ngài Văn-thù phát khởi. Phàm phu nhập tín thấy đạo thì trí sáng dần dần thêm rõ. Nên ứng quẻ tốn là phong, là gió giáo hóa bỏ dơ chọn sạch! Trong khoảng giờ thìn giờ tỵ trên ứng với sao giác, là tăng đạo, là trai giới, là cửa các thiện pháp, dụ cho địa vị tấn tu; đến giờ ngọ là Trung đạo. “Dịch quái” gọi quẻ ly là phương Nam, là giữa trưa, là mặt trời, là sáng sủa. Vì lúc ấy mặt trời cách xa hư không nên rất sáng, giống như các pháp là không thì mặt trời trí tuệ sẽ giống như mặt trời chiếu khắp thiên hạ. Long nữ trong kinh Pháp Hoa thành Phật ở phương Nam, chính là nghĩa này. Tây Nam là là quẻ khôn, là đất, là an tịnh, là nhu thuận, là mẹ, là sinh dưỡng, hướng Tây là quẻ đoài, là nơi đất tốt đẹp. Mặt trời lặn, ánh sáng không còn vào giờ Dậu, là vắng lặng, là ẩn mất. Tây Bắc là quẻ càn, là thiên, là cha, là kim, là mạnh mẽ. Phương Bắc là quẻ khảm, là thủy, là vua, là thầy, lợi sinh, cứu vật, thừa giáo, chánh trị, dùng thủy chế ngự hỏa, vua đối với quan, quan sáng thì vua chánh, lại nữa thủy (nước) nhiều thì sẽ tràn ngập Đông Bắc là quẻ cấn, là núi, là chỉ phương dưới, là thiền định, là khiêm nhường! Phương trên là quán chiếu, là trí tuệ, là không giới, như chỗ ba ánh sáng của mặt trời, mặt trăng và sao chiếu đến muôn vật.

Trong kinh không nêu các phương khác mà chỉ nêu phương Tây. Bởi vì lấy sạch đối với dơ, lấy ngộ nhiếp mê, lấy tĩnh đối với động, lấy quả đối với nhân. Qua mười muôn ức cõi nước là qua khỏi hạn lượng của mười phương: Bốn phía, bốn góc trên dưới, vượt qua mười nghiệp ác trong bốn đường ác, vượt trên cảnh giới thập thiện của trời người, không bị các pháp câu chấp, cũng có thế giới: Lý địa chân như thật tế tức là tự tánh Cực lạc Tây Phương. Tức là nói tánh này không phiền não. Vì sao biết nó như vậy? Vì người thấy tánh không bị trần cảnh mê hoặc, rõ biết các pháp là không, tâm thường bình thản, vô niệm, vô vi, không suy nghĩ, không lo lắng, an trụ nơi vắng lặng hoàn toàn nên niệm niệm thường sinh trí tuệ, pháp pháp đều như, ngã là pháp vương. Đối với các pháp tự tại, nên gọi là Cực lạc.

Nói về sự thì thật có thế giới ấy, Phật dặn dò rõ ràng, lại nói rõ về thế giới này, há luống dối sao? Nói có thì chẳng phải có xứ sở phương vực. Có mà không có tức là chân không diệu hữu. Chân không tức là Thật tướng. Diệu hữu là pháp giới sum la huyền mục giao, tham khảo qua lại há có thể biện luận về Đông, Tây ư! Kinh Viên Giác ghi: tất cả Như Lai quang nghiêm trụ trì là giác địa thanh tịnh, bình đẳng của chúng sinh. Bởi vốn viên mãn mười phương, thuận theo không hai, nơi cảnh không hai hiện ra các Tịnh độ. A-di-đà là tiếng Phạm, Hán dịch là Vô Lượng Thọ. Phật là giác, tức là Đức Phật pháp thân thanh tịnh, tánh viên giác rộng lớn, vượt trên chức phận làm người. Tánh này không sinh, không diệt, suốt xưa đến nay, trên đến chư Phật, các Bồ-tát, dưới đến chúng sinh trong sáu đường, mỗi mỗi đều sẵn có tánh giác. Vì thế gọi là cùng tên, cùng hiệu. Than ôi! Người đời mê muội, vọng chấp sắc tướng, điên đảo tìm cầu, cam chịu đắm chìm. Đức Phật ứng theo thế gian khai mở pháp môn phương tiện, khen ngợi Tịnh độ khiến cho chúng sinh mến tin. Nếu tự mình chấp nhân, tự mình tin tưởng mới ngộ được ánh sáng vững chắc là Tây phương tận Tây. Lửa mê hoặc diệt thì các cõi đều là tịnh. Vậy thì biết, các thế giới trong mười phương đều gọi chung là Di-đà, mắt thấy cảnh, gặp duyên đều là Cực lạc. Trăm ngàn Tam-muội ứng với niệm hiện tiền, vô lượng pháp môn tùy tâm hiển bày. Cao siêu thấy suốt là lầu các, dạy dỗ làm lợi chúng sinh gọi là cung điện. Ngăn trừ tội lỗi, giúp đỡ việc lành gọi là lan can. Thanh tịnh vô nhiễm gọi là hoa sen, hoàn toàn trong sạch gọi là ao. Tùy theo vuông, hay tròn gọi đó là nước. Nhân từ lợi ích cứu độ chúng sinh gọi đó là báu. Hương thơm giới, định, tuệ gọi đó là hương. Bảy hàng cây Bồ-đề che mát lớp lớp. Đường bát Thánh đạo dạo đi bằng phẳng. Các

điều lành trang nghiêm thành khóm hoa đẹp. Muôn đức thành tựu, quả vị tròn đầy, giáo hóa cùng khắp. Chim giảng nói pháp âm, gió thổi lay động cây báu truyền bá đạo phẩm. Đến ruộng đất nơi ấy càng phải bảo vệ, tu dưỡng cho đến lúc qua đời, mãi mãi không lui sụt, thư thái mà ra đi, mới là người xong việc. Nếu chưa được như vậy, thì không được dời núi lấp sông, bỏ vàng lấy củi, nhận thức sai lầm sắc thân là rốt ráo. Phải tin biết sinh tử là việc lớn, chớ nên nhàn rỗi, nên tìm hỏi các bậc chân trí, gạn lọc tâm yếu, thật sự niệm Phật cầu ngộ Đại thừa, thấy rõ bản tánh Di-đà, đạt đến duy tâm Tịnh độ, có thể nói tuy ruộng đất, lầu các tốt đẹp như thế, nhưng phải một lần đến đó mới được nghỉ ngơi.

2. Nói về Bản tánh chân như.

Bản tánh chân như là Thể nhất chân vô vọng khi cha mẹ chưa sinh ra, gọi đó là mặt mũi xưa nay. Thiền tông gọi là Chánh pháp nhãn tạng, Liên tông gọi là bản tánh Di-đà, Khổng Tử gọi là "Thiên lý", kinh dịch gọi là "Thái cực". Tên gọi tuy có khác nhưng thật ra thì cùng một chân như bản tánh. Tánh này rỗng rang vắng lặng, cùng một gốc với trời đất, một gốc với muôn vật. Bản tánh chân như trải qua kiếp số như bụi nhỏ mà không cũ mục, thế giới hư hoại mà nó không dời đổi. Con người không thể đảm nhận bản tánh chân như này nên phải nhờ vào các chất đất, nước, lửa, gió hòa hợp mới nhận được thân hình này, lại nhờ tinh cha huyết mẹ tạo nên. Tuy nó bị hôn mê nhưng thể vẫn thanh tịnh. Đến khi con người sinh ra, vì năm trần sáu dục làm điên đảo mê lầm, làm mê mờ thiên chân sẵn có. Cho nên Đức Phật nói tám vạn bốn ngàn pháp môn, tất cả đều là dẫn dắt con người bỏ vọng về chân, con đường thẳng tắt dễ đi chỉ có pháp môn niệm Phật. Người tu theo pháp môn này, tâm không tán loạn, Tam-muội hiện tiền, chính là trở về bản tánh của mình. Ngày nay có hạng người không nghiên cứu Phật lý. Người này lại lấy cửa đạo để tu dưỡng pháp, giả mạo lạm dụng liên tông (Tông Tịnh độ), vọng thuyết khí là chủ nhân, dạy người ban tinh vận khí, làm lao nhọc gân cốt, uổng dụng thân tâm, vì thế cam chịu khổ cực, cuối cùng không thể cứu vớt được. Từng quán sát cửa đạo, Trương Tử Dương nói: Tinh, khí, thần, trước tiên là nguyên tinh, nguyên khí, nguyên thần của trời đất. Nguyên tinh chẳng phải tinh của dâm dật, nguyên khí chẳng phải khí hô hấp, nguyên thần chẳng phải thần lo nghĩ, người ngu si không hiểu ý này, gọi cái hũ là cái chuông, mắt đã không rõ, lý cũng không đạt, mà lại giả vờ để dẫn dụ các thanh tín (cư sĩ). Xưa nay vẫn ở nơi túi da hôi thúi tạo tác mê muội, đi ngược lại nhất chân Phật tánh, vọng nói đây là tu hành, thật đáng thương thay!

Thông báo khắp các bạn đồng tu nên chú ý, dốc lòng niệm Phật để khai ngộ nguồn chân. Nếu khi tự mình đã rõ ràng thì thấy các pháp hiện tiền. Đây gọi là thấy tánh thành Phật. Một niệm sai lầm thì cách xa như trời với đất.

3. Nói về Thân, Tâm chân vọng.

Nói về Thân: Thân có pháp thân và sắc thân, truyền rằng: Tất cả pháp chân cảnh, trí minh là thân, nên gọi là pháp thân. Thân nhờ cha mẹ sinh, hư huyễn không thật, nên gọi là sắc thân.

Nói về Tâm: Tâm có chân tâm và vọng tâm. Trong sạch sáng suốt, rỗng sáng, linh thông gọi là chân tâm. Tùy cảnh sinh diệt, bỗng chốc có, giây lát lại không, gọi là vọng tâm. Tổ sư khuyên tu Tam-muội niệm Phật là từ trong chân tâm của mình lưu xuất một câu A-di-đà Phật. Niệm niệm quán chiếu, pháp pháp viên thông, ấy gọi là nhiếp cả lục căn, tịnh niệm nối nhau. Trong một niệm được Tam-muội phổ hiện sắc thân. Thời nay có hạng người không biết chân vọng, nhận thức sai lầm sắc thân là thân ta, cho vọng niệm là rốt ráo, bỏ bê sự tu hành, nhận lấy sự sung sướng, làm kiểu làm dáng mà hy vọng thành đạo, không phải là sai lầm sao? Có thể nói rằng: “Bỏ đi vàng ròng mà lấy gạch ngói”. Phàm phu học đạo phải phân biệt chân ngụy. Cho nên Tông Cảnh nói rằng: Tu đạo lấy tâm làm Tông, lý cần phải rốt ráo vi tế. “Y cứ theo thế giới hữu tình thì chân vọng dường như có phân chia không thể giống nhau được”. Nên có ảnh hưởng đến viên giác. Như quặng vàng bị đốt, chân ngụy mới phân chia. Cát gạo cùng nấu thì sống, chín rõ ràng khác nhau. Vì thế chúng sinh nhận lầm giặc làm con, nên bị cướp mất tài sản quý báu của gia đình. Lại nhận mắt cá làm trân châu, làm mê mờ trí, thành người ngu si, rơi vào ngõ cụt không lối thoát. Người tà kiến, hiểm độc bị chìm trong sóng thức của sông kiến chấp, vui chơi trong ngôi nhà cũ mục đang cháy dữ dội, quên cả khổ nhọc, ngủ trong đêm dài vô tận. Tâm tánh mê mờ đều do chấp vào duyên lự, cho là thân mình, bỏ mất chân tâm này chạy theo thanh, sắc bên ngoài. Đây là lỗi của phàm phu, ngoại đạo. Hoặc có người học Thiền chấp vào phương tiện Phật chế, khiến mở ra tám võng thừa để đối lại bốn cơ. Chỉ vượt qua một niệm là ra khỏi tam-kỳ. Như thế, uổng công cho một kiếp đi tìm đảo châu báu lại bị chìm đắm dưới hố sâu, không tìm ra đường về. Đây là lỗi mê mờ theo vọng tâm, không được chân tâm. Người thông suốt thật lý thì động mà tĩnh, người ngu muội cho Tây là Đông, dù cho có dời núi lấp biển cũng không phải là năng lực vô vi, dù cho đi trên hư không, bước trên mặt nước cũng đều là thần thông hữu lậu. Phân biệt ngọc phải đúng,

xem xét châu phải trong sạch. Nếu chạy theo ngoại cảnh mà tìm tâm thì chỉ thấy vầng ánh sáng tròn trước mắt có màng. Nếu thuận theo pháp giới tánh, hợp với tâm chân như, thì đây là đốn nhập biển từ bi lớn của Như Lai. So với người như túi da chấp tướng tu trước, há có thể nói cùng một thứ ư!

4. Nói về Tam bảo.

Trong giáo nói: Bạc-già-phạm (Phật) mười phương, viên mãn Tu-đa-la (kinh), Đại thừa Bồ-tát tăng, công đức khó nghĩ bàn.

Tam bảo có ba thứ:

1. Đồng thể Tam bảo: nghĩa là lý chân như, tự tánh khai giác gọi là Phật bảo; quy tắc dùng đức, tự tánh chánh giác gọi là Pháp bảo; cử động không trái, không tranh cãi, tự tánh thanh tịnh gọi là Tăng bảo.

2. Xuất thế Tam bảo: nghĩa là Pháp thân, Báo thân, Hóa thân tùy loài ứng hiện, ấy là Phật bảo. Nói về Lục độ bốn đế, mười hai nhân duyên gọi là Pháp bảo. Mười địa Bồ-tát, bốn hướng, năm quả gọi là Tăng bảo.

3. Thế gian trụ trì tam bảo: Đó là tượng đắp, khám đất gọi là Phật bảo. Quyển vàng, gáy đỏ gọi là Pháp bảo. Đầu tròn áo vuông gọi là Tăng bảo.

Quy y: Cảm ứng các vị trời che chở.

Cúng dường: Được ruộng phước vô lượng.

Ngày nay có người tà ngu không hiểu, giả soạn ra kinh chân tông diệu nghĩa, vọng nói “tinh” là Phật bảo, “khí” là Pháp bảo, “thần” là Tăng bảo, truyền học với nhau khiến cho người đã nhập thiện môn lại tin tà thuyết này, không kính Tam bảo, thật đáng thương xót!

Nếu không kính tin Tam bảo thế gian thì tự làm mê muội tâm mình. Tâm mình mê muội thì quên mất bản tánh. Đồng thể và xuất thế tam bảo do đâu có được? Tự dối gạt mình lại dối gạt người khác, có thể nói rằng đây là chia rẽ con đường trời người, làm mù mắt trời người, hủy báng chân giáo nhân quả, khe khắt với thuần phong định tuệ, thật không còn gì hơn việc này!

Phật dạy: Nếu tất cả chúng sinh không quy y Tam bảo, thì muôn kiếp đoạ trong ba đường ác. Huống chi Ngài Từ Chiếu tập hợp kinh thành sám, khiến cho người học nương theo nghĩa sâu xa của kinh Đại thừa. Từ thân ngày nay đến thân Phật là Phật thường trụ, là Pháp thường trụ, là Tăng thường trụ cho chúng sinh trong pháp giới quy y. Người lành chánh tín đã được nghe, nghe rồi đọc tụng lễ lạy, thật phải tự mình kính, tự mình tin thì tâm kính tin này mới gần với Phật đạo. Hễ thấy tất cả

tượng Phật đều khởi ý tưởng đến Như Lai, thấy tất cả Thánh giáo đều sinh ý nghĩ khó gặp, thấy tất cả Tỳ-kheo Tăng, thì khởi ý tưởng đến các vị Tổ sư, chúng ta phải lễ bái cúng dường không được xem thường, dùng trang nghiêm Phật mà trang nghiêm chính mình, như vậy thì Tam bảo nhất thể, duy tâm đầy đủ. Nếu chấp vào kiến giải thấp hèn, mê mờ căn bản của mình, vọng tin tà giáo, làm mê hoặc hậu học, tự mình chịu đắm chìm, mãi mãi chìm trong đường ác. Lỗi này tại ai?

5. Nói về thấy, nghe, hay, biết.

Người xưa nói: Ở trong thai gọi là thân, ở ngoài đời gọi là người. Ở mắt gọi là thấy, ở tai gọi là nghe, ở mũi ngửi mùi, ở miệng bàn luận, ở tay cầm nắm, ở chân chạy nhảy, hiện khắp sa giới, thâu nhiếp trong một hạt bụi. Người biết gọi là Phật tánh, người không biết gọi là tinh hồn. Đây lại có hạng người ngu si không biết gì về Phật lý, ẩn núp trong giáo pháp của ta, chuyên lấy việc truyền thọ làm tông, vọng nói sáu môn thấy tánh, chỉ ra sắc thân bốn đại cho là thân Phật, tự lập ba mươi sáu quan hệ, bảy mươi hai niềm tin làm trung gian cho những việc kỳ quái, làm mê lầm người lành. Cho rằng bên này động vào xác thịt của một người nào đó thì bên kia sẽ đau đớn một sự việc nào đó. Lành dữ, họa phước nói là biết trước. Người ngu nghe được sẽ cho rằng Phật pháp linh cảm, nên thán phục, tin sâu, liền bố thí cúng dường, truyền đạt lời nói sai trái này. Ghi nhớ vào tâm không hề tạm bỏ. Đặc biệt không biết nhất chân Phật tánh thanh tịnh vắng lặng. Vì có vọng thân nên có vọng thức, vì che mất bản tánh nên không thấy ánh sáng. Một niệm tâm trống không gọi là ngộ đạo. Nên kinh Lăng-nghiêm nói rằng: thấy biết mà chấp thấy biết tức là gốc vô minh, thấy biết mà không chấp thấy biết, đó là Niết-bàn. Cho nên Tổ sư lập giáo chỉ lấy Tam-muội niệm Phật làm chánh tông, không hề có mảy may thật pháp trói buộc nơi con người. Mong đợi gì kẻ tục ngu si mê muội tông chỉ, bỏ trung, hiếu không thực hành, xa lìa nhân nghĩa không chịu tu tập, nương vào danh nghĩa Liên tông, thực hành pháp sai biệt, tham cầu sự thầm cảm ứng, dùng những việc quái gở mê hoặc con người, lại có tà ma vọng lượng gần gũi thân con người, nhiễu loạn chánh tín, tất cả đều bị ma nhiếp phục, thật đáng thương xót thay!

Người tu Tịnh nghiệp phải khéo quan sát bản thân tà chánh, phải cứu xét tâm mình, phân biệt chính xác sự tín thành, luôn nhớ Phật, niệm Phật, nguyện sinh về Tịnh độ, chớ mong cầu nơi khác. Thiền sư Trí Giác Từ Thọ nói: chớ nhổ mạ non (nôn nóng) mà phải tìm tòi những lời Tổ Sư dạy. Khi biết được vô minh thì tự nhiên sẽ sáng tỏ tất cả, rửa sạch

bụi trần, có thể nói là cắt đứt cội nguồn sinh tử. Còn việc được Phật ấn chứng hay không, thì như bẻ lá tìm cành, tôi không biết được.

6. Phá vọng tưởng và nói về tai họa của vọng tưởng.

Chánh pháp của Phật tổ lấy bản tánh Di-đà làm thể, tín nguyện niệm Phật làm tông, tự lợi lợi tha làm dụng. Bởi vậy cách ngôn của Phật người đời sau đều noi theo. Hễ nói “Phật sự âm thanh”, thắp sáng đạo tràng là pháp môn phương tiện, dùng nó làm phương tiện dẫn dắt chúng sinh trở về sự thật. Nhưng người học đời sau này quên mất tông chỉ, tham đắm sự tướng, không vâng theo giáo điển (kinh sách Phật), hướng ra bên ngoài vọng cho là tâm. Mắt tâm chưa sáng tranh nhau xưng là Sư trưởng, thật là một việc làm tệ hại trong pháp môn! Có người sưu tầm những bí quyết xảo quyệt giống như ông đồng bà bóng, có người xưng là Di-lặc hạ sinh, có người nói các vị trời gần gũi bên mình, có người nhìn theo ánh sáng đèn đuốc nói thấy thần, thấy ma. Có người nhìn khói nhang đoán lành dữ v.v... họ khinh Hiền lừa Thánh, dối gạt Diêm-lư (la), mong cầu lợi dưỡng. Nhưng đến khi có người hỏi về hạnh nguyện bình thường thì ngậm miệng không nói được. Bản tánh Di-đà không biết tăm tích, não loạn một đời, tất cả chỉ là dối trá, dối gạt người, mà cũng tự dối gạt mình. Thật đáng thương xót biết bao!

Kinh Lăng-nghiêm ghi: “Này người Thiện nam! Nếu tâm thích huyền ứng, thì lúc ấy thiên ma tìm dịp làm hại, bay đến gá vào người này. Khiến họ miệng nói kinh pháp nhưng lại để lộ việc người, không tránh được sự chê cười. Miệng nói hay chưa hẳn là như thế, khi họa phước đến thì lúc ấy mảy may không mất. Người này ngu si mê cho là được Bồ-tát gần gũi cúng dường. Như thế là phá luật nghi của Phật, ẩn núp làm những việc do lòng tham muốn. Đây gọi là yêu tinh nhiều kiếp đại lực, quỷ thần, già hóa thành ma não loạn người này. Họ không biết mình đang là ma, lại cho là chứng Thánh, tâm sinh nhàm chán muốn bỏ thân người. Nên thầy và đệ tử đều gặp nạn vua.

Ông nên giác ngộ trước để tránh khỏi luân hồi, còn nếu mê hoặc không biết sẽ đọa vào địa ngụcVô gián.

Than ôi! Người lành mới phát tâm không biết chân ngụy, tin theo tà thuyết kia, không lo tu tâm tích đức, lại vọng tưởng cầu phước, nên gặp phải sai lầm này. Tôi nghe nhà nào làm nhiều điều lành thì có nhiều niềm vui, nhà nào chứa nhóm điều ác thì sẽ có nhiều tai ương. Nên biết lành dữ, họa phước đều do tâm chúng ta. Làm sao có thể dối trá cầu phú quý mà tránh khỏi họa hại được?

Thiền Sư Vĩnh Minh Diên Thọ nói: Ác từ tâm sinh, như sắt rỉ sét

tự hủy hoại tính chất của nó. Thiện từ tánh sinh, như châu báu hiện ra ánh sáng, trở lại chiếu soi thể của nó. Cho nên tôi khuyên các thiện nhân khi khởi tâm thực hành, phải chọn đạo mà tu, chọn lễ mà theo, phải chọn bạn mà chơi, chọn lý mà xử sự, chọn thầy để tôn thờ, thận trọng giữ tâm, cẩn thận thủ tiết, dốc lòng niệm Phật không mê muội thì không mất đạo thuận với trời đất. Vâng theo giáo lý, Tây phương, nhờ đó quán sát, thấy rõ họa phước.

7. Nói về chấp không.

"Không" là phá các "Cò". Đấng Đại giác Thế Tôn khai thị chánh pháp, muốn cho tất cả mọi người biết muôn pháp trên thế gian này đều không, để tự ngộ bản tánh chân không. Chân không ấy chính là pháp giới Như Lai. Bản tâm chúng sinh không mà chẳng phải không, có mà chẳng phải có. Người ngộ rồi ở trong "không có" mà vận xuất ra kho báu của nhà mình, tham cứu nó, sử dụng nó không cùng tận. Gọi đó là Nhất thừa diệu đạo, chẳng phải là "không" của không ngơ, ngày nay có hạng người ngu si, một bề nói không, bác không có nhân quả. Việc làm thì trong "có" mà miệng lại nói không, lại cho rằng uống rượu ăn thịt không chướng ngại Bồ-đề, ăn trộm dâm dật không ngại Bát-nhã. Buông lung ngang dọc chạy theo sự điên cuồng, hủy báng Phật, chê bai kinh, khinh thường tất cả, ăn nói bừa bãi, náo loạn khắp nơi, lấy đó làm tông thừa, khinh khi Thánh hiền, tự xưng đắc đạo. Người như vậy, nhiều không thể kể xiết, đều là những người mà Ngài Vĩnh Gia gọi là mở rộng lý "không" để bài bác nhân quả, sẽ chịu lấy tai ương vô bờ bến, chẳng phải loại này hay sao?

Kinh Lăng-nghiêm ghi: "Nếu tâm chấp không thì có sức mạnh của ma Không nhập vào tâm mình". Người này không biết mình là ma. Miệng nói kinh pháp nhưng len lút làm những việc tham dục, khinh hủy kinh lượng, mê hoặc người khác, đều gặp phải tà ma, tâm sinh nhàm chán, muốn bỏ thân người, thầy và trò đều mắc họa lớn, khi chết tự mình trở thành quyến thuộc của ma, thọ nghiệp ma rồi lại đọa vào địa ngục Vô gián.

Than ôi! Đời này cách xa bậc Thánh, những lời hay đẹp không còn. Các tà thuyết dị đoan nêu lên đại nghĩa sai trái, không chấp trước có, thì chấp trước không. Chấp trước có là chấp vào danh tướng, dính mắc hữu vi, chấp chặt mình người, câu nệ oán thân, ràng buộc giáo gần làm mất lý xa. Chấp trước không thì không biết nhân quả không phân biệt thiện ác, vứt bỏ giới luật, đi ngược lại lễ nghĩa. Bởi vì họ không biết Trung đạo là tốt đẹp nhất.

Có người hỏi: Thế nào là trung đạo?

Đáp: Không chấp có, không chấp không, không chẳng lìa hữu, hữu chẳng lìa không, oán thân bình đẳng, ta người như nhau, nhân quả rõ ràng, thiện ác phân minh, hành trì giới luật, tu tập lễ nghĩa, giáo gần thông suốt, lý xa thấu triệt. Đó là trung đạo. Trung đạo cũng gọi là làm đẹp muôn vật, xứng với nghĩa của bản tính. Nếu thông đạt lý này thì không rơi vào thiên chấp. Ấy gọi là người đắc Chánh thọ niệm Phật Tam-muội.

8. Nói về Nhất hợp tướng.

Kinh Kim cang ghi: "Như Lai nói Nhất hợp tướng tức chẳng phải Nhất hợp tướng, ấy là Nhất hợp tướng." Bởi vì người đời một tánh hôn mê thì hợp với tướng trần cảnh, tức chẳng phải Nhất hợp tướng. Người trí thấy rõ chân tâm của mình, quay lưng với trần cảnh, hợp với đạo giác ngộ. Một niệm tỉnh giác hợp với chân như pháp giới của chư Phật mười phương, tức là lý Nhất hợp tướng. Ngài Vĩnh Gia nói: "Bản tánh của ta hợp với Như Lai, chỉ vì phàm phu không ngộ được lý này, tham đắm vào sự tướng, chấp chặt tâm mình, ý thức hợp với núi sông, đất đai, tường vách, gạch ngói, làm cho mê muội, trái với lý tánh chân không tức là sai trái." Lục Tổ nói: "Tâm có chỗ đắc tức chẳng phải Nhất hợp tướng, tâm không có chỗ đắc chính là Nhất hợp tướng."

Ngày nay có người ngu si, không biết Phật pháp ở trong giáo pháp của ta, vọng nói vợ chồng là Nhất hợp tướng. Thật là một sai lầm lớn! Bởi vì khi tình sinh thì trí không còn, suy nghĩ đổi thay thì thể cũng khác, nghiệp buộc họa kéo, phủ nhận nhân quả, giải thích Thánh điển lại quanh co, hủy nhục giáo môn. Chánh tông Tịnh nghiệp đâu có dung chứa thuyết này? Người tu hành chân thật, trộm nghĩ nên giữ vững chánh tín, chuyên niệm Phật A-di-đà. Ở trong một niệm, không chấp vào tướng nội tâm, ngoại cảnh rõ ràng nhất như, tự nhiên thầm hợp với chân lý. Cho nên Thiền sư Phật Quả Khắc Cần dạy chúng rằng: "Các ông mỗi người hãy chuyên chú trong mười hai thời, trên không thấy có chư Phật, dưới không thấy có chúng sinh, ngoài không thấy có núi sông đất đai, trong không thấy có thấy, nghe, hay biết, đẹp, xấu, dài ngắn. Tất cả thành một khối, rồi mỗi mỗi lấy ra, hoàn toàn không có dị kiến. Đây là lý Nhất hợp tướng rõ ràng sáng suốt." Có thể nói rằng: "Mặt trời có thể lạnh đi, mặt trăng có thể nóng lên, nhưng các ma không thể phá hoại được chân thuyết. Nếu thực sự đi trên con đường lớn của Đạo thì ngộ được chánh quyết của Tông."

9. Nói về Song tu.

Song tu là tu phước và tu tuệ. Trong kinh ghi: Tu phước không tu tuệ giống như thân đeo chuỗi anh lạc, tu tuệ không tu phước như thành A-la-hán nhưng ít được cúng dường. Phước tuệ trang nghiêm sẽ thành Chánh giác.

Người xưa nói: Phước không thể không làm, tuệ không thể không học.

Ngài Long Thư nói: Người tu Tịnh độ, tuy chuyên dùng pháp môn niệm Phật làm hạnh môn, nhưng cần phải phước tuệ song tu, ngõ hầu được sự lý viên dung. Bên trong thì tu phước là tu dưỡng rốt ráo, thấu triệt cội nguồn, khiến cho tánh tuệ rộng lớn, trùm khắp thế giới hư không, không có gì không biết, không nơi nào không chiếu sáng. Bên ngoài thì tu phước, từ bi, phương tiện, nhu hòa, khéo léo lợi lạc, cứu độ chúng sinh. Xem tất cả mọi người bình đẳng, cung kính; tùy căn cơ nói pháp, giáo hóa chúng sinh, thật hành tất cả các thiện pháp. Đây là phước tuệ song tu.

Ngày nay có hạng người ngu si, thường thực hành các giáo pháp khác, giả vờ xưng là đệ tử của Liên tông (tông Tịnh độ), vọng chỉ ra song tu, che giấu làm những việc thông dâm dơ uế, tạo nghiệp địa ngục, làm mê hoặc người lành, chìm đắm trong dục lạc, cam chịu rơi vào chỗ hiểm nguy. Há chẳng phải là sai lầm sao? Đây chính là Hồ mỵ, Yêu tinh, khác gì loài súc sinh.

Kinh Lăng-nghiêm ghi: "Nếu các chúng sinh tâm không dâm dục thì không rơi vào sinh tử". Ông tu Tam-muội là muốn ra khỏi trần lao, nhưng tâm dâm không dứt bỏ thì không thể ra khỏi trần lao, dù có trí tuệ thông minh cũng rơi vào đường ma, thượng phẩm thì làm ma vương, trung phẩm thì làm dân ma, hạ phẩm thì làm nữ ma. Người tu hành trước phải dứt tâm dâm dục, ấy gọi là lời dạy quyết định thanh tịnh bậc nhất của Như Lai Phật Thế Tôn. Nếu không dứt dâm dục mà tu đạo Bồ-đề thì như nấu cát mà muốn thành cơm, dù trải qua trăm ngàn kiếp rốt cuộc không thể gọi là cơm được! Ông dùng thân dâm dục mà cầu quả mầu của Phật thì dù được diệu ngộ cũng đều là cội gốc của dâm dục. Cội gốc đã thành dâm thì trôi lăn trong ba đường (địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh) không thể nào ra khỏi.

Niết-bàn của Như Lai, do con đường nào tu chứng? Do đó ắt phải khiến cho máy dâm của thân-tâm đều dứt trừ, tánh dứt trừ cũng không thì hy vọng đến được quả Bồ-đề của Phật. Đúng như lời ta nói gọi là Phật nói không giống như lời này là ma Ba-tuần nói. Vì thế, nay khuyên các Bồ-tát tại gia nên nương giới luật để tu trì, chớ phạm sai trái, tâm

phải trong sáng, ít ham muốn, song tu phước tuệ, hồi hướng Tây phương. Ngài Long Thư nói: Tu phước lại tu tuệ, tin sâu niệm Phật Di-đà sẽ sinh phẩm thượng thượng (thượng phẩm thượng sinh), chắc chắn không còn nghi ngờ gì nữa! Bằng không thì muốn có cơm lại nấu cát chỉ uổng phí công lao, gánh củi vào lửa chắc chắn thân gặp tai ương.

10. Nói về Ba xe.

Phẩm "Thí dụ" trong kinh Pháp Hoa ghi: "Nếu có chúng sinh theo Phật nghe pháp tin nhận, ân cần tinh tấn cầu trí nhất thiết, trí Phật, trí tự nhiên, trí vô sư. Như các người con kia vì cầu xe trâu mà ra khỏi nhà lửa".

Nên biết các người con dụ cho chúng sinh, ba cõi dụ cho nhà lửa, Tam Thừa dụ cho ba xe. Như Lai thấy chúng sinh trong ba cõi, không được giải thoát nên Ngài nói pháp Tam Thừa dẫn dắt giúp cho họ lìa khổ. Như các người con ở trong nhà lửa vui chơi, Trưởng giả dùng ba xe dụ dỗ họ, khiến cho họ ra khỏi nhà lửa.

Nay có hạng người ngu si, giả thuyết Văn-thù hỏi Phật, vọng xưng tánh là xe trâu, tâm là xe dê, ý là xe hưu. Lại nói xe trâu chở pháp mầu, xe dê chở hoa sen, xe hưu chở kinh. Cái gọi là đề hồ thượng vị được người đời xem là cao quý, gặp những người này biến thành thuốc độc.

Kinh Pháp Hoa đứng đầu trong các pháp, được Phật che chở, có thể vọng bàn được ư! Các tà sư mê lầm cho phải là trái, cho trái là phải, pháp nói là phi pháp, phi pháp nói là pháp. Vì thế dối gạt người đời, khinh chê cả Phật, hủy báng cả pháp. Há chẳng phải là phạm tội ngũ nghịch hay sao?

Trong kinh ghi: "Nếu có người phỉ báng kinh điển này sẽ đọa vào địa ngục A-tỳ trong một kiếp, kiếp hết lại đọa vào địa ngục ấy, lần lượt đến vô số kiếp, thoát khỏi địa ngục lại đọa làm súc sinh". Vì hủy báng kinh này nên mắc phải tội như vậy, suy nghĩ kỹ những việc này thật đáng thương thay! Với tất cả tấm lòng, xin đem những lời nói thành thật thông báo với các bạn đạo. Ở trong tâm mình, khai thị ngộ nhập tri kiến Phật, thì tâm này thanh tịnh như hoa sen mới nở. Đó gọi là Tam-muội Pháp Hoa. Người ngộ được lý này,ngồi xe trâu trắng ra khỏi nhà lửa ba cõi. Lại không thấy Thiền sư Pháp Đạt gặp Lục tổ Đại sư. Trình kệ rằng:

Tụng kinh ba ngàn bộ
Một câu Tào Khê quên
Không rõ ý xuất thế

Đâu hết lụy sinh cuồng.

Xe dê, xe hưu, xe trâu chỉ là phương tiện đặt ra, chỉ cho ba giai đoạn: đầu, giữa và sau. Ai biết được trong nhà lửa vốn là đứng đầu các pháp. Vì thế Tào Khê Lục tổ Đại sư mới nói kệ chứng minh điều này rằng:

Tâm mê Pháp Hoa chuyển
Tâm ngộ chuyển Pháp Hoa
Tụng lâu không tiến được
Làm kẻ thù với nghĩa
Vô niệm, niệm là chánh
Hữu niệm niệm là tà
Nếu hiểu được như vậy
Luôn ngồi xe trâu trắng.

Nếu có người mê đắm, không tỉnh thức được, tự mình cam chịu đắm chìm thì tôi không biết phải làm thế nào?

11. Nói về ba quan (ải)

Thiền sư Đâu-suất Duyệt dạy chúng ba ải là:

1. Trừ sạch cỏ tham luyến, chỉ cầu thấy tánh, nay tánh thượng nhân ở chỗ nào?

2. Biết được bổn tánh, phải thoát khỏi sinh tử, sinh tử đến thì làm sao thoát?

3. Thoát được sinh tử, phải biết chỗ đi. Nhưng bốn đại rã rời thì đi về đâu?

Vì thế, người xuyên suốt các ải này, đâu còn bó buộc trong sinh tử? Người thấu triệt đạo này há ngăn ngại đến đi?

Là bậc Đại sư tôn túc trong chốn tòng lâm, khắp thiên hạ không gì không thông suốt, phải nghiên cứu tận cội nguồn, cho nên thoát được, yếu chỉ thanh tịnh, rõ ràng, quyết không có dị thuyết. Nay có người ngu si vọng cho ba đơn điền trong thân người là ba quan bên trong, dạy người vận chuyển khí huyết, gọi đó là thấu suốt ba quan. Lại nói từ chân đến hông (eo), ba chỗ đau đớn là ba quan bên ngoài. Vọng cho chỗ này quyết định lúc qua đời. Người đời phần nhiều truyền nhau thành thói quen, tất cả sa vào đường tà. Quan sát kỹ pháp môn niệm Phật chính là pháp môn nhanh gọn, chỉ khiến cho người tu hành trong mười hai thời trừ một câu A-di-đà Phật. Suy nghĩ vắng lặng có công năng xoay lại chính mình, tự xem đâu là bản tánh Di-đà của ta, khi bốn đại rã rời thì đi về đâu, thường có điều nghi này, bỗng nhiên hiểu được liền biết chỗ đến. Đây là đường thẳng tất nhanh chóng, ít tốn công sức để tu hành chánh đạo, ngoài điều này ra nếu hơi có một chút dị thuyết,

tức là rơi vào rừng tà kiến.

Than ôi! Người ngu bỏ chân theo ngụy, thật đáng thương thay!

Nếu ở đây tin được, thì sẽ cắt đứt đường rối rắm chằng chịt, mở con mắt nhìn thấu suốt trời đất thấy rõ tâm suy nghĩ tà vạy và vọng tưởng.

12. Nói về Tiểu thừa và Đại thừa.

Nói về các thừa giáo hóa của Đại pháp vương bao gồm nhiều phẩm loại, mỗi loại đều có tiểu luật, tương đương với quyền của lễ hình, Đại thừa giống như trách nhiệm cân bằng cầu phước như phụ trách về phần vận chuyển. Chế soạn như nắm vững những lời nói của vua. Trong "bách sứ hàm tu" của quốc gia, các tông phái của ta cùng nhau giảng nói, nếu rõ được yếu chỉ này thì lẽ nào chấp vào dị đoan? Phải nên tự lượng mới có thể, tùy khả năng giảng nói, đạt thì cứu giúp là tốt đẹp, cùng tột thì chuyên môn là thích hợp. Tuy mỗi thứ truyền bá về mỗi tông dụ, nhưng đều có mục đích là từ bi cứu giúp chúng sinh, cùng trở về biển hòa hợp, cùng ngồi giường giải thoát. Như vậy tức là kim chỉ nam của đường mê, cái mõ của giáo môn, đạo lớn thấm nhuần khắp nơi được nào ngại gì xa nguồn chia nhánh?

Người thích màu đỏ thì ghét màu trắng, người thích vị ngọt thì ghét vị đắng. Chưa khế hợp với Viên tông thì phải y cứ vào phương tiện. Lại, lẽ nào biết chúng sinh và Phật vốn là một tánh Phàm Thánh đồng nhưng không thể tự mình phục hồi là vì do mê mờ đối với thân tâm, đến nỗi phải luẩn quẩn trong vòng sinh tử. Cho nên biết lỗi ác của thân, nếu chẳng phải giới luật thì không thể xem xét được hôn mê tán loạn của tâm, không phải định tuệ thì không thể làm cho dung hòa được. Xem xét nó, dung hòa nó mà vẫn còn suy nghĩ thì đạo chưa sáng, tánh chưa ngộ. Huống chi bị chôn chặt trong đường tà mà nói phải trái với nhau sao?

Có người nói: "Tôi tu Tiểu thừa" nhưng lại không biết thực bố trí thì, lễ bái tụng kinh là pháp tiệm tu. Hoặc nói: "Tôi tu Thượng thừa" nhưng lại không biết yếu chỉ "bản tánh Di-đà, duy tâm Tịnh độ", không chấp sự tướng lại rơi vào không ngơ. Thật giống như người mù bẩm sinh sống nơi thôn dã, chỉ ngồi một xó, không biết Đông-Tây-Nam-Bắc, lại vọng sinh phân biệt phải phải trái trái, trái trái phải phải. Cái gọi là chấp trước là như đầu rắn chết, người sai đường, ở nơi dơ xấu không lìa được; đối với hành giải không thấy đáng sợ, cho đến chứa nhóm thành tánh, tự hủy diệt bản thân mình. Ban đầu học thì kính mến người hiền, cuối cùng lại bị chìm đắm vào chỗ người ác. Những hạng người như vậy

thật đáng thương thay!

Thiền sư Vĩnh Minh Diên Thọ nói: "Thí như chim sẻ trong sân lại duyên theo tâm hạc trời. Lại như ếch ngồi đáy giếng, làm sao lường được sự rộng lớn của biển ư? Hoặc tìm cầu ở người khác, giống như dùi băng tìm lửa, hoặc trở về tìm hiểu chính mình, như từ sữa sinh bơ. Chớ dựng cờ ngã mạn, giăng lưới tà kiến, khinh lờn bậc Tiên giác (Phật), mê hoặc người sau. Những lời này rõ ràng như mặt trời trên cao, bát ngát thay Phật tổ thường có linh hiển, người vâng giữ giáo pháp lẽ nào không sợ hay sao? Nếu biết tin niệm Phật Di-đà thì sẽ thoát khỏi tội lỗi này.

13. Nói về bất sinh bất diệt.

Bát-nhã Tâm Kinh ghi: tướng không của các pháp này không sinh, không diệt, không dơ, không sạch, không thêm, không bớt. Cho nên trong tướng không đó không có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức v.v...

Lại kinh Duy-ma ghi: Pháp ác không sinh, thiện pháp không diệt. Nên biết sắc tướng có đến, có đi, nhưng Phật tánh không sinh không diệt.

Ngày nay có hạng ngu si, vọng cho rằng không sinh con nối dõi là bất sinh, không dứt dục tâm là bất diệt, quấy nhiễu thế gian, dùng lời quái gở mê hoặc con người, lén cùng nhau làm hạnh bất tịnh. Vì thế dứt mất chủng tánh Phật, trái với nhân luân. Nên kinh Lăng-nghiêm ghi: "Này thiện nam! Ái dục mạnh phát sinh cuồng điên, tham dục hừng hực thì có ma dục nhập vào tâm mình, nên một bề nói dục là đạo Bồ-đề, giáo hóa người tại gia bình đẳng hành dục, làm mê hoặc chúng sinh, rơi vào ngục Vô gián. Bởi vì ngu si không biết dơ sạch, không biết gặp phải ma, đến nỗi phải chịu nỗi khổ này. Xem kỹ sự phân chia ban đầu của trời đất có âm dương, rồi có nam nữ, có nam nữ thì có vợ chồng, có vợ chồng thì có cha con, có cha con thì có vua tôi, có vua tôi thì có đạo "Ba cương năm thường". Ba cương bao gồm nhân luân, năm thường chính là sự giáo hóa ấy, đây là pháp mà bậc Thánh này lập ra thế gian.

Tổ Tuệ Viễn có nói: Người tại gia coi trọng việc thân thể sống còn. Nhưng lại không quên lấy tình dục làm vườn, lấy thanh sắc làm chỗ xem chơi, đam mê lạc thú thế gian, không thể ra khỏi. Đức Phật chỉ dạy khiến chúng ta trở về nguồn gốc để tìm tông. Tại gia phụng thờ Phật pháp là một người dân thuận hòa, mà không đánh mất lễ nghi nuôi dưỡng cha mẹ, kính trọng vua tôi. Cho nên hướng dẫn họ đầu tiên thực hành năm giới, không sát sinh thì có nhân từ, không trộm cắp thì có lễ nghĩa, không tà dâm thì có lễ giáo, không nói dối thì có niềm tin, không

uống rượu thì có trí tuệ. Thân tâm đã theo giới luật, sau đó dạy người pháp xuất thế, khiến tu Tam-muội niệm Phật, để sinh về Tây phương, đạt đến đạo bất sinh bất diệt. Cho nên vua quan ngoại hộ, Phật pháp lưu thông trong thiên hạ, ngàn năm như một ngày. Lại đương trong lúc này có thơm hôi cùng vườn, cỏ lúa cùng ruộng, không dễ gì phân biệt được. Tôi xin đem tấm lòng thành, nói với tất cả tín sĩ rằng: "Chỉ trừ nhất tâm bất loạn, hệ niệm Di-đà, còn tất cả tướng đều là tà giải, phải hết sức cẩn thận." Người tu hành chân chánh thiện thì theo, ác thì xa, tà dứt bỏ, chánh giữ gìn. Nếu việc lập thân tu hành với yếu chỉ dứt tâm đạt bổn, ở bài trước có nói đầy đủ, trình bày rõ ràng, không phải không nhiều. Theo đây mà thực hành, thì là quyến thuộc của chúng ta, nếu làm ngược lại là bè đảng với ma. Cho nên khi sống gặp phải pháp vua, chết đọa vào địa ngục A-tỳ, tai ương nhiều đời nhiều kiếp. Chớ nói rằng đã không nói, vì sao? Vì muốn không chiêu cảm nghiệp Vô gián, thì đừng hủy báng bánh xe chánh pháp của Như Lai?

14. Nói về con đường Tào Khê.

Thuở xưa, Đại sư Vĩnh Gia đến Tào Khê lễ bái Lục tổ, được Lục tổ ấn chứng tâm địa. Ngài soạn "Chứng Đạo Ca", Ngài nói: Từ khi nhận được con đường Tào Khê, thì biết rõ sinh tử không liên can. Vì thế Thiền tông trong thiên hạ bắt nguồn từ Tào Khê, gọi đó là đường Tào Khê.

Vì sao người ngu vọng chỉ thân người có nách, và xương sống cùng mở thành một phái Tào Khê. Lại vọng thuyết Lục Tổ nói: "Thà độ người tại gia hàng ngàn muôn, chứ không độ một nửa vị Tăng ở cửa không." Những người như thế chẳng những mê hoặc người đời sau mà còn vu oan cho bậc Tiên Thánh. Há không nghe Ngài Vĩnh Gia nói, Tổ thứ nhất là Ngài Ca-diếp, người đầu tiên truyền đăng cho hai mươi tám vị tổ Tây thiên, đã vào đất này, Bồ-đề-đạt-ma là sơ Tổ, sáu đời truyền thừa y bát, người sau đắc đạo trong thiên hạ rất nhiều. Lẽ nào nói độ người tại gia mà không độ tăng sĩ?

Đối với bọn tà vạy, không biết gì về sự truyền thừa, trộm lấy tên Phật Tổ, cùng với kiến giải vọng lượng, yêu nghiệt làm mê hoặc người hiền. Đúng là một người mù dắt đám mù đi vào hầm lửa. Tôi biết thật đức của Tổ tông, vì thế nêu lên và truyền bá, tôi biết Xiển-đề phước mỏng, hủy nhục tông phái của mình, vì thế vừa lo vừa sợ. Tôi vẫn biết, và rất sợ các ông hủy báng đạo của Thánh sư (Phật), lừa dối kẻ hậu học, làm sao tôi không lo sợ được? Các ông phải mau trừ bỏ, bỏ tà về chánh, không nên để ta phải xấu hổ hơn.

15. Nói về ẩn tạng của Phật pháp.

Phật pháp là đạo Xuất thế gian, là pháp vô vi. Kinh Niết-bàn ghi: “Như Lai mở bày, hiển lộ pháp thanh tịnh không che giấu. Người mê không rõ cho là bí tạng, người trí thông đạt không gọi là Tạng.” Thế mà có những người ngu si vọng nói pháp quan thì rõ ràng phân minh, còn pháp Phật thì ẩn giấu; giả dối bịa ra những lời sai trái, đóng cửa truyền trao, gọi đây là chỗ sâu kín của sinh tử, làm mê hoặc người sau. Đến chết không nói cho người nghe. Đợi đến lúc sắp qua đời thì hoàn toàn không lợi ích, rất giống đứa bé nghèo nàn được cục sắt cho là vàng ròng, đem đến trước người mắt sáng thì làm sao lấy ra? Tự thân không biết là sai, ngược lại nói dối có thể lãnh hội. Đây chính là lừa dối người, cũng là tự lừa dối mình. Huống chi biết Phật nói tất cả pháp để độ tất cả tâm. Bởi vì tâm thể chúng sinh vốn là một, chỗ dùng không giống nhau, nên nói tất cả pháp. Tổ Sư nói: “Bình, mâm, thoa, vòng vốn cùng là một thứ vàng, nói về tướng thì khác nhau, nhưng thể chỉ là một. Than ôi! Thời mạt pháp sinh ra lắm sự gian dối, số người thường hay mất đi bản thể của mình rất nhiều. Đây là bôi nước sơn Tân-la lên đồng của Cao ly, dùng lời khéo léo, và màu sắc làm mê muội người đời. Một việc sai trái đã làm thì trăm việc chân thật không biện minh được, huống chi người thích lợi nhỏ. Bậc thượng nhân mua chiếu không chọn đẹp xấu, vì nếu muốn giá rẻ mà đẹp thì dễ bị người khác trét một nắm tro vào mắt mình, kéo vào trong nơi tối tăm, lúc thoát ra và mở mắt thì dù lấy tay nắm đất màu vàng, cũng không nhận ra, thì làm sao phân biệt vàng thau được?

Người ngu được đồng vào tay thì thầm trân trọng giữ gìn, cho là vật hiếm có, rất sợ người khác bỗng nhiên lấy được, có người hiểu biết chỉ bày cho hắn, mới biết nó chẳng đáng xu nào. Người như vậy ở đâu cũng có. Chỉ vì họ ngu si, phước mỏng có mắt mà không tròng, cẩu thả lỗ mãng, vì thế không gặp được bậc thầy chân chánh, đến nỗi phải như vậy. Thật không ngờ vàng ròng vốn có xưa nay chẳng phải do thợ luyện thành, một phên đau lòng vì kèm búa trải qua một thời gian mới thấy tánh mềm mại óng ánh được, một khối sáng rực một thể toàn chân, sau đó tùy ý mình tạo thành những đồ dùng, ánh sáng chói lọi tâm mắt con người, mãi mãi không đổi mầu; vốn biết ngoài nó ra đều không đáng nói, chẳng phải là vật chí bảo sao?

Người xuất gia chánh tín nên phải xem xét.

16. Nói về ánh sáng hơn cả mặt trời, mặt trăng.

Kinh Đại Di-đà ghi: Ánh sáng của Phật A-di-đà rất rực rỡ, đứng

đầu trong tất cả ánh sáng của chư Phật. Nên gọi là Phật Vô Lượng Quang, Phật Vô Biên Quang, Phật Vô Ngại Quang, Phật Vô Đối Quang, Phật Quang Diệm Vương Quang, Phật Thanh Tịnh Quang, Phật Hoan Hỷ Quang, Trí Tuệ Quang, Phật Bất Đoan Quang, Phật Nan Tư Quang, Phật Vô Xứng Quang, Phật Siêu Nhật Nguyệt Quang. Vì thế ánh sáng của Ngài chiếu soi vô số chỗ tối tăm trong thiên hạ, đều được sáng tỏ. Chư thiên, nhân dân, chim, thú, bò bay máy cựa thấy ánh sáng này, không ai không vui mừng mà sinh tâm từ, tất cả đều được giải thoát. Cho nên chư Phật mười phương, Bồ-tát, Duyên giác, Thanh văn tất cả đều xưng tán. Vì thế gọi là Phật Siêu Nhật Nguyệt Quang. Bởi vì mặt trời soi chiếu ban ngày, mặt trăng soi chiếu ban đêm, công đức ấy không hoàn toàn bằng ánh sáng của Phật chiếu suốt ngày đêm không thiếu sót, nên gọi là ánh sáng hơn cả mặt trời, mặt trăng.

Nay có hạng người ngu si vọng chỉ dạy người lúc mặt trời, mặt trăng mới mọc, dùng miệng hút ánh sáng ấy vào bụng, muốn nó thành vật quý báu để tu hành bí pháp. Gọi đó là ánh sáng hơn cả mặt trời, mặt trăng. Thật là quá sai lầm! Giống như trên vách đá cheo leo vượn ngu tay luôn chuyền cành, như người mò trăng đáy nước, thật nhọc tâm tốn sức, rốt cuộc không được gì. Nếu người trí quán chiếu thông đạt phải mau lìa bỏ, sớm cầu chánh pháp, khỏi đọa bờ mê, chuyên niệm Phật Di-đà, cứu xét rõ ràng tâm địa. Há không thấy đạo của Tổ sư, người theo nhập môn không phải là gia đình giàu có, nhưng linh quang của mình chiếu sáng khắp thiên hạ. Bản tánh của mỗi người vốn tự tròn đầy. Một điểm linh quang không ở trong, không ở ngoài, mỗi người đều rõ ràng sáng suốt. Nếu ngộ được điều này tức là được một luồng ánh sáng rực rỡ hơn mặt trời, mặt trăng của Như Lai.

17. Nói về hạt châu trong búi tóc.

Về hạt châu trong búi tóc, kinh Pháp Hoa ghi: “Như vua Chuyển Luân được làm khuôn phép cho các cõi nước, làm vua trong ba cõi. Nhưng các vua nhỏ không chịu hàng phục. Bấy giờ, vua Chuyển Luân dấy binh qua đánh dẹp. Những người đánh giặc có công, vua ban thưởng đủ các vật, chỉ riêng hạt châu này trên đảnh vua thì không cho, sau cùng mới cho. Như Lai cũng giống như vậy, thấy quân hiền Thánh đánh nhau với ma năm ấm, ma phiền não, ma chết, diệt được ba độc, ra khỏi ba cõi, phá được lưới ma. Bấy giờ, Như Lai cũng rất vui mừng, nói cho họ nghe các pháp nhưng chưa nói cho họ nghe kinh Pháp Hoa này. Nay mới nói kinh Pháp Hoa, như vua Chuyển Luân từ lâu giữ gìn viên minh châu, sau cùng mới ban cho.” Đó là vì Đức Thế Tôn sau cùng nói pháp

báu Đại thừa này, siêu xuất trên các bậc Thánh. Lấy châu trong búi tóc luân vương làm thí dụ. Châu này là trí tròn đầy của chư Phật, là lý tánh của chúng sinh. Ngộ điều này thì Tam-kỳ mau vượt qua, còn mê thì chìm đắm trong sáu đường. Nay có hạng người ngu si hiểu sai yếu chỉ của kinh, vọng lấy vận khí nhập vào đảnh làm hạt châu trong búi tóc, gọi đó là pháp tối thượng thừa, thầm truyền bá khắp nơi, dạy người vận chuyển tinh khí xung nhập vào đỉnh đầu. Phải học trên đảnh Đức Thế Tôn có hạt châu trong nhục kế. Vì sao? Vì người ngu không ngờ nhục kế của Thế Tôn là vô kiến, Đảnh tướng biểu thị cho đại pháp Nhất thừa. Vô kiến là tự mình không thể thấy vì lìa sự tự thấy, hướng thượng đến chỗ cùng cực thì các Thánh đều không thấy được, vì lìa cái thấy khác. Thiền sư Thọ có bài tâm phú ghi: Pháp tòa cao cao hàng Thanh văn thấp kém chẳng thể lên được. Mặt trời chói sáng lẽ nào ngoại đạo trẻ em thấy được, vô thiên, vô đẳng, chí cực, chí tôn. Than ôi! Người ngu không hiểu chánh pháp, điên đảo mê lầm, gieo họa gây ương cho người đời sau. Lừa bịp người khác hướng thiện, tự mình rơi xuống hố sâu, thật đáng tiếc thay! Vì vậy xin khuyên các tín sĩ phải cẩn thận tham cứu chánh giáo. Tâm cung kính niệm Phật, ăn năn những sai lầm trước, rõ biết các pháp vốn không, thì hạt ngọc trong búi tóc tự nhiên hiển hiện, phơi bày rõ ràng, lẽ nào tìm cầu ở bên ngoài?

18. Nói về quả Vô lậu.

Kinh Pháp Hoa ghi: "Các lậu đã hết, không còn phiền não." Đây là sự tu hành của bậc Thanh văn La-hán đến chỗ tập-lậu đều không.

Vô lậu: Bởi vì lục căn của con người thường bị lục trần: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp mê hoặc. Tâm nương theo cảnh chuyển thành duyên hữu lậu, vì thế luân hồi mãi mãi. Người tu hành thì lục căn tự thanh tịnh, không bị lục trần lôi cuốn, tức là vô lậu.

Nay có người ngu si vọng cho rằng ghèn, nước mũi, nước mắt thảy đều ăn được, gọi đó là tu vô lậu. Vì sao ngu xuẩn như vậy? Tôi rất thương xót, hỏi họ rằng: Lục căn, bốn đại là bao đựng máu mủ, túi đựng phẩn tiểu. Nước mắt, nước mũi đều là bất tịnh làm sao ăn được?

Người ấy đáp: Trong thân có bảy báu, không thể bỏ đi, nếu khéo thâu thập sẽ kết tinh thành xá-lợi, chứng vô lậu.

Khổ thay! Khổ thay! Điên đảo như vậy mà có thể chịu được chăng? Lại có một hạng chúng sinh cho bí tinh là vô lậu, lẫn lộn trong giáo pháp ta. Truyền lẫn nhau những thói xấu xa, tham dục làm hại chánh pháp. Đây chính là yêu tinh, quỷ tánh, ngày tán đêm tụ ăn uống. Những bọn theo sự ma quái này không phải đệ tử của Liên tông (Tịnh

độ). Gần đây có nhiều loại người như vậy, xúi giục mọi người. Nam, nữ cư sĩ không hiểu biết, hăng hái đi vào đường ma. Nên kinh Lăng-nghiêm ghi: “Này thiện nam! Cội gốc của tâm ái nhìn khắp vật hóa”, Thiên ma được dịp phi tinh đến gần người nói: “Phật Niết-bàn tức là nhục thân hiện tiền, cha cha con con sinh ra lẫn nhau, thường trụ không dứt, không phân biệt tịnh cư”. Người ngu tin nhận, mất đi bổn tâm, nghi ngờ Bồ-tát. Họ thường nói: Mắt tai, mũi, lưỡi đều là Tịnh độ, hai căn nam nữ tức là Bồ-đề. Hoặc ăn phẩn tiểu, hành dâm dục dơ uế. Người vô tri kia tin theo lời nói dơ uế này, dễ rơi vào đường ma. Đây gọi là trùng độc, quỷ ác não loạn, loại người này thầy và đệ tử đều rơi vào nạn vua. Ông nên tỉnh giác trước để khỏi nhập vào luân hồi; mê hoặc không biết, đọa vào ngục Vô-gián, khi nghiệp ở địa ngục tiêu lại đọa vào súc sinh, ngạ quỷ. Nay thấy bọn tà Sư làm quấy, mượn giáo môn của Phật tổ, tạo ra nghiệp ác bất tịnh, ngược lại với trời đất (nhị nghi), trái với tam quang (mặt trời, mặt trăng, sao), hủy báng Phật tổ, rối loạn nhân luân, hèn hạ như dòi trùng chui rúc chỗ dơ uế, hiện tại chịu nhiều khổ đau, sau khi chết chìm đắm vào biển khổ. Tội quả này làm sao trốn khỏi? Thật không đáng lo sợ ư? Chẳng những sau khi chết chịu quả báo, mà còn không được pháp quan dung tha. Nói rằng: Đạo lý dùng chính sách, xử trị dùng hình phạt để người dân tránh tội mà không hổ thẹn, còn đạo lý dùng đức xử trị, dùng lễ nghi thì có sự hổ thẹn, thật đúng với quy cách. Lời nói này chân thành thay! Nay khuyên những người lành, quán sát kỹ lời dạy của bậc Thánh, nên tự biết xấu hổ, chớ ngại sửa lỗi, bỏ tình dứt nghĩ, sửa đổi sự tu hành của mình, lấy lời dạy xưa để chiếu tâm thì tâm tự sáng, gương xưa chiếu yêu tinh thì yêu tinh tự hiện hình. Nếu chuyên tu tịnh hạnh, hướng về Bồ-đề, thì quyết không sai lầm. Nếu không như vậy thì biển nghiệp ba đường không có bờ mé, ngàn Phật ra đời cũng khó cứu được.

19. Nói về trà Triệu Châu.

Xưa, Hòa thượng Triệu Châu gặp vị Tăng hỏi:

- Ông có đến đây chưa?

Vị Tăng đáp:

- Có đến.

- Uống trà đi!

Hòa thượng lại hỏi vị Tăng:

- Có đến đây chưa?

Tăng đáp:

- Chưa từng đến.

- Uống trà đi!

Viện chủ hỏi:

- Có đến hay chưa từng đến, vì sao vẫn bảo uống trà đi?

Ngài Triệu Châu gọi:

- Viện chủ.

- Dạ.

- Uống trà đi!

Tòng lâm nhân đây có công án "Trà Triệu Châu".

Nay người ngu không rõ đại ý của Tổ sư, vọng tạo tác nước trong miệng súc ba mươi sáu lần rồi uống. Gọi đó là uống trà Triệu Châu. Hoặc có người lúc sắp qua đời vọng chỉ dạy người dùng bột châu sa thay trà rót vào ly rồi uống hết, liền chết, cho là lãnh hội được điều then chốt của Triệu Châu. Thật đáng thương xót. Có bọn yêu ma lấy nước tiểu làm trà Triệu Châu, tại sao ngu si như vậy? Thế chẳng phải là yêu quái ư?

Người tu tâm chân chánh chỉ y theo bổn phận niệm Phật, cầu sinh Tịnh độ, dè dặt không được vọng đem công án của Tổ sư để bịa đặt, xuyên tạc. Ấy là phạm tội huỷ báng Đại Bát-nhã. Nếu không thấy đạo thì thà thân này bị nghiền nát trải qua ngàn muôn kiếp, chớ đem Phật pháp tuyên dương một cách sai lầm.

20. Nói về truyền riêng ngoài giáo.

Thiền sư Viên Ngộ Khắc Cần nói: Bậc đại Thánh ở Tây phương thị hiện ở nước Ca-duy-la, diệu dụng vô lượng vô biên, gợi mở dìu dắt chúng sinh, dùng nhiều phương tiện thuận, nghịch, khai, già. Ngoài ra, những lời dạy kinh điển để lại chứa đầy kho báu, cho đến về sau mới bắt đầu xuất hiện một điểm then chốt, gọi là truyền riêng ngoài giáo. Kể từ khi Ca-diếp mỉm cười thừa kế pháp tạng đến nay, liên tục chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật", không lập thứ bậc, không sinh tri kiến. Bậc lợi căn thượng trí hướng đến hang ổ vô minh, xét tận cội gốc phiền não, liền siêu chứng được giải thoát hoàn toàn. Tây phương hai mươi tám vị, Đông độ sáu vị đều là bậc long tượng dẫm chân đến. Các Ngài tư chất thù thắng, tính cách cao cường. Bên ngoài am hiểu các sự việc, bên trong nghiệp chướng băng tiêu, cắt đứt các duyên phiền phức, tự làm chủ mình tạo thành một khối, mau khế hợp Phật địa (địa vị Phật). Nếu không chịu chết chìm trong nước, lại nói ra câu thấy được huyền diệu, vượt hơn Phật tổ, chặt dứt sắn bìm trên đường, như huơ thanh kiếm Thái A, uy thần lẫm liệt, người nào dám gần, bậc tác gia xác thật luận bàn về lượng mới có hướng thượng, hướng hạ, nói huyền nói

diệu, tác dụng mảy may, cho dù bị la mắng thì cho là không phải trồng cơ (?), ngay đó thành tựu, tôi luyện được thành thục, đứng vững. Ban đầu gây tội còn sợ, lúc khác về sau như bọn cướp hại người, làm mờ mắt chánh pháp. Ôi! Gặp phải thứ chủng tộc đui mù bẩm sinh chưa từng mộng thấy Tổ sư, lại nói Ngài Đạt-ma quy không, gọi đó là truyền pháp cứu mê tình. Cho đến mượn danh của Mã Tổ, Triệu Châu, bậc thầy của đại tông tối thượng để lừa bịp người sau. Lại còn khoác lác nói việc sơ Tổ quảy một chiếc giày về Tây, Phổ Hóa nói trong quan tài trống không là pháp thuật có linh nghiệm, gọi đó là thể xác và tinh thần đều vi diệu, pháp sinh tử bí mật. Họ tương truyền học tập lẫn nhau và ai cũng thích điều này. Sinh ra lo sợ ngày ba mươi tháng chạp (ngày chết), hốt hoảng tranh nhau học cách trở về, đêm ba mươi lạy ảnh gọi chủ nhân ông. Đây thật là dối gạt Diêm-la, chạy theo hư ngụy, gây tạo tội lỗi, bị các cao nhân chê cười. Lại có hạng người mượn nguồn gốc của Đạt-ma, Triệu Châu, mười hai thời riêng ca bài tụng Bàng cư sĩ chuyển hà xa, chỉ dạy lẫn nhau, âm thầm truyền trì, hy vọng sinh lên cõi trời. Lại còn nói biết trước ngày chết mà không biết đây thật là các vọng tưởng, tà tâm, ái kiến, vốn là nhân lành lại vời lấy quả ác. Thường thấy những người tài giỏi có tài biện luận, nhưng không biết nhân của Tông, thường tin điều ấy, đâu biết đánh mất nếp cũ, vẽ cọp thành chồn, gặp người sáng mắt thấy rõ, lặng nhìn thương xót! Lẽ nào thể tài của chư Phật và các Tổ chỉ có như vậy ư? Không hề soi chiếu lại chính mình từ đầu đến cuối cố nhiên có thể biết. Người trong nước học điều này đông như mè như lúa, dần dần thành phong trào, không biết là kỳ quái. Còn các bậc trí thức sớm nhận ra nên không theo thói cũ. Lo sợ nghĩ mình chưa thâm nhập chỗ then chốt. Lập chí tuy chuyên chú, lặn lội tuy xa, gặp người Tăng thượng mạn dắt dẫn vào rừng tà kiến, một lần sai trái mãi mãi không quay lại. Cứ thế trôi lăn dài lâu không thể ngừng dứt được. Vì vậy nêu ra những lời này, thông báo cho mọi người; ngõ hầu những người có chí nguyện đối với đại giải thoát, đại tổng trì có thể phân biệt rõ mà cùng nhập vào biển đại Tát-bà-nhã, lái thuyền từ tiếp độ chúng sinh, khiến cho diệu đạo chân chánh lưu truyền không dứt, lẽ nào không nhanh chóng ư!

21. Nói về đóng cửa các đường ác, mở bày đường chánh Niết-bàn.

Cửa các đường ác chính là Tam nghiệp thân, khẩu, ý. Đó là: Sát sinh, trộm cắp, dâm dục của thân, nói dối, nói thiêu dệt, nói lời hung ác, nói lưỡi đôi chiều của miệng và tham lam, sân hận, si mê của ý Người

tu Tịnh nghiệp phải chánh tâm hướng về đạo, cắt dứt mười hạnh bất thiện trên thì không rơi vào đường ác. Gọi đó là đóng cửa các đường ác. Khai thị là chỉ ra, Niết-bàn là bất sinh bất diệt. Chánh là con đường không thiên một bên, tức là con đường Tây phương. Nay có người ngu si cho rằng miệng là cửa các đường ác, mũi là đường Niết-bàn, dạy người lúc sắp qua đời khẩn trương bịt miệng họ, khiến cho khí từ mũi xuất ra, gọi đó là một bước ra khỏi cửa. Lại vọng lấy chữ A làm công án, dạy người trong miệng ra sức chịu đựng tất cả khí thấu qua một cửa này. Hoặc nói xung quanh chữ A là rượu, sắc, tài, khí, hoặc nói là đất, nước, lửa, gió, hoặc nói là sinh, già, bệnh, chết v.v... Ấy đều là mười mức độ vọng chấp quanh co. Than ôi! Một chữ A này lừa dối biết bao nhiêu người. Thật không biết chữ này trong "Ngọc thiên" có ghi rõ: Hộ ngọa thiết (âm là họa) tức là chữ A khứ thanh. Chữ A tất cả người đời trong miệng chưa từng không nói. Dụ như mất vật, người bỗng tìm thấy, bất giác phát ra tiếng này, chính là chữ A. Tông môn nói nhiều về chữ này. Bởi vì người tìm thầy học đạo, tham cứu hai, ba mươi năm, bỗng nhiên tâm phát hiện hiểu được việc này, bất giác vang lên tiếng A, như mất vật mà tìm thấy được, vui mừng như được sống lại, chính là nghĩa của chữ này. Như vậy thì người niệm Phật chỉ cần trong từng niệm tỉnh thức. Rốt ráo bản tánh Di-đà, bỗng nhiên thân ngộ, thân thấy, thật sự đạt đến chỗ tiếng vang "A", tự nhiên rõ ràng thông suốt. Cho nên Thiền sư Trí Giác Từ Thọ nói: "Ngoài tâm cầu pháp như mong gái đã sinh con. Ý khởi suy nghĩ, như chờ hoa đốm giữa hư không kết quả, vốn không bao giờ có tánh tự vô vi, trí không thể vận chuyển ý này, hình tượng dùng gì để diễn tả hình nghi ấy. Đường ngôn ngữ mất, là ngày tìm được đường về. Chỗ tâm hành diệt, là lúc trút bỏ thân mạng. Có thể nói chỉ một việc này là thật, ngoài ra các việc khác đều là luống dối.

22. Nói về bốn loài sinh.

Thiền sư Đại Châu Tuệ Hải nói: "Chín loài chúng sinh, một tâm đầy đủ, hễ gây nhân loài nào thì thành loài đó. Vô minh ngu tối là noãn sinh, phiền não trói buộc là thai sinh, thích nước thấm nhuần là thấp sinh, khởi vọng niệm là hóa sinh. Ngộ gọi là Phật, mê gọi là chúng sinh. Bồ-tát chỉ nhớ nghĩ đến độ chúng sinh, nếu hiểu rõ tâm thể vắng lặng gọi là độ chúng sinh. Người trí từ trên bản tế của mình hóa độ khi chưa thành hình, chưa thành hình đã không, thì biết thật không có chúng sinh nào được diệt độ." Nay có hạng người ngu si không biết tâm mình, dự đoán bừa bãi, vọng nói lúc qua đời mắt thấy các thứ xe ngựa, lầu đài, phướn lọng, chũm chọe là bốn sinh; đầu thai trong sáu đường đi không

theo người khác là thoát khỏi bốn sinh. Thật không biết cảnh hiện ra lúc sắp qua đời là những nghiệp thiện ác đã gây ra lúc còn sống. Thần thức tự hiện ra chẳng phải do bên ngoài mang đến. Cho nên người xưa nói: "Làm ác thì cảnh ác hiện ra trước mắt, niệm Phật thì cảnh giới Phật tự đến. Nếu trong lúc này nắm bắt không vững, không làm chủ được, thường bị điên đảo vọng tưởng sai sử, đến lúc gió lửa tan hoại như con cua trong nồi nước sôi thì làm sao làm chủ được? Vì thế, Thiền sư Khuê Phong nói: "Làm việc có nghĩa là tâm tỉnh ngộ, làm việc vô nghĩa là tâm cuồng loạn. Cuồng loạn tùy theo niệm chúng sinh nên qua đời bị nghiệp dẫn dắt. Tỉnh ngộ không theo niệm hữu tình nên lúc qua đời có thể chuyển nghiệp." Nay nêu ra lời này nói thẳng với mọi người phải tự nhớ nghĩ, ta nay tu hành Tịnh nghiệp vốn để thoát khỏi sinh tử. Phật Tổ rủ lòng Từ dạy bảo, há lừa dối ta ư? Vì thế chúng ta phải nương chánh pháp, một lòng chân thật chuyên niệm Phật Di-đà, lìa bỏ các luống dối, sáng chiều niệm Phật nguyện sinh Tây phương. Như thế thì nghiệp thức trần lao lập tức tiêu tan. Nhìn lại chính mình việc sinh tử còn không thật có thì còn nói gì là chúng sinh, nên sám nói: Trong một niệm được Tam-muội Niệm Phật, độ khắp chúng sinh trong sáu đường ở khắp mười phương, tất cả chúng sinh đều ra khỏi vòng khổ, đồng sinh Tịnh độ. Có thể nói vọng tâm là Bồ-đề; sinh tử, Niết-bàn vốn như nhau.

23. Phá vọng lập mười hiệu.

Văn Tây phương ghi: Người niệm Phật, ở trong tướng tốt sáng chói được thấy Phật Di-đà thì vô minh liền tiêu trừ, phiền não mất hẳn, cửa pháp giới bổng nhiên thông suốt, đường nhất thừa khai mở, mười hiệu đầy đủ rõ ràng, ba thân hiển bày tròn đầy. Đây là nói về người tu hành chứng quả Phật, mười hiệu hiển bày.

Mười hiệu: Kinh Bồ-tát Thiện Giới ghi:

1. Như Lai: Không luống dối.

2. Ứng Cúng: Ruộng phước tốt lành.

3. Chánh Biến Tri: Biết pháp giới.

4. Minh Hạnh Túc: Đầy đủ tam minh: Thiên nhãn trí minh, túc mạng trí minh và lậu tận trí minh.

5. Thiện Thệ: Không trở lại.

6. Thế Gian Giải Vô Thượng Sĩ: Biết hai thế gian: Thế gian quốc độ (vô tình) và thế gian chúng sinh (hữu tình).

7. Điều Ngự Trượng Phu: Có khả năng điều phục các chúng sinh xấu ác.

8. Thiên Nhân Sư: Làm chỗ nương tựa cho tất cả chúng sinh.

9. Phật: Biết pháp tu thiện, bất thiện; pháp tu chẳng phải thiện, chẳng phải bất thiện.

10. Thế Tôn: Trong một cõi nước không có hai vị Phật.

Vì sao người ngu không biết Phật pháp vọng lập mười hiệu quy trình, xưng là Đại sư Đạt-ma truyền đến bí Pháp sinh tử. Lại nói: Thước sào quán đảnh, lô nha xuyên, ngọc trụ thô hỗn, xà nhập côn đang Ba-tư dâng hiến của báu, trống trời không kêu, ao sen khô cạn, nhị tổ (Tuệ Khả) chặt tay, đứng tuyết phủ ngang hông, Thần Quang bất hiện, lấy mười việc này gọi là việc nhân duyên lớn. Liên tông rõ ràng bị bọn thầy mù kẻ đui, truyền trao lẫn nhau, dối gạt tính mạng con người. Từ tối vào tối, đọa vào phi đạo, làm sao không suy nghĩ được? Đại sư Đạt-ma ban đầu đến nước này, không lập văn tự, chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật. Sao lại có đặt ra một pháp truyền trao được? Lẽ nào không nghe Ngũ tổ Hoằng Nhẫn đại Sư nói với Lục tổ rằng: Phật tức là lấy tâm truyền tâm, Thiền pháp tức là lấy tâm ấn tâm, Phật Phật chỉ truyền bản thể, Tổ Tổ thầm phó bản tâm là vậy.

Trang Tử nói: Nếu đem cái hay của đạo truyền trao cho người thì không ai không truyền cho con cháu. Nếu đem cái hay của đạo dâng hiến cho người thì không ai không dâng hiến cho vua tôi. Đạo không thể truyền trao, dâng hiến, trong không có chủ, ngoài không có sự chứng nghiệm. Lại từng nghe Phật Thích-ca Thế Tôn ngàn đời hun đúc đạo hạnh, trăm kiếp tu tâm. Từ cung trời Đâu-suất giáng sinh chốn cung vua. Ngài từ bỏ vinh hoa giàu sang, đến núi Tuyết tu hành, sáu năm khổ hạnh chỉ ăn mè lúa, thấy sao sáng (sao mai) ngộ đạo thành Phật. Trong loài người và bậc Thánh xưng là bậc Đại giác, mười hiệu đầy đủ, làm thầy trời, người. Còn các loại chim khách làm tổ trên đầu, mầm lau xuyên đùi đều là việc thật sự thuở xưa, ban đầu không có pháp biểu hiện chỉ là nói lên ý ngồi yên bất động, định lâu quên thân. Người học sau này không gần gũi bậc tri thức, không thể nhận được Phật của mình, kiến lập giáo môn thật không phải chuyện dễ. Mới được nhập vào tông môn khác, hạnh nguyện không huân tập, thấy biết cũng không, liền muốn làm thầy truyền độ đệ tử, ra oai ra dáng, khoe khoang mình là người đã lãnh hội. Vì thế rơi vào bọn tà ma, học nhiều pháp tà khác, nhiều chất độc ngấm vào tâm như quỷ bị té xuống nước, như trong bóng tối kéo người xuống địa ngục. Khổ thay! Khổ thay!

Nếu Nhị Tổ chặt tay, đứng tuyết phủ ngang hông chính là lúc ấy nhờ ý chí mạnh mẽ vì pháp quên thân. Bản truyện có ghi đầy đủ rõ ràng, người học phải nên nghiên cứu kỹ càng. Lẽ nào có thể vọng làm

cam chịu, tội hủy báng Phật pháp mãi mãi chìm đắm trong bể khổ. Ngài Vĩnh Gia nói: "Sai chẳng sai mà đúng cũng chẳng đúng, sai một mảy may mất đi ngàn dặm, đúng thì Long nữ lập tức thành Phật, sai thì Thiện Tinh còn sống đã rơi vào địa ngục. Có tin chăng, tận tình quét sạch căn nhà trống, cây sắt nở hoa riêng gì xuân."

24. Thệ nguyện lưu thông.

Thiết nghĩ một niệm đầu tiêu vốn từ trong Tịnh độ mà có, chìm đắm nhiều đời, chưa thoát khỏi thế giới Ta-bà, may mắn gặp được Liên xã, gặp được chánh tông. Mong nhờ bóng mát Tam bảo, cảm ơn sự dạy dỗ của các bậc Đạo sư, xin cúi đầu làm đệ tử của giáo môn. Có nhiều người tu hành sai đường, không còn tín tâm đối với Phật pháp, biến thành dân ma. Đến nỗi người lương thiện cũng gặp phải tà đạo. Chánh nhân mất hẳn thì tuệ mạng khó còn, ngược lại chiêu cảm tội hủy báng Phật pháp, người có công đức trì tụng, thấy cảnh giới này than dài, thống thiết thân tâm, không thể nhịn được. Vì thế chúng ta phải sưu tầm ý chỉ của Đại tạng, để chứng minh bổn tông, quét sạch chỗ đúng sai của trăm tông phái, soi sáng đại đạo. Thông thường là nương kinh luận nói rõ lý, hiển bày chánh xô ngã tà, chiếu rõ khắp nơi nên gọi là Bảo giám (gương báu). Giúp cho hàng hậu học soi rõ mắt tâm, đẹp xấu tự biết, dắt người lạc đường trở về nhà, khỏi bị trôi nổi long đong.

Tập sách này đã hoàn thành, muốn bày tỏ ý chí, trăm lạy tổ đình, lại lập thệ lớn, kính bạch chư Phật mười phương, các Đại tổ sư mong được ban từ quang, chứng minh lời cầu nguyện thành kính. Tự phát tâm lập nguyện nương theo số chữ trong các thiên của tập Liên Tông Bảo giám, mỗi chữ ba lạy, mỗi lạy niệm một biến tâm chú Lăng-nghiêm, ba lần xưng tôn hiệu Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát, mong lòng Từ bi của Ngài thương xót ban cho pháp lực, ngầm tăng thêm sức mạnh, khiến cho tà ma ngoại đạo quy y, muốn chân thừa truyền bá, cho người mù được sáng mắt. Đối với các bệnh khổ nguyện làm thuốc hay, trong đường u ám tối tăm làm đèn đuốc soi sáng, trong biển khổ sóng lớn làm thuyền bè! Chỗ hiểm nguy làm chiếc cầu lớn, trong đường mê chỉ cho đường chánh. Rộng vì các thượng thiện nhân trong các Liên xã ở mười phương, cùng sám hối, gột rửa thân tâm. Mỗi nguyện tiêu trừ nghiệp chướng, tội phi pháp nói pháp, pháp nói phi pháp. Một trí có thể diệt ngu si muôn năm, như một ngọn đèn có thể xua tan sự u tối ngàn năm. Ý vọng động không còn thì hoa đốm trong hư không biến mất, chánh tín sinh thì tịnh hạnh rõ ràng. Một lòng tin lạy Phật Di-đà, hồi hướng cùng khắp đại chúng, từ hôm nay đều phát tâm Bồ-đề, đến tận muôn kiếp vị lai thường

thực hành đạo Bồ-tát, lìa phi phạm hạnh, xa thầy tà kiến. Nguyện hết báo thân này cùng sinh về nước An dưỡng, thường tu sáu niệm và Lục Ba-la-mật, rộng chuyển vận bốn tâm vô lượng, bốn thệ nguyện rộng lớn, phát bốn mươi tám lời nguyện như Phật Di-đà, đắc Tam-muội niệm Phật như Ngài Đại Thế Chí, tu theo hạnh nguyện của Ngài Phổ Hiền, như lòng Từ bi của Ngài Quán Thế Âm, học trí tuệ như Ngài Văn-Thù, kế đến là chứng Nhất sinh bổ xứ như Ngài Di-lặc. Mau nhập vào pháp giới, viên chứng thượng thừa, phân thân trùm khắp mười phương, lòng Từ bi rộng lớn, độ khắp tất cả chúng sinh. Dựng cờ pháp, lập tông chỉ, chiếu sáng mắt tuệ trừ ngu si tối tăm. Các tà ma, ngoại đạo hết thảy đều quy hàng. Khắp nơi đều được hướng dẫn, biện tài vô ngại làm lợi khắp trần sa, uy đức vô biên cứu giúp hàm thức (chúng sinh), cha mẹ sư trưởng đều chứng pháp môn giải thoát, oán thân nhiều kiếp tất cả đều ra khỏi biển đắm chìm.

Mong rằng, người nhìn thấy tập sách này khởi tâm hộ pháp, diệt sạch mê tình trong nhiều kiếp, xé rách lưới nghi ngàn lớp, mau mở được chánh nhãn, ngộ rõ bổn tâm. Đạo tràng Tịnh độ bất động mà đến, khắp Tây phương Đại Thánh như ở trước mặt, muôn pháp nhiệm mầu rõ ràng cũng tại đây. Chỉ mong trời, rồng vui mừng nghe chánh pháp để che chở, phàm Thánh quy y, quét sạch tà phong, mở mang Tổ đạo, truyền bá tông phong, dung hòa đại thiên làm thành một cõi nước to lớn trong sạch. Khiến cho tất cả chúng sinh yêu thích giáo hóa vô vi, chánh kiến, và tà kiến đều nhập Vô sinh.

Ân lớn.

Ơn Phật đáp đền trong nhất thời, thế giới hư không cùng tận, cõi chúng sinh cùng tận, nghiệp chướng chúng sinh cùng tận, phiền não của chúng sinh cùng tận, nguyện con mới cùng tận. Thế giới hư không cho đến nghiệp chướng, phiền não chúng sinh không thể cùng tận thì nguyện vương này của con không cùng tận. Niệm niệm nối nhau, không xen hở, Tam nghiệp thân, khẩu, ý không mệt mỏi nhàm chán. Bồ-tát Phổ Hiền phát nguyện như vậy, các Đại Tổ sư phát nguyện cũng giống như vậy, nay nguyện con cũng giống như vậy. Rộng vì đại chúng Liên xã phát nguyện cũng giống như vậy. Đến tận mé vị lai tất cả hữu tình và vô tình phát nguyện cũng giống như vậy. Như thế không ai không như vậy, nguyện đồng như hằng sa chúng này đều nhập vào biển nguyện của Như Lai.

Các bậc Danh đức viết lời bạt.

1. Tôi từng xem cái ngày nay gọi là tôn sùng Liên tông, phần

nhiều không dựa theo ý của tổ Tuệ Viễn, chẳng phải có thứ tự tiến tu mà còn mê hoặc nơi thầy tà, hiểu bậy. Hận rằng chưa có người nào có thể cứu vớt sự tệ hại này, Đại sư Ưu-Đàm bèn tham cứu kinh luận, truyện ký và cả các bậc lão Tăng, danh Nho xưa nay, tập hợp các lời lành tốt rồi chỉnh sửa viết thành tập gồm mười quyển gọi là Liên tông Bảo giám. Lập ra chính luận để phá bỏ thuyết tà, phát khởi trí chân thật để trừ bỏ vọng tình, lời lẽ nghĩa ấy sâu xa mà sáng tỏ, những việc được nêu rõ ràng mà rốt ráo. Hợp ba giáo về một nguồn, thẳng một mối để dẫn dắt lòng tin. Như gương soi hình rõ ràng sáng tỏ, đâu phải chỉ dành riêng cho hạng thiện nhân chuyên niệm Phật cầu sinh Tịnh độ, mà còn mong mọi người sáng tỏ bản tâm, thấy tự tánh, ngay đây thành Phật. Do tôi từng đứng chủ Đông lâm muốn chuyển lại lời này để làm chứng và trả lời những người đã thật sự biết được tâm tôi, cùng quỳ chấp tay hướng về Tây mà rằng: Lành thay! Lành thay! Như vậy! Như vậy!

Năm Ất tỵ niên hiệu Đại Đức thứ 8, ngày 15 tháng 8. Thiên Đồng Viên Ứng ông già Tịnh Nhật ở Minh Châu đề.

2. Bảo Giám là tấm kính chiếu tâm. Tấm kính chủ yếu để soi sáng mọi sự tối tăm, phân biệt mọi sự xấu đẹp. Khi treo lên thì không gì không thấy. Đại sư Ưu-Đàm ở tổ đường Đông Lâm gọi là phổ độ vì Ngài có đủ chánh tri kiến, luôn luôn nghĩ đến sự hiểu lầm hiểu bậy Liên tông nên đã phán đoán trong các sách Nho, Thích, tuyển chọn thành Bảo Giám gồm mười quyển, phát minh Tam-muội niệm Phật chánh tông, phàm mỗi câu chữ đều dựa theo lời Phật tổ, Long thiên, quét sạch thuyết ma, thật là một pháp môn mạch lạc, có hệ thống, dụng ý chân thành, cần khổ. Tâm dũng cảm phò trợ tông phong đồng mấu chốt với tâm lập giáo của mười tám vị Hiền. Người nghe kẻ thấy đều đến đường cái, hoặc xuôi hoặc ngược đều được thoải mái. Lại viết kệ rằng:

Liên tông ngàn năm mở rộng chính luận
Bảo Giám sáng quắc treo tầng không
Nay đem bản in hoàn thành
Muôn lượng vàng ròng cũng đáng tiêu.

3. Liên tông viết: Tham thiền chủ yếu là thấy tánh, xem giáo quý ở soi tâm. Tôi cho rằng pháp môn niệm Phật cùng Thiền, Giáo đồng hành. Nay có Pháp sư Ưu-Đàm, Phổ Độ chọn lấy các yếu chỉ niệm Phật xưa nay gom thành một bộ, đặt tên là Liên tông Bảo Giám. Nếu kẻ nhờ lòng tin mà được tịnh niệm nối tiếp thì đâu cần có bản văn này. Còn kẻ chấp chặt hiểu bậy, không phân tốt xấu, giữa ban ngày lầm đường, nên đến đây lại qua kia thì nên lấy đây là kim chỉ nam.

Ngày 15 tháng lành năm Ất tỵ niên hiệu Đại Đức, Vụ Tây Phong, Tông Tín viết lời bạt.

4. Tự tánh Di-đà thời thời hiện, duy tâm Tịnh độ pháp pháp tỏ, ai nhớ Viễn Công ngàn năm sau, Liên tông Bảo Giám lại sáng rỡ.

Đại Khánh Thọ Tây Vân đề - Tông sư Phổ Độ Liên xã Đông lâm thuật.

Đọc lại việc Liên tông Bảo Giám bái yết lời gửi gắm của Viễn Công mà khởi tâm kính trọng. Xin kính nói kệ để cảm tạ:

Chúng sinh khắp nơi bệnh đau nhiều
Ngay sắp bệnh nặng khéo chữa trị
Nơi ao sen trắng, Ưu-Đàm hiện
Muôn hộc hương bay rợp gò lô.
Tiến Phúc Nguyệt.

Tham thiền và niệm Phật tôi đều không bỏ. Nghe rằng thiền có bênh thiền, Phật có ma của Phật. Cách xa thời Thánh hiền, đâu đâu cũng vậy. Đại sư Ưu-Đàm không thấy đành nên đã rộng dẫn chánh kinh để xóa hết thuyết tà, cho nên tập này chẳng phải vô ích. Ôi! làm sao để mọi người đều xem Bảo Giám, thấy suốt nguồn pháp, thức năng sở đều bị triệt tiêu, thị phi đều dứt. Từ Tịnh độ duy tâm thoáng đãng sáng sủa mà quên hết ngôn từ, hình ảnh, do đây tôi không thể không nói ra.

Bình Giang huyễn trụ - Minh Bổn kính viết lời bạt.

Pháp không tự có phải nhờ cảnh mới có, kiếm rời bao ra vì điều bất bình, thuốc ra khỏi lọ để trị bệnh. Đại sư Ưu-Đàm xót xa cho Sự tàn tạ của Liên tông, đã tìm tòi Đại tạng, nghiên cứu Bách gia, phát minh pháp môn Tam-muội niệm Phật tuyển chọn thành sách đặt tên là Bảo Giám, sự phân mười môn còn lý thì nhất chí. Bài xích thuyết tà, sữa chữa, thẩm duyệt là chỗ lầm lạc, không dựa vào lý luận chủ quan, tẩy rửa sự ngoan cố ngu xuẩn của ý, phá vỡ sự thiên chấp nơi nguồn tâm. Đến ngồi giác thành một cách sáng tỏ, tình ràng buộc nơi vườn ruộng, trước sau giải thích nghi ngờ báo ơn lớn muôn đời, khen ngợi chi bằng để lại đời sau.

Kinh Khâm tiếp đãi, Chủ Trí Thông kính viết.

Kết Liên xã để khai thị chúng sinh, Tổ Tuệ Viễn đã giáo hóa trước đây trên ngàn năm. Tập hợp pháp báu để làm gương soi (giám), Ngài Ưu-Đàm đã thị hiện vào cuối đời tượng pháp. Lấy hoa sen làm tên để hiển bày tâm này vốn tịnh, tông này thâu nhiếp cả ba căn cơ cùng chứng đắc trọn vẹn chân (????). Lấy báu làm ví dụ để cứu vớt vô lượng chúng sinh, gọi là gương soi (giám) vì xóa tan mọi bóng tối, thông suốt

siêu vượt kiếp (????), rõ ràng thay chánh luận một nhà, rộng lớn thay việc phá trừ các tông dị thuyết. Bản văn này quả thật bổ ích. Từng xem trong tập (?????) và lời tựa của thiền kinh, có thể nói rằng ngàn năm trở về sau sự chứng đắc của Ưu-đà không có hạn lượng, Tổ sư Tuệ Viễn thọ ký quả phù hợp với ngày nay, điều này có chứng minh.

Tỳ-kheo Thiên Phong, năm Chí Hựu kính ghi.

Kinh lễ nói: "Người ấy tồn tại thì khuôn phép mới cất lên." Câu này có dụng ý nhắm đến ba tông.

Bậc Thánh nhân hiện ra cõi đời để lập giáo, làm giác ngộ chúng sinh chưa giác ngộ, khác đường nhưng đồng về một chỗ, từ thời Trung cổ đã phân phái, càng phân càng chia chẻ (có lẽ là chữ???? chứ không phải chữ????), làm mất tông chỉ thì còn gì đáng nói nữa. Liên giáo từ khi được tôn giả ở Lô Sơn đời Đông Tấn khai mở, các Bậc hiền nổi danh đương thời như họ Lôi, Lưu đều ở trong xã, ta có thể lường được sự hưng thạnh của nó đến mức nào. Đến cuối đời Tống, hạng không thông tỏ tụ tập trong Liên tông phần nhiều không biết tông chỉ có tỳ vết, các Bậc hiền đời trước bị đời chê cười. Đại sư Ưu-Đàm ở Tổ đường Đông lâm thương xót cho giáo pháp bị chôn vùi và để cứu vớt những lầm lẫn tà vạy của hang phàm tục nên đã sưu tập lời tốt lành viết thành một thiên có tên là Liên tông Bảo Giám, để đạo của Phật, Tổ trở lại thông suốt, làm rõ ràng sáng tỏ chính luận như mặt trời, mong hàng Phật tử thấy tự tánh Di-đà, ngộ xưa nay thanh tịnh, chứ nào phải chỉ có xưng dương Thánh hiệu, nghĩ tưởng Tây phương mới được sinh về Tịnh độ mà thôi. Kẻ có kiến chấp như vậy đã cô phụ tôn giả Lô Sơn không ít.

(???) Ngày lập đông, tháng lành đầu niên hiệu Đại Cải, Hàn lâm học sĩ nhận chỉ giúp thiện đại phu quản lý việc bố cáo và sửa chữa quốc sử, trù trai Trương Trọng Thọ ghi.

Xé toạc lưới che, ra khỏi biển ái, phá vô minh, vượt khỏi hữu lậu thì chỉ có pháp môn niệm Phật đứng đầu. Giả như không quá một niệm liền khế chứng thì biển trần sát mênh mông sẽ về đâu. Trí chiếu soi thì không có ngăn cách Đông Tây, tịnh uế sai khác. Bốn loài chín cõi đều vào trong tạng (????) thần thông ánh sáng lớn. Từ khi Tổ Tuệ Viễn lập giáo, kẻ huân tu thấy nghe, đạt được lợi ích không thể đếm xuể. Than ôi, thời gian trôi qua lâu xa, pháp môn thành tệ hại, Đại sư Ưu-Đàm cảm thấy bất bình đã tập hợp những bản văn quan trọng của Đại tạng và dấu vết sáng tỏ của các Bậc hiền, đặt tên là Liên tông Bảo Giám, thân đem chiếu vua mà lưu hành ở đời, thật là bản luận muôn đời không dời đổi, để học giả đời sau, xem xét văn này, đầy đủ chánh kiến mà đồng

dạo chơi nơi cõi Thường tịch quang, chẳng bổ ích sao?

??? sáng tháng giêng, năm Giáp dần. Lô Sơn vô trụ đạo nhân Trúc Nguyên Vĩnh Thạnh kính ghi.

Cha mẹ chẳng phải người thân của ta thì còn ai khác? Chư Phật chẳng phải đạo của ta thì còn đạo nào đứng đầu? Cư sĩ Cổ Hồng Thủy Nguyệt - Hà Đạo Thăng đã vì mẹ mà giữ trai giới, bố thí tài sản, kêu gọi mọi người có duyên in một bộ Liên tông Bảo Giám, làm công việc lưu hành Phật pháp để báo đáp bốn ơn, mong mọi người đều được Tam-muội niệm Phật như Ngài Đai Thế Chí, mẹ con nhiều đời luôn gặp nhau, tâm ý khai mở đồng Ngài Tuệ Viễn chứng Bồ-đề mới có thể nói là tâm hiếu từ rốt ráo rộng lớn. Ơn cha mẹ, ơn Phật đồng thời báo đáp hết, mừng cho chí hướng đó tôi xin chấp tay tán thán mà nói kệ rằng:

Lưu hành Phật pháp báo từ ân
Mẹ con thiên chân đồng một hội
Vì muốn báo ơn cầu thành Phật
Xem tấm gương ấy mà noi theo.
Ưu-Đàm - Phổ Độ ở Lô Sơn kính ghi.

Đức Phật của chúng ta sống ở phương Tây, giáo pháp Ngài lưu hành đến Trung Quốc. Không nói mà tự tin, không giáo hóa mà tự hành trì đó là do cơ cảm hợp nhau mà thành như vậy. Đến đời Đông Tấn, Tổ Tuệ Viễn ở Lô Sơn cùng các Hiền sĩ đại phu cùng kết duyên Tịnh độ vi diệu chuyên tu Tam-muội niệm Phật, sáng suốt lặng lẽ, lặng lẽ mà sáng suốt khai triển lời lẽ sâu xa của các bậc giác ngộ trước, mãi mãi làm tấm gương sáng soi người sau. Trên ngầm giúp hoàng độ, dưới giáo hóa làm lợi cho lê dân, có thể nói là tâm thiện tận mỹ vậy để đến ngàn năm sau vẫn có người kế tục. Tỳ-kheo Ưu-Đàm (???) thấy kẻ tự xưng mình thuộc Liên tông lại chưa từng tỏ tường chỉ thú niệm Phật, hiểu sai đường tu sai lối, mắt thấy tai nghe đâu đâu cũng có. Muốn tránh chết đuối lại gặp lửa thiêu. Thương xót cho hạng ngu tối này nên Ngài đã tìm tòi Đại tạng, rộng thấy lời lẽ sâu xa, miêu tả bốn độ, viết thành mười thiên đặt tên là Bảo Giám. Không chỉ phân tỏ tốt xấu mà còn kiểm tra chân ngụy, mở mắt cho kẻ mù, chỉ đường cho kẻ mê, mỗi câu chữ đều có bằng cứ, yếu chỉ tu hành đều năm trong đây. Nay vâng theo Phật và các bậc thiện nhân đệ tử Ngài sinh trong thời Thánh hiền, thọ nhận ơn sâu, may mắn nghe được chánh truyền của Phật, Tổ mà có được Liên tông Bảo Giám xem qua vô cùng mừng rỡ, do đây tập hợp người đồng chí hướng, kính cẩn lìa bỏ tịnh tài, kêu thợ in ấn lưu hành, thỉnh các bậc thầy Từ bi viết lời bạt, dắt tay tiến tới, tiếp dẫn người sau. Nếu không

từ chối thì thật may mắn. Tôi vì đạo nghĩa không thể từ chối bèn đốt hương nói kệ rằng:

Lô Sơn Đông Tấn mười tám Hiền
Đào ao dẫn nước trồng sen vàng
Sen mọc hoa nở tâm sáng tỏ
Sen rụng đài thành đạo quả tròn
Phổ Độ viết văn tên Bảo Giám
Thiện nhân chép lại thiên ngọc quý
Kêu thợ in ấn lưu hành ra
Mãi mãi cùng trời người tạo chánh truyền.

Đầu thu Kỷ dậu niên hiệu Tuyên Đức thứ 4 đời Đại Minh, ngày Thiền lâm giải chế. Sa-môn Cổ Tinh, tăng lục coi về việc giảng kinh kính ghi.

■

LỜI RĂN DẠY ĐẠI CHÚNG NIỆM PHẬT CỦA HÒA THƯỢNG SỞ SƠN Ở TÂY THỤC (TỈNH TỨ XUYÊN)

Phật không tự là Phật, nhờ tâm mà thành Phật. tâm không tự là tâm, nhờ Phật mà có tâm. Lìa tâm không có Phật, lìa Phật không có tâm. Tâm Phật khác tên gọi nhưng thể chỉ là một. Cho nên niệm Phật là niệm tâm, niệm tâm là niệm Phật, vô niệm thì vô tâm, vô tâm thì vô Phật. Tâm Phật đều quên, niệm không thật có, chỗ không thật có này rõ ràng phân minh, hạt bụi cũng không xen tạp, đó là dùng chân cơ nhìn rõ khắp pháp giới, khó mà ẩn giấu, sắc núi, tiếng khe hiển lộ rõ ràng, tánh tướng bình đẳng, lý sự dung hợp. Trong đó tìm một chút tướng mình người, sạch dơ hoàn toàn không thể được tại sao có Thánh, phàm, mê, ngộ? Do đây, nếu có thể khai mở trí nhãn, đốn ngộ yếu chỉ của nó, thì lập tức biết đường về không trở ngại vui mừng. Nếu chưa thể khế hợp thì phải nhờ phương tiện để vào. Cái gọi là phương tiện để vào cần gì riêng tìm huyền diệu, chỉ cần phát khởi một niệm tín tâm mạnh mẽ vững chắc, đem một câu A-di-đà Phật luôn để trong mắt tâm, bất luận đi, đứng, nằm, ngồi, vắng lặng hay ồn ào, nhàn rỗi hay bận rộn, đều lặng yên niệm Phật, thường hay phản chiếu, biết rõ Phật tức là tâm. Chưa rõ tâm này là vật nào thì phải thấy rõ nhất niệm này từ chỗ nào khởi lên. Lại phải thấy rõ người thấy này rốt ráo là ai? Quán chiếu như vậy, niệm niệm không xen hở, lâu ngày luyện thành một khối, nước chảy không qua, bỗng đối với việc nghe tiếng, thấy sắc, ứng cơ tiếp vật, bất giác rõ ràng, lúc tro tàn này nóng cháy tan hư không, việc tham cứu đến đây liền thấy tự tánh Di-đà hiển hiện rõ ràng cảnh Thường Quang Tịnh độ xúc chạm rỗng rang mới tin lời tôi không lừa dối các ông, chí tu hành bình sinh của tôi cũng nghiệm được ở đây.

Vì sợ chưa hiểu nên lại nói kệ:

Tâm Phật vốn do gượng đặt tên
Đều duyên nhiếp niệm dứt mê tình
Căn trần đốn dứt, tâm châu hiện
Hư vọng trống không gương tuệ soi
Một pháp không còn vẫn là dối
Toàn cơ tan hoại chưa phải bằng
Cần phải thấy được xương hư không
Xem được Ưu-Đàm mọc trong lửa.

BÀI CHÂM KHUYÊN TU TỊNH NGHIỆP CỦA HÒA THƯỢNG HIỂU SƠN Ở HOÀI DƯƠNG

Tội báo ba đường ác do nghiệp nặng, chìm đắm trong sáu đường bởi điều ác nhiều. Nếu muốn ra khỏi biển sinh tử phải mau quay đầu niệm Phật Di-đà.

Phật Di-đà mỗi người vốn sẵn có, chỉ vì si sân ái nên sinh tử hư huyễn, chìm trong bể khổ. Nghiệp dẫn dắt muôn kiếp cam chịu ở bến mê, không khởi tâm hồi đầu niệm Phật. Nên tôi lo nghĩ, khuyên các ông phải mạnh mẽ niệm Phật để được vượt lên.

Ở phương Tây có thế giới tên là nước An dưỡng. Nước ấy có chín phẩm đài sen xinh đẹp, ba không (ngã không, pháp không, câu không) chân thật, điện báu, lầu các báu, vàng ròng đầy khắp mặt đất, ánh sáng thường chiếu sáng, không có ba đường ác. Chỉ dạy hữu tình các ông, có thể sửa đổi tâm tánh, dứt bỏ tham sân si, mọi người được trí tuệ, lặng lẽ xem xét, thấy rõ việc hồng trần. Dù chứa nhóm vàng, ngọc như núi, nhưng khó mua nổi ba tấc hơi; quyến thuộc và người thân tạm xem như tuồng múa rối. Lúc sống nhóm họp vui vẻ, sau khi chết ai có thể thay mình chịu tội? Rốt cuộc cũng tan cuộc vui, bị gió mạnh cuốn trôi, thí như nơi yên tĩnh suy xét kỹ thì không có động tĩnh gì cả, sau không sớm dừng tâm niệm Phật, tu Tam-muội, đề xướng hạnh nguyện của Phật Di-đà xưa. Từ đầu đến cuối chớ lui sụt, giống như người bệnh mắt đến chỗ thầy thuốc trị bệnh, thì thầy thuốc muốn biết bệnh viễn cận, hay cao thấp phải dùng gương làm bằng cứ. Phải giữ chắc nhất niệm không hai, từng bước đi vững vàng, biết rõ rằng chỗ đến, không thể ngăn ngại. Cuối cùng có thời tiết đến, tự mình gặp đượcthầy thuốc giỏi, chỉ cho thang thuốc hay, đôi mắt được sáng, thấy rõ mọi việc hư huyễn, ánh sáng chiếu khắp mười phương, thông suốt ba cõi, đến đi tự tại, một thể không trói buộc, vui vẻ mặc tình rong chơi, cao xướng vui vẻ.

Nếu người nào nương theo đây mà tu đạo cùng tột, thì không có khó, dễ. Người này lúc qua đời ao sen chắc chắn sẵn dành, chỉ cần khẳng định tâm mình.

Sơn tăng tôi, không có ý lừa dối mọi người, chỉ mong mỗi người sớm xoay trở lại, tưởng niệm về phương Tây, chín phẩm ngộ chân không, nhất niệm vượt lên thật địa, thể chúng sinh và Phật vốn đồng, chứng ngộ không sai khác.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 172

BẢO VƯƠNG TAM MUỘI NIỆM PHẬT TRỰC CHỈ

SỐ 1974
(QUYỂN THƯỢNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1974

BẢO VƯƠNG TAM MUỘI NIỆM PHẬT TRỰC CHỈ

LỜI TỰA

Niệm Phật Tam-muội được gọi là Bảo vương cũng ví như ngọc Ma-ni là báu vật tưới nhuần khắp tất cả báu Tam-muội. Cũng như vua Chuyển Luân là vị vua thống lãnh khắp các vua Tam-muội, vì đó là pháp môn hoàn hảo và nhanh chóng nhất (viên đốn). Suốt cả một đời thuyết pháp giáo hóa của Đức Phật, đầu tiên là kinh Hoa Nghiêm, cuối cùng là kinh Pháp Hoa; không thời nào là không tán dương khen ngợi Bảo vương Tam-muội này. Trên từ các Ngài Văn-thù, Phổ Hiền cho đến các Ngài Vĩnh Minh, Sở Thạch, tất cả các bậc Thánh tổ Bồ-tát đều tu chứng và hoằng truyền rộng rãi môn tam nuội Bảo vương này. Ở đời vẫn còn lắm kẻ ngu muội, ấy cũng chỉ vì cho tự tánh Di-đà không phải là giáo chủ cõi Tây phương và duy tâm Tịnh độ không phải cách đây mười vạn ức cõi nên cứ lầm nhận ảnh duyên của lục trần làm tướng của tự tâm, hoàn toàn không biết gì đến mười phương pháp giới mỗi mỗi đều là tâm tự tánh, há chẳng buồn ư?

Cuối đời Nguyên đầu nhà Minh, tại Ngân giang có bậc Đại Thiện tri thức là Ngài Diệu Diệp vì thương kẻ mê lầm tà kiến mà soạn ra bộ niệm Phật trực chỉ gồm hai mươi hai thiên nhưng đã thất truyền từ lâu. Cho nên Ngài Vân Thê mỗi khi muốn xem cũng không biết tìm đâu ra được.

Khoảng niên hiệu Thần miếu, trong đống sách cũ cổ xưa Ngài Vạn Dung Thiền Bá may mắn tìm được pho kinh này, đồng như Pháp sư

Đường Phi Tích soạn bộ Bảo vương luận cùng là một loại sách mà Đại lão Vân Thê chưa hề thấy. Cư sĩ Hàn Triều Tập trước tiên khắc gỗ bộ Bảo vương luận đem trao cho Ngài Vân Thê, và tiếp tục khắc bản bộ Trực chỉ này để làm cho mặt trời Phật pháp ngày càng sáng thêm. Năm ngoái tạm ngụ ở Trường vu, trong đó có cư sĩ Xa Mật Phiền, nhân thọ quy giới và nghe giảng về Duy thức tâm yếu và Đại thừa chỉ quán của Nam Nhạc, bèn chuyên tâm tu hạnh Tịnh độ. Nhân ba tháng hạ cấm túc, chuyên tu thọ trì danh hiệu Phật, ông nghĩ rằng bọn người cuồng vọng ngày nay đa phần khinh thường pháp môn niệm Phật, nên đã mở lòng đại Bi thương xót ra tay góp nhặt các lời pháp ngữ xưa về Tịnh độ, soạn thành một bộ sách tên niệm Phật tu tri, chia làm bốn phần tín giải, phát nguyện, tu hành và chứng nghiệm, bao trùm cả tín hạnh nguyện. Đó là cái bè thiết yếu giúp người vãng sinh cõi Tây phương. Nay muốn chứng minh sự linh nghiệm thì phải nêu rõ cái quả để khuyến khích cái nhân tu hành. Sách vừa soạn xong đầy đủ các tiết mục, vừa lúc tôi (tác giả Trí Húc) nhận lời mời của Tổ đường lại đi về Trường Vu. Thật lòng thiết tha mong tôi đem hai bản sách ra để so sánh xem có sai lầm gì chăng. Tôi bảo: "Ý muốn của cư sĩ rất tốt, nhưng pháp ngữ về Tịnh độ từ xưa đến nay thật đã quá nhiều, sao bằng chọn lựa những điều ngắn gọn tinh yếu cốt lõi nhất để phổ biến trên đời, tất dễ tạo niềm tin hơn chăng? Vì tôi nhận thấy yếu chỉ trong sách của cư sĩ so với bộ trực chỉ của Sư Diệu Diệp rất giống nhau. Vì sao nói thế? Bởi ở mục một nói về y chánh của Cực lạc, mục hai nói về dẹp vọng bày chân, mục ba nói về quở trách hiểu lầm cho đến mục tám nói chiết nhiếp thì đều thuộc phần cư sĩ gọi là Tín giải. Còn mục chín nói về khuyến tu tức là phần cư sĩ gọi là phát nguyện. Mục mười là khuyên cấm sát sinh cho đến mục mười tám là hiển bày các nghĩa, đó là phần mà cư sĩ gọi là tu hành. Còn mục mười chín là một nguyện bốn nghĩa, đó là giới, giải, hạnh, hướng tức lại nói về lấy nguyện mà nhiếp giữ tín-hạnh. Giới thì cũng là hạnh, giải tức là tín, còn hướng tức là nguyện. Vậy một nguyện đủ bốn nghĩa, bốn nghĩa là trọn cả một nguyện. Nói rõ tín hạnh nguyện vốn không riêng biệt. Nguyện ở giữa mà thống lãnh cả trước sau. Mục hai mươi nói về nghĩa diệt tội. Mục hai mươi mốt nêu các hạnh của chư Tổ đều thuộc phần của cư sĩ gọi là chứng nghiệm. Mục hai mươi hai trình bày chính thức về hồi hướng, khắp khuyên cầu vãng sinh, việc này giống như phần lưu thông ở các kinh, luận đều có, từ đầu đến cuối đều hòa hợp hài hòa với ý chỉ của cư sĩ cả. Nay vì sao cư sĩ không bỏ phần mình mà theo người để cùng người chung vui làm việc thiện ư? Lúc đó Xa cư

sĩ rất vui mừng quỳ lạy cúi đầu tạ rằng: "Nay con mới biết đại sư Diệu Diệp đã sớm thấu rõ và đồng nhất với ước muốn của con, lại có thể khai phát những gì con chưa phát. Nay được phụng trì sách quý của Ngài để lại, con nguyện xin truyền bá rộng rãi để dâng công lên người xưa hầu sớm được vãng sinh Tịnh độ. Con lại nguyện cùng khắp pháp giới hữu tình tin chắc vào pháp môn này không hề thối chuyển. Xin Ngài viết tựa để nêu rõ duyên này để nói cùng người đồng chí hướng."

Ôi, Xa cư sĩ kia thật đáng là dũng sĩ trong việc tự lợi lợi tha. Những ai đọc sách này xin thận trọng chớ phụ sự khổ tâm nhọc trí của cư sĩ ấy. Mùa đông, tháng 11 năm Canh dần (thuộc đời nhà Thanh, năm Thuận trị thứ bảy).

Cổ Ngô Ngẫu Ích Đạo nhân Trí Húc ghi lại tại Đại bi đàn ở Tổ đường chùa U Thê.

Lời tựa khắc "Bảo Vương Tam-muội niệm Phật trực chỉ"

Ngẫu Ích đạo sư- Trí Húc viết.

Tam-muội niệm Phật là phương tiện vô cùng kỳ lạ của Đức Như Lai, thâu nhiếp cả Phàm Thánh, bao trùm cả căn cơ lợi độn, từ một niệm và liền về biển Phật, có thể nói đó là pháp liễu nghĩa đứng đầu tới viên đốn. Nhưng người đời tối nghĩa, mê đắm danh tự thấy nói chúng sinh tạo tội ngũ nghịch và các ác nghiệp chỉ trong mười niệm liền được vãng sinh trở lại cho là pháp môn này chỉ chuyên để thâu nhiếp kẻ phàm phu thấp hèn và kẻ độn căn. Đó chính là mù mịt ý chỉ vi diệu của Phật, bài báng kinh sâu xa. Tôi nhân đây cảm thấy bùi ngùi rằng người tu hành đời Mạt pháp quá nhiều nghi ngờ, nghiệp chướng, khó thể khai ngộ. Do đây mà pháp môn thâm diệu không bị chấp sự quen lý thì cũng chấp lý bỏ sự. Kẻ chấp vào sự còn có thể tạo nhân sinh vào phẩm hạ, kẻ chấp vào lý rốt cuộc rơi vào chấp không. Đến mức này thì con đường chỉ thẳng lại trở thành hầm sâu chết người. Chẳng nhờ kim bài thì ai đỡ đần kẻ đau mắt? Do vậy có Đạo sư Diệu Diệp tiếp nối tông thừa, lập ra Liên xã, thuận theo Giác (?) Hổ ký của Vĩnh Minh, thỏa thích với luận bàn về Bảo Vương Tam-muội. Cảnh và quán đều rõ, chút nghi ngờ đâu phá sạch, nói rõ tận cùng duy tâm, y, chánh rõ ràng, bày gốc tự tánh thì cảm ứng không sai sót. Kẻ thông đạt lấy lý để dung hòa sự, nhưng lý không nằm ngoài sự, kẻ ngu cũng từ sự mà vào lý, nhưng sự ỷ nhờ vào công của lý, trở thành mầm móng trừ lậu hoặc, bằng cứ sinh về Tây phương, nhìn lại hơn hai trăm năm, chẳng bao lâu đã thành sách bị vứt bỏ, sự lưu thông bị ngưng trệ, Liên Đại sư muốn xem còn chưa thể nhưng không vì vậy mà nguyện lực tiêu mòn. Hàn cư sĩ gặp được nơi Thiền sư Vạn

Dung và tôi đã được mượn đọc, như được no đầy vị đề hồ, xót xa cho kiếp trược sâu nặng, vui mừng vì đã có bến cầu. Mau tìm cách khắc in để rộng lưu hành, khắp nguyện người thấy nghe tùy hỷ mà trồng nhân trọn vẹn của Tịnh độ; đọc tụng suy nghĩ mà chứng đắc pháp ấn của Bảo Vương. Truyền trao nhau để cùng hiểu cùng ngộ mà đồng thoát khỏi trầm luân mới không cô phụ duyên lành hiếm có này.

SỐ 1974

BẢO VƯƠNG TAM-MUỘI NIỆM PHẬT TRỰC CHỈ

Đời nhà Minh, đất Tứ Minh, Ngân Giang, Sa-môn Diệu Diệp soạn.

QUYỂN THƯỢNG

LỜI TỰA

Niệm Phật Tam-muội gọi là Bảo vương, vì đó là thứ Tam-muội cao tột nhất trong các thứ Tam-muội. Đầu tiên được nói ra ở Lô Sơn, về sau được truyền khắp trong thiên hạ. Kế tiếp nhiều đời người tu pháp môn này được vãng sinh không phải một, làm văn minh chứng sự linh nghiệm để lại cho đời kể cũng khá nhiều. Từ xưa đến nay rất nhiều sách vở hoặc Thiền hoặc Giáo đều tôn sùng, cả phàm lẫn Thánh đều kính ngưỡng. Chỉ vì đời mạt pháp căn cơ cạn cợt nên nhân làm thuốc mà thành bệnh. Vì đối với Cực lạc Tịnh độ lại không cầu vãng sinh Tây phương mà chỉ tìm cầu phân biệt các duyên ảnh. Phần nhiều đều do cái thấy này mà mang phải đau thương. Than ôi, luống uổng biết bao công khổ nhọc tu hành mà chẳng chiêu cảm được gì.

Nay đối với các kinh nói về Tịnh độ cùng các lời sớ lời sao của các tông thuyết mà nhặt nhạnh chọn lọc những yếu chỉ sâu sắc để soạn thành một bộ sách. Dẫu rằng lời văn còn thô thiển nhưng chẳng dám theo ý riêng tư mà luôn tự cảnh tỉnh mình và dám mong nghe lời dạy bảo của các bậc cao thâm, nên mạo muội đặt tên cho sách là Bảo vương Tam-muội niệm Phật trực chỉ.

1. Y chánh của Cực lạc.

Vả chăng, trí giác chánh biến tri vô thượng của Thánh chủ Thế Tôn đều thích hợp khắp mọi cơ nghi, trình độ, hoàn cảnh, nên từ cung trời Đâu-suất giáng thần sinh ra đời, suốt bốn mươi năm nói pháp hơn ba trăm hội đều khiến chúng sinh đồng chứng chân thường. Cho đến hội

Linh sơn sau cùng mới thuyết giảng kinh Pháp Hoa là để khiến chúng sinh được khai thị ngộ nhập vào Phật tri kiến bổn hoài xuất thế do đây được thông suốt. Nhưng đạo ra đời độ sinh đâu phải chỉ một mình Đức Thích-ca mà chung cả ba đời Như Lai đều như thế cả. Song trong số các pháp môn trọn một đời giáo hóa của Đức Thích-ca nói ra, pháp môn thích hợp với mọi căn cơ trình độ để chúng sinh cùng Phật cảm duyên nhau sâu chắc nhất, giản dị nhất mà công hiệu nhanh nhạy nhất thì không gì bằng một pháp môn cầu vãng sinh Tịnh độ.

Bởi pháp môn niệm Phật này đầu tiên là do Ngài Pháp Tạng Tỳ-kheo ở vô lượng kiếp trước là một vị đại Quốc vương, khi nghe Đức Phật Thế Tự Tại Vương thuyết pháp liền bỏ ngôi báu mà xuất gia làm Tỳ-kheo. Lại được Đức Phật nói cho nghe các việc khác nhau về lành dữ, thô diệu của trời người ở khắp cả hai trăm mười ức cõi Phật trang nghiêm. Nghe xong Ngài Pháp Tạng ở trước Đức Phật mà phát bốn mươi tám lời đại nguyện, nguyện khi thành Phật rồi thì trong cõi nước của Ngài không có các thứ chướng ngại như ba đường dữ, ba độc, tám khổ, tám nạn, chín não, mười triền v.v... người sinh vào cõi nước ấy đều trụ vào chánh định, là người được Vô sinh pháp nhẫn, giác ngộ bản tâm, có thắng trí giải thoát. Cho đến chỉ niệm mười niệm cũng được vãng sinh, nếu không được như thế thì nguyện không thành chánh giác. Khi đó đất bằng đều rúng động, trời mưa hoa quý, trên không trung vang rền tiếng nhạc trời. Đức Phật liền thọ ký cho Ngài Pháp Tạng. Từ ngày chứng quả Phật đến nay đã được mười kiếp. Do sức nguyện xưa cao quý nên có công đức, thần thông, hào quang ánh sáng và các lực vô úy v.v... trội hơn mười phương Phật khác, hiệu là A-di-đà. Cõi nước của Đức Phật A-di-đà gọi là Cực lạc hoặc An lạc, ở cách thế giới Ta-bà này về phía tây hơn mười vạn ức cõi nước. Do lời đại nguyện xưa và do sức thần thông, Ngài đang ở cõi nước ấy thuyết pháp nhiếp thọ tất cả chúng sinh niệm Phật ở khắp mười phương thế giới. Chúng sinh nào sinh lên cõi ấy đều được bất thoái chuyển, chỉ trong khoảnh khắc số đông đã không thể tính đếm được huống là trải suốt các kiếp thì số người được độ thoát sinh lên cõi ấy đông vô hạn, nhiều như bụi vi trần, hằng sa cũng không ví dụ được. Cõi nước của Đức Phật ấy trang nghiêm đẹp đẽ vượt trội hơn cả mười phương. Có nhiều ao báu lớn nhỏ đều toàn bằng bảy báu. Hoặc có ao rộng lớn mênh mông đầy nước, đáy toàn cát bằng vàng, quanh mặt ao có đường rộng dẫn xuống ao bằng những bậc thềm. Lại có nhiều tòa lầu các đồ sộ, chồng chất lên muôn vạn từng, rộng rãi đẹp đẽ, ánh sáng rực rỡ không thể kể xiết. Trong ao có nước tám công

đức trong xanh thơm mát bổ dưỡng đầy ắp làm mười bốn chi, theo dòng lên xuống các vật đẹp quý ấy vang lên tiếng giảng nói vô lượng pháp môn. Trong ao nước lại có sáu mươi ức hoa sen bằng bảy báu tròn đầy ngay ngắn. Nước chảy vào lá sen tỏa ra ánh sáng bốn màu. Các hoa thứ tự sắp theo ba hàng chín bậc, tỏa ngát hương thơm kỳ diệu, chiếu sáng khắp nước. Ở cõi nước ấy đất đai đều bằng phẳng, ấy là do nguyên lực mà thành. Trên mặt đất lại có bảy lớp rào (lan can), bảy hàng cây báu, cột báu đài tạ cờ xí, phan phướng, tàn lọng chuỗi ngọc, mỗi thứ đều nhiều vô lượng đẹp quý lạ lùng, có mặt khắp nơi để làm đẹp cho cõi nước ấy. Lại trên không trung thường mưa xuống các thứ áo trời, hương trời, hoa trời, nhạc trời, mỗi thứ đều nhiều vô số, lấp lánh rực rỡ bay tản mác khắp cõi hư không. Như thế vô số các vật báu trang nghiêm ấy đều toàn bằng vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, Tỳ-lăng-già, Chân-thúc-ca v.v... Các thứ kim cang, ma-ni, châu như ý, các báu tạo nên cũng không thể nghĩ bàn. Trong các vật báu ấy mỗi thứ đều phóng ra vô lượng trăm ngàn vạn ức ánh sáng bảo sắc chúa, lấp lánh soi chiếu vào nhau mỗi mỗi chiếu khắp cả tam thiên đại thiên thế giới. Các ánh sáng ấy giao chiếu nhau không hề trở ngại, tận bờ mé cõi hư không cũng sáng chiếu mãi không cùng tận. Như thế vô số mỗi mỗi ánh sáng mỗi mỗi thứ trang nghiêm đều cùng các thứ âm nhạc, hương hoa trời, các loài chim quý, các chuông quý kết thành lưới trong hư không cùng hòa giọng, tiết tấu êm ái, âm điệu trong trẻo Thánh thót, phát ra vô lượng vô biên âm thanh kỳ diệu. Âm thanh ấy ngân vang mãi khắp nơi không dứt, luôn luôn diễn nói về các thứ như: khổ, không, vô ngã, các pháp Ba-la-mật, khen ngợi đạo Bồ-đề, khen ngợi Phật Pháp Tăng, hoặc nói về tứ Niệm xứ, tứ Chánh cần, ngũ Căn, ngũ Lực, thất Giác chi, bát Thánh đạo, các hạnh của Bồ-tát, các đế, duyên, nguyện, độ, các lực vô úy, mười tám pháp Bất cộng, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả v.v... vô lượng các pháp môn không thể nghĩ bàn. Các pháp ấy thì đều dung thông vô ngại tất cả tâm, sắc, y báo chánh báo khắp mười phương ba đời. Và lại khuyên mọi người cố gắng tinh tấn giống y như tiếng Phật nói không khác. Chúng sinh ở cõi nước ấy khi nghe pháp rồi thì mỗi niệm đều tùy sự ham thích mà có thể nhanh chóng chứng nhập vào các thắng hạnh của Tam Thừa, có tất cả đạo phẩm, được vô lượng giải thoát, giống như nghe từ đích thân Đức Phật giảng thuyết. Dẫu là phàm phu, khi nghe pháp này rồi thì tự nhiên siêng năng tinh tấn, tâm không hề có một niệm mỏi mệt thì làm sao lại có lui sụt thối chuyển.

Lại ở cõi nước ấy toàn là người nam không có người nữ chỉ hóa

sinh từ hoa sen mà không hề ở trong bào thai, mặc đẹp ăn ngon lại hay thành tựu được pháp hỷ, cho nên tùy theo ý muốn nghĩ gì sẽ có nấy. Ở cõi ấy không có lạnh nóng, ngày đêm, không có sinh già bệnh chết, không có các núi đất đá, không có ba đường dữ, qua lại trên không trung, đi kinh hành dưới cội cây, hoặc muốn làm các Phật sự hay hóa hiện thần thông, tất cả đều do tâm nghĩ ra. Lại ở đấy có tuổi thọ vô cùng, các thứ vui sướng cũng vô cùng nên gọi là Cực lạc. Đó là chúng sinh và cõi nước, còn đức Thế Tôn Di-đà thì công đức, ánh sáng, oai thần, tướng đẹp... mỗi thứ đều có số tám vạn bốn ngàn, cao lớn như tòa núi vàng tía, ngồi trên tòa sư tử ở trong hoa sen thật to, trang nghiêm chói lọi, vượt cả hư không, biển cả núi cao không thể sánh kịp. Và lông trắng giữa mày, công đức càng thêm cao quý như ánh thái dương tỏa sáng át hẳn các ánh sáng khác. Trong hào quang ấy có vô số hóa Phật, Bồ-tát, Thanh văn đều phóng quang chiếu khắp các cõi nước nhiều như bụi vi trần để nhiếp thọ chúng sinh. Cả hai vị đại sĩ Bồ-tát cũng thế, tức Ngài Văn-thù-sư-lợi và Ngài Phổ Hiền Đại Hạnh và các đại Bồ-tát đều ở cõi nước ấy. Các vị Nhất sinh bổ xứ rất đông, các bậc thượng thiện nhân tụ họp ở một nơi đều là bạn hiền, vì cùng kính Phật làm thầy luôn gần gũi đấng từ dung nghe học Đệ nhất nghĩa. Nhanh chóng vượt thoát ba cõi liền chứng được vô sinh, vượt lên Thập địa cao siêu, tròn đủ hai giác, huống là trong từng niệm đều cúng dường mười phương Tam bảo thành tựu tất cả pháp môn, dùng thần thông dạo chơi khắp các Tịnh độ của chư Phật, cho đến nhập vào cả ba đường sáu nẻo phóng quang phá tan bóng tối, cứu khổ muôn loài. Hoặc phân thân khắp vô số cõi nước khác mà tùy căn cơ hoàn cảnh chúng sinh để giáo hóa dẫn dắt, tùy bệnh cho thuốc, mở rộng lòng Từ bi giống Phật. Trong mỗi niệm đều đầy đủ hạnh nguyện Phổ Hiền vẹn toàn trí tuệ Văn-thù, có sức mạnh lớn cùng đức Quán Thế Âm đồng chứng Bồ-đề, đồng ở chỗ Phật. Tất cả chúng sinh tuy còn mê muội ngu si nhưng nghe lời nói này hỏi ai không vui mừng mà sinh tin tưởng ưa thích. Song cõi nước kỳ diệu với mọi thứ trang nghiêm đẹp đẽ kia dù tất cả đều đầy đủ ở tâm ta, nhưng nếu không phải Đức Như Lai Di-đà ở đời quá khứ vì muốn độ thoát chúng sinh mà tu đạo Bồ-tát nhiều không kể xiết thì đâu được như thế. Nên biết rằng Đức Phật ấy thì hạnh nguyện vô biên, trang nghiêm vô tận, thế nên Đức Như Lai ở cõi nước ấy do đại nguyện đã tròn vẹn nên cõi báu riêng thành và y chánh báo trang nghiêm tất cả đều đầy đủ. Như thế tất cả cảnh giới y chánh trang nghiêm đó giả sử ở các cõi nước khắp mười phương có vi trần số Bồ-tát và Thanh văn nhiều như toàn thể số cát của một trăm con

sông Hằng mà dùng đại biện tài khen ngợi đúng thực các sự thể ấy thì suốt kiếp vị lai cũng không nói hết được. Nếu kẻ thiện nam tín nữ nào nghe nói như thế mà thành tâm tin ưa muốn sinh về cõi ấy thì nên theo đúng lời Phật dạy, trọn phát ba tâm, đầy đủ giới hạnh không phạm oai nghi, sau đó chánh tâm hướng thẳng quán tưởng về cảnh giới ở cõi nước ấy với tất cả y chánh có vô lượng thứ trang nghiêm đẹp đẽ kỳ diệu và quán tưởng về thân công đức, quang minh thanh tịnh với tám vạn vẻ đẹp của Đức Như Lai ấy, hoặc quán tưởng riêng về cảnh giới hay thân tướng đẹp, cho đến quán tưởng về ánh hào quang từ lông trắng giữa chặn mày phóng ra mà xa lánh tất cả hư vọng. Hoặc niệm danh hiệu từ một đến mười, từ một ngày đến bảy ngày thì trong khoảnh khắc nhanh chóng như thời gian kẻ dũng sĩ co duỗi tay liền được vãng sinh.

Như có người tin chắc là có cõi nước ấy, có Đức Như Lai ấy đầy đủ nguyện lực oai thần không hề nghi ngờ, chỉ hay nhất tâm bất loạn trì danh hiệu, không ước hẹn kỳ hạn thì cũng được vãng sinh lên cõi ấy, đâu cần phải đợi thân này chết đi rồi mới vãng sinh. Nên biết rằng Đức Phật Di-đà tiếp độ chúng sinh khiến họ thoát khỏi bể khổ, thương xót còn hơn cha mẹ vì ở trong kiếp trước, Ngài đã lập lời nguyện lớn là không khổ não nào không chịu đựng, không hạnh nào không đạt đến, không nguyện nào không lập, không pháp nào không giảng nói. Tất cả vì để độ thoát chúng ta mà có trăm ngàn phương tiện, nay chính lúc mắt ta nhắm nghiền thì Ngài liền duỗi tay tiếp dẫn. Trải suốt mười kiếp nhớ mãi không rời còn hơn banh xé cả tim. Lắm lúc thương quá Ngài dấn thân vào chốn sinh tử, trải khắp ba nẻo dữ, xông vào cả lửa đỏ ở địa ngục, không nài mệt nhọc khó khăn. Nếu tu biết hồi tâm hướng Phật như con thơ luôn nhớ thương mẹ hiền đau đáu bên lòng thì không đầy một niệm liền được vãng sinh, hà tất phải trải qua thời gian cả mười niệm rồi mới được vãng sinh.

2. Bác vọng bày chân.

(Phụ thêm bản vẽ nói về tâm cảnh chân vọng).

Người tu hành muốn cầu sinh về cõi ấy lánh xa chốn sinh tử thì trước hết phải nhận thức sâu sắc về tâm chân vọng cầu sinh lên cõi ấy. Vả lại nói về thế giới Cực lạc kia là ở cảnh hay ở tâm. Nếu là ở tâm thì chỉ là hư tưởng vì không có cõi nào để sinh đến cả. Còn nếu ở tại cảnh thì tuy có chỗ sinh nhưng lại mất tâm. Nếu là tâm cảnh cả hai đều cầu sinh thì thân và tâm ta là một đâu thể sinh hai chỗ. Nếu bảo tâm cảnh là một, nhất tâm cầu sinh thì từ nay tâm cảnh đã rõ ràng ra đó khó nói là một được. Lại Cực lạc và Ta-bà thì sạch nhơ có khác, huống là đức

Thế Tôn đã dạy khiến phải bỏ nhơ mà cầu sạch thì nói là một nghĩa sao được? Cả bốn trường hợp đều không thể cầu. Hoặc lại bảo nơi nào cũng là Tây phương Cực lạc cả, hoặc bảo tâm tịnh thì là Cực lạc, hoặc nói Cực lạc không lìa cái ấy. Nếu hiểu như thế thì đều gọi là tà kiến. Nhân đó tôi không thể nào làm thinh được. Nếu bảo Cực lạc ở tại tâm thì liền vọng nhân tâm này ở trong thân ta, mà đã ở trong thân thì phải gọi là cầu tâm chứ sao gọi là cầu sinh. Chẳng lẽ đức Thế Tôn ta biết Cực lạc ở tại tâm lại nói cõi ấy ở phương Tây cách đây mười vạn cõi nước. Há lại chẳng thể nói tâm ở bên trong mà chỉ nói cầu cảnh bên ngoài được sao? Nay tại thế giới Cực lạc ở phương Tây Đức Phật A-di-đà hiện đang nói pháp ở đó, cảnh thật đã rõ ràng. Đây là lời thành thật của Phật Thánh nói sao dám không tin? Nhưng không biết rằng cảnh Cực lạc ngoài tâm ảnh duyên này chính là chân tâm của ta. Chơn tâm của ta đây nó như biển cả không thêm không bớt, mà ông vọng bảo là cảnh, ông cho rằng cảnh Cực lạc ở trong tâm ảnh duyên. Mà tâm ảnh duyên này giống như một đóm bọt biển, sinh đó mất đó toàn vọng. Nay ông vọng bảo đó là tâm, rồi cố chấp vào cái vọng thấy này mà không tin là có cảnh Cực lạc ở bên ngoài, ông chỉ tin là nó ở trong tâm ảnh duyên của ông. Mà tâm ảnh duyên của ông không có tự thể không thể lấy tâm mà cầu sinh ở tâm. Mà không biết cõi Cực lạc kia tuy ở tại Tây phương nhưng Tây phương chính là chân tâm của ta. Mà chân tâm thì không có tự tánh, chính cái gọi là thể là cốt để hiển bày tâm ta, nên gọi thể vốn không cũng tức là tâm ta mà chỉ cái tướng của nó.

Tâm và cảnh là một thể, chúng sinh và Phật đồng nguồn. Cầu Đức Phật ấy chính là cầu tự tâm mình, không phải là cầu cái gì ở bên ngoài. Tìm xét tự tâm thì cần phải cầu Phật ấy, há lại lầm với người khác ư? Như thế thì lấy bỏ ham chán hừng hẫy chấp tướng mặc tình mong cầu đâu có ở ngoài tâm, vì tâm có đầy đủ tất cả thì biết được tất cả cảnh giới y chánh trong tâm tròn đầy này cho đến cả sắc và tâm, sạch và nhơ, chúng sinh và Phật, nhân và quả và các pháp khắp mười phương suốt ba đời đều bao gồm cả không sót và đồng thọ dụng. Nếu chỉ cầu một tướng bên ngoài thì rốt không thể được. Tuy là không có tướng bên ngoài nhưng không chia mà chia, sạch và nhơ rất rõ ràng. Cho nên phải biết như thế mà cầu, há lại đi cầu ở vọng tâm. Nguyện cầu như thế thì Phật sẽ chứng nhận. Còn nếu ở đời không biết bổn tâm, ngu si vô trí, không cầu Đức Phật ở Tây phương Cực lạc mà chỉ hướng vào vọng tâm ảnh duyên trong đống thịt của mình mà cầu rồi gọi là duy tâm Tịnh độ, bổn tánh Di-đà thì thật là quá xa xôi.

Song cõi nước Cực lạc ấy không phải nương vào ảnh duyên vọng tâm, lại sắc thân của Đức Phật ấy cũng không ở trong ấm thể của chúng sinh. Nếu nay ta hướng vào thân tâm duyên của bốn đại mà cầu ông Phật bổn tánh của mình, không cầu Đức Phật ở Tây phương Cực lạc thì vì vọng tâm có sinh diệt, nên ông Phật ấy cũng sinh diệt. Vì ông Phật có sinh diệt nên Tam-muội không thành. Dầu cầu mà có được thì chỉ thành ông Phật có sinh diệt, lại sinh vào cõi có sinh diệt mà không thành Chánh hạnh. Kinh nói: "Nếu lấy tâm luân hồi mà sinh cái thấy luân hồi thì dầu có thành tánh viên giác thì cũng đồng với luân hồi mà chuyển" là đồng với nghĩa này vậy. Nếu muốn lìa các vọng kiến vãng sinh thẳng đến cõi ấy thì chỉ nên cầu Đức Phật Di-đà cõi Cực lạc ở phương Tây cách đây mười vạn ức cõi nước. Nên lấy Diệu quan sát trí xứng tánh đúng thực mà quán tưởng thì sẽ khiến tướng đẹp bổn giác của Như Lai kia ở cõi ấy hiện ra hòa hợp với cái chân tâm thủy giác của chúng sinh. Sự phát minh này thì thủy bản thầm hợp, chúng sinh và Phật cảm thông thì Tam-muội liền thành, Chánh hạnh được lập, thì mới có thể sinh vào cõi không còn sinh diệt được, cho nên biết tâm này biến khắp mọi nơi không rảnh rang ở chốn địa ngục thì làm sao nghỉ ngơi được ở cõi Cực lạc. Nay chỉ là thuận tánh mà cầu lìa khổ ở địa ngục và cũng thuận tánh mà cầu sinh vào chín phẩm sen vàng ở Cực lạc. Chỉ luôn nương vào kinh giáo, thuận theo pháp âm của Phật mà cầu lìa khổ được vui, từ hàng phàm phu được vào bậc Thánh, thật không ra ngoài tâm tánh của chúng ta, nên gọi là Duy tâm Tịnh độ, bản tánh Di-đà, chứ không phải nói từ vọng tâm mà cầu vọng tâm không tự thể thì sao gọi được là Phật duy tâm bổn tánh ư? Nếu kẻ ấy hướng vào vọng tâm ảnh duyên của mình mà cầu thì sắc thân và sơn hà đại địa cùng các cõi nước ở mười phương đều là cảnh bên ngoài. Còn người hướng vào chân tâm bất động của mình mà cầu thì lập tức cả cõi nước mười phương, sơn hà đại địa đều là ở trong tâm. Nếu biết mười phương cõi nước chính là nội tâm thì nhồi thành một khối, cho nên ta mặc tình trong đó mà bỏ nhơ lấy sạch, chán cõi phương Đông ham thích cõi phương Tây, hoàn toàn không ra ngoài tự tâm, vì cho rằng thật có quả Phật và đại nguyện ấy hay tiếp dẫn chúng sinh cho nên hễ cầu thì được. Nếu bảo các cõi nước ở mười phương là ngoại cảnh thì sẽ chia thành hai khối, cho nên vừa động niệm thì liền trái với pháp thể, liền mất đi cái dụng, nên không được tự tâm. Vì chỉ khi nào tánh đầy đủ nhân Phật này không còn lực dụng nữa thì dầu có cầu mà vẫn không được. Lại vọng tâm thì chỉ là ảnh duyên hư vọng rồi lầm cho bên trong sắc thân này không có cõi nào để

sinh đến. Còn chân tâm thì gồm nuôi tất cả vô số cõi nước, vốn đầy đủ y chánh ở Cực lạc nên cầu thì liền sinh. Vọng tâm thì bỏ bên ngoài mà hướng vào trong, còn chân tâm thì tức ngoài là trong, trong mà không ngoài, cho nên cầu bên ngoài thì có tướng, quả, Phật tức là cầu chính tự tâm vì bên trong không phải thật có. Còn cầu bên trong mà ảnh duyên không tự thể nên không thấy tự tâm. Vọng tâm thì tâm và cảnh rạch ròi, còn chân tâm thì tức tâm tức cảnh, vọng tâm thì sinh diệt không căn cứ, còn chân tâm thì không lay không động. Vọng tâm thì ở nhân mà không quả, trước sau có sinh diệt, còn chân tâm thì nhân quả là một, tánh và tu giao nhau mà thông suốt, cho nên biết do chân tâm hay vọng tâm mà cầu có khác nhau. Nếu thế khi luận về thời gian thì ngày và kiếp đâu có dài ngắn khác nhau, còn luận về nơi chốn thì trời và đất chỉ là một. Nếu luận về thể, nếu là chân thì trong viên lại có đủ mười hư, nếu là vọng thì ở chính trong thân này. Còn luận về dụng nếu chân thì cắt đứt ngang Ta-bà mà thoát ngay cõi sinh tử, nếu là vọng thì là nấu cát làm cơm trải mấy kiếp cũng khó thành. Thế nên người tu phát tâm Bồ-đề cầu sinh cõi Tịnh độ, há chỉ cầu cái vọng tâm ảnh duyên của mình mà không cầu chân Phật ở Cực lạc Tây phương. Thật khá đau xót. Ví như muốn đi về hướng Tây mà cứ quay mặt về Đông, muốn bay lên cao mà ôm nhiều đá, tìm nước trong lửa, tìm lửa trong nước, làm sao được.

Than ôi, người thời nay không biết chân tâm ở khắp mọi nơi, chính nơi sắc làm rõ tự thể mà vọng nhận việc duyên trần ảnh gọi đó là bản tánh thật quá lầm vậy. Ví như có người nhận giặc cướp làm con thì cả gia tài báu vật đều bị mất hết. Việc phân biệt bóng mà vọng nhận là tâm thì cũng y thế. Nếu như biết con chính là giặc thì không bị giặc hại, biết ý là vọng thì vọng nào mà hại được, chỉ vì không thể nhận biết đó là y chánh báo Cực lạc vậy. Ngài Tứ Minh Pháp Trí Đại Sư nói sở dĩ có thuyết chỉ vọng tức chân, quán Phật, quán tâm v.v... mà trọn không hề bác bỏ thật cảnh y chánh Cực lạc thì đời sau đâu có bọn tà kiến như ong vỡ tổ, đám ma phỉ hẫy hừng phá diệt Phật pháp, đoạn dứt Phật chủng tánh. Vì mãi vọng chấp cõi Cực lạc nhiệm mầu kia là ở trong tâm ảnh duyên của ta mà không chịu cầu ở Tây phương, thì là quá mê lầm điên đảo vậy. Những kẻ ở trong vùng xa xôi hẻo lánh chưa hề nghe chánh thuyết, chỉ lấy cái tà kiến này mà lén lút truyền trao, mê hoặc lòng người, dù không chạy trốn cái khổ báo chốn địa ngục thì còn dung thứ được. Chứ như bọn tứ chúng xuất gia chúng ta đầu tròn áo vuông mà còn tin theo nhận thức ấy thì thật đáng thương xót. Nếu chính vì sinh tử thì phải xem lời nói này là đúng.

Nếu có kẻ chướng nặng không tùy thuận theo được pháp môn này thì càng nên xét kỷ vọng tâm ảnh duyên cảnh giới nó như thế nào? Cái tâm hư vọng này đã không có tự thể chỉ sinh diệt theo ta, rồi vọng nhận là ta. Vì vọng nhận là ta nên bảo tâm nào đang ở trong sắc thân ta, rồi bảo sắc thân ta đang ở trong thế giới, và bảo thế giới đây đang ở trong khoảng hư không này. Mà tánh hư không này thì rộng lớn khó lường bao gồm khắp các cõi. Như thế thì hư không là lớn mà cõi giới là nhỏ, tâm kém hơn thân, một niệm liền biến thành nhỏ, thật khó chỉ ra được. Há có thể lấy một niệm bé nhỏ yếu ớt của vọng tâm vô thể ở đó mà cầu được cảnh giới mầu nhiệm y chánh Cực lạc. Ở chỗ không thể cầu mà cầu đâu không quá lầm lạc. Đã hiểu rõ nghĩa này thì biết tánh không như thế là vô biên tuy không thể lường nhưng không ở ngoài cái tâm đại giác thanh tịnh của ta, tánh không ấy chỉ như là một vầng mây trong khoảng bao la xanh ngắt, huống là các thế giới ở trong khoảng hư không, huống là sắc thân ở trong thế giới này, huống là vọng tâm này ở trong sắc thân, cho nên biết đó là vọng chấp cái thân bé nhỏ này cùng cõi giới to lớn và khoảng hư không bao la, nhưng từ nhỏ nhặt cho đến to lớn thế nào đi nữa đều không ra khỏi cái bổn tâm ta hiện nay. Cho nên biết tâm ta như hư không còn khoảng không kia chỉ là hạt bụi. Tâm ta rộng lớn mênh mông không bờ không đáy gồm chứa khắp mười phương ba đời tất cả hư không vi trần cõi nước và tất cả sắc thân vọng niệm của chúng sinh. Cho nên muốn cầu một pháp ở ngoài tâm rốt không thể được. Cớ sao lại riêng cho Tây phương Cực lạc không phải ở ngoài tâm? Đã mãi lần lửa điên đảo còn không chịu rời thì nói gì đến việc trang nghiêm tịnh hạnh. Nếu muốn sinh về cõi Tây phương nhanh chóng thoát khỏi sinh tử há chỉ cầu bên ngoài mà được sao?

Kinh nói rằng nhận mê trong ngộ lấy mờ tối làm hư không, trong khoảng không mờ tối, kết tối đen làm sắc. Sắc xen vọng tưởng nên tưởng tướng làm thân. Nhóm duyên bên trong luôn động, hướng về bên ngoài chạy nhảy buông lung, lấy tướng tối mờ quấy rối làm tâm tánh. Một khi tâm mê thì nhất định là có mê mờ trong thân xác. Không biết rằng ngoài sắc thân cho đến sông núi hư không, đại địa đều là vật ở trong chân tâm diệu minh. Ví như trăm ngàn biển cả lắng trong mà bỏ đi chỉ nhận lấy một đám bọt bèo trôi nổi làm toàn thể, rồi bảo toàn là nước cả biển khơi. Các ông như thế là đám người mê trong mê, như ta nay rũ tay thì tất cả đều không khác.

Lại nói Minh tâm diệu giác ở khắp các cõi mười phương gồm nuôi các cõi nước của mười phương Như Lai, nó là cõi chúa Diệu giác

báu đẹp thanh tịnh. Lại nói các cõi hư không ở mười phương sinh ra trong tâm ông cũng chỉ là một vẩn mây điểm trên khoảng bao la xanh thẩm, huống là các thế giới trong hư không ấy. Quán theo nghĩa này thì các cõi và hư không ở khắp mười phương, y chánh, sắc tâm... đều là ta vốn có. Nay ta quyết định cầu vãng sinh ở cõi ta vốn có, cầu thấy Đức Phật vốn có thì có gì mà không được, mà bảo là cầu ở bên ngoài, vì ta đã nguyện cầu thì tâm liền cảm thấu. Đức Phật kia khi vì ta hiện ra thì chính là tâm Phật vốn có tự đáy sâu của ta hiện ra, tâm Phật chân thật ấy không hề từ ngoài đến, đã không từ ngoài đến thì khi Phật đó hiện ra tức là tâm ta hiện ra, khi tâm ta hiện ra tức Phật đó hiện ra. Tâm ta tức là tâm Phật ấy, Phật ấy tức là Phật của tâm ta, một thể không hai, tánh vốn viên dung. Cớ sao lại có thể bỏ đi Đức Phật nội tâm ở Tây phương Cực lạc mà vọng chấp là chỉ riêng có Phật duy tâm?

Hoặc hỏi: Tuy là vọng tâm há lại không đủ cả y chánh, sao lại phải khiến người cầu ở cảnh bên ngoài?

Đáp: Vọng tâm nếu đầy đủ tất cả pháp y chánh, há lại không đầy đủ cả Tây phương Cực lạc. Nếu biết Tây phương Cực lạc là thật cảnh nhất như với Ta-bà có thể cầu, có thể nói tâm đầy đủ. Nếu bảo tâm này là đó, ngoài tâm là cảnh không thật, thì đây chỉ là vọng tâm hư tưởng có gì là thật đâu mà bảo là tâm đầy đủ. Lại tâm tức cảnh thì gọi là chân tâm, tâm lìa cảnh thì gọi là vọng tâm cho nên biết chân vọng tuy đồng mà "tức và lìa" là khác, được "tức" thì mất "lìa", "tức" phải thì "lìa" quấy, ý chỉ rất rõ ràng.

Lại như Pháp sư Thiếu Khang tu nhân niệm Phật. Khi niệm danh hiệu Phật thì Phật trong miệng bay ra giống như các hạt ngọc liền nhau, hình dạng ấy lưu lại, khiến cả chúng hội đều thấy. Phật còn có hình tướng thì cõi nước sao chẳng thật có. Lại có một nhóm bảo đối với sự thì có, đối với lý thì không, hoặc bảo chốn chốn đều là Tịnh độ. Thật đáng thương thay cho đám người này lầm sâu khó bỏ. Lại như Ngài Nam Dương pháp sư thuộc phái Thiền tông đã vô tình nói pháp thoại với Thiền khách rằng: "Tuy tôi không chuyên nói về chỉ thú Tịnh độ nhưng cũng đau lòng vì đời Mạt pháp số người hướng về ảnh duyên mà cầu Phật thì quá nhiều." Cho nên ở đây không thể không nói đầy đủ.

Phần phụ: Hình vẽ nói về cảnh tâm chân vọng.

- Hình vuông lớn là dụ cho chân tâm đại giác không sinh diệt, lượng của tâm không thể lấy gì làm dụ, nên nay lấy hình vuông như thế.

- Hình tròn là dụ cho vô biên hư không ở mười phương.

- Mười hình vuông nhỏ là dụ cho mỗi vi trần số thế giới ở mười phương.

- Chữ tâm ở giữa thân người là dụ cho bụng ông hiện đang chứa ảnh duyên vọng tâm lục trần. Tâm vọng ảnh này đang ở trong thân ta, thân ta ở trong thế giới, thế giới ở trong hư không, hư không ở trong chân tâm đại giác sẵn có, cho nên biết hai cõi Đông thì dơ mà Tây thì sạch. Cảnh thật có hai hình, cách nhau mười vạn ức cõi nước đâu có thể ở trong tâm ảnh duyên hư vọng hiện tại của ông.

- Phật, Tổ có nói duy tâm Tịnh độ, bổn tánh Di-đà là ở đây lấy hình vuông mà dụ. Nó hay gồm chứa chân tâm thập hư đại giác không sinh diệt. Nếu bảo nó ở trong tâm ảnh duyên vọng tưởng hiện có của ông thì có thể bảo là mê hoặc qua mức vậy.

Kinh Lăng-nghiêm có nói: Ví như có trăm ngàn biển cả lắng trong lại bỏ đi chỉ nhận lấy bọt nước trôi nổi làm thể rồi bảo là toàn nước khắp các bể khơi. Đây thật là đám người mê trong mê, tức là nghĩa này vậy. Lại nói các hư không ở mười phương sinh ra trong tâm ông cũng như vẩn mây điểm trên khoảng không huống là các thế giới trong hư không há lại có thể lìa cái chân tâm vốn có của ta sao? Lại bảo hư không sinh trong đại giác giống như một bọt nước trong biển cả, vi trần cõi nước hữu lậu đều nương vào hư không sinh ra, như thế thì các cõi sạch nhơ không thể lìa chân tâm thì vì sao lại trở ngại mà trước tướng cầu sinh. Nếu hiểu rõ thì xa tức là gần, cầu tức không cầu, tự hợp với lý thú. Về hai tâm chân vọng này người xưa đã giải thích rất nhiều rất hay, không thể dẫn đủ. Kẻ tu hành há chẳng noi theo?

3. Quở trách hiểu lầm.

Niệm Phật Tam-muội gọi là Tam-muội vương là vì cảnh giới của nó rất sâu, rất khó cùng tột. Xưa nay các tổ sư truyền trao cho nhau không giống, đến như tông Thiên Thai nói là đầy đủ nhất thì Từ Ân, Hiền Thủ mỗi vị dẫn ra khá dài. Kịp đến Thiền tông của ta cũng rất sáng rỏ chỉ vì kẻ hậu học đần độn cạn cợt, không hiểu được chỗ hướng về, còn chưa lên tòa nói pháp đâu thể nhập thất ngồi yên. Chưa tìm được pháp môn mà dị kiến đã quá nhiều bèn đem thiền tông Lục tổ, chỗ đại sư trong Đàn kinh nói về Tịnh độ, trong đêm tối đoán mò, căn cứ vào lời nói mà hiểu càng rồi bảo vốn không có Tịnh độ, bất tất phải cầu vãng sinh, mà không biết là đại sư ta không phải chỉ nói tùy cơ nghi mà thật ra nghĩa rất phù hợp với ý chỉ của kinh. Vả như theo lời ấy thì chỉ nói Tịnh độ bất tất phải cầu sinh cũng không nói là không có Tịnh độ. Tịnh độ đã có thì lý vãng sinh tất rõ ràng, vì sao kẻ mới học lại chấp

ngón tay là mặt trăng. Nếu căn cứ vào lời Đại Sư nói thì: "Người mê thì niệm Phật cầu vãng sinh vào cõi ấy, còn người ngộ thì tự tịnh tâm mình." Lại bảo: "Người ở Đông phương chỉ cần tâm tịnh liền không tội, dầu người ở Tây phương mà tâm không tịnh thì cũng có lỗi. Người Đông phương tạo tội niệm Phật cầu sinh Tây phương, còn người Tây phương tạo tội niệm Phật thì cầu sinh vào cõi nào? Kẻ phàm phu không hiểu rõ không biết Tịnh độ ở trong thân nên nguyện Đông nguyện Tây, người ngộ thì biết đây là một thứ."

Lại nói Tịnh độ xa gần là do chúng sinh có thiện căn không đồng, mà cõi Phật đâu có xa gần khác nhau. Thế nên gọi là "bất tất phải cầu sinh". Song điều cần yếu là chúng sinh dứt hẳn mười ác và tám tà, tu đủ thập thiện và bát chánh, lại khiến biết rõ tâm địa tánh vương không lìa thân này, chỉ vì mê ngộ mà có khác. Nếu ngộ thì hay thật hành Từ Bi Hỷ Xả, các việc thiện, bằng, thẳng v.v... tức là Quán Âm, Thế Chí, Thích-ca, Di-đà. Nếu mê thì phân biệt người và ta, tâm tà hư vọng trần lao khác nhau tức là có cảnh núi Tu-di và biển nước, có các phe nhóm rồng, quỷ, địa ngục v.v... nay hiểu rõ ý chỉ của Đại Sư là chỉ hay tâm tịnh thì chỗ nào cũng đều tịnh. Thật ra nghĩa không khác gì với việc ở pháp hội Duy-ma, Đức Phật lấy chân bấm đất biến nhơ thành sạch, tất cả chúng hội đều tự thấy mình đang ngồi trên tòa sen báu nghĩa thật không hai. Đây là kinh này ý nói tùy mình tâm tịnh thì Phật độ liền tịnh, lời nói này thật đã sáng tỏ. Lời biện luận của Đại sư kia đâu chẳng khen ngợi tâm Phật rất phù hợp với ý kinh. Chỉ có Thánh nhân nói pháp giá và biểu không đồng. Có vị lại chưa diễn đạt hết, chớ nên dẫn pháp giá đó mà tự dối lừa huống lại là cả một tạng đại giáo điển. Hoặc có khi nói pháp giá tất cả đều quấy, thì là tất cả phải cầu vãng sinh. Hoặc có khi nói pháp biểu tất cả đều phải cầu vãng sinh. Hai cách nói này đều chính miệng Phật nói ra, nghĩa không hề sai khác. Đâu có thể chỉ riêng chấp lời nói về pháp giá mà liền vội vã bỏ đi cái nghĩa cầu vãng sinh của pháp biểu. Nếu ngay ở quả mà bảo cõi nước không cần phải bỏ nhơ lấy sạch mà chỉ cốt tịnh tâm mình thì Đại sư cũng sẽ bảo chỉ nên tịnh tâm mà thôi, bất tất phải khiến người đoạn dứt các nghiệp ác mà tu các hạnh thiện. Nay đã khiến người dứt ác tu thiện thì tất là đối với cõi nước cái nghĩa bỏ nhơ lấy sạch càng sáng tỏ. Cho nên khi Phật nói pháp giá là cốt muốn hiển bày cái pháp biểu khiến cầu vãng sinh, khi nói pháp biểu, chính là căn cứ vào pháp giá mà biết không sinh, cho nên biết Ngài Tào Khê khiến người đối với tâm làm nhân trước phải tịnh thì báo cảnh sẽ tự tịnh mà không khiến phải cầu sinh đó là pháp giá

vậy. Còn Ngài Lô Sơn khiến người nhập vào báo cảnh tịnh của Phật thì tâm là nhân phải tự tịnh nên dạy phải cầu sinh đó là pháp biểu. Song Phật và Tổ khi nói pháp thì nhân quả không hai, không trước không sau, hai nghĩa chưa từng trái nhau. Tuy khiến người có chỗ vào không đồng nhưng pháp thể vẫn là một. Vì sao người thời nay vừa nghe lời nói về pháp giá liền bảo là đúng và vội cho lời nói của pháp biểu là sai, rồi tự sinh ra chứng lui sụt. Thật đáng thương thay, mà không biết rằng Đại Sư nói pháp giá "không cần cầu sinh" chính là vì hiển bày pháp biểu khiến phải cầu sinh Tịnh độ vậy. Lại như đức Thế Tôn cả một đời Thánh giáo trải nói rất nhiều bộ kinh nhưng đều là một vị, nhưng đối với pháp hiển thuyết thì nhất định luôn khen ngợi sự nói thẳng rõ ràng, còn đối với nghĩa mật thuyết thì riêng rẽ nêu mật thuyết. Tùy các tông các bộ mà đặt ra biệt đàm, song há là Đức Phật ở đây không có biệt đàm kỳ diệu ư? Bởi vì muốn ứng hợp căn cơ khiến chúng hội phải vâng làm với ý chí không chút do dự. Nay ở cuối thời tượng pháp hộ trì tông giáo đâu không có chê bỏ hay khen ngợi. Đức Lục tổ vì muốn rộng truyền Nhất hạnh Tam-muội nên lý phải dẹp hết các thừa, còn Ngài Lô Sơn vì đặc biệt muốn phát huy niệm Phật Tam-muội nên khiến cắt đứt vượt ngang gồm nhiếp mọi căn cơ. Kẻ hậu học chớ nên lầm sinh hai cái thấy mà phải cân nhắc suy xét kỷ lưỡng.

Lại bảo người ở Đông phương, Tây phương hễ tâm tịnh thì không tội, tâm không tịnh thì có tội, chính là bảo ở Đông phương cảnh ác thô mạnh, Phật đã diệt độ rồi thì tâm càng khó tịnh. Cũng như kẻ tục ở tại gia nhà lửa muôn việc kéo níu nung nấu, dẫu có tu cũng mất, khác nào cục đá nhỏ cho vào nước liền chìm, cho nên cần phải cầu sinh Tây phương. Ở đấy Di-đà, Thánh chúng đều hiện tiền đầy đủ, cảnh đẹp hạnh sâu, đứa con đi hoang đã trở về, Đức Phật thân thiết dạy khuyên bổ ích. Còn như người xuất gia ở chùa, thiện duyên đầy đủ, quyết không còn thối chuyển, cho nên sinh vào cõi nước ấy thì tâm tịnh không tội, khác nào cục đá to mà được chở trên thuyền thì vào nước không chìm. Lại Đông phương, Tây phương thì lý vốn một thể. Cõi nước Phật ấy không phải chỉ cảnh đẹp, Đức Phật luôn hiện tiền nên hay phá trừ tội lỗi, tâm tất phải thanh tịnh, có thể bước lên Thánh địa, cho nên phải lánh xa ngay cõi Ta-bà mà cầu vãng sinh. Nếu là bậc có căn địa cao quý như Tào Khê Lục tổ còn hay dấn thân vào biển khơi sinh tử tầm khinh cứu khổ, giáo hóa chúng sinh thì đâu cần phải cầu sinh. Còn như các kẻ đạo lực chưa đủ, vọng bắt chước theo bậc tiên giác, tự mình không cầu sinh lại khuyên người cũng không cầu sinh, khác nào cứu vớt kẻ chết đuối mà

không thuyền bè, cả hai cùng chết biết làm sao đây.

Lại Đại sư ta thật sự là Lục tổ hoằng truyền Thiền tông, nhưng trong lời giảng dạy của Ngài đâu phải chỉ trình bày xiển dương về thiền Thiếu thất, nên Ngài có nói: "Tâm bình thì đâu cần gì cực nhọc trì giới, hạnh thẳng thì cần gì phải tu Thiền." Nếu căn cứ vào lời nói ấy rồi bảo không cần phải trì giới tu Thiền mà không biết ý Ngài bảo tâm đã bình thì ta đối với vật không còn bất bình, vật và ta đã bình thì đâu có thể giết thú vật khác để tự nuôi sống, cướp trộm của người khác để làm lợi mình, phân biệt trai gái để làm hạnh phi pháp, nói lời không chân thật lại hay uống rượu khiến say sưa li bì thì tâm bình đâu không thấy mà có tướng phạm giới này thì tất cả giới đều có đủ trong ấy. Há hoàn toàn không giữ giới lại cướp của giết hại v.v... mà bảo là tâm bình được sao? Thế mới biết lời nói "tâm bình cần gì nhọc công trì giới" chính là nói về sự to lớn của giới hạnh vậy.

Thiền là tiếng Phạm, dịch là Tịnh lự hoặc dịch là chánh định hoặc dịch là Nhất hạnh Tam-muội. Há có người nào đức hạnh chánh trực mà tâm lại lăng xăng không tịnh, còn trụ vào định mà không chánh thì hạnh đó có chỗ bất nhất. Thế nên biết lời nói đâu cần dụng công tu Thiền chính là nói về sự sâu sa của thiền định.

Đại sư có đức hạnh biểu tượng vượt hơn hàng trời người, đạo hưng thịnh nhất ở thời tượng pháp sợ kẻ hậu học chấp pháp dính mắc ở Tích nên đối với giới thể thì nói câu "đâu cần nhọc công trì giới" đối với Thiền cảnh thì nói câu "cần gì phải tu Thiền". Do đây mà ta lại biết là đối với pháp phải cầu vãng sinh Tịnh độ nên nói câu "cần gì phải cầu vãng sinh" vậy. Kẻ hậu học còn dính mắc ở Tích bảo rằng "thật không nên cầu vãng sinh" thật là ngu quá lắm. Bởi lời nói của đại Sư là "khuyên ngược" lời giảng của các tổ là "khen xuôi". Không phải "xuôi" thì không dùng để mở ra con đường tiến tu, không phải "ngược" thì không hiển bày cái tu viên đốn. Khuyên ngược khen xuôi đều là pháp không có thực mà chỉ dùng để ứng hợp với căn cơ lúc ấy. Cũng như nói "gặp Phật giết Phật" đâu phải là thật giết Phật? Nếu lời nói giết Phật là thật thì Văn-thù múa kiếm cũng thật là giết Phật ư? Dẫu có tuân theo lời cổ nhân mà không hiểu thấu lòng cổ nhân lại bảo thật đúng là "bất tất phải cầu vãng sinh" thì chính là chỗ nói "chất đề hồ vị ngon là vật quý bổ trên đời mà gặp hạng người này thì cũng biến thành thuốc độc". Thế nên Đại sư gọi đó là lý tam đế viên diệu, đối với có vãng sinh mà nói là không vãng sinh, đối với không tu chứng mà bảo là tu chứng, hai bên không được mà trung đạo cũng không còn, khiến

giáo thừa pháp môn viên đốn thản nhiên mà sáng tỏ rõ ràng. Như giơ cao mặt trăng mặt trời ở chốn tối tăm thì không đâu là không được soi sáng, mà lại bảo rằng Thiền tông đối với niệm Phật Tam-muội là yếu chỉ hướng về cõi Tịnh độ vẫn còn có chỗ chưa cùng tột được sao?

Phàm như ở Hà tây có Đạo Xước, Trường An có Thiện Đạo, Tín Nguyên thiền sư, Trí Giác, Từ Giác đâu không phải là những bậc kế thừa đều xa nhờ tiếng xưa để lại mà cố sức hoằng đạo. Còn các Ngài Đạo Trân, Hoài Ngọc phô bày hạnh nghiệp viên chiếu các sự việc linh nghiệm sáng rỡ. Huống là ngày nay chốn Thiền lâm tụng niệm cho các bệnh tăng và niệm danh hiệu Phật mười niệm trong lễ trà-tỳ để cầu vãng sinh, các việc đã được ghi đầy sách vở, thói quen phong tục hãy còn, càng chẳng lầm vậy.

4. Nói rõ về tuệ quán tâm Phật.

Vả chăng niệm Phật Tam-muội thật là con đường tất giúp tất cả quần sinh vượt thoát ba cõi, sinh lên chốn Cực lạc. Pháp môn này đầu tiên được nói ra ở núi Linh Thứu, tiếp sau nối nghiệp ở Lô Sơn, cả mười phương đều khen ngợi, các Tổ gìn giữ truyền trao nối tiếp nhau từ xưa cho đến nay, chỉ tiếc là các thuyết khá nhiều khiến kẻ hậu học không nắm được quy chỉ. Riêng phái Thiên Thai có pháp môn Tam quán thì lý bao trùm các kinh, hơn hẳn các thuyết, bẩm thọ được ý chỉ của kinh giáo thì ích lợi khó nghĩ bàn cho nên kẻ hậu học không thể không lấy đây làm thuyền bè.

Về Tam quán là một niệm tức không, tức giả, tức trung. Từ khi Đức Như Lai của ta nhắc lại cho đến các bậc trí giả được diệu ngộ, gọi đó là không thì tất cả đều không, giả thì tất cả đều giả, trung thì tất cả đều trung, cùng phá cùng lập, cùng không phải phá lập, viên dung dứt hết đối đãi, khó nghĩ khó bàn. Thống lãnh huyền môn các bộ, thấu suốt trí cảnh của Phật và chúng sinh, cùng tột cội nguồn của muôn pháp, hiển bày sự viên tu Tịnh độ. Nếu niệm Phật Tam-muội mà không có pháp môn này thì tất là chưa đạt đến chỗ tận cùng.

Ngài Tứ Minh Đại sư phát huy ý chỉ nhiệm mầu để dắt dẫn kẻ hậu học, hiện nay đều dùng lời nói này mà cầu sinh Tịnh độ. Tuy không ngoài các điều thiện nhỏ nhặt ở thế gian và các việc nghĩ tưởng, nhưng nếu không dùng pháp môn Tam quán Đại thừa tròn đầy mầu nhiệm để giải thích ý chỉ sâu xa của kinh Thập lục quán khiến người hiểu rõ mà bắt đầu thực hành thì không do đâu mà vãng sinh được. Phép quán là:

Trước tiên quán mặt trời lặn: Sở dĩ trước phải đưa cái tưởng là hướng về cõi Phật kia. Người tu hành sơ tâm tuy hiểu căn trần đều là

pháp giới, nhưng tâm tưởng yếu kém, thắng cảnh khó hiện, thế nên Như Lai đặt ra các phương tiện khác tức lấn mặt trời lặn làm cảnh, tưởng ra mặt trời trong khi quán. Người vẹn toàn hiểu biết kỳ diệu thì biết rõ rằng năng tưởng vốn đầy đủ tất cả pháp y chánh. Nay lấy tâm đầy đủ mặt trời mà duyên với mặt trời tức tâm khiến mặt trời bổn tánh hiện rõ trước mắt. Đây bèn lấy tâm pháp giới duyên với cảnh pháp giới mà khởi lên mặt trời pháp giới. Tất cả đều là pháp giới thì đâu không là tức không, giả, trung, đây là trình bày tổng quát. Nếu luận riêng về công của mặt trời thành tam quán, vì căn cảnh không tịch nên mặt trời tâm vô ngại. Vì duyên khởi mà giả lập, cho nên mặt trời nhiều tưởng sinh ra vì tâm mặt trời ấy đều là pháp giới, cho nên đương thể sẽ hiện bày. Quán mặt trời đã thành thì cả ba quán đồng ở một tâm, không phải một không phải ba mà một mà ba, không thể nghĩ bàn. Quán mặt trời đã thế thì quán các thứ khác cũng thế. Nên biết tất cả mười sáu thứ đều dùng không, giả, trung một tâm ba quán để làm pháp của tưởng tướng.

Kế đến là quán nước trong, lại tưởng thành băng. Bởi vì ở cõi Tịnh độ thì lưu ly làm đất, đất này khó tưởng nên khiến phải tưởng băng, tưởng băng đã thành thì đất báu ở cõi ấy sẽ dễ thấy. Như trên thì việc quán mặt trời lặn và quán băng là để làm phương tiện.

Sau đó quán đất đai, cây cối, ao hồ, rồi quán chung cả về lâu đài, đất đai, ao hồ v.v... từ trên là sáu quán đều dùng để quán y báo ở cõi ấy. Rồi quán đến tòa hoa sen là chỗ đứng, ngồi của ba Thánh. Quán bảo tượng, phân biệt rõ hình tướng của ba Thánh. Muốn quán Phật thì trước phải quán tòa ngồi, vì Phật thiệt khó quán nên trước phải quán hình tượng cho đến khắp quán vãng sinh, quán xen cả Phật và Bồ-tát v.v... Bảy quán đều là để quán chánh báo ở cõi này. Cả ba quán sau là nói rõ người thuộc ba bậc chín phẩm từ cõi này sinh lên cõi ấy là do nhân tu không đồng nên cảm được quả cao thấp khác nhau. Nay cũng quán là khiến người tu biết rõ ba phẩm hơn kém mà bỏ các bậc trung hạ, cố gắng tu tập để được vãng sinh lên thượng phẩm. Song các quán đều căn cứ theo các tướng được chỉ bày trong kinh nói, nhớ giữ trong tâm làm cảnh sở quán, vẫn là hiểu rõ tự tâm đầy đủ các pháp này, nhờ cảnh để tưởng thành là để tâm phát sáng tâm mình. Lại tên kinh là Phật thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật kinh, thì Phật chính là thắng cảnh được quán, vì nêu chánh báo để gồm thâu y quả. Nói về hóa chủ mà gồm chỉ cả đồ chúng, cho nên tuy có phép quán mà quán Phật là gồm khắp, nên chỉ nói quán Phật ấy thôi. Muốn quán Phật ấy thì trước phải quán sắc thân Phật ấy to rộng như hư không đoan nghiêm vi diệu. Mỗi phần trên thân

đều đủ tám vạn bốn ngàn tướng, trong mỗi tướng đủ tám vạn bốn ngàn vẻ đẹp mỗi vẻ đẹp đủ tám vạn bốn ngàn ánh sáng, mỗi ánh sáng có mỗi mỗi thế giới hải, trong thế giới hải có tất cả mười phương chư Phật, Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác, tăng chúng mỗi mỗi đều rộng lớn vi diệu không thể kể xiết. Chỉ nên nhớ tưởng khiến tận mắt thấy tâm. Nhìn thấy các việc đó tức là thấy được mười phương chư Phật, vì nhìn thấy được chư Phật nên gọi là niệm Phật Tam-muội. Thật hành quán này thì gọi là quán tất cả thân Phật, vì quán thân Phật nên cũng thấy được tâm Phật. Tâm Phật là đại Từ bi, lấy vô duyên từ mà nhiếp độ chúng sinh. Người tu quán này khi bỏ báo thân này thì sẽ sinh ra trước chư Phật, được vô sinh nhẫn.

Lại nói quán Phật Vô Lượng Thọ là từ một tướng đẹp mà vào, tức chỉ quán sợi lông trắng ở giữa chặn mày khiến rất sáng rỡ rõ ràng. Thấy lông trắng ở chặn mày có đủ tám vạn bốn ngàn vẻ đẹp tự nhiên hiện ra. Nhìn thấy Đức Phật Vô Lượng Thọ tức là nhìn thấy mười phương vô lượng chư Phật, vì thấy được vô lượng chư Phật nên chư Phật hiện ra thọ ký. Ấy là khắp quán tất cả tướng sắc thân, cho nên biết mười sáu diệu quán này thì quán thân Phật là cốt yếu. Cả tám vạn tướng đẹp đều tưởng khó thành nên bảo chỉ quán tướng lông trắng giữa chặn mày to như năm núi Tu-di. Nếu tưởng này đã thành thì tám vạn tướng đẹp đều hiện rõ. Đây là yếu môn vậy. Nếu đã tu các quán trước thì tâm được lanh lợi, các quán đã rộng lớn sâu chắc thì có thể xứng với lượng sợi lông giữa chặn mày mà quán, khiến cho cả tám vạn tướng đẹp tự nhiên đều hiện. Trong lời sớ khiến kẻ quán yếu kém về tướng lông chặn mày chính là vì kẻ chưa tu các quán trước và kẻ có tu quán mà chưa thành. Cho nên đối với việc tu quán thân Phật là tướng đáng quán của kẻ mới phát tâm vì đó là cửa vào Tam-muội vậy.

Lại Ngài Từ Vân pháp Sư bảo là chỉ nên tưởng thẳng kim thân Đức Phật A-di-đà một trượng sáu đang ngồi trên tòa sen, chuyên chú vào một tướng lông trắng giữa chặn mày, lông này dài một trượng rưỡi, chu vi là năm tấc, vòng ngoài tám cạnh, bên trong rỗng không, soắn về phía tay mặt, ở giữa chặn mày sáng sạch trong suốt không thể kể xiết, kim nhan sáng chói, đường nét rõ ràng. Khi thật hành quán này nên chuyên tâm chú tưởng bền chắc vào một chỗ không dời. Nếu tưởng này thành thì Tam-muội liền hiện tiền. Thế nên kinh Quán Phật Tam-muội có nói: "Nếu người chí tâm cột niệm, ngồi ngay quán niệm sắc thân, phải biết tâm mình như tâm Phật, cùng Phật không khác. Tuy ở giữa cảnh trần lao mà không bị các bụi trần che lấp nên tu quán này chính là

thật sự niệm Phật. Thế nên biết công đức quán Phật việc như thế. Lại tướng đẹp đẽ sáng suốt to lớn vi diệu của Đức Thế Tôn kia, các chúng sinh hẹp hòi yếu kém tưởng niệm khó thành. Nên Phật khiến trước khi quán chân thân Phật cần nên quán hình tượng. Phật tất phải ngồi trên tòa, nên trước phải quán tòa. Khi quán tòa ngồi đã thành rồi thì tiếp đó quán hình tượng. Kinh nói rằng: "Chư Phật Như Lai là thân pháp giới, nhập vào tâm tưởng của tất cả chúng sinh, thế nên tâm của ông khi tưởng Phật thì tâm đó tức là ba mươi hai tướng, là tám mươi vẻ đẹp, tâm đó làm Phật, tâm đó là Phật. Chư Phật là Chánh biến tri hải, từ tâm tưởng mà sinh ra. Thế nên cần phải nhất tâm quán chắc vào Đức Phật ấy. Về thân pháp tánh của báo thân Phật. Đầy đủ thỉ giác gọi là Báo Phật tột bày bổn giác gọi là thân pháp tánh, thỉ bổn ngầm thông nhau hay khởi ứng dụng. Song không phải chúng sinh năng cảm thì chư Phật cũng há năng ứng sao. Năng cảm như nước, năng ứng như mặt trời, thế nên thỉ giác hợp với bổn giác cũng như mặt trăng đang rực sáng trên khoảng không. Khi nhập vào tưởng tịnh như bóng mặt trăng hiện khắp trăm sông. Có cảm có ứng, hai đạo này giao nhau, đó là nghĩa nhập vào tâm tưởng chúng sinh vậy.

Lại thân pháp giới tức là thân Phật không có nơi nào không biến khắp nên lấy pháp giới làm thể. Nếu hay được cái quán Phật Tam-muội này thì tâm quán giải sẽ khế nhập vào Phật thể, Phật thể nhập vào tâm quán giải. Đây chính là thỉ giác giải bổn giác, thế nên bổn giác nhập vào thỉ giác. Có giải có nhập, hai thứ này tương ưng, đó là nhập vào tâm tưởng chúng sinh vậy. Phải biết tâm quán hiện nay không phải là ngay ở ấm tâm mà quán bổn tánh Phật đó là nhờ Phật khác để hiển sáng bổn tánh. Thế nên trước nói Ứng Phật nhập vào tâm tưởng của ta, sau mới nói thân Phật toàn là bổn giác, cho nên Ứng Phật hiển rõ biết bổn tánh sáng suốt nghĩa nhờ bên ngoài được thành, quán duy tâm được lập. Cả hai nghĩa đều thành tức là pháp quán này vậy.

Lại trong kinh nói tâm đó làm Phật, tâm đó là Phật. Do đó chỉ rõ quán Phật hiện nay phải biết rõ tu và tánh không có hai ý chỉ. Nói làm Phật thì có hai nghĩa: Một là tâm tịnh thì hay cảm được ứng Phật ở phương khác. Nghĩa là pháp thân chư Phật vốn không có sắc tướng, do chúng sinh tâm tịnh nương vào nghiệp thức mà huân pháp thân Phật nên hay thấy được sắc tướng cao quý của Ứng Phật. Hai là, Tam-muội hay thành quả Phật của mình, nghĩa là chúng sinh dùng tịnh tâm mà tưởng, thành tựu được quán Phật Tam-muội nên hay khiến chính mình trọn thành quả Phật. Hai nghĩa này trước là nói làm Phật khác, sau nói làm

Phật mình. Phải biết rằng quả Phật là từ chứng mà có chứ không phải là tự nhiên mà được, tức "là" mà "làm", toàn tánh thành tu hiển rõ chẳng phải tánh đức tự nhiên là Phật.

Nói là Phật cũng có hai nghĩa: Một là tâm tức là Ứng Phật. Trước nói Phật vốn không hình tướng vì tâm cảm nên có thì tâm Phật có và không khác nhau rõ ràng, nay mất cái thấy này cho nên chính tâm chúng sinh liền hoàn toàn là Ứng Phật, do lìa ngoài cái tâm này lại không có Phật nào khác. Hai là tâm tức là quả Phật. Vì tâm đã là quả Phật cho nên biết không có cái nhân thành Phật. Vì trong tâm chúng sinh đã luôn có Đức Như Lai ngồi kiết già ở đấy, há phải đợi ở vị lai mới thành quả Phật. Hai nghĩa này nghĩa trước là Ứng Phật, nghĩa sau là quả Phật. Phải biết quả Phật vốn đã đầy đủ, không phải từ duyên mà thành, tức "làm" mà "là", toàn tu mà thành tánh, hiển rõ không phải do nhân duyên tu đức mà thành Phật. Nếu lấy "làm, là" hiển rõ ba quán thì không phá, giả lập đều gọi là làm. Đó tức là quán nhị biên. Còn không phá không lập thì gọi là "là", là quán Trung đạo. Toàn "là" mà "làm" thì ba đế cùng phá cùng lập. Toàn "làm" mà "là" thì ba đế cùng không phải phá lập, tức không, giả của trung mà gọi là "làm" thì hay phá được ba hoặc, lập ra ba pháp, cho nên cảm được ba thân viên ứng của Phật khác, hay thành được cái quả ba thân ở trong tâm ta. Tức trung của không giả mà gọi là "là" thì toàn là thể hoặc tức là trí, toàn thể chướng tức là đức, cho nên tâm là Ứng Phật, tâm là quả Phật, cho nên biết hai nghĩa "làm" và "là" mà một tâm tu hành, chính ba quán không thể nghĩ bàn là tổng thể của mười sáu quán, diệu tông của một kinh vậy. Văn từ đó mà ra, nghĩa khắp trước sau. Thế nên người tu phải dùng ý này mà tu nhân Tịnh độ.

Có kẻ hỏi sao không dựa vào các điều kinh nói chỉ lấy tưởng sự sinh thẳng về Tịnh độ, lại bày ra môn Tuệ quán khiến kẻ mới tu khó vào?

Đáp: Nói tuệ quán hay tưởng sự cho đến việc thiện nhỏ nhoi của người chỉ cần được nhất tâm là có thể sinh về Tịnh độ, chỉ có điều là thô, diệu không đồng thôi. Thô thì chỉ là tưởng sự, diệu thời chuyên nơi quán tâm.

Lời sớ nói: Bởi vì viên giải hoàn toàn khác xa Tiểu thừa. Tiểu thừa mê muội duy tâm, Phật từ ngoài tâm mà có, cho nên thể của tâm Phật ấy không đồng. Người tu Đại thừa đều biết một tâm ta đều đủ tánh chư Phật, nhờ cảnh để tu quán, tướng Phật liền hiện bày. Nay quán Di-đà lấy y chánh làm duyên để hun đúc tâm tánh. Tâm tánh có đủ cả y chánh Cực lạc, do hun đúc mà phát sinh, tâm đủ mà sinh há lìa tâm tánh.

Toàn tâm là Phật, toàn Phật là tâm. Trọn ngày quán tâm trọn ngày quán Phật, ý chỉ ấy rất rõ ràng vậy.

Lại nên hiểu biết pháp giới viên dung, thể nó khó nghĩ bàn, làm cái tâm một niệm của ta cũng lại nêu cái thể làm chúng sinh, làm Phật, làm y, làm chánh, làm căn, làm cảnh, một tâm, một hạt bụi... cho đến một hạt cực vi đều là toàn thể pháp giới mà làm, vì mỗi một pháp thì toàn pháp giới đều làm cho nên nêu ra một là viên dung toàn phần pháp giới. Đã toàn pháp giới thì còn có một vật nào không đủ các pháp vì tất cả pháp mỗi mỗi đều đầy đủ tất cả pháp. Thế nên nay ta lập ra những nghĩa duy sắc, duy hương v.v...

Lại nói rằng Tỳ-lô-giá-na biến khắp tất cả chỗ, tất cả các pháp đều là Phật pháp. Đó là ông Phật tánh đức của chúng sinh, không phải mình, không phải người, không phải nhân, không phải quả, tức là cái thể đại giác viên thường. Cho nên biết cái thể quả Phật tròn sáng tức là tánh đức sẵn đủ của hàng phàm phu ta, cho nên bốn Tam-muội gọi chung là niệm Phật. Nếu như cái quán môn này mượn cảnh y chánh ở cõi An dưỡng kia dùng quán vi diệu chuyên từ Phật hiện bày cái thể chân Phật. Tuy mượn nhờ cảnh ấy mà phải biết y chánh đều cùng ở một tâm. Tâm tánh cùng khắp, không pháp nào mà không tạo ra, không pháp nào không đầy đủ. Nếu có thấy mảy may pháp nào từ ngoài tâm sinh ra thì không gọi là quán Đại thừa được.

Lại kinh Nhân Vương Bát-nhã nói Phật hỏi vua Ba-tư-nặc: "Ngài dùng tướng nào mà quán Như Lai?" Vua thưa: "Con quán thân Thật tướng, quán Phật cũng thế, không có mé trước, mé giữa, mé sau, không trụ ở ba mé, mà không lìa ba mé, không trụ ở năm uẩn, mà không lìa năm uẩn, không trụ ở bốn đại mà không lìa bốn đại, không trụ ở sáu xứ mà không lìa sáu xứ, không trụ ở ba cõi mà không lìa ba cõi. Cho đến không phải thấy nghe hiểu biết vì nói năng bặt dứt, tâm hành xứ diệt, ngôn ngữ đạo đoạn, đồng với chân tế, ngang bằng pháp tánh. Con lấy tướng này mà quán thân Phật Như Lai." Phật bảo: "Nên như thế mà quán, quán khác đi tức là tà quán", nghĩa này thật càng sáng tỏ.

Lại hỏi: Nếu thế, tại sao không quán thẳng cái vẻ đẹp nhiệm mầu của chân thân ở cõi ấy, mà kinh này lại dạy người phải trước quán hình tướng?

Đáp: Đức giáo chủ cõi Ta-bà khen ngợi cảnh Cực lạc là cốt dắt dẫn chúng sinh lìa khỏi ngủ trược, dạy ta quán pháp thân của Đức Phật ở cách xa sáu mươi vạn ức na-do-tha do-tuần, mà trước phải quán tượng báo ở trên đài hoa là vì đặt ra phương tiện, khiến quán thô mà thấu

diệu. Kế đến lấy hình tượng cao một trượng sáu, một trượng tám, là tùy thuận kẻ phàm phu thấp kém, khiến quán nhỏ mà thấy lớn. Bởi vì tướng thô diệu khác nhau thì đều từ tánh mà khởi tu, lớn nhỏ khác hình đều từ bổn mà đến tích. Cái tánh năng quán đầu tiên không khác thì cảnh sở quán đâu thể so lường, cho nên nói viên đốn một tiếng khắp đủ, về khai thị thì có thứ lớp mà không phải dần dần, tùy thuận theo căn khí mà không thiên lệch, cùng mở quán môn, toàn bày Thật tướng. Nguồn gốc của hình tượng và lời dạy chẳng phải từ đây sao! Đây là ý chỉ thẳng tắt của niệm Phật Tam-muội, luận bàn trước sau không hai, là đạo Đại thừa viên đốn, như mặt trăng mặt trời cùng khắp soi thiên hạ đời sau, khiến họ biết tâm chân vọng, tức một mà không đồng, mà lý có chỗ đạt tới vậy. Đó gọi là không lìa nhật dụng, giải hạnh, quán tuệ thảy đều đầy đủ. Người tu học há chẳng cố gắng hết lòng ư.

5. Chánh quán đạo tràng, tôn tượng, niệm Phật.

Về quán tuệ Tam-muội phải lấy ý chỉ quán tuệ này mà quán y chánh ở cõi Cực lạc kia khiến tâm này thuần thục, lý tâm và cảnh là một mà vãng sinh thẳng đến cõi ấy.

Đạo tràng chánh quán, tức là người ấy đã đạt được ý chỉ của quán tuệ nhưng việc đối đãi của lục căn hãy còn lưu lại trần cảnh, hoặc là có lui sụt, cho nên đối với đạo tràng, Thánh tượng cho đến các vật cúng dường trang nghiêm như y chánh ở cõi Cực lạc đều đồng một thể mà quán. Người tu hành tuy chưa lìa cõi Ta-bà nhưng vì tâm quán này làm một nên như đã sinh về cõi Tịnh độ rồi vậy, do vậy lúc mạng chung đều được cảm ứng. Vã như người tu hành làm việc sám hối, cúng thờ trang nghiêm đạo tràng thanh tịnh cho đến chỉ một hương một hoa thì đâu chẳng tức là lý ba đế kia. Nếu không dùng đế lý này mà trong mọi sự đều chánh niệm quán sát khiến hạnh cao quý kia có chỗ nương về thì đối với đạo Viên đốn Đại thừa không thể mở bày sáng tỏ. Như ở cõi Phật kia có vô lượng tất cả đồ vật trang nghiêm đều do kẻ mới tu hạnh Bồ-tát ở cõi ấy lúc tu nhân mà cảm nên hạnh, nhân hạnh đã lập thì quả độ liền hiện tiền, cho nên các vật trang nghiêm đẹp đẽ vô tận. Nay chúng ta quán quả biết nhân thì biết Tam-muội và đạo tràng mỗi mỗi đều trang nghiêm cùng với nhân quả cõi Cực lạc kia không hai, đâu chẳng phải là mỗi mỗi đều thành đại Tam-muội hiển bày các pháp môn viên dung vi diệu như cõi Cực lạc v.v... không sai khác, cũng tức từ đủ các vật trang nghiêm ấy làm thân tướng đẹp đẽ. Cúng thờ thân tướng không kia không đây, không một không nhiều, chánh y cùng dung nhau hiển bày lý pháp giới như các cõi nước chư Phật khó thể nghĩ bàn, há

có thể xem là cây đất tạo nên cảnh ấy ư? Cho nên biết hoặc cảnh hoặc tâm, hoặc thân hoặc cõi đều đồng một thọ dụng tự tại vô ngại.

Kinh nói rằng do các Ba-la-mật mà sinh tất cả lọng báu, đối với tất cả cảnh mà hiểu biết thanh tịnh thì sinh ra màn hoa, do vô sinh pháp nhẫn thì sinh ra tất cả y phục, tâm nhập vào pháp kim cang vô ngại thì sinh ra các lưới chuông, tâm hiểu tất cả pháp là như huyễn thì sinh ra mùi hương bền bĩ. Tâm là tòa ngồi của Như Lai cùng khắp các cảnh giới Phật thì sinh ra tất cả các toà ngồi báu đẹp, tâm cúng dường chư Phật không lười trễ thì sinh ra tất cả cờ xí, tràng phan báu, tâm hiểu các pháp như mộng mà hoan hỷ thì sinh ra tất cả cung điện báu nơi ở của Phật, không vướng mắc thiện căn thì sinh ra tất cả mây hoa sen báu v.v... lấy đó mà quán thì biết cảnh y chánh Cực lạc do Di-đà Như Lai đã hoàn thành các nhân hạnh nên nay chiêu cảm được các quả ấy. Đạo tràng này của ta đã là nhân sinh vào Tịnh độ ấy, nhân hơn kém tuy không đồng hoặc nhiều như nước biển cả hoặc ít như vài giọt nhưng chất vị há chẳng đồng một thể ư. Nhân nghĩa ấy, trong đạo tràng, lục căn đối với hương hoa, đèn đuốc, lọng báu, phướn đẹp, tất cả các vật cúng dường cho đến y phục, ngọa cụ, ăn uống, thuốc men, các vật dùng hằng ngày dù một sắc, một hương cho đến một hạt bụi cực vi không gì không phải là Tam-muội, không gì không phải là pháp môn, đều có thể khiến người phát sinh hiểu biết kỳ diệu, ngộ tâm chứng Thánh. Tuy chưa nghe tiếng cũng hay biểu hiện các đại pháp môn như niệm Phật Tam-muội, tức cũng là tất cả thân chúng sinh và Phật, cảnh, trí vô ngại, cũng hay cùng ta đồng hạnh, làm pháp lữ thật sự. Người tu hành dám coi thường khiến không phát ra diệu ngộ mà đều có thể sinh vào cõi ấy được ư?

Kinh nói rằng thiền định luôn giữ tâm vào một duyên, trí huệ hiểu rõ cảnh đồng với Tam-muội nghĩa cũng như thế. Nếu hay thật hành quán này thì căn cảnh đồng một, đâu chỉ có Tam nghiệp của ta mới là hay tu. Lại như địa ngục đủ mọi khổ hình, dao, gậy, kiếm lửa vì người ấy trước đã tạo các ác nhân nên khiến như thế, mọi thứ động đậy đều là rắn rít chó dữ, làm sâu bọ chim chóc chui vào xương, rút vào tuỷ gây nên các đau đớn khổ não. Huống là các vật trang nghiêm ở giữa đạo tràng mà không phải là đồng nguồn với y chánh, đều là pháp giải thoát cùng ta đều thành Tam-muội ư? Lại các thứ trang nghiêm trong đạo tràng hình vật đều khác, còn có thể khiến người phát diệu giải, huống nay phụng thờ tôn tượng cung kính cúng dường, hết lòng hết chí như cha mẹ, há chẳng khiến ta giải thoát nhanh chóng sinh vào nước An dưỡng. Vả như tượng một Đức Phật và hai vị Bồ-tát đặt trong đạo tràng, làm đích để

nhắm vào đó mà sám hối là chủ, các tượng khác là bạn, gọi chung là chánh, còn các vật trang nghiêm đều gọi là y, chủ bạn, y chánh cùng với y chánh ở cõi Cực lạc kia thô diệu không đồng. Nhưng cái tượng chủ ấy có bao nhiêu thần thông nguyện lực đồng với chân thân Phật, vái lạy thì linh, cầu xin liền ứng, có gì sai khác. Đã không sai khác thì đối với hình tượng này đâu có thể chỉ xem như gỗ đất keo sơn sắc vàng tạo nên, mà không quán là chân thân tướng hảo đại nguyện của Phật ở Tây phương Cực lạc ư? Nếu đối với lượng mà không thấy chân thân thì tâm ấy không phải chuyên nhất, Tam-muội khó thành, diệu ngộ không sâu chắc, lỗi lầm lắm vậy. Bởi nay đối với tượng mà thấy cùng với chân thân thật không hai, chỉ vì Phật ấy lòng đại Từ cùng khắp với thân không hai mà tùy cơ nghi ứng hiện, bày chân hiện hóa, hoặc hiện rõ hình tượng, mà ta vì nhãn chướng quá sâu, đối trong một pháp chỗ thấy riêng có khác, nên đối với chân thân Phật mà gọi là tượng vậy thôi, thì biết tượng này há là tượng thật. Ví như trong Quán kinh, Đức Phật tiếp dẫn ba bậc chín phẩm cũng tùy phẩm vị của họ mà khiến có hơn kém khác nhau không đồng. Cho nên biết việc ta thấy tượng thật cũng là cái thấy riêng của ta, đâu phải lòng Từ của Phật không khắp mà hiện ra với ta là tượng ư. Song dầu chỗ thấy không đồng mà Di-đà chỉ là một thể. Lại như kinh nói sám hối luôn thì nhãn chướng mỏng dần sẽ thấy được tòa ngồi, rồi sẽ thấy được một Phật, hai Phật. Khi chướng càng mỏng thì dần dần sẽ thấy Phật biến khắp cõi hư không. Lấy đó so đây nếu tâm ta sám nguyện cầu vãng sinh cùng lý tương ứng thì trước thấy tượng và hóa Phật, sau mới có thể thấy được chân thân Phật.

Lại như ở Hoa Nghiêm hội thượng thì thể Phật vốn một mà chúng đại Bồ-tát thì thấy Phật là thân Xá-na rộng lớn vô lượng trên mão trời trang nghiêm. Còn hàng Tam thừa thì thấy Phật là thân thầy Tỳ-kheo già giáng sinh từ vương cung. Bọn ta là phàm phu cho nên phải thấy thân Phật do gỗ đất tạo thành. Nếu không thế thì tại sao kinh Phổ Hiền quán lại nói chỉ sám hối tội của mắt mà được thấy Phật. Thế nên biết Phật vốn là một thể nhưng hoặc chân hay tượng thì thật ra là do người thấy có khác. Lại như chuyện xưa có người khắc gỗ làm mẹ, thân mẹ vốn là gỗ nhưng người con nhờ đó mà tìm mẹ mình, hoặc cung kính hoặc khen ngợi thì người mẹ gỗ cũng có sắc vui hoặc ôn hòa giống y như mẹ thật. Ở thế gian lòng hiếu cảm còn được thế huống là Phật ta có vô lượng đại nguyện thần thông tức tượng chân thật không bằng người mẹ gỗ sao? Huống xưa nay tạo tượng chứng cớ linh nghiệm không phải một, hoặc phóng hào quang hoặc ứng hiện các điềm lành cho đến thân

ấy sinh cả xá-lợi, nước ngập lửa cháy không hề hư rã, có chép đầy trong các truyện ký không thể kể xiết. Thế thì tượng chủ trong đạo tràng chúng ta tức là sắc thân chân thật của Di-đà Như Lai, nhưng vì ta bị chướng nên gọi đó là tượng thôi. Dầu có gọi thẳng là tượng thì cũng có thể nhập vào tượng trước mà quán, từ tượng mà thấy chân thân, đâu chẳng hiển bày cái vi diệu của đồng thể. Kinh nói rằng thân Phật thanh tịnh biến khắp mọi nơi. Lại nói tất cả pháp đều là Phật pháp, sao chỉ riêng đối với tượng này không phải là Phật ư.

Có kẻ hỏi: Lìa tất cả tướng liền gọi là Phật, thân Phật còn không phải huống nữa tượng này cùng Phật đồng nhau ư?

Đáp: Nếu đối với tướng không phải Phật thì đâu chỉ là ở tượng mà dù cả báo thân Xá-na cũng không phải là Phật. Nếu tất cả không phải là Phật tức tất cả là Phật, đâu không phải là Phật ư. Nếu biết nghĩa này thì hiểu rằng ta nay kính thờ tôn tượng không lìa nguyện hải đầy đủ thần lực to lớn, hay nhiếp thọ, có đủ tất cả lực vô úy v.v... mười tám Bất cộng pháp, đại Từ đại Bi, thường-lạc-ngã-tịnh, tướng hảo quang minh cùng với chân thân của A-di-đà đều không sai khác. Ta ở trong đó mà sám hối các việc, phải như kẻ ăn mày hèn mọn lại được gần với bậc vua chúa, luôn e thẹn run rẩy, sợ thương gồm đủ, khao khát được nhiếp thọ, mong cầu thoát ly, huống lại đã trải bao kiếp khó gặp nay đã được gặp đâu thể coi thường, khiến hạnh cao quý không tiến triển tự gây chướng nạn ư? Lại mong cầu Phật ấy thương xót chúng ta rủ lòng hiện bày thân tượng, nhận sự sám hối của ta. Đã nhận ta sám hối rồi thì tất cả trọng tội nhất định đều tiêu hết, tất được vãng sinh Tịnh độ. Do đó tâm được mừng vui, bỗng như trời thênh thang, đất trong suốt, lại được pháp nhãn, thì cõi Cực lạc kia như được thấy tận mắt, cho nên biết việc nói chân thân và tượng là một đâu phải là điều chẳng thậm thâm kỳ diệu. Kẻ tu học cần phải hết sức chí thành chớ nên hiểu khác.

6. Bác bỏ tà thuyết đoạn không.

Một đời Thánh giáo của Đức Thích-ca Như Lai như quả báo thiện ác, các pháp nhân duyên là chánh giáo trước sau không hề đổi khác, dầu có một trăm câu vượt ngoài trăm lỗi há phải lìa bỏ pháp nhân duyên ư? Làm sao mà thời nay lại có hạng Xiển-đề cực ác đoạn dứt thiện căn của người, không biết lời nói Phật tổ lại vì người mà phá chấp trừ nghi, tháo gở vướng víu, dẹp trừ trói cột, đi ngược trở lại mọi người, vọng gọi là ngoài tâm này các hạnh đều không, không Phật, không pháp, không thiện, không ác, lầm nhận vọng thức là chân, rồi bảo ngoài tâm này không pháp nào có thể được. Bèn liền bác bỏ không có nhân quả,

bài xích tội phước, nói tất cả hình tượng Bồ-tát, chư Phật chỉ là các thứ vàng, bạc, đồng, sắt, khối đất, khúc gỗ. Cả một đại tạng giáo cũng chỉ là thứ vỏ cây, giấy cũ chùi đồ dơ, vốn không chân thật, đâu đủ để làm bằng cớ. Đối với tất cả công đức hạnh lành thảy đều mỗi mỗi quét bỏ, gọi đó cho là chấp tướng, một mực nói xấu người khác để khoe khoang tài giỏi của mình. Hoặc như còn tham thoại đầu mà lại bảo là không nên cố chấp, cố gắng khiến người trong ngoài trống không rỗng tuếch. Rồi lén làm các tội ác và dâm, nộ, si... lại gọi ngược là vô ngại đối với đạo, dối mình lừa người, tâm hồn mục nát lại cơ hồ chẳng hay biết. Ví như trùng trong thân sư tử tự ăn thịt sư tử. Những loại kiến giải trên rất nhiều. Đó chính là bọn ma Ba-tuần giận xưa chưa hết bèn sai những kẻ giả dạng hình dáng như bọn ta mà phá hoại đạo pháp của ta cho bằng hết, than ôi đau đớn lắm thay. Họ bảo rằng các hình tượng không phải là Phật thì không biết cái gì mới là Phật, còn giấy mực không phải kinh không biết cái gì mới là kinh. Nếu tự tâm là Phật thì vật nào không phải tâm, mà lại riêng gọi tôn tượng Thánh nhân không phải tâm không phải Phật. Lại tâm đã là Phật thì người nào không có tâm mà riêng bảo tâm ông là Phật khiến người bác tượng bác kinh. Không biết rằng tâm chúng sinh toàn thể ở trong mê tất phải mượn hình tượng kinh pháp Thánh nhân mà biểu hiện khiến người được ngộ giải. Nếu có ngộ giải thì biết được chân tâm của Phật và chúng sinh bình đẳng khắp cả mọi nơi. Kinh nói: Chư Phật nói pháp "không" là cốt để độ kẻ chỉ tin "có". Nếu lại chấp vào không thì chư Phật không hóa độ được. Lại nói rằng thà có thể nói có như núi Tu-di mà không nên nói không dù chỉ bằng hạt cải. Dẫu đã chứng pháp không mà vẫn còn vướng vào Tiểu thừa há có thể như hàng Đại thừa Bồ-tát từ không mà vào có, chứng tục giả ở cõi chúng sinh giống như Phật độ sinh vậy. Thế nên Tiểu thừa thấy "không" là cái bỏ đi của Bồ-tát Đại thừa, Phật nói pháp không là vì kẻ chưa hiểu nghĩa. Lại Phật nói pháp "không" bèn là tức "có" mà hiển bày "không". Không chẳng lìa có mới được gọi là chân không. Nay người nói không là phải lìa có mới là không. Không đã trở thành "đoạn kiến" thì rất đáng sợ như sa vào bẫy hầm khó thể thoát ra. Ngài Vĩnh Gia nói bỏ có mà vướng vào không thì bệnh cũng thế, cũng như tránh chết chìm mà đâm đầu vào lửa đỏ, là nói việc này vậy. Thầy Tỳ-kheo Thiện Tinh vọng nói pháp không, cô Tỳ-kheo-ni Bảo Liên Hương lén làm việc dâm dục đang lúc sống mà rơi ngay vào địa ngục, đâu không phải gương để người sau soi xét. Người đời sau không lấy đó tự răn mình mà lại dẫm đạp vào vết xe đã đổ, khác nào kẻ đui dẫn dắt đám mù khiến cả thầy

trò đều phải chết chìm, thật khá thương thay.

Lại nếu như con hiếu nghe cha lầm lỗi, vì nhớ ân sinh thành nuôi nấng cũng còn bất nhẫn, huống bọn ta là con giòng học Thích lại phụ ân xuất thế, đối với hình tượng Phật và pháp ngôn lại lung lòng coi thường, phá hủy, ngang nhiên không chút sợ hãi, đâu chẳng đau xót lắm ư. Hạng người này chắc chắn phải đọa vào địa ngục năm vô gián, lửa dữ hừng hực ai nấy phải chịu quả khổ do ngày nay hiểu lầm, há là lời nói suông ư! Dầu như Ngài Đức Sơn, Đơn Hà thì cũng chỉ như đức Văn-thù v.v... chỉ một lúc nào đó vì người mà phá chấp, hiển lý mà thôi, há lại muốn đem việc này mà dạy lại cho đời sau ư! Nay chỉ vì người sau không biết là phương tiện của người xưa, lại càng ăn nuốt đàm dãi của người đã khạc nhổ mà một mực lầm gọi việc phá điện thờ, đốt tượng gỗ Phật là làm đạo rốt ráo. Có thể gọi đó là điên đảo. Nếu tuân theo lời nói để lại mà thiêu tượng phá điện cho là đạo thì cả thiên hạ hàng Thích tử đời nay đều phải như Ngài Văn-thù-sư-lợi giắt kiếm theo lưng có Phật giết Phật, không Phật thì phá tượng tức là đạo, rồi không cần lấy định tuệ của Phật đã dạy để học mà làm đạo ư?

Lại giáo pháp của Phật được ở lâu trên đời đều hoàn toàn nhờ vào kinh tượng, hình dạng, oai nghi, các hạnh lành nương nhờ vào pháp mà có. Nếu không biết mà bỏ đi thì nhờ đâu mà được còn lâu dài. Thế nên Phật nói đối với các kinh tượng không cung kính đến nơi đến chốn còn bị tội lớn huống là chê bai phá hoại, bằng tội ngũ nghịch khá biết. Kinh Pháp Hoa có nói Đề-bà-đạt-đa ngày xưa khi làm tiên nhân A-tư-đà là thầy của Đức Thích-ca, Đức Thích-ca tự dùng thân mình làm giường ngồi để dâng lên cúng dường khiến mình đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, tướng đẹp sắc vàng ròng, đủ pháp vô úy nhiếp cho đến pháp Bất cộng, thần thông đạo lực, thành Phật độ sinh v.v... đều do Ngài Đề-bà-đạt-đa làm Thiện tri thức vậy. Ngày nay Đức Thích-ca đã chứng quả ông ấy muốn cùng thành đạo mà không nói pháp không, chỉ khen ngược pháp ấy, làm bị thương ngón chân út của Đức Phật còn không trốn được tội khổ nhiều kiếp ở địa ngục, huống lại là sau năm trăm năm vọng nói pháp không đoạn mất thiện căn của người, làm sao tránh được quả khổ. Lại Phật nói pháp không là bởi muốn khiến người thể nhập không mà dứt ác, tại sao không hiểu ý Phật chấp ngược vào không mà lui sụt điều lành, há không điên đảo ư. Lại người ấy đối với các pháp bất thiện còn nói là vô ngại thì không biết các pháp thiện còn ngại gì mà không muốn tu. Người xưa vì đã dùng câu "không rớt vào nhân quả" để trả lời người hỏi mà còn năm trời đời bị làm thân chồn hoang, nếu không nhờ lão

nhân Bá Trượng thì không thể thoát được, huống nay lại vọng nói pháp không bài bác là không có nhân quả, không sợ đời sau, lung lòng vọng nói không những chỉ phá hủy kinh tượng mà còn đem người ăn chay sánh với trâu dê, bảo kẻ nói pháp là người nói suông, tội ác không biết để đâu cho hết. Không biết rằng tuệ giải như mắt người, đạo hạnh như chân người. Có mắt mà không chân tuy thấy mà không thể đi, có chân mà không mắt tuy đi mà không thể thấy, vì không thấy nên tất phải rơi vào hầm hố, vì không đi thì làm sao đến được bảo sở. Tuy không thể đến lại biết phải quấy, đã rơi vào hầm hố, thân mạng đều mất. Như kinh gọi năm độ kia như mù, Bát-nhã như kẻ dẫn đường vì như mù nên đi tất phải lọt hố hiểm. Vì như kẻ dẫn đường tất phải đến bảo sở, đâu có thể bảo ngược việc nói kinh giáo là giải suông. Song giải và hạnh mỗi thứ đều rất cần yếu, giả sử có hạnh mà chẳng hiểu, chi bằng có tuệ giải vẫn hơn. Thí như bậc A-la-hán đói và thân voi mập đeo đầy chuỗi ngọc, nghĩa ấy có thể hiểu rõ. Lại như có hiểu mà không làm thì Bồ-đề có thể phát, còn có làm mà không hiểu thì khó hiểu được viên thừa. Cho nên biết Ngài Văn-thù có hiểu sâu mà làm thầy chư Phật, còn Ngài Phổ Hiền có hạnh lớn nên là cha khắp quần sinh, há có thể vướng vào một phía mà tự chấp. Ngài Nam Nhạc phái Thiền tông còn lấy "không giống một vật mà không ai chẳng tu chứng, không thể nhiễm ô" làm yếu chỉ cho việc nhập môn ngộ đạo, huống chi ngày nay nếu kẻ tà kiến quá sâu thì đâu khỏi nhanh chóng rơi vào chốn khốn khổ cùng cực. Kinh Lăng-nghiêm có nói: Tự cho là đủ, bỗng nhiên có đại ngã mạn vô cớ khởi lên, trong tâm còn khinh mười phương Như Lai huống gì là hàng Thanh văn, Duyên giác thấp kém. Kinh lại nói: Bỗng nhiên chỗ quy hướng dứt bặt, bác là không có nhân quả, cứ một mực hướng vào không, tâm không luôn hiện tiền cho đến tâm sinh cái hiểu đoạn diệt, không chịu lạy chùa tháp, dẹp phá kinh tượng, gọi kẻ Đàn-việt bảo đó chỉ là khối vàng đồng hoặc đống đất, khúc gỗ... kinh thì chỉ là lá cây hoặc xấp hoa, nhục thân mới là chân thường mà không tự cung kính lại đi tôn thờ đất gỗ thật là điên đảo. Những kẻ tin chắc việc ấy cũng theo đập phá, chôn bỏ trong đất, làm nghi hoặc chúng sinh phải đọa vào địa ngục Vô gián, mất hết chánh thọ phải đọa lạc khổ đau thì mới biết rằng đức Thế Tôn đối với người vọng nói pháp không và kẻ chưa được bảo là được, chưa chứng bảo là chứng đã dự đoán chắc họ phải đọa vào địa ngục, rõ ràng như thế. Vậy người thời nay há có thể trốn khỏi lời ghi nhận của Phật được sao? Hoặc bảo rằng: "Ông Đạt-đa kia đọa vào địa ngục mà không bị khổ ta nào sợ chi" mà không biết rằng Đạt-đa do tâm muốn

khen ngược lại đạo của Đức Thích-ca nên ở trong địa ngục không những đã không thấy khổ mà còn vui như đang ở cõi trời Tam thiền. Nhưng vì phần thân khẩu dường như chê bai chống báng nên phải đọa vào địa ngục, bằng như thân khẩu làm ra các tội mà phải chịu đủ vô lượng tội khổ. Thầy của Phật còn thế huống là người thời nay bắt chước làm theo khiến người khác không tôn kính kinh tượng, coi rẻ là gỗ đất, giấy cũ... khiến người khác không biết nhân quả, khinh bạc tội phước, trái lời răn dạy của Phật, gần gũi hạnh ngũ nghịch... các áo báo đó làm sao tránh khỏi được ư.

7. Khai thị pháp môn Thiền và Phật không hai.

Đức Thích-ca Như Lai đã dạy pháp môn niệm Phật chính là thống nhiếp cả pháp giới quần cơ không hề bỏ sót một ai. Thật là chỗ Ngài Văn-thù Phổ Hiền đã chứng nhập vào cảnh giới bậc đại nhân. Tứ Minh Phán của tông Thiên Thai cùng Hoa Nghiêm, Pháp Hoa đồng một bộ. Có ý vị thuộc đề hồ, tức Thiền tông chỗ gọi là đạo trực chỉ đơn truyền. Trong "Tứ liệu giản" của Ngài Vĩnh Minh bảo không có Thiền mà có Tịnh độ thì vạn người tu vạn người được. Chỉ được thấy Di-đà lo gì không được khai ngộ, thật là một đường hướng thượng. Vì sao người thời nay nhân mưu cầu danh lợi không được toại chí bèn xụ mặt than dài mà tự hối tiếc rằng: Than ôi, cả một đời ta đã chấm dứt. Việc tham Thiền không là điều ta mong ước, không bằng niệm ít câu A-di-đà Phật để tu cho đời sau dầu không lỗ vốn thì cũng tạm đủ. Do đó trở lại lười nhác, chưa hề suy xét kỹ, thảng như hoặc bỗng gặp được chút ít chí thú thì liền trong khoảnh khắc vô số hành động xấu ác hiện ra trước mắt như xưa không ai ngăn cản được. Niệm Phật như thế nào có ích lợi gì? Nay biết rõ cái thấy đó, anh ta bảo việc tham thiền tuy kỳ diệu nhưng rất khó như xây tạo cả muôn gian nhà lớn, còn niệm Phật tuy thô nhưng khá dễ như tạo ra một nhà cỏ. Sự hiểu biết như thế, ví như đời đang đói khổ nay gặp được thức ăn ngon quý trăm mùi của hàng vua chúa mà cho là món ăn rau cỏ, gặp phải châu Như ý chúa mà tưởng là mắt cá, thật đáng thương thay!

Không biết rằng Thiền, Phật hai môn, cách đi tuy khác nhưng cùng đến nhà, lý nó đồng nhau. Nên biết sở dĩ cách đi có khác, như tham Thiền là nắm lấy chính nó không cầu nhờ Phật, nhưng nếu tự mình không có đủ chánh tri kiến lại không gặp được người có chánh tri kiến thì dẫu không lui sụt, phần lớn đều vào ma đạo, vì không có Phật lực cứu hộ vậy. Còn nếu niệm Phật thì tất cả không nắm lấy chỉ có niệm Phật kia, dẫu không hiểu đúng và không có thầy bạn khai phát cho, chỉ

cần tin chắc là có thân Phật và cõi ấy, phát chí liền sinh ngay. Dẫu có mắc vào thiên tiểu thì cũng trở lại chánh kiến, vì có nguyện lực Di-đà cứu hộ vậy. Thế nên gọi cách đi có khác mà không phải bảo là pháp môn địa vị sâu cạn có khác. Thế mới biết tham Thiền tức là niệm Phật, niệm Phật tức là tham Thiền. Thiền mà không phải Phật thì không được vãng sinh, Phật mà không phải Thiền thì không được quán tuệ. Niệm Phật và tham Thiền há có hai lối. Nếu biết nghĩa này thì phải thừa lúc đang đắc chí, công danh phú quý mà một nhát dao cắt đứt, liền càng mạnh mẽ phát đại tâm, gắng sức thật hành đạo này. Ở đời nếu có vợ con, của cải quý báu, đầu, mắt, óc, tủy... cho đến cả thân mạng đều không luyến tiếc quyết chí cầu vãng sinh. Há có thể ngay nơi lúc mình luyến tiếc, bất đắc dĩ, xem pháp môn tối thượng như là đạo thấp kém, chòi cỏ, mắt cá, rồi lấy tâm cẩu thả mà tu. Khá thương khá tiếc lắm thay ! Nếu là do nhân hối tiếc thì từ nay hãy dứt bỏ ngay đi mà sinh ra cái hiểu biết bảo sở của Đại thừa, tâm quyết định không còn lui sụt nữa. Ví như thuyền được thuận gió xuôi giòng mà còn thêm chèo chống, đâu không thể nhanh chóng đến nơi, may mắn nào bằng.

Hỏi: Nếu thế thì bên sách thiền có nói: Như có người hỏi thế nào là Phật thì đáp là que phân khô, hoặc đáp là ba cân gai. Lại hỏi khi nào thấy được thì một gậy đánh chết, hoặc cho chó cắn, muốn cầu thiên hạ thái bình cho đến ma đến giết ma, Phật đến giết Phật. Lại nói: Niệm Phật Tam-muội với tâm tôn kính, mến mộ, thương, sợ, khát ngưỡng, làm sao đồng với ý chỉ đến nhà?

Đáp: Niệm Phật vốn là trì niệm báo thân của Phật A-di-đà ở cõi Tây phương Cực lạc vậy. Báo thân Đức Phật này có vô lượng tướng hảo quang minh. Hóa Phật, Bồ-tát, Thanh văn, công đức nguyện lực không thể kể xiết, đây là thân Phật. Lại cảnh chỗ ở của Phật có đủ các thứ báu như ao hồ, đất đai, cây cối, cờ phướng, lưới giăng, hàng rào, đền đài, chuông báu, phan lọng, hoa, nước v.v... tất cả đều trang nghiêm đẹp đẽ, đây là cõi nước. Song Đức Phật ấy lấy thân làm cõi, lấy cõi làm thân, thân cõi không chướng ngại, tâm cảnh viên thông, hoặc kia hoặc đây đồng một thọ dụng cho đến uẩn, nhập giới, xứ tất cả các pháp đều thẳng đến vô thượng Bồ-đề và cái nghĩa năng sát, sở sát, tất cả lúc, tất cả nơi đều không chướng ngại, không trói cột, không giải thoát, tung hoành, thuận nghịch, đều tức là sắc thân thanh tịnh Di-đà. Bởi vì sao? Vì tâm tức cảnh, cảnh tức tâm, thân tức cõi, cõi tức thân, chúng sinh tức Phật, Phật tức chúng sinh, đây tức kia, kia tức đây và các màu xanh, vàng, đỏ, trắng, các căn mắt tai mũi lưỡi, các pháp như thế hoặc tâm hoặc thân,

mỗi mỗi cùng đều tự tại, đều giải thoát, còn không kể các thứ dâm, nộ, si v.v... là phạm hạnh, làm bạn với trần lao là pháp lữ, thì có riêng gì là que cứt khô, ba cân gai không phải là Phật ư? Đây đã là Phật thì cần gì phải đợi đất sạch, đất đặc biệt mới thị hiện giáng sinh, móc thịt làm ghẻ khởi tưởng độ sinh. Như đây mới thật đúng là một gậy đánh chết, cho chó cắn... đã bỏ bớt bao nhiêu sự làm bộ làm tịch, sáu năm khổ hạnh, hàng ma giảng pháp, trong pháp bình đẳng không còn sinh diệt thì lại nói sinh nói diệt lung tung khuấy động cả thế giới, làm não loạn tất cả, khiến đất bằng chết người vô số, đâu không phải là thiên hạ thái bình. Ôi đến đây rất kỵ hiểu lầm. Nếu cử động thì hãy lãnh lấy những nhát gậy đau điếng trong tay ta. Nếu bảo lời nói này là môn hạ của Tào Khê, không đụng phần đầu mà chạm tận đáy là việc chưa từng nằm mộng thấy, ta đã sớm đánh gãy lưng lừa của người.

Hỏi: E rằng không cho ông so sánh như thế?

Đáp: Cũng không ngoài việc so sánh này. Vã lại ông chớ bảo việc so sánh này là hữu tâm hay vô tâm, ta đã từng mấy lần so sánh rồi.

Hỏi: Chỉ việc này đã sớm so sánh ư?

Đáp: Ta mới vừa nói cái gì thế.

Kẻ hỏi không hiểu, một hồi lâu sau lại hỏi: Nếu tất cả là Phật thì ky phân chỗi quét đều có thể dùng đáp lại câu hỏi ấy. Đâu cần phải lấy vật thấp hèn nhất là que cứt khô để trả lời ư?

Đáp: Tất cả đã là Phật thì cửa lớn cửa sổ, then cửa các cảnh hiện ra trước mắt đều có thể để hỏi được cần gì phải lấy thứ cao quý nhất là Phật mà hỏi, cho nên biết người hỏi tâm địa vốn thuần, nên phải lấy cái cao quý nhất của họ mà đáp là vì muốn phá chấp cho họ nên phải lấy ngược cái thấp kém nhất mà thôi. Nếu biết que phân không phải thấp kém, thì Phật cũng không cao quý. Há có thể bảo lời nói ấy có chỗ bất đồng mà vọng nhận thiền và niệm Phật là hai hạnh khác nhau.

Hỏi: Pháp môn niệm Phật này kỳ đặc như thế, thì cùng với Thiền Thiếu thất nói về chỉ tâm thành Phật, Thiên Thai tông bàn về quán tâm quán Phật, từ đầu không hề khác nhau. Có thể bảo là không khởi lên một niệm hiển rõ pháp nhiệm mầu cả tam thiên, mà ba quán rỡ ràng không lìa muôn pháp, tột cùng một môn chân như mà một tâm thấu suốt nhanh chóng. Vả lại dạy bọn ta là kẻ hậu học độn căn thì phải tu như thế nào để được tương ưng mà vãng sinh.

Đáp: Chỉ cần chịu bước đi thì lo gì mà không đến. Ví như trong hang trống nếu có tiếng phát ra tất có tiếng vang dội lại, nếu tiếng to thì âm vang to, nếu tiếng nhỏ thì âm vang nhỏ. Âm vang tùy tiếng phát ra

lập tức đáp lại. Cũng như chính ở nước Cực lạc lấy ba bậc chín phẩm để nhiếp thọ chúng sinh cũng tùy theo người có căn tánh lợi độn, sâu cạn, tà chánh, nhanh chậm mà dắt dẫn, ứng sinh với phẩm bậc nào không hề sót cơ. Cũng như vào hang kêu lên thì tiếng vang cao thấp ngắn dài đều đáp ứng đúng y. Nếu hay chuyên cần tinh tấn thì không uổng phí. Lại huống là thời gian không có trước sau thì còn lo gì độn căn. Vì nghĩa đó mà biết tất cả pháp môn tức là một pháp môn, một pháp môn tức là tất cả pháp môn. Đâu chỉ riêng Thiền và niệm Phật không hai, nêu đạo Đức Thích-ca một đời hành đạo giáo hóa không ngoài một pháp môn niệm Phật vậy. Lại pháp môn này lượng nó rất rộng lớn, bao gồm cả mọi căn cơ không sót, đâu hề lựa căn ngu hay trí. Xin khuyên các Bậc hiền nhân đời sau với pháp môn này chớ nên sinh dị kiến.

8. Nói về pháp môn hai cõi chiết nhiếp của chư Phật.

Về hai cõi tức là hai môn chiết nhiếp của chư Phật. Người tu hành đã nghe nói về cảnh giới y chánh thì có thể căn cứ vào ý chỉ kinh ấy mà hiểu rõ rằng cõi này thật khổ và cõi kia thật vui. Tuy nghe pháp môn quán tuệ viên dung vi diệu mà thấy ngay rằng hai cõi nghiễm nhiên đều là cảnh thật, không phải như kẻ tin tưởng cạn cợt. Nghĩa là cõi ấy tâm có thì có, tâm không thì không, sáng tối huyễn hóa, hư vọng không thật, mọi nơi đều là giải thoát ở Tây phương, biết chắc cõi ấy cũng chắc thật như cõi này không hề lầm lẫn. Nếu người này hay đầy đủ trí đó không bị tất cả hiểu biết sai quấy thiên lệch ở thế gian của các ác tri thức lay chuyển thì phải chánh quán hai cõi khổ vui, nhơ sạch. Đối với cảnh ấy mà có hai loại tâm, lấy đó làm phương tiện. Nếu không có hai tâm này thì không thể sinh lên cõi ấy được.

Hai tâm ấy là gì? Một là, tâm chán lìa; hai là, tâm ham thích. Vì chán lìa cõi Ta-bà thì mới có thể tùy thuận vào chiết môn đã nói của Đức Thích-ca, vì ham thích cõi Cực lạc kia thì mới hay tùy thuận vào nhiếp môn đã hiển bày của đức Di-đà. Do hai môn này mà tinh tấn tu hành thì niệm Phật Tam-muội nhất định sẽ thành tựu.

Thế nào là chiết môn? Vì đã nghe nói các cảnh đẹp mầu ở cõi Cực lạc nên đúng lý mà quán sát thế giới Ta-bà này đều là khổ không có một tý vui nào. Có ba đường dữ như địa ngục ngày đêm bị thiêu đốt còn ngạ quỷ bàng sinh thì khổ não khó chịu nổi, A-tu-la thì giận dữ đánh nhau luôn, loài người thì có mấy khi yên ổn, căn trần cùng tám khổ luôn nung nấu, nhân quả khiến bốn loài luôn lên xuống. Thời tiết thì có nóng lạnh, cảnh vật thì toàn bùn cát, ngày đêm luôn dời đổi mãi không ngừng, lại phải chịu thân hôi thúi, nam nữ hình thù khác nhau, nhu cầu

ăn mặc luôn đòi hỏi, khó khăn thô xấu, tuổi thọ không dài, các khổ cùng sinh. Dầu có sinh lên thiên cung khi hết phước báo rồi thì lại càng bị khổ hơn. Lại không biết ở loài người vui chính là khổ, thân thiết là oán thù rồi điên đảo mê lầm vướng dính vào nhau không tìm lối thoát, từ nghiệp mà tạo nghiệp khác xoay vần mãi không ngơi nghỉ. Các khổ não như thế không thể kể hết, cho nên cần phải chán lìa.

Thế nào là nhiếp môn? Người tu hành nghe nói cõi Ta-bà thật khổ như thế nên đối với cõi Cực lạc kia vô cùng ham thích. Ở cõi Cực lạc ấy đất báu, ao báu, không có ba đường dữ, trang nghiêm đẹp đẽ vượt trội hơn cả mười phương, không có lạnh nóng ngày đêm dời đổi, không có kết nghiệp sinh già bệnh chết, thuần là nam không có nữ, hóa sinh từ hoa sen, ăn mặc tự nhiên hay thành pháp hỷ, tuổi thọ vô cùng, thân luôn có ánh sáng. Nghe pháp âm thì liền nhớ biết quy về thấy tướng đẹp mà ngộ đạo trong khoảng khắc. Các thứ như thế sung sướng vô cùng nên gọi là Cực lạc cho nên cần phải ham thích. Nếu hay đối với hai môn này mà tinh tấn tu tập hàng ngày không ngơi nghỉ luôn tùy thuận lời Phật dạy. Đối với các cảnh âm thanh màu sắc ở cõi này mà tưởng là địa ngục, tưởng là biển khổ, tưởng là nhà lửa. Đối với các vật báu tưởng là các vật gây khổ ăn uống y phục tưởng là máu mủ da sắt, đối với các bà con thân thích tưởng là loài quỷ Dạ-xoa, La-sát ăn thịt người, huống lại sinh tử không hề dừng nghỉ mà phải suốt kiếp, trôi giạt thật đáng chán lìa. Nếu đối với kẻ tri thức biết trong kinh nghe nói về nguyện lực của Phật ấy có cõi nước đẹp đẽ trang nghiêm rồi trong mỗi niệm đúng với lý thú ấy mà sinh tưởng an ổn, tưởng là bảo sở, tưởng là gia nghiệp, tưởng là nơi giải thoát, với Di-đà Như Lai, Bồ-tát tăng chúng thì tưởng là cha lành, tưởng là mẹ hiền, tưởng được tiếp dẫn, tưởng là cầu đò, trong các tai nạn nguy khốn sợ hãi, xưng niệm danh hiệu liền ứng nghiệm không phí công, tưởng chỉ khoảnh khắc là nhanh chóng đến cứu hộ nên luôn nghĩ nhớ việc xuất ly, như thế công đức vô lượng thật đáng ham thích.

Nếu đối với chiết môn này mà không thể tu hành vì chán lìa không sâu chắc thì khó thoát khỏi nghiệp ràng buộc ở cõi Ta-bà. Nếu đối với nhiếp môn kia cũng không thể tu hành, vì ham thích không tha thiết thì cảnh đẹp Cực lạc tất khó đến. Thế nên người tu hành muốn sinh lên cõi Tịnh độ, thành tựu niệm Phật Tam-muội thì phải tu cùng lúc cả hai môn làm bước đầu tiên để lên đường. Nếu không tu hai môn này thì tuy hiểu rõ ý chỉ quán tuệ nhưng chỉ là hiểu suông. Dẫu có muốn sinh lên cõi ấy nhưng vì không có ham muốn và chán lìa thì không nhân đâu mà được. Nếu hay tu hai môn này mà lại không biết rõ ý chỉ quán tuệ dầu có sinh

lên cõi ấy chỉ là sự tưởng nên địa vị không được ở hàng cao. Nhưng nếu hay mạnh mẽ ham thích và chán lìa tu trọn vẹn quán tuệ thì đã được sinh mà còn ở thượng phẩm nữa. Kẻ tu học đâu nên cho đây là sự cố chấp về tướng mà khinh bỏ đi.

Có kẻ hỏi vì sao không bỏ hẳn các duyên, một niệm muôn năm khiến cho tâm cùng lý hội, cảnh cùng thần dung nhau, hợp đạo tự nhiên. Cần gì phải ham thích, chán lìa, lấy bỏ... quá đáng như thế.

Đáp: Nếu bảo bỏ hẳn các duyên là đạo, chỉ khởi tâm một niệm dứt bỏ liền không gọi là dứt bỏ, như thế lại cùng đạo trái xa nhau, nó giống như đoạn kiến của ngoại đạo cho nên Ngài Nga Hồ có nói rằng "chớ nên có bệnh quên thân và tâm chết, thứ bệnh nan y này rất nặng khó trị". Lại bảo nếu cứ im ỉm mặc tình như ngu dại thì biết là ông chưa hiểu rõ việc công phu tu tập. Lại trong mười tám pháp Bất cộng của Phật thì có pháp tinh tấn không giảm sút. Lại có nhân tinh tấn thì sáu pháp Ba-la-mật mới được trọn thành. Vã như dứt bỏ là chỉ dứt bỏ nghiệp duyên ở thế gian há lại dứt bỏ cái tâm tinh tấn thể đạo hay sao? Người xưa bảo ngồi vô sự trong mai rùa vỏ ốc chính là hạng người này vậy. Nếu bảo dứt bỏ tự tại là đạo mà không cần thêm tinh tấn, một lòng tu hành thì há có được tâm hội cảnh dung quyện thành một khối cùng hợp với đạo ư? Nếu biết rằng không dứt bỏ tức là dứt bỏ, hăng hái ham thích, chán lìa, lấy bỏ tức là không ham thích chán lìa lấy bỏ, tu tức là không tu, niệm tức là không niệm thì gọi là vô công dụng hạnh, cũng gọi là diệu tâm vô tác, có lý nào khó nhanh chóng chứng được Trung đạo. Lại tu cho nên lìa đoạn, không tu lìa thường. Đoạn và thường đã lìa thì có gì khác mà hỏi, mà sinh thẳng vào thế giới an lạc vì hai vị đại sĩ đồng tu hằng ngày gặp Phật Di-đà. Lúc đó có pháp nào mà không thể hỏi, có hạnh nào mà không thể học, có nghi nào mà không thể trừ, có mong cầu nào mà không thể được. Đã không còn lui sụt nữa thì sự ham thích và chán lìa này há không phải là nhân hạnh lớn để thành quả Vô thượng chánh giác sao?

9. Khuyến tu.

Đã lìa sạch nhơ đồng một tâm, chúng sinh và Phật cùng một lý, các pháp vốn bình đẳng thì sao cần phải khuyến tu. Nhưng vì chúng sinh do mê tâm tạo cảnh, sạch nhơ phân riêng đối đãi mà thành, ràng buộc thoát ly có khác cho nên nhiều kiếp bị buộc ràng mà không biết không hay, cho nên cần phải khuyên bảo chúng sinh ở biển khổ cõi Ta-bà mau cầu sinh về thế giới Tây phương Cực lạc. Người tu hành trước vừa nghe nói về hai thứ pháp môn thì phải biết chắc cõi sạch nhơ, vui khổ, chân

thật không lầm lỗi, liền phải phát hạnh cầu vãng sinh như kẻ nông dân kia do lợi mà phải nhảy vào cuộc ngăn lại không được. Song người nông dân kia chỉ bị cái khổ ngắn ngủi của một năm đói lạnh, còn phải cam chịu suốt ngày đêm không ngơi nghỉ, sớm lo chiều khổ trải suốt cả năm trời không biết mõi mệt, huống là kẻ tu pháp Tam-muội kia, nếu một niệm siêng gắng thì vượt thoát cái khổ muôn kiếp ở Ta-bà, đâu chỉ bằng một năm đói lạnh, còn được sinh lên chốn an vui ở chín phẩm Cực lạc đâu chỉ bằng một năm ấm no. Lấy việc người nông dân mà so với việc tu hành này thì hơn kém quá rõ, vậy thì càng không đợi người khuyên. Lại trước đã chỉ rõ cho người hai môn chiết nhiếp ý chỉ đã rõ ràng. Như nói rằng đây là vàng ngọc, kia là cát đá dầu đứa bé lên năm cũng bỏ đá mà chọn lấy vàng không cần khuyên mà tự lấy, bởi tự biết cái gì là quý là hèn. Người tu hành cũng thế, đã biết rõ cõi này là khổ, cõi kia là vui, đây là sinh tử đắm chìm, kia là tự tại giải thoát thì tất cũng phải bỏ cõi nhơ nhớp này mà cầu sinh về cõi sạch đẹp kia. Tự nhiên niệm niệm không dừng, tâm tâm không nghỉ gấp gáp như cứu lửa cháy đầu, nghe dạy thì thật hành liền sao cần phải đợi khuyên bảo. Hai cõi khổ vui là chính do Phật nói, hãy tin chắc chớ ngờ vực, nếu tu thì liền được. Người nay thấy phân dãi thì khịt mũi nhíu mày, ghét mùi hôi thúi mà bỏ đi nhanh, còn khi thấy gấm lụa đẹp thì rạng rỡ mĩm cười, ham hố ngọc đẹp muốn mau có được. Đó là cảnh huyễn hoặc xấu đẹp tạm thời mà còn không thể nhịn được, ghét yêu hừng hẩy, huống là chỗ rất vui rất khổ muôn kiếp mà không nhanh chóng ham thích chán lìa. Đáng gọi là lầm to ngu dữ.

Lại ở thế giới Ta-bà này Đức Thích-ca đã diệt độ, Phật Di-lặc chưa sinh, các bậc Thánh hiền còn ẩn kín, tất cả chúng sinh đang dong ruỗi đắm chìm trong biển khổ, như con thơ mất cha. Nếu không nhờ nguyện vương Cực lạc làm chỗ nương về thì ai sẽ cứu giúp. Lại còn huống chi ở cõi này sáu nẻo lẫn lộn, hàng trời người tuy có hơn nhưng phước báo hết thì liền rơi xuống. Vả nay lấy việc tu hành của loài người để vượt lên luận thì đám thần tiên chưa rời khỏi mặt đất và khoảng không kia thì không dễ đạt đến, huống là cõi trời. Người sinh lên trời do cái nhân ba phẩm thập thiện sinh làm trời trong ba cõi từ thấp đến cao đều phải trải qua nhiều kiếp không đúng như ước nguyện, thành công thì ít mà thất bại thì nhiều như một giọt nước so với nước biển cả. Trong khoảng đó nếu gặp phải bọn tà ma dữ sẽ bị lui sụt vĩnh viễn. Làm sao dám nói được ra khỏi ba cõi mà trông mong vào các địa bốn quả bốn hướng, huống trải suốt tín-trụ-hạnh hướng đến các địa, mà vượt thoát

khỏi cõi này ư? Nếu hay tu pháp môn niệm Phật này cầu sinh Tịnh độ thì tuy ở địa vị phàm phu không ra khỏi một đời nhưng liền cắt ngang ba cõi, năm nẻo sinh tử mà vượt tất các cõi nhờ Đức Phật tiếp dẫn, nhanh chóng sinh về nước An dưỡng. Ở đấy từ đài sen thượng phẩm hóa sinh, hoa nở liền thấy Phật, nghe pháp ngộ đạo, không rời chánh niệm đi khắp các phương cúng dường tất cả Tam bảo, giáo hóa tất cả chúng sinh. Khi đức Di-lặc Thế Tôn giáng sinh lại tái sinh vào cõi này cùng Phật từ bi hoằng hóa. Trải nhiều đời có bao nhiêu cha mẹ, vợ con, anh chị em trong mọi cảnh thân thích oán thù... đều dùng đạo phẩm, dẫn dụ khuyên bảo tu chứa nhân lành đều khiến chứng quả. Như thế hạnh nguyện kia há chẳng rộng lớn sao?

Ở thế giới Ta-bà này có ba chướng và tất cả các kiết nghiệp nhưng không thể làm phiền lụy được ta. Công đức như thế nếu chỉ một niệm mất tu thì liền thuộc vào đời sau, há nên tự chần chờ chậm trễ ư? Huống lại cuộc đời ngàn chuyện rối rắm luôn quấy nhiễu trói cột như gông thép khóa sắt nối tiếp mãi không dừng. Tâm thì niệm niệm không dứt, thân thì chỗ chỗ không yên, hành hạ lên xuống chìm nổi, che lấp bổn tánh của ta từ vô số kiếp đến nay chưa từng ngơi nghỉ. Vô thường dời đổi không chút dừng lâu. Dầu tuổi thọ một trăm năm không hơn khoảng tíc tắc, hôm nay đến sáng mai chưa chắc đã còn thở. Chợt nhiên bỗng nhắm mắt, bất giác khoảnh khắc đã sang đời khác. Rồi tùy theo nghiệp nhân mà chịu loại hình thể khác, mang lông đội sừng đi bò trên đất hoặc bay trên không. Các hiểu biết ngày nay đều mất, hoảng hốt sợ hãi nơi ba đường sáu nẻo trôi giạt nhiều kiếp không tự biết mình sẽ nương tựa về đâu, có thể bảo là khổ cùng cực. Dẫu có đức Di-lặc ra đời mà mình không tự biết sinh ở chốn nào. Tiếng cha mẹ, Tam bảo còn không được nghe, huống là luận bàn kinh giáo. Tuy nhận thân khác nhưng tiếc giữ sâu nặng, nhân nghiệp gây thêm nghiệp, từ mê mờ vào tăm tối, ham sống sợ chết không khác chi ngày nay. Nếu không ngay chính phút giây này đây mà bắt chước học đòi các bậc Đại giác trượng phu đi trước, mạnh mẽ phát tâm rộng lớn, lập chí quyết định hăng hái phô bày sức mạnh nâng đảnh xô núi, một nhát cắt đứt lìa, trốn thoát khỏi chốn rừng rậm, khiến mở toang hai đầu dứt bỏ khoảng giữa đâu thể nào hạnh nghiệp sáng rỡ, phóng quang náo động cả nhân thiên, các quần sinh đều nhờ ân, chư Phật cùng hộ niệm. Đóng chặt ba nẻo ác thú, mở toang cửa tổng trì liền khiến không cần đợi hết báo ở cõi Ta-bà mà liền được vãng sinh ngay. Còn như lại chờ đợi chỗ nơi yên ổn, y phục ăn uống dẫy đầy, sẵn đủ hương hoa, mọi việc đều xứng

ý, nghĩ trước tính sau, chọn ngày giờ tốt, khắp ơn đều oán trả, mọi việc đều xong rồi mới cất bước lên đường, bắt tay vào việc. Chừng đó giả sử cõi hư không này có cùng tận chứ ngày ấy không bao giờ có. Đó gọi là ngày nắng tạnh lại chẳng chịu đi, đợi đến lúc mưa dầm đầu hay sao? Lời xưa có nói: “Nay được nghỉ ngơi cứ nghỉ ngơi, cố tìm lúc rảnh, rảnh đâu tìm, đây là nói việc ấy vậy.”

■

BẢO VƯƠNG TAM-MUỘI NIỆM PHẬT TRỰC CHỈ

QUYỂN HẠ

10. Khuyên Không Sát Sinh.

Ngài tướng quốc Bùi Hưu từng viết bài tựa của sớ kinh Viên Giác có ý tóm tắt thế này: hễ thuộc loài có khí huyết thì tất có hiểu biết, hễ có hiểu biết thì tất đồng thể. Đó gọi là chân tịnh minh diệu, hư triệt linh thông, cao vót mà riêng còn. Do cái quán đó mà biết các loài bò bay máy động đến các loài siêu vi bé xíu và các loài có thân to lớn như sư tử, voi, rắn rít... cùng một diệu tâm viên giác của mười phương chư Phật, hư triệt linh thông, đồng một thể chân tịnh thì sao có thể phân biệt là hơn kém. Chúng sinh và Phật đã đồng nhau, thì người dù là loài chí linh há chẳng phải cùng với các loài ấy đồng một thể tánh, cùng bẩm chất là tứ đại, năm hành và đồng sinh sống trong khoảng trời đất này, như các loài chuột hoang, yến núi trên ứng với càn tượng giống như cả mặt trời mặt trăng, có thể giữ việc họa phước cho người, đâu không bằng người ư? Lý này đã rất sáng tỏ, bèn biết rằng người cùng loài vật có tính đồng thiên luân, đây kia đều không khác. Há lại ỷ mình một lúc đang thời mạnh bạo thừa lúc các loài kia yếu kém mà mặc tình giết hại sao? Lại các loài ấy có khác với người chỉ vì từ vô thủy chúng có vọng tưởng quá nặng, bị nghiệp ác lôi kéo, nên mê mờ không biết không hay, thay hình đổi dạng thọ sinh làm loài khác, chứ không thể bảo rằng tâm thể có khác. Thể đã không khác lại cùng các loài ấy cùng ở trong sinh tử, cớ sao lại bảo nên chẻ xương lột da, thọc huyết lóc thịt, móc gan ruột... hoặc đem cân đo mua bán, nấu nướng trăm món đủ điều, mặc tình ăn nuốt. Chế biến đủ thức ngon, ăn uống thỏa thuê vừa miệng đầy bụng mà không hề đoái hoài lo sợ cái đau khổ nhiều kiếp ở ác đạo sắp tới, lầm lỗi lắm thay. Loài người tuy bảo là có hơn các giống vật ấy, đó là vì nghiệp báo quả dữ chưa đến đó thôi, đâu phải là thật sự hơn chúng. Huống chi các loài ấy khi nghiệp báo đã hết sẽ có loài lại sinh làm

người, làm trời cũng có khi là chính các Thánh nhân, chư Phật, Bồ-tát thị hiện ra thân loài ấy. Ta vì bị mê chướng nên không biết mà thôi. Sao ta lại nở giết hại thân mạng rất quý trọng kia để thỏa mãn khoái khẩu trong chốc lát, chợt khi nghiệp báo làm người đã hết thì lại chịu thân còn thua các loài ấy. Sao lại bảo rằng thú vật là món ăn của loài người mà cho rằng nó không bằng ta. Huống lại từ kiếp xa xưa thân ta đồng loại với chúng, chúng đồng loại với ta. Trong các loài ấy biết đâu không phải cha mẹ, anh chị em, vợ con, bạn bè thân thuộc. Do vì hình thể thay đổi, tâm luôn mê mờ mù mịt nên không biết nhau, do đó mà dối bảo chúng là kém ta. Nay ta giết hại chúng để ăn thịt, tức là đã giết hại ông bà cha mẹ bà con thân thuộc của ta từ nhiều kiếp trước đây. Vả lại thân ta do tứ đại tạo nên thì cũng là giết hại thân tứ đại cũ của mình vậy.

Lại như Đức Phật có nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, đời vị lai tất sẽ thành Phật, còn phải nên cúng dường, hầu hạ, tưởng như cha mẹ ruột, sao lại nhẫn tâm giết hại. Nếu giết đi thì cũng chính là giết Phật vị lai, đâu chẳng sợ ư? Than ôi người thời nay ưa giết hại, không biết nhân đời trước, trong lúc thân thiết thương yêu gặp phải hoàn cảnh trái ngang đã nhiều phen tạo bao ngang trái. Rồi từ thân thành oán, từ oán kết hận thù, oán thù chồng chất mãi lên nhau đời đời không mất. Do đó mà cùng sinh ra, cùng giết hại nhau, xoay vần mãi không thôi. Như nước triều kia hết lên rồi xuống, hết đầy rồi vơi, qua lại mãi không tự dứt được. Nghĩ về mình rồi xét kỹ chúng đâu chẳng đau xót lắm sao? Trong kinh Phạm Võng: "Đã cấm tự mình giết hại cho đến việc bảo người khác giết, giúp phương tiện, khen ngợi vui thích hoặc nguyền rủa trù ẻo... việc giết hại và các pháp nghiệp nhân duyên đều phải dứt hẳn. Đây là lời dạy rất nghiêm khắc chân thành của Phật vậy. Nếu ta không ngưng nghỉ mà cứ mãi ăn thịt lẫn nhau thì sẽ giúp những kẻ làm các việc ác như săn bắn bẫy rập câu lưới... càng thêm nhiều, khiến tất cả chúng sinh không nơi ẩn trốn. Khi chẳng may lọt vào tay người thì tất cả lông, cánh, vảy, mai... đều bị vặt sạch, lột trụi, tiếng kêu la rên siết inh ỏi chưa dứt mà chúng đã bị ăn nuốt rồi. Hoặc đem trao đổi mua bán các vật khác để nuôi thân, đâu không biết rằng tất cả loài vật đều biết ham sống sợ chết giống y như ta. Nếu ai biết rõ đó là những thân nhân từ nhiều đời trước mà bỏ hẳn nghiệp giết hại thì chính là kẻ hiếu đạo hoàn toàn. Kinh nói rằng hiếu tức là giới, tức cấm sát sinh là hiếu vậy. Vả lại các loài vật ấy đủ tánh biết trước nhưng vì tránh không đúng lúc, trốn chẳng đúng nơi. Huống lại trời đất bao la cũng phải tự tìm chỗ để kiếm sống, vì không thể tự nuôi sống được nên cả hai bên cùng phải

gặp nhau, nên nay phải lọt vào tay người, ấy là vì nhân kiếp trước nên không trốn thoát được. Nhân ở kiếp trước đã không thể trốn thoát thì nhân ở đời nay tự mình phải suy xét kỷ lưỡng để tránh mọi đau khổ. Nếu như không ngăn cấm thì nghiệp giết hại giữa hai bên sẽ lôi kéo xoay vần đổi chỗ cho nhau, đâu thể trốn đi được. Kinh nói: Giả sử trải cả trăm ngàn kiếp, thì nghiệp tạo ra kia vẫn không mất, đến khi nhân duyên gặp nhau thì tất phải gánh lấy quả báo ấy, đâu phải lời nói suông. Cho nên đức Thế Tôn, đấng Tịnh giác hoàn toàn của chúng ta, hóa hiện ra tướng người ở trong các pháp hội đều khuyên dạy giới sát-này, đinh ninh khuyến cáo răn cấm đến nhiều lần. Vả lại lấy giới sát-này làm đầu, trong các phạm hạnh thì đều rất là nghiêm khắc. Lại còn thị hiện việc vua Lưu Ly tàn sát giòng họ Thích, Đức Phật cũng bị đau đầu và bị báo kim thương là để làm gương cho đời. Đó là vì muốn người biết việc nhân quả khó tránh thoát để cùng ngăn cấm việc giết hại, khá chẳng tin sao. Có kẻ bảo Phật không có việc đó nhưng vì chúng sinh mà thị hiện ra việc này, thì Thánh nhân có lỗi lừa dối người. Phật đã không có lỗi thì việc này đâu lại chẳng phải sự thật. Đã là sự thật mà Đức Phật còn phải chịu như thế huống là loài người chúng ta, cho nên biết rõ cái lý của Sự báo đền như bóng theo hình. Lại như người đời trong cuộc sống ngay cả đối với bạn thân chỉ cần một lời sơ suất trái ý nhau hoặc bội bạc điều gì, còn oán hận suốt đời cho đến chết, huống lại banh thây xé thịt ăn uống no say, thù hận đó dễ quên được sao. Vả như sách thế tục còn dạy không nên bao vây, không tấn công thình lình, chỉ câu mà không lưới, săn bắn mà không bắn ban đêm. Lại dạy khi nghe tiếng kêu la mà không nỡ ăn thịt... cũng giống như ba tạng tiệm giáo của Phật cũng nói là cho ăn ba thứ tịnh nhục. Tuy không bằng Đại thừa phương đẳng ngưng hết nghiệp sát thì dần dần cũng dừng cả việc sát hại. Dần dần ngưng việc giết hại còn có chí đức và loài cầm thú ngợi khen. Huống là ăn uống chay tịnh, mặc sô gai, lòng chuyên việc từ bi nhẫn nhịn, không hề đối xử tàn bạo với một vật nào khiến chúng đều sống an ổn. Há chẳng phải là đức hoá vô biên đáng khen ngợi ư?

Vả như người xưa còn không hề chịu được việc để xương khô phơi ngoài sương nắng, dẫu xương khô nào có biết gì mà lòng còn bất nhẫn đành phải đem chôn lấp kín đáo thay. Huống là vật có mạng sống, có máu thịt đồng tánh linh mà có thể giết để ăn thịt được sao? Lão tử có nói: “Săn bắn dọc ngang khiến lòng người phát cuồng.” Lại nói bắn chim rượt đuổi muôn thú, phát quang làm kinh sợ muôn thú, mặc tình giết hại, vô cớ phanh thây nấu nướng, cho đến đi đứng nằm ngồi đều

tàn hại sinh vật. Trong khoảng trời đất có quan tra xét, thừa lệnh đức hiếu sinh của Thượng đế, tùy tội nặng nhẹ đều ghi chép kỷ càng, một sợi tóc cũng không sót, khiến kẻ gây tội phải bị giảm tuổi thọ và chiêu cảm các điều trái ý. Đến khi chết phải bị đọa vào địa ngục chịu mọi thứ khổ hình như núi dao rừng kiếm, chặt xả nấu ram, kéo ruột móc phổi, lột da ăn thịt, chẻ xương nạo tủy, đập đầu móc mắt, thiêu đốt tay chân, ở khắp các địa ngục lớn không nơi nào là không trải qua. Quét đá mòn thành bụi thì cũng không thể lấy thời gian dài lâu đó mà dụ cho số năm ở trong địa ngục được. Dẫu cho khi nghiệp báo trong các ngục lớn đã hết thì lại phải đọa làm loài ngạ quỷ cả trăm ngàn kiếp, rồi lại đọa làm loài súc sinh cũng với số kiếp ngần ấy. Trong loài súc sinh thì giết một mạng sẽ báo đền một mạng. Nhưng nếu tâm sát quá nặng thì giết một sẽ có báo gấp ngàn vạn lần cho đến vô tận mới gặp lại người cùng ta giết nhau như trước đã gặp để hoặc giết hoặc ăn hầu đền trả cái nợ đời trước, dù mảy may cũng không sai sót. Nếu như kiếp trước có chút ít lành nay được sinh làm người thì vẫn phải chịu đời đời nghèo hèn cùng khổ, cô quả, nhiều bệnh, chết yểu, điên khùng thất chí, đui điếc câm ngọng, ghẻ lở, ung thư, máu mủ... trăm ngàn khổ não, vướng víu đầy thân, tất cả bao nhiêu cảnh oán thù đều tập họp trên người, bà con thân tộc đều lánh xa bỏ rơi không thể chịu đựng nổi. Đây là do nghiệp sát đã quá sâu dày cho nên phải gánh chịu các khổ cùng cực đến thế. Ấy là lấy từ thiên sách dạy giới sát của Tử Đồng đế quân. Kinh Thư cũng nói: Ai làm ác thì cả trăm tai họa sẽ giáng xuống đầu, chẳng phải thế sao? Vả lại dầu khác loài cũng có nhân tâm, đúng lý đâu nên giết. Có lễ hiếu hạnh thì như dê con còn biết quỳ xuống cho dê cha mẹ bú, quạ hiền biết đút mồi nuôi cha mẹ. Còn về trung nghĩa thì như loài giải trại bất khuất, loài chó Hồ biết bảo vệ chủ. Loài ong kiến còn có chúa có tôi, loài uyên ương thì chỉ một vợ một chồng, loài chim nhạn khi bay thì biết nhường anh em, kêu gọi bạn bè... xem các loài quần sinh như thế thì có khác chi người. Loài người tuy là vật chí linh nhưng nhiều kẻ suy ra lòng thương xót đồng loại lại không bằng cả loài hàm thức, lại đi giết chúng mà ăn uống để nuôi sống riêng mình. Như thế mà đáng gọi là chí linh, là nhân từ được sao?

Lại quan Lục Tuyên (Hoàn) đại phu hỏi Ngài Nam Tuyền rằng: "Đệ tử nên ăn thịt hay không nên ăn?" Ngài Nam Tuyền đáp: "Hễ ăn thì là lộc của đại phu mà không ăn thì là phước của đại phu." nghĩa đã khá rõ. Dầu kẻ thế tục ở đời có thiết tiệc đãi khách hoặc gặp khi thiết lễ cúng tế đâu không thể dùng các thứ rong rau quả, phần đông dâng cúng

các vật ngon cho nghi thức này thì phải bảo toàn đạo trai giới.

Lại như kinh có nói thuở xưa có con một người đồ tể muốn xin đi xuất gia vì không thích sát sinh. Người cha đưa dao và dê cho đứa con rồi đóng kín cửa lại bảo: “Nếu mày không giết dê thì cứ giết mày.” Thế là người con tự sát. Do công đức ấy nên người con được sinh lên trời hưởng khoái lạc trong nhiều kiếp. Thế mới biết người không sát sinh đã được sinh vào chỗ tốt, thân được sung sướng mà đời đời lại được báo sống lâu, lại hay để đức cho con cháu nhiều đời. Nhưng hiện nay Phật pháp sắp diệt như chín đảnh to treo sợi chỉ mành, phần lớn có nhiều đệ tử Phật không thể hiện được đức Từ bi của Phật, ăn uống vô độ. Thấy người chay tịnh thì chê là Tiểu thừa, là ma đầu, thậm chí có lúc còn sánh với trâu dê ngỗng lợn. Hạng người này tâm quá độc ác, trăm điều ngụy biện để che dấu tội lỗi của mình. Đám ác nhân này thần Thánh thấy đều giận ghét, bảo đó là đám quỷ La-sát ăn thịt người. Thật ra đám quỷ kia còn thật thà ngay thẳng hơn hạng người ấy nhiều. Rõ ràng đây là điềm Phật pháp sắp diệt mất không thể không biết. Còn như ông Tử Sản còn phát hiện được việc cá biết than thở, vua Tề bất nhẫn khen đó là lời không gây thương tổn cho thuật nhân, còn ông Đái Ký thì chê việc giết thú là bất hiếu. Có kẻ thư sinh nhân cứu bầy kiến mà được đổ khoa cao, cho nên biết việc giết hại và không giết hại thì chiêu lấy những tổn hại và ích lợi rất rõ ràng. Huống cho bọn ta tứ chúng đệ tử Phật lại làm nghiệp sát hay sao? Kinh Lăng-nghiêm có nói vì người ăn thịt dê, dê chết làm người, người chết làm dê, đây đền mạng cho kia, kia phải trả nợ cho đây. Do nhân duyên đó mà trải suốt trăm ngàn kiếp luôn ở mãi trong sinh tử. Lại bảo rằng đời đời kiếp kiếp trở lại ăn thịt lẫn nhau, đồng tạo ác nghiệp cùng tận đến hết cả bờ mé vị lai cũng chưa dứt. Kinh Pháp Hoa nói những kẻ săn bắn, lưới cá vì lợi mà giết hại, mua bán thịt cá để nuôi sống, chớ nên gần gũi họ. Lại có kệ rằng nếu khi muốn sát sinh, hãy tự quán thân mình. Thân mình không nên giết, mạng vật có khác chi? Những lời dạy chân thành tha thiết này há chẳng đúng thật ư? Có kẻ tà kiến bảo rằng các loài chúng sinh kia chỉ vọng sống vọng chết, tội phước vốn không, giết đi chẳng có quả báo gì, vậy sao lại không bảo bọn ta cũng vọng cầu vọng ăn, mùi vị ở lưỡi vốn không, ăn chỉ vô ích. Chính đây là do tâm tham gây ra, đâu không có báo cảnh. Nếu bảo rằng loại này không ăn thì dùng để làm gì. Như vậy rắn rít bọ cạp đều là vô dụng sao không ăn nuốt đi. Những việc nêu trên chính là xét mình mà suy ra loài vật đều bình đẳng không nên giết hại thì ai nấy đều thật hành đạo nhân từ. Nay kẻ xuất gia chúng ta muốn tu pháp môn niệm

Phật Tam-muội thì Tam nghiệp cần phải thanh tịnh, cởi bỏ hết mọi oán thù để sinh về cõi Tịnh độ, há không bỏ nghiệp giết hại để ăn uống, để đến lúc lâm chung phải bị tai chướng ư? Trong các đại tạng kinh đều rộng nêu các giáo chỉ của chư Phật, một lời trước sau đều không khác. Các lời khuyên dạy trong ba tạng Thánh giáo kinh luật luận đều rõ ràng, ghi chép đầy cả sách vở khó thể trích dẫn hết được. Chỉ mong cả pháp giới chúng sinh khi nghe hiểu nghĩa thú này thì thể đạo hiếu sinh, đồng lên bậc nhân thọ, đều sống trọn hết tuổi trời, tránh khỏi hết các oán kết, lại hay đúng pháp khuyên dạy người, hoàn thành đầy đủ đạo từ bi cứu khổ của Thánh nhân, khiến mình và người đều chứng được từ tâm, quyết cùng tạo nên cõi Liên hoa, đồng thành quả chánh giác vậy.

11. Khuyên giữ các giới khác.

Có người hỏi: Nay nghe niệm Phật trực chỉ nói cấm việc sát sinh, chính là chỉ thể hợp cơ nghi, sự lý đều đủ, đúng là một lời dạy thật lợi vật ích đời. Dám xin hỏi rằng chỉ có giới cấm sát sinh đây là cùng tột, hay cũng cần phải giữ kỹ các tội ác là đạo, dâm vọng v.v... khác. Nếu tất cả giới đều phải giữ, vì sao chỉ nói gọn có giới sát?

Đáp: Ôi sao ông lại bảo thế ! Ông chẳng từng nghe trong kinh đều nói đủ các giới, đâu có nói riêng giới sát. Chẳng qua nghiệp sát quá nặng chung cả kẻ sang người hèn và rất khó trừ dẹp, cho nên đứng đầu các Chánh hạnh. Trước hết phải dẹp bỏ giết hại thì mới có thể giữ đủ các giới khác, nên cần phải nói rõ. Giới thể đâu có việc lấy bỏ. Lại nếu giới đức không tu thì căn cứ vào đâu mà lập hạnh, cũng như bình hũ muốn chứa đựng chất đề hồ, trước nhất cần phải thật sạch sẽ. Người tu Tam-muội cũng thế, các giới quyết phải thanh tịnh thì Tam-muội mới thành, vì dù nghiệp đời trước quá sâu nặng, khó dẹp trừ nhanh chóng thì phải nên tìm đủ mọi cách để chế ngự đè bẹp. Phải luôn tự khuyên gắng tâm mình, kiểm điểm tự thân hối lỗi, tu tứ niệm xứ, hiểu rõ ở thế gian là vui ít khổ nhiều, vô thường luôn hư hoại không bao lâu sẽ tiêu mất. Tất cả các pháp đều không trong sạch, như mộng huyễn và vô ngã. Phải lập ra các phương tiện như thế mà khiến chúng phải đoạn dứt. Đâu thể theo vọng niệm mà không làm chủ được mình. Lại dù giới đức có đầy đủ mà không khiến thân tâm lắng nghe, dứt hẳn các thứ nghề khéo, thuật mọn của thế gian, cho đến tất cả thứ hoặc lành hoặc dữ khiến tâm niệm phân tán, nếu không dẹp bỏ đi thì làm sao mà nhất tâm chuyên tu pháp Tam-muội này. Nếu Tam-muội không chuyên nhất thì do đâu mà được vãng sinh. Song hiện nay vô minh nghiệp thức của tất cả chúng sinh đầy khắp pháp giới, dẫu chỉ khởi lên một niệm tâm thế tục, liền bị

tất cả trần lao, các đảng ma quái như thế v.v... lôi kéo đi, toàn thân bị kèm kẹp vùi lấp, không có ngày thoát khỏi. Cũng như con cá đang bơi lội bị vướng phải một sợi tơ mỏng thì tai họa không phải nhỏ. Tâm niệm còn thế huống là thân ra làm. Nay tu pháp môn Tam-muội này chính là muốn được nhất tâm, như tên bắn trúng đích, không phải đợi lúc thân này báo hết mới trốn thoát chốn rừng rậm mà quyết vãng sinh Tịnh độ. Há có thể bỏ giới luật mà vướng víu theo duyên, ý chí hạnh nguyện dần dà khiến pháp môn Tam-muội không thành lại bị đọa vào ác đạo, há chẳng đau đớn lắm sao? Nếu quả như có nghe học mà không giữ giới thì khi lâm chung không có chứng nghiệm, chớ nên bảo rằng Phật lực không cảm ứng vậy.

12. Cố gắng tinh tấn.

Tinh tấn thì không bị tám thứ gió ở thế gian làm cho lui sụt. Lại không làm cho thân tâm đổi khác, vì tất cả những bệnh duyên lớn nhỏ khiến việc làm bị sơ suất, nên gọi là tinh tấn. Người tu hành đã nương vào lời khuyên dạy mà phát tâm đoạn dứt nghiệp sát, dần dần giữ đủ các giới khác, nếu muốn vào Tam-muội. Khi ở trong Tam-muội có thể bị tất cả hai thứ ma mạnh mẽ và mềm yếu nó làm mê loạn cả trong ngoài khiến người tu hành bị lui sụt, lúc đó cần phải hết sức trì chí mạnh mẽ kiên cường thêm nhiều, tinh tấn như Kim cang tràng không có gì phá hoại được, như núi Tu-di không có gì lay động được, như biển cả to rộng kia các chất độc không thể làm hư hại được. Giả sử người tu hành nghe lời Phật thọ ký rằng dẫu ngày nay ông tu hạnh này nhưng quyết không thể nào vãng sinh lên nước An dưỡng kia được thì liền thưa rằng: “Lành thay ! Bạch Thế Tôn, trước đây con tin nhận lời Phật thọ ký mà cầu sinh lên Cực lạc. Đức Phật Thích Ca có nói tất cả chúng sinh đều nên phát nguyện cầu vãng sinh về cõi nước ấy. Cõi ấy còn không hề phân biệt với số người nữ, thiếu căn và cả đám người phạm mười tội ác, tội ngũ nghịch phải đọa ngục A-tỳ thay, huống gì con. Con dù hiện nay đạo hạnh còn yếu nhưng không hề phạm tội ngũ nghịch, niệm hơn mười danh hiệu Phật thì chắc chắn là phải được vãng sinh. Đức Phật ấy đâu thể tự dối mình, chịu trái với lời nguyện xưa. Huống cả mười phương chư Phật đều hiện ra tướng lưỡi rộng dài, minh chứng rõ ràng cho việc đó. Thế nên nay con nhất định cầu vãng sinh không dám lui sụt.” Như thế gọi là kẻ tu hành có sức “Kim cang diên tràng” rất mạnh mẽ. Lời Phật thọ ký mà còn không thể làm lui sụt ý chí ban đầu của ta thay, huống là bọn thiên ma ác đảng, hay trong các hoàn cảnh bức ngặt như nước, lửa, cướp bóc, cường tà, kể cả tình ái thê thiếp... trong loài người

lại có thể lay động hạnh nguyện của ta được sao?

Có kẻ hỏi: Tôi thấy ở đời có kẻ tu mà không được vãng sinh là tại sao?

Đáp: Ấy là bởi dị kiến mà việc thực hành không nghiêm túc.

Hỏi: Nếu thế thì công lao ấy tiêu phí uổng mất chăng?

Đáp: Công lao ấy đâu uổng phí, bởi người đó nương nơi nguyện lực của đức Di-đà, nếu đời này không sinh thì đời thứ hai sẽ sinh, đời thứ hai không sinh thì đời thứ ba tất phải vãng sinh. Nếu nhất niệm nhất động đều luôn hướng về Đức Phật ấy thì nhiều đời ở vị lai chắc chắn sẽ được vãng sinh. Đã gọi là “đều được bất thoái chuyển” thì đâu thể không sinh ư? Cho nên biết người được sinh vào cõi nước ấy thì được không lui sụt. Kẻ tu hạnh này tất cũng được không lui sụt, nhưng kẻ ấy sẽ sinh vào các đời sau này thì chỉ uổng là phải chịu nhiều kiếp bị khổ luân hồi, cho nên cần phải quyết chí một đời, đâu nên nuôi chí ở đời thứ hai để rơi vào đời khác mà chắc được vãng sinh sao? Trong trường hợp nếu do nghiệp đời trước khiến nguyện hạnh có phần thiếu sót thì cần phải chuyên một lòng luôn tụng bài chú Đà-la-ni bạt nhất thiết khinh trọng nghiệp chướng đắc sinh Tịnh độ này. Nếu tụng chú này một biến thì bản thân liền được diệt hết các tội về ngũ nghịch và thập ác. Nếu tụng được mười vạn biến thì sẽ được không quên mất tâm Bồ-đề. Nếu tụng được hai mươi vạn biến thì cảm được mầm mống Bồ-đề phát sinh. Nếu tụng được ba mươi vạn biến thì Đức Phật Di-đà luôn ở trên đỉnh đầu, quyết định sẽ được sinh về Tịnh độ. Bài chú này mà đời thường trì tụng tuy là rút từ bản tạng nhưng tiếng và câu đọc lên có nhiều lầm lẫn. Nay bài chú được truyền lại đây là thời gần nhất do Ngài Tam tạng Pháp sư Sa-la-ba dịch ra, so với các bản khác thì rất rõ ràng. Người tu hạnh Tam-muội này cần nên trì tụng để làm Chánh hạnh trực chỉ. Nay xin phụ lục bài chú ấy như sau:

Nại ma lạt đát nạp. Đặt ra gia dã. Nại ma a lý dã. A di đã bạt dã. Đát đạt cả đát dã. A ra yết đế. Tam mê tam bất đạt dã. Đát đích dã thát. Úm a di lý đế. A di lý đã. Ốt ba vỹ. A di lý đã. Tam ba vỹ. A di lý đã. Cát lý bỉ. A di lý đã. Bệ đế. A di lý đã. Đế tế. A di lý đã. Vi yết lan đế. A di lý đã. Vi yết lan đế. Cả di nễ. A di lý đã. Cả cả nại. Yết lý đế cát lý. A di lý đã. Đốn độ bỉ. Tô oa lý. Tát lý oa. A lặc thát. A đát nễ. Tát lý oa. Cả lý ma. Kiết lý xá. Kiết lý dã. Cát lý. Ta hát.

Cũng gọi là Vô Lượng Thọ Như Lai căn bản chơn ngôn. Thật tinh tấn tụng chú này sẽ mau vãng sinh Tịnh độ.

13. Chánh hạnh.

Như trên đã nói hai cảnh y chánh cho đến tinh tấn tuy đều là viên diệu đều là phương pháp cầu vãng sinh nhưng chưa phải là Chánh hạnh. Sau đây sẽ xin trình bày về ý chỉ của Chánh hạnh.

Nói về Chánh hạnh, thì hành giả khi đã phát chí này thì tất phải khiến thân tâm đều thanh tịnh mà vào đạo tràng. Trước hết cần phải quán sát ta và tất cả chúng sinh ở trong vi trần sát hãi khắp hết cõi hư không, luôn ở trong biển cả sinh tử trải vô số kiếp không dứt, trôi giạt đắm chìm trong sáu nẻo không ai cứu giúp, không chỗ quay về. Nếu không khiến họ được hoàn toàn giải thoát thì đâu thể gọi là Chánh hạnh. Do đó mà cảnh oán thù thân thích đều xem như nhau. Từ các cảnh đó mà khởi tâm Đại bi lớn như hư không, bao trùm rộng khắp. Lại suy nghĩ rằng nay thân ta đây như cục bứu độc ghẻ lở, là một đống toàn oán nghiệp. Nếu không dùng thân này mà bố thí cho chúng sinh đều tu hạnh Tam-muội, khiến họ được giải thoát thì trái lời Phật dạy răn, đi ngược với bổn nguyện của ta. Chúng sinh phải chịu bao nhiêu khổ não rất đáng thương xót, ta nay hãy phát tâm như sư tử chúa ra khỏi hang, không cần bè bạn, không cần ai giúp đở cất tiếng gầm thét vang động, thu phục tất cả, nhất định không bị bọn tệ ma, ác đảng khiến lui sụt. Khi tâm to lớn như thế đã lập rồi sau đó mới xét kỷ về Chánh hạnh niệm Phật của các Bậc hiền đức thuở xưa. Phải chọn nơi chốn thiên nhiên vắng lặng, chỗ nơi chưa bị nhơ bẩn trước, phải dẹp bỏ tất cả mọi của cải thì mới có thể làm kẻ ăn xin. Rồi đúng pháp mà kiến lập đạo tràng. Dưới nền thì đắp bùn thơm, phía trên thì treo bảo cái, ở giữa thờ phụng đủ hình tượng ba thân và chín phẩm khiến thật sạch sẽ trang nghiêm. Lại trưng bày các phan phướn hoa hương, các vật cúng dường thật đầy đủ đều phải thật trang nghiêm vi diệu. Sau đó mặc áo đắp y mới sạch sẽ đốt đèn xông hương và trải tọa cụ. Hết thảy bao nhiêu thiện căn có từ vô thủy đến nay, khắp vì chúng sinh mà hồi hướng về cõi Tịnh độ, trang nghiêm hạnh nguyện. Nếu không hối hướng như thế thì làm sao có được sinh nhân. Do đó ba tâm trọn phát, năm vóc chí thành quán tưởng tướng hảo của Đức Phật, quỳ gối chắp tay, cho đến vận tâm khắp duyên với vô biên sát hải, tất cả chúng sinh và thân này của ta từ xa xưa tới nay luôn trôi giạt không trở lại, thấm thiết đau khổ, buồn thương rơi lệ, mong Phật rủ lòng Từ bi thương xót. Bất giác thân này như tòa núi lớn sụp đổ, kính lạy Tam bảo, tay dâng hương hoa tưởng khắp cùng pháp giới thỉnh mời và khen ngợi công Đức Phật, chí thành kính lạy, phơi bày cả ruột gan phát lồ tội lỗi, tu năm phép sám hối, đi nhiễu vòng quanh mà nương về. Rồi ngồi ngay ngắn quay mặt về hướng tây, quán tưởng tướng đẹp của Phật, lại tụng kinh niệm Phật, ra vào kinh

hành ngày đêm đủ sáu thời. Quy định thời khắc nghiêm nhặt luyện tập tu hành, nếu chẳng may nghiệp chướng quá sâu nặng chưa cảm được, lấy chết làm hạn kỳ mà luôn cố gắng mãi, không một khoảng khắc nào nghĩ tưởng đến ngũ dục của thế tục. Nếu chuyên nhất tâm ý như thế mà không vãng sinh thì Đức Phật của chúng ta là kẻ đại vọng ngữ, cho nên thần lực của Tam-muội này như thế. Pháp Tam-muội này chư Phật đều khen ngợi, các Thánh đồng tuân hành. Lần đầu tiên được xướng lên ở Lô Sơn, về sau truyền bá rộng khắp thiên hạ, đời đời truyền nhau càng rộng lớn, đều lấy đây làm chỗ hướng về. Các nghi quỹ của Tam-muội tuy nhiều nhưng chỉ có bản tuyển soạn của Ngài Từ Vân là rõ ràng tóm tắt được ý quan yếu chính chắn nhất. Đây là hạnh cao bậc nhất, cảnh giới rất thậm thâm. Người tu học ở trong đó phải hết sức cố gắng cẩn thận chớ bỏ đây mà theo kia. Còn như căn cơ không bằng nhau, thắng hạnh khó vẹn toàn thì cũng phải ở luôn trong tịnh thất, khiến trong ngoài thanh tịnh nghiêm túc mà tùy ý lập hạnh, lễ Phật sám hối, mỗi ngày định ra mấy lần phát lồ sám hối, tinh tấn nhất tâm thề rằng không hối tiếc. Hoặc chuyên tụng kinh, hoặc chuyên trì chú, hoặc chỉ niệm danh hiệu Phật cầu được vãng sinh ngay. Hoặc có thể thấu suốt pháp và nghĩa về quán tưởng y chánh của Phật đến khi nào thấy được hảo tướng thì liền biết rằng tội đã dứt và duyên đã sâu, thế nào cũng được sinh vào cõi nước ấy. Như kinh có nói rằng không thể do một ít nhân duyên thiện căn phước đức mà được vãng sinh vào cõi ấy. Nếu có người nghe nói việc trì niệm danh hiệu Phật A-di-đà từ một ngày, hai ngày cho đến bảy ngày, nhất tâm không tán loạn, khi người này mạng chung thì Đức Phật cùng Thánh chúng sẽ hiện ra trước mà tiếp dẫn, liền được vãng sinh. Cho nên biết việc trì danh hiệu Phật là nhân duyên rất nhiều thiện căn nhiều phước đức. Lại có người chưa thể dứt hết duyên đời nhưng cũng tu các điều thiện ở đời, lại đối với cõi nước Cực lạc mà tin tưởng chắc chắn không chút nghi ngờ, niệm niệm ham thích mến mộ không hề quên, đối với hạnh trước mà tùy ý tu tập, cả đi đứng nằm ngồi luôn lấy đó làm chỗ nương về, khi tiếp xúc với cảnh thì thấu đạt đến nguồn gốc sâu xa, khi gặp việc hạnh lực đầy đủ phương tiện, đến khi lâm chung chắc chắn là sinh về cõi nước ấy. Song các hạnh này rõ ràng ngắn gọn tuy có nhiều chỗ không đồng nhau, nhưng về pháp lực thì vốn bằng nhau cả. Nhưng vì sự chú tâm có chậm có nhanh cho nên việc ứng hiện của Phật cũng có nhanh chậm. Kẻ tu học không thể không biết việc này.

Lại có pháp môn Từ Vân thập niệm thì vào mỗi buổi sáng, tắm rửa súc miệng xong xuôi, ngồi nơi sạch sẽ yên tịnh quay mặt về hướng

Tây, cũng cần nên tu hành, đây mới thật là nhân nguyện bước đầu cầu vãng sinh cõi Cực lạc, tất không thể mất đi. Các hành tướng như trên nghĩa đầy đủ rõ ràng, có thể gọi là nghĩa quá đầy đủ. Có kẻ bảo rằng người ấy đối với việc niệm Phật tuy vận dụng cả thân và miệng, nhưng tâm niệm lại phân tán, không thể tự kiềm chế, vậy phải làm cách nào để tâm không tán loạn?

Đáp: Cứ nên vận dụng cả thân và miệng mà niệm danh hiệu, đừng chú ý đến sự tán loạn ấy, không nên gián đoạn chút nào thì tự có thể được nhất tâm. Cũng có thể nói là liền gọi là nhất tâm vì chỉ có việc cứ tiếp tục làm mãi không thôi thì chắc chắn không cần phải lo việc tán loạn nữa. Cũng như cha mẹ vừa mất đi đứa con yêu quý, loài rồng mất viên ngọc hộ mạng, lúc đó dù không bắt tâm chuyên nhất thì tâm cũng tự chuyên nhất chú ý vào một chỗ, há lại cố chế phục bắt nó phải chuyên nhất ư? Tâm này vốn không thể chế phục được. Thật ra chính người tu hành chuyên cần hay lười biếng mà thôi.

14. Nói về việc tu Tam-muội của khách giữa đường.

Đạo tràng đã đầy đủ, mọi sự cúng kiến đã bày biện xong, tất cả đều đúng nghi thức, đâu có thể tùy thời mà để luống qua. Thế nên phải căn cứ vào giáo chỉ vận dụng quán tuệ, hiểu rõ diệu cảnh, nương vào tâm cao quý này mà lập hạnh vô tác thì biển sinh tử tất phải khô cạn, Tịnh độ liền được vãng sinh.

Bấy giờ, có vị khách đến pháp tòa dáng điệu rất ung dung tự tại, tao nhã trọng hậu, ý chí không khiếp sợ, chợt lạy xuống mà thưa rằng: “Nay con nhìn xét sự răn dạy của Ngài thì biết vận tâm rất rộng lớn, bao hàm cả căn cơ sâu lẫn cạn, song đều kiến lập đạo tràng khiến mọi sự cúng dường đều đầy đủ, mới an tâm ở chỗ yên tịnh mà nói đến việc khởi tu. Như con sinh sau đẻ muộn thuộc hàng hậu học sau này, căn cơ chậm lụt lại ít học. Từ xưa đến nay trôi nổi hồ hải, phiêu bạt bốn phương, hoặc đến hoặc đi, tuy muốn đến chỗ yên tịnh mà tiến tu, nhưng liệu sức chưa được. Như thế nếu gặp lúc đang lỡ bước giữa đường, không thể nương chốn đạo tràng nhưng cũng cố gắng giữ đủ sáu thời hành đạo, cả Tam nghiệp không sai sót, tụng chú, đọc kinh xưng niệm danh hiệu Phật và lễ sám... tất cả đều đúng nghi thức chỉ cố mong sinh về nước An dưỡng, đồng một thứ với công hạnh ở đạo tràng, bọn chúng con đều tuân giữ đúng đắn. Cúi mong Ngài mở lòng Từ bi rộng lớn, mở bày ý chỉ chưa được nghe biết, xin Ngài rủ lòng riêng chỉ các phương tiện trước sau.

Đáp: Quý thay câu hỏi, thường người đời khi muốn tu Tam-muội thì đòi hỏi phải đầy đủ cả trăm việc, sau đó mới phát khởi tu hành. Nay

theo ý nguyện của ông thì rõ là một loại người xuất chúng. Nếu không có câu hỏi này thì không có dịp tỏ bày hết sự ấp ủ của lòng ta là luôn mong muốn tìm mọi cách để mọi người đều được lợi ích. Bởi vì giáo pháp của Thánh nhân dạy bảo như nước mưa một vị, cả ba thứ cỏ hai thứ cây đều nảy nở tươi tốt, huống là niệm Phật Tam-muội khắp nhiếp mọi căn cơ. Nay ông nếu quyết chí cầu sinh Tịnh độ thì phải biết trong cả bốn thứ đi đứng nằm ngồi đều là đạo dụng cả, há chỉ riêng hỏi cho khách giữa đường ư? Nếu ông muốn lập hạnh này thì trước hết phải lập tâm không dối lừa, phải ẩn dấu đạo đức mà lộ vẻ ngu dốt, phải cẩn thận chớ khoe mình. Đầu tiên phải ở hạng thấp kém nhất để trong ngoài được yên ổn. Kế đó dẹp bỏ các duyên, dứt bỏ mọi việc và phải tham dự đầy đủ đọc thuộc kinh chú Tịnh độ và năm pháp sám hối khiến thật thông suốt. Lại phải nên tu tập các oai nghi đã làm khiến đều được đoan trang cao nhã như trước đã nói. Rồi chính tâm chân chánh, vận dụng trí đại bi khắp vì tất cả chúng sinh đúng lý mà quan sát rõ về hai cõi sạch nhơ, hai báo vui khổ thật đáng ham thích và nhàm chán. Đối với "phát hạnh" này đã là khách giữa đường, thì chỗ ở không phải một nơi, rày đây mai đó như nước chảy mây trôi. Cho nên không cần phải có đạo tràng trang nghiêm mà chỉ cần một thân tâm thanh tịnh. Việc mặc thì tùy lựa thứ sạch đẹp nhất đang có. Vào ngày lục trai hoặc người khách ở chỗ nào thì chỉ cần cúng dường tối thiểu một nén hương một cánh hoa nhỏ cũng đủ lắm rồi. Cúng dường Tam bảo là cốt biểu hiện có việc cúng thí. Ở trước Tam bảo quỳ gối kính lạy chí thành, lập nguyện rộng lớn thề quyết không lui sụt, quyết lấy ngay đời sống này làm kỳ hạn nương về, lại không hối tiếc giữa chừng. Dầu không có đạo tràng nghiêm trang thì nên lấy ngày đó làm ngày đầu tiên cho đến khi thở hơi cuối cùng, mỗi ngày đều đủ sáu thời tu hành pháp này, dù hương đèn có hay không cũng không bắt buộc lắm.

Hỏi: Tam-muội thì cần phải nhất tâm mà sự việc của con người thì đa đoan muôn mối. Như thế thì làm sao tu hành, vì Phật sự và thế sự đâu chẳng ngăn ngại nhau?

Đáp: Như chim bị bắt nhốt trong lồng, thân tuy ở trong lồng nhưng tâm chim luôn nghĩ nhớ đến rừng cây đồi núi bao la, rõ ràng hai thứ không ngăn ngại nhau, bởi lồng chỉ có thể cầm giữ được thân chim mà không thể nào trói buộc được ý chí muốn bay thoát. Vì sự việc chỉ trói giữ được thân chứ không thể ngăn giữ được chí nguyện cầu vãng sinh. Đó gọi là ba cõi như lồng, thân này như chim, ý muốn bay thoát là nguyện vãng sinh, vườn rừng đồi núi bao la chính là Tịnh độ, cho nên

biết vọng duyên dù có muôn mối nhưng không ngăn ngại được chân tâm. Huống gì đối với khách giữa đường, việc người khác ít bị quấy não, tự mình lại không can dự việc người để thân tâm được thản nhiên như như, như thế thì mới là tiến tu tốt đẹp vậy.

Hỏi: Pháp môn tiến tu thì có thứ lớp, mà hạnh nguyện thì lại quanh co nhiều nỗi, làm thế nào để khiến kẻ tu hành chúng con gặp việc mà không lầm?

Đáp: Ngày chia làm ba thời, đêm cũng ba thời, luôn cố định không đổi khác, đó là thứ lớp. Nay khách ở giữa đường thì vào buổi sáng sớm trong ngày, nếu ở nơi nào có tượng Phật, hoặc tượng do mình mang theo, nên đối trước tượng mà miệng đọc thân lạy, hoặc tụng thầm mà lạy. Nếu không có tượng Phật thì nên đối với quyển kinh, hoặc quay mặt về hướng Tây xa trông mà lạy, chỉ trừ hướng Đông ra còn tùy các hướng khác mà tiến tu kính lễ đúng nghi thức như ở chốn đạo tràng. Hoặc có lúc đang đi giữa đường, đang ngồi trên tàu thuyền hoặc gặp các việc bất đắc dĩ khiến thân không thể động dụng được nhưng cũng cố tâm không phế bỏ, thì tức là Phật sự và thế sự cùng vận động vậy. Lại nên nghĩ rằng làm việc ở đời là cốt để nuôi thân, mà thân ta hành đạo thì công kia đâu có uổng phí bỏ đi, thì liền đồng thể với Tam-muội.

Hỏi: Con thường nghe nói tâm không có hai dụng, nếu được một thì mất một. Vậy làm thế nào để hai việc cùng vận động?

Đáp: Ông không nhớ thí dụ về lồng và chim đấy sao, đã quá sáng tỏ rồi còn gì. Vả như nhất tâm mà không hề ngăn ngại gì mắt thấy tai nghe, thân làm tâm nhớ, ứng dụng nhiều vô tận, đâu phải chỉ là hai việc. Dụng đã vô tận thì phải ngay trên tất cả động dụng mà nhất tâm trì tụng một quyển kinh Tiểu A-di-đà, hoặc thượng phẩm, hoặc chương Thế Chí của kinh Lăng-nghiêm và tụng chú Tịnh độ, hoặc ba biến, bảy biến hoặc trăm biến trở lên, hoặc xưng niệm danh hiệu Phật ba trăm, năm trăm đến cả một ngàn hay niệm hoài không kể số để làm sám lễ Phật sự. Hồi hướng xong rồi thì mới nhập sám hối. Về nghi thức lễ sám xin trích đủ trong sám Từ Vân nghi, đầu tiên là cung kính tất cả, kế đó lễ Tam bảo, xông hương tán dương Phật, lễ bái, sám hối cho đến đi nhiễu, quy y... tất cả đều phải theo từng tiết, từng đoạn của văn nghĩa mà quán tưởng thân này đối trước Phật và Tịnh độ. Hoặc đối trước hình tượng Phật trong đạo tràng mà quỳ lạy chiêm ngưỡng, đi nhiễu... tất cả đều rất sáng suốt tỉnh táo, không để bị hôn trầm hoặc tán loạn. Khi lễ xong thì quán tưởng Phật và tướng lông trắng giữa chặn mày v.v... tùy sức mà nghỉ ngơi. Do đó như trước đã nói, các việc tụng kinh niệm chú,

xưng danh hiệu Phật và hồi hướng xong rồi thì mới coi là hết một thời khóa lễ của buổi sáng. Vì tưởng lễ này đồng nhất với việc hành pháp trong chốn đạo tràng, chỉ có thêm việc thân lạy là khác. Lại còn việc đọc tụng ra tiếng thì tùy trường hợp người, cảnh xấu tốt mà khinh trọng khác nhau, âm thanh vừa phải, giọng đọc trầm hùng thanh nhã, khiến các quỷ thần, người khuất mặt đều được nghe. Cần nhất là không nên cùng người chuyện vãn nhiều, lại trước khi làm việc, đối trước Phật mà thắp một nén hương. Nếu không được thì nhúm lấy một chút vật thơm rồi đâm nát ra để làm hương. Đến giờ sám lễ thì chỉ nghĩ tưởng cũng được, thì giờ còn lại thì nên ngồi riêng, đi riêng một mình, tránh xa chốn ồn ào náo nhiệt hoặc dụm đầu ba hoa bá láp, chọc ghẹo đùa giỡn, cười cợt ca hát, ngâm vịnh làm thơ, viết vẽ... khiến người quên mất các việc chánh niệm. Đó là phần Phật sự của đầu ngày, còn ba phần giữa ngày, cuối ngày và trong đêm thì cũng thế. Đó là sáu thời hành pháp. Khi tụng niệm trong đêm thì người yên cảnh lặng, cách dụng công tu tập tất khác với ban ngày. Kẻ tu hành đã vì "sinh tử đại sự" há lại biếng lười mặc tình mê ngủ. Dầu có gặp lúc nóng lạnh quá lắm cũng phải cẩn thận chớ có cởi áo, phải mặc pháp phục và chuỗi hạt cần phải để gần bên mình, khăn tay, thau nước sạch không rời xa chỗ ngồi để khi cần thiết thì mọi thứ đều có sẵn. Lại phải quán sát xem tín căn của người ấy sâu hay cạn để khỏi quấy rầy người, khiến họ chán nãn. Khi không có gì trở ngại thì nên đọc tụng thành tiếng nho nhỏ êm dịu như tiếng đàn cầm đàn sắt, nhỏ mà trầm hùng, lúc lớn thì không the thé khiến cho trời thần hoan hỷ giáng hạ hộ trì, các loài quỷ và súc sinh nghe được thì liền giải thoát. Như thế thì công của mình mới càng sâu. Nếu đang ở trong tàu thuyền hoặc ở trên gác hẹp nhà người khác, thì đều phải xét cảnh người, một lòng tinh tấn, dùng mọi phương tiện khéo léo để làm hết sức mình. Điều cần yếu ở trong đó không nên nêu lỗi nói xấu người khác. Lại cũng không nên quá tán thưởng tâng bốc nêu toàn việc tốt của người. Dẫu khi rảnh rang và gặp chỗ thuận tiện hoặc gặp phải nhiều việc nhiều người làm trở ngại thì cũng phải luôn luôn chọn nơi vắng vẻ, ngồi ngay ngắn xoay mặt về hướng Tây chắp tay sát ngực niệm ra tiếng hay niệm thầm tùy nghi mà tưởng lễ như trước, không khác gì khi làm việc cả. Lại như khi làm việc, việc xong rảnh rang cũng không bắt buộc phải sám lễ nhiều ít, cho đến một câu tụng, một lạy chưa trọn vẹn thì vẫn cứ liên tiếp đọc tụng cho đến khi ở trước Phật thân lạy được đầy đủ trọn vẹn. Nếu khi đang nghiêm túc lễ Phật nhưng gặp việc quá gấp gáp thì cũng không câu nệ lễ sám được nhiều ít, cho đến một câu, một

lạy chưa trọn vẹn thì tùy việc làm, nơi ở mà dùng tưởng lễ thì cũng coi là đầy đủ. Điều cần thiết là không thể vào sám lễ chưa nhiều mà lại bắt đầu làm sám lễ nữa. Vả lại tưởng lễ của người khách này phải bỏ ngang là vì bất đắc dĩ, bởi không thể trong lúc có thời gian nhàn rỗi mà lại dùng tưởng lễ để thân biếng lười. Lại cũng không nên dùng tưởng lễ này trong khi làm việc để khi rảnh rang thì lại ngồi không. Đối với kẻ lòng tin còn cạn cợt thì chớ vội vàng khuyên tu, còn với kẻ lòng tin đã sâu chắc thì lại không thể không kín đáo giải bày khiến họ tự bằng lòng. Lại chớ nên kể công hóa độ là thuộc về mình như chúa xuân nuôi lớn muôn vật nào kể công lao. Kẻ kia nương vào đạo tràng mà tu hành thì gọi là hành dễ dàng trong thuận cảnh, còn kẻ làm khách giữa đường mà tu thì gọi là hành dễ dàng trong nghịch cảnh. Nếu lấy hành dễ dàng trong nghịch cảnh mà sánh với hành dễ dàng trong thuận cảnh thì cách xa nhau như trời với đất, vì hành dễ dàng trong nghịch cảnh thì công hạnh càng nổi bật.

Hỏi: Tưởng lễ này cùng với thân lễ có đồng nhau chăng?

Đáp: Ông há không nghe Tam nghiệp thì ý là chủ của thân và ngữ, chủ đã chú ý nghĩ tưởng đâu thể không bằng thân ngữ. Lại như trong việc sám lễ vận niệm ý chỉ, hương hoa và thân tâm này đến khắp mọi nơi, há chẳng phải cũng chỉ là niệm tưởng? Nay căn cứ vào đây thì biết.

Hỏi: Nếu thế thì chỉ cần tâm tưởng lễ mà không cần phải vận dụng thân khẩu chăng?

Đáp: Ý nghiệp dù hơn nhưng nếu đủ cả thân khẩu nữa thì gọi là Tam nghiệp viên tu. Cái nghĩa tụng thầm thì cũng căn cứ vào đây mà biết. Lại luôn dùng tưởng lễ này để thay lấp vào các thời gian nhàn rỗi thì hạnh kia sẽ càng mạnh mẽ.

Hỏi: Ngoài sáu thời hành pháp ra thì dụng tâm ra sao?

Đáp: Hoặc là quán tưởng tướng hảo của Phật, hoặc trì chú, tụng kinh, xưng niệm danh hiệu Phật, đảnh lễ v.v... các hạnh, niệm niệm không rời thì vãng sinh chắc chắn. Giống như người đi đường hễ bước nhanh thì đến sớm, bước chậm thì đến trễ, phải nên dụng tâm như thế. Nếu người thân tâm có sức yếu kém, không thể tu hành pháp đầy đủ sáu thời mà chỉ quy định một số thời khắc về kinh sám, mỗi ngày chỉ ba hoặc năm thời nhưng không nhàm chán quá nhiều cũng không thêm hay bớt trong nhất thời làm sửa đổi hạnh đã lập.

Hỏi: Thuyết về niệm Phật Tam-muội cho khách giữa đường rất viên dung, thứ lớp ít được nghe trên đời. Nếu thế thì số người này không

cần phải nương vào đạo tràng mà tu ư?

Đáp: Như người rơi xuống biển tìm kiếm thuyền chưa gặp, chợt gặp được khúc gỗ ngang, thì liền bám lấy để được vào bờ. Nay há đã không có thuyền lại bỏ khúc gỗ ngang để mà chết chìm ư. Huống lại việc đi hay ở trong khi làm khách là tùy ở chủ thích hay chán. Khi đã được vô quái ngại thì có thể không cần dụng công tiến lên nữa.

Như trên là nói về việc tu Tam-muội của khách ở giữa đường. Thứ Tam-muội này thì cảnh giới thậm thâm, công năng rộng lớn rất hợp với diệu tâm chư Phật, khen ngợi mãi vẫn không cùng tận. Trong bốn thứ Tam-muội thì gọi đây là phi hành, phi tọa Tam-muội cũng gọi là Tam-muội tùy thuận bốn oai nghi, chính là bao trùm các căn cơ lớn, còn các hàng trí nhỏ căn thấp thì tùy phần của mình mà nhận được lợi ích nhiều ít. Vì Tam-muội này mà so với ở chốn đạo tràng thì hoặc chỉ thiếu thân lễ, còn các nghi thức khác thì đều đồng nhau. Nay ông nên tinh tấn thọ trì Tam-muội này, một chí hướng về Tây phương, cần nhất là không nên dần dà mà phải kẹt vào sinh tử, đúng theo trên mà tự lập làm Chánh hạnh. Ta lại xét người đời nay, kẻ nào có chí với đạo này khi vừa nghe nói dễ thì liền tưởng dễ dàng rồi vọng gọi mình đã được chứng. Nhưng khi nghe nói đạo này khó thì liền lui sụt mất hết ý chí. Dẫu cho kẻ có tín tâm tha thiết, nhưng lại lạc vào trong rừng rậm tà kiến, lại lén truyền thọ cho nhau làm mê hoặc nhiều người. Những pháp truyền trao ấy muôn hình vạn trạng đến cả những điều chưa từng nghe thấy bao giờ, các thứ đó luôn trói cột tâm người khiến họ phải tự cho là đúng nên các phi hạnh phát triển lớn dần lên, thế là cả đám thầy trò đều bị đọa, há được kẻ có chánh tâm như ông hỏi điều thiết yếu.

Khách kính lễ thưa rằng:

- Từ xưa con đã phiêu linh lưu lạc, lắm nỗi gian truân, mỗi khi nghĩ đến sinh tử vô thường muốn tu mà chưa thể được vì mãi phải lo việc nuôi thân miệng, luôn ân hận là không được dịp khởi tu pháp hạnh ở chốn đạo tràng. Nay do duyên may đời trước mà được nghe lời dạy bảo quý báu này, thật như chất cam lồ rót xuống đảnh đầu, mát mẻ thấu xương. Nay con dám xin hứa chắc quyết chí thọ trì bắt đầu kể từ hôm nay, như kẻ lấy oán làm thân không còn chút oán hận nữa. Từ đó mà thân tâm buông bỏ quên hết như trút cả gánh nặng, tự tại thản nhiên, nguyện đời đời kiếp kiếp tuân giữ thọ trì, dẫu chết chứ thề không lui sụt, mong tất cả bạn tri âm cùng biết rõ, dầu ở tại đạo tràng, dầu đang là khách giữa đường, trong hoàn cảnh thuận hay nghịch thì đạo dụng vẫn vô ngại, đồng thành Tam-muội. Đó gọi là vận may lớn cho tất cả

quần sinh, đó chính là điều mừng to cho kẻ học Phật. Khi đã tu cách này thì biết rằng mọi việc đua chen thế sự, trôi giạt bốn phương, buôn bán nhọc nhằn, ở nơi lữ điếm quán chợ, trao đổi mang vác, trăm công ngàn việc kỷ nghệ chế biến... cả trai gái già trẻ, tôi tớ huỳnh môn bị người sai khiến không được tự tại trong mọi lúc đi đứng nằm ngồi, ăn cơm, mặc áo, nói, nín, động tịnh v.v... kể cả đang bị giam cầm tù tội hay đang ở giữa chốn ồn ào đầy sự mừng giận buồn vui, chưa có lúc nào là không tu được. Huống chi là bốn chúng xuất gia, bốn hàng tại gia, có chỗ để ở, có thời rảnh để tu, những mong ước đều đầy đủ lại được tự tại, sao không tiến tu hạnh ấy?

Khách lại thưa: Nay con nghe nói cõi Cực lạc cách xa đây đến mười muôn cõi Phật, xa quá là xa. Lại nghe nói những người được sinh lên cõi ấy phần nhiều là hàng Bồ-tát Nhất sinh bổ xứ, thẹn mình không thể theo kịp. Vậy phải làm sao?

Đáp: Đám người ấy đâu biết rằng như trên đã nói cả mười phương cõi hư không đều là tâm ta. Tâm đã tịnh thì dầu mười muôn cũng nào xa, nhưng tâm không tịnh thì dầu trước mắt cũng không gần. Nếu căn cứ vào tâm tịnh thì cần gì phải tính toán đường gần xa. Cũng như chỉ trong giấc ngủ ngắn ngủi mà mơ thấy mình đi ngàn dặm đâu thể lấy thời gian bình thường mà so sánh được. Theo lý thì có cõi nước có thể sinh, nhưng quyết là không nên bảo rằng hễ tâm tịnh thì được, càng không cần phải sinh về cõi ấy vậy.

Khách lại kính lễ thưa rằng:

- Con nguyện kính vâng lời dạy bảo. Lại thưa khi mới nghe nói những điều chưa từng nghe ấy, con ngỡ rằng chính tự ý Ngài rủ lòng thương dạy bảo. Nay được nghe tên Tam-muội mới biết đó chính là Thánh điển thật thích hợp với mọi cơ nghi, rõ ràng như thanh thiên bạch nhật. Có thể gọi đây là lời dạy răn cho kẻ hậu học, đâu phải chỉ riêng dạy cho con thôi. Cho nên con xin ghi chép nhớ kỹ để làm bài học đời đời cho kẻ hậu lai. Vậy kính mong Ngài thương xót chỉ rõ về pháp môn Chánh hạnh tu hành ở chốn đạo tràng trước sau cặn kẽ, để khắp lợi ích cho đời này thì là một vận may rất lớn vậy.

Ta bảo: Tốt lắm, ta sẽ hết lòng cùng ông mà trình bày với họ pháp môn ấy. Khách cung kính cáo lui. Người khách này tên là Hạnh Nhất, tên tự là Chí Tây, tự bảo ông đã từng đọc sách Vạn Thiện Đồng Quy của Trí Giác thiền Sư đến thuộc làu. Về sau có đến Lô Sơn, thấy được di tích của sơ tổ là Viễn Công, nhân đó mà phát nguyện niệm Phật.

15. Nghi thức tu Tam-muội.

Pháp môn niệm Phật Tam-muội là việc kiến lập đạo tràng thật trang nghiêm và các nghi thức cúng dường cùng sắm sửa y phục giày dép, giặt giũ tắm gội, cách ra vào các cửa, các phương tiện của chánh tu, thiền, tụng, sám lễ v.v... các phép tắc đều thanh tịnh, đầy đủ như trong văn sám nghi của tôn giả Từ Vân, đâu không cần nhắc lại đầy đủ.

Đúng ngày quy định thì nên trước đó bảy ngày phải cố sắp đặt mọi sự cho thật hoàn hảo. Trước hết phải khiến thân tâm yên định, quyết mong sám hối thật hết sạch các chướng bên trong thì các hạnh được viên mãn. Ngày khởi tu đầu tiên phải thuộc ngày lục trai. Lại trước ngày quy định ba hay bảy ngày thì trước tượng Phật, tất cả hương hoa, nước sạch v.v... đều phải cúng dường thật cẩn thận đúng nghi thức, vì có chư Phật và các trời giáng xuống trước để làm trang nghiêm nơi chốn ấy để dẹp trừ các chướng ngại như ma quái, dơ bẩn xấu ác khiến người tu hành ở trong đạo tràng thành tựu được Tam-muội, cho nên phải đối với đạo tràng này mà nghĩ là Tịnh độ, là chỗ giải thoát, là nơi quý báu, nghĩ tưởng quyết được vãng sinh, không nên xem thường. Lại phải quán ngược lại cõi thế gian này khổ vô cùng, một khi lánh xa được chỗ oán thù, tai họa thì không bao giờ dám chui vào nữa. Lại cũng không nên chất chứa trong tâm những việc rắc rối khó bỏ hằng ngày. Vì khi còn nghĩ nhớ việc khác thì sẽ làm chướng ngại ngay khi sám lễ, khiến thắng hạnh không tiến được, uổng phí bao công lao, e rằng khó gặp lại. Nên nghi thức dậy rằng không một khoảnh khắc nào nghĩ đến ngũ dục ở đời.

Số người tu nên lập thành nhóm khoảng mười người trở lại, không nên nhiều hơn. Khi tu thì cần nên xét chọn xem ai có thể tu được, bằng cách nhìn xét việc sinh hoạt đi đứng hằng ngày không có lỗi lầm gì lớn lắm hoặc tín căn đôn hậu, lìa hết các bạo ác nóng nảy vội vàng, nói năng hòa nhã, sống có khuôn phép đoan trang, chịu sự kềm thúc của người khác. Cốt chỉ vì đại sự sinh tử mà không buồn tiếc, chỉ giữ lòng khiêm tốn để cùng tu học. Nếu không phải hạng người ấy thì chỉ khoảng ba, bốn người cùng tu cũng tốt. Nếu chỉ riêng tu một mình thì lại rất quý, nhưng phải luôn cảnh giác xét nét từng ly, không khéo lại phá hoại phép tắc, làm não loạn sự thanh tu.

Nếu ở trong chúng có nhiều người thì phải suy tôn một vị đức hạnh cao quý thuần thục, hoặc thỉnh riêng một vị làm bậc mô phạm lâu dài để làm tôn chủ cho phương đẳng đạo tràng, làm chủ sự cho việc sám lễ, khiến cả đại chúng học chung một nghi lễ, hoàn toàn nghe theo sự hướng dẫn của vị ấy. Trong khi tu tập Ngài có thể thị hiện các

tướng thuận nghịch mà không thấy có lỗi lầm, người này cũng hay tự xét mình, khiêm cung từ tốn, hoặc tới cùng tu chung với đại chúng hoặc không. Về nghi thức lễ tụng thì hoặc lạy hoặc quỳ hoặc ngồi hoặc đứng xoa thủ hoặc chấp tay, cung kính đi nhiễu, tất cả đều phải đoan nghiêm trang trọng, bưng tai nhắm mắt để khỏi nghe thấy mọi việc, chú tâm vào một cảnh. Nếu chưa thấu suốt phải trình hỏi các bậc lão thông đi trước. Phải hết sức thận trọng chớ nên tự ỷ sức mình khiến lay động cả thân tâm, hoặc dựa cột dựa vách. Tuy có đông người tham dự việc tu tập nhưng trước đó một đêm mọi người phải giặt giũ tắm gội sạch sẽ, thay đổi y phục giày dép v.v... sắm sửa đạo cụ đúng nghi thức. Khi vị sám chủ đánh khánh ra lệnh tập họp rồi hướng dẫn toàn chúng cùng vào đạo tràng chỉ trừ hai vị hộ đàn ở ngoài, còn tất cả đều phải vào trong. Sau đó tất cả đều đi quanh khắp để dâng hương, xong rồi ai nấy đứng vào vị trí tu sám của mình, cùng lạy Phật ba lạy để cầu Phật cảm giáng. Lễ xong thì đi nhiễu quanh rồi đứng yên vào một chỗ. Bấy giờ, vị sám chủ từ trong chúng bước ra đọc một bài văn tán Phật và tán thủy để cầu mong Tam bảo gia hộ chứng minh, khiến lúc chánh tu không bị ma, không bị chướng, quyết định sinh Tịnh độ. Khi cầu nguyện xong thì liền đọc bài tán khen ngợi chánh pháp sáng suốt thời quá khứ, kế tụng bảy biến chú Đại bi, bảy biến chú Như ý luân, bảy biến chú Tỳ-lô quán đảnh. Khi vị sám chủ cất tiếng đọc chú thì tay bưng chén nước hơ qua hơ lại xông trên lò hương. Lâu khoảng đọc xong vài bài chú rồi mới đưa lại cho người đứng bên tay phải của mình. Lại làm như thế với cát với hương và hoa. Người đứng bên phải cũng làm như thế, lần lượt đến ba vòng. Sau khi tụng hết ba loại chú trên thì tụng lại chú Đại bi và đi nhiễu chung quanh giới đàn và sái tịnh. Ở mỗi chỗ đi qua phải khêu sáng đèn để soi đường, kế đó cầm chén nước mà rải để sái tịnh, sau đó bưng mâm cát cũng rải đều, tiếp đó bưng lư hương mà xông, sau cùng thì tùy chỗ mà rải hoa. Vị lãnh chúng dẫn toàn chúng từ Phật tòa đi vòng ra sau. Trước hết đi vòng quanh bên hữu trong đạo tràng mà xông hương sái tịnh đầy đủ ba vòng, sau đó lại rải nước và cát đều khắp. Sau đó mới dẫn chúng đi ra khỏi đạo tràng đến nhà phóng sinh, sau đến thiền duyệt đường cũng đi vòng quanh đó một vòng, lại xuống đến nhà trù nhà tắm giặt, nhà vệ sinh, nhà ngủ, chỗ dạo chơi và các đường chính yếu. Phàm khi đi đến một chỗ, một nhà nào thì phải đi vòng quanh đó một vòng để xông hương sái tịnh. Làm lễ sái tịnh để phân ranh giới, đó gọi là kiết giới. Kinh nói “giới như tường thành Kim cang” nên phải tuân theo ý đó. Còn việc rải cát là có ý đổi đất thành Tịnh độ, tức kết thành địa giới vậy.

Việc rưới nước tức có ý xóa bỏ bờ cõi dơ bẩn náo động tức kết thành giới hạn của bờ cõi vậy. Việc xông hương là ý muốn đám mây hương kết thành bảo cái che trên khoảng không, tức kết thành hư không giới vậy. Về việc rải hoa là có ý chỉ rõ sự sạch đẹp tươi sáng, tức pháp giới trang nghiêm vậy. Tất cả các dụng pháp trên đều do Thánh chủ đại bi của chúng ta và sức của thần chú gia hộ, cho nên cát và nước đến đâu thì ở đó là cõi báu của Phật. Do nhân duyên đó nên tà ma không thể vào, ngoại đạo không thể phá và pháp môn Tam-muội của chúng ta có thể thành tựu vậy. Lại giới tướng này phải cẩn thận chớ phá. Nếu phá giới tướng này là điều không tốt, vì sẽ khiến đạo hạnh của toàn chúng khó thành, bị nhiều chướng ngại.

Sao gọi là giới tướng? Giới tướng có hai là nội và ngoại. Nội giới tướng tức bốn phương bờ cõi của đạo tràng tu sám vậy. Ngoại giới tướng tức là tám phương bên ngoài của nhà đất, tức nơi nào có rải cát và nước vậy. Người ở bên trong khi ra đến ranh giới của ngoại giới thì dừng lại. Nếu vượt khỏi ranh ấy tức là phá giới. Người bên ngoài khi vào đến ranh nội giới thì dừng lại, nếu bước vào bên trong ranh ấy thì gọi là phá giới. Hoặc người làm việc chỉ cần tay chân hay vạt áo lọt vào bên trong màn rèm của nội giới dù một phân thôi thì cũng gọi là phá giới. Hoặc người ăn mặn, xấu ác dơ bẩn mà bước vào ngoại giới chỉ khoảng một thời gian rất ngắn thì cũng gọi là phá giới. Điềm phá giới là điều rất xấu nên biết. Nếu đúng theo ý chỉ của kinh thì phải tạo dựng lại đạo tràng và phải làm lễ sám hối lại thì mới bỏ được tướng phá giới. Người tu hành cần nên e dè sợ sệt.

Có người tùy theo thân tâm không đủ sức hành trì hoặc tu tập đầy đủ pháp hạnh này, như có kẻ chỉ muốn tu năm thời thì có thể bỏ bớt thời tu giữa ngày. Nếu muốn tu bốn thời thì bỏ bớt thời giữa khuya. Nếu muốn tu ba thời thì bỏ bớt thời buổi chiều tối. Còn nếu chỉ muốn tu hai thời thì phải tu hai thời sáng tối.

Lại người tu hành tùy ý mình mà lập hạnh, nhưng sau khi lập hạnh đã định rồi thì không sửa đổi nữa, sửa đổi chỉ nên tăng thêm chứ không được giảm bớt. Dầu khi có bệnh hay gặp việc quan thì cũng phải tưởng niệm, há có thể tùy ý mà siêng hay lười, hoặc lúc hăng hái mạnh lên, lúc lại bỏ phế, hoặc sáng mới lập thì tối liền sửa lại, khiến Chánh hạnh không thuần nhất.

Nay ai muốn tu đạo này thì trước hết cần phải giữ đúng phép tắc niệm Phật và các thứ kinh sám thần chú về Tịnh độ v.v... trước sau sắp đặt đầy đủ, ít nhiều tùy ý nhưng phải thật yên ổn cố định chắc chắn,

phải năm lần bảy lượt xét thật kỹ xem ta có thể thật hành được không. Cũng như có người muốn lội qua sông phải xét kỹ bờ nước xa gần, sâu cạn để khỏi phải lâm nạn, chết chìm rồi mới nhảy xuống lội. Kẻ tu hành cũng thế phải xét kỹ chính mình siêng hay lười, phép quán là rộng dài hay ngắn gọn rồi mới bắt đầu tu. Chớ nên nhân một lúc hăng hái bồng bột mà lập nguyện rồi sau đó liền bỏ. Lại cũng không nên chỉ có tụng trì mà tâm không chuyên chú. Như người bắn tên nếu tâm chuyên vào một chỗ thì ắt trúng đích. Pháp môn niệm Phật cũng thế. Nếu hạnh đã thuần, tâm chuyên nhất thì ứng theo niệm mà được sinh, bấy giờ tự tại rong chơi chốn Cực lạc, chỉ trong một niệm mà đạt được nhiều công đức khó lường.

16. Nêu bày sức hóa độ chúng sinh của Phật.

Từ trước chỉ nói về các thứ phương tiện của các chúng sinh khởi tâm tiến tu tâm cầu mong vãng sinh về cõi trên mà không biết được nguyện lực hóa độ chúng sinh của Đức Thế Tôn chúng ta, có đủ mọi thứ phương tiện không đâu không có mặt, hơn gấp trăm ngàn vạn lần tâm của chúng sinh mong cầu được vãng sinh, không thể lấy gì làm thí dụ để so sánh được.

Như kinh đã nói Đức Phật Di-đà từ bi sáng rỡ chiếu soi khắp pháp giới, làm nơi cứu hộ lớn, khắp che chở tất cả chúng sinh khiến họ không đọa lạc. Nguyện lực từ bi của Đức Phật Di-đà cùng khắp pháp giới làm nơi thu nhận lớn, khắp tiếp dẫn tất cả chúng sinh khiến họ không sa đọa. Thân ấm, nhập, giới của Đức Phật Di-đà khắp đồng pháp giới khắp chỉ bày cho tất cả chúng sinh khiến họ hiểu rõ giác ngộ không còn lui sụt. Thế nên tất cả chúng sinh ở khắp mười phương thế giới đều được nguyện lực của Đức Phật Di-đà chúng ta hộ trì che chở khác nào mẹ hiền yêu thương con thơ, luôn ôm ấp bồng ẩm cho bú mớm không để chúng lãng quên. Cha mẹ dầu có thương con thơ nhiều lắm cũng chỉ trong một đời hễ hết báo thì xong. Còn Đức Phật nghĩ nhớ chúng sinh đời đời không hề bỏ. Vì ý nghĩa đó nên với đại nguyện của Đức Phật, chúng ta chỉ cần đọc danh hiệu Ngài một lần là được tiêu hết tội nặng trong tám mươi ức kiếp sinh tử. Ý chỉ này rất đáng tin, bởi vì nguyện lực của Đức A-di-đà chúng ta luôn ở trong thế gian để cứu khổ cho chúng sinh. Nếu chúng sinh hay nhớ nghĩ đến Ngài thì Ngài đâu không ứng hiện nhanh chóng. Cũng như bà mẹ hiền kia cứu đứa con thơ ra khỏi nạn nước lửa, đâu có đợi đứa con kêu cầu. Nếu đứa con mong cầu thì mẹ càng thương xót bội phần, chỉ vì chúng sinh trải bao nhiêu kiếp rong chơi trốn đi, tự cam chịu mất mát sự cứu độ nên thật khó cứu đó thôi.

Dẫu cho kẻ tạo đủ tội ngũ nghịch, tâm đầy mười ác, chê bai, nói dối, thuyết pháp lừa gạt, không tội nào chẳng làm. Khi mạng chung đáng lẽ đọa vào địa ngục A-tỳ. Khi tướng hiện ra thì người này tất là phải đọa vào địa ngục, nhưng nếu người này gặp được bạn lành khuyên bảo nên niệm danh hiệu Phật. Người này dầu bị các khổ bức ngặt nhưng trong một niệm hối cải, có thể niệm đến mười danh hiệu, còn có thể biến tướng địa ngục thành cõi Tịnh độ mà được vãng sinh. Nếu người này từ đó mà quán hạnh trang nghiêm và dẹp bỏ tất cả ác nghiệp đã tạo từ trước, đâu chẳng ứng nghiệm tức khắc. Trong dụ có nói xưa có người quá sợ cọp bèn leo tuốt lên cây, nhân lúc thất thanh chỉ niệm có ba tiếng "Nam-mô Phật". Về sau được gặp Đức Thích-ca mà đắc đạo. Huống chi người ấy lúc mạng chung bị các khổ ép ngặt mà mạnh dạn cố gắng niệm được mười niệm mà không được cảm ứng rõ ràng sao?

Hỏi: Con nghe nói nguyện lực của Đức Phật A-di-đà biến khắp mọi nơi. Nay xét lời nói này thì chỉ thấy cứu được người sắp bị đọa vào địa ngục và người chưa mệnh chung thôi. Còn người đã chết hay đọa rồi thì hình như không cứu được. Nếu không cứu được thì biết được nguyện lực của Đức A-di-đà và của chư Phật đâu có ở khắp nơi?

Đáp: Ông đâu chẳng nghe rằng các pháp sinh ra chỉ do tâm mà hiện. Tất cả nhân quả của vi trần thế giới nhân tâm mà thành thể. Nếu biết rằng các pháp còn không lìa tâm chúng sinh thì đâu lại lìa bổn thể Di-đà mà nguyện lực không có mặt khắp nơi ư.

Hỏi: Nếu thế thì tại sao người ở địa ngục nhiều kiếp chịu khổ chưa nghe có ai được cứu thoát?

Đáp: Ông phải nên nhìn xét hiện nay ở các quán chợ, các cửa hàng giết bán thịt, lùa các sinh vật vào đó mà giết ngày đêm không nghỉ, chưa từng nghe kẻ nào ngừng giết hại. Nhân giết hại đã không thể ngưng thì báo ở địa ngục cũng đâu có thể cứu. Song việc giết hại là ở họ mà quả báo là ở mình, chỉ có điều là nhân quả khó trốn thoát thôi. Đâu phải là nguyện lực của đức Di-đà không khắp mà địa ngục không cứu thoát được. Ví dụ như có người đã từng biết kinh nghĩa hợp với diệu tâm của Phật nhưng với các nghiệp ác thân ba, khẩu bốn v.v... vì do tiếp nối thói quen nhiều đời trước không thể diệt trừ. Nhân vì không thể diệt trừ các ác nghiệp nên khi người ấy sắp mạng chung thì không gặp được bạn lành đề cao khuyên niệm Phật nên phải đọa thẳng vào địa ngục. Ở trong địa ngục chịu vô số khổ não, nhưng tuy chịu các khổ mà nhân lành kia không mất nên đối với các sự khổ não đều hay quán chiếu suy xét, gặp cảnh thì biết tâm. Đã biết là tâm thì cũng biết chúng sinh và Phật là một

thể. Vì là một thể nên biết mình là thân Như Lai vi diệu thanh tịnh. Do biết rõ được chúng sinh và Phật là một cho nên ngay lúc người ấy đang chịu các khổ hình thì tất cả chỉ như việc chiêm bao. Vì hiểu rõ tướng khổ kia tức là Bồ-đề. Tâm này thuần thục vì không hề lầm lẫn cho nên cái báo bắt người ấy phải chịu khổ dữ dội nhiều kiếp trong địa ngục thì liền rút ngắn và được nhẹ ngay. Người này tuy phải chịu các khổ hình nhưng lại được tướng không khổ, lại khởi tâm chịu khổ thay thế cho chúng sinh, thế nên không mong cầu ra khỏi địa ngục. Vì sự diệu giải này hợp với tâm Phật này nên người ấy xưa kia từng cúng dường chư Phật cho đến từng đối với hình tượng mà quy kính Phật và từ các quyển kinh mà tin hiểu Phật. Hoặc nghĩ nhớ tướng cơ cảm của Đức Di-đà mà cùng Phật hợp nhau. Đức Phật đó tất đúng như y giải cảnh ấy mà hóa hiện rất rộng lớn như hư không, oai đức của Phật sáng chói rực rỡ, tướng đẹp, thần thông, nguy nga chói lọi. Từ trên đỉnh cao chót vót cõi địa ngục, Ngài rủ tay khảy móng, giọng từ bi vang dội truyền lệnh. Từ thân Ngài phóng ra ánh sáng lớn, âm thanh kia cùng theo ánh sáng đến thẳng tận đáy sâu cùng của địa ngục. Ở đó có bao nhiêu tường thành sắt, cửa sắt, lưới sắt, cột sắt... cho đến núi dao rừng kiếm, vạc dầu sôi, lò lửa đỏ... tất cả các dụng cụ khảo tra hành tội theo ánh sáng đều bị nghiền nát tiêu mất hết không còn dấu vết chỉ như bóng như gió thôi. Lại còn tất cả ngưu đầu, mã diện, quỷ sứ ngục tốt và các khí cụ gây khổ, chó đồng, chim ưng sắt, rắt sắt, các loại mỏ sắt của chim và trùng độc... sẽ nhân ánh sáng chiếu vào thì đều biến thành hình tướng các Bồ-tát sẽ thương yêu trìu mến với ánh mắt từ bi. Người đang chịu khổ kia cùng các tù nhân đồng ngục, bỗng nhiên nhận được bổn tâm thêm nhiều ý lành. Khi họ nhìn thấy ánh sáng cùng nghe được lời ra lệnh của Đức Phật thì như từ dưới đáy giếng sâu ngước nhìn lên giải ngân hà, chú ý nhìn kỹ thì thấy rõ ràng một thân tướng đẹp đẽ của Đức Phật hiện ra, liền mừng rỡ cúi đầu đảnh lễ, hối cải tự trách, rồi cùng với các bạn tù đang chịu khổ đồng phát tâm Bồ-đề, nương theo ánh sáng bay lên đến chỗ Phật, mọp lạy dưới chân Phật, được Phật xoa đầu thọ ký và thuyết pháp cho nghe, liền được ngộ đạo, được thần thông du hí bay đi khắp cõi nước Tịnh độ của Phật, cùng sinh vào chỗ Phật giống như các vị đại Bồ-tát, thành tựu đạo vô thượng, giáo hóa chúng sinh thật khó cùng tận.

Hỏi: Nếu theo nhân quả thì hào quang Đức Phật chỉ soi chiếu đến người thắng giải nên người này được ra khỏi địa ngục, còn đám tù nhân kia đâu có gì mà cũng đồng thời được thoát ra?

Đáp: Ví như có một kẻ phạm tội ác nghịch bị quan hành tội. Khi

người này ở trong ngục, do một nhân ác mà khiến bao nhiêu lỗi cùng sinh, nên lần lượt di lụy đến vợ con cha mẹ, bà con bè bạn v.v... khiến họ cùng chịu quả khổ. Còn khi người tù này ra khỏi ngục thì cũng thế, há chẳng khiến những kẻ đồng chịu khổ kia lần lượt sinh các điều lành nên tất cả đồng nhờ Phật lực cùng sinh vào chỗ vui. Nếu thế thì nguyện lực của A-di-đà chúng ta có mặt khắp mọi lúc mọi nơi, thì đâu chẳng riêng cứu hộ được chúng sinh đã đọa vào địa ngục rồi sao? Nếu bảo rằng báo địa ngục chưa hết, mà muốn khiến họ ra khỏi ngục trước thời hạn, dầu nhân ở địa ngục không lành nhưng lại muốn hào quang Phật chiếu xuống còn được thay, lại nhờ đó mà tự cảnh tỉnh mình há lại không tự hối cải được sao?

Hỏi: Nếu đợi khi báo ở địa ngục hết rồi mà hào quang Phật chiếu xuống thì lúc đó tôi ra khỏi ngục là do hết báo cần gì phải có hào quang Phật chiếu đến?

Đáp: Nếu do báo hết mà thoát khỏi ngục chứ không phải do hào quang Phật, thì dầu ra khỏi nhưng ở trong ba ác đạo chưa biết sẽ sinh về đâu. Như thế thì từ tội nặng đến nhẹ mỗi thứ lần lượt phải trải qua nhiều kiếp. Kiếp nhiều vô lượng, kiếp không thể nghĩ bàn, mới được làm người rồi từ hạng người bần cùng hạ tiện, gù còm tàn tật lắm bệnh khổ sở. Lại khổ vì muốn không được nên ý nghĩ ác càng tăng nhiều, nếu không có chút lành nào thì lại bị đọa vào địa ngục. Như kẻ mù lạc vào rừng rậm gai gốc làm sao ra được. Nếu nhờ oai lực của hào quang Phật soi chiếu đến thì có thể biến đổi tội nặng sẽ chịu nhẹ, tội lâu dài sẽ chịu ngắn ngủi, tội nhiều sẽ chịu ít. Lại có thể một khi ra khỏi địa ngục thì liền sinh ngay lên cõi Phật đâu có thể nói là không cần nhờ hào quang Phật chiếu đến ư? Nếu nhận thức như thế thì tội rất nặng. Bởi kinh có nói giả sử như trong cả đại thiên thế giới này đầy cả lửa dữ, khi niệm danh hiệu Phật ấy thì vượt qua không hề hấn trở ngại gì, huống là lửa chỉ có ở một mình mà không thể diệt hết được sao? Đó là nghĩa này vậy.

Lại nói rằng Đức A-di-đà Như Lai lòng Từ bi mạnh mẽ cho đến ngay cả ở trong vầng lửa lớn trong ngục Vô gián thay thế chúng sinh mà chịu các khổ não, tìm đủ phương tiện để cứu thoát khiến họ sinh lên cõi An dưỡng. Huống là người chưa bị đọa lạc mà không cứu hộ được sao. Kinh lại nói do sức từ bi của Đức Phật ấy khắp che chở tất cả chúng sinh trong thế gian, đối với thân Phật mà lấy dao chặt, lấy hương thoa thì vì sức từ bi nên cả hai đều không nhiếp thọ. Thế nên nguyện lực của Đức A-di-đà, tâm mạnh mẽ thiết thực, giáo hóa chúng sinh còn có thể thấy

được huống là các thứ hình ảnh khác, vì thân đồng với chúng sinh thực hiện các việc hóa độ thì thật khó thể đo lường. Nếu không tin chắc vào sự kiện này thì chưa thể bảo là kẻ hiểu rõ giáo pháp. Hoặc có kẻ bảo toàn thể chúng sinh là Phật, là chưa xét rõ ai là kẻ cứu độ, ai là người được cứu độ. Nay ta chỉ hướng về họ mà nói: "Ông chưa hiểu rõ sự việc đó thôi."

17. Mười ngại hạnh lớn.

Vả chăng một tâm bình đẳng thì thể tánh luôn tròn đầy không thiếu sót. Mặc dù chúng sinh mãi triền miên ở trong nghiệp thức không lúc nào không có ý chí cầu mong vượt thoát trần ai, nhưng khi muốn nghiên cứu đạo pháp thì ma cảnh đã sớm hiện bày ra trước, cho nên khi tâm lỗi lầm thiếu sót một việc thì muôn điều thiện cùng mất, việc nên thì ít mà việc hư thì nhiều, được rồi lại mất huống là khi bị vật dục họp nhau khuynh đảo, bị sinh tử đổi dời. Rồi xúm nhau mà học tập các dịch địa đều thế cả khiến Đức Như Lai ta suốt cả ba đại A-tăng-kỳ kiếp đã thí xả vô số đầu mắt não tủy, đất nước, thành ấp, vợ con, thân thể máu thịt tay chân, giữ giới, nhẫn nhục, tinh tấn, hầu hạ các bậc tri thức, không hề tiếc thân mạng, tu hành các đạo phẩm mà được các pháp môn. Nhưng nhân bị nhiều chướng ngại mà tâm lui sụt khởi lên thì chỉ trong một sớm một chiều tất cả đạo phẩm ở chính ta đều mất hết, chẳng đau đớn lắm sao? Chúng ta hiện nay đều đệ tử của Đức Thích-ca, lại không gắng sức đấu tranh, ngồi yên nhìn tất cả quần sinh trong pháp giới mất hẳn tuệ mục, đau đớn còn hơn cắt nát thân thể này. Thế nên nay tôi chỉ căn cứ vào kinh mà lập ra mười ngại hạnh lớn, gọi là mười hạnh không mong cầu. Người tu hành dù không cố mong bị chướng ngại nhưng trong đây hoặc bất đắc dĩ tất cả các chướng ngại hiện ra khiến thân tâm ta yên tỉnh trước các chướng ngại không bị các ma, các cảnh chướng ngại xấu ác xâm nhập vào làm chướng ngại ta. Ví như bỏ vàng vào lò lửa, lửa không quý bằng vàng nhưng nhờ lửa mà vàng trở nên vật quý hiếm hơn nhiều. Nay xin nêu rõ về mười ngại hạnh lớn là:

1. Đừng cầu thân không bệnh hoạn tật nguyền.
2. Đừng mong cầu ở đời không gặp hoạn nạn, khó khăn.
3. Đừng mong cầu khi nghiên cứu tâm mà không bị chướng ngại.
4. Đừng mong cầu khi lập hạnh mà không bị ma phá.
5. Đừng mong cầu mưu sự dễ hoàn thành.
6. Tình giao hảo đừng mong cầu chỉ có lợi cho ta.
7. Đối với người đừng mong được thuận hợp ý thích.
8. Thí đức đừng mong cầu được và quên đi sự báo đền.

9. Thấy lợi dường đừng mong cầu được phần hơn.

10. Khi bị áp bức, oan khiên không mong cầu được bày tỏ.

Cả mười ngại hạnh lớn này bao gồm tất cả các chướng ngại chỉ có bậc thượng trí mới chịu đựng được, chứ người bậc trung, bậc hạ chẳng dám mong mỏi. Nếu người nào được nghe mười ý nghĩa này rồi trong từng thứ chướng ngại ấy mà nghiền nghẫm suy xét tìm biết thấu đáo, thân yên tỉnh thể nhập vào đạo, giữ mãi không mất, thì người này có thể vào được cõi ma mà không bị chúng khiến tâm lui sụt, có thể đắm mình vào sắc thanh mà không hề bị sắc thanh mê hoặc phá rối chi cả, cho đến các cảnh ghét yêu, danh lợi, người và ta, được và mất... thì tâm ta dẫu có gặp các chướng ngại, chúng vẫn không làm ngại được ta. Với ngại mà không bị ngại, thì đạo hạnh vẫn thẳng tiến, huống là khi được tự nhiên với cảnh chướng ngại mà đạo hạnh lại không tiến nhiều ư? Ví như cây mọc trên mõm núi cao, khô hạn lâu ngày như thiêu đốt mà lá vẫn xanh không phai sắc, huống lại được mưa rào thấm ướt, lại được ở giữa mùa xuân thì đâu lại không sum suê hoa trái. Lại như người các căn không đủ, vận dụng khó khăn mà nghề nghiệp kiếm sống lại khó khăn. Nay nếu lấy việc tìm sống đổi sang việc cầu đạo thì đâu không phải cho là chướng ngại mà không thể hành đạo được. Nên phải biết rằng các ngại này chính là một bậc đại Thiện tri thức của tất cả chúng sinh, cũng chính là phước điền cao quý của tất cả chúng sinh. Có thể liễu thoát sinh tử, có thể siêu phàm nhập Thánh (bỏ hàng phàm phu vào bậc Thánh). Như thế thì tất cả thức ngon quý hiếm, trang phục đẹp đẽ, vàng bạc châu báu, kể cả ngọc báu kim cương ở trên cõi thế gian này cũng không thể sánh được. Thế nên nếu không lấy cái ngại để làm đạo thì sau này gặp điều không ngại liền thành ngại, là bởi vì sao? Vì thân mà không bệnh thì tham dục liền sinh, còn đời mà không hoạn nạn khó khăn thì kiêu sa nổi dậy. Tâm mà không chướng thì học hành vượt bậc, hạnh mà không bị ma phá thì thệ nguyện không bền chắc. Sự việc dễ thành thì chí đầy khinh mạn. Tình cảm lợi mình thì thiếu mất đạo nghĩa. Người mà thuận ý thích thì tâm ý tự kiêu căng. Thi đức mà mong báo đền thì ý có mưu tính. Lợi được phần hơn thì si tâm liền động. Bị đè nén oan ức mà cần giải bày thoát khỏi thì chưa quên được nhân và ngã. Vì các ý nghĩa ấy nên biết mười đạo vô ngại này hay sinh các lỗi như thế lại tạo nên tất cả việc không tốt như thế làm chướng ngại nhân duyên của đạo. Bởi vì sao? Vì tham dục mà sinh thì liền phá giới lui sụt đạo hanh, còn kiêu sa khởi lên thì khi dễ, lấn áp mọi người. Học mà vượt bực thì chưa được lại bảo là được. Nguyện không bền chắc thì chưa chứng

tự cho là chứng. Chí mà khinh mạn thì khoe ta có tài năng. Thiếu đạo nghĩa thì tất thấy người là quấy. Tâm ý kiêu căng thì luôn chấp mình là phải. Ý có mưu tính thì muốn khoe danh vọng. Si tâm mà động thì lợi xấu sẽ hại mình. Tâm nhiều nhân ngã thì oán hận dẫy đầy chồng chất. Mười lỗi này là do kẻ phàm phu vọng tưởng sinh ra đều gọi là tà kiến lần lượt sẽ sinh khởi vô lượng ác pháp đầy khắp cõi hư không, ắt khiến chúng sinh phải đọa vào địa ngục. Đâu thể đối với các lỗi này mà không cẩn thận. Nếu như hay thể nhập vào cảnh đầy chướng ngại này mà biết rõ nhân duyên của bệnh, biết rõ tánh bệnh vốn không thì bệnh không thể não hại ta được. Hiểu rõ cảnh giới hoạn nạn thì thể của hoạn nạn vốn là vọng thì hoạn nạn cũng không làm hại được. Hiểu rõ các chướng ngại không căn cội thì chướng liền tự vắng lặng, nên chướng không thể ngăn ngại được. Thấu suốt rằng ma chỉ là vọng, rốt cuộc ma không căn cội thế thì ma làm sao quấy nhiễu được. Liệu định việc là do tâm nhưng việc thành là do nghiệp chứ nào phải là do tài năng. Xét về tình là có nhân, đối với tình khó cưỡng chế, tình bèn nương vào duyên. Hiểu người mà xử thế, xem xét người mà vọng làm việc nên người phải đáp đền. Còn minh đức thì tánh vốn không, chiếu đức thì không phải thường còn nên đức cũng không phải thật có. Lợi ở đời vốn là không, tham lợi thì sinh phiền não, vậy chớ nên vọng cầu lợi. Bị đè nén mà hay nhẫn nhịn, nhịn chịu được sự đè nén là khiêm nhường, vậy sự đè nén kia đâu làm hại gì ta. Thế nên bậc Đại Thánh hóa độ người lấy bệnh khổ làm thuốc hay, lấy hoạn nạn làm giải thoát, lấy chướng ngại làm sự tiêu diêu tự tại, lấy quần ma làm bạn đạo, lấy sự hoạn nạn làm an vui, lấy sự giao tiếp xấu xa làm tư lương, lấy kẻ nghịch thù làm vườn rừng, coi việc thi đức là dép rách bỏ đi, coi việc sống đạm bạc là giàu sang, lấy việc bị đè nén làm hạnh môn. Như thế thì ở trong ngại mà được thông, còn cầu mong thông thì bị trở ngại. Ở trong chướng ngại này đều thành cảnh nhiệm mầu, thế nên được và mất không thể tự biết, sao người ở trong đó lại gượng sinh lấy và bỏ. Do đó nên Đức Như Lai ở trong chướng ngại mà được đạo Bồ-đề cho đến khi vì nửa bài kệ mà gặp quỷ La-sát, làm tiên nhân thì gặp vua Ca-lợi, bị ném gạch đá vào mình bởi tăng thượng mạn Tỳ-kheo. Bị nàng bế nữ lấy thau gỗ giả làm có thai mặc tình vu khống chửi rủa, và bọn Ương-Quật-ma la cùng đám Đề-bà-đạt-đa đều đến làm nghịch hại, nhưng Đức Phật đều thọ ký cho họ, hóa độ họ thành Phật. Há không phải là lấy cái nghịch của người khác làm cái thuận cho mình, lấy cái phá hoại của người khác làm sự thành công cho mình. Huống là thời gian ngắn ngủi, cuộc đời bạo ác, việc người khác thường

thì đối với người học đạo đâu chẳng gặp chướng ngại. Nhưng nay nếu trước không lo việc ở trong chướng ngại đến lúc lâm vào chướng ngại thì khó thể xoay sở dẹp trừ khiến cho Đại bảo pháp vương nhân đó mà mất hết, chẳng đáng tiếc lắm sao? Vì ngu cho nên chỉ căn cứ vào những điều nói trong kinh mà thuật lại thế, xin chớ ghét bỏ. Thảng như nhân nghe nói các nghĩa này mà chướng ngại lại hiện ra nhưng vẫn cứ mạnh mẽ tiến thẳng đến đạo thì thật đáng gọi là đã được ý chỉ này vậy.

18. Nêu chung các nghĩa.

Phàm niệm Phật Tam-muội thì gọi là Nhất hạnh Tam-muội, bởi vì người tu hành khi hiểu sâu sắc ý chỉ của hạnh ấy thì có thể luôn giữ nhất tâm, chỉ nhớ nghĩ cõi ấy, chỉ nhớ nghĩ Đức Phật ấy, biết rõ thân Phật và cõi ấy không hai, hiểu rõ việc nhớ nghĩ cũng là một, nên được gọi là Nhất hạnh. Tuy gọi là Nhất hạnh nhưng cũng phải lấy tất cả pháp môn và các hạnh công đức Thế gian và Xuất thế gian để làm trợ đạo thì hạnh vãng sinh sẽ nhanh chóng. Thế nên tất cả các hạnh đều vì Tịnh độ mà tu, không có con đường nào khác nên gọi là Nhất hạnh vậy. Ví như trăm sông đều chảy về biển nên cùng được tên biển, muôn hạnh thiện đồng quy vào một nơi nên được tên là Nhất hạnh. Vì ý nghĩa đó nên tất cả các thứ như tứ Niệm xứ, tứ Chánh cần, ngũ Căn, ngũ Lực, thất Giác chi, bát Chánh đạo, tứ Hoằng nguyện, lục Độ... đều là hạnh Tịnh độ, cho đến cái thiện ngắn ngủi như khảy móng tay và tán tâm niệm Phật hoặc một lần niệm danh hiệu, hoặc đưa một tay, lạy một lạy, khen một lời, hoặc một lần chiêm ngưỡng. Cho đến hoặc dâng một nén hương, một chén nước, một cành hoa, một ngọn đèn cúng dường một vật, hoặc tu tập từ một niệm đến mười niệm. Hoặc phát sinh một hạnh bố thí, một hạnh trì giới, một hạnh nhẫn nhục, thiền định, trí tuệ... tất cả các thiện căn đều hồi hướng về Cực lạc. Do sức hộ trì của nguyện lực, tuy có chậm có nhanh nhưng tất cả đều được vãng sinh.

Như kinh có nói thí dụ xưa có một người đem gởi vào biển cả một giọt nước nhỏ, xin đừng hư đừng mất không đổi khác cũng không khô mất, tuy trải qua nhiều kiếp cần yếu vẫn phải là nước xưa nguyên vẹn. Vả trải qua rất nhiều kiếp về sau, người này đúng theo lời gởi đến lấy, quả nhiên vẫn đúng là một giọt nước như xưa nguyên vẹn, không hỏng không khô tí nào. Đây cũng thế, lấy một thiện căn bé nhỏ mà hồi hướng về Cực lạc, cũng như đem gởi một giọt nước, tuy đã trải qua nhiều đời khác nhau nhưng thiện căn kia vẫn không mất cũng không hư hỏng khô cạn, chắc chắn sinh về cõi đó. Cả Đại thừa, Tiểu thừa, hữu lậu vô lậu, tán tâm hay định thiện, sự tưởng hay quán tuệ đều gọi là nhất hạnh, tất

cả đều được vãng sinh, chỉ trừ người có chủng tánh ngoại đạo. Cho nên nói rằng chỉ luận về tâm khẳng định quyết không lừa dối nhau. Lại như kinh bảo rằng một lần niệm "Nam-mô Phật" thì đều đã thành Phật đạo thật đáng tin chắc. Vì người này có nhân tâm nhưng chưa khởi có hạnh lành nhưng chưa lập, thân tâm chưa chịu khuất phục lại trước cầu cảm ứng thì không thể cùng họ chuyện vãng được. Thế nên đức Thánh chủ Thích-ca suốt một đời thuyết giáo có vô lượng thứ Tam-muội, vô lượng thứ giải thoát, vô lượng hạnh nguyện, tổng trì tương ưng với vô lượng pháp môn. Chỉ có một pháp môn niệm Phật là trọn nhiếp đầy đủ tất cả không sót thứ nào, như biển cả kia thâu nạp tất cả muôn sông, nhưng tánh không thêm bớt. Như viên ngọc châu Như ý đính trên ngọn phướn cao, có thể làm trọn vẹn mọi nguyện cầu mong ước của tất cả chúng sinh nhưng thể nó không hề hao mòn. Bảo vương Tam-muội này hay gồm nhiếp, hay đầy đủ cũng thế, chính do nghĩa này nên Đức Thế Tôn của chúng ta đầu tiên lấy môn Tam-muội này khắp dạy bảo chúng hội, nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Trong pháp hội ấy có biết bao nhiêu bậc đại căn được nghe như Ngài Văn-thù v.v... và cả Tam Thừa Thánh hiền, Thiên long bát bộ đều kính phục và tin tưởng. Khi pháp môn này truyền bá ở Đông độ, có bậc đại chí đến tận Lô Sơn mở mang giáo hóa thì số người tin tưởng pháp môn này lan ra nhanh chóng như gió lướt trên cỏ, khắp thiên hạ đều trông vào, đây là giáo pháp cao đẹp nhất. Từ ngày Phật ra đời thuyết pháp đến nay đã hơn hai ngàn ba trăm năm, trong đó có biết bao nhiêu bậc Thánh hiền, cao tăng, nho sĩ, nông dân thương nhân, học trò, các nam nữ bình dân kể cả hoàng môn hạng tôi tớ... hoặc tự tu hoặc khuyên người khác tu, hoặc viết sách lập nguyện, trọng pháp như ngọc báu, coi thường thân mạng mình như bụi đất, gặp nạn cũng không sợ, chết đến cũng không màng. Các kẻ vững chí lập hạnh, gắng sức tu đạo này đông không biết bao nhiêu mà kể. Hoặc tu tùy hỷ, hoặc tin tưởng quy y cho đến nhiều kẻ chí thành cố gắng hết sức mình tu hành và giúp ích cho mọi người. Thiệt là nhiều như sao trời hay bụi cát, chứ nói "nhiều" thì quá ít. Hoặc có người mới tin phân nửa, hoặc không tin, dụ dự chưa quyết mà vẫn được sinh lên ở các nghi thành và vùng biên địa ở cõi ấy. Huống là kẻ tu hành chánh tín ư? Truyện ký ghi chép rất nhiều nhưng đó chỉ là một trong muôn phần sự thật. Từ xưa đến nay số người nhận được ân huệ Phật ban cho không có bút mực nào, lời lẽ nào kể hết được. Dẫu có nhiều cách tu của các đạo phẩm khác nhưng nếu chỉ nhờ vào sức của tự tâm mình mà thôi thì hoặc có lui sụt hoặc bị vướng vào ma chướng. Chỉ riêng pháp môn này nhân vì nhờ nguyện lực

của Phật nên hễ tu thì tất thành công, lại không bị ma nghiệp, vĩnh viễn không lui sụt. Lại pháp môn Tam-muội này không phải chỉ tránh được ma chướng mà ngay cả ở thế gian tất cả các việc dính dáng đến quan quyền, thị phi khẩu thiệt, các hoạn nạn về nước trôi, lửa cháy, cướp trộm, kẻ côn đồ, việc hung ác cho đến tất cả cọp beo sói gấu rắn độc thú dữ, quỷ quái yêu tinh, các việc không lành... đều không thể xâm phạm làm hại được. Lại cũng không bị tất cả các dịch lệ, bệnh thương hàn, ung nhọt, cùi hủi, hèn hạ, hoặc bị các bệnh về mắt tai mũi lưỡi. Nếu như hạnh nguyện không thiếu sót thì đều có thể dẹp trừ tất cả, chỉ đối với nhóm người ham chuộng danh vọng lợi dưỡng, thích các loại giặc ngọt ngào yêu thương, mềm mại và tâm bừng lửa giận. Dầu có sức của Đức Phật nhưng vì chính mình gây tội nên không thể cứu được. Người tu hành cần phải gia công tinh tấn để dẹp bỏ các lỗi lầm ấy. Nếu chỉ một niệm dần dà thì tất sẽ bị chúng cướp đoạt mất. Song các loài ma mềm mại ngọt ngào kia chỉ có thể phá hại những kẻ tin tưởng cạn cợt, tham lam, lười biếng, mất chánh niệm. Còn như người tinh tấn thì lửa dữ gặp nước lại càng bền chắc, chỉ dám nhỏ nhẹ tới gần bên mà liếc xéo. Thế nên người tu hành nhân có Phật mà giữ gìn được các ma, không phải chỉ có thân này được an lạc mà lại thành tựu được Tam-muội. Cả hàng trời người đều giúp đỡ, khi lâm chung thì được chánh niệm mà vãng sinh. Các điềm ứng hiện khi được vãng sinh rất nhiều không phải một thứ: như hoặc nhạc trời trổi tấu khắp cả khoảng không, hoặc mùi hương lạ sực nức đầy nhà, hoặc ánh sáng chiếu khắp thân hoặc bảo tòa hiện ra trước, hoặc đích thân Đức Phật hóa hiện duỗi tay tiếp dẫn, hoặc quý Bồ-tát tay cầm đài báu trao tận tay người chết mà tiếp dẫn. Cho đến người ấy biết trước ngày giờ vãng sinh mà chánh niệm không hề nhầm lẫn, các chướng bỗng biến mất, tự đi tắm rửa sạch sẽ ngồi kiết già ở giữa chúng nói pháp xong liền chấp tay cáo biệt hoặc khuyên người tiến tu đạo hạnh, viết một đoạn văn, làm bài kệ rồi gác bút chấp tay từ tạ ra đi. Hoặc sau khi chết rồi mà thân thể tươi tắn như lúc còn sống. Các xương và răng, chuỗi hạt đốt mãi không tan. Hoặc hào quang với năm màu đẹp đẽ chiếu sáng rực rỡ lạ thường, hoặc các điềm lành ứng hiện trên không rất lâu mãi vẫn không tan. Ở chỗ thiêu thân thì xá lệ biến thành toàn ngọc châu, tự nhiên sinh ra cả, các điều vừa kể ai cũng đều nhìn, nghe thấy. Những người ấy nếu ngày thường tu hành chắc chắn do sức tinh tấn mà chiêu cảm thì đều được như thế. Than ôi, người đời nay có nhiều người tu mà không đạt hiệu quả là vì người ấy tín căn hãy còn cạn cợt mỏng manh, nhân địa chưa thật, chưa từng lập hạnh. Hoặc

trước là muốn được mọi người đều hay biết bên trong luôn kiêu căng, bên ngoài luôn muốn sáng chói, cốt khiến mọi người cung kính cúng dường, vì luôn mong mỏi cái sở đắc. Thậm chí nói bịa là đã thấy được cảnh Tịnh độ, hoặc mới thấy được chút ít cảnh lạ, hoặc trong mộng thấy tướng lành chưa biết là thật giả đúng sai thì đã vội nói toạc ra, khoe khoang đủ thứ. Các loại người thấp kém này chính đã bị các đám bạn ma quái trên lừa dối quấy nhiễu. Do đó mà nguyện hạnh thối thất, lại trôi theo cõi khổ sinh tử. Đâu không nên cẩn thận lắm sao?

Tuy có nghi thức trì tụng sám nguyện chốn đạo tràng nhưng không nên để cho người ngoài biết, bởi vì khi lộ ra chỉ là việc bất đắc dĩ, đâu nên riêng trưng bày dấu vết khiến việc tu quán hạnh phải hư hỏng. Thế thì người tu hành lại nên xét kỷ, phải thật kín đáo tự tu, bên trong luôn xấu hổ, chớ lộ bày các đức ra bên ngoài cho đến lúc đạt được kết quả mà không bị hai loại mạnh yếu kia có thể mê hoặc phá quấy. Trong số người có các chướng đời trước sắp hết, thấy có chút ít tướng hảo, lại không chịu tu bồi công đức, khiến người ngoài nghe biết được thì hạnh ấy liền bị che lấp. Do đó mà Ngài Tuệ Viễn đã ba lần nhìn thấy được tướng Phật, Bồ-tát, nhưng ngày thường chưa tiết lộ lời nào, chỉ trừ khi đến lúc lâm chung mới hết lòng cầu đảo. Lại môn Tam-muội này thể tánh tuy tròn đủ nhưng việc hiểu biết cần phải rộng lớn, việc thực hành cần phải đúng với tất cả mọi chương điều nhỏ nhặt, cải đổi các lỗi lầm cho đến một lỗi nhỏ cũng phải hết sức e dè sợ sệt. Lại phải hiểu rõ vì hạnh Đại thừa mà nương học Tiểu thừa thì mới hợp với môn Tam-muội này. Nếu biết rằng tuy nhỏ mà tự mình không nhỏ, nhỏ là tùy theo sự hiểu biết tròn đầy, tròn đầy mà không lìa nhỏ thì nhỏ ấy tức là lớn. Giải hạnh lớn nhỏ chỉ là một lý như nhau, tức là cái thấy biết vượt khỏi cuộc đời tầm thường.

Kinh nói rằng hiếu kính cha mẹ, hầu hạ sư trưởng, từ tâm không giết hại, tu nghiệp thập thiện, thọ trì tam quy, giữ đầy đủ các giới hạnh, không phạm oai nghi, phát tâm Bồ-đề, tin chắc nhân quả, không chê bai kinh điển Đại thừa, khuyên mọi người tiến tu các hạnh. Mỗi câu nói trên là một pháp hạnh. Người xưa cứ mỗi hạnh đều viết thành một chương dạy bảo cặn kẻ. Đây không nêu ra. Lại còn phải giữ gìn hộ trì tâm người, chớ khiến khoe khoang ganh ghét, mỗi động dụng đều tự như. Đọc tụng kinh pháp Đại thừa, hiểu rõ Đệ nhất nghĩa, luôn gần gũi các bạn lành, học hỏi các bậc tiên giác. Không chấp chặt cái thấy của mình, không tự khoe mình là giỏi, chí luôn nhẫn nhục, việc làm đều dựa vào lời dạy trong kinh, lắng nghe chánh pháp, không hủy báng tăng ni,

dẹp bỏ mọi khéo léo tạp nhạp ở đời, không ham danh lợi, lánh xa bọn tà ác, xử sự trung thực. Luôn quy lỗi về mình, tránh xa việc nói thêu dệt. Nhất tâm bất loạn, nhìn mọi người đều là Phật, dẹp bỏ hết nghề mọn tài hay, chỉ chuyên cầu việc vãng sinh thì thân quyết được thanh tịnh. Vô lượng các hạnh lành như thế đều phải tu tập. Hay giúp chánh đạo, hay cắt đứt nhiễm tâm ở đời, đối với hai cảnh yêu ghét không có các lưu nạn, ngưng tâm như nhứt thì ắt sinh về Tịnh độ. Công năng ấy rất lớn không thể nói hết được, thế nên đối với pháp môn này nên kín đáo mà tu hành, hạnh cao mà không khoe khoang. Kẻ được sinh vào cõi ấy đâu biết là bao nhiêu, nhưng kẻ vãng sinh có tên được ghi chép trong các truyện ký thì chỉ như giọt nước so với biển cả, đâu thể đếm được số lượng. Nếu như người nào thường căn cứ vào lời khuyên răn dạy bảo, chỉ thật hành hạnh này thì còn có thể làm lợi ích cho các chúng sinh có vô số oán nghiệp. Huống là cha mẹ, sư trưởng, quyến thuộc pháp môn, bà con anh chị em hằng ngày thường giải cứu hoạn nạn cho ta, thường nâng đở ta mà không được lợi sao? Cho nên biết rằng chỉ tu hạnh này thì tất cả ân nghĩa đều đền đáp. Do đó cần phải nhất tâm niệm danh hiệu Phật A-di-đà, hai vị đại sĩ Bồ-tát và cảnh giới thậm thâm. Vì ở trong biển khổ rất khó được gần gũi khó thể nhớ nghĩ đến các Ngài. Bởi vì sao? Vì ai thường nhớ nghĩ tất là đã được giải thoát, bởi việc nghe tên còn khó thay huống là gần gũi.

Kinh có nói kẻ thiện nam người thiện nữ nào chỉ nghe được danh hiệu của Đức Phật và hai vị Bồ-tát thì trừ được tội trong vô lượng kiếp sinh tử, huống là nghĩ nhớ. Nếu người nào nghĩ nhớ Phật thì phải biết người này là hoa Phân-đà-lị trong loài người, cùng làm bạn lành với hai vị Bồ-tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí đang ngồi trong đạo tràng, sinh lên cùng nhà với chư Phật. Thế nên cả mười phương Như Lai hiện ra tướng lưỡi rộng lớn để ân cần khuyên cố gắng. Đức giáo chủ cõi Ta-bà đinh ninh dạy bảo thành thực lời lẽ tha thiết khiến chúng sinh ngủ trược nên tu đạo này thì sẽ được thoát khỏi cuộc đời. Bởi vì sao? Bởi vì chúng sinh ngủ trược kia cả thân tâm đều khổ, vì lấy khổ làm mạng sống, cũng như đống nước lửa, nhưng Đức Phật riêng ở một chỗ, hạnh từ bi rất sâu sắc, ứng hiện đúng cơ nghi như nước với mặt trăng, vì cảm ứng đạo giao vậy. Thế nên đức Thế Tôn từ khi thành chánh giác đến lúc nhập Niết-bàn, lời nói không sai khác. Trong các thời thuyết pháp đầu tiên từ hội Hoa Nghiêm, cuối cùng là đạo tràng Pháp Hoa, lời vàng ngọc dạy khuyên khắp chốn kể sao hết được. Các bậc tâm lớn chí cao trong các pháp hội ấy nhờ ý chỉ từ bi tùy thuận ấy đều phát nguyện cầu

vãng sinh. Huống gì bọn chúng ta căn cơ đần độn bị trôi giạt trong đời mạt pháp này. Hàng thức giả cần nên ghi xương khắc cốt rằng mình là người không hề đoạn dứt nguyện lực Di-đà, suốt đời không biết mệt mỏi. Bậc Thánh nhân lấy pháp này đề xướng ra trước, các kẻ hiền cũng từ pháp này nối tiếp theo sau, mở rộng khắp mười phương ba đời đâu phải chỉ nội trong thiên hạ, thấm đầy cả lục đạo tứ sinh, há chỉ có loài người được hưởng. Thiên thần đều nhờ hóa độ, quỷ vật ai cũng thuận nương. Người và phi nhân đều khen ngợi ngưỡng mộ, ghi chép các hạnh các việc đầy khắp sách vở, chất chứa ngập tràn cả kho tàng biển cả long cung, bày khắp cõi nhân gian thiên thượng, cội rễ sâu chắc từ lâu, tất cả đều ứng hợp với mọi căn cơ hoàn cảnh. Đó chính là do nguyện lực Di-đà gây nên như thế. Đức Phật có nói trong đời ác rốt sau khi pháp ta diệt mất thì chỉ có pháp môn này được lưu truyền lâu khoảng trăm năm để hóa độ tất cả quần sinh. Nhưng pháp này há không phải là lời dạy thân thiết sau cùng cho bọn chúng ta đấy sao?

Các loài chim tên Bát bát Cù-dục là giống bị đọa trong loài ngu si vọng tưởng, được người luyện tập cho việc xưng niệm danh hiệu Phật, cũng nhờ sức Tam-muội mà sau khi chết chỗ chôn xác còn mọc lên đóa hoa sen, huống gì đối với loài người. Người mà không bằng thế thật không biết xấu hổ. Bọn ta sinh ra thuộc năm trăm năm cuối của đời mạt pháp cho nên người có căn cơ cạn mỏng nghi hoặc không tin. Vả lại đầy việc thấy sai hiểu bậy, mỗi người chấp chặt không giống nhau, xúm nhau rủ rê dụ dỗ khiến người có Chánh hạnh kia phần nhiều phải bị lầm lẫn mê loạn, thật đáng thương thay.

Thế nên nay tập họp các văn Thiền tông và Tịnh độ và các kinh văn khác chọn lấy các nghĩa tinh yếu sâu xa nhất soạn thành lời viết, thành sách mà lưu truyền khắp nhân gian, để phá bỏ tà thuyết làm sáng tỏ chánh pháp. Khắp nguyện tất cả chúng sinh trong pháp giới một khi nghe thấy các lời nói này thì liền hiểu rõ, thấu suốt chân tâm mà biết rõ y chánh Di-đà vẫn ở Tây phương, biết rõ y chánh Tây phương không lìa bổn tánh. Hễ là hàm thức đều đồng vãng sinh, đều cùng vào ngôi bậc. Càng mong các bậc tiên giác chẳng tiếc lòng Từ bi thấy kẻ chưa ngộ thì đúng giáo pháp mà dẫn dắt. Nếu người đi trước còn mê mờ thì hãy nên tùy căn cơ bệnh trạng vì họ mà chỉ bày chỗ sâu kín nhỏ nhặt. Nếu người này một niệm tin hiểu thì hạnh nguyện ắt thành, có thể trông mong được vãng sinh, công đức khó thể kể hết. Dẫu cho có người bị tà kiến vây chặt, tin ưa không sâu, chỉ cần một câu dính vào thần trí thì cũng tạo nên hạt giống nhân duyên, dần dần sẽ có lợi ích vô cùng vô

tận. Công khuyên người phát tâm đâu không phải lớn. Nếu người quả có khả năng ở tâm không cần thầy như thế mà không dối không lừa, đúng theo chánh pháp này mà khuyên dạy người không mệt mỏi. Dầu chính mình không tu không làm thì tức là đã làm đã tu, dầu mình chưa học thì tức là đã học. Bởi vì sao? Vì pháp giới chỉ là một tướng không mình không người. Như thời xưa có người suốt cả một đời chưa hề tu hành, nhưng chỉ có hai lần dốc hết tất cả của cải bình đẳng nhất tâm, lập hội khuyên người cùng niệm Phật. Cho nên khi mạng chung thì cũng được vãng sinh. Chuyện này thật rõ ràng. Cho nên biết ai phát tâm Từ bi, hiện bày tướng nhiếp thọ và hay làm lợi cho người khác, khuyên người niệm Phật thì cái sở đắc sẽ rất lớn rất nhiều. Thật là sứ giả của vô thượng pháp vương, nhưng không nên chấp rằng chỉ mình thì nhất định là không cần phải tu. Thế nên pháp môn Tam-muội này rất thậm thâm, sâu rộng như biển cả, việc trình bày các lợi ích của nó đâu thể nói hết được. Nghe rồi thì nhớ lấy, hãy vì đời mà khuyên họ phát tâm niệm Phật.

19. Riêng trình bày môn một nguyện bốn nghĩa.

Có người hỏi rằng về sách khuyên phát tâm niệm Phật tôi thấy người xưa có rất nhiều, dầu là xướng họa tìm hiểu nhau, lời văn hoặc giống hoặc khác nhưng về ý nghĩa thì không hề khác. Như tập sách này có thêm các thứ nói về "y chánh", về "quán tuệ", về "phân chiết nhiếp", về nói rõ các nghĩa v.v... ngoài các thứ nói trên ra phần còn lại thì đều thuộc loại dẹp vọng hiển chân... mà ta chưa được nghe. Tuy rằng từ xưa người học cao thâm, xa xưa nhất vẫn chưa quyết chắc các điều trình bày đã hết, vẫn còn chờ đợi người khác nói thêm. Huống chi ta dám coi nhẹ sự kiện ấy. Tôi tuy chưa nhập vào đạo trực chỉ nhưng cũng được nghe các điều lợi ích mới mẻ, vậy xin dám hỏi lấy gì mà làm?

Đáp: Ôi ta không theo phép đạo hại đời mà chỉ cốt phá bỏ khối ngu si, dẹp bọn tà kiến nên vì họ mà nói. Tôi đâu dám bảo là biện luận hay giỏi. Sở dĩ phải nói ra chỉ là bất đắc dĩ thôi.

Lại hỏi: Nói về Tam-muội này thì rất rõ ràng sáng sủa. Nhưng có kẻ bảo là khó nắm hết được. Vậy có thể lấy một câu mà nói hết cái nghĩa của nó chăng?

Đáp: Đâu cần phải một câu, chỉ một chữ cũng đủ để nói hết, đó là nguyện. Còn nếu nói một câu thì đó là giới-giải-hạnh-hướng. Song nghĩa của bộ sách này không nêu ra một câu giới-giải-hạnh-hướng. Một câu giới, giải, hạnh, hướng, quyết chỉ là từ nguyện khởi lên, nên có thể nói một chữ nguyện là đủ cả. Thu mở rộng hẹp một cách tự do, đâu thể

vướng mắc vào một góc cạnh nào?

Thế nào gọi là Giới? Người tu hành đã tu Tam-muội nếu không trì giới, mặc dù có tín tâm mạnh mẽ vẫn bị các ác duyên tạp nhiễm ở thế gian nó xâm phạm cướp đoạt. Bao nhiêu trần lao tai họa phá hoại pháp thân khiến kiến giải phải rơi vào tà đạo mà không được vãng sinh. Kinh nói nếu trong một ngày đêm mà ai trì giới Sa-di hoặc giới cụ túc thì liền được vãng sinh. Cho nên cần phải trì giới vậy. Sao gọi là Giải? Người tu hành tu hạnh Tam-muội này là cốt cầu sinh Cực lạc, nếu không dùng thâm tuệ diệu giải này. Biết rõ hai cõi sạch dơ, Đông Tây đối nhau, chân thật không lầm lẫn. Lại biết hai cõi tịnh uế đây đều hoàn toàn có đủ trong tâm mình, không lìa đương niệm, nên dù tu pháp nào thì cũng có thể được sinh lên cõi ấy. Kinh nói đọc tụng kinh điển Đại thừa, hiểu rõ Đệ nhất nghĩa bèn được vãng sinh, cho nên phải hiểu biết chân chánh.

Sao gọi là Hạnh? Người tu hành cầu sinh Tịnh độ, tuệ giải đã đúng đắn thì nương vào hiểu biết mà lập hạnh, sáu thời hành đạo, Tam nghiệp không sai sót, thẳng tiến không lui sụt, quyết mong được sinh vào cõi ấy. Kinh nói tu hành sáu niệm, phát nguyện hồi hướng từ một ngày cho đến bảy ngày liền được vãng sinh, cho nên cần phải lập hạnh vậy.

Sao gọi là Hướng? Người tu hành quyết muốn được vãng sinh nên đối với các thứ giới, giải, hạnh mà có các công đức như thế. Và nay tất cả mọi lúc mọi nơi đều cùng với thiện căn lớn nhỏ từ vô thủy đến nay tất cả đều hồi hướng về Tịnh độ, nên khi lâm chung bèn quyết được vãng sinh. Kinh nói phát nguyện hồi hướng cầu vãng sinh về cõi Cực lạc, ví như làm các việc cho nhà thì về nhà được dùng. Cho nên cần phải phát nguyện hồi hướng vậy.

Một câu nói về nghĩa bốn pháp môn rộng lớn này nó bao gồm tất cả các thiện pháp. Cũng như bốn thời kỳ kết thành hạt trái, thì mỗi thời đều rất cần thiết, thiếu một sẽ không thành. Cả bốn pháp môn này cũng thế, nếu thiếu một thì Tam-muội không thành tựu. Cho nên cần phải tu đủ cả bốn nghĩa thì mới trọn thành một nguyện.

Hỏi: Chỉ một câu này mà lại thành nhiều câu sao?

Đáp: Nhiều câu tức là một câu, một câu tức là nhiều câu, nhiều câu và một câu đều bao gồm hết các nghĩa. Không thể bảo nhiều câu thì nghĩa rõ mà một câu thì nghĩa thiếu.

Hỏi: Nếu thế tại sao không chỉ nói một câu thôi?

Đáp: Nhiều câu là nói rộng, một câu là nói ngắn gọn. Rộng hay ngắn gọn tuy khác, vì mỗi thứ thì tùy theo căn cơ mà đều được sáng tỏ

đạo lý. Đâu có thể chỉ nói một câu mà bỏ đi việc nói rộng rãi.

Lại hỏi: Cả ba nhà trong thôn ấp, trai gái bình dân, ông bà đức hạnh, Đông Tây miễn luận, đậu lúa chẳng phân chia, một tiếng mà bốn nghĩa, trì giới v.v... mờ mịt không biết gì. Hoặc chỉ nhất tâm mà xưng niệm danh hiệu, hoặc chỉ chuyên cần kính lễ mà được vãng sinh, khi lâm chung thì lại có sự ứng nghiệm rất rõ ràng, là vì sao?

Đáp: Trong nhất tâm này thì pháp nào lại không đầy đủ. Đã do tuệ giải mà tin chắc có hai cõi, phát hạnh xưng niệm danh hiệu, hồi hướng cầu được vãng sinh, há lại phá bỏ giới Phật. Như thế là bốn nghĩa đã đủ, các hạnh không lập mà tự thành, bèn được vãng sinh hoàn thành nguyện đầu. Đâu có thể gọi là thóc đậu, Đông Tây không phân biệt đó ư?

Hỏi: Nếu thế người tu hành chỉ cần nhất tâm thì các hạnh đều tự đủ, không cần phải lập bốn nghĩa v.v...

Đáp: Nếu kẻ nào trước đã biết bốn nghĩa mà nhất tâm thì như đã có nền tảng vững chắc nên vĩnh viễn không bị lui sụt. Nhưng kẻ trước đã do nhất tâm mà đủ bốn nghĩa dầu được vãng sinh nhưng nửa chừng bỗng gặp bọn ác ma tà đảng thì phần nhiều bị lui sụt. Thế nên biết lại lấy bốn nghĩa là hơn cả.

Lúc chúng thưa hỏi sắp ra về thì có người chợt trình bày ý kiến thưa rằng: “Con nghe sách khuyên người phát nguyện tu Tịnh độ rất nhiều. Từ xưa đến nay số người viết cũng lắm, toàn là lời văn ý nghĩa đều lành và rất thích hợp với mọi cơ nghi khắp mọi người ở thế gian. Lại kẻ căn cứ vào lời khuyên dạy mà được vãng sinh cũng rất nhiều, có thể bảo rằng về nghĩa lý thì không có gì khác lạ mới mẽ. Vậy tại sao nay còn phải viết thêm nữa, không khéo có thể khiến người học có chỗ hiểu sai khác chăng . Nay đọc kỷ tập sách này thì thấy nghĩa cũng thuật lại lời xưa. Những gì người xưa đã nói rồi thì đâu cần phải nhắc lại nữa làm gì. Còn nếu nêu ra nghĩa khác thì người thời nay không hiểu, e rằng trở thành những điều phỏng đoán gán bừa rằng ấy là vì danh hoặc vì lợi mà nói. Xin được nghe điều cần yếu.

Đáp: Ôi sao ông dốt lắm thế, thật khó dạy khó hiểu. Ta nói nghe lời người xưa thì đó chính là kinh của Phật của Tổ, mà đã là kinh của Phật của Tổ thì dầu chỉ là nghĩa của một câu thì giả sử như tất cả chúng sinh số nhiều như bụi cực vi ở khắp đại thiên thế giới, có trình độ như Ngài Phổ Hiền thì trải qua mấy kiếp mà luận bàn về ý nghĩa lý thú cũng không thể nào hết được. Vậy những điều người xưa đã nói thì người thời nay không thể nói được nữa sao? Và những gì Phật đã nói thì người xưa

không thể nói ư? Không biết rằng người nay không thuật lại những lời của người xưa là vì lời nói và việc làm của người xưa chưa sáng tỏ hoặc vì người xưa chưa rủ lòng thương sự chí thành của người nay, hay chí người thời nay quá lo lắng không biết nương tựa vào đâu. Vả lại dầu nghĩa có thuật lại của người xưa nhưng ý thú không trùng lắp, lời văn tuy riêng lập mà lý nào khác xưa. Nhưng chỉ vì thời gian mãi trôi mà người thì lần hồi khuất bóng, chỗ hiểu biết có trăm mối nghìn điều. Tuy vừa hết cái nghi A thì lại tăng thêm bệnh B, bệnh B vừa lành thì tật C lại sinh, lần hồi có nhiều ngả rẽ. Nhiều giòng nhiều chi phái là do sự hiểu biết nhận thức có nhiều riêng khác vậy. Vả lại kinh sách của Thánh hiền tuy nhiều như núi cao biển rộng nhưng phần nhiều đều lạc mất hết. Kẻ hậu học căn cơ chậm chạp rốt cuộc khó nghiên cứu suy tìm, cho nên trong phần văn dài rộng kia, tôi chỉ chọn lấy các nghĩa tinh hoa cốt yếu nhất để giải quyết gấp sự lầm lạc cho kẻ đương thời, soạn thành một pho cốt chửa trị hết tất cả các bệnh trầm kha, há nào phải vì lợi vì danh ư? Các điều ông hỏi thật đáng xấu hổ. Ví như biển cả nhận lấy nước từ muôn sông, đâu hề chán bỏ cái sâu rộng, đắp đất cho núi, núi nào ghét sự càng cao tột. Vả lại cái nghi ngờ của người thời nay thì người xưa chưa từng nghe biết, còn ý riêng của người xưa thì người nay chưa thấu suốt hết được. Đời nay cách Phật đã xa nên cần phải căn cứ vào kinh mà luận thật sáng rõ cái nghi của người nay vậy, cũng như trong nhà đầy cả vàng và thuốc đều quý cả nhưng nếu không biết cách chẩn bệnh mà chọn lựa cái thích ứng để xử dụng thì chẳng những tật bệnh càng nặng, phí của mà mạng sống cũng khó an toàn. Lại một nghĩa trong kinh muôn lần hiểu thì muôn lần sáng rõ hơn. Vậy có sợ gì phải nghe lại lời nói cũ, e ngại gì mà nói điều chưa ai nghe. Vậy ông cần phải đối với pháp môn Tam-muội này mà tìm hiểu tường tận, lập hạnh nguyện lớn, thẳng tiến đến đạo mầu, cầu được vãng sinh Tịnh độ. Hãy rất cẩn trọng chớ nên đợi lúc lâm chung giả biệt cõi đời thì lòng yêu mến cảnh, tiếc thân mạng giống như con rùa sống bị lột ra khỏi mai, muôn ngàn khổ sở chất chứa đầy tâm, ăn năn không kịp.

20. Trình bày nghĩa niệm Phật diệt tội.

Lại có người khách đến hỏi:

- Niệm Phật Tam-muội trực chỉ đầu tiên là cảnh y chánh Cực lạc, cuối cùng là cầu được vãng sinh, các phần hạnh nguyện đều rất đầy đủ. Nhưng trong kinh có câu nói một lần niệm danh hiệu Phật có thể diệt hết tội nặng trong tám mươi ức kiếp sinh tử. Đối với lời nói này con không thể không nghi ngờ. Nếu quả đúng như lý này thì xem mọi người

trong đời này từ sang đến hèn, trong suốt cuộc đời họ chưa có ai không một lần xưng niệm danh hiệu Phật. Như thế thì họ đều được diệt hết các tội nặng, tất cả đều được sinh về thế giới Cực lạc. Vì sao người đời phải nương vào nghiệp thức xa xưa mênh mang. Khi chết khổ sở như cua bị lọt trong chảo nước sôi, sinh lên cõi trên hay đọa xuống cõi dưới không biết nơi nào. Vậy nghĩa diệt hết tội ở đâu. Nếu đúng là lời Phật nói không dối trá thì xin Ngài vui lòng giải thích.

Đáp: Lời ông hỏi thật xác đáng. Người chưa ngộ đạo ở thế gian này theo lời ông hỏi nếu đối với môn Tam-muội này thì quyết không lui sụt, sinh thẳng lên Tịnh độ vậy. Nhưng người tu hành đời nay đều bảo lời nói này là để phương tiện khuyên cố gắng. Chứ đâu biết là lời nói rất thành thật của Đức Phật, quyết là không dối lừa ta đâu. Ông há không nghe câu ở vô lượng kiếp trước, nhà ngươi cùng với Đức Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni đồng là phàm phu ư? Nhưng Đức Thích-ca của chúng ta từ khi thành đạo đến nay đã trải qua ngần ấy số kiếp điểm trần. Về số kiếp điểm trần này trong kinh Pháp hoa có nói rất rõ. Song trong ngần ấy ở địa vị phàm phu ta cũng trôi giạt trong lục đạo, tạo ra vô số kiết nghiệp không thể tính đếm, lâu xa đồng với Phật đến nay không khác. Số trần kiếp ấy cũng không tính đếm được. Giả sử có người trong suốt một đời, không kể các thiện pháp khác, người này chỉ niệm danh hiệu Phật, trọn đời niệm hoài không dứt. Trong mỗi tiếng niệm danh hiệu Phật ấy đều diệt hết trọng tội của tám mươi ức kiếp sinh tử. Song số lần niệm Phật trong suốt một đời và kể cả các đời khác đã diệt hết vô số kiếp trọng tội tuy nhiều thật, nhưng nếu đem sánh với số kiếp điểm trần lâu xa lớn lao kia thì không khác nào lấy đất trong đầu móng tay mà sánh với đất của đại địa. Đâu có thể bảo rằng vì niệm danh hiệu Phật đã diệt hết các tội trong nhiều kiếp, mà không còn nghiệp của kiếp nào khác ngăn ta không cho sinh lên Tịnh độ. Mà không biết rằng số tội chưa diệt hết kia ở trong vô số kiếp dài lâu từ vô thủy không bờ mé, bằng tuổi thọ của Phật, thật còn hơn số lượng của tám mươi ức kiếp gấp nhiều lần. Lại cũng như đuốc lửa tuy rất nóng nhưng muốn diệt hết tuyết của cả đại địa đây thì đâu có dễ dàng gì. Cho nên tuy có niệm Phật được diệt các tội nhưng chưa được vãng sinh là do nghĩa như thế. Huống là người có tâm cứng nhắc tạo nghiệp nhiều kiếp, mà tâm yếu ớt niệm Phật chỉ trong giây lát, thì lui sụt rất dễ mà tiến lên rất khó. Lại huống trước đây cùng Phật làm phàm phu trải số kiếp nhiều gấp bội. Cho đến phiền não thì từ vô thủy còn phát tâm niệm Phật thì chỉ mới đây, vậy tội làm sao diệt hết được. Sao không nghĩ điều đó? Nay nói một ngày cho đến bảy

ngày, nhất tâm bất loạn thì liền được vãng sinh đến khi lâm chung mà nhất tâm bất loạn chỉ cần niệm danh hiệu Phật một tiếng thôi thì diệt hết tám mươi ức kiếp sinh tử trọng tội. Cho đến kẻ tạo tội ngũ nghịch, khi lâm chung tướng lửa ở địa ngục hiện ra, mà có thể niệm danh hiệu Phật được mười tiếng thì đều được vãng sinh Tịnh độ. Bởi nhờ ta niệm danh hiệu Phật mà được diệt hết tội, dù oai thần công lao chỉ tí xíu, nhưng do sức của đại nguyện mà được Phật nhanh chóng cứu hộ. Ví như một chiến sĩ đang đánh trận bị lọt vào vòng vây rất nguy hiểm tính mạng. Bỗng gặp một chàng dũng sĩ với cung mạnh giáo nhọn ngựa hay chạy nhanh liền đem hết dũng khí cặp nách người này nhảy ngay lên ngựa, oai dũng chém tướng giết quân, nỗ lực dẹp tan thế trận đột nhiên thoát khỏi vòng vây, đoạt công chiến thắng vỗ về trăm họ thi ân bố đức, trở về dâng chiến công lên vua an hưởng thái bình vĩnh viễn. Đây cũng thế, Đức Phật kia tiếp dẫn chúng sinh về cõi Cực lạc nghĩa cũng vậy, cho nên nói niệm một tiếng Phật thì diệt hết tội nặng trong tám mươi ức kiếp sinh tử. Không phải như người niệm Phật thời nay hôm nay vài ba câu, sáng mai bốn, năm câu lại còn chần chờ dụ dự. Hoặc thấy trước mắt chút cảnh thanh sắc thì liền bị chúng kéo dắt lôi đi, hoàn toàn không còn nắm giữ chút gì, y hệt như kẻ chưa từng niệm câu nào. Nếu muốn nhân một lần niệm danh hiệu thật sự diệt hết các tội trong nhiều kiếp, không bị gì cản ngăn khiến vãng sinh liền lên Tịnh độ, điều này có thể được. Song như việc niệm danh hiệu này thì mỗi tiếng niệm đều diệt hết tội của số kiếp như thế, nhưng chỉ hiềm tâm ban đầu chậm lại, quả báo vãng sinh cũng chậm lại chỉ có thể làm duyên để sinh vào đời khác thôi. Hoặc ai có thể niệm mãi không ngơi nghỉ thì cũng chỉ có công làm thành nhóm sương hoặc thành dòng nước nhỏ, chứ đâu thể như trước nói mà so sánh hơn kém nhanh chậm. Nếu với người luôn tinh tấn thì có thể như trước nói nhanh chóng như lật bàn tay, như tên bắn trúng đích. Cho nên biết kẻ tán tâm mà niệm Phật và kẻ dù chí thành nhưng chưa dứt hết vọng tưởng, hoặc bị các tội ở ngoài số kiếp hạn định ngăn trở thì có báo chỉ sinh vào đời khác mà không thể là công ứng nghiệm ngay liền. Nếu kẻ nào gắng hết sức lớn tiếng mà niệm với ý chí mạnh mẽ thì đã diệt hết ngần ấy kiếp tội do sức mạnh mẽ nhanh chóng thì tội của các kiếp khác cũng không thể chướng ngại bèn thành tựu được mười niệm nên được vãng sinh Tịnh độ. Nghĩa này thấy khá rõ ràng quyết định là không có chướng ngại. Đâu phải như người mơ màng niệm Phật vì dựa vào nghiệp thức mờ mịt như cũ, đến khi lâm chung thì như loài cua bị rơi vào chỗ chảo nước sôi mà nghi là Đức Phật vọng ngữ, cho đó chỉ là

lời khuyên để mọi người cố gắng, cho nên biết Phật lực rất rộng lớn, khắp trùm mọi lúc mọi nơi, hay giữ các điều thiện dù rất nhỏ của ta mà đưa vào đại nguyện, khiến cho đồng một vị cứu vớt các chúng sinh đặt vào chốn rất an lạc, khiến tội tất cả các kiếp đều được tiêu diệt hết, sao chỉ diệt có tám mươi ức kiếp tội nặng thôi ư? Như thế thì công đức niệm danh hiệu Phật thật khó tính lường. Đó là ý chỉ Đại thừa viên đốn cắt ngang vượt thẳng mà ở đây có thể thấy rõ.

Thập nghi luận có nói ví như sợi dây cột trói mười vòng cả ngàn chàng trai mạnh khỏe khó bứt đứt, một đứa bé quơ dao bén nhọn chỉ phút chốc đã cắt rời làm hai. Như trong Quán kinh ở phần hạ bối sinh nhân có nói đây là dụ vừa niệm Phật vừa trừ diệt tội liền sinh. Lại như lúc Phật còn tại thế, có người đến chúng hội cầu xin xuất gia khắp các Thánh chúng lần lượt dùng đạo nhãn xem xét người này, tất cả đều bảo rằng người này xưa nay vĩnh viễn không có thiện căn, bèn không chịu độ cho. Sau cùng người này đến chỗ Phật, Phật bèn độ cho. Các thầy Tỳ-kheo đem việc này thưa hỏi Phật. Phật bảo người này tuy không có thiện căn, nhưng ở vô lượng kiếp trước thì có, vì đạo nhãn của hàng nhị thừa không thể biết được. Người này kiếp trước là tiều phu đi hái củi bị cọp rượt đuổi nên leo lên cây mà trốn, thất thanh niệm ba chữ “Nam-mô Phật” do một lần niệm đó mà ở trong hiền kiếp gặp ta được độ. Người này về sau hiểu đạo, đây là nói một đời niệm Phật nhưng chưa được báo liền. Ở đời sau này mới được vãng sinh. Nêu việc này ra đây để biết một lần niệm danh hiệu Phật tuy chưa dính dáng đến vị Phật nào còn có thể khiến người này diệt hết tội mà đắc đạo, huống chi nguyện lực của Đức Phật Di-đà vượt ngoài mười phương. Nếu chuyên chú vào vị Phật ấy thì công đức xưng niệm danh hiệu khiến diệt hết các tội chướng có thể nghĩ bàn được sao?

Kinh có nói một lần niệm Nam-mô Phật đều đã thành Phật đạo. Lời nói này là một minh chứng vậy, cho nên biết rằng nếu hay xưng niệm danh hiệu Đức Phật Di-đà, niệm niệm không dứt thì công đức này thật khó thể kể xiết. Dầu người có chướng nặng lại có tán tâm và lui sụt thì việc vãng sinh về cõi ấy tất sẽ ứng nghiệm ở tương lai. Lại việc xưng niệm danh hiệu Phật là thuộc ở miệng thì chỉ luận về công của nó, còn việc niệm Phật ở tại tâm mình thì mới là hiện bày cái đức. Luận về công thì chính ở chỗ ta không biết mệt mỏi chán lười, còn hiện bày đức thì mới thấy được Phật hiện ra trước, hai nghĩa không đồng hơn kém thấy rõ. Miệng niệm mà còn thế huống là tâm niệm ư? Thế nên nay nhân điều ông hỏi ta chỉ y theo kinh mà thuật lại các việc để mọi người quyết

chí đồng hạnh đều thấu suốt. Mong rằng với các nghĩa trên mà nên tu hành đúng lời chỉ dạy, vậy xin thận trọng chớ nên nghi ngờ.

21. Lược nêu hạnh của các Tổ.

Pháp môn thật rộng lớn bao gồm hết tất cả căn cơ của chúng sinh, dễ tiến nhanh mà công hiệu cao, các hạnh khác đều không sánh kịp. Thuở đầu tiên pháp môn này được Phật nói ra từ đỉnh núi Linh thứu, là căn cơ lớn đều tụ hội về. Sau cùng là sáng rực rỡ ở Trung Quốc, Tam Thừa đồng chứng, những kẻ được hóa độ càng nhiều, thật là xưa nay chưa từng có. Có thể bảo đây là một pháp môn rộng lớn vượt trội, mầu nhiệm cao tột nhất khó thể nghĩ bàn. Khi Viễn tổ ở đời Đông Tấn đã cùng dựng nhà ở Lô Sơn, xướng lập giáo thuyết này. Lúc đó tập hợp được một trăm hai mươi ba người. Tổ sư ba lần thấy tướng Phật đúng như sự ước nguyện mà được vãng sinh. Ngài Lưu Di Dân là kẻ học sĩ ở triều đình đã làm văn lập thệ nguyện, về sau cũng thấy được Đức Phật đích thân xoa đầu, lại lấy y đắp vào thân mình. Lại các bạn đồng chí hướng như Khuyết Công Tắc v.v... đến khi lâm chung đều cũng có các việc như trên. Đây là chuyện thật ở đời ai cũng biết, sách vở có ghi chép rõ ràng. Đời Thạch Tấn quan Hàn lâm Trương Kháng chỉ trì chú Đại bi mười muôn biến. Đời Lưu Tống ở Giang Lăng có vị sư Đàm Giám, hằng ngày dù các việc lành bé nhỏ đều đem hồi hướng cầu sinh Tịnh độ. Đời Nam Tề ở Dương Đô có sư Tuệ Tấn nguyện tụng kinh Pháp Hoa để cầu hạnh Tịnh độ. Cả ba vị này đều được vãng sinh về Cực lạc, có thể bảo hạnh này không luống uổng. Ông Trương Kháng thấy cảnh Tịnh độ hiện ra ở phía Tây nhà thật lâu cũng chưa biến mất. Sư Giám thì thấy đức Di-đà lấy nước rảy vào mặt và bảo "ta rửa sạch bụi nhơ cho ông, khiến tâm niệm ông được trong mát, khiến thân miệng ông đều được nghiêm tịnh". Lại thấy trong bình nước Đức Phật đang bưng có hoa sen mọc lên. Việc này sư chỉ nói riêng với các sư trong chùa. Còn sư Tấn nhân tụng kinh Pháp Hoa mà thành bệnh, bèn nguyện tạo ra một trăm bộ kinh Pháp Hoa để thí cho người, nhờ người tụng dùm mình. Khi tạo kinh xong thì bệnh lành, bỗng nghe trên không trung có tiếng khen "lành thay !", rồi liền theo đó mà vãng sinh. Công đức lớn của ba vị này thật khó thuật lại đầy đủ. Lại ở đời Hậu ngụy ở Bích cốc, có sư Đàm Loan bỏ đạo tiên theo học đạo Phật, tu môn Tịnh độ coi là pháp chân trường sinh. Khi lâm chung bèn khiến đệ tử lớn tiếng niệm danh hiệu Phật, sư Loan liền quay mặt về hướng Tây cúi đầu mà viên tịch. Lúc đó trên không trung tiếng nhạc trời trổi vang theo hướng Tây mà đi. Đời Tùy, sư Đạo Dụ lấy gỗ thơm chiên-đàn hương tạc tượng Đức Di-

đà cao ba thước, phát nguyện cầu vãng sinh. Chết rồi mà sống lại bảo rằng chính mắt thấy được điềm lành trong chốn u minh, thấy Đức Phật bảo rằng ngày mai khi sao mai mọc, ta sẽ đến tiếp dẫn ông. Quả nhiên đúng hẹn thì Ngài tịch. Về các hạnh lớn ấy thì như đời Đường, ở Kinh sư có Hòa thượng Thiện Đạo, ở Thai châu có Hoài Ngọc, ở Phần châu có Phương Quả là hai sư, ở Chơn châu có Tự Giác, ở Mục châu có Thiếu Khang và ở Tinh châu có Hoài Ngạn v.v... đều không lìa bỏ Đại thừa, lập thệ nguyện vững chắc tu đầy đủ hạnh Tịnh độ, việc ứng nghiệm rất rõ ràng làm cảm động cả hàng trời người, mây pháp khắp che, gồm nhiếp vô cùng, mưa pháp rưới khắp thấm đượm đầy tràn tất cả. Các đức hiện bày không phải một mối, thật không thể kể hết được.

Lại đời Trần Tùy, Ngài Thiên Thai Trí Giả Quốc sư truyền pháp đến các vị Tổ như Pháp Trí, Từ Vân... đời Tống sơ các Ngài Vĩnh Minh, Trí Giác thiền sư, Ngài Trường Lư Từ Giác thiền sư... các vị đại Thánh sư này hạnh vượt hơn trời người, đức trùm khắp ba cõi, là mặt trời tuệ dẹp tan nẻo tối, là kẻ dẫn đường phá chỗ khổ nguy, đều lấy pháp môn Tam-muội này mà làm lợi mình lợi người, là đạo cứu đời kiệt xuất. Khi việc giáo hóa đã xong xuôi thì các Ngài đều được vãng sinh vào bậc thượng phẩm. Lại như đời Đường ở Trường An có ni cô Tịnh Chơn tụng kinh Kim Cang hơn mười muôn biến, trong năm tháng khi sắp lâm chung thì mười lần thấy Phật, hai lần có phép thần thông đi ngao du khắp cõi Cực lạc. Đời Đường, ông Phòng Chứ nhân khuyên được một người niệm Phật mà cảm động khắp chốn u minh. Ở Trường An có Lý Tri Dao sau năm hội niệm Phật thì thấy giữa không trung có thần tăng đến tiếp dẫn và được vãng sinh Tịnh độ. Ở Thượng đãng có Diêu Bà niệm Phật đứng hóa. Ở Tinh châu có vợ của Ôn Tịnh Văn tu hành đúng hạnh nguyện. Lại như Trương Chung Quì và Trương Thiện Hòa đều chuyên nghiệp giết hại. Khi tướng địa ngục sắp hiện ra, nhờ chí tâm niệm đủ mười danh hiệu Phật liền được vãng sinh. Đời Thạch Tấn ở Phụng tường có sư Trí Thông, đời Tống ở Minh châu, sư Khả từng nghiên cứu rất lâu các di văn của Ngài Trí Giả rồi nhất tâm tu tập, sau cũng được thần thông đi thăm chơi Tịnh độ thì thấy trên tòa sen có ghi tên mình. Sau khi xuất định đều đúng y như lời kể. Ở đời Tống các ông Kim Thái Công, Huỳnh Đả Thiết, Ngô Quỳnh... xưa kia đều làm các nghiệp ác, nhân về sau biết cải hối tinh tấn tu hành nên khi lâm chung đều có điềm lành ứng hiện. Như Kinh Vương phu nhân, còn gọi là Quan Âm huyện quân, Bằng thị phu nhân đều thuộc hàng nữ lưu, nhưng đức hạnh lại sáng rở nổi tiếng. Cho nên biết pháp môn cao quý này, phàm

kẻ có tâm chí đều có thể tu hành được cả. Đâu có phân biệt tăng tục, trai gái, già trẻ, kẻ trí người ngu hay các hạng người khác giai cấp, làm việc cực ác hoặc bọn Xiển-đề, bác bỏ mọi thứ. Loài chim trĩ nghe được tiếng nói pháp còn sinh vào cõi lành, người hay niệm Phật đâu lại không vãng sinh Tịnh độ ư? Như thế thì chỉ lo người mình bỏ việc tu hành, đừng nên sợ Đức Phật không thương xót tiếp dẫn. Nay căn cứ vào các truyện ký thuật lại các điều nghe thấy khiến các người đồng chí hướng lấy câu "kiến hiền tư tề" (thấy người hiền phải nghĩ cách làm sao cho bằng) mà luôn cảnh tỉnh các cử chỉ hằng ngày của mình. Đến như đất đai rộng khắp bốn bể tám hướng, từ xưa đến nay, bao nhiêu điều mắt chưa từng thấy, tai chưa từng nghe, trải qua thời gian khá lâu các việc quên mất khá nhiều, đâu thể nào kể lại đầy đủ được.

22. Chánh thức nêu lời hồi hướng, khắp khuyên vãng sinh.

Đã rõ rằng nguồn gốc của tà kiến chính là do lời dạy bảo của hàng thầy bạn bất chánh. Nhưng dầu do nghiệp đời trước chiêu cảm đâu có thể bảo chính tâm mình không mê lầm. Mê lầm mà không lìa tâm chúng ta thì quả báo ở khổ thú tất khó trốn được. Huống là một khi thức đã bị ô nhiễm thì muôn lời dạy cũng khó quay đầu. Vì thế quyển Bảo Vương Tam-muội Niệm Phật Trực Chỉ do đấy mà được soạn ra. Tôi vừa lập chí này liền lấy tâm này mà duyên với khổ lớn của nghiệp ràng buộc cõi Ta-bà, mà nhớ nghĩ cảnh tiêu dao tự tại y chánh cõi Cực lạc. Sạch và dơ giao nhau, chúng sinh và Phật cùng sáng rỡ. Vô lượng nghĩa lý đều tụ họp ở tâm, tràn đầy niềm pháp hỷ. Bấy giờ tôi không còn thấy có mình nữa, tất cả lý sự đều vô ngại, thân và cõi đều viên dung, không còn bị vướng mắc câu thúc của câu văn lời nói nữa như là đã sinh về Tịnh độ rồi vậy. Tất cả công đức như thế nhiều vô lượng vô biên. Hôm nay tôi nguyện đem tất cả công đức như trên, xem xét và tập họp tất cả thiện căn có được từ nay đến suốt kiếp vị lai đều phát tâm hồi hướng cầu vãng sinh Tịnh độ, đúng lý pháp tánh dần dà mở rộng đến vô cùng. Từ quả đến nhân đều là hạnh là nguyện đầy khắp cả vô số cõi nước, đều đem hồi hướng khắp thí cho chúng sinh, tất cả đều trọn thành, đồng vãng sinh về Tịnh độ. Tôi lại nguyện nhờ niệm lực này đều khiến tất cả chúng sinh ở khắp vô số cõi nước ở mười phương và ở thế giới Ta-bà, đúng như sự mong ước của tôi, tất cả chúng sinh ấy có y chánh sắc tâm hoặc giống hay khác đều cùng lúc vào trong ánh hào quang vô lượng sáng suốt của đấng giáo chủ cõi Cực lạc. Bấy giờ trong mỗi đầu sợi lông nơi nơi đều là Cực lạc, ai nấy biến hiện tự nhiên, đều có thần thông du hý, vĩnh viễn không thiếu sót thứ gì, giống y như cõi của Phật

ở, thì nguyện tôi mới trọn vẹn. Do đó tôi lại càng thêm nhất tâm gồm nhiếp tất cả vô lượng thiện căn do Tam nghiệp đã tu dù nhiều ít lớn nhỏ, từ vô thủy đến nay và suốt cả bờ mé vị lai, tất cả thiện căn ấy đều hiện ra trước khắp cho chúng sinh ở cõi Cực lạc đều một lòng hồi hướng. Ngưỡng mong thần lực của chư Phật, nguyện lực của Phật A-di-đà cùng sức công đức của hai vị đại sĩ, nguyện xin pháp môn này, nguyện các thiện căn này biến khắp lục căn của tôi và đầy khắp thân thể, khiến lục căn của tôi đối với cảnh và trí rất tự tại. Đầy khắp cõi hư không đều là sắc thân, đều có thể tuyên nói về pháp môn như thế. Do thân căn này ở trước tất cả chúng sinh đến suốt cả bờ mé đời vị lai cũng không bao giờ lười chán, mà luôn luôn cúng dường cung kính thờ phượng hầu hạ tất cả chúng sinh như hầu hạ Đức Thế Tôn, năm vóc sát đất, quỳ gối chắp tay, chí thành kính khuyên, xin dùng lời kệ khuyên rằng:

Thế giới Cực lạc rất thanh tịnh
Trang nghiêm đẹp mầu vượt thế gian
Nguyện lực Di-đà khắp hư không
Tướng đẹp sáng rỡ cũng như thế
Từng niệm không lìa cõi thế gian
Khắp cứu bọn ta về cõi ấy
Bọn ta đành chịu trong sinh tử
Trải bao đắm chìm không thoát ra.
Phật đã đưa tay đợi từ lâu
Phút giây than thở thật ân cần
Ánh sáng phát ra sen liền nở.
Nay chính lúc nguyện sinh cõi ấy
Thân luôn vô thường, thời qua nhanh
Các khổ nung nấu, phải lìa mau
Hãy tu nhanh lên cùng niệm Phật
Hết báo thân này sinh Tây phương.

Lại nguyện tập pháp môn này luôn tồn tại ở thế gian như pháp thân Phật, không cần người mời thỉnh vẫn làm lợi lạc tất cả chúng sinh và đồng được sinh về nước An dưỡng. Nguyện Thiên long bát bộ thường hiện đến giúp đỡ hộ trì pháp môn này, đừng để nó bị diệt mất, đúng như lý pháp tánh cùng Phật pháp vĩnh viễn truyền bá khắp nơi, luôn được tồn tại.

THUYẾT PHÁ VỌNG NIỆM PHẬT (TRỰC CHỈ TÂM YẾU)

Tam-muội niệm Phật, Đấng Đại Hùng thấy các nỗi khổ sinh, già, bệnh, chết do các nghiệp ràng buộc ở cõi Ta-bà này nên đã dạy mọi người pháp niệm Phật A-di-đà cầu sinh về thế giới Cực lạc. Do thân Phật và cõi nước trong sạch không đâu bằng, đứng đầu trang nghiêm và y chánh báo vô cùng đẹp đẽ mầu nhiệm nên có tên như vậy. Chúng Bồ-tát có tâm rộng lớn trong hội của Đức Phật ấy và những chúng sinh nghe ngôn giáo của Phật mà được sinh về cõi ấy số đông vô kể. Từ khi giáo pháp này lưu hành trong thiên hạ, từ Đông sang Tây, xưa đến nay, những người vâng theo giáo pháp được vãng sinh rất đông, dù lấy số cát sông Hằng hay số bụi nhỏ cũng không lường được. Cách xa thời Thánh hiền, người đời đầy phiền toái, chẳng biết cõi Cực lạc Tây phương thật đang tồn tại, lại hiểu lầm câu các pháp duy tâm, cho đó là huyền diệu nên đã dối nhận tướng duyên ảnh lục trần điên đảo trong ngực làm tâm, cho rằng cõi Cực lạc trong long mình nên không cầu sinh chỗ khác, thật là điên đảo vậy. Duyên ảnh lục trần này đều thuộc tiền trần vốn không có bản thể riêng. Nếu tiền trần không có thì tâm này liền mất thì sao nói có cõi đó trong tâm này? Ông lại nói tâm này vốn trong ngực, tâm nhỏ xíu trong ngực sao có thể chứa cõi Phật rộng lớn được? Dù nói rằng một khi ngộ đạo thì cõi Phật trong tâm thì cũng chỉ có thể nói rằng thấy tánh mà ngộ đạo chứ sao có thể nói Tịnh độ trong tâm? Kẻ có kiến chấp như vậy quả thật là tà kiến. Dù là chủng tánh của thiên ma, giặc ác, ngoại đạo cũng đã vượt hơn kiến chấp này, ở thế gian cũng chẳng có kiến chấp vô cùng thấp kém này. Thật đáng thương xót thay! Ông nay nếu muốn ngộ tâm chân thật bản nhiên thì trước tiên nên quán sát tâm nhận duyên ảnh lục trần vốn ở trong ngực ngươi, ngực ở trên thân, thân ở trong cõi nước, cõi nước và tất cả sát hải tịnh uế đều ở trong hư không, mà cõi hư không này không có biên giới, bao trùm tất cả, tất cả y báo chánh báo của mười cõi đều ở trong đó, nó rộng lớn khó nghĩ lường. Hư không này tuy lớn, bảo tâm tự nhiên chân thật bất động của ta chẳng phải chỉ lớn mà là cực lớn, lại có thể bao trùm cả hư không lớn lao nhất kia. Hư không kia nằm trong chân tâm của ta chỉ như một vẩn mây nhỏ chợt bay ngang bầu trời thì tất cả sát hải tịnh uế như Ta-bà, Cực lạc sao lại không ở trong tâm bản nhiên của ta? Đức Phật nói các pháp đều ở trong tâm đó thật ra chẳng phải trong tâm vọng tưởng ảnh duyên trong ngực ngươi, mà ở trong một tâm niệm hiện tiền vốn chân thật của ngươi.

Tâm chân thật này hoàn toàn tách rời tri giác, vượt khỏi thấy nghe, hoàn toàn chấm dứt tất cả tướng sinh diệt, tăng giảm, không xưa không nay, tánh vốn chân như bao hàm mọi sự mầu nhiệm. Mười cõi gốc của mê ngộ vốn không thể suy nghĩ bàn luận được sự rộng lớn của nó. Tất cả thân, độ đều nằm trong chân tâm đại giác bất động của ông, chứng ngộ đồng như Phật mới biết các cõi Ta-bà, Cực lạc... tuy là cảnh thật nhưng toàn ở trong tâm ta. Nếu đã trong tâm ta, vậy tâm ý bỏ Đông chọn Tây, ghét uế ưa tịnh, ghét Ta-bà cầu sinh Cực lạc cho đến ghét chúng sinh ưa thích Phật, buông thả tâm ý chấp cầu nơi tướng, những tâm ý đó đều không ngoài tâm ta. Nếu cầu như vậy là không ngoài tâm ta thì khi tướng tốt của Đức Di-đà thế giới Cực lạc hiện ra chính là tự tâm ta hiện. Khi tự tâm ta hiện chính là Đức Phật ấy hiện, hơn nữa tâm ta tức là tâm của Đức Phật kia, Đức Phật kia chính là Đức Phật trong tâm ta, chỉ một thể không hai nên nói rằng duy tâm Tịnh độ, bản tánh Di-đà, chứ không có nghĩa rằng không có cõi Tây phương, không có Phật cõi đó, không cần cầu vãng sinh, chỉ trong tâm duyên ảnh sinh diệt của ngươi mà gọi là duy tâm bản tánh. Lại nói: Cầu Đức Phật kia tức cầu tự tâm, cầu tự tâm nên cầu Đức Phật kia, nghĩa này rất rõ ràng, vì sao thời nay lại có hạng phá pháp, chia rẽ tăng, bỏ đạo theo Nho, hiểu qua loa Thiền lý, chẳng biết gì lý tức cảnh tức tâm, cầu không ngăn ngại, chân thật, trở lại phân chia pháp bất nhị, phân biệt tâm cảnh, dạy người bỏ ngoài lấy trong, quay lưng với cảnh, hướng vào trong tâm khiến cho Sự ghét yêu thêm nhiều, tâm phân biệt thêm sâu, trái xa với lý thú. Vừa phân chia cảnh xong liền cho Cực lạc là ngoài, dạy người không cần cầu sinh về; vừa phân chia tâm xong thì dối chỉ duyên ảnh lục trần vọng tưởng giả dối là tâm, nói Cực lạc ở trong. Nhân suy nghĩ thấy tâm này không có thể chất nên nói vốn không có pháp nhân quả, thiện ác, tu chứng, do đây buông lỏng theo duyên đời, dạy người không cần lạy Phật, đốt hương, thắp đèn, tụng kinh, sám nguyện... vì cho đó là chấp tướng. Ít thì nói những việc đó ràng buộc tâm bất động như tảng đá vô tri làm hư loạn pháp thiền. Nhiều thì buông thả tự do, nói nghiệp sát, đạo, dâm như hoa đốm hư không, không làm trở ngại đạo. Nhân tà kiến này mà đọa lạc trong sinh tử, rơi thẳng vào tầng cuối nhất của ngục A-tỳ, tội này còn nặng hơn tội sát sinh, bán rượu. Đến khi biết hối hận thì địa ngục này mới mất, mới được ra khỏi. Lại đối với cảnh y báo ruộng, nhà, núi sông, đất đai ngoài thân tuy thấy có thật, không dám nói không có, đều gọi là vật ngoài tâm, phân thành hai phần, không thể tạo thành một khối để tâm và cảnh như nhất. Chỉ đối với việc mặc áo, ăn cơm,

nhân lòng tham đối với miệng và thân nặng nên không dám hô hào là bên ngoài, còn đối với trần sát các cõi Cực lạc, thiên đường, địa ngục tuy từng nghe tên nhưng vì không thấy nên thẳng thừng nói không có. Trở lại nói người A xứ B khoái lạc chính là thiên đường; người X xứ Y khổ sở chính là địa ngục mà chưa từng biết rằng chân tâm không hư huyễn này mới thật có đủ sát hải thiên đường địa ngục. Lấy đây để dạy người không cần cầu vãng sinh thì thật là ngu si vậy. Ô hô ông đã không biết chân tâm bất sinh bất diệt này hàm chứa cả thái hư, lại nhận tấc vuông duyên ảnh trong thân này là tâm thì đó là nhận giặc làm con, không cầu nơi Phật thì kiến chấp đó thật là thấp kém. Kinh nói: "Ví như vứt bỏ trăm ngàn biển lớn trong xanh, chỉ nhận một hòn bọt nước cho là toàn bộ sóng nước, cùng tận biển khơi thì Như Lai gọi đó là kẻ đáng thương xót." Chính là hạng này vậy. Vì tâm ta và tâm Phật thật đồng một lý nên ánh sáng, oai đức và nguyện lực của Phật A-di-đà ở trong tâm ta, và lực ngu si của tâm ta mà làm tất cả Phật sự, không lúc nào không dẫn dắt nơi ta, tâm ta ở trong đại tâm nguyện lực của Phật A-di-đà mà tu các hạnh lành niệm Phật cầu sinh. Không có một hạnh lành nào không chứa đủ đức của Phật, có đủ đức của Phật thì ta thành tựu Tam-muội. Do vậy nguyện lực của Phật A-di-đà ban đầu nằm ở phát tâm, sau cùng nằm ở cứu cánh, không một pháp nào không đi thẳng đến tâm ta vì tâm ta tức là tâm Phật. Tâm ta từ vô thỉ đến nay tận đời vị lai tu tất cả Tam-muội, không một pháp nào không thu nhiếp về biển Phật, thành Phật xưa nay vì tâm Phật tức là tâm ta vậy. Vậy sắc tâm y chánh, nhân quả tịnh uế tuy đồng một tâm mà thật không ngăn ngại nhau, mỗi mỗi tự phân ở vị trí mình trong cùng một tâm. Do cùng một tâm nên tuy tịnh uế khác nhau, mà điều mong cầu không nằm ngoài chân tâm. Do tự phân nên tuy nhất tâm mà ắt sẽ bỏ uế lấy tịnh. Bỏ uế lấy tịnh thì tịnh uế tự phân ra, có thể ngộ được duy tâm Tịnh độ. Tu tập như vậy ví như một giọt nước rơi vào biển bèn cùng một vị, mới biết biển lớn tức chính mình, há có một hạnh nào vô ích không thành công đức sao? Nay những kẻ ngu dại trong ba nhà đó tuy không biết lý nhưng nhờ lòng tin rằng thật có cõi kia. Khi mạng chung sẽ được vãng sinh. Còn kẻ sợ sa bẫy hư không, nhân nhận duyên ảnh là tâm, nói rằng không có cõi nước nằm ngoài thì tuy tu đạo hạnh mà vẫn bị sinh tử. Do đây mà biết rằng ánh sáng, oai đức, nguyện lực của Phật A-di-đà thường còn ở thế gian, việc giáo hóa không bao giờ ngừng, Ngài vẫn muốn thâu nhiếp cả chúng sinh trốn tránh cái chết, chuyên quên, huống chi người nhớ niệm Phật lại không được vãng sinh ư? Cõi nước đó thù thắng thì người cầu vãng

sinh về đó thâm tâm cũng phải phát khởi hạnh nguyện thù thắng. Hoặc chỉ xưng danh hiệu, chuyên trì một chú và chỉ kinh thành, lễ lạy, cho đến đốt hương rải hoa sáu thời sám hối, bỏ hết duyên đời, một lòng chuyên chú quán hình dung và tướng bạch hào của Phật, tâm không lười nhác ngưng bỏ thì khi mạng chung nhất định vãng sinh. Nếu lại hiếu dưỡng cha mẹ, phụng thờ sư trưởng, tâm từ mẫn không giết hại, tu thập thiện nghiệp, nhận giữ tam quy, đầy đủ các giới, không phạm oai nghi, tin sâu nhân quả, không bài bác Đại thừa, khuyến khích người tu, tu những pháp như vậy cũng sẽ sinh về cõi nước kia. Nếu được sinh về đó, không chỉ được sinh lại rõ biết như trên, khi thật sự nỗ lực niệm vô cầu vô sinh. Vì sao? Tức tinh tấn là vô tu, chứ không phải không tu là vô tu. Nếu nói buông bỏ tất cả, không bám víu thiện ác, rộng mở không trở ngại là vô tu thì có khác gì đoạn kiến của ngoại đạo, không phải ngu si là gì? Sao không nghe người xưa cho sắc tướng là vô tướng, lấy thân tu làm vô tu, lấy kia nêu đây, mọi pháp đều vậy, sao không thẩm xét. Nay nghĩ mạng người vô thường, chuyển hơi thở đã thành đời khác, huống gì việc đời liên miên như dây câu không đứt đoạn, nếu không bị ràng rịt thì khi trần lao tích tụ và chính khi đương đắc ý, ngừng tay không được mà có thể một dao chặt đứt, phát nguyện lập hạnh, hết sức nhảy thoát thì có thể như niệm mà vãng sinh. Do đó, tôi nay làm lễ xin khuyên hàng Phật tử đều phải nhất tâm tinh tấn tu hành.

(Bạn tôi là Lý cư sĩ viết bài khuyên niệm Phật, nhờ tôi viết vài lời nên có thuyết này.)

Ngày 20 tháng 9 năm Ất hợi niên hiệu Hồng Vũ.

LỜI BẠT

Tịnh trực xem pháp ngữ của Đại sư Vân Thê mà biết có pháp môn Tịnh độ. Trong đó nói Tịnh nghiệp và Thiền như lan mùa xuân, cúc mùa thu, mỗi loại có nét đẹp riêng không trở ngại nhau mà chưa biết Tịnh nghiệp tức là Thiền vô thượng sâu xa mầu nhiệm. Mùa đông năm Đinh hợi, lên Tổ đường làm lễ Đại sư Ngẫu Ích, nghe bàn Thiện tịnh không hai, nói rằng không những không thể tách rời mà cũng không cần hợp lại. Tuy hâm mộ lời nói đó nhưng lại thầm nghi ngờ. Nay đọc "Trực chỉ niệm Phật" này mới tin Đại sư Ngẫu Ích quả thật không chủ quan và tin "Tứ liệu giản" của Đại sư Vĩnh Minh thẳng thắng không gạt người, do đó ra sức kêu gọi các duyên khắc in lưu hành, các bạn bè cũng vui vẻ trợ giúp, thế mới biết nguyện lực và hoằng thệ của Đức Phật A-di-đà đã quán triệt tâm người từ lâu. Khắc xong kính ghi vài lời bạt để biết niềm vui của pháp.

Ngày rằm trung thu năm Tân dậu. Đệ tử Tịnh nghiệp là Xa Tịnh Trực viết tại Tứ Liên Cư năm sáu mươi tuổi.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 172

TỊNH ĐỘ SANH VÔ SANH LUẬN

SỐ 1975

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1975

LUẬN TỊNH ĐỘ SINH VÔ SINH

Hán dịch: Sa-môn U Khê Truyền Đăng, ở núi Thiên thai.

Cúi lễ Năng nhân trí viên mãn
Vô Lượng Thọ giác đại Đạo sư
Nói ra kinh An dưỡng Đại thừa
Liễu nghĩa liễu nghĩa rất viên đốn.
Diệu đức Phổ Hiền, Quán Tự Tại
Thế Chí, Thanh tịnh đại hải chúng
Mã Minh, Long Thọ và Thiên Thân
Lô Sơn Liên xã tổ nơi đây.
Thiên Thai Trí giả và Pháp Trí
Xưa qua nay đến Hoằng pháp sư
Nay con quy mệnh lễ Tam bảo
Cầu xin thầm hộ phát thần thức.
Kính chọn kinh luận bí mật chỉ
Mở mang Tịnh độ sinh, vô sinh
Khắp khiến tương lai ngộ môn này
Dứt nghi, sinh tín đều bất thoái.

Luận này chia làm “Thập môn” (mười phần).

1. Nhất chân pháp giới môn.
2. Thân độ duyên khởi môn.
3. Tâm độ tương tức môn.
4. Sinh Phật bất nhị môn.
5. Pháp giới vi niệm môn.
6. Cảnh quán tương thốn môn.

7. Tam quan pháp nhĩ môn.
8. Cảm ứng nhậm vận môn,
9. Bỉ thử hằng nhất môn.
10. Hiện vị hỗ tại môn.

1. Nhất chân pháp giới môn.

Trong pháp tánh Nhất chân, có đủ mười pháp giới, y chính vốn dung thông, chúng sinh Phật chẳng khác.

Luận rằng: "Pháp giới Nhất chân", tức là chỉ cho tâm tính vốn có của chúng sinh. Tâm tính này "có vô lượng đức, gọi bằng vô lượng tên". Vì sao nói là có vô lượng đức? Ở đây có "tính thể, tính lượng và tính cụ".

"Tính thể" nghĩa là tâm tánh này chính là thể tính kiên cố bất động, thanh tịnh vô nhiễm, bất sinh bất diệt, thường trú vô hoại, lìa bốn câu, dứt trăm phi.

"Tính lượng" nghĩa là tâm tính này dọc cùng ba đời ngang khắp mười phương, thế giới hữu biên, hư không vô biên, hư không hữu biên, tâm tính vô biên, hiện tại hữu biên, quá khứ, vị lai vô biên, quá vị hữu biên, tâm tính vô biên, vô tận vô tận, vô lượng vô lượng.

"Tính cụ" nghĩa là tâm tính này "có đủ mười pháp giới" đó là Phật pháp giới, Bồ-tát pháp giới, Duyên giác pháp giới, Thanh văn pháp giới, Thiên pháp giới, Tu-la pháp giới, nhân pháp giới, súc sinh pháp giới, ngạ quỷ pháp giới và địa ngục pháp giới, đây đều là giả danh. Lại có "chính báo", nghĩa là Phật ngũ ấm, Bồ-tát ngũ ấm cho đến địa ngục ngũ ấm, đó là "thật pháp". Lại có y báo, đó là Phật quốc độ, Bồ-tát quốc độ, cho đến địa ngục quốc độ là để cho dễ hiểu. Chia làm ba kiểu khác nhau, từ ý này mà nói thì tính cụ là tính thể, tính lượng. Tính thể thì thể tính kiên cố bất động, thanh tịnh vô nhiễm, bất sinh bất diệt, thường trú bất hoại, tính cụ mười cõi cũng như vậy.

"Tính lượng" dọc cùng ngang khắp, vô tận vô tận, vô lượng vô lượng, tính cụ mười cõi cũng như vậy.

Chánh báo ngũ ấm, đồng tính thể tính lượng, thanh tịnh trùm khắp, y báo quốc độ cũng như vậy.

Ba pháp ở đây còn gọi là "ba Đế". Tính thể tức là trung đế, tính lượng là chân đế, tính cụ là tục đế. Vì vậy kinh Lăng-nghiêm nói rằng: "Mà Như Lai tạng, diệu minh nguyên tâm, chẳng phải tâm, chẳng phải không, chẳng phải địa thủy hỏa phong, chẳng phải mắt, tai, mũi, lưỡi, thân ý, chẳng phải sắc thanh hương vị xúc pháp, chẳng phải nhãn giới cho đến chẳng phải thức giới, chẳng phải vô minh cho đến chẳng phải

lão tử, chẳng phải vô minh hết, cho đến chẳng phải lão tử hết, chẳng phải khổ tập diệt đạo, chẳng phải trí, chẳng phải đắc chẳng phải đàn na, cho đến chẳng phải Bát-thích-nhã, chẳng phải Đản-đạt-a-kiệt, chẳng phải A-la-ha, chẳng phải Tam-gia-tam-bồ, chẳng phải thường lạc ngã tịnh". Đây tức là tính lượng vô tướng, gọi là chân đế. Và Như Lai tạng, nguyên minh tâm diệu, tức tâm tức không, tức địa thủy hỏa phong, tức sáu phàm, tức nhị thừa, cho đến tức Như Lai thường lạc ngã tịnh" đây tức là chỉ tính cụ mười giới, gọi là tục đế.

Như Lai tạng, diệu minh tâm nguyên, ly tức ly phi, thị tức phi tức, đây tức là tính thể thống nhiếp, đó là Trung đế.

Lại Như Lai tạng rằng: "Tính sắc chân không, tính không chân sắc, thanh tịnh bổn nhiên, trùm khắp pháp giới, địa thủy hỏa phong không kiến thức, thảy đều như thế." Địa thủy hỏa phong không kiến thức tức là tính cụ. "Thanh tịnh bổn nhiên" tức là tính thể, "trùm khắp pháp giới" là tính lượng.

Lại "địa thủy hỏa phong không, thanh tịnh bổn nhiên, trùm khắp pháp giới", tức là y báo quốc độ tính thể, tính lượng.

Kiến thức thanh tịnh bản nhiên, trùm khắp pháp giới, tức là chính báo năm ấm tính thể tính lượng.

Thế nào là "Có vô lượng tên"? Nay nói rõ hơn, tâm tính này hoặc gọi là không Như Lai tạng, hay chân như Phật tính, hay Am-ma-la thức, Đại viên cảnh trí, hay gọi là "Bồ-đề Niết-bàn". Tính thể tính lượng là Không Như Lai tạng, tức tính cụ mười cõi năm ấm quốc độ, gọi là "Không Như Lai tạng" "Tính thể tính lượng" gọi là "Chân như Phật tính", tức tính cụ... gọi là "chân như Phật tính".

"Tính thể tính lượng" gọi là "Am-ma-la thức" thì tính cụ,... cũng gọi là "Am-ma-la thức".

Tính thể, tính lượng gọi là "Đại viên cảnh trí" thì tính cụ,... cũng gọi là Đại viên cảnh trí.

Tính thể, tính lượng gọi là "Bồ-đề Niết-bàn" thì tính cụ cũng gọi như vậy, thế nên mới nói là "Pháp tính trong nhất chân, có đủ mười pháp giới, y chính vốn dung thông, chúng sinh Phật chẳng khác"

Hỏi: Nhất chân pháp giới này, là sơ tâm hay hậu tâm? Nếu là sơ tâm thì đáng lẽ không có bảy tên gọi, nếu là hậu tâm thì đáng lẽ không có chín cõi. Sơ hay hậu đều không đúng, lập nghĩa không thành.

Đáp: Đây chính là hiển bày sơ tâm, vì sơ tâm nên mới có hậu tâm, vì có hậu tâm nên mới hiển bày sơ tâm.

Vì sao nói là sơ tâm mới có hậu tâm. Như quả địa y chính là dung

thông, sắc tâm không hai, có mặt trong chín cõi, phương tiện độ sinh, đều do chứng nhân tâm này mà có, vì vậy nói rằng: "Chư Phật quả địa dung thông, đãn chứng chúng sinh lý bổn, nên được xứng tánh thi thiết, không cầu mà ứng. Nếu không như thế thì đâu khác gì Tiểu thừa ngoại đạo, tác ý thần thông, vì vậy Đại sư Pháp Trí nói rằng "Nghĩa của sáu tức không chỉ ở Phật, tất cả giả thật, Tam Thừa trời người, dưới đến bọ hung, địa ngục sắc tâm, đều cần sáu tức để phân biệt sơ hậu."

Cái gọi là lý bọ hung cho đến cứu cánh bọ hung do nói thập giới đều là lý tánh, mọi sự mọi vật đều là pháp giới, một cũng không thể thay đổi, ngoài danh tự ra, không chỉ một cõi hiển thị Phật mà chín cõi còn lại cũng vậy. Đến khi quả thành tựu thì cả mười đều rốt ráo. Vì sao nói hậu tâm đúng mới hiển bày sơ tâm đúng? Đó là do quả địa hậu tâm và chúng sinh toàn chứng đều lấy lý làm gốc. Bảy thứ quả địa đều là tên gọi đẹp đẽ của tánh đức chúng sinh, nhưng vì chúng sinh mê tính nên không hiển bày nên không được gọi tên đó, do vậy đâu thể nói là không có tánh đức, từ đó nghĩa sơ hậu đều thiện được lập.

2. Thân độ Duyên khởi môn.

Tánh pháp giới nhất chân, bất biến nhưng tùy duyên, ba thân và bốn cõi, đều do tâm biến tạo.

Luận rằng "Tánh pháp giới nhất chân" tức là tính thể, tính lượng, tính cụ đã nói ở phần trước. Trong giáo pháp nói rằng "Chân như bất biến tùy duyên, tùy duyên bất biến, là do tính thể tính lượng và tính cụ. Nếu quân tử bất khí, thiện ác đều có thể làm. Vì vậy kinh Hoa Nghiêm bản dịch đời Tấn nói rằng "năng tùy duyên nhiễm tịnh, tạo đủ mười pháp giới, để chỉ rằng chín pháp giới chứa trong chân như tính có thể theo duyên nhiễm, chín pháp giới trong tạo sự, Phật pháp giới có trong tính chân như tùy theo duyên tịnh. Sở dĩ Phật pháp giới trong tạo sự có thể được là do tính cụ, nếu tính không cụ, thì làm sao có thể nói là được. Thiên Thai nói rằng "do lý cụ mới có sự dụng" chính là nghĩa ấy. Cho nên biết rằng "trong sự có mười pháp giới, ba thân, bốn cõi, đều do chân như tùy duyên biến tạo, tùy duyên bất biến thì thân cõi nhiễm tịnh, trong sự đương thể tức chân, không thể mảy may gây tổn hại, ở trong đó. Kinh Lăng-nghiêm chép: "Kiến (kiến phần của tám thức) và kiến duyên và tướng sở tưởng như hoa đốm trong hư không, vốn không thật có. Kiến và duyên này vốn là Bồ-đề diệu tịnh minh thể. Nếu như vậy thì Ta-bà, Cực lạc và chúng sinh thế giới này sẽ sinh lên chín phẩm, Di-đà đã thành tâm ta sẽ là quả, đều do sự biến tạo của tâm tính. Tâm đầy đủ tạo ra làm sao phân được năng sở, ngay nơi tâm là Phật, ngay

nơi Phật là tâm, ngay nơi tâm là cõi, ngay nơi cõi là tâm, ngay nơi tâm là quả, ngay nơi quả là tâm, nhân duyên năng tạo và pháp sở tạo ngay nơi đó đều là tâm tính, cho nên làm sáng tỏ tông này và người cầu sinh cõi Cực lạc là chỗ chí đạo thầm hòa hợp giữa sinh và vô sinh.

3. Tâm độ Tương tức môn.

Cõi an lạc Tây phương, cách đây mười vạn ức

Cùng với tâm của ta, không thấy khác kia đây.

Luận rằng: Kinh Phật thuyết A-di-đà chép: "Từ đây đi về Tây phương qua mười muôn ức cõi Phật, có một thế giới tên là Cực lạc, có trăm tỷ mặt trời, mặt trăng, bách ức núi Tu-di, trăm tỷ biển lớn, bách ức núi Thiết vi, gọi là một cõi Phật, mười ngàn là muôn, mười muôn là ức. Một cõi Phật đã rộng lớn như thế, huống chi là ức cõi Phật? Huống chi là mười muôn ức? Cho nên biết rằng cõi nước Cực lạc cách đây rất xa, bác địa phàm phu niệm Phật cầu sinh, trong khoảng thời gian búng ngón tay đã đến chính là do trong tâm chúng sinh đã sẵn có cõi Phật. Giới nhĩ tâm, tức là tâm phàm phu niệm Phật, tâm sát-na, nhỏ nhoi nhất, kém cỏi nhất, nên gọi là giới nhĩ. Nói rằng cõi Phật ở xa hàng muôn dặm tồn tại trong giới nhĩ tâm của kẻ phàm phu, tức là ngay nơi tâm là cõi, ngay nơi cõi là tâm, nên nói rằng không thấy khác kia đây."

Hỏi: Tâm giới nhĩ được chứa trong một nơi chừng gang tất, thì làm sao có thể bao trùm được cõi Phật ở xa như thế?

Đáp: Tâm giới nhĩ, người mê muội thì cho là nhỏ, người thông đạt thì thấy là lớn, chân vọng không hai, do vọng tâm này từ toàn tính mà khởi. Tính vô biên thì tâm cũng vô biên, tính như biển lớn, tâm như hòn bọt, toàn biển là hòn bọt, bọt trở về biển. Vì vậy chân như bất biến tùy duyên, tùy duyên bất biến. Đã gọi là tùy duyên bất biến, thì làm sao có thể hạn chế lớn nhỏ theo chân vọng được?

4. Sinh Phật Bất nhị môn.

Di-đà phàm phu, mê ngộ tuy có khác, tâm Phật tâm chúng sinh, rốt ráo không có hai.

Phật A-di-đà tức gồm người và quả, thành tựu các công đức như ba Thân, bốn Trí, mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng.... Phàm phu tức là người và nhân, có đủ vô lượng hằng sa phiền não, tạo tác vô lượng hằng sa nghiệp ràng buộc, đương chịu vô lượng hằng sa sinh tử. Tướng mê ngộ, thí như mây kia, ý nói rốt ráo không hai, nghĩa là nếu nói theo tướng, thì không hai mà hai, nếu luận về tính thì hai mà không hai. Chư Phật là chư Phật trong tâm chúng sinh đã giác ngộ, chúng sinh là chúng sinh trong tâm chư Phật còn mê muội. Sở dĩ ngộ,

là ngộ chúng sinh vốn có tính thể, tính lượng, tính cụ. Sở dĩ mê, là mê tính thể, tính lượng, tính cụ mà chư Phật chứng. Tâm tính nhiệm mầu, làm sao bị mê cho được, mê mà không mê, lời này luôn tồn tại, vì chúng sinh vốn có tính thể, tức pháp thân mà chư Phật chứng, tính lượng tức báo thân, tính cụ tức ứng thân. Bốn Trí, mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng... hợp lại có thể biết là dường nào. Vì thế người xưa rằng: Chúng sinh trong tâm chư Phật thì mỗi hạt bụi đều là Cực lạc, chư Phật trong tâm chúng sinh thì niệm niệm chứng chân. Nên, Di-đà tức tâm ta, tâm ta tức Di-đà. Khi chưa khởi niệm đã thành tựu, vừa khởi tâm niệm thì liền viên thành đạo cảm ứng giao nhau. Vì có lý này nên người niệm Phật công đức không luống uổng.

5. Pháp giới vi niệm môn.

Pháp giới thể viên dung, làm một niệm tâm ta, nên ta niệm tâm Phật, toàn thể là pháp giới.

Luận nói: Khi hành giả xưng niệm danh hiệu Phật, khi thực hành quán Phật, khi thực hành chủ bạn y chính quán, khi tu ba thứ Tịnh nghiệp, khi nhất tâm bất loạn, khi tán tâm xưng danh, cho đến khi kiến tư mênh mông, Hằng sa phiền não, hễ có các tâm này đều do chân như bất biến tùy duyên tạo ra, toàn thể tức là pháp giới. Vì vậy Đại sư Pháp Trí nói rằng: Thể không thể nghĩ bàn của pháp giới viên dung, tạo ra một niệm tâm của ta, cũng lại thể này làm chúng sinh làm Phật, làm y làm chính. Nếu thế thì tâm khác còn như vậy, huống chi là tâm niệm Phật. Vì vậy khi hành giả niệm Phật, tâm này là viên dung thanh tịnh bảo giác, với diệu tâm này mà niệm Di-đà, thì ba thân kia thân nào chả niệm, cầu bốn cõi kia, cõi nào mà chẳng sinh, nhưng tùy theo công hành cạn sâu mà phẩm vị cao hay thấp mà thôi.

6. Cảnh quán tương thốn môn.

Mười sáu cảnh vân vân, sự lý hai thứ quán.

Kia đây nuốt lẫn nhau, như lưới Nhân-đà-la.

Cảnh quán nuốt nhau chính là do sự sự vô ngại. Mọi sự sở dĩ vô ngại là do vốn có như thế. Do thể không thể nghĩ bàn của pháp giới viên dung, làm ra một niệm tâm của ta, cũng thể này làm chúng sinh làm Phật, làm y làm chính, đều do toàn thể làm ra, có pháp nào không tức là pháp giới. Nên nói rằng: Một hạt bụi pháp giới không nhỏ, biển cõi pháp giới không lớn, nhiều cũng là pháp giới, ít cũng là pháp giới. Là do mười sáu cảnh Tây phương, hai pháp quán sự lý của tâm ta, tất cả đều là toàn thể pháp giới. Như mành lưới Nhân-đà-la trong cung Đế Thích, tuy kia đây đều là những hạt châu khác nhau nhưng mỗi hạt đều

soi bóng vào các hạt châu khác. Tuy soi vào các châu khác, nhưng tác dụng chiếu sáng Đông Tây có khác nhau, cảnh quán cũng như vậy. Nếu cho cảnh là sự thì quán là lý, lý có thể bao trùm sự nên tức là dùng quán nuốt cảnh. Dùng quán làm sự, thì cảnh là lý, lý bao gồm sự, đó là dùng cảnh nuốt quán. Hoặc quán hoặc ảnh, một thứ là sự, thứ kia là lý, hoặc xem một thứ là lý, thứ kia là sự, hai bên nuốt lẫn nhau (bao trùm lẫn nhau), nên nói là như mành lưới Nhân-đà-la. Nếu như thế thì khi ta thực hành quán thì y chính Tây phương đã ở trong quán của ta, nay thân tâm của ta đã ở trong y chính, rõ được lý này mà cầu sinh An dưỡng thì có thể gọi là: Nhạn bay qua lưng trời, bóng chìm đáy nước, nhạn không có ý để lại dấu vết, nước không có tâm giữ bóng.

7. Tam quán pháp nhĩ môn.

Năng quan là ba quán, sở quán là ba đế.

Từ toàn tính khởi tu, nên gọi là pháp nhĩ.

Ba đế là chân đế, tục đế và trung đế. Ba quán gồm: Không, giả và trung. Quên tình dứt hiểu, chẳng còn màng đến chân, tùy duyên ứng dụng, đâu còn màng đến tục, dung thông không hữu, không còn màng đến trung. Hư linh bất muội, đó là tâm ta tự không. Vật đến tư ứng, đó là tâm ta tự hữu, không hữu tức nhau, đó là tâm ta tự trung. Tánh này chẳng do tu, ba đế chẳng phải ba quán. Do tu thì gọi là tính chiếu liễu, cho nên thể đạt tâm này, rỗng suốt vô vật thì gọi là không, chiếu liễu tâm này, đầy đủ muôn pháp gọi là “giả”, Dung thông hai bên, không phải một, không phải khác gọi là “trung”. Như thế thì hư linh mà ứng vật, tức ứng vật mà hư linh, không tức gả trung, giả tức không trung, trung tức không giả, đó là xứng tánh mà tu, bặt dứt đối đãi mà chiếu, ba quán không thể nghĩ bàn, là kim chỉ nang của Thủ-lăng-nghiêm đại định. Nói theo chiều ngang thì cũng như vậy. Nếu nói theo chiều dọc thì hoặc vì tâm ta hư linh là không, dùng sở quán muôn vật là giả, vì tâm cảnh không hai là trung. Vật là vật trong tâm ta, vì sao giả mà bất không? Tâm là tâm của muôn vật, vì sao không mà bất giả? Tức tâm tức vật, tức vật tức tâm, vì sao trung mà bất không, giả, cho nên quán y chánh Cực lạc, dùng nhất tâm ba quán của ta, chiếu một cảnh ba đế của kia, cũng không phải là không thể. Đại sư Hổ Khê nói: Cảnh là diệu giả quán là không, cảnh quán song vong tức là trung, vong chiếu không hề có trước sau, nhất tâm dung hợp hoàn toàn không dấu vết, làm gì có pháp ba quán.

8. Cảm ứng nhậm vận môn.

Tâm ta cảm chư Phật, Di-đà tức huyền ứng.

Thiên tính tự liên quan, như nam châm hút sắt.

Lại nói: Chư Phật và chúng sinh cùng một nguồn giác, tuy rằng mê ngộ khác nhau, nhưng lý thường bình đẳng, nên nói "chư Phật là chư Phật trong tâm chúng sinh, chúng sinh là chúng sinh trong tâm chư Phật. Căn cứ vào đây mà xét, thì chư Phật và chúng sinh, tâm tánh luôn thông suốt với nhau. Nhưng chư Phật lúc nào cũng muốn độ sinh, còn chúng sinh thì luôn luôn mê và xoay lưng lại, cho nên Bồ-tát Thế Chí nói: Một người lúc nào cũng nhớ, một người lúc nào cũng quên, gặp thì cũng như không gặp, hoặc thấy cũng như không thấy. Như con nhớ mẹ, như mẹ nhớ con thì mẹ con sẽ không cách xa nhau. Nếu trong lòng chúng sinh nhớ Phật niệm Phật, thì hiện tại và tương lai chắc chắn sẽ được nhìn thấy Phật, cách Phật không xa, do nhất lý bình đẳng, thiên tánh tương quan. Vì thế nhậm vận dứt khổ ban vui, huống gì Phật Vô Lượng Thọ trong nhân có phát bốn mươi tám nguyện, thề tạo nên cõi Cực lạc, nhiếp thọ hữu tình. Nay đạo quả từ lâu đã thành tựu, tăng-na viên mãn đã lâu, nên tất cả chúng sinh chớ lo là Phật không đến ứng, chỉ cần có lòng tin sâu, nhớ niệm, thường phát nguyện, nguyện sinh Tây phương, như thỏi nam châm hút sắt. Nam châm có thể hút sắt nhưng không hút ngọc, giống như Phật có khả năng độ người hữu duyên nhưng không thể độ kẻ không có duyên. Chúng sinh dễ cảm Di-đà mà không dễ cảm chư Phật, không phải là do chúng sinh và Phật thệ nguyện không cùng nhau, mà là do những kẻ muốn cầu sinh Tịnh độ, thiếu một trong ba điều "tín, hạnh, nguyện".

9. Bỉ thử hằng nhất môn.

Nếu người sắp qua đời mà không mất chính niệm.

Thấy hoa, thấy ánh sáng, đã được sinh ao báu.

Lại nói: Vãng sinh truyện chép: Trương Kháng Sĩ, Thạch Tấn là học sĩ Hàn lâm, vào thời khóa tụng chú Đại bi mười muôn biến, nguyện sinh Tây phương. Một hôm bị bệnh, chỉ niệm danh hiệu Phật, chợt nói với người nhà rằng: Tịnh độ Tây phương chỉ ở ngay phía Tây nhà, Phật A-di-đà ngồi trên hoa sen, thấy Ông Nhi ở trên đất cát vàng trong ao hoa sen lễ bái vui đùa. Hồi lâu niệm Phật rồi hóa, Ông Nhi là cháu của Kháng, cho nên như thế. Bởi thế giới Cực lạc ở phương Tây là một cõi trong tâm ta. Thế giới Ta-bà cũng là một cõi trong tâm ta. Nói về cõi thì có đến mười muôn ức, kia đây khác nhau. Y cứ vào tâm thì vốn không có xa gần. Nhưng chúng sinh từ khi thọ sinh đến nay bị năm ấm che lấp chân tính, không khế hợp nguồn tâm. Người niệm Phật quả báo thành thục, khi sắp bỏ hiện ấm, thú hứng sinh ấm, Tịnh độ hoa

sen, bỗng nhiên ở trước mắt, cảnh giới duy tâm, chẳng có tướng đến đi, kia đây, nên kinh Thủ-lăng-nghiêm chép: Khi sắp qua đời, chưa xả hơi ấm, thiện ác trong một đời đồng thời hiện ra, thuần tưởng thì bay lên, sẽ sinh lên cõi trời, nếu trong tâm bay lên ấy mà gồm cả phúc và tuệ và cả tịnh nguyện thì tự nhiên tâm khai, thấy Phật mười phương, tất cả Tịnh độ, tùy nguyện vãng sinh. Đại sư Pháp Trí nói: Nên biết lúc lâm chung tự thấy mình đang ngồi trên hoa sen vàng, đã là sinh ấm ở nước kia chính là ý này.

10. Hiện vị hỗ tại môn.

Nay Hành giả niệm Phật, công đức không luống uổng.

Trong nhân đã có quả, như hoa sen nở ra.

Luận rằng: Người tu theo viên đốn giáo, đốn ngộ tâm tính, vô tu mà tu, tu về Lạc bang kia, Cực lạc có sẵn trong tánh, do tu mà hiển phát, tâm tính này dọc thì khắp ba đời, ngang thì bao trùm hư không mười phương. Phật pháp sinh pháp, chánh pháp y pháp, nhân pháp quả pháp, một niệm viên thành. Vì vậy người niệm Phật gọi là toàn tính khởi tu, toàn tu tại tánh. Toàn tánh khởi tu, tuy gọi là nhân, toàn tu tại tính trong nhân có quả, vì đầy đủ nhân pháp và đầy đủ quả pháp, đồng cư nhất tính. Tâm tính dung thông, không pháp nào không nhiếp. Nên như hoa sen khai nở, trong hoa có quả, huống gì tâm này thường trụ không có sinh diệt, đến đi, tức tâm niệm Phật ngày nay chính là lúc thọ sinh trong ao hoa ở đương lai. Nên nói rằng, người mới phát tâm thì trong ao báu ở Cực lạc đã có mầm hoa sen, nếu tinh tiến không lùi sụt, tăng trưởng mỗi ngày, thì hoa dần dần nở, tùy theo công đức mà lớn nhỏ hay rực rỡ, héo úa khác nhau, nên lười nhác thối chí thì hoa sẽ mỗi ngày sẽ dần dần héo tàn. Nếu biết tự tinh tấn lên thì hoa sẽ lại tươi đẹp. Bằng không thì sẽ tàn lụi. Đối với hoa sen này, người nào đã gieo trồng thì hiện tại và vị lai đều vẫn còn, lời này đáng tin.

LỜI TỰA TRÙNG KHẮC TÂY PHƯƠNG HỢP LUẬN

Nho giáo lấy ba cương năm thường và thờ kính càn khôn để giúp loài người được ngay chính. Còn việc cắt ngang sinh tử, đi ngược dòng, ra khỏi nhà lửa ba cõi thì cần phải nhờ Phật giáo. Mười phương ba đời chư Phật, Phật A-di-đà đứng đầu, đều có Tịnh độ thâu nhiếp riêng mà thế giới Cực lạc đứng đầu. Công hạnh, quán môn niệm Phật cầu sinh Tịnh độ nhiều vô cùng nhưng việc nắm giữ danh hiệu đến nhất tâm bất loạn là đứng đầu. Các Bậc hiền Thánh xưa nay đều khen ngợi Tịnh độ, dạy chúng sinh niệm Phật như Thập Nghi luận của Thiên Thai, Vạn Thiện đồng quy của Ngài Vĩnh Minh, Hoặc vấn của Ngài Thiên Nhủ, Tịnh độ văn của Ngài Long Thơ, các sách đều viết rõ ràng nhưng vì nghĩa loại tản mác, long bìa sút gáy, đến đời Đại Minh, Ngài Vân Thơ đại sư đã tập hợp lại viết thành bộ Di-đà sớ sao. Lại có Sở Công An, Viên Thạch Công tiên sinh húy là Hoằng Đạo viết Tây phương hợp luận làm sáng tỏ mọi chỗ khác và giống nhau của các sách, giải thích những vướng mắc nghi ngờ, nêu bật nghĩa sâu xa mầu nhiệm, chỉ thẳng đường về. Kinh Phật mà Tổ viết luận, huynh nêu lên mà đệ phát dương, thật như Nho gia có Vô Trước, Thiên Thân, luận bộ có Mã Minh, Long Thọ. Có thể nói, hiện thân cư sĩ, tể quan mà mở mang pháp nhiếp đồng cư đồng sự. Niệm Phật đến như vậy mới là Viên giáo, Tịnh độ được như thế mới gọi là duy tâm. Bậc thông lý viết lách liên tục, thế nhưng sớ sao thịnh hành ở đời còn Hợp luận lại hiếm người biết đến. Nay là thời Mạt pháp suy vi, vận kiếp mới khởi, bốn chúng Ta-bà nên mau nguyện vãng sinh, nhưng mọi tông giáo đều có nhánh rẽ, mối nghi tình đối với Thiền và Tịnh làm cho hoa sen chợt nở chợt tàn, cõi Tịnh bỗng gần bỗng xa. Tấm lòng thiết tha của Phật A-di-đà vì cần kíp, đã mượn tướng lưỡi rộng dài trong sách của họ Viên để hối thúc. Con quỳ vốn được nhận ân Phật, trầy trật nơi cõi trược, quy mạng là đạo này, nghĩ rộng là sách này nhưng lại khó khăn về lực. Có đạo hữu là cư sĩ Cam Nhĩ Dực, tự Hữu Dân và Trọng Thị Sân tự là Tả Dân, hai vị đồng hướng đến Tịnh nghiệp, khi thấy Hợp luận cả hai đều vừa ý, vui mừng khen ngợi và quyên tiền để in ấn. Mọi người cùng hợp lực tạo nó thành để trăng nước của họ Viên lại sáng và hoa quả trong ao sen đều đầy khắp, để mọi người niệm Phật thấy Phật do được thấy sách này. Người được lợi ích từ sách này đèu do in ấn lại bản này. Thêm một người vãng sinh Tịnh độ thì dần dà sẽ là bậc thầy dẫn dắt ta, sớm một ngày chứng vô sinh thì vĩnh viễn tiếp nối tuệ mạng của Phật. Phàm là kẻ trung thần, con hiếu, nam

nghĩa nữ tiết và loài bò bay máy cựa đều là bạn lữ nơi Lạc bang. Phàm những việc như tham thiền tụng chú, trì giới tu phước cùng mưu sinh đều là tư lương vãng sinh. Phàm khuyên niệm Phật một tiếng, lặng xem một khắc, diễn nói một chữ, lưu hành một xứ đều là công đức và tuổi thọ vô lượng. Sự lý chân thật không dối gạt, chúng sinh và Phật bình đẳng, chẳng dễ chẳng khó, Tịnh độ ngay trước mắt ta, nguyện lớn ngay nơi một niệm. Hãy cố gắng lên.

Mân Trung Chu kính viết.

Pháp môn họ Viên chỉ hướng tâm đến cõi Tịnh, ghi lại sự chứng nghiệm của giấc mộng. Tôi đọc tập sách của Trung Lang tiên sinh, đến phần gia báo đều chắp tay tán tụng. Sách ấy viết: Nghe đại nhân và quyến thuộc một nhà đều quy tâm về bạch nghiệp, đây là điều hiếm có nhất trong thế gian. Việc chuyên trì danh hiệu nào có khó gì mà con người tự sinh ra nghi ngờ, ngăn trở. Bởi những người đại giàu sang này, ông trời còn chẳng hay xem thường như mọi người. Nếu lại làm theo những thiện pháp một cách bền bỉ vì lợi lạc cứu tế chúng sinh mà nhẫn nhục, phá vỡ tướng nhân ngã, tham, sân..., xem làm Thánh làm Phật là việc cấp bách, dù ít ỏi nhưng là món lương dược hiệu nghiệm ngày nay. Trong mộng tiên sinh đã siêng thực hành phương tiện, thương xót mọi chúng sinh, dặn dò kỹ càng. Đọc thiên này mà không cảm khái, tỉnh ra thì há là tình người sao! Vừa lúc Châu Chương Phủ tiên sinh chỉ bày con đường niệm Phật mà Hợp luận của họ Viên còn thiếu nên đã trao cho viết lại giấc mộng để làm sự thù thắng của Hợp luận. Tôi mới được quyển sách này để xem, em tôi là Sân và Đồn Tử Hựu, đang bệnh mà nghe thuyết này đều phát khởi lòng tin và in ấn lại để sách tấn lẫn nhau, nhân đây bảo rằng: Trưởng giả trí tuệ nếu cho tôi là lạnh lẽo nên đã dâng tặng hơi ấm mặt trời thì rất đáng hổ thẹn.

Cam Nhĩ Dực viết.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 172

TÂY PHƯƠNG HỢP LUẬN

SỐ 1976
(QUYỂN 1 → 10)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1976

TÂY PHƯƠNG HỢP LUẬN

BÀI TỰA

Hương Quang Tử chùa ở Khiêu sơn, tu tập Tịnh độ. Có một thiền nhân bước đi khoan thai, ánh nhìn rộng qua nơi ở mà trò chuyện, thấy trên bàn có Tân soạn Tịnh độ hợp luận của Thạch Đầu cư sĩ, giở ra đọc chưa hết đã lên tiếng nói rằng: “Nếu luận bàn thì pháp môn này vốn dùng để dắt dẫn các căn cơ trung hạ. Vì người trung căn, hạ căn thì trí tuệ thấp kém, nghiệp lực sâu nặng, nhớ Phật niệm Phật được sinh Tịnh độ, như hòn đá xanh nương thuyền có thể đến được bờ, nên thích hợp niệm Phật. Còn với bọn ta là những người thấu triệt bổn nguyên, tâm này đã là Phật, thế thì còn đi đâu mà tìm kiếm Phật nữa, tâm này đã là cõi, thế thì còn đi đâu mà thấy cõi? Đối với lý thật tế, đi tìm tướng chúng sinh, Phật, đến đi sinh tử ba đời, không một mảnh lông thật có. Vừa nói thành Phật thì đã trở thành lời thừa, thì đâu còn những việc chia tịnh chia uế, bỏ đây sinh kia, nếu ngộ được điều ấy thì là người tự tại ở nhân gian, tức dâm nộ si đều là A-di bình đẳng đạo trường, như như bất động, sao lại bỏ Phật mình mà lạy tượng đồng, vàng kia. Hơn nữa ngộ hay chưa ngộ đều phải nên tu tập, vô sự sinh sự là điều ta không hiểu.

Hương Quang Tử nghe xong thở dài mà nói: “Như lời ông nói chỉ là lời ở đầu môi, mà không biết rằng giở chân lên là rơi vào hầm lửa. Sinh tử vô thường, chớp mắt đã đến, tại sao lời nói của các tông môn hiện nay đều giống nhau, đều cho rằng ta đã thành Phật, không cần niệm Phật. Nếu nói về lý thì bất cứ một con sâu bọ nào trên thế gian cũng đều có Như Lai thanh tịnh giác thể, không hai không khác. Cho

đến chư Phật thành đẳng Chánh giác, chứng đại Niết-bàn, bổn thể cũng không hề tăng thêm một phân. Chúng sinh đọa xuống ba đường, trôi trong biển sinh tử, bổn thể vẫn không hề giảm đi một chút nào. Thể như như, thường tự bất động, sinh tử, Niết-bàn... đều là vọng kiến, cũng không có Như Lai, cũng không có chúng sinh, ở đây chứng nhập, cũng không có người năng chứng, cũng không có pháp sở chứng. Dứt bặt tâm lượng siêu việt tình hữu, mặt đất không có tấc đất, thì chữ Phật biết đặt vào đâu? Còn việc tiến tu pháp môn, trong vô tu chứng mà tu chứng, trong vô đẳng cấp mà đẳng cấp ngàn muôn khác nhau, tuy rằng vị thì đến Đẳng giác, nhưng chưa biết được nơi Như Lai cất bước và đặt bước. Chư Tổ sư trước đây sở dĩ trách Phật quở đạo đó đều là pháp "giá", chỉ do lòng người cố chấp giáo tướng, theo lời mà sinh giải, không ngộ được bản thể bên ngoài lời nói, chỉ biết mạn chấp phương tiện trong lời nói. Một bề nói tâm, nói tánh, nói không, nói huyễn, nói đốn, nói tiệm, nói nhân nói quả, muôn kinh ngàn luận không gì là không hiểu cả. Nhưng khi hỏi đến bổn mệnh nguyên thần, bèn lấy những lời trong kinh luận để đối đáp lại, loại trừ hết những lời nói hiện hành thì vẫn chới với vô phương như cũ, không biết nói gì ngoài dẫn chứng kinh luận. Gọi là đếm vật báu cho người khác, còn mình thì chẳng có một hào. Hoặc khi có những người tu hành thực sự, không thấy Phật tánh, khổ cực hành trì, như kẻ mù không người dẫn đường, chỉ đạt được quả trời người mà không sinh vào nhà Như Lai. Từ đây, các Tổ biết được việc này, bèn dùng độc thủ, xóa hết ngôn ngữ để lấp bít đường thông hiểu của họ, ép buộc tình thức của họ, khiến họ cố gắng tham cứu, đi nghịch với dòng chảy sinh diệt, tình hết sinh diệt, niệm thủ xả không, mới hiểu được cha mẹ thân sinh, kho báu nhiều kiếp, bèn phải xem kinh xem giáo, mỗi việc theo đúng như Đạo gia. Sau đó đúng như lời dạy tiến tu, dùng tri kiến Phật, đối trị dư tập, lạy Như Lai như hoa đốm trong hư không, tu phạm hạnh như trăng đáy nước, bước lên giai cấp như dương diệm, độ chúng sinh như tiếng vang trong hang trống. Không chấp tịch chứng, đó gọi là Phật chủng. Giống như mặt trời soi rọi giữa hư không, đi trên đường của Đại vương, không còn như đêm tối bước đi đạp gai đâm xước, há cho rằng khi đã ngộ thì đồng cực quả, như Cung Phụng hỏi Sầm Đại Trùng:

- Quả Niết-bàn tối thượng, Thiện tri thức trong thiên hạ chứng chưa?

Sầm trả lời: Chưa chứng.

Phụng hỏi: Tại sao chưa chứng?

Sầm nói: Công đức chưa bằng các Thánh.

Phụng nói: Nếu thế, tại sao gọi là Thiện tri thức?

Sầm nói: Thấy rõ Phật tính, cũng được gọi là Thiện tri thức.

Thiền sư Hoằng Biện nói: Đốn rõ tự tính, được xem ngang bằng với Phật. Nhưng còn có vô thỉ tập nhiễm nên giả đối trị khiến cho thuận tính khởi dụng. Như người ta ăn cơm vậy, không phải và một đũa là no ngay.

Quy Sơn nói:

- Sơ tâm từ duyên mà đốn ngộ tự lý, vẫn còn tập khí nhiều kiếp từ vô thỉ, chưa thể đốn tịnh. Phải dạy rửa sạch, trừ lưu thức hiện nghiệp tức là tu, không thể có pháp nào khác, dạy bảo tu hành thú hướng, nếu luận các Tổ Sư là chỗ của người, vách đứng cao muôn nhẫn, trong đống lửa lớn, chạm vào thì bị cháy rụi. Trong rừng gươm đao, động đậy là bị thương ngay. Không hề mở miệng, đã cách xa nhau ngàn muôn dặm, đến ngoài cơ duyên, bình thực thương lượng, không hề dứt hết giai cấp, đều ngăn tu hành. Trong "Truyền Đăng Lục" có nói rõ ràng tường tận. Đại Tuệ Trung Phong ngôn giáo rất là khẩn thiết, chí thành khuyên gắng, chỉ sợ không hiểu mà sa vào việc ma. Đâu từng nói rằng sau khi ngộ ra không cần tu hành vẫn đốn đồng đấng Lưỡng túc, đầy mãn quả Niết-bàn. Người đời sau không hiểu được ý nghĩa của lời dạy, không đạt Tổ cơ, chỉ chọn lấy những câu chửi Phật báng Tổ để mà hành trì, thật đáng sợ thay. Người xưa bị kinh luận làm chướng ngại, vẫn còn ăn lẫn lộn gạo, lúa mì, không thể vận hóa, người sau thì ghi nhớ ngữ cú Thiền tông, bài bác nhân quả, còn quá đáng hơn người xưa, coi đậu nành như là trà cơm. Tự gây khó cho mình và làm lỡ việc người khác, sự tệ hại này đâu có cùng cực. Khi mới nhập vào pháp môn này liền xem thường các Như Lai mười phương, ai cũng tự cho rằng không có Phật khả thành, không có hạnh để tu. Gặp người niệm Phật thì nói rằng tự tính là Phật, thấy người tu Tịnh độ thì bảo rằng ngay nơi tâm là tịnh. Nói đến tham Thiền thì tôn xưng lên đến chín tầng mây, đề cập đến niệm Phật thì chà đạp, hạ thấp xuống chín tầng địa ngục, hoàn toàn không hề nghĩ đến việc tham Thiền, niệm Phật đều là để giải quyết chuyện sinh tử, đều là chiếc cầu nối để bước ra khỏi biển khổ, là bè báu, vượt ra ba cõi, sự đồng một nhà, nào hơn nào kém. Trong những điều mà tham Thiền sở ngộ cũng có cạn sâu, những người niệm Phật tu hành cũng có cao có thấp, vì sao cứ cho rằng người tham Thiền là thượng căn, kẻ niệm Phật chỉ là trung căn hạ căn. Từ khi Đạt-ma từ Ấn-độ đến lập ra tông môn này đã nói rằng: "Hai trăm năm sau kẻ hiểu đạo thì nhiều, kẻ hành đạo

thì ít, người nói lý thì nhiều, kẻ hiểu được lý thì ít." Nay trong Truyền Đăng Lục, đa số đều nói rằng đã ngộ nhập, kỳ thực khác xa, như duyên Bát-nhã sâu xa, gốc linh vốn đã trồng Ca-lăng phá tà, hương tượng cắt dòng, hoặc thấy căn tông trong một lời nói, hoặc hiển bày uy dụng trong một tiếng hét. Một nghe ngàn ngộ, đắc đại Tổng trì, hoặc người có tâm xuất thế, có chí lớn của trượng phu, xả tình trần kia, nghiên cứu việc lớn này, không cậy sự hiểu biết nhỏ nhoi, chỉ cần thật biết. Nếm mật nằm gai, ăn sương nuốt tuyết, như thế ba mươi, bốn mươi năm sau, hoặc gặp minh sư, đau tựa kim đâm, tâm trộm chết hết, hoa tâm mới nở. Sau khi ấy lại phải âm thầm mật tu, tiêu dung ác dư tập, pháp kiến còn bỏ, huống gì không phải pháp, như Triệu Châu trừ hai thời cháo cơm là tạp dụng tâm. Dũng Tuyền bốn mươi năm mới có chỗ tẩu tác, Hương Lâm bốn mươi năm đả thành một khối, khắc khắc nghiệp nghiệp như giữ đầu mắt, cho đến khi khói tan tro tàn thì tự nhiên một niệm không sinh, nghiệp không buộc được mé sinh tử, tùy ý tự tại, vặn hỏi sở chứng, e cũng chưa thể vượt được thượng phẩm thượng sinh, vì sao mà biết? Bồ-tát Long Thụ, là tỷ tổ của tông môn, đắc đại trí tuệ, có đại biện tài, trụ trì Phật pháp. Vì mấy trăm năm trước trong hội Lăng-già, được Thế Tôn thụ ký cho từ xa, nhưng cũng chẳng qua gọi là chứng sơ hoan hỷ địa, vãng sinh cõi An lạc mà thôi. Còn "Thượng phẩm thượng sinh" trong Quán kinh thì sinh về cõi ấy trong khoảng một sát-na, cũng chứng Sơ địa. Nay tông môn chư đại Tổ sư, dù cho kiến lìa triền cái, lời nói ra khỏi hang ổ làm sao có thể vượt được Long Thụ, Long Thụ đã ngộ được nghĩa vô sinh vô tướng, đã có kiến giải không rơi vào giai cấp mà sinh về An dưỡng, ngang bằng với quả sở chứng của Thượng phẩm thượng sinh cho nên sở chứng của các vị trong Thiền môn đâu thể vượt quá. Ấy là do Thượng phẩm thượng sinh, hiểu nghĩa đệ nhất, lại đồng với chỗ ngộ của Thiền môn, tín sâu nhân quả, lại đồng với cái tu của Thiền môn, chỉ khác ở việc niệm Phật vãng sinh mà thôi. Nhưng tôi cho rằng người ngộ tu trong thiền môn, đã không thể có được Niết-bàn Vô dư đồng Như Lai, lại không chịu nhận Niết-Bàn có dư, đồng với nhị thừa, chắc chắn sẽ vào biển hạnh nguyện của Phổ Hiền. Nếu không xả một thân, thọ một thân, cứu giúp chúng sinh, thì sẽ từ một cõi đến một cõi, cúng dường chư Phật, đã gặp chư Phật, lại đồng vãng sinh, rốt ráo cùng thượng phẩm thượng sinh, chỉ ở giữa Nhan Hành và Bá Trọng. Tại sao lại đề cao Tổ sư, xem nhẹ Tịnh lữ, hoặc ngộ môn đã nhập, nghỉ ngơi quá sớm, trí không nhập vi, thì đạo khó thắng tập khí.

Một niệm không hết, tức là cội gốc sinh tử, bị gió nghiệp lôi kéo

lại vào bào thai, như Ngũ tổ giới lại làm Đông Pha, Thanh Thảo Đường lại làm Lỗ công. Sau khi cách ấm thì theo duyên trôi lăn, đạo chỉ có tiêu trừ mà không tăng trưởng, nghiệp chỉ có tăng thêm mà không giảm bớt, thì cho dù duyên Bát-nhã sâu, không bị đày xuống ba đường, thì việc xuất phòng nhập phòng cũng rất gian khổ. Lại xem chúng vãng sinh trung hạ, trời đất không đủ để ví dụ sự bỉ thái. Huống gì đời sau tông phong ngày càng suy yếu, căn khí con người cũng ngày càng kém tệ, phát tâm tuy nhiều nhưng đa số không thật lòng, công phu lại không thuần nhất, tình cờ trong lời dạy bảo của Đức Phật bằng ngôn ngữ hiểu biết mà hoặc ngộ được chỗ xưa nay thành Phật, chỗ ngay đây chính thị, chỗ ý thức không đến, nói năng không được, tất cả đều không có tức là chỗ bất khả đắc. Lấy câu cú của người xưa so sánh đều tương tự nhau, hiểu được sự giống nhau ấy, bèn nói rằng: “Rong ruổi tìm cầu đã hết, ta là đạo nhân vô sự”, hiểu được rằng phiền não là huyễn ảo, thì lại cứ mặc sức dung túng phiền não; hiểu được tu hành vốn không, nên bèn mặc ý phế bỏ tu hành, cho rằng bố thí vốn không, nên bỏ bố thí, chấp vào san tham. Cho rằng nhẫn vốn không, nên buông thả tâm, không còn tu nhẫn. Nói đến thiền thì cho rằng vốn không có định hay loạn, cần gì bỏ loạn giữ định, tùy tình thuận ý, đạp trên hữu nhưng bàn nói không, đã nói rằng pháp còn phải lìa bỏ, thế tại sao lại còn giữ lấy cái phi pháp. Đã bảo rằng “chân cũng không cầu”, hà cớ lại bỏ chân để cầu vọng. Đã nói tu quán tập định, đều thuộc về dấu vết hữu vi sao lại tham danh cầu lợi, riêng hợp đạo vô vi. Lửa yêu, ghét, chê, khen, vừa xúc chạm thì liền cao. Ngọn gió sinh già bệnh chết chỉ thổi nhẹ mà đã động, tranh nhau giữa ta và người, nói phải nói quấy, thậm chí cho hỏa tính là khí phách, cho ngã mạn là gánh vác, cho xảo quyệt là cơ dụng, dùng lời dối gạt làm phương tiện, dùng buông lung làm vui chơi, dùng lời nhơ uế để cởi mở dính mắc. Khen ngợi kẻ phá luật vô hạnh, khinh lờn bậc giữ gìn phép tắc. Riêng hiển bày đường lý nên cùng huyền cực diệu, không có dấu vết, quét sạch hạnh môn nên túng ý nhậm tâm, không còn khuôn phép, miệng nói vãng sinh là pháp Tiểu thừa, kêu gọi người khác tu tập còn mình thì an nhiên, hoặc suốt năm không lễ một Phật, suốt năm không lạy một sám, suốt năm không tụng một kinh. Lại xem những sách không nên có ở thế gian, làm những việc mà người hành đạo không nên làm, khiến hậu sinh tiểu tử, chuyên thể hiện sự thông minh, chỉ tìm kiến giải, mới có sở tri liền cho là nhất siêu trực nhập, lại còn khinh cuồng ngạo mạn, cống cao buông lung, miệng không biết lựa lời mà nói, thân không biết chọn việc mà làm, cha đã báo thù, con còn làm kẻ cướp.

Viết ô thành mã, xoay vần khác nhau, không nghĩ rằng thế gian tình dục không bờ, đắp đê ngăn lại vẫn tràn ra. Nếu ngày nào dùng những lời êm ái để đại phá cánh cửa nhân quả, vứt bỏ chướng ngăn thì chắc chắn sẽ chảy thông. Tự làm lỡ việc mình và lỡ việc người khác, làm sao tránh khỏi đắm chìm, nếu không bị ma thu nhiếp thì cũng sẽ mãi bị sa lầy trong ba đường, núi đao cây kiếm đều trả nhân trước, mang lông đội sừng để đền nợ trước.

Đừng nói rằng ta là người ngộ đạt, nghiệp không thể ràng buộc. Cho rằng nghiệp không thể ràng buộc, chẳng phải rằng có mà không có, chính cho rằng không mà tự không. Khi còn sống đã theo cảnh tức động, thì khi chết làm sao tránh khỏi không theo nghiệp thọ sinh, trước mắt tướng của một niệm sân, tức là hình tướng của con quái mãng. Trước mắt tướng của một niệm tham, tức là hạt giống ngạ quỷ, niệm nhân vô hình rất nhỏ, quả báo hữu hình rất lớn. Chỉ một niệm nhỏ mà ruộng thức giữ gìn qua nghìn muôn kiếp cũng không bao giờ mất, như một Tỳ-kheo, vì có trí tuệ nên thân thể có ánh sáng. Vì nói dối nên miệng tuôn ra trùng bọ. Chỉ một lời nói mà phải nhận nhận lãnh ác quả như thế, tuy có trí tuệ, nhưng vẫn không thể tiêu trừ được, huống gì nay vô minh phiền não rực cháy không dứt, muốn dùng kiến giải tương tự để tiêu trừ ác nghiệp này, mong thoát khỏi ba đường, thì không có việc ấy. Không được mới có chút thành quả đã thỏa mãn, phải thường đúng theo lời dạy mà tu hành, không bao giờ tự nói mình đã ngộ đạt, tức tâm là Phật, làm sao có thể đồng với hàng trung hạ niệm Phật cầu sinh, hiểu rõ sinh vốn vô sinh thì ngại gì cầu sinh ngay nơi tâm là cõi, Liên bang không ở ngoài tâm, không bỏ lễ bái, không bỏ niệm tụng. Trí lực hành lực hai bên cùng tiến, mới được lên đài xen thượng phẩm, ngồi trên lầu báu giữa hư không, sáng ăn cơm Hương tích, tối dạo chơi mãn nguyệt. Nhìn lại phẩm thai sinh, đi trên đất báu, không nghe pháp ngữ, không thấy pháp thân, tượng mã khó gần nhau, gà phụng chẳng giống, huống gì tiểu quả trời người chỉ như lăn quăng trong lu mà lại bụng trống lòng cao, đắm không phá hữu, lại dùng thiên chấp vọng hiểu, phá quả báo phi thường, không làm đệ tử Phật Di-đà, lại làm tù nhân của Diêm-la, không làm bạn với tịnh chúng mà lại nhập bọn với A-bàng, từ bỏ rừng báu để chọn con đường chông gai, từ bỏ Phạm âm mà nghe tiếng kêu gào, xét những điều phải chịu còn không thể cùng với những người vô tri vô kiến trên thế gian làm chút việc lành, làm chút công đức, người sinh lên cõi trời và người có sự khác nhau đến từng chi tiết nhỏ, trời đất cách xa nhau, không đáng buồn sao. Nhưng người trong tông môn, bậc

thượng thì có thể vượt lên thượng phẩm thượng sinh, còn hạ thì đã đọa trong ba đường. Cho nên biết đường này hiểm khó, chưa dễ được. Nếu thành thì là Phật, bại sẽ thành ma, là vua hoặc là giặc chỉ trong thời gian búng ngón tay. Đời nay cửa ngộ một đường không dứt như trong Thiền môn vắng vẻ không người, chỉ có hai, ba cư sĩ tại gia, đường lối ngay thẳng có thể lưu thông pháp này, nhưng đã là cư sĩ thì không giống với Sa-môn Thích tử có giới luật ràng buộc, mới có thể dấn thân trong lửa dữ, đắm tâm trong biển phiền não. Tuy làm việc đời nhưng thỉnh thoảng có một người nhập môn, nhưng đạo lực thì rất cạn mà nghiệp lực lại quá sâu, tức thô nhất chẳng gì bằng nghiệp sát dâm, vẫn không thể chiết phục thân đừng hành, huống gì là tinh tế? Giữa sinh tử làm sao thoát được. Chỉ thấy hào nhoáng như Vu Tụ, gian ác như Lữ Tuệ Khanh, vội vã như Trương Thiên Giác, phong lưu diêm dúa như Bạch Lạc Thiên, Tô Tử Chiên, đều xếp vào trong Truyền Đăng, bèn nói rằng tất cả vô ngại, không biết là từ các vị ở trên tuy có chính kiến, nếu cho rằng từ đó họ không còn thọ thân phần đoạn, nghiệp không thể ràng buộc, thì ta không dám chắc, rồi sẽ đêm dài chịu báo, chưa có lúc thoát khỏi, cho nên biết niệm Phật đối với cư sĩ vẫn rất thích hợp và cần thiết, nghiệp lực tuy nặng, nhưng nhờ năng lực Phật tránh khỏi đắm chìm, giống như là người ôm nợ trốn trong hoàng cung thì khỏi được trả nợ. Đã sinh cõi Phật, thì sở ngộ, sở giải lúc còn sống đều không luống uổng, sinh tử hối thúc, hơi thở ra khó vào, sớm tìm lối về, tránh được bấn loạn. Cho dù chí ở tham thiền, nhưng cũng nên kiêm việc niệm Phật, làm quan làm quyền trên thế gian còn không ngại huống gì sớm tối niệm tụng, lễ bái. Đồng thời nhờ sự tinh thành chí thiết của việc niệm Phật, có thể nhắc nhở tâm tham Thiền, mượn sự rỗng suốt của tham môn, có thể làm vững chắc lòng tin Tịnh độ, hai bên dựa vào nhau là vững chắc và thực tế nhất. Nếu như vậy mà không tin thì thật là quá hạ lưu ngu dốt. Cư sĩ Thạch Đầu, từ thuở còn trẻ đã để tâm vào việc tham Thiền, căn tính mạnh mẽ, trong mười năm đã có sở nhập, cơ phong bén nhạy, ngữ ngôn viên chuyển, thường cùng với người bàn luận việc này, hạ bút ngàn lời, không lập lại lời Tổ, trực tiếp thoát ra từ trong lòng, hổ sống rồng sống, không một lời nào mà không có nghĩa, bèn cũng tự cho là liễu ngộ, không việc gì đáng tôn thờ, tuy thế tình giảm ít, bất nhập trần lao, nhưng gió sớm ngắm trăng, lên núi ngắm cảnh, lưu chuyển ở chốn tửu văn, đắm chìm vào nghiệp tao nhã, biếng nhác sơ cuồng, chưa khỏi buông lung tâm ý, như bệnh ngày trước, chưa thể hoàn toàn thoát được, vướng mắc sinh tử, tâm thiết tha không lâu dài, chìm ngập đau khổ, thấy

cảnh sinh tâm, gặp việc bị vướng mắc, giải phù nhưng tình thật, chưa thể tương thắng, ngộ mà không tu hành, nhất định sẽ rơi vào cảnh ma, sự khác biệt giữa Phật và ma chỉ trong khoảnh khắc, nó hạn chế trong cái chấp thiên không. Vào biển Phổ Hiền. Lại tư duy đầu mối hạnh môn không gì bằng niệm Phật, mà quyền dẫn nghi ngờ của bậc trung, bậc hạ, vẫn chưa phá hết, về sau xem rộng kinh luận, mới biết pháp môn này vốn nhiếp nhất thừa và người chưa ngộ, đều nên tu tập, bấy giờ mượn sự tuyên dương của miệng vàng, sự mở mang của Bồ-tát, sự phát huy của các đại Thiện tri thức, kèm với ý của mình, ngàn sóng tranh nhau sinh khởi, muôn phái hoành lưu, hỏi sự tụ hợp thì đều đồng một nguồn. Luận này lấy Đệ nhất nghĩa không thể nghĩ bàn làm tông, lấy sự giác ngộ để dẫn dắt, lấy việc trì danh hiệu Phật trong mười hai thời, nhất tâm bất loạn, niệm niệm nối tiếp nhau để làm hành trì, lấy Lục độ muôn hạnh làm nhân trợ giúp, lấy việc tin sâu nhân quả làm cửa vào. Luận này vừa mới thành mà số đồng tham phát tâm, trì giới, niệm Phật có đến năm người, cùng muốn lưu hành để giải thích những nghi hoặc đối với tông giáo. Ngài Hương Quang căn thức kém cỏi, từ lâu bị chấp không mê hoặc, buông thả tâm chí giống như con voi điên đêm năm ngoái bị đắm chìm trong nước xoáy, tự thân dạo chơi địa ngục Cách tử, lửa mạnh soi tỏ, thấy những người quen biết thường bàn về không và những tăng nhân phá giới hình dung tiều tụy, nghiêng ngã đi qua, tiếng khóc làm rung chuyển đất thật chẳng đành nghe, lại lông trên người đều dựng đứng bèn phát tâm quy y Tịnh độ. Sau đọc luận này những nghi ngờ xưa đều tan rã, cho nên ngày nay không cần sự nhọc công, như kẻ lang bạt thương cho khách, ông nên vứt hết những tri kiến ngày xưa, tâm trống rỗng tụng học tự sẽ có vào, sinh tử việc lớn chớ nên nghi ngờ mãi. Do đây thiền giả rơi lệ bi lã chã, tự nói: Nếu không gặp ông đã do chấp không mà luống qua một đời. Ông chính là người sinh ra tôi. Nói xong thành khẩn xin lễ lạy sách trên án rồi đi.

Ngày 23, trung xuân, năm Canh tý, niên hiệu Vạn Lịch.

Viên Tông Đạo Bá sửa bản này tại Bạch Tô Trai.

TÂY PHƯƠNG HỢP LUẬN

Thạch Đầu đạo nhân Viên Hồng Đạo ở sau Hà diệp đời Minh soạn thuật.

Hễ kẹt tướng thì mê tâm, lỗi hữu vi có ra. Đắm không phá hữu, mênh mông họa sinh. Đạt-ma vì cứu người chấp tướng, nói tội phúc đều luống dối. Vĩnh Minh vì phá bọn cuồng tuệ mà nói muôn điều lành. Diệt lửa thì phải là nước, nước quá nhiều thì sẽ có tai họa đắm chìm. Khiến cho mọi vật sinh trưởng là mặt trời, mặt trời quá nóng thì sẽ làm mọi vật khô héo. Giáo pháp Như Lai cũng giống như thế. Ngũ diệp về sau, đơn truyền càng thịnh, cho đến ngày nay sự cuồng lạm đến cùng cực, lầm dẫn duy tâm, đồng ngoại đạo vô vi, chấp ngôn đều thuộc loại đó. Xu hướng theo ngũ dục mà đến thành của ma, không nghĩ rằng A-nan chưa được lậu tận thông, Đầu-đà đuổi đi, Ma-đạt Vi lôi kéo kết sử, tôn giả quở trách, tập khí mỏng như cánh ve, bảo sở đến đây còn xa. Núi khâu nhiều cấu, tịnh lạc từ đâu. Đến như Lăng-già truyền từ Đạt-ma, ngộ tu đều trọng, thanh quy sáng lập bắt đầu từ Bách Trượng, thừa giới kiêm hành. Chưa nghe cương tông nhất thừa, quở trách Tịnh giới, tham luyến duyên đời.

Xưa, có vị đạo sĩ đi đường đêm khuya, bị quỷ dựa, cứ quanh quẩn trong gò mả. Có người nông dân thấy vậy, dìu ông vào nhà cho tỉnh lại. Khi gần tạm biệt, đạo sĩ nói với người nông dân rằng: "Tệ khách không có gì để tặng cho chủ nhà, chỉ có hai đạo bùa trừ quỷ, xin gửi tặng để cảm tạ."

Người nghe câu chuyện này đều cười nhạo vị đạo sĩ kia. người học ngày nay tham sân, tà kiến cháy rực như lửa, mà lại muốn giải thoát cho mọi người, thật đáng nghi ngờ thay. Ngu sinh (tác giả) mười năm học đạo, bị rơi vào cái tật nặng ấy, sau vì gặp cơ duyên, nên có chút thức tỉnh, bèn bỏ trần lao quy tâm Tịnh độ. Những lúc lễ tụng xong rảnh rổi, lại lấy các văn luận của các bậc tiền bối như Long Thọ, Thiên Thai, Vĩnh Minh lắng tâm xem đọc, nên không còn nghi ngờ, tin sâu Tịnh độ, lại ngộ các hạnh khác nhau của các vị Đại Bồ-tát, như kẻ nghèo đào được vàng chôn dưới đất, mừng không tự kềm chế được. Hòa thượng Hội Ngu Am và Cư sĩ Bình Thiên nhờ ta thu thập ở các nơi các luận, ta lại nói về yếu ngữ của người xưa, kèm theo ý kiến của bản thân, tập hợp lại thành một bộ sách, gọi là "Tây phương hợp luận". Bắt đầu viết vào ngày 23 tháng 10 năm Kỷ Hợi và thành sách vào ngày 22 tháng 12 cùng năm. Tuy đã xem xét, nhưng cũng còn nhiều thiếu sót, chỉ mong

lượng thứ. Sách chia làm mười môn:

1. Sát độ môn.
2. Duyên khởi môn.
3. Bộ loại môn.
4. Giáo tướng môn.
5. Lý đế môn.
6. Xưng tánh môn.
7. Vãng sinh môn.
8. Kiến võng môn.
9. Tu trì môn.
10. Thích dị môn.

- ***Tây phương hợp luận tiêu chú bạt.***

Lúc trước tôi có dắt Trương Minh Giáo (Ngũ giáo) ở đất Dĩnh đến tham hỏi Viên Trung Lang tiên sinh. Tiên sinh chỉ trong một ngày mà trước tác xong Tây phương Hợp luận. Thấy vậy tôi kinh ngạc tán thán cho Sự phối hợp Thiền – Tịnh về một nguồn vượt hơn mọi sách vở nói về Lạc bang khác. Trong đó có chỗ nào chưa thông hiểu lame thì thỉnh hỏi tiên sinh. Tiên sinh đã nhờ Minh Giáo viết chú giải ở đầu rồi đem về phương Nam vì muốn in ấn ra để độ đời mà chưa được. Năm Kỷ mùi, về văn học ở vùng Hải ngu có Cù Nguyên Sơ (Thuần Nhân) sau khi mất đã để lại pháp tài cúng dường, tôi liền đối trước linh sáng ông hứa in mười quyển hồi hướng vãng sinh cho ông. Vừa lúc ông Thụy Quang nằm bệnh tại Ngô Môn, nhớ lại nguyện xưa, nhân đó kiểm tra lại bản văn của Viên Vô Nai (Thúc Độ) và làm lại phần chú thích, so sánh và dặn dò tôi là Đồ Tánh Thành coi sóc công việc của ông, một là để báo ân pháp thí của Viên tiên sinh, hai là để trọn vẹn ước nguyện tài thí của Cù Văn Học. Còn việc soạn thuật có rõ ràng, đàm luận có trác việt hay không thì do người sáng mắt tự thấy, tôi chẳng cần nói thêm.

- ***Kha Tuyết Trai ghi lại giấc mộng.***

Ngày rằm tháng 10, mùa đông năm Giáp dần niên hiệu Vạn lộc, thời khóa buổi tối xong, cảm thấy hơi mệt, tôi xếp bằng ngồi trên giường, thân thư thái, tâm thần tĩnh lặng, sảng khoái, rồi bỗng chợp mắt như trạng thái đắc định, bất chợt hồn phách lìa thân nhảy lên nóc nhà. Bấy giờ vầng trăng thật sáng tỏ, tôi bất giác phiêu bồng nhẹ bay, nhanh như chim bay đến trong mây thấy có hai đồng tử thanh tú khác thường, bước đi như chạy, tôi không kịp hỏi, họ xa gọi tôi rằng: Mau đuổi theo tôi. Vì đây là đi về hướng Tây. Tôi nhìn xuống dưới thấy núi cao đầm rộng, ruộng đồng bằng phẳng, thôn xóm thành thị nhỏ xíu như ổ ong, hang

kiến. Tôi hơi bay thấp xuống cảm nghe mùi tanh hôi không chịu nổi nên ra sức bay lên. Chẳng mấy chốc đến một nơi, hai đồng tử bỗng hạ xuống mặt đất và kêu tôi dừng lại, tôi cũng xuống theo, thấy có con đường thẳng như sợi dây, bằng phẳng như lòng bàn tay. Nhìn kỹ mặt đất thì chẳng phải đất cát, trơn bóng sáng rỡ, dọc theo đường có rãnh nước đều do vân thạch xây rộng hơn mười trượng, trong đó trồng hoa sen năm màu, hương thơm khác thường. Trên rãnh có cây, cành lá sáng rỡ, chim đẹp hòa ca, ở giữa có cầu vàng ngăn rãnh, lan can giăng nhau. Trong cây ẩn hiện lầu son, gác đẹp như tranh, ngay ngắn đẹp đẽ vô cùng. Thấy người trong lầu đẹp đẽ thanh tú như tiên đều liếc nhìn tôi cười. Đồng tử đi mau, tôi thường theo không kịp bèn gọi lớn rằng: Có thể đợi bên cây cầu vàng phía trước chăng? Hai đồng tử y lời, nhờ vậy tôi mới theo kịp đến, đồng dựa lan can báu trên cầu nghỉ một chốc. Tôi chắp tay vái hai đồng tử hỏi rằng: Hai vị là ai? Đây là đâu xin nói cho tôi biết. Hai đồng tử đáp: Là thị giả của Linh Hòa tiên sinh. Tiên sinh muốn cùng ông nói chuyện nên đã riêng đón gặp. Tôi hỏi: Linh Hòa tiên sinh là ai? Hai đồng tử đáp: Tức Trung Lang tiên sinh anh trai ông, nay đã sinh về cõi Tịnh Tây phương, khi gặp sẽ tự nói với ông, hãy đi cho mau. Tôi bèn cùng hai đồng tử lại đi trên đường, chẳng mấy chốc đến một nơi có hơn mười gốc cây, lá như lông vũ chim trả, cánh hoa bằng vàng, dưới gốc cây có ao, nước suối róc rách, trên đất có một cánh cửa bằng ngọc trắng, một đồng tử vào trước như đi báo tin, một đồng tử dẫn tôi vào trong, những lầu gác đi qua có hơn hai mươi tầng đều có sắc vàng rực rỡ. Kỳ hoa dị thảo phơ phất nơi cột hiên nhà. Đến dưới một lầu bỗng thấy có một người xuống lầu đón, thần thái tựa Trung Lang nhưng nhan sắc như ngọc, áo như ráng mây dài hơn trượng, thấy tôi vui mừng nói rằng: Em tôi đã đến. Bèn dắt nhau lên lầu, vái nhau cùng ngồi. Có bốn, năm tiên nhân cũng đến ngồi. Trung Lang nói với tôi rằng: Đây là vùng biên địa của Tây phương, phàm kẻ nào tin hiểu chưa thành tựu, giới báu chưa đầy đủ thì đa phần sinh về đây, cũng gọi là nước Giải mạn. Ở phương trên đây có lâu đài của hóa Phật, phía trước có ao lớn hằng trăm do-tuần, trong có hoa sen nhiệm mầu, chúng sinh đều gửi thân trong đó, đủ thời gian thì dời đến lầu đài các nơi, gặp gỡ tụ hợp với các bạn đạo thanh tịnh có duyên, do không có tiếng dâm, sắc đẹp nên thắng giải dễ thành, không bao lâu sẽ thăng tiến thành người trong Tịnh độ. Tôi thầm nghĩ: Chỗ đẹp đẽ mầu nhiệm như thế nào còn là biên địa sao? Bèn hỏi Trung Lang rằng: Huynh nay sinh ở nơi nào? Trung Lang đáp: Ta ban đầu cũng do Tịnh nghiệp tuy sâu nhưng tình nhiễm chưa trừ bỏ nên sinh

tại đây trong thời gian ngắn, nay đã ở Tịnh độ. Nhưng cuối cùng do thừa mau giới chậm nên chỉ ở cùng chỗ với chúng sinh Tây phương mà không được cùng bậc đại sĩ đồng lên gác báu trên hư không, vì còn cần phải tiến tu nhưng may mắn là trí tuệ đời trước mãnh lợi, lại từng trước tác Tây phương luận, khen ngợi lực độ sinh không thể nghĩ bàn của Đức Như Lai nên cảm được bay đi tự tại, dạo chơi nơi các cõi. Những nơi Phật thuyết pháp đều được đến nghe. Điều này thật là thù thắng, chúng sinh chẳng bằng. Trung Lang kéo tôi dần dần bay lên, tôi cũng bất giác nhẹ nhàng bay bổng, trong chốc lát bay qua trăm ngàn muôn dặm hư không đến một nơi theo Trung Lang hạ xuống. Nơi này không có mặt trời, mặt trăng, cũng không có đêm ngày, ánh sáng rực rỡ, không có chỗ nào bị che chắn, khắp nơi đều lấy lưu ly làm đất, trong ngoài trong suốt dùng day vàng ròng xen tạp lẫn nhau, ranh giới bằng bảy báu phân chia rõ ràng. Trên đất có cây đều là chiên-đàn kiết tường, hàng hàng thẳng lối, cành cành song song nhau cho đến muôn ngàn lớp, nơi mỗi lá có các hoa mầu có các sắc báu khác nhau. Dưới gốc có ao báu, sóng nhồi vô số lớp, tự nhiên phát ra âm thanh mầu nhiệm. Cát đáy ao thuần bằng kim cương, trong ao có các lá sen báu tỏa ra ánh sáng năm màu. Trong ao thấp thoáng lầu cao chót vót, đường lên gác nằm hai bên, cột cột nương nhau, cửa và cửa sổ đối nhau, bậc thềm, hành lang, cột hiên, mỗi mỗi đều có đủ, đều có vô số nhạc khí diễn nói các pháp âm như trong các kinh Đại A-di-đà, tiểu A-di-đà ghi, trong một lúc chẳng hiểu được một phần mười. Tôi ham chơi không ngừng, nhìn nghiêng lên thấy lầu gác trên không trung đều như mây bồng bềnh trong không khí. Trung Lang nói: Địa hình Tịnh độ mà em thấy đều là quang cảnh của các chúng sinh. Qua khỏi đây trở lên là chỗ của các pháp thân đại sĩ, đẹp đẽ mầu nhiệm hơn đây ngàn vạn lần, thần thông của chư vị cũng cao hơn trăm ngàn lần ở đây. Tôi nhờ tuệ lực nên có thể đi dạo trong đó nhưng trước sau không được ở. Từ chỗ đó trở lên lại là chỗ ở của bậc Thập địa, Đẳng giác thì anh chưa biết đến được. Từ chỗ đó trở lên nữa là chỗ ở của bậc Diệu giác, chỉ Phật với Phật mới biết, tức các bậc Thánh đẳng giác cũng chẳng suy lường được. Nói xong lại dẫn tôi đến một nơi không có tường bằng phẳng nhưng có lan can, nhà trong đó sáng rỡ khác thường, chẳng biết chứa vật gì trong đó mà được như vậy, có cảm tưởng như màu vàng ròng, ngọc trắng của thế gian đều như màu đất. Cùng ngồi nơi tầng trệt nói chuyện, Trung Lang nói: Anh chẳng mong được lạc thú đến cùng cực như vầy, nhưng khi tôi còn sống nhờ nghiêm giữ giới luật cũng còn vượt hơn đây. Đại đa số đều gấp về cả thừa và giới

thì sẽ sinh phẩm cao nhất, nếu chỉ có giới gấp thì sẽ sinh bậc thấp nhất. Nếu chỉ có thừa mà không có giới thì đa phần bị nghiệp lực lôi kéo rơi vào tám bộ chúng quỷ thần, chính anh thấy nhiều bạn đồng học như vậy. Khi phần Bát-nhã của em rất sâu nhưng lực giới và định vô cùng ít, nếu chỉ ngộ lý mà không thể sinh giới định thì cũng chỉ là cuồng tuệ, trở lại cõi ngủ trược. Nhân sắc lực còn mạnh khỏe, em nên thật ngộ thật tu, cộng với Tịnh nguyện và siêng thực hành phương tiện, thương xót muôn loài thì chẳng lâu xa tự sẽ có cuộc gặp mặt tốt đẹp. Đã rơi vào đường khác thì thật đáng lo sợ. Nếu không thể trì giới thì các pháp lục trai là pháp để lại của Ngài Long Thọ nên theo đó mà hành trì. Trong các giới thì giới sát là nặng nhất. Gửi lời đến bạn đồng học, nếu chưa có ngày múa loạn đạo, miệng còn tham mùi vị mà có thể sinh vào chốn bình yên tốt lành. Tuy nói pháp như mây, như mưa thì nào có ích gì. Anh và em ở kiếp không vương là anh em, luân hồi trong sáu đường cũng đều như vậy. Đời nay ta may mắn đã được địa vị tốt lành, chỉ e rằng em bị đọa lạc nên dùng phương tiện thần lực đưa em đến đây. Chốn tịnh, uế cách xa nhau không thể ở lâu. Tôi bèn hỏi các vị Bá tu sinh ở đây, đáp rằng nơi sinh về đều tốt đẹp, em sau này sẽ tự biết. Nói xong bỗng bay lên không đi mất, chớp mắt đã không còn thấy nữa. Tôi khởi bước trên ao, bỗng như bị rơi xuống, giật mình thức giấc, khắp người tuôn mồ hôi. Lúc ấy tim đèn đã lụn, trăng sáng chiếu cửa sổ, đã hơn canh tư.

Viên Trung Đạo.

THỨ 1: **SÁT ĐỘ MÔN**

Nhất chân pháp giới, thân cõi xen nhau, cõi Phật nhiều như số giọt nước biển, tịnh uế không khác nhau. Chỉ vì chúng sinh hành nghiệp khác nhau, nên chư Phật hóa hiện cũng khác nhau, hoặc quyền hoặc thật, hoặc thiên hoặc viên, hoặc tạm hoặc thường, hoặc tiệm hoặc đốn, một trăng ngàn sông, mỗi một con sóng đều chứa đựng trăng sáng. Nghìn ngọn đèn trong một căn phòng ánh sáng tỏa chiếu toàn bộ các đèn. Lý tức nhất đế, tướng có ngàn sai, nếu không dẫn rộng linh văn, chúng sinh làm sao chọn được. Nên y cứ theo các giáo, nói sơ lược về mười môn:

1. Tỳ-lô-giá-na Tịnh độ.
2. Duy tâm Tịnh độ.
3. Hằng chân Tịnh độ.
4. Biến hiện Tịnh độ.

5. Ký báo Tịnh độ.
6. Phân thân Tịnh độ.
7. Y tha Tịnh độ.
8. Chư phương Tịnh độ.
9. Một tâm bốn thứ Tịnh độ.
10. Nhiếp thụ thập phương nhất thiết hữu tình bất khả tư nghì Tịnh độ.

1. Tỳ-lô-giá-na Tịnh độ.

Tức cõi nước bổn báo của chư Phật, mười liên hoa tạng thế giới hải, mỗi mỗi liên hoa tạng, thế giới thấp nhất, đều có mười Phật thế giới số như bụi nhỏ quảng đại sát, thanh tịnh trang nghiêm. Mỗi quảng đại sát lại có mười Phật thế giới, số như bụi nhỏ các tiểu sát bao quanh và tăng rộng ra. Mỗi thế giới Hoa tạng đều đầy hư không, triệt nhập lẫn nhau, tịnh uế đều chứa, lớp lớp vô tận, đúng như pháp mà luận: Thì một ngọn cỏ, một cái cây, một sợi lông, một hạt bụi đều có chứa vô tận pháp giới này, Phật và chúng sinh đều như một, không khác gì nhau. Có chỗ nói rằng: Đây là chúng sinh Thật báo trang nghiêm, không giống như quyền giáo cho Tịnh độ là ở phương khác đó là thật giáo.

Có chỗ nói: “Chúng sinh tuy có Thật báo này, nhưng vì sao thân như vô tính không thể tự chứng, đêm dài thăm thẳm, không có ngày gặp ánh mặt trời, muôn trùng sóng dữ, không biết ngày nào cập bến bờ. Tuy nói rằng địa ngục phát tâm diệu giác, Phật quả hiện cõi địa ngục, nhưng cũng giống như giường sắt cột đồng trước mắt mà thôi. Ví như ngạ quỷ chết khát ở ven bờ biển, người nghèo đếm tiền trong rương vàng, chỉ thấy đó là điều luống dối, đâu nói là thật được. Nếu không phải là giả phương tiện từ quyền vào thật, chúng sinh làm sao có được ngày chứng Tỳ-lô?”

Đáp rằng: Nếu y cứ vào phạm vi “chư Phật hóa nghi” thì có thể được. Còn trong cõi Thật tướng thì không có lời nói suông như thế. Phàm Tỳ-lô-giá-na, Hán dịch là Biến nhất thiết xứ. “Biến nhất thiết xứ” tức là nghĩa tiêu biểu cho Vô lượng thọ, đâu có hơn kém. Chỉ do Như Lai vì “Một phần phàm phu chấp tướng” mà nói rằng có Phật A-di-đà ở phương Tây. Cũng như trong Đại Vân kinh Phật A-di-đà nói với một Bồ-tát rằng có Đức Thích-ca ở thế giới Ta-bà. Hễ xem Thích-ca là chủ, thì Thích-ca sẽ ở khắp mọi nơi, mà A-di-đà là một nơi trong đó. Khi A-di-đà là chủ, thì A-di-đà sẽ ở khắp mọi nơi và Thích-ca Mâu-ni là một trong những nơi mà A-di-đà hiện diện. Như thân của một người, khi đương tự tự thì không ngại làm “tha” cho tất cả mọi người. Khi đương

tha tha thì không ngại làm tự cho tất cả mọi người. Vì lý do này mà “tự” tha bất thành, tự tha bất thành thì “tự” cũng khắp tất cả mọi nơi, “tha” cũng ở khắp mọi nơi, chứ đâu nhất định là có phương khác để chấp. Cho nên Tây phương Tỳ-lô chẳng phải tự tha. Vì sao? Vì Tỳ-lô trùm khắp, nếu nói quyền, nói phương tiện, vì có không khắp nên nghĩa Tỳ-lô bất thành.

2. Duy tâm Tịnh độ: Ngay đó tự chứng, đương thể vô tâm, tức là Tịnh độ, như kinh Duy-ma nói rằng: “Bảo Tích nên biết, trực tâm là Tịnh độ của Bồ-tát. Khi Bồ-tát thành Phật, không lừa dối chúng sinh sinh về nước ấy. Thâm tâm là Tịnh độ của Bồ-tát. Khi Bồ-tát thành Phật, chúng sinh có đủ công đức sinh về nước ấy, tâm Đại thừa là Tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Phật thì chúng sinh Đại thừa sinh về nước ấy. Văn kinh rất nhiều không thể dẫn lược, đại khái là muốn được Tịnh độ, thì phải tịnh tâm, hễ tâm tịnh thì cõi Phật tịnh. Tâm là tâm tức cõi tức tâm, tâm tịnh cõi tịnh, pháp là như thế. Lời này há chẳng phải chú thích của Tây phương hay sao? Người thường có tâm chấp cho pháp môn này chỉ dắt dẫn hàng độn căn, là do thấy có cõi ngoài tâm. Niệm tức là tâm, niệm Phật há chẳng phải tâm tịnh. Tâm vốn bao trùm cõi, Liên bang há ở ngoài tâm. Cho nên biết rằng y theo tướng chẳng trái duy tâm xứng tâm thật ngại độ khắp.

3. Hằng chân Tịnh độ: Tức là Tịnh độ trong hội Linh Sơn dẫn Bồ-tát quyền giáo trong Tam Thừa. Để cho biết rằng cõi này ngay trong uế mà hằng tịnh, các chúng tin mà chưa gặp. Phàm tánh của uế vốn tịch, tướng tục hằng không. Vì vốn tịch (lặng) nên Bồ-tát cư uế thường tịch; hằng không, nên Bồ-tát nhập tục thường không Chính hiển nghĩa tịnh, nhưng vì chúng sinh chấp biển khó trong, dây thức dễ trói buộc, nói rằng nghiệp vốn không thì tùy tình tác nghiệp, ngôn hạnh vô thể, tức tha hồ hành phạm, bị Vĩnh Gia quở trách, đọa vào chỗ Thiện Tinh, cho đến gặp nạn vua, chết thành quyến thuộc của ma, luôn luôn như thế. Khiến khắp mặt đất đều là Bồ-tát, thì lời này thật là lợi ích, Bồ-tát trong thiên hạ thì ít mà phàm phu thì nhiều, vì thế lời này có lợi cho thiên hạ cũng ít mà hại thì nhiều.

4. Biến hiện Tịnh độ:

Như kinh Pháp Hoa, nói ba lần biến Tịnh độ, dời chuyển các trời người đến nơi khác. Trong kinh Duy-ma, Thế Tôn ấn ngón chân xuống đất tức thì tam thiên đại thiên thế giới, như trăm ngàn châu báu nghiêm sức, đây là Như Lai tạm khiến hiển hiện, cũng là pháp nhĩ, người có trí như Thu tử, còn giống như bị mù, chúng sinh có căn thấp kém, không

có duyên để được nhìn thấy. Hơn nữa trời, người ở ngoài các phương, hoàn toàn không có nhân duyên được đất dẫn, thần lực tạm hiện hoàn vô, cõi thường hằng há như An dưỡng Tịnh bang, trần kiếp thường trú, Di-đà từ phụ, mười điều ác không đổi thì cõi nước tốt xấu, đương nhiên có thể biết được.

5. Ký báo Tịnh độ:

Như trời Ma-he-thủ-la, Đức Như Lai ở cõi trời ấy mà thành Đẳng Chánh giác, đó là Thật báo Tịnh độ. Luận Khởi tín chép: "Bồ-tát công đức thành mãn, ở tầng trời sắc cứu cánh thị hiện thân cao lớn nhất của tất cả thế gian, nghĩa là dùng một niệm tương ưng tuệ, vô minh đốn sạch, gọi là nhất thiết chủng trí. Tự nhiên có bất tư nghì nghiệp, có thể hiện mười phương lợi ích chúng sinh." Tạng Hòa thượng nói: "Vì sao những người thọ dụng báo thân ở tầng trời này, dùng ký báo thập vương, hiển Biệt Thập địa. Địa thứ mười nương vào thiên vương này, tức ở thân kia, thị hiện thành Bồ-đề. Nhưng tầng trời ấy tuy nói là vô lậu nhưng chẳng bằng Liên bang, ra khỏi ba cõi. Vì sao? Vì ở Sắc cứu cánh.

6. Phân thân Tịnh độ:

Như kinh Niết-bàn, Phật trả lời Cao Quý Đức Vương rằng: "Này thiện nam, về phương Tây cách thế giới Ta-bà này khoảng ba mươi hai hằng sa cõi Phật, có thế giới tên là Vô thắng, giống như thế giới Cực lạc. Ta ở cõi ấy, xuất hiện ra đời, vì giáo hóa chúng sinh, nên ở thế giới đó hiện quay bánh xe pháp. Lại kinh Ương-Quật. Phật nói với Ương-Quật rằng: "Ta trú mé vô sinh mà ông không giác biết." Ương-Quật nói: "Nếu trú mé vô sinh, vì sao sinh cõi này."

Phật dạy: "Phương Đông có Đức Phật, ông đến đó mà hỏi."

Ương-Quật đến đó hỏi, thì vị Phật ở đó nói rằng: "Thích-ca tức là thân của ta", đại ý nói Tịnh độ kia là Thật báo của Phật, đây là phân thân, tuy rõ được báo cảnh của một Phật, nhưng chưa có nghĩa nhiếp hóa. Phật phần thượng tức là hữu, chúng sinh phần thượng tức là vô, chưa phải là thù thắng.

7. Y tha Tịnh độ:

Như kinh Phạm Võng chép: "Nay ta Lô-xá-na, đang ngồi đài hoa sen, trên ngàn cánh chung quanh, lại hiện ngàn Thích-ca, một hoa trăm ức cõi, mỗi cõi một Thích-ca..." vì Sơ địa hóa trăm cõi Phật, nên có hoa trăm cánh. Nhị địa hóa ngàn cõi Phật, nên hoa có nghìn cánh. Nếu đến Tam địa thì ứng hiện Tứ địa thì mười muôn cánh và cứ thế mà tăng lên. Đó là thân y tha thụ dụng, phân thân thị hiện báo cảnh, nhập địa bèn thấy thập chẳng phải như thập niệm chúng sinh sinh trong hội. Liên Trì,

đốn thấy cõi Phật thanh tịnh.

8. Chư phương Tịnh độ.

Như Phật Dược Sư, ở phương Đông, Phật Nhật Nguyệt Đăng ở phương Nam, Phật Thương Tích ở phương trên, mỗi Phật đều có Tịnh độ riêng, những điều nói trong các kinh không thể nói đủ, đều là Thật báo trang nghiêm của chư Phật. Trong kinh hoặc có khi dùng thần lực Phật tạm thời khiến cho hiển hiện, hoặc các Đại Bồ-tát đến đó cúng dường, vì Đức Phật ấy không nói nhiếp hóa chúng sinh, nên các chúng sinh cũng không có nhân duyên sinh về nước ấy. Tức như thế giới diệu hỷ, Đức Thích-ca tuy ký có người vãng sinh nhưng không nghe Phật Vô Động có lời dắt dẫn, hơn nữa nước ấy có các núi Thiết vi, Tu-di và quỷ thần phụ nữ, cho nên biết sự nghiêm tịnh không bằng An dưỡng. Lại như Đức Dược Sư Như Lai dùng mười hai đại nguyện độ các hữu tình, trong kinh cũng nói người có lòng tin sẽ được sinh về. Xét nguyện lực của Đức Phật ấy, phần nhiều là giải thoát mọi âu lo sầu khổ, rốt ráo an vui, chẳng phải như Di-đà Như Lai thuần dùng niệm Phật nhiếp dẫn tất cả mọi người vãng sinh về cõi ấy.

9. Nhất tâm tứ chủng Tịnh độ.

a. Phàm Thánh đồng cư độ.

b. Phương tiện hữu dư độ.

c. Thật báo vô chướng ngại độ.

d. Thường tịch quang độ.

- *Phàm Thánh đồng cư độ:* Tự nó lại chia thành hai loại "Sơ đồng cư uế độ" và "Thứ đồng cư Tịnh độ". Trong Uế độ phàm cư có hai loại và Thánh cư có hai loại. Hai loại trong Phàm cư gồm một là ác chúng sinh, tức bốn đường; hai là thiện chúng sinh, tức trời, người. Hai loại trong Thánh cư, thứ nhất là "Thật Thánh", tức bốn quả Bích-chi, Thông giáo Lục địa, Biệt giáo thập trụ và Viên giáo thập tín hậu tâm, thông hoặc tuy hết nhưng báo thân vẫn còn, đều gọi là thật. Thứ hai là "quyền Thánh", nghĩa là Diệu giác Phật và pháp thân Bồ-tát trong Phương tiện Thật báo tịch quang độ, vì lợi ích cho người hữu duyên, nên ứng sinh đồng cư, đều là Quyền, các vị này và bốn đường ở chung, nên gọi là uế độ.

Thứ đến là "Đồng cư Tịnh độ", như ở Cực lạc có chúng sinh, ở cõi Diệu hỷ có các loại núi Thiết vi, nam nữ, vì không có bốn đường ác nên gọi là Tịnh độ, ta dựa theo đồng cư uế độ đã có các Thánh, cũng có thể gọi là "đồng cư Tịnh độ", như thế giới Ta-bà ở lớp thứ mười ba của Hoa tạng thế giới, còn gọi là Hoa tạng.

- *Phương tiện hữu dư độ:* Nhị thừa, ba loại Bồ-tát, phá kiến tư hoặc, chứng phương tiện đạo trần sa biệt hoặc, vô minh chưa dứt, bỏ thân phần đoạn mà sinh giới ngoại, gọi là "hữu dư", vì thế Thích luận chép: "Ra khỏi ba cõi có Tịnh độ, Thanh văn, Bích-chi-Phật sinh ra trong đó, thụ thân pháp tính, chẳng phải phần đoạn.

- *Thật báo vô chướng ngại độ:* Không có Nhị thừa, thuần là các Bồ-tát pháp thân, dứt hết hoặc trần sa, phần phá vô minh, đắc quả chân thật, nhưng vô minh chưa hết, nhuận nghiệp vô lậu thọ báo thân pháp tính, còn gọi là "quả báo quốc", vì thế kinh Nhân Vương nói rằng: "Tam hiền thập Thánh trú quả báo, do quán Thật tướng, nên phát chân vô lậu, chiêu cảm quả báo tốt đẹp, bảy báu trang nghiêm, đầy đủ năm trần tịnh diệu, cho nên gọi là "thật", sắc tâm không hai, các cõi tương dung nhau, nên gọi là "vô chướng ngại", kinh Hoa Nghiêm nói về võng thế giới Nhân-đà-la chính là đó.

- *Thường tịch quang độ*: Diệu giác cực trí sở chiếu như như pháp giới, gọi đó là "quốc", còn gọi là Pháp tánh độ. Nhưng nhất chân như tính, chẳng phải thân chẳng phải cõi mà nói thân cõi, lìa thân không cõi, lìa cõi không thân, là chỗ ở và dạo chơi của chư Phật Như Lai. Diệu tông nói: "Trong kinh luận nói rằng Tịch quang vô tướng đó là tướng đã diệt hết nhiễm ngại, chẳng phải như thái hư, hoàn toàn không có một vật, bởi do ba hoặc rốt ráo thanh tịnh, cho nên y chánh sắc tâm rốt ráo hiển bày rõ ràng". Đại kinh chép: "Nhân diệt là sắc, đạt được thường sắc, thọ tưởng hành thức, cũng giống như thế. Nhân vương gọi là pháp tánh ngũ ấm, đó là cực quả. Nhưng các cõi nước trong mười phương tùy theo sự thấy biết khác nhau của tâm mà bảy báu hay ngói gạch đương xứ khác nhau, nên Tráp Xuyên nói cõi nước Cực lạc có bốn cõi khác nhau, sao lại y cứ vào hai thừa trời người, tức là hai thứ cõi nước, y cứ vào Bồ-tát, Phật, tức hai thứ cõi sau. Nên biết sáu mươi muôn ức na-do-tha hằng hà sa do-tuần... thân, không chướng ngại, lại có thân trượng sáu, Hoa tạng hải hội vô biên cõi Phật, không ngại lại có Ni-liên hà độ, vì sao? Vì là pháp nhĩ, chẳng phải do thần lực biến hiện.

10. Nhiếp thọ thập phương nhất thiết hữu tình bất khả tư nghì Tịnh độ.

Tức là Tịnh độ phương Tây của Phật A-di-đà, trong đó, tất cả biển công đức lớn, biển đại Bi trí, biển đại nguyện lực, nếu nói đủ thì dù cho chư Phật, Bồ-tát, Thanh văn, Bích-chi, trời người, quỷ súc, thấp kém như loài bay lượn bò trườn và tất cả cây cối thảo mộc gạch ngói bụi bặm vô tình, trong các thế giới ở mười phương mọi thứ đều có vô lượng

cái miệng, mỗi miệng lại có vô lượng cái lưỡi, mỗi cái lưỡi lại phát ra vô lượng âm thanh, thường nói, nói hoài, nói không ngừng nghỉ trải qua trăm ức muôn trần sa A-tăng-kỳ kiếp, cũng không thể nào hết được, nay chỉ giải thích sơ lược. Thứ nhất, thân độ bất tư nghì nghĩa; thứ hai, tính tướng bất tư nghì nghĩa; thứ ba, nhân quả bất tư nghì nghĩa; thứ tư, khứ lai bất tư nghì nghĩa; thứ năm, tất cánh bất khả tư nghì nghĩa.

1. Thân độ bất tư nghì nghĩa: Trong thân Phật A-di-đà có vô lượng chúng sinh, trong thân chúng sinh có vô lượng A-di-đà. Cõi nước cũng giống như vậy. Cho nên một chúng sinh niệm A-di-đà, một A-di-đà hiện ra, nhiều chúng sinh niệm A-di-đà, nhiều A-di-đà xuất hiện. Nếu trong thân chúng sinh không có A-di-đà thì A-di-đà không hiện, trong thân A-di-đà không có chúng sinh thì A-di-đà cũng không hiện, giống như gái bất dục muốn sinh con không thể nào được, vì đó là điều không thể được. Cho nên trong thân hàm chứa thân, thân hàm chứa nhiều thân, trong cõi hàm chứa nhiều cõi, thân cõi đan xen hàm chứa lẫn nhau lớp lớp vô tận, chính là mang ý nghĩa Thân độ bất tư nghì.

2. Tánh tướng bất tư nghì: Nếu lìa tánh mà nói về cõi thì cõi tức ngoài tâm, là huyễn hóa, không có thật. Huyễn hóa là tướng đoạn diệt, chúng sinh bất sinh. Nếu ngay nơi tánh mà nói về cõi thì tánh là hữu hình, là nhất định. Nhất định tức là không có biến dịch, không biến đổi, thì chúng sinh cũng bất sinh, ngay nơi tánh là tướng, chẳng phải tánh chẳng phải tướng, tồn phi phi vong, tồn tức tức hoại. Đó là nghĩa Tánh tướng bất tư nghì.

3. Nhân quả bất tư nghì: Có hai nghĩa, thứ nhất là, nhân trước quả sau, như niệm Phật là nhân, thấy Phật là quả; thấy Phật là nhân, thành Phật là quả; thành Phật là nhân, độ chúng sinh là quả. Nghĩa thứ hai là, nhân quả không có trước sau, tức niệm tức kiến, tức thành tức độ, cùng một lúc có đủ, giống như con người từ ba mươi đến bốn mươi tuổi, ba mươi là nhân, bốn mươi là quả, giữa ba mươi và bốn mươi không có tướng gián đoạn. Nếu không có bốn mươi thì ba mươi không có được, không có ba mươi thì không thành được bốn mươi. Vì thế nên biết là không lìa ba mươi mà đến bốn mươi, nếu lìa ba mươi mà đến bốn mươi thì giữa chúng phải có tướng phân hạn, mà thân này của ta không có phân hạn, giống như từ ba mươi đến bốn mươi, chính giữa phải có tướng nối tiếp tướng, mà thân này của ta, cho đến sự tương tục không thật có, niệm Phật nhân quả cũng giống như thế, đó là nghĩa "Nhân quả bất tư nghì".

4. Khứ lai bất tư nghì: Nếu Phật A-di-đà vì nghe niệm mà đến

đây, chúng sinh vì nhớ Phật mà sinh về cõi đó, tức là có "đến đi", có đến đi, thì có đường đi, có khó khăn nguy hiểm và có dễ dàng an toàn, giống như người ở gần kinh thành thì dễ gặp quân vương, xa thì khó khăn hơn. Quả thật, niệm Phật cầu sinh phải có khó dễ, nên A-di-đà phải gian nan trên đường đi, cũng không có ngày nói pháp. Vì thế kinh Ban-chu Tam-muội nói rằng: "Không qua đời cõi này, sinh về cõi Phật ấy, Phật không đi đến đây, ta cũng không đến đó". Lại người xưa nói rằng: "Sinh thì quyết định sinh, đi thì thật chẳng đi, như trống trời kêu, xa gần đều nghe thấy, không vì chẳng đến đi, như ánh trăng trên mặt nước, ta đi về phía Đông thì trăng theo về phía Đông, ta đi về phía Tây thì trăng theo về phía Tây, thật ra không có đến đi. Đó là nghĩa Khứ lai bất tư nghì.

5. Rốt ráo bất khả tư nghì bất tư nghì: Như đầm trong hiện bóng núi, như nắng xuân chiếu trên cây cỏ, như nghiệp lực chúng sinh, như ánh sáng mặt trời mặt trăng, như căn trong thai, như ngã trong thân, như răng cứng lợi mềm, như lông mày ngang tóc dài, đó là ý nghĩa rốt ráo bất khả tư nghì bất tư nghì. Cho nên chư Phật mười phương hết lời hết ý, cũng chỉ là hy vọng nói được pháp khó tin mà thôi. Tuy có chiếc lưỡi trùm khắp tam thiên đại thiên nhưng làm sao có thể phân ra trong muôn một. Khổng Tử nói: "Cái ngu của những kẻ tầm thường có thể biết hết, còn bậc Thánh không biết." Vô lượng pháp môn, dùng một để phán thông tất cả.

THỨ 2: DUYÊN KHỞI MÔN

Người thích vào chợ cá thì không nhớ đến chiên-đàn, chẳng phải thật không nhớ mà chỉ vì không nhàm chán. Vừa khiến dẫn vào nhà tối, đốt chiên-đàn cứu trầm, không phải suốt ngày buồn thương về sự ô uế cũ, mà chỉ vì không sớm chán lìa. Sự xú uế của sinh tử dụ cho chợ cá, sự tham muốn của chúng sinh gấp bội lần ruồi nhặng. Chư Phật vì Dục Hương trưởng giả, nhìn thấy một lớp người chìm ngập trong bể đục ngầu, làm sao không trắc ẩn. Vì thế A-di-đà Đạo sư, mở rộng chợ hương nghiêm, cha lành Thích-ca, chỉ đích xác cánh cửa Tịnh vực. Khắp mặt đất không ai không là đứa con nghèo khó, một câu danh hiệu Phật bèn trở thành nguồn vốn, muốn xem xét lời thành thực, thì chớ lìa mười niệm. Bịt mũi ngăn mùi lâu ngày sẽ tự thấy nhàm chán. Nay y cứ theo Tây phương khởi giáo, chia làm mười nghĩa:

1. Nhất đại sự.
2. Túc nhân thâm.

3. Hiển quả đức.
4. Y nhân tánh.
5. Thuận chúng sinh.
6. Uế tướng không.
7. Thắng phương tiện.
8. Đạo nhị thừa.
9. Kiên nhẫn phương.
10. Thị chân pháp.

1. Nhất đại sự (một việc lớn).

Chúng sinh trong thế giới có năm thứ vẩn đục, như tù nhân ở trong ngục, nhưng do tội nặng nhẹ khác nhau, nên chịu sự trừng phạt không giống nhau. Hoặc phạm tiểu pháp, hoặc đầu cực võng, tội tuy không giống nhau nhưng về sự trừng phạt chịu khổ thì không ai tránh khỏi được. Vì những người vào ngục đều là người tội, người ở cõi trời cõi người, đều là thân nghiệp báo phần đoạn. Nhưng người tội một khi vào ngục không ai không luôn cầu mong được thoát khỏi, như thế cũng đã đủ biết được nỗi đau khổ ở trong ngục là vô cùng tận, bên ngoài tường rào vẫn có một thế giới an vui. Nay chúng sinh lấy phiền não làm nhà, lấy sinh tử làm vườn tược, buộc lòng vào ngục tù cơm áo. Đâu biết núi đại Thiết vi là bức tường gai của ta ngoài pháp trường ba cõi, mỗi mỗi đều có quê hương nhà cửa ruộng vườn. Chư Phật thương xót, đau lòng buốt xương, cho nên phân biệt cho biết tịnh uế, chỉ cho con đường thoát khỏi. Như người vứt bỏ (quê nhà) đã lâu thì hoàn toàn không chỗ trở về, chư Phật lại xây nhà lớn để sắp xếp chỗ ở cho họ, một là qua lại cửa ngục để canh đường, hai là xem xét ngoài ngục, tu sức lữ quán. Ân lớn như thế, thân nào để báo, Phật đã không tiếc sức tiếc công, tại sao chúng sinh lại lưu luyến như thế, kinh chép: "Như Lai vì một việc lớn mà xuất hiện trên thế gian, việc lớn ấy chính là việc này. Chúng sinh vì luyến tiếc những điều nhỏ nhặt mà cam tâm chịu chết, vì sao?"

2. Túc nhân thâm (nhân đời trước sâu dầy), gồm ba phần:

- Chính nhân.
- Chính nguyện.
- Chính hành.

Chính nhân: Tức là chư Phật ba đời và các chư hữu tình tự thanh tịnh thể như muôn tượng nương hư không, núi sông nương trên đất, vỏ nương hạt giống, hoa quả nương nhân. Nếu không có nhân này thì Phật quả không thành, tất cả bi trí đều được thiết lập từ nhân nên trưởng giả hợp luận chép: "Thân Như Lai tạng, tức là Pháp thân, chư Phật trí hải

đều ở trong ấy nên gọi là tạng. Nếu không thấy Pháp thân, thì mọi phúc trí đại Từ, đại Bi đều không thể phân biệt được và vẫn thuộc về sinh diệt. Pháp thân tức là Chính nhân.

Chính nguyện: Như kinh này, Tỳ-kheo ở trước Thế Tự Tại Vương Như Lai, phát bốn mươi tám đại nguyện, một nguyện không thành, thì không thành Bồ-đề. Đó là dựa vào tự tính vô lượng bi trí phát ra nguyện lực bất khả tư nghì ấy, chứ không phải là ngoài tâm thấy có chúng sinh phát nguyện muốn độ, vì chúng sinh chẳng phải ngoài tâm.

Chính hành: Như kinh này nói rằng phát nguyện xong, như thế an trụ các thứ công đức, tu tập hạnh Bồ-tát, trải qua vô lượng vô số ức na-do-tha trăm ngàn kiếp, lại như kinh Nhất Hướng Xuất Sinh Bồ-tát rằng: "Phật A-di-đà xưa là Thái tử, nghe được pháp môn huyền diệu này vâng giữ tinh tấn, trong bảy ngàn năm, không nghĩ đến ái dục, tiền tài châu báu, không lo những chuyện khác, không hề xao động ý chí và giáo hóa được tám ngàn ức muôn na-do-tha những người không còn lui sụt. Đó là tự tính hành trì, tự tính tinh tiến, không phải là công đức hữu tác hữu vi, tuy trải qua ức kiếp, nhưng không lìa nhất niệm, do pháp môn vi diệu xa lìa tất cả hạnh, tất cả kiếp vì thế gọi là "Chính nhân, chính nguyện, chính hành". Ba điểm này nếu thiếu một thì không thành, vì chẳng phải làm được, chẳng phải không làm được, vì vậy người xưa nói rằng: "Gốc sâu quả sai, nguồn chảy dài xa, nhân trước đã sâu, giáo khởi cũng lớn" thật sự là như vậy!

3. Hiển quả đức: Như trong Phổ Hiền Hành Nguyện phẩm trong kinh Hoa Nghiêm chép: "chư Phật Như Lai vì chúng sinh mà khởi phát lòng đại Bi, vì đại Bi mà sinh tâm Bồ-đề, vì tâm Bồ-đề mà thành Đẳng chánh giác. Ví dụ như ở nơi hoang vu sa mạc, có cây đại thụ chúa nếu hấp thu được nước thì cành lá hoa quả sẽ phát triển sum suê rậm rạp. Cây Bồ-đề vua ở hoang mạc cũng giống như vậy, tất cả chúng sinh là rễ cây, chư Phật, Bồ-tát là hoa quả, dùng nước đại Bi để tưới nhuận chúng sinh thì sẽ thành tựu được hoa quả trí tuệ của chư Phật, Bồ-tát. Vì thế nên biết, tất cả các Phật có được quả Phật là dựa vào chúng sinh. Nếu không có chúng sinh thì quả Phật không thành. Ví dụ như Hán vương vì muốn cứu dân mà có hơn trăm trận chiến, vì có trăm trận chiến nên được lên ngôi vua. Lên ngôi vua thì trăm họ được bình yên, an cư lạc nghiệp. Nếu không có bá tánh thì tất nhiên sẽ không có những việc ở trên xảy ra. Xét như thế, hễ ai làm một đức, một việc, một lợi, một danh, nếu không có chúng sinh thì đều sẽ không thành. Vì vậy ta không có chúng sinh thì ta chẳng thành ta, chúng sinh là chỗ dựa, ta là chính,

chúng sinh là chính, ta tức là chỗ dựa, nhân ngã bình đẳng, y chính vô ngại. Đó là "Pháp nhĩ", pháp nhĩ tức quả đức tự nhiên, nếu hướng ra bên ngoài kiến lập thì không thành quả.

4. Y nhân tính: Tất cả chúng sinh đều có tịnh tánh như thế, giống như vàng được luyện thành cây trâm cài thì tính chất của nó vẫn là vàng. Các mạt vàng cho dù được đúc thành dụng cụ gì khác đi nữa thì vẫn không đổi chất. Chúng sinh và Phật cũng vậy, đồng một tịnh tính, nhưng có sự khác nhau giữa cây trâm vàng và các vàng, chứ không khác về tính chất. Vì vậy, phàm phu khắp nơi mười niệm liền sinh là vì vốn tịnh, Phật A-di-đà muốn nhiếp thụ chúng sinh tức là người nhiếp thụ, vì chúng sinh vốn tịnh, cho nên như ánh sáng trong gương, không phải do mài mà có. Người được sinh Tịnh độ, không phải là hành nguyện và niệm lực mà thành tựu. Vì sao? Vì niệm hành giống như cái lò đốt có thể nung chảy vàng nhưng không thể sinh ra vàng được.

5. Thuận chúng sinh: Nghĩa là muốn làm cho trẻ nhỏ vui thì cho bánh trái, muốn làm phụ nữ vui lòng thì phải dùng tơ lụa. Những thứ chúng sinh xem trọng là châu báu ngọc ngà, cơm ăn áo mặc, vì vậy có "bảy báu tự nhiên" và cho phòng ốc sang trọng, áo quần ăn uống. Như có một số con em nhà giàu, khi ra khỏi cửa nhất định là phải lên xe xuống ngựa, nếu không thì không chịu đi. Nay Đức Thích-ca Như Lai thuận theo chúng sinh mà nói A-di-đà thất bảo Tịnh độ, chỉ vì chúng sinh thấy cảnh như vậy, hợp với điều nói ra, chúng sinh sinh rồi, mỗi người tự thấy tịnh tướng nhiệm mầu không gì sánh được. Mới biết rằng lưu ly, mã não, ngọc bích cũng tựa như ngói gạch mà thôi. Như những người làm quan thành đạt kể cho những người làm ruộng nghe về sự trang nghiêm lộng lẫy của hoàng cung, họ sẽ chẳng thể tưởng tượng ra việc ấy cũng giống như nói màu sắc cho người mù nghe, không có tác dụng gì.

6. Uế tướng không: Như Trí luận chép: "Ví như người có một đứa con cứ thích chơi đùa ở nơi không sạch sẽ, gom đất lại thành đống, lấy cây cỏ làm chim thú và rất thích chơi như thế. Nếu có ai đến giật thì khóc lóc kêu la. Người cha biết được, nghĩ rằng đứa con này bây giờ thích chơi như thế, nhưng việc này dễ bỏ, khi nó lớn dần sẽ bỏ trò này thôi." Lý do là vì những vật ấy đều không phải là thật. Bồ-tát cũng giống như vậy, thấy chúng sinh cứ yêu thích tấm thân không sạch sẽ và ham thích ngũ dục, nếu ngũ Căn như tín căn... thành tựu thì liền sẽ bỏ. Nếu như cái mà đứa trẻ yêu thích là vật thật thì đến trăm tuổi sự yêu thích ấy vẫn sâu hơn. Nếu chúng sinh xem vật chất là có thật thì dù được

ngũ Căn vẫn không thể bỏ. Vì các pháp đều là không, giả dối không thật có, vì thế nên mới có thể lìa bỏ. Như Lai vì chúng sinh mà nói Tịnh độ cũng giống như vậy, những điều chúng sinh dựa vào là không có thật, thì dễ giáo hóa hơn. Như người trẻ tuổi thì háo sắc, người trưởng thành thì thích làm quan, lúc tuổi già thì ham lợi. Nếu là thực thì lẽ ra không nên thay đổi theo tháng năm như vậy. Vì biến đổi nên khi nghe nói Tịnh độ cũng ưa cũng thích cũng ham, như người trong giấc mộng, gọi thì liền thức. Nếu mộng là thật thì gọi cũng vô ích, vì đều không thật cho nên chư Phật vì tất cả chúng sinh mà nói pháp môn như thế.

7. Thắng phương tiện: Vì "Phương tiện" này không phải tự lực, cũng không phải tha lực. Trong biển duyên tự tính có công đức tự tại như thế, tất cả sẵn có. Vì thế một câu Thánh hiệu không còn phiền não, mười niệm công thành đốn vượt nhiều kiếp, như muôn khiếu kêu gọi này, lực do nâng đỡ, nhờ khiếu mà hiển bày. Như hang tối rỗng sáng, công tại thần hy, vì hang hiện ra. Như một bầy kiến có thể đi xuyên qua cả ngọn núi, xuyên qua bờ đê bao, đó là sức mạnh của nước, chứ không phải sức của kiến. Lại như một cánh buồm vải có thể kéo đi được cả con thuyền cả muôn tấn, đó cũng là sức của gió, chứ không phải sức của cánh buồm. Tóm lại, đều là do biển tánh pháp giới vô tác vô vi bất tư nghì lực hiện ra, chẳng phải tự lực chẳng phải tha lực, tất cả đầy đủ. Cho nên có phương tiện tốt đẹp như thế, là pháp tu nhanh nhất trong các pháp tu nhanh, làm con đường tắt trong các con đường, nếu bỏ pháp này không tu thì thật là ngu si.

8. Đạo nhị thừa: Nhị thừa tránh cảnh, hướng về yên lặng, chứng giả Niết-bàn, không được Pháp thân Như Lai, chịu nghiệp hoặc khổ.

a. Vô minh trụ địa, không thể rốt ráo thấy được phiền não cấu trược tập khí xú uế, cứu cánh diệt tận tịnh Ba-la-mật quả.

b. Do vô minh trú địa, nên có hạnh hư vọng chưa diệt trừ, nên không thấy được Ba-la-mật vô tác vô hành ngã.

c. Vì hư vọng nhỏ nhiệm khởi phát nghiệp vô lậu, ý sinh các ấm chưa trừ hết, nên không thấy được quả Ba-la-mật cực diệt viễn ly lạc.

d. Biến dịch sinh tử, đoạn dứt lưu chú tiếp nối, không thấy được quả Ba-la-mật cực vô biến dịch thường.

Vì bốn thứ hoặc này mà chưa chứng chân lý, Như Lai thương xót dạy khiến bỏ tâm đoạn diệt, tu hạnh Tịnh độ khiến cho biết rằng ngay nơi không là bất đoạn, ngay nơi hữu là bất thường. Nương trí Đại thừa, nhập vào biển Niết-bàn.

9. Kiên nhẫn lực: Bồ-tát Long Thụ nói rằng: "Con nít bốn tuổi trở

lên, chưa đầy hai mươi tuổi, gọi là Cưu-ma-la-già địa. Nếu Bồ-tát mới sinh vào nhà Bồ-tát, như trẻ con được vô sinh pháp nhẫn, cho đến Thập trú địa; lìa các việc ác, gọi là Cưu-ma-la-già địa.” Nếu muốn đạt đến địa này, nên học Bát-nhã ba-la-mật, thường muốn không lìa chư Phật.

Hỏi: Bồ-tát phải giáo hóa chúng sinh, vì sao thường muốn không lìa chư Phật?

Đáp: Có Bồ-tát chưa nhập giai vị Bồ-tát, chưa được thụ ký không còn lui sụt, nếu xa rời chư Phật là sẽ hủy hoại các thiện căn, chìm trong phiền não, tự không thể độ, làm sao độ người. Như người ngồi trên thuyền, giữa dòng thuyền vỡ, muốn đưa người khác sang, lại tự mình bị đắm chìm dưới nước. Bồ-tát chưa nhập pháp vị, nếu xa rời chư Phật, vì ít công đức không có năng lực phương tiện, muốn giáo hóa chúng sinh, tuy được chút lợi ích nhưng lại tự đọa lạc. Vì thế Bồ-tát mới học không nên xa rời chư Phật.

Hỏi: Nếu thế vì sao không nói không rời Thanh văn, Bích-chi-Phật, vì Thanh văn, Bích-chi-Phật cũng có thể lợi ích Bồ-tát?

Đáp: “Bồ-tát đại tâm, Thanh văn, Bích-chi-Phật tuy có Niết-bàn lợi ích, nhưng không có trí nhất thiết nên không thể giáo hóa Bồ-tát. Chư Phật có Nhất thiết chủng trí nên có thể giáo hóa dắt dẫn Bồ-tát. Như voi bị sa lầy, không phải tự nó thoát thì không ai giúp được. Bồ-tát cũng giống như vậy, nếu đi lầm đường, chỉ có Phật mới cứu được vì đồng là đạo lớn, vì vậy nói Bồ-tát thường muốn không lìa chư Phật. Lại nữa, Bồ-tát nghĩ rằng: Ta chưa được Phật nhãn chẳng khác nào kẻ mù, nếu không được Phật dẫn đường, thì không biết đường đi sẽ đi lầm vào đường khác, dù nghe Phật pháp nhưng lại thực hành khác đi, chưa biết thời tiết giáo hóa, hành pháp bao nhiêu. Bồ-tát gặp Phật, được các thứ lợi ích hoặc mắt thấy, tâm thanh tịnh. Nếu được nghe thuyết giảng thì tâm sẽ ưa pháp, được trí tuệ rộng lớn, tùy pháp tu hành mà được giải thoát, gặp Phật được vô lượng lợi ích như thế, há không nhất tâm thường muốn thấy Phật hay sao? Giống như trẻ con, không nên xa rời cha mẹ, lại như người đi đường không xa lìa lương thực, như lúc nóng nực không thể lìa gió mát nước lạnh, như khi giá rét phải có lửa sưởi ấm, như khi qua nơi nước sâu cần phải đi thuyền. Giống như người bệnh phải có thầy thuốc giỏi, Bồ-tát không thể xa lìa khỏi chư Phật còn quá hơn việc ấy. Vì sao? Vì cha mẹ thân thuộc, tri thức, trời, người, vua... đều không thể làm ích lợi như Phật, Phật làm ích lợi cho các Bồ-tát xa rời các nơi khổ cực, đến trú ở vùng đất của Thế Tôn, do nhân duyên ấy nên Bồ-tát thường không xa lìa chư Phật.

Hỏi: Các pháp môn hữu vi đều giả dối không thật, đều không đáng tin, vì sao được như nguyện, không lìa chư Phật.

Đáp: Phước đức trí tuệ có đủ mới được thấy Phật, huống gì không xa lìa chư Phật, chúng sinh có vô lượng nhân duyên kiếp tội, nên không được như nguyện. Tuy phúc đức, mà trí tuệ cạn mỏng, tuy hành trí tuệ mà phúc đức ít ỏi, thế nên sở nguyện bất thành, Bồ-tát cầu Phật đạo, phải thực hành hai phẩm sinh nhẫn và pháp nhẫn. Thực hành sinh nhẫn, tất cả chúng sinh phát tâm Từ bi diệt tội trong vô lượng kiếp, được vô lượng phước đức. Thực hành pháp nhẫn, phá các pháp vô minh, được vô lượng trí tuệ. Hai hành hòa hợp, nguyện nào mà không thành. Vì thế Bồ-tát đời đời thường không lìa chư Phật. Bồ-tát thường ưa thích niệm Phật, xả thân thọ thân thường được gặp Phật. Thí như dục tâm của chúng sinh sâu nặng, thì làm thân dâm điểu, như chim Công, Uyên ương; nặng về sân nhuế thì sinh trong loài độc trùng, như rồng dữ, bò cạp rắn độc, La-sát.

Tâm của Bồ-tát này không quý phước lạc của Chuyển luân Thánh vương, trời, người, chỉ niệm chư Phật, vì thế tùy theo tâm nặng nhẹ mà thọ thân hình. Bồ-tát thường khéo tu nhân duyên niệm Phật Tam-muội, sinh ra bất cứ nơi đâu thường được gặp chư Phật.

Hỏi: Bậc ngộ đạt Thiền tông, đã gọi là thấy tánh thành Phật, sao lại còn cầu sinh Tịnh độ?

Đáp: Những người ngộ đạt, chính nguyện là cầu sinh, nếu như chưa ngộ thì giúp cho ngộ, hướng về Tịnh độ muôn trâu khó kéo.

Hỏi: Người học chỉ sợ không rõ việc lớn, việc lớn đã rõ rồi thì nên thực hành Phật giáo, tùy loại hóa thân. Vào bùn vào nước, không tránh sinh tử, rộng độ sinh linh. Vì sao cầu sinh Tịnh độ, chán khổ thích vui?

Đáp: Sau khi ngộ đạt, tập lậu dứt hẳn thì không còn lui sụt và sẽ cho rằng sau khi ngộ đạt thì không còn chuyện học Phật pháp tu hành chánh quả sao? Sẽ cho rằng sau khi ngộ là ngang bằng chư Phật vào sinh tử không bị chướng duyên kéo lôi hay sao? Nếu như thế thì các Đại Bồ-tát tu Lục độ muôn hạnh, trải hằng hà sa số kiếp đều phải hổ thẹn sao? Người xưa có nói rằng: “Thanh văn còn có sự mê mờ khi ra thai, Bồ-tát còn có sự tối tăm khi cách ấm.” Huống gì gần đây hiểu cạn ngộ thấp tự cứu không xong, cho dù có đốn ngộ sâu xa, chỗ thấy biết cao minh, hành giải tương ứng, mục đích là độ người, nhưng phải làm sao khi chưa lên bất thoái, lực dụng chưa đủ. Ở cõi trược ác này, hóa độ độ chúng sinh ngang bướng đây cũng là việc mà bậc Tiên Thánh không cho phép. Giống như chiếc thuyền chưa đóng xong, chưa vững

chắc, nếu chứa quá nhiều người lại đi trên biển lớn sóng dữ thì sẽ nhận chìm tất cả mọi người. Vì vậy luận Vãng sinh chép: "Những ai muốn dạo chơi chốn địa ngục, phải sinh cề cõi kia, sau khi đắc vô sinh nhẫn còn phải vào trong sinh tử, cứu khổ chúng sinh, bằng nhân duyên này mà cầu sinh Tịnh độ." Lại nữa, bậc Tiên Thánh có nói: Chưa đạt đến địa vị không còn lui sụt vị thì chưa thể đi vào thế tục độ sinh, chưa được vô sinh pháp nhẫn, thì phải luôn không xa rời Phật, giống như con trẻ không thể xa rời mẹ. Nay ở cõi này, Đức Thích-ca đã diệt, Đức Di-lặc chưa sinh, khổ bốn đường ác, nhân quả rối bời. Ngoại đạo tà ma, thị phi nhiễu loạn. Sắc đẹp tiếng dâm mê hoặc, ác duyên uế xúc xâm chiếm, đã không có hiện Phật để nương, lại bị cảnh duyên quấy nhiễu, những người vừa mới ngộ đạt, có không ít người lui sụt, cho nên Đức Thế Tôn ân cần chỉ quy Cực lạc, là vì lý do đó. Vì Đức Di-đà kia hiện tại đang nói pháp, cảnh duyên, cõi vui, các thứ thanh tịnh, nếu dựa vào Đức Phật ấy, thì nhẫn lực dễ thành. Chứng cao thành Phật, đích thân được thụ ký, sau đó ra đời hóa độ chúng sinh, đến đi vô ngại. Thường thấy các Thiền giả ngày nay, không tìm hiểu ý nghĩa của Như Lai, không biết huyền cơ của Đạt-ma, đầu óc trống rỗng, tham vọng ngông cuồng thành thói quen, thấy người tu Tịnh độ thì chế nhạo nói rằng: "Chúng chỉ học theo việc làm của những kẻ tầm thường." Tuy cười nhạo những người tu hành tầm thường nhưng chính là xem thường các vị Bồ-tát như: Văn-thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ, chẳng những tự mê chánh đạo, tự đánh mất thiện căn, tự đánh mất tuệ thân, hạt giống Phật mà còn gây nên nghiệp ác phỉ báng đạo pháp, ý tưởng xem thường bậc Thánh. Phật tổ coi đó là những kẻ đáng thương.

Hòa thượng Vĩnh Minh rất thương xót nên vắt tận tâm can chủ trương Tịnh độ, vừa tự tu lại vừa để hóa độ thế gian, vì thế khi Ngài qua đời có vô số tướng lành hiện ra, có xá-lợi và Ngài được sinh Cực lạc thượng phẩm. Đến nỗi Diêm-la cũng cho là ít thấy, vẽ tranh nặn tượng lễ bái, Vĩnh Minh vừa hiểu được thiền trực chỉ của Đạt-ma vừa có thể dấn thân vào chốn Cực lạc thượng phẩm. Ta lấy ví dụ này để giải mối cố chấp của người theo Thiền, làm lời khuyên cho chúng sinh đời mạt pháp. Những người thực sự có công với tông giáo đâu chỉ riêng Vĩnh Minh, còn có Thiền sư Tử Tâm Tân, soạn bài văn "Khuyến tu Tịnh độ"; lại như Thiền sư Chân Yết Thanh Liễu trong "Tịnh độ thuyết" có nói: Tông chỉ của một tông đều có mục đích là mật tu, vì sao? Vì pháp môn niệm Phật là pháp môn nhanh nhất, dễ tu hành nhất. Theo Đại tạng: Tiếp lấy bậc căn khí thượng thượng, bên cạnh dẫn dắt hàng căn

cơ trung hạ, lại nói rằng: “Bậc đại tượng trong Tông môn đã ngộ pháp bất “không hữu”, nhưng vẫn hết lòng tu hành Tịnh độ, vì Tịnh nghiệp thấy Phật còn dễ dàng hơn cả tông môn.”

Lại nói: “Làm Phật làm Tổ, ở giáo ở thiền, đều tu Tịnh nghiệp, đồng trở về một nguồn. Nếu có thể vào được pháp môn Tịnh độ thì bất cứ pháp môn nào cũng có thể vào được. Còn như Thiền sư Thiên Y Nghĩa Hoài, Thiền sư Viên Chiếu Tông Bổn, Thiền sư Từ Thụ Thâm, Thiền sư Nam Ngọc Tư, Thiền sư Pháp Chiếu, Thiền sư Tịnh Từ Đại Thông... Đều là các bật tông tượng Thiền môn, nghiên cứu mật, tu hiển hóa, đều phát huy yếu chỉ Tịnh độ. Nên biết Thiền, Tông, Mật tu đều không lìa Tịnh độ. Nếu vào được pháp môn Tịnh độ thì mới là pháp môn vững chắc không lui sụt.

10. Thị chân pháp: Tất cả pháp môn tu hành, nói không tức đoạn, nói có tức thường, chưa phải là rốt ráo, chỉ duy có niệm Phật Tam-muội này, ngay nơi niệm mà tịnh, tịnh chẳng phải là vô, ngay nơi tịnh mà niệm, niệm chẳng phải là hữu. Đạt được tịnh không chỗ nương tức là niệm thể, rõ niệm vốn lìa tức là tịnh dụng. Cho nên chẳng ngoài tịnh có niệm, có khả năng niệm tịnh. Nếu ngoài tịnh có niệm, thì niệm tức có chỗ, chẳng phải tịnh, chẳng phải ngoài niệm có, tịnh có khả năng nhập vào các niệm. Nếu ngoài niệm có tịnh, thì tịnh sẽ có đến hai, hai chẳng phải là tịnh. Nếu biết chư Phật thuận theo tâm tịch diệt mà trang nghiêm Tịnh độ, vì thế người niệm Tịnh độ sẽ vào được các tất cả tịch diệt môn. Chư Phật thuận theo tâm thường lạc ngã tịnh mà trang nghiêm Tịnh độ, vì thế người niệm Tịnh độ sẽ nhập vào tất cả thường lạc ngã tịnh môn. Chư Phật thuận theo tâm bình đẳng chúng sinh mà trang nghiêm Tịnh độ, vì thế người niệm Tịnh độ sẽ nhập vào tất cả bình đẳng chúng sinh môn. Chư Phật thuận theo nghiệp đại Bi trí mà trang nghiêm Tịnh độ, do đó người niệm Tịnh độ sẽ vào tất cả nghiệp môn đại Bi Trí.

Chư Phật thuận theo nghiệp vô tác vô vi bất khả tư nghì mà trang nghiêm Tịnh độ, vì thế người niệm Tịnh độ sẽ nhập vào tất cả vô tác vô vi bất khả tư nghì môn. Chư Phật thuận theo tánh trần lao phiền não mà trang nghiêm Tịnh độ, nên người niệm Tịnh độ sẽ được nhập vào tất cả trần lao phiền não môn. Chư Phật thuận theo tướng vi trần giới tử mà trang nghiêm Tịnh độ, nên người niệm Tịnh độ sẽ được nhập vào Nhất thiết vi trần giới tử môn. Các đại pháp môn kể trên chỉ một câu Phật A-di-đà đều có thể chứng nhập, cũng không có tướng năng chứng sở chứng. Nếu không như thế thì đó là tịnh hữu dư, niệm Phật Tam-muội không phải như thế.

THỨ 3: BỘ LOẠI MÔN

Như Lai thuyết giáo có nhiều pháp môn, trong kinh hoặc thỉnh thoảng nhắc đến, hoặc nêu vài ví dụ không thể nêu ra hết được. chỉ có pháp môn niệm Phật là thường xuyên được nhắc đến và khen ngợi như mặt trời soi sáng. Nên mới biết rằng đây là pháp môn cao siêu không có pháp môn nào vượt qua được. Nay y cứ vào các kinh, chỉ những gì nói về việc lớn Tây phương thì đều thu vào, chia làm hai nghĩa kinh và vĩ. Thuyết văn chép: “Dệt có kinh, gom các sợi tơ để làm. Kinh là thường còn vĩ thì biến đổi.” Vì thế kinh thì không thu thập những thứ không chuyên bàn về An dưỡng, còn vĩ thì những ai niệm Phật cũng đều cho vào. Khổng Tử nói: Điều ngươi không biết là sự buông bỏ của người. Nghe những điều chưa nghe thì không vô vọng với sự khôn ngoan sau này. Thứ nhất, “Kinh ở trong kinh”; thứ hai “Vĩ ở trong kinh”; thứ ba “Kinh ở trong vĩ”; thứ tư “Vĩ ở trong vĩ”.

I. Kinh ở trong kinh.

1. Kinh Vô Lượng Bình Đẳng Thanh Tịnh Giác.
2. Kinh Vô Lượng Thọ.
3. Kinh A-di-đà.
4. Kinh Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm.
5. Xuất từ kinh thứ mười tám trong Bảo Tích, tên là Vô Lượng Thọ Như Lai Hội.

Năm bộ kinh này đều là bản tiếng Phạn. Bốn bộ đầu thì dịch không được hay và chính xác lắm.

6. Kinh Đại A-di-đà, do Cư sĩ Long Thơ tập họp bốn bộ dịch trước và những điều Phật nói giảng nói cho A-nan, Từ thị nghe ở núi Linh thứu trong thành Vương xá. Không biết vì sao Long Thơ không thấy bản này.

Một là kinh Phật Thuyết A-di-đà, hai là kinh Xưng Tán Tịnh độ Phật Nhiếp Thụ. Hai bộ kinh này đều là tiếng Phạm. Bản đầu tiên dễ hiểu hơn so với bản dịch sau này. Do Phật giảng nói cho Xá-lợi-phất nghe ở vườn Cô độc nước Xá-vệ, người đọc tụng thường chọn bộ kinh này.

Kinh Quán Vô Lượng Thọ, do Phật giảng nói cho Vi-đề-hy phu nhân ở thành Vương xá. Trong kinh nói về mười sáu diệu quán, pháp môn tu trì nói đầy đủ trong kinh này. Nên Ngài Cô Sơn xếp vào định thiện, nhưng ba thứ kinh đều chuyên vì Tây phương mà khởi giáo như trời trong loài trời, vua trong loài người. Thí như bầu hư không, một còn

không có, huống là có hai, ý nghĩa huyền diệu trong kinh đều đã thấy trong các pháp môn khác, nay không nói lại.

II. Vĩ ở trong kinh

Một là “Kinh Cổ Âm Thanh Vương”, Phật ngự ở bên ao Già-già-linh trong đại thành Chiêm-ba, thuyết giảng cho hàng trăm Tỳ-kheo, trong đó nói nếu có bốn chúng thọ trì danh hiệu Phật A-di-đà, thì khi qua đời Phật và các vị Thánh sẽ đến dắt dẫn vãng sinh. Một là “kinh A-di-đà Phật kệ có ra sau này, Tỳ-kheo tự suy nghĩ niệm pháp, là từ Thế Nhiêu vương, đến thệ nguyện mở mang vô lượng này, đời đời cung kính thực hành, tổng cộng là năm mươi sáu câu, từ đầu đến cuối đều là kệ. Hai bộ kinh này cũng chuyên nói về Tịnh độ, ý nghĩa ngôn ngữ so với trước tương đối giản lược, xếp vào loại “vĩ”. Hơn nữa kinh Cổ Âm chú trọng việc trì chú, kệ kinh là bộ Già-đà vì không nằm trong giáo bổn.

III. Kinh ở trong vĩ

Kinh Hoa Nghiêm, Bồ-tát Phổ Hiền khuyến tiến đồng tử Thiện Tài ở trước hải hội đại chúng phát mười đại nguyện, đến khi sắp qua đời các căn đều mất tác dụng, tất cả uy thế đều sẽ biến mất, chỉ có nguyện vương là không xa rời và trong lúc ấy sẽ dẫn đường đi trước, trong một sát-na sẽ được vãng sinh về thế giới Cực lạc. Người đó tự thấy mình sinh trong hoa sen, được Phật thọ ký, thụ ký xong trải qua vô số kiếp, ở khắp bất khả thuyết bất khả thuyết các thế giới ở mười phương, dùng năng lực trí tuệ, tùy theo tâm chúng sinh mà làm lợi ích, cho đến có thể vào trong biển khổ đại phiền não cứu giúp chúng sinh, khiến họ thoát khỏi biển khổ phiền não và đều được vãng sinh về thế giới Cực lạc. Lại trưởng giả Giải Thoát nói: Nếu ta muốn thấy thế giới Cực lạc, Vô Lượng Thọ Như Lai thì tùy ý liền thấy. Tất cả thế giới mười phương và tất cả các Đức Như Lai như thế nếu ta muốn thấy thì tùy ý liền thấy. Ta có thể biết rõ thần thông và việc trang nghiêm cõi nước của các Đức Như Lai không từ đâu đến cũng không đi về đâu, cũng không có chỗ trụ, cũng như thân ta không đến không đi, không có chỗ hành chỗ.

Kinh Pháp Hoa chép: “Nghe kinh điển này, đúng như lời dạy tu hành thì khi sắp qua đời liền vãng sinh về thế giới an lạc của Phật A-di-đà, chúng Đại Bồ-tát vây quanh chỗ ở, sinh trên tòa báu trong hoa sen, đắc thần thông vô sinh pháp nhẫn của Bồ-tát, được Vô sinh pháp nhẫn thì nhãn căn thanh tịnh, vì nhãn căn thanh tịnh nên thấy bảy trăm muôn hai ngàn ức na-do-tha hằng hà sa các Đức Phật Như Lai.

Trong kinh Lăng-nghiêm, Bồ-tát Đại Thế Chí bạch Phật: Con nhớ thuở xưa cách nay hằng hà sa kiếp, có Đức Phật ra đời, tên là Vô Lượng Quang, mười hai Đức Như Lai nối nhau ra đời trong một kiếp, vị Phật cuối cùng tên là Siêu Nhật Nguyệt Quang, Đức Phật ấy dạy con niệm Phật Tam-muội. Giống như có một người lúc nào cũng nhớ, một người lúc nào cũng quên. Hai người như vậy nếu gặp nhau cũng như không gặp, thấy cũng như không thấy. Hai người nhớ nhau rất sâu sắc. Như thế cho đến đời này sang đời khác, cũng như hình với bóng, không hề trái xa nhau. Các Đức Phật Như Lai ở mười phương thương nhớ chúng sinh như mẹ nhớ con, nếu con trốn tránh thì mẹ tuy nhớ cũng không làm được gì. Nếu con nhớ mẹ như mẹ nhớ con thì sẽ không xa cách nhau. Nếu tâm chúng sinh nhớ Phật, thì hiện tại và tương lai chắc chắn thấy Phật, cách Phật không xa, không nhờ phương tiện, tự được tâm khai. Như người dính chất thơm thì trên thân có mùi thơm, đó gọi là "Hương quang trang nghiêm". Nhân địa gốc của con dùng tâm niệm Phật, mà nhập vào Vô sinh nhẫn, nay ở cõi này dẫn dắt người niệm Phật trở về Tịnh độ.

Kinh Bảo Tích viết: Phật nói với vua cha rằng: Tất cả chúng sinh đều tức là Phật, nay cha nên niệm Phật A-di-đà ở thế giới Tây phương, thường siêng năng tinh tiến, sẽ đắc Phật đạo. Vua nói rằng: vì sao tất cả chúng sinh đều là Phật? Phật nói: "Tất cả pháp môn vô sinh, không dao động, không lấy bỏ, không tướng mạo, không tự tính, hãy an trú tâm mình trong Phật pháp này, chớ tin pháp khác."

Lúc ấy, vua cha và bảy muôn người họ Thích nghe nói pháp này, tin hiểu vui mừng, ngộ vô sinh nhẫn, Phật mỉm cười và nói kệ rằng:

Họ Thích quyết định trí
Nên đối với Phật pháp
Quyết tín tâm an trú
Khi chết trong loài người
Được sinh cõi An lạc
Tận mặt thấy Di-đà
Vô úy thành Bồ-đề.

Lại, Phật bảo Di-lặc phát mười thứ tâm, sẽ vãng sinh Cực lạc. Mười thứ tâm ấy là:

1. Đối với các chúng sinh khởi tâm đại Từ, không có tâm tổn hại.

2. Đối với các chúng sinh khởi tâm đại Bi, không có tâm bức não.

3. Đối với chánh pháp của Phật không tiếc thân mạng, tâm ưa

thích giữ gìn.

4. Đối với tất cả pháp phát sinh thắng nhẫn, không có tâm chấp trước.

5. Không tham lợi dưỡng, cung kính tôn trọng, tâm thanh tịnh vui mừng.

6. Cầu chủng trí Phật, bất cứ lúc nào cũng không có tâm quên mất.

7. Đối với chúng sinh, tôn trọng cung kính, không có tâm thấp kém.

8. Không mê đắm thế luận, đối với Bồ-đề phần, sinh tâm quyết định.

9. Gieo trồng các thiện căn, không có tạp nhiễm, tâm luôn thanh tịnh.

10. Đối với các Đức Như Lai, lìa bỏ các tướng, khởi tâm tùy niệm.

Đó gọi là Bồ-tát phát mười thứ tâm, nhờ những thứ tâm này mà được vãng sinh, nếu người thành tựu một tâm trong mười thứ tâm này, ưa muốn vãng sinh về thế giới của Đức Phật kia mà không được sinh, thì không có việc ấy.

Kinh Ban-chu Tam-muội, Phật bảo Bồ-tát Bạt-đà-hòa: Nếu Sa-môn, bạch y nghe cõi Phật A-di-đà ở phương Tây, thường niệm Phật ở phương ấy, không được thiếu giới, nhất tâm niệm Phật, nếu một ngày đêm, hoặc bảy ngày bảy đêm, qua bảy ngày rồi sẽ thấy Phật A-di-đà, lúc thức không thấy thì ở trong mộng thấy. Ví như thấy trong mộng, không biết ngày, không biết đêm, cũng không biết trong, cũng không biết ngoài. Không phải ở trong tối nên không thấy, không phải bị che nay nên không thấy, như thế Bồ-tát Bạt-đà-hòa tâm nên khởi niệm như thế. Bấy giờ các cảnh giới cõi nước chư Phật tên là Đại sơn, Tu-di sơn những chỗ u tối đều khai sáng, mắt cũng không bị che, tâm cũng không bị trở ngại. Vị Bồ-tát Ma-ha-tát ấy không cần thiên nhãn mà nhìn thấu suốt, không nhờ thiên nhĩ mà nghe thấu suốt, không nhờ thần túc mà đến cõi nước Phật, không qua đời ở cõi này mà thấy sinh về cõi Phật kia. Ngay nơi cõi này ngồi thấy Đức Phật A-di-đà, những kinh Phật nói đều nghe nhận được, từ trong Tam-muội đều được đầy đủ và đem nói lại cho người nghe.

Trong kinh Quán Phật Tam-muội, Văn-thù tự trình bày nhân đời trước, rằng được niệm Phật Tam-muội sẽ sinh Tịnh độ, Đức Thế Tôn lại thọ ký rằng: “Ông sẽ được vãng sinh thế giới Cực lạc.”

Phẩm Hiền Hộ trong kinh Đại Tập chép: "Người cầu Vô thượng Bồ-đề, nên tu niệm Phật Thiền Tam-muội." Kệ rằng:

Nếu người xưng niệm Phật Di-đà
Gọi là vô thượng thâm diệu thiền
Khi dốc lòng tưởng tượng thấy Phật
Tức là pháp bất sinh bất diệt.

Kinh Thập Trụ Đoạn kiết chép: "Có bốn ức người tự biết chết đây sinh kia, liên quan với nhau không dứt, muốn sinh ở cõi nước vô dục."

Phật nói: "Tây phương cách đây vô số cõi nước, có Đức Phật tên là Vô Lượng Thọ, cõi ấy thanh tịnh, không có dâm nộ si, hóa sinh trong hoa sen chứ không có cha mẹ sinh ra, các vị nên cầu sinh về đó. Kinh Như Lai Bất Tư Nghì Cảnh Giới viết: Bồ-tát hiểu rõ chư Phật và tất cả pháp đều do tâm lượng, đắc được nhẫn tùy thuận, hoặc vào Sơ địa, bỏ thân chóng sinh về thế giới Diệu hỷ hoặc sinh trong Cực lạc Tịnh độ. Kinh Quỳ Nguyện Vãng Sinh viết: Cõi nước Phật nhiều vô lượng, vì sao chỉ cầu cõi Cực lạc? Một là do nhân thù thắng: Mười niệm là nhân; hai là duyên thù thắng: Bốn mươi tám nguyện độ khắp chúng sinh. Kinh Xưng Dương Chư Phật Công Đức viết: Nếu có kẻ nghe được tên Đức Vô Lượng Thọ Như Lai, một lòng tin ưa, người ấy khi mạng chung, Đức Phật A-di-đà và các Tỳ-kheo đứng ở trước người ấy, ma không thể làm hư hoại tâm chánh giác của người đó. Lại nói: Trì, phúng, tụng, niệm (kinh này) kẻ đó sẽ được phước vô lượng, lìa hẳn ba đường, sau khi mạng chung sẽ vãng sinh về cõi đó.

Kinh Đại Vân chép: "Này người thiện nam, ở phương Tây có một thế giới tên là An lạc, cõi ấy có Phật hiệu là Vô Lượng Thọ, hiện đang giảng nói chánh pháp cho chúng sinh nghe". Phật bảo một vị Bồ-tát: "Này người thiện nam. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni ở thế giới Ta-bà vì các chúng sinh bạc phúc độn căn mà nói kinh Đại Vân. Ông hãy đến đó dốc lòng lắng nghe, vì vị Bồ-tát ấy sắp đến đây, nên trước hiện điềm lành. Này người thiện nam, ông hãy nhìn thân các vị Bồ-tát ở cõi đó, cao năm mươi sáu ngàn do-tuần." "Bạch Thế Tôn, vị Bồ-tát đến đây danh hiệu là gì? Vì sao mà đến cõi này? Có lẽ là vì độ chúng sinh mà đến, cúi mong Như Lai vì các chúng sinh phân biệt giải thích". Này người thiện nam, Bồ-tát ở cõi ấy muốn nghe việc Tịnh Quang được thọ ký và muốn cúng dường Tam-muội ấy, vì lý do ấy mà đến đây.

Này thiện nam, vị Bồ-tát ấy tên là "Vô Biên Quang", thông đạt phương tiện, có khả năng giáo hóa, dẫn dắt một cách khéo léo".

Kinh Nhập Lăng-già chép: "Đại Tuệ ông nên biết, sau khi Thiện

thệ diệt độ, ở nước Nam Thiên trúc có đại danh đức Tỳ-kheo, hiệu là Long Thụ, có khả năng phá được hữu vô tông, hiển bày ngã trong thế gian, pháp Đại thừa vô thượng, đắc Sơ hoan hỷ địa, vãng sinh cõi An lạc. Kinh Đại Bi nói: Sau khi ta diệt độ nước Thiên trúc có Tỳ-kheo tên là Kỳ-bà-già, tu tập thiện căn vô lượng tối thắng, sau khi mạng chung sinh về Tây phương, cõi nước của Phật Vô Lượng Thọ cách đây trăm ngàn ức thế giới, về sau thành Phật hiêu là Vô Cấu Quang Như Lai.

IV. Vĩ ở trong vĩ

Như phẩm Tỳ-lô-giá-na trong kinh Hoa Nghiêm chép: "Lúc ấy, Đồng tử Đại Uy Quang, thấy Ba-la-mật Thiện Căn Trang Nghiêm Vương Như Lai thành Đẳng chánh giác, hiện năng lực thần thông liền đắc niệm Phật Tam-muội, gọi là Vô Biên Hải Tạng Môn."

Lại phẩm Quang Minh Giác chép: Lúc ấy, Quang Minh qua ngàn thế giới, đến chỗ Bồ-tát Nhất Thiết Xứ Văn-thù, mỗi người trong chỗ Phật đồng thời lên tiếng nói bài kệ như sau:

Trong tất cả oai nghi
Thường niệm công đức Phật
Ngày đêm không hề dứt
Nên làm nghiệp như thế.

Lại phẩm Hiền Thủ chép: Thấy người sắp mất khuyên họ niệm Phật lại bày tôn tượng để chiêm ngưỡng khiến khởi sự quy ngưỡng sâu xa với Đức Phật cho nên thành tựu được ánh sáng này. Lại trong Niệm tạng thứ tám của phẩm Thập vô tận tạng chép: Niệm này có mười loại đó là niệm tịch tĩnh, niệm thanh tịnh, niệm bất trược, niệm minh triệt, niệm ly trần, niệm ly chủng, niệm ly cấu, niệm quang diệu, niệm khả ái lạc, niệm vô năng chướng ngại. Lại phẩm Đâu-suất kệ tán chép: Bồ-tát Ly Cấu Tràng nói: Lấy Phật là cảnh giới, chuyên niệm không bỏ thì người ấy được gặp Phật, số Phật bằng số tâm.

Trong phẩm Thập hồi hướng, hồi hướng thứ mười chép: "Dùng pháp thí hồi hướng, nguyện được ức niệm và pháp giới, bình đẳng với tất cả chư Phật vị lai, hiện tại trong vô lượng, vô biên thế giới."

Trong phẩm Thập địa, mỗi địa đều nói rằng: Tất cả mọi việc làm đều không rời niệm Phật.

Phẩm Phật bất tư nghì pháp chép: Như Lai có mười thứ Phật sự:

1. Nếu có chúng sinh chuyên tâm nhớ nghĩ, thì được hiện tiền.

2. Nếu có chúng sinh tâm không điều thuận, thì nói pháp cho nghe.

Lại phẩm Nhập Pháp Giới chép: Tỳ-kheo Đức Vân bảo Thiện Tài rằng: Này người thiện nam, ta được tự tại quyết định giải lực, tín căn thanh tịnh, trí quang chiếu diệu, quán khắp cảnh giới, lìa tất cả chướng, đủ hạnh thanh tịnh, đến khắp mười phương, cúng dường các Đức Phật, thường nhớ nghĩ tất cả chư Phật Như Lai, tổng trì nhất thiết chánh pháp tất cả Phật, thường thấy tất cả chư Phật, tùy theo các thứ tâm ưa thích của các chúng sinh, mà thị hiện các pháp môn thành Chánh giác, ở trong đại chúng, làm Sư tử hống. Này người thiện nam, ta chỉ được ức niệm Nhất thiết chư Phật cảnh giới trí tuệ quang minh phổ kiến này, cái gọi là Trí quang phổ chiếu niệm Phật môn, nghĩa là thường thấy tất cả cõi nước của chư Phật, các thứ cung điện đều trang nghiêm thanh tịnh; khiến tất cả chúng sinh niệm Phật môn, tùy tâm ưa thích trong tâm của chúng sinh, đều khiến thấy Phật, được thanh tịnh; khiến cho an trú lực niệm Phật môn, khiến cho nhập mười phương của Như Lai, khiến cho an trú pháp môn niệm Phật, thấy vô lượng Phật, nghe nói pháp; chiếu diệu chư phương niệm Phật môn, đều thấy trong tất cả các thế giới bình đẳng không sai khác vì là biển chư Phật. Nhập bất khả kiến xứ niệm Phật môn, đều thấy tất cả cảnh vi tế, việc thần thông tự tại của chư Phật. Trụ trong chư kiếp niệm Phật môn, trong tất cả kiếp thường thấy các việc làm của Như Lai. Không hề lìa bỏ trụ nhất thiết thời niệm Phật môn, trong tất cả thời thường thấy Như Lai, thân cận cùng ở đều không lìa bỏ. Trú nhất thiết sát niệm Phật môn, tất cả cõi nước đều thấy thân Phật, vượt quá tất cả, không ai sánh bằng. Trú nhất thiết thế niệm Phật môn, tùy theo tâm ưa muốn của mình mà thấy khắp các Như Lai ba đời. Trú nhất thiết cảnh niệm Phật môn, đối với tất cả các cảnh giới đều thấy các Đức Như Lai thứ lớp hiện ra. Trú tịch diệt niệm Phật môn, ở trong nhất niệm thấy tất cả các Đức Phật ở trong tất cả cõi thị hiện Niết-bàn. Trú viễn ly niệm Phật môn, ở trong nhất niệm thấy tất cả Phật từ chỗ ở của các Ngài mà đi ra. Trụ trong quảng thái niệm Phật môn, tâm thường quán sát mỗi mỗi thân Phật đầy khắp tất cả các pháp giới. Trú vi tế niệm Phật môn, ở đầu một sợ lông có bất khả thuyết Như Lai xuất hiện, thảy đều phụng thờ. Trú trang nghiêm niệm Phật môn, ở trong nhất niệm thấy tất cả cõi đều có chư Phật thành Đẳng chánh giác hiện thần biến. Trụ năng sự niệm Phật môn, thấy tất cả Phật xuất hiện thế gian, phát ra ánh sáng trí tuệ, quay bánh xe pháp. Trú tự tại tâm niệm Phật môn, biết tùy theo sự ưa muốn của tự tâm, tất cả chư Phật hiện hình tượng. Trú tự nghiệp niệm Phật môn, biết tùy theo nghiệp chứa nhóm của chúng sinh mà hiện ảnh tượng, giúp họ giác ngộ. Trú thần biến niệm Phật môn,

thấy hoa sen rộng lớn mà Phật ngồi trùm khắp pháp giới và nở ra. Trú hư không niệm Phật môn, quán sát tất cả thân của Như Lai nhiều như mây trang nghiêm pháp giới, hư không giới.

Kinh Pháp Hoa chép: Nếu có nhân duyên, một mình vào nhà người thì phải nhất tâm niệm Phật, khất thực không có bạn, phải nhất tâm niệm Phật. Lại nói: Nếu người tâm tán loạn, bước vào trong chùa tháp, xưng rằng Nam-mô Phật, đều đã thành Phật đạo.

Kinh Tịnh Danh chép: Này Bảo Tích nên biết rằng trực tâm là Tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Phật không lừa dối chúng sinh và đến sinh vào nước kia. Thân tâm là Tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Phật đầy đủ chúng sinh công đức đến sinh vào nước kia. Tâm Đại thừa là Tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Phật, chúng sinh Đại thừa đến sinh vào nước kia. Bố thí là Tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Phật tất cả chúng sinh năng xả đến sinh vào nước kia. Trì giới là Tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Phật chúng sinh mãn nguyện vì hành thập thiện nghiệp đến sinh vào nước kia. Nhẫn nhục là Tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Phật, chúng sinh đủ ba mươi hai tướng trang nghiêm đến sinh vào nước kia. Tinh tấn là Tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Phật, chúng sinh khuyên tu tất cả công đức đến sinh vào nước kia. Thiền định là Tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Phật, chúng sinh nhiếp tâm không loạn động đến sinh vào nước kia. Trí tuệ là Tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Phật, chúng sinh chánh định đến sinh vào nước kia. Bốn tâm vô lượng là Tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Phật, chúng sinh thành tựu Từ Bi Hỷ Xả đến sinh vào nước kia. Bốn nhiếp pháp là Tịnh độ, khi Bồ-tát thành Phật, chúng sinh giải thoát do sở nhiếp của Ngài đến sinh vào nước kia. Phương tiện là Tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Phật, chúng sinh không bị tất cả phương tiện làm chướng ngại đến sinh vào nước kia. Ba mươi bảy phẩm là Tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Phật, chúng sinh có niệm xứ, chánh cần, thần túc, căn lực, giác đạo đến sinh vào nước kia. Tâm hồi hướng là Tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Phật, được tất cả cõi nước đầy đủ công đức. Nói trừ tám nạn là Tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Phật, cõi nước không có ba ác tám nạn. Tự giữ giới hạnh không dối khuyết là Tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Phật, cõi nước không có tên phạm cấm, là bậc phạm hạnh giàu có, nói lời thành thật chắc chắn, nói năng mềm mỏng, quyến thuộc không xa lìa, tranh cãi hiền hòa, lời nói ra có ích, không ganh ghét, không sân giận, có chánh kiến đến sinh vào nước kia. Như thế Bảo Tích, Bồ-tát tùy theo trực tâm tự thân mà phát hạnh, tùy phát

hạnh mà được thâm tâm, tùy thâm tâm mà ý điều phục, tùy ý điều phục mà làm theo lời nói, tùy việc làm theo lời nói ra mà hồi hướng, tùy hồi hướng mà có phương tiện, tùy phương tiện mà thành tựu chúng sinh, tùy thành tựu chúng sinh mà cõi Phật tịnh, tùy cõi Phật tịnh mà nói pháp tịnh, tùy nói pháp tịnh mà trí tuệ tịnh, tùy trí tuệ tịnh mà tâm tịnh, tùy tâm tịnh mà tất cả công đức tịnh. Như thế Bảo Tích, nếu Bồ-tát muốn có được Tịnh độ thì nên tịnh tâm mình. Tùy tâm mình tịnh mà cõi Phật tịnh. Lại nói, nếu Bồ-tát thành tựu tám pháp, nơi thế gian này thực hành không thiếu sót sẽ sinh về Tịnh độ. Tám thứ là những thứ gì?

1. Lợi ích chúng sinh mà không mong báo đáp.

2. Thay các chúng sinh chịu các khổ não.

3. Công đức làm ra đều dùng bố thí.

4. Tâm bình đẳng với chúng sinh, khiêm hạ không ngăn cách.

5. Xem các Bồ-tát như Phật.

6. Kinh chưa nghe, khi nghe không nghi.

7. Không làm trái với Thanh văn, không ghen ghét sự cúng dường của kẻ khác, không đề cao lợi bản thân mà giữ mức ung dung.

8. Điều phục tâm mình, thường tỉnh táo sáng suốt với lỗi tự thân, không bàn cãi sở đoản của người, hằng một lòng cầu các công đức.

Kinh Niết-bàn chép: Bồ-tát có sáu niệm, niệm Phật là bậc nhất. Lại chép: Nhờ năng lực nhân duyên buộc niệm tư duy nên dứt được phiền não.

Kinh Đại Bi chép: Niệm Phật một câu, nhờ thiện căn này, nhập cõi Niết-bàn, không thể cùng tận.

Kinh Đại Bát-nhã chép: Phật bảo Mạn-thù-thất-lợi rằng: Bồ-tát có khả năng chánh tu hành Nhất tướng trang nghiêm Tam-muội, mau chứng Bồ-tát. Những người tu hành này nên xa rời nơi huyên náo, không nghĩ đến tướng chúng sinh, chuyên tâm buộc niệm niệm một Đức Như Lai, xét lấy danh tự, khéo tưởng dung nghi, tức là quán, khắp tất cả chư Phật ba đời, liền được tất cả trí tuệ của chư Phật.

Kinh Tọa Thiền Tam-muội chép: Bồ-tát ngồi thiền không nhớ nghĩ tất cả, chỉ niệm một Đức Phật, liền được Tam-muội.

Kinh Tăng nhất A-hàm chép: Dùng bốn sự cúng dường tất cả chúng sinh trong Diêm-phù-đề, nếu có người xưng danh hiệu Phật, chỉ trong khoảnh khắc có công đức hơn trên không thể nghĩ bàn.

Kinh Văn-thù Bát-nhã chép: Phật bảo Văn-thù: Người muốn nhập Nhất hạnh Tam-muội, thì nên ở chỗ vắng, lìa bỏ các loạn ý, không giữ tướng mạo, buộc tâm vào một Đức Phật, chuyên xưng danh tự, tùy

theo chỗ ở, thân ngồi thẳng, mắt nhìn thẳng, đối với một Đức Phật, niệm niệm nối nhau, thì trong niệm ấy sẽ thấy các Đức Phật trong quá khứ, hiện tại và tương lai. Niệm một công đức Phật và niệm vô lượng công đức Phật không có gì khác nhau. Phật pháp mà A-nan đã nghe vẫn trụ trong số lượng, nếu được Nhất hạnh Tam-muội, pháp môn các kinh, mỗi mỗi phân biệt, thảy đều rõ biết, ngày đêm giảng nói, trí tuệ biện tài không bị đoạn tuyệt, A-nan dù học rộng biện tài, nhưng trăm ngàn phần cũng không bằng một phần người này.

Kinh Đại Tập chép: Nếu người chuyên niệm Đức Phật một phương, hoặc đi hoặc ngồi đến bốn mươi chín ngày hiện thân thấy Phật liền được vãng sinh.

Kinh Pháp Hoa Tam-muội quán: Chúng sinh mười phương ai xưng Nam-mô Phật đều sẽ thành Phật. Chỉ có một Đại thừa, không có hai ba, tất cả các pháp một tướng, một môn, gọi là vô sinh vô diệt rốt ráo không tướng. Tu quán như thế, ngũ dục tự dứt, năm cái tự hết, ngũ Căn tăng trưởng, liền được thiền định. Kinh Na-tiên chép: "Vua hỏi Na-tiên: Người suốt đời làm ác, lúc sắp qua đời niệm Phật, được sinh về cõi Phật, ta không tin lời ấy. Na-tiên đáp: Giống như việc bỏ tảng đá lớn lên thuyền sẽ không bị chìm. Con người tuy ác nhưng nhờ niệm Phật nên không bị đọa. Còn hòn đá nhỏ lại bị chìm, giống như người làm ác mà không biết niệm Phật, nên bị đọa vào địa ngục." Tụng rằng:

Lời miệng vàng Như Lai
Khen ngợi cõi Tây phương
Như vào thành Trường An
Vào Đông, Tây, Nam, Bắc
Vào rồi là một thành
Không riêng đô thành vua
Phổ Hiền trưởng tử Phật
Văn-thù thầy bảy Phật
Thụ ký và hồi hướng
Quả vị này vãng sinh
Họ Thích được pháp nhẫn
Thiện Tài chứng quả Phật
Tận mặt thấy Di-đà
Bồ-tát này vãng sinh
Long Thụ phá hữu vô
Kỳ-bà căn tối thắng
Đều được Phật thọ ký

Thiền sư này vãng sinh
Nghe Phật tâm tin ưa
Tụng niệm và thọ trì
Tảng đá bỏ trong thuyền
Là vãng sinh hạ liệt
A-nan tài học rộng
Đứng đầu đệ tử Phật
Chẳng bằng niệm một Phật
Đốn rõ các kinh pháp
Vì sao nhà nghĩa giải
Lại xem thường niệm Phật
Các pháp môn chánh niệm
Trong kinh đều nói đủ
Chỉ một pháp Đại thừa
Không hai cũng không ba
Kính khuyên người ngộ đạt
Xin chớ có cuồng giải
Nhất tâm niệm Di-đà
Hoa sen mọc theo niệm
Đây là thường tịch quang
Chẳng phải báo phương tiện
Quán như thế là chánh
Chớ vọng sinh phân biệt
Tam Thừa thiền, giáo, luật
Đồng về biển Tịnh độ
Tất cả pháp đều nhập
Là phổ môn vô thượng
Biển giáo nghĩa vô lượng
Nên quán một phần nhỏ
Trùm khắp chỗ tối tăm
Trong đây có toàn tạng.

THỨ 4: GIÁO TƯỚNG MÔN

Một đại tạng giáo, như bình đựng hư không, không vô tướng thể, bình có vuông tròn, bình vỡ thì hư không không mất, duyên mất giáo diệt. Cho nên tùy duyên khắp ứng, thì Niết-bàn và chân như cùng một đồ đựng, gọi là trí tự tại thì duyên trì danh tướng, vì cùng là không. Thuốc không có phương nhất định, phương nhất định phải tùy theo bệnh. Há

chẳng phải là phương thuốc hay vô thượng như vụn ngọc san hô có thể trị được bốn trăm lẻ bốn bệnh. Bệnh hết thì thuốc quý, phân tiểu tức là đề hồ, khác chứng cùng phương, sâm linh trở thành thuốc độc. Huống gì thuốc của Đấng Vô thượng y vương trị Tam Thừa xuất thế, có thể chữa trị được bệnh tật của trời, người, Thanh văn, phàm phu... Cho nên người xưa y cứ vào giáo, hoặc một, hoặc nhiều, danh tướng tuy khác nhau, nhưng lý thú thì giống nhau, người tu đạo không giấu tật xấu cũ, thầm nương các bậc tiên triết phân biệt các câu để làm sáng tỏ nhất thừa khiến người xem biết pháp môn Tịnh độ thâu nhiếp giáo pháp một thời đại, chớ vì hiểu khái quát Thiền tông mà coi thường cuồng nghĩa hổ (?), đó là sự tự lừa dối mê hoặc chính mình. Gồm có:

- Thuần hữu giáo.
- Xu tịch giáo.
- Hữu dư giáo.
- Vô dư giáo.
- Đốn ngộ giáo.
- Viên cực giáo.

1. Thuần hữu giáo.

Vì các phàm phu mê đắm ái nhiễm, gây ra các nghiệp ác, Như Lai thương xót nên nói cho nghe về nỗi khổ ở địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, khổ không có phước đức, chấp ngã sở, muốn sinh lên cõi trời, người thì phải tu thiện căn như Phật mới thành đạo, vì Đề-vị nói nhân quả thế gian. Năm trăm người đồng thọ năm giới, trước hết sám hối những tội như tội ngũ nghịch, mười điều ác, báng pháp... đây là Hữu giáo; trong ba thứ phước của Quán kinh thì đầu tiên là hiếu thảo dưỡng nuôi cha mẹ, thờ phụng sư trưởng và có lòng Từ bi không sát sinh, tu thập thiện nghiệp. Trong kinh Vô Lượng Thọ lại nói đến nỗi khổ năm ác, năm thống, năm thiêu, giáo hóa chúng sinh, khiến giữ năm điều lành, cũng thuộc về nghĩa này, nhưng kinh này là cầu vãng sinh, ngăn những điều bất thiện, chứ không phải là tâm vui mừng với tiểu quả trời, người. Tu trì là đồng, chứng quả là khác. Như Lăng-nghiêm, Hoa Nghiêm các kinh Phương Đẳng tuy không đơn thuyết, nhưng cũng có kèm theo, không gọi là thuần hữu, Quán kinh sao chép: Hành giả viên đốn, đâu trái với hình thức xuất gia của Tiểu thừa, các giới tam quy y, các việc uy nghi. Lại nói rằng: Người được trước trước không được sau sau, người được sau sau không được trước trước. Vì sao? Vì tất cả chư Phật đều do thập thiện mà được độ. Kinh Hoa Nghiêm chép: Mười nghiệp đạo bất thiện là nhân thọ sinh địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Mười

nghiệp đạo thiện là nhân thọ sinh trời, người, cho đến trời hữu đảnh. Thượng phẩm của mười nghiệp đạo này dùng trí tuệ tu tập. Vì tâm thấp kém, vì sợ hãi ba cõi, vì thiếu tâm đại Bi, từ nghe người nói mà hiểu được nên thành Thanh văn thừa. Lại thượng phẩm mười nghiệp đạo lành này, tu trì thanh tịnh, không theo giáo pháp khác, tự giác ngộ, đại bi phương tiện không đầy đủ, ngộ giải sâu xa pháp nhân duyên, thành "Độc giác thừa" lại thập thiện nghiệp thượng thượng này, tu hành. Tu trị thanh tịnh, tâm rộng lớn vô lượng, có lòng Từ bi thương xót, phương tiện sở nhiếp nên phát sinh đại nguyện, không lìa bỏ chúng sinh, mong cầu đại trí chư Phật, tịnh tụ Bồ-tát các địa, tịnh tu tất cả các độ, thành hạnh rộng lớn của Bồ-tát. Vì từ nhất thiết chủng thanh tịnh cho đến chứng mười Lực vô úy, tất cả Phật pháp đều thành tựu, cho nên nay ta thực hành bình đẳng thập thiện, phải khiến tất cả đầy đủ thanh tịnh, cho đến Bồ-tát chứa nhóm thiện căn như thế, thành tựu, tăng trưởng thiện căn, tư duy thiện căn, hệ niệm thiện căn, phân biệt thiện căn, yêu thích thiện căn, tu tập và an trụ thiện căn, Bồ-tát Ma-ha-tát chứa nhóm thiện căn như thế rồi, dùng thiện căn có được này nương vào quả tu hạnh Bồ-tát. Trong mỗi niệm thấy vô lượng Phật, như sự mong cầu mà ứng hiện, thờ phụng cúng dường. Tuy vô sở tác nhưng luôn trụ ở thiện căn. Lại nói: Tuy biết các pháp không có chỗ nương tựa nhưng nói nhờ thiện pháp mà được ra khỏi. Xin khuyên kẻ ngộ đạt manh mẽ bỏ đi lời hoát đạt mà sớm tìm bạn Bạch xã không mời, chớ khinh giới luật, trên trời không có Đức Phật tạo nghiệp; chớ tham hư danh, dưới đất có quỷ đối chứng. Liêng ban không xa xin cố gắng hơn.

2. Xu tịch giáo: Tức giáo nhị thừa tịch diệt xu hướng Niết-bàn, trang nghiêm cõi nước, lợi tha, bất sinh hỷ lạc, đó là giáo pháp của Tiểu thừa và Tịnh độ Đại thừa. Nay nói phần nhiếp, vì kinh Vô Lượng Thọ và Quán kinh đều có Tu-đà-hoàn, cho đến khi đắc quả La-hán. Người xưa nói: Tiểu thừa bất sinh, y cứ quyết định tánh bất sinh, trong đây nói về sinh, vì trong đây trước phát tâm Đại thừa và ươm thành hạt giống. Thoái tâm hạ địa, phải từ sắp lâm chung bỏ tiểu hướng về đại mà vãng sinh.

Hỏi: Đã hồi tâm hướng đại, vì sao đến đây vẫn chứng tiểu quả?

Giải thích: Vì thoái Đại đã lâu, công phu tu tập Tiểu thừa sâu dầy, cho nên Phật ấy theo thói quen chúng sinh mà nói Tiểu thừa và khiến cho chứng quả. Lại việc chứng tiểu quả này, không giữ tiểu vị mà trụ, lại khởi phát đại tâm, tiến tới càng nhanh, hoặc năm kiếp hoặc mười kiếp được thành Sơ địa, tầng bậc như thế do đó thù thắng, cho nên

không giống nhau. Lại nói trong kinh cũng có Tần-bà chứng quả A-na-hàm, nhưng chẳng phải là căn cơ mà giáo này bao trùm, nay chính là vì Vi-đề-hy... mà giảng nói Tịnh độ quán, vẫn chẳng phải Thông Biệt, chẳng lẽ là Tiểu thừa. Như Phật Thích-ca ra đời, cũng có Thanh văn rốt ráo Đại thừa, đó chính là xe dê, xe nai... chẳng phải xe thực.

3. Hữu dư giáo: Rõ chân lý hai không, tu tập muôn hạnh, hướng về quả Phật Đại Thừa, nhưng không chấp nhận Xiển-đề và Nhị thừa thành Phật, vì Xiển-đề là vô tánh, Nhị thừa là định tánh, chắc chắn không thể thành Phật, không cùng tận chân lý Đại thừa, nên gọi là hữu dư. Kinh này nói trừ hạng người phạm tội ngũ nghịch không được vãng sinh. Lại nói hàng Nhị thừa không được vãng sinh, giáo nghĩa dường như đồng, Nhị thừa ở trên đã giải thích rồi. Nói người phạm tội ngũ nghịch không được vãnh sinh là vì họ phỉ báng Phật pháp nên không có tín tâm, chẳng phải là vô tánh, chắc chắn không thể thành Phật. Cho nên trong Quán kinh nói chúng sinh phá giới khi sắp qua đời những hình ảnh ghê sợ hiện ra, nghe khen ngợi công Đức Phật nên lửa dữ địa ngục hóa thành gió mát. Cho đến người phạm tội ngũ nghịch, thập ác mà niệm đủ mười niệm thì hoa sen vàng lớn như vầng mặt trăng, trong khoảng sát-na đều được vãng sinh, đó là công đức không thể suy nghĩ bàn luận của tự tánh nhờ năng lực không thể suy nghĩ bàn luận của Phật được biểu hiện. Cho nên nếu không có Phật tánh thì như đá trai cặn đục, đâu thể thấu đến mặt trăng. Nên biết niệm có công năng hiển bày Phật tánh, vãng sinh như thế là thuộc về tánh lực, như mặt trời có công năng hiển bày hư không, hư không chẳng phải do mặt trời mà được biểu hiện. Cho nên tất cả chúng sinh đều sẽ thành Phật, vì vậy không đồng thỉ giáo, là giáo hữu dư.

4. Vô dư giáo: Tất cả chúng sinh đều bình đẳng một tánh, đều sẽ thành Phật, đó là giáo phái cao tột của Đại thừa. Chỉ có một tự tâm làm giáo thể, nên gọi là vô dư. Pháp môn Tịnh độ này nương vào các pháp tánh, nguyện..., cuối cùng đều trở về nhất tâm, cho nên trong kinh nói nhất tâm bất loạn liền được vãng sinh. Lại trong Đại bản nói ba bậc vãng sinh về cõi kia đều là những vị đã phát tâm vô thượng Bồ-đề, tâm Bồ-đề tức là Phật tánh. Kinh Hoa Nghiêm chép: "Tâm Bồ-đề giống như hạt giống, có công năng sinh ra tất cả các Phật pháp, giống như thửa ruộng tốt, có công năng làm cho pháp bạch tịnh của chúng sinh mọc lên. Giống như mặt đất có công năng nâng đỡ tất cả thế gian. Giống như nước sạch có công năng rửa sạch tất cả cấu uế phiền não. Giống như gió mạnh thổi khắp thế gian không hề chướng ngại. Giống như lửa dữ, có

công năng đốt cháy tất cả các thứ củi kiến chấp, có nói rộng trong kinh ấy. Nên biết tâm Bồ-đề là thuốc bổ trong siêu sắc thuốc, niệm Phật là mạch dẫn thuốc. Kinh Hoa Nghiêm chủ trương lúc mới phát tâm liền thành Thánh giáo, tức là nghĩa này. Năm địa vị gia hạnh của Bồ-tát cũng chỉ là mạch dẫn trong thuốc mà thôi. Vô lượng diệu hạnh đâu có gì ngoài Tam-muội Nhất hạnh.

5. Đốn ngộ giáo: Luận Trưởng giả chép: Chỉ cần một niệm không sinh thì gọi là Phật, không nói theo địa vị thứ lớp, nên lập thành Đốn giáo. Như kinh Tư Ích chép: Người được chánh tánh của các pháp, không từ một địa đến một địa. Kinh Lăng-già chép: Thập địa là sơ địa, sơ địa là bát địa, cho đến không hề có thứ lớp gì. Nên biết Đốn tức là nghĩa không trải qua thứ lớp. Thiên Thai Quán kinh sớ chép: Đốn ngộ như tiệm nhập, đó tức là Đốn giáo. Chính là phu nhân Vi-đề-hy và các thị nữ đều là phàm phu, chưa chứng tiểu quả, cho nên biết là Đốn, không từ Tiệm mà vào. Sớ sao chép: Đốn trong kinh này thuộc về hóa pháp, lấy Viên làm Đốn, vì sao? Vì giác vị vô sinh nhẫn, Biệt giáo thì ở sơ địa, Viên giáo thì ở sơ trụ. Phàm phu của Biệt giáo trải qua vô số kiếp mới đến giai vị này, chỉ có Viên giáo ngay đời này có thể nhập vào. Ở đây y cứ vào bà Vi-đề-hy ngay thân này được nhẫn, thuộc về Đốn, là Viên đốn. Kinh khác nói thọ giới Bồ-tát, các đời nối nhau, giới hạnh không thiếu, trải qua một kiếp, hai kiếp, ba kiếp mới đến sơ phát tâm trụ. Cứ như thế tu hành vô lượng hành nguyện như mười Ba-la-mật... nối nhau không đứt quãng, đủ một muôn kiếp, đến Chánh tánh trụ thứ sáu, từ đây tu hành tiến lên mới đến bất thoái trụ thứ bảy. Nay trong kinh này, người phạm tội ngũ nghịch mười đường ác, trì danh liền vãng sinh, đều không còn lui sụt, chính là hợp với nghĩa Đốn. Như những lời "Tâm này làm Phật, tâm này là Phật"... trong Quán kinh đều chỉ thẳng Tâm tông, không còn quanh co. Lại như một câu Di-đà, phải quấy đều dứt bỏ thì có gì để vướng mắc, cho nên người xưa gọi nó là công án đầu tiên. Trong đáy chảo nước sôi đâu có thể còn cục băng, trong đống lửa dữ đâu còn dư một ngọn cỏ. Dù Đạt-ma có sống lại cũng không dời đổi được lời tôi, nếu còn do dự sẽ luống qua muôn dặm ngàn năm.

6. Viên cực giáo: Cho nên trong Từ Ân Thông Tán chép: Các bậc tiên đức Trung Quốc đều xếp kinh luận vào bốn tông: Tông Lập tánh, tông Phá tánh, tông Phá tướng và tông Hiển thật. Kinh Niết-bàn, Pháp Hoa, Hoa Nghiêm... hiển bày nghĩa Trung đạo chân thật, bỏ hóa thành trở về bảo sở, cho nên biết kinh Di-đà thuộc về tông thứ bốn. Lại y cứ vào giáo để chuẩn định tông thì có tám tông: tông Ngã pháp câu hữu,

tông Hữu pháp vô ngã, tông Pháp vô khứ lai, tông Hiện thông giả thật, tông Tục vọng chân thật, tông Chư pháp đản danh, tông Thắng nghĩa giai không và tông Ứng lý viên thật. Như kinh Hoa Nghiêm và kinh Di-đà thuộc về tông thứ tám. Lại như Thiền sư Chân Hiết Thanh Liễu... y cứ vào ngàn hạt châu trên mành lưới của trời Đế Thích để phát minh ý nghĩa viên dung của Tịnh độ, các sách đều có ghi chép. Gần đây có vị lão túc phối hợp Hoa Nghiêm với kinh này, cho rằng Viên giáo hoàn toàn được thâu nhiếp trong kinh này, phần này thuộc về Viên giáo, được một phần ít Viên giáo, phần thuộc Viên giáo. Y cứ vào sự phán nghĩa của kinh thì có chỉ thú rất sâu, chỉ có nghĩa viên mãn cùng cực, không hoàn toàn vô phần, như mặt trăng in bóng xuống dòng sông thì các dòng sông đều có mặt trăng, cho đến bình hư, ao, hồ, một tấc nước cũng đều có mặt trăng không thiếu sót. Như gió thổi trên cây, cây nào cũng đều có gió một chiếc lá, một cọng cỏ cũng đều có gió, không thiếu sót. Nếu trong Viên có phần thì Viên có đoạn, nếu trong phần chẳng có toàn thì Viên tức không khắp, phần và toàn đều trái nhau thì nghĩa Viên không thành. Ở đây y cứ vào lý Viên cực của Liên tông mà chia ra làm năm nghĩa: Nghĩa Sát hải tương hàm (các cõi nước dung chứa lẫn nhau), nghĩa Tam thế nhất thời (ba đời cùng một lúc), nghĩa Vô tình tác Phật (vô tình thành Phật), nghĩa Y chánh vô ngại (y báo, chánh báo vô ngại), nghĩa Sung biến bất động (trùm khắp bất động).

- Nghĩa Sát hải tương hàm: Cõi nước báo thân, hóa thân của tất cả chư Phật nhiếp nhập lẫn nhau, toàn kia là toàn đây, không hề ngăn ngại. Nếu chấp không nhiếp nhập thì đó là tình kiến, tình kiến chẳng phải thật, như trong một ngôi nhà hàm chứa một hư không. Trong đó, hoặc người, hoặc súc sinh, hoặc quỷ, hoặc côn trùng, hoặc ghế, hoặc bình, hoặc giá máng áo đều nương hư không mà kiến lập, khi hư không thuộc về người thì hư không mà các quỷ, súc sinh, côn trùng, ghế, bình, giá máng áo nương tựa tất cả đều thuộc về người. Khi hư không thuộc về quỷ thì hư không mà người, súc sinh, côn trùng, ghế, bình, giá máng áo nương tựa tất cả thuộc về quỷ. Khi hư không thuộc về côn trùng thì hư không mà người, quỷ, súc sinh, ghế, bình nương tựa tất cả đều thuộc về côn trùng, khi hư không thuộc về giá máng áo thì hư không mà người, quỷ, súc sinh, ghế, bình nương tựa đều thuộc về giá máng áo. Xen nhau mà không lẫn lộn, lìa nhau mà không cách, chẳng phải nhập chẳng phải không nhập, cho nên kinh chép: Cõi nước tươi sáng thanh tịnh, trùm khắp không gì bằng, soi suốt vô lượng vô số không thể suy nghĩ, bàn luận thế giới. Như trong gương sáng hiện các hình ảnh, nên biết cõi tịnh

cõi uế ánh sáng đan xen, nhiếp nhập lẫn nhau, như đốt ngàn ngọn đèn trong một ngôi nhà.

- Nghĩa tam thế nhất thời: chúng sinh tình kiến chấp có thời phân, những việc ở quá khứ, hiện tại, vị lai... y cứ vào Thật tướng thì thể tánh của thời gian là không có thật. Vì sao? Vì nếu chấp sáng tối là thời gian thì sáng tối là nghiệp tướng, như người bệnh mắt thấy có hoa đốm, chẳng phải tướng nhất định. Nếu chấp già trẻ là thời gian thì già trẻ là huyễn chất, như gió thổi vào mành lưới rách nát, chẳng có hình chất nhất định, cho nên nói trong ấy làm gì có nghĩa thật. Ở đây y cứ vào hai nghĩa kéo dài và rút ngắn nhiếp nhập vào nhau để nói về thể của thời gian, một là, trong sự rút ngắn có kéo dài; hai là, trong sự kéo dài có rút ngắn. Một là, trong sự rút ngắn có kéo dài: Như người nhờ nằm ngủ mà mộng thấy đi qua các thành ấp, xóm làng và thấy người xưa, buồn khóc và tươi cười rõ ràng. Trải qua thời gian một tháng, tỉnh dậy bèn hỏi người mình ngủ mê trong bao lâu, người hầu đáp rằng trải qua thời gian mấy ngàn quan tiền. Người ấy tự nghĩ mình ngủ không bao lâu sao lại trải qua sự biến đổi như thế? Ghi nhớ rõ ràng, chẳng bệnh chẳng say, lần lượt nhớ lại việc ấy, rốt cuộc thấy không thật có. Hai là, trong sự kéo dài có sự rút ngắn: Như người hai mươi tuổi bỗng bị bệnh điên, nuốt dao, bốc lửa, hoặc nói chuyện vị lai cho người nghe, hoặc vui cười như thường với vợ con và sinh con trai con gái, hoặc bỗng nhiên giỏi về văn, biên soạn các sách vở, suốt ba mươi năm như vậy, tình cờ được một người lạ chú nguyện vào nước cho uống, người ấy như ngủ chợt thức giấc, cho rằng lúc hai mươi tuổi như việc mới hôm qua. Người trong nhà bấm ngón tay tính số năm, sinh ra con cái và biên soạn các sách, người ấy tự nghĩ vốn không có năm thì làm gì có việc ấy, cũng không còn nhớ bệnh hay không bệnh. Y cứ vào hai thí dụ này đấp đổi quán sát, rốt ráo không thật có ba đời, cho nên kinh chép: Quán thời gian lâu xa kia như hiện tại hôm nay, trong thời gian khoảnh khắc mà lần lượt kính thờ các Đức Phật, khắp các thế giới mười phương, đó là ba đời không có khoảng cách. Ba đời không có khoảng cách vì thế thể của thời gian không thật có.

- Nghĩa Vô tình tác Phật: Trong quyền giáo nói có tình có Phật tánh, vô tình không Phật tánh, tất cả cỏ cây khí thế giới không thể thành đạo và quay bánh xe pháp, đây là tình chấp gượng chấp, thuộc ý tức có, ngay thuộc vật tức không, chẳng rõ các pháp đều an trụ vào pháp vị của nó. Vì sao? Vì ý là sắc, là không căn, là từ xưa đến nay, là vô tình, vì một vô tất cả vô, vì xanh vàng là ý, vì gió thổi hang trống có tiếng

là ý, vì cỏ cây ngói gạch là ý, vì là hữu tình, vì một hữu tất cả hữu, cho nên biết tình chính là tình, vừa có thể nói tự, vừa có thể nói vật, không nên nói rằng ai vô ai hữu, như đôi vợ chồng sinh ra một đứa con, không nên nói rằng ai sinh, ai không sinh. Tóc, lông, móng, răng cũng là vô tình, cùng với ta đều là Phật hay cùng với ta đều không phải Phật. Trong mộng thấy núi, thấy sông, thấy cây thấy đá cũng là vô tình, là thuộc về tình tưởng hay chẳng thuộc tình tưởng? Nên biết trong đây còn không có ngã hay chẳng phải ngã, vì sao chấp có tình hay vô tình? Cho nên trong kinh nói cây báu đạo tràng có công năng làm thanh tịnh các căn, gió thổi qua cây, nước chảy thành tiếng đều giảng nói pháp mầu, không một vật nào chẳng phải thân Phật, không một vật nào chẳng quay bánh xe pháp, chẳng lẽ tình kiến hiểu sai mà chấp kể được hay sao?

- Nghĩa Y chánh vô ngại: Y là khí giới, chánh là thân căn, nếu y cứ vào phàm tình tức là chấp một cách ngang xương có y có chánh, nghĩa này chẳng thật, vì sao? Nếu nói hư không là y báo, như người há miệng thì hư không vào, cho đến lỗ chân lông, khớp xương, trong bụng cũng đều có hư không, vậy thuộc về y báo hay thuộc về chánh báo? Nếu nói đất nước gió lửa là y báo, như người khạc nhổ vào ống là nước, tóc cháy thành đất, hai tay xoa vào nhau thành lửa, hà hơi là gió, như vậy thuộc về y báo hay chánh báo. Cho nên trong kinh nói vô lượng hoa báu, trong mỗi hoa phát ra ba mươi sáu ức na-do-tha trăm ngàn ánh sáng, trong mỗi ánh sáng phát ra ba mươi sáu ức na-do-tha trăm ngàn Đức Phật, các Ngài giảng nói tất cả pháp cho chúng sinh trong mười phương nghe. Nhờ năng lực Phật nên hiện ra hoa báu, vì là hoa báu nên lại hiện ra chư Phật. Cho nên biết rằng toàn thể một cõi đều là thân Phật, tất cả các cõi đều như thế. Không một thân nào chẳng phải cõi Phật, tất cả các thân đều như thế. Chẳng phải do thần lực Phật biến hiện, mà chỉ là Nhất chân pháp giới, vì trí là y chánh.

- Nghĩa Sung biến bất động: Chúng sinh vọng chấp thân Phật có đến đi mà thật ra thân Phật không đến không đi, cũng chẳng không đến không đi. Ví như chim bay trong hư không một ngày cả ngàn dặm, hư không chẳng theo chim, chim không lìa hư không, cho nên kinh phép: Phật A-di-đà thường ở phương Tây, lại nói đến chỗ tất cả hành nhân. Như trong kinh Niết-bàn, Phật dạy: Này người thiện nam, trong thành Ba-la-nại có vị Ưu-bà-di đã gieo trồng thiện căn với Phật Vô Lượng Quang ở thời quá khứ. Vị Ưu-bà-di này trong chín mươi ngày mùa hạ xin cúng dường thuốc thang cho chúng Tăng. Bấy giờ, trong chúng có một vị Tỳ-kheo bị bệnh nặng, thầy thuốc xem bệnh bảo phải dùng thịt,

nếu không có thịt thì bệnh sẽ không hết.

Bấy giờ, vị Ưu-bà-di tự cầm dao lóc thịt ở bắp đùi mình trao cho vị Tỳ-kheo bệnh, Tỳ-kheo ăn xong liền hết bệnh. Vị Ưu-bà-di này bị vết thương làm đau đớn không thể chịu nổi, liền thốt lên rằng: Nam-mô Phật-đà, Nam-mô Phật-đà. Lúc ấy, ta ở thành Xá-vệ nghe âm thanh ấy liền khởi tâm đại Từ đối với cô gái ấy, cô gái này liền thấy ta dùng thuốc hay bôi lên vết thương, vết thương liền lành lặn như lúc đầu. Ta liền nói pháp bằng mọi cách cho nghe. Cô gái nghe pháp vui mừng, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này người thiện nam, lúc bấy giờ, ta thật không đến thành Ba-la-nại cầm thuốc bôi vào vết thương vị Ưu-bà-di, nên biết đều là do năng lực của thiện căn từ bi khiến cho cô gái ấy thấy sự việc như thế.

Lại nữa, người thiện nam, Điều-đạt là người ác, tham không biết đủ, vì thường uống bơ nên bị nhức đầu sình bụng, chịu khổ não dữ dội, bèn niệm rằng: Nam-mô Phật-đà, Nam-mô Phật-đà. Bấy giờ, ta trụ trong thành Ưu-thiền-ni, nghe âm thanh ấy liền sinh tâm từ, khi ấy Điều-đạt liền thấy ta đến chỗ ông ấy đưa tay xoa, trao cho nước muối bảo uống, Điều-đạt uống vào liền bình phục. Này người thiện nam, Ta thật không đến chỗ Điều-đạt, xoa đầu xoa bụng, trao cho nước nóng bảo uống, nên biết đều là do năng lực của thiện căn từ bi khiến cho Điều-đạt thấy sự việc như thế.

Lại nữa, này người thiện nam, nước Kiều-tát-la có bọn cướp đông đến năm trăm tên. Vua Ba-tư-nặc sai quân đi bắt, sau khi bị bắt các tên cướp bị móc mắt và bỏ trong khu rừng tối tăm, chịu khổ não dữ dội, mỗi người đều xưng rằng Nam-mô Phật-đà, Nam-mô Phật-đà, kêu gào than khóc. Bấy giờ, ta trụ trong tinh xá Kỳ-hoàn, nghe âm thanh ấy liền sinh tâm từ, lúc ấy có ngọn gió mát thổi các thứ thuốc thơm trong hương sơn vào đầy mắt của các tên cướp mù, họ liền được bình phục như trước không khác. Các tên cướp được sáng mắt liền thấy Đức Như Lai đứng trước mặt nói pháp cho nghe, nghe pháp xong các tên cướp liền phát tâm Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Này các thiện nam, bấy giờ ta thật không có làm gió thổi các thứ thuốc thơm trong núi Hương Sơn, không đứng trước mặt bọn người ấy nói pháp cho nghe. Nên biết đều là do năng lực của thiện căn Từ bi khiến bọn cướp ấy thấy những việc như thế.

Các sự việc trên đây đâu thể nào suy nghĩ bàn luận, nói chung đều là Nhất chân pháp giới, không được nói là do tự tâm cảm thấy, cũng không được nói tâm và Phật hoà hợp, vì trong Phật địa lìa tự, lìa tha,

lìa hoà hợp. Cho nên người nhập vào pháp môn này thì không đồng với tình kiến phân biệt chấp trước của phàm phu. Như Ngài Thanh Lương có dạy: Phật A-di-đà chính là Bổn sư Lô-xá-na, vẫn còn thuộc về tình lượng, vì sao? Vì các thế giới ở mười phương chỉ là một cảnh trí duy nhất, không có Phật riêng.

Hỏi: Trong luận có trích dẫn kinh Niết-bàn nói rằng do năng lực của thiện căn Từ bi, hoặc pháp tánh Như Lai vô nhân ngã xa gần, chúng sinh chịu khổ đều là cảnh tướng trong tánh Như Lai phải không?

Đáp: Chỉ nói được chánh nhân Phật tánh, nhưng nói về chánh nhân thì chỉ riêng Như Lai, tuy tánh chúng sinh cũng thế, nhưng chúng sinh bị nghiệp làm chướng ngăn nên thấy người khác chịu khổ dù có đến chỗ người ấy cũng còn không cứu được, huống gì không đến mà cứu được hay sao. Trong giáo lý nói Bồ-tát Bát địa trở lên nếu ta niệm danh hiệu các Ngài một biến thì liền được lợi ích, vì nghiệp phân biệt đã hết nên tự nhiên được như thế. Cho nên Hòa thượng Đỗ Thuận một khi bước chân vào chùa thì trong mười năm không ai trộm cắp. Ngài tự nói rằng nhiều đời Ngài không gây tạo nghiệp trộm cắp cho nên được quả báo như thế. Đời Tống có Trâu-đố-đà, hễ ai thấy mặt ông ấy thì liền bị tai họa, gần đây có người cung phi rất nghèo, hễ tay cô chạm phải vật gì thì vật đó thành đồ phế bỏ, không còn sử dụng được, đó là do nghiệp lực nhiều đời mà bị quả báo như thế, không có gì lạ.

THỨ 5: **LÝ ĐẾ MÔN**

Ngay nơi tánh là tướng, chẳng phải có, chẳng phải không, môn lý sự không ngại, giải thích giá biểu dùng lẫn nhau. Nói là không, giống như trăng đáy nước, hoa trong gương, chứ không giống như lông rùa sừng thỏ thực sự không. Còn nói có thì giống như gió thổi mây bay chứ không đồng với vàng cứng đá ngại. Cho nên nếu vướng mắc danh tướng thì tức là hữu lậu phàm phu. Nếu bài bác nhân quả tức không kiến ngoại đạo. Cõi Phật trong mộng đều nguyện vãng sinh. Bọt bóng Thánh hiền, thề cùng chiêm ngưỡng. Nói chân nói tướng, giống như thêm vào mụt nhọt trên da thịt lành lặn. Bàn có bàn không, giống như hạt tuyết trong lò lửa đỏ hồng. Nay y cứ vào trong chân đế, chia làm bốn môn:

- Tức tướng tức tâm môn.
- Tức tâm tức tướng môn.
- Phi tâm phi tướng môn.
- Ly tức ly phi môn.

1. Tức tướng tức tâm môn.

Tịnh độ Cảnh quán yếu môn chép: Tâm bao trùm thái hư. Lượng khắp pháp giới. Lại nói rằng: Tâm như người thợ vẽ, tạo các thứ năm ấm, trong tất cả thế gian, thảy đều từ tâm tạo. Vì vậy cõi nước Cực lạc, đất báu, cây báu, ao báu, thân chính báo, trong hải chúng Di-đà có ba mươi hai tướng,... đều là do tâm ta sẵn có, đều do tâm ta tạo ra, không phải từ, người khác mà được, không từ bên ngoài đến, người hiểu được vấn đề này mới có thể luận về tức tâm quán Phật. Cho nên Quán kinh chép: "Chư Phật Như Lai là thân pháp giới, nhập vào tâm tưởng của chúng sinh, cho đến câu tám mươi vẻ đẹp. Đại sư Thiên Thai giải thích thành hai nghĩa: Một là giải thích theo cảm ứng đạo giao; hai là, giải thích theo giải hành tương ứng. Nếu không có giải thích đầu, thì quán chẳng phải quán Phật. Nếu không có cách giải thích sau thì ngoài tâm có Phật, còn giải thích tâm này làm Phật, tâm này là Phật, từ phía tu quán mà nói thì gọi là "tâm là", từ phía sẵn có mà nói thì gọi là "tâm là", nghĩa trùm trước sau. Chẳng hạn như hợp lại nói: Tâm này làm mặt trời, tâm này là mặt trời, cho đến tâm này làm Thế Chí tâm này là Thế Chí, cho đến trong chín phẩm, tùy trần cảnh thực hành quán, thì đều có đầy đủ.

Lại nói: Quán tâm quán Phật đều thuộc vọng cảnh, ý ở chỗ rõ vọng, tức chân không cần phá vọng, sau đó hiển chân. Cho nên Ngài Kinh Khê nói: Nói rằng Duy tâm đâu phải duy chân tâm, nên biết tâm phiền não có khắp nơi, ông còn không biết tâm phiền não có khắp nơi thì làm sao biết được sinh tử sắc ở khắp nơi, sắc vì sao có thể ở khắp nơi? Vì ở sắc tức là tâm, nếu thế không cần nhiếp Phật quy tâm mới gọi là y cứ vào tâm quán Phật, như thế đã rõ, chẳng những hiểu sâu ý Phật mà cũng là thoát hẳn thường tình.

Tông Cảnh Lục chép: Tự tâm trùm khắp tất cả mọi nơi, cho nên nếu thấy Phật khác tức là Phật của chính mình, bất hoại cảnh tự tha chỉ một tâm này. Chúng sinh giống như cái khuôn bao tượng, nếu bỏ đi cái khuôn thì sẽ thấy tự Phật và cũng thấy tha Phật. Tuy thấy tha Phật cũng là tự Phật, vì do tự mình tạo ra. Nhưng cũng không hủy hoại tha Phật, vì trên bản chất của nó tuy biến đổi hình dáng của tha Phật, nhưng tức là từ tự tướng phân ra.

Lại nói rằng: Tự tâm cảm hiện, đích thân Phật đến đón rước, thân Phật thường vắng lặng, không có đến đi, thức tâm của chúng sinh nương gá vào công đức thắng lực của bản Phật, có đến có đi, như hình ảnh trong gương, như việc làm trong mộng. Hình ảnh trong gương chẳng trong chẳng ngoài. Vật chất trong mộng là chẳng có chẳng không. Chỉ

là tự tâm, không liên quan đến Phật hóa, biết Tịnh nghiệp thuần thục, mắt thấy thân Phật, ác quả sẽ thành, tâm hiện địa ngục, như người có phúc đức thì cầm gạch thành vàng, người có nghiệp nghèo thì vàng biến thành gạch, gạch không phải vàng mà vàng hiện, vàng không phải gạch mà gạch sinh. Vàng sinh chỉ là tâm sinh, gạch hiện chỉ từ tâm hiện. Chuyển biến là do ta, vàng gạch đâu có theo. Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ chép: Các họa sĩ thông minh tinh xảo dùng các thứ màu sắc, dùng màu trắng làm màu trắng, dùng màu đỏ làm màu đỏ, dùng màu vàng là màu vàng, nếu dùng màu bồ câu thì là màu bồ câu, dùng màu đen làm màu đen. Vị họa sĩ tâm nghiệp cũng giống như thế. Duyên trắng lấy màu trắng, trong trời người thì thành màu trắng. Vì nghĩa gì gọi là trắng? Không bị các lậu cấu như dục... làm ô nhiễm nên gọi là màu trắng, cũng giống như thế, vị họa sĩ tâm nghiệp dùng màu đỏ, đối với trời người có thể làm màu đỏ. Vì sao gọi là màu đỏ? Đó là "ái, thanh, vị, xúc, hương, sắc". Nếu vị họa sĩ tâm nghiệp dùng màu vàng thì trong đường súc sinh sẽ trở thành màu vàng. Vì sao gọi là màu vàng? Vì chúng ăn thịt uống máu lẫn nhau, tham dục sân si sát hại lẫn nhau. Vì họa sĩ Tâm nghiệp dùng màu bồ câu (xám), phan duyên quán sát, nơi đường ngạ quỷ dùng màu "Bồ câu". Vì sao gọi là màu bồ câu? Vì thân ấy giống như lửa đốt rừng cây, bị đói khát bức não, biết bao nỗi khổ. Vị họa sĩ Tâm nghiệp lại dùng màu đen, địa ngục vẽ bằng màu đen. Vì sao gọi là màu đen? Vì hắc nghiệp nên sinh vào địa ngục, có bức tường sắt màu đen, bị thiêu bị trói nên thân màu đen. Vị họa sĩ tâm nghiệp khéo sử dụng màu sắc thiền, phan duyên minh tịnh, như vị họa sĩ ấy sử dụng màu sắc vẽ thành màu đẹp đều là do tự tâm chứ không phải do người khác làm. Cho nên biết vị họa sĩ tâm nghiệp dùng sắc màu thuần tịnh để vẽ nên Tịnh độ cũng giống như thế. Lại như trong Kinh Bát-châu Tam-muội chép: Bồ-tát được Tam-muội này bèn ngồi ở đấy, thấy được Phật A-di-đà. Giống như có người nghe nói ở nước Tỳ-da-ly, có một cô gái điếm tên là Am-la-bà-lợi. Nước Xá-vệ có cô gái điếm tên là Tu-mạn-na. Trong thành Vương xá có cô gái điếm tên là Ưu-bát-la-bàn-na. Có ba người nghe người ta khen rằng ba cô gái điếm này xinh đẹp vô cùng, nên suốt ngày mơ tưởng, trong tâm không quên được. Thế là trong giấc mơ mơ thấy mình được giao hợp với ba cô gái ấy. Thức dạy tâm nghĩ: "Ba cô gái ấy không đến và mình cũng không đi đến chỗ họ thế mà lại thực hiện được việc giao hợp. Từ đây mà hiểu rằng tất cả các pháp đều như thế." Họ đến nói với Bồ-tát Bạt-đà-hòa thì Bồ-tát đáp rằng: "Các pháp thật như thế, đều từ niệm sinh ra", sau đó

nói pháp cho ba người này nghe, ba người đều được địa vị Bồ-tát không còn lui sụt. Nơi cõi nước này nghe Phật A-di-đà, thường niệm, do niệm được thấy Phật A-di-đà. Giống như người đi xa đến nước khác, nhớ đến tài sản gia đình thân thuộc ở quê nhà, trong giấc mơ người ấy được trở về quê cũ, nhìn thấy gia đình người thân cùng vui vẻ trò chuyện. Trong giấc mơ thấy vậy khi thức dậy kể lại cho người quen rằng mình đã về đến quê nhà, thấy được gia đình thân thuộc, Bồ-tát cũng giống như thế, nghe được danh hiệu Phật nơi cõi nước, thường nghĩ ngợi, muốn thấy Phật cõi ấy thì Bồ-tát đều được thấy Phật. Ví như Tỳ-kheo quán xương người chết, khi thấy màu xanh, lúc thấy mầu trắng, đỏ, đen, dù không đem xương đến, dù không có bộ xương, quán thấy như vậy là do ý tạo ra. Bồ-tát muốn thấy Phật ở phương nào thì đều sẽ được thấy. Vì sao? Vì nhờ năng lực uy thần của Phật, năng lực Tam-muội của Phật, năng lực bản công đức của Phật. Do ba việc này nên được thấy Phật. Thí như người trẻ tuổi xinh đẹp dùng đồ đựng sạch để đựng dầu mè và đựng nước sạch, hoặc gương mới mài, hoặc khối thủy tinh không có tỳ vết để tự soi mình, thì đều tự thấy hình ảnh của mình, vì những vật này đều rất trong sáng, hình ảnh mình không từ trong gương ra, cũng không phải từ ngoài vào. Bồ-tát với tâm thanh tịnh khéo léo, tùy ý mà đều thấy chư Phật, thấy rồi vui mừng, nghĩ rằng: Phật từ đâu đến, thân ta cũng không đi, tức thời liền biết Phật không từ đâu đến, ta cũng không đi đâu. Lại nghĩ rằng: Tất cả ba cõi đều do tâm làm ra, vì sao? Vì tùy theo ý nghĩ của tâm đều được nhìn thấy. Dùng tâm kiến Phật dùng tâm làm Phật, tâm tức là Phật, tâm tức thân ta, tâm không tự biết, cũng không tự nhìn thấy, nếu y cứ vào tâm tướng thì đều là vô trí, tâm cũng là luống dối đều từ vô minh có ra, vì tâm tướng này tức nhập Thật tướng các pháp. Vì thế nên biết ngoài tâm thấy Phật tức thành cảnh ma. Vì sao? Vì ngoài tâm không có pháp nào để đạt được.

2. Tức tâm tức tướng môn.

Các pháp rốt ráo cũng là không nên có các pháp, nếu các pháp có tính chất quyết định thì tất cả đều không lập. Kinh Bát-nhã chép: Nếu các pháp bất không, thì vô đạo vô quả. Kinh Pháp Cú chép: Bồ-tát đối với rốt ráo không, rõ ràng kiến lập. Kinh Pháp Hoa nói: Bồ-tát Ma-ha-tát hiểu rõ tự thân và chúng sinh bổn lai tịch diệt nên khuyên tu phước trí không chán bỏ. Đối với các cảnh giới đều lìa hẳn tham muốn, thường ưa thích chiêm ngưỡng phụng thờ sắc tướng chư Phật. Biết cõi nước Phật đều như hư không mà thường trang nghiêm cõi Phật. Do nghĩa này mà Bồ-tát ưa thích tu Tịnh độ. Luận Quần nghi:

- Cõi nước chư Phật rõ ràng giai không, xem chúng sinh đại thứ năm, vì sao lại chấp trước có tướng, bỏ đây sinh kia?

Đáp: Chư Phật pháp không lìa nhị đế.

Kinh dạy: Thành tựu tất cả pháp, mà lìa tướng các pháp "Thành tựu tất cả pháp" là các pháp Thế đế.

"Lìa các pháp" là Đệ nhất nghĩa đế vô tướng.

Lại nói rằng: Tuy biết cõi chư Phật và chúng sinh cũng không mà thường tu Tịnh độ, giáo hóa các chúng sinh. Ông chỉ thấy nói về giáo tướng viên thành thực, những lời đả phá biến kế sở chấp rốt ráo không vô, không tin vào giáo lý nói về nhân duyên y tha khởi tánh, tức là người không tin vào nhân quả. Người nói tướng đoạn diệt của các pháp đều là tà kiến ngoại đạo.

Luận Thập Nghi chép: Về kẻ bất sinh bất diệt, đối với sinh duyên, các pháp hòa hợp, không giữ tự tính, mong cầu sinh thể cũng không thể được. Khi sinh này sinh không từ đâu đến nên gọi là "bất sinh"; khi các pháp tán diệt, không giữ tự tính, khi tán này diệt không đi về đâu, nên gọi là bất diệt. Chẳng phải ngoài nhân duyên sinh diệt có bất sinh bất diệt riêng, cũng không phải không cầu sinh Tịnh độ, thì gọi là "Vô sinh".

Kệ chép:

Pháp do nhân duyên sinh
Ta nói tức là không
Cũng gọi là giả danh
Cũng gọi nghĩa Trung đạo.

Lại nói:

Các pháp không tự sinh
Cũng không từ khác sinh
Không cùng, chẳng không nhân
Cho nên nói vô sinh.

Lại nói: Ví như có người xây dựng nhà cửa trên đất trống thì được tùy ý không bị trở ngại. Nếu xây trên hư không thì chẳng thể làm được. Chư Phật nói pháp thường dựa vào Nhị đế, không hoại giả danh mà nói Thật tướng các pháp. Bậc trí mạnh mẽ cầu sinh Tịnh độ, hiểu rõ sinh thể không thể được tức là chân vô sinh, đây gọi là tâm tịnh nên cõi Phật tịnh. Kẻ ngu bị sinh ràng buộc, nghe sinh thì hiểu là sinh, nghe vô sinh hiểu là vô sinh, không biết sinh tức là vô sinh, vô sinh tức sinh, không hiểu được lý này, chỉ một mực nghĩ thị phi, sân giận thấy người cầu sinh Tịnh độ cho là sai bậy.

Trường Lô nói: Vì cho sinh là sinh, thường thấy bị mất vì cho vô sinh là vô sinh nên bị đoạn kiến mê hoặc. Sinh mà vô sinh, vô sinh mà sinh là Đệ nhất nghĩa đế. Ngài Vĩnh Minh nói: Tánh tức là tướng, dụng không lìa thể, tướng tức là tánh, thể không lìa dụng. Nếu muốn khen ngợi tánh tức là khen ngợi tướng, nếu muôn chê bai tướng chỉ thành chê bai tánh. Ngài Thiên Như nói: Tánh hay hiện tướng, vô sinh tức sinh, tướng do tánh hiện, sinh tức vô sinh. Tiếng gió thổi qua cây, tiếng nước vọng lại là âm thanh mà vô thanh; cây báu, lan can, là sắc mà phi sắc, há lại giống với bò bay, khói tản ngoan không và bọn ma bài bác nhân quả sao!

3. Phi tâm phi tướng môn.

Luận Bà-sa nói: Bồ-tát mới phát ý, trước nhớ nghĩ sắc tướng của Phật, tướng thể tướng nghiệp tướng quả tướng dụng, được thế lực bậc hạ, sau đó nghĩ nhớ bốn mươi pháp tâm Bất cộng của Phật, được thế lực bậc trung. Tiếp tục nghĩ đến Thật tướng Phật, được thế lực bậc thượng, không đắm trước sắc thân và pháp thân.

Kệ chép:

Không tham đắm sắc thân
Pháp thân cũng không đắm
Khéo biết tất cả pháp
Vắng lặng như hư không.

Luận Bảo Tín chép: Nương vào theo nghĩa Phật.

Kinh chép: Phật bảo A-nan rằng: Như Lai chẳng phải là pháp có thể thấy được, cho nên nhãn thức không thấy được.

Kinh chép: Cái gọi là pháp không phải là việc có thể nói được, cho nên nhĩ thức không thể nghe được.

Kinh chép: "Tăng" tức là vô vi, cho nên không thể dùng thân tâm cúng dường, lễ bái khen ngợi.

Kinh Bát-nhã Ma-ha chép: Bồ-tát Ma-ha-tát niệm Phật, không dùng sắc để niệm, không dùng thọ tưởng hành thức để niệm, vì tự tính pháp là không, không nên dùng ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp mà niệm, không nên dùng giới định tuệ giải thoát, giải thoát tri kiến để niệm. Không dùng mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Trí vô ngại, mười tám pháp Bất cộng để niệm. Vì sao? Vì tự tính các pháp là không, tự tính không thì vô sở niệm, vì vô sở niệm mới là niệm Phật.

Luận Trí Độ chép: Nếu Bồ-tát đối với chư Phật quá khứ mà chấp tướng phân biệt hồi hướng thì không gọi là hồi hướng. Vì có tướng là một bên, vô tướng là một bên, đường đi giữa hai bên này là Thật tướng

chư Phật. Cho nên nói các Phật quá khứ, rơi vào trong số tướng, nếu không chấp số tướng hồi hướng, gọi là bất điên đảo.

Kinh Phật Tạng chép: Thấy Thật tướng các pháp gọi là thấy Phật. Thế nào gọi là Thật tướng chư pháp? Vì các pháp rốt cuộc cũng chỉ là không vô sở hữu, người niệm Phật lìa bỏ suy nghĩ, các ý tưởng không sinh, thì tâm vô phân biệt, không có tên gọi nên vô chướng ngại, vô dục vô đắc, bất khởi giác quán. Vì sao? Này Xá-lợi-phất tùy theo sở niệm mà khởi phát tất cả các tưởng, đều là tà kiến. Này Xá-lợi-phất, tùy vô sở hữu, vô giác vô quán, vô sinh vô diệt, thông đạt điều ấy, gọi là niệm Phật, trong niệm như thế, không tham không đắm, không nghịch không thuận, vô danh vô tưởng. Này Xá-lợi-phất, vô tưởng vô ngữ gọi là niệm Phật, trong đó cho đến không có niệm nhỏ vi tế. Huống gì là thân khẩu ý nghiệp thô lậu, không có thân khẩu ý nghiệp xứ, vô thủ vô xả, vô tránh vô tụng, vô niệm vô phân biệt, vắng lặng vô tính, diệt các giác quán, đó gọi là niệm Phật. Này Xá-lợi-phất, nếu người thành tựu các niệm này, muốn chuyển đất trong bốn thiên hạ thì tùy ý chuyển được, cũng có khả năng hàng phục trăm ngàn ức ma, huống gì vô minh, từ các duyên luống dối mà khởi, không có tướng quyết định, pháp này như thế, vô tưởng vô hý luận, vô sinh vô diệt, không thể nói năng, không thể phân biệt, vô ám vô minh, ma nhược ma dân không thể suy lường, nhưng thế tục cho rằng: Có chỗ giáo hóa mà nói rằng khi niệm Phật, đừng để sinh ý nghĩ, đừng sinh hý luận, đừng có phân biệt. Vì pháp này đều không, không có thể tánh, không thể niệm nhất tướng. Vô tướng là "Chân thật niệm Phật". Lại chỉ quán nói rõ về niệm Phật Tam-muội rằng: Nên niệm thế nào? Là phục niệm (niệm trở lại). Ta nên từ tâm đắc Phật, từ thân đắc Phật, Phật không dùng tâm mà đắc, không dùng thân mà đắc, không dùng tâm được sắc tướng Phật, không dùng sắc được tâm Phật. Vì sao? Nói về tâm và sắc, Phật đều không có cho nên không dùng sắc tâm mà được Chánh đẳng giác. Sắc tướng Phật đã hết, cho đến thức cũng đã hết, điều Phật nói tận hết này người ngu không biết, người trí hiểu rồi không dùng thân miệng được Phật, không dùng trí tuệ được Phật. Vì sao? Trí tuệ vốn không thể được, tự ngã vốn không thể được, cũng không chỗ thấy

Tất cả các pháp vốn không thật có. Hoại bổn, tuyệt bổn, người niệm Phật như thế, gọi là môn Thật tướng niệm Phật, cũng gọi là "Tuyệt đãi môn".

4. Ly tức ly phi môn.

Ngài Vĩnh Minh nói: Nếu chấp nội lực tức là tự tánh, nếu nói tha

lực thì thành tha tánh. Nếu nói cơ cảm giao nhau tức là cộng tánh. Nếu nói chẳng phải nhân chẳng phải duyên tức là vô nhân tánh, đều dính mắc ở chấp trước, chưa nhập vào viên thành, nên biết Phật lực khó suy nghĩ đến được, nhiệm mầu khó so lường. Ví như cây a-na-thúc, người nữ sờ vào thì hoa liền mọc ra, cây này không có xúc giác, chẳng phải không có xúc giác, Bồ-tát Ma-ha-tát không thể suy nghĩ bàn luận về niệm xúc cũng giống như thế. Lại như ngà voi do sấm chớp mà có vân, ngà voi này chẳng có tai, vì sao lại có nghe? Nếu không nghe thì làm sao có vân, lẽ ra các vật khác cũng phải có. Bồ-tát Ma-ha-tát không thể suy nghĩ, bàn luận, thanh trần cũng giống như thế. Lại như, người dũng sĩ nghĩ rằng tảng đá là con cọp, khi bắn mũi tên chẳng ghim vào đá, đá chẳng bị mũi tên ghim vào. Bồ-tát Ma-ha-tát không thể suy nghĩ bàn luận tinh tấn cũng giống như thế. Lại như có người đi xa, ngủ một mình trong căn nhà trống. Nửa đêm có con quỷ vác một thây chết đến đặt trước mặt người ấy. Lại có một con quỷ khác, theo sau tức giận mắng chửi, nói là thây chết của mình, quỷ đến trước nói mình tự vác đến, quỷ đến sau nói thật ra do mình vác đến. Hai con quỷ mỗi con nắm một tay của thây chết mà giằng co, quỷ đến trước nói: Trong nhà này có người, hãy hỏi đi. Quỷ đến sau liền hỏi ai là người đã vác đến? Người này suy nghĩ: Hai con quỷ đều có sức mạnh, nếu mình nói dối cũng chết, chi bằng nói thật, liền nói quỷ trước vác đến. Quỷ đến sau rất tức giận bèn nắm cánh tay người này bẻ lọi quăng xuống đất, quỷ đến trước liền lấy một cánh tay của thây chết gắn vào. Cứ như thế, hai tay, hai chân, đầu, hai bên sườn, toàn thân đều thay đổi. Bấy giờ hai con quỷ cùng nhau ăn thân người đã bị thay đổi kia, sau đó quẹt miệng bỏ đi. Người ấy suy nghĩ: Chính mắt ta trông thấy thân mình bị quỷ ăn hết, thân ta hiện giờ đều là thịt của người khác. Từ đó, người này lúc nào cũng nghĩ là thân của người khác, cho đến năm thứ dục lạc cũng không tham đắm, vì là thân của người khác nên không nên cấp dưỡng nuôi nó. Cho đến vợ con cũng không sinh nhiễm trước, vì là thân của người khác nên không nên có nhiễm. Cho đến các thứ quở trách khổ nhục cũng đều vâng chịu, vì là thân của người khác nên không còn kiêu mạn. Lại bỗng tự chấp: Nếu là người khác thì không có ngã, nếu chẳng phải người khác thì thân người khác ở hiện tại đối với thân này chẳng phải người khác, không phải chẳng phải người khác, chẳng phải ta, không phải chẳng phải ta, ta cũng không thật có, người khác cũng không thật có, từ xưa đến nay thường tự như thế. Tức thời biết được tất cả pháp, là ta hay chẳng phải ta đều là vọng chấp. Bồ-tát Ma-ha-tát không thể suy nghĩ, bàn luận về

quán lực, thấy Phật, mình người cũng giống như thế.

Lại như có người nghèo tên là Thương Khưu Khai tin lời người giàu nói rằng nhảy vào lửa không bị cháy, xuống nước không bị chìm, gieo mình từ trên cao xuống mà không bị hề hấn gì, cho đến tùy theo những lời nói dối đều được vật báu chân thật, nhưng người nghèo này không có phương thuật như người khác. Bồ-tát Ma-ha-tát không thể suy nghĩ, bàn luận về tham dục, được ngôi vị Bảo vương của Phật cũng giống như thế.

Lại như hang trống tùy theo âm thanh mà có tiếng vang, tiếng vang này chẳng phải từ hư không đến, không từ hang trống đến, không từ âm thanh đến. Nếu từ hư không đến thì lẽ ra hư không nên có tiếng vang, nếu từ hang trống đến thì lẽ ra hang trống nên thường thường có tiếng vang, nếu từ âm thanh đến thì lúc gọi ở đất bằng thì lẽ ra tiếng vang này cũng truyền, cho đến chẳng phải hòa hợp mà đến, chẳng phải nhân duyên mà đến, chẳng phải tự nhiên đến. Bồ-tát Ma-ha-tát không thể suy nghĩ, bàn luận tướng âm thanh chẳng đến chẳng đi cũng giống như thế. Lại như người ảo thuật, như con ngựa mà huyễn trưởng giả yêu mến thu vào trong cái bình nhỏ, bình không lớn thêm mà ngựa vẫn chạy nhảy như thường. Trưởng giả bày thức ăn xong thì ngựa bị cột vào trụ như cũ. Bồ-tát Ma-ha-tát không thể suy nghĩ, bàn luận pháp huyễn biến hiện ra cõi Phật cũng giống như thế.

Lại như thuốc Ha-trạch-ca, nếu người có thuốc này, dùng một lượng biến thành ngàn lượng đồng, đều thành vàng ròng, chẳng phải ngàn lượng đồng có công năng biến thành thuốc này. Bồ-tát Ma-ha-tát không thể suy nghĩ, bàn luận về thuốc, chỉ uế thành tịnh cũng giống như thế. Lại như có người được thuốc An-thiện-na, dùng để bôi vào mắt, dù đi giữa mọi người mà không ai thấy. Bồ-tát Ma-ha-tát không thể suy nghĩ, bàn luận năng lực của thuốc, đối với niệm niệm sinh được thân vô sinh cũng giống như thế. Lại nói như hương Vô năng thắng, nếu bôi hương này vào mặt trống thì khi đánh âm thanh phát ra tất cả quân địch đều tự rút lui.

Lại như vua Chuyển Luân có thứ hương tên là Hải tạng, nếu đốt một viên thì vua và bốn thứ quân đều bay lên hư không. Bồ-tát Ma-ha-tát không thể suy nghĩ bàn luận hương chánh niệm hàng phục các ma quân, vượt qua ba cõi cũng giống như thế.

Cho nên phải biết niệm Phật Tam-muội không thể suy nghĩ, bàn luận. Như lỗ chân lông của Ngài Phổ Hiền không thể suy nghĩ, bàn luận. Như bụng của phu nhân Ma-da không thể suy nghĩ, bàn luận, như

trượng thất của Ngài Tịnh Danh không thể suy nghĩ, bàn luận. Như cái bình nhỏ của Ưu-bà-di Cụ túc không thể suy nghĩ, bàn luận. Vì sao? Vì tất cả pháp đều không thể suy nghĩ, bàn luận. Cho nên nếu có một mảy đầu lông mà có thể suy nghĩ, bàn luận thì chẳng phải biển tánh pháp giới.

Như trên nói tâm, nói cảnh, nói có tướng, vô tướng đều là pháp có thể suy nghĩ, bàn luận, nếu nhập vào sự giải thoát không thể suy nghĩ, bàn luận này thì liền biết tất cả phân biệt niệm Phật đều là lý luận.

THỨ 6: **XỨNG TÁNH MÔN**

Tất cả Hiền Thánh đều xứng tâm mà thực hành, pháp tánh vô biên, biển hạnh vô lượng, cho nên hoặc trong một sát-na mà thực hành viên mãn tam-kỳ, hoặc Hằng hà sa kiếp mà không thành một niệm. Dấu chim bay trên hư không phân biệt rõ giới hạn của địa vị; gió thổi trong nắng ấm, nói lên ảnh tượng quá khứ, hiện tại; không chân mà chạy, Xá-a-di lấy gì để đến; không mau mà chóng, biết Tây phương chẳng xa. Thí như năm mầu, chí huyền thì mất, muôn dòng lấy biển làm cùng cực. Ở đây y cứ vào Đại thừa, các hạnh đều vào một hạnh, lược chỉ bày năm môn: Tín tâm hạnh, Chỉ quán hạnh, Lục độ hạnh, Bi nguyện hạnh và Xứng pháp hạnh. Về Tín tâm hạnh, kinh dạy: Tín là nguồn gốc của đạo, là mẹ sinh ra các công đức. Tất cả các hạnh đều lấy Tín làm chánh nhân, cho đến quả Bồ-đề viên mãn cũng chỉ là hoàn thành gốc Tín này. Như hạt giống rơi xuống đất, đợi đến khi thành quả, không khác với hạt giống ban đầu. Bồ-tát mới phát tâm đều nương vào Tín lực này mà được thành tựu, cho nên trong pháp môn Liên tông hoàn toàn nương vào Tín này làm cội gốc:

1. Tin Phật A-di-đà có trí bất động, trí căn bản không khác gì với ta. Như một bầu hư không, mặt trời chiếu thì sáng, mây giăng thì bị che, hư không vốn là vô, cho nên mây và mặt trời đều tức là hư không.

2. Tin Phật A-di-đà từ khi phát nguyện đến nay, trong na-do-tha kiếp, tất cả các sự việc tu tập khó thực hành, khó nhẫn chịu ta đều thực hành được. Vì sao? Vì ta tự nhớ trong vô thỉ kiếp chìm đắm trong ba đường, khổ sinh khổ tử, khổ mang lông đội sừng, khổ giường sắt cột đồng, tất cả khổ vô ích ta đều chịu đựng được, huống chi như ngày nay Bồ-tát có muôn hạnh cứu giúp việc chúng sinh, chẳng lẽ không làm được hay sao?

3. Tin Phật A-di-đà có vô lượng trí tuệ, vô lượng thần thông và thành tựu vô lượng nguyện lực... ta cũng sẽ được. Vì sao? Vì Như Lai có

phương tiện tự tánh, có những việc không thể suy nghĩ, bàn luận như thế, ta và Như Lai đồng nhất, vì tự thể là tánh thanh tịnh.

4. Tin Phật A-di-đà không đi không đến, ta cũng không đi không đến, Tây phương và cõi này không cách nhau dù khoảng các nhỏ như đầu sợi lông, muốn thầy thì thấy ngay. Vì sao? Vì tất cả chư Phật đều lấy pháp tánh làm thân và cõi.

5. Tin Phật A-di-đà tu hành trải qua nhiều kiếp, thẳng đến khi chứng quả, không dời một sát-na, nay ta cũng không dời một sát-na, địa vị ngang bằng với chư Phật. Vì sao? Vì thời phân là thuộc về nghiệp, trong biển pháp giới thì nghiệp không có thật. Cho nên Như Lai tín giải nghĩa là vào đạo sơ tâm, tin vào hạnh Tịnh độ của tất cả chư Phật.

Về chỉ quán hạnh, như các kinh Phương Đẳng, Viên Giác, Lăng-nghiêm, Hoa Nghiêm... các học giả xưa nay rộng lập ra quán môn chỉ có ba quán của tông Thiên Thai là thẳng tất nhất, chỉ bày nơm bẫy của nhất tâm, nêu lên yếu lãnh của các pháp, đường tắt tu hành không gì vượt hơn pháp môn này. Tông chỉ của Tây phương tự có mười sáu chánh quán, nhưng trong mỗi pháp quán bao gồm đủ ba nghĩa này, cho nên tông Thiên Thai giải thích kinh đều dùng ba đế để thâu nhiếp mười sáu pháp quán kia. Diệu Tông sao chép: Thể của ba đức trong tánh là ba thân của chư Phật, tức là ba đức của ba thân này, là nhất tâm ba quán của ta. Nếu không như thế thì ngoài quán có Phật, cảnh không tức tâm thì làm sao gọi là pháp quán Viên tông tuyệt đãi? Cũng có thể lấy ba thân của Phật Di-đà để làm pháp thân, lấy ba quán của ta để làm Bát-nhã. Quán thành thì thấy Phật, tức giải thoát, nêu một mà đủ ba, như nghĩa Y mới. Quán Phật đã như thế thì quán các thứ y báo, chánh báo, lý chẳng phải khác đường, rộng như trong sớ sao, ở đây không thể nói hết. Còn như Thiền sư Ôn Lăng thuần dùng niệm Phật, một câu nhập vào pháp môn ba quán, lời nói và ý niệm đều nằm trong ba quán. Như một câu Phật liền rõ năng niệm này thể không, sở niệm vô tướng, tức niệm nằm trong không quán, Phật sở niệm tức là ứng thân, ngay nơi tâm dứt bỏ được kiến hoặc, tư hoặc. Tuy năng niệm thể là không, sở niệm vô tướng nhưng không ngại năng niệm rõ ràng, sở niệm hiển nhiên. Ý niệm nằm trong giả quán, Phật sở niệm tức là báo thân, ngay nơi tâm dứt được hoặc trần sa. Ngay khi năng niệm, sở niệm là không tức năng niệm, sở niệm hiển bày tức là năng niệm, sở niệm vắng lặng, không và giả giúp nhau tồn tại. Ý niệm nằm trong Trung quán, Phật sở niệm tức là pháp thân, ngay nơi tâm dứt bỏ được hoặc vô minh. Lại ngay nơi nhân niệm Phật là ba đế rốt ráo, thanh tịnh bốn cõi kia. Như giơ lên một hạt

bụi nhỏ, biến mặt đất thành vàng ròng, đó là quán môn không thể suy nghĩ bàn luận của pháp giới viên dung.

Về Lục độ hạnh, luận Khởi Tín chép: Bồ-tát từ khi mới phát tâm chánh tín cho đến nay, khi A-tăng-kỳ thứ nhất sắp viên mãn, đối với pháp chân như sự hiểu biết sâu sắc hiện tiền, sở tu lìa tướng, biết thể của pháp tánh xa lìa san tham, mà thuận theo tu hành Đàn ba-la-mật; vì pháp tánh vô nhiễm, xa lìa lỗi lầm của ngũ dục lạc, mà thuận theo tu hành Giới ba-la-mật; vì pháp tánh không có khổ, xa lìa sân não mà thuận theo tu hành Nhẫn ba-la-mật; vì pháp tánh không có tướng thân tâm, xa lìa biếng nhác mà thuận theo tu hành Tinh tấn ba-la-mật; vì pháp tánh thường định, thể không loạn động mà thuận theo tu hành Thiền ba-la-mật; vì thể của pháp tánh là sáng suốt, xa lìa vô minh mà thuận theo tu hành Bát-nhã ba-la-mật; vì luận Trí Độ chép: Bồ-tát quán tất cả pháp rốt ráo không, không sinh tâm san tham. Vì sao? Vì trong rốt ráo không chẳng có san tham, vì cội gốc san tham đã nhổ bỏ, cho đến Bát-nhã ba-la-mật rốt ráo không, thường không sinh tâm si mê. Vì sao? Vì Phật nói tất cả pháp không có bố thí, không có nhận lãnh, không có giới, không có phạm, cho đến không có trí, không có ngu. Lại nói: Bồ-tát tuy không thấy bố thí nhưng dùng thanh tịnh không tâm để bố thí, nghĩ rằng: Đây là bố thí không vô sở hữu, vì chúng sinh cần nên bố thí cho, như đứa trẻ cho đất là vàng bạc, còn trưởng giả thì không thấy là vàng bạc nên tùy ý mà cho, chứ rốt ráo không có cho. Năm pháp còn lại cũng giống như thế. Đó gọi là Bồ-tát thực hành Lục độ. Người tu Tịnh độ thì không có các danh tướng sai biệt như thế, nhưng cũng không vượt qua ngoài một hạnh. Nếu có sáu nghĩa này thì:

1. Xóa bỏ các tạp niệm, đó là thực hành bố thí. Lại ràng buộc vào Phật, không trụ trong niệm xả, đó là tánh thí.

2. Trong mỗi niệm đều thanh tịnh, đólà thực hành giữ giới. Lại ràng buộc vào Phật, không cầu niệm vắng lặng, đó là tánh giới.

3. Các niệm thế gian đều vắng lặng, đó là thực hành nhẫn nhục. Lại ràng buộc vào Phật, chẳng ghi nhớ niệm, đó gọi là tánh nhẫn.

4. Rốt ráo niệm không khởi, đó là thực hành tinh tấn. Cho nên một niệm chính là không đắm trước khổ hạnh, đó gọi là tánh tinh tấn.

5. Đắc niệm Tam-muội, đó gọi là thực hành định. Cho nên niệm niệm là Phật, không tham thiền vị, đó là đại định.

6. Rõ được nhân niệm Phật, ngay nơi niệm là Phật, đó là thực hành trí. Cho nên niệm vốn chẳng thật có, Phật vốn chẳng phải vô, không rơi vào đoạn thường, đó là Nhất thiết chủng trí. Vì thế pháp môn

niệm Phật có khả năng bao gồm các hạnh. Vì sao? Vì niệm Phật là pháp môn nhất tâm, ngoài tâm không có các hạnh, cố nhiên cũng không bỏ các hạnh, nếu bỏ các hạnh tức là bỏ tâm.

Về Bi nguyện hạnh, chư Phật, Bồ-tát có biển tánh vô tận, cúng dường vô tận, giới thí vô tận, cho đến nhiêu ích vô tận. Như Ngài Phổ Hiền phát ra mười nguyện lớn, thế gian hư không, thế giới chúng sinh không có lúc cùng tận, nguyện này của ta cũng không có cùng tận, Tam nghiệp thân, ngữ, ý không có mệt mỏi, gọi là nguyện vương. Tất cả chư Phật đều thành tựu nguyện vương như thế, chứng quả Niết-bàn, cho nên trong Tịnh độ ngũ niệm Phật, Bồ-tát Thiên Thân dùng hạnh lễ bái, khen ngợi làm nguyện để quán sát bốn thứ trước. Vì thành tựu nhập vào công đức môn, hồi hướng cho tất cả chúng sinh phiền não, nhổ gốc khổ thế gian. Vì thành tựu xuất công đức môn nên Bồ-tát tu năm niệm môn, mau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vấn nạn rằng: Phật và chúng sinh vốn không thật có, như kinh Tịnh Danh nói Bồ-tát quán sát chúng sinh như âm vang của tiếng gọi, như chùm bọt nước, như sự chắc thật của cây chuối, như sự tồn tại lâu dài cuả tia chớp, như sắc của cõi Vô sắc, như mầm non đã bị đốt cháy, như Bồ-tát đắc nhẫn mà tham nhuế hủy hoại giới cấm, như tập khí phiền não của Phật, như đã thức giấc đối với những điều đã thấy trong giấc mộng. Bồ-tát quán sát chúng sinh là khổ, cho nên chúng sinh vốn không, Bồ-tát phát các thứ nguyện lợi sinh lẽ nào như mắt thấy hoa đốm trong hư không chăng? Đáp rằng: Trong Luận Trí Độ, Phật nói trong đây nói không có Phật là phá ý tưởng chấp Phật, chứ không nói về tướng chấp không có Phật, cho nên phải biết nói không có chúng sinh là phá ý tưởng chấp chúng sinh, chứ không nói về tướng chấp không có chúng sinh, như kinh Tịnh Danh chép: Bồ-tát thực hành quán này rồi, tự nói rằng: "Ta sẽ giảng nói pháp như thế cho chúng sinh nghe", tức là lòng từ chân thật, tức là biết Bồ-tát không chấp tướng vô chúng sinh, chân thật lợi sinh, chân thật Bi nguyện, không có việc độ chúng sinh riêng.

Lại như kinh Bát-nhã, Bồ-tát vào sâu trong đại Bi, như người cha lành thấy con vì không có vật gì giá trị nên bị chết đi, người cha rất thương xót đứa con này chỉ vì luống dối cho nên chết. Chư Phật cũng giống như thế, biết các pháp không, rốt ráo không có thật, nhưng chúng sinh không biết, vì chúng sinh không biết nên đắm nhiễm pháp không, vì nhân duyên đắm nhiễm nên đọa vào đại địa ngục, vì thế Bồ-tát vào sâu trong đại Bi, chư Phật hưng khởi tâm từ bi chính là vì chúng sinh không, chúng sinh đi vào trong sinh tử một cách luống dối, đâu có lý lại

dứt Bi nguyện, cho nên Bồ-tát độ sinh bằng mọi cách, đó là thấu đạt sâu xa nghĩa không có chúng sinh. Vì sao? Vì nếu thấy có chúng sinh thì liền có ngã, tâm Từ bi yếu kém, đâu thể thực hành hạnh nhiêu ích như thế. Lại bậc tiên đức có dạy: Chưa đạt được địa vị rốt ráo thì hoàn toàn có pháp môn tự lợi, từ Thập tín sơ tâm lần lượt trải qua Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, thẳng đến đẳng giác trước khi thành Phật Phổ Hiền vẫn còn là pháp môn tự lợi, lợi tha, khi bước lên địa vị Diệu giác, sau khi thành Phật Phổ Hiền mới là hạnh lợi tha, như Phật bảo Tỳ-kheo: Quả báo công đức rất sâu xa, không có ai biết ân phần như ta, ta tuy đã hết bờ mé nhưng nhờ tâm mong muốn không thỏa mãn nên mới thành Phật, vì thế nay vẫn không dừng nghĩ tuy không còn công đức nào khả đắc thì tâm mong muốn của ta vẫn chưa thôi. Nên biết biển hạnh vô biên, không thể dùng gậy, sào, thước gỗ mà dò được tận đáy, như đứa trẻ ngờ nghệch thấy người chỉ vào cây sào trước cửa nói là cao đến nửa tầng trời, liền suy nghĩ cho là từ đất đến trời chỉ cao khoảng hai cây sào, Phật pháp hý luận cũng giống như thế.

Về Xứng pháp hạnh thì biển pháp giới rộng vô lượng, vô biên, biển hạnh Bồ-tát cũng vô lượng vô biên, hư không dính mầu thì phấn mực luống nhọc, pháp giới không phương hướng thì dấu vết làm sao dùng? Cho nên hạnh tự tánh của Bồ-tát chẳng phải có chẳng phải vô, chẳng phải thực hành, chẳng phải không thực hành, nhưng là hạnh xứng pháp tự tại.

1. Bồ-tát độ tất cả chúng sinh rốt ráo được Niết-bàn vô dư, nhưng thế giới chúng sinh không bớt, như con rối lên sân khấu thì buồn vui rõ ràng, chỉ là một khối đất bùn, là không, chẳng có thật, đó là xứng pháp hạnh.

2. Bồ-tát thực hành năm vô gián nhưng không có phiền não sân nhuế, khi vào địa ngục không có các tội cấu, khi đọa súc sinh không có các lỗi vô minh kiêu mạn,... như dâm nữ lìa hồn đi về hướng nào thích đi, cho đến sinh con, nhưng thân thường ở trước cha mẹ, đó là xứng pháp hạnh.

3. Bồ-tát tự thân nhập định, thân khác xuất định, một thân nhập định, nhiều thân xuất định, từ thân hữu tình nhập định, từ thân vô tình xuất định. Như cọp dữ dựng thây chết dậy, quỳ lạy múa men, chỉ là ý muốn của cọp, thây chết vốn không biết, đó là xứng pháp hạnh.

4. Bồ-tát nơi thân một chúng sinh nhỏ mà quay bánh xe Đại pháp, đốt lên ngọn đuốc Đại pháp, chấn khởi lên sấm Đại pháp, cung ma sụp đổ, mặt đất rung chuyển, độ vô lượng, vô biên chúng sinh, nhưng chúng

sinh nhỏ này không hay không biết. Như người đánh nhạc của trời Đế Thích chạy trốn vào lỗ mũi của một cô gái nhỏ, tìm khắp không được, nhưng cô gái này không hay không biết. Đó là xứng đạo hạnh.

5. Bồ-tát muốn trụ lại lâu dài ở thế gian, liền kéo dài một niệm thành vô lượng, vô số trăm ngàn ức na-do-tha kiếp. Nếu muốn trụ lại thế gian trong thời gian ngắn thì rút ngắn vô lượng vô số trăm ngàn ức na-do-tha kiếp thành một niệm, như đứa bé xem ngựa chạy trong chiếc đèn kéo quân, chấp là nhiều ít, đầu đuôi hoàn toàn không thật có, đó là xứng pháp hạnh.

Cho nên nếu chứng được hạnh không thể suy nghĩ, bàn luận như thế thì trong một niệm Tịnh độ của chư Phật ba đời đều thuộc về vô dư, đó gọi là hạnh trang nghiêm Tịnh độ của Bồ-tát, vì không có suy nghĩ trí chiếu để thấy, tình lượng chẳng thể so lường. Vì sao? Vì tự tánh vượt ngoài tất cả lượng.

THỨ 7: **VÃNG SINH MÔN**

Rốt ráo được Niết-bàn, chỉ trừ Như Lai. Nhị thừa phá hữu chấp không, giả gọi là vắng lặng. Bồ-tát phát chân vô lậu, phần phá vô minh. Huống chi là căn thấp hiểu cạn như một giọt nước so với biển cả, buông lung vui chơi, cho việc tu hành là ràng buộc, tự giết mình và giết người khác, chẳng khác nào liều độc dược. Như thời Phật tại thế, có một Tỳ-kheo đạt được tứ thiền, sinh tâm tăng thượng mạn. Cho rằng đã đắc quả A-la-hán, không cầu tiến nữa. Đến lúc sắp qua đời, thấy có tướng trung ấm tứ thiền hiện ra, bèn sinh tà kiến, nói rằng không có Niết-bàn, rằng Đức Phật lừa dối mình. Vì sinh tà kiến, nên mất trung ấm tứ thiền, bèn hiện tướng trung ấm trong địa ngục A-tỳ, khi qua đời thì đọa vào địa ngục A-tỳ. Trường hợp này vẫn là ngồi thiền giữ giới, vì một niệm vọng chứng, nên bị đắm chìm trong ngục tối. Nay người tu Thiền chỉ đạt một ít thành tựu đã cho là đủ, đến khi lệch lạc tâm tưởng xa rời quỹ đạo của cái thiện, bị ác báo lại không biết vì sao? Người xưa nói: Không sinh Tịnh độ thì còn độ nào để sinh? Đường tam-kỳ xa xôi, người nhập vào pháp môn khác phần nhiều lui sụt, vì thế trong dòng Thánh xưa nay đều chủ trương pháp môn Tịnh độ. Nay lược giải sáu trường hợp để làm chỉ nam.

- Bồ-tát sinh làm người.
- Bồ-tát sinh lên trời Đâu-suất.
- Bồ-tát sinh lên trời Trường thọ.
- Bồ-tát sinh giới ngoại.

- Bồ-tát khi mới phát tâm, sinh vào nhà Như Lai.

- Bồ-tát công hạnh trong ba A-tăng-kỳ viên mãn, sinh vào các thế giới trong mười phương làm lợi ích tất cả chúng sinh.

1. Bồ-tát sinh làm người.

Như kinh Bát-nhã chép: Có Bồ-tát qua đời trong cõi người lại được sinh làm người, trừ A-bệ-bạt trí, Bồ-tát này là độn căn, không thể nhanh chóng tương ứng với Bát-nhã ba-la-mật. Các Đà-la-ni môn, Tam-muội môn không thể nhanh chóng hiện tiền. Sống trong nhà lửa cõi người, có hàng trăm nỗi khổ trói buộc, chỉ có Đại Bồ-tát sống trong đó mới không bị đắm nhiễm hệ lụy, như con thiên nga xuống nước, không bị nước làm ướt. Nếu các tiểu Bồ-tát, không trồng sâu thiện căn thì tiến một bước nhưng lùi cả chục bước, làm sao mà đạt được các Tam-muội. Như Xá-lợi-phất trong một ngàn lẻ sáu mươi kiếp hành đạo Bồ-tát, khi muốn qua sông bố thí, thì có người khất thực đến xin đôi mắt của Ngài, Xá-lợi-phất cho người ấy một con mắt. Người ấy được con mắt, cầm lên mũi ngửi rồi vứt bỏ ngay trước mặt Xá-lợi-phất, lại dùng chân dẫm đạp. Xá-lợi-phất nghĩ rằng, loại người như vậy khó mà độ được, chẳng bằng tự điều phục, sớm thoát khỏi sinh tử. Nghĩ đoạn, Ngài bèn lui sụt đạo Bồ-tát trở về Tiểu thừa. Lại như vị tiên bay đi trên hư không, bị phu nhân của vua chạm tay nên thần thông liền mất, dùng thuốc hoan hỷ để thông dâm. Hiền Thánh còn như thế, huống chi là mới phát tâm. Đâu bằng nhất niệm Di-đà, Tam-muội mau hiện, gá chất Liên bang, lìa hẳn tham dục.

Luận chép: Bồ-tát vì không thấy Phật hiện tại, nên tâm độn, vì thế nên biết rằng Bồ-tát phải thường gần Phật, vì gần gũi Phật thì tánh bén nhạy, chóng được Bát-nhã.

2. Bồ-tát sinh lên tầng trời Đâu-suất: Vì Bồ-tát Nhất sinh bổ xứ, đều sinh Đâu-suất. Muốn theo Bồ-tát hạ sinh, cũng sinh ở đó. Luận Thập Nghi chép: "Tầng trời Đâu-suất thuộc về cõi dục, nhiều người lui sụt. Lại có người nữ, làm cho các vị trời thêm lớn ái dục, thiên nữ xinh đẹp, chư Thiên ham chơi, tự không thể lìa bỏ được. Chẳng bằng Tịnh độ A-di-đà, thuần nhất Đại thừa, bạn lành thanh tịnh, phiền não ác nghiệp đều không sinh khởi, tu đến địa vị vô sinh. Như Bồ-tát Sư Tử Giác sinh ở tầng trời đó, vì hưởng thụ thú vui cõi trời, từ khi sinh đến giờ chưa được thấy Đức Di-lặc, các tiểu Bồ-tát còn đắm ngũ dục, huống chi kẻ phàm phu? Lại kinh Di-lặc Thượng Sinh, nhập được chánh định thì mới được sinh, lại không có nghĩa phương tiện dắt dẫn, cho nên nội viện Đâu-suất còn không cầu sinh, huống gì các tầng trời cõi Dục là rừng diệu dục.

3. Bồ-tát sinh lên trời Trường thọ.

Luận Trí Độ chép: Bồ-tát không có phương tiện nhập Sơ thiền, cho đến thực hành Lục Ba-la-mật cũng không có phương tiện. Khi nhập Sơ thiền, không nghĩ nhớ chúng sinh, lúc nhập thiền lúc xuất thiền, không nghĩ nhớ chúng sinh chỉ đắm vị thiền, không thể hòa hợp với sơ thiền thực hành Bát-nhã ba-la-mật, là vì Bồ-tát tâm Từ bi yếu kém. Công đức mỏng manh, quả báo sơ thiền lôi kéo, sinh lên tầng trời Trường thọ. Tầng trời Trường thọ, không phải là nơi Hữu tưởng, không phải là nơi Vô tưởng, thọ tám muôn đại kiếp, hoặc có người nói rằng tất cả vô sắc định, đều có tên gọi chung là Trường thọ thiên, vì vô hình nên không thể giáo hóa. Chưa được đắc đạo, thường là phàm phu xứ, có chỗ nói rằng "Vô tưởng thiên", gọi là Trường thọ, cũng chưa đắc đạo. Hoặc nói từ sơ thiền đến đệ tứ thiền, trừ tầng trời Tịnh cư, đều gọi là Trường thọ, vì chấp vị tà kiến, nên thiện tâm khó sinh, như trong kinh nói: Phật hỏi Tỳ-kheo, đất dính trên móng tay là nhiều hay đất của đại địa là nhiều. Các Tỳ-kheo trả lời: Đất của đại địa là nhiều, không thể ví dụ. Phật nói: người qua đời trên cõi trời lại sinh xuống làm người ít như đầu móng tay, còn người bị đọa xuống địa ngục nhiều như đất trên đại địa. Vì sao? Vì vốn phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, hoặc trong Thiền nhóm họp các phước đức, mới được sinh lại cõi người, được nghe Phật pháp. Nếu là người đầu tiên phát tâm cầu sinh Tịnh độ thì sẽ thường được nghe pháp, cho đến không còn lui sụt. đâu có các lỗi như thế ư?

4. Bồ-tát sinh ngoài ba cõi.

Gồm hai loại:

1. Nhị thừa, ba loại Bồ-tát; chiết phục hiện hành phiền não, bỏ phần đoạn mà sinh giới ngoại, bi trí thấp kém, đối với việc trang nghiêm Tịnh độ, lợi tha không sinh hoan hỷ bị Như Lai quở trách. Nếu không hồi tâm thực hành Lục độ, thì rốt cuộc sẽ không vào được biển trí Đại thừa.

2. Bồ-tát pháp thân, như kinh Bát-nhã, Phật bảo Xá-lợi-phất rằng: Có Bồ-tát Ma-ha-tát chứng được sáu thần thông, không sinh cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc, từ một cõi Phật đến một cõi Phật, cúng dường cung kính tôn trọng khen ngợi chư Phật. Này Xá-lợi-phất có Bồ-tát Ma-ha-tát du hý thần thông, từ cõi Phật này sang cõi Phật khác, những nơi đến đều không có Thanh văn, Bích-chi cho đến không có danh từ Nhị thừa. Này Xá-lợi-phất, có nơi mà Bồ-tát Ma-ha-tát đến, ở đấy có tuổi thọ vô lượng. Giải thích rằng: Bồ-tát có hai loại: Một là Bồ-tát sinh thân, hai là Bồ-tát pháp thân. Bồ-tát Pháp thân dứt bỏ kết sử, được sáu thần thông.

Bồ-tát sinh thân không dứt bỏ kết sử, hoặc lìa dục, được năm thứ thần thông. Người được sáu thần thông không sinh vào ba cõi, những thế giới nào họ đến đều là nhất thừa thanh tịnh, thọ vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, Bồ-tát sinh về cõi ấy là do ưa thích chứa nhóm công đức của chư Phật. Nên biết Bồ-tát có sáu thần thông mới được sinh về đó, đó là việc rất ít có. Kẻ phàm phu vãng sinh là nhờ Phật lực, lại vì niệm lực là bất khả tư nghì, trong mỗi niệm đều có sáu thần thông.

5. Bồ-tát lúc mới phát tâm sinh vào nhà Như Lai:

Đó là người có thượng thượng căn chóng nêu bày bản trí, sơ tâm khởi phát, trên giai vị Thập trụ, tức đồng với Phật. Như trong kinh Hoa Nghiêm, có một hạng Bồ-tát trải qua trăm ngàn ức na-do-tha kiếp, thực hành Lục Ba-la-mật, không sinh vào nhà Phật, vẫn là giả danh Bồ-tát, vì tuy thấy Phật tính nhưng chưa hiện bày trí nghiệp.

Luận Trưởng Giả Quyết Nghi chép: Sơ phát tâm trụ, nói về từ thiền định hiển đắc căn bản không trí tuệ môn, vô minh mới vừa hết, trí tuệ vừa sáng, bắt đầu sinh vào nhà trí tuệ của Như Lai, gọi là vào nơi Phật trụ. Cho nên được nhớ nghĩ pháp môn của tất cả chư Phật cảnh giới trí tuệ quang minh phổ môn. Nhờ đây mà thấy đạo, không có các kiến chấp xưa nay, giữa, bên... trải qua năm vị, rèn luyện thói quen, tăng trưởng Từ bi, gọi là tu đạo. Cho nên nói rằng mới phát tâm liền thành Chánh giác, mới có thể tu đạo. Như Thiện Tài đi về phương Nam tìm các bạn lành đều nói rằng: Ta đã phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Sao nói là học đạo Bồ-tát, tu Bồ-tát hạnh, mà không nói là tăng trưởng Phật đạo? Vì trí căn bản do định mà hiển đắc, vô tác vô tu, chỉ học hạnh Bồ-tát, trí căn bản tự sáng tự bày. Nếu không được thể Chánh giác thì các hạnh đều là vô thường, nghiệp báo sinh tử của trời người. Lại nói rằng trải qua đời này hễ vừa phát tâm tương ứng thì được chính trí, đối với thân phần đoạn thì tâm quán hạnh thành, tu cả thiện nghiệp, đời sau nhập thân biến dịch, vì thân phần đoạn đời này là do tác nghiệp ở quá khứ, đời này dùng trí tu quán hành nghiệp, đời sau được thần thông biến hóa sinh. Như thập thiện nghiệp còn sinh lên cõi trời, đắc nghiệp báo thần thông như rồng đại lực quỷ còn do ác nghiệp vô minh mà có thần thông, huống gì đạo nhãn khai mở từ thiện căn lực, sử trí thần dụng, nhất sinh tác ý, mà đời sau không được đại dụng thần thông hay sao?

Tông kính lục chép: Người sơ tâm thành Phật chẳng gọi là không đầy đủ các công đức. Như kính nói đồng tử Phổ Trang Nghiêm một đời được huân tập nghe việc lành, hai đời thành tựu giải hạnh, ba đời được

vào biển quả, đồng một duyên khởi mà ba đời này chỉ trong một niệm như đi xa khởi đầu từ bước đầu tiên, nhưng đến từ bước đầu tiên này chẳng phải không từ bước sau, thấy rõ đồng tử này được vào biển quả đều do từ lâu đã trồng thiện căn.

Hỏi: Tu tập lâu mới được thì sao lại nói một niệm mà được?

Đáp: Nói tu tập thiện căn đã lâu tức thuộc về Tam Thừa giáo, từ Tam thừa nhập Nhất thừa tức là tu tập đầy đủ một niệm đầu tiên. Nên kinh nói: Khi sơ phát tâm bèn thành chánh giác. Ví như các con sông về biển, dù chỉ một giọt mới chảy vào biển thì vẫn gọi chung là biển lớn, không có đầu cuối. Dù nước trăm sông thật nhiều cũng không bằng một giọt chảy vào biển lớn, như tu tập nhiều kiếp trong Tam Thừa không bằng một niệm của Nhất thừa. Số thời kiếp ấy không nhất định, hoặc một niệm tức vô lượng kiếp, như thời xứ của mười huyền môn là vô ngại. Vả lại Đại thừa nói về một niệm thành Phật có hai: Một là tập hợp duyên để vào thật tánh vì không có ít nhiều nên rõ ràng một niệm thành Phật. Hai là, nhiều hạnh mới đủ, lấy niệm sau cùng gọi là một niệm thành Phật. Như người đi xa lấy bước sau cùng làm đích đến. Nếu Nhất thừa nói nhất niệm thành Phật thì cũng như Đại thừa lấy niệm sau chót thành Phật. Nếu vào Nhất thừa thì lấy sau cuôí làm đầu tiên, niệm đầu tiên tức là thành tựu. Vì sao? Vì nhân quả tương tức, đồng thời tương ưng. Nhưng một niệm thành tựu tức đồng địa với Phật, chưa được cứu cánh nên có sự sâu cạn khác nhau. Như người mới ra khỏi cửa và đã dạo lâu nơi vùng khác, tuy đồng trong khoảng không nhưng xa gần khác nhau. Do đó năm địa vị Thập tín, Thập trụ... đều gọi là thành Phật nhưng phân biệt sâu cạn, ở đây nên suy nghĩ kỹ. Như hai đại sĩ nói nên biết bậc ngộ đạt của Thiền môn không được bỏ tất cả hạnh làm tiêu hết kết tập từ vô thỉ. Sống trong đời trược ác này phàm tiến được một bước thì lùi muôn bước, nếu không gần gũi Phật, phiền cấu tích tụ thì do đâu thành tựu. Như Thiện Tài khi sơ phát tâm ngộ đạo, Tỳ-kheo Đức Vân dạy pháp môn nhớ nghĩ tất cả chư Phật; sau khi vào lầu Di-lặc, Bồ-tát Phổ Hiền vì phát mười đại nguyện vương mà được sinh Cực lạc, đây đều là mẫu mực vào đạo của tất cả các Đức Như Lai. Kinh Hoa Nghiêm nói về môn Nhất chân pháp giới khác với các giáo pháp khác, có quyền có thật, nếu không tin kinh này thì chính Phật là Xiển-đề. Tuy được Thích-ca khen ngợi, Phổ Hiền khuyên răng, Di-lặc chứng minh thì cũng chỉ như vậy mà thôi.

6. Bồ-tát hạnh tu trong ba A-tăng-kỳ viên mãn.

Sinh vào các thế giới trong mười phương làm lợi ích tất cả chúng

sinh. Bồ-tát hạnh tu trong ba A-tăng-kỳ kiếp viên mãn, tự nhiên có nghiệp bất tư nghì, có khả năng hiện ở mười phương làm lợi ích chúng sinh.

Luận Khởi Tín chép: Chứng phát tâm Bồ-tát, trong một khoảnh khắc đến được các thế giới trong mười phương, cúng dường chư Phật, thỉnh xoay bánh xe pháp, mong được khai đạo lợi ích chúng sinh, không nương văn tự, hoặc thị hiện siêu vượt địa vị, mau thành Chánh giác, vì các chúng sinh yếu kém hoặc nói rằng ta được thành Phật đạo trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, vì chúng sinh lười biếng mà gieo trồng cội gốc Bồ-tát, phát tâm bình đẳng, sở chứng cũng bình đẳng, không có pháp nào vượt qua, vì tất cả Bồ-tát đều phải trải qua ba A-tăng-kỳ kiếp. Như luận Trí độ chép: Đức Thích-ca Thế Tôn, từ Đức Phật Thích-ca đến Phật Thi Khí, ở quá khứ gọi là sơ A-tăng-kỳ, từ Phật Thi Khí đến Phật Nhiên Đăng thụ ký, gọi là nhị A-tăng-kỳ, từ Phật Nhiên Đăng đến Phật Tỳ-bà-thi gọi là tam A-tăng-kỳ. Luận Bà-sa nói rằng tam A-tăng-kỳ kiếp tu hạnh Lục độ, trăm kiếp gieo nhân tướng hảo sau đó mới được năm phần pháp thân. Duy thức cho là Địa tiền trải qua một tăng-kỳ, sơ địa mãn hai tăng-kỳ, từ Bát địa đến Đẳng giác, là ba A-tăng-kỳ, sau đó được pháp thân rốt ráo. Vấn nạn rằng: Trưởng giả hợp luận đều nói rằng không lìa một niệm trải qua A-tăng-kỳ, đâu được chấp nhiều kiếp cố định, trái với nghĩa đệ nhất? Đáp rằng: Trưởng giả chỉ nói: Tam-kỳ vốn không thời, thể không thật có, phải quấy vô thời, như mắt, mũi, tai, lưỡi, thân hiện tại của con người. Nói lục căn vốn không, chẳng phải là phế bỏ, nhưng lại nói rằng lục căn là không. Giống như trẻ con nhìn thấy ánh trăng dưới mặt nước, trong lòng rất thích nhưng lại không thể nào vớt lên được. Lời dạy của người trí tuệ là mắt có thể nhìn thấy được, nhưng không thể dùng tay mà bắt được (ánh trăng). Chư Phật, Bồ-tát ba đời hành nghiệp cũng thế, tuy tất cả đều không thật có, nhưng chẳng phải là vô hành. Lại như hai vị Đại Bồ-tát Long Thọ và Mã Minh đều là những vị Tổ truyền của phái Thiền tông, đâu chịu tự lừa mình dối người, làm hại cả thế hệ sau. Phải biết sinh tử là việc lớn, không phải biết nửa vời là có thể vượt qua được.

Luận Trí Độ chép: Có vị Bồ-tát lợi căn tâm rất vững chắc, khi chưa phát tâm đã nhóm họp vô lượng phúc đức trí tuệ lâu ngày, người này gặp Phật, nghe pháp Đại thừa, phát tâm A-nậu-đa-la tam-miệu-tam Bồ-đề, tức thời thực hành Lục Ba-la-mật, nhập Bồ-tát vị, được không còn lui sụt. Vì trước đó đã nhóm họp vô lượng phúc đức, lợi căn tâm vững, theo Phật nghe pháp, giống như đi xa mà được đi xe ngựa, xe dê,

hoặc có thần thông mà đi. Người đi xe do dê kéo thì lâu lắm mới đến được, đi xe ngựa thì mau hơn, còn có phép thần thông thì trong khoảnh khắc đã đến. Như thế không thể nói là phát ý nghe vì sao được tường thần thông. Ông không nên sinh nghi vì Bồ-tát cũng như thế, khi phát Chánh đẳng giác tức đã vào địa vị Bồ-tát, có Bồ-tát sơ phát tâm, tâm ban đầu tuy tốt nhưng sau lẫn loan các điều ác, thường xuyên sinh niệm rằng ta cầu Phật đạo dùng các công đức hồi hướng Chánh đẳng giác. Kẻ đó trải qua vô lượng kiếp A-tăng-kỳ dài lâu hoặc đến được hoặc chẳng đến. Nhân duyên phước đức đời trước mỏng lại thêm căn độn, tâm không vững chắc như cưỡi xe dê. Có người đời trước kém phước đức lợi căn, phát tâm dần dần hành Lục Ba-la-mật, hoặc ba, hoặc mười hoặc trăm kiếp A-tăng-kỳ mới được Chánh đẳng giác như cưỡi xe ngựa tất có ngày đến. Thứ ba là nương thần thông, như trên nói thì biết là chậm tu mà mau chứng, mỗi thứ này đều khác nhau, Bồ-tát muốn được địa vị Phật, nếu không mau đến thì như các tiên đức nói: Tuy trí giác bằng Phật mà chưa đạt cực quả thì chưa phải rốt ráo. Do vậy bậc ngộ đạt quyết phải cầu sinh về Tịnh độ, tu hành như pháp để không rơi vào lui sụt, đợi nhẫn lực vững mạnh mới nhập thế lợi sinh thì thành tựu quả Phật rốt ráo.

THỨ 8: **KIẾN VÕNG MÔN**

Tất cả mê tình do nương vào kiến chấp mà sinh khởi. Như con thiêu thân lao vào lửa, theo ánh sáng mà tìm đến cái chết. Vì vậy các bậc tiên đạt nói: Hành khởi thì dứt hiểu, cho nên sẽ có xu hướng về cõi Thánh, trước tiên vào cửa Phổ Hiền. Muốn tu chính nhân, thì trước phải xé bỏ lưới tà kiến, nay y cứ vào sự giải thích của các nhà mà chia làm mười loại, không có pháp để bỏ, có kiến chấp ấy thì bị quở trách. Mong thuận Phật ngôn, chớ theo ma giáo.

- Đoạn diệt đọa.
- Khiếp liệt đọa.
- Tùy ngữ đọa.
- Cuồng si địa.
- Chi ly đọa.
- Si không đọa.
- Tùy duyên đọa.
- Duy tâm đọa.
- Đốn ngộ đọa.
- Viên thật đọa.

1. Đoạn diệt đọa: Gồm có hai thứ:

a. Các Nho sinh dính mắc thân hiện tại, nghi ngờ vị lai đoạn diệt.

b. Người mới phát ý học đạo chấp tướng không, nghi ngờ tất cả đoạn diệt, họ còn không tin có sinh, làm sao tin được chuyện vãng sinh và Tịnh độ là có thật... Nay giải thích sơ lược cho họ nghe. Trước hết là giải thích cho Nho sinh (người học Nho): Trong kinh Lăng-nghiêm, Phật bảo vua Ba-tư-nặc rằng: Nay Đại vương tự thấy tóc bạc mặt nhăn, da mặt chắc chắn là bị nhăn nheo sơ với khi còn nhỏ, nay Đại vương quán sát sông Hằng so với cái thấy sông Hằng ngày xưa có khác nhau không? Vua trả lời: Không! Phật nói: Đại vương! mặt Đại vương tuy nhăn, nhưng cái kiến tinh này, tánh nó không hề nhăn, nhăn là biến đổi, không nhăn thì không biến đổi, cái gì biến đổi thì sẽ bị tiêu diệt. Cái không biến đổi kia vốn không sinh diệt. Vì sao nói rằng ở trong đó chịu sự sinh tử của Đại vương, mà nói thân này chết rồi thì hoàn toàn bị diệt? Luận Trí Độ hỏi rằng: Người chết quy diệt, diệt có ba thứ, một là, lửa đốt thành tro; hai là; giòi ăn thành phân; ba là; cuối cùng trở về đất. Nay chỉ thấy sự diệt đi của thân, mà không thấy có người ra khỏi và thọ thân sau. Vì không thấy nên cho là không có. Đáp rằng: Nếu cho rằng thân diệt là không, thì làm sao có những thứ như hỷ nộ ái ố mà kiếp trước chúng sinh đã có... Như khi đứa bé chào đời thì hoặc khóc hoặc cười, đây là những vui buồn của thói quen ở kiếp trước, vì nay không có người dạy nên vui buồn tiếp tục sinh. Lại như khi trâu con sinh ra, đã biết bú mẹ. Loài heo, dê sinh ra chưa bao lâu đã biết bầy đàn. Con và cha mẹ đều khác nhau về sự nghèo giàu đẹp xấu, thông minh ngu ngốc... Nếu không có nhân duyên đời trước, thì sẽ không có sự khác nhau này. Những nhân duyên như thế rất nhiều đủ để chứng minh là có kiếp sau. Lại nữa, ông trước nói rằng không thấy có người đó, trong thân người không chỉ mắt mới có thể nhìn thấy được, mà cả sáu giác quan đều có sự cảm nhận. Giống như thấy có người từ căn phòng này đi ra, rồi đi vào phòng khác, bỏ thân này đến thân sau cũng giống như vậy, nếu như mắt thường thấy thì cầu thiên nhãn làm gì nữa. Nếu chỉ như thế thì thiên nhãn và mắt thường, ngu Thánh cũng không khác gì. Người và súc sinh đều thấy, thì làm sao thấy được đời sau. Như việc sinh tử của con người, tuy không có đến đi nhưng do vì phiền não chưa dứt hết nên thân tình ý vẫn nối nhau, càng thêm thân tình ý, thân tình ý tạo nghiệp cũng không đến đời sau, mà từ duyên này lại sinh, chịu quả báo đời sau, giống như trong sữa có độc, sữa biến thành chất khác, tuy biến nhưng đều có độc tố, thân này cũng giống như vậy. Nhân duyên năm chúng đời này, lại

sinh năm chúng đời sau, hành nghiệp nối sau không khác, mà phải chịu quả báo. Lại như cây vào mùa đông không có hoa quả lá, đến thời tiết xuân sẽ nối tiếp nhau mà ra hoa kết quả. Cho nên biết rằng có sinh tử. Lại nữa, hiện đời có người biết được túc mệnh, như có người mộng thấy đi đường mệt mỏi, khi thức dậy nhớ lại những điều đã trải qua. Tất cả kinh sách trong ngoài của bậc Thánh đều nói về kiếp sau. Lại nữa, hiện đời không có thiện pháp, động phát quá nặng, sinh sân nhuế, đố kỵ nghi ngờ hối hận, vì phiền não bên trong nên thân sẽ hóc hác, sắc mặt không tươi tấn. Ác pháp bất thiện còn bị hại như vậy huống gì khởi thân nghiệp, khẩu nghiệp. Nếu sinh pháp, lành, tin nghiệp nhân duyên, tâm thanh tịnh, được trí tuệ như thật, tâm sẽ vui mừng, thân được nhẹ nhàng, mầu sắc hài hòa, vì có nhân duyên khổ vui, có thiện bất thiện. Vì nay quyết định có thiện, bất thiện, nên biết chắc chắn có kiếp sau, nhưng mắt trần của chúng sinh không nhìn thấy được, vì trí tuệ quá yếu kém, nên sinh tà nghi, tuy tu việc phúc, nhưng xen những việc làm thấp hèn. Giống như thầy thuốc chữa bệnh cho vua, vua bí mật xây nhà tặng cho người thầy thuốc, khi về nhìn thấy nhà cửa, người thầy thuốc này mới hối hận rằng mình đã không hết lòng trị bệnh cho vua. Cũng giống như vậy, bậc Thánh nói những việc hiện tại đáng tin cậy, thì việc nói về kiếp sau cũng đều đáng tin cậy. Ông là người trần mắt thịt, so về trí đã kém, lại không có thiên nhãn, đã tự không có trí lại không tin lời Thánh hiền, làm sao biết được thân sau. Nếu lời Thánh bị phế ẩn thì nói quỷ thần đức thịnh. Minh minh nói đạo, Vũ châu đạt hiếu, chỉ do biết tình trạng quỷ thần, việc chết như việc sống, vậy mà Khảo Đình tiên sinh giải thích bóp méo, quy về nhị khí, đâu dám vu báng tiên Thánh, nghi ngờ đời sau. Vả lại những chuyện đặt ra và giả sử chẳng cần bàn đến; như họ Bành sinh làm heo... lại là chính sử; Huyền Điểu sinh ra nước thương... là chánh kính; chim sẻ hóa thành bồ câu... là chánh lệnh. Số hiểu biết nhiều như bụi nhỏ, ta biết được bao nhiêu. Nếu muốn như ếch ngồi đáy giếng chê lượng biển thì sẽ trở thành kẻ hủy nhục Thánh, thần, phải chịu tội gì? Lại có kẻ thường nói rằng: Những sự việc con người chưa trải qua, những lý lẽ không thể tin thì không nên dựa theo. Vậy như số lần mặt trời, mặt trăng và các vì sao đến đi, chưa một ai từng trải. Trời chẳng xuống đây, người cũng chẳng lên đó vậy vì sao dùng cách gì để suy đoán cũng đều đúng? Hơn nữa trời vì sao cao, đất vì sao thấp, gió vì sao nổi lên, mây vì sao bay, mùa xuân vì sao sinh trưởng cây cối, mùa thu vì sao giết vạn vật, những sự vật này có lý lẽ nào để dựa theo? Các căn trong thai không biết chi (vô tri) mà chuyển vần, sữa mẹ chẳng do

đâu mà chảy ra, những điều này có lý lẽ gì để dựa theo? Nhỏ nhặt cho đến một sợi lông một hạt bụi, ngọn cỏ, gốc cây, nếu có chút lý lẽ nào có thể dựa theo thì cứ chỉ ra. Chẳng qua vì chấp thường nên cho chúng là thường. Chấp thường này cũng chẳng có lý lẽ gì, do đó chẳng nên vì không thấy mà nghi ngờ việc vãng sinh.

Luận rằng: Người học nghe nói Không, đối với nhân duyên sinh tử nghiệp bèn sinh nghi. Nếu tất cả pháp môn rốt cuộc là không, không đến không đi, vô xuất vô nhập thì nói gì đến chết mà có sinh. Hiện tại mắt còn không nhìn thấy bởi vì không có, thì huống gì sau khi chết lại sinh nơi khác, không biết trong Phật pháp các pháp đều là không, mà cũng không đoạn diệt. Sinh tử tuy nối nhau nhưng cũng không phải là thường. Nghiệp nhân duyên Vô lượng A-tăng-kỳ kiếp tuy qua đi, nhưng cũng có thể sinh quả báo mà không diệt. Điều này nhiệm mầu khó biết, nếu các pháp đều không, thì Phật không nên nói Vãng sinh. Tại sao người có trí thức mà trước sau mâu thuẫn trái nhau, nếu tướng sinh tử là thật có, thì tại sao nói rằng các pháp đều rốt ráo không? Chỉ vì trừ bỏ sự ưa thích đắm trước, tà kiến đảo điên đối với các pháp nên nói các việc vãng sinh. Pháp Phật không chấp chặt hữu, vô, chẳng phải có, vô cũng không chấp chặt, không chấp chặt cả sự không chấp chặt này, người như vậy chẳng bị khó khăn gì, như dùng dao chém hư không chẳng có vết thương nào, đó là vì rốt ráo tướng không. Rốt ráo không thì không che nay nhân duyên nghiệp sinh tử do đó nói việc vãng sinh. Nghi ngờ này vô cùng cạn cợt, kẻ biết ít đều có thể chặt đứt no. Vì người thế gian đa phần có kiến chấp này nên trước tiên phải phá bỏ đi vì nó là chướng nạn đầu tiên của người cầu vãng sinh.

2. Khiếp liệt đọa, gồm ba phần:

- Nghi kết tập nồng hậu.
- Nghi niệm lực là nhẹ.
- Nghi muôn ức là xa.

Nói về “Nghi kết tập nồng hậu”: Phàm phu chỉ biết nghiệp lực, không biết nghiệp tính không, cho nên nếu chúng sinh nghiệp tánh là thật thì khắp thế giới hư không cũng không có chốn dung thọ. Như mây đen che phủ bầu trời, gió đến sẽ thổi tan, nếu mây là thật thì thổi sẽ không đi. Hư không dụ cho tánh, mây đen dụ cho nghiệp, niệm Phật dụ cho gió. Lại do nghiệp tính tức là pháp tính, lực dụng chí đại. Vì kết sử nên thần lực không hiện. Như Ô-sô-sắt-ma nghe Phật Không Vương dạy rằng người nặng về dâm sẽ thành đống lửa lớn. Lại quán tứ chi bách hài, các hơi ấm lạnh thần quang nội ngưng, hóa tâm nặng về

dâm thành lửa trí tuệ, cùng một sự nóng bức, do tâm dâm, nên thành đống lửa lớn và do lìa nên thành đống báu lớn. Nếu tánh dâm là thật, thì làm sao trong ấy mà được Tam-muội, cho nên mê thành thì ở trong thai ngục, niệm thành thì nhập thai sen, vì thai tính là hóa tính, không phải từ bên ngoài. Đến như nước trong ở trong nước đục, không phải từ bên ngoài.

Nói về "Nghi niệm lực là nhẹ": Chúng sinh ngu muội, tin hành nghiệp của hữu hình là lớn, không tin niệm lực vô hình càng lớn hơn, niệm lực là hành nghiệp căn, tất cả sự nghiệp, chẳng có niệm thì bất thành, như người gây tội, nếu không cố ý thì bị quả báo nhẹ hơn là cố ý gây tội ác, thì niệm lực nặng hơn. Như khi người vô ký, những chuyện nhỏ nhặt kề tai đối mặt mà nói vẫn không nhớ. Nếu là kẻ có tâm thì bao nhiêu chuyện khó nhớ, khi đã vào ngũ Căn thì suốt đời nhớ mãi không quên, do niệm lực vững chắc. Tô Tử Chiêm nói "Phật do Đại viên giác, sung mãn mười phương cõi. Ta do tưởng điên đảo, ra vào trong sinh tử. Vì sao do một niệm, được vãng sinh Tịnh độ. Ta tạo nghiệp vô thỉ, không từ một niệm sinh. Đã từ một niệm sinh, lại từ một niệm diệt, chỗ sinh diệt diệt hết thì ta và Phật đồng, như nhảy xuống sông biển, như trong gió đánh trống, tuy có trí đại Thánh, cũng không thể phân biệt. Tịnh độ quyết chép: Niệm của con người ràng buộc gấp rút nhất, như sông thì chảy ra biển, như lửa thì bốc lên, như dao bén thì gây thương tổn, như thuốc độc ắt chết người, niệm của niệm Phật cũng giống như thế. Như dâm niệm người nan bền chắc hóa thành lửa mạnh, thiêu cháy miếu thần. Lại như đồng tử Nguyệt Quang quán tưởng nước, qua khe cửa chỉ thấy nước trong. Lại như Ngài Thanh Biện bàn luận với ngoại đạo, kẻ ấy luôn cố chấp ý kiến của mình, bất ngờ hóa thành đá, Thanh Biện vẫn ghi chú trên đá, hôm sau đến xem, cũng có đáp từ. Lâu ngày đá bỗng vỡ vụn, tiếng vang giữa bầu trời. Đó đều là do niệm lực vững mạnh, chứ không phải do biến hóa. Sao nói là niệm Phật mà Phật không hiện? Nên biết rằng niệm lực là vua tất cả các pháp, như khi Ma-ha-na-già đại lực dũng sĩ tức giận thì trên trán sẽ nổi nhọt, nếu nhọt chưa lành thì người ở cõi Diêm-phù-đề không ai có thể địch lại nổi.

Nói về "Nghi ức muôn cõi là xa": Phàm phu chấp nhất định là mười muôn ức cõi, nghĩa là ngựa nhanh buồm chóng, ngày đi không đến ngàn dặm, sao nói rằng sát-na được sinh về nước kia, không nghĩ nước kia xa gần, từ chấp thân phần đoạn mà sinh, từ mắt thịt sinh sự vãng sinh này, gọi là thân phần đoạn chăng? Gọi là tâm chứa đựng trùm khắp chăng? Nếu là thân phần đoạn, thân là chất cứng làm sao mà sinh

được? Nếu tâm sinh, thì tâm trùm khắp các cõi nhiều như cát, Tịnh độ vốn ở trong tâm, đâu có qua lại. Như người ở Trường An nhớ về quê hoặc Mân, hoặc Quảng tùy niệm liền đến chứ không cần lộ trình. Lại như khi người ta nằm mộng, thân tuy nằm trên giường, mà tâm ý thức đã nơi khác.

Cư sĩ Vô Công nói: Cực lạc cách đây mười muôn ức cõi, phàm phu qua đời trong khoảnh khắc đã đến nơi, vì tự tâm diệu. Nên kinh Lăng-nghiêm chép: Ông vẫn chưa rõ tất cả các tướng huyễn hóa phù trần, sinh ra ở chỗ nào thì diệt tận ở chỗ đó. Nhân duyên hòa hợp luống dối có sinh. Nhân duyên chia lìa, luống dối gọi là diệt. Từ đó mà suy ra, khi qua đời thì duyên nhiễm trược lìa, cho nên Ta-bà đương xứ huyễn diệt, duyên thanh tịnh hợp, nên Cực lạc đương xứ huyễn sinh. Cái này diệt thì cái kia sinh, không hề ngừng nghỉ.

Trước đây quê tôi có một người có thể gửi lời đến vị tiên biết chiêm bốc. Vị tiên ấy là anh ruột của anh ta. Về sau anh ta đi lên kinh sư, anh tôi và vài người xem bói, anh ta sợ đường xa không thể đến nên đành phải làm thư phù tuyên gọi, chỉ chốc lát sau người anh anh ta liền đến. Những việc này là do nghiệp ràng buộc còn mau đến như vậy, huống gì niệm lực không thể nghĩ bàn dựa vào công đức bổn nguyện của Phật A-di-đà, như thuận nước trương buồm thì nào có chướng ngại gì.

Vì vậy người niệm Phật phải dứt bỏ ba điều nghi ngại trên, nếu không dứt bỏ thì thực sự là kết tập quá nhiều, niệm lực quá yếu và sẽ thật sự phải đi quãng đường mười muôn dặm mới được. Giống như người muốn đi ra ngoài nhưng lại không có chìa khóa, đó là tự mình không muốn ra chứ không phải không có cửa ra.

3. Tùy ngữ đọa.

Lục tổ nói: Người phương Đông tạo tội, niệm Phật cầu sinh phương Tây, người phương Tây gây tội thì niệm Phật cầu sinh cõi nào?

Bàng cư sĩ nói: "Về sự nói cõi Phật cách đây mười muôn dặm, biển lớn rộng vô biên, động thì gió nổi day." Do đó cả một bọn vô tri, rồi lại truyền sai nhận lầm, cho rằng Tịnh độ không đáng tu, vì tự chướng mình và làm chướng ngại người khác, thật đáng thương xót. Luận tông môn đề xướng còn không nói có Phật, huống gì cõi Phật vì muốn phá tướng rõ tâm, đúng sai đều dẹp bỏ, như việc thổi một sợi lông trên lưỡi dao sắc, nếu cầm vào sẽ đứt tay. Kim cương gai nhọn, chẳng phải là cơm nước bình thường trong nhà. Hơn nữa trong tông môn, những lời nói như thế rất nhiều, nếu mỗi câu đều tin như thế, thì Phật Thích-ca ra đời e

rằng phải cho con chó của Ngài Vân Môn ăn?

Di-đà Sớ Sao chép: Tây phương cách đây mười muôn ức cõi. Đàn kinh nói mười muôn tám ngàn là lầm vì cho năm xứ Thiên trúc là Cực lạc. Lời ấy gần như đúng, vì Lục tổ chưa đọc Đại tạng, nghe người ta nói phương Tây, liền cho rằng ở năm xứ Thiên trúc có. Trong giáo rõ ràng nói rằng cõi Cực lạc ba độc bất sinh, được không lui sụt, ở đây nói rằng "phương Tây tạo tội, vậy cầu sinh cõi nào?" Đó cũng là một minh chứng. Nhưng trong tông môn những lời sàm bậy như thế rất nhiều, nếu người học có thể đốn ngộ đốn tu, giải hành tương ứng như Lục tổ nhảy xuống sông Kim Hán, dạo chơi trong biển sinh tử, như Bàng lão tuy không cầu sinh, nhưng cũng đâu có hại gì đối với sinh.

4. Cuồng tứ đọa.

Có bọn ma dân, chuyên bày cuồng tuệ, không chịu giữ giới tu hành, dẫn bậy bạ những điều tương tự trong kinh, như phiền não tức Bồ-đề, dâm nộ si tức phạm hành. Theo lời nói mà hiểu, theo sự hiểu mà phát độc, quả như kia nói Đức Thích-ca ngộ đạo, ứng thân bảo nữ; A-nan nhà dâm đâu cần nêu khen. Lục tổ ban đầu theo đám thợ săn vẫn chưa thụ giới, đâu ngại gì ăn rau bên thịt. Kinh chép: Còn không bất sát, bất đạo, bất dâm, huống gì lại có việc sát, đạo, dâm? Xưa, ở tầng trời thứ năm có vị Tăng Đạt-ma-đạt có biện tuệ, sư thờ Tôn giả Sư Tử, Tôn giả biết sự ngộ giải của Ngài nên đối trước chúng khen ngợi, đến khi truyền pháp nối địa vị Tổ thì trao cho Bà-xá-tư-đa. Ma-đạt sinh tâm oán hận nói rằng: Tôn giả biết chỗ sâu xa của tôi, vì sao không trao cho tôi nối địa vị Tổ? Một hôm, một mình đi lấy nước sông, có cô gái giặt đồ, để lộ ống chân, Ma-đạt nghĩ rằng: Chân ấy trắng thật. Thì Tôn giả bất ngờ xuất hiện bên cạnh nói: Cái tâm như thế, liệu có thể trao Tổ vị được ư? Thế là Ma-Đạt nhiếp niệm, lễ dưới chân ai cầu. Ngay một giới dâm, các giới khác có thể lệ theo. kinh Bát-nhã chép: Tội, không tội đều không thật có, nên đầy đủ Thi-la Ba-la-mật. Giải thích rằng: Tội, bất tội đều không thật có, chẳng phải là tà kiến thô tâm. Nói không thật có, Bồ-tát thâm nhập tướng các pháp, thực hành Tam-muội Không, dùng mắt tuệ quán sát nên nói tội không có thật. Vì không có tội, nên cũng không bị tội. Nếu người tham đắm vô tội, khi thấy người tội phá giới thì sẽ khinh mạn, còn khi gặp người thiện nhân giữ giới sẽ kính mến. Giữ giới như thế gọi là nhân duyên khởi tội, không gọi là cụ túc. Vì vậy biết rằng trú giới tức phá, huống gì là hủy bỏ, giới chấp cũng là giới, mới gọi là giữ giới. Các bộ kinh lớn nói rằng phạm hạnh không thật có... đều là nghĩa này.

Ngài Vĩnh Minh nói: Mang thói quen còn bị cảnh lôi kéo, hiện hành há thoát được duyên buộc, như voi say không móc xích, vượn điên gặp cây, như chim bị nhốt trong lồng, Bồ-tát lấy giới làm thầy, thường có tâm sợ hãi.

Lại nói: Trong tông môn đời Mạt pháp, người học theo Đại thừa thường xem thường giới luật, cho nên kinh Niết-bàn nên cao giới luật, nói rộng về thường, vì vậy thừa và giới đều gấp, cho nên gọi kinh này là vật báu quý trọng của việc nối tiếp mạng sống thường trụ. Vì sao? Vì nếu không có giáo pháp này, chỉ nói giải thoát trên đầu môi, hoàn toàn không tu hành thì thừa và giới đều mất. Cho nên thừa là ngộ nghĩa bậc nhất, giới là dứt tất cả hắc nghiệp. Tổ sư chia việc này thành bốn liệu giản:

- Giới gấp thừa chậm: Vì giới gấp cho nên sinh lên cõi trời, cõi người. Như mũi tên bắn lên hư không, sức đẩy hết thì rơi xuống. Vì thừa chậm, cho nên tuy nghe Đại pháp mà như câm như điếc.

- Thừa gấp giới chậm: Vì giới chậm cho nên đọa vào đường ác. Vì thừa gấp cho nên thường nghe Đại pháp, như tám bộ quỷ thần trong hội Hoa Nghiêm.

- Thừa giới đều gấp: Thì sinh lên cõi người cõi trời, thường nghe Đại pháp.

- Thừa giới đều chậm: Thì đọa vào ba đường ác, không bao giờ được nghe pháp, cho nên hai pháp thừa và giới như hai bánh của chiếc xe, bỏ bất cứ bánh nào đều không thể được. Cho nên Ngài Long Thọ nói: Người phá giới như dưới ao mát mẻ có con rắn độc, không ai dám xuống tắm, nhà ấy như gò mả, không người nào dám đến, mất các công đức. Thí như cây khô, như ruộng bị mưa đá, không thể nương tựa, sống nhờ được. Như người bị bệnh nặng, mọi người không muốn gần, thí như ói ra rồi thì không thể ăn lại. Bồ-tát thiết tha quở trách như thế, đâu cho phép người phá giới. Cho nên ngàn ngày học hiểu không bằng một ngày giữ giới, đâu được tham cái tên giả là ngộ đạo mà chịu cái họa thật là đọa địa ngục, khinh mình gạt người, bị nạn vu oan. Người này giống như con chó cắn bậy, không giới nào chẳng phá. Ở đây chỉ nói về giới, vì bị lửa dữ tà kiến đốt cháy của báu giới luật cho nên giới là nền tảng cho Tịnh nghiệp, tất cả bạch pháp từ giới mà sinh.

5. Chi ly đọa: Có nhiều vị Pháp sư thông hiểu giáo điển, chú thích chương cú, chấp vào giả danh của pháp thân, phân tích giới hạn của danh tướng, chỗ này bớt, chỗ kia thêm, suốt năm suốt tháng, đùa bỡn với bức vẽ Tỳ-lô, ngồi trên sân rộng pháp giới, cống cao ngã mạn, được

ít cho là đủ. Nghe người niệm Phật thì cho rằng đây là một trong các pháp để thu nhiếp vọng tưởng của Tiểu thừa, hoặc nói biển giáo pháp nghĩa sâu xa, những người này độn căn nên niệm Phật cũng tốt, hoặc nói trong ba tạng này thuộc về tạng nào? Hoặc nói đây thuộc về giáo nào? Dường như bọn trẻ trong làng đấu đá, bên nào đông thì thắng, mỗi người đều tranh hơn kiến giải của mình, không thật sự hành trì. Như Phạm Chí Trường Trảo nhờ khả năng luận nghị nên hàng phục được các bậc thầy, từ đó đường đột hung hăng, không thể tự chế phục. Sau đến chỗ Phật, nghĩ rằng: Tất cả luận ta phá được, tất cả chấp ta chuyển được, trong đó cái gì là Thật tướng các pháp, cái gì là nghĩa bậc nhất, cái gì là tánh, cài gì là tướng không điên đảo? Nghĩ đoạn, Phạm Chí Trường Trảo bạch Phật rằng: Thưa Cù-đàm! Tôi không thọ tất cả pháp. Phật hỏi Phạm Chí: Ông không thọ tất cả pháp, vậy cái thấy này có thọ không? Phạm Chí đáp: Thưa Cù-đàm! Tất cả pháp không thọ, cho nên cái thấy cũng không thọ. Phật bảo: Ông không thọ bất cứ pháp nào cai thấy này cũng không thọ thì không khác với mọi người, vì sao lại cống cao mà sinh kiêu mạn? Như thế Phạm Chí không đáp được, do đó hết sức tin phục. Vì thế nên biết đứa trẻ bị đói đi qua chỗ bán nhiều thức ăn ngon mà nuốt nước bọt, càng làm thêm tâm thèm ăn chứ không giúp được bụng đói. Thuở xưa ở Giang Nam, có một vị tọa chủ lanh lợi, vì tôi mà phân tích Duy thức và chỉ bày sâu kín sở đắc trong kinh giáo, đối với các chú sớ của những người nổi tiếng phần nhiều ông phê bình bác bỏ. Tôi hỏi rằng: Ngài có đối địch với sinh tử được không? Vị Tăng đáp một cách tự tin: Làm gì có sinh tử để đối địch. Tôi nói: Phải thì tức phải, nhưng e rằng trước điện Diêm-la không dịch được chữ sinh, không hiểu được ngữ ngôn Tam-muội của Toạ chủ. Đó là lời nói chơi trong nhất thời nhưng cũng đúng với cái bệnh lớn ở các trường giảng. Xin khuyên các Bồ-tát niên thiếu, đối với thiên chương ngắn dài, trích dẫn nhiều chỗ, miệng tụng tâm nhớ, trí mê mắt mờ, nghiên cứu sự hiệu nghiệm chẳng bằng mấy lần lên tòa xuống toà, mấy lần giảng kinh ấy, nhận mấy lần người mù lễ bái. Nếu không có công hạnh chân thật thì chỉ thêm nghiệp oan trái. Đâu bằng một câu A-di-đà thẳng lên giai vị không còn lui sụt, việc một mà công trăm. Như Ngài Đàm Mô Tối giảng kinh Niết-bàn, Hoa Nghiêm, lãnh chúng một ngàn vị, bị vua Diêm-la quở trách rằng: Người giảng kinh mà tâm còn bỉ ngã, vì tâm kiêu mạn nên coi thường chúng sinh, là hạnh xấu bậc nhất trong hàng Tỳ-kheo. Liền đưa về Phó ty. Nhưng Ngài là người hiểu rõ về giới, lại có nghĩa giải cao siêu, nhờ tham cứu giáo điển nên ngộ được việc lớn Tây phương bất tư nghì này,

dùng đó tự lợi lợi tha, làm lợi ích cho đời vị lai, đốt lên ngọn đuốc đêm dài, công đức vô lượng. Lại cần gì phải bỏ uống bỏ ăn, thấy dấu chân mà dừng ngựa.

6. Si không đọa: Người học đạo hơi thấy về pháp không, nghe người niệm Phật liền cho rằng: Pháp xa lìa tên gọi, nếu theo giả danh thì càng thêm luống dối. Vì sao? Vì văn ngôn còn không, huống gì là tên gọi. Đáp kinh Pháp Cú chép: Phật bảo Bồ-tát Bảo Minh: Ông hãy quán tên gọi các Đức Phật này, nếu là có thì nói cho người thức ăn phải được hết đói. Nếu nói tên gọi là không thì Định Quang Như Lai không thọ ký cho ta và tên của các ông. Nếu không thọ ký thì lẽ ra ta không được thành Phật. Nên biết tên gọi đã Như từ lâu. Vì ta Như cho nên hiển hiện đầy đủ. Tên gọi các pháp, tánh nó là không, chẳng ở tại hữu vô. Kinh Hoa Nghiêm chép: Thí như các pháp không phân biệt tự tánh, không phân biệt âm thanh, nhưng tự tánh không xả, tên gọi không diệt.

Luận Quần Nghi chép: nếu nói tên gọi là vô dụng thì không thể giải thích thể của các pháp. Cũng nên gọi là nước đến, lửa đến. Cho nên biết nơm lưới chẳng phải không, cá thỏ nhờ đó mà được, khen ngợi việc này, mở rộng tên gọi, sinh về Tịnh độ chân thật, đâu được nói rỗng không. Ngài Thiên Thai Trí Giả nói: ở thế gian có người thực hành không, chấp trước si không, không hợp với kinh. Nghe điều này rồi quán tâm, sau đó bắt bẻ rằng: Quán tâm là pháp thân... thì ở mọi trường hợp nên bình đẳng, vì sao đối với kinh tượng thì sinh tâm kính trọng, còn đối với giấy gỗ thì sinh tâm xem thường, vì kính trọng và xem thường khác nhau nên chẳng phải bình đẳng, vì chẳng phải bình đẳng cho nên nghĩa pháp thân không thành. Đáp: "Tôi y cứ vào giai vị phàm phu mà quán tướng như thế, vì muốn khai mở hiển bày Thật tướng này nên cung kính kinh tượng, khiến cho tuệ không trói buộc, giúp cho vô lượng người làm lành lánh dữ, làm cho phương tiện không ràng buộc, đâu có đồng với ông?"

Thượng Đô Nghi nói: Quy mạng Tam bảo cần phải chỉ phương lập tướng, trụ tâm chấp cảnh, không rõ vô tướng lìa niệm. Phật biết hàng phàm phu buộc tâm còn không được, huống gì là lìa tướng. Như người thông minh không có phương thuật, xây nhà trên hư không. Kinh Pháp Hoa chép: Ông chứng các Phật pháp như Nhất thiết trí, mười Lực... đủ ba mươi hai tướng, đó là chân thật diệt. Đại sư Nam Tuyền nói: Pháp thân tịnh vi diệu, đủ ba mươi hai tướng. Chỉ vì không chấp nhận phần hạn của tâm lượng. Nếu không có tâm như thế thì tất cả hành xử, cho đến búng ngón tay, chấp tay đều là chánh nhân. Hoà thượng Bách Trượng

nói: Hành đạo lễ bái, từ bi hỷ xả là việc bổn phận của Sa-môn, rõ ràng y theo lời Phật dạy, chỉ là không cho chấp trước. Tịnh độ Chỉ Quy chép: Hành nhân viên đốn, nói nín động tĩnh đều vâng theo lời Phật dạy, đều hợp với tâm Phật. Nếu do niệm Phật mà sinh tâm động niệm, trở thành vọng tưởng thì dứt tâm vô niệm cũng thành vọng tưởng.

Kinh Thủ-lăng-nghiêm chép: Dù diệt tất cả sự thấy nghe hay biết nhưng bên trong giữ sự u nhàn cũng vẫn là pháp trần phân biệt ảnh sự. Nếu do niệm Phật mà chấp trước các họa hoạn hữu vi thì cái chấp này còn hơn cả người chấp không.

Ngài Vĩnh Gia nói: Chấp trước không, bác nhân quả, mênh mông bát ngát vời ương họa. Nếu cho rằng cầu Phật khác bên ngoài là chưa đạt thì bên trong chấp tâm mình không đạt còn nặng hơn.

Ngài Trường Sa nói: Người học đạo không biết chân, chỉ vì từ xưa đến nay nhận thức thần, là gốc sinh tử từ vô lượng kiếp đến nay, người si mê gọi là Bản lai nhân. Nếu cho riêng cầu Tịnh độ là thiên kiến thì chấp trước mất là Tịnh độ lỗi còn lớn hơn. Kinh Lăng-nghiêm nói người lạc vào đường ma đều chỉ hiện tiền chính là cõi Phật, không phân biệt tịnh cư và tướng sắc vàng, miệng thích nói mắt tai mũi lưỡi đều là Tịnh độ, hai căn nam và nữ tức là Bồ-đề, đệ tử và thầy đều rơi vào nạn vua, mê lầm không biết, đọa vào ngục Vô gián. Nếu chấp có tu chứng là Quyền nói thì chấp không tu chứng, đọa lạc vào ngoại đạo, lỗi ấy còn lớn hơn.

Kinh Lăng-nghiêm chép: Nếu trong định ấy các người thiện nam thấy sắc ấm tiêu, thọ ấm rõ ràng, tự cho là đã đủ thì có một phần ma Đại ngã mạn nhập vào trong tâm phủ, cho rằng ba tăng-kỳ kiếp một niệm có thể vượt qua, trong tâm còn xem thường cả các Đức Như Lai trong mười phương, huống gì Thanh văn, Duyên giác ở địa vị dưới, không lễ bái tháp miếu, phá huỷ kinh tượng, cho rằng Đàn-việt nói đây là đồng mạ vàng, là gỗ đất, kinh là lá cây, hoặc là điệp hoa. Nhục thân là chân thường không tự cung kính, lại tôn kính gỗ đất, thật là điên đảo, làm nghi lầm chúng sinh, đọa vào ngục Vô gián. Vì thế nên biết chấp không phá tướng đều là quyến thuộc của ma.

Luận Trí Độ chép: Thí như người giữ ruộng, ban đầu không biết muối, thấy người để muối vào các thứ rau thịt mà ăn, bèn hỏi vì sao như thế? Người kia đáp: Vì muối này làm cho thức ăn có vị ngon hơn. Cho nên người ấy bèn nghĩ muối này làm cho thức ăn có vị ngon thì tự nó phải rất ngon. Nghĩ đoạn người ấy bèn ăn nguyên một miệng muối, làm mặn đắng cả miệng, bèn hỏi rằng: Vì sao ông nói muối làm cho ngon

hơn? Người kia đáp: Ông là người ngu! Muối này phải liệu mà để vào ít nhiều mới làm cho thức ăn ngon hơn, tại sao ông lại ăn muối không?

Người không có trí tuệ nghe pháp môn không, giải thoát liền bỏ các thiện căn cũng giống như thế, hãy suy nghĩ cho kỹ. Tất cả không, sinh tử không, vì sao vua Diêm-la lại không chẳng được.

7. Tùy duyên đọa.

Người xưa nói: Tùy duyên tiêu nghiệp cũ, nhậm vận mặc y áo. Chỉ thuận theo trời, muôn hành tự viên. Giở chân, đặt chân đều là Tịnh nghiệp, đâu cần các thứ làm gì. Đáp lời người xưa hỏi rằng: Ngay tâm này là Phật, thì cần gì tu hành? Đáp: Chỉ vì thế cho nên tu hành, nếu trong sắt không có vàng thì dù có luyện vẫn không trở thành vàng được. Quốc sư Hiền Thủ nói: Nay ba thân, mười Ba-la-mật của Phật, cho đến hạnh Bồ-tát lợi tha... đều dựa vào tự pháp dung chuyển mà hành, do trong tâm chúng sinh có chân như thể lớn, tướng lớn, dụng lớn, ngày nay tu hành, dẫn ra pháp thân, báo thân, do trong tâm chúng sinh có pháp tánh chân như, tính tự không có san tham, ngày nay tu hành thuận theo pháp tính vô san, dẫn xuất Đàn Ba-la-mật... kinh Niết-bàn chép: Phật bảo Bồ-tát Sư Tử Hống, tất cả chúng sinh đều có niệm tâm, tuệ tâm, phát tâm, cần tinh tiến tâm, tín tâm, định tâm, những pháp như thế tuy niệm niệm diệt nhưng vẫn tiếp nối không dứt, nên gọi là tu đạo. Như ngọn đèn tuy niệm niệm diệt, nhưng vẫn có ánh sáng mà phá bỏ u tối. Như cái ăn của chúng sinh tuy niệm niệm diệt, nhưng vẫn làm cho người đói được no bụng. Như thuốc tốt tuy niệm niệm diệt nhưng vẫn trị dứt được bệnh. Ánh sáng mặt trời mặt trăng tuy niệm niệm diệt, nhưng vẫn làm cây cỏ muôn vật phát triển.

Kinh Bảo Tích chép: Nếu không có người chánh tu, thì thỏ mèo lẽ ra cũng sẽ được thành Phật. Đại sư Ngưu Đầu Dung nói: Nếu nói tu sinh thì tạo tác chẳng phải chân. Nếu nói vốn có thì muôn hạnh luống lập.

8. Duy tâm đọa.

Tự tính Tịnh độ, ngay nơi tục là hằng chân, bảy báu ngói gạch, nhất đạo bình đẳng. Chỉ cần tịnh tự tâm đâu cần phân biệt khác nhau? Đáp: Ông nói tâm tịnh cõi tịnh, không cần phân biệt, vậy dẫn ông vào trong nhà xí, ông ở lâu trong đó được không? Nơi xác chết đầy rẫy mùi hôi thối ngươi không bịt mũi có chịu được không? Đối với người đầy ghẻ lở máu mủ, ông có dùng chung chén, ngủ chung giường đắp chung mền với họ được không? Nếu không được, thì tướng ấy chính là "Chán ghét tướng ngủ trược". Nếu ông có thể chịu đựng được những điều ấy, không hề tránh xa thì sâu bọ chó quạ đều cũng có thể gần gũi những

thứ ô uế ấy, chẳng cũng đều đắc đạo giải thoát hay sao? những tịnh uế đều lìa, y nhiên lấy bỏ, đối với nghĩa duy tâm cũng không tương ứng. Cho nên phải biết chư Phật vì duy tâm nên sinh ra ưa thích, nhàm chán, vì duy tâm nên thuyết danh bình đẳng, vì duy tâm nên trang nghiêm cõi Phật. Nếu không duy tâm, làm sao tùy niệm, nếu chẳng bình đẳng thì phàm phu không có phần. Uế còn không bỏ, sao lại bỏ tịnh. Đã bỏ tâm này, lấy cũng trái gì? Đều do không hiểu ý chỉ của Phật mà gây ra sự chấp trước này. Nhưng biết duy tâm thì nghĩa nghi ở đây loại bỏ.

9. Đốn ngộ đọa.

Người tu thiền đời nay đều cho rằng hễ vừa hạ thủ công phu thành tựu thì liền thẳng vào địa vị Chánh đẳng giác, không chấp trước công đức huân tập, thành Phật còn không cầu, huống gì cầu vãng sinh Tịnh độ? Đáp: Kẻ nói không cầu thành Phật, sau khi xả thân sẽ đoạn diệt hẳn hay còn thọ thân sau? Nếu còn có thế giới sau khi chết thì sinh Tịnh độ hay sinh vào ba cõi? Nếu sinh vào ba cõi thì không bằng sinh về Tịnh độ. Nếu sinh Tịnh độ, thì đồng với vãng sinh. Lại người xưa nói rằng: Bậc Thiện tri thức, tuy thấy rõ Phật tánh, đồng đẳng với Phật, nhưng nếu luận về công đức thì chưa bằng được với các Thánh, phải cố gắng từng bước từ hôm nay. Lại nói rằng: Chưa ngộ mà tu không phải là chân tu. Chỉ có việc đốn ngộ tiệm tu, mới hợp với Phật thừa, không trái với ý chỉ viên đốn. Như đốn ngộ đốn tu cũng là nhiều đời tiệm tu. Đời nay mau chóng thành thục đó là do khi đang mang thân người thường tự nghiệm xét, nếu lời nói đúng như việc làm, việc làm đúng như lời nói, lượng tận cùng bờ mé pháp giới, tâm hợp với lý hư không. Tám gió không động, ba thọ vắng lặng, chủng hiện đều tiêu, căn tùy đều hết. Thí như những người không bị bệnh, thì không nên uống thuốc. Nếu hiện hành chưa dứt, phiền não tập khí lại nhiều, chạm mắt sinh tình, gặp việc thì dính mắc, tuy hiểu ý nghĩa vô sinh, nhưng năng lực chưa đủ. Không thể chấp nói: "Ta đã ngộ hiểu phiền não tánh không. Nếu khởi tâm tu, trở thành điên đảo." Như thế thì phiền não tánh tuy không nhưng có thể khiến phải chịu nghiệp. Nghiệp quả vô tính cũng là nhân khổ. Khổ đau tuy là luống dối, nhưng khó chịu đựng nổi. Nếu bị bệnh nặng, bệnh cũng hoàn toàn không, nhưng sao cứ phải kiếm thầy chữa trị, dùng mọi phương thuốc?

Tổ Sư nói: Đem tâm hư không, hợp vào lý hư không, cũng không có lượng hư không mới đắc được báo bất tương thù (không trả báo).

Phần Dương Vô Nghiệp Thiền Sư nói:

Ngày nay người ta giải thiền giải đạo đến hằng sa số. Nói Phật nói

tâm có đến trăm ngàn vạn ức. Một hạt vi trần vẫn không hết thì chưa thoát khỏi luân hồi. Hệ niệm không quên, làm sao không thối đọa. Như các loại này còn không tự biết nghiệp báo của mình lại vọng nói việc tự lợi lợi tha. Tự cho mình là thượng lưu, ngang hàng với chư vị tiên đức. Chỉ biết nói rằng việc xúc chạm trước mắt đều là Phật sự, động chân cất bước đầu là đạo tràng. Còn việc tu tập hành trì, lại không bằng hạng phạm phu giữ ngũ giới thập thiện.

Xem những lời phát ngôn của họ, hiềm chê người là hàng nhị thừa thập địa Bồ-tát. Vả lại đề hồ thượng vị, là vật trân quý ở đời, nếu gặp phải bọn người này ắt sẽ hóa thành độc dược. Giả sử có tài ngang với Ngài Mã Minh, giải ngộ đồng như Ngài Long Thọ, Cũng chỉ được một đời hai đời không bị mất thân người. Khi mạng lâm chung, một chút tình lượng phàm Thánh không dứt, một vi trần tư niệm chưa buông, thì sẽ tùy niệm thọ sinh, tùy theo ngũ ấm khinh trọng, sẽ hướng về thai lừa bụng ngựa mà thác sinh, vạc dầu lò lửa thiêu đốt thân tâm. Trước kia thường ghi nhớ nắm trì kiến giải, nhất thời đều mất hết. Y vào nghiệp cũ lại sinh vào các loài trùng kiến, tuy là thiện nhân mà chiêu lấy ác nghiệp.

Hòa thượng Viên Ngộ nói: Ranh giới của sinh tử, rơi vào trong chỗ lành không dễ, duy chỉ có bậc đại đạt siêu chứng, một lần dứt đoạn thì không khó.

Nhưng đều tuy do căn lực của mình, cũng cần phải mượn phương tiện. Lúc bình thường đối với vài cảnh giới nhỏ, chuyển thành hạnh được, thông suốt đã được, bỏ những điều cạn cợt đi, nuôi dưỡng sự thuần thục. Đến khi tạ duyên đời, tự nhiên không còn lo sợ gì. Cho nên bậc cổ đức đứng ngồi đi nằm đều có thể thoát xác, đều dũng mãnh, đều là do đào thải hết những việc trước kia mà được yên tịnh. Hương lâm bốn mươi năm được thành một khối. Dõng Tuyền bốn mươi năm còn có tẩu tác, Thạch Sương khuyên người nên bỏ hết ngừng hết lò hương miếu xưa.

Ngài Vĩnh Gia nói: Thể tức vô sinh, liễu vốn không mau. Bởi không ngừng tu tập, niệm đây ở đây mới được vô ngại tự tại, sau khi xả thân, đắc ý sinh thân, tùy tự ý thú, hậu báo đều dùng lý sai sử, không do nghiệp lôi kéo. Cái gọi là thấu thoát sinh tử? Nên biết chư Đại sư đều đã đi qua, chỉ là tìm cầu chỗ sinh tử tốt đẹp. Đường đi tuy khác nhau nhưng đều hướng đến tịnh nhất. Xưa có vị cuồng tăng tự phụ với chỗ thấy biết của mình, ta bèn hỏi rằng: Ông tin được xuất gia không? Ngươi tin được thân ở Trường An không? Vị Tăng ngạc nhiên nói “Không tin”. Ta nói:

Khi ông nằm mơ, hoặc nằm mơ khi chưa xuất gia, khi thấy cha mẹ anh em, hoặc khi trẻ con chơi đùa, lúc ấy có biết thân mình là khách không? Vị Tăng nói: "Không biết".

Ta nói: Dù cho ông tin được xuất gia và hành cước thật sáng tỏ thì sự kiến đạo của ông mới rõ ràng. Đằng này không được như vậy, mới nằm xuống gối đã bỏ tăng làm tục, đổi khách làm nhà, mà tự mình đã không biết. Huống gì sinh tử đêm dài mà chỉ dựa vào chút ít hiểu biết của ông, làm sao bảo đảm rằng sẽ không bị điên đảo? Lúc ấy kẻ cuồng tăng ấy giật thót người.

10. Viên thật đọa, nghĩa là Hoa tạng thế giới, một sát-na, một vi trần, mà bao hàm vô lượng quốc độ, vốn không có tịnh uế, làm gì có qua lại. Cho nên trưởng giả nói, cõi Tây phương Tịnh độ là Quyền biến mà không có thật. Vì tình chấp thủ xả, chẳng phải là thể pháp giới như như.

Đáp: Nếu ước về chân luận thì Hoa tạng thế giới cũng là Quyền lập, huống gì riêng cõi Tây phương. Như trong luận nói, lý trí vô biên, gọi là Phổ. Trí tùy theo căn mà tăng lên, gọi đó là Hiền. Vậy Phổ Hiền Bồ-tát cũng là Quyền biến. Văn-thù-sư-lợi là diệu tuệ khéo giản trạch ở tự tâm, các Bồ-tát Giác Thư, Mục Thư... tùy tín tâm mà lý trí hiện tiền, các Bồ-tát đó... và Văn-thù đều là Quyền. Như các bậc Thánh hiền ở phương này như Khổng Phu tử, Nhan Hồi trong luận đều cho là biểu pháp, vốn không có người thật. Vậy tất cả Bậc hiền Thánh đều là Quyền biến.

Nay ta thử so sánh định lượng về Ngài Văn-thù, Phổ Hiền cùng các Bậc hiền Thánh ở phương này, là Quyền hay là Thật?

Nếu cho là Quyền thì hiện nay vẫn có các vị ấy và sự việc đi đứng nằm ngồi, những lời di ngôn vẫn còn đó. Nếu nói thật thì trưởng giả ấy cũng là khi phàm diệt Thánh, phạm tội đại vong ngữ. Nói như đây thì Tây phương Tịnh độ cũng thể nhập vào sát trần. Sát trần cũng báo hàm cả Tây phương, sao lại có chuyện Quyền và Thật?

Lại trong luận có nói: Thể của Liên Hoa tạng là hạnh đi theo pháp thân, không y trụ vào trí thể mà được. Cung điện là quả báo hàm chứa tổng đại Bi. Lầu các là quả báo của trí chiếu quán căn thuận theo lòng bi tế độ chúng sinh, đất kim cang bằng phẳng là quả báo của Pháp thân tự tánh. Ma-ni trang nghiêm là quả báo của hạnh đi theo pháp thân giới thể. Kim cang luân bao quanh núi, là quả báo của giới đại bi phòng hộ nghiệp. Chúng hoa trang nghiêm là quả báo của Sự khai mở của vạn hạnh lợi sinh. Bảo thọ là quả báo của việc thực hành lợi sinh

đùm bọc che chở hàm thức. Nhưng nghiệp chúng sinh không có tương ứng, dù cùng ở chung mà không thấy. Giống như các loài quỷ và linh thần, cùng ở chung với người, mà người không thể nhìn thấy. Như vậy thì đều gọi là Hoa tạng thế giới, có đồng với sát trần mà ông nhìn thấy không? Nếu cho là đồng, thì các Ngài Mục-liên, Xá-lợi-phất, cái nghe cái thấy vẫn còn bị ngăn cách. Nếu nói là khác thì sao gọi là nhất chân. Lại như có tăng Linh Cán, hành trì pháp quán Hoa Nghiêm và quán Di-lặc thiên cung, đến khi bệnh nặng, mắt nhìn lên trên, như có thấy điều gì. Kẻ đồng chân hỏi thì Ngài nói: Thấy đồng tử dẫn đến thiên cung Đâu-suất, hưởng lạc chẳng lâu dài, cuối cùng cũng đọa vào luân hồi, Liên Hoa Tạng mới chính là mong cầu của ta. Nói xong thì hơi thở dứt, trong khoảnh khắc thì sống lại. Đồng chân lại hỏi trông thấy gì. Tăng Cán đáp: Thấy nước lớn đầy khắp, hoa như bánh xe, được ngồi lên đó, ý nguyện tròn đủ. Nói xong thì lâm chung.

Cho nên Ngài Thanh Lương Quốc sư có nói: Quán hạnh thì thiên đồng rước, mà nước lớn tràn ngập thì sẽ vãng sinh về Tây phương, hai việc này là đồng hay khác. Cho nên biết rằng một giọt nước biển tràn ra khắp nơi, một ngọn lửa đom đóm tỏa sáng cả núi, chẳng cần phải nhọc công, là người có trí không nên phân biệt như thế!

(Nghĩa là nói cõi Ta-bà ở Hoa tạng tầng thứ mười ba, đó là báo độ của phàm phu, chẳng phải là Tịnh độ của Phật. Trưởng giả luận về Hoa tạng cùng Hoa tạng của tăng Linh Cán sinh về, đều là báo độ của Phật, phàm nhân cùng ở mà không thể thấy được).

THỨ 9: PHÁP MÔN TU TRÌ

Tình trần tích tụ trong nhiều kiếp, rồi nhiều đời sinh ra trong biển ai dục, như loài cỏ rêu ăn dần kiếm báu, như bùn sét nuốt hột châu. Không có đá mài thì chẳng có ăn mòn, bỏ đi cấu uế thì mới được tỏ sáng. Muốn đắc được tâm tịnh thì phải diệt trừ uế. Người ngộ thì thường phải quán sát tỏ thông. Người mê thì cần khắc phục thêm. Nếu không rồi sẽ chịu trói buộc trong lưới tham ái thật đáng thương xót.

Khổng Tử có nói: "Khốn khổ mà không học, là hạng hạ dân." Nay muốn trong một đời, đạt được quả tăng-kỳ, trong mười niệm thâu nhiếp cả lộ trình ức vạn. Há đó là cái thấy và tư tưởng thiển cận sao. Tâm kết khẩu trần, sở năng đều siêu việt. Không dính vào một niệm nhẫn, không lụy nhiều đời, như pháp mà tu, tránh đọa vào ác đạo.

1. Tịnh ngộ môn.
2. Tịnh tín môn.

3. Tịnh quán môn.
4. Tịnh niệm môn.
5. Tịnh sám môn.
6. Tịnh nguyện môn.
7. Tịnh giới môn.
8. Tịnh xứ môn.
9. Tịnh lữ môn.
10. Bất định tịnh môn.

1. Nói tịnh ngộ môn đó, hành giả muốn sinh về Tịnh độ thật, thì nên tham cứu một cách chân thật, như pháp mà liễu ngộ. Vì sao? Vì ngộ là đấng đạo sư dẫn dắt người ra khỏi mê lầm. Như người vào nhà tối, phải đốt đèn cho sáng lên. Giác ngộ sẽ đưa ta vào cõi tịnh, như người đi xa, cần phải biết lộ trình mình phải đi. Ngộ là lãnh tụ của muôn hạnh. Như người xông pha vào trận mạc, phải tùy theo vị chủ soái:

a. Ngộ thì có thể hiểu biết ngay uế hằng tịnh mà không bỏ tịnh.

b. Nghe cõi Phật, thanh tịnh bất khả tư nghì, mà không sợ hãi.

c. Biết cứu cánh là không, không mất nhân quả, không làm các điều ác.

d. Biết cõi tịnh kia không đến không đi, ở đây cũng không đến không đi.

e. Ngộ thân lượng Phật biến đầy cả hư không. Thân lượng của chúng sinh cũng biến cả hư không. Như nghiệp lực ở địa ngục một người cũng đầy khắp, nhiều người cũng đầy khắp.

f. Nghe vô lượng các hạnh trải qua A-tăng-kỳ kiếp, như người nói các việc trong khoảnh khắc, mà không kinh sợ.

g. Tu thập thiện tam phước, không trụ vào nhân thiên

h. Như nhớ lại các việc trong khi nằm mộng sau khi thức giấc, không nghĩ việc có không.

i. Như mắt nhìn thấy cố hương, tin hay không tin cũng không thể được.

j. Như pháp vô ngã, thuận theo tánh làm lợi ích chúng sinh, cho đến thành Phật, không hề nhàm mỏi. Cho nên Bồ-tát nhập vào môn này rồi thì thành tựu được bách pháp, tùy ý được sinh về. Cho nên trong phẩm thượng của Quán kinh có nói: "Hiểu sâu được nghĩa thú, đối với Đệ nhất nghĩa tâm không kinh động." Sớ nói rằng: "Đệ nhất nghĩa đó là Thật tướng của các pháp. Dùng ngôn ngữ thì đạo đoạn, tâm hành thì xứ diệt" Lại ý nghĩa sáu niệm trong thượng phẩm có nói: "An tâm bất động, gọi đó là niệm."

Sớ sao nói: Lý nghĩa đệ nhất, không bị hai bên làm động, gọi chung là niệm.

Thế nên cõi Tây phương như các vị Long Thọ, Thiện Tài, Vi-đề-hy... nhờ nhập địa mà vãng sinh, phương này như các Ngài Viễn Công, Trí Giả, Vĩnh Minh... nhờ chứng ngộ mà vãng sinh. Trong tất cả kinh luận đều có chép đủ, đây không thể nói hết. Trong luận thì có nói sinh về kia, mà được giác ngộ là nói cho hạng trung hạ, cho đến nói giác ngộ Phật tự thân, đâu cần cầu vãng sinh. Đây là nói cho hang thập địa Bồ-tát trở lên, như nói ngộ Đệ nhất nghĩa mà các kết sử chưa đoạn, đều không cầu sinh, thì như Ngài Long Thọ, Vĩnh Minh... như dụi mắt sinh ra hoa đốm, không việc mà thành đa sự vậy.

2. Tịnh tín: Trong Trí Độ luận có nói: Như ở trong tâm người, có lòng tin thanh tịnh, thì người đó có thể nhập vào pháp Phật. Nếu không có lòng tin thì không thể vào được. Ví như da trâu chưa thuộc cho mềm mại thì không thể cuốn lại. Người bất tín cũng thế.

Lại trong kinh nói lòng tin là tay. Như người có tay vào trong núi báu, có thể lấy dùng tự tại. Con người không có tay thì có vào đó cũng không lấy được. Tín cũng như thế. Xưa có Vương Trọng Hồi hỏi Vô Vi Tử rằng: Làm thế nào niệm Phật không gián đoạn, Vô Vi Tử nói: Sau khi tin rồi thì không còn nghi, thì đó là không bị gián đoạn vậy. Trọng Hồi vui mừng lui ra, chẳng bao lâu thì được vãng sinh, sau có trở lại cảm tạ. Thế nên, là người tu hành, chưa thể đốn ngộ, nên gieo trồng niềm tin sâu xa, không kinh sợ không giao động.

a. Tin lời nói thành thật từ kim khẩu Phật nói ra, quyết định sẽ được vãng sinh.

b. Tin vào tự tâm rộng lớn, thì sẽ có công đức thanh tịnh như thế.

c. Tin nhân quả như bóng theo hình, nhất định sẽ mang theo.

d. Tin hình thức của thân này và tất cả sự kiến lập của thế giới như bóng nắng, hoa đốm không tồn tại.

e. Tin cõi đời ngũ trược ác thế này, luôn bị các thứ nóng lạnh khổ não tướng uế bức bách, không một phút giây sống xót.

f. Tin tất cả pháp đều do tâm, như nhớ me mà nuốt nước bọt.

g. Tin vào niệm lực bất khả tư nghì, như là nghiệp lực.

h. Tin thai sen là bất khả tư nghì, như bào thai.

i. Tin Phật có vô lượng thân, vô lượng thọ, vô lượng quang, bất khả tư nghì. Như thân kiến, thân phù du tỏa ánh sáng ra đều bất khả tư nghì.

j. tin thân này, nhất định rồi sẽ chết. Nếu người có đầy đủ mười

lòng tin này, thì dở chân cất bước, đều là niệm Phật. Thế nên biết rằng: Một chữ tin này, thông cả thượng trung hạ. Nhưng niềm tin lại có đại tiểu. Nếu không có tín lực sâu xa, có khác gì chim không cánh, thì không thể bay lên được.

3. Tịnh quán: cấu uế của chúng sinh có từ vô thỉ biến tất cả pháp, như vàng còn nằm trong khoáng. Người tu Tịnh nghiệp, nên tu thêm các pháp quán hạnh, trừ hết tập khí, đó là rào tường của bách pháp, là cầu bến của vãng sinh.

a. Tịnh quán, nghĩa là quán tướng hảo của Phật, như trong kinh Thập Lục quán có nói vậy.

b. Bất tịnh quán: Nghĩa là quán thân tâm bất tịnh, khí thế giới bất tịnh mà sinh lòng nhàm chán.

c. Quán vô thường: Nghĩa là quán tất cả pháp là vô định, như sắc đẹp, người dâm dật cho là vui. Phụ nữ ghen ghét cho đó là khổ. Người quán hạnh quán các pháp đó thấy các sự xấu ác lộ ra. Các loại khác quán xem như cây đất.

d. Quán hòa hợp: Nghĩa là quán thân này là thế giới, thấy nghe hiểu biết này như chứa cây làm nhà, chứa đất làm bờ, chứa các loại màu sắc để thành bức họa, không có thật thể.

e. Đối trị quán: Nghĩa là quán tự thân, kiết tập nào là trọng yếu, nên dùng pháp gì để đối trị, như loại thuốc và các thứ ẩm thực ít lạnh mà đắng chát, lúc bệnh nóng thì dùng làm thuốc, đối với bệnh khác thì không phải là thuốc. Như các loài dược thảo ẩm thực ít cay nhiều ngọt nóng thì đối với bệnh lạnh là thuốc, bệnh khác thì không phải. Quán sát như thế để đối trị.

f. Quán tàm hối: Nghĩa là quán tất cả chúng sinh, từ vô lượng kiếp đến nay, đối với ta đều từng làm cha mẹ anh chị em với nhau, dâm loạn với nhau mà không biết, như loài Kiêu Kinh giết hại cha mẹ. Như loài trâu dê chim tước hôn phối với thân thuộc. Loài kia không nhận biết được, mà con người nhận thấy được thì xấu hổ cười nhạo. Chư Phật Bồ-tát nhìn thấy chúng ta cũng như thế. Vậy chúng ta nên sinh lòng hối hận vô cùng.

g. Niệm niệm quán: Quán trong tất cả thời, có bao nhiêu tâm nhớ nghĩ Phật, bao nhiêu tâm lợi sinh, bao nhiêu tâm nhơ sạch chìm đắm.

h. Quán bình đẳng: Quán tất cả sắc như một sắc, đều không có tốt xấu. Quán tất cả âm thanh như một âm thanh không có khen chê. Quán tất cả thọ như một thọ, không có ân oán. Quán tất cả nghĩa như một nghĩa không có cạn sâu.

i. Quán vi tế: Quán niệm Phật niệm pháp, từ đâu đến, đi về đâu.

j. Quán pháp giới: Nghĩa là quán một cọng lông, một vi trần, một cọng cỏ, một lá cây đều có vô lượng cõi Phật thanh tịnh nơi đó. Hành giả lúc hành các pháp quán, lấy tịnh quán thứ nhất là chính, còn chín pháp quán khác làm phụ. Như tìm trân châu trong đá, nếu không chẻ đá, thì không thể lấy được châu.

4. Tịnh niệm: pháp niệm Phật gọi là nhất hành Tam-muội, duy ở nơi chỗ quyết định, nếu không đắc niệm ắt sẽ bị tán loạn, Tam-muội không thành.

a. Nhiếp tâm niệm: Nghĩa là tất cả nơi đều nhiếp niệm không quên. Giả như có mê ngủ thì buộc niệm mà ngủ. Không bị cách niệm, không xen niệm khác.

b. Dõng mãnh niệm: Như người hiếu sắc, nghe nơi nào có dâm nữ thì dù nơi xa xôi hiểm trở cũng tìm đến mà không sợ hãi.

c. Thâm tâm niệm: như đại dương sâu rộng, cũng có chỗ tận cùng, bờ giác mênh mông, không đến chỗ tận cùng thì không ngừng nghỉ.

d. Quán tưởng niệm: Nghĩa là trong mỗi niệm, thấy ba mươi hai tướng, tám mươi tướng tốt tùy hình.

e. Tức tâm niệm: Nghĩa là dứt tất cả danh tâm, dục tâm, quan tâm, tâm thế gian, tham luyến tâm, cống cao tâm, tâm ngăn che, tâm nhân ngã thị phi. Đó là niệm Phật.

f. Bi đề niệm: (tâm thương xót): Mỗi khi quán tưởng Phật, mỗi cọng lông nơi thân đều dựng đứng lên, ngũ nội như vỡ tan ra, như nhớ mẹ hiền ẵm bồng lúc thiếu thời và đứa con quá cố có đa tuệ.

g. Phát phẩn niệm: Như lạc vào nơi cô tịch lạnh lẽo, mỗi một niệm không muốn sinh về đó.

h. Nhất thiết niệm: Thấy nghe hiểu biết, cùng trong mỗi niệm, trong xương tủy, chân lông, không có nơi nào mà không niệm Phật.

i. Tham cứu niệm: Nghĩa là niệm Phật một tiếng, liền niệm chỗ đến của tiếng này.

j. Thật tướng niệm: Nghĩa là không lấy hữu tâm mà niệm, không lấy vô tâm mà niệm chẳng lấy tâm chẳng phải có không mà niệm. Đó chính là thượng phẩm niệm Phật môn. Người niệm Phật như thế, hiện đời ắt sẽ được thấy Phật.

5. Tịnh sám: Trong kinh nói: Tâm trước khởi tội, như mây che hư không. Tâm sau diệt tội, như ánh đèn phá tan bóng tối.

Lại nói: Y phục bị cấu bẩn cả trăm năm, có thể trong một ngày hoàn toàn được giặt rửa sạch. Cho nên muốn trừ chướng nặng, nên cần

cầu sám hối.

Nội sám: Sám cái nhân bất tịnh của tâm ý thức.

Ngoại sám: Sám tất cả sắc, tất cả thinh và tất cả pháp bất tịnh.

Sự sám: Sám mười tám giới, hai mươi tám hữu và tám vạn bốn ngàn trần lao kết sử, chướng ngại sự tu học trải qua A-tăng-kỳ kiếp, thấy các hạnh nghiệp lợi sinh của chư Phật.

Lý sám: Nghĩa là sám hối từ khi mới vào đạo đến nay các thứ hiểu giải có được, chỗ học kinh luận, nghe các nghĩa sâu xa, các bệnh tác, chỉ, nhậm, diệt, chướng ngại trí vô lậu của Phật.

Quá khứ sám: Sám từ đời vô thỉ đến nay những ác nghiệp đã làm, tuy đời nay không có trộm cắp, mà sở cầu không được như ý, tức là nghiệp trộm chưa dứt. Đời này tuy không tà dâm, nhưng lại gặp quyến thuộc không vừa ý, là do nghiệp dâm chưa dứt. Tuy đời này không vọng ngữ báng pháp, nhưng lời nói ra người nửa tin nửa ngờ, như vậy nghiệp báng pháp và vọng ngữ chưa dứt hết. Ở trong tất cả pháp giới, quán sát tất cả nhân. Nên biết rằng đời trước không có việc ác nào mà không làm, phải sám hối tất cả.

Vị lai sám: Tất cả ác pháp nay nên dừng lại, cho đến tận đời vị lai vĩnh viễn không làm nữa.

Hiện tại sám: Đời này có các nghiệp khổ sinh lão bệnh tử, các nghiệp phiền não, các nghiệp cử chân cất bước, nghiệp tâm động, miệng nói, cùng vô lượng các nghiệp vi tế.

Sát-na sám: Nghĩa là trong một niệm có chín mươi sát-na, một sát-na có chín trăm lần sinh diệt. Vậy một sinh diệt là một sám hối cho dứt.

Cứu cánh sám: Trong "Đẳng giác vị "có một phần vô minh, giống như hạt bụi vi tế cuối cùng được tẩy sạch.

Pháp giới sám: Nghĩa là ở trong pháp tánh, không có ta không có người, sám hối khắp mười phương chúng sinh trong quá khứ, hiện tại, vị lai. Nếu chân thật sám hối thì tất cả chướng ngại sẽ tiêu trừ, không lìa đạo tràng, được thấy khắp cả chư Phật.

6. Tịnh nguyện: Trong Trí Độ luận có nói: Các Bồ-tát thấy chư Phật ở trong vô lượng thế giới nghiêm tịnh, phát hoằng thệ nguyện. Có thế giới Phật không còn các chúng khổ, cho nên không có tên ba ác đạo. Bồ-tát thấy như thế rồi, tự phát nguyện rằng: Lúc ta thành Phật, trong thế giới không có các điều khổ, cho đến không có tên ba ác đạo cũng như thế. Có thế giới Phật trang nghiêm bảy báu, ngày đêm thường có ánh sáng thanh tịnh, không có mặt trời mặt trăng, liền phát nguyện

rằng: Khi ta thành Phật thế giới cũng thường có ánh sáng nghiêm tịnh như thế. Có thế giới Phật, tất cả chúng sinh đều hành thập thiện, có đại trí tuệ, y phục, thức ăn uống tùy theo niệm khởi liền có, Bồ-tát liền phát nguyện rằng: Khi ta thành Phật, tất cả ẩm thực y phục của tất cả chúng sinh ở trong thế giới cũng nên như thế. Có thế giới Phật, chư Bồ-tát đều có sắc thân ba mươi hai tướng như Phật, ánh quang minh tỏa rực, cho đến không có tên Thanh văn, Bích-chi-Phật, cũng không có người nữ, tất cả đều hành trì Phật đạo thâm diệu, du hóa khắp mười phương, giáo hóa tất cả chúng sinh, liền phát nguyện rằng: Khi ta thành Phật, chúng sinh ở trong thế giới cũng lại như thế.

Vô lượng các cõi Phật nghiệm tịnh như thế, nguyện đều đạt được, cho nên nói rằng: Nguyện thọ vô lượng thế giới của chư Phật.

Hỏi: Hạnh nghiệp thanh tịnh của chư Bồ-tát, tự đắc được tịnh báo, cần gì phải lập nguyện, rồi sau đó mới đạt được. Cũng như nhà nông được mùa, đâu cần phải đợi cầu nguyện.

Đáp: Làm phước mà không phát nguyện thì không có mục tiêu. Nguyện như người dẫn đường mới đi đến chỗ thành tựu. Cũng như vàng bị nung chảy ra, tùy theo tay thợ làm ra, vì vàng thì vô định. Như lời chư Phật nói: như người tu một ít phước bố thí, tu ít phước giữ giới, không biết pháp thiền, nghe ở trong cõi người có người phước lạc, hoặc nghe ở cõi Dục thiên, Sắc thiên, tâm liền ưa thích. Sau khi mạng chung, liền sinh vào những nơi đó. Bồ-tát cũng như thế, tu nguyện vào thế giới tịnh, sau đó mới có thể đạt được. Vì thế mà biết rằng: Do nguyện mà thọ được quả báo thù thắng. Lại nữa, cõi Phật trang nghiêm là việc trọng đại, công đức độc hành thì không thể thành được. Vậy nên chủ yếu là cần có nguyện lực. Cũng như sức của con trâu có thể kéo xe, cần có người điều kiển thì mới có thể đi đến nơi, nguyện tịnh thế giới cũng như thế. Phước đức như trâu, nguyện như là người điều khiển.

Hỏi: Nếu không phát nguyện, thì không có phước ư?

Đáp: Tuy đạt được cũng không bằng có nguyện. Nguyện có thể hỗ trợ cho phước, thường nghĩ đến sở hành thì phước đức tăng trưởng. Do nghĩa này, mà người tu pháp tịnh Phật quốc độ, nên phát đại nguyện:

Không vì phước đức mà nguyện, nguyện vì tất cả chúng sinh cầu sinh về Tịnh độ.

Không vì quyến thuộc mà nguyện, nguyện giúp tất cả quyến thuộc Như Lai, sinh về Tịnh độ.

Không vì bệnh khổ mà nguyện, nguyện trị tất cả bệnh vô minh ở thế gian mà sinh về Tịnh độ.

Không vì Chuyển luân vương mà nguyện, nguyện Chuyển pháp luân của chư Phật, làm đại pháp vương mà sinh về Tịnh độ.

Không vì dục giới mà nguyện, nguyện lìa tất cả ngũ dục vi tế mà sinh về Tịnh độ.

Không vì sắc giới mà nguyện, nguyện lìa tất cả chấp chước Thiền mà sinh Tịnh độ.

Không vì vô sắc giới mà nguyện, nguyện độ tận các sự lưu chú vi tế, chứng vô lượng thân tướng hảo mà sinh về Tịnh độ.

Không vì hàng Thanh văn, Bích-chi mà nguyện, nguyện đem phước đức nhị nghiêm, làm lợi ích cho tất cả chúng sinh mà sinh về Tịnh độ.

Không vì một thế giới hay ngàn thế giới mà nguyện sinh về. Nguyện thay thế vô số thế giới khổ, cứu bạt tất cả chúng sinh mà nguyện sinh về.

Không vì chúng sinh trong một A-tăng-kỳ kiếp và chúng sinh trong ngàn A-tăng-kỳ kiếp mà nguyện sinh về. Nguyện thay thế chúng sinh khổ trong vô lượng vô số A-tăng-kỳ kiếp khổ của chúng sinh, cứu bạt tất cả chúng mà nguyện sinh về Tịnh độ.

Nếu phát các đại nguyện như thế, cho đến sát-na cuối cùng, nhất định sẽ được như trong nguyện của Ngài Phổ Hiền đã nói. Cho nên biết rằng nguyện chính là thuyền từ đưa người qua biển khổ, là đấng minh sư đưa người về cõi Cực lạc.

7. Tịnh giới: Tất cả tịnh pháp đều lấy giới làm căn bản. Như người làm nhà trước tiên cần phải có đất bằng. Như họa sĩ muốn vẽ sông núi, trước phải có lụa trắng sáng sạch, sau đó mới tô màu sắc. Giới cũng như thế, cho nên nói giới là căn bản của các thiện pháp. Cánh cửa đầu tiên để đi vào Tịnh quốc, nếu không trì giới, thì như người nữ xấu ác muốn vào trai đàn thật không thể được.

Giới xan tham, nghĩa là thực hành bố thí tài, mạng và pháp thí, không có yêu tiếc.

Hủy cấm giới: Nghĩa là ngũ giới, luật nghi giới, cho đến vô lậu giới đều trì đầy đủ.

Sân nhuế giới: Nghĩa là dùng giới để điều phục tâm và thân khẩu, nếu gặp lời ác khẩu như đao trượng, chỉ nên tư duy các pháp nghiệp nhân duyên, nghĩ đó là trả nợ, là đạo sư, là trận phong hàn nóng lạnh.

Phóng dật giới: Là sinh tử hiểm nạn, không phải là chỗ gởi thân. Như người cầm đầy bát dầu đi trên một sợi dây, không nhìn nghiêng ngửa hai bên và không sinh niệm khác.

Tán loạn giới: Nghĩa là giữ nhiếp các căn, dứt hết ảnh duyên, như giữ ngọn đèn trước gió, như phóng sinh chim.

Ngu si giới: Nghĩa là dùng trí tuệ phá hết mê lầm. Như người làm việc thường nhờ ánh sáng mặt trời, nếu là đêm dài thì tất cả công việc đều phế bỏ hết. Cũng như ngọn đèn sáng cho người có mắt nhìn, đối với người mù, hoặc ngủ, thì sông núi đất trời chẳng có nghĩa gì cả.

Kiêu mạn giới: Nghĩa là không vì sự tài biện mà cống cao, không vì sự ngộ giải mà cống cao, không vì sự tranh luận mà cống cao. Tất cả chỗ đạt được, như bụi trần ở trong đại địa, như cấu bẩn ở trên mặt gương. Không nên đem cấu này để kiêu ngạo cấu kia.

Phú tàng giới: Nghĩa là trong tất cả chỗ của chư Phật, tất cả chỗ của Bồ-tát, tất cả chỗ của thần minh đều không thể che lấp, như trốn bóng mình dưới ánh nắng mặt trời, dấu tánh ướt trong nước, dấu bụi trong cát, không thể nào trốn được.

Vô ích giới: nghĩa là tất cả các việc hý luận vô ích, tất cả thi văn vô ích, tất cả trần duyên vô ích, tất cả miệng nói giải thoát vô ích thì đều nên xa lìa.

Thập trụ giới: nghĩa là như trì giới ở trên, chỉ vì sinh về Tịnh độ, làm lợi ích chúng sinh, không cầu nghe khen ngợi và các quả nhị thừa nhân thiên. Bồ-tát hành tịnh giới như thế, thì có thể nhiếp chúng sinh sinh về Tịnh độ. Vì tất cả chúng sinh tuy vô cùng tối tăm, ngoan cố, nhưng cũng đều khát ngưỡng giới đức.

8. Tịnh xứ: Người học đạo là đã có trí xuất trần, thì nên lìa bỏ hết những nơi xấu ác. Nếu không lìa bỏ, thì sự chán ghét chưa cùng cực, như vậy thì sự ưa thích Tịnh độ cũng chưa cùng cực. Ngài Long Thọ nói: Tâm Bồ-tát không quý cầu ngôi Chuyển luân Thánh vương, hay cầu phước lạc nhân thiên, mà chỉ cầu niệm chư Phật, cho nên tùy vào sự chú trọng của tâm mà cầu sinh về Tịnh độ. Nay những nơi vừa ý nhỏ nhặt mà không lìa bỏ được, huống gì là ngôi Chuyển luân Thánh vương. Như người bị cột chân lại muốn đi; cánh buộc lại muốn bay; đến đi đều bị ràng buộc, hai tâm, hư vinh.

Chỗ phồn hoa huyên náo nên tránh
Xa lánh chỗ cao lâu tửu điếm
Chỗ nóng bức thiêu đốt nên xa lìa
Xa lìa chỗ luạn bàn về chính sự và tự thân không chứng kiến.
Nên xa lìa chỗ ân ái buộc ràng và các nơi du lịch
Xa lìa các nơi thi đàn văn xả và đấu chương trích cú
Xa tránh chỗ cạnh tranh, chế nhạo các việc cổ kim

Nên xa lìa nơi giảng đạo không có nghĩa vị của đạo

Nên xa lìa những nơi khoe khoang tiểu trí, những nơi nghĩa giải, đấu tranh danh tướng.

Xa lìa những kẻ cuồng giải, bàn suông sự đốn ngộ, xem thường giới luật.

Vì những nơi đó như ma chướng làm não loạn đạo, nên phải xa lìa thì đạo nghiệp mới mong thành tựu.

9. Tịnh lữ: Tất cả căn cơ ngộ giải không phải bạn lữ thì không phát. Tất cả ác pháp không phải bạn hữu thì không dừng, như xe có hai bánh, bỏ một tất sẽ bị nghiêng đổ. Cho nên văn tự thế gian, các pháp hý luận, nũng cần phải có sự đồng tâm ấn chứng, huống gì là chí cầu đại đạo vô thượng.

Kinh Nhân Duyên nói: Ví như gió tánh tuy là không, tử rừng trầm, chiên-đàn thổi hương đưa đến mà gió có diệu hương. Nếu từ các mùi xứ uế mà đến, thì gió đó trở nên thúi; lại cũng như y sạch đem đặt vào hòm hương, thì y đó phát ra mùi hương. Nếu đặt vào chỗ xú uế, thì y sẽ bị hôi theo. Bạn lữ cũng vậy. Người hành đạo cầu bạn lữ, thì nên phân biệt kỹ về tịnh uế.

Là bạn chốn núi rừng khe suối nên gần, có thể giúp tâm bớt sự giao động.

Bạn nghiêm trì giới luật nên gần, xa lìa dục vọng.

Bạn trí tuệ rộng lớn nên gần, có thể giúp ta ra khỏi bờ mê.

Nên gần gũi bạn thông thái văn tự, có thể giải hết vấn nạn nghi ngờ của ta.

Bạn ở nơi chốn tịch mặc yên tĩnh, ta nên gần gũi để giúp cho Sự tiến thủ của mình.

Nên gần gũi người bạn khiêm cung nhẫn nhục, làm tiêu bớt ngã mạn cho ta.

Nên gần gũi người bạn trực tâm chí thành, có thể ngăn sự lầm lỗi của ta.

Nên gần gũi người bạn dõng mãnh tinh tấn, có thể mau thành đạo quả cho ta.

Nên gần gũi người bạn khinh tài ưa bố thí, phá hết sự keo sẻn của ta.

Gần gũi bạn nhân từ, che chở loài vật, không tiếc thân mạng, có thể giúp ta phá trừ ngã chấp.

Nếu không có bạn lữ thanh tịnh như vậy, thì ta nên tìm ở riêng một chỗ, tự tham cứu đạo nghiệp, lấy tượng Phật làm thầy, kinh luận làm

bạn. Xa lìa hết các bọn hý luận bên ngoài. Như người vào trong vườn tuy không có hoa quế, không gặp cỏ xú, không lấy gì để thưởng thức thì cũng không có gì nhàm chán.

10. Bất định tịnh: Tất cả căn khí của chúng sinh đều có lợi độn không đồng, như các pháp đã nói ở trên, đều thuộc hàng thượng căn lợi khí mới có được đầy đủ. Vì thế Đức Như Lai mới thiết lập ra nhiều phương tiện, khai chín phẩm pháp môn, phân có thượng trung hạ cho ba hạng căn cơ tu tập.

Hoặc giải rõ nghĩa đế, nhưng chưa hoàn toàn hàng phục hoặc nghiệp. Hoặc không thể giải nghĩa sâu xa, chỉ có thể tụng đọc kinh luận.

Chỉ y vào lời nói mà sinh lòng tin hoặc nhân người khác mà sinh lòng tin. Hoặc gặp kẻ bần cùng hủy nhục mà sinh tin.

Hoặc quán kim tượng, hoặc tùy ý mà quán một tướng.

Hoặc sớm tối trì mười niệm, trăm niệm, cho đến ngàn niệm.

Hoặc chỉ sám những tập khí thô trọng và mười pháp bất thiện.

Hoặc vì sợ sinh tử, phát nguyện vãng sinh. Hoặc gặp khổ nạn, phát nguyện vãng sinh. Nhưng không nguyện làm nhân thiên và các phước đức.

Hoặc chỉ trì tám giới năm giới, cho đến các giới sát đạo dâm vọng.

Những nơi ồn náo không thể xa lìa hết, nhưng luôn luôn sinh tâm nhàm chán.

Đối với các việc thế pháp trong cõi người, ta chưa thể đoạn hết, nhưng không tùy thuận theo.

Như trong phẩm hạ của Quán kinh nói: Hoặc chỉ niệm mười tiếng trong lúc lâm chung, như các pháp ở trên, chỉ trí tâm thọ trì vào một pháp thì đều được vãng sinh, duy không được nghi ngờ và tin tưởng lẫn lộn. Nếu nghi ngờ, thì tất cả các hạnh đều không thành tựu. Như người trong đêm, riêng mình đi trên con đường xa, không được nghi ngờ. Cho nên chúng sinh nghe pháp, nghi thì chẳng bằng như không nghe. Vì sao? Người kia không nghe là không nghe pháp, chỉ không nghe pháp thì không có chướng nạn, còn nghi sẽ có chướng nạn.

THỨ 10: **THÍCH DỊ MÔN**

Đại chỉ của Tây phương, trong kinh có nói rõ. Yếu môn Tịnh độ, các luận có giải thích đủ. Như Thiên Thân, Trí Giả, Hải Đông, Việt Khê... đều mở mang nghĩa sâu, nêu bày tông thú. Gần đây thì "tiểu bổn sớ sao" của Hòa thượng Vân Thê nói rất rõ về việc vãng sinh. Nhưng

trong các kinh tùy thời lập giáo, tùy căn cơ mà nói nghĩa, thường có sự khác nhau. Vì vậy sinh ra sự nghi ngờ lo sợ của người học, nay chọn trích ra từ các luận để nói rõ hơn, hội quy về một nơi, cho tiện tham khảo.

1. Sát độ viễn cận thích.
2.Thân thành đại tiểu thích.
3. Thọ lượng đa thiểu thích.
4. Hoa luân đại tiểu thích.
5. Nhật nguyệt hữu vô thích.
6. Nhị thừa hữu vô thích.
7. Phụ nữ hữu vô thích.
8. Phát tâm đại tiểu thích.
9. Nghi thành thai sinh thích.
10. Ngũ nghịch vãng sinh thích.

1. Sát độ viễn cận.

Hỏi: Các kinh Đại Tiểu thừa đều nói rằng Tây phương cách đây mười muôn ức cõi. Chỉ có "Quán kinh" nói rằng Phật Di-đà cách đây không xa. Vậy kinh nào đúng?

Giải thích: Vì xa gần không nhất định, nên nói rằng vừa xa lại vừa gần. Vì khi nói đến một nơi, từ nơi này đến nơi khác phải qua bao nhiêu thành ấp đều là từ sắc thân mà nên, vì thân tướng là luống dối, cho nên về đạo lý phương hướng cũng đều không thật. Không thể nói rằng ai xa ai gần, như người Trung Quốc nói nước, Mỹ xa là do tính từ Trung Quốc, thực ra nước Mỹ ở không xa nếu so với các nước khác, như người Úc, Canada. Lại như khoảng cách mười bước, đối với con kiến thì rất xa, con voi thì rất gần. Không nên nói rằng xa thực vì khoảng cách ấy không phải tính từ con kiến. Cũng không nên nói gần vì không tính từ con voi, cũng không tính từ con người. Vì vậy luận Trí độ nói: "Tùy theo thế tục lưu truyền, nên nói có phương hướng, thực ra cũng không thật có.

Hỏi: Tại sao nói không có phương? Phương này cũng có cũng thường. Như trong kinh nói rằng: Nơi mặt trời mọc là phương Đông, lặn là phương Tây, nơi mặt trời đi (hành) là phương Nam, không đi là phương Bắc. Mặt trời có ba phần hợp, gồm: Tiền hợp, kim hợp và hậu hợp. Tùy phương mặt trời phân, sơ hợp là phương Đông, phương Nam, Tây cũng như vậy. Nơi mặt trời không hành thì không phân.

Đáp: Không phải vậy, núi Tu-di ở giữa bốn khu vực, mặt trời xoay quanh Tu-di chiếu khắp bốn thiên hạ, ở Uất-đán-la-việt mặt trời

giữa trưa, ở Phất-bà-đề là mặt trời mọc. Người ở Phất-bà-đề là phương Đông, ở Phất-bà-đề mặt trời giữa trưa, ở Diêm-phù-đề này là mặt trời mọc, người ở Diêm-phù-đề là phương Đông. Ở đây thật không có chỗ bắt đầu, vì sao? Vì mọi phương đều là phương Đông, phương Nam, phương Tây, phương Bắc. Ngươi nói chỗ mặt trời mọc là phương Đông, nơi mặt trời đi là phương Nam, nơi mặt trời lặn là phương Tây, nơi mặt trời không đi là phương Bắc, việc ấy không đúng như thế.

Hỏi: Tôi nói phương hướng trong một nước, ông lại dùng bốn nước gây khó dễ, vì thế cho nên phương Đông là chỗ bắt đầu?

Đáp: Nếu trong một nước, mặt trời và phương Đông hợp nhau là hữu biên. Vì biên nên vô thường, vì vô thường nên không trùm khắp, cho nên chỉ có danh mà không có thực. Như vậy phương hướng còn không thật có huống chi đường đi, nhưng vẫn không bỏ phương hướng và đường đi vì không nên tính từ Diêm-phù-đề, mà cũng có thể ngay Diêm-phù-đề mà tính, như mặt trời chẳng mọc ở phương Đông, lặn ở Tây nhưng cũng có thể nói mọc và lặn ở hai hướng đó.

2. Thân thành đại tiểu.

Hỏi: Kinh Thanh Vương chép: Phật A-di-đà ở chung với Thanh văn, nước hiệu là Thanh Thái. Nơi Thánh vương ở, thành ấy rộng mỗi bề mười ngàn do-tuần. Quán kinh: Thân Phật cao sáu mươi muôn ức na-do-tha Hằng hà sa do-tuần, giữa hai đầu chân mày có sợi lông trắng xoay về bên phải, uyển chuyển như năm núi Tu-di, mắt Phật lớn như nước bốn biển, nay tính một biển là tám mươi bốn ngàn do-tuần, bốn bể là ba mươi ba muôn sáu ngàn do-tuần, thân lớn hơn mắt năm trăm sáu mươi muôn do-tuần. Tính về nơi ở, thì tòa thành ấy còn nhỏ hơn đến ba mươi hai vạn sáu ngàn do-tuần so với mắt Phật, huống chi là thân? Không lẽ thân và thành cách nhau một trời một vực như thế?

Giải thích: Hải Đông Sớ cũng có câu hỏi như thế. Sớ trả chép: Đức Phật ấy có rất nhiều thành, tùy Phật lớn nhỏ mà thành cũng lớn hay nhỏ. Thành lớn thì thân Phật lớn, thành nhỏ thì thân Phật nhỏ. Kinh Thanh Vương chép: mười ngàn do-tuần, đó là tòa thành mà các vị Thanh văn ở chung. Nên biết thân Phật cũng tương đương mà trụ. Quán kinh thì nói thân Phật cao lớn như thế, phải hiểu rằng tòa thành cũng lớn theo, vì các đại chúng đều trú ở đấy. Người xưa nói: Trong Pháp Hoa, cõi Tịnh quang trang nghiêm chỉ giảng nói pháp viên đốn. Trong kinh Tịnh Danh, cõi Phật Chúng Hương thuần là Bồ-tát, cho nên Phật ấy hiện thân cao lớn. Nếu ở cõi An dưỡng giảng nói cả đốn và tiệm, Thanh văn, Bồ-tát đều là chúng tăng do đó Phật thị hiện hai thân là sinh thân và pháp

thân. Ba mươi hai tướng là thông cả sinh pháp, đại tiểu thừa đều nhìn thấy. Tám muôn tướng là dành riêng cho pháp thân, chỉ Bậc hiền Thánh Đại thừa mới nhìn thấy. Do đó phải lấy tướng tàng trần tôn đặc để được bốn lợi ích. Phật vì xứng cơ đã hiện thân này. Phải lấy tướng tám muôn tôn đặc để được bốn lợi ích, Phật vì xứng cơ đã hiện thân này. Phải lấy ba mươi hai tướng tôn đặc để được bổn lợi ích, Phật vì xứng cơ đã hiện thân này. Như Phật Tỳ-lô-xá-na, Thanh văn thấy nghe không được trực diện còn Bồ-tát thì thấy rõ đại thân Ngài. Vì sao? Thân Phật tùy căn cơ mà hiện lớn nhỏ, như ánh sáng mặt trời qua khe hở mà phân thành lớn nhỏ chứ ánh sáng mặt trời không có lớn nhỏ.

3. Thọ Lượng Đa Thiểu.

Kinh chép: Phật ấy thọ mạng vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp. Lại nói: Khi Đức Phật ấy nhập Nê-hoàn thì, Bồ-tát Quán Thế Âm sẽ tiến lên thành Phật, đã và sẽ nhập diệt, tức là hữu lượng (nếu nhập diệt tức là có hạn).

Giải thích: Bậc tiên đức nói rằng: "Tạng thông bổ xứ, nói lên Phật có hạn lượng, biệt viên bổ xứ, nói lên Phật vô lượng." Vì các Đức Như Lai ba đời ở khắp mười phương không còn kia đây, cùng thấy lẫn nhau nên cùng một pháp thân, cùng một trí tuệ. Bồ-tát cơ mất, Như Lai ứng dứt, gọi là Bổ Phật xứ thật khác với tạng không. Phật trước nhập diệt thì Phật sau sẽ sinh, vì vậy kinh Kim Quang Minh nói bốn Phật giáng thất, sớ giải thích rằng: Nếu thấy bốn Phật đồng là thân tôn đặc, một thân một trí tuệ, đó là "Thường thân", bởi vì chúng đệ tử là một. Nếu thấy bốn Phật, thân Phật bất đồng, tức là ứng hóa, bởi vì chúng đệ tử đông. Cho nên biết rằng toàn thân là pháp giới, chẳng sinh phi diệt lại còn phân đương hiện với luận bàn kia đây sao? Đã không phải là sinh diệt thì có nghĩa là vô lượng. Vả lại trong cõi Phật thanh tịnh thì bụi, cõi, nước, cây đều là thân Phật, cho nên trong kinh nói: Các loài chim này đều do Đức Phật A-di-đà biến hóa ra.

Luận Trí Độ chép: Chúng sinh rất nhiều, nếu chỗ nào Phật cũng hiện thân, thì chúng sinh không tin, cho là huyễn hóa, tâm không kính trọng. Có chúng sinh theo người nghe pháp, tâm không khai ngộ, nếu nghe súc vật nói pháp thì lại tin theo. Như kinh Bổn Sinh chép: Bồ-tát làm thân súc sinh, nói pháp cho người nghe, người cho là việc nói pháp ít có nên đều tin theo. Có người cho rằng súc sinh là loài có tình cảm, cây cối không có tâm hồn nhưng có âm thanh, nên đều tin theo. Vì thế cây cối cầm thú đều là do thân Phật biến hiện ra, nếu tuổi thọ của Phật có chừng thì đạo tràng, cõi nước và âm thanh, chim nước cũng phải có

chừng. Nếu có chừng thì không cần bổ thuyết. Nếu là vô tận thì không nên nói diệt. Như bờ mé chẳng phải có, chẳng hư không phải không có bờ mé, dùng trí bất tư nghì soi chiếu thì có thể được.

4. Hoa Luân Đại Tiểu.

Tiểu Bổn nói: Hoa sen trong hồ to lớn như bánh xe.

Quán kinh chép: Trong mỗi hồ có sáu mươi ức đóa hoa sen bảy báu, đường kính vừa đúng mười hai do-tuần.

Đại Bổn chép: Hoa sen trong ao, hoặc một do-tuần cho đến một trăm do-tuần, một ngàn do-tuần. Bánh xe ở nhân gian chỉ lớn chưa quá một trượng, cho dù là Luân vương bánh xe vàng ngàn cân, cũng chưa quá một do-tuần, làm sao có hoa sen to lớn như thế được?

Giải thích: Đường kính hoa lớn hay nhỏ cũng như chuyện thân Phật và tòa thành, vì chúng sinh căn cơ có lớn nhỏ, thân, thành, cây cối, nước sông cũng hiện có lớn nhỏ, hoa sen cũng như vậy. Như Sơ địa hóa trăm cõi Phật, hiện hoa trăm cánh. Nhị địa hóa nghìn cõi Phật, hiện hoa nghìn cánh, Tam địa muôn cánh, Tứ địa ức cánh, ngũ địa ngàn ức cánh, Lục địa trăm ngàn ức cánh, Thất địa trăm ngàn ức na-do-tha cánh, Bát địa trăm ngàn muôn tam thiên đại thiên thế giới vi trần số cánh, Cửu địa trăm ngàn muôn ức A-tăng-kỳ cõi nước bụi nhỏ số cánh, Thập địa có mười bất khả thuyết trăm ngàn ức na-do-tha cõi Phật bụi nhỏ số cánh. Vì thân tự thọ dụng có lớn nhỏ nên hiện hoa sen cũng như vậy, không phải hoa có lớn nhỏ. Có lần nghe vị Tăng nói: Bên bờ biển có tháp xá-lợi do vua A-dục xây, chúng sinh nhìn thấy ánh sáng đều khác nhau. Có người không thấy ánh sáng, có người nhìn thấy ánh sáng như hạt đậu li ti, có người thấy ánh sáng to như quả táo, có người thấy to như đầu ngón tay, có người thấy lớn như cái đấu, chỉ có một phần ngàn người nhìn thấy ánh sáng to như cái đấu. Chúng sinh đều là người trần mắt thịt như nhau, mà còn nhìn thấy khác nhau như thế, huống gì Bồ-tát, Thanh văn cho đến trời, người,... công dụng cách xa nhau, nên hoa luân chiêu cảm tức nhiên phải khác nhau. Như trong cõi này, sát-lợi là dòng họ cao quý lầu cao gác đẹp đầy khắp thành ấp, còn kẻ nghèo hèn mái tranh vách đất hoặc thậm chí không được như vậy. Không nên hỏi vặn rằng sao có lớn nhỏ khác nhau, vì đó là do tự phúc đức mà có. Tướng hoa trong ao báu cũng giống như thế.

5. Nhật Nguyệt Hữu Vô.

Các (bổn) hoặc nói là nhật nguyệt của hư không, hoặc nói ở nơi hư không mà không vận chuyển, hoặc không nói có vô, hoặc nói thẳng là vô hữu. Lại kinh chép: Ánh sáng của Đức Phật ấy chiếu khắp vô lượng

vô số bất khả tư nghì, cõi Phật, che lấp mặt trời mặt trăng, các chúng Thanh văn đều có ánh sáng quanh thân có thể chiếu xa một tầm. Ánh sáng của Bồ-tát chiếu đến trăm ngàn tầm. Ánh sáng của hai Bồ-tát, thường chiếu khắp tam thiên đại thiên thế giới, như vậy tuy có mặt trời, mặt trăng nhưng giống như ánh thái dương đối với ngọn đuốc. Nếu mặt trăng mặt trời không chiếu sáng thì sẽ không có đêm và ngày, vì sao? Vì kinh nói rằng: Đêm ngày sáu thời và những việc như giờ ăn buổi sáng... rõ ràng biết rằng cũng là Quyền thuyết, mượn ngày đêm này để dụ cho thời phần ở cõi ấy, chứ không phải sự thật. Hơn nữa, ngày đêm, đến đi, là do tâm chúng sinh sáng tối khuynh đoạt mà cảm ra tướng ấy. Vì thế cõi Phật thanh tịnh không nên có việc như vậy. Như tầng trời Đao lợi mà còn không nhờ mặt trời, mặt trăng chiếu sáng. Huống gì Cực lạc, cho dù là có, cũng là do chúng sinh ở nước ấy kiến chấp về sắc không chưa hết, nên hiện có tướng mặt trời mặt trăng như thế, chứ thật sự ở cõi Phật không có mặt trời, mặt trăng. Như Đại luận chép: Phật Thích-ca lại có cõi thanh tịnh giống như Phật A-di-đà, Phật A-di-đà cũng có cõi nước không trang nghiêm thanh tịnh như Đức Phật Thích-ca. Đây tùy cơ cảm mà nói, nên cũng không ngại nói có.

6. Nhị thừa hữu vô.

Hỏi: Bài kệ Vô Lượng Thọ của Bồ-tát Thiên Thân nói: Cõi thiện căn Đại thừa, bình đẳng không cơ hiềm, cho đến không nghe danh từ Nhị thừa, huống hồ có thực, trong các kinh này đều nói cõi nước Thanh văn không thể xứng lượng, vì sao?

Giải thích: Bậc tiên đức nói: Hàng Nhị thừa sinh về Cực lạc, đều là những vị khi sắp qua đời hồi tiểu hướng đại. Vì công phu tu tập Tiểu thừa sâu dầy nên nghe lời Phật nói và tiếng gió, tiếng nước đều giảng nói pháp Tiểu thừa nên tạm chứng tiểu quả. Dần dần tăng tiến đến địa vị Bồ-tát, không phải trú tiểu. Vì thế nói rằng không có Nhị thừa, có hai nghĩa: Một là, quyết định Nhị thừa bất sinh, là thực sự không có; hai là, bất trú nhị thừa, là rốt ráo không có. Ví như hai người cùng là quan lang, một người thì chức quan dừng ở đây, người kia sẽ thay đổi. Người chỉ ở mức lang thì gọi là "lang", vì không còn chức quan nào nữa. Còn người sắp đổi chức quan thì không nhất định sẽ là lang, vì cuối cùng cũng đổi chức khác. Vì thế Tịnh độ không được nói là có nhị thừa, vì rốt cuộc đến địa vị Bồ-tát.

7. Phụ nữ hữu vô.

Trong kinh Thanh Vương, nói Phật A-di-đà cũng có cha mẹ, vậy sao lại nói là không có phụ nữ.

Giải thích: Đây cũng là hóa ra, như hóa chim anh vũ. Hải Đông Sớ nói: kinh Thanh Vương nói rằng Đức Phật A-di-đà ở thế giới An lạc có cha mẹ, là biến hóa nữ, chẳng phải nữ Thật báo. Lại, tuy nói có cha mẹ, nhưng chẳng phải thai sinh mà do hóa sinh, như trong kinh ấy nói nếu bốn chúng chánh thọ danh hiệu Phật, với công đức ấy khi sắp qua đời, Phật A-di-đà sẽ cùng với đại chúng sẽ ở chỗ người ấy, để người ấy được thấy, thấy rồi vui mừng tăng thêm phần công đức, do nhân duyên ấy, nơi sinh về lìa hẳn thân bào thai uế dục, thuần ở trong hoa sen báu, tự nhiên hóa sinh, có thần thông lớn, ánh sáng rực rỡ. Nên biết nương gá làm cha mẹ, hoặc nói trong kinh Thanh vương nói có cha mẹ, cho nên nói lên cõi uế mà Phật ấy an trụ là không đúng. Kinh ấy đã nói hoa sen báu hóa sinh, lại nói hai Bồ-tát đứng hầu hai bên. Đấy đều là tướng Tịnh độ, không khác gì trong Quán kinh nói. Nên biết Đề-bà-đạt-đa và Ma vương kinh ấy nói đều từ trong Tịnh độ biến hóa mà ra, không do như thế mà chẳng phải Tịnh độ, như hóa súc sinh, chẳng phải là cõi uế.

8. Phát tâm Đại Tiểu.

Trong ba bậc của bản dịch đời Ngụy đều có phát tâm Bồ-đề. Quán kinh hạ phẩm nói thẳng về mười niệm, các kinh đều khác nhau. Nay muốn nhóm họp lại, các kinh đều là phát tâm Bồ-đề, rộng lớn vì sao?

Nếu là kẻ lúc đầu không có nhân lành lớn thì người ấy tuy lại trải qua, nhưng vẫn sẽ sinh nghi ngờ. Đâu được đốn nghe đốn tin. Vì thế nên biết hạ phẩm mười niệm cũng là nhân lớn đã gieo trồng đời trước, nhưng vì đời sau lui sụt nên khi sắp qua đời được gặp Thiện tri thức, như cây khô nắng hạn gặp mưa mà đâm chồi nẩy lộc. Nếu là kẻ không có nhân lành thì tri thức còn không được gặp, huống gì là tin nhận? Như người thông minh phần nhiều càng nghe càng không tin, liền biết rằng vừa nghe liền niệm thì chẳng phải là tiểu duyên, không nên đối với người một đời tạo ác mà cho rằng người ấy không có nhân lành lớn. Kinh nói rằng: Con người trên thế gian được nghe danh hiệu Phật A-di-đà, nếu từ tâm vui mừng, khắp mình nổi ốc nước mắt tuôn trào thì đều là nhiều đời đã từng tu hành Phật đạo, hoặc từng làm Bồ-tát ở chỗ Phật phương khác. Vì thế bất luận là ngu dốt, thông minh, miễn là người có lòng niệm Phật thì đều là nhiều kiếp đã trồng sâu thiện căn, phát tâm Bồ-đề rộng lớn. "Thiện căn" không phải chỉ nói đến trí tuệ, nếu như không có gốc thì cũng như trồng cái vỏ khô, làm sao đâm chồi nẩy lộc được? Giống như người ta đánh cờ, có những người không biết gì cả, nhưng khi học thì càng học càng tinh thông (vừa học biết ngay), còn

những kẻ trí tuệ thường xuyên luyện tập thì suốt đời vẫn ở mạt phẩm. Cho nên biết người có nhân lành nhỏ, không có tài năng còn không được nhập, huống gì là đại pháp, vì thế nếu có kẻ tin vào pháp ít có khó tin này, thì đó là Bồ-tát đại tâm.

9. Nghi thành thai sinh.

Dịch bản đầu đời Ngụy chép: Nếu có chúng sinh rơi vào nghi ngờ hối hận, chứa nhóm thiện căn, mong cầu trí Phật, trí phổ biến, trí bất tư nghì, trí vô đẳng, trí uy đức, trí quảng đại. Đối với thiện căn của mình không thể sinh niềm tin. Do nghe danh hiệu Phật mà phát khởi lòng tin, nhờ nhân duyên này, trong năm trăm năm ở trong thai hoa, vẫn tưởng như là vườn tược cung điện. Không thấy Phật, không nghe pháp, gọi là thai sinh.

Bản dịch đời Ngụy nói: Không hiểu trí Phật, nhưng vẫn tin tội phúc, tu tập thiện căn, nguyện sinh cõi Phật, cho nên thuộc về thai sinh. Bản dịch đời Tống chép: Thiện căn mà chúng sinh trồng không thể lìa tướng, không cầu Phật tuệ, vọng sinh phân biệt, đắm sâu cái vui và phúc báo nhân gian, nên gọi là thai sinh.

Bản họ Vương chép: Nếu có chúng sinh tu các công đức, nguyện sinh về cõi kia, sau lại nghi ngờ và không tin rằng có cõi Phật ấy, không tin rằng làm điều lành được phúc đức thì người ấy tuy có niệm tâm nhưng lúc tin lúc không. Khi sắp qua đời, Phật hóa hiện thân khiến người đó được thấy, để tâm sửa đổi, tội lỗi ít đi, cũng được sinh về cõi ấy, gọi là thai sinh.

Ở đây xét theo hai bản dịch trên, hễ không tin tự tánh, không rõ trí Phật thì gọi là thai sinh.

Bản dịch đời Tống thì nói thẳng rằng người tu điều lành cầu sinh cõi trời, cõi người là thai sinh, vì ở cõi Cực lạc thì không có thai sinh. Còn trong bản họ Vương, thì lại cho kẻ không tin cõi Phật, không tin tội phúc, lúc tin lúc không tin là thai sinh, khác với hai thứ vãng sinh là nghe danh liền khởi tín và tu tập thiện căn trong bản dịch trước.

Đại khái trong Tịnh độ nói lược về chín phẩm, cho dù nói rộng đến ngàn muôn phẩm cũng không thể hết. Nhưng trong loài người hiện nay có nhiều thứ phúc báo, có nhiều thứ tội nghiệp, đều không ai giống ai. Vì thế tuy các bản dịch khác nhau nhưng đều là lời thực. Y cứ vào bản đời trung Đường, chỉ thú trong ấy rất sâu kín. Vì không tin thiện căn của mình, nên dựa vào tha lực mà khởi tín, tức là "Nghi thành". Người tin quả lành của mình tức là hiểu được tự tâm, không do người mà được, vì ngộ nhập mới có thể thoát nghi. Cho nên chưa ngộ mà tu, rốt cuộc

cách được nghi thai, thai lấy sự che đậy làm nghĩa. Người chưa ngộ thì các chướng chưa diệt hết. Các vị này chỉ ở phẩm trung hạ, hạ thượng. Vì sao? Vì hai thứ hạ phẩm trải qua sáu kiếp mười hai kiếp, mới được hoa nở. Nếu theo bản dịch của họ Vương thì tin Phật mạnh mẽ không bằng hai thứ sau cùng, lại sinh tại biên địa của Cực lạc, sau năm trăm năm mới được gặp Phật.

10. Ngũ nghịch vãng sinh.

Đại kinh chép: Chỉ trừ tạo năm ác nghiệp Vô gián, phỉ báng chánh pháp và các bậc Thánh.

Quán kinh thì tội ngũ nghịch, mười điều ác, lúc sắp qua đời mười niệm đều được vãng sinh. Nên biết đại kinh trừ bỏ tội ngũ nghịch vì là phỉ báng. Vì sao? Vì nhập Tịnh độ thì phải lấy tín làm người dẫn đường, "Phỉ báng" là tên trộm của tín, như nước có thể hợp với mọi thứ nhưng không hợp với lửa, vì chính lửa không thể tự chịu được nước. Như gió có thể thổi vào bất kỳ đâu, nhưng không thể thổi vào đá, vì tự đá không có khe để thổi vào. Kẻ phỉ báng đốt cháy chánh pháp giống như ngọn lửa đỏ, gây chướng ngại trí Phật như bức tường thép. Vì vậy biển pháp gió tuệ, không nhân được thọ nhận.

Quán kinh nói trừ bỏ kẻ phỉ báng, mà không bỏ kẻ phạm tội ngũ nghịch, nghĩa giống mà văn khác. Vì tội ngũ nghịch tuy rất xấu ác, nhưng không hẳn là không tin, nên không nói. Nhưng người có đại tâm, lúc đầu có thể không tin, sau được phát khởi sẽ sửa sai lầm trước. Như Hàn Xương Lê ban đầu bác bỏ Phật cốt, sau quy y Ngài Đại Điên. Trương Vô Tận lúc đầu xem thường sách Phật, định soạn "Vô Phật Luận", sau xem kinh Tịnh Danh, đã có tỉnh ngộ nhiều, thành bậc long tượng trong tông môn. Đó là những việc ít có trong Phật pháp. Cho nên những bậc tài giỏi trong rừng Nho, có người nghe theo một cách mù quáng luận điệu sai lệch, phỉ báng Phật pháp, nhưng đã nhanh chóng sửa đổi, không còn phỉ báng Phật pháp nữa.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 172

TỊNH ĐỘ NGHI BIỆN

SỐ 1976

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1977

TỊNH ĐỘ NGHI BIỆN

LỜI TỰA

Thiền sư Liên Trì trước tác Tịnh độ nghi biện để nay ngã cột kiêu ngạo, phá vỡ lưới si. Như trong tăm tối có ngọn đèn, như nghèo cũng được của báu, thật sự là con thuyền từ đưa qua biển khổ, tức là luận của Ngài Vĩnh Minh tông Thiên thai, chưa có luận nào tinh thuần, tha thiết và rõ ràng như vậy. Người tu Tịnh độ rất cần tiếp thu nó. Nếu nghi ngờ, phóng ý dối bàn sẽ bị quả báo khổ đến đời vô tận, nói vậy chẳng có gì là quá. Tôi nói chẳng có gì là quá vì từng nghiên cứu việc Phòng Chửa đời nhà Đường chết đột ngột xuống âm phủ gặp Minh vương. Vương rằng: Án của ông mỏng vì ông từng khuyên một người già niệm Phật đã sinh về Tịnh độ, ông nay nhờ phước ấy cũng được sinh Tịnh độ. Rồi bèn tha cho về. Sư nói rằng: Hạng Xiển-đề không tin có Tây phương nên không tu lại chướng ngại người khác tu sẽ vào địa ngục như tên bắn. Phàm một khẩu nghiệp, nếu khuyên người niệm Phật thì cũng khiến được sinh Tịnh độ, chướng ngại người niệm Phật thì vào địa ngục như tên bắn. Do vậy kẻ buông thả khẩu nghiệp thật đáng sợ, cho nên nói lời của Thiền sư Liên Trì chẳng có gì là quá đáng.

Dự Chương Vi Hưu của sĩ thuật, Sở Uẩn soạn.

SỐ 1977

TỊNH ĐỘ NGHI BIỆN

Có người hỏi: Nói về Tịnh độ là bởi làm sáng tỏ pháp thôi. Người trí phải trực ngộ thiền Tông, mà nay chỉ tán thán Tịnh độ, đó có phải là chấp trước sự tướng mà mê mờ lý tính không?

Đáp: Quay về nguồn tánh vốn không hai, phương tiện có nhiều cửa, hiểu được ý này thì Thiền tông và Tịnh độ tuy khác đường mà chung cội. Mối nghi của ông ngay đó liền tan biến. Người xưa ngay điểm này nối nhau xiển dương thật là nhiều. Như Đại sư Trung Phong nói: Thiền là Thiền của Tịnh độ, Tịnh độ là Tịnh độ trong Thiền, mà người tu nhất định phải chọn một cửa để vào. Những lời này là định luận vạn thế. Cho nên Bồ-tát Đại Thế Chí có lời sau khi đắc pháp môn niệm Phật Tam-muội: Nhờ niệm Phật mà tâm chứng nhập Vô sinh nhẫn. Bồ-tát Phổ Hiền nhập vào giải thoát bất khả tư nghì trong hội Hoa Nghiêm liền phát nguyện khi lâm chung được vãng sinh An dưỡng. Hai vị đại sĩ này, một làm thị giả cho Đức Giáo chủ cõi Ta-bà, một vị hầu cận Đức Đạo sư cõi An dưỡng. Mỗi vị chứng nhập mỗi môn nhưng lại hòa hợp viên dung, hai pháp không ngại nhau. Đây là điều mà người ta thường thấy nghe hay biết, sao còn chấp trước mê lầm. Còn như ông nói Tịnh độ là biểu pháp. Tại sao không nghĩ nhờ tâm tịnh thì mới có Tịnh độ, rồi lại có thế giới thất bảo, thì cũng sẽ cho rằng tâm thiện là thiên đàng rồi lại có Dạ-ma, Đao lợi, thì ác tâm chính là địa ngục, rồi lại có dao kiếm chảo dầu. Tâm ngu si chính là súc sinh lại có cảnh mang lông đội sừng. Vả lại ông thích bàn về lý tánh mà không ưa nói đến sự tướng cũng là vì muốn làm sáng tỏ Ta là dòng dõi cao quý mà không thông lý tánh thì sợ người chê cười. Than ôi! Nếu quả thật là người thông suốt lý tánh thì nên biết rằng ngoài sự không có lý, ngoài tướng không có tánh, hai thứ đó vốn đan xen nhau, đâu cần bỏ sự cầu lý, bỏ tướng tìm tánh ư. Hơn nữa cõi được phân làm bốn loại mà ông lại nói chỉ có cõi Tịch quang chứ không có các cõi Thật báo trang nghiêm... ư. Nếu chỉ luận suông về vô tướng mà cho là cao thì lợi ích tư lương rất ít. Xem được vài

quyển kinh luận, nhớ được mấy tắc công án mà cho là giỏi thì đâu đủ để vấn nạn. Ông cho rằng mình đã liễu triệt tùy xứ Tịnh độ thì tôi thử hỏi ông, ông có dám vào chuồng súc ở chung với các loài bò heo ngựa chó, ăn cùng máng với chúng không. Có dám vào gò mả để ngủ chung với những thi hài rữa nát không? Có dám tắm rửa, giặt giũ, chăm sóc cho những bệnh nhân mắc phải chứng bệnh hiểm nghèo hết năm này đến tháng nọ không? Từ những chuyện này mà hoan hỷ tình nguyện thì không còn gì để nói. Và cho phép ông nói về những nơi đất bằng núi cao đều là Tây phương. Đối với cảnh ngoài thì gắng gượng, bên trong khởi hiềm nghi, thì cảnh uế tịnh chưa không, tình yêu ghét vẫn còn, thế mà mở miệng nói về cảnh giới cao siêu của Thánh nhân, gạt bỏ không có Phật quốc. Miệt thị vãng sinh, đáng gọi là kẻ khi trời dối người cam lòng tự muội, khổ thay! Khổ thay! Vả lại, nếu ông có sức lớn, có nguyện lớn, nguyện lăn lộn trong biển sinh tử hành đạo Bồ-tát mà không khiếp sợ, thì sinh về Tịnh độ ta không ép ông. Ông lại lo rằng không làm chủ được trong cảnh giới to lớn này, rồi lại lo chư Phật ra đời khó gặp gỡ để tu tập, lo sức nhẫn chưa chắc không thể ở trong ba cõi hiểm nguy này độ thoát chúng sinh, lo hết báo thân này chưa thể đoạn sinh tử và phải thọ thân sau, mà đường trước thì mịt mờ chẳng biết về đâu mà lại bỏ Tịnh độ không chịu sinh về thì sự tổn thất ấy rất lớn. Pháp môn Tịnh độ này dường như cạn mà sâu, dường như gần mà xa, dường như khó mà dễ, tợ dễ mà khó, ngày đó ông sẽ tự hiểu. Nay ông tham thiền niệm Phật, có thể thâm nhập bất cứ pháp môn nào, chỉ kịp nhận mạt làm vàng, được ít cho là đủ, thì cũng giống như sự hiểu biết cạn cợt mà dối bàn cao siêu, không thông hiểu Tịnh độ, dụ như đứa con si cuồng mắng chửi cha mẹ, cha mẹ xót thương tuy không quở trách nhưng lý trời không dung, pháp ma không tha. Kẻ vọng ngữ, quả báo cũng như vậy. Thật đáng thương thay! Thật đáng thương thay!

LỜI BẠT SAU BIỆN GIẢI MỐI NGHI VỀ TỊNH ĐỘ.

Cư sĩ Vi Hưu kêu gọi nền Đạo học nơi Tĩnh gian, có phong thái thong dong tự tại, đã rất hăng hái trong việc khắc bản kinh Hoa Nghiêm từ bản tiếng Phạm sang bản hoa ngữ để tiện đọc học. Ông còn rộng khen Tịnh độ, khắc bản nghị biện là trước tác của tôi (tác giả - n.d) và lưu hành rộng rãi. Ông còn có chí hướng đối với mười huyền môn, gởi thần nơi cõi Cửu liên, có thể nói là khế hợp sâu xa với nguyện vương của Phổ Hiền, là bậc diệu nhập Tỳ-lô tánh hải. Đáng tiếc ông mất sớm, không để cho Tào Lỗ Xuyên được gặp.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 172

TÁN A DI ĐÀ PHẬT KỆ

SỐ 1978

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1978

KỆ TÁN A-DI-ĐÀ PHẬT

Tác giả: Pháp sư Đàm Loan.

- Nam-mô A-di-đà Phật: Tên Ngài là Vô Lượng Thọ, cũng kính gọi là An Dưỡng.

- Nam-mô chí tâm quy mạng lễ Tây phương A-di-đà Phật.

Niệm tại Tây phương cách cõi này
Mười vạn ức cõi nước An Lạc
Phật Thế Tôn hiệu A-di-đà
Con nguyện vãng sinh quy mạng lễ
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

- Nam-mô chí tâm quy mạng lễ Tây phương A-di-đà Phật.

Thành Phật đến nay trải mười kiếp
Thọ mạng dài lâu thật vô cùng
Pháp thân vầng sáng khắp pháp giới
Chiếu cõi tối tăm nên đảnh lễ
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

- Nam-mô chí tâm quy mạng lễ Tây phương A-di-đà Phật.

Trí tuệ sáng suốt chẳng thể lường
Nên Phật lại hiệu Vô Lượng Quang
Hữu lượng các tướng đều sáng tỏ
Thế nên kính lạy chân thật minh
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

- Nam-mô chí tâm quy mạng lễ Tây phương A-di-đà Phật.

Giải thoát sáng trưng không hạn lượng
Nên Phật lại hiệu Vô Biên Quang
Được quang chạm đến lìa vô, hữu
Thế nên kính lễ Bình Đẳng giác
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

- Nam-mô chí tâm quy mạng lễ Tây phương A-di-đà Phật.

Mây sáng vô ngại như hư không
Nên Phật lại hiệu Vô Ngại Quang
Tất cả chất ngại đều thấu suốt
Thế nên kính lễ nan tư nghì
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

- Nam-mô chí tâm quy mạng lễ Tây phương A-di-đà Phật.

Thanh tịnh sáng suốt không có đối
Nên Phật lại hiệu Vô Đối Quang
Người gặp sáng này nghiệp hệ dứt
Thế nên kính lễ rốt ráo nương
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

- Nam-mô chí tâm quy mạng lễ Tây phương A-di-đà Phật.

Ánh sáng Phật chiếu vào bậc nhất
Nên Phật lại hiệu Quang Viêm Vương
Tam đồ đen tối mong được sáng
Thế nên kính lễ Đại Ứng Cúng
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

- Nam-mô chí tâm quy mạng lễ Tây phương A-di-đà Phật.

Luồng ánh sáng sáng rỡ siêu tuyệt
Nên Phật lại hiệu Thanh Tịnh Quang
Một khi sáng chiếu tội cấu hết
Đều được giải thoát nên đảnh lễ
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

- Nam-mô chí tâm quy mạng lễ Tây phương A-di-đà Phật

Ánh từ quang khắp thí an lạc
Nên Phật lại hiệu Hoan Hỷ Quang
Sáng chiếu đến nơi được pháp hỷ

Cúi đầu đảnh lễ Đại An Ủy
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

- Nam-mô chí tâm quy mạng lễ Tây phương A-di-đà Phật.

Phật quang hay phá tối vô minh
Nên Phật lại hiệu Trí Tuệ Quang
Tất cả chư Phật chúng Tam Thừa
Đều cùng khen ngợi nên kính lễ
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

- Nam-mô chí tâm quy mạng lễ Tây phương A-di-đà Phật.

Tất cả ánh sáng luôn khắp chiếu
Nên Phật lại hiệu Bất Đoạn Quang
Do sức nghe sáng tâm không dứt
Đều được vãng sinh nên đảnh lễ
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

- Nam-mô chí tâm quy mạng lễ Tây phương A-di-đà Phật

Sáng ấy trừ Phật thật khó lường
Nên Phật lại hiệu Nan Tư Quang
Mười phương chư Phật khen vãng sinh
Khen công đức ấy, nên kính lễ
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

- Nam-mô chí tâm quy mạng lễ Tây phương A-di-đà Phật.

Sáng suốt lìa tướng chẳng có tên
Nên Phật lại hiệu Vô Xứng Quang
Nhân sáng thành Phật sáng rực rỡ
Chư Phật khen ngợi nên đảnh lễ
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

- Nam-mô chí tâm quy mạng lễ Tây phương A-di-đà Phật

Ánh sáng chói lòa hơn nhật nguyệt
Nên Phật hiệu Siêu Nhật Nguyệt Quang
Phật Thích-ca khen còn chẳng hết
Nên con kính lễ Vô đẳng đẳng
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

- Nam-mô chí tâm quy mạng lễ Tây phương A-di-đà Phật.

Thương xót che chở con
Khiến giống pháp tăng trưởng
Đời này và đời sau
Nguyện Phật thường nhiếp thọ
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

- Chí tâm kính lễ Tây phương Cực lạc thế giới Quán Thế Âm Bồ-tát.

Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

- Chí tâm kính lễ Tây phương Cực lạc thế giới Đại Thế Chí Bồ-tát.

Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

- Chí tâm kính lễ Tây phương Cực lạc thế giới chư Bồ-tát Thanh Tịnh Đại Hải Chúng.

Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Khắp vì sư Tăng cha mẹ và Thiện tri thức, pháp giới chúng sinh đoạn trừ ba chướng đồng được vãng sinh nước Phật A-di-đà.

Kính thành sám hối.

- Nam-mô chí tâm quy mạng lễ Tây phương A-di-đà Phật.

A-di-đà Phật chúng sơ hội
Thinh văn Bồ-tát số khôn lường
Thần thông khéo léo không thể đếm
Thế nên kính lễ hội rộng lớn
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

- Nam-mô chí tâm quy mạng lễ Tây phương A-di-đà Phật

An lạc vô lượng Ma-ha-tát
Đều còn một đời bổ làm Phật
Trừ riêng có bổn nguyện rộng lớn
Khắp muốn độ thoát các chúng sinh
Đây là rừng báu nhóm công đức
Một lòng chắp tay con kính lễ
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

- Nam-mô chí tâm quy mạng lễ Tây phương A-di-đà Phật.

An lạc quốc độ các Thanh văn
Ánh sáng một tầm như sao sa
Bồ-tát ánh sáng bốn mươi dặm
Trăng tròn mùa thu ánh sắc vàng
Góp kho tàng Phật vì chúng sinh
Nên con kính lễ Đại tâm hải
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

- Nam-mô chí tâm quy mạng lễ Tây phương A-di-đà Phật.

Lại Quán Thế Âm, Đại Thế Chí
Chính là bậc nhất trong Thánh chúng
Từ quang chiếu sáng Đại thiên giới
Hầu Phật hai bên hiện thần nghi
Độ kẻ có duyên không ngưng nghỉ
Như sóng biển lớn không lúc ngơi
Như thế Đại Bi, Đại Thế Chí
Một lòng chí thành con kính lễ
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

- Nam-mô chí tâm quy mạng lễ Tây phương A-di-đà Phật.

Nếu có chúng sinh sinh An lạc
Thảy đều có đủ ba mươi hai tướng
Trí tuệ đầy đủ vào pháp sâu
Rốt ráo yếu đạo không chướng ngại
Tùy căn lợi độn thành tựu nhẫn
Ba nhẫn cho đến không thể đếm
Túc mạng năm thông thường tự tại
Thẳng đến Phật không xen ác thú
Trừ sinh phương khác đời ngủ trược
Thị hiện đồng như Đại Mâu-ni
Sinh nước An dưỡng thành đại lợi
Thế nên con chí tâm kính lễ
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc

- Nam-mô chí tâm quy mạng lễ Tây phương A-di-đà Phật.

An lạc Bồ-tát nương oai Phật
Trong một bữa ăn đến mười phương

Chẳng thể đếm biết thế giới Phật
Cung kính cúng dường các Như Lai
Hoa hương kỷ nhạc từ niệm hiện
Bảo cái tràng phan tùy ý thành
Châu báu nhất đời không tên gọi
Tán hoa cúng dường châu báu lạ
Hóa thành tràng hoa sáng rực rỡ
Hương thơm ngào ngạt xông cùng khắp
Tràng hoa bé nhất bốn trăm dặm
Có cái che khắp cả cõi Phật
Tùy từng cái hóa hiện trước sau
Và các Bồ-tát đều mừng vui
Ở trong hư không tấu nhạc trời
Hòa nhã khen đức bày Phật tuệ
Nghe nhận kinh pháp cúng dường xong
Trước bữa ăn liền bay trở về
Thần lực tự tại thật vô lường
Nên con đảnh lễ đấng Vô thượng
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

- Nam-mô chí tâm quy mạng lễ Tây phương A-di-đà Phật.

An lạc cõi Phật các Bồ-tát
Có thể tuyên nói tùy trí tuệ
Đối với vạn vật quên ngã sở
Sạch như hoa sen chẳng dính bùn
Qua lại tới lui như thuyền ghe
Chỉ cốt lợi lạc bỏ so đo
Nó như hư không đoạn hai tưởng
Đốt đuối trí tuệ soi đêm dài
Tam minh sáu thông đều đầy đủ
Bồ-tát vạn hạnh suốt tâm nhãn
Như thế công đức thật vô biên
Thế nên con chí tâm kính lễ
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

- Nam-mô chí tâm quy mạng lễ Tây phương A-di-đà Phật.

An lạc Thanh văn Bồ-tát chúng
Trời người trí tuệ đều thấu suốt

Thân tướng trang nghiêm không khác nhau
Chỉ thuận phương đó nên nêu tên
Diện mạo đoan chánh khó so bì
Thân tinh diệu không phải trời người
Thân xác hư vô thể vô cực
Thế nên đảnh lễ Bình đẳng lực
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

- Nam-mô chí tâm quy mạng lễ Tây phương A-di-đà Phật.

Dám hay được sinh nước An lạc
Đều được trụ vào trong Chánh định
Tà định, bất định nước ấy không
chư Phật khen ngợi nên đảnh lễ
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

- Nam-mô chí tâm quy mạng lễ Tây phương A-di-đà Phật.

Ai nghe danh hiệu Phật A-di-đà
Tin tưởng vui mừng việc đã nghe
Người kịp một niệm đến chí tâm
Hồi hướng nguyện sinh đều được đến
Chỉ trừ ngũ nghịch chê Chánh pháp
Nên tôi đảnh lễ nguyện vãng sinh
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

- Nam-mô chí tâm quy mạng lễ Tây phương A-di-đà Phật.

An lạc chúng Bồ-tát Thanh văn
Ở thế giới này không nơi khác
Thích-ca vô ngại đại biện tài
Lập bày giả thuyết chỉ phần nhỏ
Ăn xin hèn hạ cùng Đế vương
Đế vương sao bằng Kim Luân Vương
Như thế lần lượt đến lục thiên
Thứ lớp tướng hình như mới đầu
Lấy hình sắc trời dụ ông ấy
Ngàn vạn ức lần không phải loại
Đều là Pháp Tạng nguyện lực làm
Cúi đầu đảnh lễ Đại tâm lực
Nguyện cùng các chúng sinh

Vãng sinh nước An lạc.

- Nam-mô chí tâm quy mạng lễ Tây phương A-di-đà Phật.

Người trời tất cả có chỗ cần
Thảy đều nghĩ đến điều mong muốn
Một bảo, ba bảo vô lượng bảo
Tùy tâm hóa tạo vật thọ dụng
Nhà trên ăn uống đều như đây
Cho nên tôi kính lễ Vô Xứng Phật
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

- Nam-mô chí tâm quy mạng lễ Tây phương A-di-đà Phật

Các kẻ vãng sinh đều đầy đủ
Sắc thân thanh tịnh không thể sánh
Thần thông công đức và cung điện
Phục sức trang nghiêm như Trời Dục
Ứng khí bảo bát tự nhiên đến
Trăm vị ngon lành đều đầy đủ
Thấy sắc nghe hương cho là ăn
Chợt nhiên no đủ và vui vẻ
Vị kia thanh tịnh không đắm trước
Việc xong biến đi cần hiện lại
Bình yên vui vẻ kế Nê-hoàn
Thế nên con chí tâm kính lễ
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

- Nam-mô chí tâm quy mạng lễ Tây phương A-di-đà Phật.

Mười phương cõi Phật chúng Bồ-tát
Và các Tỳ-kheo sinh An lạc
Vô lượng vô số không kể xiết
Đã sinh, đang sinh, và sẽ sinh
Đều từng cúng dường vô lượng Phật
Nhiếp thủ trăm ngàn pháp kiên cố
Như thế Đại sĩ đều vãng sinh
Thế nên đảnh lễ A-di-đà
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

- Nam-mô chí tâm quy mạng lễ Tây phương A-di-đà Phật.

Nếu nghe danh hiệu Phật A-di-đà

Vui mừng chiêm ngưỡng tâm quy y
Chỉ có một niệm được lợi lớn
Thì cũng đầy đủ báu công đức
Dầu cho lửa khắp đại thiên giới
Cũng đứng một chỗ nghe Phật danh
Nghe A-di-đà không lui sụt
Thế nên con chí tâm kính lễ
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

- Nam-mô chí tâm quy mạng lễ Tây phương A-di-đà Phật

A-di-đà thần lực vô cực
Mười phương vô lượng Phật đều khen
Đông phương hằng sa các nước Phật
Bồ-tát vô số đều đến gần
Cũng lại cúng dường nước An lạc
Bồ-tát, Thanh văn các đại chúng
Nghe nhận kinh pháp bày hóa đạo
Từ chín phương khác cũng như thế
Thích-ca Như Lai nói kệ tụng
Vô lượng công đức nên đảnh lễ
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

- Nam-mô chí tâm quy mạng lễ Tây phương A-di-đà Phật.

Chúng Bồ-tát đến đông vô lượng
Vì trồng đức bổn nên cung kính
Hoặc tấu âm nhạc khen ngợi Phật
Hoặc khen Phật tuệ chiếu thế gian
Hoặc dùng hoa, y trời cúng dường
Hoặc thấy Tịnh độ phát các nguyện
Như thế Thánh chúng đều hiện tiền
Vào được phạm thinh Phật thọ ký
Tất cả Bồ-tát tăng nguyện hạnh
Nên con đảnh lễ Bà-già-bà
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

- Nam-mô chí tâm quy mạng lễ Tây phương A-di-đà Phật.

Thánh chủ Thế Tôn khi nói pháp
Đại chúng vân tập nhà bảy báu

Nghe Phật khai thị đều ngộ nhập
Vui mừng đầy khắp đều được Đạo
Lúc đó bốn phía gió mát thổi
Kích động cây báu phát diệu âm
Hòa vận vi diệu tiếng ti trúc
Vượt cả vàng đá không gì sánh
Hoa trời khắp bay thơm ngát hương
Tự nhiên cúng dường không ngưng nghỉ
Chư thiên lại mang hoa hương trời
Trăm ngàn kỷ nhạc rất cung kính
Như thế công đức nhóm Tam bảo
Nên con vận tưởng lễ giảng đường
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

- Nam-mô chí tâm quy mạng lễ Tây phương A-di-đà Phật.

Cõi báu rộng lớn vượt số hạn
Tự nhiên do bảy báu gồm thành
Do nguyện lực Phật trang nghiêm khởi
Kính lễ Thanh tịnh đại nhiếp thọ
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

- Nam-mô chí tâm quy mạng lễ Tây phương A-di-đà Phật.

Thế giới sáng ngời báu tuyệt trần
Yên vui hòa thích không bốn mùa
Tự lợi, lợi tha sức viên mãn
Quy mạng phương tiện khéo trang nghiêm
Đất báu bằng yên như bàn tay
Không có núi sông gò hang hóc
Nhờ thần lực Phật mà thấy hết
Kính lễ Đấng Bất Khả Tư nghì
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

- Nam-mô chí tâm quy mạng lễ Tây phương A-di-đà Phật.

Cây đạo cao bốn trăm vạn dặm
Chu vi đến năm mươi do-tuần
Cành lá vươn ra hai mươi vạn dặm
Tự nhiên do các báu gồm thành
Trăng sáng Ma-ni hải luân bảo

Các báu của vua mà trang nghiêm
Chuỗi báu anh lạc giăng rủ khắp
Trăm ngàn vạn thứ sắc chói ngời
Ánh sáng rực rỡ hơn ngàn mặt trời
Lưới báu vô cực rủ giăng đầy
Tất cả trang nghiêm tùy ứng hiện
Cúi đầu kính lễ đạo tràng cây
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

- Nam-mô chí tâm quy mạng lễ Tây phương A-di-đà Phật.

Gió nhẹ thổi cây phát pháp âm
Vang khắp mười phương các Phật sát
Nghe pháp âm rồi được pháp nhẫn
Thẳng đến thành Phật chẳng gặp khổ
Thần lực rộng lớn khó thể lường
Cúi đầu kính lễ đạo tràng cây
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

- Nam-mô chí tâm quy mạng lễ Tây phương A-di-đà Phật.

Hương cây, sắc cây và tiếng cây
Xúc cây, vị cây và pháp cây
Sáu tình may gặp được pháp nhẫn
Nên tôi kính đạo tràng cây.
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

- Nam-mô chí tâm quy mạng lễ Tây phương A-di-đà Phật.

Mong đạo tràng cây đối lục căn
Cho đến thành Phật rễ xanh tươi
Tiếng vang nhu thuận vô sinh nhẫn
Tùy sức cạn sâu được chứng thành
Nguyên do oai đức của cây này
Đều từ ngũ Lực của Như Lai
Thần lực, bổn nguyện và đầy đủ
Sáng suốt, bền chặt nguyện rốt ráo
Từ bi, phương tiện thật khó nói
Cúi đầu kính lễ Chân vô lượng
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

- Nam-mô chí tâm quy mạng lễ Tây phương A-di-đà Phật.
Từ Đế vương đời đến sáu thiên
Âm nhạc chuyển hay có tám lớp
Xoay vần hơn trước ức vạn lần
Cây báu tiếng lâm ly cũng thế
Lại có diệu kỹ nhạc tự nhiên
Pháp âm hòa tiếng tâm thần vui
Hòa nhã dìu dặt vượt mười phương
Nên tôi kính lễ Thanh tịnh nhạc
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.
- Nam-mô chí tâm quy mạng lễ Tây phương A-di-đà Phật.
Rừng cây bảy báu khắp thế giới
Rực rỡ tươi sáng chiếu lấp lánh
Cây trái cành lá cùng xen nhau
Kính lễ bổn nguyện công đức tụ
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.
- Nam-mô chí tâm quy mạng lễ Tây phương A-di-đà Phật.
Gió mát thỉnh thoảng thổi cây báu
Phát ra năm giọng tiếng hòa nhã
Khúc ca vi diệu tự nhiên thành
Nên con kính lễ khúc thanh tịnh
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.
- Nam-mô chí tâm quy mạng lễ Tây phương A-di-đà Phật.
Cõi ấy rộng lớn không bờ bến
Các báu như lưới giăng khắp nơi
Vàng bạc ngọc châu lạ quí đẹp
Không thể biết tên để trang sức
Vây quanh bốn phía rủ chuông báu
Hòa tiếng gió động phát diệu âm
Hòa nhã đức hương phân bố khắp
Người nghe trần lao tập chẳng khởi
Gió này chạm thân được vui khỏe
Như Tỳ-kheo được diệt tận định
Gió nhẹ rải hoa khắp cõi Phật
Tùy sắc thứ lớp không lẫn lộn

Chất hoa mềm mại rơi phơi phới
Chân bước ngập đầy cả bốn bên
Bước qua thì đẹp lại như cũ
Dùng xong đất nứt biến mất hết
Tùy thời tiết hoa rơi sáu lần
Báo bất khả nghì, nên kính lễ
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

- Nam-mô chí tâm quy mạng lễ Tây phương A-di-đà Phật.

Các hoa sen báu đầy thế giới
Mỗi mỗi hoa trăm ngàn ức lá
Hoa ấy sắc sáng thật vô lượng
Đỏ, tía, hồng, xanh xen năm sắc
Sáng ngời rực rỡ như mặt trời
Thế nên con nhất tâm đảnh lễ
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

- Nam-mô chí tâm quy mạng lễ Tây phương A-di-đà Phật.

Trong mỗi mỗi hoa phóng ánh sáng
Có ba mươi sáu trăm ngàn ức
Trong mỗi ánh sáng có thân Phật
Như thế nhiều ít phóng ánh sáng
Thân Phật tướng hảo như núi vàng
Mỗi mỗi lại phóng trăm ngàn sáng
Khắp vì mười phương nói diệu pháp
Đều đưa chúng sinh vào Phật đạo
Như thế thần lực thật vô lượng
Nên con quy mạng A-di-đà
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

- Nam-mô chí tâm quy mạng lễ Tây phương A-di-đà Phật.

Lầu các cung điện không thợ làm
Bảy báu dệt khắc mà hóa thành
Trăng sáng ngọc châu tạo màng sương
Đều có hình thù như ao tắm
Nước bát công đức đầy trong ao
Sắc vị thơm sạch như cam lồ
Ao tắm vàng ròng, cát là bạc

Cát ao bảy báu cũng xen nhau
Bờ ao cây thơm giăng rủ lá
Chiên đàn thơm phức ướp chén trần
Áo trời ánh ngọc để trang sức
Trên nước lấp lánh như ánh mây
Nương quả vô lậu khó nghĩ bàn
Thế nên kính lễ công đức tạng
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

- Nam-mô chí tâm quy mạng lễ Tây phương A-di-đà Phật.

Bồ-tát Thanh văn vào ao báu
Tùy ý cạn sâu như ý muốn
Nếu cần tắm rửa nước tự rót
Chảy khắp quanh thân nước lại về
Điều hòa lạnh nóng đều vừa ý
Thần sáng thân vui, hết tâm cấu
Trong sáng lắng sạch thật trong suốt
Cát báu lóng lánh như chẳng sâu
Nhẹ nhàng tưới tẩm dòng nước mát
Đẹp đẽ dung nghi sáng tâm thần
Sóng nước phát ra vô số tiếng
Tùy theo ý thích nghe lời pháp
Hoặc nghe diệu chương của Tam bảo
Hoặc nghe tịch tịnh, không, vô ngã
Hoặc nghe vô lượng Ba-la-mật
Lực, Bất cộng pháp, các thông tuệ
Hoặc nghe vô tác vô sinh nhẫn
Cho đến Cam lồ quán đảnh pháp
Tùy căn tánh muốn đều mừng vui
Thuận tướng Tam bảo chân thật nghĩa
Bồ-tát Thanh văn chỗ hành đạo
Như thế tất cả đều nghe đủ
Tam đồ khổ nạn tên biến mất
Chỉ có tiếng vui vẻ phát vang
Thế nên nước ấy hiệu An lạc
Cúi đầu kính lễ đấng Vô cực
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

- Nam-mô chí tâm quy mạng lễ Tây phương A-di-đà Phật.

Bổn sư Long Thọ Ma-ha-tát
Bậc hình tượng khai mở chánh lý.
Đóng kín giáo tà, mở Chánh pháp
Là tất cả mắt ở Diêm-phù-đề
Nối tiếp bậc ngộ hoan hỷ địa
Sinh về nước An Lạc A-di-đà
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

- Nam-mô chí tâm quy mạng lễ Tây phương A-di-đà Phật.

Ví như rồng động mây tùy theo
Diêm-phù-đề phóng trăm tiếp dẫn
Nam-mô Từ Bi Long Thọ Tôn
Chí tâm con quy mạng kính lễ
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

- Nam-mô chí tâm quy mạng lễ Tây phương A-di-đà Phật.

Con từ vô thủy ở ba cõi
Luôn bị xe hư vọng hồi chuyển
Một niệm một lúc tạo các nghiệp
Đủ khắp đại địa ở tam đồ
Kính mong từ quang hộ niệm con
Khiến con không mất Bồ-đề tâm
Con khen Phật tuệ công đức âm
Nguyện kẻ có duyên mười phương nghe
Những ai muốn vãng sinh An lạc
Khắp đều như ý không chướng ngại
Bao nhiêu công đức lớn hay nhỏ
Hồi thí tất cả cùng vãng sinh
Nam-mô Bất Khả Tư Nghì Quang
Một lòng quy mạng con kính lễ
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

- Nam-mô chí tâm quy mạng lễ Tây phương A-di-đà Phật

Mười phương ba đời Vô lượng tuệ
Đồng nhờ nhất như hiệu Chánh giác
Hai trí đầy đủ, đạo bình đẳng
Nhiếp hóa tùy duyên nên như thế

Con về Tịnh độ A-di-đà
Tức là quy mạng các nước Phật
Con dùng một tâm khen một Phật
Nguyện khắp mười phương người vô ngại
Như thế mười phương vô lượng Phật
Cùng đều chí tâm mà kính lễ
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

- Nam-mô chí tâm quy mạng lễ Tây phương A-di-đà Phật.

Thương xót che chở con
Khiến giống pháp tăng trưởng
Đời này và đời sau
Nguyện Phật thường nhiếp thọ
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

- Chí tâm kính lễ Tây phương Cực lạc Thế giới Quán Thế Âm Bồ-tát.

Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Chí tâm kính lễ Tây phương Cực lạc Thế giới Đại Thế Chí Bồ-tát.

Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

- Chí tâm kính lễ Tây phương Cực lạc Thế giới Chư Bồ-tát Thanh Tịnh Đại Hải Chúng.

Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Khắp vì sư Tăng cha mẹ và Thiện tri thức, pháp giới chúng sinh, đoạn trừ ba chướng đồng được vãng sinh nước Phật A-di-đà con quy mạng sám hối.

Kệ tán Phật A-di-đà

(Gồm một trăm chín mươi lăm lời khen, và năm mươi mốt lạy)

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 172

CHUYỂN KINH HÀNH ĐẠO NGUYỆN VÃNG SANH TỊNH ĐỘ PHÁP SỰ TÁN

SỐ 1979

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1979

CHUYỂN KINH HÀNH ĐẠO NGUYỆN SINH TỊNH ĐỘ PHÁP SỰ TÁN

QUYỂN THƯỢNG

Sa-môn Thiện Đạo tập ghi.
Phụng thỉnh Tứ thiên vương
Vào thẳng trong đạo tràng
Phụng thỉnh Sư tử Vương
Sư tử cũng khó gặp
Thân phấn tấn áo lông
Chúng ma đều tan hết
Hồi đầu thỉnh Pháp sư
Vào thẳng thành Niết-bàn.

Tựa rằng: Trộm nghĩ Ta-bà nhà lửa rộng lớn vô biên, sáu tình chen ở. Đêm đen mịt mù không mắt, tuệ chiếu chưa sáng, kẻ dẫn đạo vô phương. Chốn đất chết ném mình quanh quẩn tới lui, nơi sóng dài xiết mà gởi mạng giao thần nào ai cứu được! Nay bao trần kiếp vô cùng vượt khỏi, chốn mênh mông này biết ngày nào được duyên may. Trước đầu bờ Đức Hải Như Lai cho đến Thích-ca ngày nay, chư Phật đều nương hoằng thệ, bi trí song hành chẳng bỏ hàm tình mà ba luân khắp hóa. Song ta vô minh chướng nặng chẳng gặp Phật ra đời, dẫu có sinh cũng như vật bị che úp. Thần quang đồng chiếu chẳng phân biệt tứ sinh. Lòng từ khắp che đều nhờ pháp nhuận. Tuy chìm trong nước pháp dài

lâu nhưng do ngoan khổ tập tướng, nhân lửa độc tức thời lại còn kính ngưỡng, mong đấng Đại Bi ân nặng, trí huệ thấm khắp ruộng thân ngầm giúp mầm đạo tăng trưởng, Từ bi phương tiện bày giáo tùy nghi tuyên nói, khuyên niệm Di-đà về Tịnh độ. Đất thì các báu sáng ngời chiếu nhau, nước đức lắng trong ảnh hoa lung linh suốt thấu. Lầu báu chập chùng chiếu thần quang. Rừng cây rủ chuỗi, gió nhẹ trỗi khúc, hoa đài nghiêm trang khoe bày các hiếm lạ. Nơi Thánh chúng đồng ở, sáng hơn ngàn mặt trời. Thân thì sắc vàng ròng, đẹp đẽ uy nghiêm, tới lui đều đi trên không trung vô ngại. Nếu luận về y báo thì vượt hơn đất hư không mười phương đều không khác. Phàm Thánh phương khác nhờ nguyện mà sinh đến nước ấy, cùng được Bất thoái. Chỉ vì Như Lai khéo léo gồm khuyên bốn loài bỏ cõi Ta-bà vui sinh về Cực lạc, chuyên xưng danh hiệu gồm tụng kinh Di-đà. Muốn khiến biết nơi trang nghiêm ấy mà chán cõi khổ kia, ba nhân năm niệm đều hẹn, chánh phụ bốn tu, sát-na không dừng nghỉ. Đem công nghiệp này mà khắp thí hàm linh, khi báo mãn thì cùng sinh về nước ấy.

Phàm muốn vì mình vì người lập đạo tràng trước phải trang hoàng nhà cửa thiết bày tôn tượng, bình hoa. Chúng không cần nhiều ít, đều tắm gội mặc áo sạch vào đạo tràng nghe pháp. Nếu muốn mời bậc tôn túc và nhiều người cùng tán trợ thì mọi người cùng ngồi, mỗi người đều thắp hương rải hoa đi nhiễu một vòng rồi y pháp mà đánh triệu thỉnh.

- Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh).
Đại chúng đồng tâm chán ba cõi (vui vô cùng).
- Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh).
Tam đồ dứt hẳn, nguyện không tên (vui vô cùng).
- Ba cõi nhà lửa khó nương (nguyện vãng sinh).
Nhờ nguyện lực Phật đến Tây phương (vui vô cùng).
- Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh).
Nguyện báo từ ân luôn ghi nhớ (vui vô cùng).
- Đại chúng cầm hoa cung kính đứng (nguyện vãng sinh).
Trước thỉnh Di-đà vào Đạo tràng (vui vô cùng).
- Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh).
Không xa hoằng nguyện đón đúng lúc (vui vô cùng).
- Quán Âm Thế Chí trần sa chúng (nguyện vãng sinh).
Theo Phật nương hoa mà vào hội (vui vô cùng).
- Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh).
Quán Âm tay tiếp vào hoa đài (vui vô cùng).
- Vô thắng trang nghiêm Thích-ca Phật (nguyện vãng sinh).

Nhận con lòng thành vào đạo tràng (vui vô cùng).
- Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh).
Nát thân cảm tạ ơn Thích-ca (vui vô cùng).
- Nước ấy trang nghiêm Đại hải chúng (nguyện vãng sinh).
Theo Phật nương hoa vào Đạo tràng (vui vô cùng).
- Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh).
Giúp Phật thần hóa độ chúng sinh (vui vô cùng).
- Mười phương hằng sa Phật duỗi lưỡi (nguyện vãng sinh).
Chứng con phàm phu sinh An lạc (vui vô cùng).
- Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh).
Bi tâm lợi vật, đại Bi tâm (vui vô cùng).
- Tủi thẹn trần sa đại Bi tâm (nguyện vãng sinh).
Nhận con lòng thành vào Đạo tràng (vui vô cùng).
- Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh).
Chuyên tâm Tịnh độ hẹn Phật trước (vui vô cùng).
- Mỗi mỗi Như Lai đại hải chúng (nguyện vãng sinh).
Từ Phật nương hoa vào Đạo tràng (vui vô cùng).
- Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh).
Đều là vãng sinh tăng thượng duyên (vui vô cùng).
- Phật sai hai mươi lăm vị Bồ-tát (nguyện vãng sinh).
Trong mọi lúc thường đến hộ niệm (vui vô cùng).
- Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh).
Đều khiến vào thẳng thành Niết-bàn (vui vô cùng).
- Phật sợ chúng sinh bốn ma chướng (nguyện vãng sinh).
Chưa đến Cực lạc đọa tam đồ (vui vô cùng).
- Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh).
Trực tâm thật hành Phật đến đón (vui vô cùng).
- Chúng con nay cảm tạ ân sâu (nguyện vãng sinh).
Nhận con lòng thành đến nhập hội (vui vô cùng).
- Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh).
Tâm tâm chuyên chú thoát Ta-bà (vui vô cùng).
- Nước ấy Di-đà các Thánh chúng (nguyện vãng sinh).
Bình đẳng cùng đến ngồi đạo tràng (vui vô cùng).
- Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh).
Đạo tràng Thánh chúng thật khó gặp (vui vô cùng).
- Chúng con đảnh lễ hội Di-đà (nguyện vãng sinh).
Khắp rải hương hoa đồng cúng dường (vui vô cùng).
- Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh).

Ánh sáng Di-đà nhiếp người vãng sinh (vui vô cùng).

- Đối Phật Di-đà hội Niết-bàn (nguyện vãng sinh).

Đều tạm phát nguyện thỉnh hoa đài (vui vô cùng).

- Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh).

Cửa Cực lạc trang nghiêm đều rộng mở (vui vô cùng).

- Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh).

Chuyên tâm niệm Phật ngồi hoa đài (vui vô cùng).

- Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh).

Nương hoa vào thẳng không nghi ngại (vui vô cùng).

- Chúng con đồng tâm thỉnh cao tòa (vãng sinh vui).

Ân cần trí ảnh nói tôn kinh (vãng sinh vui).

- Khó nghĩ bàn (vãng sinh vui). Dưới rừng Song thọ (vãng sinh vui) Thật khó nghĩ (vãng sinh vui).

- Thời đạo tràng thật rất khó gặp (vãng sinh vui). Vô thường nhanh chóng mạng khó dừng (vãng sinh vui).

- Khó nghĩ bàn (vãng sinh vui) - Dưới rừng Song thọ (vãng sinh vui) Thật khó nghĩ (vãng sinh vui).

- Nghiệp đạo trước mắt người người thấy (vãng sinh vui) - Đều do ba độc làm nhân duyên (vãng sinh vui).

- Khó nghĩ bàn (vãng sinh vui) - Dưới rừng Song thọ (vãng sinh vui) Thật khó nghĩ (vãng sinh vui).

- Tuy được thân người luôn ám độn (vãng sinh vui) - Tham sân tà kiến chuyển hoài hoài (vãng sinh vui).

- Khó nghĩ bàn (vãng sinh vui) - Dưới rừng Song thọ (vãng sinh vui) Thật khó nghĩ (vãng sinh vui).

- Ngày đêm buồn bã không tỉnh ngộ (vãng sinh vui) - Lại nhân trôi nổi trong tam đồ (vãng sinh vui).

- Khó nghĩ bàn (vãng sinh vui) - Dưới rừng Song thọ (vãng sinh vui) Thật khó nghĩ (vãng sinh vui).

- Bỗng mà luân hồi trường kiếp khổ (vãng sinh vui) - Di-đà Tịnh độ lúc nào nghe (vãng sinh vui).

- Khó nghĩ bàn (vãng sinh vui) - Dưới rừng Song thọ (vãng sinh vui) Thật khó nghĩ (vãng sinh vui).

- Đại chúng đồng lòng thỉnh cao tòa (vãng sinh vui) - Vì độ quần sinh chuyển pháp luân (vãng sinh vui).

- Khó nghĩ bàn (vãng sinh vui) - Dưới rừng Song thọ (vãng sinh vui) Thật khó nghĩ (vãng sinh vui).

- Chúng con chú tâm vui nghe pháp (vãng sinh vui) - Tay cầm

hương hoa thường cúng dường (vãng sinh vui).

- Khó nghĩ bàn (vãng sinh vui) - Dưới rừng Song thọ (vãng sinh vui) Thật khó nghĩ (vãng sinh vui).

- Đại chúng cả đạo tràng cùng chí tâm kính lễ Nam-mô thường trụ Phật.

- Đại chúng cả đạo tràng cùng chí tâm kính lễ Nam-mô thường trụ Pháp.

- Đại chúng cả đạo tràng cùng chí tâm kính lễ Nam-mô thường trụ Tăng.

Kính bạch đại chúng Đạo tràng ai nấy chú tâm chắp tay cúi đầu quy mạng kính lễ Bổn sư Thích-ca Phật, quá hiện vị lai các Thế Tôn. Sở dĩ quy y Phật, vì Phật là cha lành của chúng sinh cũng là duyên may tăng thượng ra đời, kể công đức Ngài suốt cả trần kiếp không nói hết. Kinh Hiền Ngu nói: Mỗi mỗi chư Phật từ mới phát tâm đến trọn thành Bồ-đề thì chuyên cầu pháp, không đoái hoài thân mạng tiền của. Bi trí song hành, không từng có niệm lui sụt. Hoặc gặp người thử việc phân chia da thịt, hoặc tự cắt thịt nuôi chim câu, hoặc bỏ ngàn đầu để cầu pháp, hoặc đóng ngàn đinh mà cầu bốn câu, hoặc chích máu để cứu quỷ Dạ-xoa, hoặc bỏ vợ con để nuôi La-sát. Hoặc giả nhờ Từ bi phương tiện hóa làm chim cá nuôi sống các loài qua cơn đói ngặt. Hoặc làm Sư tử lông vàng để dâng thợ săn, hoặc làm voi trắng nhổ ngà vì cầu Bồ-đề mà cúng thí. Hoặc coi kẻ thù như con đẻ, hoặc hiện ngoại đạo mà sánh với bà con, đó đây không chia, phàm Thánh chẳng khác. Suốt ba kỳ khởi hạnh đều cùng tướng vô lậu nơi nơi thâu công, mới được quả viên gọi Phật thân, thì Diêm-phù-đề sắc ánh vàng dụ như ngàn mặt trời cùng chiếu sáng. Tướng hảo phân minh, ví như các sao lấp lánh giữa trời đêm. Ngồi kiết già nghiêm chính không trái tướng viên minh pháp giới đồng quy đều thân thấy tướng Như Lai. Thân tâm yên ắng, hóa dụng chẳng mất. Thời cơ tùy lại mà hóa thông, báo thể vốn xưa nay chẳng động. Nhưng vì trí đức Như Lai khó khen kể hết, đại chúng đạo tràng sinh tâm cảm tạ. Mới khiến chư Phật vì ta mà bỏ thân hơn trần kiếp. Thương thay, Đức Thế Tôn hay vì việc khó làm mà nhiều kiếp khăng khăng chịu mỏi mệt khổ đau. Vì chúng sinh khổ hạnh không tìm kiếm tiểu ân, mong muốn ra khỏi trần lao gặp Bồ-đề mà về bỉ ngạn. Đại chúng đồng tâm nay vì thí chủ tên... kính thỉnh mười phương chư Phật tất cả Thế Tôn. Đệ tử chúng con kính tìm cảnh giới chư Phật, chỉ Phật mới biết. Cõi nước tinh hoa không phải phàm phu lường biết, ba thân hóa dụng đều lập Tịnh độ để dẫn dắt quần sinh. Pháp thể không khác, có thức quy về được ngộ.

Chỉ vì phàm phu loạn tưởng dính líu vô ngần cho nên khiến Thích-ca chư Phật chẳng bỏ Từ bi chỉ thẳng Tây phương cách mười vạn ức, cõi nước Cực lạc Phật hiệu Di-đà hiện đang nói pháp. Nước ấy thanh tịnh đủ bốn đức trang nghiêm, dứt hẳn cơ hiềm không còn sầu não. Người trời lành dữ đều được vãng sinh, cùng đến đó đều được bất thoái. Vì sao như thế. Ấy chính vì nhân địa Di-đà trải nhiều đời Phật bỏ ngôi xuất gia, liền khởi tâm Bi trí, rộng phát bốn mươi tám nguyện, dùng sức Phật nguyện mà ngũ nghịch và thập ác tội hết được sinh. Nhóm hủy pháp Xiển-đề hồi tâm cũng đều đến được. Lại nhân Vi-đề-hy kính thỉnh thề bỏ Ta-bà niệm niệm không sót quyết định cầu sinh. Cực lạc Như Lai nhân lời thỉnh liền nói Định Tán hai môn, ba phước chín rốt rộng làm lợi ích kẻ chưa nghe. Mười phương hằng sa chư Phật cùng khen ngợi Đức Thích-ca mở lưỡi che khắp ba ngàn, chứng được vãng sinh không dối. Như thế, chư Phật Thế Tôn không bỏ Từ bi nay nhận lời thí chủ tên... và chúng sinh thỉnh vào đạo tràng chứng minh công đức. Phụng thỉnh rồi nay khuyên các chúng sinh đều chú tâm chắp tay quy y.

- Hạ tọa tiếp cao tán rằng:

Nguyện vãng sinh, nguyện vãng sinh. Chúng con đều quy mạng Bổn sư Thích-ca Phật, mười phương thế giới các Như Lai, nguyện nhận lời thỉnh của thí chủ và chúng sinh không bỏ Từ bi, vào đạo tràng chứng minh công đức. Xin diệt các tội hồi tâm một niệm thấy Di-đà chúng con thân tâm đều vui mừng dâng hương hoa thường cúng dường.

- Cao tiếp hạ tán rằng (Cao tiếp Hạ triệu thỉnh rằng...)

Kính bạch đại chúng đạo tràng đều nên chú tâm chắp tay cúi đầu nhất tâm quy mạng. Nay vì thí chủ và chúng sinh, lại xin phụng thỉnh mười phương pháp giới chư Phật nói tạng Tu-đa-la tám vạn bốn ngàn bộ, lại thỉnh kim thân tán thân xá-lợi, kính mong phóng đại thần quang vào đạo tràng này chứng minh công đức. Lại thỉnh mười phương Thanh văn Duyên giác, đắc đạo Thánh nhân, kính mong chẳng bỏ Từ bi hiện đại thần thông vào đạo tràng này chứng minh công đức. Lại xin thỉnh chúng Bồ-tát Phổ Hiền, Văn-thù, Quán Âm, Thế Chí... cúi mong không bỏ từ bi thỏa mãn nguyện của chúng sinh vào đạo tràng này chứng minh công đức. Sở dĩ quy y phụng thỉnh, vì các Bồ-tát này từ khi mới phát tâm đến thành Bồ-đề đều luôn làm bình đẳng tiếp dẫn không thiên lệch tự lợi lợi tha không lúc nào tạm dừng thường dùng pháp âm giác ngộ thế gian. Ánh sáng khắp chiếu vô lượng cõi Phật. Tất cả thế giới sáu thứ chấn động. Gồm nhiếp cảnh giới ma, chấn động cung điện ma, cuốn dẹp lưới tà, diệt bỏ các kiến, làm tan trần lao, phá hủy các hố

dục, mở bày pháp môn, hiển sáng rõ ràng quang dung Phật pháp, tuyên nói chánh hóa, thường làm thân khẩu ý nghiệp bất nhiễm, thường làm thân khẩu ý nghiệp bất thoái, thường làm thân khẩu ý nghiệp bất động, thường làm thân, khẩu, ý nghiệp khen ngợi, thường làm thân khẩu ý nghiệp thanh tịnh, thường làm thân khẩu ý nghiệp lìa não, thường làm thân khẩu ý nghiệp thực hành trí tuệ, thành tựu giác ngộ, thành tựu định tuệ. Các Bồ-tát này thường vì Thiên long Bát bộ, Nhân vương, Phạm vương... ủng hộ cung kính cúng dường tất cả chúng sinh vì cứu, vì về, vì sáng, vì tôn quí, vì hơn, vì cao... đầy đủ vô lượng hạnh nguyện, làm nhiều lợi ích, an ổn trời người, lợi ích tất cả. Dạo khắp mười phương làm quyền phương tiện, vào kho Phật pháp rốt ráo bờ kia. Trí tuệ Thánh sáng không thể nghĩ bàn. Chuyển Phật pháp luân thành tựu Nhất thiết chủng trí của Như Lai. Đối tất cả pháp đều được tự tại. Như thế tất cả các Bồ-tát Đại Sĩ, không thể xưng kể, cúi mong không bỏ Từ bi nhận lời thỉnh của chúng sinh đồng lúc vào đạo tràng này. Nay vì thí chủ tên... chứng minh công đức. Nay khuyên đại chúng đạo tràng mọi người nên chú tâm quy y chấp tay kính lễ.

- Hạ tiếp cao tán rằng:

Nguyện vãng sinh, nguyện vãng sinh. Chúng con mong nghe Phật pháp long cung tám vạn bốn ngàn tạng xong, phóng thần quang vào đạo tràng chứng minh công đức. Lại tròn nguyện nhân đây lìa khổ thấy Di-đà, pháp giới hàm linh đều diệt hết chướng. Chúng con thân tâm đều vui mừng tay dâng hương hoa thường cúng dường.

- Cao tiếp hạ tán rằng:

Nguyện vãng sinh, nguyện vãng sinh, Long cung kinh tạng như hằng sa, mười phương Phật pháp lại hơn thế. Con nay nêu tâm khắp thỉnh phóng đại thần quang vào đạo tràng này chứng minh công đức. Lại trừ tội, tăng trưởng cho thí chủ mầm Bồ-đề. Chúng con đều đồng tâm niệm tay dâng hương hoa thường cúng dường.

- Hạ tiếp cao tán rằng:

Nguyện vãng sinh, nguyện vãng sinh. Hôm nay đạo tràng khó gặp, vô thượng Phật pháp khó nghe. Chết rồi hình khô đoạn các ác, từ đây niệm niệm tội đều trừ. Lục căn được sáng được tỉnh ngộ, giới định từ bi tạm không dối. Chúng con thân tâm đều vui mừng tay dâng hương hoa thường cúng dường.

Cao tiếp hạ tán rằng: (Hạ tiếp cao tán rằng...)

Nguyện vãng sinh, nguyện vãng sinh. Ở lâu Ta-bà luôn bị chìm ngập trong ba ác bốn thú đều dừng, mang lông đội sừng chịu các khổ.

Chưa từng nghe thấy tên Thánh nhân. Nhớ đây trần khổ kiếp dài, tạm nguyện chết rồi thấy Di-đà. Chúng con thân tâm đều vui mừng tay dâng hương hoa thường cúng dường.

- Cao tiếp hạ tán rằng:

Nguyện vãng sinh, nguyện vãng sinh, chúng con đều quy mạng, nay vì thí chủ và chúng sinh đã thỉnh mười phương pháp giới toàn thân xá-lợi toái thể Kim cang, vật lợi tùy nghi phân hình thể mà phó nhập. Tuy lại hình phân lớn nhỏ thần hóa một thứ không khác. Lớn thì đồng loại với núi đồi, nhỏ thì như hạt cải bụi bặm. Hết mình chân thành đồng lòng cúng dường. Gần thì nhân thiên được báo giàu vui nhiều kiếp tùy thân, xa thì Tịnh độ vô sinh, gần thì Niết-bàn thường lạc. Lại nguyện đại chúng đạo tràng đều đồng tâm dâng hương hoa thường cúng dường.

- Hạ tiếp cao tán rằng:

Nguyện vãng sinh, nguyện vãng sinh, chân thân xá-lợi tùy lớn nhỏ, thấy nghe hoan hỷ tu cúng dường. Mình làm thiện căn phước người khác, tất cả tập họp đều hồi hướng. Suốt đêm chuyên cần không dám thoái lui. Chuyên tâm quyết định thấy Di-đà. Chúng con thân tâm đều vui mừng tay dâng hương hoa thường cúng dường.

- Cao tiếp hạ tán rằng: (Hạ tiếp cao tán rằng):

Nguyện vãng sinh, nguyện vãng sinh, Phổ Hiền, Văn-thù thệ nguyện lớn, mười phương Phật tử đều cũng thế. Một niệm phân thân khắp lục đạo, tùy cơ hóa độ đoạn nhân duyên. Nguyện con đời đời được gần gũi vây quanh nghe pháp ngộ chân môn, dứt hẳn vô minh nghiệp sinh tử, tạm làm người Tịnh độ của Di-đà. Chúng con thân tâm đều dâng hương hoa thường cúng dường.

- Hạ tiếp cao tán rằng:

Nguyện vãng sinh, nguyện vãng sinh, mười phương Bồ-tát đại Từ bi chẳng tiếc thân mạng độ chúng sinh, lục đạo phân thân tùy loại hiện vì nói diệu pháp chứng vô sinh. Vô sinh Tịnh độ tùy người vào, rộng lớn khoan bình thật khó lường. Bốn thứ oai luật thường thấy Phật pháp lữ dắt nhau vào bảo đường (nhà báu). Chúng con thân tâm đều vui mừng tay dâng hương hoa thường cúng dường.

- Hạ tiếp cao tán rằng: (Cao tiếp hạ tán rằng):

Nguyện vãng sinh, nguyện vãng sinh. Nay vì thí chủ và chúng sinh phụng thỉnh Hiền Thánh vào đạo tràng chứng minh công đức. Tu cúng dường ba độc phiền não nhân đây diệt hết. Vô minh hắc ám tội đều trừ. Nguyện con đời đời gặp chư Phật, niệm niệm tu đạo đến vô dư. Hồi hướng công đức đời này, nghiệp đương lai tất nhất định ở bến vàng.

Chúng con đều đồng thân tâm tay dâng hương hoa thường cúng dường.

- Hạ tiếp cao tán rằng:

Nguyện vãng sinh, nguyện vãng sinh. Bồ-tát Thánh chúng thân tuy khác, nhưng Từ bi trí tuệ vẫn không sai. Chẳng tiếc thân mạng của tiền cầu diệu pháp, khó làm khổ hạnh chưa từng tạm ngưng. Thề đến Bồ-đề đăng bỉ ngạn, phóng đại từ quang độ hữu lưu. Hữu lưu chúng sinh thân con nương, ánh sáng chết rồi vào Tây phương. Chúng con thân tâm đều vui mừng tay dâng hương hoa thường cúng dường.

- Cao tiếp hạ tán rằng: (Hạ tiếp cao tán rằng:)

Nguyện vãng sinh, nguyện vãng sinh. Nay vì thí chủ đều đã thỉnh mười phương chư Phật vào đạo tràng. Pháp tạng Long cung chơn xá-lợi đã phóng thần quang vào đạo tràng. La-hán, Bích-chi đều tự tại, một niệm vương hoa vào đạo tràng, Phổ Hiền, Văn-thù các Bồ-tát tất cả đều đồng vào đạo tràng. Các Thánh chúng như mây đùn trên hư không thật khó lường, đều ngồi hoa sen trăm bảo tòa chứng minh công đức. Phóng từ quang Thánh chúng như thế thật khó gặp, đồng thời phát nguyện vào Tây phương. Chúng con thân tâm đều vui mừng tay dâng hương hoa thường cúng dường.

Thỉnh Quán Thế Âm tán rằng:

Phụng thỉnh Quán Thế Âm (tán hoa vui)
Từ bi giáng đạo tràng (tán hoa vui)
Chợt hiện hình trên không (tán hoa vui)
Hàng phục các ma vương (tán hoa vui)
Tung thân mở trống pháp (tán hoa vui)
Mạnh mẽ hiện thần quang (tán hoa vui)
Trong tay sữa hương sắc (tán hoa vui)
Trên mi ánh hào quang (tán hoa vui)
Lọng báu theo thân chuyển (tán hoa vui)
Hoa sen hiện điềm lành (tán hoa vui)
Ao phun nước bát vị (tán hoa vui)
Hoa tỏa hương giới định (tán hoa vui)
Đói lòng ăn cửu định (tán hoa vui)
Khát uống nước tứ thiền (tán hoa vui)
Tây phương cây bảy báu (tán hoa vui)
Dìu dặt tiếng cung thương (tán hoa vui)
Trong cây tướng sáng báu (tán hoa vui)
Ngoài lá hiện vô thường (tán hoa vui)
Nguyện bỏ báo Diêm-phù (tán hoa vui)

Phát nguyện vào Tây phương (tán hoa vui)

- Cao tiếp hạ thỉnh hương hoa rằng:

Trân trọng kính bạch đại chúng Đạo tràng, ai nấy đều chú tâm chấp tay cúi đầu nêu tâm vận tưởng. Nay vì thí chủ tên... chúng con thỉnh mười phương pháp giới nhân thiên Phàm Thánh, dưới nước, trên đất trên không tất cả hương hoa âm nhạc ánh sáng kho báu, núi thơm, áo thơm, cây thơm, rừng thơm, ao thơm, nước thơm vào đạo tràng này. Lại thỉnh tất cả cây báu, rừng báu, y báu, ao báu, nước báu, phang báu, lọng báu, hoa báu, lưới báu, lầu báu, gác báu vào đạo tràng này. Lại thỉnh tất cả rừng hoa, cây hoa, tràng hoa, lọng hoa, lầu hoa, gác hoa, cung hoa, điện hoa, y hoa vào đạo tràng này. Lại thỉnh tất cả cây mây sáng, rừng mây sáng, lưới mây sáng, y mây sáng, lọng mây sáng, tràng mây sáng, đài mây sáng, lầu mây sáng, gác mây sáng, nhạc mây sáng, hương mây sáng, ao mây sáng, nước mây sáng, núi mây sáng vào đạo tràng này. Lại thỉnh tất cả mây hương núi, mây hương y, mây hương cây, mây hương rừng, mây hương lưới, mây hương lọng, mây hương tràng, mây hương lầu, mây hương gác mây hương ao, mây hương nước, mây hương sáng, mây hương nhạc, mây hương hoa, mây hương đài... vào đạo tràng này. Lại thỉnh tất cả mây báu núi, mây báu cây, mây báu hoa, mây báu quả, mây báu y, mây báu tràng, mây báu lọng, mây báu lưới, mây báu phang, mây báu nhạc, mây báu lầu, mây báu gác, mây báu ánh sáng, mây báu thiên y, mây báu cúng dường hải vào đạo tràng này. Lại thỉnh tất cả mây hoa núi, mây hoa rừng cây, mây hoa tràng cái, mây hoa y phục, mây hoa lưới, mây hoa âm nhạc, mây hoa đài tòa vào đạo tràng này. Lại thỉnh tất cả trời người biến hóa trang nghiêm cúng dường hải, tất cả Bồ-tát biến hóa trang nghiêm cúng dường hải, tất cả Thanh văn biến hóa trang nghiêm cúng dường hải, tất cả chư Phật biến hóa trang nghiêm cúng dường hải, như thế vô lượng vô biên hằng sa các thứ cúng dường trang nghiêm thảy đều phụng thỉnh vào đạo tràng này. Cúng dường tất cả xá-lợi Phật và chúng chân pháp Bồ-tát Thanh văn thọ nhận mây hương hoa trang nghiêm cúng dường hải này mà thỏa mãn nguyện vọng thí chủ và chúng sinh, tùy tâm biến hiện thọ dụng. Làm Phật sự xong mọi người đều chí tâm quy y chấp tay kính lễ.

- Hạ tiếp cao tán rằng:

Nguyện vãng sinh, nguyện vãng sinh. Ngồi trong hội Di-đà tay cầm hương hoa thường cúng dường.

Phụng thỉnh đã xong liền hành đạo bảy lần. Lại khiến một người đem hoa đứng ở góc Tây nam đợi người hành đạo đến lần lượt trao hoa

cho chúng hành đạo. Khi chúng đã nhận xong hoa thì không được rải (tán) liền. Phải đợi mọi người đều nêu tâm cúng dường và chờ người hành đạo đến trước Phật thì mới tùy ý tung rải hoa. Tung xong lại đến người đưa hoa, nhận xong lại theo cách như trước bảy lần như thế. Hạnh đạo xong thì mỗi người theo chỗ ngồi cũ của mình đứng đợi xướng tiếng Phạm rồi mới ngồi.

- Cao tiếp hạ khuyên chúng hành đạo rằng:

Phụng thỉnh tất cả hương hoa cúng dường xong, thì tất cả đại chúng đạo tràng cung kính đều cầm hương hoa đúng pháp hành đạo.

Hành đạo tán kệ phạm rằng:

Phụng thỉnh Di-đà Thế Tôn vào đạo tràng (tán hoa vui).
Phụng thỉnh Thích-ca Như Lai vào đạo tràng (tán hoa vui).
Phụng thỉnh mười phương Như Lai vào đạo tràng (tán hoa vui).
Đạo tràng trang nghiêm rất thanh tịnh
Trên trời nhân gian không sánh được
Thấy hiện chư Phật các linh nghi
Nhân thiên rồng quỷ trong pháp tạng
Toàn thân, nát thân chân xá-lợi
Đại chúng cầm hoa tung lên trên
Chiêm ngưỡng tôn dung nhiễu bảy vòng
Tiếng phạm vang lên đều cúng dường
Nguyện thân con sạch như lò hương
Nguyện tâm con như lửa trí tuệ
Niệm niệm đốt cháy hương giới định
Cúng dường mười phương ba đời Phật
Tủi thẹn Thích-ca chúa Đại bi
Mười phương hằng sa các Thế Tôn
Chẳng bỏ từ bi khéo phương tiện
Cùng khen Di-đà hoằng thệ môn
Hoằng thệ nhiều môn bốn mươi tám
Khắp nêu niệm Phật là trọng yếu
Người hay nhớ Phật, Phật nhớ lại
Chuyên tâm tưởng Phật, Phật biết người
Tất cả hồi tâm hướng An lạc
Liền thấy thân chân kim công đức
Tịnh độ trang nghiêm các Thánh chúng
Rõ ràng trước mắt người hành đạo
Hành giả thấy rồi tâm vui mừng

Cuối cùng theo Phật ngồi sen vàng
Một niệm nương hoa đến Phật hội
Liền lên Bất thoái vào Tam hiền

- Hạ tiếp người đọc tiếng Phạm tán rằng:

Nguyện vãng sinh, nguyện vãng sinh. Đại chúng trong Đạo tràng này rất nhiều người trải nhiều kiếp đến nay luôn quanh quẩn trong ba cõi, luân hồi sáu nẻo không ngừng nghỉ. Hiếm thấy đạo tràng thỉnh Phật và đích thân cúng dường thật khó nghĩ bàn, bảy vòng hành đạo tán hoa xong. Mừng lo giao nhau nguyện hết các tội. Nhân thiện căn này sinh về Cực lạc. Hoa nở thấy Phật chứng vô vi. Chúng con gìn tâm đến bổn tòa tay cầm hương hoa thường cúng dường.

- Cao tiếp hạ tán rằng: (Hạ tiếp cao tán rằng):

Nguyện vãng sinh, nguyện vãng sinh. Thích-ca Như Lai đầu tiên phát nguyện sớm bỏ trần lao tu khổ hạnh, niệm niệm tinh cần không lui sụt. Không hạn chế ngày, tháng, năm, đại kiếp, tiểu kiếp, tăng-kỳ kiếp vượt cả vi trần đại địa. Không tiếc thân mạng tiền của cầu Diệu pháp, Từ bi thệ nguyện độ chúng sinh. Khắp khuyên về nước An dưỡng Tây phương tiêu diêu khoái lạc được tam minh. Chúng con đều cả thân tâm tay dâng hương hoa thường cúng dường.

- Cao tiếp hạ tán rằng:

Nguyện vãng sinh, nguyện vãng sinh. Chúng con đồng tâm sinh khát ngưỡng, ân cần đảnh lễ thích nghe kinh. Chỗ xem trọng của Thánh nhân không qua mạng không ham ngôi vua. Bỏ ngàn đầu, kim dài bảy tấc châm khắp mình, nêu tâm vì người không sinh ưu não. Tự lấy da mình viết kinh kệ, khắp nguyện quần sinh vào dòng pháp. Ngàn ngọn đèn đốt cháy máu đầy thân, chư thiên khóc lóc rải hoa khắp thương cảm. Đại sĩ thân tâm đau vẫn mỉm cười nguyện không giận. Ngưỡng nguyện tất cả đồng nghe đồng đoạn ác thật khó gặp. Xin chuyên niệm niệm hồi tâm sinh Tịnh độ, chết rồi vào Niết-bàn Môn. Tất cả đều nghiêng tâm không nghĩ khác tay cầm hương hoa thường cúng dường.

- Hạ tiếp cao tán rằng:

Nguyện vãng sinh, nguyện vãng sinh. Nhiều kiếp đến nay ở trong sinh tử tam đồ luôn chịu khổ. Nay mới được thân người nghe chánh pháp như người khát được suối trong, niệm niệm nghe giáo văn Tịnh độ câu câu bỗng nhớ nhiều đời khổ sáng nhồi. Chuyên tâm nghe pháp vào chân môn Tịnh độ vô sinh cũng không khác giải thoát rốt ráo kim cang thân. Vì nhân duyên ấy phụng thỉnh cao tòa báo đáp từ ân Phật chuyển pháp luân. Chúng con thân tâm vui mừng tay cầm hương hoa thường

cúng dường.

- Cao tiếp hạ tán rằng: (Hạ tiếp cao tán rằng):

Nguyện vãng sinh, nguyện vãng sinh. Chúng sinh thấy Phật tâm khai ngộ phát nguyện đồng sinh đến nhà Phật. Ở cõi Ta-bà kiếp đã lâu, không công bỏ mạng nhiều kiếp như trần sa, tự biết tâm ngoan thần thức độn, bởi do địa ngục nằm xe đồng. Xe đồng cháy phừng phừng khó ở, chỉ khoảng một niệm trăm ngàn lần chết. Không chỉ ngay đây nhiều đau khổ, tất cả địa ngục đều thế cả. Một khi vào địa ngục, trần kiếp súc sinh quỷ đạo lại như đây. Nay được thân người ham tạo tội, chư Phật Thánh giáo sinh phi hủy. Phi hủy Thánh giáo tội căn sâu. Hủy chê lương thiện luôn chịu khổ, Đại Thánh tuy có sức thần thông, không thể dạy nhau lơi tâm Bi. Nay khuyên thời chúng đạo tràng nên phát lồ sám hối tội vô cùng. Chúng con đồng tâm về Tịnh độ. Tay cầm hương hoa thường cúng dường.

- Cao tòa đợi hạ tòa dứt tiếng, sám hối rằng:

Kính bạch đại chúng đạo tràng. Nay vì thí chủ tên... và các chúng sinh quy mạng mười phương chư Phật và các pháp tạng Long cung, xá-lợi chân hình, Bồ-tát Đại sĩ, Duyên giác, Thanh văn hiện tại đạo tràng chứng minh sám hối. Lại bạch Thiên tào, Địa phủ, Diêm thiên tử (vua Diêm-la), năm đạo thái sơn, ba mươi sáu vua địa ngục thống lĩnh thiên thần, địa thần, hư không thần, núi rừng sông biển tất cả linh kỳ và chúng Hiền Thánh v.v... đều có thiên thông đạo nhãn, người tha tâm túc mạng lậu tận trí hiện ở đạo tràng chứng minh đệ tử, ngày hôm nay thí chủ tên... và các chúng sinh thành tâm sám hối. Đệ tử đạo tràng chúng con trong ngoài nhiều người từ quá khứ hết cả các đời quá khứ hiện tại vị lai, thân khẩu ý nghiệp đi đứng ngồi nằm đối với tất cả Tam bảo sư Tăng, cha mẹ lục thân quyến thuộc, Thiện tri thức, pháp giới chúng sinh mà tạo đủ tất cả ác, khởi tất cả tướng ác, ác phương tiện ác, các nghiệp chướng, báo chướng phiền não chướng, sinh tử chướng, tội chướng, không được thấy nghe Phật pháp tăng chướng. Đệ tử chúng con từ nhiều kiếp đến nay cho đến thân này hôm nay. Như thế các tội vui thích tạo vô lượng vô biên nên khiến chúng con phải đọa địa ngục không có ngày ra. Thế nên kinh nói A-tỳ địa ngục, mười tám địa ngục hàn băng, mười tám địa ngục hắc ám, mười tám địa ngục tiểu nhiệt, mười tám địa ngục kiếm luân, mười tám địa ngục hỏa xa, mười tám địa ngục đao luân, mười tám địa ngục Vạc dầu sôi, mười tám địa ngục sông tro. Năm trăm ức địa ngục rừng dao, năm trăm ức địa ngục Rừng kiếm, năm trăm ức địa ngục máy sắt, năm trăm ức địa ngục cột đồng,

năm trăm ức địa ngục rừng gai, năm trăm ức địa ngục lưới đồng, mười tám địa ngục hang sắt, mười tám địa ngục hoàn sắt nóng, mười tám địa ngục đá lửa, mười tám địa ngục uống nước đồng sôi. Như thế v.v... rất nhiều địa ngục. Phật nói A-tỳ địa ngục dài rộng đều tám vạn do-tuần, bảy lớp thành sắt, bảy lớp lưới sắt. Cách mười tám vòng bảy lớp đều là rừng dao trong bảy lớp thành lại có rừng kiếm, cách mười tám tầng lại có tám vạn bốn ngàn lớp. Ở bốn góc có chó đồng thân dài bốn mươi do-tuần, mắt như điện, nanh như kiếm, răng như dao lưỡi như đinh sắt, lông mình cháy dữ tỏa mùi hôi thúi ở thế gian không vật gì dụ được. Có mười tám ngục tốt đầu như đầu La-sát miệng như miệng Dạ-xoa, sáu mươi bốn mắt chạy khắp nơi. Hoàn sắt như móc xe mười dặm, nanh trên cao bốn do-tuần, đầu nanh lửa cháy. Vành xe sắt đều hóa làm một ức mũi nhọn dao kiếm kích lửa, đều từ lửa phóng ra như suối lửa đốt thành A-tỳ, khiến thành A-tỳ cháy đỏ như nước đồng sôi. Trên đầu ngục tốt có tám đầu trâu, có mười tám sừng, mỗi đầu sừng đều cháy đỏ, nhóm lửa đó lại hóa làm mười tám vành xe lửa, vành lửa lại hóa ra xe dao lửa và có rất nhiều vành xe lửa khác. Lửa này cháy khắp thành A-tỳ. Chó đồng há miệng lè lưỡi ra đất, lưỡi như mũi nhọn sắt phóng ra lúc đó hóa ra vô số lưỡi đầy khắp thành A-tỳ. Bảy lớp trong thành A-tỳ có bốn tràng phan sắt đầu lửa cháy đỏ như suối nước sắt sôi chảy đầy thành A-tỳ. Trên bốn cửa thành có tám mươi chão nước đồng sôi từ cửa tràn ra khắp thành A-tỳ. Mỗi mỗi khoảng cách có tám vạn bốn ngàn rắn lớn phun lửa phun chất độc, thân to đầy thành. Rắn phun khò khò như sấm động và mưa hoàn sắt nóng đầy thành. Việc khổ trong thành này là khổ trong tám vạn ức ngàn khổ tập họp ở thành này có năm trăm ức loài sâu tám vạn bốn ngàn mỏ nhọn hút chích phun lửa như mưa xuống đầy thành A-tỳ. Khi sâu xuống thì thành cháy dữ dội lửa đỏ rực chiếu xa tám vạn vạn bốn ngàn do-tuần như ngọn núi cao, nước biển dưới chân núi sôi sục, giọt nước to như trục xe sắt đỏ nằm ngổn ngang khắp thành A-tỳ. Phật nói có chúng sinh giết Tam bảo, trộm cắp Tam bảo, ô nhiễm Tam bảo, lừa dối Tam bảo hủy báng Tam bảo, phá hoại Tam bảo. Giết hại cha mẹ, trộm cướp cha mẹ, ô nhiễm cha mẹ, lừa dối cha mẹ, hủy bán cha mẹ, phá hoại cha mẹ, chửi mắng làm nhục lục thân. Làm các tội sát nghịch như thế. Khi chết rồi thì chó đồng há miệng hóa làm mười tám xe như xe vàng có màng che các vật bên trong cháy đỏ nhưng biến thành ngọc nữ. Tội nhân mới thấy thì tâm rất vui mừng ước tôi muốn vào đó. Khi gió đao phân thay thì lạnh lẽo nổi lên, liền la thất thanh thà được nóng ấm thì lửa trên xe liền bốc cháy dữ dội. Nghĩ xong liền mạng

chung trong lúc dong dài thì đã ngồi vào xe nhìn kỹ ngọc nữ thì búa sắt liền chém vào thân, dưới thân lửa phừng cháy, chỉ trong nháy mắt liền đọa vào đại địa ngục A-tỳ. Từ trên có vành lửa bay xuống đốt thân, trong có chó đồng cắn xé não tủy. Ngục tốt La-sát cầm xoa sắt đâm vào cổ khiến khắp thân bốc cháy. Khắp thành A-tỳ lưới sắt mưa dao xuống. Từ lỗ chân lông hóa ra vua Diêm-la hét rằng loài ngu si, khi ngươi ở đời thì bất hiếu cha mẹ tà mạn vô đạo. Đời này ở ngục A-tỳ ngươi vô ân không biết xấu hổ, chịu báo này có vui chăng? Nói xong liền biến mất. Lúc đó ngục tốt lại rượt đuổi tội nhân từ dưới chạy lên trải khắp tám vạn bốn ngàn vòng rồi trói mình trong lưới sắt. Một ngày một đêm ở đây bằng sáu mươi tiểu kiếp ở Diêm-phù-đề, như thế ở suốt một đại kiếp. Người tội ngũ nghịch không biết xấu hổ tạo tội ngũ nghịch nên khi lâm chung bị mười tám gió đao như xe lửa thổi nát thân thể. Bèn ước được dạo chơi vườn hoa dưới cây mát mẽ chẳng vui sao? Nghĩ xong thì liền có tám vạn bốn ngàn rừng kiếm hóa thành cây hoa quả sum suê bày ra, các sắt nóng đỏ hóa làm hoa sen. Tội nhân thấy đúng ước nguyện mình lại thấy hoa sen bay xuống như mưa, bèn ngồi lên phút chốc các trùng có mỏ sắt trên hoa sen cháy đỏ đâm thủng vào xương cốt, tim não. Vịn cây leo lên thì cành lá hóa thành kiếm chặt nát thân thể, từ trên xuống dưới lửa cháy phừng phừng, mười tám việc khổ đồng lúc nổi lên. Lúc đó rơi xuống đất, thân nở ra như hoa, rồi lửa từ dưới cháy lên từ trên cháy xuống, thân nóng bỏng dữ dội phải trợn mắt thè lưỡi. Lại có trăm ức nước đồng sôi, trăm ngàn dao kiếm từ không trung xuống chạy qua đầu rồi ra chân tội nhân, khổ gấp trăm ngàn vạn lần nói trên. Người tội ngũ nghịch phải chịu khổ như thế đủ năm kiếp. Đệ tử đạo tràng chúng con từ thân đầu tiên đến thân này ngày hôm nay, trong khoảng thời gian đó đã phóng túng Tam nghiệp tạo các tội lỗi như thế nhiều vô lượng vô biên. Nay nghe Phật nói địa ngục A-tỳ mà tâm kinh sợ rợn óc, sợ sệt vô lượng, xấu hổ vô cùng. Nay đối trước Phàm Thánh đạo tràng mà phát lồ sám hối, nguyện tội tiêu diệt dứt mất không sót. Chúng con chí tâm quy mạng kính lễ A-di-đà Phật.

- Hạ tiếp cao tán rằng:

Sám hối xong chí tâm quy mạng kính lễ A-di-đà Phật.

- Cao tiếp hạ sám hối rằng:

Đệ tử đạo tràng chúng con từ nhiều kiếp đến nay, cho đến thân này ngày nay, trong khoảng thời gian đó đã phóng túng các nghiệp thân khẩu ý tạo tất cả tội, hoặc phá năm giới, tám giới, mười giới, tam quy giới, bốn bất hoại tín giới, Tam nghiệp giới, mười vô tận giới, Thanh

văn giới, Đại thừa giới và tất cả oai nghi giới, bốn trọng tám giới. Dối ăn của tín thí bài báng tà kiến, không biết nhân quả, đoạn học bát nhã, phá hủy mười phương Phật, trộm cướp vật tăng-kỳ, dâm dật vô đạo, bức hiếp kẻ tịnh giới, các Tỳ-kheo-ni, chị em thân thích, không biết xấu hổ, hủy nhục các người thân. Tạo các việc ác, hoặc chướng vui làm mười ác, chẳng tu thập thiện. Chướng vui làm tám khổ chẳng giữ tám giới, chướng vui làm ba độc chẳng thọ ba quy, chướng vui làm ngũ nghịch chẳng giữ năm giới, chướng vui làm nghiệp cực khổ địa ngục chẳng tu Tịnh độ Cực lạc. Chướng vui làm nghiệp ngu si súc sinh chẳng tu từ bi trí tuệ, chướng vui làm nghiệp tật đố xan tham ngạ quỷ chẳng làm bố thí lợi tha, chướng vui làm, nghiệp gian nịnh lừa dối Tu-la chẳng làm ngôn tín chân thật không trái nhau. Chướng vui làm nghiệp sân não sát hại của độc long, chẳng làm hoan hỷ từ tâm, chướng vui làm nghiệp ngã mạn tự đại hạ tiện chẳng tự tại, chẳng làm nhường dưới kính trên tôn quí. Chướng vui làm tà kiến, phá giới phá kiến ác kiến, cho rằng tu thiện không phước tạo ác không khác nghiệp ngoại đạo Xiển-đề, chẳng làm chánh kiến, không hạnh xuất thế vãng sinh Tịnh độ, chướng vui làm nghiệp phá diệt Tam bảo, hại người làm lành thờ ác quỷ. Chẳng hộ trì Tam bảo giúp người công đức đầy đủ, chướng vui nhận nghiệp trói buộc lâu dài nhân thiên ba cõi, chẳng ham Tịnh độ vô sinh giải thoát. Chướng vui nhận nghiệp kém hẹp nhị thừa, không làm từ bi rộng lớn của Bồ-tát. Chướng vui làm nghiệp gần gũi bạn ác, không thích gần gũi chư Phật Bồ-tát Thiện tri thức. Chướng vui làm nghiệp sáu tham sáu tệ, không làm lục độ tứ nhiếp. Chướng vui làm nghiệp để đột không biết nhân quả, không biết trong thân của Phật tánh Như Lai, chướng vui làm nghiệp chết yểu nhiều bệnh, ăn nuốt tất cả chúng sinh, rượu thịt năm tân, không làm từ tâm, vui nghe Phật pháp tăng, hương hoa cúng dường. Chướng như thế các tội chướng, tự làm, bảo người khác làm, thấy người làm mà vui theo. Hoặc cố làm, lầm làm, đùa vui làm, giận ganh làm, trái thuận yêu ghét mà làm, nhiều vô số nghĩ không hết nói không xuể, như bụi bặm đất đai vô biên, hư không vô biên, pháp giới vô biên, phát tánh vô biên, phương tiện vô biên. Con và chúng sinh tạo các tội cũng nhiều như thế. Như thế các tội trên từ các Bồ-tát dưới đến Thanh văn Duyên giác đều không thể biết, chỉ có Phật cùng Phật mới biết được tội con nhiều ít.

Kinh Địa Ngục nói: Nếu có chúng sinh làm các tội như thế thì khi chết gió dao sẽ mổ xẻ thân. Nằm yên bất định như bị đánh đấm, tâm bỗng hoang mang phát điên thấy nhà cửa nam nữ lớn nhỏ tất cả đều là

vật bất tịnh, cứt đái hôi thúi đầy khắp. Khi đó tội nhân nói rằng tại sao chỗ này không tốt, có thành quách núi rừng nào xinh tươi đẹp đẽ để ta dạo chơi, nói xong, ngục tốt La-sát cầm xoa sắt vít vào ngục A-tỳ và các rừng dao hóa làm cây báu cùng ao mát mẻ, các vật cháy biến thành hoa sen lá vàng, các trùng mỏ sắt hóa làm loại chim đẹp. Tiếng rên la đau đớn ở địa ngục thành tiếng ca ngâm. Tội nhân nghe rồi bảo là chỗ tốt ta đến dạo chơi. Nghĩ xong thì liền ngồi vào hoa sen lửa, các trùng mỏ sắt chích hút các lỗ chân lông của thân thể. Có trăm ngàn xe sắt từ trên đầu chạy xuống, có hằng sa xoa sắt đâm vào mắt. Chó đồng địa ngục hóa làm trăm ức chó sắt tranh xé thân thể lấy tim mà ăn đỡ đói. Lúc đó thân như hoa sắt, trong mười tán tầng mỗi mỗi hoa lá có tám vạn bốn ngàn cánh. Đầu thân tay chân trong mỗi tầng địa ngục này các tội nhân đây đọa ngục này trải tám vạn bốn ngàn đại kiếp. Khi địa ngục này diệt thì đến mười tám tầng ở phía Đông mà chịu khổ như trước, mười tám tầng địa ngục ở phía Nam cũng thế, phía Tây cũng thế, phía Bắc cũng vậy, cũng trải đủ các phương phụ khác. Người chê kinh Phương Đẳng, tạo tội ngũ nghịch, phá hoại tăng-kỳ, ô nhiễm Tỳ-kheo-ni, đoạn các thiện căn, như tội nhân này đủ các tội ấy thì đầy ngục A-tỳ, bốn chi cũng khắp mười tám tầng. Ngục A-tỳ này chỉ đốt các chúng sinh như thế. Khi kiếp sắp hết thì ở cửa đông liền mở, thấy ngoài cửa có suối nước trong hoa lá rừng cây tất cả đều hiện. Các tội nhân ấy từ dưới mắt thấy lửa đã tạm hết thì trườn bò ra rồi chạy đến từng trên, tay chạm phải dao kiếm, trên không mưa hoàn sắt nóng xuống. Bèn chạy đến cửa Đông. Ngục tốt La-sát đang cầm xoa sắt móc sắt, chó sắt xé tim mà chết ngất. Chết rồi sống lại. Thấy cửa Nam mở không khác gì trước, rồi đến cửa Tây cửa Bắc cũng thế. Như thế lúc đó trải qua nửa kiếp. Ở ngục A-tỳ chết, sinh qua ngục Hàn băng, ở Hàn băng chết, sinh qua ngục Hắc ám, tám ngàn vạn năm mắt chẳng thấy gì. Làm thân rắn lớn bò bằng bụng, ám tất không hiểu biết, trăm ngàn chồn sói đến ăn thịt. Chết rồi thì làm súc sinh chịu năm ngàn vạn thân với hình chim thú. Lại sinh làm người thì điếc mù câm ngọng cùi hủi bần cùng hạ tiện. Các thứ kém cỏi lấy làm trang sức, chịu thân hèn này trải năm trăm thân. Sau lại sinh làm ngạ quỷ. Như thế luân hồi trong ba ác đạo vô lượng vô biên. Đệ tử chúng con nay nghe địa ngục tâm sợ rởn óc kinh khiếp vô cùng lại bị trôi giạt vô số kiếp, đời này đến nay phóng túng Tam nghiệp tạo các trọng tội nếu không sám hối sẽ bị các khổ này không có ngày ra. Ngay đối trước Tam bảo, đại chúng đạo tràng trước phát lồ sám hối tức vui vẻ biết mà không dám giấu giếm. Cúi mong mười phương Tam bảo pháp giới

chúng sinh phát, từ bi rộng lớn, không kể sự xấu ác của con như cỏ đầy cả đất xin bố thí hoan hỷ nhận con sám hối, nghĩ con thanh tịnh. Cúi mong chẳng bỏ Từ bi nhiếp thọ con rồi, nguyện các tội đã làm đều tiêu hết, các tội chưa khởi nguyện chẳng sinh. Các thiện đã làm nguyện tăng trưởng, các thiện chưa làm phương tiện khiến sinh. Từ nay trở đi không khởi nhẫn, tạm cùng chúng sinh bỏ tà quy chánh, phát tâm Bồ-đề. Tâm từ, mắt Phật nhìn nhau, Bồ-đề quyến thuộc, chân Thiện tri thức, đồng sinh Tịnh độ, cho đến thành Phật. Các tội như thế nguyện xin dứt hẳn, không dám che giấu. Phát nguyện rồi chí tâm quy mạng Phật A-di-đà.

- Hạ tiếp cao tán rằng:

Nguyện vãng sinh, nguyện vãng sinh, đứng trước Phật A-di-đà tay cầm hương hoa thường cúng dường.

- Cao tiếp hạ tán rằng:

Nguyện vãng sinh, nguyện vãng sinh. Ngồi trong hội Di-đà, tay cầm hương hoa thường cúng dường.

■

CHUYỂN KINH HÀNH ĐẠO NGUYỆN VÃNG SANH TỊNH ĐỘ PHÁP SỰ TÁN

QUYỂN HẠ

- Cao tòa vào văn:

Ta nghe như thế một thuở nọ Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc cùng chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị cùng hội họp. Đều là bậc đại A-la-hán chúng đều biết, như các Ngài Trưởng lão Xá-lợi-phất, Ma-ha Mục-kiền-liên, Ma-ha Ca-diếp, Ma-ha Ca-chiên-diên, Ma-ha Cu-hy-la, Ly-bà-đa, Châu-lợi Bàn-đà-già, Nan-đà, A-nan-đà, La-hầu-la, Kiều-phạm-ba-đề, Tân-đầu-lư Phả-la-đọa, Ca-lưu-đa-di, Ma-ha Kiếp-tân-na, Bạt-câu-la, A-nậu-lầu-đà... Như thế v.v.. các đại đệ tử cùng các Bồ-tát Ma-ha-tát như các Ngài Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử, Bồ-tát A-dật-đa, Bồ-tát Càn-đà-ha-đề, Bồ-tát Thường Tinh Tấn, cùng như thế các Đại Bồ-tát và Thích Đề-hoàn Nhân, vô lượng chư Thiên đại chúng đều đầy đủ.

- Hạ tiếp cao tán rằng:

Nguyện vãng sinh, nguyện vãng sinh. Chư Phật đại Bi tâm không hai, phương tiện hóa môn chẳng khác. Bỏ cõi trang nghiêm vô thắng kia, tám tướng thị hiện ra khỏi Diêm-phù, hoặc hiện chân hình không lợi vật, hoặc cùng tạp hoại hóa phàm ngu, phân thân lục đạo không dừng nghỉ, biến hiện tùy nghi độ hữu lưu. Hữu lưu kiến giải tâm không một, nên có tám vạn bốn ngàn môn, môn môn chẳng đồng cũng không phải khác. Các môn khác lại đồng, đồng nên Như Lai rất khác. Nên lại là từ bi tâm. Bi tâm niệm niệm duyên ba cõi, nhân thiên bốn thú tội căn sâu. Quá hiện chư Phật đều lai hóa, vô minh nghiệp chướng chẳng gặp nhau. Tủi thẹn Thích-ca hoằng thệ nặng, chẳng buông Ta-bà mười ác sâu. Mong gặp đạo tràng nghe Tịnh độ. Gương thần dứt hẳn thoát lồng phiền. Chúng con thương tâm cùng bi thán, tay cầm hương hoa thường cúng dường.

Cao tiếp hạ tán rằng: (Hạ tiếp cao tán rằng):

- Nguyện vãng sinh, nguyện vãng sinh. Thích-ca Như Lai thành chánh giác bốn mươi chín năm độ chúng sinh, năm nước Thiên trúc đều hành hóa, tà ma ngoại đạo thảy về tông. Trên trời dưới đất không ai hơn Phật, từ bi cứu khổ thật khó gặp. Hoặc phóng thần quang khắp lục đạo. Người được quang chiếu khởi từ tâm. Hoặc tới hoặc lui đều lợi ích, tam đồ dứt hẳn khỏi truy tầm. Hoặc chấn động đại địa núi sông biển, vì giác quần mê tín chưa sâu. Hoặc tự nói pháp dạy khuyên nhau, dẫn dắt nhau đi vào rừng pháp. Rừng pháp tức là nước Di-đà, tiêu dao khoái lạc chẳng gì hại. Chúng con chú tâm đều nguyện sinh, tay cầm hương hoa thường cúng dường.

Cao tiếp hạ tán rằng (Hạ tiếp cao tán rằng):

- Nguyện vãng sinh, nguyện vãng sinh. Như Lai giáo pháp vốn không hai, chính vì chúng sinh cơ chẳng đồng. Một âm diễn nói tùy cơ ngộ, chẳng lưu kết cản chứng sinh không. Hoặc hiện thần thông hoặc nói pháp, hoặc phục ngoại đạo diệt dấu ma, tự lợi một thân tuy khỏi trói, bi tâm khắp ích dứt vô công. Thân tro trí diệt vô dư chứng, hai vạn kiếp hết lại sinh tâm. Sinh tâm giác động thân lại hiện. Chư Phật giáo trước phát Đại thừa. Chúng con đồng tâm sinh Tịnh độ. Tay cầm hương hoa thường cúng dường.

Hạ tiếp cao tán rằng: (Cao tiếp hạ tán rằng):

- Nguyện vãng sinh, nguyện vãng sinh. Bồ-tát đại chúng vô ương số, Văn-thù-sư-lợi bậc rất tôn, phát đại từ bi làm khổ hạnh, chẳng trái hoằng nguyện độ chúng sinh. Hoặc hiện thân trang nghiêm tốt nhất. Hàm linh thấy được đều vui vẻ, vì nói diệu pháp vào chân môn. Mười phương nước Phật thân đều đến, giúp Phật thần hóa chuyển pháp luân. Chúng con đồng tâm sinh Tịnh độ, tay cầm hương hoa thường cúng dường.

Cao tiếp hạ tán rằng: (Hạ tiếp cao tán rằng):

- Nguyện vãng sinh, nguyện vãng sinh. Cùng Phật Thanh văn Bồ-tát chúng, đồng dạo Xá-vệ sinh Kỳ viên. Nguyện đóng ba đồ dứt lục đạo, mở lớn Vô sinh Tịnh độ môn. Nhân, thiên đại chúng đều tập hội, chiêm ngưỡng tôn nhan nghe chưa nghe. Thấy Phật nghe kinh đồng được ngộ, chết rồi nghiêng tâm vào bảo liên. Tạm đến Di-đà nước An dưỡng, lại về nước uế độ nhân thiên. Nguyện con từ bi không giới hạn, thời lâu dài kiếp báo từ ân. Chúng con đồng tâm sinh Tịnh độ, tay cầm hương hoa thường cúng dường.

Cao tiếp hạ tán rằng: (Hạ tiếp cao tán rằng):

- Cao tòa vào văn: Bấy giờ Phật bảo trưởng lão Xá-lợi-phất, từ đây về phương Tây hơn mười vạn ức cõi Phật có thế giới tên là Cực lạc. Nước ấy có Phật hiệu A-di-đà hiện đang thuyết pháp. Này Xá-lợi-phất, cõi ấy vì sao gọi là Cực lạc, vì chúng sinh nước ấy không có các khổ chỉ hưởng những vui nên gọi Cực lạc.

Hạ tiếp cao tán rằng: Nguyện vãng sinh, nguyện vãng sinh.

- Nhân thiên đại chúng đều vây quanh, chú tâm chắp tay nguyện nghe kinh. Phật biết phàm Thánh cơ đã ngộ, liền bảo Xá-lợi dụng tâm nghe. Tất cả Phật độ đều nghiêm tịnh, phàm phu loạn tưởng sợ khó sinh. Như Lai riêng chỉ nước Tây phương từ đây vượt quá mười vạn ức, bảy báu trang nghiêm là hơn hết, Thánh chúng nhân thiên thọ mạng dài. Phật hiệu Di-đà thường nói pháp, Cực lạc chúng sinh chướng tự tiêu. Chúng con đồng tâm sinh Tịnh độ, tay cầm hương hoa thường cúng dường.

Cao tiếp hạ tán rằng: (Hạ tiếp cao tán rằng):

- Cao tòa vào văn: Lại này Xá-lợi-phất, Cực lạc quốc độ có bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy hàng cây đều là bốn báu vây quanh thế nên nước ấy gọi là Cực lạc.

Hạ tiếp cao tán rằng: Nguyện vãng sinh, nguyện vãng sinh chúng sinh ba cõi không trí tuệ, hôn mê lục đạo mà an thân. Chư Phật từ tâm vì nói pháp. Điếc mù hung tợn bạn không nghe. Chợt mà vô thường đến bức bách, tinh thần thác loạn mới kinh mang. Muôn sự gia viên đều lìa bỏ, chuyên tâm phát nguyện hướng Tây phương. Di-đà danh hiệu luôn tụng niệm, hóa Phật Bồ-tát hiện nhãn tiền. Hoặc cùng hoa đài hoặc trao tay, phút chốc mạng chung Phật đón tiếp. Chúng con đồng tâm đều nguyện vãng sinh. Tay cầm hương hoa thường cúng dường.

Cao tiếp hạ tán rằng: (Hạ tiếp cao tán rằng):

- Nguyện vãng sinh, nguyện vãng sinh. Lịch kiếp đến nay chưa nghe thấy, Tây phương Tịnh độ báu trang nghiêm. Trên đất, hư không đều đầy khắp, lưới giăng châu báu trăm ngàn lớp, mỗi mỗi lưới giăng kết ngọc châu, chói ngời nhiều sắc lấp lánh quá, cây báu lá cành đẹp lạ lùng, hàng hàng thẳng tấp khéo sắp xếp. Đây là Di-đà bi nguyện lực, không suy giảm đổi lưới rỗng suốt. Chúng con đồng tâm đều nguyện vãng sinh. Tay cầm hương hoa thường cúng dường.

Cao tiếp hạ tán rằng: (Hạ tiếp cao tán rằng):

- Cao tòa vào văn: Lại này nữa Xá-lợi-phất, Cực lạc quốc độ có ao bảy báu chứa đầy nước tám công đức. Đáy ao toàn dùng cát vàng lót đất, đường đi bốn bên bờ ao đều dùng vàng bạc lưu ly pha lê hợp thành,

trên có lầu gác cũng bằng vàng bạc lưu ly, pha lê, xa cừ xích châu mã não trang sức. Trong ao hoa sen lớn như bánh xe, màu xanh sáng xanh, màu vàng sáng vàng, màu đỏ sáng đỏ, màu trắng sáng trắng, thơm sạch vi diệu. Này Xá-lợi-phất, cõi nước Cực lạc thành tựu công đức trang nghiêm như thế.

Hạ tiếp cao tán rằng:

- Nguyện vãng sinh, nguyện vãng sinh. Cực lạc thế giới rộng thanh tịnh, đất ấy trang nghiêm thật khó lường, ao nước thơm bát công chảy khắp, đáy lót cát vàng chiếu sáng lạ, bốn thềm đường đi không một sắc, trên bờ lầu các trăm vạn đường. Chơn châu mã não ánh chiếu nhau, bốn thứ hoa sen nở ngát hương, mười phương nhân thiên đều sinh đến, cùng ngồi một chỗ nghe Chơn thường. Cho nên nước ấy tên là Cực lạc. Chúng con cầm hoa đến cúng dường.

Cao tiếp hạ tán rằng: (Hạ tiếp cao tán rằng):

- Cao tòa vào văn: Lại nữa Xá-lợi-phất, cõi nước Phật ấy thường có thiên nhạc, vàng ròng làm đất, ngày đêm sáu thời mưa hoa Mạn-đà-la, nước ấy chúng sinh thường vào sáng sớm lấy áo đựng đầy hoa đẹp cúng dường vạn ức Phật mười phương. Vào đến bữa ăn liền về bổn quốc ăn xong đi kinh hành. Này Xá-lợi-phất, cõi nước Cực lạc thành tựu công đức trang nghiêm như thế.

Hạ tiếp cao tán rằng:

- Nguyện vãng sinh, nguyện vãng sinh. Di-đà nước Phật rất cao quí, rộng lớn khoan bình thật là tinh. Thiên nhạc âm thinh luôn cùng khắp, vàng ròng làm đất toàn kỳ trân. Ngày đêm sáu thời hoa tự rải, pháp âm thường nói tự nhiên nghe, nước ấy chúng sinh lại vô sự, y kích đầy hoa đến mười phương, mỗi mỗi gần gũi tu cúng dường, trần lao cấu tập đều tiêu hết các thứ tùy tâm đều xứng ý, thảy đều lợi ích là chân thường. Cúng xong tất cả bay về nước, ăn xong đài bảy báu kinh hành. Chúng con chú tâm đều nguyện vãng (đến), tay cầm hương hoa thường cúng dường.

Cao tiếp hạ tán rằng: (Hạ tiếp cao tán rằng):

- Cao tòa vào văn: Lại nữa Xá-lợi-phất, nước ấy thường có các thứ chim tạp sắc lạ đẹp như bạch hạc, khổng tước, anh võ, xá lợi, Ca-lăng-tần-già, cộng mạng... Các thứ chim ấy ngày đêm sáu thời hót tiếng hòa nhã, tiếng ấy diễn nói ngũ căn ngũ lực. Thất Bồ-đề phần, bát Thánh đạo phần, các pháp như thế để độ chúng sinh. Nghe tiếng ấy rồi thì đều niệm Phật niệm Pháp niệm Tăng. Này Xá-lợi-phất, ông chớ cho rằng các chim này thật do tội báo sinh ra. Vì sao như thế, cõi nước Phật ấy

không có ba ác thú. Xá-lợi-phất cõi nước Phật ấy còn không có tên ba ác đạo, huống là thật có. Các chim ấy đều do Phật A-di-đà muốn pháp âm biến khắp mà hóa ra. Này Xá-lợi-phất cõi nước Phật ấy gió nhẹ thổi động các hàng cây báu và các lưới giăng phát ra tiếng vi diệu như trăm ngàn thứ nhạc đồng thời hòa tấu. Nghe tiếng ấy rồi, tự nhiên sinh tâm niệm Phật niệm Pháp niệm Tăng. Này Xá-lợi-phất cõi nước Phật ấy thành tựu công đức trang nghiêm như thế.

Hạ tiếp cao tán rằng:

- Nguyện vãng sinh, nguyện vãng sinh. Đạo tràng thanh tịnh thật hiếm thấy, Di-đà Tịnh độ cũng khó nghe. Khó nghe khó thấy nay được gặp, như nói tu hành chuyên ý chuyên. Nguyện Phật từ bi đồng nhiếp thọ, lâm chung bảo tọa hiện ra trước. Đã thấy hoa đài tâm mừng rỡ, từ Phật tiêu dao về tự nhiên. Liền là Di-đà nước vô lậu, vô sinh lại tức chân hạnh lai, hành chỉ thường tùy Phật chứng được thân vô vi pháp tánh. Chúng con đồng tâm đều nguyện vãng (đến), tay cầm hương hoa thường cúng dường.

Cao tiếp hạ tán rằng: (Hạ tiếp cao tán rằng):

- Nguyện vãng sinh, nguyện vãng sinh. Cực lạc trang nghiêm đầy tạp bảo, thật là hiếm lạ nghe chưa nghe. Chim báu trên không khen hội Phật, văn văn cú cú lý tương đồng. Ngày đêm liền tiếng không hề dứt, dìu dặt hòa nhã phát lòng người, hoặc nói ngũ căn, thất giác phần, hoặc nói bát Thánh từ bi môn. Hoặc nói phương khác lìa ác đạo, hoặc nói địa ngục đóng cửa trời người. Hoặc nói lâu dài tu khổ hạnh, hoặc nói nhân vô thượng Bồ-đề. Hoặc nói tán thiện Ba-la-mật, hoặc nói định tuệ nhập thâm thiền. Bồ-tát Thanh văn nghe pháp này, nơi nơi phân thân chuyển pháp luân. Chúng con hồi tâm đều nguyện đến. Tay cầm hương hoa thường cúng dường.

Cao tiếp hạ tán rằng: (Hạ tiếp cao tán rằng):

- Nguyện vãng sinh, nguyện vãng sinh. Cực lạc trang nghiêm thoát ba cõi, nhân thiên tạp loại đều vô vi. Pháp tạng hạnh nhân nguyện rộng lớn, nếu con được Phật hiện lạ kỳ. Hoặc hiện thân chim hay nói pháp, hoặc hiện không thỉnh hay ứng cơ, hoặc khiến sóng nhỏ phát tiếng diệu, hoặc khiến rừng cây khen từ bi. Hoặc khiến gió sáng tương ưng động, hoặc khiến lưới giăng phát tiếng tăm. Tất cả tiếng trang nghiêm khắp chốn, hằng sa thiên nhạc trỗi đúng thời. Vì dẫn phương khác loại phàm Thánh, nên Phật hiện đây bất tư nghì. Chúng con nghe điều ấy sởn gai ốc, nát thịt tan xương mà cảm tạ bậc thầy A-di-đà... Chúng con chuyên tinh không tiếc mạng, phút chốc đến nơi há là chậm. Chúng con đồng

tâm đều nguyện đến. Tay cầm hương hoa thường cúng dường.

Hạ tiếp cao tán rằng: (Cao tiếp hạ tán rằng):

- Nguyện vãng sinh, nguyện vãng sinh. Cõi Phật chân nghiêm tịnh, ba ác, lục đạo mất hẳn tiếng. Mọi việc trang nghiêm khó biết các diệu vi rất là tinh. Đất lại rộng bằng giữa các báu, mỗi mỗi đồng chiếu năm trăm tia sáng, mỗi mỗi tia sáng thành một đài tòa báu, mỗi mỗi tòa trên có trăm nghìn nhà. Ngàn nhà hóa Phật trần sa hội, chúng sinh vào đó cùng số lượng. Vô số âm thinh chuyển trên không, các thiên đồng tử rải hoa hương, ngày đêm sáu thời không ngưng nghỉ, trên đất, hư không thật khó lường. Ao thơm bát đức tùy ý vào, tưới tẩm do người ao không cạn. Hoặc hiện hoặc mất vui ba thiền. Từ từ gọi nhau vào Đàn lâm. Bảo tọa hàng hàng riêng Thánh chúng, cũng như vượt ngày tháng, ngày tháng tức thời kiếp dài. Hoặc ngồi hoặc đứng hoặc dạo chơi, đến chỗ chỉ nghe Vô thượng pháp, dứt hẳn phàm phu sinh tử tai, thế nên nước ấy tên An lạc. Chúng con hồi tâm nguyện vãng sinh, vãng sinh nước ấy không sự khác. Tay cầm hương hoa thường cúng dường.

Cao tiếp hạ tán rằng: (Hạ tiếp cao tán rằng):

- Cao tòa vào văn: Này Xá-lợi-phất, ý ông nghĩ sao, Phật ấy vì sao hiệu A-di-đà. Này Xá-lợi-phất, Phật ấy quang minh vô lượng chiếu mười phương cõi, không có chướng ngại nên gọi là A-di-đà. Lại này Xá-lợi-phất, thọ mạng Phật ấy cùng với nhân dân vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp nên gọi A-di-đà. Này Xá-lợi-phất, Phật A-di-đà thành Phật đến nay đã hơn mười kiếp. Lại nữa Xá-lợi-phất Phật ấy vô lượng vô biên Thanh văn đệ tử đều là A-la-hán không thể đếm mà biết được. Các chúng Bồ-tát cũng lại như thế. Này Xá-lợi-phất cõi nước Phật ấy thành tựu công đức trang nghiêm như thế.

Hạ tiếp cao tán rằng:

- Nguyện vãng sinh, nguyện vãng sinh. Quả được Niết-bàn thường trụ thế, thọ mạng dài lâu thật khó lường. Ngàn kiếp muôn kiếp hằng sa kiếp, triệu năm suốt kiếp đến vô ương. Một ngồi không dời cũng chẳng động. Cùng tột đời sau thân phóng quang. Linh nghi tướng đẹp sắc vàng ròng, vòi vọi riêng ngồi độ chúng sinh. Mười phương Phàm Thánh chuyên tâm đến, phân thân giáo hóa đến đón nghênh. Một niệm trên không vào hội Phật, sắc thân thọ mạng thảy đều bằng. Chúng con hồi tâm đều nguyện vãng, tay cầm hương hoa thường cúng dường.

Cao tiếp hạ tán rằng: (Hạ tiếp cao tán rằng):

- Nguyện vãng sinh, nguyện vãng sinh. Phật ấy từ nhân làm khổ hạnh, mạnh mẽ chuyên tinh không lui sụt, một ngồi trăm kiếp nhiều lâu

kiếp, khó làm làm được chẳng mỏi lười. Tự lợi lợi tha đồng đoạn ác, chẳng bỏ oán ghét do đại Bi. Có thức hàm linh đều hóa độ, đồng nhân đồng hạnh đến Bồ-đề. Tạm nguyện trang nghiêm cõi thanh tịnh, thấy nghe hoan hỷ chứng vô vi. Chúng con đồng tâm đều nguyện vãng, tay cầm hương hoa thường cúng dường.

Hạ tiếp cao tán rằng:

- Nguyện vãng sinh, nguyện vãng sinh. Di-đà hóa chủ chuyên tâm ngồi, hoa đài riêng gặp rất là tinh, trăm ức ma-ni trong tạp bảo, lớp lớp trang nghiêm tướng tự thành. Chánh tọa đến nay trải mười kiếp, tâm duyên pháp giới chiếu từ quang. Được quang chạm đến trần lao dứt, lâm chung thấy Phật về Tây phương. Đến rồi hoa nở vào đại hội, vô minh phiền não tự nhiên quên. Tam minh tự nhiên nhờ nguyện Phật, phút chốc chấp tay được thần thông. Phật ấy Thanh văn Bồ-tát chúng, trần sa đếm số cũng khó cùng. Nguyện con đời này phát ý mạnh chết rồi được làm Thánh chúng ấy. Chúng con chú tâm nguyện vãng. Tay cầm hương hoa thường cúng dường.

Cao tiếp hạ tán rằng: (Hạ tiếp cao tán rằng):

- Cao tòa vào văn: Lại này Xá-lợi-phất, cõi nước Cực lạc chúng sinh sinh lên đó đều là A-bệ-bạt trí, trong đó có nhiều nhất sinh bổ xứ, số đó rất nhiều không thể đếm biết được, chỉ nói là vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp. Này Xá-lợi-phất chúng sinh nghe rồi đều nên phát nguyện nguyện sinh nước ấy. Do đó mà được cùng các thượng thiện nhân cu hội một nơi. Này Xá-lợi-phất không phải kẻ ít phước đức nhân duyên mà được sinh nước ấy.

Hạ tiếp cao tán rằng:

- Nguyện vãng sinh, nguyện vãng sinh. Thích-ca Như Lai bảo thân tử, tức là khắp bảo chúng sinh khổ. Ta-bà lục đạo chốn không an, mịt mờ đêm dài đi trong tối. Thánh hóa đồng cư chẳng biết nhau. Động sinh sân độc đấu vô minh. Do vô minh này dính lục đạo, thương ghét cao thấp lúc nào bình, đã không thiện nghiệp dứt sinh tử, do tham tạo tội chẳng kinh tâm. Phạm đây da người mà xương ngựa, tam đồ tự vào chẳng cần đua. Chúng con những nghe tâm đau đớn, tạm nguyện chóng bỏ thế gian, khắp nguyện hồi tâm sinh Tịnh độ, tay cầm hương hoa thường cúng dường.

Cao tiếp hạ tán rằng: (Hạ tiếp cao tán rằng):

- Nguyện vãng sinh, nguyện vãng sinh. Ta-bà rất khổ không phải chỗ sinh sống, Cực lạc vô vi thật là tinh. Chín phẩm đều về được bất thoái, A-bệ-bạt trí tức vô sinh, chẳng phải mới sinh không hạn cực,

mười địa trở xuống kiếp khó cùng. Như đây biển lớn bụi hằng sa, có duyên đến được vào trong ấy, bốn thứ oai nghi thường thấy Phật, đứng đi lui tới nhờ thần thông, sáu thức tung hoành tự nhiên ngộ, chưa tạ ân sâu một niệm công. Khắp khuyên đồng sinh Thiện tri thức, chuyên tâm chuyên chú đến Tây phương. Chúng con đồng tâm nguyện đều vãng. Tay cầm hương hoa thường cúng dường.

Hạ tiếp cao tán rằng:

- Cao tòa vào văn: Này Xá-lợi-phất nếu có thiện nam tử thiện nữ nhân nào nghe nói Phật A-di-đà mà chấp trì danh hiệu hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, hoặc sáu ngày, hoặc bảy ngày nhất tâm bất loạn thì người ấy khi lâm chung Phật A-di-đà cùng các Thánh chúng sẽ hiện ra trước mắt người ấy, khi chết tâm không điên đảo liền được vãng sinh về Cực lạc quốc độ của Phật A-di-đà. Này Xá-lợi-phất ta thấy lợi đó nên nói lời này. Nếu có chúng sinh nào nghe lời ấy rồi thì nên phát nguyện sinh về nước ấy.

Hạ tiếp cao tán rằng:

- Nguyện vãng sinh, nguyện vãng sinh. Cực lạc vô vi cõi Niết-bàn tùy duyên tạp thiện sợ khó sinh. Nên khiến Như Lai chọn pháp yếu, dạy niệm Di-đà chuyên lại chuyên. Bảy ngày bảy đêm tâm không dứt, dài lâu khởi làm đều vẫn thế. Lâm chung Thánh chúng cầm hoa hiện, thân tâm vui vẻ ngồi sen vàng. Khi ngồi liền được vô sinh nhẫn, một niệm liền đón đến trước Phật. Pháp lữ đem áo đến mặc vào, chứng được bất thoái vào Tam hiền. Chúng con đồng tâm nguyện đều vãng. Tay cầm hương hoa thường cúng dường.

Cao tiếp hạ tán rằng: (Hạ tiếp cao tán rằng):

- Nguyện vãng sinh, nguyện vãng sinh. Di-đà thị giả hai Bồ-tát, hiệu là Vô Viên Quán Thế Âm. Tất cả mọi thời giúp Phật hóa, phân thân lục đạo khởi từ tâm. Niệm niệm tùy cơ vì nói pháp, hôn mê khó ngộ tội căn sâu. Trăm kế ngàn muôn số ra đời, trong muôn không một thoát lồng phiền. Nghĩ ngươi chúng sinh nhiều kiếp khổ, chư Phật đối mặt không gặp nhau. Nhân thiên ít thiện còn khó biện, hà huống vô vi chứng sáu thông, tuy được thấy nghe hiếm có pháp, thô tâm giải đãi càng không công. Giả sử suốt năm tung chân chạy, nhân cả tham sân đầy trong lòng. Tham sân tức là thân Tam nghiệp, sao được Tịnh độ ở chân không. Gửi lời đồng sinh Thiện tri thức, niệm Phật từ bi vào Thánh lâm. Chúng con đồng tâm nguyện đều vãng. Tay cầm hương hoa thường cúng dường.

Cao tiếp hạ tán rằng: (Hạ tiếp cao tán rằng):

- Cao tòa vào văn: Này Xá-lợi-phất, như ta ngày nay khen ngợi Phật A-di-đà công đức bất khả tư nghì thì ở Đông phương cũng có Phật A-súc-bệ, Phật Tu-di Tướng, Phật Đại Tu-di, Phật Tu-di Quang, Phật Diệu Âm... như thế hằng hà sa số chư Phật đều ở nước mình phát ra tướng lưỡi rộng dài che khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật rằng chúng sinh các ngươi nên tin kinh này là kinh xưng tán công đức bất khả tư nghì, tất cả chư Phật đều hộ niệm.

Hạ tiếp cao tán rằng:

- Nguyện vãng sinh, nguyện vãng sinh. Thích-ca Như Lai thường khen ngợi hằng sa đẳng giác tôn đại bi, đồng hóa tâm không có một, hai. Phật bày nhiều công cũng như thế, vì đoạn phàm phu nghi kiến chấp, đều duỗi tướng lưỡi che tam thiên, cùng nói bảy ngày xưng danh hiệu. Lại bày Thích-ca lời nói thật, mọi lúc chánh ý niệm Di-đà. Thấy từ quang Phật đến chiếu thân, thừa nguyện lực Phật Di-đà này, trong khoảng một niệm vào Bảo đường. Bảo đường trang nghiêm không hạn cực, hóa Phật Thánh chúng ngồi tư lương. Tâm tánh sáng hơn trăm ngàn (mặt) nhật), bi trí song hành pháp nhĩ thường. Con nay đã đến nơi vô vi, khắp nguyện hàm linh về phương này. Chúng con đồng tâm nguyện đều vãng. Tay cầm hương hoa thường cúng dường.

Cao tiếp hạ tán rằng: (Hạ tiếp cao tán rằng):

- Cao tòa vào văn: Này Xá-lợi-phất thế giới phương Nam có Phật Nhật Nguyệt Đăng, Phật Danh Văn Quang, Phật Đại Diệm-kiên, Phật Tu-di Đăng, Phật Vô Lượng Tinh Tấn... như thế hằng hà sa số chư Phật đều ở nước mình phát ra tướng lưỡi rộng dài che khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật rằng chúng sinh các ngươi nên tin kinh này là kinh xưng tán công đức bất khả tư nghì, tất cả chư Phật đều hộ niệm...

Hạ tiếp cao tán rằng:

- Nguyện vãng sinh, nguyện vãng sinh. Chư Phật Nam phương như hằng sa, cũng duỗi tướng lưỡi che tam thiên, vì chúng phàm phu ở nước mình, khen ngợi Thích-ca biến hiện thân, ra đời trong Ta-bà ngũ trược, nên tâm hóa độ kẻ tội căn. Ta thấy tà tham tăng thượng mạn, dạy khiến ra đời và sinh giận, nghĩ ngươi chúng sinh trôi giạt lâu. Chư Phật lời thật bảo chẳng thật. Chúng con đồng tâm sinh Tịnh độ, tay cầm hương hoa thường cúng dường.

Cao tiếp hạ tán rằng: (Hạ tiếp cao tán rằng):

- Cao tòa vào văn: Này Xá-lợi-phất, thế giới phương Tây có Phật Vô Lượng Thọ, Phật Vô Lượng tướng, Phật Vô Lượng Tràng, Phật Đại

Quang, Phật Đại Minh, Phật Bảo Tướng, Phật Tịnh Quang... như thế hằng hà sa số chư Phật đều ở nước mình phát ra tướng lưỡi rộng dài che khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật rằng chúng sinh các ngươi nên tin kinh này là kinh xưng tán công đức bất khả tư nghì tất cả chư Phật đều hộ niệm.

Hạ tiếp cao tán rằng:

- Nguyện vãng sinh, nguyện vãng sinh. Chư Phật Tây phương như hằng sa, đều ở nước mình khen Như Lai, phân thân trăm ức trong cõi Diêm-phù, thị hiện tám tướng thật hiếm lạ. Ngủ trược phàm phu cho là thật, sáu năm khổ hạnh chứng vô vi. Hàng ma thành đạo nói diệu pháp, các thứ phương tiện bất tư nghì. Khắp khuyên chúng sinh về Tịnh độ, nghĩ trước lo sau càng sinh nghi. Con nay duỗi lưỡi để làm chứng, Tây phương Cực lạc tất phải nương. Chúng con đồng tâm đều nguyện vãng, tay cầm hương hoa thường cúng dường.

Cao tiếp hạ tán rằng: (Hạ tiếp cao tán rằng):

- Cao tòa vào văn: Này Xá-lợi-phất, thế giới Bắc phương có Phật Diệm-kiên, Phật Tối Thắng Âm, Phật Nhật Sinh, Phạt Nan Trở, Phật Võng Minh... như thế hằng hà sa số chư Phật đều ở nước mình phát ra tướng lưỡi rộng dài che khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lới thành thật rằng chúng sinh các ngươi nên tin kinh này là kinh xưng tán công đức bất khả tư nghì, tất cả chư Phật đều hộ niệm.

Hạ tiếp cao tán rằng:

- Nguyện vãng sinh, nguyện vãng sinh. Chư Phật Bắc phương như hằng sa, đều duỗi tướng lưỡi chứng Mâu-ni, vì con phàm phu mà ra đời, tùy duyên nói pháp đúng thời cơ, thời cơ cảm nhận nghe liền ngộ, như nói tu hành chẳng sinh nghi, bảy ngày xưng danh không gián tạp, thân tâm mừng rỡ hỷ lại bi. Mừng được hiếm nghe từ nhà nước, chư Phật chứng quyết được trở về. Chúng con đồng tâm đều nguyện vãng, tay cầm hương hoa thường cúng dường.

Cao tiếp hạ tán rằng: (Hạ tiếp cao tán rằng):

- Cao tòa vào văn: Này Xá-lợi-phất, thế giới Hạ phương có Phật Sư Tử, Phật Danh Văn, Phật Danh Quang, Phật Đạt Ma, Phật Pháp Tràng, Phật Trì Pháp... như thế hằng hà sa số chư Phật đều ở nước mình đều phát ra tướng lưỡi rộng dài che khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật rằng chúng sinh các ngươi nên tin kinh này là kinh xưng tán công đức bất khả tư nghì, tất cả chư Phật đều hộ niệm.

Hạ tiếp cao tán rằng:

- Nguyện vãng sinh, nguyện vãng sinh. Chư Phật Hạ phương như

hằng sa, đều ở nước mình độ chúng sinh, chứng khen Thích-ca ra ngũ trược, hay làm việc khó độ quần mê, khéo léo tùy nghi khiến đoạn ác, riêng tâm chỉ trao hạnh hướng Tây. Tất cả phước nghiệp đều hồi hướng, cuối cùng hóa Phật đến đón tiếp. Người trí lợi căn nghe mừng rỡ, bỗng nhớ tam đồ tâm cả kinh. Tâm kinh sởn óc khuyên sám hối, sợ tội không trừ đọa hầm sâu. Chúng con đồng tâm sinh Tịnh độ, tay cầm hương hoa thường cúng dường.

Cao tiếp hạ tán rằng: (Hạ tiếp cao tán rằng):

- Cao tòa vào văn: Này Xá-lợi-phất, thế giới thượng phương có Phật Phạm Âm, Phật Tú Vương, Phật Hương Thượng, Phật Hương Quang, Phật Đại Diệm-kiên, Phật Tạp Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân, Phật Ta-la Thọ Vương, Phật Bảo Hoa Đức, Phật Kiến Nhất Thiết Nghĩa, Phật Như Tu-di Sơn... như thế hằng hà sa số chư Phật, đều ở nước mình phát ra tướng lưỡi rộng dài che khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật rằng chúng sinh các ngươi nên tin kinh này là kinh xưng tán công đức bất khả tư nghì tất cả chư Phật đều hộ niệm.

Hạ tiếp cao tán rằng:

- Nguyện vãng sinh, nguyện vãng sinh. Chư Phật thượng phương như hằng sa, lại duỗi tướng lưỡi vì Ta-bà, mười ác năm nghịch nhiều nghi báng, tin tà thờ quỷ kính thần ma. Vọng tưởng cầu ân gọi có phước, tai chướng họa nạn chuyển càng nhiều mấy năm nằm bệnh liệt giường chiếu, điếc đui chân gãy tay quặt què. Phụng sự thần minh được báo này, vì sao chẳng bỏ niệm Di-đà. Di-đà nguyện lực đều bình đẳng, chỉ khiến hồi tâm hoa tự dâng, một niệm tiêu dao nước khoái lạc, rốt ráo thường an không thoái động. Chúng con hồi tâm nguyện vãng sinh, tay cầm hương hoa thường cúng dường.

Cao tiếp hạ tán rằng: (Hạ tiếp cao tán rằng):

- Cao tòa vào văn: Này Xá-lợi-phất ý ông nghĩ sao vì sao gọi là kinh tất cả chư Phật hộ niệm? Này Xá-lợi-phất, nếu có thiện nam thiện nữ nghe lời chư Phật nói và tên kinh ấy thì các thiện nam thiện nữ ấy đều được tất cả chư Phật hộ niệm, đều được bất thoái chuyển A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Thế nên Xá-lợi-phất các ông đều nên tin nhận lời ta và lời chư Phật nói. Này Xá-lợi-phất nếu có người đã phát nguyện, đang phát nguyện, sẽ phát nguyện, muốn sinh về nước Phật A-di-đà thì các người ấy đều được bất thoái chuyển A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề mà đã sinh, đương sinh, sẽ sinh về nước ấy. Thế nên Xá-lợi-phất, các thiện nam thiện nữ nếu có người thì nên phát nguyện về nước ấy.

Hạ tiếp cao tán rằng.

- Nguyện vãng sinh, nguyện vãng sinh. Thích-ca Như Lai đại từ bi, ứng hiện Ta-bà độ có duyên, có duyên đầy khắp tam thiên thế giới, tùy cơ bày ngộ dứt tham si, khuyên chung chán vui nhân thiên này, vô thường tám khổ thiêu đốt người, niệm Phật tụng kinh trừ tội chướng, chư Phật từ xa hộ niệm thân, ngày đêm sáu thời mạnh phát nguyện, giữ tâm không tán nghiệp lại thành. Nghiệp thành thấy Phật chủ hoa đài, phút chốc biến thành đài vàng ròng, theo Phật tiêu dao vào nước báu, rốt ráo dứt hẳn việc sầu lo. Chúng con hồi tâm đều nguyện vãng sinh, tay cầm hương hoa thường cúng dường.

Cao tiếp hạ tán rằng: (Hạ tiếp cao tán rằng):

Cao tòa vào văn: Này Xá-lợi-phất, như nay ta khen ngợi công đức bất khả tư nghì của chư Phật, thì chư Phật ấy cũng khen ngợi công đức ta bất khả tư nghì mà nói lời rằng: Đức Phật Thích-ca Mâu-ni hay làm được việc khó làm, hay ở cõi nước Ta-bà đời ác ngủ trược, kiếp trược, kiến trược, phiền não trược, chúng sinh trược, mạng trược mà được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, vì các chúng sinh nói pháp mà tất cả thế gian khó tin. Này Xá-lợi-phất nên biết ta ở trong đời ác trược làm việc khó làm này mà được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề vì tất cả thế gian nói pháp khó tin này là rất khó. Phật nói kinh này xong Xá-lợi-phất và các Tỳ-kheo tất cả thế gian, thiên, nhân A-tu-la v.v.. nghe Phật nói pháp đều vui mừng tin nhận, đảnh lễ mà lui ra.

Hạ tiếp cao tán rằng:

- Nguyện vãng sinh, nguyện vãng sinh. Thế Tôn ân cần bảo thân tử, biểu hiện chư Phật đại bi đồng, cùng nhau khen đức tâm không khác, khéo ứng thời cơ đều có công, sáu phương Như Lai đều khen ngợi, Thích-ca xuất hiện rất khó gặp, chánh dẹp ngủ trược riêng mình làm, vô minh phá nhanh hơn mũi nhọn, kiếp trược dù nhiều thân dầu ít, chúng sinh ác trược như rồng rắn, não trược đầy dẫy hơn số bụi, thương ghét trái thuận như núi gò, kiến trược rậm rạp đầy gai gốc, mạng trược chết yểu trong chốc lát, hai báo y chánh đồng thời tiêu, trái chánh theo tà khởi oan trái, chín mươi lăm thứ đều dơ đời, chỉ Phật một đạo luôn thanh tịnh, thẳng đến Bồ-đề tâm không hết, trở lại nhà lửa độ nhân thiên. Chúng con đồng tâm đều nguyện vãng. tay cầm hương hoa thường cúng dường.

Cao tiếp hạ tán rằng: (Hạ tiếp cao tán rằng):

- Nguyện vãng sinh, nguyện vãng sinh. Như Lai xuất hiện ở ngủ trược, tùy nghi phương tiện độ quần sinh, hoặc nói Đa văn mà được độ,

hoặc nói ít hiểu chứng tam minh, hoặc dạy phước huệ cùng trừ chướng, hoặc lạy, thiền niệm ngồi suy lường. Các thứ pháp môn đều giải thoát, không bằng niệm Phật đến Tây phương, trên hết một hình đến mười niệm, ba niệm năm niệm Phật đón nghênh, chính là Di-đà hoằng thệ nặng, nên khiến phàm phu niệm liền sinh. Chúng con hồi tâm đều nguyện đến, tay cầm hương hoa thường cúng dường.

Hạ tiếp cao tán rằng: (Cao tiếp hạ tán rằng):

- Nguyện vãng sinh, nguyện vãng sinh. Thế Tôn nói pháp lúc sắp hết, ân cần dặn kỹ tên Di-đà, ngủ trược tăng thêm nhiều nghi báng, đạo tục ganh nhau chẳng chịu nghe, thấy có tu hành khởi sân độc, phương tiện phá hoại càng sinh oán, như hàng đui mù và Xiển-đề, diệt hẳn Đốn giáo mãi trầm luân, vượt hơn đại địa vi trần kiếp, chưa thể được lìa thân tam đồ. Đại chúng đồng tâm đều sám hối, có những phá pháp tội nhân duyên. Chúng con đồng tâm sinh Tịnh độ, tay cầm hương hoa thường cúng dường.

Cao tiếp hạ tán rằng: (Hạ tiếp cao tán rằng):

- Cao tòa đợi hạ tòa dứt tiếng liền vì đại chúng mà sám hối chung rằng: Đệ tử đạo tràng chúng con rất nhiều người đều nêu tâm, thẹn tạ minh không u hiển của chư Phật, Thánh nhân đắc đạo trời ba mươi ba tất cả thần trời thần đất, các thần hư không rừng núi sông biển v.v... Thiên tào, địa phủ, Diêm-la, Tư mạng năm đạo thái sơn ba mươi sáu vua. Địa ngục diễn lãnh tất cả linh kỳ và các đạo tràng, tôn kinh, Xá-lợi hình tượng linh nghi này. Cúi mong đại bi quang oai thần gia bị, hộ niệm nhiếp thọ chứng minh. Ngày nay chủ đạo tràng tên là... rất nhiều người bày tâm sám hối. Đệ tử tên là... từ không thân có thân, không thức có thức cho đến hôm nay đến lúc này, trong thời gian ấy đã tạo thân khẩu ý nghiệp các tội thập ác vô lượng vô biên, hoặc phóng túng thân nghiệp giết hại cướp đoạt, tất cả chúng sinh địa ngục súc sinh, thủy lục hư không nhuyễn động các loại không thể biết số. Hoặc giết hại cướp đoạt tất cả chúng sinh Tu-la thần quỷ thủy lục hư không nhuyễn động các loại không thể biết số, hoặc giết hại cướp đoạt tất cả trời người Tam bảo sư tăng cha mẹ lục thân quyến thuộc, Thiện tri thức, pháp giới chúng sinh không thể biết số, hoặc cố giết, giết lầm, giỡn chơi mà giết, mình giết, bảo người giết hoặc thấy giết vui theo, giết liên tục, giết không gián đoạn, yêu ghét trái thuận mà giết phóng dật giết, tham vị, vì tiền mà giết. Như thế tội giết vô lượng vô biên. Nay đối trước đạo tràng Phàm Thánh phát lồ sám hối, dứt hẳn không sót. Sám hối rồi chí tâm quy mạng A-di-đà Phật.

Hạ tiếp cao họa rằng:

- Sám hối rồi chí tâm quy mạng A-di-đà Phật.

Cao tiếp hạ sám hối rằng:

- Đệ tử chúng con kế xin sám hối tội trộm cướp, hoặc phóng túng thân nghiệp mà trộm cướp tất cả chúng sinh địa ngục súc sinh thủy lục hư không nhuyễn động các loài không thể biết rõ. Hoặc trộm cướp tất cả trời người Tam bảo sư Tăng cha mẹ lục thân quyến thuộc Thiện tri thức pháp giới chúng sinh không thể biết số. Hoặc cố ý trộm cướp, lầm trộm cướp, giỡn chơi trộm cướp, tự trộm cướp, bảo người khác trộm cướp thấy người trộm cướp vui theo, phóng dật trộm cướp, trộm cướp không gián đoạn, yêu ghét trái thuận trộm cướp, tham vị vì tiền mà trộm cướp. Các tội trộm cướp như thế vô lượng vô biên. Nay đối trước Phàm Thánh đạo tràng mà phát lồ sám hối, dứt hẳn không sót. Sám hối rồi chí tâm quy mạng A-di-đà Phật.

Hạ tiếp cao họa rằng:

- Sám hối rồi chí tâm quy mạng A-di-đà Phật.

Cao tiếp hạ sám hối rằng:

- Đệ tử chúng con kế xin sám hối tội tà dâm điên đảo, hoặc phóng túng thân nghiệp mà khởi tà dâm hoặc bức bách tất cả chúng sinh súc sinh thủy lục hư không nhuyễn động các loại không thể biết số. Hoặc khởi tà dâm bức bách tất cả chúng sinh thần quỷ, thủy lục hư không nhuyễn động các loại chẳng thể biết số. Hoặc khởi dâm tâm bức bách tất cả sư tăng cha mẹ lục thân quyến thuộc Thiện tri thức pháp giới chúng sinh không thể biết số. Hoặc phóng dật mà làm, hoặc lầm làm, giỡn chơi làm, tự làm, bảo người khác làm, thấy người làm vui theo, làm không xấu hổ, làm liên tục làm không gián đoạn, tà tham ác tham mà làm. Như thế các tội tà dâm vô lượng vô biên. Nay đối trước phàm Thánh đạo tràng phát lồ sám hối dứt hẳn không sót. Sám hối rồi chí tâm quy mạng A-di-đà Phật.

Hạ tiếp cao họa rằng:

- Sám hối rồi chí tâm quy mạng A-di-đà Phật.

Cao tiếp hạ sám hối rằng:

- Đệ tử chúng con kế xin sám hối tội khẩu nghiệp dối lừa, hoặc phóng túng khẩu nghiệp mà lừa dối tất cả chúng sinh địa ngục súc sinh thủy lục hư không nhuyễn động các loại không thể biết số. Hoặc dối lừa tất cả chúng sinh thần quỷ Tu-la thủy lục hư không nhuyễn động các loại không thể biết số. Hoặc lừa dối tất cả trời người Tam bảo sư tăng cha mẹ lục thân quyến thuộc Thiện tri thức pháp giới chúng sinh không

thể biết số. Hoặc thường làm không gián đoạn, cố ý làm, lầm làm, vui chơi làm, tự làm, bảo người làm thấy người làm vui theo tà tham ác tham mà làm. Như thế các tội lừa dối vô lượng vô biên. Nay đối trước Phàm Thánh đạo tràng phát lồ sám hối dứt hẳn không sót. Sám hối rồi chí tâm quy mạng A-di-đà Phật.

Hạ tiếp cao họa rằng:

- Sám hối rồi chí tâm quy mạng A-di-đà Phật.

Cao tiếp hạ sám hối rằng:

- Đệ tử chúng con kế xin sám hối tội điều hý. Hoặc phúng túng khẩu nghiệp mà chọc ghẹo phá phách tất cả chúng sinh địa ngục súc sinh, thủy lục hư không nhuyễn động các loại không thể biết số. Hoặc chọc phá tất cả chúng sinh thần quỷ Tu-la thủy lục hư không nhuyễn động các loại chẳng thể biết số. Hoặc chọc phá tất cả trời người Tam bảo sư Tăng cha mẹ lục thân quyến thuộc Thiện tri thức pháp giới chúng sinh không thể biết số. Hoặc thường làm không gián đoạn, cố ý làm, lầm làm, giỡn chơi mà làm, tự làm, bảo người làm, thấy người làm vui theo... Như thế các tội chọc phá vô lượng vô biên. Nay đối trước Phàm Thánh đạo tràng phát lồ sám hối dứt hẳn không sót. Sám hối rồi chí tâm quy mạng A-di-đà Phật.

Hạ tiếp cao họa rằng:

- Sám hối rồi chí tâm quy mạng A-di-đà Phật.

Cao tiếp hạ sám hối rằng:

- Đệ tử chúng con kế xin sám hối tội ác khẩu. Hoặc phúng túng khẩu nghiệp mà chửi mắng hủy báng nói xấu tất cả chúng sinh địa ngục súc sinh, thủy lục hư không nhuyễn động các loại chẳng thể biết số. Hoặc chửi mắng hủy báng nói xấu tất cả trời người Tam bảo sư tăng cha mẹ lục thân quyến thuộc Thiện tri thức pháp giới chúng sinh chẳng thể biết số. Hoặc thường làm không gián đoạn, cố làm, lầm làm, giỡn chơi mà làm, tự làm, bảo người làm, thấy người làm vui theo, tà tham ác tham mà làm. Như thế các tội ác khẩu vô lượng vô biên. Nay đối trước Phàm Thánh đạo tràng phát lồ sám hối dứt hẳn không sót. Sám hối rồi chí tâm quy mạng A-di-đà Phật.

Hạ tiếp cao họa rằng:

- Sám hối rồi chí tâm quy mạng A-di-đà Phật.

Đệ tử chúng con kế xin sám hối tội hai lưỡi (lưỡng thiệt). Hoặc phúng túng khẩu nghiệp hai lưỡi phá hoại tất cả chúng sinh súc sinh thủy lục hư không nhuyến động các loại chẳng thể biết số. Hoặc đấu loạn phá hoại tất cả trời người Tam bảo sư tăng cha mẹ lục thân quyến thuộc

Thiện tri thức pháp giới chúng sinh chẳng thể biết số. Hoặc thường làm không gián đoạn, cố làm, lầm làm, giỡn chơi mà làm, tự làm, bảo người làm, thấy người làm vui theo, tà tham ác tham mà làm... Như thế các tội lưỡng thiệt vô lượng vô biên. Nay đối trước Phàm Thánh đạo tràng phát lồ sám hối dứt hẳn không sót. Sám hối rồi chí tâm quy mạng A-di-đà Phật.

Hạ tiếp cao họa rằng:

- Sám hối rồi chí tâm quy mạng A-di-đà Phật.

Cao tiếp sám hối rằng:

- Đệ tử chúng con kế xin sám hối tội ý nghiệp. Hoặc khởi ác tham tà tham động nghiệp thân khẩu ý chẳng thể biết số. Hoặc khởi tà sân động nghiệp thân khẩu ý chẳng thể biết số. Hoặc nhân ý nghiệp tạo tác tội thân nghiệp thập ác, chẳng chọn Phàm Thánh lục đạo chúng sinh thân sơ người súc v.v... các chúng sinh chẳng thể biết số. Hoặc cố làm, lầm làm, thường làm không gián đoạn, tự làm, bảo người làm, thấy người làm vui theo, như thế các tội ý nghiệp vô lượng vô biên. Nay đối trước Phàm Thánh đạo tràng phát lồ sám hối, dứt hẳn không sót. Chung sám tội mười ác rồi chí tâm quy mạng A-di-đà Phật.

Hạ tiếp cao họa rằng:

- Sám hối rồi chí tâm quy mạng A-di-đà Phật.

Mười ác này tức nhiếp hết tất cả ác. Nay sám hối tội mười ác tức sám hối tất cả tội. Nên biết.

Hạ tiếp cao tán rằng:

- Nguyện vãng sinh, nguyện vãng sinh. Ba cõi không an như nhà lửa, lục đạo che chướng mong thoát ra. Môn môn chẳng đồng tám vạn tư, thảy đều đang ở trước mắt. Bỏ hết muốn ra không trở lại, bởi chọn vô minh lầm giết người. Tham tài tham sắc không chán đủ, dối gian huyễn hoặc lừa tương thân, tài hết sắc tiêu cùng ghen hận, phút chốc nghĩa dứt như đồ oán. Đồ oán khắp cùng trong Ta-bà, có thức hàm tình đều cũng thế, vì đây Như Lai riêng chỉ trao, khuyên khiến chuyên tu nhân Tịnh độ. Nhân Tịnh độ thành tự nhiên đến, trọn thời chấp tay dâng khói hương. Khói hương thẳng đến Di-đà Phật, Thánh chúng cầm hoa đón rước con. Lên ngồi đài hoa sắc vàng rực, đến nơi vô lậu chân lại chân. Chúng con buồn thương đều nguyện vãng. Tay cầm hương hoa thường cúng dường.

Cao tiếp hạ tán rằng: (Hạ tiếp cao tán rằng):

- Nguyện vãng sinh, nguyện vãng sinh. Kiếp sắp hết thì ngủ trược mạnh, chúng sinh tà kiến rất khó tin. Chuyên chuyên chỉ trong đường

Tây phương, vì người phá hoại lại như cũ, nhiều kiếp đến nay thường như thế, chẳng phải đời này mới tự ngộ, chính do chẳng gặp duyên tốt thôi, đến khiến luân hồi khó được độ. Hôm nay giờ này nghe pháp yếu, đến chết luôn thề rất bền chắc, bền chắc giữ tâm chẳng tiếc thân, tủi thẹn Thích-ca ân chư Phật, nên tâm vì nói vui Tây phương, muốn khiến cùng về vào chánh môn, chánh môn tức là Di-đà giới, rốt ráo giải thoát dứt căn nguyên. Tới lui tha hương chẳng thể dừng, theo Phật về nhà nơi bổn quốc, tất cả hạnh nguyện tự nhiên thành. Chúng con thảy đều sinh Tịnh độ, tay cầm hương hoa thường cúng dường.

Cao tiếp hạ tán rằng:

- Nguyện vãng sinh, nguyện vãng sinh. Đại chúng mọi người đều chấp tay, nát thân cảm tạ ân Thích-ca, hay được từ bi khéo phương tiện, chỉ trao Tây phương khoái lạc môn. Đạo tràng muốn tan người sắp biệt, nỗ lực khuyên nhau đoạn tham sân, nhân duyên tham sân chướng cõi Thánh, không được tự ngộ mãi trầm luân, đồng hành tương thân cùng khuyến khích, đến chết làm hẹn đến trước Phật, nguyện pháp luân này chuyển liên tục, đạo tràng thí chủ ích nhiều năm. Đại chúng đều cùng được an lạc, thấy nghe tùy hỷ cũng đều thế. Khắp nguyện hồi tâm sinh Tịnh độ, tay cầm hương hoa thường cúng dường.

Hạ tiếp cao tán rằng: (Cao tiếp hạ tán rằng):

- Lại tụng kinh xướng tán xong cao tòa sai một người hành hương cùng đại chúng hành hoa. Kế người tán hướng về chỗ hành đạo mà đứng. Lại khiến một người nhỏ xướng lễ cúng dường và đúng pháp hành đạo. Xướng xong thì tán hoa giống như trên hoặc ba vòng hoặc bảy vòng. Xong liền đứng trước Phật xướng rằng:

Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh)
Đại chúng mọi người đều chấp tay (vui vô cùng)
Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh)
Đạo tràng Thánh chúng muốn trở về (vui vô cùng).
Chúng đẳng buồn thương cùng khen ngợi (nguyện vãng sinh)
Chỉ tiết cảm tạ ân Thích-ca (vui vô cùng)
Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh)
Vui buồn giao nhau rất tự mừng (vui vô cùng)
Không nhân Thích-ca Phật khai ngộ (nguyện vãng sinh)
Di-đà nguyện lớn lúc nào nghe (vui vô cùng)
Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh)
Ân từ của Phật thật khó báo (vui vô cùng)
Bốn mươi tám nguyện ân cần gọi (nguyện vãng sinh)

Nhờ nguyện lực Phật đến Tây phương (vui vô cùng)
Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh)
Biệt hẳn Ta-bà còn lo gì (vui vô cùng)
Không hỏi tội phước lâu hay mau (nguyện vãng sinh)
Tâm tâm niệm Phật chớ sinh nghi (vui vô cùng)
Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh)
Sáu phương Như Lai chứng không dối (vui vô cùng)
Tam nghiệp chuyên tâm không tạp loạn (nguyện vãng sinh)
Trăm hoa sen báu thấy đúng lúc (vui vô cùng)
Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh)
Lâm chung Thánh chúng tự đến đón (vui vô cùng)
Hành giả thấy Phật tâm hoan hỷ (nguyện vãng sinh)
Di-đà tiếp tay ngồi Hoa Đài (vui vô cùng)
Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh)
Ngồi xong thân đồng sắc vàng ròng (vui vô cùng)
Theo Phật phút chốc đến nước báu (nguyện vãng sinh)
Vào thẳng trong đại hội Di-đà (vui vô cùng)
Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh)
Thấy Phật trang nghiêm vô số ức (vui vô cùng)
Tam minh sáu thông đều đầy đủ (nguyện vãng sinh)
Nhớ ta đồng hành ở Diêm-phù (vui vô cùng)
Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh)
Đồng hành tương thân nguyện không lui (vui vô cùng)
Bảy vòng hành đạo tán hoa xong (nguyện vãng sinh)
Cúng dường minh không hội chư Phật (vui vô cùng)
Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh)
Đại hội đảnh lễ riêng Di-đà (vui vô cùng)

- Hành đạo tán hoa bảy vòng xong thì hướng về trước Phật xướng tán rằng:

Tủi thẹn Di-đà các Thánh chúng (nguyện vãng sinh)
Nhận con thí chủ chúng sinh thỉnh (vui vô cùng)
Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh)
Từ bi bình đẳng độ chúng sinh (vui vô cùng)
Chứng minh công đức trừ tội chướng (nguyện vãng sinh)
Còn mất lợi ích khó suy lường (vui vô cùng)
Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh)
Hình khô mạng dứt hẹn trước Phật (vui vô cùng)
Cúng dường trang nghiêm không đúng pháp (nguyện vãng sinh)

Bố thí chúng sinh tâm hoan hỷ (vui vô cùng)
Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh)
Thấy nghe khóc lóc đồng sám hối (vui vô cùng)
Tán hoa hành đạo xong (nguyện vãng sinh)
Chư Phật tùy duyên về Bổn quốc (vui vô cùng)
Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh)
Khắp tán hương hoa tâm đưa Phật (vui vô cùng)
Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh)
Nguyện Phật từ tâm luôn hộ niệm (vui vô cùng)
Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh)
Đồng sinh khuyên nhau cùng đến hết (vui vô cùng)
Kế đánh khánh xướng: Kính lễ Thường trụ Tam bảo.
Kế xướng khen Phật chú nguyện
Khen Phật xong liền y pháp xướng bảy lễ kính xướng tùy ý.

Trộm vì Di-đà diệu quả, hiệu là vô thượng Niết-bàn, nước ấy thì rộng lớn trang nghiêm, khắp đầy tự nhiên các báu. Quán Âm Đại sĩ tả hầu linh nghi, Thế Chí từ tôn thì hữu biên cúng dường, ba hoa riêng về lụa báu, châu thân chiếu ánh sáng ngời. Tiếng ngoài trời nhiễu Thanh văn Bồ-tát, số vượt hơn trần sa hóa điểu trời đồng đều khắp hội tha phương Thánh chúng, khởi như mây thua phàm hoặc đồng sinh, vượt xa mưa to, người mười phương đồng đến cùng đến bên Phật, múc nhạc khen ca, hương hoa nhiễu tán khắp xong cúng dường, tùy nơi khắp trải phụng thờ hoặc vào hội Bách bảo trì cừ, hoặc vào hội Bảo lâu cung điện, hoặc vào hội Bảo lâm bảo thọ, hoặc vào hội lên hư không, hoặc vào hội đại chúng vô sinh pháp thực, đại hội thanh tịnh trang nghiêm như thế, Thánh chúng đồng đi, đồng ngồi, đồng tới, đồng lui, tất cả mọi thời đều chứng ngộ, Tây phương Cực lạc các thứ trang nghiêm khen hoài chẳng hết. Song nay đệ tử lòng tin trong sạch tên là... Nay có nhiều người biết thân giả họp, bốn đại cùng thành, thức mạng khổn nguy thí như sương gặp mặt trời, mười phương lục đạo đồng luân hồi này không bờ bến tuần hoàn chìm trong sóng ái mà chìm trong biển khổ. Phật đạo thân người khó được nay lại được, Tịnh độ khó nghe nay đã nghe, tín tâm khó phát nay đã phát, mong ước lúc này cùng sinh. Tri thức thảy rất nhiều người, e sợ mạng đồng đá lửa, chiếu lâu khó hẹn, thức tánh vô thường, chết nhanh như đuốc gặp gió, cho nên người người đồng nguyện cùng kết nghiệp vãng sinh, đều tụng kinh Di-đà. Như thế vạn lượt, niệm hiệu Di-đà như thế vạn lần. Lại tạo công đức gì khắp đều đầy đủ. Cho nên ngày tháng nào, trang nghiêm viện vũ, trang sức đạo tràng, phụng

thỉnh tăng ni túc tiêu hành đạo, lại dùng thức ăn vua chúa trăm vị các thứ thơm ngon, dâng Phật và tăng đồ đồng lòng vui vẻ. Lại nguyện trì giới, tụng kinh, niệm Phật, hành đạo và tạo các công đức. Đến nay thí chủ và đồng hành các người, pháp giới chúng sinh, từ nay trở đi, thiên thần cảnh vệ muôn thiện phù trì. Phước mạng mạnh yếu lìa các ưu não, sáu phương chư Phật hộ niệm tín tâm Tịnh độ, Di-đà từ tâm nhiếp thọ. Lại nguyện Quán Âm, Thánh chúng đưa tin tới lui niệm niệm không sót gia hộ khắp đủ. Xuân thu đông hạ bốn đại thường an, tội diệt phước thành cùng sinh Tịnh độ. Lại nguyện lâm chung không bệnh, chánh niệm kiên cường, Thánh chúng đón nghinh đài hoa khắp nhóm. Di-đà chiếu quang, Bồ-tát dắt tay, hóa Phật đồng tâm phát lời khen ngợi. Nương đài một niệm liền đến Tây phương, thấy tôn nhan Phật ngộ vô sinh nhẫn. Ngưỡng mong người vãng sinh đồng tu được các thiện như thế. Lại nguyện công đức này khắp ích.

Lại nguyện hoàng đế Đại Đường gốc phường vững chắc, Thánh hóa vô cùng. Lại nguyện hoàng hậu từ tâm bình đẳng, thương xót sáu cung. Lại nguyện hoàng thái tử hưởng ân đức sâu dày đồng như đồi núi, phước mạng đời đời như sóng bể vô tận. Lại nguyện Địa phủ Diêm-la tư mạng, diệt trừ tội chướng, ghi chú danh lành. Lại nguyện Tu-la dứt chiến tranh, ngạ quỷ trừ đói khát. Địa ngục và súc sinh đồng thời được giải thoát, dọc thông ba cõi, ngang khắp chín cư, đều ra khỏi Ta-bà đồng về Tịnh độ.

Hạ tòa xướng bảy lễ:

- Nam-mô Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật nhất thiết Tam bảo, con nay cúi đầu kính lễ nguyện vãng sinh nước Vô lượng thọ.

- Nam-mô thập phương tam thế tận hư không biến pháp giới vi trần sát độ trung nhất thiết Tam bảo. Con nay cúi đầu kính lễ nguyện vãng sinh nước Vô lượng thọ.

- Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới A-di-đà Phật, nguyện cùng các chúng sinh vãng sinh nước An lạc.

- Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới Quán Thế Âm Bồ-tát Ma-ha-tát, nguyện cùng các chúng sinh vãng sinh nước An lạc.

- Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới Đại Thế Chí Bồ-tát Ma-ha-tát, nguyện cùng các chúng sinh vãng sinh nước An lạc.

- Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới chư Bồ-tát Ma-ha-tát Thanh Tịnh Đại Hải Chúng. Nguyện cùng các chúng sinh vãng sinh nước An lạc.

Khắp vì bốn ân ba hữu, Đế vương, Nhân vương, sư Tăng, cha mẹ,

Thiện tri thức, pháp giới chúng sinh, đoạn trừ ba chướng đồng được vãng sinh nước Phật A-di-đà, cùng tất cả hiền Thánh cùng nguyện vãng sinh nước Vô lượng thọ.

Xướng xong thì lễ tất.

Thưa các hành giả, mọi lúc nên y theo pháp này làm nghi thức hằng ngày. Nên biết kinh này đưa đến đâu là đến Ma-ni Bảo điện. Kinh này đưa đến đâu, là đến Long cung đại tạng (kho lớn ở Long cung). Kinh này đưa đến đâu, là đến rương báu trong hang đá Tây phương.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 172

VÃNG SANH LỄ TÁN KỆ

SỐ 1980

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1980

KỆ ĐẢNH LỄ TÁN THÁN VIỆC VÃNG SANH

Sa-môn Thiện Đạo sưu tập ghi lại.

Khuyên tất cả chúng sinh về quốc độ của Phật A-di-đà ở thế giới Tây phương Cực lạc. Kệ sáu thời lễ lạy, tán thán.

Chỉ nương theo đại kinh và kệ tán thán của Bồ-tát Thiên Thân, Bồ-tát Long Thọ, Sa-môn Trung Quốc đã soạn văn tán thán việc lễ lạy vãng sinh, hội chúng vân tập lại một chỗ, chia ra sáu thời chỉ vì muốn buộc tâm không gián đoạn, trợ giúp thêm việc vãng sinh được thành tựu, đồng thời cũng mong liễu ngộ điều chưa từng nghe, thấm nhuần giáo pháp cao siêu.

1. Chỉ nương theo đại kinh Đức Thích-ca thuyết và mười hai danh hiệu hào quang của Di-đà được mười phương Chư Phật khen ngợi. Khuyên lễ lạy và niệm Phật thì nhất định vãng sinh về nước ấy, khi mặt trời lặn lạy mười chín lạy.

2. Chỉ nương theo văn sưu tập toát yếu đại kinh là kệ đảnh lễ, tán thán. Đầu hôm lạy hai mươi bốn lạy.

3. Chỉ nương theo kệ vãng sinh đảnh lễ và tán thán của Bồ-tát Long Thọ. Đến đêm lạy mười sáu lạy.

4. Chỉ nương theo kệ vãng sinh đảnh lễ và tán thán của Bồ-tát Thiên Thân. đến cuối đêm lạy hai mươi lạy.

5. Chỉ nương theo bài kệ nguyện vãng sinh đảnh lễ và tán thán của Pháp sư Ngạn Tông. Đến sáng sớm lạy hai mươi mốt lạy.

6. Chỉ nương theo kệ nguyện vãng sinh đảnh lễ và tán thán của Sa-môn Thiện Đạo. Nương theo mười sáu pháp quán, giờ ngọ lạy hai

mươi lạy.

Hỏi: Nay muốn khuyên người cầu vãng sinh, chưa biết làm sao để tâm họ phát khởi tu tập, nhất định được vãng sinh về cõi kia?

Đáp: Người muốn vãng sinh về cõi kia, như trong Quán kinh nói:

- Đầy đủ ba tâm thì nhất định vãng sinh.

- Thế nào là ba?

1. Tâm chí thành: Thân nghiệp lễ lạy, khẩu nghiệp khen ngợi tán thán, ý nghiệp chuyên niệm và quán chiếu Phật A-di-đà. Tam nghiệp cần phải chân thật.

2. Tâm sâu xa: Nghĩa là tín tâm chân thật, tin biết thân này đầy dẫy phiền não phàm phu, căn lành kém cỏi, trôi lăn trong tam giới không có ngày ra khỏi nhà lửa. Nay tin biết thệ nguyện rộng lớn xưa của Di-đà và xưng niệm danh hiệu Ngài dù chỉ mười tiếng hoặc một tiếng thì nhất định được vãng sinh, cho đến một niệm cũng không nghi ngờ.

3. Tâm Hồi hướng phát nguyện: Tất cả căn lành tu tập có được đều Hồi hướng nguyện cầu vãng sinh. Đầy đủ ba tâm này nhất định vãng sinh. Nếu thiếu một trong ba thì không được vãng sinh. Như trong Quán kinh ghi đầy đủ cần nên biết.

Trong luận Tịnh độ của Bồ-tát Thiên Thân ghi:

- Nếu có người nguyện sinh về nước kia, nên khuyên họ tu năm môn niệm Phật, nếu đầy đủ năm môn ấy thì nhất định vãng sinh, những gì là năm?

1. Môn thân nghiệp lễ bái: Nhất tâm chí thành cung kính chắp tay, đốt hương, dâng hoa cúng dường và đảnh lễ Phật A-di-đà. Suốt đời chỉ đảnh lễ Phật ấy, không lễ Phật khác.

2. Môn khẩu nghiệp tán thán: Nhất tâm tán thán khen ngợi thân tướng hào quang Phật và tất cả thân tướng hào quang Thánh chúng, đồng thời tất cả ánh sáng trang nghiêm trong nước ấy.

3. Môn ý nghiệp ức niệm quán sát: Nhất tâm quán niệm Đức Phật ấy, đồng thời quán hào quang thân tướng của tất cả Hiền Thánh. Như Quán kinh nói:

- Chỉ trừ lúc ngủ, hằng nhớ nghĩ, quán tưởng những việc này."

4. Môn tác nguyện: Nhất tâm hoặc một ngày hay một đêm bất cứ lúc nào, ở đâu, tam nghiệp (thân, khẩu, ý) và tứ oai nghi (đi, đứng, nằm, ngồi) đều tu tập, tạo công đức, không kể gì đầu đêm, giữa đêm, cuối đêm, trong tâm phải tha thiết phát nguyện vãng sinh về nước ấy.

5. Môn Hồi hướng: Nhất tâm hoặc tự mình tu tập căn lành. Cho đến, tất cả căn lành dù phàm hay Thánh của tam thừa ngũ đạo mình đều

sinh tâm tùy hỷ, như sự tùy hỷ của Chư Phật, Bồ-tát, con cũng sinh tâm tùy hỷ như thế. Đem thiện căn sinh tâm tùy hỷ và thiện căn mình đã tạo được cùng chúng sinh Hồi hướng về cõi ấy.

Sau khi sinh về cõi kia chứng được sáu món thần thông, trở lại Ta-bà vào biển sinh tử giáo hóa chúng sinh, khắp hết mọi nơi mà tâm không hề mệt mỏi, cho đến khi thành Phật cũng gọi là môn Hồi hướng. Đầy đủ năm môn này nhất định được vãng sinh. Mỗi môn kết hợp với ba tâm đã trình bày ở đoạn trước; căn cứ theo đó để tu tập, chớ hỏi nhiều hay ít đều gọi tu tập chân thật.

Lại khuyên thực hành bốn pháp tu, dùng để sách tấn ba tâm năm niệm môn mau được vãng sinh. Những gì gọi là bốn?

1. Tu cung kính: Cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà và tất cả Thánh chúng cõi ấy, suốt đời làm kỳ hạn nguyện không dừng bỏ giữa chừng; chính là tu tập lâu dài.

2. Không tu tập pháp khác: Chuyên nhất niệm danh hiệu Phật, chuyên nghĩ nhớ, quán tưởng, đảnh lễ, tán thán Phật kia và tất cả Thánh chúng, không xen lẫn pháp khác. Lấy suốt đời làm kỳ hạn nguyện không dừng bỏ giữa chừng, chính là tu lâu dài.

3. Tu không gián đoạn: Cung kính đảnh lễ liên tục, xưng niệm danh hiệu, tán thán khen ngợi, nhớ nghĩ quán sát, Hồi hướng phát nguyện, niệm niệm liên tục, không để việc khác gián đoạn, không bị phiền não tham, sân, si chi phối, tùy theo sai phạm mà sám hối, không để niệm gián đoạn và ngày giờ gián đoạn, thường giữ tâm Thanh tịnh, cũng gọi là tu vô gián. Lấy suốt đời làm kỳ hạn, nguyện không dừng bỏ giữa chừng, chính là tu tập lâu dài.

Lại nữa, Bồ-tát đã ra khỏi sinh tử, tu tập pháp thiện Hồi hướng về quả vị thành Phật, tức là tự lợi, giáo hóa chúng sinh tận cùng đời vị lai chính là lợi tha. Nhưng hiện nay chúng sinh bị phiền não trói buộc chưa thoát ra khỏi các khổ sinh tử trong đường ác mà vẫn tùy duyên khởi hạnh; tất cả căn lành đều Hồi hướng nguyện vãng sinh về đất nước của Đức Phật A-di-đà. Khi sinh về đó thì không còn sợ hãi gì, tự nhiên mặc sức tu tập bốn pháp ở trên, tư lợi lợi tha đều được đầy đủ, phải nên biết.

Như Văn-thù Bát-nhã ghi: Nói nhất hạnh Tam-muội, là chỉ một mình ở chỗ vắng vẻ, xả bỏ loạn tâm, gá tâm vào nơi một Đức Phật, không quán tướng mạo, chuyên niệm danh hiệu thì ngay trong niệm thấy Phật A-di-đà và tất cả Đức Phật.

Hỏi: Vì sao không dạy quán tưởng, mà chỉ dạy chuyên niệm danh

hiệu?

Đáp: Vì nghiệp chướng chúng sinh sâu dầy, cảnh sở quán vi tế, tâm năng quán thô sơ, thần thức thường dao động, quán tưởng khó thành tựu. Cho nên, Đức Thế Tôn xót thương chỉ dạy chuyên niệm danh hiệu, chính vì danh hiệu dễ niệm nên tâm được tương tục.

Hỏi: Đã dạy chuyên niệm danh hiệu một Đức Phật, vì sao cảnh hiện ra nhiều Đức Phật, đây há chẳng phải tà chánh lẫn lộn một Đức Phật, nhiều Đức Phật xuất hiện rối rắm?

Đáp: Phật Phật đều chứng, hình không hai không khác, dẫu chỉ niệm một Đức Phật mà thấy nhiều Đức Phật, đâu trái giáo pháp.

Quán kinh ghi: Phật dạy ngồi quán tưởng, lễ lạy, đọc tụng v.v... Nên xoay mặt về hướng Tây là tốt nhất, như cây nghiêng về hướng nào, khi gãy nhất định ngã về phía ấy. Nếu có sự việc trở ngại không hướng về phương Tây thì chỉ khởi ý tưởng hướng về phương Tây cũng được.

Hỏi: Tất cả ba thân (pháp thân, báo thân, ứng thân) đồng chứng bi trí viên mãn không khác. Tùy hướng lễ lạy quán niệm, niệm danh hiệu một Đức Phật cũng được vãng sinh, vì sao chỉ khen ngợi Tây phương, dạy chuyên lễ lạy, xưng niệm v.v...?

Đáp: Chư Phật chứng quả bình đẳng không khác, nếu dùng hạnh nguyện thâu nhiếp thì cũng phải có nhân duyên. Nhưng thuở xưa Phật A-di-đà phát nguyện rộng lớn, dùng danh hiệu Quang Minh để giáo hóa nhiếp thọ chúng sinh khắp trong mười phương, mà chỉ dạy họ có tín tâm tưởng niệm toàn thân Phật, thậm chí mười tiếng, một tiếng v.v... Nhờ nguyện lực Phật dễ được vãng sinh. Vì thế, Đức Thích-ca và mười phương Chư Phật đều dạy hướng về phương Tây là đặc biệt vậy. Không phải niệm danh hiệu Phật khác thì không thể diệt trừ tội chướng. Nếu người nào niệm niệm tương tục như trên và lấy suốt đời làm kỳ hạn thì mười người tu mười người vãng sinh, một trăm người tu một trăm người vãng sinh, vì sao? Vì không có tạp niệm, đạt chánh niệm nên khế hợp nguyện xưa của Phật, không trái giáo lý, vâng lời Phật dạy.

Nếu người không tu chuyên nhất, mà tu tạp niệm thì một trăm người tu chỉ được một hai người vãng sinh; một ngàn người tu chỉ được năm, ba người vãng sinh, vì sao? Vì tạp duyên loạn động, đánh mất chánh niệm, không khế hợp nguyện xưa của Đức Phật, trái với giáo lý, đi ngược lại lời Phật dạy. Buộc niệm không miên mật, niệm tưởng gián đoạn, Hồi hướng phát nguyện không chí thành chân thật, tham sân, kiến chấp phiền não làm gián đoạn, không có tâm hổ thẹn sám hối.

Sám hối có ba phẩm: Tán yếu, sơ lược, đầy đủ. Đoạn văn dưới

đây trình bày đầy đủ tùy ý ứng dụng đều được. Lại không thường nghĩ báo ân Phật, lại sinh tâm xem thường. Dẫu có tu tập cũng chỉ vì danh vọng lợi dưỡng, nhân ngã che lấp, không gần gũi Thiện hữu tri thức đồng hạnh. Lại ưa gần người thế gian, tự cản trở chánh hạnh vãng sinh của mình và người khác. Vì sao?

Gần đây, tôi nghe thấy đạo, tục khắp nơi kiến giải và tu tập khác nhau, chuyên, tạp sai biệt. Nhưng những người tu tập chuyên nhất mười người tu thì mười người vãng sinh, người tu tạp loạn không chuyên nhất một ngàn người tu chỉ được một người vãng sinh. Lợi, hại của hai hạnh này như đoạn trước đã nói. Nguyện mong tất cả mọi người tu theo pháp vãng sinh, cố gắng khéo tự suy nghĩ cho!

Nếu người đời này đã phát nguyện sinh về nước kia, thì trong lúc đi, đứng, ngồi, nằm phải cố gắng nỗ lực nghiêm khắc mình, ngày đêm chớ bỏ phế, lấy suốt đời làm kỳ hạn, trên thân dường như có một chút khổ sở nhưng niệm trước lâm chung thì niệm sau liền vãng sinh về nước ấy, đời đời kiếp kiếp thường thọ hưởng pháp lạc vô vi, cho đến thành Phật không còn bị sinh tử, há chẳng vui sướng sao?

1. Chỉ nương theo đại kinh mà Đức Thích-ca dạy lễ lạy, tán thán mười hai danh hiệu quang Phật A-di-đà, nguyện cầu vãng sinh, đầu hôm lạy mười chín lạy, giữa đêm, cuối đêm sám hối cũng được.

Nam-mô Thích-ca Mâu-ni Phật và tất cả Tam bảo, nay con cúi đầu kính lễ, Hồi hướng nguyện vãng sinh về nước Vô lượng thọ (tóm lại, Phật hiện tiền là Tăng ni, Phật tử hiện tại. Tam bảo tức là phước điền vô lượng. Nếu người lễ một lễ là nghĩ báo ân Thầy, nhờ Thầy thành tựu hạnh của mình. Do đây đồng hạnh Hồi hướng nguyện vãng sinh).

Nam-mô thập phương tận hư không, biến pháp giới tất cả Tam bảo trong cõi nước nhiều như vi trần. Nay con cúi đầu kính lễ, Hồi hướng, nguyện vãng sinh về nước Vô lượng thọ (song, mười phương hư không không cùng tận thì Tam bảo cũng không cùng tận. Nếu người lễ một lạy thì phước điền vô lượng, công đức vô cùng; nếu người lễ một lạy mỗi một Đức Phật, mỗi một pháp, mỗi một Bồ-tát, Thánh tăng, mỗi một hạt Xá-lợi đều được tam nghiệp thân khẩu ý Thanh tịnh, giải thoát phần thiện căn, đồng thời làm tư lương cho hành giả, thành nghiệp Thanh tịnh, đem Hồi hướng cho việc vãng sinh.

Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới A-di-đà Phật, con nguyện cùng chúng sinh đều quy mạng, nên con kính lễ nguyện sinh về nước kia.

Hỏi: Vì sao hiệu A-di-đà?

Đáp: Kinh Di-đà và Quán kinh ghi: Hào quang Đức Phật vô lượng chiếu các quốc độ khắp mười phương không chướng ngại, bảo hộ che chở không bỏ các chúng sinh niệm Phật, nên gọi Di-đà. Lại nữa, Phật và chúng sinh ở đó tuổi thọ vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp, nên gọi A-di-đà Phật. Đức Phật Thích-ca và Chư Phật trong mười phương tán thán hào quang Phật A-di-đà có mười hai danh hiệu, đồng thời khuyên chúng sinh nếu người nào niệm danh hiệu, lễ bái liên tục không gián đoạn thì trong đời hiện tại được công đức vô lượng, sau khi mạng chung nhất định vãng sinh. Như kinh Vô Lượng Thọ ghi: "Nếu có chúng sinh nào thấy hào quang này thì không còn tham sân si, thân tâm nhẹ nhàng thảnh thơi vui mừng hớn hở và phát sinh tâm thiện. Hoặc nếu có chúng sinh nào chịu cảnh đau khổ trong chốn tam đồ mà được thấy hào quang này thì không còn đau khổ nữa và sau khi mạng chung đều được giải thoát. Hào quang Đức Phật Vô Lượng Thọ chiếu sáng khắp các cõi nước Chư Phật trong mười phương thảy đều nghe thấy, không chỉ nay ta khen ngợi hào quang ấy mà tất cả Chư Phật, chúng Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác cũng đều khen ngợi như vậy. Nếu có chúng sinh nghe nói công đức, thần thông oai lực của hào quang ấy rồi ngày đêm chí tâm xưng tụng không gián đoạn thì tùy theo sở nguyện liền được vãng sinh. Nếu có người cùng với chúng Bồ-tát, Thanh văn tán thán khen ngợi công đức ấy. Phật bảo: Ta nói oai thần rộng lớn, thù thắng vi diệu hào quang của Đức Phật Vô Lượng Thọ suốt ngày suốt đêm nhẫn đến một kiếp cũng không thể nào nói hết được. Thưa các hành giả! Nên biết hào quang thân tướng của Đức Phật A-di-đà, Đức Thích-ca một kiếp nói còn không hết. Như Quán kinh ghi: Mỗi hào quang chiếu khắp cả thế giới trong mười phương, chúng sinh nào niệm Phật cũng được bảo hộ che chở. Nay trong Quán kinh nói có thắng duyên tăng thượng không thể nghĩ bàn nhiếp hộ hành giả. Như thế, tại sao không tương tục tán thán, quán tưởng, niệm danh hiệu nguyện cầu vãng sinh?

Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới Vô lượng quang Phật, con nguyện cùng chúng sinh đều quy mạng, nên con kính lễ nguyện sinh về nước kia.

Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới Vô lượng quang Phật, con nguyện cùng chúng sinh đều quy mạng nên con kính lễ nguyện sinh về nước kia.

Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới Vô ngại quang Phật, con nguyện cùng chúng sinh đều quy mạng, nên con kính lễ nguyện sinh về nước kia.

Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới Vô đối quang Phật, con nguyện cùng chúng sinh đều quy mạng, nên con kính lễ nguyện sinh về nước kia.

Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới Viêm vương quang Phật, con nguyện cùng chúng sinh đều quy mạng, nên con kính lễ nguyện sinh về nước kia.

Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới Thanh tịnh quang Phật, con nguyện cùng chúng sinh đều quy mạng, nên con kính lễ nguyện sinh về nước kia.

Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới Hoan hỷ quang Phật, con nguyện cùng chúng sinh đều quy mạng, nên con kính lễ nguyện sinh về nước kia.

Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới Trí tuệ quang Phật, con nguyện cùng chúng sinh đều quy mạng, nên con kính lễ nguyện sinh về nước kia.

Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới Bất đoạn quang Phật, con nguyện cùng chúng sinh đều quy mạng, nên con kính lễ nguyện sinh về nước kia.

Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới Nan tư quang Phật, con nguyện cùng chúng sinh đều quy mạng, nên con kính lễ nguyện sinh về nước kia.

Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới Vô xứng quang Phật, con nguyện cùng chúng sinh đều quy mạng, nên con kính lễ nguyện sinh về nước kia.

Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới Siêu nhật nguyệt quang Phật, con nguyện cùng chúng sinh đều quy mạng, nên con kính lễ nguyện sinh về nước kia.

Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới A-di-đà Phật:

Thương xót che chở con
Để giống pháp tăng trưởng
Đời này và đời sau
Mong Phật hằng nhiếp thọ.

Con nguyện cùng chúng sinh đều quy mạng, nên con kính lễ nguyện sinh về nước kia.

Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới Quán Thế Âm Bồ-tát, con nguyện cùng chúng sinh đều quy mạng, nên con kính lễ nguyện sinh về nước kia.

Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới Đại Thế Chí Bồ-tát, con

nguyện cùng chúng sinh đều quy mạng, nên con kính lễ nguyện sinh về nước kia. (Khi tất cả chúng sinh niệm Phật lâm chung, hai vị Bồ-tát này ở giữa hư không rải hoa trên thân hành giả, Đức Phật A-di-đà phóng hào quang chiếu khắp trên thân hành giả, lại cũng có vô số hóa Phật, Bồ-tát, Thanh văn cùng đưa tay tiếp đón, trong khoảng khảy móng tay liền vãng sinh, vì để báo ân Phật nên họ chí tâm lễ lạy).

Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới chư Bồ-tát Thanh tịnh đại hải chúng, con nguyện cùng chúng sinh đều quy mạng, nên con kính lễ nguyện sinh về nước kia. (Các vị Bồ-tát này cũng theo Phật đến tiếp đón chúng sinh niệm Phật, vì để báo ân Phật nên họ chí tâm lễ một lạy).

Rộng vì Thầy tổ, cha mẹ và Thiện hữu tri thức cùng pháp giới chúng sinh, đoạn trừ ba chướng, đều được vãng sinh về nước Phật A-di-đà, quy mạng sám hối, chí tâm sám hối.

Nam-mô sám hối mười phương Phật
Nguyện diệt sạch tất cả tội chướng
Nay đem việc lành đã tu tập
Tạo nhân an lạc cho mình, người
Nguyện các chúng sinh khi lâm chung
Thắng duyên thắng cảnh đều hiện ra
Nguyện thấy Đức Đại Bi Di-đà
Đấng Quán Âm Thế Chí mười phương
Nguyện thần quang duỗi tay dẫn dắt
Nhờ bổn nguyện Phật sinh cõi kia.

Sám hối Hồi hướng phát nguyện rồi, chí tâm quy mạng A-di-đà Phật, kế đọc âm Phạm xong nói kệ phát nguyện.

Lễ sám các công đức
Nguyện lúc con lâm chung
Thấy Phật Vô Lượng Thọ
Thân công đức vô biên
Con và người tu tập
Đã thấy Phật kia rồi
Nguyện được mắt ly cấu
Vãng sinh nước Cực lạc
Thành Vô thượng Bồ-đề
Lễ sám cung kính tất cả.
Nương Phật chứng Bồ-đề
Đạo tâm không thối chuyển.

Con nguyện cùng chúng sinh, nguyện sinh về nước Vô lượng thọ.

Nương pháp Tát-bà-nhã
Được môn Đại tổng trì.

Con nguyện cùng chúng sinh, nguyện sinh về nước Vô lượng thọ.

Nương Tăng dứt tranh cãi
Cùng vào biển hòa hợp.

Con nguyện cùng chúng sinh, nguyện sinh về nước Vô lượng thọ.

Nguyện các chúng sinh, thân khẩu ý Thanh tịnh, vâng lời Đức Phật dạy, kính lễ tất cả Thánh hiền, con nguyện cùng tất cả chúng sinh, cùng vãng sinh về nước Vô lượng thọ.

Đại chúng nghe nói kệ vô thường mau chóng:

Người đời rong ruổi theo danh vọng
Không biết tuổi thọ như mặt trời
Như đèn trước gió khó bảo tồn
Sáu đường mờ mịt không định hướng
Biển khổ sinh tử chưa thoát khỏi
Sao cứ an nhiên không sợ hãi
Khi còn khỏe mạnh có sức lực
Phải tự gắng gỏi cầu giải thoát.

Nói kệ rồi còn phải tâm, khẩu phát nguyện:

- Nguyện đệ tử và chúng sinh khi lâm chung, tâm không tán loạn, thân tâm không bị khổ đau bức bách, thân tâm an lạc như vào Thiền định, Thánh chúng hiện tiền, nhờ bản nguyện Phật thượng phẩm vãng sinh về nước Phật A-di-đà. Khi sinh về cõi ấy chứng được sáu món thần thông, nhập vào mười phương cõi, cứu giúp khổ đau cho chúng sinh, dù hư không pháp giới có cùng tận, nguyện lực của con không cùng tận, phát nguyện rồi, chí tâm kính lễ Phật A-di-đà.

Kệ đầu đêm:

Phiền não sâu không đáy
Biển sinh tử vô bờ
Chưa có thuyền vượt biển
Làm sao ngủ yên giấc?
Hãy dõng mãnh tinh tấn
Nhiếp tâm trong thiền định.

Kệ giữa đêm:

Các ông chớ ôm thây thúi nằm
Các thứ bất tịnh tạm gọi thân
Như bắn tên vào người bệnh nặng

Các khổ tụ hợp sao ngủ yên.

Kệ cuối đêm:

Thời giờ luôn biến đổi
Bỗng chốc đến canh năm
Sát-na vô thường đến
Ở chung với tử thần
Khuyên các người tu tập
Gắng đạt đến Niết-bàn.

Kệ buổi sáng:

Muốn cầu vui Niết-bàn
Phải học pháp Sa-môn
Ăn mặc tạm nuôi thân
Ngon dở đều như nhau.

Buổi sáng, đại chúng mỗi người tụng lục niệm.

Kệ buổi trưa:

Người sống không siêng năng
Khác nào cây không gốc
Hái hoa giữa ban trưa
Có thể tươi bao lâu?
Mạng người cũng như vậy
Vô thường rất nhanh chóng
Khuyên các người tu tập
Siêng năng đến chân thật.

2. Chỉ nương theo phần trích từ đại kinh do Sa-môn Thiện Đạo soạn, cho là kệ lễ lạy tán thán; đầu đêm, lạy hai mươi bốn lạy, sám hối giống như trước.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Biển trí nguyện Di-đà
Sâu rộng không bờ mé
Nghe tên muốn vãng sinh
Thảy đều đến nước kia
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Ở trong thế gian này
Hơn sáu mươi bảy ức
Các Bồ-tát bất thoái
Đều sinh về cõi kia

Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Bồ-tát mới phát hạnh
Và người tu kém phước
Số kia không kể xiết
Đều sẽ được vãng sinh
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Cõi Phật trong mười phương
Tỳ-kheo và Bồ-tát
Số kiếp không tính hết
Đều sẽ được vãng sinh
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Tất cả các Bồ-tát
Đều mang hoa trời đẹp
Hương thơm áo quần tốt
Dâng cúng Phật Di-đà
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Chư thiên trổi nhạc trời
Âm thanh rất hòa nhã
Ca ngợi bậc Tối thắng
Dâng cúng Phật Di-đà
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Trời tuệ chiếu thế gian
Xóa tan mây sinh tử
Cung kính nhiễu ba vòng
Cúi đầu lễ Di-đà
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Thấy cõi nghiêm tịnh kia
Vi diệu khó nghĩ bàn
Nhờ phát tâm vô thượng
Nước nguyện con cũng vậy
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Đấng vô lượng ứng hiện
Oai nghi làm chúng vui
Miệng phát ra ánh sáng
Chiếu khắp mười phương cõi
Vòng hào quang quanh thân
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước An trụ.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Ba vòng theo đảnh vào
Tất cả chúng trời người
Đều vui mừng phấn khởi
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Phạm thanh như sấm chớp
Tám âm hưởng vi diệu
Mười phương đến chứng minh
Con đều biết nguyện kia
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Sinh về nước Nghiêm tịnh
Liền chứng đắc thần thông
Được Đấng Vô Lượng Thọ
Thọ ký thành Chánh giác
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Phụng thờ ức Như Lai
Thân niệm khắp các cõi
Vui mừng đi cung kính

Lại đến nước An dưỡng
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Nếu người không duyên lành
Không nghe danh hiệu Phật
Kiêu mạn che lười biếng
Khó tin hiểu pháp này
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Đời trước thấy Chư Phật
Có thể tin pháp này
Cung kính, nghe, thực hành
Rất vui mừng hớn hở
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Nếu có người được nghe
Danh hiệu Phật Di-đà
Vui mừng niệm chuyên nhất
Đều sẽ được vãng sinh
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Nếu lửa khắp đại thiên
Liền được nghe hiệu Phật
Nghe danh vui khen ngợi
Đều sẽ được vãng sinh
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Tam bảo diệt vạn năm
Kinh này trụ trăm năm
Bấy giờ nghe một niệm
Đều sẽ được vãng sinh
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Phật ở đời khó gặp
Người có tín huệ khó
Nghe được pháp hy hữu
Đây lại càng khó hơn
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Mình tin, dạy người tin
Đã khó còn khó hơn
Đại bi giáo hóa khắp
Báo ân Phật chân thành
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Thương xót che chở con
Để giống pháp tăng trưởng
Đời này và đời sau
Nguyện Phật thường che chở
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Bồ-tát Quán Thế Âm thế giới Tây phương Cực lạc:

Nguyện con cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Bồ-tát Đại Thế Chí thế giới Tây phương Cực lạc:

Nguyện con cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Bồ-tát Thanh tịnh Đại Hải Chúng thế giới Tây phương Cực lạc:

Nguyện con cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Khắp vì chúng sinh trong pháp giới, Thầy tổ, cha mẹ, Thiện hữu tri thức đoạn trừ ba chướng cùng sinh về nước Phật A-di-đà, quy mạng sám hối.

3. Chỉ nương theo kệ nguyện vãng sinh lễ tán của Bồ-tát Long Thọ, giữa đêm, cuối đêm lạy mười sáu lạy (sám hối đồng trước).

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:
Kính lạy bậc trời người cung kính
Phật A-di-đà Lưỡng Túc Tôn
Nơi cõi vi diệu an lạc đó
Vô lượng Phật tử đồng vây quanh.
Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:
Thân sắc vàng sạch như núi chúa
Hành thiền định giống như voi bước
Cặp mắt trong sáng tợ sen xanh
Nên con đảnh lễ Đức Di-đà
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.
Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:
Gương mặt sáng tròn tợ trăng rằm
Hào quang chiếu tợ ngàn nhật nguyệt
Tiếng như trống trời Câu-xí-la
Nên con đảnh lễ Phật Di-đà
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.
Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:
Di-đà trên mão Đức Quán Âm
Các tướng tốt đẹp thật trang nghiêm
Hàng phục ngoại đạo, ma kiêu mạn
Nên con đảnh lễ Phật Di-đà
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.
Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:
Không tì không vết rất trong sạch
Các đức trong sạch như hư không
Tu tập lợi ích được tự tại
Nên con đảnh lễ Phật Di-đà
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.
Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:
Mười phương nghe danh chúng Bồ-tát
Vô số ma vương đều khen ngợi
Vì chúng sinh trụ ở nguyện lực
Nên con đảnh lễ Phật Di-đà

Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Ao báu, cát vàng hoa sen nở
Căn lành biến thành đài vi diệu
Ở trên tòa kia như núi chúa
Nên con đảnh lễ Phật Di-đà
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Các đệ tử đến từ mười phương
Dùng thần thông đến nước kia
Chiêm ngưỡng dung nhan hằng cung kính
Nên con đảnh lễ Phật Di-đà
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Pháp hữu vi vô thường, vô ngã
Vì chúng nói pháp không danh tự
Nên con đảnh lễ Phật Di-đà
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Cõi Phật kia không có tên ác
Cũng không có người nữ, đường xấu
Đại chúng dốc lòng kính lễ Phật
Nên con đảnh lễ Phật Di-đà
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Cảnh giới thù thắng Phật Di-đà
Không có ác thú, ác tri thức
Không thối vãng sinh, đến Bồ-đề
Nên con đảnh lễ Phật Di-đà
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Con diễn nói công đức Phật ấy

Phước lành bao la như biển cả
Người tu tập thiện căn Thanh tịnh
Hồi hướng cho chúng sinh, sinh về
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Thương xót che chở con
Để giống pháp tăng trưởng
Đời này và đời sau
Nguyện Phật thường gia hộ
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Bồ-tát Quán Thế Âm thế giới Tây phương Cực lạc:

Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Bồ-tát Đại Thế Chí thế giới Tây phương Cực lạc:

Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ các chúng Bồ-tát Thanh tịnh Đại Hải thế giới Tây phương Cực lạc:

Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Khắp vì chúng sinh trong pháp giới, Thầy tổ, cha mẹ, Thiện hữu tri thức đoạn trừ ba chướng, đều được sinh về nước Phật A-di-đà, quy mạng sám hối.

Chí tâm sám hối:

Từ vô thỉ kiếp đến nay, thọ thân
Tạo mười điều ác cho chúng sinh
Bất hiếu cha mẹ, báng Tam bảo
Tạo tội ngũ nghịch và nghiệp ác
Vì do các tội chướng đã tạo
Điên đảo vọng tưởng sinh ràng buộc
Nên thọ vô số khổ sinh tử
Con nguyện sám hối diệt trừ hết.

Sám hối rồi, hết lòng kính lễ Phật A-di-đà, dốc lòng khuyến thỉnh:

Phật là Đấng Đại từ vô thượng
Thường dùng không tuệ chiếu ba cõi
Chúng sinh mờ mịt không hay biết
Chìm mãi trong biển khổ sinh tử
Vì cứu chúng sinh ra biển khổ
Kính thỉnh thường trụ chuyển pháp luân.

Khuyến thỉnh rồi, hết lòng kính lễ Phật A-di-đà, dốc lòng tùy hỷ:

Vô số kiếp ôm lòng ghen ghét
Bởi ngu nên ngã mạn, phóng dật
Thường đem lửa nóng giận, độc hại
Thiếu đốt căn lành trí tuệ, từ bi
Ngày này xét kỹ chợt tỉnh thức
Phát tâm dõng mãnh tùy hỷ theo.

Tùy hỷ rồi, hết lòng kính lễ Phật A-di-đà, dốc lòng Hồi hướng:

Trôi lăn trong ba cõi
Vào thai bởi si ái
Sinh, già, bệnh và chết
Chìm đắm trong biển khổ
Nay con tu phước này
Hồi hướng, sinh An lạc.

Hồi hướng rồi, hết lòng kính lễ Phật A-di-đà, dốc lòng phát nguyện:

Nguyện bỏ thân thọ thai
Sinh về nước An lạc
Chóng thấy Phật A-di-đà
Thân công đức vô biên
Kính thờ các Đức Phật
Và tất cả Thánh hiền
Được sáu món thần thông
Cứu khổ cho chúng sinh
Hư không có cùng tận
Nguyện con không cùng tận.

Phát nguyện rồi, hết lòng kính lễ Phật A-di-đà (việc khác thảy đều đồng pháp trước).

4. Chỉ nương theo kệ nguyện vãng sinh lễ tán Bồ-tát Thiên Thân, cuối đêm nên lạy hai mươi lạy (sám hối giống như trước).

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Thế Tôn, con nhất tâm

Kính lễ khắp mười phương
Đức Phật Vô Ngại Quang
Cùng pháp Phật đã dạy
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Quán tưởng cõi Cực lạc
Vượt qua khỏi ba cõi
Rỗng rang như hư không
Rộng lớn không bờ bến
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Chánh giác Đại từ bi
Ra đời sinh căn lành
Tịnh quang mình đầy đủ
Như gương, nhật nguyệt luôn
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Đủ đức tánh cao quý
Đầy đủ trang nghiêm tịnh
Hào quang sáng rực rỡ
Trong suốt chiếu thế gian
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Hoa báu ngàn vạn loại
Che rợp ao đầm suối
Gió nhẹ lay cành lá
Ánh sáng chiếu lấp lánh
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Cung điện và lầu các
Thấy mười phương không ngại
Đủ loại cây kỳ diệu
Lan báu leo xung quanh

Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Vô số báu đan kết
Mành lưới đầy hư không
Tiếng linh ngân vang vọng
Diễn nói pháp nhiệm mầu
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Phạm âm ngân rất xa
Mười phương nghe vi diệu
Chánh giác A-di-đà
Vua pháp khéo gìn giữ
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Các hoa Như Lai sạch
Hoa Chánh giác hóa sinh
Ưa thích vị Phật pháp
Thiền vị làm thức ăn
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Xa lìa não thân tâm
Hưởng lạc không gián đoạn
Bậc thiện căn Đại thừa
Và không tên cơ hiềm
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Người nữ và khuyết tật
Hàng nhị thừa không sinh
Điều chúng sinh ước nguyện
Đều đầy đủ tất cả
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Vô số châu báu quý
Đài hoa tịnh vi diệu
Hảo tướng sáng một tầm
Sắc tướng hơn chúng sinh
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Chúng trời người bất động
Sinh biển trí Thanh tịnh
Như núi chúa Tu-di
Thắng diệu không ai bằng
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Chúng trượng phu trời, người
Vây quanh cung kính nhìn
Trời mưa hoa, nhạc, y
Hương thơm đều dâng cúng
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Nước An lạc trong sạch
Xe vô cấu thường chuyển
Nhất niệm và nhất thời
Làm lợi ích chúng sinh
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Khen ngợi công đức Phật
Không có tâm phân biệt
Khiến chúng được đầy đủ
Biển báu lớn công đức
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Thương xót che chở con
Để giống pháp tăng trưởng
Đời này và đời sau

Nguyện Phật thường bảo bộ
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Bồ-tát Quán Thế Âm thế giới Tây phương Cực lạc:

Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Bồ-tát Đại Thế Chí thế giới Tây phương Cực lạc:

Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ các chúng Bồ-tát Thanh tịnh Đại Hải thế giới Tây phương Cực lạc:

Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Khắp vì chúng sinh trong pháp giới, Thầy tổ, cha mẹ, Thiện hữu tri thức đoạn trừ ba chướng, đồng được sinh về nước Phật A-di-đà, quy mạng sám hối.

5. Chỉ nương theo kệ vãng sinh tán của Pháp sư Ngạn Tông, đầu hôm lạy hai mươi mốt lạy (sám hối đồng như trước).

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Nhân Pháp Tạng xa vời
Quả Cực lạc sâu xa
Ngọc báu trải làm đất
Các báu làm vườn rừng
Hoa nở màu hiếm có
Sóng dâng âm thật tướng
Lúc nào được Phật dẫn
Nhất tâm liền vãng sinh
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Đời ác khó trở lại
Nguyện Tịnh độ càng sâu
Dây vàng thẳng giới đạo
Lưới châu rũ khắp rừng
Thấy sắc đều sắc thật
Âm thanh đều pháp âm

Chớ bảo Tây phương xa
Chỉ cần niệm mười niệm
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Chứng cùng tột lý Thánh
Thật có oai biến hư không
Tại Tây phương hiện nhỏ
Chỉ tạm tùy có duyên
Lá ngọc chiếu sáng nhau
Nước cát đều trong sáng
Muốn chứng quả vô sinh
Phải nương nước An lạc
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Đảnh ngũ sơn sáng chói
Tay báu ấn hằng phân
Đất, nước đều làm gương
Hương hoa cùng làm mây
Nghiệp sâu thành dễ sinh
Nhân mỏng rất khó nghe
Mong trừ bỏ nghi hoặc
Một mình vượt thẳng lên
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Lòng đầy chân Từ bi
Hào quang khắp pháp giới
Từ vô duyên độ chúng
Có tướng chẳng phải khó
Hoa theo tâm nguyện nở
Dời cung thân an ổn
Sợ nghe cảnh xuất thế
Nên cùng vào thiền xem
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Công đức do Hồi hướng
Đường Tây phương thông suốt
Tràng báu nương đất dày
Hoa trời bay theo gió
Hoa rơi khắp mặt nước
Lưới mỏng che hư không
Làm sao lòng nguyện sinh
Chính là lạc vô cùng
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Muốn chọn nơi sinh về
Tây phương là tốt nhất
Giữa rừng hiện lầu các
Đầy đường rải áo đẹp
Cơm thơm tùy tâm hiện
Thân ở trong điện báu
Người có duyên vào được
Chính là ít người đến
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Mười kiếp đạo mới hiện
Nghiêm cõi, dẫn dắt chúng
Cát vàng soi chiếu nước
Lá ngọc sáng đầy cây
Chim vườn báu bay ra
Kính thỉnh Phật Tây phương
Sớm tối nghênh đón con
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Mười phương cõi nước Phật
Đều là nhà pháp vương
Riêng tìm nơi có duyên
Sớm mong vượt tà giáo
Nước tám đức như ý
Hoa bảy báu tự nhiên

Cõi kia hay buộc tâm
Vãng sinh không phải xa
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Nước tịnh không biến suy
Xưa nay hằng vĩnh cửu
Ngàn báu làm đài sáng
Âm nhạc diễn bát phong
Chim trì-đa nói pháp
Hoa trời rải hư không
Vãng sinh không sợ thối
Sớm tối hoa sen nở
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Tòa hoa chẳng phải một
Thánh chúng cũng khó lường
Hoa nở chỗ mỗi người
Ba pháp sinh tự diễn
Không nạn do xứ tĩnh
Bạn bè là bất thoái
Hỏi bọn sinh trước kia
Bao nhiêu kiếp đến đây
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Phóng quang cứu Tỳ-xá
Trong không dẫn Vi-đề
Trời cầm lọng hương đến
Người mang y báu đến
Sáu thời nghe chim hót
Bốn phương ngập đầy hoa
Nhìn nhau lòng ngay thẳng
Làm gì đắm mê mãi?
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Khuyến rộng tu ba phước
Khiến họ trừ năm họa
Công đức phát tâm thành
Nhất niệm tội diệt trừ
Chim hoa ngọc sáng chuyển
Gió mát, tiếng hay ngân
Chỉ vui dễ tu tập
Lo gì quả Thánh xa
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Sắc châu như là nước
Ánh vàng chính là đài
Đến thời hoa tự rụng
Theo nguyện hoa lại nở
Ra vào ao, dạo chơi
Bay qua lại giữa không
Tâm hướng về cõi ấy
Phước lành đều Hồi hướng
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Nước cam lồ gội tâm
Mắt thích mây diệu hoa
Đồng sinh cơ dễ biết
Thọ mạng thật khó phân
Vui nhiều không bỏ đạo
Nghe được âm thanh xa
Vì sao tham ngũ trược
Ngồi yên cho lửa đốt
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Chư thiên hiện trong gương
Hào quang thấy thị giả
Điện bốn báu giữa không
Lan can làm bảy lớp
Nhiều nghi ở biên địa

Ít đức khó thượng sinh
Không luận bàn nguyện khác
Tây phương đã an tâm
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Sáu căn thường hợp đạo
Không còn tên tam đồ
Một niệm dạo khắp nơi
Trở lại chứng vô sinh
Đất bằng phẳng rộng lớn
Gió thổi chỗ ở mát
Nhắc nhủ người có tâm
Cùng ra khỏi thành khổ
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Thương xót che chở con
Để giống pháp tăng trưởng
Đời này và đời sau
Nguyện được Phật che chở
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Bồ-tát Quán Thế Âm thế giới Tây phương Cực lạc:

Ngàn xe dưới Minh túc
Hào quang hiện năm đường
Từ bi độ không ngừng
Người quy hướng không cùng
Nói pháp vẫn trong định
Tâm tĩnh lại thông suốt
Nghe danh đều nguyện đến
Mặt trời lên rừng hoa
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Bồ-tát Đại Thế Chí thế giới Tây phương Cực lạc:

Tuệ lực là trên hết

Thân sáng đủ các duyên
Lay động các cõi báu
Giữ gìn tòa sen báu
Bầy chim chẳng phải quý
Loài trời đâu trời Phật
Biết cầu vui vi diệu
Đầy đủ các giới hương
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ các chúng Bồ-tát Thanh tịnh Đại Hải thế giới Tây phương Cực lạc:

Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Khắp vì chúng sinh trong pháp giới, Thầy tổ, cha mẹ, Thiện hữu tri thức đoạn trừ ba chướng, đồng được sinh về nước Phật A-di-đà, quy mạng sám hối.

6. Chỉ nương theo mười sáu pháp quán trong kệ nguyện vãng sinh lễ tán của Sa-môn Thiện Đạo, giữa trưa lạy hai mươi lạy.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Quán cõi Cực lạc Phật Di-đà
Bằng phẳng rộng lớn báu làm thành
Dùng bốn mươi tám nguyện trang nghiêm
Thù thắng hơn các cõi Phật khác
Đại chúng bổn quốc và phương khác
Suốt kiếp nêu tên không biết hết
Đều khuyên về Tây đồng hội ấy
Vô số chánh định tự nhiên thành
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Mặt đất trang nghiêm tràng bảy báu
Vô lượng vô biên vô số ức
Tám phương tám hướng hằng trăm báu
Thấy pháp vô sinh tự nhiên ngộ
Cõi báu vô sinh thường vĩnh hằng
Mỗi báu phát vô số hào quang
Hành giả dốc lòng thường đối diện
Tinh thần vui vẻ vào Tây phương

Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Mặt đất trang nghiêm chuyển vô cùng
Dây vàng ngăn đường chẳng thợ khéo
Nguyện trí Di-đà khéo trang nghiêm
Người, trời, Bồ-tát rải hoa cúng
Đất báu, sắc báu, sáng báu bay
Mỗi hào quang thành vô số đài
Trong đài nghìn vạn ức lầu báu
Trăm ức tràng báu cắm quang đài
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Các đài sừng sững giữa hư không
Trang nghiêm nhạc báu cũng vô cùng
Hào quang phát ra tám gió mát
Tùy thời trống nhạc ứng âm thanh
Tiếp nhận âm thanh bớt hoạn nạn
Đi đứng ngồi nằm quán nhiếp tâm
Chỉ trừ khi ngủ thường quán niệm
Tam-muội vô vi tức Niết-bàn
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Cõi báu, rừng báu và cây báu
Hoa báu, lá báu, nhánh cọng báu
Hoặc lấy nghìn báu chia thành rừng
Hoặc có trăm báu cộng thành hành
Hàng hàng thẳng tắp lá kề nhau
Mỗi màu khác hào quang cũng vậy
Bằng phẳng cao lớn ba mươi vạn
Cành chạm nhau nói pháp vô sinh
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Bảy lớp lưới giăng bảy tầng cung
Kề vào nhau phóng ra ánh sáng

Chư thiên hóa đồng tử đầy khắp
An lạc sáng chói hơn nhật nguyệt
Lá báu lớp lớp sắc nghìn loại
Hoa nở tròn như bánh xe vòng
Quả phát hào quang thành lọng báu
Cõi Phật hiện nhiều như số cát
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Ao báu, bờ báu, cát vàng báu
Ngòi báu, lá báu hoa sen báu
Thẳng tắp đến mười hai do-tuần
Màn lưới báu, lan can cũng báu
Nước tám đức chảy vào cây báu
Nghe sóng thấy nhạc chứng Niết-bàn
Gởi lời hữu duyên đồng hành giả
Nỗ lực chuyển mê trở về nhà
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Mỗi mỗi dây vàng trên đạo tràng
Nhạc báu, lầu báu ngàn vạn ức
Chư thiên, đồng tử rải hoa thơm
Bồ-tát phương khác tựu như mây
Vô lượng vô số không thể tính
Cúi đầu cung kính lễ Di-đà
Gió lay cây vang khắp hư không
Khen ngợi Tam bảo không cùng tận
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Bổn nguyện Di-đà tòa sen báu
Do các báu trang nghiêm thành tòa
Bốn tràng trên đài giăng màn báu
Di-đà an tọa hiện chân thân
Ánh sáng chân thân trùm pháp giới
Người thấy hào quang tâm bất thoái
Ngày đêm sáu thời chuyên quán tưởng

Lâm chung vui vẻ như Thiền định
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Thân tâm Di-đà trùm pháp giới
Ảnh hiện trong tâm tưởng chúng sinh
Cho nên khuyên ông thường quán niệm
Nương tâm khởi tưởng hiện Di-đà
Tượng báu Di-đà lên tòa hoa
Tâm mở thấy nước kia trang nghiêm
Cây báu hoa Tam bảo nở khắp
Gió thổi nhạc vang cùng văn đồng
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Di-đà sắc vàng như núi vàng
Hào quang tướng hảo chiếu mười phương
Người niệm Phật được Phật nhiếp độ
Phải như nguyện xưa rất là mạnh
Mười phương Như Lai đều thọ ký
Chuyên niệm danh hiệu về Tây phương
Bờ kia hoa nở nghe diệu pháp
Hạnh nguyện thập địa tự nhiên hiện
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Bồ-tát Quán Âm đại Từ bi
Chứng Bồ-đề trở lại sinh tử
Thân ở trong tất cả năm đường
Sáu thời quán sát ứng tam luân
Hiện thân sắc vàng tía sáng chói
Tướng hảo oai nghi rất trang nghiêm
Thường duỗi tay trăm ức hào quang
Độ người có duyên về bổn quốc
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Bồ-tát Thế Chí khó nghĩ bàn

Uy nghi chiếu khắp không bờ bến
Chúng sinh có duyên được tiếp xúc
Tăng trưởng trí tuệ vượt ba cõi
Lay động pháp giới như cỏ bồng
Hóa Phật vân tập khắp hư không
Khuyên người có duyên thường nhớ niệm
Bỏ thân bào thai chứng lục thông
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Kiết già ngồi ngay nhập thiền định
Tâm quán tưởng nghĩ đến Tây phương
Thấy cõi Cực lạc Phật Di-đà
Mặt đất hư không trang nghiêm bảy báu
Thân Di-đà lớn vô cùng cực
Lại khuyên chúng sinh quán thân nhỏ
Tùy duyên thị hiện thân tám thước
Hóa Phật tỏa quang giống Phật thật
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Người căn cơ bậc thượng, hạnh thượng
Cầu sinh Tịnh độ dứt tham sân
Do hạnh sai biệt, phân ba phẩm
Năm môn tương tục trợ ba duyên
Một ngày bảy ngày chuyên tinh tấn
Ra khỏi sinh tử ngồi đài sen
Vui thay! Nay khó được gặp gỡ
Vĩnh chứng thân pháp tánh vô vi
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Người căn cơ bậc trung, hạnh trung
Một ngày trai giới ngồi đài sen
Hiếu dưỡng cha mẹ đem Hồi hướng
Nói nhân An lạc cho chúng sinh
Phật và chúng Thanh văn đón tiếp
Thẳng đến bên tòa hoa Di-đà

Trăm hoa báu lồng treo suốt bảy ngày
Ba phẩm sen nở chứng tiểu thân
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Kẻ căn cơ bậc hạ, hạnh hạ
Thập ác, ngũ nghịch và tham sân
Tứ trọng, phá tăng báng Chánh pháp
Chưa từng hổ thẹn sám lỗi trước
Khi chết tướng khổ như mây tụ
Lửa địa ngục thiêu đốt tội thân
Bỗng gặp Thiện tri thức vãng sinh
Vội khuyên chuyên niệm danh hiệu Phật
Hóa Phật, Bồ-tát theo tiếng đến
Trong khoảng nhất niệm vào sen báu
Ba hoa chướng nặng nở lại nhiều kiếp
Khi ấy mới phát tâm Bồ-đề
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Cõi Phật Di-đà năng sở cảm
Tây phương Cực lạc khó nghĩ bàn
Khát uống nước Bát-nhã dứt tư duy
Đói dùng vô sinh dứt đói khát
Tất cả trang nghiêm đều nói pháp
Vô tâm thọ dùng tự nhiên biết
Ao hoa thất giác tùy ý vào
Ngưng thần tám bối hội một chi
Vô số Bồ-tát là bạn học
Biển tánh Như Lai đều là Thầy
Thân tắm gội nước tâm Di-đà
Quang Âm, Thế Chí ban y phục
Bỗng hiện hư không dạo pháp giới
Sát-na thọ ký hiệu vô vi
Như vậy tự tại dạo khắp nơi
Nay ta không đi đợi khi nào?
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Phật A-di-đà Tây phương:

Thương xót che chở con
Hạt Bồ-đề tăng trưởng
Đời này và đời sau
Nguyện được Phật nhiếp độ
Con nguyện cùng chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Hết lòng cung kính đảnh lễ Quán Âm, Thế Chí, chúng Bồ-tát Thanh tịnh Đại Hải thế giới Tây phương Cực lạc:

Nguyện cùng với chúng sinh
Vãng sinh nước An lạc.

Khắp vì sư Tăng, cha mẹ và Thiện tri thức cùng chúng sinh trong pháp giới dứt trừ ba chướng, đồng được vãng sinh về cõi Phật A-di-đà, nay con chí thành đảnh lễ sám hối.

Hai phẩm Sám hối và Phát nguyện trên đồng như trước. Nếu muốn sự cốt yếu thì lấy phần đầu, nếu muốn sơ lược thì dùng phần giữa, nếu muốn rộng hơn thì dùng phần cuối. Phần rộng nghĩa là khuyên người thật có tâm nguyện sinh, hoặc đối trước bốn chúng, hoặc trước mười phương Phật, hoặc đối trước xá-lợi, tôn tượng, đại chúng, hoặc với một người hay chỉ riêng mình, mà hướng về mười phương tận hư không Tam bảo và hết thảy cõi chúng sinh cùng phát lộ sám hối. Sám hối có ba phẩm thượng, trung, hạ.

Thượng phẩm sám hối là trong lỗ chân lông của thân tiết ra máu, trong mắt ứa máu gọi là thượng phẩm sám hối.

Trung phẩm sám hối là khắp thân nóng lên, mồ hôi từ các lỗ chân lông tiết ra, máu trong mắt cũng chảy ra, sám hối như thế gọi là trung phẩm sám hối.

Hạ phẩm sám hối là toàn thân nóng ran, nước mắt chảy ra, đây gọi là hạ phẩm sám hối.

Ba phẩm này tuy có sự sai khác tức là do người từ lâu đã trồng thiện căn giải thoát khiến cho đời nay kính pháp, trọng Tăng, không tiếc thân mạng. Cho đến dù một tội nhỏ cũng như pháp sám hối thì có thể thấu tâm thấu tủy, sám hối như thế thì không luận người có nghiệp chướng nặng nề đều diệt. Nếu không như vậy, mặc cho ngày đêm mười hai thời trôi qua nhanh chóng cuối cùng là vô ích. Nếu người không làm nên biết. Tuy không rơi lệ, chảy máu v.v... nhưng thấu đạt được chân tâm tức là đồng với trên.

Kính bạch mười phương Chư Phật, tôn pháp, tất cả Hiền Thánh

và hết thảy trời, rồng, bát bộ, pháp giới chúng sinh, đại chúng hiện tiền v.v... chứng biết cho con tên... phát lộ sám hối. Từ vô thỉ kiếp đã qua cho đến thân này con đã giết hại tất cả Tam bảo, Sư tăng, cha mẹ, lục thân quyến thuộc, Thiện tri thức, pháp giới chúng sinh vô số kể; con đã trộm cắp vô số tài vật của tất cả Tam bảo, Sư tăng, cha mẹ, lục thân quyến thuộc, Thiện tri thức, pháp giới chúng sinh; Đối với tất cả Tam bảo, Sư tăng, cha mẹ, lục thân quyến thuộc, pháp giới chúng sinh đã khởi không biết bao nhiêu là tà dâm; Con đã nói lời giả dối làm nhục hết thảy Tam bảo, Sư tăng, cha mẹ, lục thân quyến thuộc, Thiện tri thức, pháp giới chúng sinh nhiều vô kể; con đã nói lời thêu dệt đối với Tam bảo, Sư tăng, cha mẹ, lục thân quyến thuộc, Thiện tri thức, pháp giới chúng sinh nhiều vô kể; Con đã nói lời hung ác để mạ nhục, phỉ báng chê bai đối với tất cả Tam bảo, Sư tăng, cha mẹ, lục thân quyến thuộc, Thiện tri thức, pháp giới chúng sinh nhiều vô kể; con đã nói lưỡi hai chiều để gây hại chống đối phá hoại đối với tất cả Tam bảo, Sư tăng, cha mẹ, lục thân quyến thuộc, Thiện tri thức, pháp giới chúng sinh nhiều vô kể; hoặc phá năm giới, tám giới, mười giới, mười thiện giới, hai trăm năm mươi giới, năm trăm giới, tam tụ giới của Bồ-tát, mười giới vô tận cho đến tất cả giới và tất cả giới oai nghi, tự mình làm, dạy người, thấy làm mà tùy hỷ nhiều vô kể. Các tội như vậy, cũng như vô lượng vô biên đại địa vi trần trong mười phương, tội của chúng con đã làm cũng vô số vô biên. Hư không vô biên, tội con đã làm cũng lại vô biên, pháp giới vô biên cũng như trên, pháp tánh vô biên cũng như trên. Phương tiện vô biên cũng như trên. Các tội như vậy, trên đến các bậc Bồ-tát, dưới đến Thanh văn, Duyên giác cũng không thể tính biết được chỉ có Phật với Phật mới có thể biết tội lỗi của con nhiều hay ít. Nay đối trước Tam bảo, trước pháp giới chúng sinh con xin phát lộ sám hối không dám che giấu. Xin nguyện mười phương Tam bảo, pháp giới chúng sinh nhận sự sám hối của con cho con được Thanh tịnh. Con nguyện từ nay cùng với pháp giới chúng sinh xả tà quy chánh phát tâm Bồ-đề, dùng lòng từ hướng về nhau. Phật nhãn nhìn nhau, làm quyến thuộc Bồ-đề, làm chân Thiện tri thức, đồng sinh nước Phật A-di-đà cho đến thành Phật. Các tội như vậy dứt hẳn từ nay về sau không dám làm.

Sám hối rồi, chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà. Lễ sám xong, nếu nhập quán đến khi ngủ nên phát lời nguyện này, nếu đứng hay ngồi đều nhất tâm chắp tay xoay mặt về hướng Tây xưng mười lần Phật A-di-đà, Bồ-tát Quán Thế Âm, Thế Chí đến chúng Bồ-tát Thanh tịnh Đại Hải xong rồi nguyện rằng: Đệ tử hiện là phàm phu sinh tử, tội chướng sâu

dày, luân hồi trong sáu đường, khổ không thể tả. Nay gặp được Thiện tri thức, được nghe danh hiệu bổn nguyện của Phật Di-đà, một lòng xưng niệm cầu nguyện vãng sinh. Nguyện Phật Từ bi đừng bỏ thệ nguyện rộng lớn của mình để nhiếp thọ con.

Đệ tử không biết hòa quang thân tướng của Phật A-di-đà, nguyện Phật từ bi thị hiện thân tướng đệ tử. Quán Âm, Thế Chí các vị Bồ-tát và các tướng quang minh trang nghiêm Thanh tịnh của thế giới kia. Nói lời này rồi, nhất tâm chánh niệm, liền tùy ý nhập quán và ngủ. Hoặc có lúc khi đang phát lời nguyện liền được thấy Ngài; hoặc trong khi đang ngủ được thấy. Nguyện này so ra cũng rất có hiệu nghiệm ngay.

Hỏi: Xưng niệm lễ, quán Phật Di-đà, hiện đời có công đức lợi ích gì?

Đáp: Nếu xưng một câu A-di-đà Phật liền có thể trừ được trọng tội trong tám mươi ức kiếp sinh tử. Cho đến lễ niệm và những pháp khác cũng như vậy.

Kinh Thập Vãng Sinh nói rằng: Nếu có chúng sinh niệm Phật A-di-đà nguyện vãng sinh, Đức Phật kia liền sai hai mươi lăm Bồ-tát đến ủng hộ hành giả, hoặc đi, hoặc ngồi, hoặc đứng, hoặc nằm, hoặc ngày, hoặc đêm, tất cả các thời, tất cả mọi nơi không cho ác quỷ, ác thần đến chỗ người đó.

Lại kinh Quán nói rằng: Nếu xưng danh, lễ bái Phật A-di-đà nguyện vãng sinh nước kia thì Đức Phật kia liền sai vô số hóa Phật, vô số hóa Quán Âm, Thế Chí Bồ-tát đến hộ niệm hành giả; Lại cùng với hai mươi lăm vị Bồ-tát v.v... vây quanh hành giả trăm nghìn vòng, không luận là hành giả đi, đứng hay ngồi nằm và bất cứ lúc nào, chỗ nào, hoặc ngày hay đêm thường không lìa hành giả. Nay đã có sự lợi ích thù thắng này đáng nương nhờ, nguyện các hành giả, mỗi người cần chí tâm cầu vãng sinh.

Lại như ***kinh Vô Lượng Thọ*** nói: Nếu ta thành Phật, chúng sinh trong mười phương xưng danh hiệu của ta cho đến mười tiếng, nếu không được vãng sinh thì ta nguyện không giữ ngôi Chánh giác.” Đức Phật kia nay đã thành Phật, nên biết thệ nguyện của Ngài không luống dối, chúng sinh xưng niệm danh hiệu Ngài ắt được vãng sinh.

Lại như ***kinh Di-đà*** nói: Nếu có chúng sinh nào nghe nói Phật A-di-đà liền chấp trì danh hiệu của Ngài, hoặc một ngày, hai ngày cho đến bảy ngày, một lòng xưng niệm Phật, khi sắp mạng chung, Phật A-di-đà và chư Thánh chúng hiện trước người đó. Người này khi mạng chung tâm không điên đảo, liền được vãng sinh về nước kia.

Phật bảo Ngài Xá-lợi-phất: "Ta thấy sự lợi ích này nên nói lời như vậy. Nếu có chúng sinh nào nghe nói lời này, thì phát nguyện, nguyện sinh về nước kia."

Kế lại nói: Phương Đông, có hằng hà sa Chư Phật, phương Nam, Tây, Bắc và trên, dưới đều có hằng hà sa Chư Phật. Mỗi vị đều ở tại nước mình xuất tướng lưỡi dài rộng che khắp tam thiên đại thiên thế giới mà nói lời thành thật chúng sinh các ông đều nên tin kinh được tất cả Chư Phật hộ niệm này. Vì sao gọi là hộ niệm? Nếu có chúng sinh nào xưng niệm danh hiệu Phật A-di-đà từ một ngày cho đến bảy ngày, dưới một tiếng cho đến mười tiếng nhất niệm ắt được vãng sinh. Chứng thành việc này cho nên gọi hộ niệm kinh.

Kế lại nói tiếp: Nếu người xưng danh hiệu Phật vãng sinh thường được sáu vạn hằng hà sa Chư Phật hộ niệm, nên gọi hộ niệm kinh. Nay đã có thệ nguyện tăng thượng này đáng nương nhờ, Chư Phật tử sao lại không cố gắng lên vậy.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 172

Y QUÁN KINH ĐẲNG MINH BAN CHU TAM MUỘI HÀNH ĐẠO VÃNG SANH TÁN

SỐ 1981

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1981

Y QUÁN KINH ĐẲNG MINH BAN CHU TAM-MUỘI HÀNH ĐẠO VÃNG SINH TÁN

Kính bạch tất cả Thiện tri thức cầu vãng sinh, hết sức tủi thẹn, Đức Thích-ca Như Lai thật là cha mẹ Từ bi dùng các thứ phương tiện phát khởi cho con tín tâm vô thượng. Lại nói các thứ phương tiện giáo môn không phải một, chỉ vì con là kiến chấp điên đảo phàm phu. Nếu ai hay y giáo mà tu hành thì môn môn đều thấy Phật được sinh Tịnh độ. Nếu thấy nghe có người làm thiện thì đem thiện trợ giúp, nếu thấy nghe có người hành giáo liền theo giáo mà khen, nếu nghe người nói hạnh thì y hạnh mà thuận, nếu nghe có người ngộ liền theo ngộ mà mừng. Ý gì như thế. Vì đồng xem Chư Phật là Thầy, xem pháp là mẹ sinh dưỡng cùng đồng, không ngoài thân tình, không được khinh chê. Người khác có duyên giáo hạnh mà khen yếu pháp có duyên, tức là tự tướng phá hoại các pháp nhãn của Phật. Pháp nhãn đã mất thì đường chánh Bồ-đề không do đâu mà bước đến, cửa Tịnh độ sao được vào. Bèn than rằng mù đui tín nghiệp càng chạy càng lọt hầm sâu, mặc tình lửa tham sân đốt cháy mình, đốt cháy người khác, mãi đắm chìm trong biển vô minh không bao giờ gặp được phao nổi. Kẻ hành giả tất phải đối với tất cả Phàm Thánh mà thường khởi tâm khen thuận, không sinh ghen hờn phải quấy. Vì sao thế, vì phải luôn tự đề phòng thân khẩu ý nghiệp, sợ e nghiệp bất thiện khởi lên thì lại bị trôi giạt như trước không khác. Nếu mình người hay giữ được tam nghiệp khiến luôn Thanh tịnh, tức là Chánh nhân sinh nước Phật ấy.

Hỏi: Đạo tam nghiệp đã Thanh tịnh tức là nhân sinh Tịnh độ chăng. Làm thế nào để nghiệp được gọi là Thanh tịnh?

Đáp: Tất cả pháp bất thiện từ thân khẩu ý của mình và người đều đoạn dứt không làm thì gọi là Thanh tịnh. Thân khẩu ý của mình và người đều tương ưng với thiện mà khởi lên rồi tâm tùy hỷ. Chư Phật Bồ-tát tùy hỷ, ta cũng tùy hỷ như thế. Đem thiện căn này mà Hồi hướng sinh Tịnh độ, nên gọi là Chánh nhân. Lại muốn sinh Tịnh độ thì cần phải khuyên mình khuyên người rộng khen Tịnh độ, việc trang nghiêm hai báo y chánh cũng nên biết. Việc nguyên do vào Tịnh độ cùng gốc ngọn ra khỏi Ta-bà kẻ có trí cũng nên biết.

Lại hỏi: Vui Ban-chu Tam-muội là nghĩa gì? Tiếng Phạm gọi Ban-chu, Hán dịch là Thường hành đạo, hoặc bảy ngày, bốn mươi chín ngày thân làm không gián đoạn, nói chung tam nghiệp không gián đoạn thì gọi là Ban-chu. Lại nói Tam-muội cũng là tiếng Ấn Độ, Hán dịch là Định. Do tam nghiệp trước không gián đoạn mà tâm cảm được Phật cảnh hiện tiền. Chính khi cảnh hiện thì thân tâm đều vui nên gọi là vui, cũng gọi là Lập, nhất định sẽ thấy được Chư Phật. Nên biết.

- Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh)
Ba cõi sáu đạo khổ khó dừng (vui vô cùng)
Nhiều kiếp đến nay luôn chìm đắm (nguyện vãng sinh)
Đến nơi chỉ nghe tiếng sinh tử (vui vô cùng)
Thích-ca Như Lai cõi Chân báo (nguyện vãng sinh)
Thanh tịnh trang nghiêm không gì hơn (vui vô cùng)
Vì độ Ta-bà phần hóa nhập (nguyện vãng sinh)
Tám tướng thành Phật độ chúng sinh (vui vô cùng)
Hoặc nói nhân thiên pháp nhị thừa (nguyện vãng sinh)
Hoặc nói Bồ-tát nhân Niết-bàn (vui vô cùng)
Hoặc Tiệm hoặc Đốn nói không hữu (nguyện vãng sinh)
Nhân pháp hai chướng đều diệt trừ (vui vô cùng)
Người căn tánh lợi đều được ích (nguyện vãng sinh)
Độn căn không trí khó khai ngộ (vui vô cùng)
Trong kinh Anh Lạc nói Tiệm giáo (nguyện vãng sinh)
Muôn kiếp tu công chứng Bất thoái (vui vô cùng)
Quán kinh, kinh Di-đà đều nói (nguyện vãng sinh)
Tức là Đốn giáo Bồ-tát Tạng (vui vô cùng)
Một ngày bảy ngày chuyên niệm Phật (nguyện vãng sinh)
Mạng chung phút chốc sinh An lạc (vui vô cùng)
Khi vào nước Niết-bàn Di-đà (nguyện vãng sinh)

Liền được Bất thoái chứng Vô sinh (vui vô cùng)
Muôn kiếp tu công thật khó nối (nguyện vãng sinh)
Một lúc phiền não trăm ngàn khoảng (vui vô cùng)
Nếu đợi Ta-bà chứng Pháp nhẫn (nguyện vãng sinh)
Sáu đạo hằng sa kiếp chưa hẹn (vui vô cùng)
Tham sân tức là nghiệp luân hồi (nguyện vãng sinh)
Phiền não há là nhân vô sinh (vui vô cùng)
Nghiệm đây tham sân khổ lửa đốt (nguyện vãng sinh)
Chẳng bằng chạy vào nước Di-đà (vui vô cùng)
Di-đà nhân địa khi phát tâm (nguyện vãng sinh)
Bỏ nhanh ngôi vua cầu Bồ-đề (vui vô cùng)
Chỗ Phật Nhiên Vương cạo râu tóc (nguyện vãng sinh)
Xuất gia tu đạo tên Pháp Tạng (vui vô cùng)
Bốn mươi tám nguyện nhân đây phát (nguyện vãng sinh)
Mỗi mỗi thệ nguyện vì chúng sinh (vui vô cùng)
Các báu trang nghiêm gọi Cực lạc (nguyện vãng sinh)
Rộng lớn bằng phẳng không hạn lượng (vui vô cùng)
Ta được Bồ-đề an tâm ngồi (nguyện vãng sinh)
Suốt cả đời sau độ chúng sinh (vui vô cùng)
Thân tướng sáng suốt chiếu liên tục (nguyện vãng sinh)
Chiếu tìm người niệm Phật vãng sinh (vui vô cùng)
Muốn so mười phương các nước Phật (nguyện vãng sinh)
Cực lạc an thân thật là tinh (vui vô cùng)

- Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh)
Thích-ca Như Lai bi ý sâu (vui vô cùng)
Bổn sư Thích-ca tu khắp hạnh (nguyện vãng sinh)
Nhiều đời nhiều kiếp độ chúng sinh (vui vô cùng)
Tất cả Như Lai bày phương tiện (nguyện vãng sinh)
Cũng đồng ngày nay Đức Thích-ca (vui vô cùng)
Tùy cơ nói pháp đều được ích (nguyện vãng sinh)
Đều được ngộ giải vào chân môn (vui vô cùng)
Môn môn chẳng đồng tám vạn bốn (nguyện vãng sinh)
Vì diệt vô minh quả nghiệp nhân (vui vô cùng)
Kiếm báu tức là hiệu Di-đà (nguyện vãng sinh)
Một tiếng xưng niệm tội đều trừ (vui vô cùng)
Thích-ca Như Lai khi nhân địa (nguyện vãng sinh)
Bỏ nhanh thân tài cầu Diệu pháp (vui vô cùng)

Kiếp nhỏ kiếp lớn kiếp dài lâu (nguyện vãng sinh)
Tùy thuận lời Phật thề tu hành (vui vô cùng)
Trong mỗi niệm niệm làm Lục độ (nguyện vãng sinh)
Từ Bi Hỷ Xả độ chúng sinh (vui vô cùng)
Tam nghiệp chuyên tu không gián đoạn (nguyện vãng sinh)
Thề là Bồ-đề Vô thượng tôn (vui vô cùng)
Chứng được Bồ-đề quả vô thượng (nguyện vãng sinh)
Phân thân trăm ức độ chúng sinh (vui vô cùng)
Một âm diễn nói tùy cơ ngộ (nguyện vãng sinh)
Ai nấy tùy ngộ đến chân nguyên (vui vô cùng)

- Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh)
Tùy thuận giáo Thích-ca Như Lai (vui vô cùng)
Phật giáo nhiều môn tám vạn bốn (nguyện vãng sinh)
Chính vì chúng sinh cơ chẳng đồng (vui vô cùng)
Muốn tìm an thân phải trụ xứ (nguyện vãng sinh)
Trước cầu yếu hạnh vào chân môn (vui vô cùng)
Môn môn chẳng đồng gọi Tiệm giáo (nguyện vãng sinh)
Muôn kiếp khổ hạnh chứng vô sinh (vui vô cùng)
Đến chết làm hẹn chuyên niệm Phật (nguyện vãng sinh)
Lâm chung phút chốc Phật đến đón (vui vô cùng)
Trong một bữa ăn còn gián cách (nguyện vãng sinh)
Cớ sao muôn kiếp chẳng tham sân (vui vô cùng)
Tham sân chướng nhận đường trời người (nguyện vãng sinh)
Ba ác bốn được an thân (vui vô cùng)
Muốn đến nước An dưỡng Di-đà (nguyện vãng sinh)
Niệm Phật giới hạnh cần Hồi hướng (vui vô cùng)
Giới hạnh chuyên tinh Chư Phật khen (nguyện vãng sinh)
Lâm chung hoa tòa tự nhiên đón (vui vô cùng)
Trong khoảng một niệm vào Phật hội (nguyện vãng sinh)
Ba cõi sáu đạo dứt tên gọi (vui vô cùng)
Ba minh sáu thông đều tự tại (nguyện vãng sinh)
Mạng chung bất thoái, chứng vô vi (vui vô cùng)
Bốn thứ oai nghi thường thấy Phật (nguyện vãng sinh)
Tay mang hương hoa thường cúng dường (vui vô cùng)
Một niệm một thời tùy chúng nghe (nguyện vãng sinh)
Trăm ngàn Tam-muội tự nhiên thành (vui vô cùng)
Tất cả mọi lúc thường nhập định (nguyện vãng sinh)

Định lý nghe kinh đều được ngộ (vui vô cùng)
Trăm báu trang nghiêm tùy niệm hiện (nguyện vãng sinh)
Nhiều kiếp cúng dường báo Từ ân (vui vô cùng)
Vi trần nghiệp cũ tùy trí diệt (nguyện vãng sinh)
Bất giác chuyển vào Chân như môn (vui vô cùng)
Đại tiểu tăng-kỳ hằng sa kiếp (nguyện vãng sinh)
Cũng chỉ như khoảnh khắc mà thôi (vui vô cùng)
Như thế tiêu dao chốn khoái lạc (nguyện vãng sinh)
Còn tham việc gì chẳng cầu sinh (vui vô cùng)
Nếu có ngàn năm chịu năm dục (nguyện vãng sinh)
Tăng lớn nhân duyên khổ địa ngục (vui vô cùng)
Tham sân mười ác tiếp tục khởi (nguyện vãng sinh)
Há là nhân giải thoát Niết-bàn (vui vô cùng)
Chẳng sợ tam đồ tạo các tội (nguyện vãng sinh)
Phá diệt Tam bảo mãi trầm luân (vui vô cùng)
Chẳng hiếu cha mẹ chửi quyến thuộc (nguyện vãng sinh)
Địa ngục nhốt thân vô hạn kỳ (vui vô cùng)
Nhiều kiếp đến nay chìm biển khổ (nguyện vãng sinh)
Tây phương pháp yếu chưa từng nghe (vui vô cùng)
Tuy được thân người có nhiều chướng (nguyện vãng sinh)
Chẳng chịu Phật hóa lại sinh nghi (vui vô cùng)
Sáu phương Như Lai rất Từ bi (nguyện vãng sinh)
Đồng tâm đồng khuyên vãng Tây phương (vui vô cùng)
Định lâu đi xa chẳng kể ngày (nguyện vãng sinh)
Niệm Phật tức đạo không công phu (vui vô cùng)
Người như thế này khó hóa độ (nguyện vãng sinh)
Vô minh ngập sâu lại ngủ hoài (vui vô cùng)
Chuyên đọc Di-đà pháp Quán kinh (nguyện vãng sinh)
Văn văn cú cú nói Tây phương (vui vô cùng)
Trên đất tràng báu vô số ức (nguyện vãng sinh)
Phương lăng đầy đủ thật sáng ngời (vui vô cùng)
Trăm ức bảo châu sáng rực rỡ (nguyện vãng sinh)
Thảy đều biến hiện việc lạ lùng (vui vô cùng)
Trên đất chiếu các báu trang nghiêm (nguyện vãng sinh)
Nhiều sắc hơn trăm ngàn mặt trời (vui vô cùng)
Thân mình sáng rỡ sắc vàng tía nguyện vãng sinh)
Chân đi đất báu từ từ bước (vui vô cùng)
Được đất vô sinh nước báu này (nguyện vãng sinh)

Đều là ân Di-đà nguyện lực (vui vô cùng)
Tất cả mọi lúc nghe Diệu pháp (nguyện vãng sinh)
Phiền não tội chướng đều không khởi (vui vô cùng)
Bồ-tát tri thức là đồng học (nguyện vãng sinh)
Cùng dắt tay nhau vào Bảo đường (vui vô cùng)
Trong khoảng niệm niệm được pháp lạc (nguyện vãng sinh)
Phút chốc ngộ được trăm ngàn môn (vui vô cùng)
Đại chúng đồng lòng chán cõi này (nguyện vãng sinh)
Nhờ nguyện lực Phật thấy Di-đà (vui vô cùng)
Chợt mà suy lường tâm đau đớn (nguyện vãng sinh)
Đến vô cùng kiếp uổng mệt nhọc (vui vô cùng)
Tự mừng thân này nghe Tịnh độ (nguyện vãng sinh)
Chẳng tiếc thân mạng đến Tây phương (vui vô cùng)
Tây phương khoái lạc chốn vô vi (nguyện vãng sinh)
Trên trời nhân gian không sánh được (vui vô cùng)
Vượt hơn sáu trời ức vạn lần (nguyện vãng sinh)
Chẳng bằng một tướng người Tây phương (vui vô cùng)
Ba mươi hai tướng đều tự tại (nguyện vãng sinh)
Thân sáng khắp chiếu mười phương cõi (vui vô cùng)
Từ vua chúa đời đến sáu trời (nguyện vãng sinh)
Âm nhạc tốt nhất hơn ức vạn (vui vô cùng)
Rừng báu nước Phật cành chạm nhau (nguyện vãng sinh)
Âm nhạc sáu trời chẳng bằng một (vui vô cùng)
Theo lúc cúng dường hương bay khắp (nguyện vãng sinh)
Cây rung hoa rung trên đất báu (vui vô cùng)
Cây báu hoa bay rảy nước đức (nguyện vãng sinh)
Đồng tử lấy hoa để làm thuyền (vui vô cùng)
Ngồi thuyền vào thẳng hội Liên hoa (nguyện vãng sinh)
Hóa Phật Bồ-tát cho áo mặc (vui vô cùng)
Đều cầm hương hoa đứng trước Phật (nguyện vãng sinh)
Từ từ tung rải biến thành mây (vui vô cùng)
Mây báu trang nghiêm thành lọng báu (nguyện vãng sinh)
Liền cho quả báu dạy khiến ăn (vui vô cùng)
Gặp được vãng sinh Thiện tri thức (nguyện vãng sinh)
Được nghe Tịnh độ tên Di-đà (vui vô cùng)
Nhân Phật nguyện lực cùng gặp nhau (nguyện vãng sinh)
Thường ở nước này không trở về (vui vô cùng)
Pháp lữ dắt tay vào rừng xem (nguyện vãng sinh)

Dưới chân sáng rỡ hơn nhật nguyệt (vui vô cùng)
Bồ-tát chúng hội vô cùng tận (nguyện vãng sinh)
Ai nấy mình sáng cùng chiếu nhau (vui vô cùng)
Người mới hóa sinh sắc vàng ròng (nguyện vãng sinh)
Cùng với đại chúng không khác nhau (vui vô cùng)
Hoặc cùng chúng ngồi trong lầu báu (nguyện vãng sinh)
Đại chúng thấy rồi đều vui mừng (vui vô cùng)
Các thứ trang nghiêm không biết hết (nguyện vãng sinh)
Trong ngoài nhìn nhau không chướng ngại (vui vô cùng)
Dừng chân phút chốc được pháp lạc (nguyện vãng sinh)
Tam-muội vô sinh tự nhiên ngộ (vui vô cùng)
Trên đất các vật báu trang nghiêm (nguyện vãng sinh)
Tạp sắc xen nhau trăm ngàn vạn (vui vô cùng)
Tòa báu đài hoa khắp nơi nơi (nguyện vãng sinh)
Tùy tâm thọ dụng sáng chiếu đến (vui vô cùng)
Trăm ngàn đồng tử chúng Bồ-tát (nguyện vãng sinh)
Đều mang hương hoa đến xem ao (vui vô cùng)
Hoặc ngồi hoặc đứng bên bờ ao (nguyện vãng sinh)
Có người tìm thềm vào ao báu (vui vô cùng)
Hoặc đứng trên cát hoặc đến gối (nguyện vãng sinh)
Hoặc đến hông, đầu hoặc tưới rót (vui vô cùng)
Hoặc cầm hoa vàng trăm lá báu (nguyện vãng sinh)
Trao cho người trên bờ đứng xem (vui vô cùng)
Nhận được hương hoa ngàn vạn thứ (nguyện vãng sinh)
Liền rải trên đại hội Di-đà (vui vô cùng)
Hoa được tung rải biến thành lọng (nguyện vãng sinh)
Tự nhiên âm nhạc trỗi ngàn lớp (vui vô cùng)
Chim báu liền tiếng trỗi âm nhạc (nguyện vãng sinh)
Ai thấy được đều khởi bi tâm (vui vô cùng)
Con nay đến với nguyện lực Phật (nguyện vãng sinh)
Đồng duyên đồng hành lúc nào đến (vui vô cùng)
Khắp nguyện Diêm-phù các tri thức (nguyện vãng sinh)
Đồng hạnh giúp nhau nguyện chẳng lui (vui vô cùng)
Chuyên tụng Di-đà và Quán kinh (nguyện vãng sinh)
Lễ Phật quán sát đều Hồi hướng (vui vô cùng)
Liên tục làm trong tất cả thời khắc (nguyện vãng sinh)
Lấy chết làm mức chuyên lại chuyên (vui vô cùng)
Khi đến Di-đà nước An dưỡng (nguyện vãng sinh)

Rốt ráo tiêu dao tức Niết-bàn (vui vô cùng)
Niết-bàn trang nghiêm đầy khắp chốn (nguyện vãng sinh)
Thấy sắc nghe hương tội chướng trừ (vui vô cùng)
Bay nhảy không trung hóa thần biến (nguyện vãng sinh)
Khen ngợi Tịnh độ bất tư nghì (vui vô cùng)
Hoặc tung hoa hương cúng dường Phật (nguyện vãng sinh)
Báo Phật Từ ân tâm vô tận (vui vô cùng)
Chẳng nhân sức Thích-ca Như Lai (nguyện vãng sinh)
Di-đà Tịnh độ nếu được nghe (vui vô cùng)
Chúng sinh chướng hết nghe đều vui (nguyện vãng sinh)
Dứt nhanh các ác cầu vãng sinh (vui vô cùng)

- Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh)
Thệ nguyện đời này thuận lời Phật (vui vô cùng)
Đi đứng ngồi nằm chuyên niệm Phật (nguyện vãng sinh)
Tất cả thiện nghiệp đều Hồi hướng (vui vô cùng)
Trong mỗi niệm niệm thường sám hối (nguyện vãng sinh)
Trọn thời liền lên đài Kim cang (vui vô cùng)
Trong tất cả lúc lễ Tây phương (nguyện vãng sinh)
Biểu lộ Phàm Thánh tâm trông nhau (vui vô cùng)
Phật biết tâm chúng sinh tạp loạn (nguyện vãng sinh)
Riêng dạy chánh niệm ở Tây phương (vui vô cùng)
Chẳng biết nước Di-đà xa gần (nguyện vãng sinh)
Phật đạo vượt hơn mười vạn ức (vui vô cùng)
Đường dặm tuy xa chân chẳng đến (nguyện vãng sinh)
Chỉ trong tích tắc vào ao báu (vui vô cùng)
Chỉ hận chúng sinh nghi chẳng nghi (nguyện vãng sinh)
Tịnh độ đối mặt chẳng ngang hướng (vui vô cùng)
Chớ luận Di-đà nhiếp chẳng nhiếp (nguyện vãng sinh)
Ý ở chuyên niệm hồi chẳng hồi (vui vô cùng)
Chỉ khiến hồi tâm quyết định hướng (nguyện vãng sinh)
Lâm chung hoa lọng tự đến đón (vui vô cùng)
Theo Phật ngồi hoa vào nước báu (nguyện vãng sinh)
Thấy các đại chúng ngộ vô sinh (vui vô cùng)
Mỗi mỗi lầu báu tùy ý vào (nguyện vãng sinh)
Trong ngoài trang nghiêm không thể biết (vui vô cùng)
Chim nói tiếng Phật và Bồ-tát (nguyện vãng sinh)
Đồng tử vui mừng biến thần thông (vui vô cùng)

Vì con Ta-bà được sinh đến (nguyện vãng sinh)
Các thứ cúng dường khiến vui mừng (vui vô cùng)
Phật cùng người sinh nhìn thấy nhau (nguyện vãng sinh)
Đến nơi chỉ là bất tư nghì (vui vô cùng)
Mặt đất hư không đầy Thánh nhân (nguyện vãng sinh)
Lưới giăng châu báu tự nhiên che (vui vô cùng)
Gió nhẹ thổi động ra tiếng lạ (nguyện vãng sinh)
Trong tiếng đều nói pháp vô vi (vui vô cùng)
Thấy cây nghe sóng thành pháp nhẫn (nguyện vãng sinh)
Đồng tử cầm hoa vây quanh khen (vui vô cùng)
Đứng hầu Di-đà nghe nói pháp (nguyện vãng sinh)
Ham ưa pháp lạc vượt thời kiếp (vui vô cùng)
Theo về bổn quốc các Bồ-tát (nguyện vãng sinh)
Đều là vô vi cõi Niết-bàn (vui vô cùng)
Một cõi nước Phật đều nghe pháp (nguyện vãng sinh)
Du lịch phương khác tu cúng dường (vui vô cùng)
Muốn một bữa ăn vượt ngàn kiếp (nguyện vãng sinh)
Nhớ ta Ta-bà người đồng hành (vui vô cùng)
Đại địa vi trần còn có số (nguyện vãng sinh)
Mười phương nước Phật vô cùng tận (vui vô cùng)
Mỗi mỗi cõi Phật đều nghiêm tịnh (nguyện vãng sinh)
Cũng như Cực lạc không gì khác (vui vô cùng)
Tất cả Như Lai thấy vui mừng (nguyện vãng sinh)
Bồ-tát Thánh chúng sắp dạo xem (vui vô cùng)
Có các trang nghiêm như Cực lạc (nguyện vãng sinh)
Biến hóa thần thông không chướng ngại (vui vô cùng)
Mặt đất hư không tiếng đầy khắp (nguyện vãng sinh)
Nghe được âm vang đều được ngộ (vui vô cùng)

- Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh)
Nối tiếp niệm Phật báo ân Thầy (vui vô cùng)
Tuy bỏ tiền tài tạo công đức (nguyện vãng sinh)
Chẳng bằng trì giới đoạn tham sân (vui vô cùng)
Khắp kỉnh chúng sinh thường niệm Phật (nguyện vãng sinh)
Công đức mình người đều Hồi hướng (vui vô cùng)
An định tâm ý sinh An lạc (nguyện vãng sinh)
Riêng vượt ba cõi thoát lồng phiền (vui vô cùng)
Lâm chung thấy Phật hoa đài đến (nguyện vãng sinh)

Phút chốc liền vào hội ao báu (vui vô cùng)
Đại chúng hoa sen đều hoan hỷ (nguyện vãng sinh)
Liền cho áo trời tùy ý mặc (vui vô cùng)
Bồ-tát Thanh văn sắp thấy Phật (nguyện vãng sinh)
Lễ Phật một lạy được vô sinh (vui vô cùng)
Di-đà bảo rằng các Phật tử (nguyện vãng sinh)
Cực lạc ra sao so ba cõi (vui vô cùng)
Người mới vãng sinh muốn báo ân (nguyện vãng sinh)
Chấp tay thổn thức chẳng nên lời (vui vô cùng)
Được khỏi Ta-bà trường kiếp khổ (nguyện vãng sinh)
Ngày nay thấy Phật, ơn Thích-ca (vui vô cùng)
- Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh)
Thuận theo lời Phật thấy Di-đà (vui vô cùng)
Khắp khuyên đồng sinh các tri thức (nguyện vãng sinh)
Đồng hành gần nhau chớ lìa nhau (vui vô cùng)
Cha mẹ vợ con trăm ngàn vạn (nguyện vãng sinh)
Không phải Bồ-đề tăng thượng duyên (vui vô cùng)
Niệm niệm tiếp nối vào ác đạo (nguyện vãng sinh)
Phân thân chịu báo chẳng biết nhau (vui vô cùng)
Hoặc loài heo dê trong lục súc (nguyện vãng sinh)
Mang lông đội sừng khi nào dứt (vui vô cùng)
Mừng được thân người nghe pháp yếu (nguyện vãng sinh)
Bỏ nhanh tha hương về bổn quốc (nguyện vãng sinh)
Cha con gặp nhau vô cùng vui (nguyện vãng sinh)
Bồ-tát Thanh văn cũng như thế (vui vô cùng)
Hoặc sắp dạo chơi vào rừng xem (nguyện vãng sinh)
Hoặc ngồi đài hoa vào lầu ngắm (vui vô cùng)
Xem thấy nước bảy báu Di-đà (nguyện vãng sinh)
Mặt đất hư không sáng chiếu nhau (vui vô cùng)
Liền làm thần thông khắp nước Phật (nguyện vãng sinh)
Nơi nơi cúng dường vô biên hội (vui vô cùng)
Mỗi mỗi đại hội tùy người vào (nguyện vãng sinh)
Vào chỗ chỉ nghe pháp bình đẳng (vui vô cùng)
Bốn thứ oai nghi thường ở định (nguyện vãng sinh)
Chẳng ra Tam-muội làm thần thông (vui vô cùng)
Mỗi mỗi thần thông đến hội Phật (nguyện vãng sinh)
Hội hội nghe pháp chứng vô sinh (vui vô cùng)

- Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh)
Cực lạc an thân thực là tinh (vui vô cùng)
Lầu vàng cột ngọc điện lưu ly (nguyện vãng sinh)
Bảo các trân châu trăm ngàn hàng (vui vô cùng)
Lớp lớp lưới giăng ánh chiếu nhau (nguyện vãng sinh)
Dây báu giao nhau treo chuông báu (vui vô cùng)
Ngày đêm gió thơm luôn lay động (nguyện vãng sinh)
Trong tiếng đều đọc tên Tam bảo (vui vô cùng)
Nước ấy chúng sinh tâm nhãn lanh (nguyện vãng sinh)
Nghe một ngộ giải trăm ngàn môn (vui vô cùng)
- Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh)
Nơi nơi an thân không bằng ấy (vui vô cùng)
Cùng các đồng tử dạo hư không (nguyện vãng sinh)
Tay tung hương hoa tâm cúng dường (vui vô cùng)
Thân sáng anh lạc cùng chiếu nhau (nguyện vãng sinh)
Tất cả trang nghiêm sáng cũng thế (vui vô cùng)
Hoặc tấu nhạc khí cúng dường Phật (nguyện vãng sinh)
Hóa Phật từ bi xa thọ ký (vui vô cùng)
Đồng sinh tri thức trăm ngàn vạn (nguyện vãng sinh)
Ngồi hoa vào thẳng hội hư không (vui vô cùng)
Hội hội chẳng đồng vô ức số (nguyện vãng sinh)
Đó đây qua nhau không chướng ngại (vui vô cùng)
Trong tất cả lúc thường nói pháp (nguyện vãng sinh)
Thấy nghe hoan hỷ tội đều trừ (vui vô cùng)
Phật cùng Thánh chúng thân vàng ròng (nguyện vãng sinh)
Sáng sáng chiếu nhau tâm biết nhau (vui vô cùng)
Tướng hảo trang nghiêm không gì khác (nguyện vãng sinh)
Đều là nguyện lực Di-đà thành (vui vô cùng)
Mặt đất hư không người đầy khắp (nguyện vãng sinh)
Thần thông chuyển biến tự nhiên biết (vui vô cùng)
Hoặc làm lầu hoa báu mây lọng (nguyện vãng sinh)
Hóa chim liền tiếng trỗi pháp âm (vui vô cùng)
Pháp âm quẩn quanh như mây họp (nguyện vãng sinh)
Nước ấy trời người nghe liền ngộ (vui vô cùng)
Một kiếp nhiều kiếp kiếp dài lâu (nguyện vãng sinh)
Chỉ nhận pháp lạc bất tư nghì (vui vô cùng)

- Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh)
Cực lạc trang nghiêm cửa đều mở (vui vô cùng)
Khắp nguyện kẻ có duyên đồng hành (nguyện vãng sinh)
Chuyên tâm vào thẳng không cần nghi (vui vô cùng)
Khi đến nước An dưỡng Di-đà (nguyện vãng sinh)
Nguyên là vương gia của pháp ta (vui vô cùng)
Huynh đệ nhân duyên chúng La-hán (nguyện vãng sinh)
Bồ-tát pháp lữ là tri thức (vui vô cùng)
Hoặc đi hoặc ngồi đều nghe pháp (nguyện vãng sinh)
Hoặc tới hoặc lui không chướng ngại (vui vô cùng)
Hoặc vào ao báu tưới thân đảnh (nguyện vãng sinh)
Hoặc ở đất khô trong cát báu (vui vô cùng)
Sóng vỗ nước phát ra diệu âm (nguyện vãng sinh)
Trong tiếng thuần nói pháp Từ bi (vui vô cùng)
Nước đức lắng trong ngàn vạn dặm (nguyện vãng sinh)
Cát báu ánh chiếu như không sâu (vui vô cùng)
Bốn bờ đều trang nghiêm bảy báu (nguyện vãng sinh)
Đáy trải cát vàng trăm ngàn sắc (vui vô cùng)
Các sắc chẳng đồng chiếu lấp lánh (nguyện vãng sinh)
Cây báu bay hoa rơi trong nước (vui vô cùng)
Cây cây che rủ như màn báu (nguyện vãng sinh)
Bao quanh ba mươi vạn do-tuần (vui vô cùng)
Rễ tua nhánh lá đều bảy báu (nguyện vãng sinh)
Mỗi mỗi báu phóng vô số quang (vui vô cùng)
Gió nhẹ thổi lên khua chạm nhau (nguyện vãng sinh)
Âm nhạc sáu trời không thể sánh (vui vô cùng)
Hóa Phật Bồ-tát đông hằng sa (nguyện vãng sinh)
Ở dưới mỗi cây nghe tiếng chân (vui vô cùng)

- Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh)
Một vào Bất thoái đến Bồ-đề (vui vô cùng)
Đất báu rộng bằng đầy các báu (nguyện vãng sinh)
Mỗi mỗi báu phát ra ngàn sáng (vui vô cùng)
Mỗi mỗi sáng thành đài tòa báu (nguyện vãng sinh)
Sáng biến thành lầu trăm ngàn ức (vui vô cùng)
Hóa thiên đồng tử nhiều vô số (nguyện vãng sinh)
Đều là người niệm Phật vãng sinh (vui vô cùng)
Hoặc lên lầu báu ngồi tòa vui (nguyện vãng sinh)

Chẳng lo đói khát luôn vắng lặng (vui vô cùng)
Hoặc vào ánh sáng trăm điện báu (nguyện vãng sinh)
Chính gặp đại hội khen Di-đà (vui vô cùng)
Hoặc nói từ nay đến Phật quả (nguyện vãng sinh)
Nhiều kiếp khen Phật báo Từ ân (vui vô cùng)
Chẳng được sức hoằng thệ Di-đà (nguyện vãng sinh)
Đến kiếp nào mới thoát Ta-bà (vui vô cùng)
Mình đến rồi lại được pháp lạc (nguyện vãng sinh)
Rốt ráo chẳng nghe tiếng mười ác (vui vô cùng)
Mắt thấy Như Lai tai nghe pháp (nguyện vãng sinh)
Thân luôn theo Phật hỷ lại bi (vui vô cùng)
Nào hẹn ngày nay đến nước báu (nguyện vãng sinh)
Thật là sức Bổn sư Ta-bà (vui vô cùng)
Nếu không Bổn sư biết khen ngợi (nguyện vãng sinh)
Di-đà Tịnh độ làm sao vào? (vui vô cùng)

- Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh)
Được sinh Tịnh độ báo ân Thầy (vui vô cùng)
Khắp khuyên có duyên kẻ đạo tục (nguyện vãng sinh)
Hội là chuyên tâm làm Phật dạy (vui vô cùng)
Niệm Phật chuyên tâm tụng kinh Quán (nguyện vãng sinh)
Lễ tán trang nghiêm không tạp loạn (vui vô cùng)
Đi đứng ngồi nằm tâm liên tục (nguyện vãng sinh)
Cực lạc trang nghiêm tự nhiên thấy (vui vô cùng)
Hoặc tưởng hoặc quán trừ tội chướng (nguyện vãng sinh)
Đều là bổn nguyện lực Di-đà (vui vô cùng)
Nhờ Phật lực mà thành Tam-muội (nguyện vãng sinh)
Tam-muội được thành tâm nhãn mở (vui vô cùng)
Cảnh giới Chư Phật vượt phàm phu (nguyện vãng sinh)
Chỉ biết thẹn khen ân Thích-ca (vui vô cùng)
Mười phương Như Lai đều khen chứng (nguyện vãng sinh)
Nói quyết chín phẩm được trở về (vui vô cùng)
Cha con gặp nhau vào đại hội (nguyện vãng sinh)
Liền hỏi sáu đạo việc khổ đau (vui vô cùng)
Hoặc có người được báo nhân thiên (nguyện vãng sinh)
Đói khát khốn khổ thể sinh ghẻ (vui vô cùng)
Khi ấy Di-đà và đại chúng (nguyện vãng sinh)
Nghe con nói khổ đều buồn thương (vui vô cùng)

Di-đà bảo rằng các Phật tử (nguyện vãng sinh)
Tự làm tự chịu chớ oán người (vui vô cùng)

- Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh)
Thường ở nước báu dứt sầu lo (vui vô cùng)
Niết-bàn khoái lạc chốn vô vi (nguyện vãng sinh)
Tham sân nhà lửa chưa từng nghe (vui vô cùng)
Đài hoa trăm báu tùy ý ngồi (nguyện vãng sinh)
Thánh chúng chen ngồi đông vô số (vui vô cùng)
Đồng tử cúng dường vang tiếng khen (nguyện vãng sinh)
Chim hát liệng không trăm ngàn vòng (vui vô cùng)
Một ngồi một đứng trong khoảnh khắc (nguyện vãng sinh)
Vi trần nghiệp cũ đều trừ hết (vui vô cùng)
Hoặc tung thiên y che ao báu (nguyện vãng sinh)
Trên áo rải đầy hoa hương báu (vui vô cùng)
Thánh chúng kinh hành chân bước lên (nguyện vãng sinh)
Hoa áo chạm mình vui tam thiền (vui vô cùng)
Trong ngoài chiếu nhau như gương sáng (nguyện vãng sinh)
Trần lao hết sạch không khởi duyên (vui vô cùng)
Niệm niệm chỉ thêm Tam-muội tịnh (nguyện vãng sinh)
Vô lậu thần thông chân lại chân (vui vô cùng)

- Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh)
Phiền não dứt hẳn không liên can (vui vô cùng)
Hoặc có đất báu toàn lưu ly (nguyện vãng sinh)
Hoặc có đất báu vàng tía thành (vui vô cùng)
Hoặc có đất báu toàn vàng ròng (nguyện vãng sinh)
Hoặc có đất báu toàn pha lê (vui vô cùng)
Hoặc có đất trang nghiêm ngàn báu (nguyện vãng sinh)
Hoặc có đếm kể báu làm thành (vui vô cùng)
Các sắc các sắc chiếu sáng nhau (nguyện vãng sinh)
Mười phương người đến đều bước lên (vui vô cùng)
Đi đứng tới lui tiêu dao lạc (nguyện vãng sinh)
Chẳng lo quan sự chẳng buồn riêng (vui vô cùng)
Hoặc trăm hoặc ngàn làm thần biến (nguyện vãng sinh)
Hội hội cúng dường đều khắp cùng (vui vô cùng)
Hoặc làm mây thơm ngàn lọng báu (nguyện vãng sinh)
Tức trong mây này mưa hương hoa (vui vô cùng)

Các thứ trang nghiêm tùy niệm ra (nguyện vãng sinh)
Nơi đến đều hiện ra điềm lạ (vui vô cùng)

- Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh)
Lâm chung vào thẳng hội vô vi (vui vô cùng)
Cây báu rừng báu hàng đầy khắp (nguyện vãng sinh)
Mỗi mỗi rừng cây rất trang nghiêm (vui vô cùng)
Rễ rễ đối nhau cành trông nhau (nguyện vãng sinh)
Cành cành đối nhau cùng vươn cao (vui vô cùng)
Đốt đốt bao quanh lá kế tiếp (nguyện vãng sinh)
Hoa hoa quả quả cùng đối nhau (vui vô cùng)
Sáng sáng lấp lánh nước mình người (nguyện vãng sinh)
Ánh sáng lung linh tùy sắc vật (vui vô cùng)
Ánh sáng biến hiện việc kỳ lạ (nguyện vãng sinh)
Tất cả nguyện lực Di-đà làm (vui vô cùng)
Rừng cây lớp lớp đường thềm báu (nguyện vãng sinh)
Tất cả cõi cõi lầu xen nhau (vui vô cùng)
Lớp lớp lưới giăng tấu nhạc trời (nguyện vãng sinh)
Người trong lầu cúng dường vô biên (vui vô cùng)

- Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh)
Hình khô lâm chung hẹn trước Phật (vui vô cùng)
Bỗng lại suy lường khoái lạc kia (nguyện vãng sinh)
Người người có phần chẳng cần nghi (vui vô cùng)
Kim cang vô lậu đất trang nghiêm (nguyện vãng sinh)
Sáng rỡ chiếu nhau hơn ngàn mặt trời (vui vô cùng)
Di-đà nguyện lực đất trang nghiêm (nguyện vãng sinh)
Làm một hoa sen Đại bảo vương (vui vô cùng)
Lá lá xen nhau tám vạn tư (nguyện vãng sinh)
Một lá ma-ni trăm ngàn ức (vui vô cùng)
Mỗi mỗi ma ni sáng ngàn màu (nguyện vãng sinh)
Trên chiếu hư không biến thành lọng (vui vô cùng)
Tám vạn đài Kim cang khắp bày (nguyện vãng sinh)
Chân châu lưới báu che lồng hoa (vui vô cùng)
Bốn bên tràng phan treo xen nhau (nguyện vãng sinh)
Riêng bày thân công đức chân kim (vui vô cùng)
Một ngồi đài hoa chưa từng động (nguyện vãng sinh)
Suốt cả đời sau độ chúng sinh (vui vô cùng)

Khắp khuyên chúng sinh luôn nghĩ nhớ (nguyện vãng sinh)
Đi đứng ngồi nằm khiến tâm thấy (vui vô cùng)
Thân Phật viên mãn không trái nhau (nguyện vãng sinh)
Mười phương người đến đều đối mặt (vui vô cùng)
Đều nguyện chú tâm liên tục niệm (nguyện vãng sinh)
Liền hiện tâm nhãn trước có duyên (vui vô cùng)
Được thấy Tịnh độ việc hiếm lạ (nguyện vãng sinh)
Đều do sức Phật gia bị xa (vui vô cùng)
Quán Âm Thế Chí cùng ngồi hoa (nguyện vãng sinh)
Mỗi mỗi trang nghiêm đều như Phật (vui vô cùng)
Bốn tràng phan báu đều giống nhau (nguyện vãng sinh)
Các lưới giăng báu không sai khác (vui vô cùng)
Ba hoa vượt hơn chỗ chúng ngồi (nguyện vãng sinh)
Ba thân ngồi nghiêm thật cao quý (vui vô cùng)
Chúng Bồ-tát bổn quốc tha phương (nguyện vãng sinh)
Trong mọi lúc vây quanh khen ngợi (vui vô cùng)
Như trần sa hội trong biển lớn (nguyện vãng sinh)
Chúng sinh sinh đến đều vào đó (vui vô cùng)
Không phải là nói liền sinh ấy (nguyện vãng sinh)
Hội ấy chuyên làm chẳng tiếc thân (vui vô cùng)
Lầu báu nhiều tầng không thợ làm (nguyện vãng sinh)
Phan báu cây rừng cũng đều thế (vui vô cùng)
Bờ ao bốn bên đều đầy đủ (nguyện vãng sinh)
Gióng nhẹ vi vu tấu nhạc trời (vui vô cùng)
Pháp âm rửa tâm vào chân lông (nguyện vãng sinh)
Liền ngộ hằng sa Tam-muội môn (vui vô cùng)
Mỗi mỗi trong ao hoa đầy khắp (nguyện vãng sinh)
Hoặc nở hoặc khép vô số người (vui vô cùng)
Hoặc ngồi hoặc đứng cùng mời gọi (nguyện vãng sinh)
Tranh lấy hương hoa cúng dường nhau (vui vô cùng)
Hoặc nói hoặc cười thân tâm vui (nguyện vãng sinh)
Lại nhớ Diêm-phù người đồng hành (vui vô cùng)
Đều phát thệ nguyện xa gia bị (nguyện vãng sinh)
Chuyên ở bất thoái, chẳng trở lại (vui vô cùng)
Một đến liền được vui thanh hư (nguyện vãng sinh)
Thanh hư tức là nhân Niết-bàn (vui vô cùng)
Biểu thị tâm ta luôn ức niệm (nguyện vãng sinh)
Đều giành nửa tòa cho người đến (vui vô cùng)

Đồng học theo nhau dạo pháp giới (nguyện vãng sinh)
Pháp giới tức là nước Như Lai (vui vô cùng)
Mỗi mỗi nước Phật hằng sa hội (nguyện vãng sinh)
Phân thân nghe pháp tu cúng dường (vui vô cùng)
Được nhờ Chư Phật chiếu từ quang (nguyện vãng sinh)
Rời đảnh thọ ký vào Vô sư (vui vô cùng)
Ý lạc phương khác trụ liền trụ (nguyện vãng sinh)
Nay muốn trở về liền trở về (vui vô cùng)
Hoặc ở hoặc về đều được ích (nguyện vãng sinh)
Bổn quốc tha phương cũng chẳng hai (vui vô cùng)
Đều là Niết-bàn pháp bình đẳng (nguyện vãng sinh)
Chư Phật trí tuệ cũng đồng thế (vui vô cùng)

- Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh)
Đến nơi đều là Pháp vương gia (vui vô cùng)
Trải việc đã xong về An lạc (nguyện vãng sinh)
Chứng được vô lượng Đà-la-ni (vui vô cùng)
Cùng các Bồ-tát trần sa chúng (nguyện vãng sinh)
Đầy khắp hư không đến cúng dường (vui vô cùng)
Hoặc tung y hoa biến thành lọng (nguyện vãng sinh)
Hoặc tấu âm nhạc biến thành mây (vui vô cùng)
Biến hiện tràng phan vô số ức (nguyện vãng sinh)
Trong một bữa ăn đến An lạc (vui vô cùng)
Thánh chúng An lạc xa thấy nhau (nguyện vãng sinh)
Biết là phương khác người đồng hành (vui vô cùng)
Đều cầm bông hoa đón cúng dường (nguyện vãng sinh)
Liền dẫn vào thẳng hội Di-đà (vui vô cùng)
Bồ-tát phương khác đồng lễ Phật (nguyện vãng sinh)
Cầm hoa vây quanh trăm ngàn vòng (vui vô cùng)
Hoặc tung hương hoa tấu nhạc trời (nguyện vãng sinh)
Hoặc hiện thần thông khắp hư không (vui vô cùng)
Sáng sáng chiếu nhau cúng dường Phật (nguyện vãng sinh)
Khác miệng đồng thanh khen Cực lạc (vui vô cùng)
Di-đà đúng lúc động thân tướng (nguyện vãng sinh)
Sáng thân khắp chiếu mười phương nước (vui vô cùng)
Phóng ra thần quang sắc vô tận (nguyện vãng sinh)
Hồi quang chiếu lại hội Di-đà (vui vô cùng)
Chiếu xong sáng lại chui vào đảnh (nguyện vãng sinh)

Đại chúng đồng biết sáng thọ ký (vui vô cùng)
Thâu sáng chưa hết Di-đà cười (nguyện vãng sinh)
Khắp bảo đại chúng chuyên tâm nghe (vui vô cùng)
Ta nay trao người ký Bồ-đề (nguyện vãng sinh)
Chẳng lâu tương lai sẽ thành Phật (vui vô cùng)
Phương này phương khác hóa chúng sinh (nguyện vãng sinh)
Mừng được pháp hy hữu khó gặp (vui vô cùng)
Được khỏi Ta-bà nạn nhiều kiếp (nguyện vãng sinh)
Riêng nhờ tri thức ân Thích-ca (vui vô cùng)
Các thứ phương tiện khéo nghĩ suy (nguyện vãng sinh)
Chọn được hoằng thệ môn Di-đà (vui vô cùng)
Tất cả thiện nghiệp rồi sinh lợi (nguyện vãng sinh)
Chẳng bằng chuyên niệm hiệu Di-đà (vui vô cùng)
Niệm niệm xưng danh thường sám hối (nguyện vãng sinh)
Người hay niệm Phật Phật nhớ lại (vui vô cùng)
Phàm Thánh biết nhau cảnh chiếu nhau (nguyện vãng sinh)
Tức là chúng sinh duyên tăng thượng (vui vô cùng)
Không được tin nhận lời người khác (nguyện vãng sinh)
Chỉ cần tâm tịnh đây đều tịnh (vui vô cùng)
Nếu nói đây đồng nước Chư Phật (nguyện vãng sinh)
Nhân gì sáu đạo đồng sinh tử (vui vô cùng)
Gai góc bụi lùm đầy ba cõi (nguyện vãng sinh)
Núi sông đại địa đồng cao thấp (vui vô cùng)
Nước, đất, hư không tánh chúng sinh (nguyện vãng sinh)
Vô minh phiền não các tham sân (vui vô cùng)
Niệm niệm tham cầu tài sắc khổ (nguyện vãng sinh)
Nghiệp ái si cột chặt mọi người (vui vô cùng)
Diêm-la sai sứ bắt lôi đi (nguyện vãng sinh)
Ngục tốt ngưu đầu thôi thúc đánh (vui vô cùng)
Lửa dữ bốn bề đồng lúc dậy (nguyện vãng sinh)
Tùy nghiệp gió thổi rơi vào khổ (vui vô cùng)
Nê-lê lửa dữ ngoài bốn cửa (nguyện vãng sinh)
Cửa cửa tám vạn bốn ngàn từng (vui vô cùng)
Trong mỗi mỗi từng người đều đến (nguyện vãng sinh)
Hằng sa khổ cụ đầy trong ấy (vui vô cùng)
Trên thân tội nhân lửa phừng cháy (nguyện vãng sinh)
Xe bay dao kiếm ngang dọc vào (vui vô cùng)
Tất cả trong ngục bị khổ này (nguyện vãng sinh)

Lúc nào kiếp nào được ngừng nghỉ (vui vô cùng)

- Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh)
Tam đồ dứt hẳn nguyện không tên (vui vô cùng)
Bảy lớp thành sắt bảy lớp lưới (nguyện vãng sinh)
Lớp lớp trong thành rừng cây sắt (vui vô cùng)
Cây cây cành cành tám vạn tư (nguyện vãng sinh)
Lá lá quả hoa như xe kiếm (vui vô cùng)
Xe bay chém trên rồi xuống dưới (nguyện vãng sinh)
Vào đầu ra chân khổ khó lường (vui vô cùng)
Lớp lớp trên cửa tám vạn chảo (nguyện vãng sinh)
Nấu chảy đồng sắt nước như suối (vui vô cùng)
Sục sôi dâng trào cao tám vạn (nguyện vãng sinh)
Cách xa cửa ngoài ngàn do-tuần (vui vô cùng)
Bốn cửa bốn đường tội nhân vào (nguyện vãng sinh)
Cửa mở lửa nghiệp ra chào đón (vui vô cùng)
Nước sắt sôi sục chảy ngập gối (nguyện vãng sinh)
Đụng vào thì lửa liền phừng cháy (vui vô cùng)
Ngưu đầu ngục tốt la inh ỏi (nguyện vãng sinh)
Đại địa chấn động như sấm trời (vui vô cùng)
Tội nhân nghe tiếng lòng dạ xé (nguyện vãng sinh)
Trùng sắt chim sắt tranh cắn mổ (vui vô cùng)
Hoàn sắt dao kiếm trên bay xuống (nguyện vãng sinh)
Đồng sắt nấu chảy rót vào thân (vui vô cùng)
Cách cửa thành sắt bốn vạn dặm (nguyện vãng sinh)
Phải đi trong hàng không chỗ trốn (vui vô cùng)
Đi nhanh gió thổi như tên bắn (nguyện vãng sinh)
Phút chốc liền vào bảy lớp cửa (vui vô cùng)

- Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh)
Chuyên tâm niệm Phật dứt tham sân (vui vô cùng)
Vào trong bảy lớp cửa sắt này (nguyện vãng sinh)
Lúc nào kiếp nào được trở về (vui vô cùng)
Tội nhân vào rồi cửa đều đóng (nguyện vãng sinh)
Mỗi mỗi thân đầy không ngại nhau (vui vô cùng)
Một nằm trải lâu tám vạn kiếp (nguyện vãng sinh)
Đều do nhân duyên tội phá pháp (vui vô cùng)
Hủy báng Tam bảo hại người thiện (nguyện vãng sinh)

Cũng đọa vào địa ngục A-tỳ (vui vô cùng)
Đùa giỡn tạo tội nhiều kiếp chịu (nguyện vãng sinh)
Chẳng tiếc ý Phật lấy tình người (vui vô cùng)
Cẩn thận chớ phóng túng tam nghiệp (nguyện vãng sinh)
Nghiệp đạo rõ ràng chớ nên khinh (vui vô cùng)

- Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh)
Ngang suốt nghiệp đạo vào bốn phương (vui vô cùng)
Bảy lớp thành sắt ngoài cửa cửa (nguyện vãng sinh)
Rắn sắt ngóc đầu trên thành ra (vui vô cùng)
Lửa cháy, xe đao từ miệng ra (nguyện vãng sinh)
Cũng đều bay vào đầu tội nhân (vui vô cùng)
Chó sắt bảy mươi hai sừng thân đầy lông (nguyện vãng sinh)
Cũng mưa khói lửa trên thân người (vui vô cùng)
La-sát đâm xoa vào tâm nhãn (nguyện vãng sinh)
Đều do tâm nhãn đọa Nê-lê (vui vô cùng)
Trên đầu sắt nóng vô cùng khổ (nguyện vãng sinh)
Tội nhân hoặc nằm hoặc đi chạy (vui vô cùng)
Đại kiếp hết rồi thì mắt thấy (nguyện vãng sinh)
Ngoài cửa thành Đông suối rừng đẹp (vui vô cùng)
Tội nhân lúc ấy chạy về Đông (nguyện vãng sinh)
Đến gần muốn vào cửa lại đóng(vui vô cùng)
Như thế bốn cửa suốt nửa kiếp (nguyện vãng sinh)
Lưới sắt trói thân như rừng gai (vui vô cùng)
Trên có chim ưng ăn thịt người (nguyện vãng sinh)
Đất có chó đồng giành ăn thịt (vui vô cùng)
Mặt đất hư không chẳng chỗ trốn (nguyện vãng sinh)
Động thì khổ cụ lại sinh nhiều (vui vô cùng)
- Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh)
Nghe nói khổ này lòng tan nát (vui vô cùng)
Chẳng hiếu cha mẹ chửi Tam bảo (nguyện vãng sinh)
Trọn lúc ngục lửa tự đón nhau (vui vô cùng)
Hủy nhục sáu thân, phá Tịnh giới (nguyện vãng sinh)
Như thế cũng đọa vào Nê-lê (vui vô cùng)
Sát hại chúng sinh ăn thịt chúng (nguyện vãng sinh)
Vào thẳng Nê-lê trong đống lửa (vui vô cùng)
Thấy nghe phương tiện nơi phân giết (nguyện vãng sinh)
Như trước chịu khổ nào ít hơn (vui vô cùng)

Trộm cướp vật Tam bảo, chúng sinh (nguyện vãng sinh)
Một đọa Nê-lê không ngày ra (vui vô cùng)
Trộm cướp vật cha mẹ sáu thân (nguyện vãng sinh)
Cũng vào trong Nê-lê như thế (vui vô cùng)

- Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh)
Chẳng tiếc thân, tài chuyên bố thí (vui vô cùng)
Ác nhiễm sư tăng hại tịnh hạnh (nguyện vãng sinh)
Nê-lê suốt kiếp chẳng ngày ra (vui vô cùng)
Tà nhiễm chúng sinh và quyến thuộc (nguyện vãng sinh)
Nhất định chịu khổ dài Nê-lê (vui vô cùng)
Nếu được thân người thì bị thiến (nguyện vãng sinh)
Sáu thân đồng ở như kẻ thù (vui vô cùng)

- Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh)
Nguyện dứt tà tâm tu Phạm hạnh (vui vô cùng)
Lừa dối Tam bảo các chúng sinh (nguyện vãng sinh)
Chết đọa Nê-lê không ngày ra (vui vô cùng)
Ác khẩu hai lưỡi tham, sân, mạn (nguyện vãng sinh)
Tám vạn địa ngục đều cùng khắp (vui vô cùng)
Luận nói lỗi Tam bảo, người khác (nguyện vãng sinh)
Chết rồi đọa địa ngục cắt lưỡi (vui vô cùng)
Khắp khuyên chúng sinh giữ tam nghiệp (nguyện vãng sinh)
Đi đứng ngồi nằm niệm Di-đà (vui vô cùng)
Trong mọi lúc lại nhớ địa ngục (nguyện vãng sinh)
Phát khởi tăng thượng tâm vãng sinh (vui vô cùng)
Thệ nguyện chẳng làm nghiệp ba đồ (nguyện vãng sinh)
Lạc báo trời người cũng vô tâm (vui vô cùng)
Bỗng nhớ địa ngục khổ trường kiếp (nguyện vãng sinh)
Chẳng bỏ phút chốc quên An lạc (vui vô cùng)
An lạc nước Phật đất vô vi (nguyện vãng sinh)
Rốt ráo an thân thật là tinh (vui vô cùng)

- Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh)
Chỉ Phật một đạo riêng thanh nhàn (vui vô cùng)
Tịnh độ trang nghiêm mãi vô tận (nguyện vãng sinh)
Mười phương người vãng sinh vô cùng (vui vô cùng)
Ngàn kiếp vạn kiếp hằng sa kiếp (nguyện vãng sinh)

Tất cả người đi chẳng ngại gì (vui vô cùng)
Mười phương chúng sinh chưa từng giảm (nguyện vãng sinh)
Di-đà nước Phật cũng không tăng (vui vô cùng)
Di-đà nguyện lực tùy tâm lớn (nguyện vãng sinh)
Bốn thứ trang nghiêm đều khắp cùng (vui vô cùng)
Ba minh sáu thông thường tự tại (nguyện vãng sinh)
Khắp nhập vào tâm tưởng chúng sinh (vui vô cùng)
Thân Phật tướng hảo y tâm khởi (nguyện vãng sinh)
Tùy niệm liền hiện Phật vàng ròng (vui vô cùng)
Vàng ròng tức là tướng Di-đà (nguyện vãng sinh)
Hóa Phật viên quang hiện trước người (vui vô cùng)
Tướng hảo rất nhiều tám vạn tư (nguyện vãng sinh)
Mỗi mỗi ánh sáng chiếu mười phương (vui vô cùng)
Chẳng bị duyên khác sáng khắp chiếu (nguyện vãng sinh)
Chỉ tìm người niệm Phật vãng sinh (vui vô cùng)
Muôn hạn Hồi hướng đều được vãng (nguyện vãng sinh)
Một hạnh niệm Phật rất là quý (vui vô cùng)
Hồi hướng tạp thiện e sức yếu (nguyện vãng sinh)
Không bằng niệm một ngày bảy ngày (vui vô cùng)
Khi mạng lâm chung Thánh chúng hiện (nguyện vãng sinh)
Liền ngồi đài hoa đến nước báu (vui vô cùng)
Thanh tịnh đại hải chúng vô sinh (nguyện vãng sinh)
Xa thấy người sinh đều hoan hỉ (vui vô cùng)
Quán Âm tướng hảo không khác Phật (nguyện vãng sinh)
Từ bi cứu khổ mạnh vô cùng (vui vô cùng)

- Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh)
Chẳng trái Thầy dạy niệm Di-đà (vui vô cùng)
Cứu khổ tuy xa thế giới khác (nguyện vãng sinh)
Chúng sinh mau niệm đúng thời đến
Hoặc hiện tướng Thanh văn, Bồ-tát
Tùy duyên ưa thấy độ chúng sinh
Tâm bi cứu khổ vượt ba cõi
Từ tâm cho vui hẹn Niết-bàn (vui vô cùng)
Tùy theo chúng sinh thân có khác (nguyện vãng sinh)
Phân thân sáu đạo độ thời cơ (vui vô cùng)
Lễ niệm quán thân trừ tội chướng (nguyện vãng sinh)
Ngay đây phát nguyện rất Từ bi (vui vô cùng)

Trong tất cả thời duyên pháp giới (nguyện vãng sinh)
Nhiếp lấy sáu đạo mà hiện thân (vui vô cùng)
Mắt thấy tai nghe việc trong tâm (nguyện vãng sinh)
Tầm thinh cứu khổ trong thoáng chốc (vui vô cùng)
Mão trời hóa Phật cao ngàn dặm (nguyện vãng sinh)
Nghĩ báo Từ ân luôn đội đầu (vui vô cùng)
Giữa mày tướng lông sắc bảy báu (nguyện vãng sinh)
Sắc sắc tám vạn bốn ngàn sáng (vui vô cùng)
Sáng sáng hóa Phật chúng Bồ-tát (nguyện vãng sinh)
Biến khắp thần thông cõi Cực lạc (vui vô cùng)
Thân làm ánh sáng sắc vàng tía (nguyện vãng sinh)
Trong ngoài chiếu nhau như gương sáng (vui vô cùng)
Tất cả ánh sáng như anh lạc (nguyện vãng sinh)
Khắp thân treo đầy các ngọc báu (vui vô cùng)
Hai tay trang sức đủ màu hoa (nguyện vãng sinh)
Luôn đem tay này tiếp chúng sinh (vui vô cùng)
Giở chân ngàn xe in đất báu (nguyện vãng sinh)
Bước xuống hoa vàng đầy thế giới (vui vô cùng)
Bổn trụ tha phương nơi đi ngồi (nguyện vãng sinh)
Người gặp liền ngộ vô sinh nhẫn (vui vô cùng)
Địa tiền, địa thượng vốn không hai (nguyện vãng sinh)
Tùy căn lợi độn vượt hơn vị (vui vô cùng)
Trong các niệm niệm luôn được chứng (nguyện vãng sinh)
Chưa được, ra làm mới được ngộ (vui vô cùng)

- Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh)
Mạng chung đồng sinh được bất thoái (vui vô cùng)
Như đây tiêu diêu đất khoái lạc (nguyện vãng sinh)
Còn tham việc gì chẳng cầu sinh (vui vô cùng)
Cứu khổ phân thân bình đẳng hóa (nguyện vãng sinh)
Hóa được đưa về nước Di-đà (vui vô cùng)
Chúng đẳng đều nhờ sức đại Bi (nguyện vãng sinh)
Nát thân thẹn báo đáp Từ ân (vui vô cùng)

- Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh)
Quán Âm tiếp dẫn thấy Di-đà (vui vô cùng)
Thế Chí Bồ-tát oai quang lớn (nguyện vãng sinh)
Thân sắc tướng hảo như Quán Âm (vui vô cùng)

Trên thân ánh sáng khắp pháp giới (nguyện vãng sinh)
Chiếu đâu cũng toàn sắc vàng tía (vui vô cùng)
Chúng sinh có duyên được chiếu sáng (nguyện vãng sinh)
Thêm lớn trí tuệ sinh An lạc (vui vô cùng)
Đầu đội mão hoa đem anh lạc (nguyện vãng sinh)
Bình báu phóng quang hiện điềm lạ (vui vô cùng)
Thế Chí khi đi động pháp giới (nguyện vãng sinh)
Chỗ động hoa sen mọc đầy khắp (vui vô cùng)
Hoa sen trang nghiêm như Cực lạc (nguyện vãng sinh)
Tất cả nước Phật đều như thế (vui vô cùng)
Khi ngồi trước động nước Di-đà (nguyện vãng sinh)
Sau động trên dưới trần sa cõi (vui vô cùng)
Mỗi mỗi cõi nước phân thân đến (nguyện vãng sinh)
Đều là Di-đà ba hóa thân (vui vô cùng)
Hóa Phật Quán Âm Thế Chí họp (nguyện vãng sinh)
Khắp đầy hư không cõi Cực lạc (vui vô cùng)
Đều ngồi tòa hoa sen trăm báu (nguyện vãng sinh)
Khác miệng đồng thanh nói diệu pháp (vui vô cùng)
Chúng sinh Cực lạc nghe thấy ích (nguyện vãng sinh)
Vượt chứng bậc thường các địa trên (vui vô cùng)
Họp cõi làm lợi trần sa chúng (nguyện vãng sinh)
Nghe pháp cúng dường trải các kiếp (vui vô cùng)
Thế nên nước ấy gọi Cực lạc (nguyện vãng sinh)
Khắp khuyên đồng sinh luôn ức niệm (vui vô cùng)
Trong mọi lúc mặt quay hướng Tây (nguyện vãng sinh)
Tâm tưởng thấy thân Phật Di-đà (vui vô cùng)
Mặt đất trang nghiêm vô ức số (nguyện vãng sinh)
Lầu báu rừng cây treo chuỗi báu (vui vô cùng)
Ngồi ngay kiết già tưởng vãng sinh (nguyện vãng sinh)
Chú thẳng ao sen trong đại hội (vui vô cùng)
Tưởng vào hoa lại tưởng hoa khép (nguyện vãng sinh)
Rồi tưởng hoa nở thấy thân Phật (vui vô cùng)
Tưởng thấy Di-đà thân đủ màu (nguyện vãng sinh)
Sáng sáng phóng chiếu đến thân mình (vui vô cùng)
Lại tưởng thân mình từ quang chiếu (nguyện vãng sinh)
Tức tưởng lung linh tâm nhãn mở (vui vô cùng)
Tưởng thấy hư không các hóa Phật (nguyện vãng sinh)
Tưởng nghe rừng cây tấu nhạc trời (vui vô cùng)

Chim, nước và sóng nói diệu pháp (nguyện vãng sinh)
Tâm tâm chuyên chú tưởng khiến thành (vui vô cùng)
Chú tưởng khi thành nước thật hiện (nguyện vãng sinh)
Tức được hóa Phật đến gia bị (vui vô cùng)
Quán Âm Thế Chí thân vô số (nguyện vãng sinh)
Thường hiện đến bên người tu này (vui vô cùng)

- Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh)
Chuyên tâm tưởng Phật thấy vô nghi (vui vô cùng)
Phật biết chúng sinh trôi giạt lâu (nguyện vãng sinh)
Vô minh chướng nặng khó khai ngộ (vui vô cùng)
Phật sợ quán lớn khó cùng khắp (nguyện vãng sinh)
Liền dạy quán nhỏ ở trong ao (vui vô cùng)
Tưởng một hoa sen trăm lá báu (nguyện vãng sinh)
Hóa Phật trượng sáu ngồi đài hoa (vui vô cùng)
Thân tuy lớn nhỏ hay trừ chướng (nguyện vãng sinh)
Quán Âm Thế Chí đều đồng thế (vui vô cùng)
Bốn thứ oai nghi luôn sách tấn (nguyện vãng sinh)
Lâm chung chốc lát về tự nhiên (vui vô cùng)
Tự nhiên tức là nước Di-đà (nguyện vãng sinh)
Rốt ráo thường an không lui sụt (vui vô cùng)
Dẫu hết trăm năm như một ngày (nguyện vãng sinh)
Một ngày phút chốc sao đủ hẹn (vui vô cùng)
Thượng phẩm thượng sinh các phàm phu (nguyện vãng sinh)
Trì giới niệm Phật chuyên tụng kinh (vui vô cùng)
Ở trong mọi lúc đều mạnh mẽ (nguyện vãng sinh)
Lâm chung Thánh chúng tự đến đón (vui vô cùng)
Quán Âm, Thế Chí cầm hoa đến (nguyện vãng sinh)
Một lúc tiếp tay trên đài vàng (vui vô cùng)
Vô số hóa Phật chúng Bồ-tát (nguyện vãng sinh)
Xoa đầu khen ngợi theo Phật đi (vui vô cùng)
Trong khoảng một niệm đến nước Phật (nguyện vãng sinh)
Liền hiện chân dung chúng Bồ-tát (vui vô cùng)
Ánh sáng rừng báu đều nói pháp (nguyện vãng sinh)
Khi ấy liền ngộ vô sinh nhẫn (vui vô cùng)
Chốc lát khắp cúng Phật phương khác (nguyện vãng sinh)
Một niệm trở về được ngàn chứng (vui vô cùng)
Thượng phẩm trung sinh các phàm phu (nguyện vãng sinh)

Đọc tụng niệm Phật chuyên trì giới (vui vô cùng)
Một ngày bảy ngày đều Hồi hướng (nguyện vãng sinh)
Lâm chung Thánh chúng đều đến hiện (vui vô cùng)
Quán Âm Thế Chí cầm hoa đứng (nguyện vãng sinh)
Hành giả liền lên đài vàng tía (vui vô cùng)
Cùng ngàn hóa Phật đồng thời khen (nguyện vãng sinh)
Theo Phật phút chốc vào ao báu (vui vô cùng)
Một đêm chướng hết hoa nở ra (nguyện vãng sinh)
Thấy Phật liền muốn xuống đài vàng (vui vô cùng)
Chân chưa tiếp đất hoa nâng chân (nguyện vãng sinh)
Phật phóng sáng vàng chiếu vào thân (vui vô cùng)
Thẳng đến đứng trước Phật Di-đà (nguyện vãng sinh)
Khen Phật bảy ngày được vô sinh (vui vô cùng)
Phút chốc trải cúng Phật phương khác (nguyện vãng sinh)
Chứng được trăm ngàn môn Tam-muội (vui vô cùng)
Chỉ chút thời gian suốt ba kiếp (nguyện vãng sinh)
Liền vào Minh môn Hoan hỷ địa (vui vô cùng)

- Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh)
Trì giới làm thiện chẳng ở không (vui vô cùng)
Ở không tức tạo nghiệp luân hồi (nguyện vãng sinh)
Di-đà Tịnh độ có ai đến (vui vô cùng)
Nước sôi lửa cháy gấp tự bỏ (nguyện vãng sinh)
Chớ đợi người khác gây duyên sự (vui vô cùng)
Tham sân nhà lửa khổ thiêu đốt (nguyện vãng sinh)
Chướng nặng tâm ngoan chưa biết đau (vui vô cùng)
Biết đau tức đoạn nghiệp ngu si (nguyện vãng sinh)
Hối tâm tủi thẹn sinh An lạc (vui vô cùng)
An lạc tức là đất Kim cang (nguyện vãng sinh)
Phàm phu sáu đạo mất hẳn tên (vui vô cùng)

- Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh)
Cực lạc thanh nhàn thực là tinh (vui vô cùng)
Thượng phẩm hạ sinh các phàm phu (nguyện vãng sinh)
Tin sâu nhân quả chớ sinh nghi (vui vô cùng)
Tam nghiệp khởi làm nhiều kiêu mạn (nguyện vãng sinh)
Riêng phát tâm Bồ-đề vô thượng (vui vô cùng)
Hồi tâm niệm niệm sinh An lạc (nguyện vãng sinh)

Lâm chung liền thấy sen vàng đến (vui vô cùng)
Năm trăm hóa Phật, Quán Âm thảy (nguyện vãng sinh)
Cùng lúc đưa tay tiếp vào hoa (vui vô cùng)
Một niệm ngồi hoa đến ao báu (nguyện vãng sinh)
Một ngày một đêm hoa báu nở (vui vô cùng)
Hoa nở thấy Phật chướng nhẹ dần (nguyện vãng sinh)
Hai mươi mốt ngày sau mới tỏ tường (vui vô cùng)
Tai nghe tiếng chúng tâm được ngộ (nguyện vãng sinh)
Trải việc phương khác được thọ ký (vui vô cùng)
Mười kiếp chốc lát bất giác hết (nguyện vãng sinh)
Vào đến Minh môn Hoan hỷ địa (vui vô cùng)

- Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh)
Tận cùng làm hẹn chớ sinh nghi (vui vô cùng)
Nếu là thật đệ tử Thích-ca (nguyện vãng sinh)
Làm theo lời Phật sinh An lạc (vui vô cùng)
Chẳng được dông dài tin lời khác (nguyện vãng sinh)
Tùy duyên trị bệnh đều theo pháp (vui vô cùng)
Bỗng gặp nguy tai thân tự gấp (nguyện vãng sinh)
Đạo tục ngàn trùng chưa thể cứu (vui vô cùng)
Miệng nói việc không tâm làm oán (nguyện vãng sinh)
Thị phi nhân ngã như đồi núi (vui vô cùng)
Người mà như thế chớ nên gần (nguyện vãng sinh)
Gần thì luân hồi dài kiếp khổ (vui vô cùng)
Nghiêng tai chú tâm luôn học hỏi (nguyện vãng sinh)
Thân này tu đạo được vô sinh (vui vô cùng)
Nếu nghe pháp này lợi hiếm có (nguyện vãng sinh)
Chẳng màng thân mạng chỉ cầu được (vui vô cùng)
Nếu hay chuyên làm không tiếc mạng (nguyện vãng sinh)
Mạng dứt phút chốc sinh An lạc (vui vô cùng)

- Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh)
Niệm Phật tức là môn Niết-bàn (vui vô cùng)
Trung phẩm thượng sinh các phàm phu (nguyện vãng sinh)
Riêng học hạnh Thanh văn Duyên giác (vui vô cùng)
Giới định tuệ bi luôn mạnh mẽ (nguyện vãng sinh)
Một lòng Hồi hướng sinh An lạc (vui vô cùng)
Lâm chung hóa Phật Thanh văn đến (nguyện vãng sinh)

Hoa sen bảy báu trước hành giả (vui vô cùng)
Phật phóng ánh sáng chiếu thân đảnh (nguyện vãng sinh)
Hành giả tự thấy lên đài hoa (vui vô cùng)
Cúi đầu lễ Phật ở nước này (nguyện vãng sinh)
Ngẩng đầu đã vào cõi Di-đà (vui vô cùng)
Khi hoa ấy nở liền thấy Phật (nguyện vãng sinh)
Nghe nói bốn đế chứng chân như (vui vô cùng)

- Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh)
Thật ân nguyện lực Phật Di-đà (vui vô cùng)
Trung phẩm trung sinh các phàm phu (nguyện vãng sinh)
Một ngày một đêm trì các giới (vui vô cùng)
Hồi hướng giới phước thiện căn này (nguyện vãng sinh)
Thẳng đến nước An lạc Di-đà (vui vô cùng)
Lâm chung hóa Phật sư Tăng hiện (nguyện vãng sinh)
Hoa bảy báu đến trước hành giả (vui vô cùng)
Hành giả thấy hoa tâm mừng vui (nguyện vãng sinh)
Liền lên đài hoa theo Phật đi (vui vô cùng)
Trong khoảng một niệm vào nước báu (nguyện vãng sinh)
Vào thẳng ao báu nước bát đức (vui vô cùng)
Trong ao hoa sen vô ức số (nguyện vãng sinh)
Đều là người đồng hành mười phương (vui vô cùng)
Bảy ngày bảy đêm hoa sen nở (nguyện vãng sinh)
Hoa nở thấy Phật được chân đầu (vui vô cùng)

- Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh)
Khuyên tu thật hạnh chẳng dối người (vui vô cùng)
Trung phẩm hạ sinh các phàm phu (nguyện vãng sinh)
Hiếu dưỡng cha mẹ, giữ chữ tín (vui vô cùng)
Lâm chung gặp được Thiện tri thức (nguyện vãng sinh)
Nói bốn mươi tám nguyện của Di-đà (vui vô cùng)
Nghe nói chắp tay hướng tâm đến (nguyện vãng sinh)
Nương niệm liền được vào ao báu (vui vô cùng)
Trên tòa hoa sen bằng trăm báu (nguyện vãng sinh)
Bốn mươi chín ngày sau hoa báu nở (vui vô cùng)
Hoa nở thấy Phật, chúng trần sa (nguyện vãng sinh)
Một kiếp về sau chứng vô sinh (vui vô cùng)
Vô sinh tức là A-la-hán (nguyện vãng sinh)

La-hán hồi tâm hướng Đại thừa (vui vô cùng)
Đã phát rồi thì tâm nhỏ diệt (nguyện vãng sinh)
Thẳng đến Bồ-đề không lui sụt (vui vô cùng)
Cho nên Thiên Thân viết luận rằng: (nguyện vãng sinh)
Hạt giống Nhị thừa quyết không sinh (vui vô cùng)
Nên nói Đại thừa và thiện căn (nguyện vãng sinh)
Rốt ráo dứt hẳn lỗi bài báng (vui vô cùng)
Đại, tiểu, phàm phu đều nhiếp hóa (nguyện vãng sinh)
Vì trốn sáu đạo ba đường khó (vui vô cùng)
Nguyện ở cõi nước Phật Di-đà (nguyện vãng sinh)
Chứng cùng không chứng cũng nhàn nhã (vui vô cùng)
Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh)
Chóng vượt sinh tử khỏi Ta-bà (vui vô cùng)
Hạ phẩm hạ sinh các phàm phu (nguyện vãng sinh)
Tạo đủ mười ác không thiện khác (vui vô cùng)
Tăng trưởng vô minh lại khoái ý (nguyện vãng sinh)
Thấy người tu phước luôn chê bai (vui vô cùng)
Người ngu như thế khó giác ngộ (nguyện vãng sinh)
Bởi do ác tri thức nhiều duyên (vui vô cùng)
Chỉ biết trước mắt ham rượu thịt (nguyện vãng sinh)
Chẳng ngờ địa ngục đã ghi tên (vui vô cùng)
Một vào Nê-lê chịu khổ dài (nguyện vãng sinh)
Chợt nhớ có người Thiện tri thức (vui vô cùng)
Tội nhân lâm chung bị trọng bệnh (nguyện vãng sinh)
Thần thức cuống mê tâm đảo loạn (vui vô cùng)
Địa ngục rành rành hiện trước mắt (nguyện vãng sinh)
Mồ hôi đầm đìa tay quờ quạng (vui vô cùng)
Như đây khốn khổ khó thể cứu (nguyện vãng sinh)
Gặp được tri thức ân Di-đà (vui vô cùng)
Tay cầm lò hương dạy sám hối (nguyện vãng sinh)
Khuyên khiến chắp tay niệm Di-đà (vui vô cùng)
Một tiếng niệm Phật trừ các khổ (nguyện vãng sinh)
Năm trăm vạn kiếp tội đều tiêu (vui vô cùng)
Hóa Phật Bồ-tát theo tiếng đến (nguyện vãng sinh)
Ta nay đem hoa đến đón ngươi (vui vô cùng)
Hành giả thấy Phật sáng rỡ vui (nguyện vãng sinh)
Liền ngồi lên hoa sen bảy báu (vui vô cùng)
Phút chốc theo Phật về nước báu (nguyện vãng sinh)

Đến rồi liền vào thẳng ao báu (vui vô cùng)
Bốn mươi chín ngày hoa nở thấy Phật (nguyện vãng sinh)
Quán Âm, Thế Chí chiếu từ quang (vui vô cùng)
Trước mắt sáng trưng tâm được ngộ (nguyện vãng sinh)
Chắp tay mới phát tâm Bồ-đề (vui vô cùng)

- Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh)
Được thoát Tam đồ ân tri thức (vui vô cùng)
Nếu không tri thức dạy niệm Phật (nguyện vãng sinh)
Làm sao được vào nước Di-đà (vui vô cùng)
Hạ phẩm trung sinh các phàm phu (nguyện vãng sinh)
Phá giới trộm tăng khởi các tội (vui vô cùng)
Tà mạng nói pháp không xấu hổ (nguyện vãng sinh)
Phá giới nhân quả đánh sư Tăng (vui vô cùng)
Như người ngu này vào ngày chết (nguyện vãng sinh)
Khắp mình đau đớn chùy dao đâm (vui vô cùng)
Địa ngục lửa dữ đến bức ngặt (nguyện vãng sinh)
Lúc đó gặp được Thiện tri thức (vui vô cùng)
Phát đại từ bi dạy niệm Phật (nguyện vãng sinh)
Lửa dữ địa ngục thành gió mát (vui vô cùng)
Hoa trời bay lượn theo gió rơi (nguyện vãng sinh)
Hóa Phật Bồ-tát ngồi trên hoa (vui vô cùng)
Hành giả liền lên ngồi trên hoa (nguyện vãng sinh)
Phút chốc theo Phật vào ao báu (vui vô cùng)
Chướng nặng hoa nở vượt sáu kiếp (nguyện vãng sinh)
Hoa nở mới phát tâm Bồ-đề (vui vô cùng)

- Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh)
Nát thân thẹn cảm ân Thích-ca (vui vô cùng)
Hạ phẩm hạ sinh các phàm phu (nguyện vãng sinh)
Mười ác năm nghịch đều tạo đủ (vui vô cùng)
Như người ngu này tạo nhiều tội (nguyện vãng sinh)
Trải các địa ngục vô cùng kiếp (vui vô cùng)
Lâm chung bỗng gặp Thiện tri thức (nguyện vãng sinh)
Vì nói diệu pháp khiến an ổn (vui vô cùng)
Gió dao cắt xé ráng chịu đau (nguyện vãng sinh)
Dạy khiến niệm Phật không niệm được (vui vô cùng)
Bạn lành khuyên bảo chuyên chắp tay (nguyện vãng sinh)

Chánh niệm chuyên xưng Vô Lượng Thọ (vui vô cùng)
Tiếng tiếng chú tâm đủ mười niệm (nguyện vãng sinh)
Niệm niệm tiêu trừ chướng năm nghịch (vui vô cùng)
Báng pháp Xiển-đề làm mười ác (nguyện vãng sinh)
Hồi tâm niệm Phật tội đều trừ (vui vô cùng)
Người bệnh thân tâm biết tỉnh ngộ (nguyện vãng sinh)
Trước mắt liền có hoa vàng hiện (vui vô cùng)
Hoa vàng chiếu sáng người hành giả (nguyện vãng sinh)
Thân tâm vui vẻ lên hoa đài (vui vô cùng)
Ngồi hoa một niệm đến nước Phật (nguyện vãng sinh)
Vào thẳng trước ao đại hội Phật (vui vô cùng)
Tai ương chưa hết hoa khép lại (nguyện vãng sinh)
Mười hai kiếp sau mới nở hoa (vui vô cùng)
Lúc ngồi trong hoa không chút khổ (nguyện vãng sinh)
Vượt qua sắc giới vui tam thiền (vui vô cùng)

- Vui Ban-chu Tam-muội (nguyện vãng sinh)
Khỏi vào địa ngục ngồi sen vàng (vui vô cùng)
Thà hoa vàng khép trăm ngàn kiếp (nguyện vãng sinh)
Chẳng chịu địa ngục dù phút chốc (vui vô cùng)
Quán Âm, Thế Chí chiếu từ quang (nguyện vãng sinh)
Từ từ vì nói pháp an tâm (vui vô cùng)
Hành giả được nghe pháp hy hữu (nguyện vãng sinh)
Trí huệ pháp nhãn bỗng mở sáng (vui vô cùng)
Khi pháp nhãn mở thấy hội Phật (nguyện vãng sinh)
Liền phát vô thượng Bồ-đề tâm (vui vô cùng)
Hoặc ngồi hoặc đứng dạo xem chơi (nguyện vãng sinh)
Đến nơi chỉ nghe tiếng nói pháp (vui vô cùng)
Thân tâm chân lông đều được ngộ (nguyện vãng sinh)
Bồ-tát Thánh chúng đều đầy đủ (vui vô cùng)
Tự làm thần thông vào hội ấy (nguyện vãng sinh)
Nhớ xưa Ta-bà ân tri thức (vui vô cùng)
Nếu không Thích-ca khuyên niệm Phật (nguyện vãng sinh)
Di-đà Tịnh độ do đâu thấy (vui vô cùng)
Tâm niệm hương hoa khắp cúng dường (nguyện vãng sinh)
Dài lâu nhiều kiếp báo từ ân (vui vô cùng)
Khắp khuyên mười phương cõi sinh tử (nguyện vãng sinh)
Đồng tâm đoạn ác cùng vào hết (vui vô cùng)

Một vào Niết-bàn nước thường trụ (nguyện vãng sinh)
Suốt cả đời sau còn lo gì (vui vô cùng)
Trong lúc niệm niệm thường chứng ngộ (nguyện vãng sinh)
Thập địa hạnh nguyện tự nhiên thành (vui vô cùng)
Địa địa từ bi khéo phương tiện (nguyện vãng sinh)
Nhờ Phật làm Thầy không lầm ngộ (vui vô cùng)
Định thiện y kinh mười ba quán (nguyện vãng sinh)
Mỗi mỗi nói đủ việc trang nghiêm (vui vô cùng)
Đi đứng ngồi nằm thường quán sát (nguyện vãng sinh)
Thường niệm tâm nhãn thấy rõ ràng (vui vô cùng)
Tán thiện chín phẩm y kinh tán
Mỗi mỗi Hồi hướng đều được sinh
Định thiện một môn Vi-đề thỉnh (nguyện vãng sinh)
Tán thiện một hạnh Thích-ca khen (vui vô cùng)
Định tán đều hồi vào nước báu (nguyện vãng sinh)
Tức là Như Lai phương tiện lạ (vui vô cùng)
Vi-đề tức là tướng nữ nhân (nguyện vãng sinh)
Tham sân là vị đủ phàm phu (vui vô cùng)
Chán bỏ Ta-bà vào nước Phật (nguyện vãng sinh)
Liền hiện Cực lạc cõi trang nghiêm (vui vô cùng)
Được thấy Cực lạc tâm vui vẻ (nguyện vãng sinh)
Liền thấy Di-đà thành pháp nhẫn (vui vô cùng)
Năm trăm người nữ đồng bạch Phật (nguyện vãng sinh)
Thệ nguyện đồng sinh nước An lạc (vui vô cùng)
Khi ấy Thế Tôn đều ấn ký (nguyện vãng sinh)
Đồng được vãng sinh chứng Tam-muội (vui vô cùng)
Thích Phạm hộ đời được nghe không (nguyện vãng sinh)
Cũng đồng phát nguyện sinh An lạc (vui vô cùng)
Khắp khuyên có duyên cùng niệm Phật (nguyện vãng sinh)
Quán Âm, Thế Chí là đồng học (vui vô cùng)
Nếu hay niệm Phật người trung thượng (nguyện vãng sinh)
Nguyện được đồng sinh nhà Chư Phật (vui vô cùng)
Dài lâu nhiều kiếp chứng bên Phật (nguyện vãng sinh)
Đạo tràng diệu quả há là xa (vui vô cùng)

Kính thưa các hành giả. Phàm phu sinh tử chẳng thể tham mà không chán, Di-đà Tịnh độ chẳng thể khinh mà chẳng ham. Chán thì Ta-bà cách hẳn, ham thì Tịnh độ luôn ở. Cách thì quên nhân sáu đạo, quả luân hồi tự mất. Nhân quả đã quên thì hình sinh sớm dứt. Ngưỡng

mong các đồng sinh tri thức hãy khéo suy lường.

Nếu từ bỏ không thọ sinh mãi mãi thì cùng với không tánh đồng thời, đồng thời mà có tâm thức. Nếu cùng với cõi không đồng thời mà có, thì tất cả chúng sinh không nhân đâu mà xuất hiện. Tâm thức nếu không mà bổn nhân có tức việc đồng với gỗ đá. Nếu đồng với gỗ đá thì không có nghiệp nhân sáu đạo. Nghiệp nhân nếu không thì phàm Thánh khổ vui nhân quả ai biết ai hay. Lấy đạo lý này mà suy thì tất cả chúng sinh nhất định có tâm thức. Nếu có tâm thức thì tức cùng với cõi không đồng thời mà có. Nếu cùng với cõi không đồng thời có thì chỉ có Phật cùng Phật mới biết được đầu mối cội nguồn. Hành giả tự biết thân tâm mình cùng cõi không đồng thời có. Cho đến thân này ngày nay chẳng thể đoạn ác trừ tham, tất cả phiền não chỉ biết tăng nhiều. Lại khiến Thích-ca Chư Phật đồng khuyên chuyên niệm Di-đà, quán tưởng Cực lạc đến hết thân mạng này thì liền sinh nước An lạc, há chẳng phải là lợi ích lớn dài lâu ư? Các hành giả hãy nỗ lực cố gắng khuyên nhau cùng làm, luôn tủi thẹn cảm tạ ân sâu của Phật, nên biết.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 172

TẬP CHƯ KINH LỄ SÁM NGHI

SỐ 1971

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1982

CÁC VĂN LỄ PHẬT SÁM HỐI

Sa-môn Trí Thăng ở chùa (Tây) Sùng phước, đời Đường soạn.

QUYỂN THƯỢNG

Tất cả kính lễ

Kính lễ thường trú Tam bảo

Tất cả mọi người đều quỳ xuống, kính cầm hương hoa như pháp cúng dường.

Nguyện đem hương báu này
Biến khắp mười phương cõi
Cúng dường tất cả Phật
Hóa Phật và Bồ-tát
Vô số chúng Thanh văn
Thọ hoa mây báu này
Để làm đài quang minh
Khắp ở vô biên cõi

Vô lượng vô biên cõi Phật đều nhận làm Phật sự. Cúng dường xong, tất cả cung kính, tay cầm hương hoa như pháp hành đạo, tất cả đều tụng:

Sắc thân đẹp của Phật
Thế gian không ai bằng
Không sánh, không nghĩ bàn
Cho nên con kính lễ.
Sắc thân Phật vô tận
Trí tuệ cũng như vậy

Tất cả pháp thường trụ
Cho nên con nương theo.
Kính lễ thường trú Tam bảo
Tán Phật và chú nguyện.

Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Phật có vô lượng công đức như thế, tán thán không thể cùng tận. Dùng thiện căn này và tất cả thiện căn đã làm, đang làm và sẽ làm để làm lợi ích cho Pháp giới chúng sinh đều được lìa khổ đến giải thoát, xả tà quy chánh, phát tâm Bồ-đề, vĩnh viễn xa lìa được ba chướng, thường được gặp hết thảy chư Bồ-tát, và các bậc Thiện tri thức, hằng nghe chánh pháp, phước trí đầy đủ, không bao lâu sẽ thành Phật.

Nam-mô Đông phương Tu-di Đăng Quang Minh Như Lai thập phương Phật đẳng nhất thiết Chư Phật.

Nam-mô Tỳ-bà-thi Như Lai quá khứ thất Phật đẳng nhất thiết Chư Phật.

Nam-mô Phổ Quang Như Lai ngũ thập tam Phật đẳng nhất thiết Chư Phật.

Nam-mô Đông phương Thiện Đức Như Lai thập phương Phật đẳng nhất thiết Chư Phật.

Nam-mô Câu-na-đề Như Lai hiền kiếp thiên Phật đẳng nhất thiết Chư Phật.

Nam-mô Thích-ca Mâu-ni Như Lai Tam thập ngũ Phật đẳng nhất thiết Chư Phật.

Nam-mô Đông phương A-súc Như Lai thập phương vô lượng Phật đẳng nhất thiết Chư Phật.

Nam-mô Bảo Tập Phật
Nam-mô Bảo Thắng Phật
Nam-mô Thành Tựu Lô-xá-na Phật
Nam-mô Lô-xá-na Cảnh Tượng Phật
Nam-mô Lô-xá-na Quang Minh Phật
Nam-mô Bất Động Phật
Nam-mô Đại Quang Minh Phật
Nam-mô Vô Lượng Thanh Như Lai (ba lần)
Nam-mô A-di-đà Cù-sa Phật
Nam-mô Đại Xưng Phật
Nam-mô Bảo Quang Minh Phật
Nam-mô Đắc Đại Vô Úy Phật

Nam-mô Nhiên Đăng Hỏa Phật
Nam-mô Thật Thanh Phật
Nam-mô Vô Biên Vô Cấu Phật
Nam-mô Nguyệt Thanh Phật
Nam-mô Vô Biên Xưng Phật
Nam-mô Nhật Nguyệt Quang Minh Thế Tôn (ba lần)
Nam-mô Vô Cấu Quang Minh Phật
Nam-mô Thanh tịnh Quang Minh Phật
Nam-mô Nhật Quang Minh Phật
Nam-mô Vô Biên Bảo Phật
Nam-mô Hoa Thắng Phật
Nam-mô Diệu Thân Phật
Nam-mô Pháp Quang Minh Thanh tịnh Khai Phu Liên Hoa Phật

Nam-mô Hư không công đức Thanh tịnh vi trần đẳng, mục đoan chánh công đức tướng quang minh, hoa ba-đầu-ma, lưu ly quang bảo thể hương, tối thượng hương cúng dường ngật, chủng chủng trang nghiêm đảnh kế vô lượng vô biên nhật nguyệt quang minh nguyện lực trang nghiêm, biến hóa trang nghiêm pháp giới xuất sinh vô chướng ngại vương Như Lai.

Nam-mô Hào Tướng Nhật Nguyệt Quang Minh bảo liên hoa kiên như Kim cang thân, Tỳ-lô-giá-na vô chướng ngại nhãn viên mãn thập phương phóng quang chiếu nhất thiết Phật sát tướng vương Như Lai.

Rộng vì bốn ân, ba cõi và pháp giới chúng sinh, dứt trừ ba chướng, quy mạng sám hối. Như thế đồng hết thảy thế giới Chư Phật Thế Tôn thường trụ ở đời. Chư Thế Tôn sẽ thương xót con, nghĩ đến con, chứng biết cho con. Nếu đời này hay đời trước của con, từ vô thỉ kiếp sinh tử đã qua, những tội chúng con đã làm, hoặc tự làm, hoặc dạy người làm, thấy người làm vui theo, hoặc tháp, hoặc Tăng, của tứ phương Tăng, hoặc tự lấy, hoặc dạy người lấy, thấy lấy vui theo. Đối với các tội nặng như ngũ nghịch, vô gián. Hoặc tự làm hay dạy người làm, thấy làm vui theo. Đối với mười điều bất thiện hoặc tự làm, hay dạy người làm, hoặc thấy người khác làm mà vui theo. Đối với những tội chướng đã làm hoặc che giấu, hoặc không che giấu, phải đọa địa ngục, ngạ quỷ súc sinh, bao nhiêu đường ác khác, hoặc sinh chốn biên địa, dòng hạ tiện hoặc sinh làm kẻ ác kiến (Miệt-lệ-xa). Những tội chướng đã làm như thế, hôm nay con đều xin sám hối.

Nay Chư Phật Thế Tôn, sẽ chứng biết cho con, sẽ nhớ nghĩ đến con. Con lại đối trước Chư Phật Thế Tôn thốt lên lời nguyện rằng: Nếu

ở đời này hay nhiều đời trước của con từng thực hành bố thí, hoặc giữ gìn tịnh giới, cho đến thí cho súc sinh một vắt cơm, hoặc tu Tịnh hạnh có được thiện căn, thành tựu cho chúng sinh có được thiện căn tu hạnh Bồ-đề có được thiện căn, cầu vô thượng trí có được thiện căn tất cả công đức có được đều đem Hồi hướng về A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Như Chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại đã Hồi hướng con cũng Hồi hướng như vậy.

Các tội đều sám hối
Các phước đều tùy hỷ
Và công đức thỉnh Phật
Nguyện thành trí Vô thượng
Phật khứ lai hiện tại
Tối thắng hơn chúng sinh.
Vô lượng biển công đức
Con nay cúi đầu lễ
Tất cả đều tụng.

Nam-mô Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật, là đại thần chú, là đại minh chú, là vô thượng chú, là vô đẳng đẳng chú.

Ở cõi đời như hư không,
Như hoa sen không thấm nước
Tâm Thanh tịnh vượt hơn kia,
Cúi đầu lễ đấng Vô thượng.
Nguyện đem công đức này,
Hồi hướng cho tất cả
Đệ tử và chúng sinh
Đều đồng thành Phật đạo.

Lễ Phật xong cung kính:

- Tự quy y Phật, nên nguyện chúng sinh, noi theo đại đạo, phát tâm Vô thượng.
- Tự quy y Pháp, nên nguyện chúng sinh, thấu hiểu kinh tạng, trí tuệ như biển.
- Tự quy y Tăng, nên nguyện chúng sinh, thâu nhiếp đại chúng, tất cả không ngại.

Nguyện các chúng sinh nghe nói kệ vô thường của thời gian.

Ngày nay đã qua,
Thời gian khó giữ,
Chỉ quán thân này,
Niệm niệm qua mau

Đời người trăm năm,
Nào ai giữ được
Cho nên đại chúng,
Chuyên tâm hành đạo,
Các hành vô thường,
Là pháp sinh diệt,
Sinh diệt diệt rồi,
Tịch diệt là vui.
Như Lai chứng Niết-bàn,
Dứt hẳn được sinh tử
Nếu một lòng lắng nghe,
Thường được vui vô lượng.

Quyển Thứ Nhất: KINH THẬP PHƯƠNG PHẬT DANH

Tất cả kính lễ:
- Kính lễ thường trú Tam bảo.
Tất cả đều tụng:
Sắc thân đẹp của Phật,
Thế gian không ai bằng
Không sánh, không nghĩ bàn,
Cho nên con kính lễ
Sắc thân Phật vô tận,
Trí tuệ cũng như vậy
Tất cả pháp thường trụ,
Cho nên con nương theo.
Kính lễ thường trú Tam bảo.
Tán Phật chú nguyện:
Trên trời dưới đất không ai bằng
Mười phương thế giới cũng không bì
Những gì trên trời ta thấy hết
Tất cả không có ai bằng Phật.
Kính lễ Thích-ca Mâu-ni Phật.
Kính lễ Đương Lai Di-lặc Tôn Phật.
Kính lễ Đông phương Thiện Đức Như Lai nhất thiết Chư Phật.
Kính lễ Đông Nam phương Vô Ưu Đức Như Lai nhất thiết Chư

Phật.

Kính lễ Nam phương Chiên-đàn Công Đức Như Lai nhất thiết Chư Phật.

Kính lễ Tây Nam phương Bảo Thí Như Lai nhất thiết Chư Phật.

Kính lễ Tây phương Vô Lượng Minh Như Lai nhất thiết Chư Phật.

Kính lễ Tây Bắc phương Hoa Đức Như Lai nhất thiết Chư Phật.

Kính lễ Bắc phương Tướng Đức Như Lai nhất thiết Chư Phật.

Kính lễ Đông Bắc phương Tam Thừa Hạnh Như Lai nhất thiết Chư Phật.

Kính lễ Thượng phương Quảng Chúng Đức Như Lai nhất thiết Chư Phật.

Kính lễ Hạ phương Minh Đức Như Lai nhất thiết Chư Phật.

Kính lễ Hiền kiếp thiên Phật, thiên ngũ bách Phật.

Kính lễ Ngũ bách Hoa thủ bách ức Kim cang tạng Phật.

Kính lễ Tam thập ngũ Phật, ngũ thập tam Phật.

Kính lễ Quá khứ, hiện tại, vị lai tam thế Chư Phật.

Kính lễ Xá-lợi, hình tượng, phù đồ, miếu tháp.

Kính lễ Thập Nhị Bộ Tôn Kinh Thậm Thâm Pháp Tạng.

Kính lễ chư đại Bồ-tát nhất thiết Hiền Thánh.

Phụng vì hai mươi tám tầng trời Thích Phạm vương, kính lễ thường trụ Tam bảo.

Phụng vì chư Long thần đẳng phong vũ thuận thời. Kính lễ thường trụ Tam bảo.

Phụng vì các Thầy ở quá khứ và hiện tại thường đạo thủ. Kính lễ thường trú Tam bảo.

Phụng vì Thiên hoàng, thiên hậu Thánh hóa vô cùng. Kính lễ thường trú Tam bảo.

Phụng vì chư vương, công chúa, bách quan văn võ. Kính lễ thường trú Tam bảo.

Phụng vì cha mẹ, hiện tại, chư Thiện tri thức. Kính lễ thường trú Tam bảo.

Phụng vì thập phương thí chủ lục độ đều viên mãn. Kính lễ thường trú Tam bảo.

Phụng vì các người, thần quá vãng ở cõi này được sinh Tịnh độ. Kính lễ thường trú Tam bảo.

Phụng vì vị thần ủng hộ chốn Tăng già lam và các quyến thuộc của họ. Kính lễ thường trú Tam bảo.

Phụng vì Bốn phương thái bình, đao binh dừng nghĩ. Kính lễ thường trú Tam bảo.

Phụng vì chúng sinh chịu khổ trong tam đồ, bát nạn. Kính lễ thường trú Tam bảo.

Phụng vì chúng sinh trong pháp giới xa lìa ba chướng quy mạng sám hối.

Chí tâm sám hối.
Thập phương vô lượng Phật
Chỗ biết không cùng tận
Con nay đối trước Phật
Phát lộ, hối các tội.
Tất cả là chín loại
Khởi từ ba phiền não
Đời này hoặc đời trước
Có tội sám hối hết
Ở trong ba đường ác
Nếu phải thọ nghiệp báo.
Nguyện thân này đền trả
Không thọ vào đường ác.

Sám hối rồi (chúng) con quy mạng lễ Tam bảo.

Chí tâm khuyến thỉnh
Mười phương tất cả Phật
Bậc thành Phật hiện tại
Con thỉnh chuyển pháp luân
An lạc cho chúng sinh.
Mười phương tất cả Phật
Nếu muốn nhập Niết-bàn
Con sẽ cúi đầu lễ
Khuyến thỉnh mời ở lại.

Khuyến thỉnh rồi, (chúng) con chí thành đảnh lễ Tam bảo.

Chí tâm tùy hỷ
Tất cả phước bố thí
Trì giới tu thiền hạnh
Từ thân, khẩu, ý sinh
Tất cả trong ba đời
Người tu tập ba thừa
Người đầy đủ ba thừa
Tất cả phước phàm phu

Chúng con đều tùy hỷ

Tùy hỷ rồi, chúng con chí thành đảnh lễ Tam bảo.

Chí tâm Hồi hướng
Các phước đức của con
Tất cả đều hòa hợp
Chính vì cho chúng sinh
Hồi hướng về Phật đạo.

Hồi hướng rồi, (chúng) con chí thành đảnh lễ Tam bảo.

Chí tâm phát nguyện
Nguyện tất cả chúng sinh
Đều phát tâm Bồ-đề
Giữ tâm thường suy nghĩ
Mười phương tất cả Phật
Lại nguyện các chúng sinh
Phá dứt các phiền não
Thấy rõ được Phật tánh
Giống như các diệu đức.

Phát nguyện rồi (chúng) con chí thành đảnh lễ Tam bảo.

Chư đại đức muốn cầu cái vui tịch diệt, phải học pháp Sa-môn, áo cơm nuôi thân mạng, tinh thô tùy theo chúng sang nay ngày mỗi người đủ sáu niệm. Sáu niệm rồi phải cung kính lễ Phật.

- Tự quy y Phật, nên nguyện chúng sinh, noi theo đạo cả, phát tâm Vô thượng.

- Tự quy y Pháp, nên nguyện chúng sinh, thấu hiểu kinh tạng, trí huệ như biển.

- Tự quy y Tăng, nên nguyện chúng sinh, thâu nhiếp đại chúng, tất cả không ngại.

Nguyện các chúng sinh, tam nghiệp Thanh tịnh, phụng trì chánh pháp, kính lễ Thánh chúng.

Chú Đại Tập kinh.

Nam-mô Phật đà da, hô lô lô, tất độ lô, già phú bà ngặt lợi ba, tất đàn ni bộ lò ni sa bà ha.

Chú này rút ra từ kinh Đại Tập, tụng chú này một biến tương đương với tụng cả mười hai bộ kinh một lượt. Lại phải lạy một vạn năm ngàn Đức Phật, bốn mươi vạn tám ngàn năm trăm biến. Lại nữa, trên thân người trì chú như cát bụi trong đại địa. Làm như vậy các tội đều tiêu diệt.

Nam-mô cứu khổ Quán Thế Âm Bồ-tát Ma-ha-tát (ba lần).

Kế đến ca ngợi công đức của mười niệm. Thiện căn rộng lớn là tư lương, lợi ích cho người chết, đài hoa, các hoa giữa hư không đến nghinh tiếp. Tòa báu, giường báu trên hư không đến tiếp. Ngồi trên điện Ma-ni nghe thuyết pháp khổ không.

Trong ao Bát-nhã rửa sạch tâm cấu bẩn. Quán Âm hóa Phật làm chứng minh, Di-lặc ngồi trước thọ ký rõ ràng, nhân duyên của lục thân quyến thuộc thất tộc, trăm phước trang nghiêm, trời rồng hộ vệ. Tam đồ dứt khổ, địa ngục ngừng đau đớn, rộng đến vong linh đồng thời lìa khổ, kính lễ Thánh chúng bố thí đứng đầu vạn hạnh, xả bỏ lìa được sự xan tham. Cho nên, nay thí chủ đem của cải bố thí, vì thiện căn thù thắng này có quả báo vô cùng tận đến các chúng sinh bị khổ đương lai thành Phật đạo.

Kệ bố thí cháo, Thiên Đế Thích nói:

Trì giới Thanh tịnh như chỗ thọ,
Cung kính theo thời dùng cháo thí
Mười lợi nhiêu ích cho hành giả,
Sắc lực họ lạc lời trong sạch
Bữa ăn tối trừ bệnh đói khát,
Đây là thuốc tốt Phật đã nói.
Muốn được sinh thiên hưởng vui dài
Phải nên dùng cháo cúng chúng Tăng.
Nam-mô Thập phương vô biên tế,
Tất cả Chư Phật của ba đời
Đẳng không bất động trí chân như,
Thanh tịnh trong sáng Am-ma-la
Thanh tịnh pháp thân Tỳ-lô-giá,
Viên mãn báo ứng Lô-xá-na
Ứng hóa sắc thân Thiên bách ức,
Thích-ca Mâu-ni hiện Ta-bà.
Ba thân Phật đồng tất cả vậy
Nên con đảnh lễ Chư Phật Đà
Nam-mô Thập phương vô biên tế,
Tất cả Chư Phật trong ba đời.
Thân Chư Phật như tấm gương sáng,
Tâm con sạch như ngọc ma-ni
Chư Phật ắt đến nhập thân con,
Con lại nhập khắp thân Chư Phật.
Kia đây thể nhập như gương ảnh,

Không đến không đi thể trống rỗng
Không chướng không ngại, không sinh diệt
Nên con đảnh lễ tâm chân như
Nam-mô thập phương vô biên tế,
Tất cả Chư Phật trong ba đời
Chân thân Chư Phật đều như gương,
Khéo hiện tướng Thánh phàm chân thân.
Mỗi một thân hiện tất cả thân,
Trông tất cả thân thân vô lượng
Pháp tánh Thanh tịnh thể viên dung,
Thân tướng thể nhập không chướng ngại
Pháp thân ở đầy khắp pháp giới,
Nên con đảnh lễ Như Lai tạng
Nam-mô thập phương vô biên tế
Tất cả Chư Phật trong ba đời
Tâm Thánh phàm chính thật Như Lai
Đầy đủ tất cả công đức tài.
Trí tuệ quang minh thường chiếu khắp
Tự tánh Thanh tịnh nguồn tâm mở
Thường lạc ngã tịnh chân thức trí
Thanh tịnh không đổi rõ trước sau
Nương lâu trong đạo thành Chánh giác
Nên con đảnh lễ tâm Như Lai.
Nam-mô thập phương vô biên tế
Tất cả Chư Phật trong ba đời
Pháp thân thật tướng trí chân như,
Yên lặng đầy đủ khắp thế giới.
Tất cả các pháp tạng tổng trì
Tổng trì là tâm năng thiện thệ
Không tin thấy nghe và cảm biết,
Vô tri thấy giác, giác chân chánh.
Tự giác, giác tha Phật không hai
Nên con đảnh lễ thân Phật tánh
Nam-mô thập phương vô biên tế
Tất cả Chư Phật trong ba đời.
Chánh chân chánh đạo tâm đại bi
Tự tánh Thanh tịnh rất thâm sâu
Không tu không làm không thấy đắc,

Lìa danh dứt tưởng không thể tìm
Không làm hữu vô nhỏ khó thấy
Các ma ngoại đạo không thể vào
Thường trú đầy đủ không thêm bớt
Nên con đảnh lễ tâm Bồ-đề.
Nam-mô thập phương vô biên tế
Tất cả Chư Phật trong ba đời
Tánh Phật, chúng sinh vốn Thanh tịnh
Trước sau tự nhiên tự tại mãi
Thanh tịnh vắng lặng rất nhiệm mầu,
Thể không sinh diệt tánh thường trụ
Đã không phân biệt không tăng giảm
Vạn đức viên mãn không đầu mối,
Đủ tám tự tại chân thường lạc,
Nên con đảnh lễ đại Niết-bàn.
Nam-mô thập phương vô biên tế
Tất cả Chư Phật trong ba đời.
Tâm tánh Thánh phàm mãi như như,
Lìa tất cả không, có, trái, phải
Ba cõi sáu đường thể vắng lặng,
Chỉ có tánh không nghĩa đệ nhất
Sáng suốt chiếu khắp thường vắng lặng
Muốn hiển chân như và lời nói
Liễu đạt các pháp không năng sở
Nên con đảnh lễ trí Bát-nhã.
Nam-mô thập phương vô biên tế.
Tất cả Chư Phật trong ba đời
Tâm tánh Thánh phàm rỗng không nhân
Chiếu khắp mười phương vô biên tế
Thể vắng chân như đầy hư không,
Thật tướng vắng lặng khắp pháp giới
Tất cả Chư Phật chư pháp tạng
Tổng trì là tâm năng thiện thệ.
Không có một pháp tâm bất tịnh
Nên con đảnh lễ Đại Minh Tuệ.
Nam-mô thập phương vô biên tế
Tất cả Chư Phật trong ba đời
Tâm tánh Thánh phàm vốn chân thật

Bản tánh Thanh tịnh cùng nói bày
Phi không phi hữu không năng sở,
Lại có thể làm nhân các pháp
Kiến lập sinh trưởng tất cả pháp
Không năng không sở không năng nhân
Lặng mà thường dùng không Tăng giảm
Nên con đảnh lễ thân pháp tánh
Nam-mô thập phương vô biên tế,
Tất cả Chư Phật trong ba đời
Tâm tánh Thánh phàm thể vắng lặng,
Xa lìa vô minh sự tối tăm
Thường đốt đuốc tánh giới định tuệ,
Giải thoát tri kiến đèn tri kiến
Năm chúng hòa hợp không tranh cãi,
Tịch quang chiếu khắp không thương ghét
Năm phần pháp thân thường Thanh tịnh
Nên con đảnh lễ vô vi Tăng
Nam-mô thập phương vô biên tế
Tất cả Chư Phật trong ba đời
Tâm tánh Thánh phàm lìa danh sắc
Mà thấy danh sắc tướng trang nghiêm
Tâm tịnh pháp thân là hạng nhất,
Có thể thấy sắc đồng pháp tánh
Trí thân, pháp thân báo ứng đồng
Sắc thân không hai thể vắng lặng
Tùy theo cảm ứng hóa các thân
Nên con đảnh lễ chúng hiền Thánh.
Vì thế lễ bình đẳng
Không lễ mà lại lễ
Một lễ khắp muôn loài
Đồng hội thể thật tướng.
Nhất tâm kính lễ thường trú Tam bảo.
Phổ thỉnh quy y Phật,
Chủng tử các ma trừ
Chân như bình đẳng hiện
Thấy tánh hội vô dư
Phổ thỉnh quy y pháp
Hằng sa kinh tạng mở

Tâm thâu nhiếp trong cảnh
Không đến cũng không đi.
Phổ thỉnh quy y Tăng
Mở lối vào như nước
Thần quang Vô tránh hiện
Đồng về thuyền Bát-nhã
Chí tâm sám hối.
Sám hết các tội của sáu căn,
Ngày xưa mê chân lầm chấp chân
Nay biết chân vọng vốn là một,
Sinh tử vắng lặng nhân Niết-bàn
Thông đạt các pháp tâm thấu rõ
Bồ-đề diệu tướng dứt thân sơ
Trí tuệ vô ngại sư tử hống
Nghiền các phiền não làm vi trần
Trong mỗi một trần vô lượng Phật
Mỗi Đức Phật hiện vô số thân
Hằng sa công đức hiện ở trong đó,
Tất cả Tam bảo tâm tổng trì
Bình đẳng chân như thật Tịnh độ
Biển tánh Kim cang tuệ soi thấu
Đều nguyện chúng sinh đồng chứng đây
Phổ thỉnh mở tâm thấy pháp thân.

Bài văn Ngài Văn-thù-sư-lợi lễ pháp thân Phật.

Chí tâm quy mạng lễ
Chân như pháp thân Phật
Nguyện cùng các chúng sinh
Đồng về biển chân như
Không sắc không hình tướng
Không căn không chỗ trụ
Vì không sinh không diệt
Kính lễ vô sở quán
Không đi cũng không đứng
Không lấy cũng không bỏ
Vì xa lìa lục nhập
Kính lễ vô sở quán
Vượt qua khỏi ba cõi

Đồng đẳng với hư không
Vì không nhiễm các dục
Kính lễ vô sở quán
Ở trong các oai nghi
Đi đứng và ngủ nghỉ
Thường ở trong tịch tịnh
Kính lễ vô sở quán
Đến đi đều bình đẳng
Đã ở trong bình đẳng
Nên không hoại bình đẳng
Kính lễ vô sở quán
Vào các định vô tướng
Thấy các pháp vắng lặng
Vì thường vào vắng lặng
Kính lễ vô sở quán
Chư Phật tướng hư không
Hư không cũng vô tướng
Vì lìa các nhân quả
Kính lễ vô sở quán
Hư không không giới hạn
Thân Chư Phật cũng vậy
Vì tâm đồng hư không
Kính lễ vô sở quán
Phật thường ở thế gian
Mà không nhiễm thế gian
Không phân biệt thế gian
Kính lễ vô sở quán
Các pháp do như huyễn
Như huyễn không thể đắc
Vì lìa các pháp huyễn
Kính lễ vô sở quán
Dùng lễ bình đẳng này
Không lễ mà lại lễ
Một lễ khắp muôn loài
Đồng hợp thể thật tướng.

Rộng vì bốn ân ba cõi và chúng sinh trong sáu đường, dứt trừ ba chướng, phát tâm Bồ-đề, quy mạng sám hối.

- Chí tâm sám hối.

Đệ tử chúng con từ vô thỉ đến nay, vì mê căn chạy theo tình ái, vọng cho là thân tâm, mình và người sống một cách phân biệt, do đó khởi lên ác nghiệp, luống uổng phải thọ thân trong sáu đường, quán sát tìm căn của nó mà không thấy được nguồn chân. Biển tam độc tham sân si, chân thật là Niết-bàn. Ngày nay tự sám hối, không quay lại sự buông lung. Các tội trong ngàn vạn kiếp, tiêu sạch trong một niệm. Sám hối rồi, chí tâm quy mạng lễ Tam bảo.

- Chí tâm khuyến thỉnh.

Mười phương ba đời Đại Từ Tôn, xin nguyện thường trú chớ nhập diệt chúng sinh trong ba cõi mê mờ chưa ngộ được, thế nào sớm thấy được nguồn chân, đem tâm đuổi tâm không tự biết, vọng chấp điên đảo mãi trầm luân, xin nguyện Đức Từ Tôn thương xót nhận lời thỉnh, dùng các thứ phương tiện tiếp dẫn chúng sinh. Khuyến thỉnh rồi, chí tâm quy mạng lễ Tam bảo.

- Chí tâm tùy hỷ.

Quá khứ đã thành Phật, số đó như hằng sa, người tu học đời sau, sớm lớn mầm Bồ-đề, tam giới không căn bản, giống như hoa hư không, xin nguyện suy nghĩ kỹ nhập vào chánh thọ cùng dạo chơi với Chư Phật trong pháp giới, tùy hỷ rồi, chí tâm quy mạng lễ Tam bảo.

- Chí tâm Hồi hướng.

Từ vô thỉ đến nay tâm phiêu lãng, chưa từng một niệm Hồi hướng đúng, ngày nay mới ngộ được tâm vô sinh, xưa đã mê mờ tự gây nghiệp chướng. Xin nguyện người học như Chư Phật, lìa niệm phân biệt Hồi hướng đúng. Hồi hướng rồi, chí tâm quy mạng lễ Tam bảo.

- Chí tâm phát nguyện.

Nguyện tất cả chúng sinh thấy được nguồn tâm, mau lìa phiền não vượt biển khổ, sớm chứng thân trung đại Niết-bàn. Xin nguyện Từ Tôn gia hội niệm. Chớ bị kẹt ở có không do cái thấy sinh ra. Phát nguyện rồi, chí tâm quy mạng lễ Tam bảo.

Đây tức là nương nơi kinh Hoa Nghiêm phát mười đại nguyện.

Nguyện thứ nhất là nguyện đệ tử trong tất cả kiếp, ở trong tất cả chỗ sinh ra thường cung kính cúng dường tất cả Chư Phật cùng tận vị lai không có ngơi nghĩ.

Nguyện thứ hai là: Nguyện đệ tử thường thọ trì tất cả pháp tạng soi xét của Chư Phật Như Lai, tức tự khai mở ngộ không do người khác, cùng tận vô lượng không có ngừng nghỉ.

Nguyện thứ ba là: Nguyện đệ tử tất cả Đạo tràng của Chư Phật ngồi thường ở trong đó nhiếp pháp làm đầu. Thỉnh chuyển pháp luân

cùng tận vô lậu không có ngơi nghỉ.

Nguyện thứ bốn là: Nguyện tất cả đệ tử thường hành tất cả đại nguyện đại hạnh của Bồ-tát, cùng tận vị lai không có ngừng nghĩ.

Nguyện thứ năm là: Nguyện tất cả đệ tử thường có thể giáo hóa tất cả chúng sinh, hoặc sinh bằng trứng, sinh bằng thai, sinh ra ở nơi ẩm ướt hoặc là do hóa sinh; hoặc có sắc hoặc không sắc; hoặc có tưởng hoặc không tưởng, hoặc phi hữu tưởng hoặc phi vô tưởng. Ta đều khiến cho tất cả nhập vô dư Niết-bàn, diệt độ như thế vô lượng vô biên chúng sinh thật không có chúng sinh được diệt độ, cùng tận vị lai không có ngừng nghỉ.

Nguyện thứ sáu là: Nguyện tất cả đệ tử thường biết tất cả quốc độ của Chư Phật như ở trước mặt, cùng tận vị lai không có nghỉ ngơi.

Nguyện thứ bảy là: Nguyện tất cả đệ tử thường có thể nghiêm tịnh tất cả quốc độ của Chư Phật, cùng tận vị lai không có ngừng nghỉ.

Nguyện thứ tám là: Nguyện tất cả đệ tử thường không lìa tất cả Chư Phật, Bồ-tát và Thiện tri thức đồng tâm tu hành tích chứa các thiện căn, cùng tận vị lai không có dừng nghỉ.

Nguyện thứ chín là: Nguyện tất cả đệ tử những thứ gì thuộc tam nghiệp, nếu có chúng sinh thấy nghe không có luống qua, như cây đại dược vương, như thân ngọc như ý, cùng tận vị lai không dừng nghỉ.

Nguyện thứ mười là: Nguyện tất cả đệ tử đều thành chánh giác chuyển đại pháp luân, độ thoát tất cả chúng sinh, cùng tận vị lai không có ngừng nghỉ.

Nguyện đem tất cả thiện căn lễ Phật, hành đạo, sám hối, phát nguyện, đốt hương, thắp đèn nay đã tu được đều Hồi hướng cho tất cả chúng sinh. Nguyện cho tất cả chúng sinh lìa khỏi tất cả các chốn địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, Diêm-la-vương thọ khổ, thường sinh cõi trời, người thấy Phật nghe pháp, phát tâm Bồ-đề, tu hạnh Bồ-tát.

Lại nguyện đem thiện căn này, Hồi hướng Vô thượng Bồ-đề, không cầu quả báo sinh tử ở thế gian.

Lại nguyện đem thiện căn này, Hồi hướng biển chân như pháp giới.

Đây tức là bài văn ca ngợi Tây phương, lễ Phật A-di-đà.

Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Xem cõi Cực lạc... Phật Di-đà, thênh thang bằng phẳng các báu thành. Bốn mươi tám nguyện trang nghiêm thành. Vượt các cõi Phật rất là sáng. Nước này phương khác chúng rất nhiều, cùng kiếp tính đếm không biết được. Rộng khuyên quy Tây nhập hội kia, Hằng sa Tam-

muội tự nhiên thành.

Nguyện cùng chúng sinh vãng sinh nước An dưỡng
Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Dưới đất trang hoàng tràng thất bảo,
Vô lượng vô biên vô ức số
Tám phương tám mặt trăm bảo thành,
Thấy bậc vô sinh tự nhiên ngộ
Vô sinh nước báu mãi thường còn,
Mỗi một báu phóng vô số quang
Hành giả hết lòng thường để mắt,
Bay lên vui vẻ vào Tây phương.

Nguyện cùng chúng sinh vãng sinh nước An dưỡng
Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Trên đất trang nghiêm lạ vô cùng,
Dây vàng giăng đường không cần thợ
Trí nguyện Di-đà khéo trang nghiêm,
Bồ-tát nhân thiên rải hoa cúng
Ao báu sắc báu ánh sáng báu bay,
Mỗi mỗi quang thành vô số đài
Trong đài ngàn vạn ức lầu báu,
Bên đài trăm ức tràng báu vây.

Nguyện cùng chúng sinh vãng sinh nước An dưỡng
Chí tâm quy mạng lễ Đức Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Trên mỗi một đài trong hư không,
Trang nghiêm nhạc báu cũng vô cùng
Tám loại gió mát theo quang thổi,
Tùy thời trống nhạc ứng cơ âm
Cơ âm chánh thọ ít làm khó,
Đi đứng nằm ngồi nhiếp tâm quán
Chỉ trừ khi ăn thường nhớ nghĩ,
Tam-muội vô vi tức Niết-bàn.

Nguyện cùng các chúng sinh vãng sinh nước An dưỡng
Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Nước báu, rừng báu các cây báu,
Hoa báu, lá báu, gốc cành báu.
Hoặc dùng ngàn báu chia rừng khác,
Hoặc có trăm báu xếp thành hàng
Hàng hàng song song lá xếp nhau,

Mỗi sắc không đồng sáng cũng vậy
Nhất loạt đồng nhau ba mươi vạn
Cành nhánh chạm nhau thuyết vô nhân.

Nguyện cùng các chúng sinh vãng sinh nước An dưỡng
Chí tâm đảnh lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Bảy vòng lưới võng bảy vòng cung,
Lụa trắng chiếu nhau phát ánh sáng.
Hóa thiên đồng tử đều đầy khắp,
Anh lạc sáng rực hơn nhật nguyệt.
Hàng hàng lá báu ngàn màu sắc,
Hoa rải giống như vòng kim luân
Rộng biến ánh sáng thành lộng báu,
Trần sa cõi Phật hiện vô biên.

Nguyện cùng các chúng sinh vãng sinh nước An dưỡng
Chí tâm đảnh lễ Đức Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Ao báu bờ báu cát vàng báu,
Kênh báu, lá báu hoa sen báu.
Mười hai do-tuần đều ngang thẳng,
Lưới báu võng báu lan can báu.
Nước đức phân dòng tìm cây báu,
Thấy sóng nghe nhạc vẫn điềm nhiên.
Nương lời hữu duyên người đồng hành
Nỗ lực quay về lại nhà mình.

Nguyện cùng các chúng sinh vãng sinh nước An dưỡng
Chí tâm đảnh lễ Đức Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Mỗi mỗi dây vàng ngăn trên đường,
Nhạc hay, cây báu ngàn vạn ức.
Đồng tử cõi trời rải hoa hương,
Bồ-tát hội về như mây tụ.
Vô lượng vô biên không thể kể,
Cúi đầu kính lễ Đức Di-đà.
Gió thổi linh reo khắp hư không,
Tán thán Tam bảo không cùng tận.

Nguyện cùng các chúng sinh vãng sinh nước An dưỡng
Chí tâm đảnh lễ Đức Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Tòa hoa vương nguyện của Di-đà,
Tất cả các báu kết lại thành.
Trên đài bốn phía giăng lụa báu,

Ngài ngồi trên tòa thân hiện rõ.
Hào quang chiếu sáng khắp pháp giới,
Người được chiếu đến, tâm bất thoái.
Ngày đên sáu thời thường tương niệm,
Lâm chung vui vẻ như Tam-muội.

Nguyện cùng các chúng sinh vãng sinh nước An dưỡng
Chí tâm đảnh lễ Đức Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Thân tâm của Ngài khắp pháp giới,
Bóng hiện trong tâm tưởng chúng sinh.
Cho nên khuyên người thường quán sát
Nương tâm khởi tướng thấy chân dung
Chân dung tượng báu ngồi đài sen,
Tâm mở thấy nước kia trang nghiêm.
Cây báu, ba thân hoa bay khắp,
Linh đưa, nhạc reo cùng hòa nhịp.

Nguyện cùng các chúng sinh vãng sinh nước An dưỡng
Chí tâm đảnh lễ Đức Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Thân sắc Di-đà như núi vàng,
Tướng tốt sáng rỡ chiếu mười phương.
Chỉ có niệm Phật mong tiếp độ,
Nên biết bổn nguyện rất là mạnh.
Mười phương Phật hiện lưỡi chứng minh
Chuyên xưng danh hiệu sinh Tây phương.
Đến đó hoa nở nghe diệu pháp,
Hạnh nguyện thập địa tự nhiên sáng.

Nguyện cùng các chúng sinh vãng sinh nước An dưỡng
Chí tâm đảnh lễ Đức Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Quán Âm Bồ-tát đại từ bi,
Đã đắc Bồ-đề bỏ không chứng
Lại dấn thân ở trong năm đường,
Sáu thời quán sát ba luân ứng.
Ứng hiện thân quang sắc vàng tía,
Tướng tốt oai nghi chuyển vô cùng.
Thường duỗi tay ngọc bách ức quang
Tiếp người hữu duyên về nước mình.

Nguyện cùng các chúng sinh vãng sinh nước An dưỡng
Chí tâm đảnh lễ Đức Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Thế Chí Bồ-tát khó nghĩ bàn,

Oai quang chiếu khắp không bờ mé.
Chúng sinh hữu duyên nhờ quang chiếu,
Tăng trưởng trí tuệ vượt ba cõi.
Pháp giới chông chênh như cỏ bồng,
Hóa Phật Bồ-tát khắp hư không
Khuyên người hữu duyên thường niệm Phật
Dứt hẳn sinh tử, chứng lục thông.

Nguyện cùng các chúng sinh vãng sinh nước An dưỡng
Chí tâm đảnh lễ Đức Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Tư thế kết già nhập Tam-muội,
Tâm tưởng nhờ niệm đến Tây phương.
Thấy được cõi Cực lạc Di-đà,
Trên đất, trên không toàn bảy báu.
Thân Phật lớn vô cùng vô biên,
Lại khuyên chúng sinh quán thân nhỏ.
Trượng sáu, tám thước tùy cơ hiện,
Bồ-tát hóa hầu trước Đẳng chân.

Nguyện cùng các chúng sinh vãng sinh nước An dưỡng
Chí tâm đảnh lễ Đức Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Bậc thượng bối, thượng hạnh, thượng căn,
Dứt tham sân cầu sinh Tịnh độ.
Xếp hạng khác nhau phân ba phẩm,
Năm cửa liên tiếp giúp ba nhân
Một ngày bảy ngày chuyên tinh tấn,
Mạng chung ngồi đài thoát sáu trần
Vui thay khó gặp nay hội ngộ,
Chứng được thân pháp tướng vô vi.

Nguyện cùng các chúng sinh vãng sinh nước An dưỡng
Chí tâm đảnh lễ Đức Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Bậc trung bối, trung hạnh, trung căn,
Một ngày trai giới ở sen vàng.
Hiếu dưỡng cha mẹ dạy Hồi hướng,
Vì nói nhân khoái lạc Tây phương.
Phật cùng chúng Thanh văn đến nhóm,
Đến trước đài sen của Di-đà.
Bảy ngày trong lòng hoa bách báu,
Ba phẩm sen nở chứng tiểu chân.

Nguyện cùng các chúng sinh vãng sinh nước An dưỡng

Chí tâm đảnh lễ Đức Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Người hạ bối, hạ hạnh, hạ căn,
Thập ác, ngũ nghịch và tham sân.
Tứ trọng phá Tăng báng chánh pháp,
Chưa từng hổ thẹn hối lỗi trước.
Lâm chung tướng khổ đều hội đến,
Địa ngục lửa lớn hiện trước người.
Bỗng gặp Thiện tri thức vãng sinh,
Mau khuyên họ xưng danh hiệu Phật.
Hóa Phật Bồ-tát nghe tìm đến,
Nhất tâm một niệm vào sen báu.
Giải trừ tam nghiệp trong nhiều kiếp,
Bấy giờ mới phát nhân Bồ-đề.

Nguyện cùng các chúng sinh vãng sinh nước An dưỡng

Chí tâm đảnh lễ Đức Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Vui sao sự vui khó nghĩ bàn,
Vô biên Bồ-tát cùng làm bạn.
Biển tánh Như Lai thảy là Thầy,
Khát nghe Bát-nhã dứt cơn khát.
Niệm Phật vô sinh liền hết đói,
Tất cả trang nghiêm đều nói pháp.
Vô tâm lãnh hội tự nhiên hết,
Ao hoa thất bảo tùy ý vào.
Tám bậc tập trung lại một cành,
Di-đà nước tâm rưới đầu con.
Quán Âm, Thế Chí cho áo mặc,
Bỗng bay lên không dạo pháp giới.
Khoảnh khắc thọ ký hiệu vô vi,
Cõi Cực lạc tự tại như thế.
Nay con không sinh đợi khi nào,

Nguyện cùng các chúng sinh vãng sinh nước An dưỡng

Chí tâm đảnh lễ Đức Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Thương xót che chở con,
Khiến giống pháp tăng trưởng.
Đời này và đời sau,
Nguyện Phật thường nhiếp thọ.

Nguyện cùng các chúng sinh vãng sinh nước An dưỡng

Chí tâm đảnh lễ Đức Bồ-tát Quán Thế Âm ở thế giới Cực lạc Tây

phương.

Nguyện cùng các chúng sinh vãng sinh nước An dưỡng

Chí tâm đảnh lễ Bồ-tát Đại Thế Chí ở thế giới Cực lạc Tây phương.

Nguyện cùng các chúng sinh vãng sinh nước An dưỡng

Chí tâm đảnh lễ các vị Bồ-tát Thanh tịnh đại hải chúng ở thế giới Cực lạc Tây phương.

Nguyện cùng các chúng sinh vãng sinh nước An dưỡng

Rộng vì sư Tăng cha mẹ và Thiện hữu tri thức, pháp giới chúng sinh. Dứt trừ ba chướng đồng được vãng sinh cõi Phật A-di-đà, đảnh lễ sám hối.

- Chí tâm sám hối.

Nam-mô quy sám Thập Phương Phật
Nguyện diệt tất cả các căn tội,
Đem điều thiện đã tu xưa nay,
Làm nhân Cực lạc mình và người.
Xin nguyện tất cả lúc lâm chung,
Duyên tốt cảnh đẹp đều hiện ra.
Nguyện thấy Di-đà Đại Bi chủ,
Quán Âm Thế Chí mười phương tôn.
Ngưỡng xin thần quang dang tay tiếp
Nương nguyện lực Phật sinh nước kia.
Sám hối Hồi hướng phát nguyện rồi,
Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà.

Nói kệ này rồi, lại phải tâm khẩu phát nguyện, nguyện đệ tử khi sắp mạng chung, tâm không điên đảo, không rối loạn, không thất niệm thân tâm không có các thứ đau khổ, được vui vẻ như vào thiền định, Thánh chúng hiện tiền nương bổn nguyện của Phật sinh về thượng phẩm thượng sinh ở cõi Phật A-di-đà. Đến nước kia rồi đắc lục thần thông, trở lại vào mười phương cõi cứu vớt, thâu nhiếp chúng sinh khổ hư không pháp giới cùng tận.

Nguyện của con cũng như vậy. Phát nguyện rồi. Chí tâm đảnh lễ Phật A-di-đà.

Đại chúng muốn gây nghiệp Tây phương
Đêm ngồi một mình tự suy lường
Chớ nói ở lâu cõi Diêm-phù,
Biết có một ngày tức vô thường.
Mạng như ngọn đèn ở trước gió,

Cũng như ánh chớp trong viên đá.
Thấy thân khỏe mạnh không khổ hạnh
Sắp khát đào giếng nước khó mong

Nguyện cùng các chúng sinh vãng sinh nước An dưỡng

Nay quán thân này thật đáng chán,
Những thứ bất tịnh hợp làm thân
Ba trăm xương nhỏ làm điểm tựa,
Khắp thân sao hội thành một mảnh.
Hương phấn xoa thân không biết chán
Cuối cùng dưới đất thành tro bụi.
Phiền não lẫy lừng khi nào dứt,
Cuối cùng trôi nổi trong ba đường.
Rộng khuyên tất cả trong Đạo tràng,
Nhất tâm niệm Phật nhập cửa chân.

Nguyện cùng các chúng sinh vãng sinh nước An dưỡng

Tham sân lục tặc vốn không thật,
Vọng tưởng lo xa theo thân thối.
Trong mộng mọi thứ chạy dọc ngang
Chợt tỉnh vắng lặng đều trống rỗng.
Bốn đại vô thường thành phân đất,
Hồn phách phân tán đi nơi khác.
Tiền của để lại người khác dùng,
Tự thân chỉ được đồng tiền giấy.
Được Đức Phật ở cõi Tây phương,
Nỗ lực khuyên nhau dụng tâm thuyên.

Nguyện cùng các chúng sinh vãng sinh nước An dưỡng

Chí tâm quy mạng lễ Đức Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Phát nguyện sinh nước Phật,
Thánh chúng đều ứng biết.

Đời nay nhờ Phật giáo, không dám lại sinh nghi, một ngày đến bảy ngày chuyên tu tinh tấn, nhất định được sinh lên hoa sen ở Tây phương.

Nguyện cùng các chúng sinh vãng sinh nước An dưỡng

Tịnh độ vui sướng không người đi,
Địa ngục khổ báo tranh nhau vào.
Nghe một tiếng ác không tiếc mạng,
Pháp thiện chưa chịu chí tâm cầu,
Chết đọa mười tám ngục A-tỳ,

Luân hồi chịu khổ khi nào dứt.

Nguyện cùng các chúng sinh vãng sinh nước An dưỡng

Về đi thôi, qua lại đến đi luân hồi mãi để rồi nhiều kiếp cứ lưu chuyển, sáu đường đều trải qua, đến chỗ không còn gì, chỉ nghe tiếng sinh tử, vì sau đời này được vào thành Niết-bàn.

Nguyện cùng các chúng sinh vãng sinh nước An dưỡng

Nhìn cõi Di-đà Cực lạc kia,
Thành báo rộng lớn và bằng phẳng.
Mây hoa thành hàng nhiều vô số,
Chỉ chờ chúng sinh thiện cõi này.
Trong đời ác muốn tu thập thiện,
Chỉ chuyên nhất tụng kinh Di-đà.
Tâm miệng niệm Phật không biết chán
Mạng chung Bồ-tát đến nghênh tiếp.

Nguyện cùng các chúng sinh vãng sinh nước An dưỡng

Chí tâm quy mạng Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Quán kỹ Tây phương có một nước,
Nước đó có Phật hiệu Di-đà
Một mình nói pháp hằng sa kiếp,
Rộng vì thế giới dứt cõi ma.
Trông thành Cực lạc lên tòa Thánh,
Chư thiên nhiễu quanh hết lại đi.
Tám vạn bốn ngàn chúng Bồ-tát,
Vâng cầm hoa hương rải Ta-bà.

Nguyện cùng các chúng sinh vãng sinh nước An dưỡng

Rộng vì Phạm, Vương, Đế Thích, Tứ thiên vương, trời, rồng, bát bộ, Đế chủ, vua cõi người, sư Tăng, cha mẹ và Thiện tri thức cùng pháp giới chúng sinh, dứt trừ ba chướng, đồng được vãng sinh nước Phật A-di-đà, nguyện xin đảnh lễ sám hối.

Các hạnh vô thường
Là pháp sinh diệt
Sinh diệt dứt rồi
Vắng lặng là vui
Như Lai nhập Niết-bàn
Dứt hẳn trong sinh tử.
Nếu hay chí tâm nghe
Thường được vui vô lượng.

Nam-mô Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật cùng hết thảy Tam bảo.

Con nay cúi đầu đảnh lễ, nguyện vãng sinh về nước Vô Lượng Thọ.

Nam-mô Thập phương tam thế tận hư không biến pháp giới vi trần sát độ trung nhất thiết Tam bảo. Con nay cúi đầu đảnh lễ, nguyện sinh về nước Vô Lượng Thọ.

Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới A-di-đà Phật.

Con cùng chúng sinh đều quy mạng, đảnh lễ nguyện sinh về nước kia.

Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới Vô Lượng Quang Phật.

Con cùng chúng sinh đều quy mạng, đảnh lễ nguyện sinh về nước kia.

Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới Vô Biên Quang Phật.

Con cùng chúng sinh đều quy mạng, đảnh lễ nguyện sinh về nước kia.

Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới Vô Ngại Quang Phật.

Con cùng chúng sinh đều quy mạng, đảnh lễ nguyện sinh về nước kia.

Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới Vô Đối Quang Phật.

Con cùng chúng sinh đều quy mạng, đảnh lễ nguyện sinh về nước kia.

Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới Diệm Vương Quang Phật.

Con cùng chúng sinh đều quy mạng, đảnh lễ nguyện sinh về nước kia.

Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới Thanh tịnh Quang Phật.

Con cùng chúng sinh đều quy mạng đảnh lễ nguyện sinh về nước kia.

Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới Hoan Hỷ Quang Phật.

Con cùng chúng sinh đều quy mạng đảnh lễ nguyện sinh về nước kia.

Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới Trí Huệ Quang Phật.

Con nguyện cùng chúng sinh đều quy mạng đảnh lễ cầu sinh về nước kia.

Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới Bất Đoạn Quang Phật.

Con nguyện cùng chúng sinh đều quy mạng đảnh lễ cầu sinh về nước kia.

Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới Nan Tư Quang Phật.

Con nguyện cùng chúng sinh đều quy mạng đảnh lễ cầu sinh về nước kia.

Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới Vô Xưng Quang Phật.

Con nguyện cùng chúng sinh đều quy mạng đảnh lễ cầu sinh về nước kia.

Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới Siêu Nhật Nguyệt Quang Phật.

Con nguyện cùng chúng sinh đều quy mạng đảnh lễ cầu sinh về nước kia.

Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới A-di-đà Phật. Ngài thương xót che chở cho con, khiến cho hạt giống pháp được tăng trưởng. Đời này và đời sau, nguyện Phật thường nhiếp thọ.

Con nguyện cùng chúng sinh đều quy mạng đảnh lễ cầu sinh về nước kia.

Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới Quán Thế Âm Bồ-tát Ma-ha-tát.

Con nguyện cùng chúng sinh đều quy mạng đảnh lễ cầu sinh về nước kia.

Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới Đại Thế Chí Bồ-tát Ma-ha-tát.

Con nguyện cùng chúng sinh đều quy mạng đảnh lễ cầu sinh về nước kia.

Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới chư tôn Bồ-tát Ma-ha-tát, Thanh tịnh đại hải chúng.

Con nguyện cùng chúng sinh đều quy mạng đảnh lễ cầu sinh về nước kia.

Rộng vì cõi trên Phạm vương, Đế Thích, Tứ thiên vương, trời, rồng, bát bộ, Đế vương, Nhân vương, sư Tăng phụ mẫu và Thiện tri thức cùng pháp giới chúng sinh đều nguyện dứt trừ ba chướng, đồng được vãng sinh cõi Phật A-di-đà quy mạng sám hối.

Nam-mô Phổ Quang Phật.

Nam-mô Phổ Minh Phật.

Nam-mô Phổ Tịnh Phật.

Nam-mô Đa-ma-la-bạt Chiên Đàn Hương Phật.

Nam-mô Chiên Đàn Quang Phật.

Nam-mô Ma-ni Tràng Phật.

Nam-mô Hoan Hỷ Tạng Ma-ni Bảo Tích Phật.

Nam-mô Nhất Thiết Thế Gian Nhạo Kiến Thượng Đại Tinh Tấn Phật.

Nam-mô Ma-ni Tràng Đăng Quang Phật.

Nam-mô Tuệ Cự Chiếu Phật.

Nam-mô Hải Đức Quang Minh Phật.
Nam-mô Kim Cang Lao Cường Phổ Tán Kim Quang Phật.
Nam-mô Đại Cường Tinh Tấn Dõng Mãnh Phật.
Nam-mô Đại Bi Quang Phật.
Nam-mô Từ Lực Vương Phật.
Nam-mô Từ Tạng Phật.
Nam-mô Chiên Đàn Khốt Trang Nghiêm Thắng Phật.
Nam-mô Hiền Thiện Thủ Phật.
Nam-mô Thiện Ý Phật.
Nam-mô Quảng Trang Nghiêm Vương Phật.
Nam-mô Kim Cang Hoa Phật.
Nam-mô Bảo Cái Chiếu Không Tự Tại Vương Phật.
Nam-mô Hư Không Bảo Hoa Quang Phật.
Nam-mô Lưu Ly Trang Nghiêm Vương Phật.
Nam-mô Phổ Hiện Sắc Thân Quang Phật.
Nam-mô Bất Động Trí Quang Phật.
Nam-mô Hàng Phục Chúng Ma Vương Phật.
Nam-mô Tài Quang Minh Phật.
Nam-mô Trí Tuệ Thắng Phật.
Nam-mô Di-lặc Tiên Quang Phật.
Nam-mô Thế Tịnh Quang Phật.
Nam-mô Thiện Tịch Nguyệt Âm Diệu Tôn Trí Vương Phật.
Nam-mô Long Chủng Thượng Tôn Vương Phật.
Nam-mô Nhật Nguyệt Quang Phật.
Nam-mô Nhật Nguyệt Châu Quang Phật.
Nam-mô Tuệ Tràng Thắng Vương Phật.
Nam-mô Sư Tử Hống Tự Tại Lực Vương Phật.
Nam-mô Diệu Âm Thắng Phật.
Nam-mô Thường Quang Tràng Phật.
Nam-mô Quán Thế Đăng Phật.
Nam-mô Tuệ Oai Đăng Vương Phật.
Nam-mô Pháp Thắng Vương Phật.
Nam-mô Tu Di Quang Phật.
Nam-mô Tu-mạn-na Hoa Quang Phật.
Nam-mô Ưu-bát-la Hoa Thù Thắng Vương Phật.
Nam-mô Đại Tuệ Lực Vương Phật.
Nam-mô A-súc-tỳ Hoan Hỷ Quang Phật.
Nam-mô Vô Lượng Âm Thanh Vương Phật.

Nam-mô Tài Quang Phật.

Nam-mô Kim Hải Quang Phật.

Nam-mô Sơn Hải Tuệ Tự Tại Thông Vương Phật.

Nam-mô Đại Thông Quang Phật.

Nam-mô Nhất Thiết Pháp Thường Mãn Vương Phật.

Tên của năm mươi ba vị Phật này chính là những Đức Phật từ quá khứ lâu xa đã trụ ở cõi Ta-bà, đã từng giáo hóa chúng sinh thuần thục rồi mới vào Niết-bàn. Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân và tất cả chúng sinh khác được nghe tên năm mươi ba vị Phật này, những người này ở trăm ngàn vạn ức A-tăng-kỳ kiếp không bị đọa ba đường ác. Nếu lại có người nào có thể xưng danh hiệu năm mươi ba vị Phật này thì trừ diệt được bốn trọng tội, năm tội nghịch và phỉ báng kinh Phương Đẳng đều được Thanh tịnh. Vì là bổn nguyện của các vị Phật này, ở trong mỗi mỗi niệm trừ diệt được các tội như trên.

Đây là chín câu kệ của kinh Hoa Nghiêm:

Tất cả loài chúng sinh
Đều thuộc trong ba đời
Chúng sinh trong ba đời
Cũng đều thuộc năm ấm
Chúng sinh thuộc năm ấm
Đều từ nghiệp sinh khởi
Các nghiệp do tâm khởi
Tâm pháp cũng như huyễn
Chúng sinh cũng như vậy.

Hễ chúng sinh đều không được sân hận nhiều. Khi sân cần phải nhẫn, liền tụng bốn câu kệ này:

Sân là hoa nhẫn nhục
Nhẫn nhục là quả sân
Hoa nở liền hái bỏ
Quả từ đâu mà có.

Tám câu kệ thắng pháp của người thọ giới Bồ-tát:

Thứ Nhất thú đạo thắng,
Thứ hai phát tâm thắng
Thứ ba công đức thắng,
Thứ tư phước điền thắng
Thứ năm thọ tội khinh vi thắng
Thứ sáu xứ thai thắng
Thứ bảy thần thông thắng

Thứ tám quả báo thắng.

Bốn câu kệ này cũng là pháp kệ của người thọ giới Bồ-tát:

Kim cang vô đẳng đạo giải thoát,
Thập lực hùng mãnh động tam thiên
Phá hoại chúng Ni-kiền ngoại đạo,
Không cùng tà ma làm nhân duyên.

Bốn câu kệ này cũng là pháp Hương Thang của giới Bồ-tát:

Nước ao Tây phương rất ấm áp,
Đồng tử Tuyết sơn bỏ hương vào
Tắm cho phàm phu trong ngoài sạch,
Chỉ nguyện mau sinh cõi Di-đà.

Bốn câu kệ này cũng là giới pháp:

Giới như nhật nguyệt sáng,
Cũng như ngọc anh lạc
Vi trần chúng Bồ-tát,
Nhờ giới thành Chánh giác.

Bốn câu kệ này là kệ phá giới:

Phá giới như dây đứt
Trì giới như cho dây
Lâm trận không lôi kéo
Làm sao hướng về trước.

Tám câu kệ này là kệ của luận Đại Trí Độ:

Tâm người thế gian động
Ưa thích quả báo phước
Mà không thích ruộng phước
Cầu có không cầu mất
Trước nghe pháp tà kiến
Tâm đắm thâm nhập vào
Pháp sâu xa của ta
Không tin làm sao hiểu.

Bốn câu kệ này cũng cần tu thiện nghiệp:

Ông được thân người không lo tu,
Như đến núi báu về tay không
Nay ông tự tạo thì tự nhận,
Kêu nhảy khóc lóc ai biết đến.

Chú Phật A-di-đà.

Na-mô Bồ-đà-dạ, Na-mô Đà-la-ma-dạ, Na-mô Tăng già dạ, na mô Tăng nhĩ đa bà dạ, da điệt tha, a nhĩ lị đê, a nhĩ lị đô bà bề, a nhĩ lị

đa tam bà lệ, a nhĩ lị đa tỉ ca lan đê, già nhĩ mỉ già già na khể lị dạ, ca lê bà la bà, ba ca lê, diệm ca lê, sa bà ha.

Pháp hợp hương

Một lượng trầm hương, một lượng tiền hương, một lượng huân lục hương, một lượng cam tùng hương, một lượng linh lục hương, một lượng giáp hương, một lượng đinh hương, bạch giao hương chân, kê thiệt hương, một lượng thanh mộc hương, hương phụ tử một văn, một lượng bạch đàn hương, các thứ ấy giã rây lấy bột hòa với mật.

Thế nào được sống lâu?
Thân kim cang bất hoại
Lại nhờ nhân duyên gì?
Được đại lực kiên cố
Thế nào nơi kinh này?
Rốt ráo đến bờ kia.

Hương giới, hương định, hương huệ, hương giải thoát, hương giải thoát tri kiến, đài mây sáng rỡ biến khắp pháp giới cúng dường mười phương vô lượng Phật, tất cả người thấy nghe đều được chứng Niết-bàn.

Nguyện Phật khai pháp môn vi mật rộng nói cho chúng sinh.

Nam-mô Đông phương Thiện Đức Như Lai thập phương Phật cùng tất cả Chư Phật.

Nam-mô Câu-na-đề Như Lai, hiền kiếp ngàn vị Phật cùng tất cả Chư Phật.

Nam-mô Thích-ca Mâu-ni Như Lai, ba mươi lăm vị Phật cùng tất cả Chư Phật.

Nam-mô Thích-ca Mâu-ni Phật.

Nam-mô Kim Cang Bất Hoại Phật.

Nam-mô Bảo Quang Phật.

Nam-mô Long Tôn Vương Phật.

Nam-mô Tinh Tấn Quân Phật.

Nam-mô Tinh Tấn Hỷ Phật.

Nam-mô Bảo Tích Phật.

Nam-mô Bảo Tạng Phật.

Nam-mô Hiện Vô Ngu Phật.

Nam-mô Bảo Nguyệt Phật.

Nam-mô Vô Cấu Vương Phật.

Nam-mô Ly Cấu Phật.

Nam-mô Dõng Thí Phật.

Nam-mô Thanh tịnh Phật.
Nam-mô Thanh tịnh Trí Phật.
Nam-mô Ta Lưu Na Phật.
Nam-mô Thủy Thiên Phật.
Nam-mô Kiên Đức Phật.
Nam-mô Chiên Đàn Công Đức Phật.
Nam-mô Vô Lượng Cúc Quang Phật.
Nam-mô Quang Đức Phật.
Nam-mô Vô Ưu Đức Phật.
Nam-mô Na-la-diên Phật.
Nam-mô Công Đức Hoa Phật.
Nam-mô Liên Hoa Quang Du Hý Thần Thông Phật.
Nam-mô Tài Công Đức Phật.
Nam-mô Đức Niệm Phật.
Nam-mô Thiện Danh Xưng Công Đức Phật.
Nam-mô Hồng Diệm Đế Tràng Vương Phật.
Nam-mô Thiện Du Bộ Công Đức Phật.
Nam-mô Đấu Chiến Thắng Phật.
Nam-mô Thiện Du Bộ Phật.
Nam-mô Chu Trác Trang Nghiêm Công Đức Phật.
Nam-mô Bảo Liên Hoa Du Bộ Phật.
Nam-mô Bảo Liên Hoa Thiện Trụ Ta-la Thọ Vương Phật.

Kinh Dược Vương, Dược Thượng, không có đề mục của nó nên không có tên gọi, ba mươi lăm vị Phật này được rút ra ở kinh Quyết Định Tỳ-ni.

Nam-mô Đông phương A-súc Như Lai, thập phương vô lượng Phật cùng tất cả Chư Phật.

Bảy vị Phật đầu nương theo thứ tự kinh Dược Vương Dược Thượng, còn từ đó trở xuống thì nói riêng nương các bộ kinh sớ nêu ra.

Nam-mô Bảo Tập Như Lai hai mươi lăm vị Phật cùng tất cả Chư Phật.

Nam-mô Bảo Tập Phật.
Nam-mô Bảo Thắng Phật.
Nam-mô Thành Tựu Lô-xá-na Phật.
Nam-mô Lô-xá-na Kính Tượng Phật.
Nam-mô Lô-xá-na Quang Minh Phật.
Nam-mô Bất Động Phật.
Nam-mô Đại Quang Minh Phật.

Nam-mô Vô Lượng Thanh Như Lai.
Nam-mô Vô Lượng Thanh Như Lai.
Nam-mô Vô Lượng Thanh Như Lai.
Nam-mô A-di-đà Cù-sa Phật.
Nam-mô Đại Xưng Phật.
Nam-mô Bảo Quang Minh Phật.
Nam-mô Đắc Đại Vô Úy Phật.
Nam-mô Nhiên Đăng Hỏa Phật.
Nam-mô Thật Thanh Phật.
Nam-mô Vô Biên Vô Cấu Phật.
Nam-mô Nguyệt Thanh Phật.
Nam-mô Vô Biên Xưng Phật.
Nam-mô Nhật Nguyệt Quang Minh Thế Tôn.
Nam-mô Nhật Nguyệt Quang Minh Thế Tôn.
Nam-mô Nhật Nguyệt Quang Minh Thế Tôn.
Nam-mô Vô Cấu Quang Minh Phật.
Nam-mô Thanh tịnh Quang Minh Phật.
Nam-mô Nhật Nguyệt Quang Minh Phật.
Nam-mô Vô Biên Bảo Phật.
Nam-mô Hoa Thắng Phật.
Nam-mô Diệu Thân Phật.
Nam-mô Pháp Quang Minh Thanh tịnh Khai Phu Liên Hoa Phật.

Hai mươi lăm vị Phật này được rút ra từ quyển thứ tám của kinh Phật danh.

Nam-mô hư không công đức Thanh tịnh vi trần đẳng mục đoan chánh công đức tướng quang minh hoa Ba-đầu-ma lưu ly quang báu thể hương tối thượng cúng dường ngật chủng chủng trang nghiêm đảnh kế vô lượng vô biên nhật nguyệt quang minh nguyện lực trang nghiêm biến hóa trang nghiêm pháp giới xuất sinh vô chướng ngại Vương Như Lai.

Công đức lễ Phật: Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào phạm bốn tội nặng năm tội nghịch, phỉ báng Tam bảo và phạm bốn tội ba-la-di. Tội nặng của người này giả sử như đem đất của cõi Diêm-phù-đề nghiền làm bụi mỗi hạt bụi làm một kiếp, người này nếu có phạm kiếp tội xưng danh hiệu của một Đức Phật này lễ bái thì những tội như trên đều tiêu diệt. Công đức của người này không thể nghĩ bàn.

Nam-mô Hào Tướng Nhật Nguyệt Quang Minh Hoa Bảo Liên Hoa Kiên như Kim cang Tỳ-lô-giá-na vô chướng ngại nhãn viên mãn

thập phương phóng quang chiếu nhất thiết Phật sát tướng Vương Như Lai.

Danh hiệu Phật này rút ra tên của mười hai vị Phật, kinh Thần chú so sánh công đức trừ diệt tội chướng.

Nam-mô Quá hiện vị lai thập phương tam thế nhất thiết Phật. Quy mạng sám hối.

- Chí tâm sám hối.

Tất cả thế giới Chư Phật Thế Tôn như thế thường trụ ở đời. Các vị Thế Tôn này thương nhớ con, nhớ nghĩ con chứng biết cho con, nếu đời nay hoặc đời trước của con, hoặc từ vô thỉ kiếp sinh tử đã qua, các tội đã làm, hoặc tự làm, hoặc dạy người khác làm, thấy làm vui theo. Đối với vật của tháp của Tăng, của tứ phương Tăng hoặc tự lấy, hoặc dạy người lấy, thấy lấy vui theo. Hoặc làm năm tội nghịch tội nặng vô gián, hoặc tự làm, hoặc dạy người khác làm thấy làm vui theo. Đối với mười điều ác tự mình làm dạy người làm, thấy làm vui theo. Đối với các tội chướng đã làm hoặc che dấu. Hoặc không che giấu phải đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh và các đường ác thú, biên địa, dòng hạ tiện hoặc sinh làm kẻ ác kiến. Những tội chướng đã làm như vậy, nay đều xin sám hối.

Nay Chư Phật Thế Tôn sẽ chứng biết cho con, sẽ nhớ nghĩ đến con. Con nay đối trước Chư Phật Thế Tôn hết lời nguyện rằng: Nếu đời này hay các đời khác của con từng thực hành bố thí, hoặc giữ tịnh giới. Cho đến thí cho súc sinh một vắt cơm, hoặc tu Tịnh hạnh có được thiện căn, thành tựu cho chúng sinh có được thiện căn, tu hành Bồ-đề có được thiện căn, tất cả công đức có được đều đem Hồi hướng về quả vị A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Như Chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại đã Hồi hướng, con cũng Hồi hướng như vậy. Hồi hướng rồi con xin quy mạng đảnh lễ Tam bảo.

Các tội đều sám hối,
Các phước đều tùy hỷ
Và công đức thỉnh Phật,
Nguyện thành trí Vô thượng
Phật Khứ lai hiện tại,
Tối thắng hơn chúng sinh
Vô lượng biển công đức,
Con nay quy mạng lễ.

Tất cả đều tụng:

- Sắc thân đẹp của Phật,

Thế gian không ai bằng
Không sánh, không nghĩ bàn,
Cho nên con kính lễ
Sắc thân Phật vô tận,
Trí tuệ cũng như vậy
Tất cả pháp thường trụ,
Cho nên con nương theo.

Các Ngài đã hàng phục được tội lỗi của tâm và tứ oai nghi của thân cho đến những điều khó hàng phục, cho nên con đảnh lễ bậc Pháp Vương. Trí tuệ thân tự tại biết được tất cả các thứ, nhiếp trì tất cả các pháp cho nên con cung kính đảnh lễ. Kính lễ Quá Xưng Lượng, kính lễ Vô Thí Loại, kính lễ Vô Biên Đức, kính lễ Nan Tư Nghì thương xót che chở cho con khiến cho các pháp tăng trưởng, nguyện đời này và đời sau đều được Phật nhiếp thọ.

Ma-ha lô ha lệ a la già la đa la sa ha.

Chú tiếng Phạm

Ở thế giới như hư không
Như hoa sen không dính nước
Tâm Thanh tịnh vượt hơn kia
Cúi đầu lễ đấng Vô thượng.

Nói kệ chú nguyện:

Nguyện đem công đức này,
Hồi hướng cho tất cả
Đệ tử và chúng sinh
Đều cùng thành Phật đạo.

Tự quy y Phật, nên nguyện chúng sinh, noi theo đại đạo phát tâm Vô thượng.

Tự quy y Pháp, nên nguyện chúng sinh thấu hiểu kinh tạng, trị tuệ như biển.

Tự quy y Tăng, nên nguyện chúng sinh thâu nhiếp đại chúng, tất cả không ngại.

Nguyện các chúng sinh, việc ác chớ làm, việc thiện nên làm, tự sạch tâm mình, là lời Chư Phật dạy.

Kính lễ Thánh chúng, tất cả mọi người đều nói bài kệ vô thường:

Các hạnh vô thường,
Là pháp sinh diệt.
Sinh diệt diệt rồi,
Vắng lặng là vui

Như Lai chứng Niết-bàn,
Dứt hẳn được sinh tử
Nếu khéo chí tâm nghe
Sẽ được vui vô lượng.

Bài văn ngày đêm sáu thời phát nguyện.

Chư Phật trong ba đời ở mười phương sẽ chứng minh cho đệ tử tên v.v... vì tất cả chúng sinh quán sát hết thảy Tam bảo; vì tất cả chúng sinh đảnh lễ hết thảy Tam bảo; vì tất cả chúng sinh cúng dường hết thảy Tam bảo; vì tất cả chúng sinh đối trước Tam bảo kinh hành lễ Phật sám hối; vì tất cả chúng sinh mà tạo tượng Phật in kinh cúng dường chúng Tăng, cúng dường tất cả chúng, thực hành lục độ Ba-la-mật, bốn nhiếp pháp, bốn vô lượng tâm, tất cả các hạnh rồi. Lại gom tất cả thiện căn đem thiện căn này nguyện cho hết thảy chúng sinh trong ba đường, hết thảy chúng sinh bần cùng, hết thảy chúng sinh ở trong vòng sinh lão bệnh tử, hết thảy chúng sinh bị giam cầm, trói buộc trong ngục tù, tất cả chúng sinh bị giết chóc lưu đày, tất cả chúng sinh không được tự tại, tất cả chúng sinh tà kiến điên đảo v.v... đều được lìa khổ giải thoát, bỏ tà về chánh phát tâm Bồ-đề, dứt hẳn ba chướng, thường gặp Chư Phật, Bồ-tát và Thiện tri thức, thường nghe chánh pháp, phước trí đầy đủ, không bao lâu sẽ thành Phật.

Lại đem công đức này nguyện cho tất cả chúng sinh đều được sinh về thượng phẩm trong tất cả Tịnh độ, trước chứng vô sinh pháp nhẫn rồi sau đó độ tất cả chúng sinh.

Lại đem công đức này nguyện cho tất cả Tam bảo, tất cả quốc độ thường được an lạc, thường không bị phá hoại, bốn phương yên lặng, đao binh chấm dứt, Long vương hoan hỷ mưa thuận gió hòa, lúa má được mùa, muôn dân an vui công đức lễ Phật rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không. Đến cùng tận vị lai con nguyện cúng dường hết thảy Tam bảo, không bao giờ ngơi nghỉ, tùy ý Thanh tịnh đúng thời thì xướng, đầu đêm, giữa đêm, cuối đêm, rạng đông, đứng trưa và hoàng hôn, xướng sáu thời Thanh tịnh lễ Phật pháp đại cương. Ngày đêm sáu thời đều cầm hương hoa vào tháp quán tượng, thành tâm cúng dường, kinh hành lễ Phật, từ sáng đến trưa đều xướng riêng năm mươi ba vị Phật, còn các vị khác đều xướng chung. Từ hoàng hôn đến đầu đêm đều xướng riêng ba mươi lăm vị Phật, còn các vị khác xướng chung. Vào nửa đêm đều xướng riêng hai mươi lăm vị Phật, còn lại xướng chung. Quán bảy vị Phật này như ở trước mặt. Suy nghĩ những công đức có được của Như Lai, rộng ra như vậy để Thanh tịnh sám hối. Ở trên đây bố thí quy

tắc lễ Phật thứ tự nhiều ít rồi. Cho nên Thiền sư Tín Hạnh nương nơi kinh tự thực hành pháp này, khiến cho đồ chúng cũng thường liên tiếp nương nơi đây thực hành không dứt mất. Nhưng vì hiện nay không có chánh văn lưu truyền, e người muốn học không có chỗ nương để căn cứ. Cho nên gom các văn này để lưu thông rộng rãi ở đời. Nguyện người đời sau y nơi văn đọc tụng không thêm không bớt.

Phật thuyết Tam Trù kinh
Nhất khí hòa thái hòa
Đắc nhất đạo đều lớn
Hòa hợp hết tất cả
Huyền lý đồng huyền tế
Chớ đem tâm duyên tâm
Cũng chớ trụ tuyệt duyên
Giữ tâm chớ duyên tâm
Chân thật giữ thật kỹ
Tu mau lìa khỏi tâm
Tu không ngừng giúp đỡ
Chí tâm thật sự tu
Thành tựu nghiệp vô trí
Dùng khí làm thức ăn
Chẳng bao lâu thành tựu
Khí theo các nguồn tâm
Giữ lấy sẽ phiền não
Không cầu không suy nghĩ
Suy nghĩ đúng với tư
Pháp này trì như vậy.

■

TẬP CHƯ KINH LỄ SÁM NGHI

QUYỂN HẠ

Bài kệ vãng sinh lễ tán một quyển khuyên tất cả chúng sinh nguyện sinh về nước của Phật A-di-đà ở thế giới Cực lạc Tây phương.

Kệ sáu thời lễ tán, chỉ nương theo kinh Đại thừa và các vị như Ngài Long Thọ, Thiên Thân ở cõi này, đã gom lễ tán vãng sinh lại một chỗ, chia làm sáu thời, chỉ muốn luôn luôn giữ mình trong chánh niệm giúp thành tựu lợi ích cho sự vãng sinh, cũng nguyện hiểu ngộ những điều chưa nghe ở thời xa xưa, là những thứ gì?

Thứ nhất y vào sự tán thán Di-đà qua mười hai hào quang và sự khuyến xưng danh, lễ Phật nhất định vãng sinh nước kia của Đức Phật Thích-ca và mười phương Chư Phật gồm mười chín lạy nên hành lễ lúc mặt trời lặn.

Thứ hai chỉ nương kinh Đại Thừa, chọn lựa những văn thiết yếu để làm kệ lễ tán gần hai mươi ba lạy, nên hành lễ vào đầu đêm.

Thứ ba nương nơi kệ lễ tán nguyện vãng sinh của Ngài Long Thọ Bồ-tát gồm mười sáu lạy, nên hành lễ vào giữa đêm.

Thứ tư nương nơi kệ lễ tán nguyện vãng sinh của Ngài Thiên Thân Bồ-tát, gồm hai mươi lạy nên hành lễ vào cuối đêm.

Thứ năm nương nơi bài kệ lễ tán nguyện vãng sinh của Pháp sư Ngạn Tông gồm hai mươi hai lạy nên hành lễ vào sáng sớm.

Thứ sáu y nơi bài kệ lễ tán nguyện vãng sinh của Ngài Thiện Đạo, ở trong Thập Lục Quán có hai mươi lạy hành lễ vào giờ Ngọ.

Hỏi: Nay muốn khuyên người cầu vãng sinh, chưa biết thì làm sao tâm khởi hạnh tác nghiệp để được vãng sinh nước kia?

Đáp: Nếu muốn sinh nước kia như kinh Quán nói; Trước phải đầy đủ ba tâm ắt được vãng sinh.

Những gì là ba:

1. Tâm chí thành gọi là thân thì lễ bái Đức Phật kia, miệng thì tán thán, xưng dương Đức Phật kia, ý thì chuyên niệm quán sát Đức Phật kia, nếu tam nghiệp khởi lên đều chân thật gọi là tâm chí thành.

2. Tâm soi xét tức là tín tâm chân thật, tin biết tự thân có đầy đủ các phiền não, phàm phu thiện căn mỏng manh, ít ỏi nên bị lưu truyền trong ba cõi, không ra khỏi nhà lửa. Nay tin rằng: Bổn nguyện rộng lớn của Phật Di-đà và xưng danh hiệu dưới đến mười niệm nhất định được vãng sinh, cho đến một niệm không có tâm nghi ngờ nên gọi là tâm soi xét.

3. Tâm Hồi hướng phát nguyện tức là đem tất cả thiện căn đã làm đều Hồi hướng nguyện vãng sinh, nên gọi là tâm Hồi hướng phát nguyện. Đầy đủ ba tâm này là nhất định được vãng sinh. Nếu thiếu một tâm tức không được vãng sinh như trong kinh Quán nói đầy đủ nên biết.

Lại như luận Tịnh độ của Ngài Thiên Thân nói rằng: Nếu có người nguyện sinh về nước kia, khuyên tu năm niệm môn, nếu năm môn đầy đủ nhất định được vãng sinh. Cái gì là năm?

1. Thân nghiệp lễ bái môn nghĩa là một lòng chuyên tâm chí thành cung kính chấp tay đem hương hoa cúng dường, lễ bái Đức Phật A-di-đà. Lễ tức là chuyên tâm lễ bái Đức Phật kia cho đến trọn đời, không xen các lễ bái khác nên gọi là lễ bái môn.

2. Khẩu nghiệp tán thán môn nghĩa là chuyên nhớ nghĩ, tán thán thân tướng quang minh của Đức Phật kia, thân tướng quang minh của tất cả Thánh chúng, đến tất cả báu trang nghiêm sáng rỡ ở trong nước kia nên gọi là tán thán môn.

3. Ý nghiệp ức niệm quán sát môn nghĩa là chuyên tâm nhớ niệm quán sát Đức Phật kia đến thân tướng quang minh và cõi nước trang nghiêm v.v..., như kinh Quán nói, chỉ trừ khi ngủ còn thường nhớ, nghĩ, tưởng và quán sát việc này nên gọi là Quán sát môn.

4. Tác nguyện môn nghĩa chuyên tâm suốt cả ngày đêm, trong tất cả các thời, các chỗ đối với tam nghiệp, tứ oai nghi đã làm các công đức, bất luận là đầu giữa hay cuối đều cần trong tâm chân thật phát nguyện, nguyện sinh nước kia nên gọi là Tác nguyện môn.

5. Hồi hướng môn nghĩa là chuyên sinh tâm tùy hỷ sâu xa đối với các thiện căn tự mình làm hay tất cả ba thừa năm đường, mỗi một Thánh phàm v.v... đã làm như sự tùy hỷ của Chư Phật Bồ-tát đã tùy hỷ, con cũng tùy hỷ như vậy. Đem thiện căn tùy hỷ này và các thiện căn đã làm của mình đều cho chúng sinh cùng họ Hồi hướng về nước kia nên gọi là Hồi hướng môn.

Lại nữa, vãng sinh về nước kia đã đắc được sáu thần thông rồi trở lại vào sinh tử để giáo hóa chúng sinh thấu suốt cùng tận tâm không

nhàm chán cho đến khi thành Phật cũng gọi là Hồi hướng môn.

Năm môn được đầy đủ nhất định được vãng sinh. Mỗi một môn cùng với ba tâm trên hợp lại theo đó mà khởi nghiệp hạnh không luận là nhiều ít đều gọi chân thật nghiệp vậy nên biết.

Lại bốn pháp tu quán hạnh dùng để thực hành ba tâm, năm niệm môn, mau được vãng sinh. Cái gì là bốn.

1. Cung kính tu, nghĩa là cung kính lễ bái Đức Phật kia và tất cả Thánh chúng, nên gọi là cung kính tu thệ suốt đời không gián đoạn tức là tu lâu dài.

2. Vô dư tu nghĩa là chuyên xưng danh hiệu Đức Phật kia, luôn luôn niệm, tưởng, lễ bái và tán thán Đức Phật kia cùng tất cả Thánh chúng v.v... không vọng tưởng những thứ khác cho nên gọi là vô dư tu, thệ suốt đời không nghỉ giữa chừng tức là tu lâu dài.

3. Vô gián tu, nghĩa là cung kính lễ bái, xưng danh, tán thán, nhớ nghĩ, quán sát, Hồi hướng, phát nguyện một cách liên tiếp, tâm tâm tiếp nhau không để cho nghiệp khác xen vào gián đoạn cho gọi là Vô gián tu. Lại không để cho phiền não tham sân đến quấy phá, tùy theo chỗ phạm mà sám hối không để cất giấu dùng trong một niệm, một giờ, hay một ngày luôn luôn khiến cho Thanh tịnh, cũng gọi là Vô gián tu, lấy mạng chung làm kỳ hạn không nghỉ giữa chừng tức là tu lâu dài.

Lại Bồ-tát đã thoát được sinh tử, những pháp thiện đã làm Hồi hướng cầu Phật quả tức là tự lợi. Giáo hóa chúng sinh đến cùng tận vị lai tức là lợi tha. Nhưng chúng sinh ngày nay đều bị phiền não trói buộc, chưa thoát những cái khổ của sinh tử ác đạo, tùy duyên thực hành tất cả thiện căn, lại mau chóng Hồi hướng nguyện vãng sinh cõi Phật Di-đà, khi đến nước kia rồi càng không có sợ sệt. Nếu tu theo bốn điều trước tự nhiên vui vẻ tự tại, tự lợi lợi tha đều đầy đủ, cần nên biết.

Lại nữa, như Văn-thù Bát-nhã Ba-la-mật-đa nói:

- Muốn rõ một hạnh Tam-muội, chỉ khuyên một mình ở chỗ vắng vẻ, xả bỏ loạn tâm giữ tâm nơi một Đức Phật không quán hình tướng dung mạo chỉ xưng danh hiệu. Tức là ở trong niệm được thấy Phật A-di-đà và tất cả Chư Phật.

Hỏi: Cứ gì không cho tác quán mà chỉ chuyên xưng danh hiệu là có ý gì.

Đáp rằng: Đó là do nghiệp chướng của chúng sinh nặng, cảnh tế, tâm thô, hiểu biết sơ sài, thần thức bay bổng nên quán sát khó thành tựu. Cho nên Đức Phật từ bi thương xót, khuyên thẳng chúng sinh chỉ xưng danh hiệu Phật. Chính vì xưng danh hiệu cho nên liên tiếp liền

được sinh.

Hỏi: Đã bảo chỉ xưng một Đức Phật, cớ sao cảnh hiện ra lại nhiều Đức Phật. Đây há chẳng phải tà chánh giao nhau, một và nhiều hiện lộn xộn.

Đáp: Mỗi Đức Phật đều chứng hình thể không hai, dù cho niệm một Đức Phật mà thấy nhiều Đức Phật có trái gì với lý đại đạo đâu.

Lại như kinh Quán nói:

- Đi quán, ngồi quán, lễ niệm v.v... đều phải xoay mặt về hướng Tây là tốt nhất, như cây trước khi ngã đều phải theo chiều cong, cho nên ắt có sự trở ngại, bất cập hướng về Tây chỉ tưởng về hướng Tây cũng được.

Hỏi: Tất cả Chư Phật ba thân đồng chứng, bi trí đầy đủ cũng không hai, tùy phương lễ lạy, xưng niệm một Đức Phật cũng được vãng sinh, vì sao chỉ khen cõi Tây phương khuyên chuyên lễ lạy nhớ nghĩ cõi ấy là có nghĩa gì?

Đáp: Sở chứng của Chư Phật bình đẳng là một. Nếu dùng hạnh nguyện để thâu nhiếp thì chẳng cái nào không có nhân duyên, song Đức Phật Di-đà đã phát nguyện sâu nặng, nguyện dùng ánh sáng, danh hiệu để thâu nhiếp giáo hóa mười phương, chỉ khiến cho tín tâm cầu niệm trên thì cả đời, dưới đến mười tiếng, một tiếng v.v... nhờ sức nguyện lực của Phật dễ được vãng sinh. Cho nên Đức Thích-ca và Chư Phật đều khuyên hướng về Tây phương là điều khác thường vậy. Cũng chẳng phải xưng niệm Đức Phật khác mà không có thể trừ nghiệp chướng tiêu diệt được tội lỗi. Điều này cần biết. Nếu có thể niệm niệm liên tục như trên, cho đến trọn đời, mười người thì được vãng sinh cả mười, trăm người thì được vãng sinh cả trăm. Tại sao vì ở trong tạp duyên đắc chánh niệm và cùng tương ưng với bản nguyện của Phật, không trái với lời dạy tùy thuận theo lời Phật. Nếu muốn bỏ chuyên tu lại tu tạp nghiệp thì trăm người chỉ được một, hai; ngàn người chỉ được năm hay ba người được vãng sinh. Tại sao? Là do tạp duyên loạn động đánh mất chánh niệm vì không tương ưng với bổn nguyện của Phật và trái với lời dạy, không thuận theo lời Phật giữ niệm không tương tục, nhớ tưởng gián đoạn, vì nguyện Hồi hướng không ân cần chân thật, vì để các phiền não tham sân làm gián đoạn, vì không hổ thẹn sám hối.

Sám hối có ba phẩm: Một là, phẩm Yếu, hai là phẩm Lược, ba là phẩm Quảng như dưới sẽ nói đầy đủ, tùy ý dùng đều được.

Lại không thường nhớ báo ơn Phật kia, tâm sinh khinh mạn. Tuy làm các hạnh nghiệp thường vì tương ưng với danh lợi, nhân ngã tự che

lấp, vì không thân cận, đồng hành với Thiện tri thức, ưu gần gũi những tạp duyên, tự mình bị chướng ngại và làm chướng ngại chánh hạnh vãng sinh của người khác. Vì sao như vậy? Vì tự mình thấy nghe Tăng tục ở các nơi hiểu và làm không không, chuyên tạp có khác. Nhưng người chỉ tu chuyên nhất thì mười người được vãng sinh cả mười, người tu tập không chí tâm thì ngàn người không vãng sinh được mười người. Hai hạnh được mất này như trước đã nói. Ngưỡng nguyện tất cả những người được vãng sinh, khéo tự suy nghĩ, so lường, đã có thể đời này nguyện sinh về nước kia thì khi đi, đứng, ngồi nằm ắt cần cố gắng khắc tâm, ngày đêm chớ quên mất, giữ gìn cho đến trọn đời. Chỉ ở trong một đời tợ như ít khổ, niệm trước mạng chung, niệm sau liền sinh về nước kia, hưởng được pháp lạc vĩnh kiếp cho đến thành Phật không còn chịu sinh tử há chẳng vui ư? Cần nên biết.

Thứ nhất, Phật khuyên lễ tán mười hai ánh sáng của Phật A-di-đà, cầu nguyện vãng sinh, lạy mười chín lạy, nên hành lễ lúc mặt trời lặn, hoặc lấy ở sám hối trung hay hạ cũng được.

Nam-mô Thích-ca Mâu-ni Phật cùng nhất thiết Tam bảo. Con nay cuối đầu đảnh lễ, nguyện Hồi hướng vãng sinh nước Vô Lượng Thọ, Đức Phật hiện tại này là vị Thầy của Tăng tục ngày nay.

Nói Tam bảo tức là phước điền vô lượng. Nếu có thể đảnh lễ Tam bảo một lạy tức là nghĩ báo sư để thành tựu hạnh của mình, dùng một việc này Hồi hướng nguyện vãng sinh.

Nam-mô Thập phương tam thế cùng tận hư không biến khắp pháp giới trong cõi vi trần, tất cả Tam bảo, nay con cúi đầu đảnh lễ, nguyện Hồi hướng vãng sinh nước Vô Lượng Thọ.

Song mười phương hư không vô biên Tam bảo vô tận. Nếu lạy một lạy tức là phước điền vô lượng, công đức vô cùng. Chí tâm đảnh lễ một lạy mỗi một Đức Phật, mỗi một pháp, mỗi một Bồ-tát, mỗi một Thánh Tăng, mỗi một xá-lợi đều đắc phần giải thoát của tam nghiệp thân, khẩu, ý, thiện căn để thêm lợi ích cho hành giả, để thành tựu nghiệp của mình, dùng một hạnh này Hồi hướng nguyện vãng sinh.

Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới A-di-đà Phật, nguyện cùng chúng sinh đều quy mạng, nên con đảnh lễ nguyện sinh nước kia.

Hỏi: Vì sao gọi là A-di-đà?

Đáp: Kinh Di-đà và kinh Quán nói:

- Đức Phật kia ánh sáng vô lượng chiếu mười phương cõi không bị chướng ngại, chỉ tìm chúng sinh nào niệm Phật để nhiếp thâu họ không bỏ sót cho nên gọi là Phật A-di-đà. Thọ mạng của Đức Phật kia và nhân

dân của Ngài vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp cho nên gọi là A-di-đà.

Lại nữa, Đức Phật Thích-ca và mười phương Chư Phật đều tán thán ánh sáng của Phật Di-đà, có mười hai cách gọi, rộng khuyên chúng sinh xưng danh lễ bái, liên tục không gián đoạn thì hiện đời được vô lượng công đức. Sau khi mạng chung nhất định được vãng sinh. Như kinh Vô Lượng Thọ nói:

- Nếu có chúng sinh nào gặp ánh sáng này thì ba cấu tiêu trừ, thân ý nhu nhuyến, hoan hỷ vui vẻ, tâm thiện từ đó phát sinh. Nếu người nào ở chốn lao khổ trong ba đường, thấy được ánh sáng này thì không còn khổ não. Sau khi mạng chung đều được giải thoát. Ánh sáng của Phật Vô Lượng Thọ sáng rõ chiếu sáng khắp cõi nước mười phương Chư Phật, đều được nghe thấy, không chỉ con nay khen ánh sáng của Ngài mà tất cả Chư Phật, Thanh văn, Duyên giác các chúng Bồ-tát đều khen ngợi cũng lại như thế.

- Nếu có chúng sinh nào nghe công đức oai thần ánh sáng của Ngài, ngày đêm xưng thuyết, chí tâm không dứt, theo sở nguyện của họ được sinh cõi của Ngài, thường được chúng Thanh văn, Bồ-tát cùng khen ngợi công đức đó.

Phật dạy: Ta nói oai thần ánh sáng của Phật Vô Lượng Thọ cao ngút vi diệu, suốt ngày đêm trong một kiếp còn không thể kể hết.

Thưa các hành giả!nên biết thân tướng quang minh của Phật Di-đà, Đức Phật Thích-ca nói một kiếp cũng không thể hết. Như kinh Quán nói:

- Mỗi một ánh sáng chiếu khắp mười phương thế giới, đã tóm thâu tất cả chúng sinh niệm Phật không bỏ sót. Hôm nay hành giả đã biết kinh Quán có sự nhiếp hộ duyên tốt lành tăng thượng không nghĩ bàn này, sao không liên tiếp xưng tán. Quán tưởng kính lễ, niệm Phật nguyện vãng sinh về nước đó, cần phải biết.

Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới Vô Lượng Quang Phật. Nguyện cùng chúng sinh đều quy mạng, cho nên con đảnh lễ sinh về nước kia.

Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới Vô Biên Quang Phật. Nguyện cùng chúng sinh đều quy mạng, cho nên con đảnh lễ cầu sinh về nước kia.

Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới Vô Ngại Quang Phật. Nguyện cùng chúng sinh đều quy mạng, nên con đảnh lễ cầu sinh về nước kia.

Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới Vô Đối Quang Phật. Nguyện

cùng chúng sinh đều quy mạng, nên con đảnh lễ cầu sinh về nước kia.

Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới Diệm Vương Quang Phật. Nguyện cùng chúng sinh đều quy mạng, nên con đảnh lễ cầu sinh về nước kia.

Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới Thanh tịnh Quang Phật. Nguyện cùng chúng sinh đều quy mạng, nên con đảnh lễ cầu sinh về nước kia.

Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới Hoan Hỷ Quang Phật. Nguyện cùng chúng sinh đều quy mạng, nên con đảnh lễ cầu sinh về nước kia.

Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới Trí Tuệ Quang Phật. Nguyện cùng chúng sinh đều quy mạng, nên con đảnh lễ cầu sinh về nước kia.

Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới Bất Đoạn Quang Phật. Nguyện cùng chúng sinh đều quy mạng, nên con đảnh lễ cầu sinh về nước kia.

Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới Nan Tư Quang Phật. Nguyện cùng chúng sinh đều quy mạng, nên con đảnh lễ cầu sinh về nước kia.

Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới Vô Xưng Quang Phật. Nguyện cùng chúng sinh đều quy mạng, nên con đảnh lễ cầu sinh về nước kia.

Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới Siêu Nhật Nguyệt Quang Phật. Nguyện cùng chúng sinh đều quy mạng, nên con đảnh lễ cầu sinh về nước kia.

Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới A-di-đà Phật.

Thương xót che chở con
Khiến pháp được tăng trưởng
Đời này và đời sau
Nguyện Phật thường nhiếp thọ.

Nguyện cùng chúng sinh đều quy mạng cho nên con đảnh lễ cầu sinh về nước kia.

Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới Quán Thế Âm Bồ-tát. Nguyện cùng chúng sinh đều quy mạng, nên con đảnh lễ cầu sinh về nước kia.

Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới Đại Thế Chí Bồ-tát. Nguyện cùng chúng sinh đều quy mạng, nên con đảnh lễ cầu sinh về nước kia.

Hai vị Bồ-tát này tất cả chúng sinh khi lâm chung đều cầm đài hoa trao cho hành giả. Phật A-di-đà phóng ánh sáng lớn soi chiếu thân hành giả. Lại cùng vô số hóa Phật Bồ-tát, Thanh văn đại chúng đồng

thời trao tay, trong khoảng khảy móng tay liền được vãng sinh. Vì báo ơn hai Ngài cho nên chí tâm đảnh lễ.

Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới chư Bồ-tát Thanh tịnh đại hải chúng. Nguyện cùng chúng sinh đều quy mạng, nên con đảnh lễ cầu sinh về nước kia.

Các vị Bồ-tát này cùng theo Phật đến nghênh tiếp hành giả. Vì báo ân các Ngài, nên chí tâm đảnh lễ.

Rộng vì Sư Tăng, cha mẹ và Thiện hữu tri thức, pháp giới chúng sinh, dứt trừ ba chướng, đồng được vãng sinh cõi của Đức Phật A-di-đà, chí tâm quy mạng sám hối.

- Chí tâm sám hối.

Nam-mô quy sám thập phương Phật,
Nguyện diệt tất cả các tội căn.
Nay đem các thiện căn đã làm,
Làm nhân An dưỡng cho mình, người.
Thường nguyện tất cả khi lâm chung
Duyên tốt, cảnh tốt đều hiện tiền
Nguyện thấy Phật A-di-đà, đại Bi
Quán Âm Thế Chí thập phương Tôn.
Ngưỡng xin thần quang giơ tay rước,
Nương nguyện lực Phật sinh nước kia
Sám hối phát nguyện Hồi hướng rồi,
Chí tâm đảnh lễ A-di-đà Phật.

Kế làm cho Thanh tịnh.

Nói kệ phát nguyện (viết từ luận Bảo Tánh)

Các công đức lễ sám
Bố thí cho hữu tình
Nguyện khi sắp lâm chung
Thấy Phật Vô Lượng Thọ.
Thân vô biên công đức
Con và những người tin
Đã thấy Phật kia rồi
Nguyện được lìa phiền não
Vãng sinh cõi An lạc
Thành Vô thượng Bồ-đề.
Sám hối rồi tất cả kính lễ.
Quy Phật đắc Bồ-đề,
Đạo tâm thường bất thoái

Quy Pháp Tát-bà-nhã
Đắc môn Đại Tổng Trì
Quy Tăng dứt tranh luận
Đồng vào biển hòa hợp.

Hồi nguyện vãng sinh, nước Vô Lượng Thọ, nguyện các chúng sinh, tam nghiệp Thanh tịnh, vâng theo lời Phật.

Hòa nam, tất cả hiền Thánh đều Hồi hướng nguyện sinh về nước Vô Lượng Thọ.

Các chúng nghe nói kệ nói khi hoàng hôn.

Nhân gian rõ biết đủ các việc,
Bất chợt tuổi già đã cận kề
Như đèn trước gió khó giữ được,
Mờ mờ sáu đường không định hướng
Chưa được giải thoát khỏi biển khổ,
Vì sao an nhiên không lo sợ
Mỗi người khi còn đang khỏe mạnh,
Tự sách tấn mình cầu thường trụ.

Nói bài kệ này rồi thì tâm nghĩ miệng nói lời phát nguyện.

Nguyện đệ tử khi sắp mạng chung, tâm không điên đảo, tâm không tán loạn, tâm không thất niệm, thân tâm không có các sự đau đớn khổ sở mà được an ổn vui vẻ như vào thiền định, Thánh chúng hiện tiền, nhờ bổn nguyện của Phật được vãng sinh về thượng phẩm ở cõi Phật A-di-đà, khi sinh về nước đó rồi, thì đắc được sáu thần thông, nguyện trở lại trong mười phương thế giới cứu vớt chúng sinh đau khổ, hư không pháp giới vô tận, nguyện của con cũng như vậy. Phát nguyện rồi chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà.

Bài kệ tụng đầu đêm:

Phiền não sâu không đáy
Biển sinh tử vô biên
Thuyền vượt khổ chưa lập
Vì sao ham ngủ nghỉ.
Dũng mãnh siêng tinh tấn
Thường giữ tâm chánh niệm
Siêng tu hạnh lục độ
Đạo Bồ-đề tự nhiên

Bài kệ tụng giữa đêm:

Mau dậy chớ ôm thây thối ngủ,
Các thứ bất tịnh mượn làm thân

Như mũi tên bệnh nặng bắn vào thân,
Những nỗi thống khổ ngủ sao đành.

Bài kệ tụng cuối đêm:

Thời gian cứ trôi đi
Phút chốc đến canh năm
Vô thường trong mỗi niệm
Luôn sánh cùng thần chết
Khuyên các người hành đạo
Siêng học đạt vô dư.

Kệ đọc buổi sáng:

Muốn cầu vui vắng lặng
Nên học pháp Sa-môn
Ăn mặc đủ cho thân
Tinh thô tùy người cúng.

Tất cả đại chúng sáng sớm hôm nay đều luôn luôn ghi nhớ sáu niệm.

Bài kệ tụng trong ngày:

Người sống mà lười biếng,
Giống như cây không gốc
Hái hoa đặt dưới nắng,
Tươi được trong bao lâu
Mạng người cũng như vậy
Vô thường trong chốc lát
Khuyên các chúng hành đạo
Siêng tu mới chí chân.

Thứ hai: Tỳ-kheo Thiện Đạo chỉ nương kinh Đại thừa lựa chọn và sưu tầm những văn cần thiết để làm kệ tán, gồm hai mươi ba lạy, nên hành lễ vào đầu đêm, sám hối theo thứ tự.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở Tây phương.

Biển trí nguyện của Ngài,
Sâu rộng không lường được
Nghe tên muốn vãng sinh,
Tất cả đến nước kia
Nguyện cùng với chúng sinh,
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Ở trong thế giới này
Có sáu mươi bảy ức

Các Bồ-tát bất thoái
Đều sẽ sinh nước kia
Nguyện cùng với chúng sinh
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Các Bồ-tát tiểu hạnh
Và người tu ít phước
Số đó không thể kể
Đều sẽ sinh nước kia.
Nguyện cùng với chúng sinh,
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Trong cõi Phật mười phương
Chúng Tỳ-kheo Bồ-tát
Cùng kiếp không thể tính,
Đều sẽ sinh nước kia.
Nguyện cùng với chúng sinh,
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Tất cả các Bồ-tát
Đều mang hoa báu trời,
Hương báu, vô giá y
Cúng dường Phật Di-đà.
Nguyện cùng với chúng sinh,
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Nhạc trời tự nhiên tấu,
Xướng hát tiếng hòa nhã
Ca tán Đức Tối Thắng,
Cúng dường Phật Di-đà.
Nguyện cùng với chúng sinh,
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Tuệ nhật soi thế gian,
Tiêu trừ mây sinh tử.
Cung kính nhiễu ba vòng
Cúi đầu lễ Di-đà.
Nguyện cùng với chúng sinh,

Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Thấy cõi kia nghiêm tịnh,
Vi diệu khó nghĩ bàn
Nhờ phát tâm Vô thượng,
Nguyện nước con cũng vậy
Nguyện cùng với chúng sinh,
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Đúng thời Đức Vô lượng,
Động thân phát tiếng cười
Miệng phóng vô số quang,
Chiếu khắp mười phương cõi.
Nguyện cùng với chúng sinh,
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương

Ánh sáng chiếu quanh thân,
Ba vòng vào trên đảnh
Tất cả chúng trời người,
Nhảy nhót đều hoan hỷ
Nguyện cùng với chúng sinh,
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Tiếng Phật như sấm động,
Bát âm xướng hòa theo
Mười phương đến chánh sĩ,
Con đều biết nguyện kia
Nguyện cùng với chúng sinh,
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương

Đến cõi nghiêm tịnh kia,
Liền đắc được thần thông
Đều được Đức Vô Lượng,
Thọ ký thành Đẳng giác.
Nguyện cùng với chúng sinh,
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Phụng thờ ức Như Lai

Bay hóa khắc các cõi
Cung kính và hoan hỷ
Trở về nước An dưỡng
Nguyện cùng với chúng sinh,
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Nếu người tu thiện,
Không được nghe danh Phật
Kiêu mạn lại giải đãi
Khó thể tin pháp này
Nguyện cùng với chúng sinh,
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Đời trước thấy Chư Phật,
Có thể tin việc này
Khiêm kính nghe phụng hành,
Vui sướng rất hoan hỷ.
Nguyện cùng với chúng sinh,
Vãng sinh nước An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Nếu có người nghe được,
Danh hiệu Phật Di-đà
Với một lòng hoan hỷ,
Đều sẽ được sinh về
Nguyện cùng với chúng sinh,
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Bày đầy lửa đại thiên,
Thẳng qua nghe danh Phật
Nghe danh hoan hỷ khen,
Đều sẽ sinh nước kia.
Nguyện cùng với chúng sinh,
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Vạn năm Tam bảo diệt,
Kinh này trụ trăm năm.
Bấy giờ nghe một niệm,
Đều sẽ sinh nước kia

Nguyện cùng với chúng sinh,
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Đức Phật rất khó gặp,
Người khó phát lòng tin
Nghe được pháp hiếm có,
Đây lại là khó hơn.
Mình tin, dạy người tin,
Trong khó lại càng khó
Đem lòng từ hóa độ,
Mới thật báo ơn Phật.
Nguyện cùng với chúng sinh,
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Thương xót che chở con,
Khiến chánh pháp lâu dài
Đời này và đời sau,
Nguyện Phật thường nhiếp thọ
Nguyện cùng với chúng sinh,
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà, Bồ-tát Quán Thế Âm ở cõi Tây phương, nguyện cùng với chúng sinh vãng sinh cõi An lạc.
- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà, Bồ-tát Đại Thế Chí ở cõi Tây phương. Nguyện cùng với chúng sinh vãng sinh cõi An lạc.
- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà, các vị Bồ-tát Thanh tịnh đại hải ở cõi Tây phương. Nguyện cùng với chúng sinh vãng sinh cõi An lạc.

Rộng vì sư trưởng, cha mẹ và Thiện tri thức pháp giới chúng sinh, dứt trừ ba chướng, đồng được vãng sinh cõi Phật A-di-đà mà chí tâm đảnh lễ sám hối.

Thứ ba là nương nơi bài kệ: Lễ tán nguyện vãng sinh của Bồ-tát Long Thọ gồm có mười sáu lạy, nên hành lễ vào nửa đêm, sám hối đều theo thứ tự.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Phật A-di-đà Lưỡng Túc Tôn,
Được trời người cúi đầu cung kính
Ở cõi An lạc vi diệu kia,
Vô lượng chúng Phật tử vây quanh.

Nên con cúi đầu đảnh lễ Ngài.
Nguyện cùng với chúng sinh,
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Thân sắc vàng sạch như núi chúa,
Xa-ma-tha hành như voi bước.
Hai mắt trong như hoa sen xanh,
Nên con cúi đầu đảnh lễ Ngài.
Nguyện cùng với chúng sinh
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Mặt Ngài tròn sáng như trăng rằm,
Oai quang giống như ngàn nhật nguyệt
Tiếng Ngài như trống câu-sí-la,
Nên con cúi đầu đảnh lễ Ngài.
Nguyện cùng với chúng sinh
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Quán Âm đội mũ đứng bên trong,
Các tướng trang nghiêm rất vi diệu
Khéo phục ngoại đạo ma kiêu mạn,
Nên con cúi đầu đảnh lễ Ngài.
Nguyện cùng với chúng sinh
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Không lường không dơ rộng Thanh tịnh,
Các đức trong sạch như hư không
Lợi ích đã làm được tự tại,
Nên con cúi đầu đảnh lễ Ngài.
Nguyện cùng với chúng sinh
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Mười phương Thanh văn chúng Bồ-tát,
Vô lượng chư ma thường tán thán
Nguyện lực vì các chúng sinh trụ,
Nên con cúi đầu đảnh lễ Ngài.
Nguyện cùng với chúng sinh
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Nền vàng ao báu lại mọc hoa,
Thiện căn kết thành đài vi diệu
Ngồi ở trên tòa như núi chúa,
Nên con cúi đầu đảnh lễ Ngài.
Nguyện cùng với chúng sinh
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Mười phương Phật tử cùng hội về,
Đều dùng thần thông đi đến đó.
Chiêm ngưỡng tôn nhan thường cung kính,
Nên con cúi đầu đảnh lễ Ngài.
Nguyện cùng với chúng sinh
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Chư hữu vô thường và vô ngã,
Cũng như nước trăng soi bóng hiện
Vì chúng thuyết pháp vô danh tự,
Nên con cúi đầu đảnh lễ Ngài.
Nguyện cùng với chúng sinh
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Cõi Đức Phật kia không tiếng xấu,
Không có người nữ, các đường ác
Mọi người chí tâm đồng kính lễ,
Nên con cúi đầu đảnh lễ Ngài.
Nguyện cùng với chúng sinh
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Cõi Phật kia vô lượng phương tiện,
Không có chư thú, ác tri thức.
Vãng sinh bất thoái đến Bồ-đề,
Nên con cúi đầu đảnh lễ Ngài.
Nguyện cùng với chúng sinh
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Con nói công đức của Phật kia,
Thiện căn vô biên như nước biển

Thiện căn Thanh tịnh đã làm được,
Hồi hướng chúng sinh sinh cõi kia.
Nguyện cùng với chúng sinh
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Thương xót che chở con,
Khiến chánh pháp lâu dài
Đời này và đời sau,
Nguyện Phật thường nhiếp thọ.
Nguyện cùng với chúng sinh,
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Bồ-tát Quán Thế Âm ở thế giới Cực lạc Tây phương.

Nguyện cùng với chúng sinh vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Bồ-tát Đại Thế Chí ở thế giới Cực lạc Tây phương.

Nguyện cùng với chúng sinh vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ các chúng Bồ-tát Thanh tịnh Đại Hải ở thế giới Cực lạc Tây phương.

Nguyện cùng với chúng sinh vãng sinh cõi An lạc.

Rộng vì sư Tăng, phụ mẫu và Thiện tri thức pháp giới chúng sinh, dứt trừ ba chướng đồng được vãng sinh cõi Phật A-di-đà chí tâm quy mạng cầu xin sám hối. Thân này kể từ vô thỉ đến nay, thường lấy mười điều ác làm khổ chúng sinh, bất hiếu cha mẹ, phỉ báng Tam bảo, tạo năm tội nghịch, làm nghiệp bất thiện, vì các nhân duyên tội lỗi này, vì vọng tưởng điên đảo sinh ra trói buộc nên phải chịu vô lượng khổ sinh tử. Nay con cúi đầu đảnh lễ sám hối nguyện xin diệt trừ. Sám hối rồi chí tâm quy mạng đảnh lễ Phật A-di-đà.

- Chí tâm khuyến thỉnh.

Chư Phật Đại Từ Vô Thượng Tôn, thường dùng trí tuệ rỗng suốt chiếu soi ba giới, chúng sinh mờ tối không biết tỉnh giác nên bị chìm mãi trong biển lớn sinh tử. Vì để cứu vớt chúng sinh lìa khổ mà khuyến thỉnh chánh pháp thường trụ, khuyến thỉnh rồi chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà.

- Chí tâm tùy hỷ.

Con nhiều kiếp đã qua ôm lòng ganh ghét, ngã mạn, buông lung do ngu si sinh ra thường vì lửa sân hận độc hai thiêu đốt trí tuệ, lòng từ và các thiện căn. Ngày nay suy lại mới bàng hoàng tỉnh ngộ, phát tâm

tinh tấn hoan hỷ lớn. Hoan hỷ rồi, chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà.

- Chí tâm Hồi hướng.

Lưu lãng trong ba cõi, do ngu si, tham ái nhập vào thai mẹ sinh ra chịu sự chi phối của sự sinh, lão, bệnh, tử, lặn hụp trong biển khổ. Hôm nay con tu phước đức này đem Hồi hướng nguyện sinh về cõi An lạc. Hồi hướng rồi, chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà.

- Chí tâm phát nguyện.

Nguyện xả báo thân này,
Vãng sinh cõi An lạc
Liền thấy Phật Di-đà,
Thân vô biên công đức.
Phụng cận các Như Lai,
Hiền Thánh cũng như vậy
Được sức sáu thần thông
Cứu nhiếp chúng sinh khổ
Hư không pháp giới hết
Nguyện con cũng như vậy.

Phát nguyện rồi, chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà. (Ngoài ra đều đồng với pháp trên).

Thứ tư, nương bài kệ lễ tán nguyện vãng sinh của Bồ-tát Thiên Thân gồm hai mươi lạy, nên hành lễ vào cuối đêm.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Thế Tôn! Con một lòng
Quy mạng hết mười phương
Vô lượng quang Như Lai
Nguyện sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Nhìn tướng thế giới kia,
Vượt hơn cảnh ba cõi
Rốt ráo như hư không,
Rộng lớn không bờ mé
Nguyện cùng với chúng sinh,
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Chánh đạo đại Từ bi,
Ra đời nhờ thiện căn
Đầy đủ ánh quang minh
Như vòng tròn nhật nguyệt.

Nguyện cùng với chúng sinh,
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Tràn đầy tánh trân bảo,
Đầy đủ trang nghiêm đẹp
Quang vô cấu rực sáng,
Chiếu suốt sạch thế gian
Nguyện cùng với chúng sinh,
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Hoa báu ngàn vạn loại,
Che kín ao suối chảy
Gió nhẹ lay hoa lá,
Ánh sáng xen chiếu vào
Nguyện cùng với chúng sinh,
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Cung điện và lầu các,
Nhìn mười phương không ngại
Cây xen lẫn ánh sắc,
Lan can báu nhiễu quanh
Nguyện cùng với chúng sinh,
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Vô lượng báu xen nhau
Lưới trùm khắp hư không.
Các thứ linh hòa reo
Đều phát ra diệu pháp.
Nguyện cùng với chúng sinh,
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Tiếng Phạm hiểu sâu xa,
Vi diệu nghe mười phương
Đức Phật A-di-đà
Pháp vương khéo giữ gìn
Nguyện cùng với chúng sinh,
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Như Lai tịnh hoa chúng,
Chánh giác hoa hóa sinh
Ưa thích mùi Phật pháp,
Thức ăn thiền Tam-muội.
Nguyện cùng với chúng sinh,
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Lìa não hại thân tâm,
Luôn luôn được vui vẻ
Đại thừa chỗ thiện căn,
Bình đẳng không chê trách
Nguyện cùng với chúng sinh,
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Người nữ, kẻ thiếu căn,
Hạng Nhị thừa không sinh
Điều chúng sinh ưa muốn,
Tất cả đều đầy đủ.
Nguyện cùng với chúng sinh,
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Vô lượng Đại Bảo Vương,
Đài hoa sạch vi diệu
Tướng tốt sáng một tầm,
Sắc tượng vượt quần sinh
Nguyện cùng với chúng sinh,
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Chúng trời người bất động
Vua biển trí Thanh tịnh.
Như núi chúa Tu-di
Thắng diệu không ai bằng.
Nguyện cùng với chúng sinh,
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Chúng trời người trượng phu,
Kính nhiễu quanh chiêm ngưỡng
Mưa trời dâng áo hoa,

Diệu hương để cúng dường
Nguyện cùng với chúng sinh,
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Cõi An lạc Thanh tịnh,
Thường chuyển xe vô cấu
Nhất niệm trong một lúc,
Lợi ích cho quần sinh
Nguyện cùng với chúng sinh,
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Khen công đức của Phật,
Không có tâm phân biệt
Khéo khiến mau đầy đủ,
Biển công đức rất quý
Nguyện cùng với chúng sinh,
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Thương xót che chở con,
Khiến chánh pháp tăng trưởng
Đời này và đời sau,
Nguyện Phật thường nhiếp thọ
Nguyện cùng với chúng sinh,
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Bồ-tát Quán Thế Âm ở thế giới Cực lạc Tây phương.

Nguyện cùng với chúng sinh, vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Bồ-tát Đại Thế Chí ở thế giới Cực lạc Tây phương.

Nguyện cùng với chúng sinh, vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ chúng Bồ-tát Thanh tịnh Đại Hải ở thế giới Cực lạc Tây phương.

Nguyện cùng với chúng sinh, vãng sinh cõi An lạc.

Rộng vì sư Tăng, cha mẹ và Thiện tri thức pháp giới chúng sinh dứt trừ ba chướng đồng được vãng sinh cõi Phật A-di-đà, chí tâm quy mạng sám hối.

Thứ năm nương bài kệ lễ tán nguyện vãng sinh của Pháp sư Ngạn Tông có hai mươi hai lạy nên hành lễ lúc sáng sớm.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Nhân Pháp Tạng càng xa,
Quả Cực lạc lại sâu
Vật quý lạ làm đất,
Giữa các báu là rừng
Hoa nở sắc tuyệt diệu,
Sóng vỗ âm thật tướng,
Bao giờ được trao tay,
Tâm hoàn toàn vãng sinh.
Nguyện cùng với chúng sinh,
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Đời ô trược khó vào,
Nguyện Tịnh độ càng sâu
Dây vàng ngăn thẳng đường,
Lưới báu rủ trên rừng
Thấy sắc đều chân sắc,
Nghe âm đều pháp âm
Ai bảo Tây phương xa,
Chỉ cần trong mười niệm
Nguyện cùng với chúng sinh,
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Đã thành tựu Thánh lý,
Có oai đức cùng khắp
Ở Tây thời hiện nhỏ,
Đều là tạm tùy cơ
Lá báu hòa chiếu nhau,
Cát nước đều lắng đọng
Muốn được quả vô sinh,
Cõi kia ắt phải nương
Nguyện cùng với chúng sinh,
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Năm núi riêng một dãy,
Tay báu ấn phân ra.
Đất nước đều là gương,
Hoa hương đồng làm mây.

Nghiệp sâu thành dễ đến,
Khốn cạn thật khó nghe
Đều mong trừ nghi hoặc
Vượt lên hết tất cả.
Nguyện cùng với chúng sinh,
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng Bồ-tát Quán Thế Âm ở cõi Tây phương.

Ngàn căm dưới chân Phật
Trong đó hiện năm đường
Thương xót luôn tiếp dẫn,
Người về cũng chưa hết
Miệng nói như trong định,
Tâm tịnh lại bay khắp
Nghe danh đều nguyện sinh,
Ngày nở thêm nhiều hoa.
Nguyện cùng với chúng sinh,
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Bồ-tát Đại Thế Chí ở cõi Tây phương.

Cờ tuệ lực Vô thượng,
Thân sáng hội đủ duyên
Giao động các nước báu,
Đợi ngồi hoa sen vàng
Điểu quần chẳng thật điểu,
Thiên loại đâu chân thiên
Cần cầu vui vi diệu,
Hội đủ giới hương này.
Nguyện cùng với chúng sinh,
Vãng sinh nước An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Tâm trần đầy chân từ,
Sáng trùm khắp pháp giới
Vô duyên năng nhiếp vật,
Có tưởng định không khó.
Hoa tùy tâm mình hiện,
Cung dời thân tự an
Mong muốn cảnh xuất thế,
Cần cùng nhập thiền quán.
Nguyện cùng với chúng sinh,

Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Hồi hướng các công đức,
Đường Tây phương vừa thông.
Tràng báu nương đất dày,
Hương trời theo gió bay
Hoa nở rải cùng khắp,
Lưới mỏng che hư không
Nguyện sinh ý thiết gì,
Chính là vui vô cùng.
Nguyện cùng với chúng sinh,
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Muốn chọn chỗ sẽ sinh,
Tây phương rất đáng về
Giữa cây xây lầu các,
Đầy đường rải áo mới.
Cơm thơm theo ý muốn,
Điện báu thân bay đến
Hữu duyên đều được vào,
Chỉ những người muốn sinh.
Nguyện cùng với chúng sinh,
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Mười kiếp nói đạo mầu,
Cảnh đẹp dẫn quần manh
Cát vàng chiếu thấu nước,
Lá ngọc sáng rực cành
Chim sinh ra từ ngọc,
Người từ trên lá sinh.
Dám thỉnh Thánh Tây phương,
Sớm muộn sẽ đến rước.
Nguyện cùng với chúng sinh,
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Mười phương các cõi Phật,
Đều là nhà Pháp vương
Tìm khắp chốn hữu duyên,

Mong đắc sớm không lệch
Nước bát công như ý,
Hoa thất bảo tự nhiên
Ở đó tâm vấn vương,
Không lâu ắt vãng sinh về
Nguyện cùng với chúng sinh,
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Cõi tịnh không suy biến,
Xưa nay vẫn như vậy
Đài quang ngàn báu hợp,
Nhạc âm bát phong reo
Trong ao chim thuyết pháp,
Trên không trời rải hoa.
Được sinh không sợ lui
Tùy sớm muộn sen nở.
Nguyện cùng với chúng sinh,
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Đài hoa chẳng phải một,
Thánh chúng cũng khó lường
Hoa nở người một đài,
Sóng vỗ phát ra pháp
Không nạn do yên tịnh
Bậc bất thoái làm bạn
Hỏi các bậc sinh trước,
Đến đây mấy kiếp rồi.
Nguyện cùng với chúng sinh,
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Phóng quang cứu Tỳ-xá,
Lập cung dẫn Vi-đề
Trời đến cầm lọng thơm,
Người đi mang áo báu
Lục thời nghe chim hót,
Tứ thốn dẫm hoa rủ.
Nhìn nhau đều chân chánh,
Há lại có trường mê.

Nguyện cùng với chúng sinh,
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Khắp nhờ ba phước lớn,
Đều khiến ngũ thiêu giảm
Phát tâm công đức đến,
Chánh niệm tội lỗi tiêu.
Chim hóa ánh ngọc chiếu,
Gió mát tiếng nhạc reo.
Đều vui vẻ hành đạo,
Lo gì Thánh quả xa.
Nguyện cùng với chúng sinh,
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Châu sắc lại là nước,
Kim quang tức là đài
Đúng thời hoa tự nở,
Tùy nguyện lá lại xòe.
Trong ao lại ẩn hiện,
Trên không thường qua lại.
Chân tâm hướng về đó,
Điều thiện đem Hồi hướng.
Nguyện cùng với chúng sinh,
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Nước cam lồ rửa tâm,
Mây diệu hoa vui mắt
Đồng sống khéo dễ biết,
Cùng thọ lượng khó phân.
Vui nhiều không bỏ đạo,
Tiếng xa không ngại nghe
Cớ sao tham ngũ trược,
An nhiên để lửa đốt.
Nguyện cùng với chúng sinh,
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Trong đài trời người hiện,
Giữa quang thị giả xem.

Bốn gác báu treo không,
Bảy vòng rào vây quanh
Đa nghi sống biên địa,
Ít đức khó sinh thượng.
Và chẳng bàn nguyện khác,
Hướng tây tâm đã an.
Nguyện cùng với chúng sinh,
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Sáu căn thường hợp đạo,
Ba đường dứt hẳn tên.
Một niệm dạo cùng khắp,
Khi về đắc sinh nhẫn
Đất bằng rộng vô cùng,
Gió lớn là quét sạch
Nhờ nói lực hữu tâm,
Cùng ra khỏi chốn hiểm.
Nguyện cùng với chúng sinh,
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Thương xót che chở con,
Khiến chánh pháp lâu dài
Đời này và đời sau,
Nguyện Phật thường nhiếp thọ.
Nguyện cùng với chúng sinh,
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Bồ-tát Quán Thế Âm ở thế giới Cực lạc Tây phương.

Nguyện cùng với chúng sinh vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Bồ-tát Đại Thế Chí ở thế giới Cực lạc Tây phương.

Nguyện cùng với chúng sinh vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ các chúng Bồ-tát Thanh tịnh Đại Hải ở thế giới Cực lạc Tây phương.

Nguyện cùng với chúng sinh vãng sinh cõi An lạc.

Khắp vì sư tăng, cha mẹ, Thiện tri thức pháp giới chúng sinh dứt ba chướng, đồng được vãng sinh cõi Phật Tăng, chí thành sám hối.

Thứ sáu là bài kệ lễ tán nguyện vãng sinh của Tỳ-kheo Thiện

Đạo nương vào “Thập Lục Quán” gồm hai mươi lạy. Nên hành lễ vào giờ ngọ.

Thấy cõi Cực lạc Di-đà kia,
Thênh thang bằng phẳng toàn bằng báu.
Bốn mươi tám nguyện trang nghiêm thành,
Vượt hơn các cõi Phật rất nhiều
Nước này phương khác chúng đại hải,
Hằng sa Tam-muội tự nhiên thành.
Nguyện cùng với chúng sinh
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Đất trang nghiêm tràng bảy báu
Vô lượng vô biên, vô ức số
Tám phương tám hướng toàn bách bảo,
Thấy bậc Vô sinh tự nhiên ngộ
Nước báu vô sinh mãi thường còn,
Mỗi mỗi dòng báu vô số quang
Hành giả dốc tâm thường hiện tiền,
Nương thần bay thẳng vào Tây phương
Nguyện cùng với chúng sinh
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Trên đất trang nghiêm chuyển vô cùng
Dây vàng giăng đường không cần thợ.
Trí nguyện Di-đà khéo trang nghiêm,
Bồ-tát nhân thiên rải hoa dâng
Đất báu, màu báu, ánh sáng báu,
Trong ánh sáng hiện vô số đài
Trong đài lầu báu thiên vạn ức,
Và trăm ức tràng báu vây quanh.
Nguyện cùng với chúng sinh
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Trên mỗi mỗi đài trong hư không,
Trang nghiêm nhạc báu cũng vô cùng.
Tám loại gió mát theo luồng thổi,
Tùy thời trống nhạc hòa cơ âm
Cơ âm chánh thọ mới là khó,

Đi đứng nằm ngồi nhiếp tâm quán
Chỉ trừ khi ngủ thường ức niệm,
Tam-muội vô vi tức Niết-bàn.
Nguyện cùng với chúng sinh
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Nước báu, rừng báu, các cây báu,
Hoa báu, lá báu, gốc rễ báu
Hoặc dùng ngàn báu phân rừng khác,
Hoặc có trăm báu xếp thành hàng
Hàng hàng đều nhau lá cũng thế,
Màu sắc khác nhau sáng cũng khác.
Nhất loạt đồng nhau ba mươi vạn,
Cành vươn chạm nhau nói nhân duyên.
Nguyện cùng với chúng sinh
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Bảy hàng lưới võng bảy vòng cung,
Lụa trắng chiếu nhau phát ánh sáng.
Hóa thiên đồng tử đều đầy khắp,
Anh lạc sáng rực hơn nhật nguyệt.
Hàng hàng lá báu ngàn màu sắc,
Hoa rải giống như vàng kim luân
Biến khắp ánh sáng thành lộng báu,
Vô biên trần sa cõi Phật hiện
Nguyện cùng với chúng sinh
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Ao báu, bờ báu, cát vàng báu,
Kênh báu, lá báu hoa sen báu
Mười hai do-tuần đều ngay thẳng,
Lưới báu, võng báu, lan can báu.
Nước đức phân dòng tìm cây báu,
Thấy sóng nghe nhạc vẫn điềm nhiên
Nương lời hữu duyên người đồng hành
Nỗ lực quay lại với tự tánh.
Nguyện cùng với chúng sinh
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Mỗi mỗi dây vàng ngăn trên đường,
Nhạc hay cây báu ngàn vạn ức.
Đồng tử cõi trời rải hoa thơm,
Bồ-tát hội về như mây tụ.
Vô lượng vô biên không kể xiết,
Cúi đầu kính lễ Đức Di-đà.
Gió thổi, linh reo khắp hư không,
Tán thán Tam bảo không cùng tận.
Nguyện cùng với chúng sinh
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Tòa hoa bổn nguyện Di-đà
Tất cả các báu kết lại thành.
Trên đài bốn phía giăng lụa báu,
Ngài ngồi trên tòa thân hiện rõ.
Hào quang chiếu sáng khắp pháp giới,
Người được quang soi tâm bất thoái.
Ngày đêm sáu thời thường tưởng niệm,
Lâm chung vui vẻ như Tam-muội.
Nguyện cùng với chúng sinh
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Thân tâm của Ngài khắp pháp giới,
Bóng hiện trong tâm tưởng chúng sinh
Cho nên khuyên người thường quán sát,
Nương tâm khởi tướng thấy chân dung
Chân dung tướng báu ngồi đài sen,
Tâm ngộ thấy nước kia trang nghiêm.
Cây báu ba thân hoa bay khắp,
Linh đưa nhạc reo cùng hòa nhịp
Nguyện cùng với chúng sinh
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Thân sắc Di-đà như núi vàng,
Tướng tốt sáng rực chiếu mười phương
Chỉ có niệm Phật mong tiếp độ,
Nên bổn nguyện rất là vững

Mười phương Phật hiện lưỡi chứng minh,
Chuyên xưng danh hiệu sinh Tây phương.
Đến đó hoa nở nghe diệu pháp,
Hạnh nguyện thập địa tự nhiên hiện
Nguyện cùng với chúng sinh
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Quán Âm Bồ-tát đại Từ bi,
Đã đắc Bồ-đề xả không chứng
Lại dấn thân trong đời ngũ trược,
Sáu thời quan sát tam nghiệp ứng
Ứng hiện thân quang sắc vàng tía,
Tướng tốt oai nghi chuyển vô cùng.
Thường duỗi tay ngọc bách ức quang,
Tiếp người hữu duyên về nước mình.
Nguyện cùng với chúng sinh
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Thế Chí Bồ-tát khó nghĩ bàn,
Oai quang chiếu khắp không bờ mé.
Chúng sinh hữu duyên nhờ quang chiếu,
Tăng trưởng trí tuệ vượt ba cõi.
Pháp giới chông chênh như cỏ trôi.
Hóa Phật, Bồ-tát khắp hư không.
Khuyên người hữu duyên thường niệm Phật,
Dứt hẳn sinh tử chứng lục thông.
Nguyện cùng với chúng sinh
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Tư thế kết già nhập Tam-muội,
Tâm thường nương niệm đến Tây phương
Thấy được cõi Cực lạc Di-đà,
Trên đất, trên không toàn bằng báu
Thân Phật lớn vô cùng vô biên,
Lại khuyên chúng sinh quán thân nhỏ
Trượng sáu tám thước tùy cơ hiện,
Bồ-tát hóa hầu trước đẳng chân.
Nguyện cùng với chúng sinh

Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Bậc thượng bối, thượng hạng thượng căn,
Dứt tham sân cầu sinh Tịnh độ.
Xếp hạng khác nhau phân ba phẩm,
Ngũ môn liên tiếp giúp tam nhân
Một ngày bảy ngày chuyên tinh tấn,
Mạng chung ngồi đài thoát sáu trần
Vui thay khó gặp nay hội ngộ,
Chứng được pháp thân tướng vô vi
Nguyện cùng với chúng sinh
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Bậc trung bối, trung hạng, trung căn,
Một ngày trai giới ở sen vàng
Hiếu dưỡng cha mẹ dạy Hồi hướng,
Vui nói nhân khoái lạc Tây phương
Phật cùng chúng Thanh văn đến nhóm,
Thẳng đến bên tòa hoa Di-đà.
Bảy ngày trong lồng hoa bách bảo,
Ba phẩm sen nở chứng tiểu chân.
Nguyện cùng với chúng sinh
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Bậc hạ bối, hạ hạng, hạ căn,
Thập ác, ngũ nghịch và tham sân
Tứ trọng, phá Tăng, báng chánh pháp,
Chưa từng hổ thẹn hối lỗi trước.
Lâm chung tướng khổ đều hội về,
Địa ngục lửa lớn hiện trước người.
Bỗng nay gặp được Thiện tri thức,
Mau khuyên họ xưng danh hiệu Phật
Hóa Phật Bồ-tát nghe tìm đến,
Nhất tâm một niệm vào sen báu.
Giải trừ tam nghiệp trong nhiều kiếp,
Bấy giờ mới phát nhân Bồ-đề.
Nguyện cùng với chúng sinh
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Vui sao sự vui khó nghĩ bàn.
Vô biên Bồ-tát cùng làm bạn,
Biển tánh Như Lai thảy là Thầy
Khát nghe Bát-nhã dứt cơn khát,
Đói niệm vô sắc liền hết đói.
Tất cả trang nghiêm đều nói pháp,
Vô tâm lãnh hội tự nhiên biết.
Ao hoa thất bảo tùy ý vào,
Tám bậc tập trung lại một cành.
Di-đà rưới nước lên đầu con,
Quán Âm, Đại Thế trao áo mặc
Bỗng bay lên không dạo pháp giới,
Khoảnh khắc thọ ký hiệu vô vi.
Cõi Cực lạc tự tại như thế,
Nay con không sinh đợi khi nào.
Nguyện cùng với chúng sinh
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Thương xót che chở con
Khiến chánh pháp tăng trưởng
Đời này và đời sau
Nguyện Phật thường nhiếp thọ
Nguyện cùng với chúng sinh
Vãng sinh cõi An lạc.

- Chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà, Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Đại Thế Chí và chúng Bồ-tát Thanh tịnh Đại Hải ở cõi Tây phương.

Nguyện cùng với chúng sinh vãng sinh cõi An lạc.

Khắp vì sư Tăng, cha mẹ và Thiện tri thức, pháp giới chúng sinh dứt trừ ba chướng đồng được vãng sinh cõi Phật A-di-đà, nay con chí thành đảnh lễ sám hối.

Hai phẩm Sám hối và Phát nguyện trên đồng như trước. Nếu muốn sám hối vừa thì lấy phần đầu, nếu muốn sám hối sơ lược thì lược phần giữa, nếu muốn sám hối rộng thì lấy phần sau. Nếu sám hối rộng thì thực có tâm nguyện sinh mà khuyên răn hoặc đối trước bốn chúng, hoặc trước mười phương Phật, hoặc đối trước xá-lợi tôn tượng đại chúng, hoặc với một người hay chỉ riêng mình. Lại hướng về mười phương tận hư không Tam bảo và hết thảy cõi chúng sinh cùng phát lộ sám hối.

Sám hối có ba phẩm thượng trung hạ.

Thượng phẩm sám hối là trong lỗ chân lông của thân tiết ra máu, trong mắt ứa máu gọi là thượng phẩm sám hối.

Trung phẩm sám hối là khắp thân nóng lên, mồ hôi từ các lỗ chân lông tiết ra, máu trong mắt cũng chảy ra, sám hối như thế gọi là trung phẩm sám hối.

Hạ phẩm sám hối là toàn thân nóng ran, nước mắt chảy ra, đây gọi là hạ phẩm sám hối.

Ba phẩm này tuy có sự sai khác tức là do người từ lâu đã trồng thiện căn giải thoát khiến cho đời nay kính pháp, trọng Tăng, không tiếc thân mạng. Cho đến dù một tội nhỏ cũng như pháp sám hối thì có thể thấu tâm thấu tủy, sám hối như thế thì không luận người có nghiệp chướng nặng nề đều diệt. Nếu không như vậy, mặc cho ngày đêm mười hai thời trôi qua nhanh chóng cuối cùng là vô ích. Nếu người không làm nên biết. Tuy không rơi lệ, chảy máu v.v... nhưng thấu đạt được chân tâm tức là đồng với trên.

Kính bạch mười phương Chư Phật, tôn pháp, tất cả Hiền Thánh và hết thảy trời, rồng, bát bộ, pháp giới chúng sinh, đại chúng hiện tiền v.v... chứng biết cho con tên... phát lộ sám hối. Từ vô thỉ kiếp đã qua cho đến thân này con đã giết hại tất cả Tam bảo, Sư tăng, cha mẹ, lục thân quyến thuộc, Thiện tri thức, pháp giới chúng sinh vô số kể; con đã trộm cắp vô số tài vật của tất cả Tam bảo, sư Tăng, cha mẹ, lục thân quyến thuộc, Thiện tri thức, pháp giới chúng sinh; Đối với tất cả Tam bảo, Sư tăng, cha mẹ, lục thân quyến thuộc, pháp giới chúng sinh đã khởi không biết bao nhiêu là tà dâm; Con đã nói lời giả dối làm nhục hết thảy Tam bảo, Sư tăng, cha mẹ, lục thân quyến thuộc, Thiện tri thức, pháp giới chúng sinh nhiều vô kể; con đã nói lời thêu dệt đối với Tam bảo, Sư tăng, cha mẹ, lục thân quyến thuộc, Thiện tri thức, pháp giới chúng sinh nhiều vô kể; Con đã nói lời hung ác để mạ nhục, phỉ báng chê bai đối với tất cả Tam bảo, Sư tăng, cha mẹ, lục thân quyến thuộc, Thiện tri thức, pháp giới chúng sinh nhiều vô kể; con đã nói lưỡi hai chiều để gây hại chống đối phá hoại đối với tất cả Tam bảo, Sư tăng, cha mẹ, lục thân quyến thuộc, Thiện tri thức, pháp giới chúng sinh nhiều vô kể; hoặc phá năm giới, tám giới, mười giới, mười thiện giới, hai trăm năm mươi giới, năm trăm giới, tam tụ giới của Bồ-tát, mười giới vô tận cho đến tất cả giới và tất cả giới oai nghi, tự mình làm, dạy người, thấy làm mà tùy hỷ nhiều vô kể. Các tội như vậy, cũng như vô lượng vô biên đại địa vi trần trong mười phương, tội của chúng con đã làm cũng vô số vô

biên. Hư không vô biên, tội con đã làm cũng lại vô biên, pháp giới vô biên cũng như trên, pháp tánh vô biên cũng như trên. Phương tiện vô biên cũng như trên. Các tội như vậy, trên đến các bậc Bồ-tát, dưới đến Thanh văn Duyên giác cũng không thể tính biết được chỉ có Phật với Phật mới có thể biết tội lỗi của con nhiều hay ít. Nay đối trước Tam bảo, trước pháp giới chúng sinh con xin phát lộ sám hối không dám che giấu. Xin nguyện mười phương Tam bảo, pháp giới chúng sinh nhận sự sám hối của con cho con được Thanh tịnh. Con nguyện từ nay cùng với pháp giới chúng sinh xả tà quy chánh phát tâm Bồ-đề, dùng lòng từ hướng về nhau. Phật nhãn nhìn nhau, làm quyến thuộc Bồ-đề, làm chân Thiện tri thức, đồng sinh nước Phật A-di-đà cho đến thành Phật. Các tội như vậy dứt hẳn từ nay về sau không dám làm.

Sám hối rồi, chí tâm quy mạng lễ Phật A-di-đà. Lễ sám xong, nếu nhập quán đến khi ngủ nên phát lời nguyện này, nếu đứng hay ngồi đều nhất tâm chắp tay xoay mặt về hướng Tây xưng mười lần Phật A-di-đà, Bồ-tát Quán Thế Âm, Thế Chí đến chúng Bồ-tát Thanh tịnh Đại Hải xong rồi nguyện rằng: Đệ tử hiện là phàm phu sinh tử, tội chướng sâu dày, luân hồi trong sáu đường, khổ không thể tả. Nay gặp được Thiện tri thức, được nghe danh hiệu bổn nguyện của Phật Di-đà, một lòng xưng niệm cầu nguyện vãng sinh. Nguyện Phật từ bi đừng bỏ thệ nguyện rộng lớn của mình để nhiếp thọ con.

Đệ tử không biết hòa quang thân tướng của Phật A-di-đà, nguyện Phật từ bi thị hiện thân tướng đệ tử. Quán Âm, Thế Chí các vị Bồ-tát và các tướng quang minh trang nghiêm Thanh tịnh của thế giới kia. Nói lời này rồi, nhất tâm chánh niệm, liền tùy ý nhập quán và ngủ. Hoặc có lúc khi đang phát lời nguyện liền được thấy Ngài; hoặc trong khi đang ngủ được thấy. Nguyện này so ra cũng rất có hiệu nghiệm ngay.

Hỏi: Xưng niệm lễ, quán Phật Di-đà, hiện đời có công đức lợi ích gì?

Đáp: Nếu xưng một câu A-di-đà Phật liền có thể trừ được trọng tội trong tám mươi ức kiếp sinh tử. Cho đến lễ niệm và những pháp khác cũng như vậy.

Kinh Thập Vãng Sinh nói rằng: Nếu có chúng sinh niệm Phật A-di-đà nguyện vãng sinh, Đức Phật kia liền sai hai mươi lăm Bồ-tát đến ủng hộ hành giả, hoặc đi, hoặc ngồi, hoặc đứng, hoặc nằm, hoặc ngày, hoặc đêm, tất cả các thời, tất cả mọi nơi không cho ác quỷ, ác thần đến chỗ người đó.

Lại kinh Quán nói rằng: Nếu xưng danh, lễ bái Phật A-di-đà

nguyện vãng sinh nước kia thì Đức Phật kia liền sai vô số hóa Phật, vô số hóa Quán Âm, Thế Chí Bồ-tát đến hộ niệm hành giả; Lại cùng với hai mươi lăm vị Bồ-tát v.v... vây quanh hành giả trăm nghìn vòng, không luận là hành giả đi, đứng hay ngồi nằm và bất cứ lúc nào, chỗ nào, hoặc ngày hay đêm thường không lìa hành giả. Nay đã có sự lợi ích thù thắng này đáng nương nhờ, nguyện các hành giả, mỗi người cần chí tâm cầu vãng sinh.

Lại như kinh Vô Lượng Thọ nói:

- Nếu ta thành Phật, chúng sinh trong mười phương xưng danh hiệu của ta cho đến mười tiếng, nếu không được vãng sinh thì ta nguyện không giữ ngôi Chánh giác.” Đức Phật kia nay đã thành Phật, nên biết thệ nguyện của Ngài không luống dối, chúng sinh xưng niệm danh hiệu Ngài ắt được vãng sinh.

Lại như kinh Di-đà nói:

- Nếu có chúng sinh nào nghe nói Phật A-di-đà liền chấp trì danh hiệu của Ngài, hoặc một ngày, hai ngày cho đến bảy ngày, một lòng xưng niệm Phật, khi sắp mạng chung, Phật A-di-đà và chư Thánh chúng hiện trước người đó. Người này khi mạng chung tâm không điên đảo, liền được vãng sinh về nước kia.

Phật bảo Ngài Xá-lợi-phất: “Ta thấy sự lợi ích này nên nói lời như vậy. Nếu có chúng sinh nào nghe nói lời này, thì phát nguyện, nguyện sinh về nước kia.”

Kế lại nói:

- Phương Đông, có hằng hà sa Chư Phật, phương Nam, Tây, Bắc và trên, dưới đều có hằng hà sa Chư Phật. Mỗi vị đều ở tại nước mình xuất tướng lưỡi dài rộng che khắp tam thiên đại thiên thế giới mà nói lời thành thật chúng sinh các ông đều nên tin kinh được tất cả Chư Phật hộ niệm này. Vì sao gọi là hộ niệm? Nếu có chúng sinh nào xưng niệm danh hiệu Phật A-di-đà từ một ngày cho đến bảy ngày, dưới một tiếng cho đến mười tiếng nhất niệm ắt được vãng sinh. Chứng thành việc này cho nên gọi hộ niệm kinh.

Kế lại nói tiếp: Nếu người xưng danh hiệu Phật vãng sinh thường được sáu vạn hằng hà sa Chư Phật hộ niệm, nên gọi hộ niệm kinh. Nay đã có thệ nguyện tăng thượng này đáng nương nhờ, Chư Phật tử sao lại không cố gắng lên vậy.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 172

TỊNH ĐỘ NGŨ HỘI NIỆM PHẬT LƯỢC PHÁP SỰ NGHI

SỐ 1983
(QUYỂN THƯỢNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1983

TỊNH ĐỘ NGŨ HỘI NIỆM PHẬT LƯỢC PHÁP SỰ NGHI

Hán dịch: Sa-môn Pháp Chiếu, ở Viện Tịnh độ, chùa Kính chương, đất Thượng đô.

PHẦN ĐẦU

Đức Như Lai rộng lược lập giáo, tùy theo căn cơ chung về thật tướng. Nếu người mà không được chân vô sinh, thì ai khế hợp với đây?

Song niệm Phật Tam-muội là pháp thiền chân vô thượng thâm diệu, do bậc Pháp vương Di-đà phát bốn mươi tám lời nguyện danh hiệu làm Phật sự, nguyên lực độ chúng sinh, cho nên năm hội thường lưu truyền trong cung, giáo pháp Tịnh độ thấm nhuần khắp pháp giới.

Trong kinh Hoa Nghiêm nói:

- Bậc Tam hiền nhẫn đến tất cả Chư Phật Vô thượng Bồ-đề, đều không lìa niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng mà được vãng sinh."

Thế nên trong kinh Pháp Hoa, Duy-ma v.v... nói, dùng âm thanh ngữ ngôn mà làm Phật sự, hơn nữa thinh danh cú văn làm các giáo thể, đều đồng với người học đời nay đối với tôn dung Đức Phật, đều bác là hữu tướng, giáo pháp trên đảnh như hạt châu trong búi tóc chỉ văn tự. Nói vô sắc thì bỏ chân sắc, luận bàn vô thinh chính là bỏ Phạm thinh, ngồi gọi là vô vi, đi xưng là mất đạo, liền rơi vào núi điên đảo thật là đáng buồn thương.

Vả lại kinh Kim cang, Bát-nhã nói:

- Sáu độ muôn hạnh, tất cả pháp lành đều là nhân Phật. Đây là lời thành thật của Phật Thích-ca và ba đời Chư Phật đáng để tín kính và

thực hành theo.

Nay y theo kinh Đại Vô Lượng Thọ, năm hội niệm Phật. Nếu làm pháp sự rộng rãi, mở bày khen ngợi Di-đà Quán Kinh rộng nói ở bài tựa, hỏi đáp giải thích nghi đều ở trong văn ấy, cũng phải chép đủ tìm đọc để lưu truyền đời sau. Nếu lược làm pháp sự phải nương văn đây.

Người làm pháp sự, hoặc xuất gia hoặc tại gia, nhiều thì sáu người bảy người, ít thì ba người năm người. Chọn người có âm thanh tốt giảng giải, oai nghi đều phải đoan nghiêm, ngồi ngay chấp tay tưởng Phật, âm thanh điều hòa, không được cười nhìn ngó hai bên. Phải khởi lòng Từ bi chân thật cứu giúp, đừng vì danh lợi. Chúng cử một người làm chủ tọa, biết đánh khánh đồng tiếng xướng khen ngợi, chuyên chú khoan nhặt.

Trước phải đốt hương, đánh khánh triệu tình Thánh chúng, người chủ tọa niệm Phật một tiếng bạch chúng: Quán tưởng Phật Di-đà tất cả hiền Thánh như ở trước mắt. Nếu hay dụng tâm như vậy, tức thời Hiền Thánh quang lâm, Long thiên hộ niệm, nghe kinh khen pháp sự, khiến đại chúng ngay lời diệt vô lượng tội, được vô lượng phước, tâm khai ý mở mau chứng niệm Phật Tam-muội thậm thâm, được vô sinh nhẫn, được đại tổng trì, đủ sáu pháp Ba-la-mật thần thông tự tại. Nói xong đánh khánh lạy một lạy, niệm A-di-đà Phật Quán Thế Âm Thế Chí Địa Tạng Bồ-tát, mỗi vị ba mươi lăm tiếng, rồi sau chí tâm bế thỉnh. Kế tiếp trang nghiêm rồi y theo trước niệm Phật phải xem đồ chúng trong đạo tràng nhiều ít, hoặc ngày hoặc đêm hoặc rộng hoặc lược, có chủ thỉnh đạo tràng, làm việc thiện gì cần phải biết. Khi riêng làm trang nghiêm rộng cùng niệm tụng, khi ngồi đạo tràng, hoặc có hai người ngồi ba người ngồi nhẫn đến nhiều người ngồi.

Trong Quán kinh Di-đà nói:

- Một lần ngồi là một lần thỉnh, rải hoa trổi nhạc và các văn tán tụng đều phải tụng thầm, tụng hết rồi trở lại ban đầu. Kinh đều phải tinh thuộc không được đến giờ tụng cầm bổn.

Duy năm hội Diệu âm một người ngồi một mình làm không được dừng nghĩ. Nếu chuẩn theo một người ngồi khi khai mở kinh pháp sự phải rộng lược xem qua, các văn tán y theo thứ lớp tụng, trước hết rải hoa trổi nhạc, người rải hoa trổi nhạc vừa ngồi xuống, có các tướng hảo chim báu, các văn tán như năm hội Duy-ma, đại tiểu Bát-nhã, Ban-chu Niết-bàn. Hai câu nhất tọa đánh khánh thành tiếng, câu lễ tán như nhạc Tịnh độ khen ngợi sáu căn, nhạc Tây phương, nhạc xuất gia v.v... đều là bốn câu làm chuẩn, nhạc đạo tràng một câu mà thôi.

Theo trong Di-đà Quán kinh rồi sau đó các văn tán, đều phải hội

thứ ba niệm Phật hòa theo, tụng các văn tán rồi muốn rải hoa, liền tụng nhạc đạo tràng, âm giọng tức tiếng phải cao, phải hội thứ ba niệm A-di-đà Phật hơn ba trăm tiếng, sau cùng xướng văn phát nguyện Hồi hướng khen ngợi Tây phương của Ngài Trí Giả Thiên Thai. Người trí cần phải rất nhàm chán sinh tử, chánh niệm tư duy niệm Phật Tam-muội, khắp vì kẻ oán người thân trong sáu đường pháp giới, nguyện đồng sinh về Cực lạc mau thành Vô thượng Bồ-đề, chuyên tâm học được năm hội chân thinh, lưu truyền đời sau rộng độ chúng sinh. Nếu không Thầy mà học, truyền trao cho người lầm lộn, người đời sau học mất tôn chỉ kia, liền lại chuốc lấy tội lỗi, không có lợi ích phước điền. Khắp khuyên người đạo kẻ tục hiện tại và vị lai, rộng làm năm hội chân thinh, niệm Phật Tam-muội lý sự đều tu, niệm đến tướng không còn tướng niệm tức cùng trung đạo thật tướng chánh quán tương ưng.

Hỏi: Năm hội niệm Phật có lợi ích gì, lại lấy gì tiêu biểu?

Đáp: Tức là đối với đời nay, vì có thể lìa phiền não trong năm trược, trừ năm khổ đoạn năm cái, dứt năm đường tịnh ngã nhãn, đầy đủ năm căn thành tựu năm lực, chứng Bồ-đề đủ năm giải thoát, mau thành tựu năm phần pháp thân. Công lực của năm hội niệm Phật như đây, hơn hết không gì sánh bằng, hết một đời này, liền bỏ thân phàm phu rốt sau, sinh về nước Cực lạc vào Thánh vị Bồ-tát, được Bất thoái chuyển mau chứng Bồ-đề. Thật là Đức Phật tín nhiệm việc đây trọn không có luống dối.

Thế nào là Phạm?
Làm sao được trường thọ?
Thân Kim cang bất hoại.
Lại do nhân duyên gì?
Được lực đại kiên cố.
Làm sao đối với kinh đây.
Rốt ráo đến bờ kia.
Xin Phật khai vi mật.
Rộng vì chúng sinh nói.

VĂN LỄ THỈNH:

"Y theo mỗi một lần thỉnh một lần lễ hô.

Nam-mô nhất tâm phụng thỉnh Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật.

Nam-mô nhất tâm phụng thỉnh thập phương tam thế Chư Phật.

Nam-mô nhất tâm phụng thỉnh A-di-đà Phật.

Nam-mô nhất tâm phụng thỉnh Quán Thế Âm Bồ-tát.

Nam-mô nhất tâm phụng thỉnh Đại Thế Chí Bồ-tát.

Nam-mô nhất tâm phụng thỉnh thập phương chư Đại Bồ-tát Ma-ha-tát.

Nam-mô nhất tâm phụng thỉnh thập phương Thanh văn Duyên giác nhất thiết Hiền Thánh Tăng.

***

VĂN TRANG NGHIÊM

Nhiệm mầu thay, chí lý chân pháp nhứt như, giáo hóa muôn vật, lợi ích mọi người, thệ nguyện rộng lớn mỗi mỗi sai khác. Nên Đức Thích-ca ta ứng hiện sinh ở đời trược, Đức Di-đà xuất hiện ở Tịnh độ, cõi tịnh cõi uế sai khác, lợi ích đều đồng. Nếu dễ tu dễ chứng chân thật duy có giáo môn Tịnh độ, song cảnh thù diệu cõi Tây phương kia khó mà sánh bằng.

Cõi nước ấy, trang nghiêm lấy trăm hoa sen báu trải hoa cửu phẩm để dẫn dắt người. Danh hiệu Đức Di-đà có thể rửa sạch ngàn tai ương, âm thinh khai mở năm hội mà tiếp độ muôn vật, nên khiến người xưng danh hiệu Phật Di-đà thì mười phương Chư Phật thường khen ngợi người ấy. Người nguyện sinh về cõi kia, thì hoa ngũ vân lạ tranh nhau bưng tòa ấy.

Nên biết bi nguyện của Đức Di-đà không thể nghĩ bàn, thật gọi là khai mở then chốt trong ba cõi, đoạn dứt con đường của bốn loài, nên được hằng sa Chư Phật đưa tướng lưỡi rộng dài chứng minh, khuyên niệm Di-đà để sinh về cõi nước Phật. Nếu không dùng Tịnh giáo đây tuyên dương lời Phật khắp nơi, thì lấy gì có thể khiến người chưa nghe thì được nghe, người chưa thấy thì được thấy, niệm Phật đời nay ý ở nơi đây, cúi xin Phạm vương Đế Thích ủng hộ giữ gìn cõi nước nhân gian, bát bộ thiên long mưa hòa gió thuận, cúi nguyện Hoàng đế luân báu bay đến nạn kiếm cung dứt hết, ân vua Thuấn thấm nhuần muôn cõi nước, gió hòa của vua Nghiêu bay khắp đến cõi xa xôi. Tiếng của Thái tử bay lại như sấm sét, ý chí các vua kiên cố như bàn thạch, công chúa lầu bạc màu sắc rực rỡ, quan tướng thường trấn giữ Đài hoành không

có đao binh, vui mừng ánh sáng khắp nơi, vua Nghiêu thường giúp đỡ quan cung thị ngự, mây bay đến các tỉnh, sao chiếu sáng núi Thiên thai, đại tướng cao lớn, ngày mới vẻ vang vui vẻ vượt hơn trăm lần quan lớn, y phục đều thêu văn màu nâu, cứu vớt an ủi, giúp đỡ, chia buồn. Tiếng trong chấn động vang xa.

Thiền hòa cũng như nước định trong sạch, sông Thiền gió từ chẳng thâu, mặt trời trí tuệ lên cao. Pháp hòa còn tôn sùng thì núi đạo càng cao, biển tuệ càng sâu, ở cõi nhân thiên thường làm thuyền bè. Luật hòa được tôn sùng thì giới châu thường trong sạch, không hỏ thẹn soi chiếu lý thừa. Định cao hằng trong phải nương tam cương, chữ Phạm chiếu sáng, các ngôi tự xá hòa như nước với sữa. Các Xà-lê đồng lực tam học viên minh, đèn tuệ chiếu sáng, nguyện hoằng dương giáo pháp đây đồng sinh về Tịnh độ. Ni chúng các giới thường sáng, ngưng thần nhập định, xuân thường đạo thọ, thường nở hoa giác. Các ông đồng với núi non phước tuệ, tuổi thọ đồng với xuân hạc. Phu nhân nương tử ngọc chất trường xuân, ngàn thu không thay đổi, thanh tín sĩ nữ đồng hằng sa nghiệp, nghe nhiều danh hiệu Phật, được băng tiêu hết, vô lượng phước điền, tùy theo niệm Phật mà được tăng trưởng, quán nghiệp thành tựu Tam-muội hiện tiền, hoặc ngồi hoặc đi thường thấy Chư Phật. Nguyện mặt trời Phật cao xa, xiển dương pháp luân, chốn u đồ dứt khổ, tâm vọng động được yên tĩnh, người trông mong nguyện nào không theo, người đã niệm lập tức được toại nguyện. Hữu tình có tánh thức đồng vượt qua nhân hữu lậu, cõi đây phương khác đều toại nguyện, đồng sinh về cõi an lạc, biển phước của Đức Phật A-di-đà vô biên, đại chúng chí thành, khắp vì niệm A-di-đà Phật.

***

VĂN TÁN HOA LẠC

Theo phẩm Tán hoa của kinh Hoa Nghiêm, đại Bát-nhã.
Tán hoa lạc! Tán hoa lạc!
Phụng thỉnh Đức Thích-ca Như Lai nhập đạo tràng
Tán hoa lạc! Tán hoa lạc! Tán hoa lạc!
Phụng thỉnh Đức Thích-ca Như Lai nhập đạo tràng
Tán hoa lạc! Tán hoa lạc! Tán hoa lạc!
Phụng thỉnh chư Đại Bồ-tát Quán Âm, Thế Chí nhập đạo tràng
Tán hoa lạc! Đạo tràng trang nghiêm rất Thanh tịnh
Tán hoa lạc! Cõi trời loài người không thể sánh bằng.

TÁN HOA LẠC

(Năm hội niệm Phật, Sa-môn Pháp Chiếu ở đời Lương Hán, vào rằm tháng bốn năm đầu Đại Lịch, nhân dịp đạo tràng đài Ban-chu Di-đà ở non Nam nhạc, theo kinh Vô Lượng Thọ sáng tác).

Hỏi: Năm hội niệm Phật rút ra ở văn nào?

Đáp: Trong kinh Đại Vô Lượng Thọ chép: Giả sử có cây báu gốc bằng xa cừ, cộng bằng vàng tía, cành bằng bạch ngân, nhánh bằng lưu ly, lá bằng thủy tinh, hoa bằng san hô, trái bằng mã não, mỗi hàng thẳng tắp, mỗi cộng trông nhau, mỗi nhánh bằng phẳng, mỗi lá xoay vào nhau, mỗi hoa thuận nhau, mỗi trái xấp xỉ nhau, ánh sáng rực rỡ không thể nhìn nổi. Khi gió mát thổi phát ra năm hội âm thanh, tiếng nhạc cung thương vi diệu họa theo, thảy đều niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Người nghe âm thanh đó được thấm nhuần pháp nhẫn, trụ ngôi bất thoái đến thành Phật đạo.

Giải thích năm hội niệm Phật:

- Năm là số thứ tự.
- Hội là tập trung hội họp.

Năm loại âm thinh đó từ chậm đến nhanh, chỉ niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, không xen tạp niệm. niệm tức vô niệm, Phật không có hai môn, âm thanh vô thường đệ nhất nghĩa. Cho nên suốt ngày niệm Phật hằng thuận với chân tánh, trọn ngày nguyện sinh Tây phương, thường trụ nơi diệu lý. Có người phát tâm như thế, chắc chắn hàng phục được thiên ma, đánh trống pháp, sáu món chấn động trời mưa bốn thứ hoa, tòa báu Kim Cang ngôi chánh giác có thể trông mong.

Cho nên trong Quán kinh chép: Nếu người niệm Phật phải biết trong người đây có hoa Phân-đà-lợi, gọi là ít có. Ngài Quán Thế Âm, Đại Thế Chí Bồ-tát, là bạn thù thắng, đang ngồi đạo tràng sinh vào nhà Chư Phật. Do đó Đức Như Lai thường ở trong biển Tam-muội, giăng bủa màn lưới.

Thưa phụ vương: Phụ vương ngày nay ngồi thiền, chỉ nên niệm Phật, há đồng với ly niệm cầu vô niệm, lìa sinh cầu vô sinh, lìa tướng hảo cầu pháp thân, lìa văn tự cầu giải thoát. Luận người như vậy thì trụ nơi chấp đoạn diệt, chê Phật hủy kinh, thành nghiệp chấp pháp, đọa vào vô gián.

Phàm tu đạo có thể không cẩn thận hủy báng, có thể không cung kính khi dối sao?

Lại trong kinh Quán Phật Tam-muội Hải chép: Quán Phật Tam-muội đây là chỗ hộ trì của người phá giới chỗ nương của người mất đạo,

đại tướng dũng mãnh trong giặc phiền não, xuất hiện ở trong Thủ-lăng-nghiêm Vương Bách Thiên Tam-muội, cũng gọi là mẹ của các Tam-muội, cũng gọi là Vua của các Tam-muội, cũng gọi là Chư Phật cùng nhau ấn khả, cũng gọi là Như Lai thiền, chẳng phải các thiền của ngoại đạo Nhị thừa, người tin nên biết.

Tiếng của năm hội niệm Phật đây. Về điểm lớn hết, dài: tức là niệm chậm, điểm nhỏ dần dần ngắn: tức là niệm nhanh, phải hiểu ý đây.

Hội thứ nhất bình thanh niệm chậm.

Nam-mô A-di-đà Phật.

Hội thứ hai bình thượng thanh niệm chậm.

Nam-mô A-di-đà Phật.

Hội thứ ba không niệm chậm không niệm nhanh.

Nam-mô A-di-đà Phật.

Hội thứ tư dần dần niệm nhanh.

Nam-mô A-di-đà Phật.

Hội thứ năm chuyển bốn chữ niệm nhanh.

A-di-đà Phật.

Năm hội niệm Phật xong liền tụng các văn tán bảo điểu.

***

TÁN BẢO ĐIỂU

(Theo trong kinh A-di-đà)

Trong cõi Cực lạc trang nghiêm (Di-đà Phật).

Thật là kỳ lạ ít có nghe mà chưa từng nghe (Di-đà Phật, Di-đà Phật).

Chim báu đến hư không khen hội niệm Phật (Di-đà Phật).

Mềm mại đẹp đẽ sáng sủa khiến người phát tâm (Di-đà Phật, Di-đà Phật).

Ngày đêm niệm liên tục không ngừng (Di-đà Phật).

Lý mỗi câu văn đồng nhau (Di-đà Phật, Di-đà Phật).

Hoặc nói năm căn bảy phần giác (Di-đà Phật).

Hoặc nói pháp môn Từ bi của tám bậc Thánh (Di-đà Phật, Di-đà Phật).

Hoặc nói phương khác lìa đường ác (Di-đà Phật).

Hoặc nói địa ngục đóng nhân thiên (Di-đà Phật, Di-đà Phật).

Hoặc làm thiện Ba-la-mật (Di-đà Phật).

Hoặc nói định huệ nhập thâm thiền (Di-đà Phật, Di-đà Phật).
Hoặc nói thời gian dài tu khổ hạnh (Di-đà Phật).
Hoặc nói nhân Vô thượng Bồ-đề (Di-đà Phật, Di-đà Phật).
Bồ-tát Thanh văn nghe pháp đây (Di-đà Phật).
Phân thân khắp nơi chuyển pháp luân (Di-đà Phật, Di-đà Phật).
Nguyện pháp luân đây lưu chuyển tương tục (Di-đà Phật).
Chúng đẳng đạo tràng càng sống lâu (Di-đà Phật, Di-đà Phật).
Chúng đẳng hồi tâm vãng sinh Tịnh độ (Di-đà Phật).
Tay cầm hoa hương về Tây phương (Di-đà Phật, Di-đà Phật).

***

TÁN DUY-MA

(Theo trong kinh Duy-ma)

Cõi Phật Thanh tịnh từ tâm hiện (Khó nghĩ bàn).

Các món trang nghiêm trong tâm phát sinh (Khó nghĩ bàn kinh Duy-ma-cật).

Ngón chân ấn xuống đất ba ngàn cõi (Khó nghĩ bàn).

Biển tánh hư không ngồi đài hoa (Khó nghĩ bàn kinh Duy-ma-cật).

Thất phương trượng trong thành Tỳ-da-ly (Khó nghĩ bàn).

Có một cư sĩ hiệu Duy-ma (Khó nghĩ bàn kinh Duy-ma-cật).

Mượn bệnh hiện thân mà có bệnh (Khó nghĩ bàn).

Quốc chủ, Vương tử đều đến gặp (Khó nghĩ bàn kinh Duy-ma-cật).

Chúng Bồ-tát, Thanh văn vô lượng
Muốn đến hỏi bệnh, không kham nổi
Chỉ có Văn-thù vào hỏi han
"Bệnh của cư sĩ là nhân gì?"
Đáp rằng: Bệnh từ si ái khởi
Bệnh tôi chẳng có cũng chẳng không.
Rộng nói thân là pháp vô thường
Ấm, giới, các nhập hợp thành thân.
Đầu lông Bồ-tát dung biển lớn
Trong hột cải nạp núi Tu-di
Cầm ném ra ngoài thế giới khác
Trong thất Thiên nữ ngộ vô sinh.

KHEN TƯỚNG HẢO

(Y kinh Tướng Hảo)

Thế Tôn trần sa kiếp lúc xưa
Siêng tu khổ hạnh thân tướng tốt
Nay đã chứng thành Vô kiến đảnh
Lại sinh tóc xanh xoáy trôn ốc
Tướng lông giữa mày sắc pha lê
Uyển chuyển bên phải hộp lưu ly
Răng như ngọc kha bằng và khít
Tướng lưỡi rộng dài che cả mặt
Tâm Phật ngồi sen hồng sắc vàng
Thanh tịnh trong sáng ánh mặt trời.

***

KHEN NĂM HỘI

(Y kinh Vô Lượng Thọ) Thích Pháp Chiếu

Hội thứ nhất thời nhập bình thinh
Thứ hai tột diệu diễn thanh âm
Thứ ba xoay vòng như tấu nhạc
Thứ tư ngâm yếu kỳ dụng công
Thứ năm cao tiếng chỉ mau niệm
Nghe năm hội này ngộ vô sinh
Đã đến Tây phương thọ khoái lạc
Hằng không luân hồi vào hầm khổ
Phát tâm niệm Phật việc nên chắc
Lâm chung quyết định lên thuyền vàng
Chúng sinh hồi nguyện được vãng sinh
Thẳng hướng phương Tây ngồi sen báu
Thế giới phương Tây thật là tinh
Chúng sinh cõi kia không thể khinh
Vạt áo đựng hoa cúng dường Phật
Về nước cũ ăn cơm kinh hành
Phát tâm niệm Phật độ quần sinh
Nguyện năm hội này rộng lưu hành
Sáu nẻo ba đường đều nhiếp thâu
Hoa sen trong hội ghi tên mình.

KHEN TỊNH ĐỘ VUI

(Trong kinh Xưng tán Tịnh độ - Thích Pháp Chiếu).

Tịnh độ vui, Tịnh độ vui
Tịnh độ không nghĩ bàn, Tịnh độ vui.
Di-đà trụ ở lầu thành báu
Dốc lòng niệm niệm hướng Tây cầu
Đến kia ba minh, tám giải thoát
Chối dài năm trược lại lo gì?
Tịnh độ vui, Tịnh độ vui
Tịnh độ không nghĩ bàn, Tịnh độ vui.
Lầu báu, gác báu, kích báu vàng
Ao nước, cát vàng đáy trong xanh
Pháp khúc thời thời thường cúng dường
Trong hội hoa sen nói vô sinh
Tịnh độ vui, Tịnh độ vui
Tịnh độ không nghĩ bàn, Tịnh độ vui.
Đài báu, gác báu, chân châu báu
Thể báu đoan nghiêm thân sắc vàng
Bồ-tát hóa sinh tấu điệu ngọc
Năm hội gió nhẹ diễn chân như.
Tịnh độ vui, Tịnh độ vui
Tịnh độ không nghĩ bàn, Tịnh độ vui.
Dòng nước sóng cả nhiễu đài báu
Điện báu sáng rỡ, cửa ngọc mở
Từ chủ xa nghe người ba cõi
Đều cần phát nguyện vãng sinh đến
Tịnh độ vui, Tịnh độ vui
Tịnh độ phương Tây rất khoái lạc.
Lượng thân Di-đà rộng không ngắn
Mặt tợ đài vàng hoa ưu-bát
Mắt như sen xanh bốn biển lớn
Hào quang hóa Phật quá hằng sa
Tịnh độ vui, Tịnh độ vui
Tịnh độ phương Tây rất khoái lạc.
Di-đà bổn nguyện đại Từ bi
Cõi đây phàm phu không hiểu biết
Tịnh độ vui, Tịnh độ vui
Sợ chúng sinh ra đời chậm

Di-đà cây xuân hoa giác nở
Trong ao công đức ngồi đài báu
Trước sân Tam-muội cầu giải thoát
Trên điện ma-ni lễ Như Lai
Tịnh độ vui, Tịnh độ vui
Tịnh độ phương Tây rất khoái lạc.
Phương Tây chim lạ số không cùng
Bạch hạc, khổng tước và ca-lăng
Anh vũ, tần-già nói pháp mầu
Trong tiếng diễn ra chữ Đại thừa
Tịnh độ vui, Tịnh độ vui
Tịnh độ phương Tây rất khoái lạc.
Tôn hiệu Như Lai rất rõ ràng
Mười phương thế giới khắp lưu hành
Chỉ có xưng danh, đều vãng sinh
Quán Âm, Thế Chí tự đến rước
Tịnh độ vui, Tịnh độ vui
Tịnh độ phương Tây rất khoái lạc.
Đồ chúng Di-đà khắp lòng Từ
Thương xót chúng sinh chí ý sâu
Nước, chim, cây, rừng đều nói pháp
Huống gì Như Lai tiếng nhiệm mầu
Tịnh độ vui, Tịnh độ vui
Tịnh độ phương Tây rất khoái lạc.
Bổn nguyện Di-đà rất đặc thù
Từ bi phương tiện dẫn phàm phu
Tất cả chúng sinh đều độ thoát
Xưng danh liền được tội tiêu trừ
Tịnh độ vui, Tịnh độ vui
Tịnh độ phương Tây rất khoái lạc.
Di-đà ngồi ngay đài vàng báu
Hằng sa Bồ-tát vây bốn bên
Chín loại nhờ ơn nói pháp mầu
Người nghe ngộ hiểu hằng không buồn
Tịnh độ vui, Tịnh độ vui
Tịnh độ phương Tây rất khoái lạc.
Tịnh độ phương Tây không ồn ào
Chúng sinh đến liền đoạn tham sân

Đều là chúng Bồ-tát thiện nhân
Cũng không ác thú và oán thân
Tịnh độ vui, Tịnh độ vui
Tịnh độ phương Tây rất khoái lạc.
Tràng hoa tám mặt treo linh vàng
Trên dưới hòa kêu ra tiếng mầu
Người nghe đều nói xứng khoái lạc
Nhiều kiếp không nghe tên các khổ
Tịnh độ vui, Tịnh độ vui
Tịnh độ phương Tây rất khoái lạc.
Phàm phu nếu đến được phương Tây
Diệt mất tội nhiều kiếp trần sa
Đủ sáu thần thông được tự tại
Hằng trừ già, bệnh, lìa vô thường
Tịnh độ vui, Tịnh độ vui
Tịnh độ phương Tây rất khoái lạc.
Tịnh độ phương Tây lìa bào thai
Chúng sinh đến liền ra đài sen
Thượng phẩm, theo sáng lên tòa báu
Hạ sinh, chướng hết mới nở hoa
Tịnh độ vui, Tịnh độ vui
Tịnh độ phương Tây rất khoái lạc.
Tịnh độ phương Tây lan can bảy lớp
Bảy báu trang nghiêm số trăm loại
Lưu ly làm đất, vàng ròng ngăn
Các đài gác cùng mở nối trời
Tịnh độ vui, Tịnh độ vui
Tịnh độ phương Tây rất khoái lạc.
Mười Tịnh độ Tây phương mười phương hiếm
Nỗ lực chuyên tâm chớ có nghi
Thượng phẩm liền chứng vô sinh nhẫn
Hạ sinh, chướng hết vào vô vi
Tịnh độ vui, Tịnh độ vui
Tịnh độ phương Tây rất khoái lạc.
Tịnh độ phương Tây lại không lỗi
Diêm-phù rất khổ người tội nhiều
Muốn được nay sinh ra ba cõi
Chỉ cần chí ý niệm Di-đà

Tịnh độ vui, Tịnh độ vui
Tịnh độ phương Tây rất khoái lạc.

KHEN LÌA SÁU CĂN

(Trong kinh Bát-nhã, Thích Pháp Chiếu)

Ngã tịnh là vui, ngã tịnh là vui
Nhìn thấy tâm không rõ thế gian
Quán thấy nhãn căn thường Thanh tịnh
Sắc giới không đến vốn là không
Tánh sắc xưa nay không chướng ngại
Không đến không đi là chân tông.
Quán thấy nhĩ căn thường Thanh tịnh
Thinh giới không đến vốn là không
Tánh thinh xưa nay không chướng ngại
Không đến không đi là chân tông.
Quán thấy tỷ căn thường Thanh tịnh
Hương giới không đến vốn là không
Tánh hương xưa nay không chướng ngại
Không đến không đi là chân tông.
Quán thấy thiệt căn thường Thanh tịnh
Vị giới không đến vốn là không
Tánh vị xưa nay không chướng ngại
Không đến không đi là chân tông.
Quán thấy thân căn thường Thanh tịnh
Xúc giới không đến vốn là không
Tánh xúc xưa nay không chướng ngại
Không đến không đi là chân tông.
Quán thấy ý căn thường Thanh tịnh
Pháp giới không đến vốn là không
Tánh pháp xưa nay không chướng ngại
Không đến không đi là chân tông.
(Ngã tịnh là vui, ngã tịnh vui rồi gấp tụng)
Vọng tưởng nhãn căn duyên sắc chuyển (nỗ lực)
Vọng thinh nhĩ giới bị tiếng lôi (khó biết)
Vọng khứu tỷ hương, lưỡi nhiễm vị
Vọng thức thân chạm, ý trần dời.
(Khó biết, nỗ lực, khắp khuyên niệm Di-đà tu phước)
Vọng tưởng sóng vọt thường chìm đắm

Lửa mạnh phiền não trấn hừng hực
Là đây luân hồi ngục ba cõi
Sinh, già, bệnh, chết khổ thường cháy.
(Khó biết, nỗ lực, khắp khuyên niệm Di-đà tu phước)
Có may được gặp Thiện tri thức
Chỉ bày cửa khoái lạc phương Tây
Muốn được mau vượt khổ sinh tử
Chuyên tâm niệm Phật, đoạn tham sân.
(Khó biết, nỗ lực, khắp khuyên niệm Di-đà tu phước)
Cõi báu Di-đà, cửa báu mở
Đài bảy báu trong ao bảy báu
Ngàn lá ngàn loại ngàn món sắc
Một nửa ánh sáng ra khỏi nước.
Khó biết, nỗ lực, khắp khuyên niệm Di-đà tu phước
Năm hội Di-đà cứu Ta-bà
Người nghe đều hay phát mầm đạo
Mọi người ngưỡng tâm siêng niệm Phật
Bỏ tục, về chân, sớm xuất gia.
Khó biết, nỗ lực, khắp khuyên niệm Di-đà tu phước
Diêm-phù dơ xấu không đáng dừng
Nơi nơi chỉ nghe các tiếng khổ
Không bằng chuyên niệm hiệu Di-đà
Nay sinh thẳng đến thành sen báu.
Khó biết, nỗ lực, khắp khuyên niệm Di-đà tu phước
Tây phương đình điện báu ao báu
Rừng báu, nước, chim hiểu tình người
Anh vũ hòa kêu khen ba thân
Trong tiếng diễn ra kinh Đại thừa.
Khó biết, nỗ lực, khắp khuyên niệm Di-đà tu phước
Tây phương cây báu, gốc nhánh báu
Hoa báu, lưới báu rất rõ ràng
Lá báu hàng hàng xen lẫn nhau
Trái báu lớp lớp hóa sinh ra.
Khó biết, nỗ lực, khắp khuyên niệm Di-đà tu phước
Ao báu, bờ báu, hoa sen báu
Thềm báu, đáy báu, cát vàng thật
Hạ sinh tuy có chướng đời trước
Bồ-đề không phát tự sinh mầm.

Khó biết, nỗ lực, khắp khuyên niệm Di-đà tu phước
Tịnh độ Tây phương mưa áo trời
Điện báu trong không bay theo thân
Một niệm trăm vị tùy tâm đến
Cớ gì chúng sinh người đi thưa.

***

KHEN VUI CHÁNH PHÁP

(Theo kinh Phật Bổn hạnh)

Chánh pháp vui, chánh pháp vui
Chánh pháp không nghĩ bàn
Thích-ca Như Lai, khi nhân địa
Nhiều kiếp khổ hạnh không nghĩ bàn
Đốn bỏ thân, tài cầu pháp mầu
Chỉ Phật cùng Phật mới chứng biết
Chánh pháp vui, chánh pháp vui
Chánh pháp không nghĩ bàn.
Đồng tử Tuyết Sơn, nhân Thích-ca
Vì cầu nửa kệ bỏ thân vàng
Bạn lành cầu pháp đều hai nhân
Bởi do bổn quốc giúp người nghèo
Chánh pháp vui, chánh pháp vui
Chánh pháp không nghĩ bàn.
Từ lực thí thân năm Dạ-xoa
Đàn vương bỏ nước bỏ vinh hoa
Cần mở cắt thân cứu mẹ cha
Bố thí vợ con hiệu Đạt-ma
Chánh pháp vui, chánh pháp vui
Chánh pháp không nghĩ bàn.
Nguyệt Quang phát nguyện bỏ ngàn đầu
Tát-bà đập xương không lo buồn
Lại làm Thi-tỳ thế mạng chim
Không chứng Bồ-đề chưa ngơi nghỉ
Chánh pháp vui, chánh pháp vui
Chánh pháp không nghĩ bàn.
Bảo vương cắt thân đốt ngàn đèn
Tát-đỏa nhảy vực cho cọp ăn

Từ thiện xẻ bụng cho ngũ tạng
Hỏi ngươi chúng sinh sẽ không biết
Chánh pháp vui, chánh pháp vui
Chánh pháp có thể vượt thế gian.
Bổn sư khổ hạnh thật khó bàn
Suy nghĩ kỹ càng không nên hỏi
Người hướng tỏ bày kể việc ông
Mỗi mỗi đều là nhân Thích-ca
Chánh pháp vui, chánh pháp vui
Chánh pháp có thể vượt thế gian.
Bố thí, trì giới nghiền ngẫm lâu
Nhẫn nhục, tinh tấn không lìa thiền
Khổ hạnh siêng tu công đầy đủ
Thẳng bàn kiếp số không bàn năm
Chánh pháp vui, chánh pháp vui
Chánh pháp có thể vượt thế gian.
Thích-ca Như Lai, lúc nhân địa
Nhiều kiếp khổ hạnh riêng siêu việt
Mỗi mỗi đều tu nghiệp vô thượng
Chứng được Bồ-đề xuất thế gian
Chánh pháp vui, chánh pháp vui
Chánh pháp có thể vượt thế gian.
Bổn sư khổ hạnh ứng chân như
Thật thật nối nhau không giả dối
Chứng được quả Vô thượng Bồ-đề
Phân thân trăm ức độ Diêm-phù
Chánh pháp vui, chánh pháp vui
Chánh pháp có thể vượt thế gian.
Từ trời giáng xuống đến vương cung
Gá ấm trong mộng Thánh ma gia
Sau vườn vịn cành cây vô ưu
Hông phải liền đản sinh chân dung
Chánh pháp vui, chánh pháp vui
Chánh pháp có thể vượt thế gian.
Sơ sinh vị thứ ngôi Luân vương
Chấn động đất trời phóng hào quang
Tiêu biểu Thích-ca ứng hóa thân
Khắp dạy các ngươi lìa vô thường

Chánh pháp vui, chánh pháp vui
Chánh pháp có thể vượt thế gian.
Chín rồng phun nước tắm thần thai
Người trời vinh hạnh sai bồng trẻ
Liền hướng Đông Tây đi bảy bước
Giở chân, hạ chân đạp đài sen
Khôn lớn vượt thành vào núi Tuyết
Khổ hạnh trải qua sáu năm dài
Thân mặc áo cỏ, ăn hột mè
Kiết già nhiếp niệm lại quy thiền
Chánh pháp vui, chánh pháp vui
Chánh pháp có thể vượt thế gian.
Hình dung khô héo không nghĩ bàn
Mục nữ cúi mình dâng cháo sữa
Ăn rồi giữa sông tự tắm rửa
Đế Thích từ không đè cành cây
Chánh pháp vui, chánh pháp vui
Chánh pháp có thể vượt thế gian.
Nhân đây thành Phật phóng hào quang
Miệng vàng nói pháp dạy chúng sinh
Rộng diễn pháp ba thừa mầu nhiệm
Khắp lưu hành thế giới Ta-bà
Chánh pháp vui, chánh pháp vui
Chánh pháp có thể vượt thế gian.
Thành Phật hơn bốn mươi chín năm
Nước kia kinh hành dạo năm trời
Khắp khuyên chúng sinh siêng niệm Phật
Cũng dạy trì giới và tu thiền
Chánh pháp vui, chánh pháp vui
Chánh pháp có thể vượt thế gian.
Phàm phu thấy Phật lần nhẹ nhàng
Như Lai xem thấy lại trở về
Thị hiện vô thường về Báo độ
Chúng sinh Diêm-phù không chỗ nương
Chánh pháp vui, chánh pháp vui
Chánh pháp có thể vượt thế gian.
Sau Phật Niết-bàn một ngàn năm
Giáo pháp lưu truyền đến cõi này

Chúng sinh chuyền đọc, y hạnh học
Bày thành đạo quả cũng sinh thiên
Chánh pháp vui, chánh pháp vui
Chánh pháp có thể vượt thế gian.
Nên biết muốn ra lồng phiền não
Mỗi mỗi y hạnh Đức Bổn sư
Đều nói không tu lại làm Phật
Đạo lý tự xem thông hay không?
Chánh pháp vui, chánh pháp vui
Chánh pháp có thể vượt thế gian.
Xuất gia trước nên đoạn tham não
Đẩy ngã núi vô minh nhân ngã
Ở Diêm-phù đây không nhiễm trước
Mới được thường ra khỏi thế gian
Chánh pháp vui, chánh pháp vui
Chánh pháp có thể vượt thế gian.
Trí tánh vô lậu xưa nay thường
Lâu ở vô minh bị bụi chôn
Chúng sinh tạo tội không bờ mé
Như tìm thành Phật hằng trông lầm
Chánh pháp vui, chánh pháp vui
Chánh pháp có thể vượt thế gian.
Phàm phu thấy ngược không suy nghĩ
Việc mình làm tạo không tự biết
Ác nghiệp rõ ràng không giảm tổn
Nói "Ta thành Phật" đại ngu si
Chánh pháp vui, chánh pháp vui
Chánh pháp có thể vượt thế gian.
Đại thừa không niệm nói tông không
Kiếp không, vô minh tham ái không
Chúng sinh thấy ngược, lầm quặng vàng
Bác không nhân quả, lồng cuồng phàm
Chánh pháp vui, chánh pháp vui
Chánh pháp có thể vượt thế gian.
Chớ hiềm chất lời lại ôm sân
Nghiên cứu kỹ càng đều là chân
Đã thấy làm sai chỉ bày nhau
Cuối cùng lại là vào bụng lòng

Chánh pháp vui, chánh pháp vui
Chánh pháp có thể vượt thế gian.
Ví như bệnh nặng nếu vì trừ
Nhận được lửa ngải bỏ gốc cây
Nghe pháp đã hay tự giác ngộ
Định sinh Tịnh độ hiểu không thừa
Chánh pháp vui, chánh pháp vui
Chánh pháp có thể vượt thế gian.
Chúng sinh nỗ lực niệm Di-đà
Gấp rút, mau chóng lại không lỗi
Chỉ là Tây phương mở chín phẩm
Hòa tội mang chướng ra Ta-bà
Chánh pháp vui, chánh pháp vui
Chánh pháp có thể vượt thế gian.
Chúng sinh theo Phật đến phương Tây
Vi trần nghiệp cũ tự tiêu mất
Như Lai nguyện lực chính gia bị
Nghe pháp ngộ đạo chứng chân thường
Chánh pháp vui, chánh pháp vui
Chánh pháp có thể vượt thế gian.
Khắp bảo Phật tử các đạo tràng
Mỗi mỗi phát lấy tâm Bồ-đề
Chánh pháp chân tông cần học theo
Định thấy ngoại đạo không kham nhận
Chánh pháp vui, chánh pháp vui
Chánh pháp có thể vượt thế gian.
Cái gì gọi đó là Chánh pháp
Nếu cái đạo lý là chân tông
Tốt xấu ngày nay cần chọn lựa
Mỗi mỗi kỹ càng chớ mông lung
Chánh pháp vui, chánh pháp vui
Chánh pháp có thể vượt thế gian.
Trì giới, ngồi thiền, gọi Chánh pháp
Niệm Phật, thành Phật là chân tông
Không giữ lời Phật là ngoại đạo
Bác không nhân quả thấy là không
Chánh pháp vui, chánh pháp vui
Chánh pháp có thể vượt thế gian.

Thiền, luật thế nào là Chánh pháp
Niệm Phật Tam-muội là chân tông
Thấy tánh hiểu tâm bèn là Phật
Đạo lý thế nào không tương ưng
Chánh pháp vui, chánh pháp vui
Chánh pháp có thể vượt thế gian.
Niệm Phật tiếng tiếng gieo giống Phật
Ngồi thiền, trì giới dụng chân công
Ông nếu không tu liền làm Phật
Dụ như người đói, che gió uổng
Chánh pháp vui, chánh pháp vui
Chánh pháp có thể vượt thế gian.

***

KHEN PHƯƠNG TÂY VUI

(Theo kinh A-di-đà)

Phương Tây vui, phương Tây vui
Tịnh độ phương Tây không nghĩ bàn
Thích-ca rộng khuyên niệm Di-đà
Ý muốn chúng sinh khỏi sông ái
Đài hoa thượng phẩm thấy Từ chủ
Người đến đều nhân niệm Phật nhiều
Phương Tây vui, phương Tây vui
Tịnh độ phương Tây không nghĩ bàn
Các Phật tử chớ đắm vui nhân gian,
Phương Tây tiến đạo hơn Ta-bà
Không duyên năm dục và tà ma
Thành Phật không nhọc các nghiệp lành
Đài hoa ngồi thẳng niệm Di-đà
Vui Tây phương chớ đắm nhiễm vui nhân gian.
Phương Tây vui, phương Tây vui
Tịnh độ phương Tây không nghĩ bàn
Năm trược tu hành nhiều thối chuyển
Không bằng niệm Phật đến phương Tây
Đến đó tự nhiên thành chánh giác
Về lại biển khổ làm bến, cầu
Vui Tây phương chớ đắm nhiễm vui nhân gian.

Phương Tây vui, phương Tây vui
Tịnh độ phương Tây không nghĩ bàn
Thế giới Diêm-phù không đáng dừng
Nhân duyên ác nghiệp mỗi ngày đầy
Dầu cho làm được nhân lành này
Bất giác địa ngục phía trước thành
Các Phật tử chớ nhiễm trước vui nhân gian.
Phương Tây vui, phương Tây vui
Tịnh độ phương Tây không nghĩ bàn
Cực lạc Tây phương thật là vui
Vĩnh kiếp không nghe tên các khổ
Trỗi nhạc đàn ca khắp hư không
Hòa hợp tự nhiên nói vô thượng
Diêm-phù dơ xấu không đáng ở
Ác nghiệp, sân, khuể, đấu, vô minh
Nếu hay chuyên tâm niệm Phật ấy
Cõi báu Di-đà ngộ vô sinh
Các Phật tử chớ nhiễm trước vui nhân gian.
Phương Tây vui, phương Tây vui
Tịnh độ phương Tây không nghĩ bàn
Cực lạc phương Tây, ao bảy báu
Nước tám công đức chẳng nghĩ bàn
Đáy có cát vàng, bờ cây thơm
Hoa sen vọt ra, hóa sinh người
Các Phật tử chớ nhiễm trước vui nhân gian.
Phương Tây vui, phương Tây vui
Tịnh độ phương Tây không nghĩ bàn
Cõi tịnh Di-đà rất tinh vi
Vàng ròng ngăn đường đất lưu ly
Gió thơm thổi động các hàng cây
Cung, thương năm hội diễn diệu kỳ
Các Phật tử chớ nhiễm trước vui nhân gian.
Phương Tây vui, phương Tây vui
Tịnh độ phương Tây không nghĩ bàn
Trong cõi Cực lạc ao bảy báu
Hoa sen nở sắc tía sáng rỡ
Buộc niệm Di-đà lên tòa báu
Phút chốc bất giác chứng vô vi

Các Phật tử chớ nhiễm trước vui nhân gian.
Phương Tây vui, phương Tây vui
Tịnh độ phương Tây không nghĩ bàn
Lầu ngọc bích trước đài bảy báu
Đồng tử Chư thiên tranh đi qua
Mỗi mỗi cầm hoa cúng dường Phật
Nơi nơi chỉ nói xưng "lành thay"
Các Phật tử chớ nhiễm trước vui nhân gian.
Phương Tây vui, phương Tây vui
Tịnh độ phương Tây không nghĩ bàn
Chớ lạ lia lịa khuyên cùng nhau
Thấy người thường thường có vô thường
Nếu được sâu Tam-muội niệm Phật
Không sợ ba đường, vua bình đẳng
Các Phật tử chớ nhiễm trước vui nhân gian.
Phương Tây vui, phương Tây vui
Tịnh độ phương Tây không nghĩ bàn
Ở trong muôn hạnh gấp nhất là
Mau chóng không gì qua "Tịnh độ"
Không chỉ miệng vàng Bổn sư nói
Chư Phật mười phương cùng truyền chứng
Các Phật tử chớ nhiễm trước vui nhân gian.
Phương Tây vui, phương Tây vui
Tịnh độ phương Tây không nghĩ bàn
Ao báu, bờ báu rất rộng bằng
Đất báu lưu ly hết ngàn lo
Khắp khuyên chúng sinh siêng niệm Phật
Di-đà quyết định tự đến rước
Các Phật tử chớ nhiễm trước vui nhân gian.
Phương Tây vui, phương Tây vui
Tịnh độ phương Tây không nghĩ bàn
Cõi đây một người niệm danh Phật
Phương Tây liền có một bông sen
Chỉ khiến một đời không lui sụt
Hoa đó lại đến cõi này rước
Các Phật tử chớ nhiễm trước vui nhân gian.
Phương Tây vui, phương Tây vui
Tịnh độ phương Tây không nghĩ bàn

Nên gấp niệm Phật chớ lông bông
Muốn vượt biển khổ cần thuyền bè
Xưng danh quyết định sinh An lạc
Hằng tuyệt dòng sinh tử Diêm-phù
Các Phật tử chớ nhiễm trước vui nhân gian.
Về đi thôi! Diêm-phù năm trược là trần ai
Không bằng phương Tây chỗ vui vầy
Đến đó đài hoa theo ý nở.
Về đi thôi! Cõi tịnh Di-đà mở điện báu
Chỉ có tâm ngưỡng hay niệm Phật
Lâm chung quyết định ngồi đài vàng.
Về đi thôi! Sinh, già, bệnh, chết, khổ xô nhau
Ngày đêm siêng tâm chuyên niệm Phật
Trên điện ma-ni lễ Như Lai.
Về đi thôi! Ai có thể thọ luân hồi đường ác
Nếu có thể niệm hiệu Di-đà
Vãng sinh Cực lạc ngồi đài hoa.

Các Phật tử, chớ nhiễm trước vui nhân gian, chớ nhiễm trước vui nhân gian.

***

BAN-CHU TAM-MUỘI LẠC

(Trích từ kinh Ban-chu Tam-muội, Hòa thượng Từ Mẫn viết)

Ban-chu Tam-muội lạc(nguyện vãng sinh)
Chuyên tâm niệm Phật thấy Di-đà (vui vô lượng)
Khắp khuyên hồi tâm sinh Tịnh độ (nguyện vãng sinh)
Hồi hướng niệm Phật tức đồng sinh (vui vô lượng)
Ban-chu Tam-muội lạc (nguyện vãng sinh)
Chuyên tâm niệm Phật thấy Di-đà (vui vô lượng)
Nhiều kiếp đến nay đã trầm luân (nguyện vãng sinh)
Tùy theo sáu đường chịu luân hồi (vui vô lượng)
Ban-chu Tam-muội lạc (nguyện vãng sinh)
Chuyên tâm niệm Phật thấy Di-đà (vui vô lượng)
Không gặp Thiện tri thức vãng sinh (nguyện vãng sinh)
Ai cùng khuyên nhau để trở về (vui vô lượng)
Ban-chu Tam-muội lạc (nguyện vãng sinh)
Chuyên tâm niệm Phật thấy Di-đà (vui vô lượng)

Sinh về cõi trời tạm thời vui (nguyện vãng sinh)
Phước hết lâm chung hiện tướng suy (vui vô lượng)
Ban-chu Tam-muội lạc (nguyện vãng sinh)
Chuyên tâm niệm Phật thấy Di-đà (vui vô lượng)
Nếu thọ thân người khổ trong thai (nguyện vãng sinh)
Tứ đại lục tặc cạnh tranh nhau (vui vô lượng)
Ban-chu Tam-muội lạc (nguyện vãng sinh)
Chuyên tâm niệm Phật thấy Di-đà (vui vô lượng)
Thọ thân Tu-la hoặc ngạ quỷ (nguyện vãng sinh)
Đói khát đấu tranh khổ không lường (vui vô lượng)
Ban-chu Tam-muội lạc (nguyện vãng sinh)
Chuyên tâm niệm Phật thấy Di-đà (vui vô lượng)
Sinh vào súc sinh ăn nuốt nhau (nguyện vãng sinh)
Dao bén giết hại lại kéo cày (vui vô lượng)
Ban-chu Tam-muội lạc (nguyện vãng sinh)
Chuyên tâm niệm Phật thấy Di-đà (vui vô lượng)
Sa vào địa ngục khổ trường kỳ (nguyện vãng sinh)
Gió nghiệp thổi đi không biết về (vui vô lượng)
Ban-chu Tam-muội lạc (nguyện vãng sinh)
Chuyên tâm niệm Phật thấy Di-đà (vui vô lượng)
Hoặc vào lò lửa vạc dầu sôi (nguyện vãng sinh)
Sóng dồi lửa dữ quá thiên lôi (vui vô lượng)
(có một hàng chữ tiếng Hoa)
Ban-chu Tam-muội lạc (nguyện vãng sinh)
Chuyên tâm niệm Phật thấy Di-đà (vui vô lượng)
Hoặc trên núi đao leo rừng kiếm (nguyện vãng sinh)
Da thịt xương cốt biến thành tro (vui vô lượng)
Ban-chu Tam-muội lạc (nguyện vãng sinh)
Chuyên tâm niệm Phật thấy Di-đà (vui vô lượng)
Xin hỏi vì sao chịu khổ này (nguyện vãng sinh)
Tham cá ưa thịt nghiệp tương tùy (vui vô lượng)
Ban-chu Tam-muội lạc (nguyện vãng sinh)
Chuyên tâm niệm Phật thấy Di-đà (vui vô lượng)
Đồng sôi rót miệng, cày trên lưỡi (nguyện vãng sinh)
Uống rượu vọng ngữ chọn khổ kia (vui vô lượng)
Ban-chu Tam-muội lạc (nguyện vãng sinh)
Chuyên tâm niệm Phật thấy Di-đà (vui vô lượng)
Hoặc nằm giường sắc ôm cột đồng (nguyện vãng sinh)

Đều do tà tâm, điên đảo ra
Ban-chu Tam-muội lạc nguyện vãng sinh
Hoặc đọa đại địa ngục A-tỳ
Trải qua nhiều kiếp chịu tối tăm (vui vô lượng)
Ban-chu Tam-muội lạc (nguyện vãng sinh)
Chuyên tâm niệm Phật thấy Di-đà (vui vô lượng)
Lửa cháy khắp cả trên thân thể (nguyện vãng sinh)
Vòng dao chày sắt tự bay đến (vui vô lượng)
Ban-chu Tam-muội lạc (nguyện vãng sinh)
Chuyên tâm niệm Phật thấy Di-đà (vui vô lượng)
Chó đồng moi tim và hút máu (nguyện vãng sinh)
Chim sắt mổ mắt lại khoét má (vui vô lượng)
Ban-chu Tam-muội lạc (nguyện vãng sinh)
Chuyên tâm niệm Phật thấy Di-đà (vui vô lượng)
Đại chúng trong đạo tràng hôm nay (nguyện vãng sinh)
Hằng sa kiếp số đều trải qua (vui vô lượng)
Ban-chu Tam-muội lạc (nguyện vãng sinh)
Chuyên tâm niệm Phật thấy Di-đà (vui vô lượng)
Ban-chu Tam-muội lạc (nguyện vãng sinh)
Chuyên tâm niệm Phật thấy Di-đà (vui vô lượng)
Mừng được thân người thật là khó (nguyện vãng sinh)
Như hoa ưu-đàm một lần nở (vui vô lượng)
Ban-chu Tam-muội lạc (nguyện vãng sinh)
Chuyên tâm niệm Phật thấy Di-đà (vui vô lượng)
Đang gặp pháp Tịnh độ hy hữu (nguyện vãng sinh)
Đang gặp pháp môn niệm Phật mở (vui vô lượng)
Ban-chu Tam-muội lạc (nguyện vãng sinh)
Chuyên tâm niệm Phật thấy Di-đà (vui vô lượng)
Gặp được hoằng nguyên của Di-đà (nguyện vãng sinh)
Đang gặp đại chúng tin trở về (vui vô lượng)
Ban-chu Tam-muội lạc (nguyện vãng sinh)
Chuyên tâm niệm Phật thấy Di-đà (vui vô lượng)
Đang gặp lời khen kinh hôm nay (nguyện vãng sinh)
Đang gặp khế hợp trên đài hoa (vui vô lượng)
Ban-chu Tam-muội lạc (nguyện vãng sinh)
Chuyên tâm niệm Phật thấy Di-đà (vui vô lượng)
Đang gặp đạo tràng không có ma (nguyện vãng sinh)
Đang được không bệnh hoạn xảy ra (vui vô lượng)

Ban-chu Tam-muội lạc (nguyện vãng sinh)
Chuyên tâm niệm Phật thấy Di-đà (vui vô lượng)
Đang được bảy ngày công thành tựu (nguyện vãng sinh)
Bốn mươi tám nguyện Phật dắt dìu (vui vô lượng)
Ban-chu Tam-muội lạc (nguyện vãng sinh)
Chuyên tâm niệm Phật thấy Di-đà (vui vô lượng)
Khắp khuyến bạn tu trong đạo tràng (nguyện vãng sinh)
Nỗ lực hồi tâm quy Tịnh độ (vui vô lượng)
Ban-chu Tam-muội lạc (nguyện vãng sinh)
Chuyên tâm niệm Phật thấy Di-đà (vui vô lượng)
Thử hỏi quê hương ở nơi nào (nguyện vãng sinh)
Đài sen bảy báu nơi Cực lạc (vui vô lượng)
Ban-chu Tam-muội lạc (nguyện vãng sinh)
Chuyên tâm niệm Phật thấy Di-đà (vui vô lượng)
Phật Di-đà lập hằng thệ nguyện (nguyện vãng sinh)
Nghe người niệm Phật ta đều rước (vui vô lượng)
Ban-chu Tam-muội lạc (nguyện vãng sinh)
Chuyên tâm niệm Phật thấy Di-đà (vui vô lượng)
Không chọn nghèo khổ hay giàu sang (nguyện vãng sinh)
Không chọn ngu si hay tài trí (vui vô lượng)
Ban-chu Tam-muội lạc (nguyện vãng sinh)
Chuyên tâm niệm Phật thấy Di-đà (vui vô lượng)
Bất luận vô tội tu tịnh nghiệp (nguyện vãng sinh)
Hay người ngoại đạo kẻ Xiển-đề (vui vô lượng)
Ban-chu Tam-muội lạc (nguyện vãng sinh)
Chuyên tâm niệm Phật thấy Di-đà (vui vô lượng)
Bất luận lâu ngày tu khổ hạnh (nguyện vãng sinh)
Hay người ngày nay mới phát tâm (vui vô lượng)
Ban-chu Tam-muội lạc (nguyện vãng sinh)
Chuyên tâm niệm Phật thấy Di-đà (vui vô lượng)
Bất luận đa văn trì tịnh giới (nguyện vãng sinh)
Hoặc kẻ phá giới tội sâu dày (vui vô lượng)
Ban-chu Tam-muội lạc (nguyện vãng sinh)
Chuyên tâm niệm Phật thấy Di-đà (vui vô lượng)
Chỉ cần hồi tâm niệm Phật nhiều (nguyện vãng sinh)
Gạch ngói có thể biến thành vàng (vui vô lượng)
Ban-chu Tam-muội lạc (nguyện vãng sinh)
Chuyên tâm niệm Phật thấy Di-đà (vui vô lượng)

Gửi lời đến đại chúng hiện tiền
Ban-chu Tam-muội lạc (nguyện vãng sinh)
Chuyên tâm niệm Phật thấy Di-đà (vui vô lượng)
Thử hỏi tìm nhau ở nơi nào? (nguyện vãng sinh)
Đáp rằng: Cõi tịnh Phật Di-đà (vui vô lượng)
Ban-chu Tam-muội lạc (nguyện vãng sinh)
Chuyên tâm niệm Phật thấy Di-đà (vui vô lượng)
Thử hỏi duyên gì được vãng sinh (nguyện vãng sinh)
Đáp rằng: niệm Phật tự thành công (vui vô lượng)
Ban-chu Tam-muội lạc (nguyện vãng sinh)
Chuyên tâm niệm Phật thấy Di-đà (vui vô lượng)
Thử hỏi đời nay nhiều tội chướng (nguyện vãng sinh)
Làm sao Tịnh độ chứa dung cho (vui vô lượng)
Ban-chu Tam-muội lạc (nguyện vãng sinh)
Chuyên tâm niệm Phật thấy Di-đà (vui vô lượng)
Đáp rằng: niệm Phật tội tiêu trừ (nguyện vãng sinh)
Dụ như đèn sáng vào nhà tối (vui vô lượng)
Ban-chu Tam-muội lạc (nguyện vãng sinh)
Chuyên tâm niệm Phật thấy Di-đà (vui vô lượng)
Phàm phu có được vãng sinh chăng? (nguyện vãng sinh)
Sao gọi chuyên tâm như đèn sáng (vui vô lượng)
Ban-chu Tam-muội lạc (nguyện vãng sinh)
Chuyên tâm niệm Phật thấy Di-đà (vui vô lượng)
Đáp rằng: trừ nghi niệm Phật nhiều (nguyện vãng sinh)
Di-đà nhất định sẽ thân cận (vui vô lượng)
Ban-chu Tam-muội lạc (nguyện vãng sinh)
Chuyên tâm niệm Phật thấy Di-đà (vui vô lượng)
Tịnh độ ngũ hội pháp sự tán bổn

■

TÁN TỊNH ĐỘ NGŨ HỘI NIỆM PHẬT LƯỢC PHÁP SỰ NGHI

PHẦN SAU

VĂN TÁN CỦA BỒ-TÁT TỬ

Đáng thương thay! Đáng thương thay
Bồ-tát Tử dạo chơi ở Tây phương
Ra ngoài thường nhẫn nhục
Về nhà không sân giận
Chỉ chuyên tu Tịnh độ
Chứng được thân vàng tía
Uyển chuyển trong đài hoa
Uyển chuyển trong đài hoa.
Tâm chúng sinh tâm chúng sinh
Chìm đắm bùn vô minh
Lúc nào mới tỏ ngộ Bồ-tát Tử
Chứng được thân sắc vàng
Uyển chuyển trong đài hoa
Uyển chuyển trong đài hoa.
Tâm chúng sinh tâm chúng sinh
Sóng ngòi mạnh khó lường
Nơi nào không tìm đến
Uyển chuyển trong đài hoa
Uyển chuyển trong đài hoa.
Phật chỉ cõi Di-đà vui rầm rộ
Chúng sinh phải chịu khổ địa ngục
Đều đáng thương, mong trốn chạy ra
Kể chi trời, kể chi trời
Chúng sinh không có duyên cùng Phật
Trăm ngàn lời, không giáo hóa đượcBồ-tát Tử
Người tội sẽ xuống chốn huỳnh tuyền

Uyển chuyển trong đài hoa
Uyển chuyển trong đài hoa.
Di-đà tạo thuyền lớn
Đưa khỏi bờ biển khổ
Đầu thuyền tối sẩm sắp muốn chìm Bồ-tát Tử.
Quý thay gặp được người niệm Phật
Uyển chuyển trong đài hoa
Uyển chuyển trong đài hoa.
Ao Đông ao Tây trăm đài báu
Lầu các quang minh muôn lớp mở
Liền đến trong lầu xem bổ xứ
Trở về trên điện lễ Như Lai
Uyển chuyển trong đài hoa
Uyển chuyển trong đài hoa.
Hoa sen đỏ, hoa sen xanh
Sinh trên đài hoa sen ngàn cánh
Phật Di-đà nhiếp thọ
Phật Di-đà nhiếp thọ.

***

VĂN TÁN NAI

Xưa có một hiền sĩ rừng Sa-la
Hằng ngày ở trên núi rừng Sa-la
Trăm chim cùng ca hát rừng Sa-la
Xem nhau như anh em.
Có một người đi qua,
Trượt chân rơi xuống suối
Tay nắm cây không gốc
Niệm niệm Quán Thế Âm
Nai nghe được lời này
Bảo: ông hãy lên lưng Nai
Sẽ đưa ông đến bờ.
Được lên bờ kia rồi
Đến quỳ trước mặt Nai
Không có gì báo ân
Xin làm nô bộc Nai
Nai loài vật trong rừng

Không cần có nô bộc
Đói thì ăn trăm cỏ
Khát uống nước suối trong
Muốn báo được ân nai
Đừng nói nai ở đây.

Có một thứ phi của Quốc vương bị bệnh lâu ngày. Đêm đêm thường thấy Nai chín màu. Nếu không được Nai này thì mạng sống khó kéo dài. Nhà vua liền ra lệnh tập trung các quần thần bảo rằng:

Ai biết nai chín màu
Và chỗ ở của nai
Phân nước thưởng ngàn vàng
Náo nghe lời nói này

Xoa tay đến trước vua:

Thần biết nai chín màu
Thường ở bên bờ suối
Xin vua đem nhiều binh
Nai này rất lanh lẹ.

Nhà vua đem cả trăm vạn quân, bao quanh bốn phía rừng. Nhà vua dương cung muốn bắn nai, liền nghe Nai nói rằng: Nhà vua là Ca-diếp, Ta chính là Như Lai.

Ngày xưa cứu mạng ông, nào ngờ hôm nay lại hại nai.

Khắp khuyên các chúng sinh trong đạo tràng, mỗi ngày đều phát tâm Bồ-đề.

***

VĂN TÁN THỈNH QUÁN THẾ ÂM

Ca ma na mục khư
Ca ma na mẫu giả
Na ca ma giả na
Ca ma na hà tấc đá.
Ca ma na khư biện.
Di ca ma na, ca ma ná.
Sa ma chuyển, sa yết la (2 hiệp).
Ma na ngật sái (2 hiệp).
Nam-mô tấc để Quán Thế Âm Bồ-tát.
Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát.

ĐẠO TRÀNG LẠC TÁN VĂN

Đại chúng mỗi người đều chắp tay (đạo tràng vui)
Cúi mình cảm tạ ân Thế Tôn (đạo tràng vui)
Hay dùng từ bi, phương tiện khéo (đạo tràng vui)
Chỉ bày cảnh vui ở Tây phương (đạo tràng vui)
Đạo tràng sắp tan người sắp biệt
Nỗ lực khuyên nhau trừ tham sân (đạo tràng vui)
Nhân duyên tham sân chướng Tịnh độ (đạo tràng vui))
Không được giải thoát, mãi trầm luân (đạo tràng vui)
Cùng nhau thân cận, sách tấn nhau (đạo tràng vui)
Mạng chung được đến trước Phật Đà (đạo tràng vui)
Nguyện pháp môn này luân chuyển mãi (đạo tràng vui)
Đạo tràng chúng đẳng lợi càng thêm (đạo tràng vui)
Chúng con đều được hưởng an vui (đạo tràng vui)
Thấy nghe tùy hỷ cũng như vậy (đạo tràng vui)
Tất cả hồi tâm sinh Tịnh độ (đạo tràng vui)
Tay cầm hương hoa đến Tây phương (đạo tràng vui)

***

VĂN NGUYỆN ƯA VÃNG SINH

Nguyện vãng sinh (Phật Di-đà Phật Di-đà)
Được sinh Tịnh độ báo ân sư (vui vô lượng)
Người hay niệm Phật, Phật sẽ nhớ (Phật Di-đà Phật Di-đà)
Chuyên tâm niệm Phật, Phật biết người (vui vô lượng)
Tất cả hồi tâm hướng An lạc (Phật Di-đà Phật Di-đà)
Liền thấy thân công đức sắc vàng (vui vô lượng)
Và Thánh chúng Tịnh độ trang nghiêm (Phật Di-đà Phật Di-đà)
Che kín trước mặt người tu hành (vui vô lượng)
Người tu thấy tâm mình vui vẻ (Phật Di-đà Phật Di-đà)
Trọn ngày theo Phật ngồi sen vàng (vui vô lượng)
Một niệm nương đài đến hội Phật (Phật Di-đà Phật Di-đà)
Liền chứng bất thoái nhập Tam hiền (vui vô lượng)
Trong mỗi mỗi ao hoa nở đầy (Phật Di-đà Phật Di-đà)
Mỗi hoa đều là người vãng sinh (vui vô lượng)
Thà sen vàng khép trăm ngàn kiếp (Phật Di-đà Phật Di-đà)
Không muốn địa ngục trong giây lát (vui vô lượng)
Đài giữ nửa tòa nương lá sen (Phật Di-đà Phật Di-đà)

Tiếp bạn đồng tu cõi Diêm-phù (vui vô lượng)
Nhắn với người tu cõi Ta-bà (Phật Di-đà Phật Di-đà)
Niệm niệm siêng năng chớ ngủ nghỉ (vui vô lượng)
Nương nhân duyên này sinh Tịnh độ (Phật Di-đà Phật Di-đà)
Mạng chung được đến trước Đức Phật (vui vô lượng)

***

VĂN TÁN TIỂU BAN-CHU TAM-MUỘI LẠC

Ban-chu Tam-muội lạc (nguyện vãng sinh)
Ba cõi sáu đường khổ khó dừng (vui vô lượng)
Vì độ Ta-bà phân thân nhập (nguyện vãng sinh)
Tám tướng thành đạo độ chúng sinh (vui vô lượng)
Ban-chu Tam-muội lạc (nguyện vãng sinh)
Ba cõi sáu đường khổ khó dừng (vui vô lượng)
Nhiều kiếp đến nay thường trầm luân (nguyện vãng sinh)
Khắp nơi chỉ nghe tiếng sinh tử (vui vô lượng)
Ban-chu Tam-muội lạc (nguyện vãng sinh)
Ba cõi sáu đường khổ khó dừng (vui vô lượng)
Thích-ca Mâu-ni chân báo độ (nguyện vãng sinh)
Cúi mình lễ tạ ân Thích-ca (vui vô lượng)
Ban-chu Tam-muội lạc (nguyện vãng sinh)
Ba cõi sáu đường khổ khó dừng (vui vô lượng)
Trong miệng nghẹn lời không nói được (nguyện vãng sinh)
Đều do đời trước không nhân lành (vui vô lượng)
Ban-chu Tam-muội lạc (nguyện vãng sinh)
Ba cõi sáu đường khổ khó dừng (vui vô lượng)
Mang lông đội sừng làm súc sinh (nguyện vãng sinh)
Các thứ roi vọt đánh vào thân (vui vô lượng)
Ban-chu Tam-muội lạc (nguyện vãng sinh)
Ba cõi sáu đường khổ khó dừng (vui vô lượng)
Muôn việc đều hướng về Tịnh độ (nguyện vãng sinh)
Mỗi mỗi hào quang chiếu mười phương (vui vô lượng)
Ban-chu Tam-muội lạc (nguyện vãng sinh)
Ba cõi sáu đường khổ khó dừng (vui vô lượng)
Tướng tốt Đức Phật tám vạn tư (nguyện vãng sinh)
Cõi nước Di-đà cũng không gặp (vui vô lượng)
Ban-chu Tam-muội lạc (nguyện vãng sinh)

Ba cõi sáu đường khổ khó dừng (vui vô lượng)
Lo sợ lâu ngày không hiệu quả (nguyện vãng sinh)
Niệm Phật liền nói không công phu (vui vô lượng)
Ban-chu Tam-muội lạc (nguyện vãng sinh)
Ba cõi sáu đường khổ khó dừng (vui vô lượng)
Ba cõi không an như nhà lửa (nguyện vãng sinh)
Bốn đường đều dứt hết trần ai (vui vô lượng)
Ban-chu Tam-muội lạc (nguyện vãng sinh)
Ba cõi sáu đường khổ khó dừng (vui vô lượng)
Nhàm sinh tử ở nơi cốt nhục (nguyện vãng sinh)
Nào hay năm ấm chỗ bào thai (vui vô lượng)
Ban-chu Tam-muội lạc (nguyện vãng sinh)
Ba cõi sáu đường khổ khó dừng (vui vô lượng)
Đời nay phải phát đạo tâm ngay (nguyện vãng sinh)
Mong gặp Tịnh độ pháp môn khai (vui vô lượng)
Ban-chu Tam-muội lạc (nguyện vãng sinh)
Ba cõi sáu đường khổ khó dừng (vui vô lượng)
Nguyện sinh nước An dưỡng Tây phương (nguyện vãng sinh)
Được Di-đà Thánh chúng dắt dìu luôn (vui vô lượng)
Ban-chu Tam-muội lạc (nguyện vãng sinh)
Ba cõi sáu đường khổ khó dừng (vui vô lượng)
Định tán hai môn đều được sinh (nguyện vãng sinh)
Chín phẩm tinh thô đều nương đài
Ban-chu Tam-muội lạc (vui vô lượng)
Ba cõi sáu đường khổ khó dừng (nguyện vãng sinh)
Chứng được tam minh tám giải thoát (vui vô lượng)
Giả từ ngũ trược thấy Như Lai (nguyện vãng sinh)
Ban-chu Tam-muội lạc (vui vô lượng)
Ba cõi sáu đường khổ khó dừng (nguyện vãng sinh)
Hạnh nguyện Di-đà rộng vô biên (vui vô lượng)
Từ bi thương xót khắp chúng sinh (nguyện vãng sinh)
Ban-chu Tam-muội lạc (vui vô lượng)
Ba cõi sáu đường khổ khó dừng (nguyện vãng sinh)
Đều muốn giáo hóa khiến vãng sinh (vui vô lượng)
Chúng sinh tội nghiệp đều an vui (nguyện vãng sinh)

***

VĂN TÁN TƯƠNG QUÁN

Hoa ưu-đàm khó hiện
Đại chúng lóng lòng nghe.
Trầm luân cảnh ngũ dục
Gá thân nơi thai ấm
Gió nghiệp thổi đầy đủ
Thân nương đó sinh ra
Hoa ưu-đàm khó hiện
Đại chúng lóng lòng nghe.
Hay khiến quyến thuộc vui
Xe giá rước trở về
Đầu, dạy đứng trong tay
Mẹ hiền dõi nhìn theo
Hoa ưu-đàm khó hiện
Đại chúng lóng lòng nghe.
Ngựa tre duyên hẻm rừng
Tụ lạc đẩy đống cát
Lông mày tợ lá liễu
Đôi má giống hoa đào
Hoa ưu-đàm khó hiện
Đại chúng lóng lòng nghe.
Lúc đến tuổi ba lăm
Ưa thích việc vinh hoa
Đêm cầm đàn khảy hát
Ngày ngắm ráng trời hồng
Hoa Ưu-đàm khó hiện
Đại chúng lóng lòng nghe.
Thân thể rất dũng mãnh
Ngạo mạn tạo anh hùng
Tiêu diêu trên long mã
Bồi hồi trong cầm tửu
Hoa ưu-đàm khó hiện
Đại chúng lóng lòng nghe.
Ngồi nhìn xem trăng sáng
Hưởng gió mát trong lành
Tay cầm gương như thoa
Không sợ cung sinh tử
Hoa ưu-đàm khó hiện

Đại chúng lóng lòng nghe.
Rút gươm bình bốn biển
Giơ giáo thắng vạn quân
Suốt ngày nằm trên giường
Ngồi dậy có người dìu
Miệng thường hay than thở
Ai biết già đã đến
Tám mươi sắp già yếu
Muôn việc không kham nổi
Hoa ưu-đàm khó hiện
Đại chúng lóng lòng nghe.
Đã từng chưa sương móc
Lo sợ gió mưa tan
Muốn tạo nghiệp Tây phương
Chẳng qua thời trai trẻ
Hoa ưu-đàm khó hiện
Đại chúng lóng lòng nghe.
Thế gian ở mấy ngày
Âm phủ đã nhiều năm
Đầu lâu rơi xuống rã
Thịt tan gân chóng rụi
Hoa ưu-đàm khó hiện
Đại chúng lóng lòng nghe.
Tứ chi đều đảo lộn
Lật thành phấn qua nhọn
Xương cốt phàm phu ta
Trở thành Tỳ-phú-la
Hoa ưu-đàm khó hiện
Đại chúng lóng lòng nghe.
Dầu khuyên theo việc lành
Trọn đều mờ mịt tối
Hồng nhan hết đẹp đẽ
Đầu bạc há than van!

***

VĂN TÁN ƯA XUẤT GIA

Xuất gia vui, xuất gia vui. Từ vô thỉ xa lìa các chấp trước, đời nay gặp duyên lành, cắt ái từ thân, đến trừ tình thô, đoạn các ác phát thân tâm. Nương lời dạy của bậc Thánh trừ các phiền não. Dùng dao vàng cắt tóc, đắp y uống thuốc báu. Uống thuốc báu hưởng pháp vui thêm phấn khởi. Ai ở trong đêm dài mê muội, ngày này thân Thanh tịnh. Vui đại giác, vui đại giác. Xuất gia an, xuất gia an. Tất cả việc không liên can nhau. Đến tuổi hai mươi gặp Hòa thượng xin bẩm thọ giới. Gặp giới đàn Thanh tịnh, gặp giới đàn Thanh tịnh. Tu định tuệ, chứng không khó. Ngộ lưu ly sáng trong ngoài. Diệu dụ Liên Hoa, trọn mắt nhìn khắp. Xưng Thích tử, pháp môn ra vào thênh thang, tới lui đường không ngăn ngại. Đường giải thoát xa chứng Niết-bàn. Chứng Niết-bàn về đi thôi. Cửa báu mở thấy Phật Di-đà. Lên tòa báu Bồ-tát rải hoa. Xưng thiện tai, xưng thiện tai. Rừng báu xem nước, chim cây cối. Nhớ năm hội, thương tiếng nhu nhuyến. Khen pháp vương, khen pháp vương. Chim cọng mạng, đối trước uyên ương, anh vũ, tần-già nói diệu pháp thường khen chúng sinh. Ở phương khổ, ở phương khổ, quy khứ lai. Lìa Ta-bà thường ở bên Đức Phật, nghe diệu pháp chỉ cõi Tây phương. Là Thích-ca, là Thích-ca, quy khứ lai. Thấy Phật Di-đà ở cõi Tây phương. Hiện đang thuyết pháp độ chúng sinh. Ra khỏi sông ái, ra khỏi sông ái, quy khứ lai. Trên đài vàng Thế Chí, Quán Âm đến dẫn đường bách pháp minh môn nên tự khai, nên tự khai.

***

VĂN TÁN NGUYỆN VÃNG SINH

Nguyện vãng sinh, nguyện vãng sinh (Phật Di-đà Phật Di-đà)
Vô thường mau chóng chẳng an nhiên (vui vô lượng)
Bọt nước nổi chìm không trụ lâu (Phật Di-đà Phật Di-đà)
Duyên sinh tạm có, rồi lại không (vui vô lượng)
Giả sử trăm năm như nháy mắt (Phật Di-đà Phật Di-đà)
Có sinh ắt phải có vô thường (vui vô lượng)
Sự sống không dừng như sấm chớp (Phật Di-đà Phật Di-đà)
Gia công niệm Phật chớ biếng lười (vui vô lượng)
Ngày nay đạo tràng đồng pháp vui (Phật Di-đà Phật Di-đà)
Hội này hội khác cũng khó gặp
Mỗi mỗi khuyên nhau đồng phát nguyện (Phật Di-đà Phật Di-đà)
Đời đời pháp hội được gặp nhau (vui vô lượng)

VĂN TÁN BÁT-NHÃ

Xưa có Bồ-tát ngồi tĩnh tọa (Phật Di-đà)
Quán chiếu năm uẩn thảy đều không (Phật Di-đà Phật Di-đà)
Trong tướng không không, chẳng thật có (Phật Di-đà)
Tánh Bát-nhã rộng khó nghĩ bàn (Phật Di-đà Phật Di-đà)
Nên biết diệu thân không quái ngại (Phật Di-đà)
Là đại thần chú khởi tâm từ (Phật Di-đà Phật Di-đà)
Chân thật không dối phải tin sâu (Phật Di-đà)
Yết-đế, yết-đế trừ hồ nghi (Phật Di-đà Phật Di-đà)

***

VĂN TÁN TIỂU ĐẠO TRÀNG

Tôi nghe như vầy, một thuở nọ (vui đạo tràng)
Phật ở Linh thứu, thành Vương xá (vui đạo tràng)
Bồ-tát, Thanh văn và tám bộ (vui đạo tràng)
Địa động thiên hoa chẳng phải thường (vui đạo tràng)
Đây là Chư Phật sinh tướng lạ (vui đạo tràng)
Văn-thù nói nhân duyên đời trước (vui đạo tràng)
Hào quang chiếu khắp sinh điềm lạ (vui đạo tràng)
Định nói kinh: Diệu Pháp Liên Hoa (vui đạo tràng)
Đại chúng đều tu Tịnh độ nghiệp (vui đạo tràng)
Tay cầm hoa hương đến Tây phương (vui đạo tràng)

***

VĂN TÁN ĐẠI LẠC

Khi đệ tử phát nguyện
Nguyện sinh Ngũ đài sơn
Bồ-tát Văn-thù khai tâm địa
Bồ-tát Phổ Hiền ngồi đài hoa.
Khi đệ tử phát nguyện
Nguyện chép kinh Hoa Nghiêm
Hoa Nghiêm, phẩm Tín xứ
Bồ-tát Tâm Vương ở trong đó.
Khi đệ tử phát nguyện
Nguyện chép kinh Niết-bàn
Phật Niết-bàn tánh hải

Sớm chứng núi Niết-bàn.
Khi đệ tử phát nguyện
Nguyện chép kinh Dược Sư
Dược Sư, hai mươi nguyện
Nguyện nguyện độ chúng sinh.
Khi đệ tử phát nguyện
Nguyện chép kinh Quán Âm
Sức Quán Âm, Thế Chí
Chỗ khổ đều đến trước.
Khi đệ tử phát nguyện
Nguyện chép kinh Vô Lượng
Mười sáu quán trong kinh
Tam-muội tự nhiên thành.
Khi đệ tử phát nguyện
Nguyện làm đèn trước Phật
Chiếu kinh và chiếu tượng
Được chiếu đến chúng Tăng.
Khi đệ tử phát nguyện
Nguyện làm hương đèn Phật
Hương đèn cúng dường Phật
Độ hết người có duyên.
Khi đệ tử phát nguyện
Nguyện làm ao bảy báu
Trong ao có hiền Thánh
Đều là người vãng sinh.

***

VĂN TÁN

Phật Di-đà uy nguy
Dung nhan màu vàng tía
Thân ba hai tướng tốt
Dưới bàn chân bằng phẳng
Đủ tám mươi vẻ đẹp
Hào quang thường chiếu sáng
Phạm âm vượt Tam thiên
Âm vang như Phượng hoàng.
Phật Di-đà uy nguy

Cõi nước rất Thanh tịnh
Đều một màu vàng ròng
Không có tên đường ác
Ao nước chảy xen nhau
Cây báu, năm âm thanh
Nói về khổ vô thường
Người nghe được vô sinh.
Phật Di-đà uy nguy
Các điều lành tốt đẹp
Cõi nước đẹp an vui
Đều muốn nguyện vãng sinh
Phật và chúng Bồ-tát
Thần thông đều đến rước
Bỗng nhiên ao bảy báu
Trong hoa sen hóa sinh.
Phật Di-đà uy nguy
Oai đức rộng không lường
Thân thể màu vàng ròng
Hào quang chiếu mười phương
Người nghe thấy, nhìn thấy
Hằng dứt khổ sinh tử
Con nay đầu đảnh lễ
Cha lành của muôn loài.

***

KHEN QUÁN THẾ ÂM BỒ-TÁT

Chúng sinh bị khổ ách
Vô lượng khổ bức thân
Quán Âm sức trí diệu
Hay cứu khổ thế gian

Cho đến:

Cải kiện qua cửa quan
Trong quân trận sợ sệt
Do sức niệm Quán Âm
Cừu oán đều lui tan
Diệu Âm, Quán Thế Âm
Tiếng hơn thế gian kia

Cho nên thường phải niệm
Niệm niệm chớ sinh nghi
Quán âm bậc tịnh Thánh
Nơi khổ não, nạn chết
Hay làm chỗ nương cậy
Đủ tất cả công đức
Mắt lành trông chúng sinh
Biển phước lớn không ngằn
Cho nên phải đảnh lễ.

***

KHEN BỒ-TÁT ĐẠI THẾ CHÍ

Đại Thế Chí Bồ-tát
Thần thông đại tự tại
Cùng Quán Âm không khác
Quán Âm, Thế Chí hai Đại sĩ
Thường hầu bên Đức Phật Di-đà
Quán Âm đầu đội Phật Di-đà
Thế Chí trong mũ có bình báu
Trong bình hào quang sáng vô lượng
Thường chiếu đến những chúng sinh khổ
Từ bi hỷ xả cứu muôn loài
Những việc đã làm không kể xiết
Nên con xin cúi đầu đảnh lễ.

***

KHEN ĐẠI THÁNH VĂN-THÙ-SƯ-LỢI BỒ-TÁT

Văn-thù-sư-lợi
Đệ tử của Pháp vương Diệu Đức
Là Tổ sư của bảy Đức Phật
Hiệu là Phật Long Chủng Thượng Tôn Vương.

Tuy chứng quả Phật chuyển pháp luân, nhập Niết-bàn, nhưng không bỏ đạo Bồ-tát, giáo hóa chúng sinh, vô lượng công đức đều thành tựu. Vô lượng Phật đạo đều nghiêm tịnh. Những người gặp Ngài không ai chẳng được lợi ích. Những việc đã làm không kể xiết. Hiện tại phương Đông bắc thế giới sắc vàng, trong núi Thanh lương, trụ Thủ-

lăng-nghiêm Tam-muội cùng một muôn Bồ-tát cùng nhóm họp. Lợi lạc chúng sinh khổ. Cho nên con cúi đầu đảnh lễ.

***

KHEN QUÁN KINH THẬP LỤC QUÁN
(Theo Quán kinh - Thích Tịnh Hà thuật)

Thứ nhất quán rằng ở phía Tây
Thẳng thân ngồi ngay bỏ hôn mê
Khi thấy dục chìm như trống treo
Khiến tâm kiên cố chớ cao thấp.
Thứ hai quán nước vốn lắng trong
Tưởng nước là nước lý dễ thành
Khiến nước sáng làm đất lưu ly
Rõ ràng lại thấy nâng bảo tràng.
Thứ ba vàng ròng trong đất báu
Sáu thời mưa hoa đầy rừng ngọc
Ánh sáng biến làm nhạc hư không
Tiếng sáo hay Thanh tịnh tâm người.
Thứ tư cây báu bảy lớp hàng
Bày lá rũ cành ánh sáng lạ
Bốn thời hoa lá đều đầy đủ
Gió đến rừng cây lại bay hương.
Thứ năm phải quán ao bảy báu
Nước tám đức mát không nghĩ bàn
Kênh rạch đều là nước cát vàng
Trên nước luôn luôn có hoa nở.
Thứ sáu nên quán các lầu báu
Hiên châu, lan can ngọc xanh biếc
Nhạc trời khi tấu vang đêm thanh
Pháp âm nhiệm mầu khuyên siêng tu.
Thứ bảy chuyên quán tòa sen nở
Vàng ròng làm cánh, ngọc làm đài
Trên tràng báu che lưới trân châu
Trang nghiêm chỉ nghĩ vì Như Lai.
Thứ tám tượng báu sắc tròn sáng
Muôn pháp đều từ tâm tưởng sinh
Nếu thấy thân mình ngồi trên hoa

Tam-muội sâu xa tự nhiên thành.
Thứ chín thân Pháp vương Di-đà
Tướng tốt hào quang không ai sánh
Chúng sinh niệm Phật đều nhiếp hộ
Tâm thường không bỏ người có duyên.
Thứ mười Quán Âm vị bổ xứ
Tướng màu bằng Phật khó nghĩ bàn
Đầu đội Như Lai tâm cung kính
Từ quang hằng trụ môn Đại bi.
Mười một Thế Chí đại oai hùng
Lâu dài giúp đỡ cứu sáu đường
Thế giới lay động ứng độ người
Hào quang thường chiếu hàng trung nhân.
Mười hai quán thân mình vãng sinh
Hoa sen nở khép rất rõ ràng
Ngồi ngay thẳng thắn tâm không động
Lâm chung sẽ được Phật đến rước.
Mười ba thân trượng sáu vàng tía
Chân hóa xưa nay không hai đường
Chỉ khiến tùy tâm quán rõ ràng
Pháp thân tướng màu tự rực rỡ.
Mười bốn người sinh hành nghiệp cao
Ba thân thượng phẩm dòng hào kiệt
Bách pháp minh môn, địa hoan hỷ
Định lực Kim Cang càng kiên cố.
Mười lăm sinh ở trong chín phẩm
Trọng tu Tịnh giới nghiệp mới tan
Bạn lành dạy Hồi hướng vãng sinh
Chốc lát bất giác ngồi đài sen.
Mười sáu vị hạ sinh rất thấp
Nghiệp chướng khó tiêu, tuệ phát chậm
Mười niệm thai sen tuy trụ kiếp
Hoa nở lại được ngộ vô sinh.

***

VĂN KHEN NGỢI KINH A-DI-ĐÀ

Thích-ca Điều Ngự Đại Từ Tôn
Cứu đời trước mở môn Tịnh độ
Muốn nói cõi Cực lạc trang nghiêm
Lúc đó Phật ở vườn Cấp cô
Pháp luân cùng đại chúng hưng khởi
Vô lượng người trời đại chúng nhóm
Xá-lợi-tử Thanh văn thứ nhất
Đứng đầu Bồ-tát là Văn-thù
Lúc ấy Phật nói tông chân thật
Tây phương quá đây mười câu-chi
Thế giới trang nghiêm tên Cực lạc
Di-đà ở đó không nghĩ bàn
Nước ấy chúng sinh khổ đã trừ
Nhàn rỗi vui sướng không gì hơn
Ngày đêm tu hành vượt tám nạn
Sắc tướng trang nghiêm đều như nhau
Bảy hàng cây báu bảy lan can
Bảo cái, lưới báu treo trên không
Ai người có duyên đều được thấy.
Người ân cần học dùng tâm quán
Người đến nương hoa ngồi rừng báu
Trời đến trổi nhạc điệp khúc hay
Sáu độ đã hay điều sáu luật
Bát chánh đạo hòa với tám âm
Nước công đức ao báu cát vàng
Sen nở ánh sáng tợ bánh xe
Bồ-tát trên hoa ngồi ngay thẳng
Xem thì đều là người vãng sinh
Tịnh độ Di-đà nhà Pháp vương
Nguyện lực trang nghiêm phát mầm đạo
Tòa báu bay trong lầu ngọc bích
Trên đất vàng ròng mưa hoa trời
Lấy hoa trời đựng đầy vạt áo
Lục thông như ý thân giác nhẹ
Cúng dường Chư Phật phương khác rồi
Về nước mình ăn cơm, kinh hành
Các chim hòa tiếng cả đêm ngày

Tiếng trong diễn pháp khó nghĩ bàn
Năm căn, năm lực, bảy giác chi
Bát Thánh sâu xa nhập vô vi
Mọi người đồng thời nghe tiếng pháp
Người nghe đều sinh tâm niệm Phật
Hóa chim, cây, chẳng phải ba ác
Di-đà tuyên dương pháp truyền sâu
Gió nhẹ thổi động rừng cây báu
Âm vang như tiếng nhạc cõi trời
Mỗi mỗi không tuyên pháp nào khác
Nơi nơi chỉ nghe niệm tên Phật
Di-đà thọ mạng thật vô biên
Dân trong nước đó cũng như vậy
Thành đạo đến nay đã mười kiếp
Hào quang chiếu hằng sa pháp giới
Bồ-tát, Thanh văn, chúng rất nhiều
Vì cầu giải thoát thấy Di-đà
Tính đến không thể biết hạng lượng
Chư Phật phương khác cũng đến đây
Truyền nghe cõi tịnh rất trong sạch
Đều là người A-bệ-bạt trí
Một đời bổ xứ tu Tam-muội
Chứng đắc Kim Cang thân rốt sau
Thiện căn phước ít, lý khó sinh
Bảy ngày chuyên niệm danh hiệu Phật
Nếu lúc lâm chung tâm không loạn
Di-đà quyết định tự rước ông.
Mười hiệu Di-đà đáp nhân xưa
Chư Phật sáu phương chứng thành thật
Tướng lưỡi rộng dài, lời không dối
Như Lai hộ niệm người tín tâm
Thế giới vô thường khó giữ lâu
Chỉ cần phát nguyện sớm cần cầu
Đã sinh, sẽ sinh, đều không lui
Đâu hạn nay tu và chưa tu
Chư Phật đồng thời khen Thích-ca
Hay ở ngũ trược cứu Ta-bà
Nói pháp thế gian khó tin này

Đều khiến giác ngộ Đức Di-đà
Pháp Tạng mở bày nghĩa đã tròn
A-nan từ đây nói lời thật
Đại chúng vui mừng đều lãnh nhận
Như Lai dặn dò rộng lưu truyền.

***

KHEN TÂN VÔ LƯỢNG QUÁN
(Pháp Chiếu thuật)

Thích-ca trụ ở núi Linh thứu
Ra đời vì giáo hóa Ta-bà
Chúng Thanh văn Bồ-tát vô lượng
Ban đầu nghe kinh ý chưa thôi
A-xà Thái tử ở vương thành
Bắt lấy tội tù ở ngục hình
Vi-đề khóc lóc quy y Phật
Nguyện thường không nghe tên các khổ
Thâm tâm không ưa cõi Diêm-phù
Thật là nhiều các quỷ, súc sinh
Chỉ xin Từ Tôn chỉ bày cho
Tịnh độ phương khác thệ đi qua
Thích-ca Như Lai biết tâm bà
Chốc lát bỗng hiện đến cung vua
Giữa mày phóng sắc vàng soi chiếu
Vi-đề chướng hết, thấy được Phật (chân dung)
Cõi Tịnh độ khác tuy vô lượng
Thưa Phật chỉ sinh trong Cực lạc
Nguyện thấy Di-đà mau thọ ký
Khoảnh khắc lại đủ sáu thần thông
Thế Tôn mỉm cười sinh hoan hỷ
Trong miệng phóng năm đạo hào quang
Hào quang bèn chiếu đảnh Tần-bà
Tùy cơ chứng quả cũng ngại gì
Phật bảo Vi-đề: “Bà biết chăng!”
Di-đà cách đây cũng chẳng xa
Chỉ phải siêng tu ba hạnh phước
Lâm chung rước bà lên lầu vàng

Cũng vì đại chúng ở đời sau
Phàm phu, người ác đời năm trược
Chỉ khiến hồi tâm sinh nước kia
Hay khiến Tịnh nghiệp đoạn tham sân.
Nơi đây Vi-đề lại có nghi
Như Lai nay nói ngươi nên biết
Cứ chúng phàm phu thật chưa được
Vì nương Chư Phật đại từ bi.
Đã nghe nói rồi sinh vui mừng
Lại vì người năm khổ ngày nay
Làm sao thấy được cõi Di-đà
Tướng tốt, hào quang, thân tốt đẹp.

Thế Tôn vì nói:

- Trước quán rằng:

Ý nên trụ tưởng hướng Tây phương
Người trí quyết cần nương quán này
Tội trần sa nhiều kiếp diệt mất
Tội diệt thân tâm quyết Thanh tịnh
Kế nên tưởng nước dễ thành nước
Chốc lát lại thấy đất lưu ly
Vàng ròng làm giây để ngăn đường
Ao báu trong veo sâu ngàn nhận
Xen kẽ ngọc châu là vàng ròng
Mưa hoa lăng xăng tùy chỗ đáp
Hay khiến người phát tâm chân thật
Rừng ngọc, cây báu bảy lớp hàng
Nơi nơi ngọc buông ánh sáng lạ
Trong ấy vô số điện ma-ni
Đồng tử cõi trời rải hoa thơm
Trong thành Cực lạc ao bảy báu
Sen nở ánh sáng chẳng nghĩ bàn
Trong hoa đều là nước ma-ni
Chỉ khen người cõi Ta-bà đến
Lầu ngọc đài báu sắc vàng tía
To lớn luôn sáng chiếu mười phương
Bên ao ngọc trắng nghe pháp mầu
Trong cánh hoa sang lại bay hương
Di-đà vô số thành lầu báu

Hằng sa Bồ-tát dạo bốn bên
Mỗi mỗi cầm hoa cúng dường Phật
Hằng dứt trần lao lại lo gì
Trong lầu ngọc bích tòa hoa nở
Vàng ròng làm cánh, báu làm đài
Trên tràng ma-ni lưới trân châu
Trang nghiêm như ý vì Như Lai
Tượng báu lưu ly trong ngoài sáng
Lục thông như ý thân giác nhẹ
Tâm luôn kỹ càng siêng quán tưởng
Tưởng thành lại liền ngộ vô sinh
Hào quang Di-đà rộng vô biên
Chiếu khắp chúng sinh độ (người) có duyên
Có tâm kính ngưỡng hay niệm Phật
Đời sau quyết định lìa trời người
Quán Âm bổ xứ không nghĩ bàn
Vô biên cõi hiện điềm ít có
Chỉ khiến người niệm sinh Cực lạc
Đầu đội Di-đà thời tôn trọng
Bồ-tát Thế Chí rất khó lường
Oai hùng dõng mãnh rộng vô phương
Trên đảnh bình báu chiếu ánh sáng
Đường tối hằng được lìa vô thường
Quán thân tự thấy lúc vãng sinh
Tòa báu hoa sen không đến chậm
Nước, chim, cây rừng đều nói pháp
Di-đà tiếp rước lại không nghi
Như Lai thần biến không nghĩ bàn
Lớn nhỏ tùy duyên cảm theo cơ
Mọi người ngưỡng tâm siêng niệm Phật
Ao báu trong hoa chứng vô vi
Hạnh nghiệp tinh thành càng chuyển cao
Người bậc thượng phẩm dòng họ cao
Trong môn Bách pháp ngôi Hoan hỷ
Diệu định Kim Cang tự bền chắc
Người tu niệm Phật nên chí thành
Di-đà quyết định tự thân rước
Đến kia hoa nở nhờ thọ ký

Đến thời nghe pháp ngộ vô sinh
Mười ác, năm nghịch đến người ngu
Nhiều kiếp trầm luân ở đời lâu
Một niệm xưng được hiệu Di-đà
Cõi ấy lại đồng thân pháp tánh.
Thế Tôn nói rồi về Kỳ sơn
A-nan nghe dạy, rộng tuyên truyền
Đại chúng tâm kính ngưỡng nhận lãnh
Lại đem pháp này lợi trời người.

***

MƯỜI SÁU KỆ KHEN KINH A-DI-ĐÀ (mới)

Thích-ca bi trí rộng vô biên
Trước mở giáo tịnh lợi trời người
Chúng Bồ-tát Thanh văn vô lượng
Lúc ấy nghe ở vườn Cấp-cô
Trước bảo Thanh văn Xá-lợi-phất
Ta nay muốn nói, ông lắng nghe
Tây phương cách đây mười vạn ức
Nước báu Di-đà thân vàng tía
Chúng sinh cõi kia vui cực diệu
Nhiều kiếp không nghe các tên khổ
Khuyên ông phải siêng xưng Phật kia
Chốc lát liền đến thành Bảo liên
Rừng ngọc, cây báu, bảy lan can
Mọi người phải nên kỹ càng quán
Lưới châu lớp lớp ngàn muôn ức
Hay khiến người thấy được an tâm
Cõi tịnh Di-đà không nghĩ bàn
Nơi nơi kênh rạch, ao bảy báu
Trong ao đều là nước ma-ni
Ngày đêm luôn luôn có hoa nở
Bốn bờ, thành ngọc bích lưu ly
Gió thơm thổi đến, thân nhẹ nhàng
Lâu đài bằng báu, ngàn muôn ức
Vô biên Bồ-tát đều kinh hành
Tâm tâm đảnh lễ Đấng pháp vương
Chuyên tưởng Di-đà bậc dẫn đường

Trong lầu ngọc bích nghe pháp mầu
Trên đất vàng ròng rải hoa trời
Vạt áo đựng hoa mười vạn ức
Trần sa Thánh chúng đồng nhận cúng
Khoảng một niệm lại về Cực lạc
Hằng tuyệt bào thai, chứng lục thông
Cõi tịnh Di-đà, tiếng chim báu
Người nghe đều sinh tâm niệm Phật
Chim báu, chẳng phải ba đường ác
Vì khiến tuyên diễn pháp sâu mầu
Gió thơm khi động rừng báu kêu
Nơi nơi chỉ nghe tiếng niệm Phật
Trong tiếng đều nói vô biên pháp
Hay khiến người nghe chứng vô sinh
Thọ lượng Di-đà đâu thể biết
Mọi người trong nước cũng như vậy
Đến cõi kia đều vị bạt trí
Hằng vượt sinh tử chứng vô vi
Căn lành phước mỏng lý khó dung
Bảy ngày nên thành công Tịnh độ
Mười niệm tâm kính ngưỡng cõi kia
Khoảnh khắc liền ngồi cung hoa sen
Nguyện lực Di-đà không nghĩ bàn
Trang nghiêm cõi Tịnh lạ ít có
Chư Phật sáu phương đồng thời khen
Ý khiến các ông dứt hồ nghi
Mạng người vô thường như nháy mắt
Nhiều kiếp trầm luân nơi đường ác
Mau mau chuyên niệm Đức Phật kia
Cùng ông đem nhau ra sông ái
Chư Phật đồng tiếng khen Thích-ca
Hay ở biển khổ độ nhiều người
Mỗi mỗi đều dạy chuyên niệm Phật
Đời đời sẽ được gặp Di-đà
Như Lai nói rồi A-nan tuyên
Khắp hóa quần sinh giúp có duyên
Chúng sinh tâm kính ngưỡng lãnh nhận
Đem tịnh giáo đây rộng lưu truyền.

KỆ KHEN NGỢI RẢI HOA CÚNG DƯỜNG

Xưa có tiên nhân tên Thiện Tuệ
Một lúc mua được năm cành sen
Đem dâng cúng dường Phật Định Quang
Nhân hoa, quả hiệu Phật Thích-ca
Các kinh đều nói Diệu già-tha
Rải hoa cúng dường phước điền nhiều
Chỉ dùng một hoa rải một Phật
Nhân hoa đều được gặp Di-đà
Người trí ngày nay thấy văn kinh
Chỉ nói hoa là nhân thành Phật
Lại liền rải hoa cúng dường Phật
Vẫn đem hoa độ người có duyên
Ngay khi thấy rải hoa lăn xăn
Từng cánh sen xanh bay trong không
Mỗi mỗi tranh giơ tay hứng
Người người lượm đầy áo đem về
Trong không mưa từng cánh hoa trời
Rải dính nơi người được mầm đạo
Chỉ khiến siêng năng cúng dường hoa
Phước điền mỗi mỗi khắp hằng sa
Hoa bay tấp tấp khắp hư không
Lá xanh nhẹ nhàng đầy trong cõi
Vi vu như chim hòa dưới mây
Lả tả đưa ông vào cung sen
Hoa sen xanh tươi rất rộng rãi
Trên hoa từng đoàn Bồ-tát đi
Từng giờ rải hoa cúng dường Phật
Thường thường tuyên dương tiếng năm hội
Nhóm nhóm Thánh chúng áo đầy hoa
Người người qua cúng hằng sa cõi
Mỗi mỗi giờ ăn về lại nước
Hàng hàng không lìa thế giới mình
Thường thường trời mưa muôn cụm hoa
Nơi nơi đều hay phát mầm đạo
Mỗi mỗi đem dâng cúng Chư Phật
Sớm sớm hằng ở nhà Pháp vương
Hoa tươi trăm báu bay lất phất

Trong không khen ngợi chẳng nghĩ bàn
Nếu có chúng sinh hay hiến cúng
Đời sau quyết định chứng vô vi
Trên tòa Kim cang nói chân tông
Bồ-tát phương Tây thảy đều đồng
Rải hoa cúng dường không ngừng nghỉ
Đều sinh trên hoa đủ thần thông
Không khí hơi thơm càng đậm đặc
Bỏ dẹp hoa héo rải hoa mới
(Hoa đi hoa đến hoa càng tươi)
Sáng sớm thường đem dâng cõi khác
Giờ ăn lại về trước Thế Tôn.

***

KHEN NĂM HỘI DIỆU ÂM Ở CÕI TỊNH PHƯƠNG TÂY

Hội thứ nhứt thì trừ ý loạn
Thứ hai cao tiếng khắp có duyên
Thứ ba tiếng vang hay thanh nhã
Thứ tư hòa tiếng thật đáng yêu
Thứ năm chấn động đại ma tan
Hay khiến người niệm nhập thiền sâu
Tiếng năm hội trong mười món lợi
Vì khiến người học dụng tâm chắc
Diệu âm năm hội báu ma-ni
Hay mưa vô lượng pháp tài Thánh
Người trí quyết cần nương đây học
Lâm chung một niệm ngồi đài hoa
Gởi lời các đại chúng hiện tiền
Năm hội niệm Phật lợi vô cùng
Đạo tràng ngày nay đồng tu hành
Cùng nhau chọn chắc ngồi cung hoa
Năm hội Phật dạy là chân tông
Định xả Ta-bà ra lồng khổ
Mọi người phát tâm nguyện vãng sinh
Thế giới phương Tây được thần thông
Rừng báu rậm rạp là rừng xanh
Gió nhẹ năm hội diễn gió trong

Sáu thời mưa hoa tùy chỗ hạ
Người thấy nghe liền phát chân tâm
Mọi người ngày nay sinh tín tâm
Người nghe pháp năm hội Di-đà
Chuyên cầu không quên xưng danh tự
Rước về Cực lạc ngồi rừng hoa
Năm hội hợp vang khen ao, thành
Lầu đài rực rỡ áng mây xanh
Lưu ly bảy báu, giây vàng quả
Nơi nơi chỉ nghe tiếng niệm Phật
Năm hội Di-đà là thuyền bè
Hằng kiếp thường truyền nơi biển khổ
Chỉ khiến nghe tiếng đều giải thoát
Định vượt sinh tử lìa trời người.

***

KHEN NĂM HỘI CỰC LẠC

Khen Quán kinh mầu trong định thành
Kệ báu rõ ràng hóa hữu tình
Năm hội, Diêm-phù rộng lưu bố
Hẹn nhau Cực lạc ngộ vô sinh
Bảo tán Di-đà thật đáng truyền
Hằng vì chúng sinh làm thuyền pháp
Năm hội Phật, Thanh văn giải thoát
Một thời đều được ngồi sen vàng
Tây phương năm hội khắp Ta-bà.
Ý ở chúng sinh niệm Phật nhiều
Cõi bán hoa nở ngàn muôn ức
Tiếng tăm vang đến mấy hằng sa
Ngàn món kỹ nhạc bên đài báu
Sen trăm báu nở ra khỏi nước
Năm hội tiếng tiếng cần niệm gấp
Lâm chung mỗi mỗi đều đến rước
Vô biên hóa Phật thân sắc vàng
Ủng hộ người lưu truyền năm hội
Niệm niệm Di-đà tâm không thối
Sen báu tươi tốt tự thân ngồi.

KHEN DIỆU ÂM NĂM HỘI

Năm hội Di-đà tiếng vang mạnh
Người trí truyền đến trong năm trược
Năm khổ nghe tiếng đều được vui
Nương năm hội này vào cung sen
Người trí từ bi truyền năm hội
Ý ở đem truyền diệt năm lửa
Năm lửa đã nhân năm hội diệt
Đều nương năm hội khỏi trần lao
Năm hội mạnh mẽ vang tiếng trong
Âm ỉ tiếng sấm chép tiếng mầu
Thánh chúng hẹn nhau đồng khen ngợi
Chỉ là người nghe đều phát tâm
Tiếng nhiệm mầu năm hội phương Tây
Đời sau năm trược cứu chúng sinh
Năm đường nghe tên đều giải thoát
Năm hội dẫn đến thành sen báu
Tản mát năm hội ra ngang núi
Âm ỉ như nay khắp năm trời
Năm chúng cùng nói đều lợi lạc
Mạt pháp vẫn lưu năm trăm năm
Năm hội Di-đà suốt lòng người
Tiếng từ mềm mại uyển chuyển sâu
Kinh Vô Lượng Thọ nói như vầy
Nước báu chảy dài diễn tiếng mầu
Tiếng vang năm hội vượt ráng mây
Tiếng trong lanh lảnh khắp hằng sa
Sớm sớm, chiều chiều thường hay niệm
Đời đời, kiếp kiếp ở nhà Phật
Gió thơm chợt thổi chạm thân người
Chỉ đem năm hội đoạn tham sân
Năm hội đều hay sạch năm uẩn
Tiếng tăm năm kiếp lìa trần náo
Tây phương trống, nhạc và đàn ca
Cầm, sắc, sáo trúc xen lẫn nhau
Mỗi mỗi chỉ tuyên pháp năm hội
Tiếng tiếng đều nói sáu Ba-la.

KHEN CỰC LẠC TRANG NGHIÊM

Di-đà hạnh nguyện rộng vô biên
Cứu giúp quần sinh, thương cùng khắp
Đều muốn giáo hóa về nước mình
Chúng sinh tội nghiệp cùng không duyên
Bồ-tát Quán Âm đại từ bi
Ở biển khổ hiện điềm ít có
Thân vàng tía, ba hai tướng tốt
Đầu đội Di-đà Đấng tôn trọng
Bồ-tát Thế Chí khó nghĩ bàn
Thân vàng, tướng đồng không thiếu sót
Trên đảnh bình báu hào quang chiếu
Khắp thâu cơ niệm Phật vãng sinh
Tự mừng đời trước túc duyên sâu
Được gặp Di-đà tiếng giáo mầu
Giữ chặt danh hiệu không ngơi nghỉ
Báo hết lâm chung thân sắc vàng
Ta thường tự siêng năng tinh tấn
Mong nghe pháp chân thật vô thượng
Sẽ cùng giặc vô minh chiến đấu
Thệ phá diệt, chiếm thân vàng ròng
Một niệm ngưng thần trụ thành báu
Ý khởi lục thông thân giác nhẹ
Chân đạp trên hoa sen ngàn cánh
Đi dưới cây ma-ni sáng rỡ
Cõi tịnh Di-đà thật tinh vi
Cõi ấy người Ta-bà đâu biết
Nhiều kiếp trầm luân nơi biển khổ
Năm nào được gặp lúc vãng sinh
Cực lạc nước báu không suy biến
Lâu đài ngọc bích trời tự nhiên
Trăng sáng ma-ni, nước lưu ly
Ánh sáng ao, đài thật đáng yêu
Cõi báu Cực lạc rất ít có
Thật là nhiều đời nay không biết
Ngày nay mừng gặp Phật Di-đà
Liền bỏ thời ta ba năm trược
Cõi báu Di-đà không nghĩ bàn

Chỉ khen người mong bỏ Ta-bà
Địa ngục A-tỳ người đến nhiều
Một phen đọa năm nào được ra
Về đi thôi mau về đi thôi
Diêm-phù năm trược là trần ai
Không bằng phương Tây cõi vui vầy
Đến đó đài hoa tùy ý nở.

Tất cả cung kính chí tâm đảnh lễ Đức Phật A-di-đà ở phương Tây.

Pháp Tạng nhân càng xa
Quả Cực lạc lại sâu
Trân báu lạ làm đất
Giữa các báu là rừng
Hoa nở sắc ít có
Sóng vang tiếng thật tướng
Bao giờ mong trao tay
Mới theo tâm vãng sinh
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước Cực lạc.

Chí tâm đảnh lễ Đức Phật A-di-đà ở phương Tây.

Đời trược khó lại vào
Cõi tịnh nguyện càng sâu
Dây vàng thẳng ngăn đường
Lưới châu rộng che rừng
Thấy sắc là chân sắc
Nghe tiếng đều tiếng pháp
Chớ cho phương Tây xa
Chỉ cần tâm mười niệm
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước Cực lạc.

Chí tâm đảnh lễ Đức Phật A-di-đà ở phương Tây.

Trong đêm nước Thanh tịnh
Chợt khởi nhân chí thành
Quán rằng tâm mới định
Tưởng nước niệm càng chân
Rừng tuyên pháp thượng phẩm
Sen khép, người hạ sinh
Đã nói bạn đồng chí

Rửa sạch các khách trần
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước Cực lạc.

- Chí tâm đảnh lễ Đức Phật A-di-đà ở phương Tây.

Buông lời khắp cõi xa
Giáo hóa đầy hư không
Đài hoa ba phẩm khác
Người trời một loại đồng
Tìm cây chảy nước thơm
Thổi nhạc nổi gió mát
Nơi tâm đây nếu tịnh
Ai thấy có Đông Tây?
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước Cực lạc.

- Chí tâm đảnh lễ Đức Phật A-di-đà ở phương Tây.

Hồi hướng dần làm công
Đường Tây phương vừa thông
Tràng báu tiếp đất dày
Hương trời vào gió xa
Hoa nở nơi nước sạch
Trên không che lưới mịn
Nguyện sinh vào ý thiết
Chính là vui không cùng
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước Cực lạc.

- Chí tâm đảnh lễ Đức Phật A-di-đà ở phương Tây.

Mười kiếp đạo thành trước
Cõi nghiêm, dẫn quần manh
Cát vàng suốt nước soi
Lá ngọc đầy cành sáng
Chim, cây trong châu ra
Người chỉ sinh trên hoa
Dám thỉnh Thánh phương Tây
Sớm chiều định rước ông
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước Cực lạc.

- Chí tâm đảnh lễ Đức Phật A-di-đà ở phương Tây.

Muốn chọn chỗ sẽ sinh

Tây phương rất đáng về
Giữa cây mở lầu gác
Trải y mới đầy đường
Cơm thơm tùy tâm đến
Điện báu theo thân bay
Có duyên đều được đến
Chỉ người tự đi ít
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước Cực lạc.

- Chí tâm đảnh lễ Đức Phật A-di-đà ở phương Tây.

Cõi tịnh không suy biến
Xưa nay một vị vậy
Đài sáng ngàn báu hợp
Âm nhạc tám gió tuyên
Ao nhiều, chim nói pháp
Hoa trời rải đầy trời
Được sinh không sợ lui
Tùy ý sen nở ra
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước Cực lạc.

- Chí tâm đảnh lễ Đức Phật A-di-đà ở phương Tây.

Đã thành Thánh tột lý
Thật có oai khắp không
Khi ở Tây hiện nhỏ
Nhỏ thì tạm tùy cơ
Lá châu soi lẫn nhau
Cát nước cùng sáng trong
Muốn được quả vô sinh
Quyết cần nương cõi kia
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước Cực lạc.

- Chí tâm đảnh lễ Đức Phật A-di-đà ở phương Tây.

Trong đài hiện người trời
Ánh sáng thấy thị giả
Bốn lầu báu treo không
Nhìn xa bảy lan can
Nghi nhiều, biên địa lâu
Đức ít, thượng sinh khó

Chớ lại luận nguyện khác
Trông Tây tâm đã an
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước Cực lạc.

- Chí tâm đảnh lễ Đức Phật A-di-đà ở phương Tây.

Cõi tịnh vốn không lo
Hóa thành lầu vô số
Bốn mặt treo đầy linh
Sáu độ rải hoa khắp
Cây khép hơi thơm động
Nước mang tiếp pháp chảy
Chưa từng nghe việc khổ
Ai lại biện xuân thu
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh nước Cực lạc.

Vui tàng câu, vui tàng câu. Tàng câu vốn là ý giải sầu của người được vãng sinh. Vui tàng câu được vãng sinh vui tàng câu.

A-nan, Ca-diếp cùng bình chương
Văn-thù Bồ-tát cùng thương lượng
Thanh văn, Duyên giác ngồi hai hàng
Như Lai cùng ông làm dụng đầu
Vô ngại Kim Cang lấy làm thẻ
Bảo châu vô giá đem làm móc (câu)
Trì giới đem làm gậy đánh câu
Được thấy Phật tánh tức nắm thẻ
Tàng câu tâm ý chớ buông lung
Chỉ e sáu giặc tranh đến trộm
Người mạnh thẳng giữ Ba-la-mật
Người yếu siêng tu lại càng siêng
Một tòa chiếu tối đến canh ba
Tham thẻ không định cùng nơi sự
Người yếu đều tâm duyên chưa chí
Người mạnh không động chứng vô sinh
Thế Tôn gọi ra, A-nan lại
Nếu cao ánh sáng đèn bạch lạp
Vì nói Phật tánh đồng nhãn được
Sắp sửa vào tay bị người lấy
Đại chúng nỗ lực biết vô thường

Bảo châu vô giá trong tâm hạnh
Niệm niệm thân Phật như tên gấp
Như Lai bình đẳng độ chúng sinh.

***

VĂN KHEN ƠN NẶNG CỦA CHA MẸ

Nhiều kiếp có nhân duyên
Nay đến gá thai mẹ
Hơn tháng sinh năm bào
Bảy tuần sinh sáu tình
Dần nặng như non Nhạc
Đi đứng sợ hại thân
Áo lụa đều không mặc
Gương lược dính bụi trần
Mang thai đến mười tháng
Nạn sinh, như muốn chết
Sáng sáng như bệnh nặng
Ngày ngày tự rên rỉ
Kinh sợ khó tính kể
Lo buồn đầy trong ngực
Ngậm lệ gọi thân quyến
Chỉ sợ chết xâm hại.
Tháng đủ, sắp đến ngày
Khi sinh thật là khó
Ngũ tạng như dao cắt
Bà con tranh đến thăm
Sinh ra ở trên cỏ
Người gần nói là con
Mẹ nghe vui mừng gọi
Quên bẵng thân đau đớn
Thân mẹ ở chỗ ướt
Đem con lại chỗ khô
Máu sữa, đủ đói khát
Áo lụa che gió lạnh
Nhổ ngọt không sẻn tiếc
Nuốt đắng không nhún mày
Chỉ muốn con được no

Mẹ hiền không kể đói
Năm tháng dần dần lớn
Đi ra lòng mẹ theo
Một sớm con cái bệnh
Tiếc thân mẹ không gánh
Ái biệt tình khó nhẫn
Sống lìa thật đau lòng
Con đi trong trăm dặm
Từ mẫu lo hơn ngàn
Trai lớn, đi chinh chiến
Gái lớn, lo nhà người
Khi gặp tiết đông lạnh
Mẹ hiền lệ thấm áo
Mỗi ngày nhớ con cái
Gặp liền hỏi dồn dập
Nếu được tin tức tốt
Tu hành tạo ruộng phước.
Cha mẹ tuy tuổi già
Tình thương không hề dứt.
Thân dẫu trăm tuổi già
Mãi lo con tám mươi,
Nên biết ân ái nặng.
Nay năm thức chia lìa
Huỳnh tuyền do không xả
Làm quỷ cũng lo đó.
Là con trai, con gái
Cung dưỡng chớ lơ là
Tổ trụ do trên nói
Đâu được không khỏi hạnh
Nỗ lực làm hạnh hiếu
Hiếu hạnh lập danh tiếng
Hoàng thiên sẽ giúp đỡ
Chư Phật cũng khen ngợi.
Tâm hạnh mà ngũ nghịch
Hoàng Thiên không giúp đỡ
Siêng tu ba phước nghiệp
Tịnh độ rõ trước mặt
Khắp bảo các người thảy

Đồng hạnh không đồng lòng
Được sinh nước Cực lạc
Hoa nở nghe pháp âm.

***

VĂN KHEN ĐÀI HOA MỚI

Chúng sinh đáng thương, chúng sinh đáng thương. Bồ-tát dạo chơi ở Tây phương, uyển chuyển trong đài hoa, uyển chuyển trong đài hoa.

Phương Tây thật nhiệm mầu
Áo trời, cơm tự nhiên
Trong ao báu sinh ông
Dạo chơi khêu sen hồng
Sen hồng trong ao báu
Ánh sáng không nghĩ bàn
Rừng cây thường nói pháp
Âm nhạc thường theo nhau
Đón nhau lên điện báu
Gọi nhau xuống cầu vàng
Dạo chơi các lầu gác
Đến chỗ mở pháp môn
Bảy báu làm cung điện
Đài lưu ly mã não
Chuyên tâm hay niệm Phật
Đều được thượng hoa đến
Qua bên ao ngọc trắng
Trong cánh hoa sen thơm
Lại nghe niệm năm hội
Khen ngợi cõi Tây phương
Ai con nhà Cực lạc
Trong cánh hoa sen xanh
Là do vì niệm Phật
Từ đây được vãng sinh
Một bụi hoa sen đỏ
Lại có khóm màu xanh
Trong có người hóa sinh
Lời lẽ rất rõ ràng
Lầu đài bay lớp lớp

Thánh chúng thứ tự qua
Hoa sen báu trên ao
Hiền Thánh mới rất đông.

Tâm vãng sinh, tâm vãng sinh, lần đến dòng pháp, tắm sâu trong biển công đức của Như Lai, vui vẻ dạo nơi Tịnh độ, nhạc của Tứ Thiên vương và Dạ-ma thiên, cung trời và loài người liền nhau, cùng dạo trên trời, gọi không được, định biết trong hoa nhập tam thiền.

Tâm Bồ-đề, tâm Bồ-đề. Chúng Bồ-tát như rừng, cõi nước lay động đón Thế Chí hoa báu che đầy, xem thấy sen trắng sen đỏ, sinh ở nhà Pháp Vương, cơm xong kinh hành nương xứ báu, trong ao bờ báu, đáy cát vàng. Sen hồng sen xanh được sinh trên đài sen ngàn cánh, Phật Di-đà nhiếp thọ, Phật Di-đà nhiếp thọ.

***

THUẬT VĂN KHEN CHÍN PHẨM VÃNG SINH CỦA QUÁN KINH

Thượng phẩm thượng sinh, hạnh nguyện mạnh
Vô biên hóa Phật tự đến rước
Điện báu, đài vàng, lên Sơ địa
Vạt áo đầy hoa khắp mười phương.
Thượng phẩm trung sinh, nghĩa nhập kém
Lâm chung Thánh chúng gọi về Tây
Trong mây năm sắc, ngàn Phật dẫn
Ngồi đài vàng tía, theo tám âm.
Thượng phẩm hạ sinh, tuệ tánh sáng
Đoan tâm, hồi tâm, học vô thượng
Năm trăm Như Lai đồng trao tay
Hằng sa Bồ-tát cầm hoa rước.
Trung phẩm thượng sinh, công trai giới
Liền được ba minh và sáu thông
Sen hồng sen tía dẫn hư không
Nhạc trời rước hồn vào cung Phật.
Trung phẩm trung sinh, huân hương giới
Tâm Thanh tịnh, thấy hào quang ngọc
Một phen liền vào hội vô vi
Bảy ngày hoa nở thấy Pháp Vương.
Trung phẩm hạ sinh, từ hiếu sâu

Bạn lành dạy sinh tâm nhàm lìa
Nương sen, gá ấm, nước ma-ni
Trong hoa chỉ nở âm giải thoát.
Hạ phẩm thượng sinh, gieo giống lành
Hay biết Tam bảo là nương về
Hóa Phật đến rước, đầy nhà sáng
Đài hoa đổi bạn, sắc mây bay.
Hạ phẩm trung sinh, nghiệp mê tới
Nhân xưng hiệu Phật, khỏi Nê-lê
Sáu kiếp hoa nở mới thấy Phật
Một đời bổ xứ quả lại đồng.
Hạ phẩm hạ sinh, không nhiều thiện
Chỉ đem mười niệm, bỏ Ta-bà
Tuy ở trong hoa mười hai kiếp
Thấy Phật tâm nở một sát-na.

Kệ khuyên tu hành nói rằng:

Khuyên người tu đạo chớ sinh sân
Trong pháp không ngã cũng không nhân
Muốn biết Tây phương, cầu Tịnh độ
Biết là trong trần không nhiễm trần
Y đó tu hành đều được vãng sinh.

(Nghi khen lược pháp sự năm hội niệm Phật ở Tịnh độ. Xong)

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 172

VÃNG SANH TỊNH ĐỘ SÁM NGUYỆN NGHI

SỐ 1984

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1984

VÃNG SANH TỊNH ĐỘ SÁM NGUYỆN NGHI

Hán dịch: Đời Tống, Sa-môn Kỳ Sơn hiệu Tuân Thức soạn.

(*Sa-môn Tuân Thức tuyển chọn từ kinh Vô Lượng Thọ và các kinh Đại thừa xưng tán pháp môn Tịnh độ khác mà lập ra phương pháp này, nhằm lưu truyền cho hậu thế để kết duyên với Tịnh độ*).

Chư Phật vì thương xót chúng sinh mê muội, nên bày ra vô lượng phương tiện để dẫn dắt họ. Trong đó chỉ có pháp môn Tịnh độ cầu sinh Tây phương là thẳng tắt nhất, đáng nên hành trì nhất. Các kinh điển Đại thừa đều khai diễn tâm yếu này, Chư Phật khắp mười phương đều ngợi khen pháp môn này. Nếu bốn chúng xuất gia và chư thiện nam tín nữ, cùng những người khiếm khuyết sáu căn, như muốn được phá trừ ngay vô minh, muốn được vĩnh viễn diệt trừ tội ngũ nghịch thập ác, hay tội lỗi do phạm những giới trọng, cùng các tội lỗi nhỏ khác, thì nên tu tập pháp môn này. Nếu người nào muốn hoàn phục những giới luật lớn, nhỏ cho Thanh tịnh trở lại, muốn ngay trong hiện tiền chứng đắc niệm Phật Tam-muội, cùng viên mãn đầy đủ tất cả Ba-la-mật môn của Bồ-tát, thì nên học theo phương pháp này. Như người nào trong lúc lâm chung muốn được xa lìa mọi sự khiếp sợ, thân tâm được an lạc, vui mừng xem cái chết như sự trở về, có quang minh chiếu rực rỡ cả nhà, có mùi thơm, lạ cùng với âm nhạc, được Phật Di-đà cùng Quán Âm, Thế Chí hiện ra trước mắt trao cho đài Tử Kim, cầm tay tiếp dẫn về Cực lạc, đoạn dứt năm đường, vượt thẳng chín phẩm, giả từ Ta-bà khổ lụy, an trụ trong Cực lạc thanh lương, vừa lìa khỏi trần lao lên thẳng ngôi Bất

thoái, chẳng cần trải qua nhiều kiếp mà liền chứng đắc Vô Sinh, thì nên học theo pháp này. Nếu người nào muốn tu tập pháp nhỏ mà chiêu cảm được quả báo vi diệu, được Chư Phật khắp mười phương cùng ngợi khen, ngay hiện tiền được thọ ký, chỉ trong một niệm cúng dường vô lượng Chư Phật, liền trở về nước cùng Phật Di-đà thọ trai, cùng nghị luận với Quán Âm, cùng kinh hành với Thế Chí, mắt tai đều thấy nghe thông suốt, thọ mạng không cùng tận, bay đi tự tại giữa hư không, chứng đắc Túc mạng, thấy suốt năm đường như cảnh trong gương, niệm niệm thường chứng nhập vô lượng Tam-muội v.v... không thể kể hết, thì nên tu tập pháp môn thù thắng này.

Những điều vừa nêu đều chân thật không hư dối, Chư Phật trong mười phương dùng tướng lưỡi dài rộng ngợi khen việc này. Đó đủ chứng minh rằng những lời nói ấy không hề hư dối. Thế thì bọn chúng ta còn dám không tin Phật chăng?

Nay tôi dựa trên những bộ kinh nói về Tịnh độ mà lập ra phương pháp hành trì này. Nếu người nào muốn hiểu biết sâu rộng hơn thì nên tìn tất cả những kinh trên mà nguyên cứu. Sau đây tôi lập thành mười phần để tiện việc hướng dẫn.

***- Phần thứ nhất:* Làm trang nghiêm Thanh tịnh đạo tràng**.

Phải chọn một ngôi nhà thật yên tĩnh, trước hết bỏ nền đất củ ấy đi, sau đó đến một nơi sạch sẽ nào đó lấy lại đất mới thay vào, nhưng phải là đất không có sỏi đá, và đất ấy trước đây chưa từng bị dơ uế. Dùng các thứ dầu thơm hòa trộn với đất để làm cho nó cực kỳ Thanh tịnh, kế đến treo một bảo cái mới ngay trên đất đó. Trong bảo cái đó lại treo những lá phan ngũ sắc và treo khắp nhà những thứ tơ luạ phan hoa. Chọn nơi trang nghiêm nhất an trí tượng Phật ở hướng Tây quay mặt về hướng Đông, Quán Âm Thế Chí đứng hầu hai bên. Trước tượng bày những thứ hoa thơm đẹp cùng hoa sen v.v... Nếu an trí được chín tượng vãng sinh càng tốt, nếu không có đủ cũng không ngại gì. Tùy khả năng của mình mà trang hoàng những thứ khác sao cho thật trang nghiêm. Kế đến dùng chiếu hoặc nệm trải khắp nền đất. Hành giả phải mặc y phục sạch, mới. Nếu không có đồ mới, thì cần phải giặt giũ thật sạch, tắm rửa sạch sẽ, mặc y phục sạch, mới được vào Đạo tràng. Khi vào, nên đi hai lối ở hai bên. Giày dép phải để ngay ngắn, không để bừa bãi. Khi đại tiểu tiện phải thay áo cũ. Xong việc phải rửa ráy thật sạch, mặc lại y phục sạch, ngày nào cũng phải làm đúng như vậy. Phải thành tâm đem tất cả phẩm vật của mình cúng dường Tam bảo, nếu không thật

tâm cúng, thì phương pháp hành trì không chí tâm, do đó tất không có cảm ứng. Như mình không có phẩm vật cúng dường, thì mới tìm cầu nơi người khác (Như mình không có, lại mua sắm không được, thiếu phẩm vật cúng dường cũng không hề chi). Một đạo tràng nhiều nhất là mười người trở lại, không được nhiều hơn, mỗi tháng phải ăn chay sáu ngày.

***- Phần thứ hai:* Pháp phương tiện.**

Hành giả muốn vào đạo tràng, nếu thân tâm còn loạn động thì nên làm pháp phương tiện trước. Trong bảy ngày phải ở trong phòng riêng mà không được ở chung trong đạo tràng. Nếu không có phòng riêng thì mới cho phép ở chung. Cả ngày lẫn đêm cần phải tập thử trước, cùng đọc tụng trước những bài văn sám hối cho trôi chảy, đồng thời làm những việc như giặt giũ, may vá, nấu cơm, gánh nước... Còn những việc lo toan cuộc sống đời thường phải buông bỏ hết. Chỉ nhớ nghĩ rằng: Chẳng bao lâu ta chắc chắn được sinh về Tịnh độ, cần phải nhất tâm sám hối, chớ có khởi tâm biếng lười. Mỗi người phải tự ký hẹn cho mình, chẳng tiếc thân mạng, thì sở nguyện cầu sinh thành tựu tức khắc. Không được khởi niệm vướng víu trong năm trần, cần phải quở trách xa lìa những thứ ái dục, siêng năng đoạn dứt sân hận, ngu si. Mỗi người chúng ta đều có những thứ ác nghiệp đã được tích tụ từ vô thỉ kiếp, do đó cần phải gấp rút mà cầu xả ly, chớ nên cho rằng sự sám hối này làm chướng ngại tâm niệm xả ly ấy. Mỗi người tự nên quan sát ngay bản thân mình những tập khí nào nặng hơn, cần phải lập tức quở trách, rủ bỏ và điều phục nó, khiến cho thân tâm trở lại trạng thái bình thường, hớ để cho sự hành trì ấy luống công vô ích.

***- Phần thứ ba:* Ý chánh tu.**

Trong Đại tập kinh, Bồ-tát niệm Phật Tam-muội Phần, thì nói thời hạn là bốn mươi chín ngày; Cổ Âm Vương và Đại Di-đà kinh thì nói mười ngày mười đêm; Thập Lục Quán kinh và Tiểu Bổn Di-đà thì nói bảy ngày bảy đêm, vậy chúng ta căn cứ vào ba thuyết đó, quyết không được giảm ít hơn nữa.

Thế nào là Ý chánh tu? Ngài Thiên Thân luận rằng: Thấu được nghĩa gì? Đó là quán thế giới Cực lạc, thấy được Phật A-di-đà, nguyện sinh về cõi ấy.

Vậy thế nào gọi là quán? Sao gọi là sinh tín tâm? Đó là những người tu thành tựu được Ngũ niệm môn, thì cuối cùng liền được sinh về Tịnh độ Cực lạc, thấy được Phật Di-đà. Vậy Ngũ niệm môn là gì? Đó

là:

1. Lễ bái.
2. Ngợi khen.
3. Phát nguyện.
4. Quán tưởng.
5. Hồi hướng.

Cùng với những thiện xảo phương tiện Hồi hướng của Bồ-tát. Nghĩa là Bồ-tát đem tất cả thiện căn công đức tu tập Ngũ niệm môn. Không cầu lấy sự an vui cho chính bản thân mình, vì muốn cứu vớt mọi sự thống khổ cho chúng sinh, phát nguyện nhiếp thủ tất cả chúng sinh cùng sinh về thế giới Cực lạc. Đó gọi là thiện xảo phương tiện Hồi hướng của Bồ-tát. Nếu chúng ta khéo biết Hồi hướng như vậy, tất thành tựu được ba thứ tâm thuận với cửa ngõ vào đạo Bồ-đề:

1. Tâm Thanh tịnh không nhiễm ô, vì chẳng cầu an lạc cho riêng mình.

2. Tâm Thanh tịnh an ổn, vì cứu vớt tất cả sự thống khổ cho chúng sinh.

3. Tâm Thanh tịnh an lạc, vì làm cho tất cả chúng sinh chứng đắc Đại Bồ-đề, vì nhiếp thủ chúng sinh cùng sinh về Tịnh độ.

Vì vậy nay dùng cả đoạn văn trên làm phần chánh ý, chỉ thêm vào phần sám hối, vì để chúng sinh diệt trừ tất cả các chướng ngại trong việc vãng sinh. Muốn thuận tâm từ của Phật, mau chóng độ sinh, thì phải nhất tâm ý tu tập trọn đủ bốn mươi chín ngày cho đến bảy ngày. Mỗi một ngày đêm phải sáu thời lễ lạy Chư Phật khắp mười phương và Đức Phật Di-đà. Dù đi hay ngồi chớ để tâm tán loạn, không được nhớ nghĩ đến năm thứ dục lạc của thế gian, tiếp khách hay nói năng cười giỡn, dù chỉ trong giây lát. Lại cũng không được biếng nhác kéo dài việc tu tập, buông lung ngủ nghỉ. Phải ngay trong cái chớp mắt, hít thở, cuối xuống, ngưỡng lên mà định tâm chớ cho gián đoạn. Cần phải một lòng tinh tấn quyết cầu vãng sinh.

Hỏi: Phương pháp hành trì vốn nhiều như vậy, sao bảo là nhất tâm được?

Đáp: Có sự nhất tâm và lý nhất tâm.

1. Lý nhất tâm: Khi vào đạo tràng cho đến lúc hết thời hạn tu tập, dù cũng làm muôn việc, nhưng đó đều Vô tánh,chẳng sinh chẳng diệt, nhất tướng của pháp giới đúng như pháp giới mà duyên theo.

2. Sự nhất tâm: Như lúc lạy Phật, không nhớ nghĩ đến những việc khác, chỉ chuyên tâm lạy Phật mà thôi. Lúc tụng kinh hành đạo cũng

như vậy.

- Phần thứ tư: Đốt hương tung hoa cúng dường.

(Đây còn gọi là dùng tam nghiệp mà cúng dường. Khi tam nghiệp của hành giả đã được Thanh tịnh rồi, thì việc đầu tiên khi vào Đạo tràng là niệm hương xong, phải đứng thẳng mà suy nghĩ như vầy: Con này vì tất cả chúng sinh pháp tâm Bồ-đề, nguyện sinh về Tịnh độ, nên lạy khắp Tam bảo, rộng tu pháp cúng dường, Tam bảo thọ cúng ắt nghĩ đến con, chứng minh sở nguyện của con.

Đây chỉ là lạy chung chứ chưa phải tùy mỗi phương tưởng niệm. lúc lạy xuống phải quán tưởng rằng: Thân con và Chư Phật khắp mười phương, lý thể của thật tướng vốn không có năng sở, nên không có người lạy Phật và Phật được lạy. Quán tưởng không có năng sở như vậy, gọi là Pháp giới hải. Nguyện cho tất cả chúng sinh đều được thấy lý này. Đó gọi là đồng nhập. Trước tiên phải xướng:

- Nhất thiết cung kính:

Nhất tâm kính lễ Thập phương pháp giới thường trụ Phật.

Nhất tâm kính lễ Thập phương pháp giới thường trụ Pháp.

Nhất tâm kính lễ Thập phương pháp giới thường trụ Tăng.

Lạy xong, quỳ xuống dâng hoa lên, chủ lễ xướng:

- Thị chư chúng đẳng, các các hồ quỳ, nghiêm trì hương hoa, như pháp cúng dường.

Mỗi người tung hoa lên đồng xướng:

- Cúng dường Thập phương pháp giới Tam bảo.

Mỗi người cầm lò hương lên, vận tâm cúng dường, quán tưởng như sau:

Nguyện hương này tỏa mười phương
Làm thành đài quang minh vi diệu
Âm nhạc, hương báu các cõi trời
Vị ngon, y đẹp các cõi trời
Vi trần diệu pháp chẳng lường được.
Mỗi một trần hiện tất cả trần
Mỗi một trần hiện tất cả pháp
Triển chuyển không ngại thảy trang nghiêm
Hiện trước Tam bảo khắp mười phương
Trước mười phương pháp giới Tam bảo
Đều có thân con đang cúng dường.
Tất cả đều biến khắp pháp giới
Chẳng hề tạp nhiễm cùng chướng ngại

Cùng tận vị lai làm Phật sự
Xông khắp cả pháp giới chúng sinh
Nguyện rằng cùng phát Bồ-đề tâm
Đồng chứng vô sinh vào Phật trí.

Quán tưởng xong, đại chúng vẫn cầm lò hương, đọc lớn như vầy:

Nguyện hoa hương mầu này
Biến khắp mười phương cõi
Cúng dường tất cả Phật
Tôn pháp, chư Bồ-tát
Vô biên chúng Thanh văn
Để dựng đài quang minh
Cao hơn hằng sa cõi
Trong vô biên cõi Phật
Thọ dụng làm Phật sự
Xông khắp các chúng sinh
Đều phát tâm Bồ-đề.

Sau đó xướng rằng:

- Cúng dường dĩ, nhất thiết cung kính.

Lạy xuống, lạy chung và quán tưởng như phần trước. Sau đó tán thán ngũ hối, tam quy, cả thảy chín lạy.

***- Phần thứ năm:* Phương pháp lễ thỉnh.**

Đốt hương, quỳ xuống, cầm lò hương, chí tâm trịnh trọng, thỉnh khắp Tam bảo quang lâm Đạo tràng, chớ có khinh suất. Cần phải chí thành khẩn thiết cầu khẩn. Nếu không chí tâm, thỉnh xuông chẳng lợi ích gì. Mỗi người đều quán tưởng, tất cả Như Lai trong khắp mười phương dẫn các quyến thuộc cùng vào Đạo tràng, đứng ngay trước mắt mình, đầy chật cả hư không, không được một phút một giây nào khởi tạp niệm. nghi thức thỉnh Phật này chỉ dùng trong ngày đầu tiên khi vào Đạo tràng, sau đó không phải dùng đến nữa. Chủ lễ xướng:

- Nhất tâm phụng thỉnh Nam-mô Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật.

Phật Thích-ca là Thầy của chúng ta. Ngài diễn nói các kinh Đại thừa làm cho ta nhận thức và tu tập pháp môn này, nên đầu tiên chúng ta phải thỉnh Ngài. Mỗi người phải vận tâm quán tưởng nhớ nghĩ đến ân đức sâu dày ấy của Ngài. Thỉnh ba lần như vậy, mỗi một lần thỉnh phải quán tưởng như vầy:

Tánh tam nghiệp (của) con như hư không
Thích-ca Như Lai cũng như vậy

Chẳng khởi chân tế, vì chúng sinh
Cùng đại chúng đến thọ cúng dường.

Mỗi một Đức Phật phải thỉnh đủ ba lần.

Nhất tâm phụng thỉnh: Nam-mô quá khứ cửu viễn kiếp trung Định Quang Phật, Quang Viễn Phật, Long Âm Phật đẳng, Ngũ thập tam Phật.

Năm mươi ba vị Phật này lần lượt nối nhau xuất thế trước khi Tỳ-kheo Pháp Tạng xuất gia. Vị Phật thứ năm mươi bốn chính là Phật Thế Tự Tại Vương cũng là Thầy của Pháp Tạng. Lúc thỉnh cần nên biết như vậy. Bài kệ quán tưởng cũng giống phần trước, chỉ đổi danh hiệu Phật mà thôi.

Nhất tâm phụng thỉnh: Nam-mô quá khứ cửu diệt Thế Tự Tại Vương Phật.

Thế Tự Tại Vương là Thầy của Pháp Tạng. Tỳ-kheo Pháp Tạng phát bốn mươi tám lời nguyện ngay trong Pháp hội của Phật này. Lúc thỉnh cần phải biết như vậy. Bài kệ quán tưởng cũng giống phần trước, đổi danh hiệu Phật là Thế Tự Tại Vương mà thôi. Đức Phật này cùng năm mươi ba vị Phật trước đồng diễn nói kinh Vô Lượng Thọ.

Nhất tâm phụng thỉnh: Nam-mô Thập phương hiện tại Bất động Phật đẳng, tận thập phương hà sa Tịnh độ nhất thiết Chư Phật.

Chư Phật trong khắp mười phương này đều dùng tướng lưỡi rộng dài che khắp Đại Thiên, xưng tán Cực lạc. Cho nên chúng ta phải thỉnh vì cầu Phật hộ niệm. Các Ngài đều cùng diễn nói kinh Xưng Tán Tịnh độ này. Lúc thỉnh chúng ta phải quán tưởng Chư Phật khắp mười phương ấy cùng quang lâm Đạo tràng. Đổi bài kệ thành như vầy: "Mười phương Chư Phật cũng như thế." Ba câu kệ còn lại giống bài kệ trong phần trước.

Nhất tâm phụng thỉnh: Nam-mô Vãng thế thất Phật, vị lai hiền kiếp thiên Phật, tam thế nhất thiết Chư Phật.

Nhất tâm phụng thỉnh: Nam-mô Cực lạc thế giới A-di-đà Phật.

Di-đà là vị Phật đứng đầu trong những vị phát nguyện nhiếp thủ chúng sinh. Chúng ta cần quán tưởng Ngài thống lãnh vô biên quyến thuộc quang lâm đến Đạo tràng, nhiếp thọ hộ niệm chúng ta. Mỗi chúng ta chí thành khẩn thiết cầu thỉnh ba lần, thì nhất định Ngài đến. Ngài ngồi ngay giữa Đạo tràng, còn Chư Phật và Bồ-tát khác đều là những vị chứng minh. Đổi bài kệ quán tưởng giống như đoạn trước. Ngài là vị Phật được thỉnh sau cùng. Nghi thức thỉnh Phật này rút từ Phổ Hiền Sám pháp.

Nhất tâm phụng thỉnh: Nam-mô Đại thừa tứ thập bát nguyện Vô Lượng Thọ kinh, Xưng Tán kinh đẳng, cập bỉ Tịnh độ, Sở hữu kinh pháp, thập phương nhất thiết tôn kinh, thập nhị bộ chân tịnh pháp bảo.

Phải quán tưởng pháp bảo của cả hai nơi: Đó là pháp bảo trong mười phương và pháp bảo của Tịnh độ. Lúc quán tưởng pháp bảo của Tịnh độ, phải quán tưởng khắp Chư Phật, Bồ-tát, nước, chim, nhạc, cây báu đều diễn thuyết diệu pháp. Tùy tâm tưởng thỉnh cầu của ta mà tất cả những thứ ấy đều hiện đủ trong Đạo tràng, làm cho Đạo tràng của ta giống hệt cõi Tịnh độ ấy. Quán tưởng như vầy:

Pháp tánh rỗng rang không thấy được
Pháp bảo hai nơi chẳng nghĩ bàn
Con dùng tam nghiệp như pháp thỉnh
Tức thời cùng hiện, nhận cúng dường.

Nhất tâm phụng thỉnh: Nam-mô Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát, Phổ Hiền Bồ-tát, Vô Năng Thắng Bồ-tát,Bất Hưu Tức Bồ-tát đẳng, nhất thiết Bồ-tát Ma-ha-tát.

Bài kệ quán tưởng giống như phần thỉnh Phật, chỉ đổi câu "Chư đại Bồ-tát cũng như vậy." Lúc thỉnh phải quán tưởng Văn-thù, Phổ Hiền v.v... đều ở trong Tịnh độ, như Nguyện Vương kinh đã nói đến. Hai chữ nhất thiết trong bài thỉnh bao quát cả ba đời mười phương.

Nhất tâm phụng thỉnh: Nam-mô Cực lạc thế giới Quán Thế Âm Bồ-tát Ma-ha-tát.

Quán tưởng vị Bồ-tát này ngồi trên tòa sen, hầu bên trái Phật. Oai đức và quang minh của Ngài đều vô lượng. Đổi câu kệ ấy thành "Quán Âm Bồ-tát cũng như vậy".

Nhất tâm phụng thỉnh: Nam-mô Cực lạc thế giới Đại Thế Chí Bồ-tát Ma-ha-tát.

Quán tưởng vị Bồ-tát này ngồi trên tòa sen, hầu bên phải Phật. oai đức và quang minh như Quán Âm không khác. Đổi câu kệ thành "Thế Chí Bồ-tát cũng như vậy".

Nhất tâm phụng thỉnh: Nam-mô Quá khứ A-tăng-kỳ kiếp Pháp Tạng Tỳ-kheo Bồ-tát Ma-ha-tát.

Đây là thân nhân của Phật Di-đà. Ngài tu hành bốn mươi tám nguyện nhiếp hóa chúng sinh, nên chúng ta phải nhớ nghĩ đến ân đức ấy. Đổi câu kệ thành "Pháp Tạng Tỳ-kheo cũng như vậy".

Nhất tâm phụng thỉnh: Nam-mô Cực lạc thế giới tân phát đạo ý, Vô sinh bất thoái, Nhất sinh bổ xứ, chư Đại Bồ-tát Ma-ha-tát.

Đây là các vị Bồ-tát Ma-ha-tát thuộc giai vị Bất thoái và Nhất sinh

bổ xứ. Lúc thỉnh cần phải biết như thế. Bài kệ không có gì thay đổi.

Nhất tâm phụng thỉnh: Nam-mô thử độ Xá-lợi-phất đẳng nhất thiết Thanh văn Duyên giác đắc đạo Hiền Thánh tăng.

Quán tưởng khắp pháp giới, thỉnh Hiền Thánh Tăng. Hai chữ nhất thiết ấy bao hàm cả mười phương ba đời. Lễ lạy quán tưởng giống như phần trước.

Nhất tâm phụng thỉnh: Thử độ Phạm Thích tứ vương nhất thiết thiên chúng, Ma-la thiên chủ, long quỷ chư vương, Diêm-la ngũ đạo, chủ thiện phạt ác, thủ hộ chánh pháp, hộ Già lam thần, nhất thiết Hiền Thánh.

Thỉnh ba lần như vậy, thì những vị này liền quang lâm mà thủ hộ. Chỉ thỉnh mà không lạy.

Đức Phật Di-đà, Quán Âm Bồ-tát, Thế Chí Bồ-tát, hải chúng Thanh tịnh, tất cả hiền Thánh mà con vừa thỉnh, nguyện xin các Ngài chẳng bỏ bổn tâm đại Từ đại Bi, dùng tha tâm đạo, cùng với thiên nhãn, thấy nghe không ngại, thần thông tự tại giáng lâm Đạo tràng, an trụ pháp tòa, quang minh chiếu khắp, nhiếp thủ chúng con. Xót thương che chở, khiến chúng con đều cùng thành tựu hạnh nguyện Bồ-đề. Thích-ca Văn Phật, cùng Định Quang Phật, Thế Tự Tại Vương, mười phương ba đời tất cả Chư Phật; Văn-thù Bồ-tát, Phổ Hiền Bồ-tát, Thánh chúng tam thừa, ngưỡng mong tất cả chư vị quang lâm, từ bi nhiếp thọ, thủ hộ chúng con. Các hàng Chư thiên, ma, Phạm, Long vương, cùng chư quỷ vương, chư thần hộ pháp, tất cả Hiền Thánh, quang lâm Đạo tràng, an ủi che chở khiến cho chúng con, thành tựu sở nguyện cầu sinh Tịnh độ (3 lần)

- Phần thứ sáu: **Pháp ngợi khen**. (Đứng chắp tay, tưởng mình đứng trước Di-đà và Chư Phật).

Sắc như vàng Diêm-phù
Mặt tợ trăng tròn đầy
Thân ngời trí tuệ sáng
Chiếu khắp vô biên cõi.
Hàng phục các ma oán
Khéo khai hóa trời người
Nương thuyền Bát chánh ấy
Vượt tất cả khổ nạn
Nghe tên chứng Bất thoái
Nên con quy mạng lễ.

(Lạy xong đứng dạy xướng rằng:)

Con nay nguyện đem công đức ngợi khen Phật này, cùng những thiện căn tu hành Đại thừa vô thượng, Hồi hướng cho Chư thiên long bát bộ, Đại phạm Thiên vương, Tam thập Tam thiên, Diêm-la ngũ đạo, Lục trai Bát vương, Hành bệnh quỷ vương, cùng chư quyến thuộc, và chư thổ thần ở trong cõi này, chư vị hộ pháp tăng chúng già Lam. Lại vì quốc vương, Đế chủ, nhân dân khắp trong cả nước, Thầy bạn cha mẹ, Thiện ác tri thức, Đàn-việt lập chùa, tín thí mười phương, lại vì chúng sinh trong khắp pháp giới, ngưỡng mong tất cả, nhờ thiện căn này, bình đẳng huân tu, thành tựu hai thứ, công đức trí tuệ, trang nghiêm pháp thân, đến lúc mạng chung, đồng sinh Cực lạc.

***- Phần thứ bảy:* Pháp lạy Phật.**

Ngợi khen xong phải lạy Phật. Lúc lạy phải quán tưởng tất cả Chư Phật là cha lành của ta hay khiến cho ta được sinh về Tịnh độ của Chư Phật.

Nhất tâm kính lễ Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật.

Xướng xong lạy một lạy, quán tưởng như vầy:

Phật, chúng sinh tánh thường rỗng lặng
Đạo cảm ứng không thể nghĩ bàn
Đạo tràng con tựa như Đế châu
Thích-ca Như Lai hiện trong ấy
Thân con ảnh hiện trước Thích-ca
Cúi đầu đảnh lễ xin quy mạng.

Những Đức Phật kế tiếp sau đây cũng dùng bài kệ này.

Nhất tâm kính lễ quá khứ cửu viễn kiếp trung Định Quang Phật, Quang Viễn Phật, Long Âm Phật đẳng, ngũ thập tam Phật, ngũ thập tam Phật.

Năm mươi ba vị Phật này đã nói rõ trong phần lễ thỉnh. Chúng ta nên quán tưởng thân này như huyễn như hóa, tự thấy ở trước Chư Phật đó, đảnh lễ tất cả Chư Phật. Bài kệ giống như trước, chỉ sửa câu “Năm mươi ba Phật hiện trong đó, Thân con ảnh hiện trước Chư Phật”.

Nhất tâm kính lễ quá khứ cửu diệt Thế Tự Tại Vương Phật.

Nhất tâm kính lễ Đông Phương Bất Động Phật đẳng, tận Đông phương hà sa Tịnh độ nhất thiết Chư Phật.

Chư Phật từ đây xuống đến mười phương đều dùng tướng lưỡi rộng dài xưng tán Cực lạc, phải quán tưởng thân ta đối trước Chư Phật trong hằng sa Tịnh độ.

Nhất tâm kính lễ Đông Nam phương Tối thượng quảng đại Vân Lôi Âm Vương Phật đẳng, tận Đông Nam phương hà sa Tịnh độ nhất thiết Chư Phật.

Nhất tâm kính lễ Nam phương Nhật Nguyệt Quang Phật đẳng, tận Nam phương hà sa Tịnh độ nhất thiết Chư Phật.

Nhất tâm kính lễ Tây Nam phương Tối thượng Nhật Quang Danh Xưng Công Đức Phật đẳng, tận Tây Nam phương hà sa Tịnh độ nhất thiết Chư Phật.

Nhất tâm kính lễ Tây phương Phóng Quang Phật đẳng, tận Tây phương hà sa Tịnh độ nhất thiết Chư Phật.

Nhất tâm kính lễ Tây Bắc phương Vô Lượng Công Đức Hỏa Vương Quang Minh Phật đẳng, tận Tây Bắc phương hà sa Tịnh độ nhất thiết Chư Phật.

Nhất tâm kính lễ Bắc phương Vơ Lượng Quang Nghiêm Thông Đạt Giác Tuệ Phật đẳng, tận Bắc phương hà sa Tịnh độ nhất thiết Chư Phật.

Nhất tâm kính lễ Đông Bắc phương Vô số bách thiên Câu-chi Quảng Tuệ Phật đẳng, tận Đông Bắc phương hà sa Tịnh độ nhất thiết Chư Phật.

Nhất tâm kính lễ Thượng phương Phạm Âm Phật đẳng, tận Thượng phương hà sa Tịnh độ nhất thiết Chư Phật.

Nhất tâm kính lễ Hạ phương thị hiện nhất thiết diệu pháp chánh lý thường phóng Hoả vương Thắng Đức Quang Minh Phật đẳng, tận Hạ phương hà sa Tịnh độ nhất thiết Chư Phật.

Nhất tâm kính lễ Vãng cổ lai kim tam thế Chư Phật, thất Phật Thế Tôn, Hiền kiếp thiên Phật.

Nhất tâm kính lễ Cực lạc thế giới A-di-đà Phật.

Nên lạy ba lần, sửa bài kệ rằng: “Vì cầu vãng sinh xin đảnh lễ”.

Nhất tâm kính lễ Cực lạc thế giới Phật Bồ-tát đẳng sở thuyết kinh pháp, nãi chí thủy, điểu, nhạc, thọ nhất thiết pháp âm, Thanh tịnh Pháp Tạng.

Quán tưởng pháp bảo của Tịnh độ hiển hiện trong Đạo tràng. Bài kệ quán tưởng:

Pháp tánh chân không như hư không
Pháp Bảo thường trụ không nghĩ bàn
Thân con ảnh hiện trước Pháp Bảo
Cúi đầu quy mạng lạy tất cả.

Nhất tâm kính lễ Đại thừa Tứ thập bát nguyện Vô Lượng Thọ

kinh, Xưng Tán kinh đẳng, thập phương nhất thiết tôn kinh, Thập nhị bộ chân tịnh pháp tạng.

Đây là đảnh lễ pháp bảo trong cõi này như trước.

Nhất tâm kính lễ Cực lạc thế giới Quán Thế Âm Bồ-tát Ma-ha-tát.

Quán tưởng vị Bồ-tát này hầu bên trái Phật, ngồi trên tòa sen. Bài kệ giống như lạy Phật, chỉ đổi Phật thành Bồ-tát mà thôi.

Nhất tâm kính lễ Cực lạc thế giới Đại Thế Chí Bồ-tát Ma-ha-tát.

Quán tưởng Bồ-tát hầu bên phải Phật, giống như Quán Âm.

Nhất tâm kính lễ quá khứ A-tăng-kỳ kiếp Pháp Tạng Tỳ-kheo Bồ-tát Ma-ha-tát.

Nhất tâm kính lễ Cực lạc thế giới Nhất sinh bổ xứ Chư Đại Bồ-tát Ma-ha-tát.

Nhất tâm kính lễ Cực lạc thế giới Vô sinh bất thoái Chư Đại Bồ-tát Ma-ha-tát.

Nhất tâm kính lễ Cực lạc thế giới tân phát đạo ý Bồ-tát, cập thập phương lai sinh Tịnh độ nhất thiết Bồ-tát Ma-ha-tát.

Nhất tâm kính lễ Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát, Phổ Hiền Bồ-tát, Di-lặc Bồ-tát, Thường Tinh Tấn Bồ-tát đẳng, tận thập phương nhất thiết Chư Đại Bồ-tát Ma-ha-tát.

Nhất tâm kính lễ Đại trí Xá-lợi-phất, A nan trì pháp giả, Chư Đại Thanh văn Duyên giác, nhất thiết đắc đạo Hiền Thánh tăng.

Quán tưởng bài kệ xong, quỳ nguyên như vậy vận tâm sám hối như sau đây:

***- Phần thứ tám:* Pháp sám hối phát nguyện.**

Phần này gồm năm pháp, nay chỉ nêu pháp đầu pháp cuối, nên gọi tắt là sám nguyện.

I. Pháp sám hối.

Khi sám hối cần vận dụng đủ sự và lý. Nếu là sự sám hối, thì phải chí thành tam nghiệp, chẳng tiếc thân mạng, nhỏ máu rơi lệ phơi bày tội lỗi, không dám che giấu. Nếu là lý sám hối, thì phải quán thật tướng của tội lỗi, năng sám sở sám (người sám hối và Chư Phật Bồ-tát) đều tịch diệt. Khi đầy đủ sự, lý như vậy, cần phải chuyên tâm khắp vì tất cả chúng sinh mà khẩn thiết sám hối. Quán tưởng như vầy:Con và chúng sinh từ vô thỉ kiếp nay thường bị những trọng tội do sáu căn tam nghiệp gây ra ngăn che, không thấy được Phật, không biết cách ra. Chỉ trôi theo sinh tử mà chẳng biết diệu lý xuất thế. Nay con tuy biết Phật,

nhưng vẫn bị tội nặng ngăn che như bao chúng sinh khác. Con xin đối trước Phật Di-đà cùng Chư Phật khắp mười phương. Ngưỡng mong Chư Phật gia hộ, khiến cho nghiệp chướng tiêu trừ. Quán tưởng như vậy xong, xướng rằng:

- Con nay khắp vì tất cả chúng sinh trong pháp giới, nguyện đoạn trừ ba chướng, chí thành xin sám hối.

Xướng xong lạy một lạy. Mỗi người đều chắp tay, trước tiên vận dụng mười thứ tâm nghịch thuận. Trước kia do trái với chân, chạy theo vọng, nên gọi là mười tâm thuận. Còn nay trái với vọng, trở về chân, nên gọi là mười tâm nghịch. Mười thứ tâm thuận nghịch này đều có sự lý, chúng ta cần phải suy xét kỹ.

Từ đầu đến tâm bác không nhân quả là thuận. Thế nên từ tâm tin chắc trở đi đến ngày hôm nay là nghịch. Lúc phơi bày tội lỗi để sám hối cũng phải vận dụng đến hai thứ thuận nghịch này. Quán tưởng rằng: Từ vô thỉ đến nay, con và chúng sinh do ái kiến mà bên trong chấp trước ngã nhân, bên ngoài thì:

1. Kết thêm bạn ác.
2. Chẳng tùy hỉ với phước thiện của người khác.
3. Tam nghiệp tạo mọi tội lỗi.
4. Việc làm không nhiều nhưng ác tâm có khắp.
5. Ngày đêm nối nhau chưa hề gián đoạn.
6. Che đậy tội lỗi không muốn cho ai biết.
7. Chẳng sợ bạn ác.
8. Chẳng biết hổ thẹn
9. Bác không nhân quả.
10. Cho nên ngày nay tin chắc nhân quả:

- Sinh đại tàm quý.
- Sinh đại khiếp sợ.
- Phát lồ sám hối.
- Đoạn tâm tương tục.
- Phát tâm Bồ-đề đoạn ác tu thiện.
- Chuyên cần tam nghiệp trừ bỏ những tội nặng ấy.
- Tùy hỷ phước thiện của cả Phàm Thánh.
- Niệm Phật khắp mười phương, được đại phước tuệ, cứu lấy thân con, cùng chư chúng sinh từ hai biển chết qua bờ ba đức.
- Từ vô thỉ đến nay chẳng hay biết rằng bổn tánh của các pháp vốn không tịch, mà lại tạo mọi tội lỗi. Nay biết các pháp vốn không tịch, vì cầu Bồ-đề, vì chư chúng sinh, mà rộng tu thiện nghiệp, đoạn tất

cả ác.

- Ngưỡng mong Chư Phật khắp mười phương cùng Di-đà Thế Tôn từ bi nhiếp thọ, nhận lời sám hối này của con:

- Đệ tử chúng con tên là... chí tâm sám hối. Chư Phật mười phương thấy biết chân thật. Con cùng chúng sinh, vốn tánh Thanh tịnh, chỗ của Phật ở là Thường tịch quang, có khắp trong sát-na cùng tất cả pháp. Thế mà con lại không hề hay biết, vọng chấp nhân ngã, trong pháp bình đẳng lại khởi phân biệt, trong tâm Thanh tịnh lại sinh nhiễm trước. Do nhân duyên ngũ dục điên đảo như vậy, nên sống chết xoay vần, ở khắp ba cõi, cứ thế luân hồi chẳng hề ngừng dứt, chẳng hề nhớ nghĩ đến ngày thoát ly. Lại ở trong đó tạo tội cực ác, tứ trọng ngũ nghịch cùng nhất Xiển-đề, hủy báng Đại thừa, chê bai Tam bảo, phủ nhận Chư Phật, đoạn học Bát-nhã. Lạm dụng phẩm vật của Tăng khắp mười phương, cùng vật dụng để xây tháp Phật, ô phạm người Phạm hạnh, gần gũi thật hành ác pháp. Lại thường khen ngợi những kẻ phá giới, mắng chửi hủy nhục đạo nhân Tam thừa. Bên trong thì che đậy lỗi lầm, bên ngoài lại trá hiện oai nghi, thường dùng năm thứ tà mạng để quyên góp tứ sự cúng dường. Thuyết pháp bất tịnh, dạy người trái luật, theo Phật xuất gia trở lại phá Phật, trái nghịch Sư trưởng, chẳng nghe dạy bảo, phóng túng tham sân, chẳng hề xấu hổ. Do nhân duyên đó cùng sức mạnh của các ác nghiệp, đến lúc mạng chung phải đọa địa ngục A-tỳ, lửa dữ thiêu đốt ngàn vạn ức kiếp chịu khổ khôn cùng, chẳng biết ngày nào mới được giải thoát.

Ngày nay tỏ ngộ, sinh đại hổ thẹn cùng tâm khiếp sợ. Chư Phật mười phương cùng A-di-đà vốn đã từ lâu sinh tâm đại Từ đối với chúng con. Trong vô lượng kiếp, muốn độ chúng con, tu đạo Bồ-đề chẳng tiếc thân mạng. Nay Ngài thành Phật, viên mãn đại Bi, đúng thật là người cứu vớt che chở tất cả chúng sinh. Nay con tạo ác tất đọa Tam đồ, xin Phật xót thương cho con sám hối. Tội nặng tiêu diệt, ác nghiệp không còn, cho đến sinh nhân trong cõi Ta-bà vĩnh viễn đoạn tận. Như nguyện được sinh ở trong Tịnh độ của tất cả Phật, ngay lúc mạng chung tất không hề còn ác nghiệp chướng ngại.

(Đứng dậy xướng).

Sám hối rồi, chúng con xin quy mạng đảnh lễ Phật A-di-đà cùng tất cả Tam bảo (Lạy xong, dập đầu xuống đất ba lần, biểu thị lạy Phật khắp ba nơi: Phật Di-đà, Tam bảo của Tịnh độ, Tam bảo khắp mười phương, để thích nghi với ba bài văn sám hối. Nếu có thời gian thì thực hành hết, nếu thiếu thời gian nên lược bớt phần hai, phần ba).

II. Pháp khuyến thỉnh.

Quán tưởng quỳ trước tất cả Chư Phật khắp mười phương, khuyến thỉnh Chư Phật, có hai nghĩa:

- Từ khi mới thành đạo đến lúc chuyển pháp luân gọi là thỉnh thuyết pháp.

- Chư Phật khuyến thỉnh dưới đây đã diệt độ từ lâu. Mười phương Chư Phật dùng đạo nhãn thấy nghe chúng ta khuyến thỉnh, nguyện xin Chư Phật cửu trụ thế gian để chuyển pháp luân.

Đệ tử chúng con chí tâm khuyến thỉnh:

Thế gian đăng trong khắp mười phương
Vừa mới thành tựu đạo Bồ-đề.
Con nay khuyến thỉnh khắp Chư Phật
Chuyển pháp luân tối thắngvi diệu
Chư Phật như muốn nhập Niết-bàn
Con nay chí thành xin khuyến thỉnh
Xin Phật trụ thế sát trần kiếp
Lợi lạc cho tất cả chúng sinh.

Khuyến thỉnh xong quy mạng đảnh lễ Phật A-di-đà cùng tất cả Tam bảo.

III. Pháp tùy hỷ.

Dù một mảy may phước thiện của phàm Thánh khắp mười phương con đều tùy hỷ. Thiện căn phước đức hay khiến chúng sinh phát tâm tùy niệm, con nay tùy hỷ theo họ.

Đệ tử chúng con chí tâm tùy hỷ:

Tất cả chúng sinh khắp mười phương
Nhị thừa hữu học cùng vô học
Tất cả Như Lai và Bồ-tát
Bao nhiêu công đức đều tùy hỷ.

Tùy hỷ xong quy mạng đảnh lễ Phật A-di-đà cùng tất cả Tam bảo.

IV. Pháp Hồi hướng.

Dù mảy may phước thiện từ vô thỉ đến nay đã Hồi hướng trong ba cõi. Hôm nay tỏ ngộ nguyện xin Hồi hướng thệ cầu đạo Bồ-đề.

Đệ tử chúng con chí tâm Hồi hướng:

Phước thiện cúng dường, lạy khen Phật
Cầu xin Phật trụ thế chuyển pháp luân.
Thiện căn sám hối tùy hỷ ấy
Hồi hướng chúng sinh cùng Phật đạo

Hồi hướng xong quy mạng đảnh lễ Phật A-di-đà cùng tất cả Tam bảo.

V. Pháp phát nguyện.

Cốt yếu phải diệt trừ tội chướng, phát bốn hoằng thệ nguyện, tùy thuận Bồ-đề cầu sinh Tịnh độ. Lúc xướng quán tưởng đối trước Phật A-di-đà cùng Chư Phật Bồ-tát, cầu Phật chứng minh.

Đệ tử chúng con chí tâm phát nguyện

Nguyện cùng hành giả tu Tịnh hạnh,

Nguyện đem tất cả phước thiện của tam nghiệp

Nguyện trang nghiêm Tịnh độ, cầu phước trí hiện tiền, nguyện được Phật A-di-đà, cùng Quán Âm Thế Chí từ bi nhiếp thọ, hiện thân trước con, phóng ánh hào quang, chiếu đến thân con khiến cho chúng con, các căn vắng lặng, ba chướng tiêu trừ, thân tâm thư thái, thích tu Tịnh độ. Niệm niệm chẳng mất, thiện căn Tịnh độ cho đến khi ngủ, thường thấy vô số, các món trang nghiêm trong cõi Cực lạc, khiến cho tâm con vui mừng tinh tấn; đến lúc mạng chung thêm tăng trưởng, thân không bệnh khổ, tâm không đảo điên gặp Phật Di-đà cùng chư quyến thuộc sinh tâm vui ưa. Chỉ trong sát-na liền được vãng sinh về cõi Cực lạc. Đến rồi liền được sinh trong hoa sen, được Phật thọ ký. Đã thọ ký rồi hóa thân tự tại ở trong vi trần cõi nước Chư Phật, tùy thuận chúng sinh lợi ích cho họ khiến cho chúng sinh trần số cõi Phật phát tâm Bồ-đề, tức thời lìa khổ, cùng được vãng sinh về cõi Cực lạc của Phật Di-đà; niệm niệm hiện tiền hạnh nguyện như thế, tận đời vị lai liên tục chẳng dứt, thân nghiệp khẩu nghiệp cùng với ý nghiệp thường làm Phật sự. Phát nguyện xong quy mạng đảnh lễ Phật A-di-đà cùng tất cả Tam bảo.

- Phần thứ chín: **Pháp tụng kinh nhiễu Phật.**

Lạy xong đứng dậy, chỉnh đốn y phục, đứng yên một lát, thường phải quán tưởng Phật cùng Hiền Thánh đầy chật Đạo tràng, ngồi trên pháp tòa, tưởng thấy thân của mình nhiễu quanh tất cả pháp tòa, cứ an tường mà đi như vậy, rồi niệm sau rằng:

Nam-mô Phật.

Nam-mô Pháp.

Nam-mô Tăng.

Nam-mô Thích-ca Mâu-ni Phật.

Nam-mô Thế Tự Tại Vương Phật.

Nam-mô A-di-đà Phật.

Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát.
Nam-mô Đại Thế Chí Bồ-tát.
Nam-mô Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát.
Nam-mô Phổ Hiền Bồ-tát.
Nam-mô Thanh tịnh Đại Hải Chúng Bồ-tát Ma-ha-tát.

Niệm đủ ba niệm như vậy, phải tụng kinh Di-đà, hoặc Thập Lục Quán kinh. Tụng xong niệm danh hiệu trên ba lần. Trong lúc tụnh niệm không nên buộc tâm trong ngôn ngữ văn cú, giống như chim bay ngang hư không, chẳng để lại dấu vết gì. Tam nghiệp chỉ như bóng, như tiếng vang, như ánh sáng, tuy đều không thật nhưng ngay đó có đầy đủ cảm ứng. Tự thấy thân mình nhiễu quanh pháp tòa. Nhiễu xong tụng tiếp:

Tự quy y Phật, đương nguyện chúng sinh
Thể giải đại đạo, phát vô thượng tâm.
Tự quy y Pháp, đương nguyện chúng sinh
Thâm nhập kinh tạng, trí tuệ như hải.
Tự quy y Tăng, đương nguyện chúng sinh
Thống lý đại chúng, nhất thiết vô ngại.

HÒA NAM THÁNH CHÚNG.

Lạy một lạy, chủ lễ quỳ gối xướng:

- Bạch đại chúng! Tôi từng nghe, những bài kệ cuả Như Lai trong kinh, sao vẫn chưa thấy đủ. Lẽ tự nhiên của việc tu tập là mỗi người phải siêng năng tinh tấn nỗ lực mà tự cầu. Được như vầy tất sẽ vãng sinh về Cực lạc một cách mau chóng. Đoạn hẳn năm đường ác thì ngõ ác tự nhiên đóng, chứng đắc đến tận cùng diệu đạo, tuy dễ vãng sinh nhưng ít người đến được. Thế sao không chịu vứt bỏ hết việc đời, siêng cầu đạo nghiệp, để mỗi người chúng ta mãi mãi trường sinh, an vui không cùng tận.

- Phần thứ mười: Pháp tọa thiền.

Thực hành những phương pháp trên xong ngồi trên giường quay mặt về hướng Tây để dễ quán tưởng. Ngồi trong tư thế Kiết già cổ và xương sống ngay thẳng, không được quán ngã người ra trước hoặc sau, điều hòa hơi thở, an định tâm ý.

Các cách quán trong kinh luận nói đến rất nhiều. Phàm phu sơ tâm chưa thể nào hành trì hết. Nay cần phải đi từ cách quán tưởng cơ bản dễ thực hành nhất, đơn cử như hai cách dưới đây. Trong hai cách này

hành giả nên lược chọn cách nào thích nghi với mình mà thực hành, chứ không nên dùng cả hai. Đối những người quán chiếu thuần thục, thì nên dùng hết. Nhưng điều quan trọng là không được lìa pháp môn Tịnh độ, thì nên tu tập.

1. Ý quán khắp: ngồi ngay thẳng, ngay lúc quán tưởng phải biết công năng hành trì của mình đã đủ để sinh về Cực lạc, ngồi kiết già trong hoa sen. Kế đến kết hợp với cách quán tưởng hoa sen nở ra. Ngay lúc hoa nở, có năm trăm màu hào quang chiếu đến thân ta. Tưởng khi ta mở mắt, liền được thấy Phật Bồ-tát và cõi nước Cực lạc, ngồi ngay trước Phật nghe giảng diệu pháp. Nghe được tất cả âm thanh đều là những tiếng diễn nói pháp mà mình ưa nghe. Những điều mình muốn nghe ấy phải khế hợp với mười hai bộ kinh. Lúc quán tưởng như vậy, cần phải giữ tâm cho kiên cố, tuyệt đối không để tán loạn. Tâm tưởng phải rõ ràng, như thấy trước mắt. Quán tưởng như vậy cho thật lâu, sau đó đứng dậy.

2. Quán tưởng Phật Di-đà cao một trượng sáu, ngồi trên hoa sen, cần phải buộc tâm mình vào tướng lông trắng giữa chặng mày của Phật. Tướng lông trắng này dài một trượng năm thước. Chu vi năm tấc, bên ngoài có tám góc, bên trong rỗng xoay vòng bên phải nằm giữa hai chân mày, sáng sạch đẹp đẽ không thể kể xiết, sáng vàng cả khuôn mặt, đường nét rõ ràng. Lúc quán tưởng như vậy cần phải định tâm chú ý đừng để tâm trống rỗng. Lại phải quán tưởng những điều được thấy dù đã thành hay chưa thành đều phải tưởng niệm nhân duyên, tánh tướng vốn không thật, tất cả đều rỗng rang như vạn vật trong gương, như bóng trăng dưới nước, như mộng như huyễn tuy rỗng rang nhưng có thể thấy được. Nó đều do tâm tánh hiện khởi, những thứ ấy chính là tự tâm. Tâm chẳng tự biết tâm. Tâm chẳng tự thấy tâm. Tâm còn tưởng tức là si, không còn tưởng tức là Niết-bàn. Tâm có tâm không đều gọi là có tưởng, đều gọi là si, chẳng thấy được pháp tánh. Các pháp do nhân duyên sinh tức không, tức giả, tức trung, chẳng phải một, chẳng phải khác, chẳng phải ngang, chẳng phải dọc, chẳng thể nghĩ bàn, tâm tưởng vắng lặng thì hay thành tựu được niệm Phật Tam-muội. Quán tưởng thật lâu như vậy rồi mới đứng dậy.

Hỏi: Niệm Phật Tam-muội phải thực hành thời gian lâu mới thành tựu, những người tu sám hối trong mười ngày bảy ngày thì làm sao thành tựu được?

Đáp: Duyên có duyên mới sinh, duyên thuần thục, sự hành trì cũng có lâu hoặc phát tâm. Nếu quá khứ đã từng hành trì, đến đời này

đã có sự hành trì rồi, nên khi thực hành pháp sám hối, dù tu ít nhưng liền thành tựu. Nếu quá khứ chưa từng tu tập đến lúc gần sám hối mới tu học thì tất nhiên rất khó thành tựu. Nhưng dù không thành tựu cũng phải nương pháp này mà buộc tâm, đó gọi là ngồi thiền quán cảnh.

Kinh chép: Dù thành tựu hay không thành tựu đều diệt trừ được tội sinh tử trong vô lượng kiếp, đều được sinh trước Phật. Lại nói:

- Chỉ nghe tên gọi của tướng lông trắng mà đã diệt được vô lượng tội huống gì là chú tâm quán tưởng. Những người muốn tu hành chớ sinh tâm nghi sợ, chớ tự cho rằng mình không có phần. Chư Phật kia vốn đã có nguyện lực từ nhều kiếp, nên hay khiến những người tu tập Tam-muội này đều được thành tựu cả.

Kinh Ban-châu Tam-muội thì cho rằng phải nương vào ba lực sau đây mới được thành tựu. Đó là oai lực của Phật, lực của Tam-muội và lực công đức của chính mình.

Quán Kinh thì cho rằng chỉ nghe danh hiệu của Phật Vô Lượng Thọ và hai vị Bồ-tát Quán Âm Thế Chí đã hay diệt trừ tội sinh tử trong vô lượng kiếp, huống gì là nghĩ nhớ, niệm. Nếu có người nào thích tu những cách quán khác thì phải tự lường biết khả năng của mình. Dù ngồi hay đứng tùy ý mà làm Phật sự, hoặc muốn tu quán, thì ngồi trở lại cũng không sao. Nếu không quen ngồi thì có thể vừa đi vừa niệm. Được như vậy thì trong giấc ngủ cũng thường thấy Phật Di-đà. Như trong kinh có nói rất đầy đủ.

LỜI BẠT

Phương pháp hành trì này từ lúc tôi biên soạn đến nay đã qua hai lần sửa chữa bổ sung. Bản trước, Tăng Khế Ngưng đất Việt đã cho khắc bản lưu hành. Bản sau, trong phần tựa có nói:

- Tôi tự thấy mình vượt quá giới hạn và những lời của Thầy tổ... là thế.” Quả vị Thánh vốn đã cao xa, mà phương pháp lễ lạy của hành giả dễ sinh lao nhọc, nên pháp sám hối, tọa thiền là những việc xua đuổi sự mệt nhọc ấy đi, do đó chỉ bổ sung hai phương pháp này, còn các phương pháp khác vẫn giữ nguyên như cũ.

Nay thì đã đủ tất cả phương pháp từ cạn đến sâu, hành giả cứ kết hợp thực hành tất cả, chẳng cần nghi hoặc, chọn lựa. Phần sám nghi này đã san định, bổ xung rất kỹ, hành giả chẳng còn có lý do gì mà phải lựa chọn.

Ngày 2 tháng 2 năm Ất Mão, niên hiệu Đại Trung Tường Phù thứ 8 (Tức năm thứ 18 đời vua Tống Chân Tông. Chân Tông có năm lần đổi niên hiệu, Đại Trung Tường Phù là niên hiệu thứ 3).

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 172

TRẤN CHÂU LÂM TẾ TUỆ CHIẾU THIỀN SƯ NGỮ LỤC

SỐ 1985

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1985

TRẤN CHÂU LÂM TẾ TUỆ CHIẾU THIỀN SƯ NGỮ LỤC

TỰA

Phái Tào Khê xuất hiện khơi nguồn rồi chảy mãi không cùng, Nam Nhạc, Dương Kỳ tông phong cao vút, liên miên bất tận, con cháu mở rộng hoằng truyền như cành lá tươi tốt luôn che mát nhân thiên, thật là rạng ngời Tổ đạo. Nói mà không nói, nên biết ý ở ngoài lời. Nghe mà không nghe, quả thật lời không ý. Đây là lý đạo cùng tột không thể dẫn dụ, tàn dư ảnh hưởng cùng ngôn ngữ. Nên Tổ Lâm Tế đem chánh pháp nhãn tạng làm sáng tỏ tâm Niết bàn, làm hưng khởi đại trí, đại bi, vận đại cơ đại dụng gậy đánh tiếng hét cắt đứt phàm tình, nhanh như điện chớp sao băng, rốt cuộc cũng khó thầm hợp. Vì thế không cho tìm kiếm trong nói, nghe để suy lý. Chẳng qua chỉ là gà đến Tân La, mà muốn thành phượng hoàng bay vút lên trời cao, không để lại vết tích thấu suốt của huyền, làm cho chúng sinh mê mờ trong ba cõi đều quy về với nhất chân thật tế. Bậc anh tài kiệt xuất trong thiên hạ thảy đều kính ngưỡng, đương nhiên làm Tổ lý của tông sư vậy.

Nay Thiền sư Tổng Thống Tuyết Đường là cháu đời thứ 18 của tông Lâm Tế, đi khắp Hà Bắc, mời về Hà Nam tìm thấy quyển Ngữ lục này, ở Dư Hàng mừng rỡ như người nghèo được của báu, như đêm tối được đèn sáng, không ngăn được cảm kích. Sư liền bỏ tiền của khắc bản lưu hành cúng dường các chùa. Việc lạ này thật là ngàn năm khó gặp Lão nhân được, chao ôi! Ném đất vàng âm thanh vang dội bốn biển, biết chắc đó là viên ngọc quý có giá trị khó đáp đền.

Đinh Mùi niên hiệu Trinh Nguyên thứ hai sư nối pháp Tổ trụ trì Báo Ân Thiền Tự ở Đại Đô (Yên kinh). Tùng Luân hiệu Lâm Tuyền Lão Nhân đốt hương kính cẩn đề tựa.

Đức Phật đem chánh pháp nhãn tạng Niết bàn diệu tâm trao cho Ngài Đại Ca Diếp làm Tổ thứ nhất, đến Tổ thứ 28 Bồ-đề Đạt Ma đem mật ấn của mười phương ba đời Chư Phật đến Trung Hoa. Bấy giờ Trung Hoa mới biết Phật pháp có:

"Giáo ngoại biệt truyền,
Bất lập văn tự
Trực chỉ nhân tâm
Kiến tánh thành Phật.

(Có cách truyền ngoài giáo tông, chẳng câu nệ vào chữ nghĩa, đó là chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật).

Về sau, hoa ưu đàm xuất hiện hương thơm ngát trời. Một hoa nở năm cánh, hương bay khắp nơi, sắc báu sáng ngời khắp chốn. Mỗi mỗi phóng vô lượng ánh sáng rạng ngời đại thiên thế giới. Lúc đó có một vị Tỳ kheo vì một đại sự nhân duyên ở trong núi Hoàng Bá, ba lần thưa thỉnh đều bị đánh. Về sau đến Ngài Đại Ngu mới được ấn chứng. Hàng ngày dùng thanh kiếm Kim Cang Bảo Vương gặp phàm giết phàm, gặp Thánh giết Thánh, phong hành tự nhiên, hiệu lệnh tám phương. Voi chúa lông trắng như tuyết, như sư tử lông vàng ngồi xổm cất tiếng rống, hồ ly dã can, tâm vỡ óc tan, trăm thú nhìn thấy hình đều run. Kinh sợ như đứng trên vực thẳm ngàn nhẫn, làm cho người giữa đường không dám đi, vì sợ tán thân mất mạng. Dù nghệ thuật Lão Tử, trông thấy cũng toát mồ hôi. Hoặc là Tam huyền tam yếu, Đoạt cảnh đoạt nhân, chương vàng cú ngọc, như buồm thuận gió, ngựa xông vào trận, nhanh như điện chớp, bước qua sóng gió, xuyên thủng hang kiên cố, tan nát trận địch, xoay trời chuyển đất, bảy dọc tám ngang làm cho cắt đứt các duyên. Học chúng khắp nơi nghe danh đến tấp nập, nhưng môn đình cao sừng sững khó vào. Bởi vì công phu diệu dung không nương văn tự, không lìa văn tự, một con mắt trí tuệ nhìn khắp đại địa mới biết được tông phong này. Cuối cùng đem chánh pháp nhãn tạng diệt mất bên con lừa mù. Hành trang của Sư chép đầy đủ trong "Truyền đăng lục". Ở đây không bàn đến nữa.

Từ Ngài Hưng Hóa tướng công về sau, con cháu đông đúc thật là

hưng thịnh. Nhiều người có căn khí lớn, sáng ngời đứng đầu khắp nơi, chói rạng xưa nay, khắp nơi khắp chốn, pháp hội trong tòng lâm, hóa độ luận chân. Khuôn phép quy củ sâu dày, hiện tướng lưỡi rộng, dài khai đường nói pháp cho người, như Từ Minh Viên Công, Lang Lang Giác Công đều là bậc pháp vương Thầy của trời người. Nay Thiền sư Tuyết Đường cháu dòng chính, đời thứ 18 đời Lâm Tế, phái Lang Lang đời thứ 10 được Vương thần tôn kính, nho gia ngưỡng mộ bậc Long tượng trong chốn Thiền tăng, không quên ân đức Tổ sư, e chỉ tiếc một lời, một câu, hét, đánh, tham vấn chưa hỏi và ngữ lục thăng đường, nhập thất chưa phát minh được. Nay khắc bản lưu hành để truyền rộng trong chốn thiền lâm. Nhưng phải nhờ cư sĩ Quách Thiên Tích (Bắc Sơn) viết bài tựa. Than ôi! Lão sư Tuyết Đường làm một việc làm từ không ai Tổ sư trước làm được, dù có cố gắng đến trọn đời cũng khó theo kịp, tri ân báo ân thì không phải không.

Đến năm trăm năm sau, có một lão Tăng điên nhả đàm dãi, sửa đổi mới lại để cúng dường. Học tăng ngày nay lại chịu gậm nhấm ư? Châu về Hiệp Phố, khơi lại đống tro tàn cũng là chuyện tự nhiên.

Đại Đức - Tháng 8 năm thứ 2 - Trước sự giám sát của Quan ngự Sữ, Quách Thiên Tích quý lạy chín lạy viết lời tựa.

Trộm nghe, núi Hoàng Bá có người dám đương đầu vuốt râu cọp, bên bờ sông Hô Đà thuận nước xuôi thuyền, đã phơi bày nanh vuốt thâm độc, vẫn là hiện rõ nghệ thuật từ bi, nhằm vào một chi tát, khỏi nhọc nói nhiều, ba đấm vào hông có thể nói là dốc hết tâm can. Tam huyền trong tay, bảy việc tùy thân, chạm vào thì đá tan núi lở, nghĩ đến thì sấm chớp vang rền. Môn đình cao ngất, thâm áo rộng sâu, đứng vọng trông lên, không thể đến được. Chỉ có Hòa thượng Tổng Thống Tuyết Đường vì thương xót xướng ca mà hòa vô vị.

Than ôi! Tuyết Đường hòa theo khúc đàn hi hữu. Ngữ lục thiếu văn này nên tòng lâm ít thấy, phải tìm đến Thích tử để ghi lại bài tựa. Vì muốn khắc thành bản lưu hành cho những người học thiền thưởng thức để hoằng dương đạo Tổ và dạy dỗ người sau. Đánh, hét phải nhanh như đá xẹt, điện chớp, cơ pháp biến hóa phải nhìn lại lông mày, lỗ mũi. Những cơ duyên khác chép đầy đủ trong ngữ lục trước không nêu ra nữa.

Than ôi! Tổ sư Lâm Tế truyền sáu đời cho đến tông sư Phần

Dương. Dưới Phần Dương có sáu tôn giả kiệt xuất như: Từ Minh Viên, Lang Nha Giác. Viên truyền cho Dương Kỳ Hội, Hội truyền cho Bạch Vân Đoan, Đoan truyền cho Ngũ Tổ Diễn, Diễn truyền cho Phật Qủa Cần Phật Giám Thiên U Tề, Phật Qủa truyền cho Hổ Khưu Long Đại Huệ Cảo, Hổ Khưu Long truyền cho Ưng Am Hoa, Hoa truyền cho Mật Am Kiệt. Kiệt truyền cho Tùng Nguyên, Phá Am Tiên Nhạc-Phá Am truyền cho Thạch Điền Huân - Huân truyền cho Tịnh Từ Ngu Cực Tuệ. Tuệ truyền cho Tùng Nguyên. Khưu truyền cho Vô Đức Thông, Thông truyền cho Hư Chu Độ, Độ truyền cho Kính Sơn Hồ Nghiêm Phục, Thiên Mục Tề. Tề truyền cho Nhữ Châu Hòa, Hòa truyền cho Trúc Lâm Bảo, Bảo truyền cho Trúc Lâm An, An truyền cho Trúc Lâm Hải, Hải truyền cho Khách Thọ Chương Bạch Giản Nhất, Quy Vân Tuyền, Tuyền truyền cho Bình Sơn Lượng, Bạch Giản Nhất truyền cho Xung Hư Phường, Lại Mục Quy, Khách Thọ Chương truyền cho Hải Vân Đại Tông Sư, Trúc Lâm Di, Di truyền cho Long Hoa Huệ. Hải Vân truyền cho Khả Am Lãng, Long Cung Ngọc, Trách Am Huyên, Khả Am truyền cho Thái Truyền, Lưu Văn Trinh Công, Khách Thọ Mãn; Long Cung Ngọc truyền cho Đại Danh Hải, Trách Am truyền cho Khách Thọ An. Lang Nha giác truyền cho Lặc Đàm Nguyệt, Nguyệt truyền cho tỳ lục chân. Chân truyền cho bạch thuỷ bạch, bạch truyền cho Thiên Ninh đảng. Đảng truyền cho từ chiếu Thuần. Thuần truyền cho Trịnh Châu bữu, bữu truyền cho Trúc lâm tạng, hỷ thọ hanh thiểu lâm giám, Khách thọ Hành, Thiền Lâm Gián. Khách thọ hành truyền cho Đông Bình Điện. Thái Nguyên chiếu; Thiền Lâm giá, truyền cho Pháp vương Thông, Thông truyền cho An Nhàn Giác, Giác truyền cho Nam Kinh Trí, Tây Am Huân. Nam Kinh Trí truyền cho Thọ Phong TrạmTây Am Huân truyền cho Tuyết Đường Nhân. Tuyết Đường là cháu thứ 18 của tông Lâm Tế đều là cơ biện dọc ngang cao vút của môn đình, là con trong tông môn nối tiếp nhau mãi đến hôm nay. Có thể nói là nguồn xa dòng dài. Đây là nghĩa đó vậy. Thiền sư Tuyết Đường là Tổ đời thứ ba của chúng ta.

Dặn dò đệ tử viết cho sách này, dưới sự hướng dẫn của ông. Sau não thấy mặt, trên đảnh có mắt, một trận cười vang. Khai thác Thối Đường kế thừa Tổ, cháu đời thứ 20.

Phổ Tú ở núi Ngũ Phong trì trai đốt hương kính bái viết.

Diên Khang điện học sĩ, Kim tử quang lộc đại phu, chân định phủ lộ an vũ sứ, kiêm Mã bộ quân đô tổng quản, Kiêm tri thành đức quân phủ sự Mã Phòng soạn.

Trên núi Hoàng Bá, từng bị đòn đau, dưới sườn Đại Ngu mới biết thoi đấm. Lão bà đảm chuyện, thằng quỷ đái dầm. Lão tiên cuồng này lại vuốt râu cọp. Trồng tùng hang núi, làm mốc cho người sau, lưỡi cuốc đất chặt cây, suýt bị chôn sống, khiến kẻ hậu sinh, tự vả miệng mình, đốt sạch chữ nghĩa, dứt sạch nói năng. Chẳng phải Hà Nam thì về Hà Bắc. Bước qua bến cũ đưa đón qua lại, nắm chặt yếu quyết, vách đứng vạn nhẫn. Đoạt nhân đoạt cảnh, hun đúc. Tiên nhân, Tam huyền Tam yếu, đào tạo nạn năng, thường ở tại nhà, không ra ngoài đường, chân nhân không ngồi vị ra vào trước mặt quý vị. Hai đường đồng hét, khách chủ rõ ràng, chiếu dụng đồng thời, vốn không trước sau. Hoa ấu đối ảnh, hang rỗng dội thanh, diệu ứng vô cùng, phủi áo xuôi Nam, danh lớn vô cùng. Đông đường kính đợi, bình đồng bát sắt, Hưng Hóa tôn sư đóng của vô ngôn, Tùng già mây trôi, thong dong mặc thích. Nhìn vách chưa mấy. Sắp cạn nguồn thiền, chánh pháp truyền ai, bên lừa mù diệt mất. Viên giác diễn xưa. Đem kiểm điểm lạ, thật không sai sót, chỉ còn tiếng hét, cần phải thương lượng, nhà Thiền đủ mắt chớ nên lếu láo.

Trung thu, năm Canh Tý Tuyên Hòa kính cẩn đề tựa.

SỐ 1985

TRẤN CHÂU LÂM TẾ TUỆ CHIẾU THIỀN SƯ NGỮ LỤC

Tổ sư Tam Thánh Huệ Nhiên biên tập.

Quan phủ Chủ vương Thường Thị cùng với các quan thỉnh sư đăng tòa. Sư thượng đường nói:

- Hôm nay, Sơn Tăng bất đắc mà thuận theo tình người mới lên tòa này. Nếu căn cứ vào việc lớn được xưng dương dưới cửa Tổ Tông thì thật là mở miệng không được chẳng biết đặt chân vào đâu. Hôm nay Sơn Tăng này vì quan Thường Thị tha thiết thưa thỉnh đâu giấu được cương tông!

Ai là kẻ chiến tướng hãy ra ngay đây bàn trận mở cờ trước sự chứng cứ của đại chúng xem nào?

Có ông Tăng hỏi:

- Đại y của Phật pháp là gì?

Sư liền hét. Tăng lễ bái. Sư nói:

- Ông Tăng này biết ăn nói đấy.

Hỏi: Sư xướng khúc hát của nhà ai và nối tiếp tông phong của ai?

Sư đáp: Ta ở chỗ tiên sư Hoàng Bá, ba lần thưa hỏi, ba lần bị đánh.

Tăng ngần ngừ.

Sư liền quát, rồi đánh và nói:

- Không được đóng cọc vào hư không.

Tọa chủ hỏi: Mười hai phần giáo điển của Tam thừa há không phải nói rõ Phật tánh sao?

Sư đáp: Cỏ hoang chưa từng cuốc.

Tọa chủ nói: Phật há đối người sao?

Sư đáp: Phật ở chỗ nào?

Tọa chủ không đáp được.

Sư nói: Trước quan Thường Thị mà toan che mắt lão Tăng. Lui

mau! Lui mau! Để cho người khác hỏi.

Sư lại nói: Pháp hội hôm nay chỉ vì một đại sự, có ai thưa hỏi gì nữa chăng? Mau tới hỏi đi. Các ông vừa mở miệng đã không dính dáng gì. Tại sao như thế? Há chẳng nghe Phật dạy: Pháp lìa văn tự, không thuộc nhân, cũng không phải duyên. Vì ông tin không tới, cho nên ngày nay mới rối bời ra. Quan Thường Thị cùng các quan bị che mờ Phật tánh, chi bằng hãy lui ra.

Sư quát và nói tiếp: Người thiếu tín căn thì không có liễu ngộ. Đứng đã lâu, xin trân trọng. Một hôm Sư đến phủ Hà Bắc, Phủ chủ Vương Thường Thị thỉnh sư đăng tòa. Lúc bấy giờ Ma cốc bước ra hỏi:

- Đại bi ngàn tay ngàn mắt, mắt nào là mắt chánh?

Sư nói: Đại bi ngàn tay ngàn mắt, cái nào là mắt chánh. Nói mau! Nói mau!

Ma cốc kéo Sư xuống tòa, Ma Cốc ngồi lên.

Sư đến gần nói: Không hiểu!

Ma Cốc ngần ngừ. Sư cũng kéo Ma Cốc xuống tòa mà lên ngôi.

Ma cốc liền bỏ đi, Sư liền xuống tòa.

Sư thượng đường nói: Trên khối thịt đỏ lòm kia có một con người chân thật không ngôi thứ thường ra vào trước mặt quý vị, chưa được mọi người chứng nhận thử nói xem. Ai chưa chứng cứ hãy nhìn đi! Nhìn đi!

Bấy giờ có ông Tăng hỏi:

- Thế nào là vị chân nhân không ngôi thứ?

Sư bước xuống tòa nắm vị Tăng lại nói:

- Nói nói!

Tăng suy nghĩ. Sư đẩy ra nói:

- Vị chân nhân không ngôi thứ là que gạt cứt ấy!

Sư liền về phương trượng.

* Sư thượng đường, Tăng ra lễ bái. Sư liền hét. Tăng thưa:

- Hòa thượng chớ thử người.

Ngươi nói ta sơ sót chỗ nào?

Tăng liền hét. Tăng hỏi:

- Thế nào là đại ý Phật pháp.

Sư liền hét.

Tăng lễ bái.

Ngươi nói hét cũng không.

Tăng nói:

- Giặc cỏ thua to rồi.

Lỗi ở chỗ nào?

Nếu tái phạm thì không tha.

* Ngày ấy hai thủ tọa Đông đường, Tây đường gặp nhau cùng nhau hét. Tăng hỏi:

- Có chủ khách không?

Chủ khách rõ ràng.

Sư nói: Đại chúng phải hiểu câu "Chủ khách" của Lâm Tế. Thì hảy hỏi hai tọa chủ trong Tăng đi, Sư liền xuống tòa.

Sư thượng đường, Tăng hỏi:

- Thế nào là dại ý Phật pháp?

Sư dựng phất tử.

Tăng liền hét. Sư đánh.

Sư nói: Hễ là người vì pháp chẳng nề chôn thân mất mạng. Hai mươi năm. Ta ở với Tiên sư Hoàng Bá, ba lần hỏi đại ý Phật pháp, ba lần được Ngài ban gậy, giống như cây cỏ tơi bời. Nay còn nghĩ lại ta cũng muốn nhận đòn như vậy. Ai là kẻ giúp ta được chăng!

Khi ấy có vị Tăng đứng ra thưa:

- Con làm được.

Sư đưa gậy cho Tăng, Tăng toan tiếp gậy. Sư liền đánh.

* Sư thượng đường, Tăng hỏi:

- Sự việc trên đao kiếm là gì?

Sư đáp:

- Xui quá! Xui quá!

Tăng suy nghĩ. Sư đánh.

Tăng hỏi: Chỉ như người trong nhà đá đạp chày giả gạo quên dời chân thì đi về đâu?

Sư đáp: Chìm dưới khe sâu:

Sư hỏi: Hễ có người đến thì không để cho kẻ ấy thiệt thòi, vì ta biết chỗ mà từ đó người ấy đến. Nếu như thế là như vậy đi mất. Nếu không đến như thế thì như không dây mà tự trói, trong tất cả thời chớ có toan tính lung tung. Hiểu hay không hiểu đều là sai. Ta nói rõ ràng mặc cho thiên hạ chê cười. Đứng đã lâu, xin trân trọng!

* Sư thượng đường nói:

- Một người ở trên đỉnh cao chót vót không có lối xuống. Một người ngã tư đường cũng không biết đi ngã nào? Kẻ nào trước, kẻ nào sau? Chớ làm Duy Ma cũng chớ làm Phó Đại sĩ, trân trọng.

Sư thượng đường nói:

- Có một người suốt đời ở ngoài đường mà không rời nhà, có người rời nhà không ở ngoài đường. Người nào đáng được trời người

cúng dường, Sư liền xuống tòa.

* Sư thượng đường tăng hỏi:

Thế nào đệ nhất cú?
Tam yếu mở ra điểm son lệch.
Chẳng cho nghĩ chủ khách phân.
Thế nào đệ nhị cú.
Diệu giải há ngăn gì chỗ hỏi.
Bọt êm đâu lại cản dòng trôi.
Thế nào là đệ tam cú?
Hãy xem rối múa trên sân khấu.
Lôi kéo đều do hẳn tại ngươi.

Một câu phải có đủ tam huyền môn, một huyền môn phải đủ tam yếu, có quyền có dụng, các ông làm sao hiểu?

* Vào buổi chiều Sư đến thăm và dạy chúng:

- Có khi đoạt nhân không đoạt cảnh, có khi đoạt cảnh không đoạt nhân. Có khi nhân cảnh đều đoạt, có khi nhãn cảnh đều không đoạt.

Bấy giờ có ông Tăng hỏi:

Đoạt nhân không đoạt cảnh là gì?
Vầng nhật chiếu quang bầy gấm vóc.
Hài nhi rủ tóc trắng như tơ.
Đoạt cảnh không đoạt nhân là gì?
Vua ban chiếu khắp thiên hạ.
Tướng quân biên giới chẳng tăm hơi.
Nhân cảnh cả hai đều đoạt là gì?
Dứt hết tất cả chỉ tin một.
Nhân cảnh đều không đoạt là gì?
Vua lên điện báo, dân quê hát ca.

Người học đạo thời nay cốt cần kiến giải chân chánh. Nếu đạt được kiến giải dứt sinh tử, đi đứng được tự do, không mong cầu thù thắng mà thù thắng tự đến.

Chư huynh đệ, như tiên đức từ xưa đều có con đường nào đó cho người, cũng như Sơn Tăng ngày nay muốn chỉ dạy người. Chỉ cần các ông đừng nhận sự mê hoặc của người khác, muốn dùng thì dùng đừng nghi ngờ. Nay người học không biết bệnh tại chỗ nào? Bệnh là ở chỗ chưa đủ lòng tin. Nếu các ông không biết tự tin thì hoang mang ngay. Cứ theo sự chuyển đổi của vạn cảnh thì bị vạn cảnh chuyển đổi lại lúc nào cũng mong cầu, không được tự do. Các ông nếu dứt được cái tâm thì cùng với Phật Tổ, giống nhau. Các ông muốn hiểu được Phật Tổ

chăng?

Kẻ nghe pháp trước mặt các ông đây là đấy vậy. Người học chưa đủ lòng tin mà tìm cầu bên ngoài, dù tìm cầu được cũng là mặt nổi của văn tự, hoàn toàn họ không sống được với tổ ý. Chớ lầm, này các Thiền đức! Lúc này không gặp được thì ngàn kiếp vạn đời luân hồi trong ba cõi, cứ theo cảnh dẫn thì sinh vào bụng của bò lừa.

Chư huynh đệ, sơn tăng quan niệm cùng với Phật Thích-ca giống nhau. Ngày nay có lắm chỗ dùng có thiếu gì đâu? Sáu đường thần quang chưa từng luống uổng. Nếu thấy được như thế thì mới là người suốt đời thong dong.

Chư huynh đệ, ba cõi không an, giống như nhà lửa, ở đây không phải chỗ an thân lập mạng của các ông. Sát quỷ vô thường trong khoảng sát na, không kể sang hèn già trẻ. Các ông muốn được như Phật, Tổ, chỉ đừng tìm cầu bên ngoài. Ánh sáng Thanh tịnh nơi nơi một niệm tâm của các ông chính là vị Phật pháp thân ở trong nhà của các ông.

Ánh sáng vô phân biệt nơi một niệm tâm của các ông là Phật báo thân trong ngôi nhà của ông.

Ánh sáng vô sai biệt ở nơi một niệm tâm Thanh tịnh của các ông chính là vị Phật hóa thân ở trong nhà các ông.

Ba thân này chính là người đang nghe pháp ở trước mặt các ông đây vậy, chỉ cần các ông không cầu bên ngoài thì sẽ có được dụng ấy.

Cứ theo các Kinh luận gia nhận thì ba thân là điểm cùng tột, còn theo chỗ thấy của Sơn Tăng thì ba thân này không phải như vậy. Ba thân ấy chỉ là danh ngôn, vì còn nương vào ba thân. Người xưa nói rằng: Thân nương nghĩa mà lập, là chỗ căn cứ vào thể mà luận. Thân pháp tánh và đất pháp tánh, hiểu rõ ra chỉ là bóng sáng vậy. Đại đức, các ông nên biết nhận thân nào làm bóng sáng thì thân đó là nguồn gốc của Chư Phật, khắp nơi là chỗ về nhà của các đạo lưu. Sắc thân bốn đại này không thể nghe pháp, nói pháp, phổi gan tỳ vị không thể nghe pháp, nói pháp, hư không cũng như vậy. Nghe pháp nói pháp đó, cái đó rõ ràng trước mắt ông chính Phật tánh thì Phật tánh này nghe pháp. Nếu như thấy được điều này thì cùng Phật tổ gióng nhau. Nếu trong tất cả thời không gián đoạn thì nhìn đâu cũng đúng, chỉ vì tình sinh trí cách, thể thay đổi khác đi, cho nên luân hồi trong ba đường chịu nhiều đau khổ. Theo chỗ thấy của sơn tăng thì cái gì cũng đều nhiệm mầu, đều giải thoát.

Chư huynh đệ, tâm pháp vô hình thông cả mười phương. Tại mắt gọi là thấy, tại tai gọi là nghe, tại mũi là ngửi, tại miệng đàm luận, tại

tay cầm nắm, tại chân chạy nhảy, vốn là một tinh minh sinh ra sáu hòa hợp. Một tâm đã không thì ở đâu cũng giải thoát. Sơn tăng đã nói như vậy ý ở chỗ nào? Chỉ vì các ông dong ruỗi tìm cầu bên ngoài chưa dứt, cứ bám vào cơ cảnh không đâu của người xưa.

Chư huynh đệ, hãy theo chỗ thấy của Sơn Tăng ngồi dứt báo thân, hóa thân Phật, Thập địa mãn tâm cũng giống như khách, Đẳng giác, Diệu giác là kẻ mang gông cùm, La-hán, Bích-chi như phẩn tiểu, Bồ-đề Niết-bàn như cọc đóng lừa, tại sao thế? Chỉ vì chư huynh đệ chưa đạt được kiếp không trong ba a-tăng kỳ, cho nên mới có các chướng ngại. Nếu là đạo nhân chân chánh, thì hoàn toàn không phải như vậy. Chỉ nên theo duyên mà làm tiêu được nghiệp củ, tự do mặc áo, muốn đi thì đi, muốn ngồi thì ngồi, không còn một niệm mong cầu quả Phật, Cớ sao như vậy? Người xưa nói:

- Nếu thế mà người ta cứ toan lăng xăng bên nhà hàng xóm mà muốn tạo nghiệp tìm câu Phật thì Phật là điềm lớn sinh tử".

Này các Đại đức, thời gian đáng quý, học thiền, học đạo, nhận danh, nhận cú, cầu Phật tổ tìm thiện tri thức giúp cho. Này các Đại đức, các ông có cha mẹ còn tìm cầu cái gì nữa? Ông hãy nhìn lại mình xem. Người xưa nói:

- Diễn Nhã Đạt Đa mất đầu, khi tâm mong cầu dứt, tức là vô sự. Đại đức hãy cứ bình thường đừng khách sáo. Có một bọn không biết tốt xấu, làm điều xằng bậy, giả dối chỉ Đông vẻ Tây, nói tạnh cầu cầu mưa. Những hạng người này cuối cùng đành mang nợ, có ngày vua Diêm vương cho nuốt hòn sắc nóng. Ưa thích nam nữ nhà người, bị bọn tinh ma dã hồ lôi cuốn làm kỳ làm quái. Bọn người ấy có ngày bị đòi tiền cơm

* Sư dạy chúng:

- Chư huynh đệ, điều quan trọng là cầu cho được kiến giải chân chánh để ứng phó trong thiên hạ, khỏi bị bọn tinh ma đó làm mê. Làm người vô sự là quý nhất, đừng tạo tác. Các ông tìm toan hướng cầu kỷ xảo ở nhà hàng xóm là sai rồi. Chỉ toan cầu Phật, Phật là danh cú. Các ông còn muốn tìm cầu nữa chăng? Phật Tổ xuất hiện ba đời mười phương cũng chỉ là cầu pháp. Các huynh đệ tham cứu học cũng chỉ là cầu pháp, được pháp mới thôi. Chưa được thì phải chịu luân hồi trong năm đường.

Thế nào là pháp?

Pháp ấy là tâm pháp, tâm pháp thì vô hình trong suốt mười phương, diệu dụng trước mắt. Người chưa tin nổi nên nhận danh cú, tìm ý nghĩa

Phật pháp trong văn tự, thật là sai khác như trời với đất. Chư huynh đệ, Sơn Tăng nói là nói pháp gì? Pháp ấy là tâm địa pháp để vào Thánh, vào phàm, vào sạch dơ, vào chân, vào tục của các ông mà đặt tên đặt chữ cho hết thảy mọi phàm, Thánh, chân tục. Các phàm, Thánh chân tục đặt tên đặt chữ cho người ấy không được đâu.

Chư huynh đệ, nắm được như thế thì chẳng chấp trước vào danh tự. Đó gọi là huyền chỉ. Sơn Tăng nói pháp không như thiên hạ. Nếu như có Văn-thù, Phổ Hiền đến đây hiện thân hỏi pháp, vừa thưa Hòa thượng, thì ta đây đã biết rồi. Lão Tăng này ẩn cư khi có người đến gặp, thì ta đã rõ hết rồi. Như vậy là sao? Vì chỗ thấy của ta thấy khác, ngoài không chấp phàm Thánh, trong không trụ vào gốc gác, thấy rõ hết, chẳng nghi lầm vậy.

* Sư dạy chúng:

- Chư huynh đệ, Phật pháp không có chỗ dụng công, chỉ bình thường vô sự, đi tiêu, đi tiểu, mặc áo, ăn cơm, mệt thì nằm nghỉ. Người ngu cười ta, người trí mới biết được ta. Người xưa nói:

- Hạ thủ công phu bên ngoài đều là kẻ ngu si, ông nên tùy chỗ làm chủ đi! Lập xứ đều là chân, cảnh không lôi cuốn được. Dù cho có lập khí và Ngũ vô gián nghiệp từ xưa đi nữa, thì nó cũng giải thoát khỏi biển lớn. Học giả thời nay đều không biết pháp, giống như dê húc càn đụng vật gì cũng bỏ vào miệng, tớ chủ chẳng rõ, khách chủ chẳng phân. Hạng người này tâm tà vào đạo, gặp chỗ ồn thì vào, không được gọi là người chân chánh xuất gia, mà chính là người thế tục. Phàm người xuất gia, phải biết được kiến giải chân chánh bình thường, biết được Phật ma, chân ngụy, biết được phàm Thánh. Nếu biết được như vậy gọi là chân xuất gia. Nếu ma Phật không biết được chính là ra một nhà vào một nhà, đó gọi là chúng sinh tạo nghiệp không thể gọi là hàng xuất gia chân chánh. Ví như Phật và ma giống nhau không thể phân biệt được, như nước hòa với sữa, ngỗng chúa uống sữa. Như người học đạo có mắt sáng, thì Phật đánh cả lẩn ma. Nếu như các ông yêu Thánh ghét phàm thì cứ mãi nổi chìm trong biển sinh tử.

* Thế nào là ma và Phật?

Một niệm còn nghi là ma. Nếu ông đạt được muôn pháp vô sinh, tâm như huyễn hóa, không còn một trần, một pháp, khắp nơi đều Thanh tịnh là Phật. Nhưng Phật, ma là hai cảnh giới nhiểm, tịnh. Chỗ thấy Sơn Tăng này không có Phật, không có chúng sinh, không xưa, không nay, được là được không qua thời gian và cơ hội, không tu, không chứng, không được, không mất. Trong tất cả thời không pháp phân biệt, dù

người còn một pháp tôi cũng nói như mộng như huyễn, Sơn Tăng nói đều là đúng. Đạo lưu, người nghe đó là Phật tánh rõ ràng trước mắt ông, người này khắp nơi đều không ngăn ngại, thông cả mười phương, ba cõi tự tại. Vào tất cả cảnh sai khác mà không bị cảnh chuyển, trong một sát na thông nhập cả tam giới, gặp Phật nói Phật, gặp Tổ nói Tổ, gặp La Hán nói La Hán, gặp ngạ quỷ nói ngạ quỷ. Dạo khắp nơi trong cõi nước giáo hóa chúng sinh chưa lìa một niệm, tùy theo chốn Thanh tịnh thông cả mười phương, muôn pháp nhất như. Huynh đệ, đại trượng phu hôm nay mới biết xưa nay vô sự, vì ông chưa đủ lòng tin, niệm niệm dong ruổi tìm cầu, bỏ đầu này tìm đầu nọ không thể dừng được. Như Bồ-tát Viên giáo và Đốn giáo vào pháp giới mà hiện thân, hương về cõi tịnh độ, ghét phàm ưa Thánh. Hạng người này chưa quên nắm bỏ, tâm còn nhiễm tịnh. Theo kiến giải của Thiền tông thì không như vậy, ngay hiện tại không có lúc nào hết. Những điều Sơn Tăng nói đều là thuốc trị bệnh tạm thời, không phải pháp thật. Nếu thấy được như vậy là xuất gia chân chánh, thì một ngày tiêu muôn lượng vàng ròng.

Chư huynh đệ, bị các ông Thầy già ở khắp nơi phá hư mày mặt mà nói ta đây hiểu thiền, hiểu đạo biên giải cao xa như thế, đều là tạo nghiệp địa ngục. Nếu là người học đạo chân chánh không cầu vượt quá thế nhân mà điều cần thiết là cầu được kiến giải chân chánh. Nếu hiểu được kiến chân chánh cho tròn đầy sáng sủa thì mới xong.

* Kiến giải chân chánh là gì?

Nếu ông cứ vào phàm Thánh, vào nhiễm tịnh, vào cõi nước Chư Phật, lầu các Di-lặc, pháp giới Tỳ lô giá na, đâu đâu cũng đều hiện thành, trụ, hoại, không. Khi Phật ra đời chuyển đại pháp luân liền nhập niết bàn, không thấy có tướng đến, đi chi cả, tìm cái sinh tử cũng, liền vào pháp giới vô sinh, dạo khắp cõi nước, vào pháp giới hoa tạng, thấy rõ tướng không của các pháp tất cả đều không thật, chỉ có đạo nhân Vô y nghe pháp, là mẹ của Chư Phật mà thôi. Cho nên Phật sinh ra từ Vô y. Nếu ngộ Vô y thì Phật cũng vô đắc. Nếu thấy được như thế, là kiến giải chân chánh. Người học không hiểu bèn chấp vào danh cú, họ bị danh từ phàm Thánh làm ngăn ngại, cho nên làm chướng ngại trí tuệ không được rõ ràng còn mười hai phần giáo đều là biểu hiện. Người học không hiểu liền hướng vào danh cú mà sinh kiến giải đều là nương tựa cả phải rơi vào nhân quả, chịu sinh tử trong ba cõi. Nếu các ông muốn thoát được sinh tử, đi lại tự do, thì ngay đây biết được người đang nghe pháp không hình, không tướng, không căn, không gốc, không chỗ ở linh hoạt tươi mát. Ứng vào vạn loại mà làm chỗ dùng chỉ là không chỗ, cho

nên càng tìm càng xa, càng cầu thì trái, gọi là bí mật.

Chư huynh đệ, các ông chớ nhận người bạn mộng huyễn, lâu mau gì cũng về vô thường mà thôi. Ông hướng vào trong thế giới này, tìm cái gì làm giải thoát? Tìm kiếm lấy miếng cơm mà ăn, tấm áo mà mặc cho qua ngày. Rồi nên tìm học bậc thiện tri thức, chớ đuổi theo dục lạc. Thời giờ đáng quý, niệm niệm vô thường: thô thì đất, nước, gió, lửa bức bách; tế thì bị bốn tướng: thành, trụ, hoại, diệt bức bách. Huynh đệ, nay phải biết lấy bốn loại cảnh tướng vô tướng mới khỏi bị cảnh xô đẩy.

Bốn loại cảnh vô tướng là gì?

Trong một niệm mà các ông tâm các ông nghi thì bị đất ngăn ngại. Trong tâm một niệm ái thì bị nước nhận chìm. Trong một niệm tâm mà các ông sân thì bị hai hỏa thiêu đốt. Trong một niệm tâm mà các ông có hỷ thì bị gió đẩy đưa. Nếu rõ được như vậy thì cảnh nào cũang dùng được. Khắp nơi đều là sử dụng cảnh, Đông nổi Tây chìm, Nam nổi Bắc chìm.

Đi trên nước như đi trên đất, đi trên đất như đi trên nước. Vì đạt được bốn đại như mộng huyễn.

Chư huynh đệ, nay các ông hãy biết rằng người đang nghe pháp là không phải bốn đại mà các ông có thể dùng. Nếu thấy được như vậy, thì mới được tự do qua lại. Theo quan niệm của Sơn Tăng thì chớ nghi một pháp nào. Nếu các ông ưa Thánh, thì Thánh đó chỉ là tên gọi "Thánh". Có một số người học hướng vào núi Ngũ Đài mà tìm Văn-thù thì đã sai lầm vậy. Vì núi Ngũ Đài không có Ngài Văn-thù. Ông muốn biết Văn-thù chăng? Chính là chỗ thường dùng trước mặt các ông vậy. Trước sau không khác, các nơi không nghi đây là Văn-thù sống. Không có một niệm sai khác thì đâu đâu cũng là Phổ Hiền thật sự. Trong một niệm tâm tự mở trói, thì đâu đâu cũng giải thoát đây là Pháp Tam-muội của Quan âm, cùng nhau làm chủ, làm bạn, thì cùng lúc xuất hiện, một là ba, ba là một. Hiểu được như thế mới nên xem được giáo.

Sư dạy chúng:

- Hiện nay, người học đạo phải tự tin, chớ tìm bên ngoài, đều là trần cảnh khác không biết được tà chánh. Bởi vì tất cả cảnh bên ngoài đều vô giá trị, đều chẳng phân biệt được tà chánh. Có Phật, có Tổ đều là việc trong giáo tích. Có người đưa ra một câu, hoặc ẩn hoặc hiện mà ra, thì liền nghi, xem trời chiếu đất, hỏi han hàng xóm cũng rối ren lắm vậy. Bậc đại trượng phu chớ chỉ hết ngày bàn chủ, bàn giặc, bàn phải, trái, bàn tài, bàn sắc, bàn chuyện không đâu.

Sơn Tăng này ở đây không luận Tăng hay tục. Hễ có người đến

thì ta biết rõ hết được y rồi. Dù y từ đâu đến. Hễ có thanh danh, văn cú thì đều là mộng huyễn. Thấy được cái người cỡi lên trên cảnh thì đó là huyền chỉ của Chư Phật. Cảnh Phật không tự nói rằng nó là cảnh của Phật cảnh chính là, đạo nhân vô y nương vào đó mà ra thôi. Nếu có người đến hỏi cầu Phật, Ta liền đáp vào cảnh giới Thanh tịnh mà đưa ra. Có người hỏi ta về Bồ Tát, Ta đáp xuất phát từ "Từ bi". Có người hỏi ta về Bồ-đề, ta đáp xuất phát từ cảnh giới Diệu tịnh. Có người hỏi Ta về Niết bàn, thì Ta liền ứng cảnh giới tịch tĩnh mà đưa ra. Cảnh thì tất cả đều khác, người thì không khác, cho nên ứng vật hiện hình như trăng trong nước.

Chư huynh đệ, nếu ông muốn đúng pháp, phải là bậc đại trượng phu mới được. Còn nếu lây dây thì không thể được. Như chiếc thố thì không thể đựng đề hồ, phải bình thật to. Không nên để người làm mê hoặc, tùy theo chỗ làm chủ ứng xử đều chân. Nhưng có người đến thì không được nhận. Các ông còn một niệm nghi chỉ là ma vào tâm. Khi Bồ Tát mà nghi thì ma sinh tử thắng. Chỉ cần dứt được vọng tình không tìm cầu bên ngoài, vật đến liền chiếu soi. Hễ các ông tin vào dụng ngay đây thì một sự cũng không có. Nếu một niệm sinh tâm ba cõi, thì theo duyên, theo cảnh, chia thành sáu trần. Chỗ ứng dụng ngay đây của các ông thiếu cái gì, trong một sát na liền vào sạch, dơ, vào lầu đài Di-lặc, vào cõi nước Tam nhãn. Đi khắp đó đây chỉ thấy tên suông.

Thế nào la Tam nhãn quốc độ?

Ta cùng ông vào cõi nước Tịnh- Diệu, mặc áo Thanh tịnh, nói pháp thân Phật; vào trong cõi không sai khác, mặc áo vô sai biệt nói báo thân Phật; vào trong cõi nước giải thoát, mặc áo quang minh, nói hóa thân Phật. Cõi nước Thanh tịnh này đều là "y biến".

Theo các nhà kinh luận, nhận pháp thân làm căn bản. Báo thân Hóa thân là dụng. Sơn Tăng quan niệm Pháp thân không phải là pháp giải thoát. Cho nên người xưa nói:

- Thân nương vào nghĩa mà lập, độ căn cứ theo thể mà luận", pháp tánh thân và pháp tánh độ, biết rõ là pháp kiến lập, ý nương vào khắp các quốc độ. Như nắm tay không, mớ lá vàng dùng để lừa con nít khóc. Trong trái tật lệ lê gai ấu, xương khô tìm được chút nhựa nào đâu? Ngoài tâm không có pháp, trong tâm cũng thể đắc, vậy thì cầu vật gì.? Các nơi nói đạo có tu có chứng, không sai. Giả sử có người tu đắc đều là nghiệp sinh tử. Ông nói sáu độ vạn hạnh đều là tu, theo tôi đều là tạo nghiệp. Cầu Phật, cầu pháp là tạo nghiệp địa ngục, châu Bồ Tát cũng là tạo nghiệp địa ngục. Phật và Tổ sư là người vô sự, cho nên hữu lậu

vô vi, vô lậu vô vi là nghiệp Thanh tịnh. Có một số người ngu ngốc, ăn no ngồi thiền, quán hạnh trì giữ niệm lậu không cho sinh khởi. Chán ồn náo cầu tịch tĩnh là pháp ngoại đạo. Tổ sư nói:

- Nếu ông ngưng tâm quán tịnh, đem tâm chiếu soi bên ngoài, nhiếp niệm Thanh tịnh, tập trung nhập định, những hạng người như thế đều là tạo tác. Các người đang nghe pháp cùng các ông ngay đây làm sao mà tu chứng được và trang nghiêm hắn được? Đây là thứ không thể tu chứng được, không thể trang nghiêm được. Nhưng nếu dạy hắn trang nghiêm, thì tất cả vật đều có thể trang nghiêm được. Các ông chớ lầm!

Chư huynh đệ, các ông cớ nắm lấy lời lẽ nơi miệng của một số lão sư, mà cho là đạo chân chánh, cho thiện tri thức, là không thể nghĩ bàn. Và cho rằng mình là tâm phàm phu, không dám so với các bậc tôn túc ấy. Đồ ngu si! Các ông nếu cả đời có kiến giải như vậy thì cô phụ đôi mắt này quá.

Thật là giống như lừa ngựa đứng run lập cập trên băng lạnh. Tôi không dám chê các bậc thiện tri thức sợ mắc khẩu nghiệp.

Chư huynh đệ, phải là bậc đại thiện tri thức mới dám hủy báng Phật. Thiên hạ, bài báng chê bai Tam tạng giáo điển, la mắng bọn con nít, tìm người trong thuận nghịch. Cho nên ta đây trong mười hai năm chỉ cầu kiến tánh dù nhỏ như hạt cải còn chẳng được. Nếu như Thiền sư mới ra lò thì e đuổi ta ra khỏi chùa, không cho ăn cơm. Thật chẳng an vui gì! Các vị tiền bối xưa kia đến mà người ta không tin, bị đuổi ra mới biết là quý. Nhưng nếu người ta tin chịu hết thì làm gì được? Cho nên, sư tử rống lên thì dã can long óc.

Chư huynh đệ, khắp các nơi đều nói có đạo có thể tu, có pháp có thể chứng. Vậy các ông hãy nói cho ta chứng pháp gì, tu đạo gì? Chỗ dùng ngay đây của các ông có thiếu vật gì đâu? Thêm chỗ nào? người sau không hiểu? Lại tin theo bọn ma quỷ chồn hoang ấy, mà để cho họ nói ra những điều trói buộc người. Nói lý hạnh tương ưng, giữ gìn tam nghiệp mới được thành Phật. Kẻ nói như thế giống như mưa phùn mùa xuân. Người xưa nói:

- Đi đường gặp người đạt đạo, quyết chẳng nói về đạo.

Cho nên nói:

- Nếu người tu đạo, đạo không hành vạn thứ cảnh tà đua khởi sinh gươm trí đưa ra không một vật, chưa bừng phía sáng, thì phía tối đã nổi lên. Cho nên người xưa nói:

-"Tâm bình thường là đạo".

Đại đức tìm vật gì, vị đạo nhân vô y đang nghe pháp trước mặt các

ông, đây rõ ràng chưa từng thiếu. Nếu các ông muốn cùng Phật giống nhau thì hãy thấy như vậy, chẳng nên nghi ngờ. Tâm các ông không khác gọi là Tổ sống, tâm mà có khác thì tánh và tướng khác nhau. Do tâm không khác nên tánh và tướng không khác.

Chỗ không khác của các tâm là gì?

Sư đáp:

- Ông toan hỏi thì đã khác rồi. Tánh và tướng đã sai khác. Huynh đệ chớ lầm! Các pháp thế và xuất thế hoàn toàn không có tự tánh, cũng không có sinh tánh, đó chỉ là tên suông, danh tự cũng rỗng không nốt. Các ông cứ nhận cái danh hờ ấy mà cho là thật thì quá sai lầm vậy.

Nếu có thì đều là cảnh biến cả, có cái y cứ.

Bồ-đề, cái y cứ Niết-bàn, cái y cứ giải thoát, cái y cứ tam thân, cái y cứ cảnh trí, cái y cứ Bồ Tát, cái y cứ Phật, các ông tìm chi trong quốc độ y biến? Cho đến mười hai phần giáo điển của tam thừa giao đều là giấy để lau đồ bất tịnh. Phật là thân huyễn hóa, Tổ lả là lão Tỳ-kheo, còn cho đây là mẹ nữa chăng, các ông? Nếu cácc ông cầu Phật thì bị ma Phật nắm, nếu ông cầu Tổ thì bị ma Tổ trói, nếu ông cầu thì đều là không, chi bằng hãy vô sự.

Có một nhóm Tỳ-kheo ngu si nói với người học đạo rằng, Phật là cứu cánh tu hành viên mãn trong ba đại A-tăng-kỳ kiếp mới được thành Phật. Nếu các ông nói Phật là cứu cánh, tại sao năm tám mươi tuổi Ngài nhập Niết-bàn tại Song lâm Câu-thi- na? Nếu các ông nói ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp là Phật, thì Chuyển Luân Thánh Vương cũng là Như Lai ư? Nên biết rằng đây là huyễn hóa. Người xưa nói:

Như Lai mang thân tướng.
Vì thuận theo thế nhân tình
Sợ người sinh đoạn kiến
Mà tạm lập hư danh.
Giá nói ba mươi hai tướng
Tám mươi vẻ đều không.
Có thân phi giác thể
Không tướng mới chân hình.

Các ông nói Phật có lục thông không thể nghĩ bàn, thế thì tất cả Chư thiên, Thần, Tiên, A-tu-la, đại lực quỷ cũng có thần thông đều là Phật sao? Chư hành giả chớ lầm. Như A-tu-la và Thiên Đế Thích đánh nhau, A-tu-la thua ra lệnh tám vạn bốn ngàn quyến thuộc chui vào trong lỗ cọng sen trốn, không phải là Thánh sao? Những điều Sơn Tăng đưa ra đều là nghiệp thông và Y thông. Còn như lục thông của Phật thì không

như vậy. Vào sắc giới không bị sắc giới mê hoặc, vào thanh giới không bị thanh mê hoặc, vào hương giới không bị hương giới mê hoặc, vào xúc giới không bị xúc mê hoặc, vào pháp giới không bị pháp giới mê hoặc. Cho đến đạt được sáu thứ: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp đều là không tướng, không thể trói buộc được đạo nhân vô y này. Tuy là lậu chất của năm uẫn mà cũng chính là địa hành thần thông. Chư nhân giả! Phật thật không hình, pháp thật không tướng. Các ông cứ vin vào huyễn hóa mà làm này, làm nọ thì dù có cầu được cũng là bọn chồn hoang tinh mị, không phải là Phật, thật đó là kiến giải ngoại đạo. Nếu người học đạo chân thật thì không chấp Phật, Bồ Tát, La Hán, không chấp nhận sự thù thắng ba cõi, thản nhiên không bị cảnh trói buộc. Dù trời đất đảo lộn ta cũng không nghi. Mười phương Chư Phật hiện ra trước mắt, ta cũng không có tâm vui mừng. Ba đường địa ngục bỗng hiện, ta cũng không sợ hãi. Do nhân duyên nào được như thế? Bởi ta thấy được không tướng của các pháp do biến thì có, không biến thì không. Nên nói:

- Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức", cho nên đều như hoa đóm giữa hư không như mộng huyễn thì hơi đâu mà nắm bắt. Chỉ còn một người nghe pháp hiện ở trước mặt các ông đây, vào lửa không cháy, vào nước không chìm, vào tam đồ địa ngục như đi ngoạn cảnh trong vườn, vào ngạ quỷ, súc sinh không chịu quả báo. Vì sao? Vì không còn một pháp nghi ngờ. Nếu ông còn mến Thánh ghét phàm, thì bị chìm nổi trong biển sinh tử, phiền não do tâm mà có, vô tâm thì phiền não trói buộc cái gì? Đâu nhọc sức phân biệt chấp tướng, thì tự nhiên được đạo. Các ông toan học lung tung bên hàng xóm cho được thì suốt trong ba A-tăng-kỳ kiếp rốt cuộc cũng trở về sinh tử. Chi bằng vô sự tréo chân từ các nơi trong chốn ltòng lâm.

Này các đạo lưu! Như có người đến, chủ khách gặp nhau, liền đưa ra một câu để phân biệt Thiện tri thức bị người học đưa ra một câu có tính thăm dò xem vị này có hiểu không. Nếu các ông biết đó là cảnh, liền đem ném vào hố. Người học cho là tầm thường, sau đó mới yêu cầu Thiện tri thức nói. Thiện tri thức cũng đoạt như trước. Bấy giờ người học mới nói:

- Thật là bậc thượng trí! Khi ấy đại thiện tri thức liền nói:

- Ông thật không biết tốt xấu gì cả! Thiện tri thức đưa ra một khối cảnh trước mặt người học để đùa lộng, người học biết được cứ một mực làm chủ, không bị cảnh ấy mê hoặc. Thiện tri thức liền hiện nửa thân, người học liền quát. Thiện tri thức dùng ngôn ngữ sai biệt để tấn công. Người học nói:

- Lão ngu si không biết tốt xấu gì.

Thiện tri thức khen: "Thật là bậc đạo lư chân chánh. Còn như thiện tri thức các nơi không biết được tà chánh, người học đến hỏi về Bồ-đề, Niết bàn, cảnh trí, của tam thân lão Thầy mù giải cho họ, bị những người ấy mắng cho, liền lấy gậy đánh họ mà nói:

- "Đồ vô lễ", chính là bọn thiện tri thức không có mắt nhìn thấy họ. Có một nhóm người ngu si không biết tốt xấu, chỉ Đông vẽ Tây, nói tạnh nói mưa, nói đèn nói cột. Cứ xem lông mày có bao nhiêu sợi thì có bao nhiêu thứ để nói ra này nọ. Người học không hiểu đến nổi cuồng cả tâm. Hạng người như vậy đều là hạng tinh quái chồn hoang bị người học chê cười, bảo rằng: "Lão mù làm mê loạn người ta".

Này các đạo lưu! Kẻ xuất gia cần phải học. Như Sơn Tăng này đây trước kia còn để tâm đến giới luật, cũng đã từng nghiên cứu kinh luận, sau mới biết đó chỉ là phương thuốc cứu đời, là sự thuyết giảng biểu lộ ra thôi, bèn dứt bỏ đi ngay mà tham thiền học đạo. Về sau đó gặp bậc thiện tri thức, mắt đạo mới bừng sáng, biết rõ chánh tà của họ. Không phải sinh ra mà liền biết được mà phải nghiên cứu tập luyện rồi một mai tự tỉnh ngộ.

Này các đạo lưu! Các ông muốn được kiến giải chân chánh thì đừng sợ mê hoặc, quay vào trong, quay ra ngoài, gặp thì giết đó. Gặp Phật giết Phật, gặp Tổ giết Tổ, gặp La- hán cũng giết, gặp cha mẹ giết cha mẹ, gặp người thân cũng giết người thân. Như thế mới được giải thoát, không bị vật trói buộc, thấu thoát tự tại. Như người học các nơi đến học, chưa có ai cứ vào vật. Nơi Sơn Tăng khởi đầu là đánh: từ tay đến thì đánh nơi tay, từ miệng ra thì đánh nơi miệng, từ mắt ra thì đánh nơi mắt, chưa từng có một người nào thoát khỏi thế cả, đều là những người dựa vào cơ cảnh suông của người xưa cả. Sơn Tăng này chẳng cho người ta một pháp nào hết chỉ là trị bệnh và mở trói. Các đạo lưu! Các ông thử đừng y cứ vào vật mà ra đây ta muốn cùng các ông thương lượng. Mười năm, mười năm cũng không có một người cả đều là tinh mị chồn hoang, ma quái nương tựa vào cây cỏ, cứ cạp loạn mấy đống phân. Thật là lũ mù, uổng phí tín thí mười phương, bảo rằng mình là kẻ xuất gia, với loại kiến giải như vậy thì các ông biết: không Phật, không có pháp, không có tu, không có chứng, thế thì toan cầu gì ở bên hàng xóm?

Này các đạo lưu! Chỗ dùng ngay trước mắt các ông đây cùng với Phật Tổ không khác. Chỉ vì ông không tin như thế mà cứ tìm cầu bên ngoài. Chớ lầm bên ngoài không có pháp, bên trong cũng không

thể đắc. Nếu các ông chấp vào lời nói nơi miệng của Sơn Tăng, thì chỉ bằng thôi đi, vô sự là hơn. Đã khởi rồi thì đừng tiếp tục, còn chưa khởi thì đừng để cho khởi lên. Được như vậy thì bằng mười năm hành cước. Theo quan niệm của Sơn Tăng này thì không giống như người khác, cứ việc bình thường ăn cơm, mặc áo vô sự qua ngày. Các ông ở khắp nơi đến đây để có tâm cầu Phật pháp, cầu giải thoát, cầu ra khỏi ba cõi. Lũ ngu, các ông muốn ra khỏi ba cõi mà đi đâu? Phật Tổ đều là danh cú ràng buộc. Các ông muốn biết ba cõi không? Ba cõi không lìa tâm đang nghe pháp của các ông, tâm các ông tham là Dục giới, tâm ông sân là Sắc giới, các ông có một niệm tâm si là Vô sắc giới. Trong tâm các ông có đủ. Ba cõi không tự nói chúng là ba cõi, chính là người đang chiếu rõ vạn vật và đo đạc thế giới ngay trước mặt các ông đây là kẽ đặt tên cho ba cõi.

Các Đại đức! Sắc thân bốn đại là vô thường, cho đến tỳ, vị, gan, mật, tóc, lông, răng, móng cũng chỉ thấy ra các pháp là không tướng. Tâm ông dừng vọng tưởng gọi là Bồ-đề, tâm ông không buông được vọng gọi là vô minh. Vô minh không có trước sau. Nếu một niệm tâm mà các ông không dừng được thì đó là vô minh, liền vào sáu đường, bốn loài, mang lông đội sừng, nếu các ông dứt được thì thân giới Thanh tịnh, là tâm Bồ-đề. Thần thông biến hóa trong ba cõi, ý sinh thân hóa thân vui thiền vui pháp là ánh sáng của thân tự chiếu. Nghĩ đến mặc thì ngàn lớp gấm lụa, nghĩ đến ăn thì đầy đủ trăm vị, liền không bệnh hoạn. Bồ-đề không có chỗ trụ, nên không có người đắc.

Chư huynh đệ! Bậc đại trượng phu còn nghi gì nữa! Chỗ dụng trước mắt là ai? Nắm được là dùng, chớ chấp vào chữ nghĩa thì đấy là huyền chỉ. Người xưa nói:

Tâm theo vạn cảnh chuyển
Chỗ chuyển thật u huyền
Theo dòng nhận được tánh
Không vui cũng không sầu.

Chư huynh đệ! Theo kiến giải của Thiền tông thì sống chết là tự nhiên thôi. Người tham thiền phải cẩn thận. Như chủ khách gặp nhau, luận bàn qua lại, hoặc ứng vật hiện hình, hoặc tác dụng toàn thể, hoặc cơ huyền hỷ nộ, hoặc hiện nửa thân, hoặc cởi sư tử, hoặc cởi voi chúa. Nếu có người học chân chánh đến liền hét, rồi đưa chậu keo, thiện tri thức không hiểu được cảnh, rồi trên cảnh ấy bày vẻ đủ thứ, người học liền hét, trước mặt thiện tri thức không chịu buông ra, đây là bệnh quá nặng không có thuốc chữa được gọi là khách khán chủ. Hoặc là thiện tri

thức không đưa vật ra, chỉ tùy theo chỗ của người học mà đoạt. Người học bị đoạt, liều chết chớ không buông, đấy là chủ khán khách. Hoặc có người học đưa ra cảnh Thanh tịnh trước mặt thiện tri thức, thiện tri thức biết được là cảnh liền ném vào hố. Người học nói thật tốt, thiện tri thức liền nói: “Thật là Thiện tri thức hay giỏi”. Vị Thiện tri thức mới nói:

- “Ôi! Chẳng biết tốt xấu gì!”. Người học liền lễ bái, đây gọi là “Chủ khán chủ”. Hoặc có người học mang gông đeo cùm ra trước thiện tri thức, thiện tri thức đeo thêm lớp gông cùm nữa. Người học vui mừng, đó đây không hiểu, gọi là “Khách khán khách”.

Những điều Sơn Tăng đã đưa ra là để rõ ma quái, lọc lừa kỳ dị mà biết chánh tà.

Chư nhân giả! Thật là khó quá Phật pháp u huyền, hiểu được tàm tạm mà thôi. Sơn Tăng này cả ngày nói toạt ra hết, người học hoàn toàn không hiểu ý, ngàn vạn lần gót chân đạp lên, rõ chỗ tốt tăm vì không có hình đoạn, sáng rỡ mồn một. Vì người tin không nổi liền hiểu trên danh cú. Đến năm mươi tuổi chỉ phiền hàng xóm khiêng xác chết mà đi, gánh đòn gánh chạy khắp nơi, có ngày bị đòi tiền giầy đấy.

Chư Đại đức! Sơn Tăng nói bên ngoài không có pháp, người học không hiểu, liền quay vào trong mà sinh kiến giải. Bèn tựa vào tường mà ngồi lưỡi chấm lên nướu, lặng yên bất động cho đây là Phật pháp của Tổ tông thật là sai lầm. Nếu các ông chấp cảnh bất động Thanh tịnh là đúng, thì các ông đã nhận cảnh vô minh kia làm chủ. Người xưa nói:

- Hố sâu thăm thẳm thật là đáng sợ.” Đây là điều đó vậy.

Nếu các ông nhận cảnh động kia là đúng thì tất cả cỏ cây thảy đều đông, há đây là đạo sao? Cho nên động là phong đại, bất động là địa đại, động bất động đều là không có tự tánh. Nếu các ông hướng đến cảnh động nắm bắt nó thì nó sẽ đứng ở chỗ động. Vì như cá lặn dưới nước đợi sóng vỗ liền nhảy lên. Chư Đại đức! động và bất động là hai loại cảnh, chỉ có Đạo nhân không y cứ là dùng động và bất động. Nếu như người học từ các nơi đến thì Sơn Tăng ở đây chia làm ba loại căn khí. Nếu hạng căn khí trung hạ đến thì Ta liền đoạt cảnh mà không trừ pháp, hoặc loại trung thượng căn khí đến thì Ta liền đoạt cả cảnh lẫn pháp. Nếu người căn khí bậc thượng đến thì Ta chẳng đoạt cả cảnh, pháp, người. Nếu người có kiến giải xuất cách đến, thì Sơn Tăng liền dùng toàn thể chứ không cần rõ qua căn khí là gì.

Này các Đại đức! Đến đây mà chỗ dùng sức của người học không thông thì ánh sáng của chớp, lửa của đá đã qua đi rồi vậy. Nếu mắt của

người học định và động chẳng ăn định gì.

Móng tâm tức trái, động niệm tức sai, Nếu hiểu thì hiểu ngay đây chứ chẳng đâu xa. Này các Đại đức! Các ông mang bát, mang đãy, gánh phân chạy khắp hàng xóm mà cầu Phật cầu pháp. Nay các ông dong ruỗi tìm cầu như thế, các ông có biết nó thế nào chăng? Nó rất linh hoạt bát tươi tắn, chẳng có gốc gác gì, gom lại chẳng tụ, gạt ra chẳng tán, cầu tìm thì nó rời xa, không cầu tìm thỉ ở trước mắt. Ôi! Âm thanh kỳ diệu thay! Nếu ai không tin thì trăm năm lao nhọc.

Chư huynh đệ! trong một sát na liền vào thế giới Hoa Tạng, vào quốc độ Tỳ-lô-giá-na, vào quốc độ giải thoát, vào quốc độ Thanh tịnh, vào pháp giới, và sạch vào dơ vào phàm, Thánh, ngạ quỷ súc sinh, tìm kiếm khắp nơi không thấy có sinh có tử, chỉ là tên suông. Hơi đâu mà nắm bắt chuyển hóa như hoa đốm hư không, được, mất, phải, trái, đều mất đi hết.

Chư huynh đệ, Sơn Tăng được truyền từ Phật pháp từ Hòa thượng Ma Cốc, Hòa thượng Đơn Hà, Hòa thượng Đạo Nhất, Hòa thượng Lô Sơn, Hòa thượng Thạch Củng. Cứ một đường mà đi khắp thiên hạ, không có ai tin được, tất cả đều chê bác. Như chỗ dụng của Hòa thượng Đạo Nhất thuần nhất không hỗn tạp. Năm, ba trăm người đến học đều không thấy được ý của Ngài. Như Hòa thượng Lô Sơn chỗ dụng chân chánh thuận nghịch tự tại, người học không lường được gia phong cửa người, thử đều mờ mịt. Như Hòa thượng Đơn Hà, ngọc quý ẩn hiện, người học đến đều bị la mắng. Như chỗ dụng của Ngài Ma Cốc, chỗ khó khăn của Ngài Hoằng Bá đều không thể gần được. Như chỗ dụng của Thạch Củng tìm trên đầu mũi tên, nên người đến đều sợ. Như chỗ dùng của Sơn Tăng ngày nay lấp chỗ thành hoại chân chánh mà hài hước biến hóa. Hỏi:

- Đạo chân thật, Phật chân thật, Pháp chân thật là gì? Xin Ngài chỉ dạy. Vào tất cả cảnh khắp nơi đều vô sự, cảnh không thể đổi dời. Hễ có người đến học, ta liền bước ra nhìn họ. Nó không biết ta, ta liền mặc một số áo. Người học cứ nhắm vào câu nói của ta mà sinh kiến giải. Thật là khổ quá, người ngu si không trí tuệ cứ vịn vào cái áo ta mặc nhận ra xanh, vàng, đỏ, trắng. Tôi lại vào trong cảnh Thanh tịnh, người học mới thấy sinh ham thích. Ta lại ra khỏi cảnh ấy. Người học liền rối loạn, chạy cuống cả lên mà nói ta không có áo. Ta liền nói với người ấy rằng, ông có biết ta chính là người mặc áo đây chăng? Hãy quay đầu lại thì nhìn rõ ra ta.

Này Đại đức! Các ông chớ nhận cái áo, áo không thể động, người

thì có thể mặc áo, có áo Thanh tịnh, áo vô sinh, áo Bồ-đề, áo Niết bàn, áo Phật, áo Tổ. Đại đức chỉ có thanh danh văn cú, tất cả đều là do Sư biến hóa của áo. Từ trong bụng hơi phát ra do răng va chạm mà thành cú, nên biết đấn là huyễn hóa.

Đại đức phát ra tiếng bên ngoài là nghiệp phát ra tiếng nói, bên trong pháp do tâm biến hiện, do suy nghĩ mà có niệm, tất cả đều là áo. Tuần hoàn trong ba cõi sinh tử luân hồi, chi bằng là người vô sự; gặp nhau mà không biết nhau, cùng nói mà không biết tên. Ngày nay người học không thành công là vì nhận danh từ làm kiến giải.

Trong sách lớn chép lời lão già đã chết, năm lần bảy lượt để cho người ta thấy, lại bảo rằng đó là huyền chỉ mà lấy làm quý trọng. Thật là lầm to lũ mù các ông tìm chất gì trên bộ xương khô? Có một số người không biết tốt xấu chấp vào giáo lý mà bàn bạc suy tính, mà thành cú nghĩa, như ngậm phân đem rồi nhả cho người khác, giống như người đời truyền miệng cho nhau, một đời luôn uổng trôi qua. Thế mà cũng bảo rằng ta là kẻ xuất gia, bị người khác hỏi về Phật pháp.

Cứ trơ miệng ra, chẳng nói năng gì được, đôi mắt trợn trừng, mồm méo xẹo. Những hạng người như thế khi Ngài Di-lặc ra đời thì cũng ở các cõi khác, vào địa ngục mà đâu khổ.

Này các Đại đức! Các ông cứ bôn ba đi khắp nơi tìm vật gì? Dù có dẫm chân mọi chốn cũng không có. Phật nào có thể cầu được, không có đạo nào có thể thành được, không có pháp nào có thể đắc được. Ông Phật có hình tướng do tìm cầu bên ngoài thì không giống các ông. Muốn biết được bản tâm của các ông, chẳng hợp cũng chẳng ly.

Chư huynh đệ! Phật thật thì không có hình, đạo chân thật thì không có thể, Pháp chân thật thì không có tướng. Ba pháp trộn lại hòa hợp một chỗ. Hiểu ra không được gọu là chúng sinh nghiệp thức chằng chịt.

Hỏi: Đạo chân thật, Phật chân thật, Pháp chân thật là gì?

Xin Ngài chỉ dạy.

Sư nói: Phật là sự Thanh tịnh của tâm, Pháp là sự sáng suốt của tâm. Đạo là ánh sáng Thanh tịnh vô ngại khắp nơi. Ba tức là một điều là tên suông không thật có. Muốn làm người học đạo chân chánh thì mọi niệm tâm không gián đoạn. Đạt Ma từ phương Tây sang, chỉ tìm một người không bị kẻ khác mê hoặc. Về sau gặp nhị Tổ nói một lời liền liễu ngộ, mới biết những uổng dùng từ trước. Ngày nay theo chỗ Thầy của Sơn Tăng cùng Phật Tổ không khác.

Nếu hiểu được câu thứ nhất thì làm Thầy cùng Phật Tổ. Nếu hiểu được câu thứ hai thì làm Thầy cùng trời người; Nếu hiểu được câu thứ

ba thì tự cứu cũng không xong.

Hỏi: Thế nào ý Tổ sư từ Tây sang?

Sư đáp: Nếu có ý thì tự cứu cũng không xong?

Hỏi: Đã không ý tại sao nhị Tổ đắc pháp?

Sư nói: Đắc là không đắc.

Hỏi: Nếu đã không đắc. Thì cái ý không đắc là gì?

Sư đáp: Vì các ông cứ đem tâm dong ruổi tìm cầu khắp nơi mãi không thôi, thế nên Tổ sư nói:

"Ôi! Trượng phu! Lấy đầu mà tìm đầu". Ngay đây các ông tự phản chiếu lại, không nên tìm cầu gì khác mà biết thân tâm mình cùng Phật Tổ không khác. Ngay đây mà vô sự thì mới gọi là đắc pháp.

Này các Đại đức! Sơn Tăng ngày nay bất đắc dĩ mà nói lắm lời không Thanh tịnh. Các ông chớ nên làm vậy. Theo quan niệm của ta, thật không có nhiều thứ ý nghĩa. Muốn dùng thì dùng, không dùng thì thôi. Các nơi cứ thuyết giảng Lục độ vạn hạnh mà cho là Phật pháp. Ta thì cho đó là trang nghiêm môn, và Phật sự môn, chứ chẳng phải là Phật pháp. Cho đến trì trai, giữ giới, giữ đèn, giữ dầu mà mắt đạo không sáng, phải mắc trả nợ, có ngày bị đòi tiền cơm. Vì sao? Vào đạo không thông lý thì đem thânmà trả nợ tín thí, như trưởng giả đến tuổi tám mươi mốt, cây ấy chẳng sinh. Dù cho một mình ở trên đỉnh núi, ngày ăn một lần, ngồi mãi không nằm, suốt ngày hành đạo thì cũng đều là kẻ tạo nghiệp cả, cho đến đầu, mắt, tuỷ não, thành quách, vợ con, voi ngựa, bảy báo đều đem cho hết. Mà có kiến giải như thế thì cũng đều là khổ nhục của thân tâm và lại chuốc lấy quả khổ. Chi bằng làm người vô sự thuần nhất không tạp loạn. Cho đến Bồ Tát Thập địa mãn tâm, mà cũng cứ tìm cầu theo vết tích của kẻ học đạo kiểu ấy thì rốt cuộc cũng không thể được. Cho nên Chư thiên ca ngợi, địa thần nâng chân, mười phương Chư Phật đều sinh tán, là vì sao? Vì chỗ dùng của người học đạo đang nghe pháp ngay đây không có dấu vết gì vậy.

Hỏi: Đức Phật Đại Thông Trí Thắng, ngồi đạo tràng mười kiếp, Phật pháp không hiện tiền, không thành được Phật đạo. Con chưa hiểu được ý này thế nào? Xin Sư chỉ dạy.

Sư đáp: Đại thông là chính mình, đạt được cái vô tánh, vô tướng của vạn pháp ở khắp nơi Trí Thắng không nghi, không đắc một pháp nào ở khắp nơi.

Phật là tâm Thanh tịnh sáng suốt thấu triệt pháp giới.

"Mười kiếp ngồi đạo tràng": là Thập-ba-la-mật.

Phật pháp không hiện tiền là Phật pháp vốn không sinh, pháp vốn

không diệt thì làm sao có hiện tiền. “Không thành được Phật đạo. Nghĩa là Phật chẳng muốn làm Phật. Người xưa nói:

- Phật thường ở thế gian mà không ô nhiễm pháp thế gian. Này các Đạo lưu, nếu các ông muốn thành Phật thì đừng theo vạn pháp! Tâm sinh thì các pháp sinh, tâm diệt thì các pháp diệt, một tâm không sinh thì vạn pháp không lỗi. Thế gian và xuất thế gian không có Phật và không có pháp, cũng chẳng hiện tiền, cũng chưa từng mất. Dù cho có đi nữa cũng đều la danh ngôn chương cú, dễ dẫn dắt trẻ con, đem thuốc trị bệnh, đấy là danh ngôn biểu hiện. Nhưng danh cú chưa từng nói mình là danh cú, mà chính là người đang nghe, đang thấy, đang chiếu rõ mồn một trước mắt các ông, đây là kẻ đặt tên cho hết thảy danh cú.

Này các Đại đức! Tạo ngũ vô gián nghiệp mới được giải thoát.

Hỏi: Thế nào là ngũ vô gián nghiệp?

Sư đáp: Giết cha, giết mẹ, làm thân Phật ra máu, phá hòa hợp Tăng, đốt kinh tượng Phật, đây là nghiệp ngũ vô gián.

Hỏi: Cha là gì?

Vô minh là cha, một niệm tâm mong cầu chỗ sinh giệt là không được. Như tiếng vang trong hư không, theo chỗ cũng vô sự gọi là giết cha.

Hỏi: Mẹ là gì?

Tham ái là mẹ?

Các ông có một niệm gọi vào dục giới, đấy là cầu tìm tham ái. Nhưng chỉ thấy cáo tướng không của pháp, đâu đâu cũng không chấp trước thì gọi là giết mẹ.

Hỏi: Làm thân Phật ra máu làgì?

Sư đáp: Các ông chẳng có lúc nào sinh kiến giải trong phá giớ! Thanh tịnh? Đâu đâu cũng tối tăm là làm thân Phật chảy máu.

Hỏi: Phá hòa hợp Tăng là gì?

Sư đáp: Một niệm tâm đạt ngay vào các kiết sử phiền não, như hư không, không nơi y cứ đó là phá hòa hợp Tăng.

Hỏi: Đốt kinh tượng là gì?

Sư đáp: Thấy được nhân duyên là không, tâm là không, pháp là không, ngay một niệm dứt hết chỉ là vô sự hoàn toàn, đấy là đốt kinh tượng.

Này các Đại đức! Nếu đạt được như thế, thì khỏi bị danh từ phàm Thánh làm chướng ngại.

Trong một niệm các ông chỉ hướng vào nắm và ngón tay mà sinh ra kiến giải chân thật, hướng vào các pháp căn, cảnh nầy mà bày vẽ

bậy bạ, tự khinh mình thối lui, nói ta là phàm phu, còn người khác là Thánh nhân.

Này lũ trọc mù! Có việc gấp đến chết mang lốt sư tử mà lại kêu tiếng dã can. Bậc đại trượng phu mà không có chí khí trượng phu, vật nhà mình không chịu tin, mà cứ rong tìm bên ngoài, nhằm vào danh suông của người xưa. Dựa âm vẽ dương, không thể đạt được. Gặp cảnh liền duyên, gặp trần liền nắm, gặp đâu nghi đó tự mình không có chi chuẩn định.

Này các đạo lưu! chớ chấp vào lời của Sơn Tăng này nói, vì sao?

Vì lời nói không có căn cứ, chỉ tạm thời vẽ giữa trong hư không, như họa hình tượng vậy.

Này các đạo lưu! chớ đem Phật là cứu cánh, lão Tăng thấy như nhà xí, Bồ Tát La Hán là gông cùm, là vật trói người, thế nên Văn-thù cầm kiếm giết Cù Đàm, Ương Quật cầm dao giết Phật.

Này các đạo lưu! không Phật nào có thể đắc, cho đến năm tánh của tam thừa, giáo tích của Viên Đốn cũng là thuốc tạm thời trị bệnh không phải pháp chân thật, dù có cũng đều giống như văn tự bày biện ta thôi, tạm đưa ra mà nói như thế.

Này các đạo lưu! có một số người khờ dại, cứ quay vào trong mà hành công phu mà toan cầu pháp xuất thế, sai lầm rồi! Nếu người cầu Phật thì người đánh mất Phật, nếu cầu đạo thì đánh mất đạo, nếu cầu Tổ thì đánh mất Tổ.

Đại đức chớ lầm! Ta đây không hiểu các ông giải kinh luận, cũng không hiểu cách làm quốc vương đại thần, ta cũng không biểu các ông biện luận cao vời, không biểu các ông thông minh trí tuệ. Ta chỉ muốn các ông có kiến giải chân chánh thôi.

Chư huynh đệ! dù ông giải được trăm quyển kinh luận thì cũng không bằng làm một vị Tăng vô sự. Các ông giải được tức là khinh khi người khác. Sự vô minh về hơn thua, tốt xấu, nhân giả làm tăng trưởng địa ngục. Như Tỳ-kheo Thiện Tinh giải được mười hai phần giáo, khi còn sống mà đất nứt ra, chỉ bằng làm người vô sự đi. Đói thì ăn, mệt thì ngủ. Người ngu cười ta. Người trí hiểu được ta.

Chư huynh đệ, chớ tìm trong văn tự, động tâm nhọc sức, hít khí lạnh vô ích. Chi bằng một niệm duyên khởi không sinh, vượt khỏi Bồ-tát quyền học trong ba cõi.

Này các Đại đức, đừng để ngày tháng trôi qua một cách luống uổng. Ngày xưa khi Sơn Tăng chưa kiến tánh, đất tâm còn mờ mịt, không dám để thời gian qua suông, luôn luôn nóng lòng, bôn ba tầm

đạo. Về sau được tin tức mới đến ngày hôm nay, cùng với các Đạo lưu nói chuyện như thế. Ta khuyên các đạo lưu chớ vì cơm áo, mà nhìn thế giới trôi một cách dễ dàng. Thiện tri thức khó gặp, như hoa Ưu đàm trăm năm mới xuất hiện một lần. Ông nghe các nơi nói có lão già Lâm Tế này xuất hiện, liền toan đến đây hỏi đạo mà không được lại bị Sơn tăng này áp đảo không mở mắt, mở miệng được, rốt cục chẳng động dụng gì được, rối ren chẳng biết lấy gì đối đáp với ta. Ta liền nói với y rằng: “Một đạp của rồng voi, thí lừa ngựa không chịu nổi.” Các ông tự cao tự đại, nói mình hiểu thiền hiểu đạo, đôi ba kẻ đến đây chẳng phiền hà gì. Than ôi! Các ông đem thân tâm này đi khắp nơi, khua môi múa mép mà nói dối Diêm Vương, thì có ngày bị ăn gậy sắt, làm như vậy chẳng phải người xuất gia, mà đều thuộc A-tu-la. Nếu nói một cách chí lý, chẳng nên tranh luận để tan dương, bài xích ngoại đạo ý truyền dạy của Phật Tổ cũng như vậy. Dù có ngôn từ giáo điển thì cũng rơi vào hóa nghi, vào Tam Thừa, năm tánh, trời người nhân quả. Nếu như giáo lý Viên đốn thì không như vậy, thì Thiện Tài Đồng Tử chẳng mong cầu.

Này các Đại đức, chớ dụng công sai lầm như, biển cả không dứng, cứ mang tử thi, như vậy mà toan chạy khắp thiên hạ ông chỉ tự mình khởi lên kiến giải là chướng ngại tâm. Mặt trời không có mây che thì bầu trời quang đãng chiếu khắp, mắt không có bệnh nhậm thì hư không không còn hoa đốm.

Này các Chư huynh đệ, nếu các ông muốn được pháp như như thì chớ sinh nghi ngại. Mở ra thì bủa khắp pháp giới, thu lại thì tơ tóc cũng không thành rõ ràng, mồn một chưa từng thiếu sót. Mắt không thấy, tai không nghe, thì gọi là vật gì?

Người xưa nói:

- Nói giống một vật thì không đúng, các ông cứ tự xem đi có khó gì chăng? Nói cũng không cùng, mỗi bên nên tự cố gắng vậy! Trân trọng!

KHÁM PHÁ HỌC TĂNG

Hoàng Bá vào nhà trù, hỏi Phạn Đầu:

- Làm gì?

Phạn Đầu đáp: Lượm gạo cho chúng Tăng.

Hoàng Bá hỏi: Một ngày ăn bao nhiêu?

Phạn đầu đáp: Hai thạch năm.

Hoàng Bá hỏi: Há chẳng phải nhiều quá sao?

Phạn đầu đáp: Còn sợ thiếu.

Hoàng Bá liền đánh.

Phạn Đầu đem việc này kể lại cho Sư nghe.

Sư nói: Ta khám phá lão này cho ông.

Sư đang đứng hầu: Hoàng Bá đưa ra lời như trước.

Sư nói: Phạn Đầu không lãnh hội, thỉnh Hòa thượng nói câu khác.

Sư liền hỏi: Chẳng phải là nhiều quá sao?

Hoàng Bá nói: Sao không nói để hôm sau ăn luôn?

Sư nói: Nói hôm nay ăn gì, ăn liền ngay đấy!

Nói xong Sư liền tát.

Hoàng Bá nói: Gã điên này, lại đến đây mà vuốt râu cọp.

Sư liền quát rồi bỏ đi.

Về sau, Quy Sơn hỏi Ngưỡng Sơn.

Ý của hai Lão lúc này là sao?

Ngưỡng Sơn hỏi lại: Ý Hòa thượng thì sao?

Quy Sơn đáp: Nuôi con mới biết lòng cha.

Ngưỡng Sơn nói: Không phải đâu.

Quy Sơn nói: Theo ý ông thì sao?

Ngưỡng Sơn nói: Thật là giống như giặc đến phá nhà.

Sư hỏi Tăng từ đâu đến?

Tăng liền hét. Sư bèn mời ngồi.

Tăng do dự. Sư liền đánh.

Sư thấy một ông Tăng đến, liền đưa phất trần lên. Tăng lễ bái. Sư liền đánh. Lại có vị Tăng khác đến, Sư cũng giơ phất trần lên. Tăng không để ý. Sư cũng đánh.

Một hôm Sư cùng Phổ Hóa đến nhà một thí chủ để thọ trai. Sư nói:

Một sợi lông nuốt hết biển cả, hạt cải chứa núi Tu Di, đây là thần thông diệu dụng hay là bản thể vốn như vậy?

Phổ Hóa liền đạp đổ bàn cơm.

Sư nói: Thô lỗ quá!

Phổ Hóa nói: Đây là chỗ nào mà còn nói thô với tế?

Hôm sau Sư cùng Phổ Hóa đi thọ trai.

Sư nói: Hôm nay cúng dường có giống như hôm qua không?

Phổ hóa cũng đạp đổ mâm cơm giống như trước.

Sư nói: Được thì được đấy nhưng thô lỗ quá!

Phổ Hóa nói: Lão mù, Phật pháp có nói thô với tế gì đâu!

Sư liền lè lưỡi ra.

Một hôm Sư cùng với hai trưởng lão, Hà Dương và Mộc Tháp ngồi sưởi ấm trong tăng đường. Nhân đó Sư hỏi:

- Hằng ngày Phổ Hóa làm điên khùng ở đầu đường xó chợ, không biết ông ta là phàm hay Thánh. Nói dứt lời Phổ Hóa liền bước vào.

Sư nói: Ông là phàm hay Thánh?

Phổ Hóa nói: Ông thử nói tôi là phàm hay Thánh?

Sư liền hét quát.

Phổ Hóa chỉ tay nói: Thiếu phụ Hà Dương, Thiền lão bà, Mộc Tháp, tên ở đợ Lâm Tế lại có một con mắt.

Sư nói: Tên giặc này!

Phổ Hóa cũng nói: Giặc, Giặc!

Bèn bỏ đi

Một hôm Phổ Hóa ở trước Tăng đường đang ăn rau sống.

Sư nói: Thật là giống con lừa.

Phổ Hóa liền kêu lên như lừa.

Sư nói: Giặc.

Phổ Hóa nói: Giặc! Giặc! Liền bỏ đi.

Cùng khắp Phổ Hóa thường rong chơi ở đầu đường xó chợ mà nói:

- Sáng đến thì đánh phía sáng, tối đến đánh phía tối, bốn phương tám hướng đến thì đánh. Hư không đến thì đánh liên tiếp. Sư nghe nói như vậy liền sai thị giả đến xem sao. Phổ Hóa đến nơi thấy vậy liền chận lại hỏi:

- Nếu không như thế thì sao?

Phổ Hóa xô ra mà nói:

- Ngày mai viện Đại Bi có trai tăng.

Thị giả trở về kể lại cho Sư nghe. Sư nói:

- Ta vốn vẫn nghi lão này.

Có một hôm Lão túc đến tham vấn Sư, chưa gì hết đã hỏi:

- Lễ bái đúng hay không lễ bái đúng?
Sư liền quát, Lão túc lễ bái.
Sư nói: Thật là tên giặc cỏ.
Lão túc nói: Giặc, giặc.
Rồi bỏ đi.
Sư nói: Chớ nói vô sự là tốt.
Thủ tọa đang đứng hầu.
Sư nói: Có lỗi hay không?
Thủ tọa nói: Có.
Sư nói: Khách có lỗi hay chủ có lỗi?
Thủ tọa nói: Cả hai đều có lỗi.
Sư nói: Lỗi ở chỗ nào?
Thủ tọa liền bỏ đi.
Sư nói: Chớ bảo vô sự là tốt.
Sau có vị Tăng thuật lại cho Nam Tuyền. Nam Tuyền nói:
- Ngựa quan đạp nhau.

Sư đi vào doanh trại thọ trai. Vào cổng gặp Viên quan. Sư chỉ cây cột và hỏi:

- Đó là phàm hay Thánh?
Sư bèn đi vào. Viên quan không nói gì. Sư đánh cây cột mà nói:
- Nói lắm cũng chỉ là khúc cây mà thôi.
Sư hỏi viện chủ: Từ đâu đến?
Viện chủ đáp: Bán lúa ở Trung Châu về.
Sư nói: Bán hết chưa?
Viện chủ nói: Bán hết rồi.
Sư lấy gậy gạch một đường rồi nói: Có bán được cái này không?
Viện chủ liền quát. Sư liền đánh.
Điển Tọa đến, Sư kể lại câu chuyện trước. Điển Tọa nói:
- Viện chủ không lãnh hội được ý Hòa thượng.
Sư hỏi: Còn ông thế nào?
Điển Tọa lễ bái. Sư cũng đánh.
Có tọa chủ đến gặp, Sư hỏi: Tọa chủ giảng kinh gì?
Tọa chủ nói: Tôi hiểu sơ sài thô thiển mà giảng luận Bách pháp.

Sư nói: Có một người hiểu được mười hai phần giáo của Tam thừa. Có một người không hiểu được mười hai phần giáo của Tam thừa là giống nhau hay khác nhau?

Tọa chủ đáp: Hiểu thì đồng, không hiểu thì khác.
Lạc Phổ bây giờ là thị giả, đứng hầu phía sau bảo rằng:

Thưa tọa chủ! Đây là đâu mà nói là đồng, là khác?

Sư quay đầu hỏi thị giả: Còn ông thế nào?

Thị giả liền quát.

Sư đưa thủ tọa ra về, rồi hỏi thị giả:

- Vừa rồi ông quát ta?

Thị giả nói: Vâng.

Sư liền đánh.

Sư nghe Trụ trì Đức Sơn đời thứ hai dạy:

- Nói được cũng ăn ba mươi gậy, không nói được cũng ăn ba mươi gậy. Sư gọi Lạc Phổ đến và nói:

- Hãy hỏi ông ta rằng vì sao nói được cũng ăn ba mươi gậy, chờ khi ông ấy đánh ông thì hãy nắm gậy mà đẩy ra xem thử ông ta thế nào?

Lạc Phổ đi đến hỏi như Lâm Tế dạy. Đức Sơn đánh. Lạc Phổ nắm gậy đẩy một cái. Đức Sơn về phương trượng. Lạc Phổ về kể lại cho Sư nghe. Sư nói:

- Lâu nay ta vẫn nghi vị lão này. Tuy vậy ông có thấy được Đức Sơn chăng?

Phổ Hóa suy nghĩ.

Sư liền đánh.

* Một hôm, Vương Thường Thị cùng Sư đến xem trước tăng đường, Thường Thị hỏi: Tăng chúng ở đây có xem kinh không?

Sư đáp: Không”.

Có học Thiền không?

Không.

Kinh không xem, Thiền cũng không học, rốt lại làm cái gì?

Sư nói: Chỉ dạy họ làm Phật, làm Tổ.

Mạc vụng tuy quý nhưng rơi vào mắt cũng thành bệnh, nói như vậy là nghĩa gì?

Sư nói: Tưởng đâu ông là kẻ tục.

* Sư hỏi Hạnh Sơn: Thế nào là con trâu trắng sờ sờ? (Lộ đại bạch ngưu)

Hạnh Sơn đáp: Ngạ, ngạ...

Sư hỏi: Câm à!

Hạnh Sơn hỏi: Trưởng lão thì sao?

Sư đáp: Tên súc sinh này.

Sư hỏi Lạc Phổ: Từ trước đến nay một người dùng gậy, một người dùng tiếng quát, có gần gũi kẻ nào?

Lạc phổ: “Chẳng gần gũi ai cả!”.

Sư đáp: “Chỗ gần gủi là thế nào”.

Phổ Hóa hét. Sư liền đánh.

* Sư thấy một ông tăng đến liền dang hai tay ra. Ông tăng không nói. Sư hỏi: Hiểu chăng?

Tăng đáp: Không hiểu.

Sư nói: Chẻ côn lôn không vỡ, cho ông hai đồng.

* Đại Giác đến tham vấn. Sư đưa phất trần lên. Đại giác trải tọa cụ. Sư ném phất trần. Đại giác xếp tọa cụ vào tăng đường. Chúng tăng hỏi:

- Vị tăng này không gần gũi với Hòa thượng, không lễ bái cũng không tại sao không bị ăn đòn.

Sư nghe được kêu Đại Giác lại. Giác bước ra.

Sư nói: Đại chúng nói rằng ông chưa thăm hỏi trưởng lão.

Đại Giác nói: Không hiểu!

Liền đi vào trong chúng.

Triệu Châu đi hành khước, đến tham vấn Sư. Gặp Sư đang rửa chân. Triệu Châu liền hỏi: Ý Tổ sư từ phương Tây đến là gì?

Sư đáp: Giống như ta rửa chân. Triệu Châu bước đến gần mà làm ra dáng lắng nghe.

Sư nói: Hãy tránh ra kẻo nước dơ văng vào. Triệu Châu liền đi.

* Thượng tọa Định đến tham vấn Sư: Đại ý của Phật pháp là gì?

Sư bước xuống gường nắm lại mà tát một cái rồi đẩy ra, Thượng tọa Định cứ đứng. Khi ấy có vị tăng bên cạnh nói: Định sao không lễ bái?

Định liền lễ bái, bỗng nhiên đại ngộ.

* Ma cốc đến tham vấn, trải tọa cụ hỏi:

- Quan Âm mười hai mặt, mặt nào chính?

Sư bước xuống gường vừa cuốn tọa cụ vừa nắm Ma Cốc mà nói:

- Quan Âm mười hai mắt đi chỗ nào?

Ma cốc định ngồi lên gường. Sư cầm gậy đánh. Ma Cốc nắm gậy. Hai người đuổi nhau chạy vào phương trượng.

* Sư hỏi một ông tăng: có khi hét như kiếm báo Kim cang vương, có khi hét như cưỡi sư tử lông vàng, có khi hét như sáo dò dẫm bóng cỏ, có khi hét không có tác dụng của tiếng hét, ông hiểu chăng? Tăng ngần ngừ. Sư liền hét.

Sư hỏi một cô ni: Thiện đến ác đến?

Ni liền quát. Sư đưa gậy mà nói: Nói đi, nói đi. Ni lại quát.

Sư liền đánh.

Long Nha hỏi: Ý của Tổ sư từ phương Tây đến là gì?

Sư nói: Đưa thiền bản đến đây cho ta.

Long Nha liền đưa thiền bản đến cho Sư. Sư tiếp lấy thiền bản xong liền đánh. Long Nha nói:

Đánh thì cứ đánh, nhưng không có ý của Tổ sư?

Sau này Long Nha đến hỏi Thuý Vi, ý của Tổ sư từ phương Tây đến là gì?

Thúy Vi nói: Đưa bồ đoàn đây cho ta.

Long Nha đem bồ đoàn đến cho Thuý Vi. Thuý Vi tiếp lấy liền đánh.

Long Nha nói: Đánh thì cứ đánh nhưng không có ý của Tổ sư. Long Nha ở sau viện.

* Có vị tăng vào thất mà hỏi: Khi Hòa thượng đi hành cước thăm hỏi nhân duyên hai vị tôn túc, Hòa thượng có chịu họ không?

Long Nha nói: Chịu thì chịu lắm nhưng không có ý Tổ sư.

Kính Sơn có năm trăm đồ chúng ít có người lên thưa thỉnh. Hoàng Bá sai sư đến Kính Sơn, bèn hỏi Sư: Ông đến đó rồi sẽ làm sao?

Sư nói: Khi đến đó tự con sẽ có cách.

Sư đến Kính Sơn, y áo chỉnh tề rồi lên pháp trường gặp Kính Sơn. Kính Sơn vừa ngẫng đầu. Sư liền hét. Kính Sơn toan mở miệng. Sư liền phất tay áo mà đi.

Bấy giờ có ông tăng đến Kính Sơn mà hỏi: Vị tăng vừa mới đến có nói gì đâu mà lại quát Hòa thượng thế? Kính Sơn nói:

- Vị tăng ấy từ nơi Hoàng Bá đến, nếu ông muốn biết thì hỏi ông ấy. Năm trăm đồ chúng của Kính Sơn quá phân nửa bị phân tán.

* Một hôm Phổ Hóa xin áo ngoài ở chợ, ai cũng cho cả mà Phổ Hóa không chịu lấy. Sư bảo viện chủ mua một cỗ quan tài. Khi Phổ Hóa trở về Sư liền nói:

- Ta đã cho ông áo đó. Phổ Hóa liền vác quan tài đi khắp chợ mà kêu lên:

- Lâm Tế cho ta áo rồi. Ta đến cửa Đông mà chết đây. Mọi người đua nhau đến xem. Phổ Hóa nói:

- Hôm nay ta chưa đi, ngày mai ta đến cửa Nam để chết. Như thế đến ngày thứ ba không còn ai tin nữa. Đến ngày thứ tư không còn ai đến xem nữa. Lúc đó Phổ Hóa một mình ra ngoài thành tự vào trong quan tài, nhờ người đi đường đậy nắp quan lại. Bấy giờ người ta đồn khắp, mọi người đua nhau đến mở nắp quan thì không thấy gì cả. Chỉ nghe tiếng linh văng vẳng trên không, xa dần biến mất.

HÀNH LỤC

Buổi đầu trong hội Hoàng Bá, Sư tu hành rất là chuyên nhất. Vị chủ tọa khen: Hậu sinh này có điểm khác chúng.

Thủ Tọa hỏi: Thượng Tọa ở đây được bao lâu?

Sư đáp: Ba năm.

Thủ tọa nói: Từng tham vấn chưa?

Sư đáp: Chưa từng tham vấn và cũng không biết hỏi gì.

Thủ tọa nói: Sao ông không hỏi Hòa thượng đường đầu đại ý Phật pháp là gì?

Sư liền đi hỏi Hoàng Bá chưa dứt lời liền bị Hoàng Bá đánh. Sư lại trở về.

Thủ Tọa hỏi: Ông hỏi gì?:

Sư thưa: Con hỏi chưa dứt lời Hòa thượng liền đánh, chẳng hiểu thế nào cả.

Thủ tọa nói: Cứ đi hỏi?

Sư lại đi hỏi. Hoàng Bá lại đánh. Ba lần hỏi như thế đều bị đánh. Sư đến thưa Thủ Tọa:

- Nhờ ơn từ bi của Thầy dạy con lên tham vấn Hòa thượng. Nhưng ba lần hỏi, ba lần đều bị đánh, tự trách mình chướng duyên sâu dày không lãnh hội được ý chỉ thâm sâu, nay con xin từ giã ra đi.

Thủ tọa nói: Nếu ông đi thì nên đến từ biệt Hòa thượng.

Sư lễ bái lui ra.

Thủ Tọa đến trước Hoàng Bá thưa:

- Kẻ hậu sinh thưa hỏi vừa rồi Phật là có pháp căn. Nếu ông ấy đến đây từ giã, xin Hòa thượng tùy phương tiện mà độ ông ấy. Sau này ông ta sẽ tu luyện trở thành một gốc đại thọ, là nơi che bóng cho thiên hạ.

Sư đến chào Hoàng Bá ra đi. Hoàng Bá nói:

- Ông chớ đi chỗ khác, ông hãy đến Ngài Đại Ngu tại vùng đầu khe núi Cao An thì Ngài Đại Ngu sẽ nói cho ông.

Sư đến chỗ Đại Ngu.

Đại Ngu hỏi: Ông từ đâu đến?

Sư thưa: Từ Hoàng Bá đến.

Hoàng Bá có nói câu gì?

Sư đáp: Ba lần con hỏi đại ý Phật pháp ba lần đều bị đánh, không biết con có lỗi hay không?

Đại Ngu nói: Hoàng Bá thật là từ bi, vì ông mà lắm lao nhọc. Thế

mà ông còn đến đây hỏi có lỗi hay không có lỗi. Ngay câu này Sư đại ngộ, nói: Té ra Phật pháp của Hoàng Bá vốn không có chi nhiều.

Đại Ngu nắm Lâm Tế nói:

- Đồ quỷ! Vừa mới nói có lỗi hay không lỗi, bây giờ lại nói Phật pháp của Hoàng Bá không có chi nhiều. Ông thấy nghĩa lý gì, nói mau! nói mau!

Sư thoi ba cái vào hông Hoàng Bá.

Đại Ngu xô ra nói: Thầy ông là Hoàng Bá, chẳng can gì đến ta!

Sư từ giã Đại Ngu về trở lại Hoàng Bá.

Hoàng Bá thấy sư về, liền nói: Gã này cứ đi đi về về, biết ngày nào xong.

Sư đáp: Vì tâm lão bà quá tha thiết, việc lớn đã xong thì đến hầu.

Hoàng Bá hỏi: Đi đâu về đâu vậy?

Sư đáp: Vừa rồi theo lời chỉ dạy của Thầy, con đến tham vấn Hòa thượng Đại Ngu trở về đây.

Hoàng Bá nói: Đại Ngu có nói câu gì?

Sư liền kể lại như trước.

Hoàng Bá nói: Trở về như thế, hãy đợi một trận đòn đau.

Sư: Nói đợi chờ gì cứ ngay đây mà ăn đòn!

Sau đó Sư liền tát.

Hoàng Bá nói: Cái thằng điên này, lại đến vuốt râu cọp.

Sư liền quát: Thị giả, hãy dẫn gã điên này đi!

Về sau, Quy Sơn đưa câu chuyện này ra hỏi Ngưỡng Sơn:

- Lâm Tế lúc ấy đại ngộ là nhờ sức của Hoàng Bá hay của Đại Ngu?

Ngưỡng Sơn nói: Chẳng những cỡi đầu cọp còn phải nắm đuôi cọp.

* Có lần Sư đang trồng tùng, Hoàng Bá hỏi:

- Trong núi sâu trồng tùng nhiều như thế để làm gì?

Sư đáp: Một là làm cảnh cho Sa-môn. Hai là làm tiêu bản cho người sau. Nói xong Sư liền cuốc xuống đất ba cái.

Hoàng Bá nói: Tuy thế, ông cũng đã ăn ba mươi gậy của ta rồi đấy.

Sư lại cuốc xuống đất ba cái. Rồi rên hừ hừ!

Hoàng Bá nói: Tông môn của ta đến ông sẽ rạng rỡ trên đời.

Về sau, Quy Sơn đưa ra câu chuyện này hỏi Ngưỡng Sơn: Hoàng Bá lúc ấy chỉ di chúc cho Lâm Tế hay còn ai nữa không?

Ngưỡng Sơn nói: Có. Chỉ vì năm tháng quá xa, nên không muốn kể lại cho Hòa thượng.

Quy Sơn nói: Tuy vậy, ta cũng muốn biết, ông cứ nói xem!

Ngưỡng Sơn: Một người chỉ về Nam, bảo đi Ngô Việt, gặp gió lớn thì ngừng.

* Có lần Sư đang đứng hầu Đức Sơn, Đức Sơn nói:

- Hôm nay mệt quá.

Sư nói Lão già này nói mê mịt làm gì!

Đức Sơn liền đánh. Sư lật đổ giường thiền. Sơn liền thôi.

* Có lần Sư cùng đại chúng cuốc đất, Sư thấy Hoàng Bá đến thì chống cuốc đứng. Hoàng Bá nói:

- Ông mệt hả?

Sư nói: Chưa dở cuốc thì mệt cái gì!

Hoàng Bá liền đánh.

Sư nắm gậy đẩy Hoàng Bá té nhào.

Hoàng Bá gọi: Duy Na! Duy Na! đỡ ta dậy.

Duy Na đến đỡ lên và nói: Sao Hòa thượng để cho tên điên vô lễ thế?

Hoàng Bá vừa đứng dậy liền đánh Duy Na.

Sư cuốc đất mà nói: Mọi nơi thì người ta hoả táng, còn ta đây thì chôn sống liền.

Về sau, Quy Sơn hỏi Ngưỡng Sơn: "Hoàng Bá đánh Duy Na là ý gì?".

Ngưỡng Sơn nói: Thằng giặc chính đã đi chạy rồi, còn người đi lùng bắt lại bị ăn đòn".

Một hôm, sư ngồi trước Tăng đường, thấy Hoàng Bá đến, sư nhắm mắt lại. Hoàng Bá làm bộ mà quay về phương trượng. Sư liền đến phương trượng lễ tạ. Bây giờ, Hoàng Bá nói với vị thủ tọa đang đứng hầu:

- Ông Tăng này tuy là kẻ hậu sinh, nhưng biết chuyện ấy.

Thủ tọa nói: Lão Hòa thượng gót chân không chấm đất mà lại chứng cứ về tên hậu sinh ấy.

Hoàng Bá tự vả vào miệng.

Thủ tọa nói: Biết là được."

Sư ngủ trong Tăng đường, Hoàng Bá vào thấy sư đang ngủ liền lấy gậy gõ vào thiền bảng một cái. Sư ngẩng đầu thấy đó là Hoàng Bá, nhắm mắt ngủ tiếp. Hoàng Bá liền gõ vào thiền bản một cái nữa, rồi đi lên nhàtrên, thấy Thủ tọa đang ngồi thiền liền bảo:

- Tên hậu sinh đang ngồi thiền ở nhà dưới, còn ông vọng tưởng làm chi đây?

Thủ tọa thưa: Lão già này làm gì thế?

Hoàng Bá gõ vào bảng một cái rồi đi ra.

Về sau, Quy Sơn hỏi Ngưỡng Sơn: Hoàng Bá vào Tăng đường ý gì?

Ngưỡng Sơn nói: Hai bề cũng cùng một thứ.

Một hôm chúng đang chấp tác, sư đi sau. Hoàng Bá quay lại thấy sư đi tay không, Hoàng Bá hỏi: Cuốc đâu?

Sư đáp: Có một người mang đi rồi.

Hoàng Bá bảo: Đưa đến gần đây ta có chuyện cần bàn với ông. Sư đến gần, Hoàng Bá đưa cuốc mà nói:

- Chỉ cái này đây mà thiên hạ không ai cướp lấy nổi.

Sư giật lấy cái cuốc đưa lên mà nói: Thế tại sao nó ở trong tay con?

Hoàng Bá nói: Hôm nay có lắm người làm việc.

Bên lui về viện.

Về sau, Quy Sơn hỏi Ngưỡng Sơn: "Cuốc ở trong tay Hoàng Bá, vì sao bị Lâm Tế cướp đoạt?"

Ngưỡng Sơn nói: Giặc là tiểu nhân, mà trí lại hơn người quân tử.

Sư đem thơ Hoàng Bá đến cho Quy Sơn. Bấy giờ Ngưỡng Sơn làm tri khách, nhận thơ liền hỏi:

- Cái này là của Hoàng Bá, còn cái nào của ông đâu?

Sư liền tát. Ngưỡng nắm lại nói:

- Lão huynh biết lắm chuyện thế. Hai người cùng đến gặp Quy Sơn.

Quy Sơn liền hỏi: Sư huynh Hoàng Bá bao nhiêu chúng?

Sư thưa: Có bảy trăm đồ chúng.

Quy Sơn nói: Người nào dẫn đầu?"

Người vừa đến trình thư xong.

Sư hỏi lại Quy Sơn: Hòa thượng bao nhiêu chúng?

Quy Sơn đáp: Một ngàn năm trăm đồ chúng.

Sư nói: Nhiều quá nhỉ!

Sư huynh Hoàng Bá cũng nhiều.

Sư chào Quy Sơn ra về. Ngưỡng Sơn tiễn ra và nói:

- Sau này ông về phía Bắc thì có chỗ ở.

Sư đáp: Đâu có chuyện ấy ư?

Ngưỡng Sơn nói: Thì cứ đi đi. Sau này có một người phụ giúp lão

huynh đấy. Người này chỉ có đầu mà không có đuôi, có thỉ không có chung.

Về sau, sư đến Trấn Châu, Phổ Hóa đã có ở tại đó rồi. Sư giáo hóa đời, Phổ Hóa khen ngợi sư. Sư ở chưa được bao lâu thì Phổ Hóa đã viên tịch.

Mới nửa hạ sư lên. Hoàng Bá gặp Hòa thượng đang xem kinh.

Sư thưa: Tưởng ai, té ra lão Hòa thượng lươm đậu đen văn tự này!

Sư ở vài ngày rồi từ biệt mà đi. Hoàng Bá nói:

- Ông phá hạ đến đây, sao không ở trọn hạ?

Con chỉ đến lễ bái Hòa thượng.

Hoàng Bá liền đánh đuổi ra. Sư đi được mấy bước có lòng nghi về chuyện này, liền trở lại ở trọn mùa hạ.

Một hôm, sư từ giã Hoàng Bá ra đi. Hoàng Bá hỏi: Đi đâu?"

Sư thưa: "Không đi Hà Nam thì về Hà Bắc." Hoàng Bá liền đánh. Sư chận lại và lại tát Hoàng Bá một cái. Hoàng Bá cười vang rồi kêu thị giả đem kỷ án và thiền bảng của Tiên sư Bách Trượng đến.

Sư bảo: Thị giả đem lửa đến đây.

Hoàng Bá nói: Tuy thế, ông hãy mang những thứ ấy đi. Sau này ông ngồi bẹp lưỡi của thiên hạ đấy.

Sau này Quy Sơn hỏi Ngưỡng Sơn: Lâm Tế có cô phụ Hoàng Bá không?

Ngưỡng Sơn nói: Không phải vậy đâu.

Quy Sơn nói: Ông thế nào?

Ngưỡng Sơn nói: Biết ân mới gọi là báo ân.

Quy Sơn nói: Từ xưa đến nay có ai như vậy không?

Ngưỡng Sơn nói: Có, nhưng chỉ sợ Hòa thượng tuổi tác già nua nên không muốn kể ra cùng Ngài.

Quy Sơn nói: Tuy nhiên, ta cũng muốn biết, ông thử nói ra xem.

Ngưỡng Sơn nói: Như trên hội Lăng Nghiêm, A Nan tán thán Phật: "Đem tâm sâu xa này mà phụng sự khắp nơi, gọi là báo ân Phật. Há không phải việc báo ân sao?"

Quy Sơn nói: Đúng vậy! đúng vậy! Thấy bằng Thầy thì giảm phân nửa đức của Thầy, thấy hơn Thầy mới chịu nhận sự truyền thọ.

* Sư đến tháp Đạt Ma, tháp chủ hỏi:

- Thưa Trưởng Lão, lễ Phật trước hay lễ Tổ trước?

Sư nói: Phật tổ đều không lễ

Tháp chủ nói: Phật tổ và trưởng lão có oan gia gì chăng?

Sư liền phất áo đi ra.

* Sư đi hành cước, một hôm đến Long Quang. Quang thượng đường, Sư hỏi:

- Chưa đưa mũi nhọn ra làm sao thắng được?

Long Quang cứ ngồi. Sư nói: Đại Thiện Tri Thức há không có cách nào sao?

Long Quang trừng mắt "Hừ".

Sư đưa tay chỉ: Long lão già này hôm nay thua rồi.

* Sư đến Tam Phong, Bình Hòa thượng hỏi:

- Ông từ đâu đến?

Sư nói: Từ Hoàng Bá đến?

Hoàng Bá có nói câu gì?

Đêm qua trâu vàng từng khốn đốn đến nay không thấy bóng hình đâu. Bình Hòa –Gió vàng lồng sáo ngọc, đâu kẻ chính tri âm gì?

Sư nói: Thấu suốt vạn trùng quan.

Không ở chốn thanh liêu.

Bình Hòa thượng nói: Ông hỏi câu này cao quá vậy!

Sư nói: Rồng sinh ra kim phụng

Xung phá ngọc lưu ly.

Bình Hòa thượng nói: Hãy ngồi uống trà đi.

Mới đây ông rời chỗ nào? Bình lại hỏi:

Sư đáp: Rời Long Quang.

Bình Hòa thượng hỏi gần đây Long Quang như thế nào?

Sư liền đi ra.

* Sư đến Đại Từ. Đại Từ đang ngồi trong phương trượng.

Sư hỏi: Khi ngồi nghiêm trang trong phương trượng thì sao?

Đại Từ đáp: Một màu tùng lạnh ngàn năm khác.

Lão quê cầm hoa muôn nước xuân.

Sư nói: Viên trí thể này kiên cố vượt qua.

Ba non tiêu hết vạn trùng quan

Đại Từ liền quát, Sư cũng quát.

Đại Từ nói: Làm gì?

Tại sao sư phất áo ra đi?

* Sư đến Nhượng Châu Hoa Nghiêm, Hoa Nghiêm dựng gậy làm bộ ngủ.

Sư nói: Hòa thượng Ngài ngủ làm gì?

Hoa Nghiêm nói làm thiền khách không giống như ông.

Sư nói: Thị giả, châm trà đem đến cho Hòa thượng uống.

Hoa Nghiêm liền gọi Duy Na:
- Sắp cho vị Thượng Tọa này vào chỗ thứ ba.
* Sư đến gặp Thuý Phong. Thuý Phong hỏi: Từ đâu đến?
Sư nói: Từ Hoàng Bá đến.
Thuý Phong hỏi: Hoàng Bá có nói câu gì dạy người ta không?
Sư nói: Hoàng Bá không có câu gì.
Sao lại không?
Sư nói: Dù có cũng không có chỗ đưa ra.
Thuý Phong nói: Thử nêu ra xem?
Sư nói: Một mũi tên xuyên qua trời Tây.
* Sư đến gặp Tướng Điền và hỏi: Không phàm không thành, xin sư nói mau.
Tướng Điền nói: Lão tăng cứ như vậy thôi.
Sư liền quát và nói: Lắm tên trọc ở đây tìm thấy chén bát gì?
* Sư đến gặp Minh Hóa, Minh Hóa hỏi: Cứ đi đi lại lại làm gì?
Sư đáp: Đạp giẫm cho rách giầy cỏ.
Minh Hóa nói: Rốt cuộc thì sao?
Sư nói: Lão già này câu nói mà cũng không hiểu.
* Sư tìm đến Phụng Lâm, trên đường gặp một bà lão, bà lão hỏi:
- Ông đi đâu đấy?
Sư đáp: Đến Phụng Lâm.
Bà lão nói: Tiếc rằng Phụng Lâm không có ở đấy.
Bà lão bỏ đi. Sư đến gặp Phụng Lâm.
Phụng Lâm hỏi: Ta có chuyện muốn hỏi được chăng?
Sư đáp: Có xẻ thịt gây thương tích gì chăng?
Phụng Lâm nói: Mặt trăng dưới biển trong không bóng.
Chỉ riêng cá lội tự mê thôi!
Sư nói: Trăng soi dưới biển đà không bóng.
Cá lội dưới nước cớ sao mê?
Phụng Lâm nói: Thấy gió biết sóng dậy
Xem nước biết buồn thôi.
Sư nói: Trăng soi chiếu sáng giang sơn lặng.
Một tiếng tự cười vang thiên hạ kinh.
Phụng Lâm nói: Muốn đem ba tấc ngời thiên hạ.
Đối cảnh một câu thử nói xem.
Sư nói: Gặp taykiếm khách nên trình kiếm.
Không phải thi nhân chớ tặng thi.
Phụng Lâm liền thôi.

Sư bèn tụng: Đại đạo tuyệt đồng
Mặc hướng Đông Tây.
Lửa đá chẳng kịp.
Ánh chớp không thông.

Quy Sơn hỏi Ngưỡng Sơn:

- Lửa đá chẳng kịp, ánh chớp không thông. Từ trước các Thánh lấy gì làm người?

Ngưỡng Sơn nói: Ý Hòa thượng thì sao?

Quy Sơn đáp: Thể có ngôn thuyết, đều không thật nghĩa.

Ngưỡng Sơn nói: Không phải như vậy đâu!

Quy Sơn hỏi: Theo ông thì thế nào?

Ngưỡng Sơn đáp: Phía công thì chẳng dung chứa cây kim, phía tư thì liền thông xe ngựa.

* Sư đến gặp Kim Ngưu, Ngưu thấy sư đến, lấy gậy để ngang, ngồi xổm ngay cửa. Sư gõ vào gậy ba cái, rồi vào Tăng đường ngồi hàng đầu.

Kim Ngưu đến thấy Sư hỏi: Khách chủ gặp nhau, hai bên phải đầy đủ oai nghi, Thượng Tọa từ đâu đến, quá vô lễ vậy?

Sư đáp: Hòa thượng nói gì?

Kim Ngưu định nói.

Kim Ngưu định nói. Sư liền đánh. Ngưu làm bộ té. Sư lại đánh.

Kim Ngưu nói: Hôm nay thật xui xẻo.

Quy Sơn hỏi Ngưỡng Sơn: "Hai vị Tôn túc này có ai thắng bại không?"

Ngưỡng Sơn nói: Thắng thì đều thắng, bại thì đều bại."

* Khi sư sắp tịch, cứ ngồi mà nói:

- Sau khi ta qua đời, không ai được làm tiêu mất chánh pháp nhãn tạng của ta. Tam Thánh bước ra hỏi:

- Đâu dám làm tiêu mất chánh pháp nhãn tạng của Hòa thượng.

Sư nói: Sau này có ai hỏi ông, ông nói gì với họ?

Tam Thánh liền quát.

Sư nói: Ai biết chánh pháp nhãn tạng của ta bị tiêu diệt bên con lừa mù này. Nói xong sư đoan nhiên thị tịch.

Sư huý là Nghĩa Huyền, họ Hình người Nam Hoa ở Tào Châu. Thuở nhỏ thông minh khác thường, lớn lên là kẻ hiếu học. Sau khi thọ giới cụ túc Sư ngụ ở Giảng Tứ, tinh thông giới luật và uyên bác kinh luận.

Nhưng Sư tự nghĩ: "Kinh luận chỉ là phương thuốc cứu đời, chẳng

phải tôn chỉ của giáo ngoại biệt truyền.” Sư liền cất bước du phương, buổi đầu tham vấn Hoàng Bá, về sau yết kiến Đại Ngu. Cơ duyên ngữ lục ngữ cú của Ngài chép đầy đủ trong “Hành Lục”. Khi đã được Hoàng Bá ấn khả, Sư tìm về Hà Bắc, phía đông nam thành Trấn Châu trụ trì một viện nhỏ bên sông Hô Đà. Cái tên Lâm Tế là do tên đất mà gọi. Bấy giờ Phổ Hóa đã ở đó rồi, giả điên trà trộn vào mọi người, chẳng ai lường được phàm Thánh. Khi Sư đến liền được Phổ Hóa phụ giúp. Khi Sư đã hưng thịnh việc đó thì Phổ Hóa thị tịch, đúng với lời huyền ký của Ngưỡng Sơn Tiểu Thích-ca. Gặp lúc chiến tranh, sư bỏ viện mà đi.

Thái Uý Mặc Quân Hoa sửa nhà làm chùa cũng lấy tên chùa là Lâm Tế, đón sư về ở. Sau đó sư phất áo đi về Nam, đến Hà Phủ, Phủ chủ Vương Thường Thị mời sư ở lại và tôn sư làm Thầy. Đến ở chưa được bao lâu, sư đến chùa Hưng Hóa ở nhà Đồng, chùa Hưng Hóa thuộc phủ Đại Danh.

Sư không bệnh tật bỗng mặc áo ngồi yên vấn đáp cùng với Tam Thánh xong, an nhiên thị tịch, bấy giờ là ngày mồng mười tháng giêng năm Đinh hợi, tức là niên hiệu Hàm Thông năm thứ 8, đời Đường. Môn đồ đem thi thể của sư xây tháp ở phía Tây Bắc phủ Đại Danh, được vua ban thuỵ hiệu là Huệ Chiếu Thiền Sư, tên tháp là Trừng Linh.

Nay chắp tay cúi đầu ghi lại tiểu sử của Sư.

Đệ tử truyền pháp tên là Bảo Thọ ở Trấn Châu, tức là Diên Chiểu.

Kính ghi.

Đệ tử truyền pháp trụ tại chùa Hưng Hóa, phủ Đại Danh là Tồn Tương, hiệu khám.

Tỳ-kheo trụ tại Cổ sơn Viên giác ở Phước châu là Tông Diễn, trùng khai.

■